JAMES B. STEWART
Nhóm dịch Alpha Books

SÀO HUYỆT CỦA NHỮNG ÔNG TRÙM

DEN OF THIEVES

Liên minh ma quỷ & những vụ giao dịch nội gián lớn nhất nước Mỹ

alphabooks
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

Danh sách nhân vật

Khi làn sóng phạm tội trên Phố Wall đã gần lên tới cực điểm, cuối năm 1985.

Tại Kidder, Peabody, New York

Martin Siegel, Chuyên viên Ngân hàng Đầu tư

Ralph DeNunzio, Giám đốc Điều hành

Al Gordon, Chủ tịch

John, T. Roche, Tổng giám đốc

Robert Kranz, Luật sư

Richard Wigton, Trưởng phòng Cổ phiếu giá thấp

Timothy Tabor, Chuyên viên giao dịch Cổ phiếu giá thấp

Peter Goodson, Trưởng phòng Sáp nhập và Mua lại (M&A)

John Gordon, Chuyên viên Ngân hàng đầu tư

Hal Ritch, Chuyên viên Ngân hàng đầu tư

Tại Ivan F. Boesky Corporation, New York

Ivan F. Boesky, Nhà buôn Cổ phiếu giá thấp

Stephen Conway, Chuyên viên Ngân hàng đầu tư

Lance Lessman, Trưởng phòng Nghiên cứu

Michael Davidoff, Giao dịch viên trưởng

Reid Nagle, Giám đốc Tài chính

Setrag Mooradian, Kế toán trưởng

Tại Drexel Burnham Lambert, Beverly Hills

Michael R. Milken, Trưởng bộ phận Chứng khoán lợi nhuận cao

Lowell Milken, Luật sư

Richard Sandler, Luật sư

James Dahl, Nhân viên bán hàng

Gary Winnick, Nhân viên bán hàng

Warren Trepp, Giao dịch viên trưởng

Terren Peizer, Giao dịch viên

Cary Maultasch, Giao dịch viên

Bruce Newberg, Giao dịch viên

Charles Thurnher, Kế toán viên

Lorraine Spurge, Trị sự

Lisa Ann Jones, Trợ lý giao dịch

Tại Drexel Burnham Lambert, New York

Dennis B. Levine, Giám đốc Ngân hàng đầu tư

Fred Joseph, Giám đốc điều hành

Donald Engel, Cố vấn

Stephen Weinroth, Nhân viên Ngân hàng đầu tư

David Kay, Đồng Chủ nhiệm bộ phận M&A

Leon Black, Đồng Chủ nhiệm bộ phận M&A

Tại Goldman, Sachs, New York

Robert Freeman, Trưởng bộ phận Cổ phiếu giá thấp

Robert Rubin, Giám đốc điều hành tương lai

Frank Brosens, Chuyên viên giao dịch Cổ phiếu giá thấp

David Brown, Chuyên viên Ngân hàng đầu tư

Tại Lazard Frères, New York

Robert Wilkis, Chuyên viên Ngân hàng đầu tư

Randall Cecola, Chuyên viên Phân tích

Felix Rohatyn, Chuyên viên Ngân hàng đầu tư

Tại Shearson Lehman Brothers, New York

Ira Sokolow, Chuyên viên Ngân hàng đầu tư

J. Tomilson Hill III, Đồng Chủ nhiệm bộ phận M&A

Steve Walters, Đồng Chủ nhiệm bộ phận M&A

Peter Solomon, Chuyên viên Ngân hàng đầu tư

Tại Bank Leu, Nassau, Bahamas

Bernhard Meier, Chuyên viên ngân hàng

Bruno Pletscher, Chuyên viên ngân hàng

Tại Merrill Lynch, New York

Stephen Hammerman, Luật sư trưởng

Richard Drew, Phó Chủ tịch, phụ trách tuân hành

Các nhà đầu tư chính yếu

Carl Icahn, Chuyên gia săn doanh nghiệp và Chủ tịch tương lai của hãng Hàng không Trans World

John Mulheren, Giám đốc công ty Chứng khoán Jamie

Henry Kravis, Giám đốc, Công ty Kohlberg Kravis Robert

Tại Watchtell, Lipton, Rosen & Katz, New York (cung cấp dịch vụ luật cho Goldman, Sachs)

Martin Lipton, Hội viên

Ilan Reich, Hội viên

Lawrence Pedowitz, Hội viên

Tại Paul, Weiss, Rifkind, Wharton & Garrison, New York (cung cấp dịch vụ luật cho Michael Milken và Dennis Levine)

Arthur Liman, Hội viên

Martin Flumenbaum, Hội viên

Tại Williams & Connolly, Washington, D.C (cung cấp dịch vụ luật cho Michael Milken)

Edward Bennett Williams, Hội viên

Robert Litt, Hội viên

Tại Cahill, Gordon & Reindel, New York (cung cấp dịch vụ luật cho Drexel Burnham)

Irwin Schneiderman, Hội viên

Thomas Curnin, Hội viên

Tại Fried, Frank, Harris, Shriver & Jacobson, New York và Washington (cung cấp dịch vụ luật cho Boesky

Harvey Pitt, Hội viên

Leon Silverman, Hội viên

Tại Mudge Rose Guthrie Alexander & Ferdon, New York (cung cấp dịch vụ luật cho Siegel; về sau đã chuyển sang Fried Frank)

Jed Rakoff, Hội viên

Audrey Strauss, Hội viên

Tại Robinson, Lake, Lerer & Montgomary, New York (tư vấn quan hệ công chúng cho Michael Milken)

Linda Robinson, Hội viên

Kenneth Lerer, Hội viên

Tại Văn phòng Thẩm phán Liên bang, New York

Rudolph Giuliani, Thẩm phán tối cao Hoa Kỳ

Benito Romano, Phó của Giuliani, Thẩm phán tối cao Hoa Kỳ tương lai

Charles Carberry, Trợ lý Thẩm phán tối cao, Chủ nhiệm tương lai của bộ phận Điều tra gian lận

Bruce Baird, Trợ lý Thẩm phán tối cao, Chủ nhiệm tương lai của bộ phận Điều tra gian lận

John Carroll, Trợ lý Thẩm phán tối cao

Jess Fardella, Trợ lý Thẩm phán tối cao

Tại Uỷ ban Chứng khoán, Washington, D.C.

John Shad, Chủ tịch

Gary Lynch, Trưởng bộ phận Thi thành

John Sturc, Trợ lý Trưởng bộ phận Thi hành

Leo Wang, Luật sư

Peter Sonnenthal, Luật sư

Lời giới thiệu

Khởi đầu lặng lẽ, lấy đà và biến thành một dòng thác lũ nhanh chóng sinh sôi ra hàng triệu, hàng tỷ lợi nhuận, sự thành công vang dội tới nỗi dường như không có một thế lực nào có thể ngăn cản, chi phối hay dung túng. Nhiều nhà đầu tư bị mờ mắt bởi khúc ca mê đắm lòng người của nó: lợi nhuận cao hơn với rủi ro thấp hơn.

Lợi nhuận lớn hơn trong khi mức rủi ro phải chịu lại thấp hơn suốt nhiều thế kỷ đã qua luôn là chiếc Chén Thánh trong tay các thầy phù thủy tài chính. Một điều mà các học thuyết kinh tế đã chứng minh quan hệ giữa lợi nhuận và rủi ro tuân thủ theo nguyên tắc - lợi nhuận cao hơn luôn đi kèm với mức rủi ro cao hơn. Điều này được coi như một chân lý. Các nhà đầu tư đổ tiền vào các vụ đầu tư tiềm ẩn rủi ro cao luôn đòi hỏi phải thu được những khoản lời lớn hơn để bù đắp cho nguy cơ thua lỗ. Tuy nhiên, ở một khía cạnh nào đó quy luật này cũng có thể có ngoại lệ mà từ lâu đã trở thành đề tài hấp dẫn lôi cuốn các nhà kinh tế học và các nhà đầu tư. Trong những trường hợp như thế, những giáo sư lỗi lạc của các trường đại học danh giá đã tuyên bố rằng cuối cùng, thứ ngoại lệ ấy cũng đã được phát hiện.

Sự tồn tại của thứ sản phẩm tài chính mới với khả năng phát tán nhanh chóng gây ra những hệ lụy trên diện rộng. Khi hàng tỷ đô la được ném vào thị trường, giá trị tài sản đặc biệt là bất động sản tăng lên vùn vụt. Tại các bữa tiệc rượu, trong các phòng thay đồ và cả các câu lạc bộ bài bridge, người ta nói về giá trị "ngất trời" của các dinh thự cùng danh mục cổ phiếu đang nắm trong tay. Hãng đấu giá Sotheby thì công bố những "siêu" kỷ lục trong các cuộc bán đấu giá tác phẩm nghệ thuật.

Người giàu ngày càng giàu hơn và khoảng cách giữa họ và những người nghèo cũng ngày một rộng ra. Chính phủ thu được nhiều thuế hơn mà chẳng cần động chân động tay hoặc nếu có chỉ làm

rất ít. Nới lỏng quản lý không chỉ trở thành câu thần chú của những đảng viên Cộng hòa, mà còn là bùa hộ mệnh của các đảng viên Dân chủ.

Thế rồi tất cả sụp đổ. Giới chuyên nghiệp mắc sai lầm. Điều này một lần nữa nhắc nhở các nhà đầu tư chân lý – lợi nhuận cao luôn gắn liền với rủi ro cao. Những giá trị tăng lên vùn vụt chỉ là ảo tưởng và đơn thuần chỉ là sự xuất hiện hiện tượng bong bóng kinh tế mới trong lịch sử mà thôi. Tất nhiên, theo quy luật bong bóng cuối cùng rồi cũng nổ bung. Hệ thống ngân hàng lung lay và buộc chính phủ phải ra tay can thiệp nhằm cứu vãn tình thế – một điều chưa từng có tiền lệ. Nền kinh tế chìm sâu vào suy thoái ở mức tồi tệ nhất kể từ sau Đại Khủng Hoảng năm 1929.

Đến khi thiệt hại to lớn cứ thế tăng lên, mảng tối của giai đoạn bùng nổ kinh tế hiện ra: hoạt động phi pháp bao trùm trên phạm vi rộng lớn tới mức không tiền khoáng hậu.

Bức tranh về cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng ở trên gợi nhớ tới những sự kiện lịch sử vào những năm 2008-2009. Một loại sản phẩm tài chính mới – nợ có đảm bảo bằng tài sản (CDO) – một loại chứng khoán kết hợp một loạt các sản phẩm tín dụng lại với nhau làm bảo chứng, sau đó phát hành ra thị trường bán đến tay các nhà đầu tư với mục tiêu phân tán lợi nhuận và rủi ro. Thị trường dành cho những loại chứng khoán như vậy bùng nổ cho đến khi những khoản vay của người đi vay thế chấp trở thành dưới chuẩn, với việc ghi nợ căn cứ vào những tiêu chuẩn hết sức lỏng lẻo và người vay bắt đầu không thể trả nợ đúng hạn với tỷ lệ báo động ở mức chưa từng thấy. Hiện tượng này đã đe dọa cấu trúc của những khoản nợ vốn được coi là an toàn được xây dựng dựa trên các khoản thế chấp trước đó trên diện rộng. Hệ lụy phát sinh bắt đầu từ một cuộc khủng hoảng thế chấp dưới chuẩn, trận bão này đã biến thành một làn sóng khủng hoảng tài chính trên quy mô toàn cầu, một sự kiện mà nhiều người gọi tên là Đại Suy Thoái.

Tuy nhiên, câu chuyện trên đây không chỉ đề cập riêng đến chuỗi sự kiện hồi năm 2008-2009. Ở một chừng mực nào đó, câu chuyện này còn đề cập đến những gì đã xảy ra từ cuối thập niên 1980, đầu thập niên 1990 của giai đoạn bùng nổ – đổ vỡ được tiếp năng lượng bởi trái phiếu lãi suất cao. Giống như vay thế chấp dưới chuẩn, trái phiếu trả lãi suất cao rốt cuộc cũng bị mất khả năng thanh toán với tỷ lệ báo động, gây ra làn sóng đổ vỡ thị trường chứng khoán vào năm 1987, làm tiêu tan rất nhiều khoản tiết kiệm và vay nợ biến giai đoạn 1990-1992 trở thành giai đoạn

suy thoái chuyển tiếp đen tối nhất kể từ sau Đại Khủng hoảng. Tỷ lệ thất nghiệp trong giai đoạn này cao hơn mức thất nghiệp của năm 2009.

Trái phiếu trả lãi suất cao – loại trái phiếu sinh lời cao do các công ty có mức tín nhiệm thấp phát hành được bảo chứng bằng các tài sản đảm bảo dưới chuẩn. Loại chứng khoán này phổ thông hơn hình thức vay nợ có đảm bảo bằng tài sản và những chứng khoán phái sinh tinh vi khác (những tác nhân đã gây ra một sự đổ vỡ ghê gớm mười năm sau đó). Chúng được phát hành ra dựa trên nền tảng giả thuyết (sai lầm) tương tự - tạo ra những khoản lời cao hơn với rủi ro thấp hơn.

Giống nhiều nhà kinh tế đoạt giải Nobel, những người thường được viện dẫn để biện minh cho đánh giá lợi nhuận – rủi ro đối với các loại chứng khoán bảo chứng bằng tài sản thế chấp dưới chuẩn, trái phiếu trả lãi suất cao cũng có cơ sở học thuật của riêng nó: Năm 1953, W. Braddock Hickman, giáo sư kinh tế tại Đại học Princeton xuất bản cuốn đầu tiên trong bộ sách gồm ba tập viết về lịch sử trái phiếu doanh nghiệp, mang tựa đề "Các chuẩn mực thống kê về hoạt động đầu tư trái phiếu công ty từ năm 1900" (Statistical Measures of Corporate Bond Financing Since 1900). Mục tiêu nghiên cứu của Hickman nhằm chứng minh rằng những khoản lời thu được từ trái phiếu trả lãi suất cao là cao hơn nhiều so với nguy cơ vỡ nợ thực tế. Sau đó, Hickman trở thành Chủ tịch Ngân hàng Dự trữ Liên bang tại Cleveland trước khi qua đời do đau tim vào năm 1970. Không mấy ai đọc tác phẩm của Hickman nhưng nghiên cứu của ông đã gây ấn tượng sâu sắc với một sinh viên kinh doanh trẻ tuổi tại Đại học California ở thành phố Berkeley, người đã phát triển tác phẩm của Hickman thành cuốn cẩm nang về trái phiếu trả lãi suất cao với cơ chế lãi cao đi kèm rủi ro thấp. Người này tên là Michael R. Milken.

Hiện tượng vươn lên chạm tới đỉnh cao của sự giàu có và quyền lực rồi sau đó rơi xuống như sao băng của của Milken sẽ được miêu tả chi tiết ở câu truyện sau đây. Câu truyện này được tái bản một lần vào đầu thập niên 1990. Ở cương vị trưởng bộ phận kinh doanh trái phiếu trả lãi suất cao của ngân hàng Drexel Burnham Lambert, Milken đã gây dựng một đế chế trái phiếu trả lãi suất cao, tác động tới đời sống của hầu hết người dân Mỹ, từ những quý ông giàu có trên Phố Wall cho tới những công dân bình thường. Trái phiếu trả lãi suất cao đã tiếp tay cho những vụ thâu tóm doanh nghiệp thô bạo, đẻ ra hàng triệu những kẻ săn lùng công ty và sản sinh ra mạng lưới gồm các chủ nhà băng, luật sư, các chuyên gia thời sự, các cố vấn ủy nhiệm, nhà đầu tư chứng khoán

và các giao dịch viên – trong đó, kẻ thì ủng hộ, người thì phản đối chúng. Những cuộc thâu tóm tàn nhẫn ấy đã tạo ra những cái tên nổi đình nổi đám như Ivan Boesky và Carl Icahn, những người sau đó được đưa vào danh sách những nhân vật giàu nhất thế giới. Ở phạm vi rộng hơn, các công ty cùng giá cổ phiếu đã bắt đầu được định giá ở mức giá hợp lý giúp chúng có thể được bán ra trong những cuộc thâu tóm sử dụng trái phiếu trả lãi suất cao, chính điều này đã đẩy thị trường tới những đỉnh cao khủng khiếp vào mùa thu năm 1987.

Ở chiều ngược lại, trái phiếu trả lãi suất cao thúc đẩy việc cung cấp tín dụng một cách dễ dàng cho hàng triệu người đi vay từ các quỹ tiết kiệm và vay nợ mới được thả lỏng do bãi bỏ quy định trong cả nước. Những quỹ kiểu như Hiệp hội Tiết kiệm và Cho vay Lincoln đặt trụ sở tại Phoenix của Charles Keating chính là một trong những khách hàng lớn nhất của trái phiếu Milken. Quỹ này vừa tự phát hành trái phiếu của mình, lại vừa mua lại trái phiếu từ những khách hàng khác của Milken. Những người đi vay rủng rỉnh tiền nhờ các khoản tín dụng lỏng lẻo đã góp phần đẩy giá nhà cửa tăng vọt. Khi các quỹ tiết kiệm và cho vay đổ những khoản đầu tư mới của mình vào thị trường bất động sản, giá cả tăng vọt và ngành xây dựng thăng hoa nhờ bùng nổ trào lưu xây cất hàng loạt.

Kết quả là một bong bóng kinh điển: Các nhà đầu tư bị môt chuyên gia bán hàng bậc thầy – là Milken chứ chẳng phải ai khác – huyễn hoặc tin rằng giá của trái phiếu trả lãi suất cao, cổ phiếu và bất động sản chỉ có thể tăng chứ không giảm. Những tiêu chuẩn cho vay chặt chẽ dần biến mất trong khi những tiêu chuẩn khác được đề ra với mục tiêu hỗ trợ cho trái phiếu trả lãi suất cao của Milken đang lưu hành. Thị trường dường như cũng minh chứng cho điều này khi giá cả cứ tăng liên tục. Để rồi, như chúng ta thấy, tất cả đều vỡ tung.

Từ đống đổ nát ấy xuất hiện các manh mối sự tương phản của bong bóng tài sản. Cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2009 đã làm lộ diện một loạt thành phần bất hảo, những tội phạm bị phán quyết, trong số đó táo bạo và thành công một cách trơ tráo hơn cả là Bernie Madoff. Madoff quản lý một trong những quỹ đầu cơ thuộc thế hệ đầu trong giai đoạn bùng nổ đầu thiên niên kỉ mới. Các quỹ đầu cơ loại này đa phần không chịu sự giám sát và quản lý gì, được thiết kế riêng cho những nhà đầu tư "mạnh gạo, bạo tiền" một cách tinh vi và khôn khéo, chúng hội tụ hầu hết các chiến lược đầu tư có thể tưởng tượng được trên đời, từ đầu tư vào hàng hóa, các vụ thâu tóm sáp nhập đến chọn mua cổ phiếu theo kiểu

cũ. Quỹ đầu cơ của Madoff có tham vọng trở thành một cỗ máy sử dụng chiến lược giao dịch để tạo lợi nhuận cao một cách bền vững trong mọi điều kiện thị trường tốt hay xấu.

Trên thực tế, quỹ đầu cơ Madoff lại hoạt động theo cơ chế gian lận kiểu Ponzi kinh điển, một trong những thủ đoạn tài chính cũ nhất nhưng lại tồn tại lâu bền nhất, trong đó tiền thu về từ nhóm các nhà đầu tư mới được dùng để trả cho các khoản hoàn lại cho các nhà đầu tư cũ. Trò lừa đảo của Madoff có thể hơi thiếu tính độc đáo, nhưng xét về sức bền và quy mô, nó đã xác lập kỷ lục mới. Trong lời bào chữa tội trạng của mình, Madoff thừa nhận rằng quỹ đầu cơ của ông ta không hề tham gia bất cứ hoạt động giao dịch nào sinh lời mà bản chất là trò gian lận kiểu Ponzi bắt đầu từ năm 1991, thật tình cờ đây lại chính là thời điểm Milken bắt đầu thi hành án phạt của mình với sáu tội danh nghiêm trọng mà ông ta đã thừa nhận. Hiếm có trò gian lận Ponzi nào kéo dài được đến 17 năm, bởi dòng tiền đầu tư mới sẽ bị khô cạn khi những yêu cầu hoàn trả liên tục tăng lên và chất chồng lại. Thế nhưng công cụ quỹ đầu cơ lại tỏ ra rất phù hợp cho việc che đậy hành tung hoạt động của một cơ chế lừa đảo kiểu Ponzi. Khác với trái phiếu và các hình thức đầu tư khác, đầu tư chứng chỉ quỹ đầu cơ có thể tiếp diễn liên tục không giới hạn. Madoff đã khôn ngoan sắp đặt các khoản lợi nhuận vừa đủ cao khiến các nhà đầu tư giữ được bình tĩnh và không tự nguyện rút tiền của mình về, nhưng lại không quá cao để thu hút sự chú ý ngoài ý muốn. Thậm chí có những quý, Madoff đã báo cáo những khoản lỗ nho nhỏ. Sau khi Madoff bị bắt giữ, rất nhiều người chỉ trích cho rằng các nhà đầu tư lẽ ra phải biết rằng những khoản đầu tư mong muốn của Madoff – khoảng 10% hàng năm, trong cả những năm phát đạt và ảm đạm của thị trường chứng khoán – là siêu thực. Tuy nhiên, có rất nhiều giám đốc quỹ đầu cơ còn báo cáo những con số lợi nhuận cao hơn thế, mà không có ai đặt câu hỏi về độ minh bạch của các báo cáo đó. Không có gì đáng ngạc nhiên khi chẳng mấy nhà đầu tư muốn rút vốn ra khỏi tay Madoff mà ngược lại, rất nhiều người thậm chí đầu tư thêm vào, có những người còn tỏ lòng tin tưởng ông ta và trút hết những khoản tiết kiệm cả đời của mình vào quỹ.

Đến lúc hạ màn, giữa một làn sóng các khoản đền bù cùng những lời tự thú lâm li gửi tới hai cậu con trai, dự tính Madoff đang quản lý khoảng 65 tỷ đô-la. Thực tế, tất thảy số tiền này đều biến mất hay chỉ còn là hoang tưởng trả khiến sự kiện này trở thành vụ lừa đảo quy mô lớn nhất trong lịch sử tài chính. Madoff thừa nhận bản cáo trạng với mười một tội danh và bị tuyên án 150 năm tù, mức án cao nhất trong khung hình phạt. Madoff không hề đề cập tới bất cứ một tình tiết giảm nhẹ nào cả. Ông ta nói trước lúc bị

tuyên án rằng "Tôi đã để lại một gia sản chỉ toàn sự hổ thẹn cho gia đình và con cháu, đúng như lời một vài nạn nhân của tôi đã nói. Đó là thứ mà tôi sẽ phải chung sống trong suốt quãng đời còn lại." Khi nhắc đến nạn nhân của vụ lừa đảo, ông ta nói thêm, "Tôi xin lỗi. Tôi biết lời xin lỗi cũng chẳng giúp gì được cho các ông bà."

Cuộc khủng hoảng tài chính đã góp phần lật đổ đế chế Madoff do một làn sóng yêu cầu hoàn trả lợi nhuận của các nhà đầu tư. Tuy nhiên, Madoff lại đứng ngoài chuỗi sự kiện gây ra các bong bóng tín dụng cũng như sụp đổ của nó. Ở khía cạnh này, Madoff khác biệt hẳn với các nhân vật trung tâm của tác phẩm này. Mặc dù kỹ năng huyền thoại của Ivan Boesky với vai trò một nhà buôn cổ phiếu giá thấp rốt cuộc trở thành hão huyền, nhưng chí ít anh ta đã thực sự tham gia vào hoạt động thâu tóm sáp nhập, đôi lúc khá thành công, góp phần hình thành văn hóa giao dịch thỏa thuận điên rồ tạo nền cho sự hình thành và phát triển của trái phiếu lãi suất cao.

Milken thậm chí còn vượt xa cả Madoff cho dù Madoff bị kết án nhiều tội trạng hơn. Mặc dù không cần bàn cãi thêm về những tội danh, nhưng tội lỗi mà Milken gây ra lại hầu như chỉ là ngẫu nhiên trong việc hình thành và duy trì đế chế của ông ta. Sẽ quá ư giản đơn và thiếu chính xác nếu chỉ coi Milken là một tên tội phạm thông thường. Thế nhưng những âm mưu tội ác lại vận hành nhịp nhàng êm ái quá mức với những hoạt động kinh doanh hợp pháp của Milken để hình thành và duy trì thế độc quyền trái phiếu trả lãi suất cao của anh ta. Nhìn rộng ra, chính việc tiếp năng lượng cho bong bóng tín dụng trái phiếu trả lãi cao đã góp phần tạo ra khủng hoảng mang tính hệ thống trên toàn thị trường, khác hẳn với bất cứ thứ gì Madoff đã làm.

Còn quá sớm để biết được liệu một nhân vật giống như Milken có lộ diện giữa đống đổ nát mà bong bóng tín dụng để lại hay không, mặc dù không nhân vật nào có thể thống trị các loại chứng khoán hình thành nhờ sự đảm bảo của các khoản thế chấp và thị trường tài chính phái sinh như cách Milken đã làm với trái phiếu trả lãi suất cao. Rất nhiều cuộc điều tra tội phạm được tiến hành từ năm 2009. Một trong những vụ đình đám nhất tập trung vào Joseph Cassano, người đứng đầu Financial Products Corp., một bộ phận của đế chế bảo hiểm AIG. AIG đã buộc phải trông cậy vào hàng tỷ đô-la cứu trợ của nhà nước sau khi các công cụ tài chính phái sinh do công ty của Cassano phát hành bắt đầu xuống dốc, khiến báo cáo hoạt động kinh doanh của AIG ngập trong hàng tỷ đô-la thua lỗ. (Cassano không hề bị truy tố, ông ta phủ nhận mọi hành vi sai trái.) Cassano rời AIG vào năm 2008 sau khi bỏ túi được 315 triệu

đô-la tiền lương thưởng.

Giống như việc Milken chuyển địa bàn hoạt động của mình đến Beverly Hills nhằm thoát khỏi sự giám sát từ trụ sở New York của Drexel, Cassano cũng điều hành hoạt động kinh doanh từ London. Các lãnh đạo tối cao của AIG ở New York cũng bị tách xa khỏi những gì xảy ra ở bộ phận Sản phẩm Tài chính của họ, bộ phận đã sản sinh ra những khoản lợi nhuận khổng lồ trong thời hoàng kim. Trước khi được AIG chiêu nạp hồi năm 1987, Cassano đã có cơ hội học hỏi từ một bậc thầy khi làm việc cho Milken ở Beverly Hills.

Mặc dù Milken đã bị tuyên án 7 năm tù, nhưng sau đó được Chánh án Tòa án Quận Miền Nam New York, Kimba Wood giảm nhẹ án phạt. Lời khai của Milken cáo buộc Alan Rosenthal, cựu lãnh đạo Drexel, đồng thời là bằng hữu lâu năm của Milken, chính là một trong những căn cứ cho quyết định giảm nhẹ hình phạt với Milken mà Chánh án Wood đã đưa ra. Một Bồi thẩm đoàn đã kết tội Rosenthal gian lận tiền thưởng liên quan đến một quỹ hưu trí, nhưng lại tuyên bố trắng án đối với bốn tội danh khác nghiêm trọng hơn của ông ta. Milken được trả tự do sau khi thi hành án chưa tới hai năm. Ông ta được chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt nhưng đã được điều trị thành công. Từ đó trở đi, ông ta tham gia các hoạt động từ thiện và đầu tư kinh doanh, ông ta làm việc rất cần mẫn nhằm đánh bóng danh tiếng của mình. Ông ta duy trì địa vị giàu sang phú quý và được Tạp chí Forbes xếp hạng 158 trong danh sách những người giàu nhất nước Mỹ năm 2009 với tổng tài sản ước tính khoảng 2 tỷ đô-la. Sau khi được trả tự do, Milken chưa từng công khai thừa nhận hay ngỏ lời xin lỗi đối với những hoạt động phạm pháp của mình. Bất chấp lệnh cấm vĩnh viễn với lĩnh vực chứng khoán, Milken chẳng mấy chốc đã lại tham gia hoạt động giao dịch thỏa thuận. Milken tư vấn cho các khách hàng lâu năm như hãng truyền thông MCI Communications, tập đoàn truyền thông News Corp., và Turner Broadcasting với các thương vụ bị trì hoãn, thu về gần 100 triệu đô-la tiền phí. Năm 1998, Milken đối diện với các cáo buộc mà Ủy ban Chứng khoán đưa ra đối với vai trò của ông trong hai vụ giao dịch, bao gồm một vụ giữa MCI và News Corp., là vi phạm quy định hòa giải. Milken đồng ý bồi thường 47 triệu đô-la tiền phí và lợi tức, nhưng không thừa nhận hay phủ định các cáo buộc ấy. Cuộc điều tra liên quan cũng bị hủy bỏ mà không có cáo buộc nào được ghi nhận.

Sau đó, Milken đã gửi đơn xin ân xá lên Tổng thống Bill Clinton và theo một số nguồn tin, đơn xin của ông ta đã gần như được chấp

thuận. Tuy nhiên, khi những thông tin về vụ việc này bị rò rỉ ra ngoài, Ủy ban Chứng khoán đã phản ứng bằng một công văn phản đối gửi tới Nhà Trắng trong đó đoạn đầu viết: "Chưa từng có mấy người dính dáng đến nhiều sự vụ gây xói mòn lòng tin của công chúng đối với thị trường của chúng ta như thế." Nó chỉ ra rằng "hầu như ngay sau khi được phóng thích, Milken đã bí mật khởi động lại các hoạt động với vai trò nhà môi giới." Sau khi Ủy ban Chứng khoán bắt đầu điều tra những hoạt động này, họ đã có "những bằng chứng rõ ràng" để chứng minh "Milken đã đưa ra bằng chứng giả mạo và đánh lạc hướng điều tra" và "ngụy tạo những bằng chứng giả mạo và đánh lạc hướng điều tra về các đối tượng khác..." Milken và các luật sư trước sau đều phủ nhận bất kỳ hành vi sai trái nào liên quan đến những thương vụ thỏa thuận của ông ta sau khi mãn hạn tù hay việc dàn xếp công tác điều tra của Ủy ban Chứng khoán sau đó. Tuy vậy, tháng Một năm 2001, ngày làm việc cuối cùng của Tổng thống của Clinton trên cương vị tổng thống, nhà tài phiệt lưu vong Marc Rich đã được ân xá trong khi Milken thì không. Sự phẫn nộ của công chúng xung quanh quyết định ân xá cho Marc Rich gần như đã làm tiêu tan những nỗ lực tương tự đối với trường hợp của Milken.

Khi viết đến những dòng cuối cùng cuốn Sào huyệt của những ông trùm năm 1991, tôi kết thúc với một câu hỏi: Liệu chuyện này có xảy ra lần nữa hay không?

Gần hai mươi năm sau, chúng ta đã biết câu trả lời: nó đã lại xảy ra lần nữa. Điều này làm nảy sinh một câu hỏi tương tự: có phải chúng ta buộc phải lặp lại lịch sử theo sự an bài?

Tôi tin rằng câu trả lời ẩn dưới những trang giấy này suy cho cùng không chỉ đơn thuần là câu chuyện về giao dịch nội gián hay những vụ thâu tóm doanh nghiệp tàn nhẫn, mà còn liên quan đến bản chất con người. Trong cuộc khủng hoảng tài chính vừa rồi, bối cảnh đã chuyển sang thành tín dụng thế chấp dưới chuẩn, chứng khoán có đảm bảo bằng tài sản và những công cụ tài chính phái sinh đặc biệt. Sức mạnh của những khoản tiền khổng lồ cuốn trôi mọi thứ trên đường đi của nó – luật lệ, quy tắc, đạo đức nghề nghiệp, thậm chí luân thường đạo lý – một lần nữa lại được phơi bày rõ nét. Để rồi theo thông lệ, người ta lại kêu gọi cải cách để xoa dịu sự phẫn nộ của công chúng.

Bản tính cố hữu của con người vẫn vậy, lịch sử cho thấy cứu cánh duy nhất cho khủng hoảng là kết hợp việc tạo lập hiệu lực pháp lý với việc thực thi và cưỡng chế. Mặc dù một số người đồng ý với quan điểm cực đoan cho rằng thị trường tự do sẽ chữa lành mọi

tật bệnh, nhưng hầu như không một ai có suy nghĩ sẽ tin tưởng vào điều này sau những thương tổn kinh tế trầm trọng kéo theo từ vụ Milken-Boesky cho đến cuộc khủng hoảng tín dụng thế chấp dưới chuẩn. Ai là người có thể bám chặt vào những nguyên tắc thị trường tự do trong khi nhận thức rằng có những tình huống mà chỉ có sự can thiệp của nhà nước mới bảo vệ được thị trường tự do khỏi hiểm họa từ chính nó. Luật Chứng khoán và Giao dịch Chứng khoán ban hành năm 1933-1934 có hiệu lực trên diện rộng mang tính "phòng bệnh" là chủ yếu và điều chỉnh không quá chi tiết. Việc ngăn cản những hành vi phạm pháp trong cuộc khủng hoảng 2008-2009 là hoàn toàn bất lực. Điều luật Sarbannes-Oxley, được Quốc hội thông qua nhằm ứng phó với sự vụ Enron và WorldCom, cũng không thể làm được gì nhằm ngăn chặn cuộc khủng hoảng nợ thế chấp có sức tàn phá ghê gớm hơn nhiều cùng sự suy thoái sau đó. Thế nhưng Quốc hội lại tỏ ra có sức chống chịu đối với những giải pháp tình thế mang tính viễn kiến. Tuy nhiên, cần dành thời gian theo dõi tiếp để xem liệu cuộc khủng hoảng có thúc đẩy chính quyền Obama đưa ra những cải cách rộng hơn về hoạt động điều chỉnh nền kinh tế trước những nguy cơ vận động hành lang của Phố Wall hay không.

Như câu chuyện sẽ được kể trong cuốn sách này, về lý thuyết không có khuôn khổ điều chỉnh nào phát huy tác dụng thực sự khi hành vi phạm pháp không bị phát giác và không bị kiểm soát, nó sẽ lan tràn dữ dội, đặc biệt khi đồng tiền đã trở thành động cơ chính. Câu nói "Ai cũng đang làm thế cơ mà" trở thành một thứ bùa chú nhằm hợp lý hóa rất hữu hiệu. Xuyên suốt các sự kiện trong cuốn sách kéo dài từ giữa thập niên 1980 đến những năm 1990, kể từ cuối thời Tổng thống Reagan cho đến nhiệm kỳ của Tổng thống George H. W. Bush, thực thi pháp luật luôn là ưu tiên hàng đầu của đảng Cộng hòa. Đến thời điểm Tổng Thống George W. Bush bước vào nhiệm sở năm 2001, Ủy ban Chứng khoán đã chỉ còn là cái bóng của chính mình trong quá khứ, thiếu thốn nhân sự, bộ phận thi hành pháp luật của Uỷ ban rã rời nản chí. Trong khi chính quyền Bush còn đang mải bận tâm với chiến tranh ở Iraq và Afghanistan, thì Ủy ban Chứng khoán thất bại trong việc phát hiện ra trò gian lận kiểu Ponzi của Madoff bất chấp một loạt những cảnh báo và kiến nghị về giải pháp. Ủy ban Chứng khoán cũng thất bại trong việc giám sát sự bùng phát của các vụ đầu tư chứng khoán phái sinh đã nhấn chìm AIG. Hoạt động giám sát các ngân hàng đầu tư của Ủy ban Chứng khoán cũng thất bại khi ngăn chặn sự sụp đổ của gần như tất cả các ngân hàng lớn nằm trong tầm kiểm soát của cơ quan này. Thậm chí các ngân hàng đầu tư như Morgan Stanley và Goldman Sachs cũng buộc

phải trở thành các ngân hàng cổ phần nằm dưới quyền kiểm soát của Cục Dự trữ Liên bang mới có thể tiếp tục duy trì hoạt động. Việc thực thi pháp luật đòi hỏi ý chí chính trị với thái độ thận trọng thường trực.

Giữa biển người mênh mông, thế giới này sẽ luôn tìm ra được một Dennis Levine, một Ivan Boesky thậm chí là một "thiên tài" hiếm hoi kiểu Michael Milken. Nhưng liệu những kẻ ấy có được phép đẩy hệ thống tài chính cùng nền kinh tế thế giới vào tình thế hiểm nghèo hay không lại tùy thuộc vào tất cả chúng ta – những người còn lại.

Lời tựa

Martin A. Siegel vội vã băng qua Sân bay Quốc gia ở Washington, D.C và lẩn vào một trạm điện thoại gần cửa trượt phía Đông. Suốt nhiều năm trở lại đây, các trạm điện thoại, thường ở phi trường, đã đóng vai trò như những văn phòng tức thời của anh ta. Anh vẫn thường than phiền về việc thường xuyên vắng mặt, xa cách vợ và ba đứa con, trong khi phải sống một cuộc sống đầy áp lực với cương vị của một giám đốc ngân hàng đầu tư số một nước Mỹ.

Ngày 12 tháng Năm năm 1986 cũng bắt đầu hệt như bao ngày khác. Sớm hôm ấy, anh ta bay từ New York tới Washington để viếng thăm một khách hàng quan trọng là ngài Martin Marietta, một trong những nhà thầu quân sự hàng đầu nước Mỹ. Cách đây vài năm, anh ta đã giúp Marietta ngăn cản đề nghị thâu tóm của Tập đoàn Bendix, và thương vụ ấy đã đưa Siegel lên hàng ngôi sao. Anh ta trở thành một trong những nhà chiến lược thâu tóm được săn đón nhiệt tình nhất ở Mỹ.

Cuộc viếng thăm Marietta diễn ra êm đẹp với chỉ một gút mắc phiền toái duy nhất. Chủ tịch công ty, Thomas Pownall, đang rầu rĩ về một vụ kiện giao dịch nội gián mới xảy ra. Pownall buộc phải ra tòa làm nhân chứng cho Paul Thayer, nguyên Thứ trưởng Bộ Quốc phòng dưới thời Reagan, người bị buộc tội giao dịch nội gián do làm rò rỉ thông tin tuyệt mật mà ông ta lượm lặt được khi còn là giám đốc của Anheuser-Busch tới rất nhiều người, trong đó có cô nhân tình ở Dallas. Pownall cùng giới tài phiệt Mỹ được một phen kinh hồn táng đởm. Ông ta vẫn thường làm ăn với Thayer ở Bộ Quốc phòng, và hai người trở thành bạn bè của nhau. "Thật không thể tin nổi, đúng không?" Ông thốt lời bình luận với Siegel.

Siegel gật đầu và gạt ngay những ý nghĩ về Thayer sang một bên. 38 tuổi, điển trai như tài tử điện ảnh, da ngăm, chắc khỏe, Siegel mới vừa chuyển về làm việc tại Tập đoàn Drexel Burnham

Lambert, một công ty kinh doanh trái phiếu rủi ro có thế lực. Anh ta đã sẵn sàng để bước lên nấc cao hơn trên chiếc thang danh vọng.

Đến lúc này, Siegel gọi về văn phòng của mình tại New York. Mới 2 giờ 45 phút chiều, anh ta tự hỏi thị trường chứng khoán đang hoạt động ra sao. Anh ta ghét bị ngăn cách với hệ thống truyền tin tinh vi của mình, từ những màn hình máy tính cho đến hệ thống dịch vụ truyền tin.

Thư ký của Siegel, Kathy, nhanh chóng báo cáo tóm tắt tình hình rồi bắt đầu đánh dấu vào rất nhiều cuộc gọi cần hồi đáp ngay trong ngày. Đột nhiên một hồi chuông dồn dập vang lên ở băng điện báo Dow Jones ngay phía ngoài văn phòng của Siegel, tín hiệu cho biết một thông báo tin tức quan trọng sắp xuất hiện.

Kathy chuyển sang băng điện báo và sửng sốt ngạc nhiên lúc dòng tiêu đề hiện ra. "Uỷ ban Chứng khoán (SEC) cáo buộc quan chức Drexel Burnham Lambert với tội danh giao dịch nội gián", cô đọc lớn.

Trong khi Kathy đợi chờ băng điện báo hiện toàn bộ nội dung, Siegel cảm giác như thế giới gần như hoàn hảo của mình đang sụp đổ. Mất hết những gì anh ta đã quần quật làm ra trong suốt cuộc đời mình. Khoản bồi thường trị giá 3,5 triệu đô-la và khoản lời trị giá 2 triệu đô-la mà anh ta đã kiếm được khi chuyển tới Drexel từ Tập đoàn Kidder, Peabody mới hồi đầu năm. Thủ đoạn thâu tóm và sáp nhập béo bở mà anh ta đã tung hứng với cỗ máy in tiền trái phiếu lãi suất cao của Michael Milken. Những khách hàng sáng giá như Martin Marietta, Goodyear và cả Lear Siegler, mới đây thôi còn lũ lượt lao vào sử dụng những dịch vụ của Drexel và của anh ta. Căn biệt thự trên bãi biển ở Connecticut với những sân quần vợt riêng cùng bể bơi. Căn hộ bốn phòng ngủ sang trọng trong khu Quảng trường Gracie xa hoa ở Mahattan. Chiếc trực thăng bay tới Manhattan. Những bản lý lịch sáng choang trên các mặt báo cùng tạp chí.

Đột nhiên hình ảnh của nhà đầu cơ ăn chênh lệch Ivan Boesky, người từng là bạn tâm giao và là bậc thầy của Siegel, chợt lóe lên trước mắt, anh chợt rùng mình. Không lẽ Boesky sẽ khiến cuộc đời mình tiêu tan.

"Ôi Chúa ơi!" Kathy thốt lên khi tấm băng chạy hết nội dung. "Là Dennis! Là Dennis Levine! Anh ta bị bắt rồi!"

Siegel yêu cầu thư ký của mình tiếp tục đọc. “Ủy ban Chứng khoán cáo buộc Dennis Levine, một giám đốc điều hành của Tập đoàn Drexel Burnham Lambert, tội danh giao dịch nội gián, vì có dính líu đến một âm mưu mua bán chứng khoán dựa trên các thông tin nội bộ được thu thập trong khoảng thời gian năm năm anh ta làm việc với vai trò một chuyên viên ngân hàng đầu tư,” cô đọc tiếp. “Drexel Burnham nói sẽ hợp tác đầy đủ với Ủy ban Chứng khoán trong quá trình điều tra…”

Dennis Levine nguyên là một chuyên viên ngân hàng đầu tư ở văn phòng ngay kế bên. Siegel toát mồ hôi hột. Tất cả những gì anh ta có thể nghĩ đến là một họng súng chĩa thẳng vào đầu mình, cò súng đã được kéo lên, và kỳ diệu biết bao, thay vào giết anh ta, viên đạn đã giết chết Dennis Levine, tên béo ục béo ịch, hăm hở thái quá, khuếch khoác bản thân và não nề vô lực ấy.

* * *

Tại văn phòng Drexel Burnham Lambert ở Beverly Hills, lúc ấy mới xế trưa theo múi giờ chuẩn Thái Bình Dương, giờ cao điểm của một ngày giao dịch. Michael Milken ngồi ở trung tâm của một chiếc bàn giao dịch khổng lồ hình chữ X, các giao dịch viên và nhân viên bán hàng trung thành của anh ta tỏa ra trên các trục. Trong lúc say sưa rà soát những dữ liệu giao dịch trên màn hình máy tính của mình, anh ta với lấy hai chiếc điện thoại đang reo lên – mỗi cái áp một bên tai.

Đây chính là tâm điểm của trật tự kinh tế mới, kinh đô của đế chế trái phiếu trả lãi suất cao mà Milken đã xây dựng nên. “Này, Mike,” tiếng một giao dịch viên gọi Milken khi thông tin về Levine được truyền tới. “Xem này.” Chỉ vài tuần trước đó, Levine mới xuất hiện lần đầu tiên trong một bữa sáng xoay quanh chủ đề mua lại và sáp nhập tại chương trình hội thảo thành công rực rỡ của Mikken về trái phiếu trả lãi suất cao năm 1986, chương trình này được biết đến như một “Vũ hội của loài thú ăn thịt”. Milken ngưng nói chuyện điện thoại, ghé mắt nhìn vào thông điệp trên màn hình, sau đó tiếp tục công việc thản nhiên như không có chuyện gì xảy ra. “Giống như một vụ tai nạn xe hơi tồi tệ thôi ấy mà,” một trong các nhân viên bán hàng nhún vai. “Ông sẽ phải giảm hoạt động mất mấy ngày sau đó lại tẹt ga phóng vù vù như thường.” Chẳng có gì có thể chặn bước cơn càn quét mang tên Drexel.

* * *

Ivan Boesky, nhà đầu cơ ăn chênh lệch huyền thoại, đi ra từ phòng

họp ở trụ sở của mình trên Đại lộ số Năm, bước xuôi trên hành lang cùng ông ta là một đám nhân viên. Đột nhiên Jeffrey Hennig, một trong các giao dịch viên của Boesky lao ra khỏi văn phòng của mình, huơ mẩu băng điện báo trên tay. Anh ta thét to về phía Boesky, "Ông đọc tin về Dennis Levine này chưa?"

Boesky lập tức dừng bước và quay lại hỏi: "Dennis nào cơ?".

"Levine," Hennig đáp. "Đây này." Jeffrey Hennig chìa băng điện báo công bố cáo buộc của Ủy ban Chứng khoán với Levine ra.

Boesky đọc lướt qua mẩu giấy, rồi trả lại Jeffrey Hennig. "Tôi chưa bao giờ nghe về tay này," ông nói, rồi quả quyết bước đi.

* * *

Nhiều năm sau, khi nghĩ lại ngày hôm ấy, Siegel mới nhận ra rằng mình đã lầm. Viên đạn giết chết Levine cũng giết chết anh ta. Nó giết cả Ivan Boesky lẫn Michael Milken.

Cũng viên đạn ấy đã phá tan cơn lốc thâu tóm và cơn sốt kiếm tiền ghê gớm nhất trong lịch sử Phố Wall, và nó cũng phơi bày âm mưu tội ác khủng khiếp nhất mà giới tài chính từng biết tới. Thập kỷ Tham tàn còn mất bốn năm nữa mới phân rõ trắng đen rạch ròi, nhưng sau ngày 12 tháng Năm năm 1986 ấy, nó bắt đầu phải chịu phận bi đát.

Kể cả đến lúc này, cũng khó có thể nắm bắt chính xác được mức độ nghiêm trọng và phạm vi của tội ác đã bại lộ, bắt đầu từ giữa thập niên 1970, trong các thể chế thị trường và tài chính của nước Mỹ. Nó làm lu mờ bất cứ tội ác tài chính nào có thể đem ra so sánh, từ vụ Siêu Trộm Tàu Hỏa cho tới những âm mưu thao túng cổ phiếu mở đường cho sự ra đời của các điều luật về chứng khoán quốc gia trước đó. Tầm cỡ của những khoản lời phi pháp kếch xù đến mức không thể hiểu nổi trong con mắt của những kẻ người trần mắt thịt.

Dennis Levine, con cá nhỏ, thú nhận khoản lợi nhuận lên tới 12,6 triệu đô-la. Ivan Boesky đồng ý chi 100 triệu đô-la cho các tài sản bị tước quyền và những khoản phạt khác; giờ đây cũng không ai dám chắc rằng số tiền đó có ngấp nghé tổng số những khoản thu bất chính của anh ta trong suốt nhiều năm không. Và rồi còn có cả Michael Milken, người gây ra những tội ác còn phức tạp, ngoài sức tưởng tượng và tham tàn hơn nhiều so với cáo buộc giao dịch nội gián thuần túy. Trong năm 1986, Milken kiếm được 550 triệu đô-la tiền lương thưởng từ một doanh nghiệp vốn đã dính líu hoạt

động phi pháp suốt nhiều năm trời. Khi cuối cùng đã thừa nhận sáu tội danh nghiêm trọng, Milken đồng ý bồi thường 600 triệu đô-la – một khoản tiền thậm chí còn lớn hơn nhiều so với ngân sách thường niên của toàn bộ Ủy ban Chứng khoán.

Đây không phải những sự việc tình cờ riêng lẻ. Chỉ xét riêng về mức độ và tác động tiềm tàng, âm mưu do Milken đầu sỏ đã làm lu mờ hết thảy những tội ác còn lại. Những trò biển lận tài chính là "chuyện thường ngày" trên Phố Wall hồi thập niên 1980. Một điệp khúc chung của hầu hết những bị cáo trong vụ scandal này đó là sẽ thật bất công nếu chỉ khởi tố một cá nhân trong khi có quá nhiều kẻ cũng phạm những tội danh này, nhưng lại chưa bị luật pháp rờ đến. Thứ luật im lặng tạo điều kiện cho tội ác ăn sâu bám rễ và đua nở tưng bừng trên Phố Wall, thậm chí cả trong nội bộ những cơ quan, tổ chức tiềm lực và đáng kính nhất – tiếp tục bao che cho rất nhiều kẻ có tội.

Vậy nhưng, quá sa đà vào những khoản lợi lộc bẩn thỉu của các cá nhân riêng lẻ, sẽ lại là mạo hiểm đánh mất bức tranh tổng thể. Trong làn sóng tội ác này, quyền sở hữu của toàn bộ các tập đoàn đã được thay tên đổi chủ, thường là bằng sức mạnh vũ lực, với nhịp độ chóng vánh chưa từng thấy. Những cái tên đình đám – như Carnation, Beatrice, General Foods, Diamond Shamrock đã biến mất không dấu vết trong những cuộc thâu tóm, sản sinh ra đủ loại hoạt động tội phạm và những trò vi phạm các điều luật chứng khoán.

Những công ty khác, như Unocal và Union Carbide, sống sót ngoi ngóp nhưng cũng gần như bị phá tan tành. Hàng nghìn nhân công mất việc làm, công ty oằn mình gánh đủ các khoản nợ phải trả cho những thỏa thuận, hy sinh lợi nhuận để chi trả tiền lãi phát sinh từ các khoản vay và hơn thế nữa, rất nhiều công ty cuối cùng cũng bị ép buộc phải tuyên bố phá sản hoặc tái cơ cấu. Những người giữ phiếu nợ cùng cổ đông còn mất nhiều hơn thế. Chỉ lòng tham không thôi sẽ không thể gây ra thiệt hại khủng khiếp nhường ấy. Đây là cái giá phải trả của lòng tham gắn chặt với mãnh lực thị trường – thứ quyền năng không thể bị kiềm thúc bởi những cơ chế kiểm soát và cân bằng của thị trường tự do, hoặc kể cả bởi nỗi âu lo rằng một ngày kia sẽ bị tóm gọn.

Và những hệ quả kinh tế của các tội ác này, dù tàn tệ đến đâu, cũng không thể che giấu thách thức mà chúng đặt ra với năng lực thực thi pháp luật, hệ thống tòa án của cả quốc gia, và hơn tất cả, là với ý niệm về sự công bằng và ngay thẳng – chính là nền tảng của xã hội văn minh. Nếu thực sự tồn tại những con người tin

rằng bản thân mình quá sức giàu có và quyền năng tới mức vượt trên pháp luật, vậy thì những kẻ ấy có thể được tìm thấy trong lòng và xung quanh Phố Wall hồi những năm 1980. Nếu tiền có thể mua được công lý ở nước Mỹ, vậy thì Milken và Drexel đã sẵn sàng để làm điều đó, và quả thực họ đã làm thế. Họ thuê riêng những luật sư cùng cố vấn quan hệ công chúng đắt giá nhất, giỏi giang nhất và quyền lực nhất – những người mà thành công đáng sợ của họ đã xoay chuyển những tranh luận công khai trở thành một phiên tòa của riêng các luật sư công và các công tố viên chứ không còn là phiên tòa của những kẻ bị cáo buộc phạm tội nữa.

Thế nhưng Milken và Drexel đã thất bại, nhờ những nỗ lực mang tính anh hùng nhất thời của những luật sư công với chi phí bèo bọt cho một lượng công việc quá tải, những người đã cống hiến phần lớn sự nghiệp của mình để lật tẩy những vụ bê bối. Ở đây phải đặc biệt kể đến Charles Carberry và Bruce Baird ở văn phòng luật sư Manhattan U.S và cả Gary Lynch, trưởng bộ phận thi hành pháp luật tại Ủy ban Chứng khoán. Tuy nhiên, những nỗ lực của họ không thành công hoàn toàn. Tình trạng phạm tội lan tràn trên Phố Wall sau một thập niên thi hành luật lỏng lẻo đến mức đôi khi lấn át cả tài xoay xở của họ. Không phải tất cả những kẻ đáng bị truy tố đều bị buộc tội, và sai lầm vẫn diễn ra. Thế nhưng thành công hơn hết thảy của họ trong việc kết tội những thủ phạm chính yếu và tiếp thêm động lực cho các điều luật chứng khoán chính là cống hiến đáng kể cho hệ thống tư pháp của nước Mỹ.

Đây là câu chuyện đầy đủ về những kẻ phạm tội từng thống trị Phố Wall, cách họ chiếm lĩnh những đỉnh cao tiền tài, quyền lực và danh tiếng, và cả chuyện họ đã bị phát hiện và đưa ra công lý như thế nào. Cho dù đã có sự công khai sát sao song hành cùng những vụ kiện chống lại những nhân vật này, nhưng chưa có mấy phần trong câu chuyện ấy được đưa ra công chúng. Milken, Boesky, Siegel và Levine, nhờ việc thừa nhận tội trạng để giảm nhẹ mức phạt, đã tránh được những phiên xử công khai đầy đủ. Câu chuyện trong cuốn sách này được xây dựng dựa trên hơn bốn năm thu thập, bao gồm các cuộc phỏng vấn, rà soát một khối lượng tài liệu khổng lồ, tư liệu đại bồi thẩm đoàn và các bản tường thuật khác, những ghi chép phỏng vấn luật sư, ghi chép của những người tham dự khác. Trong thời đại có xu hướng ngợi ca chủ nghĩa tư bản thị trường tự do, câu chuyện này càng thể hiện rõ rằng thị trường tài chính nước Mỹ thực ra đã bại hoại từ bên trong và biến chất hòng phục vụ mục đích phạm pháp.

Ở mức độ cơ bản nhất, chủ nghĩa tư bản Mỹ nở rộ bởi tất cả mọi

người, dù giàu dù nghèo, đều nhận định rằng thị trường bù đắp công lao xứng đáng cho những hành động táo bạo, sáng tạo đột phá, lao động cần cù và thông minh nhạy bén. Các điều luật chứng khoán được thi hành nhằm giúp bảo vệ quy trình ấy, bảo vệ tính minh bạch của thị trường và khuyến khích xây dựng nguồn vốn – thông qua việc mang lại một sân chơi bình đẳng, trong đó mọi người đều được mưu cầu thời vận của mình. Vi phạm luật chứng khoán không phải những tội ác không-có-nạn-nhân. Khi những kẻ giao dịch nội gián thu được đủ các khoản lời từ trên trời rơi xuống nhờ hối lộ nhân vật nào đó để moi những bí mật doanh nghiệp, trong khi giá cả bị thao túng và hàng khối cổ phiếu được lén lút thu gom, thì lòng tin của chúng ta đặt vào sự công bằng ngầm ẩn của thị trường cũng vỡ vụn. Chúng ta đều là những nạn nhân.

Quyển 1
QUA MẶT LUẬT PHÁP

1.

Martin Siegel, thành viên nhỏ tuổi nhất của lớp vừa mới tốt nghiệp Khoa Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Harvard, đến nhận công việc tại hội sở của hãng Kidder, Peabody & Co. tại số 20 Phố Exchange Place, Manhattan tháng Tám năm 1971. Sáng hôm ấy, anh chàng Siegel 23 tuổi dạo qua những dãy hành lang, ngước mắt nhìn lên những tấm chân dung của Henry Kidder, Francis Peabody, Albert R. Gordon và nhiều người khác, treo phía trên những tấm thảm treo tường cùng những dải thảm trải sàn kiểu phương Đông đã hơi sờn. Siegel gắng nhập tâm hình ảnh của những nhân vật xa lạ này cùng thế giới kiêu sa của sự thịnh vượng lâu đời và thứ quyền lực khôn ngoan thận trọng.

Anh chàng chẳng có mấy thời gian để trầm ngâm suy tưởng. Anh cùng người vợ mới cưới thậm chí còn chưa dỡ đồ đạc ra trước khi anh lao vào một dự án bất kể ngày đêm hòng giành được một thương vụ bao tiêu từ Hiệp đoàn cho vay hế chấp Liên bang. Người cộng sự của Siegel trong dự án này chẳng để lại mấy ấn tượng cho anh ta, ngoài cái tên Theodore Roosevelt đệ Tứ hay đệ Ngũ gì đấy; Siegel có nhớ được gì bao giờ.

Năm 1971, khi cuộc chiến ở Việt Nam vẫn gây công phẫn và thôi thúc thái độ phản kháng đối với giới cầm quyền, chẳng mấy sinh viên tốp đầu chịu học trường kinh doanh, càng chẳng cần nhắc tới Phố Wall cho uổng. Siegel, một trong những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc nhất tại lớp, có quyền lựa chọn hầu như tất cả mọi ngân hàng đầu tư cùng các hãng chứng khoán đình đám nhất. Anh đã gửi đơn ứng tuyển tới 22 nơi; tất thảy đều tỏ ra hào hứng đón chào.

Kidder, Peabody với tổng số vốn lên tới khoảng 30 triệu đô-la hiếm khi được xếp vào danh sách 20 hãng đầu tư hàng đầu nước Mỹ. Trên thang bậc tôn ti ở Phố Wall, Kidder, Peabody thuộc hạng hai, hay gọi là nhóm "chủ chốt". Nó không được xếp vào hàng đẳng cấp "đặc biệt" trong đó có Salomon Brothers, First Boston, Morgan Stanley, Merill Lynch hay Goldman, Sachs.

Dù làn gió đổi mới đã tràn tới rõ rệt từ hồi năm 1971, Phố Wall vẫn bị chia tách giữa hai phe gồm các công ty "Do Thái" với các công ty WASP (của người da trắng theo đạo Tin Lành). Hồi mới sơ khởi, khi các tập đoàn và ngân hàng chính yếu còn phân biệt đối xử công khai với người Do Thái, thì Phố Wall đã thực hiện việc tưởng thưởng cho các công trạng cùng hành động táo bạo. Những ngân hàng đầu tư như Goldman, Sachs, Lehman Brothers và Kuhn Loeb (danh tiếng lẫy lừng bởi được gây dựng lên bởi bàn tay những tài phiệt Do Thái gốc Đức) đã cùng góp mặt trong danh sách WASP những công ty có tên tuổi danh tiếng nhất: như Morgan Stanley – kết quả sản sinh từ đế chế tài chính J. P. Morgan – hay First Boston, Dillon, Read và Brown Brothers Harriman. Gã khổng lồ Merrill Lynch Pierce Fenner & Smith, một sự dị thường theo nghĩa nào đấy, đã có thời từng bị coi là một ngân hàng đầu tư "Thiên chúa giáo". Kidder, Peabody duy trì vị trí ổn định trong đội ngũ WASP. Siegel chính là người Do Thái đầu tiên mà ngân hàng thuê làm việc cho mảng tài chính của mình.

Siegel vốn cũng đang kiếm tìm một công việc đa dạng cũng như mang lại hứng khởi. Chỉ lĩnh vực ngân hàng đầu tư mới mang tới sự thịnh vượng bắt nguồn từ một phán quyết thị trường về việc phát hành một cổ phiếu mới hay tuyên bố một vụ sáp nhập quy mô lớn. Anh đã thu hẹp lựa chọn của mình xuống còn ba hãng: Goldman, Sachs, Shearson Hayden Stone và Kidder, Peabody. Một nhân viên chuyên trách tuyển dụng của Goldman gọi điện, và hỏi rằng nếu Goldman đưa ra đề nghị tuyển dụng, liệu anh có chấp thuận? Siegel chẳng hứa hẹn gì. Shearson Hayden Stone đưa ra mức lương hậu hĩnh nhất – 24 nghìn đô-la một năm.

Kidder, Peabody chỉ đề nghị mức lương 16 nghìn đô-la. Nhưng Siegel đã nhìn thấy những cơ hội có một không hai ở đó. Ngân hàng này toàn những thành viên già cội, nhưng lại có hẳn một danh sách các khách hàng "danh tiếng" rất hùng mạnh. Siegel phác ngay viễn cảnh leo thang chóng vánh lên đỉnh cao của mình.

Hơi hướm tinh hoa kiểu quý tộc của Kidder, Peabody đã quyến rũ Siegel. Là một trong những ngân hàng đầu tư lâu đời nhất nước Mỹ, hãng được thành lập ở Boston dưới tên gọi Kidder, Peabody &

Co. vào năm 1865, ngay trước khi cuộc Nội Chiến kết thúc. Thuở mới khai lập, Kidder dồn hầu hết vốn liếng vào cơn bùng nổ đường sắt, và chủ yếu là cho Atchinson, Topeka & Santa Fe. Trong số các khách hàng của nó còn có mặt cả hai gương mặt đáng kể chống lưng cho giới quyền lực, đó là hãng Thép Hoa Kỳ và Điện thoại & Điện tín Hoa Kỳ.

Hãng Kidder, Peabody hiện đại nằm dưới quyền cai trị của Albert H. Gordon, con trai của một thương lái đồ da giàu có người Boston, tốt nghiệp Trường Kinh doanh Harvard. Năm 1929, khi hãng này tan tác bởi sự sụp đổ của thị trường, Gordon, một tay buôn trái phiếu trẻ tuổi ở Goldman, Sachs đã đầu tư 100 nghìn đô-la tiền vốn riêng vào hãng này. Cùng với hai cổ đông nữa, anh ta đã giành được hãng về tay mình vào năm 1931.

Ngài Gordon là người không biết mỏi mệt, một kẻ cuồng tín, thể chất tráng kiện với nguồn năng lượng bất tận cùng phong thái đại trí thức không thể chê trách gì, đã chuyển hội sở của hãng từ Phố Wall về Boston và bắt đầu xây dựng danh sách khách hàng. Ông sở hữu một lợi thế: danh tiếng của Kidder, Peabody, đối lập hoàn toàn với rất nhiều đối thủ cạnh tranh của nó – duy trì trạng thái "không tì vết" đáng kể sau sự kiện sụp đổ thị trường.

Cơn chấn động do sự sụp đổ của thị trường và cuộc Đại Khủng hoảng đã khơi mào cho một cuộc vận động cải cách trong Quốc hội, đưa đến kết quả là các cuộc thẩm vấn Nghị viện được tiến hành dưới tay cố vấn đặc biệt Ferdinand Pecora, bắt đầu vào năm 1932. Qua loạt thẩm vấn đầy vẻ miệt thị mà Pecora thực hiện với một vài chuyên viên ngân hàng đầu tư hàng đầu Phố Wall, công chúng Mỹ đã được biết về giao dịch nội gián, về hành vi thao túng giá cổ phiếu và đầu cơ trục lợi thông qua cái gọi là tín thác đầu tư. Hầu hết những vụ lạm dụng bị phanh phui đều dính dáng đến chuyện thông tin được đặt vào một số ít thành phần được ưu ái và bị che giấu trước đông đảo công chúng đầu tư. Đó không chỉ là những thông tin tác động trực tiếp tới giá cổ phiếu, ví như mức giá đề nghị trong các vụ sáp nhập và thâu tóm, mà còn là những thông tin có thể được khéo léo biến thành lợi thế trong ngành nghề: Ví dụ, chênh lệch thực sự giữa giá chào mua và giá chào bán, hay danh tính của những người mua vào những khối cổ phiếu lớn cùng động cơ thực sự ẩn sau động thái thu mua ấy.

Tiếp sau làn sóng thoái vốn rộng khắp trong công chúng cùng cơn thịnh nộ của những người theo chủ nghĩa dân kiểm, Quốc hội đã phê chuẩn những văn bản pháp lý mang tính lịch sử, Luật Chứng khoán vào năm 1933 và Luật Giao dịch Chứng khoán vào năm

1934. Một cơ quan liên bang mới, Ủy ban Chứng khoán được thành lập nhằm thực thi những quy định ấy. Quốc hội cho rằng việc thi hành những điều luật chứng khoán mới của mình quan trọng tới mức họ còn thông qua cả các điều chỉnh hình sự tương ứng.

Nhờ việc tách riêng hoạt động ngân hàng thương mại với hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán, huy động vốn, phân phối cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác, các điều luật chứng khoán đã tạo tiền đề cho nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hiện đại hình thành. Dưới sự chèo lái của Gordon, Kidder, Peabody đã tập trung vào chức năng bảo lãnh phát hành của mình. Công ty chính là người tiên phong trong việc mở ra chi nhánh tại các thành phố của nước Mỹ. Ý tưởng ở đây, như Gordon vẫn thích ví von, là "tự mở con đường dẫn tới thành công".

Trong phần lớn lịch sử hoạt động kinh doanh của mình, Kidder, Peabody luôn duy trì mức vốn chủ sở hữu dưới sự kiểm soát chặt chẽ, thể hiện bằng việc Gordon sở hữu phần lớn công ty cùng lợi nhuận của nó. Khi công ty chuyển thành tập đoàn hồi năm 1960, cấu trúc sở hữu đã thay đổi đôi chút, lúc này Gordon đơn thuần trở thành cổ đông lớn nhất của hãng. Ông rất chi li khó tính trong việc trao quyền cổ đông vào tay các thành viên trong ban lãnh đạo của hãng.

Kidder, Peabody cứ thế phát đạt, nếu không muốn nói là đầy ngoạn mục, dưới trướng lãnh đạo đầy bảo thủ của Gordon. Kiên quyết né tránh một cuộc khủng hoảng vốn lần nữa, Gordon khẳng định rằng các lãnh đạo cấp cao của Kidder nên tái đầu tư các khoản thu nhập của mình vào công ty. Việc này đã mang lại cho hãng nguồn vốn để vượt qua sự sa sút bất ngờ về quy mô giao dịch và lợi nhuận làm khuynh đảo Phố Wall vào năm 1969. Một phó chủ tịch của Kidder, Ralph DeNunzio, người từng là phó chủ tịch Sở Giao dịch Chứng khoán New York và góp phần dàn xếp vụ sáp nhập các công ty "cây đa cây đề" như Goodbody & Co. và du Pont. DeNunzio đã tiếp quản vị trí chủ tịch sở giao dịch vào năm 1971, cũng là năm Siegel tốt nghiệp Trường Kinh doanh Harvard.

Dòng dõi xuất thân của Siegel khá khiêm tốn, trái ngược với bộ sậu lãnh đạo của Kidder, Peabody. Cha và chú của anh sở hữu ba tiệm giày ở Boston, những cửa hàng dựa vào các nhà cung cấp Hoa Kỳ và được nhắm riêng cho thị hiếu của tầng lớp trung lưu và dân lao động. Hồi cuối thập niên 1960, đầu 1970, các cửa tiệm bị hủy hoại bởi những chuỗi cửa hàng được hưởng lợi từ hoạt động quảng bá trên toàn quốc và nguồn cung nước ngoài giá rẻ. Điều

này thực sự đau đớn với Siegel, người chưa từng chứng kiến một ai làm việc vất vả mà thu về quá ít ỏi như cha mình. Lớn lên ở Natick, một khu ngoại ô của Boston, Siegel hầu như chẳng được gặp cha mình, ông làm việc cả bảy ngày một tuần, và thường ngủ đêm luôn trong thành phố. Không giống như cha của các bạn mình, cha của Siegel chưa từng chơi bóng với anh bao giờ.

Siegel chẳng khá khẩm gì với các môn thể thao ở trường; cậu đi học sớm một tuổi, vậy nên thua thiệt về thể chất so với các bạn cùng lớp. Nhưng khi trở thành tân học sinh trường trung học, Siegel lại đạt thành tích học tập xuất sắc. Cậu đã nghĩ rằng mình muốn trở thành một nhà du hành vũ trụ. Vào năm thứ nhất trung học, khi Siegel được chấp thuận tham gia chương trình vừa học vừa làm tại Học viện Kỹ thuật Rensselaer, một trường đại học về khoa học và kỹ thuật, anh trở thành thành viên đầu tiên của gia đình bước chân vào đại học. Anh tiếp tục đạt kết quả học tập ưu việt kể cả khi đã làm việc bán thời gian, sau đó theo học tiếp một chương trình thạc sỹ về kỹ thuật hóa học năm 1968. Anh biết sẽ chẳng bao giờ giàu có nếu cứ nai lưng làm việc ở vị trí một kỹ sư vô danh tiểu tốt trong phòng thí nghiệm của một công ty, vậy nên anh nộp đơn vào Trường Kinh doanh Harvard và được chấp thuận nhập khóa học bắt đầu từ tháng Chín năm 1969.

Tình trạng bất ổn tràn vào các khu học xá nước Mỹ suốt những năm cuối thập niên 1960 không tác động mấy lên Siegel, nhưng tại trường Harvard, anh đã bị bắt trong một cuộc vận động phản đối chiến tranh sau vụ xâm lược Campuchia do Mỹ cầm đầu hồi năm 1970 và vụ giết hại sinh viên tại Kent State do Lực lượng Vệ binh Quốc gia ở Ohio thực hiện. Anh đã tham gia cuộc biểu tình ngồi phản đối chiến tranh tại Harvard Yard, hút xì gà tẩm ma túy nhẹ vài lượt. Thế nhưng, anh vẫn thấy khó chịu khi các sinh viên làm mọi cách để hủy bỏ cuộc thi cuối kỳ năm đó. Anh vẫn thực hiện bài thi của mình, và đưa ra nguyện vọng là đem bài thi về nhà, sau đó nộp lại qua thư.

Với luận án thạc sỹ của mình, Siegel tìm cách giải quyết một vấn đề nghiêm trọng trong việc kinh doanh cửa hàng giày của cha mình. Giải pháp của anh đó là: Các cửa hàng của cha nên được chuyển thành các cửa hàng cao cấp chuyên dụng, nhắm tới những phụ nữ giàu có và lưu tâm tới thời trang. Việc này sẽ giúp tránh được tình trạng cạnh tranh ngày càng gay gắt với toàn bộ phần còn lại của thị trường. Cha của Siegel đã đồng ý về nguyên tắc, nhưng rồi em trai ông, người đảm trách việc mua hàng cho chuỗi cửa tiệm bị trụy tim. Cha Siegel thì không có biệt nhãn hay bản năng gì trong việc bán lẻ đồ thời trang cao cấp. Tuy nhiên, luận

văn của Siegel thì giành được "điểm cộng tuyệt đối", tương đương với điểm A+ của Harvard.

Vào ngày Quốc khánh Mỹ, 4 tháng Bảy năm 1970, Siegel kết hôn với Janice Vahl, một sinh viên âm nhạc đến từ Rochester mà anh đã gặp hai năm trước. Sau khi Siegel chấp thuận lời đề nghị của Kidder, Peabody, anh và Janice chuyển tới New York, trả 212 đô-la mỗi tháng tiền thuê một căn hộ một phòng ngủ vừa phải trên Phố 72 khu Đông Manhattan.

Siegel đến với Phố Wall và hoạt động ngân hàng đầu tư đầy tự nhiên; năng lượng và động lực của anh, như anh đã tiên đoán, là một luồng không khí mát lành phả vào Kidder, Peabody. DeNunzio, giờ là giám đốc điều hành của Kidder, Peabody, là người đầu tiên tỏ ra ưu ái đặc biệt với chàng nhân viên mới này. Ông cũng có xuất thân khiêm nhường và cảm thấy thoải mái hơn với những nhân viên bán hàng và giao dịch "đầu tro mặt muội" so với đám chủ ngân hàng đầu tư thuộc tầng lớp trên.

Siegel bắt đầu làm việc với một vài giao dịch sáp nhập và thâu tóm, bởi không ai khác ở Kidder, Peabody hào hứng động tay vào. Những vụ thâu tóm thô bạo đã sinh ra một thứ vết nhơ không sạch sẽ gì. Chúng gây ra mối ác cảm, đặc biệt là với những nhân vật đại diện cho đám người đi tấn công. Việc này đôi khi còn khiến những khách hàng khác tỏ ra xa lánh. Rất nhiều ngân hàng đầu tư và công ty luật WASP ưa đẩy những công việc tương tự cho các hãng khác, hầu hết là các công ty Do Thái.

Nhưng những thứ này lại chẳng khiến Siegel mảy may phiền lòng. Thương vụ thâu tóm đầu tiên của anh đến ngay sau khi Điều luật Williams được thông qua, trong đó tuyên bố những quy trình mới nhằm bảo vệ các cổ đông khỏi những mánh khóe thâu tóm. Thương vụ này vốn là một vụ chào mua Atlantic & Pacific Tea Co. không thành công của Charles Bluhdorn – một nhân vật hám lợi của hãng Gulf + Western, khách hàng lâu năm của Kidder, Peabody. Bluhdorn, vốn thân thiết với DeNunzio, đã khen ngợi công việc của Siegel và DeNunzio đảm bảo rằng Siegel sẽ được giao nhiệm vụ với một khách hàng lớn khác, Victor Palmieri của hãng địa ốc Penn Central. Đến năm 1974, nhận thấy tình trạng thiếu hụt quan điểm chuyên môn trong lĩnh vực mình, Siegel đã chấp bút cho một cuốn giáo khoa về nghiệp vụ sáp nhập và thâu tóm sử dụng trong nội bộ Kidder, Peabody; cuốn tài liệu đã được các đồng nghiệp hoan nghênh chào đón. Chỉ trong vòng hai năm, anh đã được thăng chức trợ lý phó chủ tịch.

Trong khi sự nghiệp của Siegel cất cánh, thì những khía cạnh còn lại của cuộc sống lại mỗi lúc một phiền toái. Việc làm ăn của cha Siegel tiếp tục xấu đi; hầu như hàng tuần Siegel đều bay tới Boston để trợ giúp. Cuộc hôn nhân của anh gặp trục trặc. Janice tham gia ban nhạc Bel Canto ở New York và muốn theo đuổi sự nghiệp âm nhạc. Siegel, vốn không mặn mà gì với nhạc kịch, chẳng khích lệ gì được cho vợ. Đến tháng Hai năm 1975, họ ly thân.

Một khoảng thời gian ngắn trước đó, ngân hàng và chủ nợ chính của cha Siegel đã dừng hoạt động kinh doanh giày của ông. Công ty của Robert Siegel đệ đơn phá sản. Ông chủ chuỗi cửa hàng bán lẻ từng một thời kiêu hãnh và tràn trề sinh lực, giờ đây, ở tuổi 47, là một kẻ trắng tay. Ông thử buôn bán địa ốc nhưng chẳng ích chi. Ông thử làm công việc tu sửa nhà cửa và cuối cùng "cập bến" với công việc bán vật liệu lợp mái ở Sears. Siegel quan sát những điều đó với thái độ cảnh giác bởi cha anh dường như có ý định tự kết liễu đời mình. Anh để ý rằng cha mình bắt đầu sống câu dầm qua ngày đoạn tháng dựa vào những đứa con trai và con gái mà ông đã chẳng có đủ thời gian dành cho chúng.

Siegel bị ám ảnh với ý nghĩ rằng điều gì đó tương sự có thể sẽ xảy đến với anh. Anh thề rằng anh sẽ không bao giờ sa sút đến độ thành một gã tán gia bại sản.

* * *

Sau sự lụn bại của cha mình, Siegel càng dành toàn tâm toàn ý cho công việc, thường xuyên làm việc tới 100 giờ đồng hồ mỗi tuần. Vừa cạnh tranh với Gordon, giờ đây vẫn là chủ tịch danh dự của hãng, Siegel cũng ráo riết rèn luyện sức khỏe. Một trong những đồng nghiệp ở hãng, cựu đô vật toàn Mỹ tên là Scott Christie, đã gọi điện liên hệ giúp anh đăng ký một chương trình tập luyện tại Câu lạc bộ Điền kinh New York. Một lần, Christie, Siegel và John Gordon, con trai của Al Gordon đứng với nhau ở hành lang trong công ty, khi ấy Siegel khoe khoang rằng anh có thể chống đẩy 50 lần một phút. Christie xiết chặt lấy bắp tay của Siegel và đảo mắt đầy ranh mãnh. "Thể hiện đi kìa, Marty." Chỉ chờ có thế, để nguyên cả áo xống cà vạt, Siegel nhào xuống sàn. Anh chống đẩy liền 50 cái trong chưa đầy một phút.

Anh chàng Martin Siegel bảnh trai đã trở thành cậu bé vàng của Kidder, Peabody. Anh tậu một chiếc Alfa-Romeo mui trần và một căn nhà trên bờ biển ở Fire Island, một khu nghỉ dưỡng nổi tiếng ở Long Island. Anh phóng khoáng, tự chủ và ưa giao du. DeNunzio, vốn lập dị và không có lợi thế về ngoại hình, đã khôn ngoan nhận

thấy ở Siegel khả năng thu hút và chăm sóc khách hàng, nhược điểm chủ yếu của DeNunzio. Ông đưa Siegel lên làm phó chủ tịch chính thức vào năm 1974, và chẳng mấy chốc, Siegel đã được báo cáo công việc trực tiếp với DeNunzio. Khi Gould Inc., khách hàng của Kidder, Peabody đưa ra một mức giá đệm bằng tiền mặt cho một nhà sản xuất van vào đợt Giáng sinh năm 1975, DeNunzio đã phân công Siegel làm việc với nhà tài phiệt huyền thoại của hãng Lazard Frères – Felix Rohatyn, người đại diện của công ty mục tiêu. Thoạt tiên, Siegel rất dè dặt bởi anh còn mải nể sợ Rohatyn. Sau đó, trong một cuộc họp, Rohatyn xin phép đi vào nhà vệ sinh. Siegel liền nghĩ bụng: "Ôi trời, ông ta cũng là người!" Không có lý do gì Siegel lại không thể trở thành một huyền thoại, như Rohatyn.

Tháng Tư năm 1976, luật sư chuyên về thâu tóm, Joseph Flom (đồng sáng lập hãng Skadden, Arps, Slate, Meagher & Flom) đã mời Siegel đến thực hiện một bài giới thiệu về chủ đề "xác định mục tiêu thâu tóm" tại một cuộc thảo luận nhóm. Siegel lấy làm hân hạnh lắm, mặc dù anh biết chẳng khó khăn gì để trở thành một chuyên gia. Bất cứ ai đã từng giải quyết một kiểu giao dịch sau khi Đạo luật Williams có hiệu lực đều được coi là đạt chuẩn để trở thành chuyên gia.

Siegel thậm chí còn cảm thấy vinh dự hơn nữa khi anh gặp thành viên cuộc thảo luận: Ira Haris, một trong những chuyên viên ngân hàng đầu tư hàng đầu của Salomon Brothers; Robert Rubin, một ngôi sao đang lên như diều tại Goldman, Sachs; John Shad, người đứng đầu E. F. Hutton; Arthur Long, cố vấn về tín thác hàng đầu; Theodore Levine, luật sư hành pháp của Ủy ban Chứng khoán; và cả Arthur Fleischer, một luật sư lỗi lạc về thâu tóm tại Fried, Frank, Harris, Shriver & Jacobson; và, ngồi ngay kế bên Siegel chính là đối thủ mạnh nhất của Flom trong lĩnh vực thâu tóm, Martin Lipton, nhà sáng lập của Wachtell, Lipton, Rosen & Katz.

Cùng làm việc với nhau, ý kiến chuyên môn của nhóm bao quát tất cả hoạt động của các vụ thâu tóm áp chế – một lĩnh vực đang nổi lên, lĩnh vực mà sau đó đã biến đổi diện mạo của giới doanh thương tư nhân Mỹ đến mức không ai trong số họ từng mơ tới. Ngành công nghiệp Mỹ từng trải qua những giai đoạn hợp nhất trước đó, mà gần đây nhất là vào giai đoạn những năm 1960, khi thứ trào lưu phân tán rủi ro mang tính nhất thời đã đưa đẩy nhiều công ty lớn vào các thương vụ sáp nhập với tiền tài trợ thông qua việc phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong thập kỷ bùng nổ thị trường. Những cuộc thâu tóm ấy phần lớn đều hữu

hảo. Trước đó, những tập đoàn độc quyền của kỷ nguyên Morgan đã được sản sinh nhờ hàng loạt cuộc sáp nhập (một vài trong số đó bị cưỡng ép không-lấy-gì-làm-nhẹ-nhàng bởi chính tay nhà tài phiệt khét tiếng này). Tuy vậy, không một dạng thỏa thuận nào trong số này thực sự sánh ngang được với sự bùng nổ của trào lưu thâu tóm áp chế bắt đầu từ những năm 1970 và đạt đỉnh điểm trong thập niên 1980, chỉ trừ một khía cạnh mấu chốt: chúng mang lại những cơ hội kiếm lời lớn trên thị trường chứng khoán.

Siegel để ý thấy rằng Lipton hí hoáy ghi chép mau lẹ trong khi những người khác thực hiện bài giới thiệu của mình. Thế rồi, khi đến lượt Harris phát biểu, Lipton dúi tờ giấy ra trước mặt anh ta, và rõ ràng là Harris đọc bài phát biểu của Lipton. Thì ra đây chính là cung cách hoạt động của "câu lạc bộ" M&A (Sáp nhập & Mua lại), Siegel nghĩ bụng.

Sau bài giới thiệu của Siegel, Lipton đứng ở phía sau để tán dương anh. Sau việc này, hai người thường xuyên trò chuyện về các mẹo mực sáp nhập – mua lại và tán chuyện phiếm với nhau. Họ hợp thành một cặp thật tréo ngoe; Siegel hào hoa phong nhã cùng Lipton béo tốt đẫy đà với mái tóc mỏng dính đi kèm đôi kính gọng tối màu nặng trịch. Nhưng Siegel đã nhận ra sự tinh thông ngành nghề của Lipton và trở thành một học trò đầy háo hức.

Lipton và Flom đã phát triển một kiểu thỏa thuận ứng trước phí tư vấn với khách hàng của mình. Các công ty khách hàng muốn đảm bảo chắc canh ta rằng công ty luật luôn sẵn sàng tham gia bất cứ một sự kiện nào mà họ trở thành mục tiêu của một cuộc bỏ thầu thâu tóm áp chế sẽ phải trả cho các luật sư một khoản phí ứng trước đáng kể hàng năm. Trong trường hợp họ bị tấn công từ phía một khách hàng khác của Lipton hay Flom, khách hàng tấn công đã chấp thuận từ trước rằng sẽ bỏ qua mọi xung đột quyền lợi, ngầm hiểu là các luật sư sẽ bảo vệ đối tượng "bị tấn công".

Rất nhiều tập đoàn chủ chốt cuối cùng đã ký kết làm ăn với Lipton và Flom, thậm chí kể cả khi vài thành viên trong ban lãnh đạo có thét gào khó chịu. Những luật sư này tính chi phí chặt chẽ theo từng tiếng đồng hồ, né tránh cả những chi phí phát sinh bất ngờ. Những khoản ứng trước cho Lipton và Flom giống với một chính sách bảo hiểm hơn, bởi chúng không nhất thiết đòi hỏi công việc thực tế đi kèm. Giới cầm quyền nhìn nhận động thái bỏ qua mọi bất đồng từ trước với thái độ ghê tởm. Thế nhưng bản thân các khách hàng cơ hồ lại chẳng phiền lòng chút nào, một thứ thước đo quyền lực không chính thức mà Lipton và Flom có thể nắm chắc.

Siegel lúc này nghĩ rằng Kidder, Peabody nên bắt đầu thực hiện những thỏa thuận tương tự. Đến thời điểm diễn ra cuộc thảo luận nhóm vào năm 1976, Siegel đã hoàn toàn chắc canh ta rằng làn sóng sáp nhập sẽ còn tiếp diễn, thậm chí tăng lên. Những đối thủ lớn hơn, như Morgan Stanley, Salomon và First Boston đã khuếch trương thanh thế về năng lực tấn công trong các thương vụ sáp nhập và mua lại của mình. Siegel nghĩ rằng Kidder, Peabody hoàn toàn có cơ hội chống lại.

Anh bắt đầu tiến hành thăm viếng các khách hàng doanh nghiệp tiềm năng, rao bán thứ mà anh gọi là "sản phẩm chống lại đấu thầu của Kidder, Peabody". Anh lập luận rằng chỉ trong vòng bảy ngày – như quy định trong Luật Williams – để đưa ra động thái đáp trả lại một vụ đấu thầu thâu tóm áp chế, các công ty buộc phải chuẩn bị sẵn sàng từ trước với đầy đủ những chiến lược tự vệ được suy tính thấu đáo. Điều này đồng nghĩa với việc ứng trước cho Kidder, Peabody – và chi một khoản tạm ứng phí tư vấn như những khoản chi cho Lipton và Flom – để đảm bảo các luật sư luôn sẵn sàng và vì lợi ích của hãng. Lipton giới thiệu Siegel với những nhân vật hàng đầu trong cộng đồng M&A gắn bó khăng khít, và đặt cả tăm tiếng của mình vào kế hoạch của Siegel.

Sự thăng tiến thực sự của Siegel đến vào tháng Năm năm 1977, khi tờ Business Week ca tụng anh như chuyên gia chống thâu tóm hàng đầu. Sau khi miêu tả thành công của anh trong vài thương vụ cỡ bự, bài báo còn nhân tiện đề cập rằng anh bảnh trai đến mức được coi là "người tình của nữ minh tinh Greta Garbo." Bài báo có đăng kèm một bức ảnh, và thốt nhiên Siegel ngập giữa những lời đề nghị từ các chị em kiếm tìm đối tượng hò hẹn. Siegel quá ư sửng sốt vì câu chuyện trong bài báo, vốn chẳng có vai trò gì ghê gớm, lại mang đến vị thế cùng tính chính thống lập tức như vậy. Bộ phận sao lục của Kidder, Peabody lập tức hoạt động hết công suất, gửi bản sao bài báo cho tất cả các khách hàng giàu có tiềm năng.

Từ năm 1977 trở đi, cứ mỗi năm, chỉ riêng Siegel đã liên hệ với 200 đến 300 khách hàng. Mục tiêu của anh là các công ty quy mô vừa (điển hình là những công ty có mức doanh thu từ 100 đến 300 triệu đô-la một năm) vốn không đủ tiêu chuẩn để nhận được dịch vụ từ những ngân hàng đầu tư lớn hơn. Đây là những doanh nghiệp dễ lung lay trước một lời đề xuất thâu tóm áp chế từ phía một công ty lớn hơn. Sản phẩm của Siegel bán ra ngon lành. Cuối cùng anh đã mời được 250 công ty chi ra cho Kidder, Peabody khoản phí ứng trước lên tới sáu con số hằng năm.

Sự cạnh tranh chủ yếu của anh đến từ Goldman Sachs, một ngân hàng đầu tư lớn hơn và quyền lực hơn rất nhiều, ngân hàng này đã quyết định sẽ khoanh vùng hoạt động chống thâu tóm như một nghiệp vụ riêng của mình, cho dù là do những nguyên nhân hơi khác. Vào thời điểm đó, Goldman đã biến nghiệp vụ đó thành một chính sách nhằm né tránh vai trò đại diện cho những kẻ bỏ thầu hung hãn. Có trong tay danh sách khách hàng đáng thèm muốn gồm các công ty tăm tiếng trên Phố Wall, Goldman không muốn liều mình đẩy khách hàng ra xa bởi nguyên do họ đại diện cho ai đó được coi là "kẻ săn doanh nghiệp". Các dịch vụ ngân hàng đầu tư truyền thống dành cho các khách hàng lâu đời này chính là thành phần tất yếu trong công việc làm ăn sinh lời của Goldman.

Siegel rất muốn giành được một khách hàng từ tay Goldman. Vào năm 1977, Peter Sachs, người sau đó trở thành trưởng bộ phận Sáp nhập và mua lại (M&A) tại Goldman, đã bay tới vùng Bờ Tây để gặp gỡ Steve Sato, chủ tịch Tập đoàn Ivac, một doanh nghiệp sản xuất thiết bị y tế vừa mới trở thành mục tiêu của một cuộc tấn công thâu tóm từ hãng Colgate Palmolive. Sachs, theo lời kể của vị chủ tịch nọ, chỉ khuếch khoác về "sự tinh thông kiểu Goldman". Khi Siegel đến gặp Sato, anh dành phần lớn thời gian lắng nghe các mục tiêu của Sato đối với công ty mình. Vị chủ tịch này vốn mang dòng dõi Nhật Bản. Mặc dù Siegel chưa từng nếm thử món cá sống trong đời, nhưng anh vẫn cùng thưởng thức món sushi với Sato ở nhà ông. Để tỏ lòng cảm ơn Siegel, Sato nói với anh, "Tôi không ngờ là anh lại lắng nghe thực sự. Tất cả những gì Goldman nói với tôi chỉ là Goldman vĩ đại tới mức nào."

Siegel nhận ra rằng chiến thuật hiệu quả nhất chính là để mặc Goldman đưa ra bài giới thiệu về mình, điển hình là nhấn mạnh rằng Goldman sẽ có được giá hời nhất nếu công ty mục tiêu được bán đi. Lúc bấy giờ Siegel mới bước vào. "Thuê tôi đi," anh thúc giục. "Tôi sẽ gắng hết sức để quý công ty được độc lập tự chủ. Tôi muốn quý công ty trở thành khách hàng tương lai của mình." Trên thực tế, hầu hết các công ty rút cục đều bị bán, đó là do thế yếu tất nhiên của các mục tiêu thâu tóm, và việc rao bán tận nơi của Siegel không thể nào cạnh tranh nổi với quy mô, tầm thống trị và danh tiếng về chất lượng của Goldman. Nhưng thông điệp của Siegel lại thường thuyết phục được các vị lãnh đạo ở những công ty mục tiêu rằng anh luôn khắc ghi lợi ích của họ – thay vì những khoản phí ngân hàng đầu tư sẽ thu về được nếu công ty buộc phải bị bán đi.

Năm 1977, Siegel đưa ra một chiến thuật sắc sảo nhưng gây nhiều

tranh cãi, tuy nhiên lại chiếm được sự mến chuộng từ rất nhiều chủ doanh nghiệp. Chiến thuật đó là "sách lược chiếc dù vàng". Chiếc dù vàng, về căn bản là một hợp đồng tuyển dụng béo bở dành cho các lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp, thanh toán cho các quan chức ấy mức chi phí chia tách cao cắt cổ khi xảy ra thâu tóm. Và khả năng là, những hợp đồng ấy nhằm mục đích ngăn chặn những cuộc thâu tóm áp chế bằng cách làm cho những cuộc thâu tóm đó trở nên tốn kém. Trên thực tế, những hợp đồng ấy sẽ làm cho các lãnh đạo cấp cao thêm phần giàu có.

DeNunzio quá sức kinh ngạc trước thành công của Siegel, mặc dù Siegel đã làm việc vô cùng cần mẫn và đi lại nhiều đến mức chẳng mấy khi ông gặp mặt anh. DeNunzio điều hành Kidder, Peabody theo lối gia trưởng mà ông đã học được từ Gordon, thường là tự mình sắp xếp tất cả các khoản lương thưởng. Năm 1976, Siegel kiếm được hơn 100 nghìn đô-la, khoản tiền được coi là đế vương, đặc biệt là đối với một người mới chỉ vừa 28 tuổi. Đến năm 1977, Siegel đã được bổ nhiệm chức giám đốc ở Kidder, Peabody, giám đốc trẻ tuổi nhất trong lịch sử hãng, không kể Al Gordon, người sở hữu hãng ngay từ đầu.

Chẳng bao lâu sau đó, DeNunzio gọi Siegel vào văn phòng mình. "Marty này, cậu vẫn độc thân đấy," ông nói. DeNunzio ngừng lại, và Siegel không biết điều gì đang chờ đợi mình. "Cậu có một chiếc mui trần hiệu Alfa-Romeo và cậu có hẳn một căn nhà ở Fire Island. Thế là quá nhiều." Ông đang định ám chỉ gì đây? Siegel cho rằng DeNunzio có ý nói là phong cách của anh quá ư kém đứng đắn trong mắt một số khách hàng của Kidder, Peabody, hay có lẽ là với các giám đốc khác, nhưng DeNunzio không nói cặn kẽ hơn và Siegel thì không dám chắc gì cả.

"Có một căn nhà đang rao bán ngay phía bên kia đường, đối diện nhà tôi ở Greenwich," DeNunzio nói tiếp. Greenwich chính là khu nội ô đậm chất WASP, đậm chất thượng lưu da trắng, và sang trọng bậc nhất ở Connecticut, một pháo đài của các hội nhóm cùng các thành phần đáng kính theo lệ thường. Nơi đó còn có sự "góp mặt" của một vài nhân vật nhạt nhẽo nhất, khổ hạnh nhất mà Siegel từng biết tới. Thêm vào đó, anh không thể tưởng tượng nổi việc sống ngay trong tầm mắt dò xét của DeNunzio.

Nhưng Siegel vẫn đi xem ngôi nhà. Sau đó, anh quay trở vào chiếc xe thể thao gây đàm tiếu của mình và lái suốt dọc đường cao tốc liên bang số 95 trong đúng một tiếng rưỡi đồng hồ. Anh nhận ra mình đang ở Westport, anh liền gọi một tay môi giới địa ốc từ một bốt điện thoại công cộng. Đằng nào thì anh cũng đã nghĩ đến việc

bán ngôi nhà ở Fire Island. Người môi giới đưa anh tới một căn nhà cũ bên dòng sông nhỏ ở phía nam thị trấn, Siegel thích nó. Anh mua căn nhà, dành các dịp cuối tuần để sửa sang.

Siegel nói với DeNunzio rằng anh đã để tâm đến lời khuyên của ông và mua một ngôi nhà ở Connecticut. Đó là vùng Westport hơi hướm phóng túng, chứ không phải là Greenwich. "Cách ông một tiếng rưỡi đồng hồ là khoảng gần nhất tôi có thể chấp nhận được rồi," Siegel trêu đùa.

Về sau, khi chuyển tới một căn nhà xa hoa hơn nhiều ở ngay miệt duyên hải, Siegel đã bán căn nhà Westport cho "cây đinh" của Đài CBS – Dan Rather.

Một ngày nọ, không bao lâu sau khi Siegel mua căn nhà ở Connecticut, thư ký của anh báo rằng anh có một cuộc gọi từ Ivan Boesky. Anh mới chỉ mới biết đến tiếng Ivan Boesky trong vai trò một nhà buôn cổ phiếu rẻ tiền, một trong rất nhiều người gọi điện đến bởi lúc này tiếng tăm của anh đang lên trong giới nghiệp vụ M&A. Nhưng Siegel cũng biết rằng Boesky cũng là một khách hàng giao dịch của Kidder, Peabody. Anh nhận cuộc gọi.

Siegel bị ấn tượng bởi sự nhạy bén thị trường của Boesky, kiến thức của anh ta về các mánh khoé thâu tóm và các chiến lược đầu cơ chứng khoán. Họ trở thành bạn bè mặc dù chưa từng gặp mặt ngoài đời. Trong thế giới dị thường của Phố Wall, những quan hệ bằng hữu thân thiết có thể được phát triển hoàn toàn trên điện thoại. Dần dà Siegel bắt đầu coi Boesky là một người mà anh có thể thảo luận chiến lược, trao đổi ý kiến và tán chuyện cùng. Anh cần thông tin như vậy bởi anh không có một chuyên gia buôn bán cổ phiếu rẻ tiền nào ở Kidder, Peabody để hướng đến. Hãng này vốn có truyền thống tránh xa các thương vụ đầu cơ ăn chênh lệch giá, cũng không có bộ phận chuyên trách. DeNunzio và Gordon tin rằng đầu cơ ăn chênh lệch không lấy gì làm sạch sẽ, và chỉ gắng sức moi móc thông tin nội bộ và châm ngòi cho những mâu thuẫn về lợi ích bên trong các hãng.

Thế nhưng những nhà buôn cổ phiếu rẻ tiền như Boesky lại đang ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn với các chuyên viên ngân hàng có tham gia các thương vụ M&A. Trước đây, các nhà buôn cổ phiếu rẻ tiền đã giao dịch hòng tranh thủ sự chênh lệch giá cả giữa các thị trường khác nhau, ví như London và New York. Đó là cách làm ăn thủ cựu và gần như không-chút-rủi-ro để kiếm những khoản lợi nhỏ. Nhưng họ càng lúc càng táo bạo hơn, đầu tiên là mua dồn dập những mã cổ phiếu mà chắc canh ta sau đó sẽ trở

thành đối tượng của các vụ bỏ thầu thâu tóm được công bố chính thức; cuối cùng họ bắt đầu mua cả những mã cổ phiếu mà họ chỉ mới nghi ngờ rằng sẽ trở thành mục tiêu của các cuộc bỏ thầu thâu tóm. Khi họ dự tính đúng, những khoản lợi nhuận sẽ vô cùng ghê gớm.

Lượng hóa tác động nảy sinh từ các cuộc thu mua hàng loạt những mã cổ phiếu của các vụ bỏ thầu thâu tóm thực sự hay mới chỉ là lời đồn đã trở thành một phần then chốt trong công việc của Siegel. Những người mua bán cổ phiếu giá cao cũng là các nguồn thông tin về những manh mối, mánh khóe của các bên cho đến các luồng dư luận xung quanh những vụ bỏ thầu đang còn treo lơ lửng, tất cả những tin tức này đều có thể được sử dụng nhằm thu hút các khách hàng đang có nhu cầu bảo vệ.

Những người mua bán cổ phiếu giá cao thường có xu hướng thô bỉ, dễ bị kích động, láu cá khôn ranh, dữ dằn và chỉ quan tâm đến mục tiêu truy cầu lợi nhuận nhanh chóng. Ngày làm việc của họ được xác định bởi những khoảng căng như dây đàn giữa thời điểm tiếng chuông mở cửa thị trường chứng khoán điểm cho đến lúc vang lên chuông đóng cửa, trong suốt thời gian ấy, họ hò hét các lệnh mua bán qua điện thoại, dập những ký hiệu cổ phiếu vào hệ thống kết nối giao dịch điện tử, quét qua những màn hình thể hiện tỉ mỉ các dữ liệu biến đổi liên tục và sắp xếp các cuộc gọi tới hết thảy những nguồn thông tin tiềm năng mà họ có thể tưởng tượng ra. Hết giờ, họ thường sẽ xả hơi ở những bar rượu như Harry's, ngay gần Quảng trường Hanover và trụ sở của Kidder, Peabody, hay, nếu họ có một ngày may mắn, địa điểm sẽ là những nhà hàng đắt tiền ở Manhattan.

Một ngày năm 1979, Siegel giãi bày với Boesky rằng anh đang yêu. Chuyện tình có nguy cơ trở thành một vụ lùm xùm nho nhỏ ở Kidder, Peabody.

Hồi cuối những năm 1970, làn sóng sinh viên tốt nghiệp các trường kinh doanh dành cho nữ giới đã tràn tới Phố Wall. Jane Day Stuart đã đầu quân về Kidder, Peabody ngay sau khi cô ghé qua các văn phòng tài chính doanh nghiệp. Tốt nghiệp Trường Kinh doanh Columbia, cô thông minh, tóc vàng, thanh mảnh, duyên dáng, thời thượng và đã yên bề gia thất.

Kidder, Peabody từ lâu đã duy trì một luật cấm bất thành văn đối với chuyện tình công sở. Vụ dan díu với nhân viên thời vụ mùa hè đã hủy hoại sự nghiệp của một chuyên viên ngân hàng đầu tư nọ. Nhưng đến cuối năm 1978, Stuart và chồng ly dị. Không bao lâu

sau đó, Siegel và Stuart có dịp chơi tennis với nhau. Đến tháng Tám năm 1979, họ chuyển về sống chung. Khi các đồng nghiệp gắng sức cảnh báo Siegel, anh gạt họ sang một bên, nói rằng anh không hứng thú gì lắm với các quy định này nọ của hãng, mà cũng chẳng mấy bận tâm xem liệu anh có giành được quyền điều hành hãng hay không.

Khi Henry Keller, trưởng bộ phận tài chính của tập đoàn biết được về chuyện tình cảm này, ông đến gặp DeNunzio ngay, xúi giục rằng DeNunzio nên đưa mối quan hệ ấy tới hồi kết ngay lập tức. DeNunzio không mảy may động tĩnh. Rất nhiều người không hề hay biết, rằng con trai của DeNunzio, David, cũng đang có một mối quan hệ tình cảm ngay tại hãng. Thái độ bao dung của DeNunzio được ngầm hiểu là một dấu hiệu của thời thế thay đổi và cũng là thước đo quyền lực không chính thức của Siegel. DeNunzio dường như cũng thấy nhẹ nhõm bởi hóa ra những tháng ngày độc thân của Siegel đã không còn nhiều nữa.

Một vài bè bạn cùng bà con họ hàng của Stuart ở Baltimore phản đối chuyện cô cưới hỏi với kẻ mang nguồn gốc Do Thái, kể cả là người vốn vô thần như Siegel. Nhưng cô khăng khăng đắm đuối yêu đương, thậm chí một số đồng nghiệp nam của cô cũng bóng gió ác ý rằng cô chỉ sử dụng khả năng tinh thông kinh doanh của mình để đổi chác chuyện hôn nhân mà thôi. Cô và Siegel đã lẳng lặng kết hôn vào tháng Năm năm 1981 và bắt đầu phác ra những kế hoạch cho một ngôi nhà mới và rộng lớn hơn ở Westport.

Chẳng bao lâu sau đám cưới của họ, Boesky gọi điện mời Siegel và Jane Day tới nhà anh ta ở Hạt Westchester dùng bữa tối. Đó là lời mời ngoài đời thực đầu tiên mà Boesky đưa ra với vợ chồng Siegel, một bữa tối nho nhỏ dành cho ba cặp đôi: Boesky và Seema, vợ anh ta; nhà tài phiệt Theodore Forstmann, người luôn tính Boesky là một trong số các nhà đầu tư trong phe cánh của ông, tới cùng tình nhân; và vợ chồng Siegel. Siegel quyết định mang theo cả một bản sao kế hoạch nhà cửa của anh cho ông bà Boesky xem cùng.

Theo những chỉ dẫn của Boesky, vợ chồng Siegel chạy xe từ Manhattan ngược lên hướng bắc trong khoảng 45 phút, băng qua những thị trấn giàu có Bedford và Mount Kisco. Nơi này vốn là một khu bất động sản rộng lớn, với những rặng đồi uốn lượn rậm rạp cây cối và vài căn nhà phong cách tiền-Cách-mạng. Từ đường quốc lộ, người ta chỉ nhìn thấy thấp thoáng vài căn nhà lớn, và cơ ngơi của gia đình Boesky thì lùi sâu vào trong nữa trên khoảnh đất rộng tới 200 héc-ta khiến khách khứa đến chơi đôi khi lạc lối

hoang mang giữa một mê cung những đường chạy xe cùng đường phụ dẫn vào từ các lối cổng.

Vợ chồng Siegel đánh xe vào con đường chạy giữa những hàng cột rộng và một căn nhà canh cửa, họ ngưng lại khi viên bảo vệ trong một chiếc xe bán tải vẫy họ dừng xe. Siegel bước tới chỗ viên bảo vệ, tự giới thiệu và được cho phép đi vào – nhưng trước đó, anh đã kịp ngỡ ngàng khi nhìn thấy sắc xám xanh của thép lóe lên từ một khẩu súng lục cỡ lớn nằm gọn trong chiếc bao đắt quanh người viên canh cửa.

Khi họ tiến gần đến căn nhà, vợ chồng Siegel được một phen sửng sốt. Phía sau khoảnh sân trải cuội mọc lên một dinh thự đồ sộ xây gạch đỏ theo phong cách Georgia. Cơ ngơi này trước đây thuộc quyền sở hữu của Charles Revson, người sáng lập hãng Revlon. Xa xa, băng qua những khoảng vườn được xén tỉa gọn gàng với rải rác những bức tượng kiểu Hy Lạp là một khu bể bơi trong nhà rất rộng. Một bên là bể bơi hoành tráng, bên kia là một sân bóng quần, và ở một bên nữa, là sân quần vợt với một khối bong bóng lớn có thể được bơm phồng lên để thành không gian giao đấu trong nhà vào mùa đông.

Cặp đôi Siegel được bà chủ Seema Boesky đón tiếp ngay từ cửa ra vào, đó là một người phụ nữ da ngăm đầy hấp dẫn và rất hoạt khẩu, gây ấn tượng lập tức với họ bằng vẻ ấm áp và thân thiện. Seema dẫn hai vợ chồng qua các gian phòng trang trí theo phong cách truyền thống với giấy dán tường tuyệt đẹp, những gờ bao tinh tế, những tấm thảm Aubusson quý hiếm và các món đồ cổ đắt tiền. Các bức tường chứa toàn những thứ mà trước con mắt không mấy thành thạo của Siegel, đúng là nghệ thuật chính cống; Seema hóa ra là một nhà sưu tập nhiệt thành các bức tranh và cổ vật Mỹ. Họ tiếp tục dạo qua các khu vườn và bể bơi trong nhà, nơi thảm trải được rập nổi với khối họa tiết lớn là cụm chữ IFB lồng vào nhau.

Boesky đúng là vị chủ nhà bặt thiệp, ăn vận không chê vào đâu được, với bộ vest ba mảnh đúng điệu và áo sơ mi trắng, càng tôn lên nước da rám nắng quanh năm. Khi được hỏi tại sao ngày nào cũng mặc một bộ cánh như thế, Boesky có lần đã đáp, “Tôi đã có đủ những quyết định cho cuộc đời mình rồi.” Mái tóc vàng ánh bạch kim của Boesky được xén và rẽ cẩn thận. Đôi gò má cao cùng đôi mắt sắc khiến anh ta trông có vẻ quả quyết, thậm chí là dữ tợn, nhưng anh ta lại rất thoải mái và ân cần trong vai trò người thiết đãi bữa tối, chỉ một mực chăm chút đến các vị khách còn bản thân thì ăn rất ít.

Jane Day nhắc đến kế hoạch thiết kế nhà cửa của họ, Seema thốt lên ngay, "Chị phải có hẳn một căn bếp thật lớn vào. Tôi sẽ chỉ cho chị thấy bếp nhà tôi." Gian bếp nhà Boesky còn rộng hơn toàn bộ diện tích căn hộ ở Manhattan của vợ chồng Siegel. Siegel quá sức ấn tượng với những dấu hiệu của sự giàu có. Boesky ắt hẳn phải thành công với các thương vụ đầu cơ ăn chênh lệch hơn Siegel nhận biết rất nhiều. Siegel quyết định rằng anh sẽ không trưng ra các bản vẽ anh đã mang theo nữa. Giờ đây vợ chồng họ có vẻ đơn sơ khiêm tốn quá chừng.

Sau đó, khi bữa tối đã xong, Siegel kéo Boesky ra một chỗ và nói rằng anh để ý thấy viên cảnh vệ ở lối vào dinh thự có một khẩu súng ngắn. "Lên đạn sẵn sàng rồi đấy." Boesky đáp lời. "Trong nghề của tôi, anh cần an ninh nghiêm ngặt."

* * *

Lance Lessman liếc mắt qua những dãy bàn của bộ phận nghiên cứu nhỏ nằm trong văn phòng của Ivan F. Boesky Co. tại trung tâm tài chính Manhattan. Bên trong góc làm việc có quây kính của Boesky, Lessman có thể nhìn thấy mắt ông chủ đang nhướn lên, đầu tiên là hướng lên sàn giao dịch, nơi các lệnh mua bán của ông ta được thực hiện, rồi đến khu vực nghiên cứu của Lessman. Thốt nhiên cặp mắt của Boesky dán chặt vào Lessman.

Điện thoại nội bộ trên bàn Lessman reo lên như điên. "Ai đang bán," Boesky gầm lên.

Lessman điên cuồng quét mắt qua màn hình máy tính của mình, kiếm tìm những động thái giá cao và lượng mua lớn trong các cổ phiếu riêng lẻ hòng phát hiện ra ai đã thu hút sự chú ý của ông chủ mình.

"Ai đang bán?" Boesky thét lớn. "Thế quái nào cậu lại không biết hả?"

Giờ thì điện thoại nội bộ đã reo váng khắp cả văn phòng. Mỗi bàn đều có một chiếc loa nối với bàn điều khiển do chính Boesky vận hành. Anh ta có thể kích hoạt mỗi loa cá nhân hay mở toàn bộ hệ thống để đưa ra những thông báo trong toàn văn phòng. Giờ thì anh ta đã triệu tập tất cả mọi người vào cuộc đàm thoại.

"Tôi cần trợ giúp. Tôi cần trợ giúp." Anh ta nhắc lại với tông giọng lớn và hạch hỏi hơn. "Ai đang mua? Tôi cần ngay lập tức. Ai đang mua?"

Dạo gần đây Boesky thậm chí còn hay gắt gỏng hơn. Chỉ vài tuần trước đó, vào năm 1981, Boesky đã làm cả văn phòng chấn động với một tuyên bố đột ngột: Anh ta thanh lý Ivan F. Boesky Co., rút toàn bộ lợi nhuận của mình ra.

Khủng hoảng thị trường bạc Hunt gây ra sự tuột dốc của thị trường chứng khoán đã giáng một đòn mạnh vào Boesky, anh ta quyết định xử lý gấp toàn bộ lợi nhuận còn lại của mình. Anh ta muốn tận dụng thuế suất gây vốn dài hạn ưu đãi dành cho các cổ đông đã rút toàn bộ lợi tức của mình và không tham gia kinh doanh nữa. Nhưng, để có được thuế suất ấy, anh ta cần ai đó duy trì hoạt động của hãng. Những nỗ lực gần đây của anh ta hòng ép các phó tướng trong hãng tiếp quản toàn bộ phần hùn vốn còn lại và đảm trách tất cả các phần nợ đã dẫn tới những cuộc cãi vã nảy lửa của hãng. Khi bọn họ chùn lại, Boesky sa thải ngay lập tức. Chỉ trong một thời gian ngắn năm đó, Boesky đã mất hai chiến lược gia hàng đầu, trưởng bộ phận giao dịch và trưởng bộ phận nghiên cứu.

Chẳng mấy người thực lòng nghĩ rằng Boesky sẽ rửa tay gác kiếm khỏi các thương vụ đầu cơ ăn chênh lệch. Bất chấp sự đình đốn của anh em nhà Hunt, Boesky vẫn là một thành công mang tính hiện tượng. Ivan F. Boesky C. được thành lập năm 1975 với 700 nghìn đô-la tiền vốn do mẹ vợ Boesky và chồng bà đầu tư. Giờ đây tổng số vốn của hãng đã tăng lên tới gần 90 triệu đô-la. Buôn cổ phiếu giá rẻ chính là lẽ sống của Boesky. Những khoản lời lãi đã mang lại cho anh ta cả một cơ ngơi ở Westchester và một biệt thự ở Manhattan. Một chiếc limousine có tài xế riêng đưa anh ta đến sở mỗi buổi sáng. Những nỗ lực không ngừng nghỉ cuối cùng cũng mang tới cho anh ta thái độ tôn trọng miễn cưỡng từ ông bố vợ, người từng tin rằng con gái ông đã cưới phải một gã thấp kém hơn nàng.

Boesky cơ hồ cũng chia sẻ với ông nhạc nỗi khinh bỉ dành cho gia đình và xuất thân của chính anh ta. Anh ta không ngừng gắng gỏi đánh bóng lai lịch của mình cùng những mối liên hệ gia đình trong các cuộc trò chuyện với đồng nghiệp ở New York. Anh ta thường bóng gió rằng anh ta đã tốt nghiệp từ Cranbrook, một trường dự bị đại học danh tiếng ngay phía bên ngoài Detroit, quê hương bản quán của anh ta, và rồi cả Đại học Michigan nữa. Những người khác thì cứ ngỡ rằng Boesky đã từng học ở Harvard, bởi anh ta khoa trương quá nhiều về vai trò hội viên Câu lạc bộ Harvard của mình. Anh ta còn khoe rằng cha mình làm chủ một chuỗi cửa hàng đặc sản nấu sẵn ở Detroit.

Trong suốt tuổi thơ của mình, gia đình Boesky sống trong một căn nhà kiểu Tudor rộng rãi, nơi sau đó được coi là một khu phụ cận đẹp đẽ dành cho tầng lớp trung-thượng lưu. William Boesky, cha của Ivan, vốn nhập cư từ Nga hồi năm 1912 và sở hữu một chuỗi vài quán bar tên là Brass Rail chứ không phải chuỗi cửa hàng đặc sản nấu sẵn (cơ nghiệp của chú anh ta). Để gia tăng lợi nhuận, Brass Rail đã giới thiệu những màn biểu diễn khiêu vũ ngực trần và thoát y. Trong mắt rất nhiều người, chuỗi quán bar này đã đẩy nhanh thêm nữa sự suy đồi của các khu phụ cận.

Boesky làm việc cần mẫn khi còn đi học, anh ta bán kem trên một chiếc xe tải. Anh ta thường xuyên bị cảnh sát địa phương tóm đi vì bán hàng quá hạn giới nghiêm là 7 giờ tối như quy định trong giấy phép của mình. Anh ta có học ở Cranbrook trong hai năm, mặc dù không hề tốt nghiệp. Bảng thành tích học tập của anh ta chẳng lấy gì làm rực rỡ, nhưng anh ta rất xuất sắc với môn đấu vật, anh ta nhịn đói để hạ thấp hạng cân và ép mình tập luyện cho đến khi có thể thực hiện được 500 cú chống đẩy cùng một lúc. Anh ta kiên trì tập thể hình với bạn thân nhất của mình, một sinh viên người Iran chuyển tiếp tên là Hushang Wekili. Khi là sinh viên năm thứ hai, Boesky đã giành chức vô địch Craig ở trường như một tay đô vật ngoại hạng.

Boesky thường dùng những nét tương đồng từ đấu vật để miêu tả công việc của mình trong vai trò một thương lái cổ phiếu giá rẻ. "Đấu vật và buôn cổ phiếu giá rẻ đều là những môn thể thao đơn thương độc mã, trong đó anh sống hay chết tùy thuộc vào thành tích thi đấu của chính mình, và việc đó được thể hiện hết sức rõ rệt", anh ta đã nói vậy với phóng viên Connie Bruck trong một bài phỏng vấn năm 1984 trên Atlantic Monthly. Trong môn đấu vật, anh ta cũng tìm thấy một ẩn dụ cho cuộc đời mình. "Có những lần tôi thấy mình như sụp xuống, nhưng tôi không gục ngã, và kiểu tập trung toàn bộ sức lực ấy, tôi nghĩ, chính là những gì tôi đã học được [từ môn đấu vật]… Có rất nhiều lần trong đời mà chúng ta có thể bị đánh bại. Người ta cảm giác bị đả bại, bị phá hủy, bị làm cho nản lòng thoái chí, và họ đành chịu buông xuôi bỏ mặc. Nhưng tôi thì không."

Khi Boesky lựa chọn một logo công ty cho hoạt động giao dịch cổ phiếu giá rẻ của mình, anh ta đã yêu cầu thợ chạm sao chép lại tấm huy chương đấu vật ở Cranbrook của mình, trên đó có hình hai người đàn ông Hy Lạp cổ điển, ở trần, đang trong một thế đấu vật. Và đó là biểu tượng của Ivan F. Boesky Corp., còn Boesky vô cùng tự hào về điều đó. Không phải tất cả mọi người đều chia sẻ sự nhiệt thành ấy với Boesky. "Trông cứ như cái thứ gì lấy ra từ Cung

điện Ceasar ấy," là lời bình luận của một nhân viên công ty.

Sau Cranbrook, Boesky chuyển tới trường Mumford High trong khu trung tâm thành phố (đã trở thành bất hủ nhờ Eddie Murphy trong bộ phim Beverly Hills Cop). Anh ta chưa từng tốt nghiệp đại học. Anh ta làm các bài tập lớn tại Đại học Wayne State ở Detroit, ở Đại học Michigan và cả Đại học Đông Michigan, nhưng rồi anh ta bỏ sang Iran, một phần là để ở gần ông bạn Wekili, ngay trước khi tốt nghiệp. Chính xác Boesky đã làm những gì ở Iran vẫn còn là một bí ẩn. Về sau anh ta có xác nhận rằng mình làm việc cho Cục Thông tin Hoa Kỳ (USIA), giảng dạy tiếng Anh cho người Iran. Nhưng các dữ liệu nhân sự của USIA trong giai đoạn đó lại không hề đề cập đến một Ivan Boesky nào cả. Trong một cuộc trò chuyện hồi mới bắt đầu quen biết, Boesky kể với Siegel rằng anh ta làm việc ở Iran như một điệp viên ngầm cho Cục Tình báo Trung ương Hoa Kỳ (CIA).

Sau khi từ Iran trở về, Boesky đã ứng tuyển vào Trường Luật Detroit, một trường luật không mấy danh giá, nơi không đòi hỏi phải có bằng đại học trong thủ tục ghi danh. Anh ta tốt nghiệp năm năm sau đó, vào năm 1964, sau hai lần bỏ ngang. Khi Boesky mới 23 tuổi, cha anh ta đã trao cho anh ta quyền sở hữu phần vốn góp trong chuỗi Brass Rails. Tất cả các đơn xin việc vào các công ty luật của Boesky đều bị từ chối.

Bảng thành tích học tập rời rạc chắp vá của Boesky khiến việc anh ta lọt vào mắt xanh của Seema Silberstein càng trở thành một chuyện sửng sốt. Cha của Seema – Ben Silberstein chính là một thương gia phát triển địa ốc giàu có ở Detroit. Nhưng các đồng nghiệp nói rằng chính Seema mới là người phải lòng Boesky và theo đuổi sau khi gặp gỡ Boesky hồi tháng Sáu năm 1960. Một người bà con của Seema, thẩm phán tòa án quận, đã thuê anh ta làm thư ký trong vòng một năm. Chẳng bao lâu sau, Seema và Boesky kết hôn và chào đón đứa con đầu lòng, Billy. Khi một đồng đội đấu vật của Boesky ở Cranbook làm việc tại hãng Bear, Stearns ở New York kể cho Boesky nghe về chuyện buôn cổ phiếu giá rẻ, anh ta đã quyết định sẽ gây dựng cơ đồ của mình trên Phố Wall. Các đồng nghiệp vẫn còn nhắc lại những cảm giác của Boesky hồi đó rằng Detroit quá chật chội và hạn hẹp cho những tham vọng của anh ta.

Bố vợ của Boesky cắt đặt cho Ivan và Seema dọn vào ở một căn hộ thanh nhã trên Đại lộ Park. Boesky nhận vị trí nhân viên học việc tại L. F. Rothschild trong vỏn vẹn một năm. Anh ta chuyển sang First Manhattan, lần đầu tiên nếm thử mùi vị của giao dịch cổ

phiếu giá cao thực sự, rồi sau đó chuyển sang Kalb Voorhis. Anh ta lập tức làm thua lỗ của hãng này 20 nghìn đô-la chỉ trong một thương vụ và bị sa thải. Boesky tỏ vẻ khinh miệt một doanh nghiệp đưa vào bộ nhớ một khoản mất mát nhỏ mọn đến vậy. Sau một giai đoạn cầu bơ cầu bất ngắn và một cú thử đột nhập vào đầu tư mạo hiểm, anh ta đã gia nhập một hãng thành viên quy mô nhỏ của Sàn Giao dịch Chứng khoán New York, mang tên Edwards & Hanly. Và thật đáng ngạc nhiên, với lai lịch công việc, kinh nghiệm hạn chế cùng thành tích nghèo nàn như vậy, thế mà Edwards & Hanly lại trao cho Boesky toàn quyền thành lập và điều hành bộ phận giao dịch cổ phiếu giá rẻ.

Gần như ngay lập tức, Boesky đã tạo ra cả một cơn khuấy động trong thế giới nhỏ hẹp của mua bán cổ phiếu giá rẻ. Sử dụng đòn bẩy tài chính tối đa, trước sau chỉ mua theo tài khoản ký quỹ, Boesky đã xoay xỏa để chuyển đổi khoản vốn khiêm tốn ban đầu của Edwards & Hanly thành 1 triệu đô-la và thậm chí đến mức 2 triệu đô-la, đủ lớn để có thể đẩy giá một mã cổ phiếu. Anh ta được coi là có tính cách táo bạo và liều lĩnh. Một lần, vì bán non số cổ phiếu chưa thực sự vay mượn trước khi bán (và nhờ đó gia tăng đòn bẩy tài chính của mình), anh ta bị Ủy ban Chứng khoán Mỹ tuyên phạt và phải bồi thường khoản tiền 10 nghìn đô-la. Một vài thủ đoạn của Boesky phần nào đã gây ra sự sụp đổ của Edwards & Hanly. Đến năm 1975, hãng này đã phá sản.

Quá mệt mỏi với việc phải nài xin vị trí nào đó tại một hãng danh tiếng, Boesky quyết định tự thành lập cơ ngơi làm ăn riêng cho mình, chủ yếu tập trung vào cổ phiếu giá rẻ. Anh ta khiến các đồng nghiệp cùng ngành rúng động bằng việc đăng quảng cáo trên tờ Wall Street Journal, tìm kiếm nhà đầu tư và tán tụng lợi nhuận tiềm năng trong giao dịch cổ phiếu giá rẻ – một điều mà các thành viên trong "giới" ít mong muốn những người khác chú ý nhất, bởi lo sợ sẽ thu hút thêm đối thủ cạnh tranh. Boesky mạnh dạn phân bổ 55% lợi nhuận của hãng về phía các nhà đầu tư, chỉ giữ lại 45% cho bản thân. Tuy thế, anh ta lại chỉ định các nhà đầu tư phải chịu tới 95% trong bất cứ khoản thua lỗ nào. Anh ta không thu hút đủ số vốn như tham vọng của mình. Chính tiền bạc đến từ gia đình nhà vợ đã cung cấp cho anh ta đủ vốn để đi tiếp.

Từ ngày đầu tiên Ivan F. Boesky Co. chính thức hoạt động vào năm 1975, Boesky đã đến sở bằng xe limousine. Nếu anh ta cần thứ gì đó cấp tốc, anh ta sẽ không ngần ngại trả tiền cho các nguồn chuyển phát nhanh của riêng mình. Anh ta ăn vận theo lối mà anh ta cho là hình ảnh của một nhà tài phiệt thành đạt trên Phố

Wall: bộ vest màu đen ba mảnh đúng điệu, chiếc sơ mi trắng cổ cồn, một dây chuyền vàng lủng lẳng từ túi áo vest. Trông cứ như là một chiếc chìa khóa Phi Beta Kappa.

Boesky không tiêu phí tiền bạc vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng của chính công ty mình. Nó tọa lạc trong một phòng duy nhất tại một tòa nhà văn phòng cũ kỹ trên Phố Wall. Căn phòng nhỏ đến mức một chuyên gia kiểm toán giao dịch chứng khoán đã yêu cầu Boesky phải chuyển đến trụ sở nào rộng rãi hơn. Boesky rất ghét nhân viên rời khỏi bàn làm việc vào bữa trưa, nên anh ta đã chọn việc đặt suất ăn trưa giao tại văn phòng, chốt mức hạn định là 5 đô-la một người.

Một trong những nhân viên của anh ta là kế toán được thuê quản trị "phòng hậu cần" của hãng. Là con trai của một người Armenia nhập cư, Setrag Mooradian đã từng làm việc tại Oppeheim, Appel, & Dixon, được biết đến trong giới giao dịch cổ phiếu giá rẻ dưới tên gọi OAD. Một công ty kế toán chuyên nghiệp về các cổ phiếu giá rẻ tốt hơn bất cứ công ty kế toán nào khác. Mặc dù chưa bao giờ kể với Boesky, nhưng Mooradian từng bị phán quyết nặng nề vì vi phạm các quy định về vốn. Điều đó gây khó khăn cho anh ta khi đi tìm việc, và anh ta luôn rất biết ơn Boesky vì đã thuê mình.

Boesky yêu cầu Mooradian phải có mặt tại công ty vào 7 giờ sáng, không chậm trễ, khi chiếc limousine riêng của anh ta đỗ xịch trước cửa ra vào của tòa nhà. Nếu Boesky không đến sở, anh ta sẽ gọi điện đến vào 7 giờ 01 phút; nếu không có ai trả lời, anh ta sẽ lao đến trong cơn thịnh nộ. Một lần, nhiều năm sau đó, Boesky gọi điện vào văn phòng đúng lúc đang diễn ra một cuộc diễn tập cứu hỏa. Không ai trả lời cuộc gọi ngay lúc ấy. Ngày hôm sau, một tờ giấy ghi nhớ xuất hiện trên bàn của tất cả mọi người, "Ngày hôm qua, vào hồi 3 giờ 15 phút buổi chiều, tôi đã gọi điện", tờ thông báo bắt đầu. "Điện thoại của tôi đã reo 23 hồi. Tôi biết là có chuông cảnh báo cháy. Đương nhiên, tôi không muốn các anh chị phải mạo hiểm mạng sống của mình. Nhưng tôi bày tỏ lòng trân trọng với những người nán lại trong văn phòng."

Boesky không thích việc các nhân viên của anh ta nghỉ ngơi trọn vẹn hẳn một ngày. Anh ta không bao giờ đến sở vào ngày thứ Sáu sau dịp lễ Tạ ơn, khi hầu hết các văn phòng ở Manhattan đều hạn chế nhân viên đến mức tối thiểu. Nhưng không nhân viên nào ở công ty anh ta được phép nghỉ. Boesky điểm danh bằng cách gọi điện thành nhiều lượt – có những trường hợp, lên tới 10 lần với mỗi nhân viên – đến mức những người khác trong văn phòng cứ ngỡ là Boesky cũng đi làm như thường. Anh ta cũng từ chối việc

trả tiền lương trước 3 giờ chiều các ngày thứ Sáu, sau khi ngân hàng đã đóng cửa. Khi nhân viên phàn nàn, anh ta giải thích rằng anh ta không muốn gây ra "chia rẽ" giữa các nhân viên vì chuyện nhảy xổ vào giành giật tiền mặt và séc lương ngay giữa ban ngày ban mặt. Nhưng họ thì ngờ rằng anh ta muốn có thêm khoản lãi dôi dư tích lũy vào dịp cuối tuần.

Ngay từ ban đầu, Boesky đã thường xuyên mắng mỏ mọi người. Sau vài tai nạn kiểu vậy, Mooradian đề nghị Boesky ngừng la hét. "Tôi là chủ ở đây", Boesky đáp. "Tôi được quyền la hét". Boesky trông đợi Mooradian làm việc thường xuyên tới 9 hay 10 giờ đêm. Một lần vợ Mooradian phát hiện ra chồng mình đã thức trắng tới 5 rưỡi sáng để gắng hoàn thành phần việc mà Boesky yêu cầu. "Ông ta không làm thế này mãi được đâu", Mooradian bảo với vợ. Nhưng năm tháng trôi qua, dường như Boesky càng lúc càng cần ít thời gian ngủ hơn và trở nên hạch hỏi hơn. Một mẹo mực ưa thích của anh ta là gọi cho Mooradian với một câu hỏi rối rắm. "Tôi sẽ gọi lại cho ông", Mooradian sẽ trả lời như vậy. "Tôi sẽ giữ máy chờ anh", Boesky đáp.

Boesky đôi khi làm việc cả ngày ngay tại cơ ngơi của mình. Gần biển hiệu "Phố Wall" mà anh ta đặt trên cột đèn nhà là cả một văn phòng phức hợp với đầy đủ thư ký và tất cả các thiết bị giao dịch thị trường và thông tin liên lạc mà anh ta cần đến để kết nối liên tục với thị trường. "Anh có thể tin nổi ông chồng tôi không?" Seema nói với Mooradian. "Ông ấy luôn diện đúng bộ cánh công sở để bước vào văn phòng ngay chính tại nhà mình."

Một buổi sáng, các nhân viên của Boesky đến công ty và phát hiện ra một con chó nhỏ giống sục Wierton đang chạy nháo nhào khắp nơi. Boesky đã mua một con thú nuôi làm quà bất ngờ cho Seema, nhưng cô vợ đã cấm con chó vào nhà. Vậy nên Boesky để con chó ở trong văn phòng, và tài xế của anh ta, Johnny Ray có thể để mắt đến nó vào ban đêm và dịp cuối tuần. Chẳng mấy chốc, Boesky và con chó nhỏ đã không thể rời nhau. Anh ta thậm chí còn đưa cả nó đến các buổi họp với các nhà đầu tư.

Nhưng chỉ một tuần sau, Lessman và mọi người nghe thấy một tiếng thét đinh tai phát ra từ văn phòng Boesky. Họ nhao tới và trông thấy ánh nhìn hằn học trên khuôn mặt Boesky. Còn con chó thì rất lúng túng. Ngay phía trước bàn của Boesky, trên tấm thảm màu be không chút tì vết, con chó đã thể hiện đầy thuyết phục rằng nó vẫn chưa được dạy dỗ để đại tiểu tiện đúng phép tắc. Boesky dẹp đống lộn xộn ấy đi. Và không ai còn trông thấy con chó lần nào nữa.

Boesky còn có một đặc tính khác người nữa, ấy là, thói quen ăn uống. Có những ngày dường như anh ta chẳng bỏ gì vào bụng, cứ như thể anh ta đang luyện tập ráo riết để ép cân cho môn đấu vật vậy. Bữa sáng, anh ta thích gọi một chiếc bánh sừng bò. Anh ta sẽ uể oải rờ đến cái bánh, và rồi ăn một lát nhỏ xíu. Một đồng nghiệp vẫn nhớ có lần, khi Boesky cắn một miếng hẳn hoi, anh ta liền trêu, "Ivan, ăn tham như heo thế." Trông Boesky vẻ sững sờ lắm, rồi anh ta bỏ cái bánh xuống.

Boesky thường mời các nhà đầu tư bộn bạc hùn vốn với mình dùng bữa trưa tại phòng ăn riêng ngay trong công ty. Một buổi chiều, Meshulam Riklis, chủ tịch Tập đoàn Rapid-American, người cấp vốn cho sự nghiệp điện ảnh của cô vợ trẻ tuổi hơn anh ta rất nhiều, tên Pia Zadora – có lịch hẹn bữa trưa. Boesky cho người gọi điện trước để tìm hiểu xem Riklis muốn ăn gì, sau đó đặt hẳn một bữa tiệc linh đình tại Câu lạc bộ 21. Lúc nhập tiệc, Boesky rất rầu lòng bởi Riklis hình như chẳng hào hứng thưởng thức đồ ăn cho lắm.

"Tôi phải có mặt ở câu lạc bộ thể hình trong vài tiếng nữa", Riklis phân bua. "Tôi phải luyện tập đến nơi đến chốn với huấn luyện viên riêng."

"Việc gì phải tập luyện?" Boesky hỏi. "Thoải mái đi. Ăn thêm vào."

Riklis ngưng lại. "Ivan, anh không biết lấy phải một cô vợ trẻ hơn mình nhiều là thế nào đâu." Nhưng sau đó, Riklis ăn uống phấn chấn hơn và ông ta đầu tư 5 triệu đô-la phần hùn với Boesky. Boesky thì chỉ ăn mỗi một quả nho.

Như đã thề thốt, Boesky "nghỉ hưu" vào đầu năm 1981, rút toàn bộ phần lợi tức của anh ta trong Ivan F. Boesky Co. Không thể thuyết phục bất cứ thành viên cấp cao nào trong hãng nhận quyền điều hành (hầu hết đã tự xin thôi việc hoặc bị sa thải), Boesky tuyển một chuyên viên giao dịch cổ phiếu giá rẻ từ Morgan Stanley, tên là Steve Royce, để tiếp quản toàn bộ hãng với tên mới là Bedford Partners. Nhà đầu tư lớn nhất chính là Seema, người chuyển 8 triệu đô-la cổ phần trong Boesky Co. sang công ty mới cải tổ. Mặc dù Boesky không hề có một xu nào góp vốn trong Bedford, anh ta vẫn cứ liên lạc điện thoại với Royce hàng ngày, thường là sáu tới tám lượt, đưa ra các quyết định đầu tư cứ như thể anh ta vẫn nắm quyền điều hành vậy.

Boesky đã bắt tay gần như ngay lập tức vào việc gây vốn cho một công ty giao dịch cổ phiếu rẻ tiền mới, Ivan F. Boesky Corp. Là một

tập đoàn chứ không phải một công ty cổ phần hữu hạn, thực thể kinh doanh mới của Boesky có cấu trúc quyền sở hữu phức tạp hơn nhiều, chia ra thành cổ đông phổ thông và cổ đông ưu đãi. Các nhà đầu tư chủ yếu chỉ nhận được cổ phần ưu đãi và lợi nhuận được dành phần lớn cho các cổ đông phổ thông (chủ chốt là Boesky) và phần thua lỗ thì đánh vào cổ đông ưu đãi.

Boesky chiêu nạp Lessman, một trong vài nhân viên còn ở lại từ công ty ban đầu – vào cuộc chiến chinh bất tận nhằm săn tìm vốn từ các nhà đầu tư. Chiếc limousine của Boesky đã đưa hai người tới vô số cuộc họp với những nhân vật giàu có và những con người dắt lưng bạc vạn, hòng tìm kiếm khoản đầu tư tối thiểu là 2 triệu đô-la. Ngoài khoản lợi nhuận dự kiến dựa trên hiệu quả hoạt động của nhà đầu tư vốn trước đó, Boesky còn đưa ra một ưu thế độc đáo: quyền tiếp cận trực tiếp với anh ta. Anh ta hứa sẽ chuyển tiếp những thông tin tối mật trên thị trường, nhờ vậy các nhà đầu tư được tùy nghi sử dụng trong danh mục đầu tư của riêng họ.

Chiến dịch không được thành công như mong đợi, bất chấp tỷ lệ phân chia lợi nhuận đầy ấn tượng mà Boesky đã tích lũy cho các nhà đầu tư trước đó. Một ngày nọ, Lessman liều lĩnh gợi ý rằng chính tỷ lệ phân chia lợi nhuận và thua lỗ đã khiến các nhà đầu tư cụt hứng. “Thỏa thuận gì mà không ngửi được”, Lessman nói còn Boesky thì gườm gườm.

Lessman còn thử đầu tư chút ít vốn vào tập đoàn mới. Lessman nói với Boesky rằng anh ta mới được thừa kế khoảng 500 nghìn đô-la và muốn đầu tư vào công ty. Boesky vẫn chỉ đưa ra cho anh ta những điều khoản cứng rắn vốn vẫn đem ra chào mời những người ngoài. “Nhưng tôi đang làm việc cho anh cơ mà”, Lessman cự lại. “Tại sao tôi lại không được hưởng phần lợi nhuận của mình?”

Mặt mũi Boesky đanh lại, giọng anh ta quay ngoắt. “Tôi chả cần cái nửa triệu bèo bọt của cậu” anh ta nói lạnh tanh.

“Thế thì tại sao anh lại cần 25% lợi nhuận của tôi?” Lessman cãi lại.

“Cút xéo!” Boesky gầm lên, đuổi Lessman ra khỏi văn phòng và đẩy cửa cái rầm.

Cuối cùng, năm 1981 công ty mới cũng chính thức đi vào hoạt động với số vốn dưới 40 triệu đô-la, ít hơn nhiều so với những gì Boesky kỳ vọng. Boesky, Lessman – giờ là trưởng bộ phận nghiên

cứu và Michael Davidoff, một chuyên viên giao dịch mà Boesky thuê về từ Bedford Partners đã gây dựng trụ sở của mình trong một văn phòng còn bỏ trống của công ty luật Fried, Frank, Harris, Shriver & Jacobson ở Manhattan, nơi luật sư chủ chốt của Boesky, Stephen Fraidin là thành viên góp vốn. Mặc dù làm việc trong trụ sở gần sát nhau như thế, Boesky vẫn thích phô trương rằng ngoài bản thân ra, không ai biết được tất cả hoạt động làm ăn của anh ta. Boesky còn cẩn thận đề phòng các nhân viên của chính mình.

Lessman được chỉ dạy để trả lời các cuộc gọi của Royce và chia sẻ các kết quả nghiên cứu với anh ta. Một buổi tối muộn, Royce gọi đến và bảo, "Ivan cần biết tình hình tài chính của anh" trong một cổ phiếu nào đó. Lessman tìm kiếm trên màn hình máy tính và nói cho Royce biết. Chỉ lát sau, Boesky đã gọi điện cho Lessman, và Lessman nhân tiện nhắc đến chuyện Royce vừa mới gọi đến và anh ta đã tiết lộ tình hình tài chính. Một khoảng im lìm trên điện thoại. Rồi Ivan gào toáng lên, "Tôi phải tống cổ cậu ngay vì vụ này. Đừng có bao giờ tiết lộ tình hình tài chính thêm lần nào nữa."

"Tôi nghĩ là Royce ở trong cùng công ty với mình mà", Lessman trả lời lúc Boesky đã dập cộp ống nghe xuống.

Chẳng bao lâu sau, Royce lại gọi điện cho Lessman vào buổi đêm để tìm kiếm thông tin về tình trạng cổ phiếu. Lessman từ chối, nói là Boesky đã ra lệnh cho anh ta không được nói. Điện thoại lại đổ chuông. Lần này Boesky nhiếc móc Lessman thậm tệ vì đã không trả lời câu hỏi của Royce. Cuối cùng, Royce gọi điện để hỏi về tình hình tài chính của Boesky cho vụ Marathoil Oil, sau này trở thành một đối tượng thâu tóm đầy tiềm năng; đây là thông tin vô cùng nhạy cảm. Lessman, lo lắng không biết làm thế nào để khỏi rơi vào tình thế khó xử, đành trả lời cho Royce, nhưng đã nói giảm đáng kể so với tình thế thực tế.

Thế rồi Boesky gọi điện về từ một bữa tiệc tối. Lessman tự hào khoe với Boesky rằng Royce đã dò hỏi tin tức từ anh ta, và rằng anh ta đã khéo léo đánh lạc hướng Lessman. "Đồ khốn kiếp!" Boesky gào lên. "Anh biến tôi thành thằng dối trá à!" Hóa ra chính Boesky đã cung cấp cho Royce một thông tin khác, nhưng cũng chệch hướng tương tự. Đầu óc Lessman quay cuồng. Tại sao Boesky lại phải nói dối với một người đang điều hành tiền vốn của chính vợ anh ta kia chứ?

Một thời gian ngắn sau, Lessman buộc phải gọi về nhà cho Boesky vào buổi tối từ Bedford, và Billy, cậu cả của Boesky, nghe điện thoại.

“Chú Lance đây”, Lessman nói với giọng chán nản. “Ba mày hành chú tơi tả rồi đấy.”

Câu trả lời của Billy gây ấn tượng sâu sắc với Lessman. “Nói nghiêm túc về ba cháu nhé”, Billy nói giọng âu sầu. “Ông ấy điên hoàn toàn.”

* * *

Joseph, khi ấy 41 tuổi, một cựu võ sĩ quyền anh nghiệp dư thân hình chắc nịch với mái tóc xám, đã giành được công việc ở bộ phận tài chính của Drexel với một tuyên bố táo bạo: “Cho tôi mười lăm năm, tôi sẽ mang đến cho ông một công ty hùng mạnh và thành đạt như Goldman, Sachs vậy.”

Lời hứa hẹn này sau đó dường như trở nên lố bịch hết sức, chẳng gợi lên được điều gì ngoài một cuộc cách mạnh chống lại tình thế giậm chân tại chỗ của công ty trên Phố Wall. Năm 1974, Goldman, Sachs ngự trên đỉnh cao của Phố Wall. Năm đó, Drexel, Burnham chỉ đạt được tổng doanh thu là 1,2 triệu đô-la. Vốn của nó quá mỏng. Thị trường chứng khoán thì đang trong tình trạng đình đốn. Và bất chấp cái tên Drexel lừng lẫy, Drexel Burnham đại khái chỉ được xếp loại công dân hạng hai trên Phố Wall mà thôi.

Drexel Burnham về căn bản chính là Burnham & Co., một công ty môi giới trọng-tâm-hướng-vào-bán-lẻ được thành lập hồi năm 1935 bởi Tubby Burnham, cháu người sáng lập nhà máy chưng cất rượu I. W. Harper, và một vài nhân vật tàn dư của Drexel Firestone xưa cũ, có thể truy nguyên nguồn gốc từ gia tộc Drexel đình đám ở Philadelphia và đế chế J. P. Morgan phản Sê-mit không biết xấu hổ.

Năm 1971, Burnham & Co. sáp nhập với Drexel và trở thành một cặp đôi kỳ quặc. Nhân viên của Burnham chủ yếu là người Do Thái, những giao dịch viên bất chấp luật lệ, những người sống sót nhờ tài nghệ bán hàng của mình. Ngược lại, Drexel lại có mối ác cảm truyền thống với những mánh khóe bán hàng hoàn toàn mang tính lưu manh để rồi danh sách khách hàng doanh nghiệp cứ giảm sút liên tục do đó ngày càng ủng hộ các công ty có hệ thống phân phối hung hãn. Drexel cứ thế lung lay, tồn tại chủ yếu nhờ danh tiếng bấy lâu và vị thế từng có là một công ty “trụ đỡ” chủ yếu trên Phố Wall. Quả thực, Tubby Burnham tìm đến Drexel và tiến tới sáp nhập chủ yếu nhằm nhấc công ty của ông lên khỏi nhóm trụ đỡ thứ yếu và thu hút nhiều phi vụ bao thầu hơn.

Burnham đến thăm các vị chủ tịch của Goldman, Sachs và Morgan Stanley. Lời chúc phúc cùng thiện chí của những nhân vật này chính là yếu tố sống còn quyết định sự tồn tại của những công ty sáp nhập trong thế giới Phố Wall vốn vẫn theo truyền thống hội nhóm. Họ đồng ý phê chuẩn với một điều kiện: Cái tên Drexel đáng kính sẽ phải đứng trước, bất kể cán cân quyền lực trong nội bộ công ty ra sao. Thế là Drexel Burnham & Co. đã ra đời.

Những kẻ sống sót ở hai công ty này đa phần vẫn cứ lảng xa nhau, kể cả đến lúc này, khi đã được ba năm kể ngày sáp nhập. Trong khi dạo bước qua công ty, Burnham nói với Joseph rằng lần đầu tiên ông ta gặp người đứng đầu Drexel khi vụ sáp nhập diễn ra, ông ta đã rằng trong số hơn 200 nhân viên của công ty, người Do Thái chiếm bao nhiêu. Ông được cho biết là có tổng cộng 3 người. Một trong số đó, Burnham nói, chính là người mà ông muốn Joseph gặp: Michael Milken.

Joseph bắt tay với chàng trai trẻ sôi nổi, mảnh khảnh với đôi mắt tối màu, sâu hoắm. Joseph thoáng tự hỏi tại sao một người như Milken lại dừng chân ở Drexel Firestone, nhưng ngược lại Milken lại không ấn tượng gì lắm. Họ không làm việc trực tiếp với nhau. Joseph điều hành lĩnh vực ngân hàng đầu tư ở phạm vi lớn hơn, còn Milken là trưởng bộ phận chứng khoán chuyển đổi và chứng khoán ở mức dưới chuẩn đầu tư, về sau kiêm nhiệm thêm cả bộ phận trái phiếu lãi suất cao. Anh ta báo cáo công việc cho Edwin Kantor, giao dịch viên lâu năm của Burnham, còn những vấn đề liên quan đến thù lao, thì trực tiếp với Burnham.

Để khích lệ Milken, người vẫn luôn càm ràm rằng anh ta bị những thành viên áo sơ mi cổ cồn dòng dõi WASP ở Drexel đối xử như công dân hạng hai, Burnham cho phép Milken tự thành lập bộ phận giao dịch trái phiếu kiểu bán-tự-trị của riêng anh ta. Năm 1975, Burnham đã dành riêng cho Milken một khoản thù lao đáng kể, coi như để khuyến khích anh ta mang lại thành tích cao hơn. Cũng giống như mọi công ty khác trên Phố Wall, Drexel trả mức lương tương đối thấp, và hầu hết các khoản thù lao nhân viên nhận được đều đến dưới hình thức tiền thưởng. Nhưng phần tiền thưởng của Milken thì hào phóng đến mức bất thường. Milken và nhóm nhân viên của anh ta được thưởng 35% trên tổng lợi nhuận của toàn công ty căn cứ vào hoạt động của họ. Milken được toàn quyền dàn xếp các khoản tiền trong nội bộ nhân viên dưới quyền, và giữ phần còn lại cho bản thân anh ta.

Burnham còn cung cấp thêm cho Milken khoản "chi phí giới thiệu cơ hội" chiếm khoảng 15% đến 30% tổng lợi nhuận cho bất cứ

thương vụ nào được Milken hoặc người của anh ta mang về cho công ty. Burnham trả tiếp 35% lợi nhuận cho những người trực tiếp thực hiện thương vụ và 30% lợi nhuận cho bất cứ ai giành được khách hàng. Công ty chỉ giữ lại tỷ lệ khiêm tốn là 35% để trang trải tổng chi phí và phần lợi nhuận của các cổ đông. Hệ thống phân phối thù lao cho Milken là một bí mật nghiêm ngặt của công ty.

Mất khoảng chừng một năm kể từ khi gặp gỡ, Joseph và Milken bắt đầu hiểu kha khá về nhau, chủ yếu là bởi Milken rất hào hứng với việc gia tăng tiền chi cho hoạt động chỉ chỏ nhờ việc tìm kiếm các mẹo mực áp dụng với các thương vụ tài chính doanh nghiệp mới mẻ đầy tiềm năng ở Joseph.

Joseph không phải một kẻ hợm mình, nhưng lúc đầu, anh ta có xu hướng đánh đồng Milken với đám người chuyên giao dịch ở Burnham, rất nhiều trong số đó chẳng hiểu gì mấy về thế giới bên ngoài chốn quê nhà xô bồ chen chúc của họ ở Brooklyn hoặc Queens. Bản thân nguồn gốc xuất thân của Joseph cũng rất khiêm tốn, sinh trưởng ở Roxbury, một khu phụ cận thuần lao động ở Boston. Cha mẹ anh ta đều là dân Do Thái chính thống và người cha lái taxi để kiếm tiền mưu sinh. Nhưng Joseph thì đã có được lớp vỏ che đậy tinh tế là một sinh viên giành học bổng tại Đại học Harvard và tiếp đó là Trường Kinh doanh Harvard. Anh ta đã gia nhập E. F. Hutton & Co., được John Shad (chủ tịch tương lai của Ủy ban Chứng khoán Mỹ) tuyển dụng và trở thành cổ đông trong công ty chỉ sau bốn năm. Sau đó, anh ta chuyển tới Shearson, giúp thương thuyết vụ sáp nhập của công ty này với Hayden Stone, và được đề bạt chức giám đốc điều hành, vị trí cao thứ hai trong công ty.

Drexel là một bước "thụt lùi" so với Shearson, nhưng Joseph muốn quay trở lại với những thương vụ ngân hàng đầu tư tại chỗ, và nuôi mộng xây dựng một công ty quyền lực từ đống đổ nát và được lưu danh cùng nó cho đến muôn đời hậu thế. Joseph đã chứng kiến đủ những biến thiên thăng trầm tràn qua Phố Wall để rồi luôn vững tin rằng trên thực tế, mọi thứ thuộc về trật tự xưa cũ đều hết sức mong manh. Tuy thế, tại Drexel, anh ta có xuất phát điểm thấp. Bộ phận tài chính doanh nghiệp tại Drexel chỉ gồm 19 người; và Joseph đã kịp sa thải mất bảy. Trong năm đầu tiên anh ta làm việc tại công ty, toàn bộ tiền thưởng dành cho bộ phận chỉ vẻn vẹn 15 nghìn đô-la.

Joseph cảm thấy rằng mình phải chỉnh đốn toàn bộ nền văn hóa của công ty. Không bao lâu kể từ khi vào làm, anh ta đã chủ trì bữa

tối đầu tiên, sau đó trở thành thông lệ hàng năm của công ty, dành cho các nhân viên mới tại nhà hàng Windows on the World trên đỉnh Trung tâm Thương mại Thế giới (WTC) ở New York. Anh ta cảm thấy mình có trách nhiệm xác lập sự minh bạch khi giúp các nhân viên ngân hàng đầu tư mới mẻ này thấm nhuần động lực của thành công. "Các bạn sẽ vấp phải những cám dỗ", anh ta cảnh báo các thính giả của mình. Anh ta đề cập đến việc tiếp cận những thông tin tuyệt mật về các kế hoạch, cổ phiếu, trái phiếu bán ra, những kế hoạch sáp nhập của khách hàng. "Nếu các bạn nhắm mắt làm theo những cám dỗ ấy, bạn sẽ bị tóm liền. Tôi đảm bảo. Họ sẽ tóm ngay lấy dây giày các bạn. Và tại Drexel này, chúng tôi sẽ không để lọt bất cứ kẽ hở nào cho những việc như thế."

Kể từ lần gặp đầu tiên, Joseph không phải mất nhiều thời gian để hiểu tại sao Burnham lại hào hứng để anh ta tiếp cận với Milken đến vậy. Milken không phải một giao dịch viên như bao kẻ khác trong công ty. Thực tế, anh ta là một trong những nhân viên được trả lương cao nhất. Bắt đầu với nguồn vốn 2 triệu đô-la vào năm 1973, Milken đã tạo ra được tỷ lệ hoàn vốn choáng ngợp là 100%, kiếm về những khoản thưởng lên tới gần 1 triệu đô-la cho bản thân và các nhân viên của mình. Và anh ta đã làm được việc đó trong một lĩnh vực mà Joseph không tường hiểu cũng như vẫn luôn bị coi là đáng ghê tởm: cổ phiếu dưới chuẩn, mang lại lợi nhuận cao.

Thị trường trái phiếu Mỹ nằm dưới quyền thống trị của hai "đại gia" xếp hạng tín nhiệm, Moody và Standard & Poor, những người khổng lồ trong suốt nhiều thế hệ đã soi đường chỉ lối cho các nhà đầu tư đo lường rủi ro trong các thương vụ đầu tư lợi tức cố định. Giá trị của những thương vụ đầu tư này phụ thuộc vào năng lực của một công ty phát hành chứng khoán nào đó có thể thực hiện được việc chi trả lãi suất đã hẹn khi trái phiếu đáo hạn thanh toán hay không, và tiếp đến là thanh toán khoản gốc. Trái phiếu doanh nghiệp có giá trị cao nhất của những tập đoàn như AT&T hay IBM được S&P xếp loại AAA. Những công ty có bảng cân đối kế toán kém hơn hoặc gặp phải những vấn đề khác sẽ có mức xếp hạng thấp hơn. Một số doanh nghiệp thì bị đánh giá rủi ro cao đến mức không được xếp loại nữa. Tỷ lệ lợi nhuận trên trái phiếu doanh dao động lên xuống cùng với xếp hạng thị trường với Bộ Tài chính Mỹ và rủi ro có thể nhận biết được của công ty phát hành, nên xếp hạng nợ càng thấp, lãi suất mà các công ty phải trả để thu hút nhà đầu tư sẽ càng cao.

Giữa thập niên 1970, những loại trái phiếu xếp hạng thấp và

không xếp hạng như vậy không nhiều, và nhìn chung, các nhà đầu tư cũng không đụng tay vào chúng. Những ngân hàng đầu tư tầm cỡ cũng không hứng thú gì với chúng; bởi chúng quá khó bán, và quá mạo hiểm đối với thanh danh của các công ty, cũng như nhiều khả năng sẽ khiến các công ty niêm yết chính thống và được xếp hạng cao lảng tránh. Hầu hết những trái phiếu có lãi suất cao lúc bấy giờ chỉ là phiếu khoán từng được xếp hạng của những công ty đã tụt dốc trong những lần làm ăn khốn đốn (mà Phố Wall vẫn gọi những trái phiếu này là "thiên thần sa ngã"). Milken đã bị cuốn vào vùng nước tối tăm này của Phố Wall.

Không giống như Joseph, Milken sinh trưởng trong một gia đình thuộc tầng lớp trung thượng lưu tương đối dễ chịu. Encino, California, một thị trấn ở Thung lũng San Fernando, phía bắc Los Angeles là nơi sinh sống của một cộng đồng người Do Thái đông đúc – một Hội đạo Do Thái tọa lạc gần nhà Milken – nhưng dân cư ở đây cũng đồng nhất gần giống hệt như toàn bộ vùng Nam California đang phát triển thần tốc này. Cha của Milken là một kế toán. Từ lúc lên 10, Milken đã bắt đầu giúp cha mình phân loại, cân đối sổ sách, và sau này là hỗ trợ cả việc hoàn thuế. Từ khi học lớp 1, Milken đã làm các bạn cùng lớp phải sửng sốt kinh ngạc vì khả năng thực hiện những phép tính nhân nhẩm phức tạp.

Milken đạt được thành tích cao và rực rỡ tại Trường Trung học Birmingham, gần Van Nuys và tốt nghiệp năm 1964. Học sinh trường Birmingham đa phần đều là người da trắng tầng lớp trung lưu. Rất nhiều các bậc phụ huynh, giống như cha mẹ của Milken, đều có nguồn gốc di cư từ vùng Trung Tây và Đông thuần công nghiệp. Họ yêu thể thao, cuồng mộ lướt sóng, tạo kiểu tóc phồng, cuồng nhiệt với Beach Boys và lái xe vòng vòng không biết chán khắp vùng. Milken tràn trề năng lượng, có thiên hướng học hành hơn hết thảy và rất háo hức được bạn bè thừa nhận tài năng. Anh ta được bầu làm đội trưởng đội cổ vũ, một vị trí tuyệt vời chỉ sau "ngôi sao thể thao". Anh ta hoạt động năng nổ trong hội sinh viên và được bình chọn là gương mặt nổi tiếng nhất. Anh ta hẹn hò với một cô bạn cùng lớp xinh đẹp, hoạt bát tên là Lori Anne Hackel, một người bạn trong lớp học môn khoa học xã hội từ hồi lớp 7. Trong số bạn học cùng lớp của Milken còn có ngôi sao màn bạc tương lai Sally Field và siêu đại diện Hollywood Michael Ovitz.

Đại học California ở Berkeley là một thay đổi đột ngột đối với Milken. Tại thời điểm anh ta tốt nghiệp năm 1968, trường này là tâm điểm của các phong trào phản chiến và phản văn hóa của sinh viên. Milken, vốn vẫn điềm nhiên tĩnh tại giữa dòng chính thống ở trường trung học, đột nhiên lại trở thành một kẻ lạc lõng.

Anh ta là thành viên của hội Học sinh đại học đa phần Do Thái, tên gọi Sigma Alpha Mu (Sammy), trong khi các hội học sinh đang bị thất sủng. Anh ta không uống rượu, không sử dụng ma túy marijuana, cũng không dùng thuốc kích dục LSD. Anh ta theo học chuyên ngành quản trị kinh doanh chứ không phải xã hội học hay tâm lý học – những khoa thời thượng lúc bấy giờ, và còn học hành hết sức chăm chỉ. Anh ta được kết nạp vào hội Phi Beta Kappa. Còn đời sống xã hội của anh ta, phần lớn chỉ tập trung vào Lori, cũng đang học tập tại Berkeley. Họ kết hôn ngay sau khi tốt nghiệp.

Chẳng bao lâu sau, Milken và Lori chuyển về Philadelphia, nơi Michael ghi danh vào trường kinh doanh Wharton danh giá thuộc Đại học Pennsylvania. Milken làm thêm vào mùa hè và làm bán thời gian trong suốt năm học tại văn phòng ở Philadelphia của công ty Drexel Firestone (công ty tiền thân đặt trụ sở ở Philadelphia). Sau khi tốt nghiệp loại ưu, Milken ở lại Drexel, và đi làm hàng ngày từ một khu ngoại ô Philadelphia – Cherry Hill, N.J., tới trụ sở của Drexel tại Manhattan. Anh ta dường như rất ngây thơ về trật tự phân hạng trên Phố Wall, đa phần mù tịt về tầm quan trọng của tăm tiếng lâu đời. Anh ta cũng chẳng quen chẳng biết ai trong trong cộng đồng Morgan Stanley hay Goldman, Sachs.

Milken không quan tâm gì đến thông lệ vẫn duy trì bấy lâu nay – đó là những cử nhân đầy hứa hẹn của trường kinh doanh đều đầu quân vào lĩnh vực ngân hàng đầu tư – tài chính doanh nghiệp chứ không phải bán hàng hay giao dịch. Tại Drexel, Milken bắt đầu ở lĩnh vực nghiên cứu, tiếp đến là bán hàng và giao dịch, nơi anh ta dần tập trung gần như toàn bộ sức lực cho chứng khoán xếp hạng thấp và không xếp hạng, thứ sau này trở thành hệ tiêu chuẩn riêng của ạnh ta.

Vài năm sau, "huyền thoại" Milken ngày càng thành công và Drexel "thêm mắm dặm muối" rằng Milken là một "thiên tài" đã có công khám phá ra lợi nhuận tiềm năng của một công cụ sau này được biết đến rộng rãi với cái tên đầy miệt thị "trái phiếu rác" lãi suất cao. Nhưng Milken chẳng bao giờ giấu giếm bí mật về thực tế rằng nền tảng kiến thức của thứ lợi nhuận anh ta tìm thấy trong trái phiếu xếp hạng thấp là do người khác cung cấp. W. Braddock Hickman đã thực hiện một phân tích bước ngoặt về trái phiếu xếp hạng thấp và không được xếp hạng mà Milken đọc được khi còn học ở Berkeley. Trong một phân tích sâu về kết quả hoạt động của trái phiếu doanh nghiệp trong giai đoạn 1900-1943, Hickman đã chứng minh rằng một danh mục các trái phiếu xếp hạng thấp trong dài hạn được đa dạng hóa sẽ mang lại tỷ lệ lợi

nhuận cao hơn nhiều mà không phải gánh chịu mức độ rủi ro lớn như danh mục gồm các trái phiếu lãi suất cao, được xếp hạng tốt. Một nghiên cứu về trái phiếu được thực hiện trong giai đoạn 1945-1965 cũng rút ra kết luận tương tự.

Sau đó, trong những cuộc chuyện trò đầu tiên với Joseph, Milken – một thiên tài bán hàng, ra sức thuyết giảng về chân lý chứng khoán lãi suất cao của mình. Joseph thật sự bị ấn tượng; anh ta đề nghị mượn tập tài liệu nghiên cứu của Hickman. Còn Milken vẫn cứ tiếp tục nói. Vấn đề duy nhất của trái phiếu xếp hạng thấp chính là tính thanh khoản thấp của nó, anh ta lập luận. Hầu hết khách hàng của Drexel vẫn chưa sẵn lòng đầu tư tài sản của mình vào trái phiếu lãi suất cao, nhưng Milken đã bắt đầu tiến tới. Anh ta đương đầu với thái độ miễn cưỡng và ngần ngại mạo hiểm của nhà đầu tư bằng việc nghiên cứu tỉ mỉ những triển vọng kinh doanh ngầm của tất cả những công ty phát hành cổ phiếu bị xếp hạng thấp mà anh ta có thể tiếp cận. Anh ta khiến Joseph phải ngạc nhiên vì sự tinh thông cả những khía cạnh "bí truyền" của rất nhiều lĩnh vực kinh doanh, tất cả chỉ nhằm mục đích dự đoán khả năng mang lại lợi nhuận cũng như thanh toán khoản gốc khi đáo hạn của một công ty nào đó.

Đó là một nhiệm vụ lớn; rõ ràng là chưa hề có một nghiên cứu nào về những công ty dạng này được thực hiện trước đó tại Phố Wall, nơi mà các bộ phận nghiên cứu chỉ tập trung gần như toàn bộ vào cổ phiếu của các công ty giao dịch rộng rãi. Milken tự xoay sở với nghiên cứu của mình, luôn mang theo những cặp tài liệu căng phồng vì giấy tờ kết quả nghiên cứu và cả những dữ liệu khác tới tất cả mọi nơi. Anh ta sử dụng những kết quả nghiên cứu của mình để thuyết phục các nhà đầu tư "đánh bạc" vào các loại chứng khoán lãi suất cao mà Milken tin chắc rằng sẽ bóp lại các khoản chi tiêu và kết quả đúng là như thế.

Trong số các khách hàng triển vọng của Milken còn có cả những công ty khách hàng đầy tiềm năng của Drexel. Các công ty bảo hiểm với những khối tài sản lớn đặc biệt hào hứng với việc đầu tư sinh lời. Joseph cũng tham gia với Milken trong vô số cuộc viếng thăm để truyền bá chân lý "lợi nhuận cao". Ở mỗi trạm dừng, Milken đều trình bày đầy đủ những lập luận của mình: Thị trường trái phiếu quá kiêng dè mạo hiểm; một danh mục đầu tư đa dạng hóa tốt sẽ mang lại doanh lợi tốt hơn; tính thanh khoản sẽ tăng lên khi nhiều công ty làm theo thông điệp của Milken; và khoản tiền lời sẽ vượt tiền bù rủi ro. Đó là một thông điệp đơn giản nhưng hiệu quả. Và càng lúc, nó càng có tác dụng.

Trong số những thành công ban đầu của Milken có một nhóm các nhà tài phiệt giàu có, phần lớn là người Do Thái, những người đã mua lại được các công ty bảo hiểm. Không ai trong số những người này thuộc giới "quyền cao chức trọng" của Phố Wall. Họ không hề lo lắng gì về thứ tiếng xấu đi kèm với các phiếu khoán xếp hạng thấp, và họ thích ý tưởng mới mẻ của Milken. Saul Steinberg, Meshulam Riklis và Carl Lindner trở thành những kẻ cải đạo trước nhất, và Lindner, một thành phần phi Do Thái đến từ Cincinnati, thậm chí còn trở thành một "thủ lĩnh" của xu hướng này. Khi doanh thu thường niên của họ đạt hoặc vượt mức dự kiến của Milken, họ càng lúc càng trở thành những người bảo lãnh nặng ký cho Milken và các khách hàng của Drexel. Về phần mình, Milken tỏ ra không mảy may bận tâm tới việc Lindner là mục tiêu trong một vụ điều tra của Ủy ban Chứng khoán, chưa từng tốt nghiệp trung học và bị cả cộng đồng Cincinnati hắt hủi, ông ta thậm chí còn bị nhiều thành viên Phố Wall coi là một tên hạ đẳng. Hoặc như Steinberg, kẻ đã giật khỏi tầm kiểm soát của Công ty Bảo hiểm Reliance và gây ra một vụ thâu tóm bất thành với Ngân hàng Chemical trứ danh, vụ việc đã gây phẫn nộ trong toàn giới ngân hàng danh giá và cả những đồng minh ngân hàng đầu tư của chính hãng này. Hay như Riklis, khởi nghiệp với vị thế một người Israel nhập cư nghèo túng, kiếm tiền nhờ vào rạp chiếu phim và rượu mùi. Những nhân vật này đã năm lần bảy lượt bị Phố Wall cự tuyệt. Họ sẽ không bao giờ nào quên rằng Milken đã coi họ như những khách hàng thực sự.

Đầu năm 1977, công việc làm ăn của Milken đã khống chế tới 25% thị phần chứng khoán lãi suất cao – một tỷ lệ đáng sửng sốt. Đó thực sự là công ty duy nhất duy trì hoạt động tạo lập thị trường chủ động mà vẫn rất lưu tâm tới việc tăng cường tính thanh khoản của thị trường. (Một nhà tạo lập thị trường chính là chìa khóa cho tính thanh khoản, có trách nhiệm đảm bảo với người nắm giữ một loại cổ phiếu nào đó rằng bất kể khi nào người đó muốn chuyển đổi cổ phiếu thành tiền mặt, nhà tạo lập cũng sẽ đều thực hiện như ý nguyện. Ngược lại, nhà tạo lập thị trường sẽ bán lại chứng khoán, giữ lại phần chênh lệch giữa giá "mua vào" và "bán ra" và coi đó là lợi nhuận của mình. Sàn Giao dịch Chứng khoán New York và thị trường giao dịch trực tuyến NASDAQ đều đơn thuần là những tổ chức tạo lập thị trường đã được thể chế hóa, cung cấp thêm một dịch vụ phụ trội nữa là giá giao dịch được niêm yết.) Những ngân hàng khác, như Lehman Brothers, thủ lĩnh thị trường trái phiếu lãi suất cao, sẽ bao thầu một vài trái phiếu mới được phát hành và quản lý những trái phiếu đã bao thầu trước đó, nhưng đây chủ yếu là dịch vụ cung cấp cho những

khách hàng có sẵn; những công ty khác thì không mấy mặn mà với việc trở thành nhà tạo lập thị trường chủ động.

Vậy nên, trên thực tế, Milken đã trở thành nhà tạo lập thị trường cho trái phiếu lãi suất cao. Anh ta có một trí nhớ siêu phàm, biết rõ ai phát hành trái phiếu gì, các trái phiếu đó mang lại lợi nhuận ra sao, giá trị của chúng khi đáo hạn thế nào, và còn những ai khác muốn có được chúng. Càng lúc, khách hàng của Milken càng đặt lòng tin vào những nghiên cứu cũng như sự tinh thông thị trường của anh ta, đến mức khi anh ta thúc giục họ đầu tư vào một đợt phát hành nào đó, họ liền làm theo ngay. Họ không cần để ý đến việc thiếu vắng giá niêm yết, hay những điều Milken truyền bá là gì – miễn là kiếm được tiền. Và cũng không ai ngoài Milken và đám đồng nghiệp cánh hẩu của anh ta nắm được cấu trúc giá cả của thị trường này – kể cả khoảng chênh lệch ngày càng tăng cao giữa giá mua và giá bán.

Milken có thể phát đạt ghê gớm như chúng ta thấy, một phần bởi thị trường của anh ta gần như hoàn toàn nằm ngoài tầm kiểm soát. Việc làm ăn của anh ta được dàn xếp phần lớn trong các thương vụ được gọi là "chào bán thứ cấp". Trong những giao dịch kiểu này, một công ty bảo hiểm quy mô lớn có thể quyết định bán ra một lượng trái phiếu lớn mà nó đã giành được từ đơn vị phát hành lần thứ nhất; rất có thể Drexel sẽ mua lại lượng trái phiếu ấy, sau đó chào bán lại cho mạng lưới những người mua trái phiếu của nó. Những vụ chào bán ấy không cần phải đăng ký với Ủy ban Chứng khoán, và cũng không hề có danh mục niêm yết nào công khai giá cả của các đợt chào bán ấy. Thế giới trái phiếu lãi suất cao chính là phiên bản tài chính giống như thuở sơ khởi của biên giới nước Mỹ; một thứ công lý tàn bạo mà những kẻ mạnh bòn rút từ những kẻ yếu.

Một hôm, Gary Winnick, nhân viên bán hàng tại văn phòng Manhattan của Drexel mua vài trái phiếu trong bản kê của Milken cho một trong số các khách hàng của mình. Winnick kiếm được 1/8 điểm chênh lệch giá, nói cách khác, đó là sai biệt giữa giá mà khách hàng trả cho anh ta với giá anh ta mua từ Milken. (Một "điểm" tương đương với 10 đô-la cho mỗi 1.000 đô-la số tiền danh nghĩa trong giá của một trái phiếu, tức là 1%. Như vậy, 1/8 điểm tính trên khoản chênh lệch giá của 1 triệu đô-la sẽ là 1.250 đô-la.) Winnick đã phát khùng khi biết rằng chênh lệch giá của Milken là 30 điểm, và rằng Milken đã giữ lại đến 297/8 lại cho bản thân mình. Winnick quá bàng hoàng thấy Milken lại tham tàn đến vậy. Suy cho cùng, họ là đồng nghiệp kia mà. Winnick đến gặp Kantor, sếp của Milken và kêu ca phàn nàn. Nhưng Kantor không hề phản

ứng gì. Đến năm 1976, Winnick đã đi đến kết luận rằng Milken đã kiếm ra quá nhiều tiền cho công ty đến nỗi không ai dám khép anh ta vào kỷ cương nữa.

Đối với Milken, thương vụ này cũng chỉ như biết bao nhiêu giao dịch khác, và càng bóp nặn được đối tác giao dịch bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Trong nhiều năm sau đó, các đồng nghiệp ở bàn giao dịch của Milken đã luôn phải kinh ngạc chứng kiến vẻ hài lòng, thậm chí là hân hoan mà anh ta thể hiện khi xiết thêm được một phân điểm nữa từ một đối tác giao dịch ngờ nghệch nào đó. Chỉ có trong giao dịch, thứ kiến thức thượng thặng mới được vận dụng để tạo ra lợi nhuận với nỗi hoan hỉ tức thời đến thế. Chẳng mấy người vượt mặt được Milken, bởi anh ta chỉ đánh quả với thứ kiến thức thượng thặng; còn khi thấy ai đó trội hơn mình, Milken sẽ đi tìm và gắng thuê người đó về. Ví dụ, Warren Trepp là trưởng bộ phận giao dịch trái phiếu tại Dean Witter khi anh ta bán non vài mã chứng chỉ quỹ tín thác đầu tư bất động sản (REIT). Một trong số những người của Milken đứng ở phía bên kia các cuộc giao dịch. Giá trị của REIT sụt giảm nghiêm trọng, gây ra những tổn thất ghê gớm cho Milken và mang lại một khoản lợi nhuận lớn cho Trepp. Milken yêu cầu người của mình tìm cho ra tên của người giao dịch cho Dean Witter, sau đó tìm đến và lôi kéo người đó về Drexel. Trepp đã trở thành trưởng giao dịch riêng cho Milken.

Khi công việc làm ăn của Milken tấn tới, thì Joseph cũng như vậy, nếu không muốn nói là với mức độ phi thường. Joseph hành động nhanh chóng để cải thiện chất lượng đội ngũ nhân viên ngân hàng đầu tư ở Drexel, đưa về vài người đã tuyển dụng trước đây ở Shearson, trong đó có John Kissick, Herbert Bachelor, Fred McCarthy, John Sorte và David Kay, người mà Joseph giao trách nhiệm quản lý bộ phận sáp nhập và mua lại mới còn trong trứng nước. Và anh ta còn kéo về cả Leon Black – một tân sinh viên trường kinh doanh ngạo mạn, béo mập và cứng đầu. Cha của Black, người đứng đầu United Brands đã bị bắt trong một vụ lùm xùm khi Leon còn đang theo học Trường Kinh doanh Harvard, Black cha đã tự sát bằng cách nhảy khỏi cửa sổ văn phòng.

Trong một nỗ lực hòng mang lại cho Drexel một "mũi nhọn" trong việc thu hút các thương vụ ngân hàng đầu tư, Joseph quyết định tập trung vào một số lĩnh vực đang tăng trưởng và những công ty nhỏ lẻ bị các ngân hàng đầu tư lớn tảng lờ. Drexel bắt tay nghiên cứu về các cổ phiếu OTC, kể cả khi công tác nghiên cứu không mang lại lợi nhuận ngay lập tức cho công ty. Cả nhóm vẫn gắng xoay xỏa để thực hiện đủ các vụ giao dịch, đến mức, tới năm 1977,

khoản thưởng tài chính doanh nghiệp đã lên tới 1 triệu đô-la.

Cùng năm đó, Joseph cầu viện Milken, trình bày rằng khách hàng của mình là Texas International cần gây vốn nhưng tỷ suất vay nợ đã cao đến mức không bao giờ có được xếp hạng đầu tư nữa. Liệu Drexel có thể thực hiện một đợt phát hành lợi nhuận cao, do Drexel bao thầu và được chào bán trực tiếp ra công chúng – một đợt phát hành lần đầu mới hoàn toàn, hay nói cách khác, không phải là chào bán lần thứ hai – thứ trụ cột chính trong hoạt động của Drexel.

Milken nói anh ta sẽ thử xem sao. Sau đó, anh ta đã dễ dàng thu được 30 triệu đô-la cho đợt phát hành này, với mức phí bao thầu ghê gớm là 3%. Cũng trong năm đó, Milken đã thực hiện tiếp sáu đợt phát hành nữa cho các công ty không có cách nào khác để gây vốn. Cũng khoảng thời gian ấy, anh ta tuyên truyền ý tưởng về những quỹ cộng đồng lợi nhuận cao đầu tiên, cho phép các nhà đầu tư nhỏ lẻ đầu tư vào một danh mục trái phiếu lãi suất cao đa dạng. Giấc mơ thanh khoản của Milken đã gần như đơm hoa kết trái. Nền tảng cho một cuộc cách mạng về tài chính đã thành hình, ngay trước mũi giới quyền cao chức trọng Phố Wall, những người vốn gớm ghét trái phiếu xếp hạng thấp.

Trong khi đó, Winnick, theo lệnh của Kantor, đã chuyển tới bộ phận trái phiếu xếp hạng cao tại trụ sở Drexel trên khu trung tâm. Anh ta cũng giao dịch một vài sản phẩm lợi nhuận cao của Milken và nhanh chóng trở thành nhân viên bán hàng có năng suất hàng đầu không nằm trong bộ phận trái phiếu lãi suất cao ở Drexel. Anh ta làm việc quên cả giờ giấc. Một buổi tối thứ Sáu, anh ta có nói với Milken rằng vợ chồng anh ta sẽ xem xét vài căn nhà ở Hạt Weschester vào cuối tuần, và Milken đã nói rất bí hiểm, "Đừng mua bán gì vội." Chẳng bao lâu sau, Milken đề nghị Winnick sang làm việc cho mình – tại Thành phố Century, kề ngay Beverly Hills, ở California xa xôi.

Sau đó Gregory, cậu con trai hai tuổi của Milken gặp vấn đề về sức khỏe, còn cha Milken thì mắc bệnh ung thư. Quyết định chuyển nhà chắc canh ta không phải là do Milken muốn sống tại một nơi có khí hậu trong lành hơn hay muốn ở gần gia đình và các bạn bè thuở thơ bé, mặc dù đó cũng là một trong những nhân tố. Có thể thấy rất rõ ràng là thành công của Milken chẳng dính dáng gì đến Drexel, nhưng mọi thành công của Drexel lại phụ thuộc hoàn toàn vào Milken. Ngài Burnham xui xẻo, chủ tịch danh dự của công ty chẳng hiểu gì mấy ngoại trừ lĩnh vực môi giới bán lẻ ngày càng mang lại ít lợi nhuận; động thái khôn ngoan nhất của ông chỉ là

nhận ra tiềm năng của Milken và nới rộng dây buộc cho anh ta thỏa sức tự tung tự tác. Kantor thậm chí còn có ít ảnh hưởng hơn, anh ta chỉ là một nhân viên giao dịch theo lối cũ, bị cản trở bởi những phép toán vi tính hóa và những chiến lược tinh vi được thế hệ mới phát triển. Milken không hứng thú gì với những tranh cãi về sở thích gây ảnh hưởng chính trị này nọ của bọn họ.

Tại sao không nhẹ nhàng dời đi, sử dụng Drexel như một chiếc ô che, mà lại gây dựng cả một hệ thống giao dịch tự trị hoàn toàn dưới tầm kiểm soát của Milken? Như Milken giãi bày với Winnick và những người khác, anh ta thật sự có ý định sử dụng California để mở rộng trái phiếu lãi suất cao vào tất cả các lĩnh vực kinh doanh sinh lời, từ bao thầu và giao dịch cho tới sáp nhập và mua lại. Trái phiếu lãi suất cao đơn giản là một cách thức mới mẻ để gây vốn – thứ vốn có thể đưa vào sử dụng cho bất cứ chức năng truyền thống nào của ngân hàng đầu tư. Miễn là cấu trúc lương thưởng dành cho anh ta vẫn nguyên xi đâu đấy – và nào có ai ở Drexel dám ho he thay đổi gì – phần lớn lợi nhuận của công ty rốt cuộc vẫn cứ nằm trong tầm kiểm soát của anh ta. Cho đến lúc đó, các nhân viên của anh ta ở New York đã kiếm được quá nhiều tiền, nhiều hơn bất cứ ai ở Drexel, đến mức tất thảy bọn họ đều tình nguyện theo chân Milken chuyển địa điểm.

Milken và gia đình mua một căn nhà trước kia từng thuộc sở hữu của cặp tài tử Clark Gable và Carole Lombard, ngay tại bản quán của anh ta – Encino. Milken tiến hành hoạt động làm ăn trong các văn phòng nhỏ trên Đại lộ Ngôi sao ở Century City vào năm 1978 với 15 nhân viên, trong đó có cả Winnick. Khi họ chuyển đến, các văn phòng trở nên quá nhỏ hẹp; Milken ngồi ngay sát cạnh Trepp, trưởng bộ phận giao dịch. Ở đó anh ta có thể nghe ngóng được mọi giao dịch viên và nhân viên bán hàng trong ngày giao dịch.

Dưới sự điều hành của Milken, tất cả mọi người đều phải nhất nhất tuân theo những quy định và tiêu chuẩn của anh ta. Ngày làm việc bắt đầu chính xác vào lúc 4 giờ 30 phút sáng (tức là 7 giờ 30 phút sáng tại New York) và tiếp tục cho đến 8 giờ tối (11 giờ đêm tại New York). Điện thoại đổ chuông không ngừng. Với hai chiếc điện thoại riêng, Milken thường thực hiện nhiều cuộc đàm thoại cùng một lúc. Còn ở sàn giao dịch thì vang lên tiếng ồn ào láo nháo liên tục, với các câu hỏi, bình luận thốt ra rào rào không dứt. Sau khi thị trường đóng cửa (vào lúc 1 giờ chiều theo múi giờ California), Milken ngay lập tức sắp xếp các cuộc họp, chạy ào ào từ phòng hội thảo này sang phòng hội thảo khác. Tất cả đều đầy chật những khách hàng hy vọng được tiếp cận trực tiếp với anh ta.

Đôi khi, Milken có mặt ở văn phòng trước giờ làm việc dự kiến. Khi các nhân viên đến sở vào lúc 4 giờ 30 phút sáng, họ thường thấy các tờ giấy nhắc việc của Milken đã để sẵn trên bàn, phác ra cho họ lịch làm việc ngày hôm ấy.

Đến năm 1981, Milken phát hiện ra một nhân viên bán hàng giống hệt như Trepp, một người bán hàng cừ như cách Trepp giao dịch. Anh ta là James Dahl, xét về bề ngoài, anh ta không có mấy nét tương đồng với Milken hay những người khác ở Drexel. Dahl là một nhân vật kiểu WASP, mặc dù không phải sản phẩm của nhóm những trường đại học Ivy League cao quý, anh ta là con trai của một người môi giới bất động sản sinh nhai chật vật trong một khu phụ cận của giới trung và hạ lưu ở Miami. Anh ta tốt nghiệp Đại học Bang Florida ở Tallahassee với tấm bằng danh dự và giành được học bổng theo tiếp tại trường kinh doanh của đại học này, sau đó tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh. Anh ta bảnh trai, với mái tóc vàng hơi dài, đôi mắt xanh lục cùng làn da rám nắng mang chút hơi hướm Beach Boys và một nụ cười thu hút.

Milken chẳng thể hiện điều gì chứng tỏ rằng những phẩm chất như thế gây ấn tượng với mình, nhưng các đồng nghiệp nói rằng Milken dường như bị thu hút hoàn toàn bởi những khía cạnh ở Dahl mà anh ta còn thiếu – như thể việc thuê Dahl về làm việc chứng minh một cách đầy thuyết phục rằng anh ta có thể lôi kéo được một người dường như là hiện thân của giấc mơ Mỹ, một phiên bản minh tinh Robert Redford của giới kinh doanh trái phiếu. Sau một loạt cuộc phỏng vấn vào 5 giờ sáng, đầu tiên là ở Los Angeles và sau đó là trong bữa sáng tại Plaza Hotel ở New York, Milken đã hỏi Dahl về vợ con, rồi anh ta hy vọng có mấy đứa, anh ta làm gì trong thời gian rỗi, hoàn cảnh gia đình, và cả việc cha anh ta làm gì để kiếm sống. Milken không hề hỏi Dahl xem anh ta học ở đâu, và giành được thành tích này nọ thế nào.

Rõ ràng Milken đã kết luận rằng Dahl có những phẩm chất căn cốt mà mình đang kiếm tìm: một kẻ khát khao kiếm tiền, một thành phần tận tụy với các giá trị gia đình. Dahl khi đó đang chưa làm việc ở đâu, anh ta từng làm việc ở Citibank, Lehman Brothers, và một chi nhánh giao dịch vừa mới đóng cửa gần đây của Ngân hàng First Penn. Sau đó anh ta chuyển tới Công ty Giao dịch miền Tây, cũng bết bát lụn bại. Anh ta quay trở lại Florida, khi một người bạn giới thiệu với Milken. Bất chấp thành tích không mấy khả quan của các ông chủ trước đây, Dahl vẫn kiếm được kha khá cho bản thân – 450 nghìn đô-la tại chi nhánh của Ngân hàng Penn. Milken thuê anh ta với mức lương 20 nghìn đô-la một tháng, cùng lời hứa hẹn rằng anh ta sẽ được ngồi ngay kế bên ông

chủ.

Với Dahl, cũng như với mọi nhân viên dưới quyền, Milken đều đòi hỏi lòng tận tụy và trung thành tuyệt đối. Không ai được rời khỏi văn phòng để đi ăn; các bữa ăn được bố trí sẵn hàng ngày gồm cả bữa sáng, bữa trưa và thường là bữa tối nữa. Để ngăn chặn bất kỳ động thái mất tập trung nào, Milken thuê vài phụ nữ đi lượm đồ đem giặt khô cho các giao dịch viên và nhân viên bán hàng, rồi tới bưu điện, chờ tại nhà họ để đón thợ sửa chữa và nhân viên giao nhận, chăm sóc thú nuôi. Chẳng được bao lâu từ lúc bắt đầu đi làm, Dahl, khi ấy vẫn còn đang phải điều chỉnh sự thay đổi về giờ giấc, bắt đầu rời khỏi văn phòng sau khi thị trường đóng cửa vào thứ Sáu.

"Anh đi đâu thế?" Milken gay gắt hỏi.

"Tôi mệt quá, tôi về nhà để đọc báo cáo nghiên cứu đây," Dahl trả lời.

Milken thất kinh trước sức chịu đựng kém cỏi đến thế. "Đọc ở đây này, rồi hẵng về nhà rồi ngủ một giấc," anh ta nói. Dahl ngoan ngoãn quay trở lại bàn mình.

Trong một dịp khác, Dahl rời văn phòng sau khi nhận được tin mẹ anh ta được chẩn đoán ung thư. "Anh đi đâu thế hả?" Milken lại hạch hỏi.

Dahl phân bua rằng anh ta quá lo lắng, cả dì và bác anh ta đều mất vì ung thư, anh ta muốn về thăm mẹ. Milken có vẻ cáu kỉnh. "Thế khi nào anh mới quay lại?" anh ta hỏi. Anh ta không hề thể hiện chút vẻ quan tâm hay thông cảm nào.

Vài năm sau đó, khi vợ của Dahl sinh thiếu tháng và đứa trẻ qua đời chỉ sau hai tiếng đồng hồ, Dahl tan nát cõi lòng có mặt tại bàn làm việc ngay buổi sáng hôm sau, quá chắc canh ta rằng Milken sẽ chẳng hề bận tâm đến nỗi đau buồn của anh. Anh ta đã biết rằng Milken không mong đợi điều gì khác.

Không ai có nổi chút đời sống riêng tư trong văn phòng này. Mỉa mai thay, trái ngược với những lời đầu môi chót lưỡi mà Milken vẫn thuyết giảng về sự chung thủy trong hôn nhân và các giá trị gia đình, bầu không khí căng thẳng và nóng nung giữ chân các nhân viên xa khỏi gia đình, và sinh ra nhan nhản những phi vụ ái tình nội bộ giữa các giao dịch viên và các thư ký, trong đó có cả mối quan hệ giữa Trepp với trợ lý điều hành riêng của Milken, Jeannette. Milken dường như mù tịt về chuyện đó cho đến tận lúc

họ tuyên bố đính hôn.

Một trong những thư ký ở văn phòng còn giữ một cuốn nhật ký ghi chép tỉ mỉ những lần quan hệ tình dục của cô ta với đàn ông trong văn phòng. Một trong những ghi chép gây tranh cãi nhất miêu tả chi tiết đến rợn tóc gáy về cách cô ta mơn trớn ái ân với một nhân viên bán hàng và sử dụng chất kích thích. Những tình tiết như vậy là chuyện thường ngày. Một vài trợ lý giao dịch trong văn phòng thậm chí còn phẫu thuật ngực, và nguồn chi trả chính là các nhân viên bán hàng và giao dịch viên ngay trong công ty Drexel.

Một lần năm 1984, nhân viên của Milken thuê một vũ nữ thoát y đến mừng sinh nhật anh ta. Cô nàng đến vào giờ giao dịch, dần dần trút hết xiêm y trong khi uốn éo nhún nhảy quanh bàn của Milken, sau đó trườn đến gần anh ta, lắc lư bộ ngực phì nộn của cô ta trước mặt Milken. Ngay lúc ấy, điện thoại của Milken réo lên. Đó là một khách hàng muốn thực hiện giao dịch. Để né tránh nàng vũ nữ, Milken chúi xuống dưới gầm bàn và vẫn khư khư giữ chặt ống nghe. Cô ả liền lần theo bàn tay và đầu gối anh ta trong khi Milken hoàn thành cuộc giao dịch.

Milken chẳng mấy khi giao du với mọi người trong công sở, và, chắc canh ta là chẳng dành mấy thời gian cho vợ, hai đứa con trai và một cô con gái của mình, mặc dù anh ta vẫn có mặt trong những sự kiện thể thao quan trọng, những dịp hội hè ở trường và huấn luyện cho đội bóng rổ của các con trai. Trong một chuyến đi nghỉ với cả nhà ở Hawaii, Milken thuê ba cụm phòng trong khách sạn: một cho anh ta và Lori, một cho lũ trẻ, phòng thứ ba mang chức năng của phòng làm việc. Anh ta làm việc trong tất cả các ngày nghỉ từ 3 giờ sáng đến 8 giờ sáng theo giờ Hawaii, tức là giờ mở cửa của thị trường chứng khoán ở New York.

Milken thường chỉ rời khỏi bàn làm việc trong giờ làm vì những lý do không liên quan đến công việc mỗi năm một lần, khi đưa vợ đi ăn trưa nhân dịp kỷ niệm ngày cưới. Còn bình thường anh ta ăn ngay tại bàn làm việc, chủ yếu là đồ ăn vặt. Anh ta dường như chẳng tập tành thể thao bao giờ. Thậm chí những lúc không ở công sở, anh ta cũng thường nhốt mình trong phòng làm việc tại nhà; những cuộc gọi đến đó, kể cả khuya khoắt đêm hôm hay vào dịp cuối tuần, cũng đều được trả lời không chậm trễ. Vào các buổi tiệc tùng sinh nhật, anh ta dành hầu hết thời gian chơi với lũ trẻ.

Milken là một kẻ theo chủ nghĩa hoàn hảo và có thể chỉ trích không khoan nhượng, đặt nghi vấn về một cuộc giao dịch liên tục,

quan tâm đến dù chỉ là một phân điểm nhỏ xíu. Anh ta hỏi đi hỏi lại cùng một câu, rầy rà một giao dịch viên đến mức người đó trở nên ngu độn. Nhưng sau khi Trepp chứng tỏ với Milken rằng mình đã đúng trong vụ giao dịch có tranh chấp, anh ta bảo Milken "đừng có càm ràm tôi nữa", và Milken gần như đã làm thế thật.

Một lần Dahl hỏi Milken tại sao lại chỉ trích nhiều đến thế và chẳng khen ngợi ai bao giờ. "Làm gì có đủ thì giờ mà ngồi túm tụm tâng bốc lẫn nhau," Milken trả lời hằn học. "Chúng ta không cần nói về thành công. Chúng ta chỉ cần nói về thất bại của mình thôi."

Trong bầu không khí này, những cử chỉ thiện ý có vẻ rất bình thường ở nơi khác lại thành ra đáng nhớ. Một lần, khi Winnick chuẩn bị cho một đợt nghỉ ngơi hiếm hoi ở Ý, Milken đã gửi cho anh ta một món quà chúc thượng lộ bình an và một tờ giấy nanh ta chúc nghỉ ngơi vui vẻ. Khi họ chuyển tới vùng Los Angeles, Milken đã mở rộng giới hạn khoản vay cá nhân cho gần như tất cả nhân viên để họ có thể mua được cửa nhà tử tế. Khi Dahl và vợ anh ta tổ chức lễ kỷ niệm ngày cưới ở Palm Springs, họ đã nhận được một lẵng hoa lớn và một tấm thiệp ghi rằng "Chúc mừng lễ kỷ niệm. Mike và Lori." Milken còn đến tận bệnh viện thăm và hỗ trợ tài chính cho người anh sau đó đã mất của một nhân viên hỗ trợ văn phòng.

Trepp luôn phải sửng sốt trước nỗi ám ảnh của Milken về việc cố tình tang mức lợi nhuận từ các thương vụ giao dịch, và luôn phải nhắc nhở anh ta rằng quy định giao dịch chứng khoán chỉ cho phép hệ số chênh lệch giá tối đa là 5% mà thôi. Quyền lực của Milken bao trùm thị trường tuyệt đối tới mức anh ta vẫn thường gắng sức đẩy giá lên tới 25%. Một trong những trách nhiệm của Trepp ở cương vị trưởng bộ phận giao dịch là ký vào các phiếu giao dịch; khi nhìn thấy những phiếu mà anh ta cho là "đáng gờm", Trepp liền đẩy lại cho Milken. Trong những trường hợp như vậy, Milken vẫn thực hiện giao dịch và sẽ có người giả mạo chữ cái đầu của họ tên Trepp, tất nhiên Trepp không biết là ai.

Trepp đã bốn lần dọa hủy bỏ những giao dịch mà anh ta cho là sai lầm nghiêm trọng. Anh ta đã có những cuộc cãi vã to tiếng với Milken, và mỗi lần như thế, Milken lại xuống nước. Milken không bao giờ sa thải bất cứ ai. Anh ta bị ám ảnh rằng bất cứ ai rời đi cũng sẽ làm lộ các bí mật, phạm vi cũng như thành công từ các hoạt động thu lời của anh ta.

Áp lực khủng khiếp ấy đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng ở

nhiều cấp độ khác nhau. Peter Ackerman ban đầu được thuê đảm nhiệm vị trí giao dịch viên, nhưng những lời chỉ trích không thương tiếc mà Milken trút xuống đã có lần khiến anh ta bật khóc. Ackerman ngừng giao dịch và càng lúc càng tập trung vào chăm sóc khách hàng, làm việc với chức năng nhân viên ngân hàng đầu tư cho Milken. Anh ta trở nên bợ đỡ Milken quá độ khiến những nhân viên khác tỏ ra phẫn nộ. Biệt danh của anh ta là "Ngài Hít Ngửi", vì theo lời một đồng nghiệp, "mũi anh ta ta lúc nào cũng dính vào mông Mike."

Trepp bắt đầu đốt tới bốn bao thuốc lá một ngày. Một giao dịch viên khác bắt đầu có thói quen nhai dây chun; người khác càng lúc càng rượu chè be bét nghiêm trọng hơn. Bruce Newberg, vốn được nhiều người trong công ty coi là một kỹ thuật viên sáng giá, bắt đầu phải điều trị huyết áp. Một hôm, Newberg nổi cơn tam bành khi đường dây điện thoại của anh ta tịt ngóm giữa một cuộc đàm thoại quan trọng với khách hàng. Hóa ra anh ta đã nhai đứt cả đường dây.

Winnick thì càng lúc càng nổi tiếng trong văn phòng vì chứng bệnh tưởng, thi thoảng lại mò đến kiểm tra sức khỏe tại Viện Scripps ở San Diego vì cho rằng mình có khối u trong não và đủ loại tật bệnh nghiêm trọng khác.

Trường hợp đáng buồn nhất là Cary Maultasch, mắc những vấn đề ngày càng trầm trọng về thần kinh và buộc phải đến gặp bác sĩ tâm lý. Milken cho phép anh ta quay trở về New York, và đảm nhiệm vai trò liên lạc viên của Milken với trụ sở chính Drexel – thực ra, là gián điệp của Milken. Maultasch tiếp tục xử lý giao dịch cho Milken; nhưng cuối ngày anh ta đều hủy tất cả các giấy tờ liên quan đến lệnh giao dịch của Milken, nhờ vậy không ai ở New York biết được chi tiết các hoạt động làm ăn của Milken.

Milken không thích giao dịch viên và nhân viên bán hàng dành thời gian giao dịch với các khách hàng riêng của họ. Đây là lý do chủ yếu khiến văn phòng xây dựng rất nhiều hình thức hùn vốn đầu tư để tận dụng các cơ hội đầu tư mà Milken có được. Anh ta cấm các hoạt động giao dịch cá nhân, nhưng cho phép nhân viên được đầu tư một khoản theo mức cho phép đối với các cổ đông. Trong nội bộ văn phòng, các nhân viên có thể tự xếp mình vào nhóm "A" hay nhóm "B", tùy thuộc vào quy mô vốn cổ phần của họ. Một số nhân viên được ưu tiên, ví dụ như Ackerman, thậm chí còn nhận được lợi tức từ phần vốn đóng góp đó như một phần lương thưởng. Trong một số trường hợp, Milken cho nhân viên vay những khoản lớn, nhờ đó họ có thể đầu tư tới mức cao nhất

trong phạm vi cho phép.

Không bao lâu sau khi Dahl chuyển đến California, Milken đã mời anh ta đến nhà ở Encino, nơi anh ta dành thời gian nghỉ ngơi hiếm hoi và nói chuyện phiếm với Dahl ở bể bơi. Milken nói với Dahl rằng các cổ đông sẽ làm giàu cho anh ta. Nhưng Milken cảnh báo Dahl không nên sống xa hoa, và rằng không nên mua nhà cao cửa rộng làm gì, chí ít thì cũng không phải ngay lúc này. Anh ta nói còn rất nhiều thời gian và tiền bạc để làm việc đó.

Những lời hứa hẹn như vậy được chấp nhận về mặt giá trị bề ngoài, bởi việc tiếp cận nguồn thông tin về vốn đóng góp bị cấm đoán nghiêm ngặt. Không ai biết trước xem tiền sẽ được đầu tư vào đâu. Hệ thống máy tính ở văn phòng cũng được điều chỉnh sao cho không ai ngoài Milken biết được hoạt động giao dịch của các phần vốn đóng góp.

Tất nhiên, thứ bù đắp cho tất cả những điều này là tiền. Trong khi các khoản thu nhập khó lòng đạt được mức trung bình như hồi giữa thập niên 1980, các nhân viên Drexel ở Los Angeles lại kiếm được gấp năm lần số tiền các đồng nghiệp của họ kiếm được trên Phố Wall. Ví dụ, Dahl kiếm được hơn 1 triệu đô-la ngay trong năm thứ hai anh ta ở Los Angeles. Còn bản thân Milken, mặc dù không ai biết rõ vào thời điểm ấy kiếm được bao nhiêu, nhưng năm 1982 đã kiếm được số tiền khổng lồ là 45 triệu đô-la.

Tuy vậy, theo lời cảnh báo của Milken, rất ít dấu hiệu cho thấy những nhân viên ở đây kiếm được những khoản kếch xù như vậy. Cho dù Trepp đã mua hẳn một chiếc Rolls Royce Corniche mui trần màu trắng, nhưng Milken vẫn không muốn anh ta lái đến công sở. Chính Milken cũng chỉ sống tương đối giản dị. Vợ anh ta chỉ mặc một bộ đầm nhung đen tới dự tiệc Giáng Sinh từ năm này qua năm khác. Milken lái một chiếc Mercedes màu vàng hơi cũ; anh ta bán lại cho Dahl khi đã chạy được 80 nghìn dặm. Khi Armand Hammer, nhà công nghiệp lừng danh đã trở thành một trong những khách hàng quan trọng nhất của Milken và Drexel ghé thăm văn phòng, Milken đã mời ông ta uống cà phê trong một chiếc ly Styrofoam. Đồ trang trí trong văn phòng thì chỉ có vài tấm bích chương Olympic đóng khung.

Milken, với phong cách riêng, không tạo bất cứ dấu ấn nào trong các lĩnh vực hoạt động Hollywood hay thậm chí là trong giới doanh nhân hay đồng nghiệp. Những thứ anh ta đọc hầu hết chỉ gồm các báo cáo nghiên cứu, các bản cáo bạch và đủ thứ giấy tờ tài chính khác. Milken khiến các đồng nghiệp phải chú ý bởi sự kiệm

lời, chẳng mấy hiểu biết về nghệ thuật, văn học, chính trị hay thậm chí là những sự kiện nằm ngoài những mối bận tâm thiết thân của anh ta.

Winnick, Dahl và vài giao dịch viên khác đã đọc một cuốn truyện ly kỳ của Robert Ludlum xuất bản năm 1979 có tên The Matarese Circle. Họ quá đỗi sửng sốt bởi sự tương đồng giữa Milken với một trong những nhân vật chính của truyện. Cuốn sách mang phong cách Ludlum kinh điển, là một câu chuyện hoang đường nhưng đầy kịch tính về cuộc chinh phục thế giới thông qua hàng loạt tập đoàn đa quốc gia. Nhân vật trung tâm của âm mưu này là một nhà tài phiệt tài giỏi và quả quyết, gắn chặt với ý tưởng thống trị thế giới. Tên anh ta là Guiderone, nhưng được biết tới trong suốt cuốn sách với biệt danh "người chăn chiên", bởi anh ta vốn là một giáo sĩ ở Corsica. Những tông đồ của anh ta trung thành đến mức tình nguyện hy sinh cuộc sống của mình để truyền bá tư tưởng chinh phục thế giới của anh ta.

"Tôi đã nghe nói về anh ta," một nhân vật trong sách nói. "Một Carnegie hay Rockefeller thời hiện đại, phải vậy chứ?"

"Hơn. Hơn thế nhiều." Một nhân vật khác đáp lời. "Nhà Geneen, nhà Lucase, nhà Bluedhorn, những gương mặt đình đám của Detroit và Phố Wall, tất cả đều không thể bén gót Guiderone. Anh ta là gương mặt cuối cùng của những người khổng lồ đã biến mất, một bậc đế vương nhân từ của ngành công nghiệp và tài chính… Tôi đồ rằng anh có thể gọi đó là câu chuyện chân thực về giấc mơ Mỹ."

Các "đệ tử" của Milken ở Beverly Hills bắt đầu nhắc đến anh ta với biệt danh "Người chăn chiên" (the Shep), và Milken gắn chặt với tên gọi ấy từ bấy giờ. Winnick đưa cho Milken một cuốn truyện của Ludlum, tò mò chờ xem Milken sẽ phản ứng ra sao, liệu rằng anh ta có phát hiện ra điểm tương đồng nào giữa mình với nhân vật trung tâm trong đó hay không. Nhưng như những gì Winnick biết, ấy là Milken chẳng hề đọc cuốn sách.

Đối với rất nhiều nhân viên ở văn phòng Beverly Hills, cuộc sống trong công sở đã biến chuyển theo chiều hướng xấu đi kể từ khi Lowell, em trai của Milken – tham gia việc kinh doanh từ năm 1979. Lowell, xuất thân từ nghề luật sư, từng là một cổ đông của công ty luật Irell và Manella, nơi anh ta phụ trách mảng luật thuế. Milken có mối quan hệ đặc biệt với em trai mình, vừa là cạnh tranh gay gắt – Milken dường như bị ám ảnh với việc phải thắng bằng được cậu em trong môn quần vợt – lại vừa chở che bảo vệ cao

độ. Như lời các đồng nghiệp, Lowell được đưa đến để hỗ trợ Milken giám sát hoạt động của cả hệ thống và xử lý các công việc thuế má. Những người khác trong công ty biết rằng Milken chỉ tin tưởng vào thành viên thân cận trong gia đình để giao phó loại nhiệm vụ như vậy.

Lowell xem ra cũng tập trung làm việc như anh mình, nhưng anh ta không bao giờ thể hiện một tia tình thân ấm áp nào như cách Milken đôi khi vẫn làm. Anh ta sở hữu thứ trí não luật sư, khiến đám giao dịch viên vốn vô tâm thoải mái cảm thấy lạnh lẽo và thấp kém. Lowell không thể hiện một chút hòa đồng nào với mọi người. Anh ta cho lắp hẳn một cửa ra vào riêng biệt trong văn phòng, nhờ vậy anh ta còn không phải đi qua sàn giao dịch. Phòng làm việc của anh ta khá phô trương so với những tiêu chuẩn chung ở Drexel, với những tấm ốp gỗ thửa riêng và đồ trưng bày nghệ thuật đắt tiền. Nếu ai đó không phải là Milken bước vào văn phòng của anh ta, Lowell sẽ công khai úp các loại giấy tờ trên bàn mình xuống dưới. Một vài giao dịch viên còn chọc ngoáy, bắt chước y hệt như thế mỗi lúc Lowell bước tới gần bàn họ. Và tai quái nhất là họ sẽ tóm lấy đũng quần khi Lowell quay lưng đi, mô phỏng lại một trong những hành động của Lowell mỗi khi căng thẳng.

Là kẻ không bao giờ để lỡ một cơ may lợi nhuận nào, Lowell giúp dàn xếp việc chuyển văn phòng West Coast của Drexel từ khu liên hợp Century City tới Beverly Hills – vào một khu cao ốc thuộc sở hữu của Lowell và Milken trên Đại lộ Wilshire, liền kề ngay khu thương mại cao cấp Rodeo Drive. Đó là một vụ đầu tư ma mãnh. Drexel thuê không gian làm việc từ chỗ họ, áp dụng những ưu đãi thuế có lợi trong quá trình ấy. Và địa điểm đó đương nhiên là đáng được coi trọng về mặt giá trị. Ngay trên con phố xuôi từ Khách sạn Beverly Wilshire thanh nhã, tòa nhà văn phòng của Drexel nằm trong góc cận kề những cửa hàng thời trang cao cấp như Giorgio và Bijan.

Nhưng nội thất bên trong cao ốc Drexel thì còn xa mới đạt đến độ hào nhoáng và xa hoa, như Milken vẫn thường lo lắng. Tại đây Milken cho lắp đặt một bàn giao dịch cỡ lớn hình chữ X. Anh ta ngồi ở chính giữa, vừa đủ cho số "phó tướng" ngày càng nhiều thêm của anh ta ngồi dọc theo bốn nhánh của chữ X. Chiếc bàn được trang bị đầy đủ những thiết bị liên lạc công nghệ cao và các dữ liệu giao dịch, nhưng các vật dụng trang trí của văn phòng thì vẫn đơn giản như xưa. Chỉ có phần địa chỉ – 9560 Đại lộ Wilshire, Beverly Hills – là có đôi chút dấu ấn.

Sau khi Lowell vào làm việc, anh ta đã phân phát các phong bì trắng có đóng dấu tới khoảng một tá nhân viên. Trong các phong bì ấy là những bản kê vay nợ, ghi rõ khoản tiền mà Milken đã cho họ vay để mua nhà, lợi tức tích lũy và yêu cầu hoàn trả ngay lập tức. Từ đó trở đi, Lowell đã bị coi như Thiên Lôi của riêng Milken. Những tin đồn hiểm độc về Lowell được dựng lên trong khắp tòa nhà, trong đó có cả những câu chuyện về mối quan hệ của anh ta với vợ.

Một buổi chiều năm 1981, Milken đang làm việc ở bàn giao dịch thì lảo đảo và ngã nhào xuống. Trepp, Dahl, Winnick và những người khác ở gần cảm thấy vô cùng khiếp sợ, lo ngại "cần câu cơm" của họ bị trụy tim. Ngay lập tức họ thét lên gọi Lowell. Lowell ngó ra từ văn phòng mình, liếc nhìn Milken đang mê man bất tỉnh và kiệt sức, rồi quay trở lại văn phòng mình, đóng sập cửa mà chẳng nói một lời. Các giao dịch viên chết lặng. Milken nhanh chóng hồi phục và không phải chịu bất cứ thương tổn nào lâu dài sau vụ "tai nạn" kỳ quặc.

Tuy thế, dù công việc và tinh thần của nhân viên căng thẳng thế nào đi chăng nữa, thì chúng cũng chỉ là vặt vãnh so với số tiền mà hoạt động của Milken mang lại cho họ. Milken luôn đảm bảo được rằng mỗi năm tất cả nhân viên đều kiếm được nhiều hơn số tiền năm trước. Chính vì thế, nhìn chung tất cả những người dưới trướng đều tìm thấy được thứ gì đó ở Milken mà họ thực lòng ưa thích.

Điều đáng quan tâm là, trong khi hầu hết nhân viên đều chăm chăm tìm kiếm các khoản lời lớn, thì tiền bạc đơn thuần lại không gây hứng thú gì nhiều cho Milken; thứ mà Milken quan tâm là những gì đồng tiền có thể mang lại. Một lần trong cuộc trò chuyện với Winnick, Milken nói rằng một trong những mơ ước của anh ta là tăng số tiền của anh ta lên gấp mười lần, ví dụ từ 3 tỷ lên thành 30 tỷ. Rồi, liếc mắt quan sát các tòa nhà từ Century City, hướng mắt lên Los Angeles và ra biển Thái Bình Dương, anh ta hỏi, "Anh nghĩ mất bao nhiêu để mua hết tất cả các cao ốc từ đây ra đến tận biển?"

Milken có lẽ đã nhận thức được về những mục tiêu như vậy thông qua việc duy trì vị thế thống trị của mình trong lĩnh vực chào bán thứ cấp và việc phát hành mới trái phiếu lãi suất cao. Ở Los Angeles, anh ta đã tập hợp được một hệ thống khách hàng giao dịch trái phiếu trả lãi suất cao, lấn át cả nguồn khách ban đầu ở New York. Một trong những đối tác thân thiết nhất của anh ta là Thomas Spiegel, chủ tịch Quỹ Tiết kiệm và Cho vay Columbia.

Spiegel rất sùng kính Milken. Siegel cũng làm việc miệt mài quên thời gian, và những bức tường trong văn phòng anh ta treo chi chít những tấm ảnh của Milken và vợ, chụp cùng Spiegel tại các nhà hàng, các buổi tiệc tùng.

Charles Keating, chủ tịch Quỹ Tiết kiệm và Cho vay Lincohn là một đối tác then chốt khác. Keating và Milken thường trò chuyện về gia đình, và nhấn mạnh tầm quan trọng mà mỗi người đặt vào các mối quan hệ gia đình.

Nhưng thân thiết nhất trong tất thảy những người này là Fred Carr, chủ tịch Công ty Bảo hiểm Executive Life. Carr rất khôn ngoan, là một trong những nhân vật đầu tiên đi theo học thuyết của Milken về thời cơ trái phiếu lãi suất cao, đồng thời là nhà bảo trợ đầu tiên và nhiệt thành cho các hoạt động này. Trước thái độ sửng sốt tột độ của mọi người trong văn phòng, Milken luôn kiểm tra các bản sao danh mục đầu tư của Carr và Drexel mỗi buổi chiều thứ Sáu, và rồi, không cần tham vấn Carr, Milken tự do thực hiện giao dịch giữa hai mã này. Ngược lại, Milken không hề úp mở giấu giếm sự thật là anh ta nghĩ Charlie Knapp, chủ tịch Công ty Tài chính Hoa Kỳ, là "một kẻ gàn dở" không hơn không kém.

Milken không chỉ tài giỏi ở việc tập hợp sức mua ghê gớm đối với các sản phẩm mà các quỹ tiết kiệm và cho vay cùng các công ty bảo hiểm chào bán, đặc biệt là vào thời điểm đó, khi việc xóa bỏ luật lệ liên bang đã mở ra thêm quá nhiều cơ hội cho lĩnh vực kinh doanh tiết kiệm và cho vay. Và chúng còn có thể được khai thác với nguồn lực ghê gớm hơn. Milken đã thấy rõ ràng rằng điều đó đang bắt đầu xảy ra trong bối cảnh nền tài chính nước Mỹ. Anh ta nghe ngóng những thông tin như vậy từ các khách hàng như Carl Lindner và Saul Steinberg. Những khoản tiền lớn được đem ra trao đổi hòng nắm lấy quyền điều hành doanh nghiệp, trong các vụ sáp nhập và mua lại, và càng lúc càng phổ biến hơn, là trong một biến thể dường như còn nhiều hứa hẹn hơn với Milken: LBO (tài trợ mua lại và sáp nhập doanh nghiệp), trong đó một công ty đại chúng được biến thành công ty tư nhân. Và việc kiểm soát doanh nghiệp chiếm thế thượng phong.

Rất rõ ràng, việc Milken, vốn đã lặng lẽ nuôi dưỡng mạng lưới tài chính của mình thành một "cỗ máy in tiền" khổng lồ, bắt đầu bùng nổ trong lĩnh vực thâu tóm chỉ là vấn đề thời gian. Milken thường nói với Trepp rằng không có thương vụ nào là anh ta không thể thực hiện, không công ty nào có quy mô quá lớn đến mức không cần e sợ quyền lực của anh ta. "Chúng ta sẽ đặt cả GM, Ford và IBM lên cọc phát bóng", anh ta nói với Trepp với thái độ

quả quyết. “Và khiến chúng phải cúi mình.”

2.

Robert Wilkis nhướn mắt nhìn qua căn phòng đông đúc tại trụ sở của Citicorp ở Manhattan. Anh ta chưa bao giờ thấy những thành viên trẻ tuổi của cộng đồng WASP tập trung đông đảo đến như vậy. Lẽ nào bọn họ đều bị hút hết vào lĩnh vực ngân hàng này, hệt như lũ cá hồi theo bản năng xoay xỏa bơi ngược dòng? Bữa tiệc rượu chào mừng nhân sự mới của năm 1977 đã củng cố thêm cảm giác cô lập và lập dị của anh ta. Anh ta mới vừa bắt tay với chủ tịch Citicorp, ngài Walter Wriston huyền thoại. Thế nhưng Walter Wriston lại chẳng để ý gì mấy đến Wilkis; ông ta quá bận bịu với chiếc biển nhựa đề tên những nhân viên mới đang đứng trong hàng đợi đến lượt mình. Wilkis thở dài và quay trở lại quầy bar lấy đồ uống mới.

Và rồi anh ta phát hiện ra một kẻ trông còn lạc lõng hơn mình. Anh chàng đang đứng trơ trọi một mình. Không như những người khác, hầu hết đều có dáng dấp cựu vận động viên của nhóm trường đại học Ivy League danh giá, anh chàng này đậm người với mái tóc hơi dài và hàng ria tối màu. Wilkis tiến đến gần hơn và nhìn thấy cái tên in trên thẻ đeo của anh ta: Dennis Levine.

“Một người Do Thái hay ho như anh thì làm gì ở một chỗ như thế này?” Wilkis hỏi. Hai người bắt đầu so sánh điểm nọ điểm kia nhưng rồi phát hiện ra họ chẳng có mấy nét tương đồng ngoại trừ nguồn gốc Do Thái. Wilkis cao và gầy, và bởi vì sự tự ti, anh ta đã tự biên tập cho mình được một bản lý lịch đáng thèm muốn. Trước khi gia nhập thế giới ngân hàng trứ danh của Citibank, nơi anh ta thực hiện nghiệp vụ cho vay quốc tế sáng giá, anh ta từng làm việc cho Ngân hàng Thế giới. Anh ta còn trải qua cả một mùa hè tại Bộ Tài chính Mỹ, nghiên cứu về các vấn đề kinh tế chính yếu. Wilkis hoạt ngôn và tinh tế, đã sống ở nước ngoài và thường xuyên đi đây đi đó. Anh ta tốt nghiệp Đại học Harvard, kết hôn với một phụ nữ gốc Cuba, sử dụng trôi chảy năm ngoại ngữ: Pháp, Đức, Ý, Ả Rập và Do Thái cổ.

Levine, ngược lại, chỉ làm việc trong một lĩnh vực nghiệp vụ ngân hàng gọi là “tư vấn doanh nghiệp”. Thậm chí chính Levine dường như cũng không hiểu rõ chức năng của bộ phận mình, nhưng anh ta lại có dư thừa thời gian rảnh rỗi và gắng sức lách mình vào những mảng công việc khác trong tập đoàn. Levine sinh ra và lớn lên trong một khu Do Thái trung lưu ở Queens. Anh ta không đi đó đây nhiều và thành tích học tập tại Trường Baruch, thuộc Đại

học Thành phố New York, cũng không có gì nổi bật.

Levine và Wilkis thấy rất nhiều điều để trò chuyện với nhau. Văn phòng của họ nằm trên cùng một hành lang ở trụ sở của Citicorp tại 399 Park Avenue. Wilkis ngờ rằng anh ta sẽ gặp Levine nhiều hơn. Có điều gì đó ở Levine – chút ấm áp, cơ hồ là một nỗi khát khao giành được sự yêu chuộng của người khác hiện lên rõ rệt như có thể cầm nắm được – đã gây ấn tượng ngay lập tức.

Dự cảm của Wilkis chẳng mấy chốc đã được minh chứng ngay. Chỉ tuần sau đó, buổi sớm một ngày nọ, Levine ghé vào văn phòng của Wilkis và hỏi xem anh ta đang làm gì. Trước khi Wilkis kịp trả lời, Levine đã nói ngay, "Đi uống café đi."

"Không được đâu," Wilkis đáp. "Tôi phải làm xong cái này cho một khách hàng."

"Quỷ tha ma bắt đám khách hàng của anh," Levine nói, rồi ngoác miệng cười tinh quái và bước ra.

Wilkis bối rối quá. Anh ta vẫn thường nghĩ mình phải gánh chịu hậu quả của một khuyết điểm, hay đúng hơn là một chức năng của việc dạy dỗ kiểu Do Thái cổ chính thống đã phải chịu đựng trong quá trình sinh trưởng ở Baltimore.

Ngày hôm sau Levine quay trở lại, với đề nghị còn táo bạo hơn. "Sau bữa trưa trốn việc cái đi", anh ta gạ gẫm. Wilkis sợ hết hồn. Levine bồi thêm, "Anh biết là anh nhạt chết đi được mà."

Wilkis nhạt nhẽo thật, và lại còn mâu thuẫn trong tư tưởng về chính sự nghiệp của mình nữa. Anh ta đã 28 tuổi (lớn hơn Levine 3 tuổi) và trước khi vào học ở Trường Kinh doanh Stanford, anh ta chưa từng tưởng tượng ra một công việc trên Phố Wall thế này. Về mặt chính trị, Wilkis trước nay là tả khuynh và luôn tự coi mình là người hết sức cổ xúy tự do. Sau khi tốt nghiệp đại học, anh ta từng dạy học cho trẻ tật nguyền trong hệ thống trường công ở Boston.

Wilkis đã tìm mọi cách có được một công việc lương cao bổng hậu bằng cách ứng tuyển vào trường kinh doanh, nhưng vừa được gọi nhập học, anh ta đã ghét bỏ nó ngay. Anh ta căm giận bản thân vì đã đến nơi này, vì đã bán rẻ bản thân. Anh ta gần như bị trượt môn kế toán, anh ta coi thường rất nhiều bạn đồng học, khinh rẻ họ như những kẻ "khờ dại", cái đám "hóa ra chỉ muốn làm nghề kế toán quèn". Anh ta sợ rằng chính mình cũng sẽ phải trở thành một kẻ ăn không ngồi rồi mới sống sót nổi. Những kinh nghiệm

đã có, cho dù Wilkis đã trải qua khá nhẹ nhàng, vẫn là một nỗi thất vọng lớn với hình tượng cá nhân của anh ta.

Khi Wilkis tốt nghiệp đại học năm 1977, vợ anh ta đang mang bầu. Mẹ anh ta thì ly hôn và gặp khó khăn về tài chính. Wilkis nghèo túng tả tơi. Các bạn học đều đã yên ổn với công việc nhiều bổng lộc, chính vì thế khi Citicorp đưa ra lời đề nghị làm việc, anh ta chộp ngay lấy cơ hội. Anh ta có những ý tưởng lờ mờ về vấn đề làm một việc gì đó trong lĩnh vực quan hệ quốc tế.

Nhưng cho đến lúc bấy giờ, đối với Wilkis, Citicorp đúng là chán ốm. Tập đoàn ngân hàng đồ sộ này chỉ là một phiên bản "sơ-mi-cà-vạt" của lực lượng quân đội mà thôi, anh ta cố thủ trong doanh trại của mình, bị bao quanh bởi đủ thứ hướng dẫn luật lệ và quy định đối với gần như nhất cử nhất động của anh ta. Môi trường làm việc không hề mang lại cho anh ta có chút quyền riêng tư nào. Không ai ngoài Dennis Levine tỏ ra hứng thú giao du với anh ta. Nhưng sự hứng thú của Levine thì lại được thể hiện vô cùng mạnh mẽ.

Ngược lại, Levine cũng gây thiện cảm rất lớn đối với Wilkis – "Anh thật sự học ở Harvard, thế mà lại nói chuyện với tôi ấy hả?" Anh ta hỏi với vẻ thật thà châm chọc, đầy bí ẩn – "Cậu biết đấy, chúng ta đều là những anh chàng Do Thái hay ho trong một môi trường toàn đám WASP thù nghịch", tỏ vẻ tham chiến – "Mặc kệ xác hệ thống! Kệ xác mấy lão chủ!" anh ta thốt lên, rất thản nhiên. Levine gọi Wilkis là "người cộng sản hồng tả khuynh". "Anh biết vấn đề của anh là gì không, Wilkis?" Levine hỏi. "Anh lo lắng quá nhiều về những mảng 'xám' trong cuộc sống này. Đó là điểm khác biệt giữa chúng ta. Tôi có những mục tiêu rõ ràng. Anh thì không."

Wilkis hiếm khi gặp được ai suy nghĩ rõ ràng về sự nghiệp của mình đến thế. Levine nói rằng khi còn là sinh viên ở Baruch, cậu đã đọc qua một cuốn sách có tên The Financiers (Những nhà tài phiệt), nói về hoạt động của thế giới ngân hàng đầu tư. Cậu cảm thấy sửng sốt với những đoạn miêu tả lối sống của những chuyên viên ngân hàng này, các loại quần áo đắt tiền cùng các bộ đồ được thiết kế riêng, xe cộ hào nhoáng cùng cơ ngơi của họ. Levine chưa từng hay biết rằng thế giới đó có tồn tại trên đời.

Levine sinh trưởng ở Bayside, một khu phụ cận của Queens gồm toàn những dãy nhà xây gạch nung, rất thích hợp để làm cảnh mở màn cho series phim "All in the Family". Anh ta là con út trong gia đình gồm ba người con trai; mẹ anh ta cả đời vẫn không thể vượt qua nổi nỗi đau mất người con gái khi nó mới lên năm. Philip, cha

của Levine thì có việc làm ăn riêng của mình, chuyên bán ván bọc ngoài bằng nhôm và ni-lon. Philip Levine không tin vào các ngân hàng, không muốn có bất kỳ ghi chép nào về những thỏa thuận tài chính của mình, những thứ mà ông ta tin rằng sẽ chỉ bị Sở Thuế sử dụng để chống lại mình. Ông ta thậm chí còn không có sổ sách kế toán và cất giữ các khoản tiết kiệm bằng tiền mặt ngay dưới giường ngủ của mình.

Dennis chẳng xuất sắc bất cứ môn học gì ở trường trung học, mặc dù anh ta tương đối nổi tiếng trong một nhóm nhỏ bạn bè, có vài người trong số đó cậu vẫn thường xuyên qua lại ở Queens cả sau khi tốt nghiệp. Và rồi, quá chán nản với ý nghĩ sẽ phải dành cả đời ở khu phụ cận, cậu đã ghi danh vào chương trình học miễn phí ở Trường Baruch, và nhanh chóng phân biệt mình với các bạn cùng lớp bằng cách mặc một chiếc áo choàng và thắt cà vạt để đến lớp hầu như mỗi ngày. Anh ta tiếp cận các giảng viên, chắc mẩm rằng những "mối liên hệ" này là cần thiết để có thể leo lên cao trên Phố Wall. Trong suốt năm cuối cùng, Levine nộp đơn ứng tuyển vào tất cả các ngân hàng đầu tư trên Phố Wall – và tất cả đều khước từ. Anh ta đổ lỗi cho nguyên nhân thiếu "dòng dõi giày-trắng" và anh ta càng cay đắng với điều đó hơn.

Ngược lại, Wilkis lại tự cho mình là đạo mạo và có học thức; thú vui chủ yếu của anh ta là những cuốn sách kinh điển. Anh ta không bao giờ cảm thấy chút định kiến gì về xuất thân Do Thái của mình, và cũng không thấy thế gian này có gì thù nghịch. Thế nhưng anh ta lại đồng cảm với Levine. Mẹ Levine đột ngột qua đời khi anh ta còn đang học đại học; cha Wilkis cũng như vậy. Levine luôn nhắc đi nhắc lại một viễn cảnh rằng kề vai sát cánh bên nhau, anh ta và Wilkis có thể giành chiến thắng. Có lẽ nguyên do lớn hơn hết thảy – là mặc dù có vợ, Elsa và một cô con gái mới sinh – Wilkis vẫn hoàn toàn cô độc.

Một hôm, Levine kể với Wilkis rằng anh gặp một cô gái trẻ tên là Laurie Skolnick. Anh ta trêu chọc Wilkis, vốn rất nhạy cảm với các vấn đề nữ giới, rằng anh ta có ý định "chiếm hữu nàng". Wilkis sau đó đã tới dự đám cưới của hai người. Laurie tóc vàng, tính tình dễ chịu, người Do Thái và như lời nàng, nàng tin tưởng vào "hôn nhân truyền thống": Levine sẽ kiếm tiền còn nàng sẽ chăm chút tổ ấm. Laurie nói với ngữ điệu New York. Wilkis không nói gì với Levine, nhưng anh ta thất kinh trước nghi lễ đám cưới của Levine, một thứ mà anh ta coi là kiểu thể hiện thô tục của phẩm vị thấp kém. Như những gì anh ta thấy, hầu hết bạn bè của Levine đều dính dáng đến ma túy. Đây là một thế giới cách xa cả triệu năm ánh sáng so với thế giới của Wilkis và những người bạn học hành

tử tế ở Harvard của anh ta.

Trớ trêu thay, thứ trải nghiệm mới mẻ này dường như lại làm tăng thêm nỗi cảm thông của Wilkis dành cho Levine. Wilkis cảm giác như thể anh ta đang cứu vớt Levine. Trong những buổi gặp gỡ ngày càng thường xuyên hơn, Levine bắt đầu chia sẻ những suy nghĩ và khát khao sâu thẳm nhất của mình. Một buổi tối nọ, anh ta kể với Wilkis, bằng tông giọng có phần bí ẩn: "Tôi đã biết từ hồi mới được làm lễ trưởng thành xong, rằng có một lối đi bí mật, và thông tin chính là chìa khóa." Và sau đó anh ta thường xuyên nói với Wilkis về "ước mơ của mọi ước mơ: tâm trạng sảng khoái, thứ quyền năng tuyệt đối của việc đọc tờ Wall Street Journal số ra ngày 13 tháng Chín ngay trong ngày 12 tháng Chín." Wilkis chẳng quan tâm gì nhiều đến những ý tưởng mơ màng này của Levine. Levine dường như chẳng có bước tiến nào đáng kể trong công cuộc chinh phục thông tin. Không có gì ngạc nhiên, với thái độ ấy cùng việc thường xuyên vắng mặt ở công sở, Levine không được thăng chức vào năm tiếp sau đó, khi những nhân viên mới cùng lứa với Levine và Wilkis được đưa ra xem xét, đánh giá. Wilkis thì có. Vị trí mới của anh ta bao gồm cả một quyền lợi: được ra vào phòng ăn dành cho lãnh đạo chứ không phải ngồi ở căng tin thông thường dành cho tất cả nhân viên. Levine cứ bám riết lấy anh ta, nhằng nhằng nài nỉ Wilkis dẫn anh ta đến phòng ăn như một vị khách. Và rồi Levine xin Wilkis phá lệ: làm cho Levine một tấm thẻ nhận diện để anh ta có thể tự đi vào phòng ăn đặc biệt đó. Bất chấp ít nhiều bối rối, Wilkis cuối cùng vẫn làm chiếc thẻ đó cho Levine.

Chỉ một thời gian ngắn sau khi bị gạt khỏi Citibank, Levine lại đi ứng tuyển tìm việc ở 25 ngân hàng đầu tư trên Phố Wall. Anh ta nhận được một phản hồi tích cực. Lần này thì anh ta thực sự được Smith Barney, Harris Upham & Co. tuyển dụng. Anh ta gọi cho Wilkis ngay trong tuần đầu tiên làm việc mới và đưa ra một thông tin cổ phiếu mật.

"Cứ mua đi," Levine khẳng khái. "Đừng hỏi han gì lôi thôi." Wilkis mua vài trăm cổ phiếu, và chẳng bao lâu sau, cổ phiếu này tăng giá dữ dội. "Thấy chưa, Bob" Levine nói. "Tôi sẽ chăm sóc anh đâu ra đấy."

* * *

Những cơ hội lượm mót thông tin nội bộ của Levine chẳng bao lâu đã bị hạn chế khi anh ta bị điều đến văn phòng của Smith Barney ở Paris. Wilkis thì ghen tị với quyết định thuyên chuyển này. Anh

ta thực lòng muốn làm một công việc mang tính quốc tế và coi Paris là một chỗ hời. Levine thì chẳng mấy bận tâm, thậm chí không hề mặn mà gì với công việc ngoại giao quốc tế này nọ. Tại Pháp, Levine làm về mảng tổ chức nghiệp đoàn cho trái khoán châu Âu, giao dịch các vụ chào bán trái khoán châu Âu cho khách hàng châu Âu, một công việc đòi hỏi anh ta phải đi ngang dọc châu Âu, viếng thăm các kinh đô tài chính của châu lục này. Anh ta và Laurie sống trong một căn hộ rộng rãi thuộc sở hữu của Smith Barney trên Đại lộ Foch ở quận 16 thời thượng của Paris. Nhưng trong những cuộc điện thoại thường xuyên với Wilkis, Levine chẳng nói gì nhiều ngoài kêu ca phàn nàn, đặc biệt là về vợ mình.

"Cô ta đang cản trở con đường sự nghiệp của tôi," Levine càm ràm. Laurie, vốn bị tước bỏ cuộc sống tự tại thoải mái ở Queens của mình, cảm thấy thật cô quạnh ở Paris. Cô đau khổ vật vã, cuối cùng phải vào bệnh viện. Levine cũng chẳng vui vẻ hơn. Anh ta chán nản vì bị tách xa khỏi "dòng chảy giao dịch" ở văn phòng Smith Barney ở New York. Mặc dù vậy, là một nhân viên tài chính doanh nghiệp mới chập chững vào nghề, anh ta cũng chẳng làm gì mấy ngoài việc phân tích bảng tính, anh ta khoa trương với Wilkis rằng mình biết tường tận mọi giao dịch đang được thực hiện ở văn phòng. Anh ta còn nói rằng mình đã thành thần trong việc đọc ngược các tài liệu để trên bàn đồng nghiệp.

Wilkis rời khỏi Citibank, nhận một công việc mới ở Blyth Eastman Dillon, một trong những công ty WASP lâu đời và có vai vế, vì công ty này vừa mới xây dựng một ngân hàng thương mại quốc tế. Wilkis nuôi nấng ý tưởng rằng đơn vị mới này sẽ hỗ trợ tài chính cho những dự án phát triển ở các nước thuộc Thế giới thứ Ba, nhưng mọi kế hoạch tốt đẹp ấy đều giậm chân tại chỗ bởi những cuộc đấu đá quyền lực trong nội bộ công ty. Wilkis than phiền với Levine rằng anh ta không được đi lại, không được thực hiện những gì mình hằng mong muốn. Levine phản đối và cho rằng Wilkis nên quên hẳn mấy cái công việc quốc tế này nọ và bắt tay vào lĩnh vực mua lại và sáp nhập ngay.

"Tôi không hiểu nổi anh nữa," Levine giận dữ nói. "Anh muốn giúp cái đám da màu và gốc gác Tây-Bồ ấy hả? Sao anh lại phải giúp đỡ những kẻ khốn khổ ở Thế giới thứ Ba kia chứ?" Và rồi anh chàng đổi giọng. "Bob, anh là bạn tôi. Tôi chỉ muốn anh làm ăn khấm khá thôi. Anh ngây thơ quá. Phố Wall sẽ ăn tươi nuốt sống anh cho mà xem. Chẳng ai thèm quan tâm đến ba cái thứ tả khuynh vớ vẩn của anh đâu. Họ sẽ lợi dụng anh. Anh phải nghĩ đến bản thân, đến gia đình chứ. Anh phải làm cái gì hơn để giúp

mẹ anh chứ." Đó là một phiên bản khác của quan điểm chúng-ta-thách-thức-thế-giới của Levine. "Tôi là người duy nhất anh có thể tin cậy." Levine kết luận.

Nhưng chẳng bao lâu sau, Wilkis đã làm trái lời khuyên của Levine, nhận một công việc ở bộ phận quốc tế của Lazard Frères, một ngân hàng đầu tư quy mô nhỏ nhưng rất danh tiếng, trong đó đình đám nhất là chuyên viên ngân hàng Felix Rohatyn. Levine tiếp tục rầy la Wilkis về con đường sự nghiệp nhưng cũng tập trung hơn vào sự thăng tiến của riêng mình ở Smith Barney, hay đúng hơn là xao lãng hơn với vấn đề của Wilkis.

Bất cứ khi nào Levine ở New York hay Paris, anh ta đều ghé qua chỗ J. Tomilsson Hill III, thảo luận về việc chuyển sang làm về mua lại và sáp nhập. Hill đã chuyển tới Smith Barney từ First Boston, một trong những công ty đình đám nhất về mua lại và sáp nhập. Ông ta là người thành thị, chải chuốt bóng bẩy và rất nề nếp quy củ. Hill cũng ăn mặc chỉnh tề tinh tế với những bộ vest được cắt may rất khéo và tóc chải ngược bóng mượt trên đầu. Trong khi với một số người, ông ta để lại ấn tượng lạnh lẽo, thậm chí hằn học, thì với một số khách hàng, ông ta lại tạo cảm giác giàu kinh nghiệm, quả quyết và rất chuyên nghiệp. Khi anh ta mới chuyển đến, Smith Barney vừa mới sáp nhập với Harris Upham – một sự kết hợp cưỡng ép – hệ quả của một vụ giao dịch tín thác. Trong lịch sử, Smith Barney rất mạnh về môi giới bán lẻ và nghiên cứu. Cũng giống như Burnham & Co., công ty này đã phải nếm trải một sự suy giảm nghiêm trọng về lợi nhuận trong những lĩnh vực làm ăn đó. Harris Upham thì lại có thế mạnh về tài chính đô thị và trái phiếu miễn thuế. Cả hai công ty này đều không có được bộ phận tài chính doanh nghiệp cho ra hồn, chưa kể đến bộ phận chuyên mua lại và sáp nhập. Hill đã được đưa vào để xác lập một bộ phận như thế.

Hill cần người cho bộ phận chuyên trách mới của mình, và ông ta nhận ra rằng Levine có thể là một sự thay đổi lành mạnh so với những gã tốt nghiệp từ Harvard và Stanford, mà trong mắt ông, chỉ rặt là một lũ luôn tự coi mình là món quà của Thượng đế. Hill nghĩ Levine đúng là một người thích kiếm tiền. Anh ta chỉ học mấy trường nhà quê do đó Hill cho rằng nếu tiến xa đến thế này, ắt hẳn anh ta đã phải làm được điều gì đó đình đám lắm. Levine đảm nhiệm một sự hứa hẹn mà Hill gọi là "sức sống lai".

Hill xác minh lại các thông tin về Levine thông qua các quản lý của anh ta tại trụ sở Paris. Họ miêu tả anh chàng là người năng nổ và "háu đói", một người mong muốn thăng tiến thật nhanh. Họ

nói anh ta luôn hướng về phía trước, yêu thích những loại hình kinh doanh mới mẻ, và dường như rất có duyên với khách hàng. Levine không ngần ngại nhấc điện thoại lên tán chuyện những khách hàng hiện tại hoặc bất ngờ gọi điện cho những khách hàng mới. Đó quả là một bản lý lịch đầy hấp dẫn.

Cuối cùng, vào mùa hè năm 1979, Hill đã thực hiện đúng tâm nguyện của Levine và đưa anh ta trở về New York làm việc trong bộ phận M&A. Levine sung sướng phát cuồng. Anh ta và Wilkis tổ chức ăn mừng ở một nhà hàng trên khu Manhattan. "Ai trả đây?" Levine hỏi Wilkis. "Anh trả hả? Ô, hay quá. Bồi bàn? Chúng tôi lấy một chai Chateau Talbot năm 71." Levine quá háo hức được phô trương những kiến thức mới mẻ về rượu vang Pháp hảo hạng. Trong khi cùng Wilkis chạm cốc chúc mừng cuộc trở về, Levine ghé sát lại để thì thào với Wilkis. "Tôi đang làm ăn đúng kiểu tay chơi thứ thiệt đấy." Anh ta nói với vẻ bí ẩn.

"Thế nghĩa là sao?" Wilkis hỏi.

"Đối với một người từng học ở Harvard, anh không được thông minh lắm nhỉ." Levine nói. "Anh không đoán ra được à? Tôi cho anh một gợi ý. Dãy núi nào nằm ở châu Âu?" Levine ngưng lại, Wilkis trông ngớ cả ra. Cuối cùng, Levine đành tiết lộ bí mật. "Bob. Tôi dàn xếp đâu ra đấy rồi. Tôi đã có hẳn một tài khoản tại ngân hàng Thụy Sỹ."

Wilkis vẫn còn hồ hoặc lắm; anh ta nghĩ chỉ có đám găngxtơ trán dô mặt sẹo mới có tài khoản ngân hàng Thụy Sỹ. "Thế thì sao?" Anh ta hỏi tiếp.

Nhưng Levine từ chối nói nhiều hơn. "Nếu anh không hiểu, tôi cũng không chắng nói ra đâu." Anh chàng có vẻ thất vọng trước sự thiếu nhiệt tình của Wilkis.

Tuy thế, Levine có một điểm yếu mà chẳng mấy chốc đã trở nên rõ rệt khi bắt đầu làm việc ở bộ phận sáp nhập và mua lại: kỹ năng tính toán của anh ta vô cùng tệ hại. Công việc M&A đòi hỏi những tính toán rất chi tiết về dòng tiền chiết khấu. Rất nhiều dạng định giá trong các mảng kinh doanh cần phải đưa về với giá chính xác để phục vụ những giao dịch lớn. Hầu hết những phần việc này đều được thực hiện bởi các nhân viên M&A mới vào nghề. Nhưng Hill nhận thấy rằng Levine luôn tự tổ chức nhóm của mình sao cho có một kẻ khác phải gánh phần việc tính toán. Levine vốn là một kẻ nhanh mồm nhanh miệng, và sớm đã nổi trội giữa bộ phận mới vừa thành lập; nhưng càng lúc Hill càng cảm thấy rằng

Levine, theo lời của ông là, "một thằng lươn lẹo chết giẫm."

Hill lẳng lặng hỏi dò xung quanh, gắng tìm xem ai làm gì trong các vụ thỏa thuận. Trong trường hợp của Levine, ông ta biết được rằng hầu hết các công việc số má đều được thực hiện nhờ một thực tập sinh mùa hè trẻ tuổi đến từ Trường Kinh doanh Harvard, tên là Ira Sokolow. Không như Levine, Sokolow lặng lẽ và siêng năng, tỉ mỉ kỹ càng gần như với cả từng lỗi nhỏ, một người truy cầu hoàn hảo. Hào hứng với việc gây được ấn tượng tốt, Sokolow dễ dàng trở thành con mồi của Levine: Anh ta làm việc thâu đêm, cả dịp cuối tuần, làm bất cứ thứ gì miễn sao hoàn thành các phần việc Levine giao. Sokolow không bao giờ phàn nàn lấy nửa lời.

Cuối cùng Hill cũng cho gọi Levine vào và nói: "Anh đừng có bịp tôi" đồng thời nhấn mạnh thêm rằng Levine sẽ không thể thăng tiến trong bộ phận mình được, đến chừng nào anh ta đã thành thục những kỹ năng cơ bản.

"Nhưng vai trò của tôi còn quan trọng hơn nhiều," Levine cự lại. "Ai mà chẳng làm được ba việc nhỏ nhặt kia."

"Dennis, anh chưa học bò đã lo học chạy đấy," Hill quả quyết. "Anh phải tự trang trải những món nợ của mình chứ. Hầu hết những tay chuyên nghiệp có thể phản ứng tức thời và khôn ngoan trong một vụ khủng hoảng là bởi mười lăm năm về trước, họ đã cặm cụi làm bảng tính đến tận khuya trật."

Nhưng Levine chẳng đoái hoài gì mấy đến lời cảnh báo đó. Năm đó, khi xét thưởng, Hill nói rằng Levine được nhận khoảng 100 nghìn đô-la, bao gồm cả lương thông thường của anh ta. Levine nổi đóa lên vì anh ta không không phải là thành viên được trả cao nhất trong lứa lãnh đạo ngang hàng với mình. "Dennis, cậu không ứng xử đúng đắn như một người muốn học hỏi thêm", Hill nói. "Hình như cậu nghĩ thế gian này toàn thằng đần hết cả. Đáng buồn là cậu nhầm rồi."

Levine phàn nàn với Wilkis rằng Smith Barney chỉ rặt một lũ giày-trắng tầm thường, những kẻ không biết coi trọng anh ta, đặc biệt là Hill, lão chủ. "Hill là một gã phản Se-mit." Levine nói với Wilkis.

"Sao cậu nghĩ nực cười thế." Wilkis đáp. "Ông ta chỉ không thích cậu thôi mà."

Levine bị ám ảnh vì khoản thưởng của mình. Anh ta cứ không ngừng sùng sục tìm đến Hill, căn vặn xem liệu ông ta có chịu xem xét lại không, liệu ông ta có chịu sửa chữa sai lầm không, và tự hỏi

tại sao mình lại không được thăng chức nhanh hơn. Mặc dù Levine quấy rầy Hill nhiều hơn những người khác trong cùng nhóm, nhưng nhìn chung, Hill coi những đòi hỏi lợi ích của Levine là hoàn toàn lành mạnh. Nó thể hiện rằng Levine rất năng nổ. Ông ta vốn tin rằng, mua lại và sáp nhập là thứ làm ăn đòi hỏi người ta phải hừng hực quyết tâm. Điều khiến ông ta hơi lo lắng chính là lối suy nghĩ tự mãn của Levine về những kỹ năng và đóng góp của anh ta.

Và rồi Levine đạt được một việc mà anh ta coi là chiến thắng huy hoàng. Trong khi những người khác trong nhóm còn đang chúi đầu vào các bảng tính, thì Levine bắt đầu tập trung vào cái mà anh ta gọi là "xác định cơ hội". Một buổi chiều, anh ta cấp tập lao vào văn phòng của Hill với một mớ băng điện tín, nhấn mạnh rằng giao dịch chứng khoán của một công ty nọ dường như có dấu hiệu bất thường. "Gọi ngay và chào bán dịch vụ chống thâu tóm của ta đi thôi," anh ta bảo với Hill. "Trông có vẻ như công ty này sắp nhận được đề nghị mua lại rồi."

Hill tìm hiểu đôi chút và kết luận rằng công ty này đúng là có vẻ được lượng giá thấp và có nhiều khả năng trở thành một mục tiêu thâu tóm. Ông ta gọi đến công ty này và đề nghị rằng nó có thể nghe theo lời tư vấn mà công ty đưa ra trong việc dự đoán một cuộc đấu thầu không mấy thân thiện. Trong khi Smith Barney vẫn chưa được thuê chính thức, Hill bắt đầu những cuộc đàm thoại đều đặn, giúp công ty này lý giải những đợt tăng giá cổ phiếu và lượng giao dịch đột ngột. Hẳn nhiên, công ty này đã nhận được một lời đề nghị mua lại, điều đó khiến Levine rất hỉ hả. Mặc dù Smith Barney vẫn chưa được giao phó công việc bảo vệ, nhưng nó lại được thuê làm "trọng tài" để xem xét liệu rằng vụ đấu thầu được đề nghị có thể hiện đúng giá trị thực của công ty hay không. Chỉ với một thương vụ tương đối khiêm tốn như thế, trong đó Levine quy toàn bộ công trạng cho thông tin tuyệt mật của mình, Smith Barney đã thu về khoản tiền 250 nghìn đô-la rất ngon lành.

Levine giờ đây tự coi mình là trung tâm sinh lời. Anh ta bắt đầu theo sát các cuộn băng, tìm hiểu kỹ lưỡng những động thái tăng lượng giao dịch tương tự, rất có thể là tín hiệu tích tụ dần cho một cuộc thâu tóm. Anh ta tranh luận với Hill, đòi hỏi một khoản tiền thưởng lớn hơn, nhấn mạnh tầm quan trọng của vai trò mới mà anh ta vừa tạo ra cho riêng mình. Vậy nên, anh ta thậm chí còn tức giận hơn khi đến lần xét thưởng tiếp theo, anh ta vẫn lại không thể leo lên mức thưởng cao nhất, và còn được Hill thông báo rằng anh ta không được đề bạt lên chức phó chủ tịch, không

bằng những người đồng nghiệp khác trong công ty. “Tôi quá thất vọng,” Hill thẳng thừng nói. “Cậu không hề thể hiện rằng sẽ nỗ lực trở thành một nhân viên ngân hàng đầu tư đến nơi đến chốn.”

Đối với Levine, thứ trải nghiệm này chỉ càng củng cố thêm quan điểm rằng nếu không có những thứ thước đo phi thường, anh ta sẽ không thể nào đạt được những tham vọng vĩ đại của mình. Không chỉ có một mình anh ta ngạc nhiên. Như những gì anh ta cứ năm lần bảy lượt kể với Wilkis, anh ta chắc canh ta rằng tất cả mọi người đều phải sử dụng thông tin nội bộ để thăng tiến hết; và trò chơi đã được dàn xếp đâu ra đấy. Tại các buổi ăn trưa thường xuyên của họ hay những buổi đi dạo trong công viên Central Park, Levine nói với Wilkis rằng hầu như tất cả các thành viên trong trụ sở Paris của Smith Barney đều có tài khoản ngân hàng ở Geneva, và họ qua lại Thụy Sỹ dịp cuối tuần như cơm bữa. Thậm chí cả Hill, anh ta viện dẫn, cũng đổi chác thông tin nội bộ với một chuyên viên ngân hàng đầu tư ở Dillon, Read. Levine cũng chắc như đinh đóng cột là Hill có hẳn một tài khoản giao dịch bí mật. “Với những gì tôi biết, tôi có thể cho lão Hill ngã dập mặt chứ chả chơi”, Levine huênh hoang, và chưa bao giờ anh ta nói cụ thể hơn. (Hill chưa bao giờ bị kết tội vì sử dụng sai mục đích bất cứ thông tin tối mật nào.)

Buổi chiều nọ, trong một lần đi dạo như thường lệ, Levine hỏi xem liệu Wilkis có thể giúp anh ta lấy thông tin về các thỏa thuận bị treo tại Lazard được không. Chúng sẽ giúp anh ta xác định các mục tiêu và kéo các vụ làm ăn về cho Smith Barney. Hay, anh ta tiếp tục, anh ta có thể sử dụng thông tin để giao dịch với tài khoản Thụy Sỹ của mình. Sẽ không ai phát hiện ra cả. Sẽ không ai mảy may nghi ngờ rằng Levine lại có trước những thông tin về các vụ thỏa thuận mà công ty của anh ta chẳng hề dính líu. Anh ta ngưng lại để thăm dò phản ứng của Wilkis, rồi nói tiếp. “Anh cũng có thể làm vậy với những thông tin mà tôi cung cấp cho anh từ Smith Barney. Dễ ợt. Tất cả những gì anh cần chỉ là sắp xếp đâu ra đấy. Anh có thể giàu bộn, rồi biến khỏi Phố Wall. Anh có thể đến tận Nepal mà cạo đầu làm sư ấy chứ. Chẳng phải đấy là thứ anh muốn hay sao?”

Những lời bóng gió của Levine về tài khoản ngân hàng ở Thụy Sỹ giờ đây thật có lý. Ở một mức độ nào đó, Wilkis đã biết điều gì đang xảy ra, nhưng anh ta chọn cách không quan tâm đến điều đó. Giờ thì anh ta hỏi xem liệu Levine có đang sử dụng tài khoản ngân hàng Thụy Sỹ để giao dịch thông tin nội bộ hay không. Levine gật đầu xác nhận, và nhìn thẳng vào mắt Wilkis. Levine đã mở một tài khoản chỉ dưới 40 nghìn đô-la tại ngân hàng Pictet &

Cie. ở Geneva ngay trước khi trở lại từ Paris, anh ta giải thích. Kể từ đó, anh ta đã trao đổi thông tin về bốn vụ thỏa thuận của Smith Barney, phải thừa nhận là với những khoản tiền nho nhỏ nhằm tránh thu hút sự chú ý. Thế nhưng, tài khoản của anh ta đã tăng lên trên 100 nghìn đô-la.

Wilkis qua hãi hùng. Anh ta biết rằng ở cả Lazard lẫn Smith Barney, nhân viên có thể bị sa thải vì việc mở một tài khoản môi giới mà không thông báo cho công ty, mà nhờ đó, các động thái giao dịch chịu sự điều động của các cơ quan hành pháp. Và không nghi ngờ gì, giao dịch nội gián chính là phạm pháp. "Phạm pháp đấy, Levine ơi," Wilkis nói. "Tôi sợ lắm."

Bất kể như thế, Levine cũng tinh quái nhận ra rằng việc tiết lộ bí mật cho Wilkis không phải là mạo hiểm lắm. Wilkis thậm chí còn thấy gần gũi hơn với bạn mình. Người bạn đã đặt lòng tin vào anh ta bằng một bí mật mà từ đó có thể hủy hoại chính mình. Vận mệnh của Levine giờ đây hoàn toàn nằm trong tay Wilkis, và Wilkis thấy rất vinh hạnh. Và, mầm mống của một ý tưởng đã bắt đầu manh nha trong Wilkis. Anh ta cũng chẳng ưa công việc ở Lazard hơn so với Blyth hay Citibank. Có thể anh ta sẽ giàu to, như gã bạn vừa gợi ý – và biến khỏi Phố Wall mãi mãi.

Trong một chuyến đi dạo khác, Wilkis hỏi Levine về những khoản lời từ giao dịch của anh ta. "Thế cậu nộp thuế kiểu gì mà mấy vụ giao dịch đó không bị phát giác?"

Levine hân hoan nhận ra rằng Wilkis đã bị móc vào lưỡi câu đính sẵn mồi của mình. Suy nghĩ của Wilkis đã dịch chuyển từ khía cạnh đạo đức của trò lừa đảo thành khả năng bị tóm.

"Sao anh đần thế!" Levine thốt lên. "Anh không nộp thuế! Đấy là vẻ đẹp của trò này đấy. Tất cả những gì anh cần chỉ là dàn dựng khéo léo thôi. Tôi sẽ giải thích cho anh cặn kẽ." Và Levine bắt đầu giải thích, phác ra các thủ tục để thành lập các công ty "ma" với những giám đốc bổ nhiệm nhằm chỉ đạo hoạt động giao dịch nặc danh cũng như các điều khoản bảo mật ngân hàng ở khu vực Caribê, nơi rất nhiều ngân hàng Thụy Sĩ có các chi nhánh được bảo vệ bởi luật bảo mật Thụy Sĩ.

Mọi thứ dường như quá dễ dàng. Trong suốt nhiều tuần liền, Wilkis không nghĩ đến thứ gì khác ngoài lời đề nghị của Levine. Đúng là thế thật, anh ta suy luận, mọi người trên Phố Wall dường như đều tận dụng các thông tin tuyệt mật để làm lợi cho bản thân. Vậy hệ quả thật sự của việc này là gì? Chẳng phải là những công

việc hợp pháp mà anh ta vẫn thường làm cũng chỉ khiến cho tụi chủ ngân hàng ngày một giàu thêm mà hầu như chẳng mang lại mấy, thậm chí là không chút cống hiến gì cho xã hội?

Âm mưu của Levine dường như rõ như ban ngày. Việc giao dịch của anh ta hoàn toàn nặc danh, và anh ta sẽ không giao dịch trong bất cứ một thương vụ gì có thể bị truy cứu trực tiếp đến bản thân hay công ty. Wilkis phải tin vào Levine, đương nhiên, nhưng liệu Levine có tin anh ta không? Một khi họ đã cùng hội cùng thuyền trong một âm mưu, không ai có thể làm ảnh hưởng đến người kia mà không tự hủy diệt mình. Trong những so đo không ngừng nghỉ về lợi nhuận và rủi ro, dường như phần rủi ro chỉ là rất nhỏ.

Đến tháng Mười một năm 1979, Wilkis thuyết phục Elsa đến Bahamas nghỉ dưỡng. Cô vợ thì thích Miami hơn bởi ở đây có một cộng đồng lớn người gốc Cuba. Wilkis rút toàn bộ số tiền tiết kiệm – 40 nghìn đô-la tiền mặt – và nhét vào một va li. Họ bay tới Nassau. Thời tiết thật tệ hại trong suốt chuyến lưu trú của cặp vợ chồng.

Nếu chuyến đi đúng là một thất bại đối với kỳ nghỉ gia đình, thì sứ mạng thực sự của nó lại đã đạt được thật dễ dàng. Wilkis làm đúng từng ly từng tý chỉ dẫn của Levine. Anh ta thành lập một công ty tại Bahamas với tên gọi Rupearl; anh ta sử dụng bí danh và tự giới thiệu mình là "Ông Green". Tất cả nhân viên và giám đốc của Rupearl đều là bổ nhiệm của một mình Wilkis; tài sản của công ty là 40 nghìn đô-la tiền mặt. Anh ta đi phỏng vấn tại ba chi nhánh khác nhau của các ngân hàng Thụy Sỹ lớn, cuối cùng thì quyết định dừng lại ở Crédit Suisse. Tuyệt nhiên không một ai ngờ vực những dàn xếp của anh ta. Đến cuối kỳ nghỉ, anh ta đã "sắp đặt" đâu vào đấy, đúng như lời Levine.

Wilkis, vốn bị khoanh kín trong mảng quốc tế của Lazard, chưa từng để tâm chú ý gì nhiều đến những điều đang diễn ra trong mảng tài chính doanh nghiệp hay M&A. Giờ thì anh ta bắt đầu chăm chú nghe ngóng, hòng phát triển mối liên hệ với các nhân viên ngân hàng đầu tư, và để thông truyền mọi thứ lại cho Levine. Về phần mình, Levine lại chuyển thông tin từ Smith Barney sang cho Wilkis.

Thoạt đầu Wilkis rất căng thẳng, lo sợ rằng một mắt xích yếu nào đó sẽ khiến cho mối quan hệ giữa anh ta với Levine có thể bị phát hiện. Vậy nên Levine đề xuất rằng bọn họ sẽ nói chuyện với nhau bằng ám hiệu, sử dụng những cái tên giả khi gọi hoặc để lại tin nhắn. Wilkis trở thành "Alan Darby"; đôi khi Levine cũng sử dụng

tên thật của mình, hoặc là "Mike Schwartz". Dùng ký hiệu trò chuyện rất vui; nó khiến trò gian lận giao dịch nội gián của họ có hơi hướm phóng túng kiểu Hardy Boys. Chẳng bao lâu sau, hai người đã say sưa trong những cuộc trò chuyện rối rắm với đủ loại mật mã nghe chừng rất nực cười với bất cứ một người nào.

Levine – "Ngài Darby" – gọi điện. "Xin chào, Bob. Chúng ta phải nói chuyện công ty một tý." Chuyện công ty chính là âm mưu giao dịch. "Tôi đang lấy một đống Trang sức," nghĩa là Levine đang tích lũy một khoản khiêm tốn ở Công ty Trang sức. "Textron trông ổn đấy" nghĩa là Wilkis nên chú ý hơn vào trường hợp này, thu thập thêm các thông tin cho Levine.

Một số tên gọi bí mật của bọn họ cũng thể hiện ít nhiều nét dí dỏm hài hước. John Fedders, sau này là trưởng bộ phận hành pháp tại Ủy ban Chứng khoán, được gọi là "điều hòa nhiệt độ" bởi họ của mình. Còn Hill, khắc tinh của Levine thì được gọi là "ba que", với ý bài bác trò sử dụng số III La Mã một cách khoe khoang ở cuối họ tên của ông này.

Lazard chủ động hơn nhiều trong các thương vụ mua lại và sáp nhập so với Smith Barney, và giờ thì Levine năm lần bảy lượt cố sức để được tuyển dụng vào đó. Wilkis giúp tất cả những gì trong chừng mực có thể, thậm chí còn dàn xếp cả những cuộc phỏng vấn xin việc mô phỏng với anh bạn của mình. Mặc dù Levine đã tham gia vài cuộc phỏng vấn xin việc ở Lazard, nhưng vẫn không có ai tỏ ra hứng thú với anh ta. Những lời từ chối của họ chỉ càng tiếp thêm năng lượng cho khao khát trao đổi thông tin trái phép từ Lazard của anh ta. "Chúng nó chơi đểu tôi", anh ta nói với Wilkis. "Tôi sẽ bắt chúng nó phải trả giá."

Levine tỏ ra thiếu kiên nhẫn với những thông tin mà Wilkis cung cấp. Tháng 5 năm 1980, anh ta gọi cho Wilkis và sau những câu mật hiệu quy định từ trước anh ta đã đề cập ngay rằng "Wally bảo là Lazard đang bận." Wilkis ngớ người. Hồi đầu năm đó, Levine đã báo cho Wilkis biết là anh ta đang "săn sóc" một đầu mối thông tin nội bộ của Watchtell, Lipton. Levine vẫn thường khoe khoang rằng mối quan hệ của anh ta với Wilkis chỉ là khởi đầu; anh ta đã tưởng tượng ra cả một mạng lưới đầu mối thông tin, trong đó bao gồm cả các cộng tác viên tại những ngân hàng đầu tư trọng yếu và cả hai công ty luật sáp nhập tầm cỡ, Watchtell và Skadden, Arps. Những nguồn thông tin ấy càng đa dạng, khác biệt nhau bao nhiêu, thì càng ít khả năng xuất hiện một hình mẫu lặp lại nào đó trong công việc giao dịch nội gián của họ, và họ sẽ càng kiếm được nhiều tiền hơn – Levine lập luận.

Wilkis phân vân không biết có phải "Wally" đã bị Levine gài bẫy hay không, nhưng cũng chỉ biết như thế thôi chứ không nên truy hỏi vấn đề này trên điện thoại. "Chúng ta sẽ bận đây", Levine nói. Anh ta biết đang có hoạt động gì đó bắt đầu trỗi dậy ở Lazard, Levine muốn Wilkis tìm hiểu xem nó là gì. Thậm chí còn thúc ép Wilkis đột nhập vào các văn phòng của Lazard và kiểm tra các tập tài liệu, anh ta liên tục nhắc lại yêu cầu khẩn thiết của mình. "Dễ lắm mà," Levine nói, "Cứ xem hết lượt các bàn là được."

Wilkis rùng mình trước viễn cảnh đó. "Tôi không thể làm thế được, Dennis ạ," anh ta khẳng khái. "Mạo hiểm quá."

"Thế thì tôi phải tự làm thôi," Levine thốt lên đầy vẻ thiếu kiên nhẫn. "Tôi sẽ gặp anh ở công ty tối nay."

Levine có mặt lúc 8 giờ. Đó là buổi tối thứ Sáu, và khu văn phòng Lazard vắng lặng như tờ. Levine có vẻ rất thoải mái như thể đang nắm quyền tự chủ. Anh ta bắt đầu sục sạo các văn phòng, xem xét các giấy tờ để trên bàn, mở toang các ngăn kéo và tủ đựng tài liệu, kiểm tra các ghi chép và cọc chứa danh thiếp liên hệ của những thành viên mà anh ta biết. Anh ta thậm chí còn dừng lại để trầm trồ khen ngợi bịch xì gà trong văn phòng của Louis Perlmutter.

Wilkis vô cùng lo sợ, cứ đảo qua đảo lại ở khu hành lang trong khi Levine lục lọi, và dõi mắt ra các lối ra vào đầy lo lắng. Biết giải thích thế nào nếu nhỡ có ai đó đi vào? Đột nhiên Wilkis nghe thấy một tiếng động ở cửa và nhìn thấy nắm đấm cửa xoay chuyển, tim anh ta nhảy dựng. "Dennis," anh ta thì thào, gắng sức báo động cho ông bạn. Nhưng đó chỉ là một bà lao công quét dọn, bà ta lướt qua họ, chẳng mảy may để tâm chú ý.

Cuối cùng, Levine cũng tìm thấy thứ anh ta cần: một nơi cất giữ các tài liệu về kế hoạch mua lại Kerr-McGee, một công ty dầu mỏ quy mô lớn, do gã khổng lồ ngành dầu mỏ của Pháp – Elf Aquitaine thực hiện. Nếu việc này xảy ra, nó sẽ trở thành phi vụ thâu tóm ghê gớm nhất từ trước tới nay, một cơ hội hoành tráng để kiếm lời từ thông tin nội gián. Levine nhanh chóng sao chép lại các tài liệu và để lại vào tủ đựng như cũ. "Thấy dễ thế nào chưa?" Levine cười lúc cùng Wilkis biến khỏi khu văn phòng để bắt đầu tận hưởng kỳ nghỉ cuối tuần.

Levine quá ngỡ ngàng trước mẻ lưới hời kéo được ở Lazard. Ngoài những tài liệu về vụ đấu thầu của Elf Aquitaine đã tìm ra và sao chép lại, anh ta còn có cả một sơ đồ chỗ ngồi thể hiện vị trí của tất cả các nhân viên ngân hàng đầu tư tại Lazard. Giờ đây, kết hợp với

cả một thông tin rất nhỏ bé từ "Wally" về việc ai ở Lazard đang xử lý một thương vụ vẫn nằm trong vòng bí mật, Levine đã xác định được chính xác xem bàn làm việc nào có nhiều khả năng lưu giữ các tài liệu tuyệt mật, xác định danh tính của cả công ty mục tiêu lẫn bên đương sự, như vậy càng rút ngắn thời gian cần thiết cho hành vi trộm cắp của mình. Và Levine quá tự tin về việc sắp sửa gài bẫy được "Wally" đến nơi đến chốn trong vụ gian lận này.

* * *

Ilan Reich vội vã băng qua khu mua sắm Grand Army ở Manhattan. Quảng trường ngay phía trước khách sạn Plaza nhộn nhạo người mua sắm ngày thứ Bảy – dường như đây là cửa ngõ của thế giới Tây phương. Reich giành lấy một chỗ đứng dưới lá cờ đủ màu sắc của Plaza đang phần phật tung bay trong làn gió ấm bất thường của tiết trời cuối tháng Ba.

Reich đi đi lại lại đầy bồi hồi, tự hỏi anh ta đang tự đẩy mình vào thứ gì không biết. Anh ta là một luật sư ở công ty Watchtell, Lipton được chưa đầy một năm, nhưng đã kiếm được tới hơn 40 nghìn đô-la, nhiều hơn hầu hết mọi đồng sự cùng thâm niên với anh ta ở New York. Vì đâu anh ta phải mạo hiểm sự nghiệp của mình kia chứ? Trước khi có thể nghĩ ngợi gì xa xôi hơn, Levine đã xuất hiện ngay bên cạnh, mỉm cười, đầy vẻ trấn an. Anh ta thậm chí còn nhớ việc hỏi thăm về gia đình của Reich.

Hai người đàn ông băng qua Phố 59 và đi vào công viên Central Park, dạo bước qua một hồ nhỏ và ngồi xuống một băng ghế hướng nhìn ra sân trượt băng. Những người trượt băng lúc đứng buổi đang lượn vòng quanh sân; Plaza hiện ra lờ mờ ở phía xa xa, sừng sững vút cao, vượt hẳn lên những bụi rậm, lùm cây đang chuyển sắc xanh.

Reich đã hứa cung cấp các thông tin nội bộ cho Levine trên điện thoại từ vài hôm trước, nhưng giờ Levine không thúc ép gì cả. Anh ta chỉ nhắc Reich nhớ rằng âm mưu của bọn họ đã rất rõ ràng; anh ta hứa sẽ xử lý tất cả những thông tin nội bộ của Reich bằng một tài khoản không lấy tên của vị luật sư trẻ kia. Anh ta trả cho Reich khoản khởi điểm là 20 nghìn đô-la, và thực hiện đúng các sách lược giao dịch mà anh ta áp dụng cho bản thân. Bất kể khi nào Reich muốn có tiền mặt, chỉ cần đề nghị. Levine sẽ chuyển ngay cho anh ta.

Reich có vẻ bị thuyết phục. Anh ta kể với Levine rằng có một vụ đấu thầu thâu tóm bí mật đang được tiến hành phục vụ cho một

tập đoàn dầu mỏ lớn của Mỹ - Kerr-McGee. Reich không trực tiếp góp mặt trong hợp đồng này, nhưng quy mô thương vụ đã khơi dậy rất nhiều sự chú ý và bàn tán ở Watchtell. Đây sẽ là vụ đấu thầu thâu tóm đầu tiên từng vượt ngưỡng 1 tỷ đô-la. Watchtell đang làm việc với Lazard, vốn được Elf Aquitaine ủy quyền khai phá khả năng thực hiện vụ đấu thầu với Kerr-McGee. Giờ có vẻ như sự vụ sẽ tiếp tục tiến triển. Reich chắc mẩm rằng Levine sẽ ngỡ ngàng vì thông tin tình báo này.

Nhưng Reich đã nhầm. Levine khiến cho giờ khắc ấy mang đầy kịch tính, anh ta quàng tay ra đằng sau chiếc ghế băng và ghé sát người vào Reich. "Tôi biết rồi," Levine nói khẽ, mỉm cười với Reich. Levine tiếp tục tháo gỡ những dữ kiện tài chính mà anh ta đã nhặt nhạnh được từ các tài liệu lục lọi được ở Lazard, chứng tỏ rằng anh ta thậm chí còn biết về vụ giao dịch này rõ hơn Reich. Reich sững sờ. Levine chắc canh ta đã đúng khi nói rằng tất cả mọi người đều đang phát tán các thông tin nội bộ! Levine trấn an Reich rằng thông tin mật kiểu Kerr-McGee chính là loại thông tin hữu dụng đối với họ, nhưng anh ta cần phải kiếm được quyền tiếp cận với những thông tin tuyệt mật vẫn chưa trở thành chủ đề dư luận kia.

Mánh lới của Levine hiệu quả tuyệt diệu. Reich luôn rất hăng hái cạnh tranh, luôn gắng quẫy đạp để theo kịp ông anh Yaron. Khi tạm biệt Levine ở công viên, Reich đã thề rằng anh ta nhất định sẽ chứng tỏ được khả năng với người cùng hội cùng thuyền mới của mình. Lần sau anh ta sẽ cung cấp những thông tin tốt hơn, hữu dụng hơn. Một khi Reich đã tập trung vào vấn đề gì đó, thì hầu như anh ta đều đạt được.

Ví như chuyện chuyên san ngành luật ở trường Columbia. Yaron lớn hơn Reich một tuổi rưỡi, anh ta đạt thành tích xuất sắc tại trường và được chọn xuất hiện trên chuyên san ngành luật danh giá dựa trên thành tích cao đạt được ở năm thứ nhất. Thành tích của Ilan cũng tốt, nhưng không bằng Yaron. Anh ta tham gia cuộc thi viết dành cho các sinh viên tự do mà không dựa trên kết quả học tập nhưng không thành công. Với một nỗ lực vô tiền khoáng hậu, Ilan đã lại góp mặt trong cuộc thi viết vào năm sau đó, với tư cách sinh viên năm thứ hai. Yaron giúp cậu viết bài này. Lần này thì Reich đã được chọn.

Cũng như Wilkis, Reich sinh trưởng trong một gia đình Do Thái chính thống. Cha Reich sinh ra ở Phần Lan và di cư tới Israel trước Chiến tranh Thế giới thứ Hai, rồi chuyển tới Mỹ vào năm 1950. Ông sống thoải mái nhờ công việc của một kỹ thuật viên đo thị

lực, cả gia đình sống trong một khu phụ cận dành cho người Do Thái trung lưu ở Midwood, Brooklyn. Mẹ của Ilan là Tiến sĩ và giảng dạy Anh ngữ tại Đại học thành phố. Reich thì ghi danh vào một trường Do Thái giáo, nơi dành hẳn một nửa ngày cho việc học tôn giáo. Ngoài đạo Do Thái, thành tích học hành chính là một yếu tố quan trọng trong giá trị gia đình họ.

Reich rất lúng túng trong giao thiệp xã hội. Anh ta chẳng kết giao được nhiều bạn ở Columbia, cuối tuần thì ru rú ở nhà, học hành miệt mài, không còn chút thời gian nào dành cho các hoạt động ngoại khóa. Khi bị bạn gái chia tay hồi hết năm thứ nhất, anh ta chỉ muốn tự tử, và bắt đầu phải đến gặp bác sĩ tâm lý. Anh ta ngày càng xa cách gia đình, từ bỏ những giá trị Do Thái chính thống mà không hề nhận thức rõ ràng về việc sẽ lấy gì để thay thế những điều đó.

Khi gặp Levine, Reich mới chân ướt chân ráo gia nhập Watchtell. Reich đã làm việc toàn thời gian trong công ty được gần một tháng trước thời điểm tháng Mười năm 1979, khi được phân công tham gia thương vụ mua lại hữu nghị với một công ty xi măng. Đó là công việc tương đối đều đặn. Watchtell đại diện cho Smith Barney, tức các nhân viên ngân hàng đầu tư bên phía công ty đi mua lại. Trong suốt giờ nghỉ của các buổi đàm phán, Reich đều để ý đến một nhân viên ngân hàng đang chào hỏi các luật sư và người của ngân hàng, nào là bắt tay, trò chuyện, dường như anh ta biết hết tên mọi người. Cuối cùng anh ta tiến đến chỗ Reich và nói. "Xin chào, tôi là Dennis Levine".

Vài tháng sau, vào tháng Ba năm 1980, Reich nhận được điện thoại và ngạc nhiên khi nghe thấy Levine ở đầu dây bên kia. "Chào Ilan, tôi, Dennis Levine đây. Đi ăn trưa nhé." Reich quá ư vinh hạnh trước lời mời. Chưa có ai từng rủ anh ta đi ăn trưa.

Reich có một khoảng thời gian tuyệt vời trong bữa trưa ấy. Anh ta thích bàn luận về các thương vụ, mà Levine dường như chú ý tới từng nhận xét của anh ta, khen ngợi những đánh giá cùng sự tinh thông nghiệp vụ M&A của anh ta. Levine kể cho Reich nghe về hoàn cảnh gia đình, về vợ cùng những nỗi chán chường của anh ta ở Smith Barney. Những lời thú thực của Levine gây chấn động mạnh với Reich, người cũng vừa mới kết hôn xong. Reich thấu hiểu hoàn cảnh gia đình của Levine, và cũng thường xuyên cảm thấy quá chán nản và bị đánh giá thấp ở Watchtell.

Levine nói với Reich rằng anh ta có những tham vọng lớn như dự định sẽ kiếm được 10 đến 20 triệu đô-la thật nhanh, sau đó gây

dựng công việc làm ăn riêng, có thể là một dạng thâu tóm doanh nghiệp. Rồi sẽ thuê mướn những luật sư cùng nhân viên ngân hàng đầu tư, như chính bản thân anh ta và Reich làm việc cho mình.

"Thế anh kiếm tiền kiểu đấy bằng cách nào?" Reich hỏi.

Levine ghé sát lại. "Có thể kiếm được nhiều tiền từ thông tin đấy," anh ta bảo. "Cứ nhìn vào các thương vụ cổ phiếu giá rẻ ấy. Họ giao dịch dựa vào thông tin kiểu đấy chứ đâu. Ai mà chả làm thế." Anh ta ngưng lại. "Watchtell đúng là một nhà băng" cung cấp những thông tin vào loại giá trị nhất, anh ta nói. "Anh có thể kiếm được bộn tiền từ những thông tin đó nếu anh chịu chia sẻ với tôi."

Diễn biến của cuộc trò chuyện đột ngột biến đổi. Reich nhìn Levine đầy vẻ trang nghiêm. Anh ta biết Levine muốn gì, và đó là phạm pháp. Anh ta chống cự yếu ớt rằng mình mới chỉ là lính mới ở công ty nên sẽ không có nhiều quyền tiếp cận các thông tin tối mật mà Levine cần. Anh ta hy vọng Levine sẽ từ bỏ chủ đề này; vì không muốn đánh mất một người bạn mới. Nhưng Levine khăng khăng khẳng định rằng Reich sẽ có giá trị quan trọng và rằng trò gian lận này rõ ràng là không mạo hiểm chút nào. "Tôi sẽ suy nghĩ thêm," cuối cùng Reich cũng chịu nhượng bộ.

Levine thường xuyên gọi cho Reich, đảm bảo với anh ta rằng mình biết tất cả những điều khoản bảo mật của ngân hàng Thụy Sỹ cũng như cơ chế giao dịch thông qua các tài khoản ủy nhiệm nước ngoài. Khi Reich phản đối – anh ta biết rằng kể cả tài khoản ủy nhiệm thôi cũng vẫn có ít nhất một bản giấy tờ đăng ký có tên thật của chủ sở hữu – Levine tình nguyện để tên mình trong một tài khoản dành cho Reich. Họ lại dùng bữa trưa với nhau lần nữa; Levine phỉnh phờ Reich về năng lực siêu quần của anh ta trong các giao dịch thỏa thuận. Levine lải nhải điệp khúc rằng "Ai mà chả làm thế," nhắc lại luận điệu mà anh ta đã nói với Wilkis rằng Tom Hill cũng đang giao dịch dựa trên những thông tin do kẻ khác tuồn ra. "Tôi đã xem qua bàn làm việc của lão rồi," Levine nói chắc. "Tôi còn có hẳn bản sao các thông tin lưu trữ về giao dịch của Hill để minh chứng cơ mà."

Về sau, cũng trong tuần ấy, Reich nghe nói đến kế hoạch Elf-Kerr-McGee. Anh ta gọi cho Levine. "Tôi có cái này chắc anh sẽ quan tâm đây," Reich bảo. Levine cảnh báo anh ta không nói thêm nữa trên điện thoại. Sau khi nhận được thông tin của Elf đối với Kerr-McGee từ cả Wilkis và Reich, Levine nghĩ rằng mình đã nắm chắc phần thắng, và đầu tư vào cổ phiếu Kerr-McGee. Trớ trêu thay,

chính phủ Pháp rốt cuộc lại ngăn chặn Elf theo đuổi một vụ đấu thầu thâu tóm quy mô lớn và tàn bạo như vậy đối với một công ty Mỹ. Và tất nhiên thương vụ đó đã không diễn ra. Giá cổ phiếu của Kerr-McGee rớt thảm hại, và Levine phải bán lỗ. Tất cả những việc ấy khiến Reich còn âu lo hơn; anh ta cảm thấy mình phải có trách nhiệm bù đắp cho Levine.

Những giao dịch khác của Levine ở tài khoản Pictet của anh ta, thường tương đối khiêm tốn, không hề hở ra một chút liên đới đáng kể nào với các tuyên bố hoạt động sáp nhập. Khi các lãnh đạo của Pictet rà soát hoạt động giao dịch của Levine không bao lâu sau chuyến đi dạo ở công viên Central Park của anh ta với Reich, vấn đề đã hiện ra rõ ràng: Levine thu gom cổ phiếu ngay trước khi có tuyên bố về các thương vụ sáp nhập và thâu tóm. Ngân hàng yêu cầu ngưng hoạt động giao dịch của anh ta và thông báo cho Levine đóng tài khoản. Nhưng nhà băng này cũng không có động tĩnh gì để cảnh báo các cơ quan có thẩm quyền về những nghi vấn của mình. Và Levine không gặp khó khăn gì trong việc chuyển đổi tài khoản.

Đúng như những gì đã khuyên Wilkis làm, Levine bay tới Bahamas vào dịp Lễ Vinh danh Chiến Sĩ Tử Trận năm 1980. Anh ta đến phỏng vấn tại một loạt ngân hàng Thụy Sỹ, chỉ trừ Crédit Suisse. Vì những nguyên nhân hiển nhiên, anh ta không muốn ai đem hoạt động giao dịch của mình và Wilkis ra so sánh. Cuối cùng anh ta mở tài khoản ở Bank Leu International – ngân hàng lâu đời nhất Thụy Sỹ, chỉ mới vừa triển khai hoạt động quốc tế và rất hào hứng được cung cấp dịch vụ cho những người nước ngoài giàu có giao dịch tại thị trường chứng khoán Mỹ.

Levine làm mọi cách để đánh bóng trò gian lận của mình. Anh ta nói năng lịch sự nhưng cũng rất quả quyết với các nhân viên của Bank Leu rằng sẽ chỉ trao đổi các chỉ dẫn giao dịch của mình bằng các cuộc gọi do bên nhận điện thoại thanh toán cước phí. Anh ta sẽ xưng danh tính của mình là "Ngài Diamond" (Diamond là tên thời trẻ của Levine), và tài khoản chỉ được duy trì dưới mật hiệu đó. Anh ta muốn việc thực thi các mệnh lệnh được diễn ra thật nhanh và hiệu quả, bởi chúng sẽ nhanh chóng lan truyền đến rất nhiều nhà môi giới. Anh ta không muốn bất cứ hình thức giao tiếp nào khác với nhà băng ngoại trừ liên hệ riêng tư, hoặc nếu không, anh ta sẽ chủ động gọi tới bằng cuộc gọi do người nhận trả tiền. Bank Leu sẽ lưu trữ tất cả các ghi chép và bản kê tài khoản tại ngân hàng. Liệu như vậy có chấp nhận được?

Điều đó được chấp nhận. Levine điền vào một bản khai tài khoản

mới thông thường, kê khai họ tên thật và địa chỉ của mình: 225 Đông, Phố 57; nghề nghiệp: "nhân viên ngân hàng"; vinh danh cha mình là một nhân vật quyền lực trong giới luật sư. Anh ta ký vào tờ khai bằng tên thật. Một bản sao ảnh hộ chiếu của anh ta được ghim vào tờ khai để nhân viên ngân hàng có thể xác định nhân dạng trong trường hợp Levine muốn thực hiện việc rút tiền mặt. Kể cả so với những tiêu chuẩn ngân hàng Thụy Sỹ, những điểm Levine nhấn mạnh về tính bảo mật dường như vẫn là quá đáng. Jean-Pierre, một nhân viên của Bank Leu, đã viết một bản thông báo đính kèm bộ hồ sơ ngay sau khi mở tài khoản rằng, "Ngài Diamond" hình như "bị ám ảnh bởi tính bảo mật" và rằng những giao dịch thực hiện trong tài khoản này phải chịu sự giám sát gắt gao. Vài ngày sau đó, 128.900 đô-la được chuyển vào tài khoản mới tại Bank Leu trong hai đợt. Chỉ già nửa số tiền là xuất phát từ tài khoản đã không còn tồn tại của Devine ở Pictet, thể hiện những khoản lời ít ỏi mà anh ta kiếm được trước đây từ các giao dịch nội gián. Khoản 60 nghìn đô-la còn lại được chuyển đến từ khoản tiền tiết kiệm "dưới giường ngủ" của cha Levine – ông Philip, dưới hình thức một "khoản cho vay".

Vụ làm ăn lớn đầu tiên của Levine diễn ra vào vài tháng sau đó. Reich, háo hức với việc khôi phục uy tín trước Levine, đã dự đoán một vụ thỏa thuận chắc canh ta sẽ diễn ra vào tháng Chín. Một khách hàng của Watchtell, Công ty Bảo hiểm Quốc gia Jefferson sắp bị một công ty bảo hiểm mua lại trong một cuộc giao dịch thân thiện. Levine ấn tượng mạnh với thông tin này; anh ta huy động gần như toàn bộ những gì mình có trong tài khoản Bank Leu và mua lại 8.000 cổ phiếu Jefferson vào ngày 24 tháng Chín. Đúng như Reich đã dự đoán, cuộc sáp nhập được thông báo chỉ hai ngày sau đó. Giá cổ phiếu của Jefferson lên cao ngất ngưởng. Levine bán ra ngay lập tức, thu về khoản lời chớp nhoáng lên tới hơn 150 nghìn đô-la.

Không có chút gì trong việc này dính dáng đến việc giao dịch của Levine trong những vụ thỏa thuận riêng của anh ta tại Smith Barney. Anh ta vẫn càm ràm Hill phải giao cho mình nhiều thương vụ M&A hơn, và cuối cùng Hill cũng đưa anh ta tham gia một vụ đề nghị bỏ thầu do một khách hàng lâu năm của Smith Barney – Tập đoàn Tyler đưa ra với Tập đoàn Reliance Universal. Levine, bất chấp mọi lệnh cấm nghiêm ngặt về giao dịch ở Smith Barney, vẫn trắng trợn mua lại 5.000 cổ phiếu của Reliance vào ngày 7 tháng Tư năm 1981, chỉ một tuần trước khi vụ giao dịch được công bố. Anh ta kiếm được hơn 45 nghìn đô-la trong vụ này.

Reich nhanh chóng trở thành nguồn thông tin giá trị nhất của Levine. Reich duy trì một dòng thông tin đáng tin cậy, và luôn gọi điện mời Levine dùng bữa trưa. Đôi khi, họ gặp nhau ở một nhà hàng nào đó, những lần khác họ chỉ ăn pizza và trò chuyện trong khi băng qua những con đường tấp nập giữa khu trung tâm. Levine thích lối dàn xếp này: khi giao dịch các thương vụ không phải ở Smith-Barney, anh ta không cảm thấy bị ép buộc phải giảm quy mô tài chính xuống đến mức thấp nhất. Lợi nhuận của anh ta cứ thế "phình ra". Hầu hết những thông tin mật anh ta đều chuyển qua cho cả Wilkis.

Reich vẫn còn nhiều hồ hoặc nghi ngại. Khi Levine mời anh ta đến một bữa tiệc tối ở ngay chính căn hộ của Levine, nơi tất cả những thành viên khác của "cuộc chơi" đều hiện diện, Reich cáu điên lên. Anh ta nói mình không muốn biết danh tính của những cộng tác viên khác, và cũng không muốn bọn họ biết mình. Reich lo rằng Levine đang bắt đầu bất cẩn. Đến lúc này, sau rất nhiều cuộc đối thoại về thâu tóm này nọ, anh ta đã rút ra kết luận rằng người đồng cánh với mình chẳng đến nỗi xuất sắc lắm.

Levine cảm nhận được thái độ lưỡng lự của Reich. Anh ta cố gắng lôi kéo Reich sâu hơn vào trò gian lận. Levine khuyến khích Reich lập một tài khoản giao dịch riêng và thúc giục Reich rút về một phần lợi nhuận đã tích lũy. Một lần, Levine kể với Wilkis là anh ta nảy ra ham muốn lấy cả một xấp tiền mệnh giá 100 đô-la và ném ra trước mặt Reich trong một buổi ăn trưa nào đó. Levine muốn Reich phải nếm mùi tiền thật, có vậy mới khuyến khích và làm Reich phấn chấn hơn được.

Reich tiếp tục cự tuyệt, nhưng Levine cũng đã ngày càng bớt phụ thuộc vào nguồn thông tin ở Watchtell. Trong suốt mùa hè năm 1981, Levine đã đạt được nhiều bước tiến trong việc tổ chức một hệ thống cộng tác viên. Ira Sokolow, nhân viên ngân hàng trẻ trung đầy hứa hẹn – người làm việc với Levine hồi mùa hè năm trước đó ở Smith Barney, tốt nghiệp trường Harvard và gia nhập công ty Lehman Brothers Kuhn Loeb. Công ty này có hẳn mảng nghiệp vụ M&A rất hiệu quả. Levine mời anh ta dùng bữa trưa.

Kịch bản cũng diễn ra tương tự như với Reich và Wilkis. Levine nhấn mạnh rằng "tất cả mọi người" đều đang giao dịch các thông tin nội bộ và rằng việc này "dễ chơi dễ trúng". Anh ta đưa ra cho Sokolow lời đề nghị cũng na ná như thỏa thuận với Reich. Levine sẽ xử lý phần giao dịch; Sokolow sẽ có được một phần lợi nhuận. Sokolow, quá chán nản với tình trạng tẻ ngắt trong những phần việc nghiệp vụ ngân hàng ở Lehman, đã sớm trở thành kẻ cải đạo nhanh chóng nhất. Từ khi còn là thực tập sinh mùa hè, Sokolow đã ngưỡng mộ Levine. Anh ta sẵn sàng nhập hội và bắt đầu cung cấp thông tin.

Trong một bữa trưa, Sokolow đã báo với Levine rằng anh ta có một người bạn thân, là luật sư, đang làm việc ở Goldman, Sachs, bộ phận chuyên trách về thế chấp, anh ta muốn đưa người bạn này gia nhập cuộc chơi. Levine quá đỗi sửng sốt trước viễn cảnh có một gián điệp ngay trong lòng Goldman; anh ta hứa với Sokolow sẽ chia một phần lợi nhuận cho người bạn này, nhưng cũng cảnh báo Sokolow không được tiết lộ danh tính của anh bạn, kể cả với anh ta. Mật hiệu cho nguồn tin của Sokolow sẽ là "Goldie". Anh chàng này đã trở thành một nguồn tin sinh lợi dồi dào hơn nhiều, anh ta sẵn lòng lục lọi các giá để hồ sơ của thành viên trong công ty Goldman hòng tìm kiếm các manh mối của những thương vụ sáp nhập đang trì hoãn. Levine chế nhạo Wilkis, chỉ cho Wilkis thấy những mắt xích khác trong chuỗi âm mưu của anh ta đang hoạt động hiệu quả hơn Wilkis ra sao. "Lehman ấy mà," Levine khoan khoái thông báo cho Wilkis "là một con trâu cày chính hiệu! Nó cống hiến nhiệt tình! Nó tận tụy

hết mình!" Anh ta còn bồi thêm đầy cay độc, "Đâu có như cậu!"

* * *

Về sau, cũng trong năm 1981, Levine đã có được cú đột phá trong sự nghiệp mà anh ta hằng mong đợi.

Eric Gleacher, trưởng bộ phận M&A tại Lehman Brothers, dõi mắt xuống bản lý lịch của một nhân viên ngân hàng mà ông vừa mới được sắp lịch phỏng vấn, đã tương đối hài lòng khi thấy đây không phải một nhân vật khéo cư xử kiểu Ivy League thông thường. Gleacher là một chủ ngân hàng đầy nhiệt huyết và giàu quyết tâm. Ông từng học tại Đại học Tây Illinois, trong thị trấn Macomb nhỏ bé.

Khi Levine trình diện, chỉnh tề trong bộ vest kẻ sọc nhỏ tối màu (nhờ sự chỉ dẫn của Wilkis), anh ta đi thẳng vào vấn đề. "Tôi muốn gia nhập một công ty tốt hơn Smith Barney," anh ta nói. "Smith Barney chỉ thuộc nhóm hạng hai; còn Lehman Brothers là ngoại hạng. Tôi luôn muốn được làm việc trong bộ phận M&A nhưng chưa bao giờ được giao việc nào như thế." Gleacher lại đưa mắt nhìn bản lý lịch một lần nữa, tập trung chú ý vào hoàn cảnh xuất thân là gia đình Do Thái thành thị gần như rất khuôn mẫu. "Tôi chỉ làm ở Citibank để có tấm giấy thông hành thôi: Tôi thực sự muốn có mặt ở Phố Wall." Levine nhấn mạnh thêm.

Gleacher bị ấn tượng trước thái độ bộc trực của Levine. Lehman Brothers có hẳn một bề dày lịch sử tuyển dụng những người vốn không phù hợp với những khuôn mẫu thông thường; công ty này lấy làm tự hào vì thái độ sẵn sàng chấp nhận rủi ro của mình. Điển hình như Gleacher đã tuyển Steven Rattner, phóng viên tờ The New York Times, vốn không có chút kinh nghiệm nào trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, và theo quan điểm của Gleacher thì Rattner đã trở thành một ngôi sao thực thụ. Lehman cũng từng đánh cược trong chính trường hợp của Gleacher, khi tuyển dụng ông này vào làm việc ngay khi mới tốt nghiệp trường kinh doanh.

Lehman khá lo lắng với việc mở rộng bộ phận M&A vốn đã quá tải. Chí ít thì Levine cũng có đôi chút kinh nghiệm và lại được Sokolow tiến cử. Công ty này nhận Levine vào làm với mức lương khởi điểm khiêm tốn – chưa đầy 50 nghìn đô-la một năm – và tiếp tục xem xét. Nếu Levine thể hiện xuất sắc, anh ta sẽ được bù thêm vào thời điểm thưởng. Nếu không, ít nhất thì anh ta cũng được tham gia trực tiếp vào các thương vụ. Gleacher không thấy điểm gì bất lợi ở đây. Sau khi vài thành viên nữa trong bộ phận M&A

phỏng vấn Levine, Gleacher đã đưa ra lời mời chính thức đối với anh ta vào vị trí phó giám đốc, vị trí anh ta đã bị khước từ ở Smith Barney. Levine hào hứng nhận lời ngay.

Anh ta không thể chờ đợi để kể cho Wilkis nghe về công việc mới của mình. Anh ta không mảy may lo lắng là Sokolow đã ở sẵn trong công ty này; họ vẫn cần quyền tiếp cận của Sokolow đối với những thương vụ mà Levine không được tham gia. Và anh ta đã vội nhấm nháp ngay viễn cảnh sẽ "nhổ vào mặt lão Hill" như từng kể với Wilkis. Nhưng khi cuộc chạm trán thực sự xảy ra, Levine nén lại, anh ta đã quyết định rằng sẽ không tuyệt giao với bất cứ ai trong thế giới M&A vốn đã khá nhỏ bé. Anh ta bước vào văn phòng của Hill, ngồi xuống, và chỉ nói đơn giản là anh ta rời khỏi công ty, nhận một công việc ở Lehman Brothers. Hill không ngạc nhiên mà cũng chẳng bận tâm. Sau cuộc bàn luận thẳng tanh ta về việc xem xét tiền thưởng lần trước của Levine, ông thực lòng không mong Levine sẽ ở lại. Ông cũng không đưa ra một lời mời nào để nài kéo Levine, chỉ chúc anh ta mọi điều thuận lợi.

Vài tuần trước đó, vào ngày 30 tháng Mười, Levine đã bay tới Bahamas, quy khoản vé máy bay vào tiền công tác phí của mình ở Smith Barney. Anh ta mở một tài khoản khác tại Bank Leu, còn bí mật hơn tài khoản đầu tiên, sử dụng danh nghĩa một doanh nghiệp Panama mới thành lập với các giám đốc ủy nhiệm. Không có gì dính dáng đến "Tập đoàn đầu tư Diamond" gợi ra rằng Levine chính là chủ sở hữu hưởng lợi. Anh ta đã chuyển những khoản tiền đang sinh sôi nhanh chóng từ tài khoản cá nhân của mình sang công ty mới. Anh ta còn tranh thủ thời cơ rút 30 nghìn đô-la bằng tiền mệnh giá 100 đô-la, sau đó nhét vào một giỏ sắm đồ bằng nhựa để chuyển về Mỹ. Anh ta xách nó đi khắp nơi, vung tiền vào các nhà hàng, quần áo, tiền taxi đi lại và quà tặng này nọ. Dường như tiền đã mang lại cho anh ta sự tự tin. Như lời anh ta nói với Wilkis, "tiền có chân, nó chạy".

* * *

Gleacher rất thích bắt nạt nhân viên mới. Chẳng bao lâu sau khi Levine gia nhập Lehman, Gleacher cho gọi anh ta vào văn phòng và thông báo rằng một khách hàng của Lehman sắp đưa ra một trong những đề nghị tiếp quản lớn nhất trong lịch sử. Levine chưa từng nghe về điều này. Gleacher muốn Levine tìm một ví dụ về một lời đề nghị tương tự. Levine loạn hết cả lên. Anh ta chạy loạn khắp văn phòng, điên cuồng kiếm tìm sự giúp đỡ. Đột nhiên Gleacher, vốn được biết đến như "đại tá" bởi lối hành xử nhà binh cứng nhắc của mình, xuất hiện ngay trước cửa văn phòng Levine,

nhìn đồng hồ. “Anh có ba mươi phút, Dennis ạ,” ông ta nói to. “Anh phải làm được việc này, hệ trọng lắm đấy!”

Nửa giờ sau, Levine – mặt đỏ tía tai, mồ hôi nhễ nhại, nhăn nhó méo mó – nói với Gleacher rằng anh ta không thể tìm ra nổi bất cứ tiền lệ nào. Anh ta thậm chí còn không thể xác định được danh tính của công ty mục tiêu hay lĩnh vực hoạt động của nó. Trong khi anh ta nói, một đám nhân viên ngân hàng của Lehman lặng lẽ tụ tập xung quanh văn phòng của Gleacher. “Chúa ơi, Levine!” Gleacher la lên. “Anh chẳng làm được trò trống gì ư?”

Với câu nói này, cả đám nhân viên ngân hàng đang trố mắt nhìn đồng loạt phá lên cười, không ai cười to hơn Peter Solomon, một thành viên Lehman, có văn phòng ngay bên cạnh Levine. Gleacher đã dựng lên mọi chuyện.

Levine cũng cười góp theo mọi người, và chỉ phân trần với một mình Wilkis. Chỉ trong vòng vài tháng, anh ta đã trở thành thằng hề cho cả bộ phận M&A của Lehman. Gleacher kết luận rằng Levine chẳng tài cán gì, và hoàn toàn vô giá trị trong bất cứ khía cạnh nào của lĩnh vực ngân hàng đầu tư thông thường. Các kỹ năng phân tích của anh ta rất yếu; anh ta không thể xây dựng được cấu trúc của những thương vụ phức hợp. Anh ta còn đặc biệt cẩu thả. Những điểm yếu này thậm chí còn thể hiện rõ rệt hơn cả thời anh ta còn ở Smith Barney. Và các thương vụ ở đây lại quy mô và thường xuyên hơn.

Các nhân viên ngân hàng trẻ tuổi ở Lehman phải nhờ đến các bậc tiền bối cao cấp để có được công việc. Levine rất được ưa chuộng trong công sở. Lối cư xử niềm nở nhã nhặn, những câu cợt đùa thường tục và bạo dạn của anh ta, vẻ hớn hở để được yêu thích, đối với rất nhiều người mà nói, chính là một đổi thay mới mẻ so với cách cư xử trịch thượng, tinh vi của rất nhiều kẻ đồng lứa với Levine. Một vài thành viên Lehman còn nhắc đến anh ta với cái tên “bubeleh”, một từ tiếng I-đit nghĩa tương tự như “cưng” trong tiếng Anh. Levine rất siêng đi lấy cà phê hay sô-đa cho các đồng nghiệp. Nhưng sự yêu thích của mọi người cũng không mang lại công việc cho anh ta.

Bốn tháng sau khi Levine gia nhập Lehman, một thông báo mới được chuyển đến nhân viên: Lehman đang bổ nhiệm trưởng bộ phận M&A mới, một người đến từ công ty khác, đóng vai trò như một cổ đông. Thành viên mới này chính là Tom Hill. Khi Levine nhìn thấy thông báo, anh ta đã tóm lấy cuốn sổ ghi chép trên mặt bàn và lấy hết sức quẳng mạnh vào tường. Anh ta vẫn còn tức

giận điên cuồng như buổi tối nọ trò chuyện với Wilkis. Anh ta đã thề rằng sẽ "tiêu diệt" Hill.

Hill cũng không ấn tượng gì hơn với Levine so với cách ông ta từng thể hiện trước đây. Ông không bao giờ đưa Levine vào bất cứ thương vụ nào của mình, nhưng lại tin tưởng ở Sokolow, và đã đưa ra lời cảnh báo về tình bạn của anh ta với Levine, Sokolow cũng báo động rằng Levine nên "dè chừng" với Hill.

Và rồi Reich trở thành cứu tinh của Levine. Đầu tháng Tám năm 1982, anh ta gọi cho Levine để mời ăn trưa, ám hiệu rằng mình đang có thông tin. Watchtell, anh ta giải thích với Levine khi họ gặp, đang đại diện cho một nhóm nhà đầu tư tư nhân, tập đoàn Dyson-Kissner-Moran, họ đang trong quá trình chuẩn bị cho một cuộc đấu thầu thâu tóm với tập đoàn Criton có trụ sở tại Seattle.

Levine vội vã trở về văn phòng và chạy thẳng đến gặp Gleacher, dáng vẻ vô cùng căng thẳng. Có hoạt động giao dịch rất lớn trong cổ phiếu Criton, anh ta nói với Gleacher, nói rằng "băng điện báo" mà anh ta đọc có gợi rằng một đề nghị mua lại sắp sửa diễn ra. Gleacher tỏ ý nghi ngờ. Không ai ở Lehman nghe ngóng được chút tin tức nào về chuyện này. Cũng có chút tăng khiêm tốn trong lượng giao dịch cổ phiếu, nhưng khó có thể là một thứ gì đó lớn. "Chúng ta phải chào bán dịch vụ bảo hộ" Levine khăng khăng. "Sẽ có một vụ đấu thầu đấy." Gleacher nhún vai và bảo Levine tiếp tục và liên hệ với Criton.

Và trước thái độ ngạc nhiên tột cùng của Gleacher, Levine cuối cùng đã đúng. Criton đang cử trưởng tư vấn của họ tới New York để phỏng vấn các ngân hàng đầu tư hòng tìm kiếm một hình thức bảo vệ khả thi. Levine đã giành được một cuộc hẹn cho Lehman.

Giờ thì Gleacher đã phải nhìn nhận nghiêm túc vấn đề này. Ông ta họp với trưởng tư vấn của Criton và giành được thương vụ. Gleacher và Levine, có cả Sokolow, người được cử xử lý công việc lượng giá rất quan trọng, cùng bay tới Seattle để họp với chủ tịch công ty. Sau đó, Gleacher gặp riêng John Moran, người đứng đầu nhóm mua lại. Sử dụng các dữ kiện định giá của Lehman, Gleacher cố gắng để Moran đẩy giá đấu thầu của anh ta lên mức 46 đô-la một cổ phiếu. Criton đầu hàng, rất lấy làm hài lòng trước giá hời, và vụ thỏa thuận được công bố. Chỉ trong hơn một ngày làm việc cật lực, phí ngân hàng tư vấn mà Lehman thu được, có thể truy nguyên trực tiếp là nhờ thông tin tuyệt mật của Levine – đã là 2,5 triệu đô-la.

Gã hề thốt nhiên trở thành người hùng. Gleacher lắp đặt cho Levine một dàn máy tính Quotron để anh ta có thể giám sát hoạt động giao dịch của nhiều cổ phiếu cùng một lúc. Anh ta sẽ có được những thông báo tin tức tức thời, và sẽ không phải bận tâm về các dải băng điện báo nữa. Với sợi dây nối điện thoại dài tới 10m, Levine có thể đi lang thang kể cả trong lúc nói chuyện điện thoại, mở rộng mạng lưới nhà đầu tư cổ phiếu giá rẻ và những nguồn tiềm năng khác nhằm cung cấp nội tình giao dịch. Và Levine cũng được giải phóng khỏi công việc phân tích mà anh ta ghét cay ghét đắng, thậm chí còn được khuyến khích dành thời gian lôi kéo khách hàng mới. Những đồng nghiệp bằng vai phải lứa với Levine rất phẫn nộ vì điều này, nhưng Levine thì hạnh phúc hơn bao giờ hết. Anh ta đã khoét được một khe hẹp trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư chưa từng tồn tại bao giờ: anh ta là người sử dụng thông tin để dọa nạt khách hàng.

Levine có nhiều lý do khác nữa để có thể ăn mừng phi vụ Criton. Ngày 17 tháng Tám, chỉ một tuần trước khi vụ mua lại được công bố, và thậm chí trước khi anh ta tiếp cận Gleacher nhằm lôi kéo Criton về làm khách hàng, Levine đã mua vào 27 nghìn cổ phiếu của Criton. Lợi nhuận giao dịch của anh ta lần này đạt mức cao nhất từ trước đến nay, 212.628 đô-la.

Levine mau chóng thấu hiểu những ẩn ý đằng sau chiến thắng mang tên Criton. Vẻ đẹp của "trò chơi" này, anh ta nói với Wilkis, chính là nó có thể được chơi theo hai cách. Anh ta có thể giao dịch dựa trên thông tin này, và anh ta còn có thể sử dụng nó để dẫn dụ khách hàng về cho Lehman.

Tuy vậy, vinh quang này lại phụ thuộc vào việc duy trì mạng lưới thông tin chặt chẽ, mà vấn đề thì đã bắt đầu nảy sinh. Reich chính là kẻ đầu tiên bị dao động. Anh ta bị giằng xé giữa sự sợ hãi và nỗi ăn năn.

Và rồi Reich được thăng chức ở công ty. Vào một buổi sáng thứ Tư đầu tháng Chín năm 1981, tất cả các cổ đông, các phụ tá, trợ lý luật sư và thư ký trong các văn phòng của Watchtell đã được triệu tập tham gia một cuộc họp để nghe tóm tắt về một thông tin gây chấn động là một thành viên 37 tuổi của Watchtell – Carlo Florentino, đã bị bắt giữ và cáo buộc vì tội giao dịch nội gián, và bị công ty sa thải. Florentino đã tích cóp được tới 600 nghìn đô-la trong tài khoản đứng tên thật của mình tại E. F. Hutton, và giao dịch dựa trên các thương vụ đã moi móc được thông tin tại công ty.

Reich biết rằng những dàn xếp giữa mình với Levine tinh vi hơn thế nhiều, nhưng vụ việc với Florentino vẫn khiến anh ta khiếp sợ. Reich quyết định ngừng chuyển tiếp thông tin cho Levine, thậm chí còn thông tin sai cho Levine trong hai phi vụ, với hy vọng rằng Levine sẽ thua lỗ nhiều đến mức phải dừng tay. "Cái này thì không thua lỗ gì thật, nhưng cũng chẳng lời lãi gì", Reich nói giọng châm biếm với Levine trong một bữa ăn trưa. Nhưng Levine không thể bị chặn bước. Anh ta trấn an Reich rằng họ sẽ rút kinh nghiệm từ những sai lầm đã mắc phải và sẽ làm tốt hơn. Reich cố gắng không trả lời các cuộc điện thoại từ Levine. Cuối cùng, vào tháng Tám năm 1982, Reich nói rằng anh ta muốn rút khỏi mạng lưới và không muốn nhận được thêm chút tiền nào mà Levine gắng dúi vào nữa. Nhưng, Reich đảm bảo với Levine rằng anh ta vẫn muốn duy trì quan hệ bạn bè.

"Anh tin nổi không?" Levine phàn nàn với Wilkis. "Wally muốn dừng lại!"

"Đừng có thúc ép anh ta." Wilkis khuyên. Reich và Levine vẫn tiếp tục ăn trưa cùng nhau, nhưng dòng thông tin nội gián đã chấm dứt hoàn toàn.

Chẳng bao lâu sau, Wilkis cũng được một phen hoảng hồn. Mùa hè năm đó, Jean-Pierre Fraysse ở Bank Leu thông báo với Levine rằng các nhà môi giới của ngân hàng đã nhận được bản thẩm vấn của Ủy ban Chứng khoán liên quan đến hoạt động giao dịch của một vài mã cổ phiếu mà "Ngài Diamond" đã mua vào và bán ra trong tài khoản của mình. Nhưng Levine phớt lờ những thẩm vấn ấy, coi đó chỉ như hoạt động giám sát thường lệ mà thôi. Fraysse cũng nhận thấy sự trùng hợp thời điểm đến kỳ lạ trong rất nhiều vụ mua vào của Ngài Diamond, nhưng cũng không hề có động tĩnh gì để ngăn chặn Levine. Levine tảng lờ hết những đề xuất này, bởi quá tự tin vào tính bảo mật của tài khoản; chẳng bao lâu sau đó, anh ta thắng đậm trong vụ Criton.

Ngân hàng của Wilkis, Crédit Suisse cũng nghe ngóng được từ các nhà môi giới về mối quan tâm đặc biệt của Ủy ban Chứng khoán, và họ đã cảnh báo với Wilkis. Wilkis thông báo cho Levine, nhưng anh ta trả lời: "Cứ bảo bọn họ nói dối đại đi. Chuyện bình thường ấy mà." Nhưng Crédit Suisse không mũ ni che tai hay quá dễ bảo như Bank Leu. Chủ tịch chi nhánh Bahamas của công ty, Tiến sĩ Joseph Morger đã gọi cho Wilkis và nói rằng ông ta muốn Wilkis từ bỏ các quyền bảo mật ngân hàng của anh ta. Lời đề nghị này khiến Wilkis lạnh lưng. Anh ta nói rằng sẽ đến Bahamas để họp với ban lãnh đạo ngân hàng ngay.

Morger có dáng người cao và vẻ nghiêm nghị sắt đá, một chủ ngân hàng Thụy Sỹ kiểu truyền thống. Ông là vị "thủ lĩnh" của giới uy quyền ngành ngân hàng Bahamas. Ông đã có sẵn những dữ liệu ghi chép giao dịch của Wilkis trên bàn mình trước khi Wilkis có mặt.

"Anh làm việc ở Lehman Brothers nhỉ?" Ông ta vào đề thẳng băng. Mối liên hệ giữa cổ phiếu của Wilkis với Lehman đã rõ rành rành.

"Không," Wilkis đáp lại không mấy thoải mái.

"Thế thì lạ thật." Morger ngưng lại. "Với tất cả những thông tin giao dịch này, hẳn là anh có vẻ làm ăn không được ổn lắm thì phải?" Quả là như vậy, những ghi chép giao dịch của Wilkis cho thấy thứ năng lực kỳ bí, giao dịch dựa trên các thông tin mà kết cục là thua lỗ và chỉ đầu tư những khoản khiêm tốn vào những vụ thắng lợi. Morger gấp hồ sơ lại và nhìn Wilkis. "Đem mấy thứ làm ăn của anh đi chỗ khác."

Wilkis sợ điếng hồn. Anh ta rút hết 40 nghìn đô-la bằng tiền mặt và yêu cầu ngân hàng chuyển phần còn lại đến công ty luật của mình ở New York. Anh ta không muốn dính dáng một chút nào đến các ngân hàng Thụy Sỹ nữa. Toàn bộ trò gian lận này thật điên rồ. Anh ta đã phải mạo hiểm cả sự nghiệp, cả tăm tiếng vào đây, đáng ra anh ta đã có thể kiếm được nhiều tiền như vậy bằng cách đầu tư vào trái phiếu với lãi suất 16% có sẵn. Anh ta còn có vợ và hai con và không thể sống trong âu lo mãi như thế. Anh ta quyết tâm đối mặt với Levine.

Trở lại New York, anh ta gọi cho Levine và thực hiện một cuộc viếng thăm hiếm hoi đến văn phòng của Levine. Wilkis ào đến, dáng vẻ rất kích động, đóng sập cửa và ngồi xuống. "Hết rồi, Dennis ạ. Thật đáng tởm. Phép tắc hỏng hết cả rồi."

Levine tỏ ra bình tĩnh. "Thế thì tệ quá, Bob", anh ta nói. "Cuộc chơi này mang lại cho tôi rất nhiều. Giờ tôi đã có cả triệu đô-la. Tôi đã đạt được mức mình mong muốn." Levine nhoài người qua bàn. "Anh làm việc ở Lazard thế nào? Bọn họ có để ý gì đến anh không?" Đương nhiên, Levine biết tỏng câu trả lời, Wilkis làm việc không được tốt lắm. Anh ta bị kẹt cứng ở bộ phận quốc tế trong khi tiền nong rỉnh rảng lại chỉ ở mảng tài chính doanh nghiệp và M&A. Lòng tự tôn của anh ta đã trôi tuột đi.

"Trò này vui mà, Bob, quá ư dễ xơi" Levine tiếp tục. "Nhà nước ngu lắm. Không kẻ nào có chút trí não mà lại góp mặt vào đấy. Mà

nếu có, thì cũng chỉ kiếm được 30 nghìn thôi." Levine thăm dò tác động từ những lời lẽ của mình, rồi nhoài người trở lại và lôi một ngăn kéo bàn ra. Anh ta lấy một cuốn sách bìa mềm khổ nhỏ ném sang cho Wilkis. "Qua đảo Cayman đi."

Cuốn sách là một chỉ dẫn chuyến bay gọn nhẹ. Wilkis nhìn vào nó, rồi lại nhìn sang Levine. Có điều gì đó đã thay đổi trong mối quan hệ của họ. Dường như giờ đây Levine mới là kẻ đĩnh đạc, chắc canh ta hơn, và Wilkis là kẻ cần đến anh ta.

Một tuần sau Wilkis có mặt tại đảo Cayman. Anh ta nộp 86 nghìn đô-la vào tài khoản mới của mình, cũng với mật hiệu "Rupearl" tại Ngân hàng Nova Scotia.

3.

Đường 67 Tây nằm giữa phía Tây của Công viên Central Park và Đại lộ Columbus là một trong những dãy nhà có rặng cây trước cửa đẹp hạng nhất Manhattan, là nơi tọa lạc của một trong những nhà hàng đáng ngưỡng mộ nhất thành phố – Café des Artistes. Ivan Boesky đến nhà hàng vào năm 1976 để gặp gỡ lần đầu tiên một thương gia Phố Wall trẻ tuổi tên John Mulheren. Để hòa hợp với phong thái thượng lưu theo lối truyền thống của nhà hàng, gần như tất cả khách quen nam giới đều mặc áo choàng và thắt cà vạt, và đương nhiên là, Boesky cũng như vậy.

Mulheren xuất hiện với một chiếc áo phông cổ sợi dệt cùng quần kaki. Dáng người cao và chắc nịch vạm vỡ, cùng mái tóc màu nâu cát bù xù mang âm hưởng Ireland thân thiện, ở tuổi 27, trông Mulheren như thể một cậu sinh viên đại học lớn xác. Anh ta đến để tham dự cuộc phỏng vấn xin việc ở Merill Lynch, nơi đang cộng tác để phát triển bộ phận giao dịch cổ phiếu giá rẻ. Anh ta ăn mặc hết sức tự nhiên, điều vốn đã trở thành dấu ấn riêng. Thậm chí Salim B. "Sandy" Lewis – vị lãnh đạo ở Merrill Lynch đã tuyển dụng Mulheren - có quặt tay dọa dẫm cũng không thể bắt anh ta khoác lên mình mặc bộ vest chỉnh tề tham dự buổi tiệc tối trên nội ô, và kể cả Boesky, người Lewis vẫn coi là thiên tài – cũng đành chịu thua. Mulheren và vợ, Nancy hòa vào đám đông trong nhà hàng, nhập hội với Lewis, vợ ông và Boesky cùng cô vợ Seema. Mulheren cảm thấy nguồn gốc xuất thân Thiên chúa giáo, tầng lớp trung lưu của mình không có mấy điểm khiến Boesky đồng cảm; nhưng Boesky lại nhanh chóng thể hiện sự hứng thú đến mức gần như ám ảnh đối với những kỹ thuật mới mẻ mà Mulheren áp dụng vào nghiệp vụ cổ phiếu giá rẻ. Chỉ trong vòng vài năm, Mulheren đã trở thành một trong những thương gia hiểu

biết nhất Phố Wall về nghiệp vụ quyền chọn cổ phiếu, một vấn đề mà Boesky kém tinh thông hơn nhiều. Giao dịch quyền chọn cho phép áp dụng đòn bẩy tài chính lớn hơn nhiều so với việc mua cổ phiếu bảo chứng. Đối với Boesky, đòn bẩy tài chính cũng lôi cuốn ma mị như lá bạc hà mèo vậy, và anh ta bị mê muội bởi những khả năng tiềm tàng trong các chiến lược của Mulheren.

Mulheren là bậc thầy trong lĩnh vực phân tích và giao dịch quyền chọn, mặc dù thành tích học tập khi theo học chuyên ngành khoa học chính trị tại Trường Roanoke – một trường nghệ thuật tự do ở Virginia, không mấy sáng sủa. Sau khi tốt nghiệp, anh ta đi tìm việc và chỉ dừng chân trên Phố Wall bởi vợ anh ta trông trẻ cho nhà lãnh đạo của một công ty đã không còn hoạt động. Ở đây, Mulheren đã khiến các đồng nghiệp phải sửng sốt nhờ phát triển được một trong những chương trình máy tính đầu tiên phục vụ phân tích quyền chọn. Anh ta được Lewis mời gia nhập Merill Lynch. Tại công ty này, Lewis là một yếu nhân chẳng thua kém gì so với vị chủ tịch Merill Lynch, Donald Reagan – người sau này trở thành Chánh văn phòng nội các Nhà Trắng và Bộ trưởng Tài chính dưới thời Tổng thống Reagan.

Mulheren cũng bị Boesky lôi cuốn. Mulheren luôn tự coi mình là một kẻ mang vẻ lập dị và nổi loạn, nhưng anh ta cũng phải thừa nhận là Boesky còn dị thường hơn nhiều. Khi nhân viên phục vụ của nhà hàng Café de Artistes đến bàn để ghi món, Boesky nói rằng vẫn chưa quyết định và rằng những người khác cứ tùy ý lựa chọn. Sau đó Boesky mới gọi: "Tôi lấy hết các món chính." Người phục vụ đôi chút sững lại. Boesky nhắc lại yêu cầu. "Mang ra cho tôi tất cả những món chính này."

Mulheren đưa mắt nhìn vợ mình, hơi nhướn chân mày còn Seema vẫn trò chuyện thoải mái như thể chẳng có gì bất thường xảy ra. Mulheren tự hỏi liệu đây có phải cách ăn uống của những kẻ lắm tiền nhiều của không.

Khi đồ ăn được dọn ra, nhân viên phục vụ đẩy theo một bàn ăn để ngay bên cạnh họ. Trên đó bày tám món chính của ngày hôm đó. Boesky quan sát rất cẩn thận, xoay chiếc bàn, nếm mỗi món một miếng. Anh ta chọn một món, rồi để tất cả các món còn lại ở đó.

Boesky chỉ gẩy gót qua loa đồ ăn của mình. Còn Mulheren thấy nhẹ cả người vì mình không phải thanh toán tiền.

Nhưng bữa tối đã trở thành điểm khởi đầu cho một mối quan hệ công việc gần gũi và cả tình bằng hữu giữa Boesky và Mulheren.

Một năm sau đó, khi Mulheren và Nancy tổ chức một tiệc cưới muộn dành cho 500 khách tại nhà ở Rumson, bang New Jersey, Boesky đã đến. Vợ chồng Mulheren cũng đến dự lễ trưởng thành của cả cậu lớn lẫn cô con gái nhà Boesky.

Chẳng bao lâu sau bữa tối ấy, Lewis bắt đầu làm việc với Boesky – nhưng chưa đầy một năm sau, ông ta đã mất cảm hứng với giao dịch cổ phiếu giá rẻ, và Boesky đã yêu cầu Lewis rời khỏi văn phòng mình. Họ tranh cãi về 250 nghìn đô-la trong vài khoản thu nhập tranh chấp. Boesky gọi cho Mulheren để hỏi xem anh ta nên làm gì. "Trả ông ta tiền đi, Ivan," Mulheren nói. "Có vấn đề gì đâu nhỉ?"

Boesky nghĩ ngợi giây lát, "Tôi không thể," anh ta nói. "Không phải chuyện tiền nong, tôi chỉ quan tâm đến nguyên tắc."

"Đừng có nói với tôi cái câu rác rưởi đấy," Mulheren đáp. "Tiền chính là nguyên tắc của anh."

Tuy thế, không lâu sau, 250 nghìn đô-la dường như trở thành một khoản tiền còm với cả Boesky lẫn Mulheren. Nước Mỹ đang ở đêm trước cuộc bùng nổ thâu tóm lớn nhất trong lịch sử, nó sẽ mang lại cho cả hai gia tài kếch xù mà họ chưa bao giờ dám mơ tới.

Những nguyên nhân của cuộc bùng nổ này cũng mang tính tâm lý hệt như tính chất tài chính, mặc dù nhiều lối lý giải kiểu kinh tế học đã được đưa ra nhằm giải thích những nỗ lực đột ngột, đến mức gần như cuồng điên trong việc mua lại những công ty sẵn có thay vì thành lập những doanh nghiệp mới. Trong suốt thập niên 1970, các nhà đầu tư tập trung vào doanh lợi của một công ty, tỷ lệ giá cả trên doanh thu tương ứng, và coi chúng như một thước đo giá trị. Với tình trạng nền kinh tế bị tàn phá bởi giai đoạn hậu chiến tranh Việt Nam cùng cuộc lạm phát do các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) gây ra, kèm với thuế suất nặng nề và lãi suất cao chót vót, lợi nhuận càng lúc càng teo lại. Vậy nên giá cổ phiếu liên tục duy trì ở mức thấp ngay cả khi lạm phát đã đẩy giá trị của các khối tài sản sinh lợi lên cao nhất có thể.

Song hành với tài sản giá rẻ là lãi suất rất hào phóng dành cho các khoản trả nợ trong luật thuế. Tiền lãi cổ phần doanh nghiệp trên cổ phiếu không được giảm trừ; trong khi tiền lãi phải thanh toán lại được giảm trừ toàn bộ. Mua các khối tài sản bằng tài trợ vốn vay đồng nghĩa với việc chuyển dịch phần lớn chi phí vào tay chính quyền liên bang. Sự kiện Ronald Reagan đắc cử Tổng thống năm 1980 đã gửi đi thông điệp "Thế nào cũng được" đầy quyền

năng đến tất cả các thị trường tài chính. Một trong những điều luật chính thức đầu tiên mà Bộ Tư pháp thời Reagan ban hành chính là xóa bỏ phán quyết chống độc quyền kéo dài mười năm đối với tập đoàn IBM. Quy mô đồ sộ rõ ràng không còn là vấn đề trong kỷ nguyên mới của chủ nghĩa tư bản không bị kiềm chế. Do đó, nền kinh tế theo quy mô chỉ có thể được chấp nhận trong những ngành công nghiệp mà ở đó người bán thao túng toàn bộ, ví như dầu mỏ, nơi sáp nhập là điều bị cấm tuyệt đối dưới thời kỳ cầm quyền của Carter.

Nhưng thứ thực sự tiếp năng lượng cho cơn bùng nổ thâu tóm chính là quan điểm của những người kiếm tiền, kiếm những khoản lời kếch xù nhờ việc mua lại các công ty và rồi bán chúng đi. Khi William Simon, nguyên Bộ trưởng Tài chính dưới thời Nixon và Ford, mua lại công ty Gibson Greetings năm 1982 và bán lại 16 tháng sau đó với lợi nhuận lên tới 70 triệu đô-la (các nhà đầu tư kiếm lời được 100 lần so với khoản bỏ ra ban đầu), Phố Wall không ngừng xôn xao bàn tán. Đột nhiên, "luồng tiền" – vẫn cần thiết để hỗ trợ các khoản chi trả lợi tức hay "giá trị tài sản" khi một công ty nào đó làm ăn lụn bại – giờ đây lại trở thành một thứ đại diện cho giá trị, thay thế khái niệm "thu nhập" đã trở thành cổ quái, lỗi thời. Những kẻ thâu tóm doanh nghiệp bắt đầu sáp nhập, bởi nhận thức rằng hầu như bất cứ ai cũng có thể mua lại một công ty, cắt giảm chi phí hay chia nhỏ chúng thành từng mảng, và rồi tống đi với khoản lời lớn. Cao cấp hơn việc mua đi-bán lại các doanh nghiệp, và ít mạo hiểm hơn nhiều, chính là trở thành các chủ ngân hàng đầu tư, luật sư hoặc nhà buôn cổ phiếu giá rẻ đứng chờ sẵn tại cuộc chơi khi tiền nong thay tên đổi chủ.

Năm 1981, khi Conoco (sau này trở thành công ty dầu lửa lớn thứ chín của Mỹ) bị tập đoàn du Pont mua lại với mức giá ngất ngưởng là 7,8 tỷ đô-la, làn sóng thâu tóm thực sự bắt đầu đạt đến cao trào. Vụ thỏa thuận này – tính đến nay vẫn là lớn nhất trong lịch sử – có sự tham gia của không dưới bốn đại gia – Dome Petroleum, Mobil, Seagram Co. và du Pont. Tất cả đều cần huy động lực lượng chủ ngân hàng đầu tư và luật sư. Trên thực tế, tất cả các công ty chủ chốt ở Phố Wall cuối cùng đều bị cuốn vào làn sóng này. Đó là giấc mơ của giao dịch cổ phiếu giá rẻ: Cổ phiếu của Conoco được giao dịch với giá dưới 50 đô-la khi tình trạng hỗn độn bắt đầu nổ ra vào tháng Năm với lời đề nghị thâu tóm thẳng thừng do Dome đưa ra với mức giá 65 đô-la. Nó cứ thế tăng đều đặn cho đến khi du Pont giành phần thắng cuối cùng trong vụ bỏ thầu hồi tháng Tám, với mức giá đưa ra là 98 đô-la một cổ phiếu.

Đối với một người kinh doanh cổ phiếu giá rẻ, gần như không bao

giờ có chuyện thua lỗ trong một phi vụ như vậy, nhưng riêng Boesky, nhờ vận dụng mọi nguồn thông tin mật trong khả năng có thể, đã đạt được thành tích đáng nể. Anh ta yêu cầu các luật sư tại Fried, Frank (do Stephen Fraidin đứng đầu) tiến hành một nghiên cứu về các câu hỏi pháp luật, trong đó bao gồm cả những vấn đề chống độc quyền rất phức tạp mà chủ yếu lưu tâm đến Mobil. Anh ta thường trực điện thoại với Mulheren và những người buôn cổ phiếu giá rẻ khác, theo dõi số lượng và hình thái giao dịch cổ phiếu, đánh hơi mọi manh mối báo hiệu những cuộc đấu thầu tiếp theo, và luôn có giá trị cao hơn trước. Và anh ta đánh cược tiền vào những thông tin, ném tất cả những gì mà công ty Boesky non trẻ có trong tay vào cổ phiếu Conoco, sử dụng đòn bẩy tài chính tối đa. Nếu anh ta tính lầm, cả công ty sẽ tan tành mây khói. Nhưng kết quả là, Boesky đã tăng gấp đôi lượng vốn của công ty chỉ trong một thương vụ, thu về khoản lợi nhuận lên tới 40 triệu đô-la. Đó là một trải nghiệm ngây ngất đối với Boesky và tất cả đồng sự.

Mulheren cũng thăng tiến nhanh chóng trong môi trường mới. Anh ta vẫn luôn mơ ước kiếm được nhiều tiền – những khoản mà người khác sẽ phải thốt lên "Anh ta kiếm tiền lương thiện đấy." Và dường như mơ ước của Mulheren đã trở thành hiện thực, thậm chí trước cả khoản lợi trời cho mang tên Conoco.

Tại Merill Lynch, Mulheren đã trở thành một triệu phú trước tuổi 30. Năm 1980, anh ta mua một biệt thự Victoria trải dài bên bờ sông ở khu Rumson cao cấp, bang New Jersey, trước đây là nơi ở của vị Hồng y tai tiếng Francis Cardinal Spellman; sau đó được một giáo dân giàu có quyên lại cho Nhà thờ. Mẹ Mulheren than phiền rằng anh ta tiêu pha phóng tay quá. "Làm sao mẹ biết con tiêu quá hoang phí," Mulheren nói, "nếu mẹ không biết con có bao nhiêu tiền?"

"400 nghìn đô-la đấy con ơi!" Bà cụ thốt lên. "Thế là quá nhiều chứ còn gì!"

Mulheren chuyển hướng kinh doanh sang Spear Leeds & Kellogg, mã cổ phiếu lớn nhất trên Sàn Giao dịch Chứng khoán New York – cũng là một công ty giao dịch và buôn bán cổ phiếu giá rẻ năng động. Spear Leeds đặt trụ sở ngay tại nơi trước đây là Câu lạc bộ Luật gia thuộc vùng hạ Broadway ở Manhattan, Mulheren cho lắp đặt bàn giao dịch của mình ngay dưới khung cửa sổ gắn kính ghép màu kiểu Gothic.

Anh ta say sưa trong niềm lạc thú mà tiền mang lại. Anh ta tặng

đi những khoản lớn, nào là cho trường cũ Roanoke ngày xưa theo học, cho các quỹ thiện nguyện địa phương, cho bất cứ quỹ từ thiện nào được đề nghị quyên hiến. Anh ta biến điều đó thành nguyên tắc: Nếu có ai đó ngỏ lời xin, anh ta đều tặng hết, không một lời hỏi han thắc mắc. Mulheren và vợ nhận nuôi năm đứa trẻ, trong đó có ba đứa bị thiểu năng trí tuệ. Anh ta mua lại một câu lạc bộ bãi biển địa phương, một nông trang rộng tới 6 nghìn mẫu trên các dãy núi Virginia, nơi chăn thả một bầy trâu, và một nhà nghỉ mùa đông ở Fort Lauderdale. Đôi khi, anh ta lái chiếc tàu cao tốc kiểu dáng rất đẹp lên Phố Wall, neo thuyền ngay ở Cảng South Street. Anh ta săn bắn, sưu tầm đồ cổ, ngày càng ham thích lướt sóng tốc độ và trượt tuyết. Đến đầu thập niên 1980, anh ta đã đạt tới mức không thể nói chắc canh ta mình kiếm được bao nhiêu tiền; tất cả đều do các kế toán và luật sư tự quản lý. Anh ta chỉ thủng thẳng đề nghị họ nhớ ngăn lại nếu anh ta có vung tay quá trán. Và những người này thì chưa phải mở miệng bao giờ.

Mulheren còn vô cùng khoái trá với việc đóng vai "kẻ nghịch tử" trong cộng đồng giao dịch và mua bán cổ phiếu giá rẻ. Anh ta rất thích bày trò "đấu đá" với những người buôn bán cổ phiếu giá rẻ, những kẻ anh ta coi là béo bệu và lười nhác, anh ta vẫn thường khuếch khoác rằng mình hay "xơi tái họ vào bữa trưa". Một trong những trò đùa ác của Mulheren chính là khởi phát những đợt mua vào hoặc bán ra với dung lượng lớn khoảng nửa giờ trước khi một tuyên bố quan trọng trên thị trường được đưa ra, ví như một phán quyết chống độc quyền có thể dẫn đến thành công hay thất bại của một thỏa thuận sáp nhập. Trên thực tế, Mulheren không hề hay biết gì về kết quả, nhưng một hoạt động nào đó đột nhiên xuất hiện trên các băng điện từ lại gợi cho thấy rằng anh ta đã có thông tin từ trước. Những kẻ buôn cổ phiếu giá rẻ sẽ phát rồ lên, đặc biệt là Boesky. "Cậu tìm thấy cái gì thế hả?" Anh ta sẽ hỏi với giọng hụt hơi. "Cậu biết cái gì rồi thế hả?"

"Chả gì sất," Mulheren sẽ điềm tĩnh đáp lời. "Tôi chỉ làm thế để khiến người ta phải điên lên thôi."

"Cậu mất trí rồi!" Boesky gầm lên. "Cậu là đồ trẻ con láo lếu." Rồi dập máy. Còn Mulheren sẽ cười rống lên.

Trong những ngày thị trường ỉu xìu, Mulheren rất thích chơi trò hạ giá hàng loạt mã cổ phiếu giá rẻ, anh ta biết tỏng rằng việc này sẽ kéo giá cổ phiếu xuống và hành hạ những người đầu cơ đang ôm nhiều cổ phiếu. Những kẻ đầu cơ này sẽ nhấn chìm anh ta với hàng tá cuộc gọi, hớt hải tìm kiếm thông tin; còn anh ta thì sẽ phớt lờ họ. Và rồi, anh ta sẽ lại bắt đầu tìm xem có động thái bán

ra hoảng loạn nào không, rồi sẽ lại gom cổ phiếu ở mức giá thấp.

Mulheren có một nguyên tắc là không bao giờ nói chuyện với các nhân viên ngân hàng đầu tư. Anh ta cho rằng bọn họ chỉ toàn một lũ ngạo ngược, khoa trương và chẳng có mấy tác dụng. Hoặc bọn họ sẽ nói dối anh ta – một thứ vô giá trị, hoặc bọn họ sẽ cung cấp thông tin nội gián cho anh ta – một việc làm phạm pháp. Một lần Mulheren nhận được tin Siegel gọi điện nhưng lờ tịt đi. Mulheren cũng chán ghét nốt cả đám báo chí.

Boesky thì khác. Mulheren chia sẻ thông tin với Boesky hào phóng đến mức hiếm bằng hữu nào cùng trong lĩnh vực nhận được đặc ân như thế. Hai người bọn họ trò chuyện gần như hàng ngày, và Mulheren luôn trả lời điện thoại của Boesky. Gần như ngay từ lần đầu tiên gặp mặt, Mulheren đã mong muốn rằng Boesky sẽ ưa thích mình. Đằng sau vẻ bất cần bướng bỉnh, Mulheren luôn ước ao rằng được tất cả mọi người ưa thích. Nên việc trao đổi thông tin với Boesky khiến anh ta cảm thấy thoải mái. Qua thời gian, Mulheren trở thành nhà giao dịch quan trọng đối với những khối cổ phiếu lớn, vậy nên anh ta nắm rõ danh tính của nhân vật mua vào và bán ra chủ yếu. Những thông tin này là vô giá đối với giao dịch cổ phiếu giá rẻ, bởi danh tính của người mua thường gợi cho biết liệu có phải một cuộc bỏ thầu hung tợn đang được tiến hành hay đó chỉ là một người mua lành tính, chẳng hạn như một quỹ hưu trí tiểu bang, nhiều khả năng sẽ chẳng gây ra sóng gió nào. Và Boesky còn phải trông cậy vào cả khả năng tinh thông về quyền chọn của Mulheren. Ngược lại, để tưởng thưởng Mulheren, Boesky thực hiện phần lớn giao dịch của mình thông qua công ty của Mulheren, nhờ vậy công ty kiếm được khoản hoa hồng trong các giao dịch. Boesky trở thành khách hàng lớn nhất của công ty này.

Tuy thế, các cuộc đối thoại của họ lại hiếm khi xoay quanh những vấn đề cá nhân. Boesky luôn cho rằng động cơ duy nhất của con người đó là tiền. Thi thoảng Boesky cũng nhắc đến các con mình – hai đứa sinh đôi út ít của nhà anh ta cũng bị thiểu năng về học hành hệt như ba đứa nhà Mulheren – còn lại, anh ta chẳng bao giờ bàn luận về những mối quan tâm khác trong cuộc sống. Anh ta thậm chí còn không đả động gì đến sinh hoạt tình dục của mình. Việc này thật lạ lùng. Trong kinh nghiệm của Mulheren, ai ai trên Phố Wall cũng chỉ thích nói về chuyện tình ái của mình mà thôi. Một lần, có một công viên nước mới khai trương gần nhà Mulheren ở New Jersey, anh ta bảo với Boesky, “Ivan, tôi sẽ bắt cóc anh và lôi anh chơi cùng trên cầu trượt nước.” Đáp lại chỉ là màn im lặng tuyệt đối.

Thế nhưng, Boesky cũng có lúc tỏ ra rất ân cần chu đáo. Một thứ Sáu nọ, vợ Mulheren ở Florida với lũ trẻ, còn anh ta thì nói chuyện điện thoại với Boesky, Boesky cứ khăng khăng đòi đánh xe qua đón anh ta đến nhà mình ở Mt. Kisco dùng bữa tối. Các khách mời còn lại là chính trị gia Manhattan Andrew Stein, nhạc sỹ Jule Stein, danh hài Alan King cùng các phu nhân của họ. Sau đó, Boesky đưa Mulheren – một tay mê xe hơi, ra ga-ra để khoe chiếc mui trần Rolls Royce Silver Cloud, đậu song song với chiếc limousine Rolls Royce Phantom Five cổ điển.

Một dịp khác, Mulheren gặp phải những rắc rối lớn trong quan hệ vợ chồng, anh ta nói với Boesky rằng đang chuẩn bị ly dị. "Ấy chớ," Boesky nói. "Sao cậu không nói chuyện với Hushuang Wekili, ông bạn chí thiết của tôi? Tôi chơi với gã từ hồi mới mười bốn tuổi. Bọn tôi học cùng nhau. Quan hệ vô cùng tốt." Mulheren và Wekili gặp nhau ở đại sảnh của Khách sạn Plaza. Wekili dáng người mảnh khảnh, hành xử lịch sự và đậm vẻ Âu châu. Anh ta tâm sự với Mulheren về hôn nhân và đời sống riêng tư của mình. "Lúc nào mà chẳng nảy sinh gây gổ xích mích này nọ," anh ta nói nhẹ nhàng. "Nhưng có nhiều cách hay hơn là ly dị." Và Mulheren đã nghe theo lời khuyên của Wekili.

* * *

Tháng 5 năm 1982, T. Boone Pickens, một trong những tay săn cổ phiếu thành công nhất và xuất hiện sớm nhất – đã khởi phát một đề nghị thâu tóm tàn bạo đối với Cities Services, cũng là một công ty dầu mỏ tầm cỡ, thương vụ này có vẻ như sẽ lại là một phiên bản Conoco. Vài tuần sau đó, công ty dầu mỏ Gulf Oil đưa ra đề nghị bỏ thầu hữu hảo với giá 63 đô-la một cổ phiếu, giống như một "hiệp sĩ trượng nghĩa" giải cứu Cities Service, công ty này chấp nhận việc mua lại để tránh móng vuốt của Pickens. Boesky đã dốc một khoản ngang với tổng số vốn của công ty – 70 triệu đô-la vào cổ phiếu Cities Service, 90% trong đó là tiền đi vay. Anh ta tự tin ngồi yên đợi chờ cuộc chiến đấu thầu và cả những khoản lợi nhuận khổng lồ như từng có được trong vụ Conoco. Lance Lessman, người phụ trách khâu nghiên cứu, cũng nghĩ rằng đó là một thương vụ "chắc canh ta hết mức có thể."

Tối muộn thứ Sáu, ngày 6 tháng Tám, Lessman nhìn thấy Boesky sải bước ra khỏi văn phòng mình, khuôn mặt đầy hoảng hốt. Boesky nói với Lessman rằng anh ta vừa mới nghe có nguồn tin đồn rằng Gulf, quan ngại trước các vấn đề chống độc quyền, đã rút khỏi thương vụ Cities Service. Sàn Giao dịch Chứng khoán New York vừa mới đóng cửa, nhưng giao dịch cổ phiếu Cities Service

trên Sàn Thái Bình Dương (mở cửa tới 4 giờ 30 phút chiều theo giờ phía Đông) và trên "thị trường thứ ba" của tư nhân đã báo điểm gở; cổ phiếu rớt giá thảm hại, giảm tới 4 đến 8 đô-la một cổ phiếu.

Điện đàm trong khắp văn phòng được kích hoạt. "Chạy tất cả máy móc hết tốc lực," Boesky gào lên. Các giao dịch viên lập tức hoạt động, điên cuồng gọi cho các đơn vị tạo lập thị trường ở Bờ Tây như Jefferies & Co. để tìm kiếm người mua lại một chút trong tình thế này. Và rồi một tuyên bố gây ồn ào đã xuất hiện ở máy điện báo, xác nhận tình trạng xấu nhất: Gulf đã rút khỏi thương vụ này! Tất cả lợi tức mua lại đều tan biến. Boesky bị mắc kẹt trong một thương vụ khổng lồ vừa sụt giảm giá trị thảm hại. Tệ hơn thế, những yêu cầu ký quỹ bổ sung ngay lập tức rào rào đổ tới, yêu cầu chi trả toàn bộ khoản tiền đã vay mượn để mua cổ phiếu.

Boesky Corporation đang lâm cảnh một sống mười chết. Nó không thể có đủ số tiền đủ bù mức yêu cầu ký quỹ bổ sung, cho dù có bán được toàn bộ số cổ phiếu. Tệ hơn thế, Boesky đã vay 20 triệu đô-la tiền nợ không có đảm bảo từ các ngân hàng: Chase Manhattan và Chemical, mỗi nơi 5 triệu và 10 triệu nữa từ hai ngân hàng châu Âu khác. Những khoản nợ này sẽ phải trả ngay, không cần biết bất cứ lý do gì, và các ngân hàng đó gần như chắc canh ta đã biết phong thanh về cuộc khủng hoảng của Boesky. Tiếp đó là Sàn Giao dịch Chứng khoán New York và Ủy ban Chứng khoán. Mặc dù chủ yếu vẫn phụ thuộc vào giá cổ phiếu Gulf khi hoạt động giao dịch bắt đầu trở lại vào ngày thứ Hai, nhưng nhiều khả năng Boesky sẽ không đủ khả năng chi trả và sẽ vi phạm các yêu cầu về vốn theo quy định. Công ty rất có thể sẽ bị xử lý.

Tối hôm ấy, lúc rời khỏi công ty để đến dự các cuộc họp khẩn cấp với luật sư và các kế toán, trông Boesky xanh xao nhưng điềm tĩnh và im lìm, khác hẳn với tính cách bình thường. Tâm trạng của Boesky khiến Lessman lo lắng, đêm hôm đó Lessman đã gọi đến nhà Boesky ở Mt. Kisco. Điều ngạc nhiên là, Boesky dường như vẫn rất tự chủ, thậm chí tỏ ra rất đường hoàng giữa cơn thất trận. "Cuộc chơi ấy mà," anh ta nói. "Phải thế thôi." Lessman cố gắng hết sức để xoa dịu Boesky, đã chỉ ra rằng vụ đầu tư này thực ra hoàn toàn không tì vết: Rắc rối về chống độc quyền của Gulf không hề nổi bật, rõ ràng đó chỉ là một cái cớ để công ty này thay đổi quyết định mà thôi. Lessman nói, "Cũng giống như anh quyết định qua đường. Đèn giao thông bật xanh, anh đi thẳng – và rồi một tòa nhà đổ sập xuống đầu anh." Boesky có vẻ rất thích lối ví von ấy. Anh ta để Seema nghe điện thoại ở một máy phụ và Lessman nhắc lại câu này.

Đến buổi sáng thứ Hai, cổ phiếu của Cities Service không mở giao dịch vì tình trạng "bất quân bình của các lệnh"; có quá nhiều người bán trong khi không có người mua. Các chuyên gia của Sàn Giao dịch Chứng khoán New York không mở giao dịch cho đến khi họ biết chắc là mình có mức giá đảm bảo thu hút người mua. Giá cổ phiếu ấy phụ thuộc phần lớn vào các quyết định của Boesky. Liệu các yêu cầu ký quỹ bổ sung có gây áp lực thanh lý hàng loạt lô cổ phiếu đang nằm trong tay Boesky, đẩy giá sàn xuống thấp hơn nữa hay không? Tại văn phòng của Boesky, nỗi hồ hoặc này hiện rõ mồn một. Tất cả các lô cổ phiếu đầu cơ ngoại trừ Cities Service đều đã được thanh lý hết. Sau đó tất cả mọi người lượn vòng vòng quanh các máy điện báo và màn hình máy tính, chờ đợi giá mở giao dịch. "Các báo hiệu" giá mở cửa cứ rớt đều đặn, từ 50 đô-la xuống 45 đô-la, và rồi thấp hơn nữa. Họ biết rõ là, bất cứ mức giá nào thấp hơn 30 đô-la một cổ phiếu đều có khả năng xóa sổ họ luôn.

Trước tình cảnh vận mệnh của bản thân và của công ty đang lơ lửng ngàn cân treo sợi tóc, Boesky buộc phải dấn thân vào công cuộc tấn công ngoại giao. Được sự trợ giúp của Fraidin, luật sư trưởng và Steven Oppenheim, kế toán thuê ngoài của công ty cùng Setrag Mooradian – Boesky gọi đến bốn ngân hàng, nài nỉ họ ngừng thúc nợ. Đó là một sứ mệnh đầy tinh tế, bởi Boesky không muốn đánh động họ quá mức cần thiết thông qua việc nhấn mạnh rằng thúc giục thu hồi nợ sẽ khiến anh ta không thể trả được. Nhưng Boesky rất điềm tĩnh, nói năng lưu loát, đầy tin tưởng rằng khoản đầu tư vào cổ phiếu Cities Service rốt cuộc cũng sẽ thu hồi được. Anh ta gắng xoay xỏa để kéo dài thời gian.

Và rồi cả nhóm đến sàn giao dịch để gặp các nhà quản lý.

"Nếu giá cổ phiếu mở giao dịch là 45 đô-la thì sao?" Một quan chức sàn giao dịch hỏi.

Mooradian thực hiện vài phép tính nhanh. "Chúng tôi sẽ ổn," anh ta đáp.

"Thế còn 40?"

"Căng đấy," Mooradian thú nhận.

"Nếu là 30?"

Mooradian có thể nhận ra Boesky quá ngán ngẩm với giọng điệu trịch thượng và lối tiếp cận kiểu 20-câu-hỏi của vị quan chức kia. "Nghe này," Mooradian nói, vẻ trầm trọng, "nếu giá cổ phiếu mở ở

mức 0, tụi tôi sẽ sạt nghiệp. Và tất cả mọi người trên Phố Wall này cũng tiêu đời." Vị quan chức kia xẵng giọng bảo với cả nhóm rằng họ buộc phải đáp ứng những yêu cầu về vốn của sàn giao dịch và sẽ không được hưởng hình thức miễn trừ đặc biệt nào hết.

Cả nhóm quay trở về văn phòng Boesky chờ đợi, chỉ còn nửa giờ nữa là phiên giao dịch trong ngày đóng cửa, cổ phiếu của Cities Service đã mở – ở mức 30 đô-la, thấp hơn một nửa so với mức giá Gulf đã đề nghị! Ở mức giá đó, không ai đảm bảo chắc canh ta rằng liệu Boesky có mất khả năng trả nợ không, nhưng tình thế đang vô cùng gieo neo. Boesky buộc phải bán tống bán tháo cổ phiếu đi. Như rất nhiều lần trước đó, anh ta đang đứng trên bờ vực thất bại.

Chỉ có một người anh ta nghĩ có thể trông cậy lúc bấy giờ: John Mulheren. Cũng giống như hầu hết các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ, Mulheren nắm giữ lô cổ phiếu đầu cơ rất lớn trong vụ Cities Service này, nhưng anh ta sớm đã lo xa để đầu cơ phần lớn vào giao dịch quyền chọn, vậy nên anh ta không hề rơi vào cảnh ngàn cân treo sợi tóc như Boesky. Boesky gọi cho Mulheren vào giữa giờ chiều ngày thứ Hai.

"Chúng tôi gặp rắc rối to," Boesky nói, giọng đượm vẻ u tối. "Anh có thể giúp được không?"

"Rồi, chuyện gì thế? Tôi biết là anh đang bị lỗ," Mulheren trả lời. Cho dù Boesky thực hiện phần lớn giao dịch thông qua Spear Leeds – Boesky là khách hàng lớn nhất của công ty này – nhưng Mulheren vẫn không có quyền tiếp cận các thông tin về tình hình của Boesky, vốn được bảo mật tuyệt đối trong công ty.

"Tôi phải bán cổ phiếu," Boesky nói mà không hề giải thích thêm về mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Mulheren nghĩ rằng cổ phiếu của Cities Service có vẻ hấp dẫn ở mức độ mới này, vậy nên sau khi bàn bạc về tình hình của công ty, Mulheren nói sẽ lấy một triệu cổ phiếu. Boesky giật mình, ngần ngừ không muốn bán khi nhận ra rằng Mulheren lại đòi nhiều đến thế, nhưng rồi đành đồng ý vì tình cảnh thúc ép, bán ra 400 nghìn cổ phiếu với mức giá 30 đô-la/ cổ phiếu.

Chỉ sau một giờ đồng hồ, Boesky lại gọi điện thoại. "Chúng tôi lại gặp rắc rối," anh ta nói, đề nghị họp với Mulheren và các đồng sự tại Spear Leeds sau khi đóng giao dịch. "Nghĩ xem có cách nào giúp tụi tôi thoát khỏi tình thế này và đáp ứng được các yêu cầu về vốn không, vì bọn họ nói là tụi tôi đang có vấn đề về vốn thủ tục." Boesky đã bắt đầu đượm vẻ tuyệt vọng.

“Được thôi,” Mulheren đồng ý. “Để tôi xem có thể làm được gì nào.”

Mulheren họp với các đồng sự, những người tỏ vẻ quan ngại vì một số nguyên do. Tình trạng khủng hoảng của Boesky, với khối lượng nắm giữ cổ phiếu lớn như vậy, rất có thể sẽ làm nổ ra một làn sóng bán ra có khả năng tàn phá Spear Leeds. Mà Boesky lại là khách hàng lớn nhất của công ty, vậy nên bọn họ cũng có phần quyền lợi của mình trong việc đảm bảo cho Boesky thanh toán được nợ nần.

Đến khoảng 4 rưỡi chiều, Boesky, Oppenheim, Fraidin và Mooradian cũng có mặt, đưa theo cả một quan chức của sàn giao dịch.

“Anh giải quyết êm thấm vụ này được không?” Oppenheim hỏi Mulheren.

“Tôi không biết có cách nào xử lý cho ổn thỏa cả,” Mulheren đáp.

“Được, tôi có một cách để mọi sự đâu vào đấy hết,” Oppenheim nói tiếp, quay sang Boesky. “Tôi có giải pháp ngay trong cặp đây.”

Oppenheim mở cặp, lấy ra một con dao tự sát theo nghi lễ của Nhật Bản và đưa nó cho Boesky. Boesky không hề cười một mảy.

Sau ba tiếng bàn thảo căng thẳng, họ đã xây dựng được một giải pháp. Mulheren phác ra một loạt những giao dịch quyền chọn phức tạp sẽ mang lại tác động dịch chuyển bất cứ thua lỗ nào nảy sinh do cổ phiếu Cities Service giảm giá sâu hơn sang cho Spear Leeds. Bằng cách này, Boesky không cần phải thanh lý phần còn lại trong số cổ phiếu đầu cơ của anh ta, giải tỏa áp lực bán đè nặng lên thị trường. Ngược lại, Mulheren giành được quyền hưởng một nửa lợi nhuận từ bất cứ khoản lời nào của Boesky trong lô cổ phiếu Cities Service đang nắm giữ. Vị quan chức sàn giao dịch cũng đồng ý rằng NYSE sẽ đảm bảo rằng Boesky không bị ép buộc phải thanh lý, và rằng việc dàn xếp này cũng thỏa mãn các thủ tục về vốn.

Lòng tin của Mulheren cũng như Boesky đặt vào giá trị tiềm tàng của cổ phiếu Cities Service cuối cùng đã được minh chứng. Bất chấp việc Gulf rút chân, vụ đấu thầu Pickens đã đưa Cities Service “cưỡi lên mình hổ” – như ngôn ngữ của Phố Wall vẫn dùng để miêu tả những công ty một khi đã được đưa vào tầm ngắm, thì thường không có mấy chỗ bấu víu ngoài đầu hàng hoặc tìm một đối tượng giải cứu mình. Chỉ hai tuần sau đó, Công ty Dầu lửa

Occidental đã nhập cuộc với giá bỏ thầu 58 đô-la một cổ phiếu cho Cities Service, và giá cổ phiếu bắt đầu tăng vọt. Mulheren và Spear Leeds cuối cùng đã kiếm được gần 10 triệu đô-la từ vụ giải cứu Boesky; Mulheren được ca tụng là người hùng. Còn cơn khủng khoảng đã khiến Boesky thua lỗ gần 24 triệu đô-la, tương đương với khoảng một phần ba tổng tài sản công ty.

Beosky dường như cũng ít nhiều bị "nắn gân" sau cú chạm trán chớp nhoáng với thảm họa bất ngờ. "Anh biết đấy," anh ta nói với Mooradian khi họ kiểm tra sổ sách kế toán vào cuối tháng, "những việc như thế này dạy chúng ta phải biết khiêm nhường." Anh ta yêu cầu Mooradian xây dựng một vài thống kê lưu trữ liên quan đến thương vụ và đưa vào một tập dữ liệu đề tên là "Chartreuse". Anh ta cũng nhắc Mooradian không được tiết lộ với ai về sự tồn tại của tập dữ liệu này. Anh ta cũng không bao giờ nhắc đến nó nữa, và cuối cùng Mooradian đã quẳng nó đi.

Tuy thế, vụ thất bại mang tên Cities Service lại gây tác động hết sức sâu sắc đến Boesky. Anh ta cảm thấy vô cùng mang ơn Mulheren; trong suy nghĩ của Boesky, một đặc ân lớn dường vậy chính là thứ thước đo đích thực cho tình bằng hữu. Anh ta gọi cho Mulheren sau khi thương vụ đã xong xuôi và nói, "Tôi không thể tin là anh đã làm thế vì tôi." Chẳng bao lâu sau, Boesky hỏi Mulheren xem liệu Mulheren có thể đảm nhiệm vị trí đồng giám hộ cho các quỹ ủy thác của con cái Boesky hay không. Mulheren ưng thuận; có thể thấy rõ là, với những khoản đầu tư mà Boesky dàn xếp cho tương lai con cái, lời đề nghị với Mulheren chính là một cách tỏ lòng tri ân. Mulheren thì rất vừa lòng. Anh ta luôn thấy tự hào với việc, như lời anh ta, đóng vai một bậc "hảo hán trượng nghĩa."

Nhưng một lần nữa, Boesky lại ngấp nghé bờ vực thất bại. Anh ta ắt hẳn đã cảm nhận được rằng mình không thể "trường sinh bất tử"; thậm chí gia đình nhà vợ cũng không thể dung thứ cho một thất bại nữa, nhất là với cái giá phải trả cao đến vậy. Điều khiến Boesky điên tiết là lỗi đâu phải của anh ta. Ai mà có thể lường trước được sự trở mặt của Gulf. Lối suy luận của Boesky trước sau đều chính xác, nhưng anh ta lại bị hủy diệt bởi những vấn đề nằm ngoài tầm kiểm soát.

Buổi tối thứ Sáu hôm cổ phiếu của Cities Stock tụt giá, ở nhà Boesky diễn ra một bữa tiệc tối đã được dự tính từ trước tại dinh cơ Mt. Kisco, dành để tiếp đãi Mulheren và vài đồng sự của anh ta ở Speer Leeds cùng vợ của họ. Trong bữa tiệc cocktail ở khu hồ bơi, cuộc chuyện trò đã chuyển sang cú trượt chân trên thị trường, và

Mulheren bảo: “Tôi hy vọng thị trường không bị vỡ. Nếu không tụi ta sẽ chết hết.” Seema cắt ngang cuộc đối thoại. “Tất cả những gì tôi cần biết là, việc này sẽ không bao giờ xảy ra thêm một lần nào nữa.” Cô ta dằn giọng nhắc lại, “Không một lần nào nữa.”

Mulheren, biết rõ rằng hầu hết tiền vốn trong công ty Boesky đều thuộc sở hữu của Seema, chắc mẩm rằng ý Seema là cô ta sẽ không để Boesky mạo hiểm một khoản tiền lớn đến như thế chỉ trong một thương vụ.

Nhưng Boesky lại có cách nghĩ khác. Sẽ không bao giờ có chuyện đó nữa, được thôi. Có khối cách để kiểm soát, thậm chí là triệt tiêu rủi ro. Cũng chẳng có trọng tài nào vè vè bên cạnh mà thực thi luật lệ với anh ta như trong môn đấu vật. Anh ta sẽ bật ngược trở lại, lần này sẽ không có chuyện thất bại gì nữa.

Ngay tuần sau đó, trước cả khi Công ty Dầu lửa Occidental giải cứu toàn thể cộng đồng giao dịch cổ phiếu giá rẻ khỏi cơn nguy khốn mang tên Cities Service, Boesky đã gọi cho Martin Siegel.

“Xin chào, Marty,” Boesky nói, tỏ ra rất bình thường và thoải mái, không để lộ bất cứ manh mối nào là anh ta khó lòng có thể giải thoát công ty khỏi tình cảnh lụn bại hay đang sắp sửa đưa ra một lời mời sẽ thay đổi cuộc đời của cả hai người một cách không thể vãn hồi. “Đã đến lúc anh phải suy nghĩ đến việc gia nhập Câu lạc bộ Harvard rồi đấy. Sao chúng ta không gặp nhau uống một ly nhỉ?”

* * *

Giữa năm đó, tháng Sáu năm 1982, Siegel mời Boesky đến chơi tennis tại cơ ngơi mới vừa hoàn thiện của mình, được xây dựng theo các bản thiết kế của Siegel và Jane Day. Dinh thự tọa lạc trong một khu biệt lập hạng sang với tên gọi Greens Farms. Ngôi nhà mang phong cách hiện đại, có lắp đặt các tấm ốp gỗ xám dựng thẳng, với những khung cửa sổ bằng kính nguyên tấm lớn chạy suốt hai tầng nhà, nhìn ra bể bơi và dải eo biển ngay phía sau nó, nơi gần đây Siegel bắt đầu tập tành chơi đua thuyền tốc độ. Ở một bên chính là thứ mà Siegel vẫn hằng khao khát, các sân quần vợt náu mình giữa tán thông cận kề bờ biển.

Một chiếc Rolls Royce màu hồng lăn bánh trên lối đi. Nó khẽ khàng đáp vào bãi đỗ, Boesky mỉm cười tươi tắn xuất hiện, mang theo chiếc vợt tennis và, Siegel để ý với chút hiếu kỳ, một chiếc cặp da, loại vẫn được một số quý ông Âu châu mang theo mình.

Chiếc cặp không phải gu của anh ta, nhưng Siegel vẫn tán dương Boesky về chiếc xế hộp bóng lộn. “Seema tặng tôi đấy,” Boesky nói.

Siegel đã sắp xếp một buổi giao đấu tennis cho Boesky, Samuel Heyman, cựu công tố viên đã chuyển nghề buôn bán, phát triển địa ốc rất thành công, người đang rất hào hứng với lĩnh vực sáp nhập và mua lại đang bắt đầu “đâm chồi nảy lộc”, cùng một doanh nhân khác nữa. Heyman cũng sống ở Greens Farms, thực ra là ngay cạnh nhà Siegel, trong một dinh thự kiểu Georgia bằng đá đồ sộ. Heyman sử dụng sân cỏ làm bãi đáp trực thăng và thường đón Siegel đi cùng lên khu Manhattan.

Chiều hôm đó, bốn người bọn họ chơi một loạt trận đấu đơn theo kiểu vòng tròn. Heyman thắng. Boesky, cho dù có nói giảm nói tránh là một người thua trận lịch thiệp, thì thật sự vẫn chơi quá tệ hại. Điều này khiến Siegel hết sức kinh ngạc, bởi Boesky dường như vẫn luôn ám ảnh với tham vọng biến các cậu con trai của mình thành các nhà vô địch quần vợt. Anh ta thậm chí còn thuê hẳn một huấn luyện viên cho các con.

Sau bữa trưa, những người kia đều cáo từ, còn Siegel dạo bộ tiễn Boesky ra xe. Có nhiều thứ phải bàn bạc với nhau. Siegel tỏ ra lo lắng về tình trạng tài chính của Kidder, Peabody, và, nhất là mảng nghiệp vụ sáp nhập của riêng anh ta. Các thương vụ trên Phố Wall ngày càng có quy mô lớn hơn. Lượng khách hàng chủ yếu của Kidder, Peabody là các công ty quy mô vừa bắt đầu tụt hạng. Năm 1981, Siegel đã nghe nói đến những báo cáo về việc United Technologies chuẩn bị đưa ra một đề nghị đấu thầu với Tập đoàn Carrier, thế nhưng khi anh ta chào mời dịch vụ bảo vệ cho Carrier, công ty này đã lựa chọn việc tặng vinh dự ấy cho mối quan hệ lâu năm giữa nó với Morgan Stanley, một công ty mà Carrier tin tưởng rằng “hùng mạnh” hơn Kidder, Peabody.

Tệ hơn, Siegel cảm giác rằng anh ta đang dần bị xóa sổ khỏi nhóm M&A đang sinh lời do hai luật sư Marty Lipton và Joe Flom cầm trịch. Lipton vẫn lái khách hàng theo cách của mình, và Siegel cũng chuyển khách của mình sang cho Lipton, nhưng không vụ nào trong số đó thực sự quy mô. Còn Flom, Siegel e ngại, rằng ông ta đang loại bỏ hẳn anh ta ra khỏi vòng chiến, để dành ưu ái cho những công ty như First Boston hay Morgan Stanley. Siegel đã hỏi Flom xem chuyện gì đang xảy ra. “Họ chỉ muốn gắn chặt với các chủ ngân hàng đầu tư truyền thống,” Flom đáp. Siegel kể cho Boesky nghe về nỗi lo âu của mình.

“Sao anh không qua làm với tôi nhỉ?” Boesky đề nghị. “Suy nghĩ

thử xem thế nào nhé."

Dù phàn nàn với Boesky là thế, nhưng Siegel vẫn là ngôi sao trẻ tuổi của Kidder, Peabody. Anh ta được chọn làm đồ trang trí trung tâm trong những nỗ lực mà công ty này bỏ ra nhằm tuyển dụng những sinh viên tốt nghiệp hạng nhất tại các trường kinh doanh. Trong một sự kiện sau này được tổ chức thường niên, các sinh viên trường kinh doanh làm việc mùa hè tại Kidder, Peabody được tận hưởng trọn vẹn một ngày tại dinh cơ mới của Siegel ở Connecticut, thỏa thích bơi lội, lướt sóng ngoài eo biển và giao đấu quần vợt vòng tròn, và cuối cùng là một bữa tiệc tối xa hoa sang trọng.

Mùa xuân ấy, vợ Siegel sinh hạ con gái đầu lòng. Với cô vợ hấp dẫn, con gái kháu khỉnh, một dinh thự và cả khu đất thực ra là một khu nghỉ mát đầy đủ tiện nghi, thông điệp không phải bàn cãi ở đây chính là "Hãy đến với Kidder, Peabody và cuộc sống như Marty Siegel có thể thuộc về bạn." Siegel mới chỉ 34 tuổi.

Trên sơ đồ tổ chức của công ty, Siegel vẫn thuộc bộ phận tài chính doanh nghiệp, nhưng trên thực tế, Siegel đã lấn lướt tất cả và làm việc trực tiếp với DeNunzio. DeNunzio dường như thích lối sắp xếp này hơn; việc ấy khiến mọi người thấy bị chèn ép quá thể. Đến cuối năm 1981, DeNunzio đã gọi riêng Siegel vào để nói chuyện về việc xét thưởng cho anh ta. Lương của Siegel chỉ có 80 nghìn đô-la, vậy nên tiền thưởng sẽ chiếm đa số trong phần thù lao cho anh ta. "Cậu muốn bao nhiêu?" DeNunzio hỏi. "Cậu nghĩ bao nhiêu là phù hợp và xứng đáng?"

Những gì Siegel nghĩ là anh ta xứng đáng có hẳn một phần trong cổ phiếu Kidder, Peabody, nhưng anh ta không nói ra điều đó. DeNunzio sở hữu tới 7% cổ phần và là cổ đông lớn nhất sau Al Gordon. DeNunzio rất quyết đoán trong việc ai được quyền mua và bán cổ phiếu; sự kiểm soát cấu trúc sở hữu trong công ty này chính là nền tảng tạo nên quyền lực của ông. DeNunzio rất chặt chẽ trong việc trao quyền sở hữu cổ phiếu cho Siegel, bởi ông ta ưa chuộng những đồng minh tuy kém phần sắc sảo nhưng trung thành và lớn tuổi hơn. Vậy nên để tính xem phần đền bù thế nào mới làm DeNunzio cảm thấy thỏa đáng, Siegel đã xem xét kết quả hoạt động của công ty và phần đóng góp của riêng anh ta. Rồi anh ta tính đến mức tăng giá trị trong cổ phần của riêng DeNunzio và yêu cầu khoản tương tự.

Đến năm 1981, con số này đã lên tới 526 nghìn đô-la và DeNunzio vẫn thanh toán đầy đủ cho Siegel, không một ý kiến gì. Việc này

đã khiến Siegel trở thành nhân viên có thu nhập cao nhất công ty. Siegel cũng là người duy nhất được mở tài khoản sử dụng xe, với quyền sử dụng xe hơi và tài xế bất cứ khi nào anh ta muốn.

Nhưng Siegel vẫn càng lúc càng thêm lo lắng. Bên cạnh những âu lo về mảng nghiệp vụ M&A và tình trạng tụt dốc của Kidder, Peabody, các chi phí Siegel phải bỏ ra dường như cũng tăng vọt. Mảnh đất và ngôi nhà tại Connecticut đã ngốn của anh ta hết gần 750 nghìn

đô-la. Giờ đây, Jane Day cần một người giúp việc toàn thời gian để hỗ trợ chăm sóc em bé, và gia đình thì cần đến một căn hộ lớn hơn ở Manhattan. Siegel và Jane Day đã xem xét các căn hộ ba và bốn phòng ngủ trong các khu phụ cận sao cho phù hợp với hình tượng của Kidder, Peabody mà DeNunzio đã đặt ra – phải ở những nơi như Đại lộ số Năm, Đại lộ Công viên hay Sutton Place. Rõ ràng là một căn hộ đáp ứng được những tiêu chí này sẽ tiêu tốn của Siegel thêm khoảng 1 triệu đô-la. Đột nhiên, anh ta cảm thấy mình gặp rắc rối to khi phải nai lưng kiếm cho đủ hơn nửa triệu đô-la một năm để trang trải những khoản này – tuy nhiên, trên thực tế, thu nhập của Siegel vượt quá mức "đủ xài".

Siegel cũng đang bắt đầu cảm thấy áp lực công việc đè nặng. Trận chiến căng thẳng với những khoản đặt cược cao ngất của một vụ thâu tóm tàn bạo bơm đầy nhiệt huyết cho Siegel, anh ta sẽ bỏ ra hàng tuần liền với cả trăm tiếng đồng hồ làm việc miệt mài. Nhưng đột nhiên, anh ta cảm thấy chán nản và thờ ơ lạ lùng. Anh ta đi ngủ vào lúc 9 hoặc 10 giờ tối. Anh ta bị tổn thương vì những đợt dị ứng nhẹ và bắt đầu phải uống thuốc nước Nyquil với liều lượng tăng dần mặc dù có những đêm giảm liều xuống 7 đến 10 ounce. Cứ kết thúc mỗi thương vụ, anh ta lại càng thêm căng thẳng mệt mỏi, tự hỏi liệu đây đã phải là trận chiến cuối cùng hay chưa.

Đây chính là cảm giác của Siegel lúc Boesky gọi điện và đưa ra lời mời.

* * *

Câu lạc bộ Harvard, thành phố New York là điểm nổi bật trên Phố 44 Tây, do McKim Mead & White thiết kế, một hội sở hoàn toàn tách biệt khỏi Đại học Harvard, mặc dù chỉ đón tiếp sinh viên tốt nghiệp Harvard và thành viên các khoa hay những người giữ chức trách ở cấp khoa mà thôi. Boesky có được quyền ra vào nơi này thông qua một con đường hóc hiểm nhất có thể tưởng tượng: anh

ta quyên góp nặng tay cho khoa sau đại học ít tiếng tăm nhất của Harvard – Khoa Y tế Công cộng, anh ta được xếp vào hội đồng giám sát của trường, một quyết định bổ nhiệm "ở cấp khoa". Anh ta đã tự mua lấy quyền tiếp cận Câu lạc bộ này.

Và anh ta hoàn toàn tự hào với việc gia nhập câu lạc bộ Harvard này. Câu lạc bộ Harvard, với những tấm ốp tường tối màu, các bức chân dung u tối, những tấm thảm Đông phương, những bức rèm đỏ tươi đã mang lại vẻ tôn kính uy quyền mà anh ta thèm khát. Tuy thế, tất cả những thứ này lại chẳng gây được mấy ấn tượng với Siegel khi đẩy hai cánh cửa dẫn vào phòng chuyên món nướng rất nổi tiếng.

Siegel, gần như đã bỏ qua bàn của Boesky khuất trong một góc tối tăm của căn phòng, tự gọi cho mình một ly bia; tửu lượng của anh không được tốt lắm. Boesky còn đang luyên thuyên chuyện phiếm đâu đâu, nào nói về trò bóng quần, rồi khích lệ Siegel tập tành thể dục thể thao. Bọn họ có thể chơi với nhau ở ngay Câu lạc bộ Harvard này. Và rồi, dần dà, Boesky đã uyển chuyển lái câu chuyện sang những áp lực tài chính của Siegel. Anh ta gợi cho Siegel giãi bày, như nhiều lần trước đây, về những lo lắng của Siegel, về mảng làm ăn M&A, về tình trạng ù lì tẻ nhạt ở Kidder, Peabody và cả những khoản chi phí đang chất chồng. Boesky nhắc lại lời đề nghị công việc của mình, nhưng Siegel thoái thác. "Tôi có thể đầu tư ít nhiều cho anh, có thể là làm gì đó để giúp cha anh nữa." Boesky nói tiếp.

"Tôi gần như đã trở thành chuyên gia tư vấn cho anh rồi còn gì," Siegel đáp. "Khách hàng bình thường sẽ phải trả cả núi tiền cho kiểu tư vấn như thế." Siegel có thể thấy mình đang bổ sung thu nhập cho bản thân bằng cách đóng vai trò chuyên gia tư vấn ngoài hợp đồng cho Boesky, trong khi vẫn tiếp tục công việc của mình ở Kidder, Peabody như bình thường. Thực ra, anh ta đã mang đến cho Boesky những ý kiến sâu sắc về các chiến lược trong các thương vụ M&A, cả của Boesky và những người khác. Boesky cũng đồng ý rằng những ý kiến thấu đáo của Siegel có giá trị đáng kể và rằng anh ta sẵn lòng trả tiền. Rồi anh ta đẩy cuộc đối thoại thêm một bước ngoặt lớn:

"Nếu anh mang lại cho tôi các tình thế giao dịch với thời gian chờ xông xênh, tôi cũng sẽ trả cho việc đó nữa," Boesky nói.

Ở một mức độ nhất định, Siegel có thể coi đây là một lời gợi ý vô tư. Anh ta có thể xác định những mục tiêu thâu tóm có khả năng thành hiện thực dựa trên kinh nghiệm và sự tinh thông về việc

những phẩm chất nào khiến các công ty trở nên dễ bị tấn công. Mặt khác, không nghi ngờ gì, hai người bọn họ đã vượt qua giới hạn. Nói thẳng ra, Boesky đang đòi hỏi các thông tin nội gián. Họ thậm chí còn đã bàn luận với nhau rằng việc Boesky giao dịch dựa trên các thông tin Siegel tiết lộ quá sát với một vụ đấu thầu thực tế rất có thể sẽ gây nghi ngờ; Siegel cũng phải được trả thù lao thật hậu từ trước. "Tôi thì muốn sẽ thỏa thuận về một khoản thưởng vào đợt cuối năm," Siegel nói. Boesky gật đầu.

Mọi chuyện tạm dừng ở đó, họ không nói thêm gì về tiền nong hay Boesky sẽ thanh toán cho Siegel như thế nào. Cuộc đối thoại lan man sang những chủ đề khác. Họ uống hết ly của mình, bắt tay nhau ở ngoài câu lạc bộ, trên Phố 44 và tạm biệt nhau trong một đêm mùa hè nóng nực.

Càng nghĩ về thỏa thuận với Boesky, Siegel càng cảm thấy có lý. Lời tham vấn của anh ta thực sự rất đáng tiền. Và ngược lại, những thông tin tối mật cùng các ưu đãi của Boesky đưa ra cũng đóng vai trò quan trọng với khách hàng của Siegel. Anh ta thường cần Boesky đầu cơ cổ phiếu nào đó để gây áp lực mua vào cho cổ phiếu ấy, và rồi xoay chuyển giá cả, thậm chí là thúc đẩy một công ty "cưỡi lên lưng hổ", tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đột kích mà một khách hàng nào đó của Siegel sẽ tiến hành. Anh ta cần sở hữu một mũi nhọn lợi hại nếu muốn cạnh tranh với những người khổng lồ như Morgan Stanley hay First Boston.

Việc làm ăn này dường như không hề có rủi ro. Siegel thậm chí còn không phải nhúng tay vào giao dịch, không có bản ghi chép nào có thể truy nguyên về anh ta. Và bản thân Boesky thì không thể bị tóm. Anh ta chính là người buôn cổ phiếu giá rẻ lớn nhất, thành công nhất xứ này. Anh ta giao dịch tất cả – bất cứ thứ gì Siegel cung cấp cũng được trộn vào. Chính phủ sẽ không bao giờ có thể chứng minh được rằng một chuyên gia buôn bán cổ phiếu giá rẻ lại giao dịch dựa trên thông tin nội gián, đương nhiên là Boesky thì càng không. Boesky quá thông minh nên sẽ không bao giờ chấp nhận bất cứ rủi ro nào trong lĩnh vực này.

Siegel không đưa ra bất kỳ phản ứng tức thời trước lời mời của Boesky. Ngày 26 tháng Tám năm 1982, chỉ vài ngày sau cuộc gặp ở Câu lạc bộ Harvard, Tập đoàn Bendix, dưới sự dẫn dắt của William Agee vốn rất tháo vát, đã khởi sự một cuộc thâu tóm chế áp trị giá tới 1,5 tỷ đô-la đối với Martin Marietta, một nhà thầu quân sự lớn. Siegel được thuê về để đảm nhiệm những nỗ lực tự vệ của Martin Marietta.

Cuộc tấn công của Bendix thu hút sự tập trung chú ý lớn của giới truyền thông. Agee vốn là một cái tên đình đám sau khi chuyện tình nội bộ trong công ty được công khai rộng rãi và sau đó là cuộc hôn nhân với Mary Cunningham. Nhưng quan trọng hơn, cuộc cạnh tranh này chẳng mấy chốc đã trở thành cuộc chiến thâu tóm phóng khoáng và gay cấn nhất trong lịch sử, mà nguyên nhân chủ yếu là bởi chiến dịch táo bạo nhằm giải cứu Martin Marietta mà Siegel chịu trách nhiệm. Trong quá trình đó, Siegel được xưng tụng như một thiên tài, qua lời của cả giới truyền thông và trong cộng đồng thâu tóm. Không còn bất kỳ một biến động tụt hạng vị thế nào của Siegel trong giới M&A nữa. Bỗng chốc, Kidder, Peabody đã leo thẳng lên đầu danh sách tiến cử của Lipton và Flom.

Kỹ thuật phòng vệ đầy sáng tạo của Siegel giờ đây được biết đến như một trong những chiến lược phòng vệ táo bạo nhất, lối phòng vệ "PacMan", được đặt tên dựa theo một trò chơi trên băng video nổi tiếng một thời. Trong chiến lược phòng vệ PacMan, công ty mục tiêu sẽ chia tách kẻ tấn công mình và gắng sức ăn tươi nuốt sống nó. Siegel không thực sự phát minh ra khái niệm PacMan, nhưng trên Phố Wall chưa từng ai nghe đến nó, và càng chưa bao giờ thử áp dụng trên một phạm vi lớn như vậy.

Siegel cảnh báo Agee rằng nếu vụ đấu thầu này không được rút lại, Martin Marietta sẽ trả đũa bằng cách hành động để thâu tóm Bendix. Siegel biết rằng với thủ đoạn ấy, anh ta đã thể hiện với Agee và cả thế giới nói chung rằng mối đe dọa ấy là hoàn toàn có cơ sở.

Một buổi chiều, khi đang chuẩn bị cho cú phản đòn của mình, Siegel đột nhiên nghĩ tới cuộc trò chuyện với Boesky ở Câu lạc bộ Harvard. Đây chính là cơ hội tuyệt vời! Lúc này anh ta cần đến Boesky, cần nhất từ trước đến nay. Thường thì, cổ phiếu của công ty thâu tóm trong một cuộc đấu thầu thâu tóm sẽ giảm giá, do các chi phí phát sinh và doanh thu giảm sút, trong khi đó, giá cổ phiếu của công ty mục tiêu thâu tóm lại tăng nhanh chóng. Vậy nên, bất cứ động thái tăng giá nào của cổ phiếu Bendix cũng sẽ phát đi một thông điệp đầy sức mạnh, rằng có điều gì đó bất thường đang manh nha diễn ra. Siegel muốn sẽ có một vài động thái mua để đẩy giá và số lượng cổ phiếu Bendix lên. Không gì có thể khiến lời đe dọa nhanh chóng trở nên đáng tin với Agee, hơn mọi lời nói – bằng việc giới đầu cơ cổ phiếu giá rẻ, đặc biệt là Boesky, ra sức tích lũy những lô cổ phiếu đầu cơ không lấy gì làm hữu hảo. Cùng lúc đó, Siegel cũng có thể giúp ích ít nhiều cho Boesky.

Siegel gọi cho Boesky. Anh ta nói bằng giọng thì thào bí mật, "Cách của tôi là, chúng ta sẽ thực hiện lối phòng vệ PacMan này. Mua cổ phiếu Bendix." Siegel thoáng một khắc lo âu – anh ta không nên mạo hiểm tiết lộ loại thông tin như thế này qua điện thoại; chẳng may điện thoại của Boesky bị nghe trộm thì sao? Nhưng mối âu lo ấy tan biến ngay bởi nỗi phấn khích hướng đến trận chiến. Trong khi theo dõi băng điện tử, anh ta có thể trông thấy những dấu hiệu rõ rệt cho thấy động thái mua cổ phiếu Bendix, và giá cổ phiếu đã tăng lên đúng như mong đợi. Chẳng mấy chốc, cả Phố Wall và giới truyền thông đã ngập tràn những suy đoán rằng Martin Marietta sắp sửa phản đòn bằng một cuộc bỏ thầu chắc ăn.

Hầu như tất cả mọi người đều bị thuyết phục, trừ Agee. Ông ta không hề chùn bước, mà khăng khăng buộc Martin Marietta phải trả giá cho lời đe dọa của mình bằng chính vụ bỏ thầu trị giá tới 1,5 tỷ đô-la, ép giá cổ phiếu Bendix tiếp tục leo cao nữa. Những vụ bỏ thầu cạnh tranh căng thẳng ấy đã khiến cả hai công ty suy yếu. Bendix trầy vi tróc vẩy, đã phát động một cuộc chiến bỏ thầu giữa Tập đoàn Allied với United Technologies, với phần thắng chung cuộc thuộc về Allied. Dù ca khúc khải hoàn có là ai đi chăng nữa, thì Martin Marietta suy yếu về mặt tài chính vẫn cứ được xưng tụng là người chiến thắng. Công ty đã giữ vững được quyền độc lập tự chủ của mình qua những lần sóng gió ghê gớm. Vì điều đó, những lời cảm ơn và ca ngợi của công chúng đều được dành tặng Siegel.

Boesky đã kiếm được 120 nghìn đô-la nhờ việc đầu cơ cổ phiếu Bendix thực hiện theo chỉ thị của Siegel. Xét trong quy mô giao dịch thông thường của Boesky, đây chỉ là một khoản bèo bọt. Nhưng nó khiến anh ta thỏa mãn ở khía cạnh khác: đó chính là một khoản lợi nhuận không hề có chút rủi ro nào.

Cuối năm ấy, khi Siegel gọi điện để yêu cầu 150 nghìn đô-la "tiền thưởng", Boesky đồng ý ngay. Siegel đã tính toán rằng những chi phí tiền mặt kiểu không hoàn lại – nào vú nuôi cho đứa con, quản gia rồi những thứ đại loại vậy – mất khoảng 85 nghìn đô-la một năm. Anh ta không hề cung cấp cho Boesky chút thông tin nội gián nào sau vụ Bendix, và cũng không biết cụ thể Boesky kiếm được bao nhiêu tiền với lượng đầu cơ cổ phiếu Bendix. Nhưng anh ta nghĩ rằng những đóng góp trong suốt cả năm của mình, bao gồm cả những tư vấn chính thống đã mang đến cho Boesky – đáng giá 150 nghìn đô-la. Anh ta cảm thấy như mình đang thỏa thuận tiền thưởng với DeNunzio vậy.

“Anh muốn tôi thanh toán thế nào?”

“Tiền mặt đi,” Siegel đáp.

“Cũng hơi phiền phức đấy,” Boesky đáp. “Không có cách nào khác à? Hay là tôi đầu tư khoản này cho anh, vào bất động sản chẳng hạn?”

Siegel vẫn kiên quyết nhận tiền mặt. Anh ta không muốn gặp bất kỳ rắc rối gì, và không muốn bất cứ thứ gì có thể bị truy ra nguồn gốc.

Boesky miễn cưỡng đồng ý. “Cho tôi ít thời gian để thu xếp đã.”

Vài tuần sau đó, sau kỳ nghỉ Giáng sinh, Siegel ra khỏi một chiếc taxi và đi qua chiếc cửa quay ở cánh đông của Khách sạn Plaza. Bấy giờ là giữa buổi chiều một ngày tháng Một năm 1983. Đúng như Boesky chỉ dẫn, Siegel đợi trong gian sảnh được trang trí cầu kỳ theo phong cách “Thời kỳ tươi đẹp” của khách sạn chứ không đi vào nhà hàng cao cấp ở kề bên, nơi một nhóm tứ tấu đàn dây chuẩn bị biểu diễn cho các quý bà thưởng thức tiệc trà. Siegel ngó quanh, và rồi cảm giác lạnh người khi phát hiện ra người đàn ông mà anh ta chắc canh ta đóng vai trò giao liên.

Người này gần như là chẳng khác gì một nhân vật bước ra từ tiểu thuyết gián điệp. Anh ta có làn da sẫm màu và cơ bắp cuồn cuộn khỏe khoắn. Boesky nói rằng anh ta quen biết người giao liên này từ hồi ở Iraq; Boesky cũng kể rằng người này từng là điệp vụ CIA. Liệu Siegel có thể tin được không?

Khu sảnh không đông người lắm, người liên lạc này dễ dàng xác định được Siegel. Anh ta thận trọng áp sát Siegel.

“Đèn đỏ,” anh ta thì thào khi đến gần Siegel.

“Đèn xanh,” Siegel đáp lại, đúng như Boesky đã chỉ dẫn. Người đàn ông giao chiếc cặp cho Siegel.

Siegel đi thẳng về căn hộ của mình trên Phố 72 Đông. Anh ta đóng cửa, đặt chiếc cặp xuống, nhanh chóng tháo móc cài ra. Trong đó là những xấp 100 đô-la gọn ghẽ được buộc bằng các dải ruy băng của sòng bạc Ceasar’s Palace.

Siegel nhìn trân trân. Mọi thứ đã diễn ra không một chút vướng mắc. Giờ tất cả là tiền của anh ta; anh ta đã kiếm được đấy chứ. Đáng lẽ phải thấy vui sướng tột độ mới phải! Thế mà Siegel lại

thấy buồn nôn. Anh ta ngồi xuống, vùi đầu vào hai bàn tay và chờ cho cơn buồn nôn trôi qua.

4.

"Cho tôi gặp Milken," giọng nói quen thuộc vang lên, gắt gỏng yêu cầu thư ký của Milken. Sue Cochran trả lời rằng Milken đang bận. "Đừng có bày trò dối tôi," người gọi điện thét lên. "Đừng có nói với tôi mấy câu láo lếu đó. Bảo anh ta nhấc cái điện thoại chết tiệt lên."

Lại là Boesky, gào hét và nguyền rủa. Cochran và đồng sự Janet Chung của cô rất ghét phải trả lời các cuộc gọi của anh ta. Cứ mỗi khi không thể nối máy với Milken ngay lập tức, anh ta gán ngay cho họ tội nói dối. Nếu Milken có bận thật, mà chuyện đó thường xuyên xảy ra, Boesky sẽ gọi liên tục 2, 3 phút một lần, rồi tự khiến mình trở nên thịnh nộ. Khi các thư ký đã quá mệt mỏi trước những lời sỉ vả, Warren Trepp hay ai đó có thể sẽ ra tay giúp sức. Nhưng Boesky chỉ nói chuyện với một mình Milken.

Đến cuối năm 1983, Boesky và Milken nói chuyện điện thoại với nhau chừng hai hay ba lượt một ngày. Lịch trình làm việc của họ khớp với nhau hoàn hảo. Khi Boesky đến văn phòng ở New York vào lúc 7 giờ sáng, Milken cũng có mặt tại văn phòng ở Beverly Hills lúc 4 giờ sáng. Họ vẫn có thói quen phải gọi cho nhau ngay khi đến cơ quan, và cơ hồ họ tìm thấy niềm vui trong việc biết rằng cả hai đều bận rộn lập các chiến lược kinh doanh trong lúc gần như tất cả các đối thủ vẫn còn đang say giấc nồng. Rồi người này lại khoe khoang với người kia rằng anh ta ngủ không quá ba hay bốn tiếng mỗi đêm. Milken khích lệ những ước mơ hoành tráng của Boesky, những ước mơ có thể được hiện thực hóa bằng tiền của Milken.

Giống như nhiều mối quan hệ thân thiết khác của Boesky, tình hữu hảo giữa Milken với Boesky cũng bắt đầu trên điện thoại. Boesky biết đến và gặp gỡ Milken thông qua Stephen J. Conway, cựu nhân viên ngân hàng tại Drexel ở New York. Hồi năm 1981, một chuyên viên săn đầu người gọi cho Conway khi đó đang ở Drexel, nói rằng một nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ rất có vị thế đã đưa ra lời mời tuyển dụng vị trí nhân viên ngân hàng. "Ông ta là ai thế?" Conway hỏi. Chuyên viên nọ đáp rằng không thể tiết lộ danh tính khách hàng. "Nếu là Ivan Boesky thì có thể tôi sẽ hứng thú đấy," Conway nói. "Nếu không, hãy quên đi nhé."

Rất nhiều cuộc hẹn gặp giữa Boesky và Conway đã diễn ra sau đó.

“Tôi đã luôn thành công trong vai trò một nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ,” Boesky bày tỏ. “Những cơ hội lớn sẽ nằm trong các vụ tài trợ thâu tóm và những vụ đầu cơ cổ phiếu chiến lược.” Boesky đã có được quyền tiếp cận một vài cơ hội như thế: anh ta là nhà đầu tư trọng yếu trong quỹ tài trợ thâu tóm do Theodore Forstmann điều hành, mà Forstmann lại là một nhà đầu tư của Boesky Corporation. Boesky cũng rất thân cận với Henry Kravis, nguồn động lực thúc đẩy đằng sau Kohnberg Kravis Roberts, một công ty tài trợ thâu tóm đang trong giai đoạn trứng nước. Anh ta giải thích, thực hiện việc mua lại/ sáp nhập dựa trên vốn vay sẽ giúp “dàn trải rủi ro”, nhờ vậy “Tôi sẽ không phải bỏ tất cả trứng vào cùng một giỏ.”

Boesky tự cảm thấy mình đang dần trở thành một “chủ ngân hàng thương mại” – một thuật ngữ của người Anh chỉ một chủ ngân hàng đầu tư đã có được cổ phần trong các công ty; anh ta nghĩ thuật ngữ này phú thêm cho mình phần uy quyền đáng vị nể. Boesky luôn nói rằng anh ta không hứng thú với việc áp dụng thủ đoạn “thư xanh” không lấy gì làm sạch sẽ, mà ở đó, cổ phần trong một công ty sẽ được tích lũy ngày càng nhiều hơn, với mục đích ép buộc ban lãnh đạo phải mua lại từ kẻ có ý định thâu tóm với mức giá ngất ngưởng.

Conway quyết định chấp nhận lời mời; anh ta rất ấn tượng với suy nghĩ được làm việc dưới trướng một người rất có thể sẽ trở thành Boone Pickens hay Carl Icahn tiếp theo. Các đồng nghiệp của anh ta ở Drexel cũng rất hài lòng: Có thể tin Conway trong việc chuyển các phi vụ làm ăn về cho các nhân viên cũ.

Quả thật, để biến những kế hoạch đầy tham vọng trở thành hiện thực, Boesky cần số vốn lớn hơn rất nhiều – và Drexel dường như là nguồn vốn tuyệt hảo phục vụ mục đích này. Số vốn có được nhờ các giao dịch cổ phiếu giá rẻ, thường ít hơn rất nhiều so với những gì Boesky mong đợi – đã bị thiệt hại thê thảm sau vụ khủng hoảng Cities Service. Boesky thậm chí còn không thể triển khai hoạt động giao dịch cổ phiếu giá rẻ như thường lệ với phạm vi mong muốn. Conway nói chuyện với David Kay, trưởng bộ phận M&A tại Drexel, người đã giới thiệu cho anh ta và Boesky liên lạc với Stephen Weinroth tại bộ phận tài chính doanh nghiệp – một người cũng luôn tham vấn ý kiến của Milken ở Beverly Hills. Boesky quá choáng váng trước một thực tế là Drexel có thể mang lại cho anh ta tới 100 triệu đô-la, gấp hơn hai lần so với số vốn mà anh ta có thể tập hợp được nhằm khởi sự với Boesky Corporation.

Khi Boesky thân chinh viếng thăm trụ sở của Drexel tại Beverly

Hills, anh ta nghỉ ở khu phòng xa hoa quen thuộc của mình tại Khách sạn Beverly Hills. Boesky cũng đặt khu phòng hạng sang riêng cho mình ở lầu một và giữ gìn làn da rám nắng bên hồ bơi, nơi anh ta sử dụng hẳn một lều nghỉ riêng. Từ vị trí lợi thế rất tách biệt này, anh ta có thể dễ dàng ngắm nhìn những khối nhà màu hồng đồ sộ của khách sạn qua mặt hồ bơi lấp lánh, qua cả những khoảnh vườn cùng những tán cọ. Đây là lãnh địa của anh ta. Anh ta và Seema sở hữu phần lợi tức áp đảo trong khách sạn này.

Cũng giống như rất nhiều điều khác trong cuộc sống của Boesky, Khách sạn Beverly Hills là thứ anh ta có được từ gia đình nhà vợ. Bố vợ của Boesky, Ben Silberstein qua đời năm 1979, chia sản nghiệp địa ốc của mình thành hai phần đều nhau cho Seema và chị của cô, Murial Slatkin. Một trong những viên đá quý gắn trên vương miện đế chế Silberstein chính là Khách sạn Beverly Hills, được mua lại hồi năm 1954.

Khách sạn Beverly Hills không phải một cơ ngơi bình thường. Được xây dựng hồi những năm 1930, chẳng mấy chốc nơi này đã trở thành trung tâm đầu não của Hollywood, nơi hầu hết các minh tinh quần tụ bên hồ bơi, các đại diện cùng những nhà sản xuất tụ họp gần khu sảnh Polo. Katharine Hepburn đã đến bơi ở đây. Norman Shearer đã "phát hiện" ra Robert Evans cũng chính tại nơi này. Fernando Lamas là khách quen; và gần đây nhất, Eddie Murphy cũng đã lật nhào khỏi ván trượt tại đây.

Sau khi Silberstein qua đời, quyền sở hữu khách sạn được chia đều cho Seema và Muriel, với khoảng 5% cổ phần rất quan trọng nằm trong tay những người bà con khác. Boesky theo đuổi một số cổ phần nho nhỏ khác, bởi nhận thức được rằng một phần đầu tư bổ sung tương đối nhỏ nữa thôi cũng đủ để mang lại cho anh ta và Seema phần lợi tức kiểm soát tương đương với quyền sở hữu toàn bộ. Đến năm 1981, Boesky đã có được những khoản cổ phần nho nhỏ của Vagabond, tập đoàn Silberstein nắm quyền sở hữu khách sạn, vĩnh viễn xa lánh khỏi cô chị Muriel thật thà, người hay biết quá muộn mằn rằng cô em gái và cậu em rể của mình đã giành được quyền kiểm soát đa số.

Vagabond không có những khoản thu ấn tượng, nhưng lại có những khối tài sản giá trị, có dòng tiền và cả bảng cân đối kế toán ổn định. Đó là loại công cụ mà – với sự hỗ trợ tài chính của Milken – Boesky có thể sử dụng để nhảy vọt trên thang bậc các người buôn cổ phiếu giá cao vào thẳng thế giới những vị đầu sỏ doanh nghiệp. Vagabond, về sau được đổi tên thành Tập đoàn

Northview, trở thành một công cụ mà qua đó, tiền sẽ được sinh sôi nảy nở. Một vài nguồn xuất phát đó cũng được quy về các hoạt động giao dịch cổ phiếu giá rẻ của Boesky.

Boesky cũng ngay lập tức khiến Milken và Drexel phải ngỡ ngàng bởi, ít nhất là theo quan điểm của Lance Lessman, anh ta từ chối tập trung vào nguồn bơm tiền khổng lồ của Drexel. Mà để bắt đầu, sẽ là việc cắt giảm lớn trong khoản thu. Điều này có thể hiểu được trong trường hợp không ai khác trên Phố Wall nhảy vào cạnh tranh ở mảng làm ăn này. Nhưng rồi đột nhiên nảy ra lãi suất hấp dẫn – con số 17% gây choáng váng. Hơn thế nữa, Drexel, như vẫn thường hành động trong những trường hợp tương tự, đưa ra những giấy đảm bảo hòng mang lại quyền mua một lượng cổ phần trong Vagabond/Northview. Lessman lo ngại rằng lãi suất quá cao sẽ gây áp lực nặng nề lên hoạt động kinh doanh nhằm kiếm về những khoản bù đắp khổng lồ từ cổ phiếu giá rẻ để trả lãi. Và lượng cổ phần đó có thể mang lại cho Drexel quyền lực lớn đối với những quyết định lớn ảnh hưởng đến công việc kinh doanh.

Cũng tồn tại cả thứ rủi ro tiềm tàng trong việc hợp tác với một chủ ngân hàng có sẵn niềm đam mê tài chính ngay bên trong một nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ – đây là một động cơ để tiết lộ thông tin tối mật. Lessman không hề đề cập đến điều này, bởi Boesky biết quá rõ là tốt nhất không nên khơi vấn đề này ra. Dù anh ta cũng thổ lộ những lo lắng khác với Boesky, nhưng Boesky chỉ gạt sang một bên. Suy cho cùng, giờ đây Siegel đã như một "cố vấn" đối với anh ta, anh ta không cần phải lo lắng gì về chuyện kiếm được những khoản lời lớn hơn từ buôn bán cổ phiếu giá rẻ nữa; thực vậy, việc dàn xếp của Siegel đã tiếp năng lượng cho cơn khát vốn bổ sung của Boesky. "Chúng ta còn biết tìm đến ai nữa đây?" Boesky trả lời Lessman. "Chúng ta không còn lựa chọn nào khác."

Tại Drexel, Fred Joseph cũng cảm thấy nghi ngại. Anh ta đã quá quen với các cuộc gọi đến từ giới đầu cơ cổ phiếu giá cao – họ gọi cho anh ta liên tục khi đang tham gia một giao dịch nào đó – chứ không phải các nhà đầu cơ mang lại các khoản phí tư vấn cho Drexel. Anh ta cảnh báo tất cả các thành viên trong bộ phận tài chính doanh nghiệp, rằng phải đảm bảo không được sơ sẩy buột miệng gì với Boesky, người đang túc trực kiểm tra "bức tường bảo vệ thông tin" ở Drexel. Anh ta gọi cho Joseph hầu như ngay lập tức nhằm hối thúc thông tin về một thương vụ đang trì hoãn nào đó. Joseph chối quanh: "Tôi không biết; tôi sẽ kiểm tra và gọi lại cho anh." Joseph chắc canh ta sẽ gọi lại để cung cấp câu trả lời cho Boesky chỉ khi thông tin Boesky sục sạo tìm kiếm đã được công khai. Các cuộc gọi của Boesky cho Joseph cứ thế giảm dần, và cuối

cùng dừng hẳn. Nhưng điều đó có hề chi, khi mà Boesky đã thường xuyên trò chuyện với Milken.

Sau khi Boesky đã có được khoản vốn trị giá 100 triệu đô-la cho Vagabond/Northview vào giữa năm 1983, những mối liên hệ về tài chính giữa Boesky và Milken đã đan cài vào nhau với tốc độ choáng váng. Milken đồng ý đảm nhiệm việc phát hành tư nhân trái phiếu lãi suất cao lên tới 110 triệu đô-la cho Boesky Corporation; việc phát hành quyền mua được chỉ định cho Chứng khoán Cambrian & General, một quỹ tương hỗ mô hình đóng mà Boesky đã mua lại để làm công cụ triển khai hoạt động làm ăn tại châu Âu và đầu tư bổ sung trong các thương vụ thâu tóm tại Mỹ; cộng thêm cả một đợt phát hành tại châu Âu trị giá 67 triệu đô-la đặt vào Farnsworth & Hastings, một công cụ đầu tư hải ngoại, đặt trụ sở tại Bermuda do Boesky sáng lập và đặt tên theo một giao lộ ở khu lân cận Detroit thời anh ta còn niên thiếu. Hầu hết nguồn vốn của Boesky giờ đây đều do một tay Milken thu hút về.

Boesky thường xuyên thân chinh tới Beverly Hills, giám sát phần lợi tức của mình trong khách sạn. Một thước đo đánh giá mức độ thân thiết ngày càng tăng giữa anh ta với Milken chính là lời mời bữa tối hiếm hoi tại nhà Milken ở Encino. Trong bữa tối khuya với vài đồng nghiệp của Milken, Lori Milken đã phàn nàn về Boesky, nói rằng cô nản lòng vì cách hành xử lạnh lẽo, ngạo ngược của anh ta. “Em không bao giờ muốn thấy mặt anh ta tại nhà mình lần nữa,” cô nói với chồng như vậy.

Trong một lần Boesky viếng thăm Beverly Hills, do quá bận rộn nên không thể đến gặp, Milken liền điều James Dahl, nhân viên bán hàng hàng đầu của mình đến nói chuyện với Boesky. “Cứ nói cho anh ta nghe những gì anh biết về quỹ tiết kiệm và cho vay,” Milken nói, “vì Ivan cũng đang hứng thú mua một quỹ như thế.” Tuy nhiên, Boesky lại vặn hỏi Dahl rằng liệu anh này có biết ai mặn mà với việc mua cổ phiếu của Gulf không, để Boesky có thể đầu cơ một khoản. Boesky dám đảm bảo rằng mọi tổn thất đều được bù đắp và lợi nhuận thì được chia sẻ. Dahl thoái lui ngay; đó là một lời mời chào rõ ràng nhằm có được một “chỗ đỗ” bất hợp pháp; Boesky sẽ che đậy quyền sở hữu thực sự của mình bằng cách gạ gẫm được ai đó mua và vờ như sở hữu cổ phiếu. Ngay hôm sau, Dahl kể với Milken về sự cố hôm trước. “Đừng có để tâm gì đến Ivan,” Milken nói, vô tình xao lãng vấn đề thực sự. “Anh ta là một gã khùng ấy mà.”

Những người khác cũng cần nhằn về Boesky. Đặc biệt là Lowell Milken, người gần như đã có mối ác cảm ngày càng tăng với

Boesky, đã cảnh báo ông anh mình. “Drexel chống lưng cho những kẻ chiến thắng, mà Ivan lại là một kẻ chiến thắng,” Milken lúc nào cũng nói vậy. Nhưng Boesky đã sắp sửa phải thấm thía với cái giá phải trả thực sự cho việc được Milken chống lưng.

* * *

Một kẻ “chiến thắng” khác trong phe của Milken chính là nhà tài phiệt quái đản ở Miami, Victor Posner, một trong những kẻ thâu tóm doanh nghiệp đầu tiên tại Mỹ. Không gì ở con người của Victor hay trong những việc ông ta làm giúp đánh bóng hình ảnh của một kẻ săn-doanh-nghiệp của ông ta. Ông ta vốn khét tiếng trong việc giành được cổ phần lớn nhất trong một công ty, cưỡng đoạt nó, sau đó để mặc những cổ đông nhỏ lẻ khác phải đứng ngồi âu lo về các hậu quả kéo theo, đôi khi là phá sản.

Posner, 64 tuổi, vốn là con trai của một người nhập cư gốc Nga. Ông ta gây dựng cơ đồ từ địa ốc vào những năm 1930 và 1940, sau đó gắn liền sự nghiệp làm ăn với Victorian Plaza, một khách sạn nghỉ dưỡng đã lỗi thời ở bãi biển Miami được ông ta đã trang trí lại với phong vị ba-rốc rất đáng nghi ngại. Bên ngoài văn phòng ở tầng 17 của ông ta có một bàn bi-a và máy bắn bóng. Posner chưa tốt nghiệp trung học và có giọng nói với trọng âm đậm chất công nhân vùng Baltimore. Công cụ chủ yếu phục vụ cho việc thâu tóm doanh nghiệp của ông ta là Công ty Thép Sharon mà ông ta đã mua lại năm 1969; những khối tài sản khác của Posner là một mê cung phức tạp gồm các thỏa thuận quyền sở hữu chồng chéo, trong đó bao gồm cả NVF, DWG, Công ty Cơ khí Pennsylvania, APL và Royal Crown.

Trong suốt sự nghiệp của mình, Posner không mấy tỏ lòng tôn kính đối với những quy chế quản lý. Chẳng bao lâu sau khi rơi vào tay Posner, Sharon đã bị chỉ đạo đầu tư 800 nghìn đô-la tiền mặt vào cổ phiếu Tập đoàn DWG của Posner. Ủy ban Chứng khoán đã đâm đơn kiện, buộc tội giao dịch tư lợi; những cáo buộc này đã được dàn xếp ổn thỏa, các tổ chức của Posner không hề công nhận hay phủ định cáo buộc. Những vụ điều tra khác của Ủy ban Chứng khoán cuối cùng cũng được tiến hành, nhưng không có cáo buộc nào được ghi nhận.

Cho đến khi Ủy Ban Chứng khoán ra tay can thiệp, Posner đã buộc Sharon phải chi trả rất nhiều chi phí cho ông ta (và của cả hai người con nhà Posner), trong đó bao gồm tiền nhà ở, xe limousine, tài xế, nhân viên phục vụ, các kỳ nghỉ, thậm chí cả tiền thực phẩm – tất cả đều được xếp vào loại đặc quyền doanh nghiệp.

Thậm chí kể cả khi các công ty của ông ta làm ăn thua lỗ, Posner, họ hàng thân thích và cả những kẻ tùy tùng trong bộ sậu của ông ta vẫn cứ sống xa hoa như thường. Trong một năm, Sharon thua lỗ tới 64 triệu đô-la, nhưng chỉ tính riêng tiền lương và thưởng từ công ty này, Posner vẫn bỏ túi được 3,9 triệu đô-la. Steven, con trai của Posner đã được chỉ định làm phó chủ tịch của Sharon, thì kiếm tới hơn 500 nghìn đô-la. Bọn họ còn ngang nhiên sử dụng cả du thuyền cùng phi cơ của công ty.

Nhưng thứ khiến những người hiểu rõ về Posner thấy ghê tởm nhất chính là thói ham thích "gái non" của ông ta. Người ta phải cau mày nhăn trán khi bồ nhí của ông ta lại chính là con gái của tình nhân cũ, người đã trở thành phát ngôn viên quan hệ công chúng của ông ta.

Posner đến với Drexel thông qua Donald "Donny" Engel, một trong những kẻ-săn-khách-hàng chủ chốt của Drexel, một thành viên lưu nhiệm tại bộ phận tài chính doanh nghiệp của Burnham & Co. Hướng ngoại, niềm nở, Engel sở hữu khả năng thính nhạy mà những chủ ngân hàng cứng nhắc hơn không thể có được. Engel không phải là kẻ tinh thông tài chính ghê gớm, nhưng lại khôn lanh và rất nhanh phát hiện ra khách hàng tiềm năng. Anh ta hiểu rõ rằng chìa khóa dẫn tới rất nhiều mối quan hệ khách hàng chính là đời tư chứ không phải việc kinh doanh của họ. Anh ta tìm hiểu thật tỉ mỉ tất cả các chi tiết liên quan đến đời sống của khách hàng, bao gồm cả những khúc mắc giữa họ với vợ và bồ nhí. Anh ta không xét nét đánh giá. Ngược lại, Engel chia sẻ rất nhiều những vui thú đó cùng khách hàng. Trong số các khách hàng quan trọng của Drexel, Engel có công lớn khi lôi kéo được Ronald Perelman, Nelson Peltz, Jerome Kohlberg, Gerald Tsai, Irwin Jacobs cũng như gia đình Haft và Pritzker.

Engel nhìn thấy được nét tương đồng về tinh thần ở Milken. Họ vẫn thường đề cập đến đám quyền cao chức trọng giàu có với vẻ châm biếm là "những gã da trắng". Họ không để tâm nhiều đến những người này. Đối với Drexel, họ muốn có những khách hàng kiểu như Herb Haft, người đàn ông với mái tóc trắng được sấy cứng và vuốt thành chóp nhọn, khiến gã trông như một nhân vật trong "Star Trek". Bị hầu hết Phố Wall hắt hủi phỉ báng, Haft nghèo rớt mùng tơi và đói khát, với "lửa lòng thiêu đốt" như lối nói ưa thích của Engel. Engel thích những khách hàng kém tài, hôn nhân kém hạnh phúc và bất an. Đây chính là bản lý lịch mà Engel mặc định cho một khách hàng-săn tìm-doanh nghiệp lý tưởng.

Engel và Milken biết cách thao túng "cái tôi" cùng nỗi bất an trong những con người đặc biệt này, những kẻ bết bát bẩm sinh luôn tìm mọi cách để vượt mặt đối thủ. Những kẻ này khao khát trở thành người tài giỏi nhất, ghê gớm nhất và giàu có nhất. Trong con mắt của Engel, chỉ có hai thứ trên đời thôi thúc những khách hàng kiểu này: vụ làm ăn tiếp theo và phiêu lưu tình ái tiếp theo. Đây đơn thuần là bản tính con người.

Không phải tất cả mọi người ở Drexel đều thoải mái với lối tiếp cận này như Milken. Engel được ca ngợi vì đã mang về các thương vụ mới, nhưng biệt danh của ông ta là "Ông Hoàng Bãi Rác". Ông ta cũng được biết tới như một tên "ma cô dắt khách", sẵn lòng dàn xếp hẹn hò thậm thụt cho các khách hàng quan trọng, ví như William Farley ở Farley Industries. Được đề nghị diễn thuyết trước các nhân viên ngân hàng mới tại Drexel về chủ đề gây dựng các thương vụ mới, Engel đã đưa ra bí quyết của mình: "Thương gia Hoa Kỳ ưa đàn bà. Cứ tìm một ả điếm, anh sẽ tìm được một khách hàng."

Victor Posner cuối cùng cũng trở thành một trong những khách hàng lớn nhất của Engel, và Engel trở thành kẻ dắt mối giữa Posner và Milken. Giai đoạn giữa thập niên 1970, thậm chí trước cả khi chuyển về Beverly Hills, Posner đã bắt đầu đầu tư vào trái phiếu lãi suất cao của Milken. Đến đầu những năm 1980, hoàn toàn có thể hy vọng rằng Posner sẽ mua bất cứ loại trái phiếu nào do Drexel phát hành mà Milken lèo lái về phía Posner.

Nhưng Joseph lại có những mối lo lắng căn bản đối với Posner. Anh ta đã yêu cầu một trong những nhân viên tài chính doanh nghiệp hàng đầu của mình – Stephen Weinroth - thực hiện một bản phân tích về cấu trúc tài chính của kẻ săn doanh nghiệp này. Những kết quả điều tra rất đáng báo động: Posner đã không còn cầm trịch các cuộc họp thường niên tại các công ty mà ông ta nắm quyền và ngày càng chểnh mảng với các báo cáo kết quả tài chính. Phần bồi thường của riêng ông ta, trong đó bao gồm cả những phần kiếm được từ các công ty riêng, thậm chí lớn hơn rất nhiều so với những khoản tiết lộ công khai: 23 triệu đô-la vào năm 1984. Vấn đề là không một công ty nào trong số này làm ăn ra gì. Như lời Weinroth thì, Posner đã "biến vàng thành rác". Danh tiếng của Drexel sẽ bị tổn hại nếu tiếp tục quảng bá cho những vụ phát hành mang lại kết quả xấu.

Posner có những kế hoạch lớn lao hòng sử dụng Sharon như công cụ đánh phá các doanh nghiệp khác. Ở thời kỳ đỉnh cao, Sharon sở hữu cổ phần tại 40 công ty. Posner sẽ đưa những công ty này "cưỡi

lên lưng cọp" rồi bắt đầu thâu tóm hoặc mua lại chúng để gộp vào đế chế của riêng ông ta. Rồi Posner sẽ "đập vỡ" chúng ra và bán đi từng mảnh nếu cần thiết. Để thực hiện việc này, ông ta cần những khoản vốn bổ sung rất lớn, lớn hơn rất nhiều so với những gì ông ta có được từ các khoản thu, kể cả trong một năm ngành thép làm ăn phát đạt.

Một vụ tấn công gây lo ngại của Posner đang diễn ra tại một công ty xây dựng đặt trụ sở tại New York, Tập đoàn Fischbach. Posner vẫn đinh ninh rằng công ty này sẽ được sáp nhập thuận lợi với Công ty Cơ khí Pennsylvania của ông ta. Năm 1980, Posner giành được trên 5% tổng số cổ phiếu của Fischbach. Ông ta nộp một Báo cáo 13-D lên Uỷ ban Chứng khoán, thông báo tình hình của mình, và tiếp tục đe dọa Fischbach bằng một vụ thâu tóm thẳng thừng. Nhưng Fischbach đã trả đòn, đe dọa kiện tụng liên quan tới độc quyền và cả một số nguyên nhân khác. Posner đã bị buộc phải ký một thỏa thuận trì hoãn mà giờ đây ông ta đã phải đắng cay ân hận. Trong thỏa thuận này, ông ta hứa hẹn không mua thêm cổ phiếu Fischbach trừ trường hợp có ai đó rắp tâm tấn công công ty này hay đệ trình một Báo cáo 13-D thể hiện quyền sở hữu trên 10% cổ phiếu Fischbach.

Posner đem tình hình của mình sang cho Milken và Drexel, nói rằng dù thế nào, ông ta cũng vẫn cương quyết phải giật lấy quyền kiểm soát Fischbach. Ông ta muốn Drexel bao thầu một vụ phát hành nợ cho Công ty Cơ khí Pennsylvania; ông ta sẽ sử dụng những khoản lời này để mua lại Fischbach – sau khi đã giải quyết những vấn đề còn bế tắc. Milken chắc hẳn đã nhận thức được rằng anh ta có đủ quyền năng thị trường để mang lại cho Posner những gì ông ta mong muốn, với hàng triệu đô-la tưởng thưởng cho anh ta và Drexel dưới hình thức chi phí mà công ty phải trả.

Chẳng bao lâu sau, vào tháng Mười hai năm 1983, Công ty Bảo hiểm Executive Life đã trình Báo cáo 13-D lên Ủy ban Chứng khoán, tiết lộ rằng đã sở hữu 13% cổ phần trong Fischbach. Như vậy đủ để giải quyết cho thỏa thuận còn đang bị bỏ ngỏ. Hóa ra, Executive Life là do Fred Carr điều hành, một trong những Mạnh Thường Quân đầu tiên của Milken, đồng thời là chủ sở hữu của một danh mục đầu tư đồ sộ gồm rất nhiều trái phiếu lãi suất cao do một tay Milken tạo ra. Carr phải dựa vào Milken để tạo lập thị trường và duy trì tính thanh khoản cho những sở hữu này. Đây là kiểu khách hàng mà nhìn chung sẽ làm bất cứ điều gì Milken sai bảo, và, trong bất cứ trường hợp nào, thì cũng có rất ít rủi ro với phần hùn trong Fischbach. Milken biết tỏng, kể cả khi Carr không có ý định đó, thì Posner rốt cục cũng sẽ thâu tóm Fischbach bằng

được.

Bất kể Posner, Milken và Carr dự tính ra sao, thì rõ ràng họ đều đã mắc một sai lầm nghiêm trọng – dẫu cho đã áp dụng chiêu tính kỹ thuật cao đến đâu. Bởi Executive Life là một công ty bảo hiểm, nó báo cáo tình trạng nắm giữ cổ phiếu trên một Báo cáo 13-G và không bắt buộc phải đệ trình Báo cáo 13-D. Fischbach cảnh báo Posner rằng công ty này sẽ nộp đơn lên tòa rằng thỏa thuận đang tạm hoãn vẫn có hiệu lực vì Executive Life đáng ra phải đệ trình một Báo cáo 13-G. Thỏa thuận đang trì hoãn sẽ chỉ kết thúc trong trường hợp có một Báo cáo 13-D. Bất kể kết quả tranh cãi có ra sao, thì chí ít Fischbach cũng thành công trong việc đưa toàn bộ vấn đề ra trước pháp luật, kéo dài thêm thời gian mà Fischbach cần đến. Kể cả Milken cũng không thể bán đi cổ phiếu với tình trạng pháp lý còn nhập nhằng, đe dọa đến tiềm năng đầu tư của công ty này. Posner và Milken tức giận điên cuồng.

Hiển nhiên là Milken quyết định phải tự tay giải quyết đống lùng nhùng này. Anh ta gọi điện cho Boesky. Như thường lệ, cuộc gọi của Milken được nối máy lập tức tới Boesky. Boesky bắt máy không chậm trễ. Anh ta lắng nghe rất cẩn thận. Milken đang yêu cầu anh ta – có lẽ phải là từ "chỉ dẫn" mới miêu tả chính xác ở đây – hòng giành được cổ phần lớn ở Fischbach. Suy cho cùng, với những khoản đầu tư tài chính hiện tại, Boesky nợ Milken một ân huệ phải đền đáp.

Milken đã lựa chọn Boesky như một công cụ nhằm giải thoát Posner khỏi thỏa thuận đang dang dở. Milken chỉ đạo Boesky tích lũy cổ phiếu và giấy nợ có thể chuyển đổi của Fischbach, thật chậm rãi với dung lượng nhỏ nhằm tránh lôi kéo sự chú ý không cần thiết. Milken đảm bảo với Boesky rằng anh ta đang chờ đợi một tuyên bố từ Posner để đẩy vọt giá cổ phần lên, mang lại lợi nhuận cho Boesky. Nếu việc đó không xảy ra, Milken dám chắc sẽ bảo vệ Boesky khỏi bất cứ thua lỗ nào. Đó dường như là một tình thế không-thể-thua-lỗ, vậy nên Boesky đã bắt đầu mua vào từ ngày 4 tháng Năm năm 1984. Và theo lệnh phát ra từ chiến dịch làm ăn của Milken, Boesky đã ngừng mua lúc chạm tới gần ngưỡng 10%. Sau đó, ngày mùng 9 tháng Bảy, Boesky đã mua vào một lượng gồm 145 nghìn cổ phiếu của Fischbach, trực tiếp từ bộ phận trái phiếu giá cao của Milken. Boesky vượt qua ngưỡng kích hoạt và đệ trình một tuyên bố khai báo Báo cáo 13-D giả mạo lên Ủy ban Chứng khoán, trong đó không hề đề cập tới quyền lợi của Milken hay việc anh ta đã được đảm bảo sẽ không phải gánh chịu bất kỳ thua lỗ nào.

Những người quan sát thông thường ắt hẳn sẽ đều nhìn nhận, một cách lầm lạc, rằng Boesky thực sự có quyền lợi nào đó trong Fischbach. Họ cũng sẽ nghi ngại về một cuộc bỏ thầu thâu tóm đang sắp diễn ra, do Boesky hoặc ai đó phát động. Một Báo cáo 13-D có mục đích bảo vệ các nhà đầu tư thông qua việc tiết lộ công khai rằng một lượng phần hùn lớn – bất cứ phần hùn nào vượt quá 5% – đang được tích lũy dần trong một công ty nào đó. Tất cả mọi người sẽ đều phải lưu tâm rằng một cuộc bỏ thầu thâu tóm có thể sắp diễn ra, và nhà đầu tư đệ trình Báo cáo 13-D sẽ được yêu cầu tiết lộ mục đích vụ đầu tư, trong đó gồm cả thông tin rằng những vụ mua vào tiếp theo có đang được tính tới không. Giá cổ phiếu thường tăng lên khi có tin tức cho thấy một Báo cáo 13-D vừa được đệ trình, bởi nó luôn báo hiệu một đề nghị thâu tóm. Cũng bởi các Báo cáo 13-D phụ thuộc rất nhiều vào các nhà đầu tư, vậy nên bày trò lừa đảo với Báo cáo 13-D là một tội ác.

Nhưng điều này cũng không khiến Boesky phải âu lo mấy. Trước nay không có nhiều vụ truy tố vì vi phạm quy định về Báo cáo 13-D. Điều khiến anh ta rầu lòng hơn cả, là bất chấp những tiên lường đầy tự tin của Milken, giá cổ phiếu của Fischbach cứ liên tục rớt, từ mức giữa 30 lúc anh ta bắt đầu mua vào xuống mức giữa 20. Boesky liên tục nhận được những lời trấn an từ phía văn phòng của Milken ở Beverly Hills rằng rồi anh ta sẽ được đền bù những khoản lỗ đang ngày càng chồng chất này.

Để đảm bảo chắc chắn, Boesky gọi điện cho Mooradian, trưởng bộ phận lưu trữ thông tin. Trước đó, Milken vừa mới lệnh cho Boesky đầu cơ một lượng lớn ở Quỹ Tiết kiệm và Cho vay Columbia, nơi mua bán trái phiếu lãi suất cao đáng tin cậy của Milken. Milken không giải thích yêu cầu, nhưng hứa sẽ hoàn trả bất cứ thua lỗ nào – và muốn xác nhận quyền của mình trong bất cứ khoản thu nào. Boesky đã thực hiện y lời. Trên thực tế, Milken nhân đó đã tạo lập lợi nhuận sở hữu bí mật từ một trong những khách hàng chủ chốt của mình. Vào thời điểm diễn ra vụ thu mua cổ phiếu Columbia, Boesky yêu cầu Mooradian khởi tạo một hồ sơ bí ẩn cho anh ta, cũng giống như "chartreuse", anh ta không muốn bất cứ ai khác biết về tài liệu này. Tập hồ sơ này Mooradian định dạng bằng chiếc dây buộc màu đỏ và dán nhãn "Những Dự án Đặc biệt". Lúc này, Boesky yêu cầu Mooradian theo dõi diễn biến mọi tình trạng đầu cơ cổ phiếu của họ tại Fischbach, những chi phí cho việc duy trì chúng, cũng như bất kỳ khoản lợi nhuận hay tổn thất nào có thể xác định được. Anh ta muốn tất cả những thông tin ấy phải được tập hợp trong bộ dữ liệu "Những Dự án Đặc biệt". Khi giá cổ phiếu của Fischbach cứ từ từ giảm xuống, những tính toán của Mooradian cho Boesky thấy những khoản lỗ ngày càng tăng cao.

Boesky ngày càng mất kiên nhẫn rốt cuộc đã phải viết thư cho Milken vào ngày 28 tháng Mười một. “Milken thân mến,” Boesky bắt đầu viết thư. “Gửi kèm thư này, anh sẽ thấy một danh sách chi tiết gồm các thông tin xuyên suốt khoảng thời gian vừa qua cho tới ngày 27 tháng Mười một năm 1984.” Lá thư tiếp tục, đầy bí hiểm. “Tôi cho là việc giải quyết rốt ráo những thông tin gửi kèm này là hoàn toàn thích đáng.” Milken phúc đáp bằng việc dàn ra một loạt các giao dịch mà kết quả đều mang lại lợi nhuận cho Boesky, thể hiện một cách mới mẻ thứ quyền năng phi thường mà anh ta có đối với thị trường trái phiếu lãi suất cao. Điển hình, những giao dịch này dính dáng rất ít đến những loại chứng khoán được mua đi bán lại, những thứ mà Milken đã rất thận trọng sắp đặt giá cả. Nhưng những giao dịch ấy cũng còn xa mới bù đắp được lại những khoản thua lỗ ghê gớm của Boesky lúc này.

Trong khi đó, trò gian lận đã đạt được những mục đích mà Milken mong đợi: thế bí đã được khai thông khi Boesky vượt ngưỡng 10%. Fischbach buộc phải thú nhận bằng việc bác đơn kiện đối với cổ phần của Executive Life và phải khom mình hứng chịu những hậu quả giờ đây đã không thể chối bỏ. Posner và Milken rộng đường làm tới.

Nhưng viễn cảnh của việc cung cấp tài chính cho một vụ mua lại chủ chốt do Posner tiến hành đã gióng hồi chuông cảnh báo trước Joseph và Weinroth. Joseph cử Weinroth và một giám đốc khối tài chính doanh nghiệp khác tới Beverly Hills để thuyết phục Milken rút ra khỏi việc thực hiện vụ thâu tóm Fischbach cho Posner – nhân vật vốn đang dính đến một vụ điều tra gian lận thuế. Thoạt tiên Milken cự tuyệt, và chỉ khăng khăng một luận điệu vẫn thường thấy ở Drexel: “Nếu Drexel không thực hiện vụ này, First Boston sẽ ra tay ngay.” Tuy thế, dần dà, dường như anh ta cũng đã phải đổi ý. Anh ta khen ngợi Weinroth, nói rằng bản báo cáo về Posner đúng là xuất sắc. Khi Milken rời đi, Weinroth có cảm giác như Milken đã từ bỏ phi vụ Fischbach. Anh ta không thể biết được rằng Milken đã sa lầy đến mức không thể gỡ ra trong vụ Fischbach. Thái độ chăm chú của Milken đối với màn trình bày của Weinroth chẳng qua chỉ là một trò đánh đố không hơn không kém.

Ngay tuần sau đó, những chuẩn bị ở Beverly Hills cho vụ thâu tóm Fischbach vẫn cứ diễn ra như thể chuyến đi của Weinroth chưa từng tồn tại trên đời. Weinroth, quá chán nản, đã tới gặp Joseph, ông này lại gọi cho Milken. Milken thì một mực cứng rắn rằng thương vụ này sẽ được xúc tiến bình thường. Milken chỉ rõ những thành công Posner đã đạt được trong những vụ mua lại trước đó

và bảo với Joseph rằng anh ta còn rất coi trọng "dòng thông tin" của Posner nữa.

Joseph chỉ đưa ra lời đề nghị để rồi vấp phải cự tuyệt, bất chấp thực tế là doanh thu và giá cổ phiếu của Fischbach cứ thế giảm xuống. Joseph gắng sức hợp lý hóa vụ thâu tóm bằng những nguyên cớ kiểu như Fischbach sở hữu thị phần rất mạnh. Joseph cũng quả quyết rằng những khoản lời thu được từ bất cứ cuộc chào bán nào cũng chỉ được đầu tư cho cổ phiếu của Fischbach chứ không được đổ vào những hoạt động khác của Posner. Anh ta cũng thành công trong việc điều chỉnh các điều khoản của lời đề nghị thâu tóm. Nhưng chẳng ai ở Drexel gần gũi với sự vụ này bị mắc lừa: Chính Milken, chứ không phải Joseph, mới là người nắm quyền sinh quyền sát ở đây.

Công ty Cơ khí Pennsylvania đã thu hút được khoản vốn lên tới 56 triệu đô-la trong một vụ phát hành riêng lẻ trái phiếu giá cao do Drexel thực hiện vào tháng Hai năm 1985. Đương nhiên, không hề có một lời nào đả động tới dàn xếp giữa Milken với Boesky; sẽ chẳng ai dám mua chứng khoán nếu như họ biết mình sẽ dự phần vào một âm mưu bất hợp pháp. Nếu tin tức bị rò rỉ, ngay cả những khách hàng một mực trung thành của Milken cũng sẽ không cam tâm tình nguyện mua đám trái phiếu đó. Một lượng trái phiếu lớn đã được tống khứ sang cho một trong những khách hàng bất đắc dĩ của công ty – Dort Cameron III, một cựu nhân viên, đồng thời là người được Milken đỡ đầu. Người này đã chuyển sang một công ty đầu tư của gia tộc Bass, ở đây anh ta chuyên giao dịch các phát hành do Milken chống lưng. Bản thân Drexel cũng hút vào gần như toàn bộ số lượng còn lại, đưa chúng vào bản kiểm kê trái phiếu lãi suất cao của công ty. Mức phí Drexel thu được trong vụ phát hành riêng lẻ này là 3 triệu đô-la.

Trò gian lận này sau đó đã cứ thế diễn ra đúng như những gì Milken đã dự tính, không hề gặp chút vướng mắc nào. Vài tháng sau, Boesky lặng lẽ bán phần cổ phiếu của mình ở Fishbach tại Sàn Giao dịch Chứng khoán London với giá tương đương 45 đô-la một cổ phiếu, mặc dù cổ phiếu Fischbach khi đó đang được giao dịch với giá thấp hơn 40 đô-la tại Sàn New York. Theo những tính toán của Boesky, ở bước đầu này, anh ta đang phải gánh chịu khoản thua lỗ vào khoảng 5 triệu đô-la, nhưng được trấn an rằng khoản lỗ đó sẽ được điều hòa dần sau đó. Đương nhiên, không hề có một người mua nào bị điểm mặt chỉ tên khi Boesky tiết lộ về vụ bán ra này trong một báo cáo thường kỳ đệ trình lên Ủy ban Chứng khoán. Phải cần có một thanh tra kiên nhẫn và may mắn mới có thể sàng lọc hàng nghìn báo cáo đệ trình thông tin của Ủy ban

Chứng khoán để có thể phát hiện ra rằng Công ty Cơ khí Pennsylvania đã báo cáo về việc mua vào một lượng cổ phiếu và giấy nợ đúng bằng lượng mà Boesky đã bán ra, cũng với mức giá đó, sử dụng lợi nhuận thu được từ vụ chào bán của Drexel. Milken ắt hẳn đã phỏng đoán rằng sẽ không có ai để ý được đến mối liên đới này.

Nhưng đương nhiên, tại ngân hàng Drexel, nó có bị để ý, kể cả ở New York. Xét về bề ngoài, vụ giao dịch này thật phi lý: vì đâu Posner lại phải trả cho Boesky mức giá cao hơn thị trường, trong khi ông ta có thể dễ dàng mua chứng khoán ngoài thị trường mở? Weinroth và những người khác phân vân không hiểu liệu có phải Boesky đã thề rằng sẽ thoát ra khỏi vụ này bằng mọi giá không, và nếu có như thế, thì ai đã hứa hẹn điều gì với ai. Họ cứ thế bàn luận các khả năng, nhưng cuối cùng lại để mặc vấn đề ở đó. Không ai muốn hỏi Milken về chuyện này.

Thắng lợi của Milken được toàn vẹn khi mà, cuối năm đó, Fischbach công bố danh tính của vị tân chủ tịch công ty: Victor Posner. Ông này không chần chừ một phút, áp dụng ngay phong cách quản lý của riêng mình vào công ty mới, đó là tự ý tăng vọt lương của mình, rút ruột tài sản, sa thải hàng loạt công nhân viên tại doanh nghiệp đã có thời rất thịnh vượng này. Hậu quả kéo theo từ những hành động này ngày càng tồi tệ.

Trong toàn bộ âm mưu này, sự đầu hàng của Fischbach không thu hút được nhiều sự chú ý ngoài một nhóm nhỏ các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ và chủ ngân hàng Phố Wall. Nhưng những ai chứng kiến toàn bộ sự kiện này đều buộc phải kinh khiếp trước thành tích của Milken. Bản thân Posner thì đã tự khóa mình vào một tình thế bất khả kháng. Nhưng sau đó Milken bước vào, phá tung những ràng buộc, đánh gục Fischbach. Đây chính là khả năng của Milken, mà Fischbach chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong trí óc của Milken. Cũng trong khoảng thời gian hoạch định cho chiến thắng Fischbach, Milken còn lèo lái Posner qua một vụ thâu tóm vướng phải bế tắc khó chịu nữa, lần này dính dáng đến một đối thủ quy mô hơn, khó nhằn hơn: National Can Co.

Posner đã đầu cơ cổ phiếu suốt nhiều năm ròng tại National Can, một công ty đóng gói rất lớn đặt trụ sở tại Chicago. Đến năm 1981, lượng cổ phần 38% biến ông ta trở thành cổ đông lớn nhất của công ty này, nhưng ông ta khẳng định rằng mình chỉ mua vào với mục đích đầu tư. Và rồi, đến cuối năm 1983, cũng là khoảng thời gian cuộc vận động Fischbach bắt đầu, National Can công bố một đợt phát hành trái phiếu thường kỳ, dự tính sẽ thu hút được

100 triệu đô-la. Vụ chào bán này được ngân hàng đầu tư lâu năm của National Can – Salomon Brothers đứng ra bảo lãnh phát hành.

Sự giận dữ sôi sục ở Beverly Hills. Không gì khơi dậy ngọn lửa cạnh tranh trong Milken bằng viễn cảnh có một đối thủ nào đó dám giành lấy một miếng trong lãnh địa mà anh ta vốn cho là thuộc về mình. Drexel sẽ thực hiện vụ phát hành của National Can. Nếu không, National sẽ phải chịu chung số phận như những nạn nhân khác của Posner.

Posner liên lạc với ban lãnh đạo của National Can và, lần đầu tiên, ông ta can thiệp trực tiếp vào việc điều hành công ty của họ. Ông ta nói không hài lòng trước viễn cảnh Salomon chịu trách nhiệm tiến hành vụ chào bán trái phiếu. Ông ta muốn các quan chức của National Can phải gặp gỡ phía Drexel. Buộc phải đồng ý với các yêu cầu của cổ đông lớn nhất, ban giám đốc của National Can đã họp với Engel của Drexel và vài người khác mấy lượt hồi tháng Mười hai năm đó, và Drexel đưa ra đề nghị tổ chức phát hành của họ. Nhưng kế hoạch của Drexel lại đòi hỏi chi phí cao hơn đúng 1 phân điểm so với giá Salomon đưa ra. Không có lý do gì khả dĩ để có thể chấp nhận việc lựa chọn Drexel thay vì Salomon; Posner thì hiển nhiên ép buộc National Can phải đi theo quỹ đạo của Drexel.

Ban lãnh đạo của National Can thì kiên quyết cự tuyệt. Posner thẳng thừng đề nghị rằng hoặc National Can mua lại cổ phần của ông ta với khoản tiền bù khổng lồ – "thư xanh" – hoặc về cùng phe với ông ta trong vụ mua lại bằng đòn bẩy tài chính do Drexel tiến hành mà kết quả sẽ là ông ta sở hữu 80% công ty, nhưng ban lãnh đạo cũng sẽ được sở hữu 20% cổ phần. Đương nhiên, Posner không cần phải đề cập tới rằng, phương án thay thế cũng chỉ là ông ta sẽ thâu tóm công ty và hất cẳng ban lãnh đạo ra ngoài.

Suốt chiều dài lịch sử tồn tại, ban lãnh đạo National Can đã được dẫn dắt bởi vị chủ tịch đáng kính – ngài Frank Considine, một trụ cột của uy quyền giới doanh thương Chicago, một mẫu mực của những giá trị Trung Tây gần gũi thực tế. Họ chưa bao giờ phải đối mặt với những trò xảo quyệt hằn học lộ liễu và xấu xa đến thế – và tất cả lại được khơi mào chỉ bởi một đợt phát hành trái phiếu thường kỳ. Trong các cuộc đối thoại với chủ tịch Considine và giám đốc tài chính của National Can, Walter Stelzel, Posner không ngớt lời dọa dẫm họ. Mặc dù những Báo cáo 13-D của Posner chưa từng đề cập rằng ông ta nằm trong nhóm có lợi tức chung trong cổ phiếu National Can, nhưng Posner vẫn nhắc đi nhắc lại với các thành viên của National Can rằng trên 50% cổ phiếu của công ty đang nằm trong những bàn tay "thân thiện" – trong tay của

những cổ đông sẽ làm theo những gì Posner sai khiến. Bối rối tột bậc, cảm nhận rõ rằng không còn lựa chọn nào khác, National Can đã cam kết sẽ bắt tay với Posner để tham gia tài trợ thâu tóm.

Drexel bắt đầu tăng hết tốc lực, xây dựng một vụ mua lại với giá 40 đô-la một cổ phần, tổng trị giá vào khoảng 410 triệu đô-la. Kết cục sẽ là Posner nắm quyền lãnh đạo công ty, sau khi thu được khoản lời khổng lồ nhờ số cổ phần mà ông ta đã mua được ở mức giá thấp hơn nhiều so với 40 đô-la. Đây cũng sẽ là thương vụ sinh lời ghê gớm cho Drexel; ngoài khoản phí tư vấn ngân hàng đầu tư mà nó giành được, Drexel còn thu hút được thêm 150 triệu đô-la vào trái phiếu lãi suất cao của Milken, hớt lấy vài phần lợi nhuận thường lệ của mình, tức là vào khoảng 5 hoặc 6 triệu đô-la chỉ tính riêng phí cấp vốn.

Mà đó cũng chưa phải là tất cả. Phạm vi thực sự của những lời lãi Milken thu được thể hiện trong những tài khoản hùn vốn được bảo vệ nghiêm ngặt ở Beverly Hills. Những hiệp hội đầu tư do Milken đứng đầu, thoạt tiên được khởi phát nhằm giải tỏa nỗi lo lắng về các khoản đầu tư cho các thành viên trong bầu đoàn trái phiếu lãi suất cao của Milken – giờ đây đã làm ăn phát đạt, luân chuyển trái phiếu lãi suất cao do Drexel bảo lãnh phát hành rất linh hoạt trong và ngoài danh mục đầu tư với mức độ chênh lệch giá lớn, đầu cơ đáng kể ở mức giá chào bán ưu đãi, mức giá sẽ nhanh chóng cao vút lên khi hoạt động giao dịch đã chính thức bắt đầu sau khi phát hành. Một trong những hiệp hội đầu tiên của văn phòng Beverly Hills có tên là Otter Creek, bắt đầu hoạt động từ năm 1979, trong số các thành viên có Milken, cậu em Lowell và vài thành viên được ưu đãi ở chi nhánh Beverly Hills của Drexel, tất cả là 37 người. Những người tham gia chỉ giới hạn trong bộ sậu của Milken. Ai nấy đều được chỉ dẫn cẩn thận rằng không được đề cập đến hội nhóm hay các kết quả tài chính của họ cho bất kỳ ai ở New York, bởi những tiết lộ như vậy sẽ chỉ kích động sự đố kỵ. Thậm chí chính Joseph cũng không biết được phạm vi thực sự của những hoạt động này. Khi Weinroth hỏi rằng những ai đang tham gia Đội Bờ Tây, một thành viên trong băng đảng của Milken đã nói rằng đó không phải là nhiệm vụ của anh ta. Hoạt động giao dịch được giám sát chỉ tại Beverly Hills, không thông qua bộ phận tuân hành của Drexel ở New York.

Trước thương vụ National Can, Otter Creek đã đầu tư gần như toàn bộ vào trái phiếu trả suất cao và các loại chứng khoán có liên quan, như các khế ước và chứng chỉ nợ có thể chuyển đổi, chứ chưa từng đầu tư vào cổ phiếu thường. Thế nhưng các dữ liệu giao dịch của hội này lại thể hiện con số ghê gớm là 54.200 cổ phiếu

chỉ trong một vụ giao dịch công khai hồi tháng Mười hai năm 1983: National Can. Chẳng còn gì phải nghi ngờ, đây chính là vài cổ đông "thân thiện" mà Posner đã nhắc đến thường xuyên trong lúc dọa dẫm National Can.

National Can cuối cùng cũng đã phải đồng ý nhắm mắt đưa chân theo vụ mua lại do Drexel cấp vốn vào khoảng thời gian dịp lễ Giáng sinh. Đây là thông tin vô cùng nhạy cảm, nhiều khả năng sẽ gây ra phản ứng tức thì trên thị trường chứng khoán, vậy nên nó được bảo mật nghiêm ngặt trong nội bộ những người gần gũi với nguồn tin. Thế nhưng, đến ngày 3 tháng Một năm 1984, chỉ vài ngày sau khi quyết định được đưa ra, và trước khi xuất hiện bất cứ tuyên bố chính thức nào, thì Otter Creek đã mua thêm 10 nghìn cổ phiếu nữa của National Can.

Ngày 5 tháng Một, ban điều hành của National Can tổ chức họp và đồng ý theo đuổi kế hoạch mua lại này. Cũng trong ngày hôm ấy, với thái độ thức thời thị trường trùng hợp đến lạ lùng, Otter Creek lại mua thêm 21.300 cổ phiếu National Can. Sau đó hai ngày mua bổ sung 2 nghìn cổ phiếu nữa. Quyết định mua vào cổ phiếu National Can được thừa nhận là do chủ tịch hội đồng điều hành Otter Creek, tức Lowell, em trai của Milken – đưa ra.

Lượng giao dịch thường nhật trung bình của National Can chỉ vào khoảng 4 nghìn cổ phiếu. Tình trạng tăng đột biến, với mức tăng tương ứng thể hiện trên giá cổ phiếu đã khơi dậy nỗi quan ngại ngay lập tức trong một bộ phận ban điều hành và các giám đốc của National Can rằng thông tin về vụ mua lại dự kiến đã bị rò rỉ ra thị trường. Vậy nên ngày 12 tháng Một, National Can đã gấp rút đưa ra một thông cáo chính thức rằng công ty này đang cân nhắc một đề nghị mua lại dựa trên vốn vay do Drexel khởi phát. Đúng như dự kiến, giá cổ phiếu ngay lập tức đội lên sau thông tin này.

Việc giao dịch của Otter Creek diễn ra chỉ vài ngày trước tuyên bố chính thức rõ ràng đến mức nó đã khơi mào cho một cuộc điều tra về giao dịch nội gián tại Sàn Giao dịch Chứng khoán New York. Drexel cố tình đủng đỉnh mãi mới hồi đáp những yêu cầu cung cấp thông tin về Otter Creek, và làm mọi cách để các nhân viên điều tra không tìm hiểu được bất cứ điều gì, Drexel gọi hoạt động giao dịch của Otter Creek là "giao dịch tự nguyện" trong một "tài khoản không chủ ý". Sau những câu hỏi lặp đi lặp lại, Drexel cuối cùng cũng thừa nhận rằng các nhà đầu tư ở Otter Creek chính là nhân viên của Drexel, nhưng sau đó lại đưa ra một tuyên bố có vẻ như cố tình làm sai lạc, nói rằng không hề có mối liên hệ nào giữa Otter Creek, Drexel và National Can, trong khi lại đúng vào thời

điểm Drexel cung cấp tài chính cho vụ mua lại.

Vụ điều tra chính là một trò đùa đối với tư tưởng tuân hành ở Drexel: những cuộc thẩm vấn của sàn giao dịch đáng lẽ phải khơi ra một cuộc điều tra trong nội bộ ngân hàng để làm rõ nguyên nhân tại sao các nhân viên Drexel lại mua đi bán lại cổ phiếu của một khách hàng đang trong quá trình thực hiện một vụ mua lại nhờ dựa trên vốn vay. Nhưng ngược lại, Drexel chủ động che đậy mọi việc. Truy đến cùng, người chịu trách nhiệm tuân hành ở Beverly Hills báo cáo công việc lên Lowell, người liên quan chặt chẽ đến hoạt động giao dịch trong các hội nhóm riêng. Nhưng lối tiếp cận của Drexel lại thành công: sàn giao dịch cuối cùng cũng đã hủy bỏ cuộc điều tra, kết luận trong một báo cáo chung cục rằng Otter Creek không hề có "liên hệ nào có thể nhận biết với National Can." Và thật phi thường, rõ ràng sàn giao dịch cũng không bao giờ biết được rằng Otter Creek được dựng lên chính bởi những người đang cung cấp nguồn tài chính cho vụ mua lại National Can.

Cuối cùng, Posner cũng không giành được National Can, nhưng bất kể thế nào, ông ta cũng đã được Milken giải cứu. Đến giữa năm 1984, đế chế tài chính của Posner đã bắt đầu loạng choạng, chịu thương tổn nghiêm trọng do đầu cơ quá mức qua đòn bẩy cùng năng lực điều hành kém cỏi – điều đã khiến Joseph và Weinroth phải bận tâm từ trước cả vụ Fischbach. Dưới tình hình này, các ngân hàng vốn được đề cử tham gia vụ National Can đều rút lui. Considine điên cuồng tìm cách huy động tất cả nguồn tài chính của riêng mình để chuẩn bị cho một vụ mua lại dựa trên vốn vay, nhưng cuối cùng không có thương vụ nào được diễn ra. Milken chỉ đơn giản bán lại National Can cho những khách hàng thân thiết khác của mình, chào mời họ cơ hội nắm lấy công ty này thay cho Posner, đảm bảo rằng họ sẽ giành chiến thắng trong bất cứ cuộc đấu thầu nào mà Considine huy động được.

Carl Icahn để ý đến National Can một cách nghiêm túc, thậm chí còn đầu cơ một lượng cổ phiếu đáng kể, nhưng cuối cùng cũng ngần ngại và từ chối. Rốt cục, một nhân vật khác được Milken bảo trợ, Nelson Peltz đã mua lại công ty. Drexel, đứng ra huy động khoản vốn trị giá 595 triệu đô-la cho Peltz, đã thu lại khoản phí cung ứng vốn và phí ngân hàng đầu tư còn nhiều hơn cả số tiền dự tính kiếm được nếu trợ giúp cho Posner như trong kế hoạch ban đầu. Vậy ai là người mua lại các trái phiếu National Can được sử dụng vào việc đầu tư cho vụ thâu tóm từ tay Milken? Một danh sách quen thuộc, trong đó bao gồm First Executive Corporation của Fred Carr, Quỹ Tiết kiệm và Cho vay Columbia của Thomas

Siegel; cả Meshulam Riklis, Carl Lindner và Ronald Perelman.

Còn Otter Creek đã lặng lẽ bán lượng cổ phiếu của mình trong đề nghị mua lại của Peltz trị giá 3,8 triệu đô-la, đổi lại một khoản lợi nhuận giao dịch khổng lồ. Hội nhóm này của Drexel đã thu được gần nửa triệu đô-la nhờ giao dịch cổ phiếu chỉ tính riêng trong tháng Một năm 1984. Nói theo cách đó, với một khuôn mẫu cứ lặp đi lặp lại nhiều lần, việc giao dịch nội gián dần dà đã bện xoắn không cách gì tách rời với việc ép buộc một công ty đại chúng phải chịu thay đổi chủ sở hữu, tất cả đều diễn ra dưới bàn tay tài chính của Drexel.

* * *

Ở New York, Fred Joseph, vẫn đang giữ chức trưởng bộ phận tài chính doanh nghiệp, không hề hay biết gì về Otter Creek hay những hoạt động giao dịch của nó trong vụ National Can. Milken vẫn báo cáo trực tiếp lên Kantor, còn Kantor lên Linton, chủ tịch của Drexel. Nhưng Engel thì có làm việc cho Joseph, người không thể chối bỏ một hiện thực là mối quan hệ của Engel với Posner rõ ràng có sinh lời cho Drexel. Hơn thế, Engel rất nhanh chóng kết bạn với một thành viên khác trong bộ sậu của Milken – Ronald Perelman, người đứng đầu công ty cổ phần MacAndrews & Forbes, dần dà đã được đặt vào vị trí lý tưởng là công cụ cho các hoạt động do Drexel chống lưng. Nhưng các nhân viên bộ phận tuân hành của Drexel đã trình lên Joseph một số bản ghi chép hoạt động giao dịch, gợi cho Joseph phải nhớ lại những e ngại xung quanh tư cách đạo đức và các đánh giá về Engel. Thông tin giao dịch của một nhân viên bán hàng của Drexel mà Joseph biết rõ là bạn thân của Engel – đã thoáng có vẻ một vụ giao dịch nội gián dính dáng đến một thương vụ mà Engel có tham gia. Joseph không thể dung thứ điều này.

Joseph lệnh cho Engel vào văn phòng mình, cùng với nhân viên bán hàng kia. Ông nổi trận lôi đình. Các ghi chép giao dịch cho thấy nhân viên bán hàng kia đã mua cổ phiếu vào lúc thương vụ trông có vẻ sẽ xuôi chèo mát mái, và rồi bán ra chỉ trước khi có tuyên bố thương vụ đã bị đổ bể. Joseph biết chắc rằng Engel có dính líu đến những động thái này. “Hãy thử giải thích việc đúng thời điểm kỳ lạ thế này đi,” Joseph yêu cầu. Engel vẫn giữ im lặng, từ chối thừa nhận rằng có điều gì đó sai lệch. “Chỉ là trùng hợp thôi mà,” Engel khăng khăng. Nhân viên bán hàng kia cũng phụ họa cho anh ta. Joseph cảm thấy bọn họ đang nói dối. “Hãy cầu Chúa là không có một lần ‘trùng hợp’ nào thế này nữa,” Joseph nói cứng rắn, thái độ hoài nghi của ông đã quá rõ. “Nếu có, tôi sẽ đuổi

cổ cả hai người. Các anh sẽ tan xác đấy."

Trong vòng vài tuần, Weinroth nói với Joseph rằng anh ta nghe được từ chỗ khách hàng rằng Engel đã "vay" 65 nghìn đô-la từ một khách hàng của Drexel, đã ký kết một giấy hẹn trả tiền và chưa hề báo cáo giao dịch này cho bất cứ ai trong công ty. Joseph cảm thấy nhờm tởm vô cùng. Dù chưa có một quy định chính thức nào, nhưng rõ ràng là một nhân viên ngân hàng đầu tư không nên "chịu ơn huệ" về tài chính từ khách hàng; bởi việc này sẽ ảnh hưởng đến những đánh giá cùng tính khách quan của ngân hàng đầu tư. Joseph cho gọi Engel vào và sa thải anh ta ngay lập tức.

Engel chạy thẳng đến gặp Milken. Anh ta thanh minh rằng thực ra người khách đó nợ anh ta 100 nghìn đô-la, và rằng 65 nghìn đô-la đó chỉ là một phần trong khoản nợ đó mà thôi, và rằng Weinroth đã đến gặp Joseph với nỗ lực hòng loại bỏ anh ta. Milken gọi cho Joseph và yêu cầu phải phục chức cho Engel ngay. Engel rất "hữu dụng", Milken lập luận. Joseph biết rằng Milken rất coi trọng việc bán ra, mà Engel lại có thể "bán" khách hàng theo những cách – mà dù với Joseph là đáng kinh tởm đến thế nào – rất hiệu quả. Một điều thoáng vụt qua đầu Joseph, ấy là Milken không coi trọng tư cách đạo đức hay tính minh bạch. Nhưng có bao nhiêu kẻ buôn bán trên thị trường này cũng vậy?

Trước sự cáu giận của Milken, Joseph cảm thấy mình phải thỏa hiệp. Ông ta sẽ không nhượng bộ trong vụ đuổi việc, nhưng Milken đề xuất rằng Engel sẽ trở thành một "chuyên gia tư vấn" cho Drexel, một "người tìm kiếm", như lời Milken. Engel sẽ nhận được các khoản bồi thường, như bấy nay, là một số phần trăm hoa hồng của những khoản phí thu được từ những khách hàng anh ta dẫn về cho công ty, dao động từ 4% đến 20%. Joseph ban đầu quả quyết rằng Engel không tự coi mình là đại diện của Drexel, nhưng cuối cùng cũng phải nhượng bộ.

Đó là một thỏa hiệp then chốt liên quan đến tính minh bạch. Chiêu bài "đóng vai trò tư vấn" của Engel không lừa nổi ai dù trong hay ngoài Drexel. Milken đã giành chiến thắng trước Joseph, giữ lại được một trong những "bề tôi" trung thành. Engel chuyển văn phòng về tầng ba của một dãy nhà khu Manhattan được Perelman sử dụng làm trụ sở. Để gọi cho Engel, người gọi sẽ phải bấm số tổng đài Drexel. Với dàn xếp trở thành chuyên gia tư vấn mới mẻ này, Engel đã kiếm được từ Drexel nhiều hơn hẳn so với thời còn làm nhân viên chính thức. Và anh ta càng lúc càng trung thành tận tụy hơn nữa với Milken.

* * *

Cuối năm 1983, David Kay, trưởng bộ phận Mua lại và Sáp nhập của Drexel, nhàn tản bước vào văn phòng của Joseph với tinh thần phơi phới, vận một bộ vest kiểu Âu châu như thường lệ, trông có vẻ rám nắng sau chuyến đi mới gần đây tới Beverly Hills. "Chúng ta làm ăn khá thật," Kay nói, liệt kê một loạt những khoản phí mà bộ phận của anh ta thu về được. Nhưng Joseph không tỏ ra ấn tượng lắm.

"Nhìn những con số này này," Joseph nói. Doanh thu của Drexel, phình ra nhờ những hoạt động giao dịch trái phiếu trả lãi suất cao của Milken, đã tăng trưởng nhanh chóng, lên tới gần 1 tỷ đô-la, tức là 10 lần so với khi Joseph mới gia nhập công ty. "Anh cũng chỉ mới kiếm được 10% trong tổng doanh thu của công ty thôi, khoảng chừng 100 triệu đô-la chứ mấy," Joseph nói với Kay. "Ở hầu hết các nơi khác, bộ phận M&A phải kiếm được 30 hay 40% ấy chứ."

"Ông là gã khốn." Kay đáp.

Joseph không hẳn công bằng với Kay trong trường hợp này. Do lợi nhuận tăng trưởng theo cấp số nhân mà Milken thu về, nên không một bộ phận nào tại Drexel kiếm được số phần trăm doanh thu tương đương với số phần trăm mà các bộ phận đồng nhiệm với nó tại Phố Wall làm được. Chính vì thế Joseph muốn đa dạng hóa; ông ta biết rằng quá phụ thuộc vào một người, một ngạch làm ăn là quá ư mạo hiểm trong vòng quay bùng nổ – đổ vỡ trên Phố Wall. Nhưng ông ta có thể làm gì khác đây? Mỗi lần bộ phận tài chính doanh nghiệp, M&A hay phòng ban nào khác cố gắng khoe khoang thành tích lợi nhuận của mình, Milken lại chỉ bỏ xa họ thêm nữa.

Sau cuộc trò chuyện với Kay, Joseph suy nghĩ rất nhiều về vai trò của bộ phận M&A trong công ty mình. Những tên tuổi đình đám, như Morgan Stanley và Goldman, Sachs – những cây đa cây đề mà Joseph đã từng hứa sẽ đưa Drexel đạt ngang bằng hoặc vượt mặt trong vòng mười lăm năm – đã trở nên tinh thông hơn bao giờ hết trong lĩnh vực M&A. Nhưng Drexel lại nắm trong tay một thứ mà những kẻ này không có được: Michael Milken. Anh ta có thể trở thành "mũi nhọn" mà Joseph luôn tìm kiếm. Những kinh nghiệm về các thương vụ Posner đã thể hiện rõ ràng rằng cỗ máy in tiền Milken và mảng nghiệp vụ M&A đồng nhất gần gũi với nhau đến thế nào.

Trong suốt nhiều năm, Joseph đã luôn hướng về bậc thầy quản lý Cavas Gobhai, một chuyên gia tư vấn quê gốc tại Bombay, người tổ chức những khóa học căng thẳng kéo dài hai ngày dành cho những doanh nhân muốn "động não" và "thể hiện bản thân". Tháng Mười một năm 1983, Joseph thực hiện một cuộc gặp nữa với Gobhai, tập trung vào mục tiêu tìm kiếm những cách thức thúc đẩy Drexel nhảy vọt lên tuyến đầu của trận địa M&A đang ngày càng đơm hoa kết trái. Với động thái thể hiện rõ rệt nơi tập trung quyền lực hiện tại của Drexel, cuộc họp đã được tổ chức tại Khách sạn Beverly Hills thanh nhã, chỉ cách trụ sở của Milken có một khối nhà.

Một nhóm gồm 11 thành viên của Drexel đã được mời. Milken có bốn suất; anh ta dẫn theo Trepp, Ackerman và Bob Davidow. Từ New York, Joseph đưa tới Kay, Leon Black, John Kissick, Herbert Bachelor và Fred McCarthy. Cả nhóm nhanh chóng đưa ra kết luận rằng Drexel cần một ngôi sao "M&A" để thu hút những khách hàng quan trọng. Họ liệt kê ra nào Bruce Wasserstein ở First Boston, Eric Gleacher ở Lehman Brothers, và mới nổi lên sau thành công trong vụ Martin Marietta là Martin Siegel – người được họ xếp hàng đầu trong danh sách. Đó quả là một bài thực hành thú vị, nhưng thực tế, không ai trong phòng họp nghĩ rằng bất cứ ứng cử viên nào ở đây lại để tâm nghiêm túc đến lời mời phát đi từ Drexel.

Nhưng cả nhóm còn có những ý tưởng ấn tượng hơn nhiều. Những công ty lớn đang tiếp năng lượng cho cuộc bùng nổ M&A vì họ là những kẻ lắm tiền nhiều bạc và có sức mạnh đi vay. Drexel đã thể hiện rằng mình đã có sẵn nguồn trong tay. Một anh chàng Posner được trang bị 1 tỷ đô-la ngân sách chiến tranh cũng dữ dằn hệt như một công ty cổ phiếu blue chip có 1 tỷ đô-la tiền mặt cùng năng lực đi vay. Các cổ đông, đặc biệt là những chuyên gia cổ phiếu giá rẻ, những người đổ tiền vào cổ phiếu của các công ty dự phần trong những cuộc đấu thầu thâu tóm, có thể ít để tâm hơn đến chuyện tiền từ đâu ra – miễn cuối cùng họ thu lời là được.

Cả nhóm đẩy lối tư duy này đi thêm một bước nữa. Liệu sẽ thế nào nếu trên thực tế Drexel không hề huy động vốn, mà chỉ hứa hẹn rằng nó sẽ làm vậy? Hãng này có thể phát đi một lá thư "rất tin cậy", một lời đảm bảo chính thức từ Drexel rằng hoàn toàn tin rằng mình có thể huy động được đủ số tiền cần thiết cho một vụ đấu thầu thâu tóm. Nếu như Drexel luôn luôn sát sao thực hiện đúng như lời hứa, thì lá thư đó cũng đáng tin cậy như tiền mặt vậy.

Rõ ràng, những công ty lớn với khả năng tiếp cận các khoản vay ngân hàng và thị trường tín dụng sẽ không chuyển sang một phương án thay thế phù du như lá thư của Drexel. Nhưng còn những kẻ không có nhiều lựa chọn hơn thì sao? Từ kinh nghiệm của bản thân, Drexel biết rõ có một mảng rất khó để huy động tài chính: những đề nghị thâu tóm hung hãn. Các ngân hàng tránh xa chúng, và các ngân hàng đầu tư như Goldman, Sachs cũng chẳng khác gì. Cả nhóm thảo luận về dư luận tiêu cực đi kèm với những thương vụ này, và cả những rủi ro Drexel sẽ phải hứng chịu nếu hãng này ngày càng được xác định gần gũi với những trường hợp kiểu Posner hơn. Milken không chút dè dặt ngại ngần, cả Joseph vốn thận trọng cảnh giác hơn, cũng nghĩ rằng Drexel có thể chịu được những vấn đề đó. Nếu Drexel muốn thịnh vượng hơn, nó không còn lựa chọn nào khác. Mà tiếng tăm của Drexel cũng không tốt đẹp đến mức phải lo ngại rằng một hay hai vụ thâu tóm áp chế sẽ làm sứt mẻ gì ghê gớm.

Joseph và các đồng sự quay trở về New York, tung tin trong hãng là phải cẩn thận với những giao dịch thâu tóm áp chế. Nhưng cú huých mạnh mẽ, ông này quyết định, sẽ xuất hiện tại hội nghị trái phiếu trả lãi suất cao sắp tới đây. Tại đó, Joseph và Milken sẽ vén màn bí mật, hé lộ chiến lược mới mẻ của mình hòng biến đổi thế giới của các giao dịch thâu tóm áp chế.

Hội nghị về trái phiếu lãi suất cao bắt đầu rất khiêm tốn, hồi cuối thập niên 1970, hai năm trước khi Milken chuyển hoạt động làm ăn của mình về West Coast. Lúc bấy giờ, thị trường đang ở giữa cơn đình trệ, và chính Milken cũng đang vướng phải một đận nản lòng thoái chí hiếm hoi. Anh ta phàn nàn với Joseph rằng không thể nào buộc người mua chú ý lắng nghe thông điệp về những cơ may lợi nhuận trong các chứng từ xếp hạng thấp mà mình đưa ra. "Kiếm cho tôi vài khách hàng đi," Milken nài nỉ.

Joseph nảy ra ý tưởng về một cuộc hội thảo tập hợp một số khách hàng doanh nghiệp của mình, những công ty phát hành trái phiếu không xếp hạng, thêm cả một số người mua trong mạng lưới của Milken nữa. Cuộc họp mặt này khó có thể được coi là một thành công sôi sục. Joseph chỉ có thể tập hợp được ba công ty, còn Milken cố lắm mới thu hút được bảy hay tám người mua. Nhưng vào một ngày mưa lạnh tháng Ba, họ cũng đã tổ chức cuộc họp trong một phòng hội thảo của Drexel. Milken diễn thuyết đầy hăng hái về tiềm năng của trái phiếu lãi suất cao, như thể anh ta đang có tới hàng trăm thính giả.

Cuộc hội thảo năm sau đó cũng chỉ thành công hơn chút xíu: 50

người có mặt. Đến năm 1979, Milken chuyển địa điểm hội thảo đến Khách sạn Beverly Hilton ở Beverly Hills. Bữa tiệc diễn ra vào tối thứ Sáu, vốn được hy vọng rằng sẽ trở thành điểm nhấn giao thiệp của phiên họp hai ngày, cuối cùng hóa ra lại thất bại. Mười phút trước khi khách khứa ngồi đâu vào đấy, ban lãnh đạo của Drexel mới được giao cho danh sách các doanh nghiệp và tổ chức sẽ có mặt tại bàn. Đáng lẽ các vị chủ nhà phải chào hỏi và hướng dẫn khách vào chỗ đã sắp trước. Nhưng hầu hết mọi người đều chưa từng gặp gỡ nhau trước đó, nên các vị chủ nhà không hề nhận ra khách. Mọi người cứ thế ngồi tùy hứng. Còn đồ ăn – các món khoái khẩu béo ngậy cùng các đĩa nướng tổng hợp ngổn ngộn gà và bò xiên que – khiến mọi người cứ phải lùng sục tìm thêm khăn giấy. Không có màn giải trí nào ngoài một bài diễn thuyết khô khan do chủ tịch Sun Chemical trình bày.

Mọi sự xong xuôi, Engel đến gặp Milken. "Các vị CEO này thường vẫn làm mọi thứ đúng điệu cơ," anh ta nói. "Các món khai vị thật kinh khiếp còn bữa tối là một đống láo nháo." Milken quá vui mừng được trao tặng trách nhiệm lập kế hoạch cho hội thảo năm tới cho Engel.

Dưới sự chỉ đạo của Engel, hội thảo năm 1980 được tiến hành với phong cách thượng đẳng tại Khách sạn Beverly Wilshire cao cấp hơn. Nó bắt đầu vào đêm thứ Ba và kết thúc vào sáng thứ Bảy, giống như các hội thảo khác về sau này. Engel mời các khách hàng hiện tại, khách hàng tiềm năng mà Milken đánh giá là sẽ phát hành trái phiếu, các khách mua trái phiếu và cả các tổ chức được cho là sẽ trở thành khách mua trái phiếu tiềm năng. Lãnh đạo của các công ty từng phát hành trái phiếu xếp hạng thấp được đưa vào chương trình với vai trò diễn giả, ngợi ca nguồn sức mạnh trẻ trung sôi sục của trái phiếu lãi suất cao.

Đến buổi tiệc tối thứ Sáu, đồ ăn thức uống cùng việc sắp xếp chỗ ngồi đã được cải thiện đáng kể. Nhưng các diễn giả, một nhóm các vị hàn lâm cùng những người thăm dò ý kiến thì rất nhàm chán. Rất nhiều người trong số 175 khách mời gà gật ngán ngẩm.

Thế nhưng, đến năm 1984, hội nghị trái phiếu lãi suất cao bắt đầu bước vào thời hoàng kim. Hơn 800 người đã tề tựu về nơi tụ họp, diễn ra tại Beverly Wilshire. Milken là chủ xị chính thức, ngôi sao của mọi phiên họp có anh ta xuất hiện. Anh ta diễn thuyết về trái phiếu lãi suất cao và những chủ đề rộng lớn hơn, to tát hơn: kiến tạo việc làm, giáo dục và tình trạng khan hiếm nguồn nhân lực. Đó là những chủ đề mà anh ta sẽ còn nhắc đi nhắc lại trong vô số các cuộc diễn thuyết nhiều năm sau đó, và những kẻ bợ đỡ thì

dính chặt lấy từng lời từng chữ cứ như thể Milken – nhà đầu cơ trái phiếu – đã biến hình thành một triết gia hoạt ngôn của thập niên 1980 này vậy.

Engel giờ đây đã có tám nhân viên dưới trướng, nhưng bản thân Milken cũng tự mình hoàn thiện cuộc hội thảo năm 1984 đến từng chi tiết, thậm chí cả việc sắp xếp chỗ ngồi. Không có gì được phép sơ sẩy thiếu sót. Không được phép sắp xếp cho Barry Diller, chủ tịch hãng phim 20th Century Fox, người đã rời bỏ hãng phim Paramount Martin Davis, ngồi gần chủ tịch của Gulf + Western, công ty mẹ của Paramount. Nhưng lại phải xếp Roger Stone, người đứng đầu Stone Container, một công ty phát hành trái phiếu lãi suất cao, ngồi gần các đại diện đến từ Fidelity, một quỹ tương hỗ vốn là khách hàng cỡ bự của trái phiếu Stone. Công tác phục vụ khách khứa cũng đã tiến một bước dài: khi một người mua trái phiếu giá cao thuộc một tổ chức nào đó yêu cầu có trần và tường ốp gương trong khách sạn, Drexel sẽ thực hiện ngay lập tức.

Bữa tiệc tối thứ Sáu dành cho 1.500 thực khách phải được dời đến Khách sạn Century Plaza. Lần này thì không ai phải ngủ gật. Thay cho sự khô khan của các kinh tế gia hay chuyên viên thăm dò, một màn hình khổng lồ được căng ra, những ngọn đèn mờ mờ ảo ảo, và một "phim quảng cáo" xuất hiện, với diễn xuất của Steve Wynn và siêu sao Frank Sinatra. Rồi Milken và Wynn bước lên sân khấu, ra trước ánh đèn. "Các người chẳng biết làm quảng cáo cho ra hồn," Milken chọc Wynn.

"Thế sao?" Wynn đáp. "Hãy để một chuyên gia quyết định xem thế nào nhé."

Sau câu đó, chính Sinatra đích thân sải bước lên sân khấu, vung ra một nắm tiền. "Đây này mấy nhóc," Sinatra nói, đưa tiền cho Wynn. "Tự sắm cho mình ít trái phiếu đi." Đám thính giả rộ lên phấn khích lúc Sinatra bắt đầu màn biểu diễn ca hát liên tục trong 45 phút.

Pha xuất hiện của Sinatra đã tiêu tốn của Drexel 150 nghìn đô-la. Nhưng đó chỉ là một khoản lặt vặt so với những chi phiếu mà Drexel đã hút về, từ các khách hàng, những người đã trở thành khách hàng sau thành công của cuộc hội thảo.

Một năm sau đó, tại dịp tụ hội năm 1985, Joseph đưa mắt nhìn dọc phòng dạ tiệc đông chật và ngỡ ngàng chứng kiến những biến chuyển. Hội thảo đã được chuyển lại về Beverly Hills để chứa được số lượng khách mời lớn hơn. Hơn 100 nhà phát hành trái phiếu lãi

suất cao do Drexel hậu thuẫn được đưa vào chương trình diễn thuyết. Joseph di chuyển từ bàn đầu tiên lên bục để bắt đầu bài phát biểu mà ông này và Milken nhắc đến như "những tao đoạn quảng cáo sơ khởi", một cơ hội để chào mời với đám đông đã được tụ tập về Drexel.

Đây chính là khoảnh khắc khuếch trương bước chuyển dịch mới mẻ của công ty vào chiến địa thâu tóm. "Chúng tôi đã tìm kiếm rất nhiều cách thức khác nhau để cung cấp tài chính cho lĩnh vực thâu tóm" Joseph cất lời trong khi thính giả chăm chú lắng nghe. Ông này giải thích khái niệm thư bảo đảm "rất tin cậy" đã được thảo luận trong phiên hoạch định chiến lược hồi tháng Mười một. "Chúng tôi nghĩ rằng mình đã giải quyết được vấn đề; chúng tôi tin tưởng rằng mình có thể làm được," ông ta nói. Joseph miêu tả tỉ mỉ triết lý của riêng mình: Các công ty nên thuộc về tay những người tình nguyện chấp nhận rủi ro – nói cách khác, nên thuộc về tay các khách hàng của Drexel hơn là những cổ đông công chúng khác. Chủ nghĩa tư bản chính là thế. Bất cứ ai có được sự hậu thuẫn của Drexel cũng có thể mua lại được một công ty. "Lần đầu tiên trong lịch sử, chúng tôi đã san phẳng sân chơi. Những người nhỏ bé có thể đuổi kịp những gã khổng lồ," Joseph kết luận.

Ông ta phân vân tự hỏi không biết tất cả những gì mình vừa chuyển tải sẽ có bị chìm nghỉm hay không. Nhưng sau đó, trong phòng vệ sinh nam, ông ta nghe lỏm được hai khách tham dự hội thảo trò chuyện với nhau. "Anh có nghe những gì Fred nói không?" Một người hỏi. "Có chứ! Oa!" Người kia trả lời. "Tuyệt vời!"

Với việc trọng tâm mới nhấn mạnh vào các cuộc thâu tóm hung hãn, hội thảo năm đó đã được mỹ miều gọi là "Thịnh yến của Những kẻ săn mồi". Tên lóng này thể hiện rằng nó cũng khó lòng có thể bị tiễu trừ, hệt như cái tên "trái phiếu rác" vậy, và nó đã gắn chặt với tất cả các cuộc hội thảo trái phiếu lãi suất cao sau đó.

Cuối buổi chiều hôm đó, Joseph và Milken chủ trì một phiên họp về M&A, Milken ước tính rằng tất cả những người tham dự hợp lại sẽ tập trung được khoảng 1 nghìn tỷ đô-la sức mua. Thực tế là tất cả những kẻ thâu tóm, những kẻ thâu tóm tương-lai và chuyên gia thâu tóm đều có mặt ở đó. Carl Icahn có bài giới thiệu. Ngài James Goldsmith, nhà tài phiệt người Pháp gốc Anh huyền thoại đặt ra các câu hỏi, Carl Lindner cũng vậy. Ông trùm xuất bản Rupert Murdoch cũng bổ sung những suy nghĩ riêng mình, và có cả những bình luận từ Boone Pickens, sát thủ ngành dầu mỏ Texas, và cả Joe Flom nữa. Ở đây cũng lóe lên một nét hào nhoáng lành

mạnh. Để đánh dấu bài phát biểu của mình, Mattel – một khách hàng của Drexel đã diễu ra cả một tốp người mẫu đẫy đà mặc những bộ đầm dạ hội kiểu búp bê Barbie do Oscar de la Renta thiết kế.

Tuy nhiên, những hoạt động thực sự được diễn ra trong một bối cảnh riêng tư hơn nhiều, ở Khu số 8, tọa lạc giữa những khu vườn nhiệt đới sum suê của Khách sạn Beverly Hills. Khu số 8 chính là dãy nhà nghỉ lớn nhất của khách sạn, với ba phòng ngủ, một phòng khách, phòng ăn và các dãy hành lang biệt lập.

Khu số 8 đã trở thành trung khu thần kinh của cuộc hội thảo, địa điểm của những thỏa thuận sôi nổi nhất và cũng là nơi truy cầu những vui thú khác nữa. Đó là nơi lưu trú hàng năm của Engel. Anh ta đã bắt đầu chủ trì buổi tiệc cocktail tối thứ Năm từ năm 1983. Chỉ có một số khách hàng tiêu biểu mới được mời đến, khiến các buổi tiệc tại đây mang dấu ấn riêng biệt ngay trong giới khách hàng Drexel. Những phụ nữ trẻ trung xinh đẹp, phần lớn là các cô đào cùng người mẫu ham danh vọng, hào hứng hòa mình cùng các doanh nhân giàu có. Các vị phu nhân không được phép vào đây, mặc dù họ có thể tham dự bữa tiệc tối xa hoa sau đó tại nhà hàng Chasen. Nhưng cũng chẳng mấy người có mặt.

Các quan chức bộ phận tài chính doanh nghiệp của Drexel nài nỉ Engel cho phép họ mời các khách hàng của mình tới. Chính bản thân khách hàng cũng van vỉ Engel. "Tôi biết là tôi đã trả cho Drexel những khoản phí lên tới 50 triệu đô-la trong năm nay, mà tôi nghĩ là tôi nên được mời chứ," là điệp khúc điển hình. Đến năm 1985, tình trạng cạnh tranh đã trở nên vô cùng khốc liệt.

Buổi tối thứ Năm đó, những người được chọn mời đổ về, được Engel lịch thiệp đón chào vào cửa. Sự chú ý của Joseph trong thoáng chốc bị chệch hướng bởi một vài cô nàng trẻ tuổi lộng lẫy trà trộn trong đám đông. Người ta đã đảm bảo chắc canh ta với ông này rằng không ai trong số họ là gái làng chơi. Suy cho cùng, ai cần phải trả tiền cho các cô nàng hấp dẫn để tham dự một bữa tiệc cocktail với một bộ sưu tập những quý ông giàu có nhất thế giới? Một trong những khách hàng lớn nhất của Drexel, Carl Lindner, đã nhờ Joseph dò hỏi hộ một cô nàng lọt vào mắt xanh của cậu con trai Lindner; Joseph được đảm bảo rằng cô này là con gái của một bác sĩ đáng kính, một người bạn của một trong số các giám đốc ở Drexel. Joseph đã nói rõ rằng ông ta không dung thứ bất cứ một thứ thói lệ buông thả nào kiểu Burnham & Co. ngày xưa, nhất là bây giờ, khi Drexel đang tiến thẳng lên sân khấu trung tâm.

Nhưng những suy nghĩ lấn cấn này nhanh chóng biến mất, bởi những vấn đề còn quan trọng hơn nhiều đã tích tụ trong buổi đêm hôm ấy tại Khu số 8. Boesky trong một góc đang kín đáo trò chuyện với Icahn; Ngài James có mặt trong một nhóm cùng Pickens và Flom. Murdoch và Lindner tán chuyện với Kay và Engel, vị chủ xị khéo léo. Chỉ trong vòng vài tuần sau đó, Pickens sẽ khởi phát cuộc đấu thầu với Unocal, Peltz sẽ bỏ thầu cho National Can, Ngài James sẽ tấn công Crown Zellerbach, còn Farley sẽ săn đuổi Northwest Industries – tất cả tiến hành với nguồn tài chính từ Drexel.

Một luồng điện xẹt bắt đầu di chuyển xuyên suốt cả đám đông trong Khu số 8, thậm chí cả bên ngoài nữa, khi những tưởng tượng phong phú bắt đầu bung ra trước viễn cảnh về hàng tỷ đô-la mà Drexel gây dựng được. Cả đám đông phấn khích theo khúc nhạc của Ghostbusters: "Muốn có tiền thật nhanh, thì phải gọi ai nào? Drexel chứ đâu," chính là phần lời. Và rồi màn hình biến mất và nữ danh ca Diana Ross, lộng lẫy trong bộ đầm ánh kim, bước ra trước ánh đèn với tư cách ngôi sao bất ngờ của đêm tiệc. Cô cất giọng hát một liên khúc những bài hát nổi tiếng thu âm ở Motown của mình và thay trang phục tới hai lượt.

Hầu hết những người tham dự đều hết sức ấn tượng. Nhưng đâu đó vẫn tồn tại đôi chút hồ hoặc. "Điều anh không thể biết được, đó là liệu có phải anh có hẳn một đường phân nước trong nghiệp kinh doanh ở nước Mỹ này, hay chỉ là một Bong bóng South Sea mà thôi." Một người tham dự năm đó đã phát biểu với tờ San Francisco Chronicle như vậy.

5.

Wilkis nghe điện thoại ở văn phòng mình tại Lazard Frères. Đó là cuộc gọi đầu tiên trong ngày, và, không có gì ngạc nhiên, là từ Levine. "Hôm nay đừng làm việc," anh ta bắt đầu.

"Dennis," Wilkis trả lời yếu ớt, "anh biết là tôi không làm thế được mà." Wilkis quá kinh ngạc vì Levine có nhiều thời gian rảnh đến vậy; chẳng có gì suy chuyển so với thời anh chàng bày trò "trốn học" ở Citibank.

"Thế thì ăn trưa vậy," Levine nói tiếp. "Chúng ta đến nhà hàng River Café nhé."

Wilkis đồng ý. "Thế thì ăn trưa vậy," đương nhiên, có nghĩa là Levine muốn bàn bạc về "cuộc chơi". Đến lúc này, bọn họ không

bao giờ trò chuyện về chủ đề đó trên điện thoại công sở. Họ dùng điện thoại công cộng trong trường hợp bắt buộc, hay tốt hơn cả, là gặp riêng nhau.

Thời điểm bấy giờ, giữa năm 1984, không có nơi nào "thời thượng" hơn River Café, một nhà hàng siêu sang trọng tọa lạc trên một xà lan neo vào hải cảng Brooklyn. Các tiệm ăn đột nhiên trở thành sân khấu mới cho người New York mới phất, hầu hết trả bằng chi phí công vụ. Đó là chốn để ngắm nghía và được ngắm nghía, để trưng bày những kiểu mẫu thời trang tối tân, để gây ấn tượng với kẻ khác bằng khả năng giành được bàn ở vị trí đắc địa.

Levine yêu thích những góc nhìn thời thượng, yêu thích sử dụng thứ tiền "có chân nó chạy" để giữ được những bàn tốt nhất. Chiều hôm ấy, anh ta đặt một bàn với góc nhìn lộng lẫy trông ra đường chân trời Manhattan chạy dọc theo East River và chờ đợi ông bạn. "Tôi đang thử lòng trung thành của anh đây," Levine bắt đầu lúc Wilkis đến. "Anh trả chứ hả?"

Wilkis gật đầu, cảm giác mình không còn lựa chọn nào khác.

"Tốt."

Wilkis có thể chi trả dễ dàng. Gần đây anh ta mới quay lại đảo Cayman lần đầu tiên kể từ khi chuyển đổi tài khoản, và các chủ ngân hàng mới hoàn toàn vui vẻ. Chỉ trong chưa đầy một năm, tài khoản của anh ta đã thể hiện những khoản lợi nhuận trên 50%.

Levine gọi một chai Bordeux đắt tiền và nhìn Wilkis vẻ khẩn nài. "Bob, có vài điều tôi muốn biết," Levine ngỏ lời. "Có phải anh gặp tôi vì anh thực sự coi tôi là bạn không? Hay anh chỉ đến vì tôi cung cấp thông tin cho anh?"

"Dẹp mấy câu lảm nhảm đấy đi, Dennis," Wilkis đáp, cảm thấy không thoải mái trước thái độ ủy mị đột ngột ấy. "Nói chuyện về cuộc chơi đi."

Nhưng Levine dường như không muốn nói về thứ gì khác. Anh ta ưa càm ràm về vợ mình, và lôi kéo Wilkis cũng làm như vậy, nhưng những nhận xét tục tằn, thậm chí cay độc của Levine làm Wilkis thấy khó chịu. "Tôi ghét phải về nhà lắm," Levine sẽ nói vậy. "Tôi có thể kiếm cho anh bất cứ cô ả nào."

Levine cũng lựa chọn lối tiếp cận tương tự đối với bất cứ thứ gì Wilkis đề cập đến. Lần đầu tiên, Wilkis bắt đầu tỏ ra vui thích tận hưởng cuộc sống ở Manhattan, đến các buổi hòa nhạc, opera, dạo

tiệm sách, gặp gỡ những người cùng sở thích. Không có thứ gì trong số này khiến Levine hào hứng. "Không mua bán gì được thì kệ mẹ nó đi," là câu điển hình của anh ta.

Levine rất thích thết đãi Wilkis bằng những câu chuyện bất tận về đủ việc bất công mà anh ta phải hứng chịu ở Lehman Brothers. Peter Solomon "cưng chiều tôi," anh ta nói, nhưng hầu như tất cả mọi người đều đối xử phân biệt với anh ta. Lehman chỉ là một gã "nhà giàu thủ cựu" anh ta giải thích. Wilkis thấy hồ hoặc. "Tôi cũng không hiểu. Chẳng phải họ đều là người Do Thái hay sao?"

"Bọn họ là người Đức," Levine đáp. "Cũng tệ hệt như lũ Anh Mỹ da trắng theo Thanh giáo thôi."

Sau một hồi, Levine cũng chuyển sang mục đích chính của bữa ăn. "Bọn ta phải nói chuyện," anh ta nói, giọng nghiêm trọng.

"Về cái gì cơ?"

"Thoải mái đi nào, Bob," Levine trả lời, càng kéo dài cuộc trò chuyện, nhấn nhá vẻ nghi ngờ. "Uống một ly brandy đi." Chỉ đến khi món rượu brandy cổ điển được đưa ra, anh ta mới đi vào vấn đề.

"Wally làm ăn cực tốt," anh ta nói. "Goldie cũng vậy."

Wilkis cảm thấy lúng túng quá. Anh ta biết mình không đóng góp được gì nhiều. Anh ta đã moi móc thông tin sớm về vụ United Technologies đấu thầu thâu tóm Bendix, thời điểm gần kết thúc cuộc chiến thâu tóm đã mang lại danh tiếng cho Martin Siegel. Vụ đó đã mang lại 100 nghìn đô-la lợi nhuận cho Levine trong một cuộc giao dịch 20 nghìn cổ phiếu chưa đầy một tuần trước khi vụ đấu thầu diễn ra. Nhưng những thành tích lớn lao hơn đến từ những vụ khác: Levine đã kiếm được hơn 800 nghìn đô-la từ một vụ của Lehman, cuộc bỏ thầu của Litton Industries với Itek Corporation, giao dịch dựa trên chính thông tin mật từ hãng của anh ta. Sokolow đã tiết lộ các chi tiết về vụ giao dịch đó, và Levine đã vờ như vô tình mua một lượng cổ phiếu nhiều đến giật mình là 50 nghìn chỉ năm ngày trước khi vụ bỏ thầu được công bố. Levine cũng kiếm được gần 150 nghìn đô-la trong vụ Hercules Inc. mua lại Simmonds Precision Product Inc., một khách hàng của Goldman.

"Tôi đã gắng duy trì phong độ," Levine nói tiếp. "Nào là Goldman, nào là Wally. Wilkis, anh đang cầm đèn đỏ đấy."

Wilkis cảm thấy dội lên nỗi âu lo. Liệu có phải anh ta đã là đồ bỏ? Bất chấp tất cả những nỗi khó chịu với mối quan hệ này, Levine vẫn cứ là bạn thân nhất của anh ta. Trò chơi đã gắn kết hai người ở mức độ thân thiết mà anh ta chưa từng có với bất kỳ ai. Anh ta thực lòng tin tưởng rằng Levine quan tâm đến mình. Levine dường như thường xuyên có nhu cầu được bảo đảm rằng Wilkis là bạn anh ta.

Nhưng còn có một nhân tố mạnh hơn. Wilkis buộc phải thừa nhận rằng anh ta ưa thích cảm giác ly kỳ của trò đánh cược trong các cuộc bỏ thầu thâu tóm. Anh ta thích trạng thái căng như dây đàn khi mọi thứ trông có vẻ trì trệ không lối thoát và cả nỗi hân hoan thấm thía khi vụ đấu thầu trôi chảy và giá cổ phiếu tăng vọt. Những chiến thắng này đã mang lại thứ cảm giác toàn năng vượt trội. Bản thân tiền bạc dường như mỗi lúc càng trở nên bất tương xứng; không như Levine, Wilkis không khoái gì cái trò đi lại nghênh ngang với tiền nong cồm cộm trong túi. Anh ta hầu như không rút tiền từ các khoản lời lãi giao dịch khổng lồ của mình.

Levine hô hào cổ vũ Wilkis gắng sức hơn nữa để nắm bắt xem những gì đang diễn ra ở Lazard, nhưng cũng làm rõ rằng anh ta sẽ không loại bỏ Wilkis – chí ít là lúc này. "Tôi cần phải có ai đó giúp mình duy trì các thương vụ sao cho ngăn nắp đâu ra đấy," Levine nói, giải thích rằng đó có thể là vai trò của Wilkis. "Trí nhớ của anh đôi lúc khiến tôi phát sợ," anh ta nói tiếp. Wilkis sở hữu một bộ nhớ chính xác gần như chụp ảnh vậy. "Tôi chỉ mong là gió không đổi chiều và cuối cùng tôi phải chống lại anh thôi. Anh biết về tôi còn rõ hơn là tôi biết về anh."

Wilkis cũng tìm được chút an ủi từ một thực tế rằng, dù tốt xấu gì, thì cuộc sống của anh ta giờ đây cũng đã gắn bó không thể tách rời với Levine. Levine thú thực rằng cuộc chơi gần như là thứ duy nhất đóng vai trò quan trọng với anh ta. Đó là "thứ thần thánh linh thiêng hơn tất thảy," anh ta nói.

Wilkis quay trở lại Lazard với một quyết tâm mới, phải đối xử với Levine tốt hơn.

Bất chấp tất cả những phàn nàn của Levine, vị thế của anh ta tại Lehman Brothers ngày càng tăng tiến khi cơn bùng nổ thâu tóm ngày càng được đà và hãng này dần bị bủa vây bởi những xáo trộn nội bộ, tất cả được tường thuật chi tiết trong cuốn best-seller Greed and Glory on Wall Street (Tham tàn và Vinh quang trên Phố Wall). Trong khi các giao dịch viên tục tằn lỗ mãng, được dẫn dắt bởi Lewis Glucksman giành được ưu thế trong cuộc chiến với

những nhân viên ngân hàng đầu tư dòng dõi quý tộc dưới trướng Peter G. Peterson, thì những nhân viên ngân hàng khác chuồn êm khỏi hãng. Nhờ vậy, quyền năng trụ cột của Levine lại càng tăng thêm. Gleacher, người đã thuê anh ta về, chuyển sang Morgan Stanley hồi cuối năm 1983, sau khi bị Glucksman bỏ qua để bổ nhiệm Richard Bingham vào vị trí trưởng bộ phận M&A. Levine đã tự động chuyển vào một văn phòng ngay bên cạnh Bingham. Anh ta lập luận rằng việc thu gom các thông tin tuyệt mật của mình quá trọng yếu đến mức anh ta buộc phải ở gần vị quản lý bộ phận này để "báo cáo kịp thời những tin nóng hổi."

Mùa hè năm 1983, Levine đã xoay xỏa để tóm được trái bóng trong một cuộc bỏ thầu do Lehman bỏ vốn, Tập đoàn Clabir thâu tóm HMW Industries Inc., một nhà thầu quân sự đồng thời là nhà sản xuất vũ khí được biết tới với phát kiến bom chùm. Clabir vốn là một khách hàng của Steve Waters – một chủ ngân hàng của Lehman, người đã cắt đặt Levine vào vị trí thứ hai trong vụ thỏa thuận. Về phía mình, Levine yêu cầu Sokolow đảm nhiệm vài phần phân tích. Vụ thâu tóm tương đối kém tăm kém tiếng, có giá trị suýt soát 100 triệu đô-la rất nhanh chóng có ngay một dàn diễn viên lẫy lừng Phố Wall: Siegel đại diện cho công ty mục tiêu – HMW; Reich được Watchtell giao phó tham gia sự mà thực tế là làm việc với Levine; và hai nhân tố chi phối lớn nhất đến kết quả của vụ đấu thầu là hai nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ, Boesky và Robert Freeman tại Goldman, Sachs, những người đã dàn xếp các giao dịch cổ phiếu lớn tại HMW.

Levine, với sợi dây nối ống nghe điện thoại dài ngoằng kéo lê theo người khi sải bước quanh văn phòng, rất nhanh chóng tự phong cho mình nhiệm vụ nói chuyện với các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ và nghe ngóng mọi hang cùng ngõ hẻm để lượt lặt thông tin về ý định của Boesky và Freeman. Waters để Levine làm việc của anh ta, và hết sức ngỡ ngàng trước lối phát tán thông tin trong kỷ nguyên làm ăn mới. Đôi lúc anh ta đề cập đến thứ này thứ kia với Siegel, người đồng nhiệm ở phía bên kia chiến tuyến, và chỉ trong vòng một giờ đồng hồ, điện thoại của Waters sẽ reo vang với các cuộc gọi từ Boesky và Freeman, những người đã biết tỏng rằng anh ta vừa mới nói gì với Siegel. Hẳn nhiên, các nhà đầu tư khác, chẳng hề liên quan chút nào đến tất cả những việc này, nhưng không ai mất thời gian suy nghĩ xem liệu các luật lệ chứng khoán có được thực thi đến nơi đến chốn không; hết thảy đều rơi vào một "vùng xám" mênh mông.

Boesky và Freeman đóng vai trò then chốt trong tấn kịch HMW, thể hiện vị thế trung tâm mới mẻ của các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ. HMW thoạt tiên cự tuyệt đề nghị bỏ thầu của Clabir, nhưng Waters nghĩ rằng anh ta có thể có được một thỏa thuận hữu nghị ở mức giá hợp lý. Tuy vậy, Boesky và Freeman đã thu gom những lô cổ phiếu HMW khổng lồ, đến mức quá lộ liễu. Thực vậy, chính Siegel, huy động vốn dựa trên mối quan hệ của anh ta với các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ, đã thuyết phục Boesky và Freeman bắt tay hợp tác với nhau, sử dụng những khối cổ phiếu kết hợp giữa hai người để duy trì mức giá cao. Anh ta còn thuyết phục họ đệ trình một Báo cáo 13-D, thừa nhận rằng họ hoạt động như một nhóm thống nhất.

Vậy nên, điều quan trọng nhất ở đây chính là mức giá mà Boesky và Freeman sẽ bán ra. Waters và Levine đến thăm Freeman tại văn phòng ở Goldman, Sachs và hỏi thẳng thừng, "Chúng tôi phải làm gì để buộc anh phải bán ra?"

Rõ ràng Clabir sẽ buộc phải nâng mức bỏ thầu, và giá trần càng cao, Lehman sẽ thu được phí càng nhiều. Henry Clark, chủ tịch của Clabir sống ở Greenwich, bang Connecticut. Một buổi tối Chủ Nhật, Levine đề nghị sẽ lái xe đưa Waters đến dự một cuộc họp tại nhà Clark. Levine đỗ xe ở lề đường bên ngoài khu căn hộ nơi Waters ở, trước một chiếc BMW đời mới đắt tiền bóng lộn, khiến Waters phải choáng váng. Anh ta ước chừng chiếc xe có giá khoảng gần 50 nghìn đô-la, đắt hơn tất cả những chiếc xe mà anh ta sở hữu. "Một món quà tặng vợ tôi ấy mà," Levine bảo.

Tại cuộc họp, Clark tỏ ra rất bướng bỉnh, chẳng khác gì những hình chiếu tài chính phức tạp tinh vi mà Waters đã chuẩn bị sẵn sàng để giải thích. Nhưng Levine khiến anh ta phải sững sờ kinh ngạc. "Thôi nào, Henry," anh ta nói. "Đẩy giá thầu lên đi. Nếu anh thay đổi đề nghị, tôi sẽ hôn anh."

Đột nhiên Clark nháy mắt. "Dennis, tôi sẽ đổi giá thầu nếu anh không hôn tôi." Và rồi ông ta tăng giá thầu lên thật.

Levine đỏ mặt sung sướng với chiến thắng nhỏ bé ấy, và Waters buộc phải thừa nhận rằng những lối tiếp cận phi chính thống của Levine lại đánh trúng vào tình cảm của một số khách hàng. Nhưng bước tiến đầu tiên của Levine rất nhanh chóng bị khuất lấp khi Kohlberg Kravis Roberts, dưới sự khích lệ của Siegel, bước vào bỏ thầu với HMW. Clark buộc phải nâng giá thầu một lần nữa, cuối cùng đề nghị mức 47 đô-la một cổ phiếu.

Cuối cùng Waters, dưới sự chỉ đạo của Lipton và Reich, đã gọi cho Boesky và Freeman, ướm lời hủy bỏ đề nghị đấu thầu và mua lại phần cổ phiếu mà những người này đang đầu cơ. Đúng như họ hy vọng, viễn cảnh đánh mất toàn bộ công ty trong vụ đấu thầu đã đẩy HMW vào một thỏa thuận sáp nhập: trong vòng năm phút, Siegel gọi cho Waters, tìm kiếm cơ hội đàm phán một thỏa thuận hữu nghị.

Mặc dù sự việc nhìn bề ngoài có vẻ thất bại, nhưng toàn bộ phi vụ được coi là một chiến thắng nữa của Siegel. Lối thao túng tinh vi của anh ta đối với các nhà đầu cơ cổ phiếu rẻ tiền cùng những khích lệ từ KKR đã buộc Clabir phải nâng giá bỏ thầu nhiều lượt, cuối cùng dẫn tới giao dịch ở mức độ cao gấp hơn ba lần so với mức giá HMW được đề nghị trước khi cuộc đấu thầu diễn ra. Trớ trêu là, ở những diễn biến sau đó, có thể coi là dấu hiệu báo trước thời cuộc thay đổi – kẻ thất trận duy nhất sau cùng lại chính là kẻ ra vẻ ca khúc khải hoàn. Clabir không bao giờ hấp thụ thành công toàn bộ vụ mua lại của mình và cuối cùng thất thoát một khoản tiền khổng lồ. HMW buộc phải bị bán đi và Clark rốt cuộc bị hất cẳng.

Levine coi Clabir là một chiến thắng của riêng mình, nhưng anh ta không hề gây được ấn tượng với ai hết. Waters không hề ảo tưởng chút nào về năng lực phân tích của Levine, mặc dù ông này cũng thừa nhận một vài thế mạnh của anh ta. Siegel thậm chí còn ít chịu tác động hơn. Levine bắt đầu gọi điện cho Siegel, khoa trương khuếch khoác về việc muốn chuyển sang Kidder, Peabody. Siegel phỏng vấn anh ta, nhưng cuộc gặp chỉ càng khẳng định nỗi gớm ghét mà Siegel dành cho Levine. Levine không có được lời mời làm việc. Nhưng Siegel thì bị ấn tượng với Sokolow và đã có lời mời anh này.

Sokolow gọi cho Gleacher để xin lời khuyên. Anh ta nói đã nhận được lời mời làm việc từ Kidder, Peabody và cả Goldman, Sachs. Gleacher khuyến khích anh ta tiếp nhận lời mời của Goldman, nhưng vì những nguyên cớ anh ta chưa bao giờ giải thích, Sokolow đã ở lại Lehman, tiếp tục cung cấp cho Levine thông tin về những thương vụ giao dịch của mình.

Vào tháng Mười một, những người tham dự thương vụ Clabir tụ họp trong một bữa tiệc tối xa hoa tại Câu lạc bộ 21, nơi từ lâu vốn là chốn yêu thích của giới chủ ngân hàng đầu tư cùng lãnh đạo cấp cao của các doanh nghiệp. Bữa tiệc mang lại cho Levine cơ hội chăm chút mối quan hệ đang thời lung lay với Reich, người mặc dù vẫn duy trì quan hệ hữu hảo vừa phải, nhưng đã cắt đứt luồng

thông tin nội gián từ hồi cuối năm 1982.

Levine vẫn quyết chí có được một nguồn tin nội bộ từ Watchtell, Lipton, nhưng anh ta nghe theo lời khuyên của Wilkis và không hề quấy quả Reich. Tuy thế, trong bữa tiệc tối, anh ta cũng giở lá bài, bước ra phía bàn nơi Reich đang ngồi với vài đồng sự ở Watchtell và say sưa khen ngợi thành tích của ông bạn cũ. Anh ta đi xa đến mức còn nói rằng phi vụ này sẽ không thể hoàn thành nếu thiếu những ý tưởng sáng tạo của Reich. Reich rõ ràng rất hởi lòng hởi dạ; cuối buổi hôm đó, Levine kéo anh ta ra một chỗ và thì thào, "Chúng ta phải về lại với nhau thôi." Chẳng bao lâu sau, hai người lại tiếp tục có những buổi ăn trưa như xưa.

Levine đã chọn một khoảng thời gian thuận lợi để nối lại những chăm sóc bạn bè của mình. Bất chấp thành tích xuất sắc trong thương vụ Clabir, Reich vẫn cảm thấy bị đánh giá thấp tại Watchtell, Lipton. Anh ta đã tích lũy được tới 3 nghìn giờ làm việc với khách hàng, một mức độ ghê gớm. Thế nhưng, trong đánh giá thường niên của mình hồi cuối năm 1983, Reich choáng váng trước một số chỉ trích tiêu cực đối với anh ta. Anh ta chẳng hề che đậy thái độ khinh bỉ đối với những công việc bình thường mà một nhân viên công ty luật đáng ra phải thực hiện, nhưng những thành viên của công ty nghĩ rằng anh ta đã vượt quá mức độ cho phép, khi mà một khoảng thời gian trước đó, Reich còn ngang nhiên đọc báo trong một cuộc họp với khách hàng mà anh ta cho là tẻ ngắt. Vị khách này đã phàn nàn lại với công ty. Reich bị cảnh báo rằng anh ta đang dần tạo ra tai tiếng như một nữ danh ca hạng nhất kênh kiệu, không chịu tự đẩy mái chèo mà tiến tới.

Reich cáu tiết trước sự đánh giá đó. Anh ta thề sẽ "bắt bọn họ phải sáng mắt ra" bằng việc sẽ trở thành hội viên của công ty vào năm 1984, sau năm năm chỉ đơn thuần là một nhân viên. Anh ta lao vào công việc hăng hái hơn bao giờ, sôi sùng sục với lòng phẫn nộ.

Anh ta cũng gặp trục trặc trong hôn nhân, và cũng đang cân nhắc chuyện ly dị. Levine, hệt như đã từng làm với Wilkis, cũng lôi kéo Reich lún sâu hơn vào quỹ đạo của mình bằng cách chia sẻ những nỗi thống khổ trong cuộc sống gia đình và nhấn hơn nữa vào suy nghĩ rằng Watchtell, Lipton không hề trân trọng Reich và sẽ không tưởng thưởng cho anh ta xứng đáng. Không mấy khó khăn để Levine dụ dỗ "Wally" quay trở về với vòng tay bè đảng như một kẻ dự phần đầy đủ trong cuộc chơi. Mùa xuân và hạ năm ấy, Reich đã chứng tỏ mình là một mỏ vàng thông tin, tiết lộ cho Levine (và Levine tiết lộ lại cho Wilkis) về sáu vụ thỏa thuận sắp diễn ra, trong đó bao gồm một giao dịch được đề nghị, có dính dáng đến G.

D. Searle. Trong vụ này, Levine đã thu được hơn 600 nghìn đô-la lợi nhuận phi pháp.

Nhưng tính đến thời điểm này, hành động táo bạo nhất đối với Levine và Wilkis là một vụ đấu thầu mà American Stores đưa ra với Jewel Companies, một chuỗi cung cấp thực phẩm quy mô lớn tại khu vực Chicago. Vào tháng Ba, không lâu sau khi mối quan hệ được nối lại, Reich đã tiết lộ cho Levine thông tin rằng American Stores đang chuẩn bị cho một cuộc bỏ thầu với Jewel ngay khu phụ cận với giá 75 đô-la một cổ phiếu. Watchtell, Lipton đại diện cho American Stores, vậy nên Reich có quyền tiếp cận các chi tiết của kế hoạch này. Levine lao vào một trong những vụ đánh cược lớn nhất của mình, đầu tư hơn 3 triệu đô-la để mua một khối lượng cổ phiếu khổng lồ – lên tới 75 nghìn, của Jewel.

Và rồi, chẳng có gì xảy ra. Bất chấp những đảm bảo từ phía Reich, nỗi âu lo của Levine cứ mỗi ngày một chất chồng. Anh ta chưa từng mạo hiểm một khoản tiền lớn đến thế vào chỉ một thương vụ duy nhất. Anh ta bắt đầu khơi mào nói về khả năng một vụ đấu thầu thâu tóm Jewel sẽ xảy ra với các mối giao dịch cổ phiếu giá rẻ của mình, hy vọng rằng một động thái tăng giá và lượng giao dịch sẽ gây áp lực ít nhiều lên American Stores, buộc họ phải đưa ra tuyên bố, nhưng cơ hồ chẳng ai bị mắc câu. Cổ phiếu cứ thế èo uột. Vậy nên Levine và Wilkis ấp ủ một âm mưu tiết lộ cho giới báo chí thông tin về một vụ đấu thầu có khả năng xảy ra – một thủ thuật được ưa chuộng của các chủ ngân hàng nhằm đẩy các công ty vào thế "cưỡi lên lưng hổ". Họ cho rằng có thể sử dụng báo chí như một chất xúc tác cho vụ giao dịch đang tích tụ dần trong cổ phiếu Jewel.

Họ chọn Chicago Tribune làm công cụ thực hiện; bất cứ thông tin nào được đăng tải trên mục dành cho giới doanh thương quảng bác sẽ đều nhanh chóng được toàn bộ giới báo chí tài chính lấy lại. Chicago đã được tách khỏi Phố Wall; và mối nguy hiểm về một cuộc điều tra gắt gao vì thông tin rò rỉ là rất ít. Vậy nên Wilkis gọi cho Tribune và đề nghị được nói chuyện với phóng viên chuyên về lĩnh vực M&A. Không tiết lộ danh tính của mình, anh ta chuyển cho phóng viên nọ thông tin rằng Jewel đang thực hiện các cuộc đàm phán với mục đích là bị American Stores mua lại. Phóng viên Tribune không chậm trễ, kiểm tra lại thông tin này với chủ tịch của Jewel, ông này phỉ nhổ ngay vào ý tưởng một cuộc sáp nhập. Vì thế, không có tin gì xuất hiện trên mặt báo.

Vài ngày sau đó, Wilkis lại gọi cho phóng viên nọ với thông tin cụ thể hơn: Chủ tịch của hai công ty đã có một cuộc họp bí mật nhằm

bàn thảo về vụ thỏa thuận sắp tới tại một khách sạn ở Denver. Phóng viên nọ có thể xác thực thông tin, và tờ Tribune đưa tin rằng các cuộc gặp gỡ đã diễn ra và rằng American Stores đang chuẩn bị sẵn sàng để thực hiện một cuộc bỏ thầu thẳng thừng với Jewel, và rồi cổ phiếu của công ty này tăng vọt từ mức 44 đô-la lên 75 đô-la.

Bước đầu tiên đã diễn ra đúng như Levine và Wilkis dự liệu. Bài viết trên tờ Tribune đã làm nổ ra cả một cơn xôn xao mua bán trên Phố Wall, và hai công ty tuyên bố về vụ sáp nhập chỉ một tháng sau đó. Cả Levine và Wilkis đều kiếm được khoản lợi nhuận kếch sù nhất từ trước tới nay – trong trường hợp của Levine, là hơn 1,2 triệu đô-la. Việc tiết lộ thông tin tỏ ra quá ư hiệu quả đến mức giờ đây bọn họ giấu kín danh tính để gửi cho các phóng viên bản sao chép những bản ghi nhớ trên thỏa thuận thực tế mà họ ăn cắp được, dính dáng tới vụ Boise Cascade, một vụ thâu tóm khác mà bọn họ cũng xắn tay góp sức. Thứ gây kích thích hơn cả tiền đối với họ chính là cảm giác phiêu lưu mạo hiểm. Những kẻ cùng bè cùng cánh cảm thấy thông suốt mọi sự. Sử dụng những thông tin tối mật này, bọn họ thực sự có thể đưa tất cả vào bàn tay lèo lái của mình. Levine đã có được nhiều hơn cả ước mơ hằng ấp ủ của mình, anh ta đọc tờ Wall Street Journal trước ngày báo phát hành. Chính anh ta đã làm ra tin tức.

Tuy thế, Reich một lần nữa lại dấy lên nỗi hoài nghi cũng như từng bận ghê sợ bản thân. Vào tháng Tám, anh ta tiết lộ cho Levine thông tin về một vụ mua lại dựa trên vốn vay do Warburg Pincus & Co. phát động đối với công ty SFN. Levine lập tức mua cổ phiếu (thu về khoản lời hơn 100 nghìn đô-la). Nhưng SFN hóa ra lại là một dấu mốc mang tính bước ngoặt trong sự nghiệp của Reich tại Watchtell vì những nguyên cớ chẳng hề liên quan. Gia đình kiểm soát 30% cổ phiếu SFN đã chống lại vụ bỏ thầu của Warburg Pincus. Nhưng nỗ lực ấy có vẻ phá sản. Và rồi Reich khám phá ra một điều khoản "giá công bằng" rất nhỏ nhoi hóc hiểm chi phối công ty: các thành viên trong gia đình bị cấm sử dụng cổ phần của mình để chống lại việc bỏ thầu. Hai ngày sau khi Watchtell, Lipton tiết lộ khám phá mới của Reich, gia đình này đã phải đầu hàng.

Khách hàng phấn khích phát cuồng, còn Reich trở thành người hùng trong công ty, và quan trọng hơn, là trong mắt Lipton. Đột nhiên lời thề trở thành hội viên công ty của Reich trở nên khả thi. Trước tình thế chỉ còn hai tuần nữa là các quyết định được đưa ra, Reich đến gặp trực tiếp cổ đông lớn nhất, James Fogelson, hỏi rằng "Ông đã được nghe về vụ SFN chưa? Mọi người coi trọng tôi chứ?"

Fogelson, làm ra vẻ bí hiểm, nói rằng ông ta không nên nói chuyện với Reich về cơ hội cổ phần này nọ, nhưng đảm bảo rằng anh ta được coi trọng. Reich đã đánh hơi được hương thơm của cổ phần. Hơn thế, anh ta đã hàn gắn được những sứt mẻ với vợ; giờ đây nàng đang mang bầu đứa con thứ hai.

SFN cũng là lần tuồn thông tin nội bộ cuối cùng của Reich với Levine. Cũng như trước đây, anh ta ngừng nhận cuộc gọi từ Levine. Anh ta muốn bước ra khỏi mối quan hệ này, nhưng lại không muốn phải đối mặt trực tiếp với Levine, sợ rằng anh ta có thể không chống đỡ nổi trò hăm dọa bằng tình cảm. Cuối cùng, anh ta cũng đồng ý gặp và ăn trưa với Levine tại một cửa hàng hamburger trên Đại lộ số Một trong thời tiết hơn 40 độ. Reich tường thuật chi tiết cho Levine về những mẹo mực của anh ta trong vụ SFN, hào hứng làm chệch hướng cuộc đối thoại khỏi việc bàn thảo không tránh khỏi về cuộc chơi. Levine cũng tiếp tục nhai lại những than phiền mang tính nghi thức của anh ta về Lehman, nhưng lần này Reich không hề đồng vọng lại bằng những than van về Watchtell. Ngược lại, anh ta kể với Levine rằng mình đang có cơ hội rất tốt để trở thành cổ đông ngay trong năm này.

Khi dạo bộ trở lại văn phòng sau bữa trưa, Reich nói với Levine rằng anh ta sẽ rút khỏi cuộc chơi. "Thật tồi tệ, Dennis ạ. Như thế là sai trái." Reich nói. Anh ta bảo rằng anh ta chỉ thấy ngập một nỗi lo âu và thấy buồn nôn mỗi lần tiết lộ thông tin.

Levine gắng gượng tiếp nhận quyết định này. Anh ta bảo với Reich rằng "tài khoản" của Reich đã lên tới khoảng 300 nghìn đô-la và đề nghị sẽ trả cho Reich. "Cậu có muốn lấy tiền không?" nhưng Reich không muốn. Levine hứa sẽ giữ lại cho Reich, và Reich nói thậm chí anh ta chưa từng muốn có khoản tiền ấy. Trong suy nghĩ của Reich lúc này, không lấy tiền cũng sẽ giúp anh ta tiến gần đến việc xóa bỏ toàn bộ những sự việc không lấy gì làm hay ho này khỏi cuộc đời mình.

Vài tuần sau đó, các hội viên của Watchtell, Lipton tham dự cuộc họp thường niên và lựa chọn các hội viên mới. Thực tế là Reich tê liệt cả ngày hôm ấy, ngồi đơ trước mặt bàn trống trơn, đờ đẫn chuyển từ việc này sang việc khác nhưng không thể làm xong việc gì. Anh ta cứ nhổm dậy liên tục, mon men ra chỗ văn phòng của Lipton, kiểm tra xem liệu ông ta đã trở về từ cuộc họp chưa. Cuối cùng điện thoại của anh ta đổ chuông, thư ký của Lipton triệu tập Reich đến.

Khi Reich bước vào, kết quả đã hiện ra rõ rệt từ nụ cười hài lòng

thành thực trên gương mặt của Lipton. “Chúc mừng cậu,” Lipton nói, đứng dậy bắt tay Reich. “Cậu đã được chọn làm hội viên.” Reich, vỡ òa trong niềm tự hào, đã ào ngay về văn phòng để gọi điện cho họ hàng và bạn bè. Tối đó, anh ta và vợ cùng dùng bữa tại một nhà hàng Pháp thanh lịch, Le Cygne. Reich, vốn đã tránh xa rượu bia kể từ khi đọc một bài báo khuyến nghị rằng cồn giết chết tế bào não – giờ đây uống thỏa thích. Anh ta đang ngây ngất bởi hơi men và cả bởi thời vận tốt lành của mình.

Mất Reich là một cú đánh đối với Levine. Mùa hè ấy, năm 1984, đã thành công phi thường với Levine, những khoản lợi nhuận từ giao dịch nội gián của anh ta đã lên tới hơn 2 triệu đô-la. Khi Reich rời khỏi cuộc chơi, sự quyết tâm mang lại thông tin tốt hơn của Wilkis bắt đầu phát huy kết quả. Mùa hè đó, Wilkis biết được thông tin về một vụ bỏ thầu do Lazard bảo trợ, được phát động bởi Limited for Carter Hawley Hale Stores, chuỗi cửa hàng tạp hóa rất lớn đặt trụ sở tại California. Vụ thỏa thuận này mang lại cho Levine hơn 200 nghìn đô-la lợi nhuận, mặc dù cuộc đấu thầu thâu tóm cuối cùng vẫn thất bại. Sau đó, Wilkis đã dấn bước để gia tăng luồng thông tin hơn nữa.

Năm 1983, khoảng thời gian Levine hoàn tất vụ Clabir, Wilkis cuối cùng cũng đã xoay xỏa để được điều chuyển khỏi bộ phận quốc tế và gia nhập bộ phận tài chính doanh nghiệp tại Lazard. Anh ta được chỉ định tham gia một vụ tài trợ thâu tóm và vài vụ tước đoạt một phần các doanh nghiệp. Năm đó, Wilkis cũng bắt đầu làm quen với một chuyên gia phân tích trẻ tuổi ở Lazard tên gọi Randall Cecola – một người mà như Wilkis quan sát, chỉ luôn luôn vè vè quanh một cỗ máy Quotron, nhập các ký hiệu cổ phiếu. Chắc canh ta là anh ta đang giao dịch, Wilkis nghĩ bụng. Nếu không anh ta làm gì lại hứng thú với thị trường chứng khoán thế. Bề ngoài, Cecola dường như có rất ít điểm tương đồng với Wilkis. Anh ta là một người vùng Trung Tây mới toanh, trông chẳng có vẻ gì là lắm tiền nhiều của hay danh giá quý phái. Nhưng Cecola và Wilkis, đều là người ở mạn Thượng Tây, bắt đầu đi bộ về nhà cùng nhau, thường rẽ tắt qua góc tây nam của Công viên Trung tâm.

Cecola là anh cả trong gia đình có ba con trai; cậu út bị thiểu năng, như Cecola kể với Wilkis. Cha Cecola rũ bỏ gia đình khi anh ta và các em trai còn nhỏ, mẹ anh ta phải làm việc quần quật để kiếm sống. Cecola thường xuyên nhắc đến việc anh ta cần nhiều tiền hơn nữa để trang trải học hành ở trường kinh doanh và đỡ đần gia đình. Một buổi tối, tại La Cantina, một nhà hàng Mexico tọa lạc trên mạch đường náo nhiệt trên Đại lộ Columbus, Wilkis bắt đầu

giãi bày toàn bộ câu chuyện của mình, cách anh ta mở một tài khoản nước ngoài và giao dịch dựa trên thông tin của Levine. Anh ta thậm chí còn kể cho Cecola nghe về mạng lưới thông tin của mình. Đối với Wilkis, đây đúng là một sự giải tỏa khi anh ta có thể san sẻ gánh nặng của mình với một người khác ngoài Levine, và Cecola không chỉ rất nhiệt tình, anh ta còn kể cho Wilkis rằng anh ta đã bắt đầu sử dụng thông tin nội bộ để giao dịch cổ phiếu trong một tài khoản đứng tên bạn gái. Wilkis nói anh ta sẽ ứng trước cho Cecola 10 nghìn đô-la, sử dụng món tiền đó để giao dịch trong một tài khoản mà Wilkis sẽ duy trì vì lợi ích của Cecola. Anh ta cũng học được từ kinh nghiệm của Levine khi ứng xử với những kẻ khác cùng trong mạng lưới rằng tốt nhất là phải duy trì thế kiểm soát đối với hoạt động giao dịch của Cecola.

Cecola kể với Wilkis rằng anh ta đang tham dự trong một vụ thỏa thuận tối mật – một cơ hội giao dịch nội gián hoàn hảo: Lazard đang làm việc cho Tập đoàn Chicago Pacific để tiến hành một vụ đấu thầu đối với Textron, một công ty khổng lồ.

Wilkis gọi điện cho Levine ngay tối đó. Anh ta cảm thấy rằng mình đã chứng tỏ được bản thân, lôi kéo một thành viên mới có trong tay quyền tiếp cận luồng giao dịch mua bán, đúng vào thời điểm Reich ra đi và đe dọa khả năng sinh lời trong âm mưu của họ. Levine hết sức hoan hỉ, và không bỏ phí chút thì giờ nào để lợi dụng nguồn tin nóng hổi về Textron. Anh ta mua vào 51.500 cổ phiếu; Wilkis mua vào gần 30 nghìn. Levine còn gắng sức tận dụng nguồn tin này để gia tăng thanh thế của mình tại Lehman.

Khi việc mua vào cổ phiếu của riêng mình đã xong xuôi, Levine liền đến gặp Steve Waters, người đã thực hiện vài vụ làm ăn với Textron và quen biết Beverly Dolan, chủ tịch công ty này. Levine đang trong tâm trạng phấn chấn cao độ, kể với Waters rằng anh ta biết tin một vụ bỏ thầu tàn bạo sắp diễn ra và rằng Lehman nên chào hàng dịch vụ bảo vệ với Textron. Levine có ý tưởng sẽ tăng gấp đôi việc làm táo bạo của mình so với vụ Criton. Waters thoạt tiên tỏ ra nghi ngờ. “Làm sao cậu biết?” Waters hỏi. Levine úp mở bí mật, chỉ nói rằng anh ta có một “nguồn tin bí mật”. Waters đề nghị được xem các số liệu về các động thái giá cả và dung lượng giao dịch của cổ phiếu Textron. Những thông tin này đã thuyết phục ông ta rằng rất có thể một điều gì đó bất thường đang diễn ra.

Waters thực hiện một cuộc gọi tới Dolan, Levine cũng nghe ở một máy. Ông ta nói với Dolan rằng Levine có thông tin cho thấy rằng Textron sắp trở thành mục tiêu của một đề nghị thâu tóm tự

nguyện, Waters thúc giục Dolan cân nhắc biện pháp đối phó để bảo vệ công ty mình. Nhưng Dolan không có vẻ gì là bị đánh động quá mức; ông ta nói rằng chính ông ta cũng chưa nghe tin gì kiểu vậy, nhưng sẽ rất quan tâm nếu Waters và Levine chuyển tiếp những thông tin bí mật.

Chỉ hai tuần sau đó, dự báo của Levine đã thể hiện chính xác đến lạ thường, khi Chicago Pacific đưa ra đề nghị thâu tóm thật. Levine thất vọng khi Lehman bị Textron hắt hủi, công ty này thuê Morgan Stanley cung cấp dịch vụ bảo vệ. Nhưng anh ta phần nào cũng được khuây khỏa nhờ khoản lợi nhuận giao dịch lên tới hơn 200 nghìn của riêng mình.

Wilkis kiếm được khoảng 100 nghìn đô-la lợi nhuận cho phần cổ phiếu của mình. Nhưng có một cái giá tiềm ẩn sau đó: Lượng mua vào rất lớn của Levine và Wilkis – gần 100 nghìn cổ phiếu – và một hiện thực là tin đồn về vụ bỏ thầu Textron rò rỉ ra khắp Phố Wall đã góp phần gây ra lượng giao dịch bất thường cùng dao động về giá cả cổ phiếu Textron trước khi đề nghị đấu thầu được Chicago Pacific công bố. Tình thế ấy quá mức cực đoan tới nỗi hoạt động giám sát thường kỳ của sàn giao dịch đã phải khởi phát một vụ điều tra hướng vào giao dịch Textron do Uỷ ban Chứng khoán tiến hành.

Các luật sư của Ủy ban này, theo đúng quy trình thông thường, phỏng vấn những người tham gia vụ thỏa thuận để tìm kiếm manh mối xem thông tin được phát tán ra sao. Dolan khai với họ rằng dấu hiệu đầu tiên của vụ bỏ thầu này đến với ông từ một cuộc điện thoại của Waters và Levine. Ủy ban Chứng khoán có trát đòi hai người này ra hầu tòa không lâu sau khi có công bố chính thức về vụ đấu thầu.

Sokolow rất lo lắng khi nghe tin Levine bị đòi ra hầu tòa, nhưng Levine thì chẳng mảy may nghi ngại, gạt ngay những cảnh báo của Sokolow sang một bên. “Tôi chưa bao giờ phải làm những việc kiểu này,” anh ta nói với Waters. “Tôi phải nói gì bây giờ?”

“Nói cho họ nghe những gì cậu biết,” Waters nói như không. Ông ta phải trình diện trong những cuộc phỏng vấn kiểu này quanh năm suốt tháng.

“Tôi có nên nói sự thật không?” Levine thủng thẳng hỏi.

Câu này làm Waters giật thột. “Vì Chúa lòng lành, có!” Ông ta đáp. “Đương nhiên là có rồi. Cậu đang phải tuyên thệ trước tòa đấy.”

Levine khai báo vào ngày 14 tháng Mười một năm 1984, chỉ vài tuần sau khi vụ thỏa thuận được công bố. Sau đấy, anh ta cười cợt về nó với Wilkis, khuếch khoác rằng lừa bịp mấy tay luật sư "ẻo lả" ở Uỷ ban Chứng khoán mới dễ dàng làm sao. Trước sự thẩm vấn của Leonard Wang – luật sư Uỷ ban Chứng khoán, Levine lặp đi lặp lại những lời dối trá đầy khoa trương, cơ hồ như để hâm nóng vụ phỏng vấn trước khi anh ta dấn bước vào những lời giải thích quẩn quanh về việc mình biết trước mọi sự. Anh ta phủ nhận việc mua bán cổ phiếu trong bất cứ tài khoản môi giới của mình, và cũng phủ nhận việc sở hữu bất cứ tài khoản hải ngoại nào. Còn về vụ giao dịch Textron, anh ta đưa ra lời khai như sau: Một hôm, đang ngồi trong khu vực tiếp tân của Drexel Burnham Lambert, bỗng nhiên anh ta nghe lỏm được một cuộc đối thoại giữa hai người đàn ông "vận đồ vest màu xám, sọc nhỏ, giống hệt chúng ta". Bọn họ đều xách cặp táp. Hai người này có buột miệng nhắc đến cái tên Lester Crown, tên của một người mà Levine khẳng định có biết là một giám đốc ở Chicago Pacific, và vài cái tên khác có dính dáng đến vụ đấu thầu. "Và rồi tôi nghe lỏm được những thứ mà tôi nghĩ là bị xuyên tạc đi," Levine nói tiếp, "chỗ mà bọn họ nói gì đó về Báo cáo 13-D, rồi mấy từ kiểu Skadden, Arps và First Boston, và cả 'pháo hoa ở Quần đảo Rhodes,' câu này là dẫn nguyên lời họ". Levine khẳng định anh ta đã suy luận rằng Chicago Pacific sẽ đưa ra đề nghị mua lại đối với Textron từ manh mối cái tên Crown và từ một thông tin thực tế là Textron đặt trụ sở tại Quần đảo Rhodes – những điều mà Levine đã thoáng nghĩ ngay trong đầu ngay từ lúc bấy giờ.

Lối giải thích của Levine vừa mang vẻ tự đề cao, khiến Levine bỗng nhiên nổi lên như một thiên tài suy luận, lại vừa hết sức lố bịch. Hơn thế nữa, Levine không thể đưa ra bất kỳ chứng cứ nào về sự có mặt của anh ta tại khu vực tiếp tân của Drexel. Việc này không hề có trong lịch trình công việc, và anh ta khẳng định rằng người anh ta đến gặp đã đi vắng. Wang biết tỏng là Levine đang nói dối. Trong suốt nhiều năm đảm nhiệm vai trò chuyên viên thẩm vấn của Ủy ban Chứng khoán, anh ta hiếm khi phải nghe lời giải thích nào tồi tệ hơn thế. Nhưng vì sao? Không có gì kết nối Levine với bất cứ hoạt động giao dịch nào, với bất cứ việc rò rỉ thông tin nào đến những người thực hiện giao dịch, cũng không có một nhân chứng nào bác lại lời khai của Levine, cuộc điều tra chẳng đi đến đâu. Cuối cùng nó bị khép lại mà không có động thái gì tiếp theo.

Đối với Levine, cuộc chạm trán chớp nhoáng với các nhà lãnh đạo dường như chỉ càng đẩy nỗi phấn khích của cuộc chơi và cả cảm giác về sức mạnh bản thân của anh ta cao hơn.

* * *

Trong ít nhất một khía cạnh, lời khai của Levine về cách anh ta suy luận vụ đấu thầu Textron cũng chính xác: gần đây anh ta có tới Drexel Burnham Lambert. Công ty này, sau khi vấp phải cự tuyệt của tất cả những "minh tinh" mà nó đã đưa vào tầm ngắm nhằm bổ sung lực lượng cho Milken, thì cơ hồ không thể tránh được, đã bắt đầu phải xem xét đến Levine.

Levine đã hỏi ý kiến một chuyên gia "săn đầu người" tại một công ty tuyển dụng hồi đầu năm 1984, không lâu sau khi Lehman Brothers, vướng vào cảnh xâu xé kịch liệt và bị Shearson/American Express mua lại. Bản lý lịch của Levine bắt đầu được lưu hành dè dặt trên Phố Wall. Quá cáu tiết vì vụ sáp nhập, Levine nói với Hill rằng "mơ ước của tôi luôn là trở thành một hội viên của Lehman, thế mà giờ họ cướp đi mất rồi". "Cơ hội được sinh ra trên đời của tôi," anh ta nói, "đã bị cướp mất từ chính tay tôi."

Chỉ một thời gian ngắn sau vụ sáp nhập, mỗi phòng ban được yêu cầu đệ trình một danh sách những người có thể được xem xét bổ nhiệm vào vị trí "giám đốc điều hành", tương đương với hội viên trong hãng. Waters, Hill, Bingham, Peter Solomon và những người giữ vị trí hàng đầu khác ở bộ phận M&A họp để phác ra danh sách của mình, và chỉ thoảng qua, rất thoảng qua, có xem xét việc đưa tên Levine vào đó.

Việc Levine được xem xét đưa vào danh sách này đã nói lên nhiều điều về bầu không khí nội bộ trong công ty lúc này hơn là những đánh giá của đồng sự về năng lực của Levine. Shearson Lehman được coi là một sân chơi mới và các hội viên cũ của Lehman cảm thấy rằng họ nên mở rộng tấm lưới của mình hơn nữa để xem xét tất cả các giám đốc điều hành có thể lựa chọn. Họ cũng ý thức được rằng đây chính là cơ hội để họ định giá rất nhiều cấp bậc của mình; rõ ràng là Shearson muốn ngăn chặn nguồn nhân tài của Lehman chảy sang các công ty khác.

Nhưng không ai thay đổi cách đánh giá của mình về những thiếu hụt của Lehman xét về các kỹ năng ngân hàng đầu tư căn bản – kể cả Solomon, người bảo trợ lớn nhất cho Levine. Levine được ghi công vì đã mang về một vài thương vụ, nhưng bất kỳ ai ở đây cũng được mong đợi sẽ trở thành người săn cơ hội giao dịch; những thành tích của Levine không đến nỗi xuất sắc nổi trội. Hơn thế nữa, thái độ và lối hành xử của anh ta khiến rất nhiều thành viên trẻ tuổi hơn trong bộ phận này xa lánh. Vậy nên Levine chẳng mấy chốc đã bị loại khỏi danh sách dự kiến. Thực vậy,

Sokolow có được những đánh giá tốt hơn, và chỉ bị loại khỏi danh sách bởi tuổi đời còn quá trẻ.

Levine sững sờ. Anh ta than phiền đầy cay đắng với Wilkis và bắt đầu lải nhải kêu ca với Solomon, người đã gắng trấn an anh ta, hứa hẹn rằng anh ta sẽ được xem xét lại vào dịp cuối năm đó. Đến lần ấy, Shearson Lehman lại tiếp tục không xem xét Levine vào vị trí giám đốc điều hành. Nhưng công ty này có tỏ ý trân trọng anh ta, thăng chức cho anh ta lên vị trí phó chủ tịch và thưởng cho anh ta khoản tiền 500 nghìn đô-la trên mức lương cơ bản là 75 nghìn đô-la.

Xét theo bất kỳ tiêu chuẩn nào, ngoại trừ tại Phố Wall mua bán sôi nổi, đây đúng là một khoản vương giả, một khoản tiền mà không mấy những bạn đồng tuế 33 tuổi của Levine xuất thân từ Queens dám mơ đến. Nhưng Levine đón chào tin này với thái độ khinh khỉnh. Nửa triệu đô-la, trong mắt anh ta, còn chẳng thấm tháp gì đối với tiêu chuẩn sống mới của anh ta.

Bề ngoài, Levine ra sức rao giảng với các thành viên khác trong mạng lưới rằng các khoản chi dùng, tiêu xài và lối sinh hoạt phải hết sức khiêm nhường, nhờ vậy mới không làm nảy sinh những câu hỏi về các khoản thu nhập của họ. Nhưng anh ta đã gần như ngay tức khắc vi phạm chính những lời phê bình nghiêm khắc của mình, trước hết là với việc rút ra hàng loạt những khoản tiền "có chân nó chạy", và sau đó là mua sắm hàng loạt những biểu tượng địa vị xa xỉ.

Chiếc BMW thời thượng hạng nhất của anh ta đã khiến các đồng nghiệp phải nhướn mày thắc mắc, nhưng đó mới chỉ là khúc dạo đầu. Levine và vợ anh ta trở thành khách quen của những nhà hàng sang trọng bậc nhất khu Manhattan. Levine thường trả bằng tiền mặt. Anh ta còn mua tặng vợ một chuỗi vòng kim cương. Còn Philip Levine, cha anh ta, thì nhận được một chiếc Jaguar làm quà. Levine bắt đầu thường xuyên lui tới các triển lãm nghệ thuật đắt tiền, trưởng giả và trở thành con mồi ngờ nghệch cho những chuyên gia môi giới sắc bén và tinh vi. Anh ta mua về hàng loạt các tác phẩm của nào Picasso, Miró và Rodin.

Anh ta còn bỏ ra 500 nghìn đô-la để mua lại một biểu tượng tối thượng, đánh dấu sự "trình diện" ở khu Manhattan: một căn hộ liên hoàn rộng rãi trên Đại lộ Công viên. Tòa cao ốc anh ta chọn, ở mặt phía đông của đại lộ thênh thang được trang trí bởi những họa tiết trang trí kiểu Gothic và chiếm gần như toàn bộ khối nhà. Chiếc cổng bằng sắt được chế tác oai nghiêm đường bệ. Hiện thân

của uy quyền tư sản tiền chiến này khó lòng tương hợp với phẩm vị của riêng Levine, nhưng anh ta không chần chừ một giây, lập tức chế tác lại theo hình ảnh của mình.

Levine thuê một kiến trúc sư và chuyên gia trang trí nội thất, bắt đầu thay đổi toàn bộ các họa tiết kiến trúc. Căn hộ bị phá tung bên trong, những bức tường uốn lượn trải dài được lắp đặt. Những khối kính lớn phân tách phòng ăn với một phòng ngủ. Những tấm lát sàn gỗ sồi tẩy trắng được trải ra. Những căn phòng tắm mới theo phong cách xa hoa ủy mị được tạo ra, cùng một căn bếp công nghệ cao choáng lộn, hoặc đúng hơn, là hai bếp: Levine đã bắt dỡ ngay gian bếp đầu tiên bởi nó không phù hợp với anh ta.

Reich, vốn sống trong một căn hộ đá nâu cũ kỹ vùng West Side, phải lặng đi vì kinh ngạc trước sự biến đổi ngoạn mục cùng những trang thiết bị vô cùng tối tân. Levine hiển nhiên là say mê những thứ mới mẻ xung quanh mình, bất chấp những lời than phiền cũng như sự khinh khi về vị chuyên gia trang trí "nặng mông" của mình. Công cuộc cải tiến tiêu mất của Levine 500 nghìn đô-la, nhưng cho phép Levine được khoa trương, về căn hộ, chính xác là, nếu không hề giấu giếm – "trị giá triệu đô" của mình.

Chi trả cho tất cả những khoản này đòi hỏi Levine phải viếng thăm Bank Leu ở Bahamas thường xuyên hơn. Anh ta thường nói với các đồng sự rằng đây là những chuyến đi "du hí bài bạc". Các ngân hàng của Levine thường phải gắng sức gom góp cho đủ số tiền giấy 100 đô-la, đây là mệnh giá mà Levine khăng khăng đòi hỏi. Chỉ trong một năm 1984, Levine đã rút ra 200 nghìn đô-la vào tháng Ba, 200 nghìn đô-la vào tháng Bảy và thêm 90 nghìn vào tháng Mười hai. Có vẻ như anh ta đã tiêu sạch các khoản gửi của mình.

Đến thời điểm Levine nhận được tin xấu rằng anh ta chỉ được thăng tới chức phó phòng, anh ta đã chuẩn bị rời khỏi Shearson Lehman. Trong khi luồng thỏa thuận cứ thế gia tăng đều đặn trong suốt năm đó, các công ty khác trên Phố Wall cũng bắt đầu bức thiết kiếm tìm các nhân viên ngân hàng sở hữu những kinh nghiệm dù là ít ỏi nhất về nghiệp vụ M&A. Chuyên viên săn đầu người của Levine tại Hadley Lockwood nhận ra rằng bản lý lịch một-thời-kém-lừng-lẫy của Levine đột nhiên lại nhận được nhiều yêu cầu phỏng vấn. Gần như tất cả các ngân hàng đầu tư tốp đầu đều tình nguyện xem xét việc tuyển dụng Levine; thậm chí cả Gleacher, giờ đây đang làm ở Morgan Stanley cũng gắng sức lôi kéo Levine về công ty mình.

Nhưng gần như ngay từ đầu, Levine đã để mắt đến Drexel. Anh ta bắt đầu có những liên hệ đầu tiên với công ty này từ tháng Ba, và như anh ta kể lại với Wilkis, "Họ mê tôi lắm." Drexel, anh ta nói, là một "tờ bảo chứng để in tiền." Tất cả các công ty đều thực sự cần đến một "chủ ngân hàng vĩ đại" như bản thân anh ta mới hòng mong bổ khuyết được cho những hoạt động làm ăn ở West Coast của Milken. Anh ta đã tưởng tượng ra cảnh chén chú chén anh với Ngài James Goldsmith và Ronald Perelman, một khúc dạo đầu dẫn đến một ngày, khi chính Levine sẽ bước lên sân khấu với tư cách một kẻ thâu tóm doanh nghiệp đầu ngành.

Hadley Lockwood tạo ra một bản lý lịch riêng cho Levine nhắm vào Drexel. Đó gần như là một phiên bản giễu nhại khôi hài phản ánh những giá trị đang nổi lên thời bấy giờ: "Dennis tự miêu tả bản thân là một người thực sự yêu thích hai việc," bản tự giới thiệu mở đầu, "giao dịch và kiếm tiền".

Drexel, bản lý lịch tiếp tục, được "đo ni đóng giày" cho những kỹ năng giao dịch "dữ dằn" và "năng lực của thế hệ doanh nhân mới". Và nó biến thành tích học tập kém cỏi cùng sự thiếu hụt hoạt động mở rộng của Levine trở thành một thứ đức hạnh: "Tốt nghiệp các trung tâm đào tạo mà về cơ bản không sản sinh ra các chủ ngân hàng tương lai, Dennis đã gặp rất nhiều khó khăn khi phải tự mình tìm đường đến với giới tài chính trụ cột. Trong quá trình đó, anh đã trở thành một mẫu người nghiện công việc, hiếm khi nào ngừng tay dành thời gian cho một cuộc phỏng vấn nào đó, trừ khi là cực kỳ ngắn ngủi, thậm chí thường là bị hủy bỏ ngay sau đó.

Bản giới thiệu này đã bắt trúng giọng của David Kay, trưởng bộ phận M&A của Drexel. Levine đã ngay lập tức có sức thu hút với Kay, một người không hề giống Gleacher hay Hill, nhưng dường như lại có nhiều nét tương đồng với Levine. Những điều luôn gây ấn tượng với mọi người như thói chân thành giả hiệu, khoe khoang khoác lác và đề cao bản thân, thì với Kay, dường như lại là những dấu hiệu xác nhận tiêu chuẩn cho phẩm chất "ngôi sao"; thậm chí Kay còn miêu tả Levine là "không tì vết". Khi Kay thực hiện một vài bước kiểm tra thông tin về Levine, anh ta đặc biệt ấn tượng bởi cả Lipton và Flom, những luật sư nghiệp vụ thâu tóm xuất sắc nổi trội, đã đưa ra những lời tiến cử nhiệt thành về Levine.

Cuối cùng, Levine nhận được thư mời từ cả Morgan Stanley và First Boston. Nhưng anh ta nhận ra rằng tình trạng ganh đua hầu như không hề tồn tại ở Drexel, còn tiềm năng thì bạt ngàn vô kể.

Anh ta thương lượng một gói lương thưởng với mức lương cơ bản là 140 nghìn đô-la và 1 nghìn cổ phần của Drexel, với mức thưởng bảo đảm tối thiểu trong năm đầu tiên là 750 nghìn đô-la. Anh ta có thể được ứng trước 200 nghìn đô-la trong tổng tiền thưởng này ngay khi bắt đầu tới làm việc tại Drexel. Còn với Hadley Lockwood, những nỗ lực bỏ ra nhằm quảng bá Levine của công ty này đã mang lại cho nó khoản phí lên tới 267 nghìn đô-la (do Drexel trả).

Levine, rất điển hình, không tiếp nhận lời mời ngay lập tức; anh ta gắng sức sử dụng lời mời làm việc từ Drexel làm đòn bẩy đối với Shearson Lehman. Anh ta đến gặp Waters và tiết lộ về lời mời của Drexel, nhấn mạnh rằng anh ta sẽ được bổ nhiệm làm giám đốc điều hành và được trả tới hơn nửa triệu đô-la. "Đây là một cơ hội cực kỳ," anh ta nói. Waters chẳng bị ấn tượng gì. Quả vậy, các giám đốc điều hành của Shearson Lehman gần đây đã quyết định rằng, sau những hậu quả của tình trạng xâu xé trong nội bộ hãng, họ cần phải nhấn mạnh vào tinh thần cố kết tập đoàn cũng như lòng tận tụy đối với hãng vượt trên thói tư lợi tầm thường. Nhưng Levine lại hoàn toàn trái ngược với những ý tưởng này. "Chúng tôi sẽ không đáp ứng được những thứ như thế cho anh đâu, Dennis ạ," Waters đáp. "Có lẽ anh nên nắm lấy cơ hội này".

Levine ăn mừng việc chuyển sang Drexel bằng một vụ mua sắm xa xỉ nữa. Một buổi sáng cuối tuần nắng đẹp, Gleacher đang thong thả dạo bước trong Công viên Trung tâm thì Levine đột nhiên ào đến, mỉm cười và tỏ vẻ rất phấn khích vì gặp được ông. "Ông phải xem cái xe mới của tôi mới được," anh ta nói, lôi Gleacher quay trở lại Đại lộ số Năm. Ở đó, đậu ngay ở lề đường, là một chiếc Ferrari Testarossa hai chỗ, gầm thấp, đỏ rực. Levine đã phải bỏ ra 150 nghìn đô-la cho chiếc xe. Gleacher vốn không phải người mê xe, nhưng Levine nhất quyết rằng ông ta phải ngồi lên đi một vòng. Anh ta hăm hở nhấn ga và rồ xuống đại lộ, khiến Gleacher ngã bẹp dí vào ghế ngồi. Anh ta hí hửng thông báo với Wilkis rằng anh ta đã khiến ông chủ cũ của mình phải "sợ són ra quần".

Levine bắt đầu đến làm việc tại Drexel từ ngày 4 tháng Hai năm 1985. Khi Fred Joseph của hãng Drexel tình cờ gặp Peter Solomon không lâu sau đó, Solomon nói với Fred rằng ông ta "giận sôi máu" vì Drexel đã "cướp mất" nhân tài trẻ tuổi mà ông đã nuôi nấng. Joseph chỉ mỉm cười, và coi cơn giận dữ hiển hiện của Solomon như một lời khen ngợi.

Kay, háo hức với việc đưa Levine lên bệ phóng thật nhanh tới đỉnh vinh quang, ngay lập tức phân công cho Levine tham gia một phi

vụ sẽ trở thành trận đột kích của Drexel vào thế giới thâu tóm tàn nhẫn có nguồn tài chính là trái phiếu lãi suất cao, một kế hoạch do Tập đoàn Coastal – một khách hàng của Drexel thực hiện nhằm mua lại Công ty American Natural Resources (ANR), một công ty đường ống khí ga. Sử dụng một trong những lá thư bảo đảm "độ tin cậy cao" của mình, Drexel dự tính sẽ đánh một cú chớp nhoáng, một đề nghị mua toàn bộ bằng tiền mặt, với mức giá 60 đô-la một cổ phiếu.

Ngày 14 tháng Hai, chỉ 10 ngày sau khi bắt đầu làm việc ở Drexel, Levine dùng một máy điện thoại trả tiền để gọi cho Bernhard Meier, chủ ngân hàng Thụy Sỹ giờ đây đang phụ trách tài khoản "Ngài Diamond" tại Bank Leu. Anh ta yêu cầu Meier mua vào một khối lượng khổng lồ – 145 nghìn cổ phiếu ANR, sử dụng toàn bộ số dư trong tài khoản của anh ta, khoảng hơn 7 triệu đô-la. Anh ta cảnh báo Meier chỉ được thông tin về đợt mua vào này với một vài nhà môi giới, nhờ vậy mà quy mô vụ giao dịch không gây nhiều chú ý.

Tương tự, Levine cũng không bỏ phí chút thời giờ nào vào việc truy cầu cái mác chủ ngân hàng đầu tư của mình, anh ta lập tức dành phần lớn thời gian nghiên cứu tỉ mỉ các nguồn dư luận và tin mật trên Phố Wall, những nguồn có khả năng dẫn tới các thương vụ mới, đồng thời duy trì sự gắn bó khăng khít với hệ thống các nguồn cổ phiếu giá rẻ. Anh ta cam đoan với các lãnh đạo cấp cao của Coastal ngay trong những phiên họp hoạch định chiến lược đầu tiên rằng ANR đang càng lúc càng mong manh dễ vỡ bởi ngày càng có nhiều cổ phiếu của công ty này chảy vào tay các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ, những người không hứng thú gì với những vụ đầu tư dài hạn vào ANR mà sẽ rất hào hứng được bán cho một đề nghị đấu thầu thâu tóm nhằm thu lời nhanh gọn. Levine tự giao phó một nhiệm vụ cho bản thân, đó là giữ liên lạc liên tục với các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ nhằm kịp thời thu thập thông tin về các diễn biến có thể ảnh hưởng đến kế hoạch mua lại.

Từ trước đến nay, Ivan Boesky chưa từng nhận cuộc gọi nào từ Levine, mặc dù Levine rất bồn chồn với việc gây ấn tượng nào đó với một nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ. Levine đã từng nặc danh gửi những bản sao chép các tài liệu Elf/Kerr-McGee mà anh ta và Wilkis ăn trộm được ở Lazard. Boesky chưa từng nghe nói đến Levine trước khi Levine chuyển tới Drexel. Giờ đây Kay và các mối quen biết khác của Boesky tại Drexel đều giới thiệu về Levine như một ngôi sao mới nổi sẽ tăng cường cho thực lực M&A của Drexel. Nếu như việc chuyển sang Drexel của Levine không thu được thành tựu gì, thì nó vẫn đáng lưu ý, bởi chính sự kiện này đã đưa

Levine vào quỹ đạo nhỏ hẹp gồm số ít những người tiếp cận được với Boesky.

Trên điện thoại, giống như cách liên hệ với rất nhiều người khác, Boesky chỉ bắt đầu bằng cách né tránh và thăm dò Levine, kiếm tìm manh mối về bất cứ vụ đấu thầu nào đang trong quá trình diễn ra, gắng sức ước lượng thái độ của tay chủ ngân hàng về ANR, mã cổ phiếu mà Boesky đang đầu cơ. Boesky ắt hẳn đã hết sức sửng sốt vì dụ dỗ Levine tiết lộ những thông tin tuyệt mật về vụ bỏ thầu đang trì hoãn ấy dễ dàng đến cỡ nào. Levine tha thiết gây được ấn tượng tốt đẹp nào đó với Boesky, bởi nhận thấy việc tiếp cận được với Boesky đóng vai trò quan trọng tới nhường nào với tiền đồ của anh ta tại Drexel, và Levine bắt đầu liên lạc điện thoại với "ông trùm cổ phiếu giá rẻ" này với mật độ thường xuyên, lên tới 20 lần một tuần. Levine không đòi hỏi bất cứ thứ gì đổi lại cho những thông tin mà anh ta biết rõ là quan trọng, tuy thế, xuất phát từ bản năng, Boesky cũng đã đền đáp cho Levine bằng những thông tin thị trường về những người mua bán khác – những thông tin quý báu mà Boesky gom nhặt được từ những nguồn của riêng mình, ví như John Mulheren.

Nhưng ghi chép về giao dịch của Boesky trong thương vụ ANR gợi ra một điều: Levine ắt đã chuyển tiếp thông tin tới một mức độ đáng kể nào đó, bởi cổ phần của Boesky trong công ty này đã gia tăng gần như ngay lập tức ngay sau khi có những thay đổi rõ ràng trong chiến lược của Coastal (và được cho là tuyệt mật). Cuối cùng, Boesky đã tích lũy được 9,9% cổ phiếu ANR, mức đòi hỏi phải đệ trình một báo cáo về thời gian và khối lượng mua vào.

Trước hiện trạng giao dịch cổ phiếu ARN diễn ra với số lượng quá lớn, đầu tháng Ba Coastal vội vã đưa ra tuyên bố về đề nghị đấu thầu của mình. Sau những nỗ lực ban đầu nhằm ngăn chặn vụ bỏ thầu, ANR đã phải bó tay chịu trói chỉ hai tháng sau đó và đồng ý chấp nhận lời đề nghị của Coastal. Levine đã kiếm được 1,4 triệu đô-la sau khi đánh cược gần như toàn bộ tài khoản của mình. Còn Boesky đút túi hơn 3 triệu đô-la.

Hoạt động giao dịch trước thời điểm có tuyên bố chính thức diễn ra với quy mô quá lớn, quá lộ liễu trơ tráo đến mức tất cả các máy móc theo dõi cổ phiếu tại sàn giao dịch và cả Ủy ban Chứng khoán đều phải kêu lên rầm rầm. Tuy vậy, những cỗ máy này lại chẳng giúp được gì trong việc chứng minh xem liệu có manh mối nào của hoạt động giao dịch nội gián hay không. Các chuyên viên điều tra cũng không có bước tiến nào khả quan hơn so với vụ Textron; lần này, họ thậm chí còn không đẩy được đến mức thẩm vấn

Levine – một người có tham gia trong vụ thỏa thuận, mà buộc phải hủy bỏ cuộc điều tra vì thiếu chứng cớ thuyết phục.

Kể cả khi đã thu được những khoản lợi nhuận khổng lồ và hủy hoại lòng tin của khách hàng, Levine cũng đã thể hiện được bản thân trong thương vụ đầu tiên tại Drexel – một thương vụ mua bán đầy khó khăn nhưng tiếng tăm lừng lẫy. Kay cảm thấy vô cùng ấn tượng bởi khả năng gom nhặt những thông tin thị trường bí mật của Levine. Kay đoán chắc rằng anh ta đã có trong tay ngôi sao mà Drexel cần.

ANR chính là thành tích lớn nhất của Levine tính đến thời điểm bấy giờ, nhưng chẳng mấy chốc nó đã bị khuất lấp. Kể cả khi chức vụ mới của Levine ở Drexel đã đưa anh ta đến gần hơn nhiều với luồng giao dịch có khả năng sinh lời cao hơn nhiều so với những gì anh ta từng thấy ở Shearson Lehman, mạng lưới người đưa tin của anh ta cũng đã duy trì nguồn cung dư dả những cơ may giao dịch khác cho Levine. Trò gian lận vẫn vận hành đúng như những gì Levine luôn mơ ước. Vào tháng Ba, "Goldie" đã tiết lộ thông tin về một vụ mua lại dựa trên vốn vay đang trong giai đoạn "treo" của McGraw Edison. Đến tháng Tư, Cecola mách nhỏ Wilkis rằng Houston Natural Gas đã ủy thác cho Lazard tiến hành vụ sáp nhập với Internorth, một công ty chuyên đường ống khác. Wilkis chuyển tiếp thông tin này sang cho Levine, bí mật miêu tả vụ giao dịch ngầm này là "một vụ chắc cú". Sang tháng Năm, ngay sau vụ sáp nhập Coastal, Sokolow ở Shearson Lehman – người tham dự những bữa trưa "phục vụ mục đích tuyển mộ" với Levine, theo như kê khai các khoản chi phí tại công ty của Levine – cũng bỏ ngỏ cho Levine biết về vụ bỏ thầu cỡ bự đang trong quá trình tiến hành của J. Reynolds đối với Nabisco Brands.

Một lần nữa, ngày mùng 6 tháng Năm Levine lại đánh cược gần như toàn bộ những gì anh ta có, mua vào 150 nghìn cổ phiếu Nabisco. Chưa đầy một tháng sau, trước tình trạng cổ phiếu mua đi bán lại sôi động, thể hiện rằng có tồn tại chuyện rò rỉ thông tin, Reynolds quá lo âu đã phải đưa ra tuyên bố về vụ đấu thầu. Lợi nhuận của Levine trong vụ này là 2,7 triệu đô-la.

Trong bữa tối ăn mừng với Wilkis tại Palm Too, một quán nướng ở Manhattan, Levine không thể cưỡng lại ham muốn kể cho Wilkis nghe rằng giờ đây đã có một thành tố mới dự phần trong mạng lưới của họ. "Tôi đã rỉ tai cho người Nga kia biết về vụ Nabisco," Levine bày tỏ với Wilkis đang ngẩn người vì ngạc nhiên. Từ những lời nhận xét của Levine về tầm quan trọng của "người Nga", Wilkis biết đích xác Levine đang ám chỉ ai. Điều đó khiến

Wilkis bồn chồn; bởi việc liên quan đến một người ở tầm cỡ như Boesky khiến cho âm mưu của bọn họ vọt lên một cấp độ hoàn toàn mới, một cấp độ rất dễ thu hút những soi mói không cần thiết.

Levine trấn an ngay, nói rằng cuối cùng, bọn họ có thể tranh thủ được nhiều hơn từ "người Nga" so với chiều ngược lại. Trong bất kỳ thương vụ nào, kể từ sau ANR, Levine đều tìm cách xun xoe lấy lòng Boesky bằng cách chuyển tiếp tất cả thông tin về những vụ làm ăn khởi phát bên trong mạng lưới của mình. Anh ta không biết được quy mô của những khoản đầu cơ trong tay Boesky, nhưng anh ta biết rằng Boesky đã giao dịch rất tích cực – và kiếm được hàng triệu đô-la.

Hoạt động nội gián thông tin duy trì ổn định đến mức Levine và Boesky phải gặp nhau để chính thức hóa dàn xếp giữa hai bên. Levine đã đặt mồi câu và đảm bảo quyền tiếp cận của mình với Boesky bằng cách: Trước tiên, anh ta cung cấp thông tin mà không đòi hỏi bất cứ sự hoàn trả nào; giờ đây anh ta muốn được chia phần lợi nhuận. Cũng giống cách áp dụng với Siegel, Boesky đề nghị rằng hai người họ hẹn gặp nhau ở Câu lạc bộ Harvard. Trong buổi gặp đầu tiên và các buổi tiếp sau đó, hai người miệt mài tập trung vào những thỏa thuận còn cứng rắn hơn những gì Siegel đã dự phần. Thay vì một lời hứa mập mờ về "phần thưởng" chung chung nào đó, Levine muốn một thước đo chính xác để tính toán phần của mình.

Bất chấp những lời ca tụng về năng lực đàm phán của bản thân, dường như Levine đã phải chịu phần thiệt hơn so với những gì Siegel nhận được. Cuối cùng, Levine và Boesky đã đồng thuận về hai công thức tách biệt: Levine được hưởng 5% lợi nhuận của Boesky trên một cổ phiếu nếu thông tin của Levine trực tiếp dẫn tới động thái mua vào đầu tiên của Boesky. Nếu Boesky đã đầu cơ một lượng cổ phiếu nhất định, nhưng thông tin Levine cung cấp vẫn tỏ ra hữu dụng, Levine sẽ nhận được 1% lợi nhuận của Boesky. Và Boesky còn đề xuất một nhượng bộ khắc nghiệt: Bất cứ khoản thua lỗ nào anh ta phải gánh chịu do động thái thực hiện dựa trên thông tin mật của Levine sẽ đều được khấu trừ vào phần lợi nhuận được chia của Levine.

Đã có thời, Levine sẽ vội vã hồ hởi kể cho Wilkis tất tần tật về cuộc chinh phục của mình. Thế nhưng giờ đây, anh ta đánh bóng những thông tin hiện thực đến mức trở thành lời dối trá. "Không thể tin nổi," Levine thú nhận trong một cuộc dạo chơi lúc buổi trưa của bọn họ, khi ấy anh ta kể cho Wilkis nghe về cuộc gặp

Boesky ở Câu lạc bộ Harvard, "nhưng Ivan đề nghị tôi khoản 1 triệu đô-la tiền mặt kia đấy. Thì hẳn nhiên là tôi muốn thế. Gã ta nắm trong tay hết thảy mọi người. Nào là Gleacher, Wassertein. Nhưng tôi đã từ chối," Levine nói.

Wilkis tỏ vẻ ngờ vực. "Nghe chừng không giống cậu cho lắm," Wilkis nói giọng mỉa mai.

"Thà tôi để cho người Nga kia mắc nợ mình," Levine phản pháo, "còn hơn là nắm tôi trong tay."

Kể cả trong lúc đang ngỡ ngàng vui sướng trước công cuộc chinh phục Boesky của mình, Levine cũng vẫn hướng quyết tâm của mình tới một vai trò mới mẻ và lớn lao hơn. Vào năm đó, 1985, Levine đã lần đầu tiên xuất hiện trong "Đại tiệc của những kẻ đi săn" nơi anh ta tắm mình trong luồng ánh sáng rơi rớt lại từ thành công của vụ giao dịch Coastal/ANR. Kay và các quan chức Drexel khác tán tụng Levine là một ngôi sao mới nổi, và giới thiệu anh ta với hàng loạt các quý khách hàng Drexel lắm tiền nhiều của. Cuối cùng, anh ta tiếp cận trực diện với Boesky. Nhưng nhân vật gây ấn tượng sâu sắc nhất với Levine, như lời anh ta vẫn nhắc đi nhắc lại với Wilkis – lại chính là Ngài James Goldsmith, người thực hiện một bài phát biểu tại hội thảo.

Không mấy người có ít điểm chung đến thế như khi so anh chàng Levine xuất thân từ khu Queens với nhà tài phiệt dòng dõi Anh-Pháp lịch thiệp hoạt ngôn. Ngài James là một trong những chuyên gia săn doanh nghiệp với nền tảng học thức và ý thức hệ đầy quyền năng, làm bệ đỡ cho công cuộc truy cầu tiền tài của mình. Ông tỏ ra thiếu kiên nhẫn trước tình trạng đáng buồn của trật tự châu Âu cũ kỹ, chán ghét mô hình "cồng kềnh trì trệ" cố thủ của kiểu quản trị tập đoàn tự mãn và nồng nhiệt tin tưởng vào chế độ hiền tài cùng thị trường tự do – đồng thời, là cả những ý tưởng hết sức trái ngược với thói thường nảy nở từ chính mảnh đất châu Âu gốc gác của ông. James Goldsmith đã gây dựng lên một đế chế trải rộng bao la, thường là thông qua những cuộc thâu tóm tàn nhẫn, trải khắp từ lĩnh vực xuất bản Pháp (ngài sở hữu tờ tuần báo L'Express rất có ảnh hưởng) tới chuỗi cửa hàng thực phẩm Grand Union cho đến các nhà sản xuất đồ ăn châu Âu tới các cánh rừng và nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nước Mỹ. Tuy vậy, không có điều gì trong số này gây ấn tượng lắm với Levine. Anh ta thèm thuồng phong cách sống của Ngài James kia.

Ngài James có một người vợ hiện thời, một vợ cũ và một tình nhân, ngài luôn phân bổ các kỳ nghỉ với cả hai gia đình, di chuyển

qua lại bằng thuyền giữa hai bán đảo nước Ý, nơi hai gia đình này sinh sống. Ngôi biệt thự của ngài ở Manhattan với sàn lát cẩm thạch, bài trí bằng đồ cổ, giấy dán tường thêu hoa, các tác phẩm nghệ thuật cùng tượng trang trí, tất thảy chính là hiện thân của phẩm vị, bạc tiền và nét tao nhã kiểu Cựu Thế giới. Ngài sở hữu hoặc thuê những căn nhà nguy nga tráng lệ ở cả London và Paris, Costa del Sol, Sardinia và Barbados, và sau này xây dựng cả một dinh cơ xa hoa ở Mexico, bên bờ biển Thái Bình Dương. Ngài bặt thiệp, lịch lãm theo kiểu khiến người ta phải mềm lòng, thân thiện hữu hảo, và cởi mở với những điều trái với lẽ thường. Levine thu xếp một kỳ nghỉ đến Barbados; anh ta hào hứng kể với Wilkis sau khi trở về rằng anh ta đã ngắm nghía rất kỹ càng dinh cơ của Ngài James. Anh ta bắt đầu bắt chước vài thứ trong cung cách cư xử của Ngài James. Wilkis nghĩ rằng như thế thật là tự phụ lố lăng, nhưng vẫn là một sự cải thiện so với lối hành xử thô bỉ thường ngày của Levine.

Một trong những thương vụ nảy sinh từ cuộc hội thảo trái phiếu là vụ đấu thầu do Drexel bảo trợ tài chính mà Ngài James thực hiện với Crown Zellerbach Corporation, một công ty sản xuất giấy và sản phẩm từ gỗ khổng lồ đặt trụ sở tại San Francisco. Ngài James đã đầu cơ lượng cổ phần đáng kể trong công ty này, và Crown Zellerbach thì cự tuyệt những phương cách tiếp cận kiểu mua lại hữu hảo của ngài. Levine rùng mình sung sướng khi Kay chỉ định anh ta phụ trách nhóm M&A của Drexel tiến hành thương vụ này. (Còn tất nhiên, hoạt động tài chính vẫn cứ dưới quyền kiểm soát của nhóm Milken ở West Coast.)

Sau khi Ngài James phát động vụ đấu thầu, Crown Zellerbach bắt đầu các cuộc đàm phán hòng được mua lại bởi tay một "hiệp sĩ trượng nghĩa" – Mead Corporation, một công ty giấy khác. Mead, Crown Zellerbach đều hy vọng sẽ giữ được công ty được nguyên vẹn chứ không phải bị chia năm xẻ bảy và bán rời từng mảnh như Ngài James đe dọa. Mead đồng ý mua lại ở mức tiền bù đáng kể, 50 đô-la một cổ phiếu và dàn xếp để mua lại cổ phần rất lớn của Ngài James hòng chấm dứt những đề nghị thâu tóm hung hãn và hoàn tất vụ mua bán. Levine cũng tự mình gom góp một lượng cổ phiếu Crown Zellerbach đáng kể, giao dịch như thường lệ dựa trên các thông tin nội gián. Giờ đây, trước viễn cảnh vụ thỏa thuận của Mead, Levine gọi cho Bank Leu để sắp xếp một vụ mua vào cổ phiếu Crown Zellerbach với quy mô lớn nữa, chi phí vào khoảng 4 triệu đô-la. Boesky cũng đã đầu cơ một lượng lớn, và Levine run lên trước việc có thể gây ấn tượng với Ngài James nhờ khôn khéo vận dụng sự hỗ trợ của Boesky và dàn xếp để Ngài James mua lại cổ phần của Boesky.

Vào ngày hội đồng quản trị của Mead tổ chức họp tại Dayton, Ohio để phê chuẩn vụ thỏa thuận, Ngài James cũng tổ chức một bữa tiệc trưa ăn mừng ngay tại phòng ăn trong căn biệt thự thanh nhã của mình, đồ ăn được nhân viên của ngài chuẩn bị và bày biện trên những bát đĩa sứ Limoges thượng hạng cùng các loại vang quý hiếm, cả vang đỏ và vang trắng. Levine đang trong tâm trạng vui vẻ và Ngài James dường như cũng đang tận hưởng niềm phấn chấn của riêng mình. Một số những người tham gia thương vụ khác cũng có mặt ở đây, gồm Roland Franklin, phụ tá thân cận của Ngài James và George Lowy, hội viên tại Cravath, Swaine & Moore, công ty đại diện cho Mead. Đang dở bữa, Lowy xin phép được nhận một cuộc gọi từ Mead.

Khi quay trở lại, trông Lowy có vẻ rất ngượng ngùng. "Ngài sẽ không muốn cho tôi được dùng món tráng miệng đâu," anh ta nói với Ngài James, thông báo rằng, bằng một động thái bất ngờ, hội đồng quản trị của Mead đã bác bỏ vụ mua lại Crown Zellerbach, giáng một cú vào tia hy vọng của công ty này về một "hiệp sĩ trượng nghĩa" giải cứu cũng như triển vọng sinh lời lớn trong lượng cổ phiếu mà Ngài James đã đầu cơ. Quyết định này, khi được công bố rộng rãi, chắc canh ta sẽ khiến cổ phiếu Crown Zellerbach tuột dốc. Ngài James tỏ ra thờ ơ rõ rệt, chỉ nhún vai và tuyên bố rằng đơn giản là ngài sẽ vẫn tiến hành vụ đấu thầu như đã dự định. Ngài khăng khăng rằng Lowy cứ tiếp tục ở lại và thưởng thức nốt bữa tiệc.

Trái ngược hoàn toàn với Ngài James, Levine đột ngột "xám ngoét" trước tin mới nhận này, và Franklin đã thấy. Tâm trạng của Levine chùng hẳn xuống, và cáo từ sớm nhất có thể. Anh ta chạy vội vàng, hoảng loạn, tới một trạm điện thoại, và yêu cầu Bank Leu thanh lý toàn bộ số cổ phiếu khổng lồ. "Chắc là anh chàng đi gọi cho nhà môi giới của mình đây mà," Ngài James quan sát sau khi Levine vội vã chạy ra khỏi phòng. Ông mỉm cười, và mọi người cười ầm lên trước cảnh tượng ấy. Nhưng không ai coi đó là chuyện gì nghiêm trọng.

Nhờ gọi cho nhà môi giới đúng lúc, Levine đã tránh được một khoản lỗ nặng nề trong tài khoản giao dịch, ngược lại, còn thu được một khoản lời nho nhỏ. Ngài James cuối cùng cũng hoàn tất được vụ thâu tóm Crown Zellerbach, bất chấp động thái tự vệ quyết liệt từ đối phương. Trong khi Levine được Kay bốc lên tận mây xanh vì công việc trong công ty Drexel, Ngài James lại không thể hiện mấy hứng thú với việc đẩy xa hơn mối quan hệ với Levine.

Tuần trăng mật của Levine tại Drexel đang dần đi tới đoạn kết. Chẳng được bao lâu, Levine đã trở về vào trạng thái quen thuộc, phàn nàn với Wilkis rằng anh ta không được trân trọng đúng mức. Anh ta căm ghét Leon Black, anh ta gọi là "gã chiến lược gia đáng tởm" cùng bộ phận M&A, người mà anh ta nhắc đến như là "một thằng nhếch nhác béo bệu." Black ấy mà, Levine khẳng định, "là chủ ngân hàng duy nhất ở New York có ảnh hưởng đến trung tâm quyền lực thực sự của công ty tại Beverly Hills". Và anh ta càm ràm rằng Drexel, không như Shearson, chỉ toàn tập trung vào mảng tài chính. Văn phòng của hãng tại West Coast mang về tất thảy các thương vụ M&A và tài chính doanh nghiệp, đồng nghĩa với việc phần chia thưởng của Levine cũng chỉ ở mức khiêm tốn tương ứng.

Wilkis, đang náo nức rời khỏi Lazard, cảm thấy sự nghiệp của mình đang lang thang vô định, ước rằng Levine bớt phàn nàn đi mà hãy giúp anh ta kiếm một chỗ nào đấy ở Drexel. Nhưng dường như Levine càng ngày càng kém hứng thú với tiền đồ của ông bạn. Mặc dù Wilkis đã gắng gỏi kiếm một dịp phỏng vấn ở Drexel, nhưng lối tiếp cận kiểu trí não và cách cư xử thủ cựu của anh chàng có vẻ không phải là thứ mà công ty này tìm kiếm, và Wilkis không nhận được lời mời làm việc. Wilkis trách móc Levine đã không đi vận động cho mình. Cuối cùng, tự sức mình, Wilkis cũng nhận được lời mời từ E. F. Hutton. Anh ta dường như vô cùng phấn khởi – cho đến khi Hutton thông báo rằng anh ta sẽ phải tham gia một cuộc kiểm tra nói dối thường kỳ dành cho các nhân viên tương lai.

Wilkis vã mồ hôi lạnh, sợ rằng anh ta sẽ phải nói dối về tài khoản ngân hàng ở nước ngoài và về hoạt động giao dịch trái phép của mình. Anh ta van vỉ Hutton miễn trừ cho mình, nói rằng như vậy thật làm mất phẩm giá, rằng đó là đòi hỏi quá quắt. Nhưng Hutton vẫn nhất quyết phải làm thế. Một đồng sự tại Lazard đã nghe lỏm một vài câu van vỉ của Wilkis và hỏi anh ta vì đâu phải buồn rầu như vậy. "Ai chẳng làm gì đấy khuất tất," Wilkis nói. "Ai chẳng trộm cắp thứ gì đấy." Trước ngày phải thực hiện bài kiểm tra theo lịch trình, Wilkis âu lo bồn chồn đứng ngồi không yên.

Nhưng đến ngày hôm ấy, anh ta thực hiện trơn tru và đạt yêu cầu mà không vấp váp mảy may. Trong một bài kiểm tra lướt qua kiểu điển hình vốn rất phổ biến thời bấy giờ, không hề xuất hiện câu hỏi nào mà Wilkis không thể trả lời thành thực. Anh ta được hỏi về việc sử dụng chất gây nghiện chứ không đả động gì đến giao dịch nội gián.

Tại Hutton, dường như cuối cùng Wilkis đã tìm thấy ngách riêng để lách mình vào. Anh ta cảm thấy mình được đối xử như một chuyên gia dạn dày kinh nghiệm, một thành viên quan trọng của nhóm M&A đang phát triển, cho dù không phải lực lượng chủ chốt. Anh ta ăn mừng công việc mới của mình bằng cách mua một căn hộ mới trên Đại lộ Công viên để cạnh tranh với cơ ngơi của Levine, và một lần nữa, Wilkis lại cân nhắc việc tránh xa khỏi ông bạn chí cốt.

Trong bữa tối với Wilkis và vợ anh ta, Levine sẽ lại cất giọng nhai nhải khoe khoang về những thành tựu ở Drexel. Laurie Levine lại sẽ đưa mắt mơ mộng vào hư vô, nhưng những buổi tối ấy lại khiến vợ Wilkis phát điên, cô van nài để không phải tham dự thêm nữa. Wilkis cũng mất một nguồn thông tin ở Lazard, Cecola đã hoàn thành chương trình phân tích của mình ở Lazard và sẽ rời công ty để bắt đầu theo học ở Trường Kinh doanh Harvard vào mùa thu. "Vứt cho tôi ít việc lúc tôi vào học trường kinh doanh nhé?" Cecola nài nỉ, tỏ vẻ hào hứng được tiếp tục hoạt động giao dịch của mình. Wilkis thấy không thể kiếm thêm mối nào khác, mà cũng không muốn làm tổn hại đến công việc của mình ở Hutton. Đằng nào thì Levine cũng đang trượt xa dần khỏi Wilkis, và ngày càng bám chặt vào một thế giới chỉ mang đến sự giàu có và xa hoa mà Wilkis không bao giờ có thể đọ lại được.

Tại Drexel, chỉ sau mười tháng làm việc, Levine đã có phiên đánh giá tiền thưởng đầu tiên với Kay, một sự kiện mà anh ta đã sớm đón đầu bằng việc miệt mài tính toán lợi nhuận chung của bộ phận mình, thể hiện phần đóng góp của riêng mình trên kết quả kinh doanh sau thuế của tập thể. Anh ta không hề che giấu một sự thực là phần bồi thường này có vai trò vô cùng quan trọng với anh ta, thậm chí còn thường xuyên nhắc nhỏm với Kay rằng, "Tôi muốn được giàu hết mức có thể" và rằng anh ta muốn "mỗi năm lại kiếm được nhiều tiền hơn năm trước." Kay thì coi thái độ như vậy là điểm cộng, và nghĩ rằng chúng là điển hình cho những phẩm chất ngôi sao trong lĩnh vực M&A. Trong phiên lượng giá của họ, Kay đã xem xét toàn bộ công việc của Levine trong cả năm, nói với Levine rằng anh ta nghĩ Levine có thể "trông cậy được trong việc đảm trách cả một thương vụ và thực hiện với mức tự tin cao nhất." Và rồi, cảm thấy chắc canh ta rằng mình sắp ban cho Levine một khoản tiền thậm chí còn vượt quá cả những thước đo của riêng Levine về năng lực thực sự của mình, Kay nói, "Khoản thưởng của anh cho năm 1985 là… một triệu đô-la."

"Thế thì," Levine đáp, "đúng là sỉ nhục." Anh ta đứng phắt dậy và nguây nguẩy bước ra khỏi văn phòng của Kay.

6.

"Đi uống café nhé," Siegel nói với Boesky trên điện thoại, sử dụng mật mã mới của họ để tỏ ý rằng anh ta muốn có một cuộc gặp. Giờ đây Siegel khăng khăng rằng bọn họ phải gặp trực tiếp; anh ta lo rằng điện thoại của mình bị ghi âm. Với tất cả những gì Boesky nói về chuyện CIA, rồi sau cả những trải nghiệm gần đây của Siegel với tay giao liên kỳ quặc, Siegel nghĩ rằng bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra. Anh ta dạo bước qua mấy dãy nhà, từ văn phòng Kidder, Peabody tới Phố Water, rồi bồn chồn đi lại. Anh ta lẩm nhẩm qua loa trong đầu những gì mình sẽ nói nếu có nhỡ đụng phải ai đó quen biết. Lúc ấy đang tiết đông, tháng Một năm 1983, không phải là khoảng thời gian mọi người đi dạo lòng vòng phố phường.

Chẳng mấy chốc, Boesky đã ló ra từ sảnh của cao ốc văn phòng ở số 55 Phố Water và vội vã bước về phía Siegel. Trong khi dạo bộ, Siegel giải thích rằng Kidder, Peabody đã được Diamond Shamrock Corporation, một công ty cỡ bự chuyên về các nguồn tài nguyên tự nhiên và hóa học thuê để khai phá vụ mua lại đối với một công ty dầu mỏ. Trong khi vẫn chưa có gì thực sự xác quyết, Siegel đã trưng ra cả một danh sách những ứng cử viên có thể là nạn nhân của cuộc thâu tóm, và một trong những đối tượng nhiều khả năng nhất là một nhà sản xuất dầu mỏ tương đối nhỏ, Natomas Co.

Siegel nghĩ rằng Natomas phù hợp với âm mưu của Boesky theo hai cách rất quan trọng: Nếu Boesky bắt đầu mua cổ phiếu vào thời điểm này, tức là cách xa thời điểm cuộc thâu tóm có khả năng diễn ra, nhờ vậy có thể né tránh được bất cứ động thái giám sát đối với việc giao dịch nội gián; bản thân Siegel thậm chí còn không dám chắc rằng sẽ có một vụ thỏa thuận. Đương nhiên, Boesky không phải là người duy nhất thu lợi nếu như bắt đầu mua vào thời điểm này. Siegel muốn sẽ xuất hiện ít nhiều áp lực mua trong hoạt động giao dịch của cổ phiếu Natomas. Anh ta muốn nắn mềm công ty này để mở đường cho một đề nghị hữu hảo từ phía Diamond Shamrock, và cách hay nhất để thực hiện việc này chính là thuyết phục Natomas rằng nó đang "cưỡi trên lưng cọp", nhiều khả năng sẽ trở thành mục tiêu của một cuộc thâu tóm tàn bạo kém hấp dẫn hơn nhiều.

Hai người ra khỏi Phố Water, bước về phía East River ở Cảng South Street, nằm trong một khu vực quạnh quẽ hiu hắt, phía nam Manhattan. Chuyện trò nhỏ nhẹ, chốc chốc liếc nhìn quanh để xem có bị ai theo dõi không, Siegel trình bày những kế hoạch của

Diamond Shamrock, thúc giục Boesky bắt đầu từ tốn mua vào, và cảnh báo anh ta về khả năng vụ thỏa thuận có thể sẽ không được tiến hành đến cùng.

Chỉ một thời gian ngắn sau đó, Boesky đã bắt đầu mua vào. Mọi thứ cứ thế diễn tiến trơn tru cho đến khi, vào tháng Ba, Diamond Shamrock quyết định từ bỏ vụ thỏa thuận do gặp khó khăn trong việc tập hợp tiền cho việc mua lại. Boesky gần như phát điên, nhưng Siegel đã trấn an và khuyến khích anh ta cứ tiếp tục giữ vững tình trạng đầu cơ cổ phiếu của mình.

Cuối cùng, khoản tiền cần thiết phục vụ việc mua lại đã được gom đủ thông qua một cuộc chào bán cổ phiếu, và thương vụ được kết thúc vào tháng Năm. Đến lúc ấy, Boesky đã đầu cơ được một lượng cổ phiếu lớn, mặc dù anh ta chưa bao giờ tiết lộ cho Siegel chính xác mình đã mua vào bao nhiêu, hoặc với giá thế nào. Siegel cũng không để cho anh ta được bàn thảo về bất cứ khía cạnh nào liên quan đến tình trạng đầu cơ cổ phiếu trên điện thoại. Chỉ đến lúc rà soát lại các dữ liệu của cuộc sáp nhập, Siegel mới để ý, và sửng sốt cực cùng, rằng Boesky đã tích lũy được tới 800 nghìn cổ phiếu. Tổng lợi nhuận của Boesky trong vụ này lên tới 4,8 triệu đô-la. Chừng đó, Siegel nghĩ bụng, ắt hẳn sẽ đảm bảo cho sự chi tiêu hào phóng của anh ta sau này.

Chẳng bao lâu sau, Siegel đã lại có một cơ hội khác để phụng sự cho Boesky và khách hàng của chính mình. Vào tháng Chín, Gordon Getty, kẻ thừa kế quái gở của gia tài J. Paul Getty gọi điện đến. Anh ta tỏ ý không hài lòng với cách vận hành hiện tại của Getty Oil. Siegel chắc mẩm rằng anh ta có thể lựa chọn một trong hai cách: Tự phát động một vụ bỏ thầu để mua lại công ty này, nhiều khả năng là cùng với các đồng minh khác, hoặc bán cổ phần của mình cho ai đó có khả năng mua lại toàn bộ công ty.

Cổ phiếu của các công ty nằm trong tầm kiểm soát của tính chất gia đình vẫn thường bị áp chế rằng chúng không thể bị thâu tóm, vậy nên bất kỳ tin tức nào dính líu đến tình trạng xích mích trong nội bộ một gia tộc quyền thế đều được các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ tiền háo hức sục sạo. Siegel tiết lộ thông tin này cho Boesky, và Boesky lập tức mua ngay vài quyền chọn cổ phiếu Getty, sau đó định đoạt số phận của chúng với khoản lời 220 nghìn đô-la. Boesky về sau tung hứng vụ thỏa thuận này với những khoản lời còn lớn hơn, trước tiên là Pennzoil, rồi đến lượt Texaco nối gót nhau bỏ thầu với Getty. Có người đã ước tính rằng lợi nhuận của Boesky có được từ Getty phải lên tới 50 triệu đô-la.

Siegel gắng sức nhào nặn những thông tin tiết lộ ra ngoài của mình ở mức anh ta đánh giá là vẫn đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Anh ta giữ kín nhiều thông tin nhiều hơn so với những gì đã hé lộ với Boesky. Boesky cố nài ép anh ta tiết lộ nhiều hơn, thậm chí còn đề nghị chuyển tiền cho Siegel vào một tài khoản ở châu Âu. "Ivan, tôi không hứng thú gì với thứ đó đâu," Siegel đáp. "Vì Chúa, tôi sẽ không đời nào chuồn khỏi đất nước này". Boesky vẫn cứ cố đấm ăn xôi, tiếp tục đề nghị sẽ đầu tư vào bất động sản cho Siegel, thậm chí còn đi xa đến mức gợi ý sẽ tuyển dụng cha của Siegel.

Có lẽ thí dụ rõ rệt nhất về thất bại của Siegel trong việc tiết lộ thông tin tuyệt mật cho Boesky xuất hiện khi Brown-Forman Distillers Corporation khởi phát một đề nghị thâu tóm bằng tiền mặt đối với Lenox Inc., một nhà sản xuất gốm sứ tinh xảo. Lenox thuê Siegel, người đã hỗ trợ, trong quá trình thực hiện thỏa thuận – khai phá một trong những kỹ thuật chống thâu tóm hiệu quả nhất thập niên 1980: "Độc dược". Độc dược về cơ bản là đứa con tinh thần của luật sư chuyên về nghiệp vụ thâu tóm – Martin Lipton, nhưng Siegel đã có đóng góp đáng kể vào quá trình tiến hóa của phương pháp này. Độc được, giờ đây đã phổ biến rộng rãi trong giới doanh nghiệp tư nhân Mỹ, được sử dụng nhằm làm cho một vụ thâu tóm hung hãn trở nên đắt đỏ thái quá, bằng cách gán cho các cổ đông những quyền vượt trội trong trường hợp một vụ tấn công có được khởi phát. Ví dụ, Lenox cố gắng tự cứu lấy mình bằng cách phát triển món "độc dược" cho phép các cổ đông quyền được mua lại cổ phiếu Brown-Forman trong trường hợp Brown-Forman khởi động một vụ đấu thầu.

Thương vụ này là một thách thức đẩy giá cổ phiếu lên cao do phản đòn của Lenox. Sau khi dâng lên lúc ban đầu, giá cổ phiếu của công ty này rớt trở lại. Tình thế chuyển sang trạng thái tranh chấp, khiến kết quả càng trở nên bất định. Rất nhiều nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ phát cuồng và vội vã bán ra, nhưng Boesky vẫn tiếp tục mua vào. Vào đúng ngày Lenox quyết định phải đầu hàng và chấp nhận lời đề nghị mua lại với giá cao hơn từ Brown-Forman, Boesky đã mua vào một lượng gồm 62 nghìn cổ phiếu Lenox. Cuối cùng, anh ta đã nắm trong tay 9% cổ phiếu Lenox và kiếm được 4 triệu đô-la từ vụ thỏa thuận.

Những nhà đầu cơ cổ phiếu khác sững sờ kinh ngạc và ghen ty; những luồng dư luận xôn xao khắp Phố Wall rằng Boesky có một nguồn thông tin nội bộ. Ai ai cũng lập luận rằng, không ai lại có khả năng tiên tri chính xác liên tục như thế, đặc biệt là trong một thương vụ "lên xuống thất thường" như Brown Forman/Lenox.

Thế nhưng đó lại là một trong những vụ thỏa thuận mà Siegel không hề vi phạm thông tin tuyệt mật của khách hàng mình. Gần như đến phút cuối cùng, Lenox vẫn muốn đánh trả. Siegel đã nghĩ rằng phương pháp tự vệ độc dược rốt cuộc sẽ thành công. Anh ta khuyên Boesky không nên mua cổ phiếu nữa. Khi ban lãnh đạo Lenox đột nhiên phất cờ trắng đầu hàng, Siegel cũng chắc canh ta rằng Boesky đã có một nguồn thông tin nội gián khác về thương vụ này.

Trong một ví dụ khác, Boesky gọi cho Siegel, nói rằng anh ta có được một số thông tin tuyệt mật về Gould Inc., một khách hàng của Siegel. Siegel ngờ rằng Boesky lấy được thông tin từ một nhà môi giới của chi nhánh Kidder, Peabody ở Boston tên là Donald Little. Little, một tay chơi tham lam, đã đứng ra xử lý rất nhiều giao dịch cho Boesky và là một bằng hữu thân thiết của anh ta thông qua nhóm chơi bóng ngựa của William Ylvisaker, chủ tịch Gould. Boesky yêu cầu Siegel kiểm chứng lại thông tin, nhưng Siegel nói dối ngay, nói rằng anh ta không biết.

Đến cuối tháng Mười hai năm 1983, hai người bọn họ gặp nhau để bàn bạc về "thù lao" của Siegel. Siegel nhắc cho Boesky nhớ rằng thông tin của anh ta có giá trị ra sao trong các vụ Natomas và Getty, và họ còn thảo luận ít nhiều về những lời khuyên mà Siegel đã đưa ra, ví như những ước tính giá trị của anh ta đối với một doanh nghiệp sản xuất đường ống ở Utah. Mặc dù đây khó lòng được coi là một thông tin nội gián, nhưng Siegel vẫn nghĩ rằng vẫn phải bồi thường xứng đáng cho thông tin kiểu vậy mới là công bằng; anh ta biện lý cho những gì mình đang làm bằng cách nhìn nhận mối quan hệ của mình với Boesky như một loại thỏa thuận "tư vấn". Cuối cùng, Siegel đề nghị khoản tiền 250 nghìn đô-la. Anh ta không hề đưa ra những tính toán khiêm nhường chút nào; Siegel biết thừa rằng Boesky đã kiếm bẫm trong vụ Natomas, và, dù cho tình thế vụ Getty vẫn còn chưa ngã ngũ, nhưng Siegel áng chừng rằng Boesky vẫn sẽ giữ vững lập trường và kiếm được khoản lời kếch sù từ đó. Siegel chỉ đơn giản tiếp cận vấn đề như cách anh ta tính toán tiền thưởng của mình ở Kidder, Peabody và 250 nghìn đô-la là mức anh ta cho là "công bằng."

Đó cũng là những gì Siegel nghĩ rằng mình cần đến. Lương thưởng "cứng" năm đó của anh ta là 733 nghìn đô-la, thực ra là ít hơn so với khoản anh ta kiếm được hồi một năm trước. Anh ta đã mua một căn hộ bốn phòng ngủ trên Quảng trường Gracie, ngay xéo dinh thự của thị trưởng New York với giá 975 nghìn đô-la, và công việc tu sửa và trang hoàng chỉ mới vừa bắt đầu.

Boesky đã sẵn sàng đồng ý với mức 250 nghìn đô-la – khoản này chỉ là một phần nhỏ nhoi trong tổng lợi nhuận mà Boesky kiếm được dựa trên thông tin nội gián của Siegel và việc giao nhận tiền đã được dàn xếp. Siegel lại đứng chờ trong sảnh Khách sạn Plaza, kiếm tìm tay giao liên da ngăm đen. Lại là những ám hiệu quen thuộc, "đèn đỏ", "đèn xanh" và va li tiền được trao tay.

Khi Siegel trở về căn hộ của mình, anh ta đếm tiền, vẫn được buộc bằng ruy băng của Ceasar Palace, nhưng Siegel phát hiện ra rằng một khoản kha khá đã bị hụt mất – anh ta đoán chừng, đã bị tay giao liên kia rút bớt. Trong một cọc tiền, thay vì tờ bạc 100 đô-la mà anh ta đã yêu cầu, chỉ toàn tờ 1 đô-la. Tổng số tiền trong va li chỉ có 210 nghìn đô-la. Siegel cảm thấy mình bị mắc lỡm.

Siegel lại sắp xếp một cuộc hẹn khác, và đối chất trực tiếp Boesky, nói rằng tay giao liên đã ăn trộm. Boesky phẫn nộ vô cùng. Anh ta thề rằng tay giao liên là người anh ta có thể hoàn toàn tin cậy, một người sẽ không đời nào lại hớt đi ít tiền. Siegel nhún vai, quyết định rằng không đáng phải cắm đầu cắm cổ cãi cọ. Thế nhưng, làm ăn vẫn cứ là làm ăn. Anh ta tự thề rằng lần sau sẽ nâng cao đòi hỏi của mình, bởi chắc rằng 15% đến 20% số tiền đó cuối cùng cũng sẽ rơi vào túi người khác mà thôi.

Chỉ trong vòng vài tháng, Boesky đã kiếm được bộn nhất từ trước đến nay, chủ yếu từ một thương vụ không hề dính dáng gì đến thông tin nội gián của Siegel: Dầu lửa Gulf, một kẻ tử thù cũ của Boesky, công ty từng đột ngột rút chân khỏi thương vụ Cities Services, sém chút nữa khiến Boesky tiêu tùng. Thương gia dầu mỏ Texas, T. Boone Pickens, một kẻ săn doanh nghiệp và khách hàng của Drexel, đã tiết lộ một lượng cổ phiếu lớn ở Gulf vào tháng Chín, khoảng thời gian mà Boesky nhận được thông tin tối mật đầu tiên về Getty. Cuối cùng, có Drexel bảo trợ về tài chính, Pickens đã khởi phát một đề nghị thâu tóm từng phần đối với công ty dầu mỏ quy mô lớn này. Việc này đủ để de dọa Gulf đến mức đẩy công ty này vào vòng tay của một "hiệp sĩ trượng nghĩa", Standard Oil of California (SOCAL), trong một thương vụ trở thành vụ sáp nhập lớn nhất trong lịch sử tính đến thời điểm bấy giờ. Sự kiện này đã làm rúng động Phố Wall bởi quy mô của nó, và thể hiện quyền năng của một kẻ săn tập đoàn được Drexel chống lưng.

Vụ thỏa thuận này cũng bổ sung đáng kể cho gia tài kếch sù của Boesky. Anh ta bắt đầu lần theo các đợt mua vào của Pickens, kiểm tra thường xuyên với Mulheren để lấy thông tin về các giao dịch lớn, tiếp tục mua vào ổn định cho riêng phần mình khi hoạt

động nội gián của bọn họ bước sang năm 1984. Cũng như trước đây, Boesky sẵn lòng mạo hiểm một khoản vốn lớn để có được khoảng 5 triệu cổ phiếu Gulf. Lần này, pha vung tiền vào Gulf đã mang lại kết quả mỹ mãn, chí ít là với Boesky. Trong cuộc chiến đấu thầu, một đương sự là Kohlberg Kravis Roberts, được Siegel tư vấn. Siegel không cung cấp cho Boesky một chút thông tin nội bộ nào, mặc dù anh ta nắm rõ chi tiết toàn bộ kế hoạch của KKR. Thế nhưng khi vụ mua lại của SOCAL được thông qua – sau một vài ngày trong tình trạng "treo" do Quốc hội cân nhắc về đạo luật chống độc quyền đối với việc sáp nhập – Boesky vẫn cứ thu được chừng 65 triệu đô-la lợi nhuận.

Để ăn mừng thắng lợi này, Mulheren – người cũng kiếm bộn từ thương vụ, đứng ra tổ chức một bữa tiệc xa hoa dành cho khoảng 25 khách mời là các bằng hữu, đồng nghiệp đầu cơ cổ phiếu giá rẻ, những người lèo lái thương vụ Gulf đi đến kết thúc lãi lời nhường này. Mulheren trang hoàng các bàn tiệc bằng các món đồ bày giữa trung tâm là các sản phẩm với nhãn mác Gulf Oil màu vàng cam quen thuộc. Trong lúc rượu vang, cocktail cùng brandy chảy tràn, Mulheren đứng dậy và phát biểu với nhóm khách của mình. "Tôi có tin tốt lành cho các anh em đây," anh ta nói. "James E. Lee [vị chủ tịch đã bị phế truất của Gulf, quyết định rút lui khỏi vụ Cities Service của ông này đã chọc giận rất nhiều nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ] đã quyết định sẽ gia nhập cùng chúng ta và giảng hòa. Ông muốn khép lại tất cả quá khứ ở đằng sau." Nói đến đây, Mulheren ra hiệu, và tiến vào là một con khỉ đã được thuần dưỡng, mặc bộ đồ toàn thân màu xanh nhạt có hình logo của Gulf. Boesky gào thét phấn khích đến nỗi chảy cả nước mắt. Boesky mê con khỉ quá đến mức về sau, anh ta còn thuê hẳn một con linh trưởng mua vui trong bữa tiệc của riêng mình.

Năm tài khóa kết thúc vào tháng Ba năm 1984 là một năm thịnh vượng đối với Boesky. Sau khi thua lỗ 13,7 triệu đô-la trong năm tài khóa trước đó vì thất bại ban đầu của vụ Gulf, anh ta vẫn kiếm được một khoản khổng lồ lên tới 76,5 triệu đô-la. Chắc canh ta chừng nấy nhiều hơn những gì mà một anh bán kem ở Detroit trước đây, và đã từng nhiều lần ngấp nghé bờ vực phá sản, mơ tưởng kiếm được. Boesky chuyển hoạt động kinh doanh của mình về khu văn phòng mới tráng lệ hơn ở khu trung Manhattan, số 650 Đại lộ số Năm, nơi từng là trụ sở của Quỹ Pahlevi, điều hành các khối tài sản của quốc vương Iran trước khi ông này bị lật đổ. Anh bạn Hushang Wekili bí hiểm cũng kè kè sát cánh bên Boesky, kiếm cho mình hẳn một văn phòng, rồi cả lương thưởng riêng. Khoản thưởng cũng đã lên tới 1 triệu đô-la một năm – bất chấp một sự thực là không ai khác làm việc cùng Boesky có thể tìm ra

xem anh này làm việc gì. Tuy thế, Conway, Lessman, Mooradian và cả những người khác đều biết cách giãi bày tâm sự với Wekili.

Trái ngược với phong cách bài trí sơ sài ở những nơi làm việc ban đầu của Boesky, khu văn phòng mới rất lộng lẫy, được trang hoàng với sự giúp đỡ của Seema. Khu hành lang lát cẩm thạch, với những tấm ốp thủy tinh khắc mòn và tượng trang trí. Văn phòng riêng của Boesky rộng rãi với những tấm thảm trắng như tuyết cùng những bức tường cũng màu trắng, phóng tầm nhìn ra Công viên Trung tâm và những tòa cao ốc văn phòng nhấp nháy choáng lộn của khu trung Manhattan.

Điều gây sửng sốt nhất chính là hệ thống thiết bị điện tử khiến hệ thống điều khiển đàm thoại của Boesky trước đây trở nên quá ư thô lậu. Ngoài loa đài, mỗi nhân viên nghiên cứu và giao dịch viên giờ đây đều có một màn hình vô tuyến, mà trên đó Boesky có thể chiếu hình ảnh của mình lên. Tại bàn làm việc của mình, Boesky có một màn hình vô tuyến rộng chia thành hai phần. Ở màn hình phía trên, anh ta có thể chiếu bất cứ hình ảnh nào, kể cả hình mình. Còn phần dưới màn hình lại được chia thành mười sáu ô nữa. Các máy ghi hình chĩa vào mỗi giao dịch viên chuyển tiếp những hình ảnh đó về các ô trên màn hình. Bất kỳ sự vắng mặt nào không lý do, thậm chí chỉ là đi ra nhà vệ sinh, cũng đều bị phát hiện lập tức. Còn có những món đồ chơi khác: bàn điều khiển điện thoại của Boesky gồm tận 160 đường dây trực tiếp tới Mulheren, Milken, các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ, các chuyên gia môi giới chứng khoán, các chuyên viên nghiên cứu tại các công ty khác, rồi các giao dịch viên, vân vân và vân vân. Các đoạn băng điện tử hiển thị thông tin chứng khoán chiếu loang loáng dọc theo những bức tường phòng, và cả một đồng hồ kỹ thuật số hiển thị các múi giờ tại nhiều địa điểm trên khắp thế giới.

Việc chuyển văn phòng về khu trung Manhattan không gây ảnh hưởng mấy đến mối quan hệ giữa Boesky với Siegel. Khi Siegel có thông tin cần phổ biến cho Boesky, anh ta vẫn cứ gọi điện để mời cà phê. Thế nhưng giờ đây bọn họ đi uống cà phê thật, tại một cửa hàng đồ ăn sẵn trong chuỗi Pastrami 'n Things ngay bên phía Phố 52, gần địa chỉ mới của Boesky. Cửa hàng khiêm nhường này, với những chiếc bàn đá đóng một lớp phoocmica trên mặt với những lọ tương cà và đồ gia vị mở sẵn và cây giả trang trí chính là lựa chọn của Boesky: anh ta thấy chẳng có lý do gì phải lãng phí bạc tiền vào những quán cà phê đắt đỏ. Và Siegel nghĩ như điều đó cũng giảm bớt khả năng có ai đó ở chốn này sẽ nhận ra bọn họ.

Mùa xuân năm 1984, Carnation Co. thuê Kidder, Peabody và Siegel

để thảo luận về việc bán ra một lượng lớn cổ phiếu Carnation. Siegel phỏng đoán rằng Carnation sẽ bị bán đi; ban giám đốc đồng ý rằng Siegel nên gắng sức để có được mức giá cao nhất. Anh ta dàn xếp một buổi hẹn gặp Boesky và bàn về tình huống này, Boesky bắt đầu tích trữ lượng lớn cổ phiếu Carnation ngay mùa hè năm đó. Đúng như dự đoán, giá cổ phiếu của Carnation đã tăng lên.

Đến tháng Tám, việc mua vào cổ phiếu Carnation của Boesky diễn ra với số lượng rất lớn, và đã thu hút rất nhiều kẻ nối gót, đến nỗi Sàn Giao dịch Cổ phiếu New York phải ra tay can thiệp. Carnation bị tra vấn xem liệu có lời giải thích nào cho hiện tượng giá và số lượng cổ phiếu tăng đột ngột hay không. Đương nhiên là Carnation biết về những cuộc đối thoại, mà đáng lẽ phải giữ bí mật, về kế hoạch bán ra hàng loạt cổ phiếu, nhưng rồi bị cản trở do quy định hoạt động của sàn giao dịch. Trong những tuyên bố công khai, vi phạm các yêu cầu về tiết lộ của sàn giao dịch cũng như Ủy ban Chứng khoán và là điển hình cho thái độ tự nguyện che giấu rất đặc trưng của giới doanh nghiệp tư nhân Mỹ, Carnation tuyên bố rằng "không hề có thông tin nào từ phía công ty và không có diễn tiến nào trong nội bộ góp phần lý giải các động thái cổ phiếu". Vài tuần sau đó, Carnation nói rằng công ty này không hề biết "bất cứ lý do nào giải thích cho hiện tượng tăng giá cổ phiếu đột biến gần đây" và nói thẳng thừng là công ty "không hề đàm phán với bất cứ đối tác nào".

Những tuyên bố này khiến rất nhiều nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ trên Phố Wall phát điên, ngoại trừ Boesky. Siegel khuyến khích anh ta phớt lờ các tuyên bố công khai của Carnation và cứ tiếp tục gia tăng áp lực mua. Dù thế nào đi chăng nữa, Boesky cũng biết được từ các nguồn tin khác rằng một vụ thâu tóm nhiều khả năng sẽ xảy ra. Boesky lợi dụng hiện tượng sụt giảm trong giá cổ phiếu Carnation để gia tăng lượng đầu cơ của mình. "Lại tái diễn trò Getty đây mà," Siegel quả quyết với Boesky.

Trên thực tế, nó thậm chí còn khả quan hơn cả Getty: sạch sẽ hơn, ngắn gọn hơn và lợi nhuận cao hơn. Carnation, một doanh nghiệp lâu đời, một trong những thương hiệu quen thuộc và đáng tin cậy nhất nước Mỹ đã thúc thủ trước đề nghị sáp nhập hữu hảo xuất phát từ người khổng lồ ngành thực phẩm Thụy Sỹ – Nestlé. Đối với Boesky, thương vụ này chính là chiến thắng lớn nhất thu được từ thông tin của Siegel: 28,3 triệu đô-la, tức xấp xỉ một nửa tổng lợi nhuận của Siegel trong vụ thỏa thuận này.

Thắng lợi hoành tráng này một lần nữa khiến các nhà đầu cơ cổ

phiếu giá rẻ khác phải sục sôi ghen tỵ và hoài nghi. Phố Wall chưa từng chứng kiến một chuỗi thành công từ cổ phiếu giá rẻ nào đủ cạnh tranh với những gì Boesky giành được: nào là Natomas, rồi đến Lenox, Getty, Gulf và giờ là Carnation. Quy mô khủng khiếp của các tình trạng đầu cơ cổ phiếu mà Boesky nắm trong tay đã mang lại cho anh ta một biệt danh ngầm đầy đố kỵ "Con Heo". Càng lúc, Mulheren lại càng nhận ra rằng mình luôn có xu hướng tỏ ý bảo vệ danh tiếng Boesky mỗi khi có người phàn nàn và bóng gió rằng Boesky đã sử dụng thông tin bất hợp pháp. "Thôi nào," Mulheren sẽ cất lời ngay. "Sao anh không chịu thừa nhận luôn là có ai đấy thông minh giỏi giang hơn mình đi?"

Một buổi chiều nọ, Boesky gọi điện và đề nghị Mulheren chủ trì một buổi tiệc tối gây quỹ. Bữa tiệc ấy sẽ vinh danh Boesky và gây quỹ cho Trường Dòng Thần học Do Thái, một cơ sở giáo dục uyên thâm danh tiếng gần Đại học Columbia ở Manhattan. Mulheren chưa từng phát hiện ra chút hứng thú thực sự nào ở Boesky đối với Đạo Do Thái, nhưng anh ta biết rằng Boesky quyên hiến cho trường dòng, khả năng cao chỉ là để gây ấn tượng với những nhà đầu tư Do Thái lắm tiền nhiều của. "Ivan, anh biết là tôi chẳng thích thú việc chủ trì này nọ mà. Tôi đưa anh tờ séc thôi không được à?" Mulheren hỏi. Anh ta đã đưa ra tuyên bố chắc nịch rằng sẽ quyên góp cho bất cứ hoạt động từ thiện nào mà bạn bè đề nghị hỗ trợ. Boesky ngừng trong giây lát; và rồi, tỏ vẻ buồn nản chẳng khác nào một đứa trẻ, anh ta cất giọng, "Thế thì chẳng ai làm hết."

Mulheren thở dài và đành nhận lời. Anh ta vặn tay Carl Icahn cho đến khi anh này phải chấp nhận đồng tài trợ và giữa hai người với nhau, họ thỏa thuận sẽ xoay xỏa để bán toàn bộ vé mời. Trong tình hình thái độ thù nghịch và ganh ghét đối với Boesky đang lan rộng, đó quả là một việc chẳng dễ dàng gì, nhưng sự kiện ấy đã thu được gần 500 nghìn đô-la cho trường dòng. Bữa tối ấy là một dịp giao thiệp sang trọng; kể cả Mulheren cũng vận hẳn chiếc áo vest dành cho tiệc tối và thắt nơ bướm. Thân mẫu Boesky cũng từ Detroit tới dự. Bà gây ấn tượng với Mulheren như một quý bà dịu dàng, quý phái, thể hiện niềm tự hào cùng sự quan tâm của một bà mẹ Do Thái dành cho con trai mình. Sau khi Mulheren giới thiệu bà, anh ta nói với khách khứa, "Tôi biết tại sao các bạn lại có mặt ở đây đêm nay. Các bạn đến bởi không ai có thể tin rằng Ivan Boesky thực tình có một bà mẹ." Thính giả cười rộ lên.

Kể cả trong nội bộ nhân viên của Boesky cũng tồn tại nỗi hoài nghi về những thành công chất chồng của anh ta. Lessman, trưởng bộ phận nghiên cứu biết tỏng rằng không có kết quả nghiên cứu nào của anh ta hay bất cứ ai khác trong công ty đưa

Boesky đến những lô cổ phiếu đầu cơ này. Thế nhưng anh ta vẫn chưa phát hiện ra bất cứ quy luật nào; anh ta không để ý thấy có sự dính dáng của Kidder, Peabody một cách thiếu cân đối trong các thương vụ ấy. Trong một vụ làm ăn chớp nhoáng của ông chủ mình, Lessman biết được rằng Kidder, Peabody và Siegel đóng vai trò đại diện cho công ty mục tiêu trong một vụ thâu tóm mà công ty của Lessman có tích lũy cổ phiếu. Anh ta biết Boesky và Siegel thường xuyên nói chuyện điện thoại, vậy nên Lessman mang thông tin ấy đến cho Boesky. "Tôi vừa mới biết là Kidder có góp mặt trong vụ này," Lessman nói, tỏ vẻ rất tự hào vì thông tin tuyệt mật của mình. "Sao anh không gọi cho Marty Siegel xem anh ta có giúp đỡ được gì không?"

"Anh nói thế là có ý gì?" Boesky hỏi lạnh tanh, vẻ giận dữ. "Vì sao Marty Siegel lại phải nói chuyện với tôi?"

"Ý tôi là, anh rất thân thiết với anh ta, đúng không?" Lessman nói. "Anh có thể..."

Boesky bịt miệng Lessman ngay. "Nhớ cho rõ một điều này nhé. Không có quan hệ đặc biệt nào giữa công ty này với Marty Siegel. Giờ thì ra ngoài đi."

Rất nhanh sau đó, một phát súng cảnh báo điềm gở đã sượt qua Boesky, một sự việc khiến cả Siegel phải lạnh sống lưng. Tính đến thời điểm này, bất chấp những thành công ghê gớm của mình, Boesky vẫn không thu hút được nhiều sự chú ý từ báo giới tài chính trong nước. Thế nhưng, mùa hè năm 1984, Gwen Kinkead, phóng viên tạp chí Fortune đã bắt tay vào thực hiện một câu chuyện về một vài nhân vật quan trọng. Boesky hiếm khi trả lời điện thoại của cánh nhà báo, nhưng anh ta đã chiếu cố dành cho Kinkead một buổi phỏng vấn, mặc dù suốt buổi, anh ta đều từ chối bàn luận về bất kỳ hoạt động giao dịch nào và thậm chí cũng không sẵn sàng cung cấp bất cứ thông tin nào về đời tư.

Siegel biết là bài báo đang trong quá trình thực hiện; phóng viên nọ có gửi lời nanh ta qua thư ký của anh ta. Thế nhưng, khi anh ta gọi lại, Kinkead đi vắng và cô ta không hề liên lạc lại với Siegel. Siegel đoán chừng Kinkead chỉ đơn thuần đề nghị anh ta đưa ra bình luận nào đó về Boesky. Vậy nhưng, tuần cuối cùng tháng Bảy, Siegel ngớ người khi Boesky gọi điện để cảnh báo anh ta về một lời "ám chỉ" không có lợi trong bài báo về mối quan hệ của Boesky với Kidder, Peabody và First Boston.

Siegel thất kinh. "Việc này tệ quá tệ," Siegel tức giận. "Tệ với anh

và tệ với cả tôi."

Boesky có vẻ chẳng bận tâm. "Anh hơi quá rồi đấy," Boesky nói, và bảo rằng chẳng có gì mới mẻ trong bài báo và rằng nó cũng chỉ là một bài "ăn theo" một bài khác trên tờ Los Angeles Times cũng đã từng nhắc tới những mối liên hệ của Boesky với hai ngân hàng đầu tư này mà thôi. Điều này còn kích động Siegel hơn. Tờ Los Angeles Times kia đấy! Anh ta thậm chí còn chưa từng nghe về chuyện này. Liệu việc ấy có biến thành cả một đợt dồn dập những tin tức xấu hay không? Anh ta biết rõ là lĩnh vực của mình nhạy cảm ra sao với giới báo chí.

Siegel muốn tự mình thông báo tin này đầu tiên đến DeNunzio, trước khi nó xuất hiện trên mặt báo. DeNunzio cũng phản ứng với đôi chút quan ngại nhưng không âu lo thái quá. Đương nhiên là ông ta không hề hỏi Siegel xem liệu bài báo có chút sự thật nào không. DeNunzio gọi cho Peter Goodson, ứng cử viên chức trưởng bộ phận M&A để đánh giá thiệt hại tiềm tàng đối với hoạt động sáp nhập của công ty, và đưa ra kết luận rằng chỉ là nhỏ lẻ. Trên Phố Wall lúc nào chẳng có dư luận um xùm này nọ. Nhưng tất cả bọn họ đều thở phào nhẹ nhõm bởi Boston cũng bị nhắc đến.

Ngày thứ Hai tuần kế tiếp, Siegel ào vào sạp báo để mua tờ Fortune số ra ngày mùng 6 tháng Tám. Phần lớn nội dung bài báo là vô thưởng vô phạt, tập trung vào thành công rực rỡ cùng khát vọng lớn lao của Boesky trong lĩnh vực tài chính, mặc dù trong đó cũng có ít nhiều điểm khắc họa tính cách và chi tiết bất lợi về xuất thân ban đầu của Boesky. Tuy vậy, sâu phía trong bài báo có hai đoạn khiến Siegel sợ lẩy bẩy: "Các đối thủ cạnh tranh của Boesky thì thào truyền tai nhau về những động thái thức thời như thể thông suốt mọi sự của anh ta," đoạn văn bắt đầu, "và tin đồn nhan nhản khắp nơi rằng anh ta tìm kiếm những thương vụ có liên quan đến Kidder Peabody và First Boston. Boesky kịch liệt phủ nhận việc sử dụng thông tin nội gián…"

Và rồi bài báo đụng chạm đến một vấn đề đặc biệt nhạy cảm. "Những động thái của Boesky – và của Kidder, Peabody cũng như Forstmann Little – đã khiến Phố Wall phải chú ý khi Pargas, một nhà phân phối khí hóa lỏng tại Maryland bị gia tộc Belzberg giàu có của Canada theo đuổi." Sự việc ngẫu nhiên này có dính dáng đến vài mối quan hệ thân thiết nhất của Boesky: với Siegel, người đã nói chuyện với Boesky về Pargas, nhưng không hề - anh ta không nghĩ là có chuyện đó – cung cấp cho Boesky bất cứ thông tin nội bộ nào; dính dáng đến Teddy Forstmann, người sáng lập của Forstmann Little, người thường xuyên trò chuyện với Boesky;

và với Mulheren, gia tộc Belzberg chính là khách hàng chủ lực và là Mạnh Thường Quân của anh này. Siegel biết rằng các thông tin về những động tĩnh của gia đình Belzberg vẫn được Mulheren đều đặn chuyển tiếp cho Boesky.

"Vào một ngày sau khi gia đình Belzberg thông báo với Pargas về đề nghị mua lại của mình, nhưng trước khi bất cứ thông báo chính thức nào được công bố," bài báo tiếp tục, "Boesky đã mua vào 35 nghìn cổ phiếu Pargas..." Hàm ý rõ ràng, mặc dù chỉ hoàn toàn ngẫu nhiên, chính là Boesky có thông tin nội gián về vụ đấu thầu của Belzberg – nhiều khả năng qua Pargas, và chi tiết này chĩa thẳng vào Siegel.

Bài báo kể tiếp rằng Boesky đã tẩu tán một lượng lớn cổ phiếu Pargas trước khi có công bố của Forstmann Little rằng nó sẽ từ bỏ đề nghị đấu thầu với Pargas và khiến cho giá cổ phiếu sụt giảm. Chi tiết này lại chỉ ra khả năng Forstmann đã tiết lộ kế hoạch của mình cho Boesky từ trước thời điểm đó; chính bản thân Siegel cũng nghi ngờ như vậy. Câu trả lời của Boesky, dẫn theo Kinkead là: "Tôi không có bất cứ bình luận nào về các hoạt động giao dịch. Chúng tôi ngày nào mà chẳng mua vào rồi bán ra cổ phiếu, luôn luôn là hợp lệ. Chúng tôi có những chuyên gia hàng đầu tư vấn cho mình."

Siegel hốt hoảng. Làm sao việc này có thể xảy ra được chứ? Lo ngại xấu nhất của anh ta là mối quan hệ giữa anh ta với Boesky rất có thể sẽ bị phát hiện, và giờ thì tất cả đã rõ như ban ngày ngay trước mắt công chúng toàn quốc. Thông tin này không hề chìm nghỉm giữa Phố Wall. Bạn bè Lessman bắt đầu giễu cợt ám chỉ tới Siegel như là "phó chủ tịch của Boesky chuyên phụ trách Kidder, Peabody."

Tháng Tám năm đó, Siegel nhận được một cú điện thoại từ Robert Freeman, vị thủ lĩnh đầy quyền năng của bộ phận cổ phiếu giá rẻ tại Goldman, Sachs. Suốt nhiều năm ròng, Siegel đã trò chuyện trên điện thoại với Freeman gần như mỗi ngày. Freeman và Siegel dần trở nên thân thiết, ban đầu chỉ là nói chuyện về các thương vụ mà công ty họ tham gia, sau đó là ngày càng nhiều hơn về thể thao, triết học, lương thưởng và cả những tham vọng. Freeman đã chuyển cả gia đình từ New Jersey đến khu Rye sang trọng ở New York và kể cho Siegel tất tật về căn nhà rộng lớn mà anh ta đã mua gần Câu lạc bộ Điền dã Apawamis danh tiếng. Siegel coi Freeman như một "tri âm tri kỷ" qua điện thoại.

Freeman là người thành thị, ăn nói nhỏ nhẹ, mực thước và rất có

duyên. Anh ta từng học chuyên ngành Tiếng Tây Ban Nha tại Đại học Dartmouth và sau đó là Trường Kinh doanh Columbia, rồi vào làm việc tại Goldman. Anh ta theo học nghiệp cổ phiếu giá rẻ từ chỗ Robert Rubin, người sau đó trở thành đồng chủ tịch của hãng. Gustave Levy, vị chủ tịch huyền thoại của Goldman cũng đã tự trau dồi nghiệp vụ cổ phiếu giá rẻ và được coi là một trong những trụ cột của lĩnh vực này trên Phố Wall. Freeman được đưa vào làm hội viên của hãng từ năm 1978, và những lời khuyên của anh ta ngày càng được các hội viên khác trong công ty coi trọng khi cổ phiếu giá rẻ ngày càng đóng vai trò quan trọng hơn trong kết quả của các vụ sáp nhập, tái vốn hóa cũng như những giao dịch quan trọng khác của hãng.

Để bảo toàn danh tiếng của mình, Goldman đã thiết lập một bức tường ngăn cách thông tin giữa bộ phận cổ phiếu giá rẻ với toàn bộ phần còn lại của hãng. Goldman còn lưu truyền một "danh sách cấm" – bản danh sách tuyệt mật gồm các khách hàng liên quan đến những hoạt động ngân hàng đầu tư đang tạm thời trì hoãn. Các chuyên gia cổ phiếu giá rẻ và các thành viên khác trong hãng bị cấm ngặt giao dịch cổ phiếu của những công ty này. Freeman thường xuyên phàn nàn với Siegel về tất cả những thương vụ mà anh ta không thể giao dịch bởi Goldman có dự phần nào trong đó.

Cũng như Boesky, Freeman cũng đóng vai trò không thể chối bỏ, đó là nguồn thông tin thị trường và thông tin giao dịch ngoài Goldman. Anh ta có một vị trí đáng thèm muốn trong mạng lưới khăng khít gồm các chuyên gia cổ phiếu giá rẻ "tai to mặt lớn". Quả thực, Siegel từ lâu đã nghi ngờ các thành viên trong "câu lạc bộ" chia sẻ thông tin với nhau. Vẻ đẹp của lối dàn xếp kiểu này nằm ở chỗ, kể cả một trong số các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ có thể bị cấm giao dịch do công ty của anh ta có dự phần trong thương vụ nào đó, thì những thành viên khác vẫn tự do tự tại. Họ được thoải mái giao dịch, với điều kiện là họ chia sẻ những thông tin tương tự với các thành viên khác.

Siegel biết rằng những thông tin như vậy bằng cách này hay cách khác cũng tìm được đường ra thị trường trước khi xuất hiện những tuyên bố gây rúng động thị trường từ các doanh nghiệp có liên quan. Tất cả mọi người đều nhìn thấy được dung lượng và giá cổ phiếu tăng lên, và chẳng khó khăn gì để lần ra được danh tính của người mua. Cả nền công nghiệp gia truyền lớn mạnh trên Phố Wall này chỉ gồm toàn những nhà đầu cơ tự phong, những người chỉ đơn thuần lần tìm hình mẫu từ các thành viên khác trong lĩnh vực mình, rồi mù quáng bán ra, mua vào theo kiểu trào lưu nhái

lại.

Lúc Freeman gọi, vụ thỏa thuận Carnation đang trong giai đoạn biến động thất thường, càng củng cố cho những những nghi ngờ của Siegel về cộng đồng nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ. Freeman nói rằng anh ta biết Boesky sở hữu một triệu cổ phiếu Carnation. Siegel còn sửng sốt gấp đôi, vì cả quy mô của lô cổ phiếu đầu cơ trong tay Boesky – anh ta không ngờ Boesky lại đầu tư mạnh đến vậy – và cả bởi một thực tế rằng Freeman biết được chuyện này. Rõ ràng, trong tổ chức của Boesky, không hề có điều gì là bí mật, chí ít là đối với những nhà đầu cơ quyền năng như Freeman. Chẳng trách những tin đồn kiểu vậy xuất hiện trên mặt báo. Đầu óc Siegel quay cuồng khi Freeman nói. Và rồi anh ta nghe thấy câu gì đó giáng thêm mối lo lắng cho Siegel: "Anh cứ cẩn thận," Freeman nói. "Có tin đồn là anh quá thân thiết với Boesky đấy."

"Tôi không nói chuyện với anh ta nữa rồi," Siegel buột miệng. "Hồi trước thì có."

Câu bình luận của Freeman chính là cú chót. Siegel thề với bản thân rằng tiết lộ thông tin vụ Carnation sẽ là lần cuối cùng. Anh ta phải tránh xa khỏi Boesky, thật nhanh. Nếu không anh ta sẽ bị dư luận đeo đuổi nhằng nhẵng vĩnh viễn.

Và rồi, chính vào lúc ngỡ rằng tai nạn mang tên Fortune đã qua, Siegel nhận được điện thoại từ phóng viên Connie Bruck, người đang thực hiện một bài khác về chân dung Boesky, bài này là cho tờ The Atlantic. Cô này đã đọc cả hai bài báo trên tờ Los Angeles Times và Fortune, cô ta cũng chuẩn bị nhắc đích danh Siegel như một chủ đề được dư luận quan tâm. Siegel van vỉ nữ phóng viên này bỏ tên mình ra khỏi bài báo, nhưng không có kết quả gì. Siegel lại đến gặp DeNunzio để cảnh báo ông, nói rằng họ buộc phải ra tay hành động ra sao đó. Và quả là có thật. Khi Bruck thực hiện bản thảo bài báo với chi tiết đề cập đến Siegel, cô được các luật sư của tạp chí thông báo rằng bài báo sẽ không được xuất bản nếu cô không chịu xóa bỏ những câu đó đi. Bài báo xuất hiện trên ấn bản tháng Mười hai không hề nhắc gì đến Siegel. Mãi về sau, Siegel mới biết rằng các luật sư của Kidder, Peabody đã can thiệp, đe dọa sẽ đệ đơn kiện nếu chi tiết chọc giận ấy không bị loại bỏ khỏi bản thảo.

Suốt trong khoảng thời gian còn lại của năm, Siegel luôn duy trì quyết tâm nới lỏng dần những mối ràng buộc với Boesky. Những cuộc điện thoại hàng ngày với Boesky đã sụt giảm đáng kể. Siegel không cung cấp thêm bất kỳ thông tin nội gián nào. Thế nhưng, khi dịp cuối năm tới gần, và bất chấp mọi nỗi lo ngại, Sigel bắt đầu

cân nhắc về "khoản thưởng" cuối năm. Kể cả với Siegel, cũng khó mà đưa ra một quyết định hoàn toàn lý trí bởi anh ta quá cần tiền. Năm 1984, Siegel đã có một năm rực rỡ, khoản lương thưởng hợp pháp tại Kidder, Peabody của anh ta đã vượt ngưỡng 1 triệu đô-la; Siegel được thanh toán 1,1 triệu đô-la bằng tiền mặt và cổ phiếu Kidder, Peabody. Thế nhưng, việc tân trang căn hộ tiêu tốn nhiều hơn dự tính, lên tới gần 500 nghìn đô-la. Và suy cho cùng, anh ta đã kiếm được "khoản thưởng" này với những thông tin tuyệt mật cùng ý kiến tham vấn cực kỳ giá trị. Vậy thì vì đâu anh ta lại không có được phần của mình trong những khoản lợi nhuận ngoại cỡ của Boesky?

Tháng Một năm 1985, Siegel và Boesky lại tiến hành thỏa thuận mọi sự tại cửa hàng Pastrami 'n Things. Đúng như lời thề của mình, Siegel nâng cao mức đòi hỏi nhằm bổ khuyết cho phần tiền bị hớt có thể đoán trước. Anh ta đòi 400 nghìn đô-la, và mong đợi sẽ nhận được chừng 350 nghìn đô-la. Với chừng nấy tiền mặt, anh ta có thể trả hết nợ cho các nhà thầu xây dựng căn hộ.

Boesky đã sẵn sàng đồng ý; giá trị của thông tin nội gián trong vụ Carnation thậm chí không cần phải bàn cãi thêm nữa. Nhưng lần này, Boesky có một kế hoạch mới cho việc giao tiền. Anh ta không muốn mạo hiểm một lần chuyển giao nữa ở sảnh Khách sạn Plaza.

Boesky chỉ dẫn Siegel đến một buồng điện thoại công cộng nằm giữa Phố 55 và Đại lộ số Một đúng vào 9 giờ sáng. Siegel sẽ nhấc ống nghe lên và vờ như đang gọi điện. Trong khi anh ta đang nghe điện thoại, giao liên sẽ đứng ở đằng sau Siegel như thể đang chờ đến lượt mình. Anh ta sẽ đặt một va li xuống cạnh chân trái Siegel và rồi lủi đi. Siegel thầm nghĩ âm mưu này nghe chừng còn nực cười hơn cả kế hoạch Plaza, cứ như thể rút ra từ một tiểu thuyết trinh thám ba xu nào đó, nhưng Boesky vẫn khăng khăng làm vậy.

Siegel đến trạm điện thoại công cộng sớm hơn giờ đã định vào ngày hẹn. Để giết thì giờ, anh ta ngồi xuống bên một bàn cạnh cửa sổ một tiệm cà phê ngay bên đường. Lúc nhấm nháp cà phê, anh ta phát hiện ra ai đó ắt hẳn phải là tay giao liên: Một người đàn ông ngăm đen cầm cặp táp đang đi lại bồn chồn trong trung tâm mua bán nhỏ nơi có bốt điện thoại. Anh ta mặc một chiếc áo va-rơi màu đen.

Và rồi Siegel nhìn thấy một người khác nữa. Trên đường, cách đó khoảng nữa dãy nhà, Siegel phát hiện ra một người đàn ông da sậm khác đang lui cui đi lại trên vỉa hè, mắt dán chặt vào người

đàn ông mà Siegel ngờ là giao liên. Siegel bắt đầu phát hoảng. Chuyện gì đang diễn ra đây? Có ai khác dính dáng vào chuyện này hay sao? Đột nhiên tất cả những e ngại của Siegel về Boesky và những dính líu giả định của anh ta với CIA dội lên. "Bọn họ sẽ giết mình mất," Siegel nghĩ bụng. Đó chính là lý do của kế hoạch lạ đời này, tạo cơ hội cho tay giao liên tiếp cận ngay sau anh ta: Anh ta sẽ bị sát hại. Siegel uống xong cà phê, trả tiền, và chuồn lẹ, bỏ lại tay giao liên với chiếc va li nêm chặt tiền.

Ngay vừa lúc Siegel về đến văn phòng, Boesky gọi điện. "Thế nào rồi?" anh ta hỏi.

"Chẳng thấy gì cả," Siegel trả lời.

"Sao thế?" Boesky tỏ vẻ khó chịu.

"Có hơn một người xuất hiện ở đấy," Siegel giải thích. "Có người theo dõi."

"Tất nhiên rồi," Boesky thốt lên. "Lúc nào chẳng vậy. Tôi muốn biết chắc là bọn họ có chuyển tiền."

Siegel ngỡ ngàng. Boesky thậm chí còn không tin tưởng giao liên của mình.

Boesky nhất quyết rằng Siegel sẽ phải làm lại kế hoạch đã định ở buồng điện thoại. "Tôi đã gặp biết bao nhiêu rắc rối để gom được số tiền mặt này, anh cũng phải thế chứ," Boesky cự nự. Siegel tỏ vẻ cảnh giác, nhưng anh ta không thể dứt khỏi mối ràng buộc này. Sau khi tảng lờ Boesky được vài tuần, Siegel đã chịu thua. Lần này việc giao nhận diễn ra trơn tru không một vướng mắc. Như thường lệ, một phần tiền đã mất tăm mất tích, nhưng Siegel thậm chí còn chẳng buồn nhắc đến với Boesky nữa. "Đây là lần cuối cùng," Siegel thề với bản thân. Anh ta không định sống mãi trong sợ hãi.

Trong suy nghĩ của Siegel, việc làm ăn chung của họ đã hết, lần thanh toán cuối cùng đã xong. Siegel ngừng hẳn việc gọi điện cho Boesky, và khi Boesky gọi điện, Siegel thoái thác, tỏ vẻ bận rộn và nôn nóng dập máy. Boesky không mất nhiều thời gian để hiểu được những gì đang diễn ra.

Một buổi chiều, khi Siegel nhận cuộc gọi từ Boesky nhưng gắng sức kết thúc cuộc đối thoại thật nhanh chóng, anh ta phát hiện ra vẻ ngậm ngùi trong giọng điệu của Boesky, một nỗi buồn thành thực. "Sao thế hả, Marty?" Boesky lặng lẽ hỏi. "Cậu không còn

muốn nói chuyện với tôi. Cậu không gọi điện cho tôi nữa. Tôi không còn được gặp cậu nữa."

"Cậu không yêu quý tôi nữa rồi, đúng không?"

* * *

Mối quan hệ của Siegel với Boesky không phải là lý do duy nhất khiến Siegel phải hoảng hốt trước sự xuất hiện của bài báo trên tờ Fortune. Kể cả khi cố gắng tách ra khỏi Boesky, Siegel vẫn tiếp tục trao đổi thông tin nội gián với Freeman, tri kỷ điện thoại của anh ta – mặc dù Freeman đã cảnh báo Siegel về những tin đồn về mối quan hệ bất chính giữa Siegel với Boesky. Còn mối quan hệ với Freeman được thúc đẩy không chỉ bởi nhu cầu tiền mặt của Siegel, mà còn vì chính Kidder, Peabody nữa.

Dù có vẻ ngoài hào nhoáng, Kidder, Peabody thực chất là một hãng đang gặp rắc rối, phụ thuộc nặng nề vào Siegel về mặt lợi nhuận. Kể cả khi những nguồn doanh thu truyền thống như phí môi giới và bảo lãnh phát hành đã cạn khô, công ty này vẫn cứ quen thói làm cao, không thèm đếm xỉa gì đến các cơ may kiếm lời mới mẻ. Kidder, Peabody không hề có bộ phận cổ phiếu giá rẻ riêng. Al Gordon, rồi tiếp đến là DeNunzio, tin rằng giao dịch qua tài khoản đứng tên hãng sẽ làm lu mờ nghĩa vụ của công ty đối với quyền lợi của khách hàng. Những hãng không quá cân nhắc thận trọng như vậy đã kiếm được dăm bảy khoản lời kếch sù – như Goldman, Sachs – sớm triển khai nghiệp vụ cổ phiếu giá rẻ như một hoạt động chủ chốt, và thậm chí là Morgan Stanley, một công ty gần đây đã nắm bắt những cơ may thị trường béo bở như thế.

DeNunzio bị vài nhân viên ngân hàng ở Kidder, Peabody đặt biệt danh "đà điểu". Khi các thành viên trong hãng đề xuất những loại hình kinh doanh mới, ông ta vẫn thường hỏi xem liệu đây có phải là một lĩnh vực làm ăn mà Kidder, Peabody "cần phải" tham gia để phục vụ khách hàng của mình hay không. Câu trả lời chẳng mấy khi là "có". Trong khi đó, vốn của công ty này cứ tiếp tục ứ đọng, còn vốn của các đối thủ thì tăng trưởng vùn vụt, cho phép những doanh nghiệp này đảm bảo cung ứng tài chính cho những kế hoạch to lớn chính từ nguồn vốn của mình. Kidder, Peabody vẫn còn dựa vào hệ thống môi giới bán lẻ cũng như năng lực phân phối của mình, một phương thức gây vốn ngày càng trở nên cồng kềnh vướng víu, cũ kỹ lạc thời và không đem lại mấy lợi nhuận. Hệ thống môi giới bán lẻ trên thực tế mỗi năm phải gánh khoản thua lỗ lên tới 30 triệu đô-la.

Nếu như vậy còn chưa đủ tệ, thì danh tiếng được đánh bóng cẩn thận của Kidder đã bị vấy bẩn nghiêm trọng từ hồi tháng Ba năm 1984. Peter Brant, một chuyên viên môi giới chứng khoán trẻ tuổi, tính tình nhỏ nhẹ và ham hố giao thiệp xuất hiện trong các quảng cáo trên tạp chí để chào hàng cho Kidder, Peabody – đã thừa nhận tội trạng trong vụ gian lận giao dịch nội gián. Anh này đã trở thành nhân chứng chủ chốt trong một vụ xét xử giao dịch nội gián gây xôn xao dư luận nhất của năm: vụ xử R. Foster Winans, phóng viên tờ Wall Street Journal, viết bài cho mục "Theo Dõi Thị Trường" đầy sức ảnh hưởng của tờ báo này và tiết lộ trước các thông tin của mục cho Brant.

Vụ xét xử này đã thu hút sự chú ý lớn của công chúng; nó phơi bày câu chuyện giật gân về một luật sư nghiện rượu, những kẻ yêu đương đồng tính và những cuộc họp mặt giấu giếm tại các nhà hàng cùng câu lạc bộ sang trọng. Không ai khác ở Kidder, Peabody bị dính líu vào vụ này, hãng gắng sức giảm bớt mức độ nghiêm trọng của vấn đề, nhưng Robert Krantz, tư vấn trưởng của hãng đã gánh phần rủi ro khi phải đứng ở vị trí nhân chứng đưa lời khai. Các thủ tục tuân hành ở Kidder, Peabody lộ ra sự bất tài vô dụng đến nực cười.

Vụ xét xử cùng dư luận kèm theo khiến việc tìm kiếm những nguồn thu mới càng trở nên bức thiết hơn với Kidder, Peabody. Trước đó, DeNunzio và Al Gordon đã gặp và yêu quý một anh chàng trẻ tuổi đạt học bổng Rhodes tên là Timothy L. Tabor. Tabor ít nhiều cũng có kinh nghiệm kế toán và chính lớp vỏ "học tập tại Oxford" choáng lộn đã thu hút hai ông già, họ tuyển anh chàng vào vị trí tư vấn báo cáo trực tiếp cho DeNunzio. Chức danh của Tabor là phó chủ tịch phụ trách hoạch định.

Sau khi rà soát tình hình hoạt động của hãng, khả năng lợi nhuận cũng như những thiếu sót, Tabor kết luận rằng sự sống còn của Kidder, Peabody phụ thuộc vào việc hãng này nắm bắt những cơ hội tạo ra lợi nhuận mới như thế nào. Anh ta kết luận rằng hãng này không còn lựa chọn nào khác ngoài việc phải bắt đầu giao dịch năng nổ thông qua chính tài khoản đứng tên hãng. Kidder buộc phải thành lập một bộ phận chuyên trách về cổ phiếu giá rẻ. Tabor xung phong gia nhập bộ phận mới này. Anh ta tuyên bố đã từng giao dịch vài quyền chọn trong chính tài khoản của mình, nhưng không hề có chút kinh nghiệm nào trong nghiệp vụ cổ phiếu giá rẻ và rất ít kiến thức về giao dịch.

DeNunzio, dù vẫn còn lưỡng lự, đã làm theo lời khuyên của Tabor trong khi vẫn cố gắng tránh lộ ra chân tướng là đang thực hiện

việc đó. Ông ta giao phó chàng tư vấn viên trẻ tuổi này cho chuyên viên giao dịch cấp cao Richard Wigton, quyền trưởng bộ phận bán hàng. Wigton nguyên là chuyên gia phân tích tín dụng đã dành gần như toàn bộ sự nghiệp của mình ở Kidder, miệt mài thực hiện hết công việc này đến công việc khác mà không thu hút bất cứ sự chú ý hoặc gây ra sự hổ thẹn nào. Ông này bệ vệ đẫy đà, tốt tính và tẻ ngắt. Mọi người ở hãng đều gọi ông ta là "Wiggie".

Trong vai trò một chuyên viên giao dịch, Wigton bắt đầu "ăn theo" giao dịch của một vài khách hàng linh lợi nổi trội của hãng – chỉ đơn giản là mua vào và bán ra bất cứ thứ gì ông ta nhìn thấy trên chương mục giao dịch của họ – và ông ta cũng kiếm thêm được chút đỉnh lợi nhuận. Chỉ dựa vào nền tảng những thành tích hời hợt như vậy, DeNunzio đã yêu cầu ông này khởi sự hẳn một bộ phận cổ phiếu giá rẻ cho Kidder, Peabody. Một nhân viên văn thư xuất thân từ thư viện của hãng được cử xuống đảm nhiệm vai trò phụ tá bộ phận cổ phiếu giá rẻ. Sự tình chỉ có vậy.

DeNunzio gọi Siegel vào văn phòng mình để giải thích về cách sắp đặt của hãng, cảnh báo với Siegel rằng ông không muốn bất cứ ai ngoài hãng biết về sự tồn tại của bộ phận này. Ông nói là thấy lo ngại về chuyện không biết khách hàng sẽ phản ứng ra sao.

Siegel có quen biết và cũng thích Wigton, nhưng cho rằng ông này bất tài vô tướng đến tuyệt vọng xét về năng lực cổ phiếu giá rẻ. Anh ta hầu như không hay biết gì về Tabor ngoại trừ việc anh này có vẻ gần như hoàn toàn không có kinh nghiệm và chỉ mới chân ướt chân ráo gia nhập công ty. Và rồi DeNunzio làm một cú gây xôn xao dư luận. Ông ta muốn Siegel trở thành "cố vấn", chịu trách nhiệm hướng dẫn cho hai người bọn họ. Vì không có ai khác nữa, nên Siegel chỉ còn biết rên la ai oán.

Vào thời điểm đó, tháng Ba năm 1984, Siegel bị lôi kéo vào vụ đấu thầu Gulf Oil, đại diện cho KKR. Và rồi luồng ý kiến yêu cầu áp dụng đạo luật chống độc quyền, phản đối vụ mua lại của Socal với Gulf đã nổi lên trong Quốc hội, các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ và các nhà đầu tư khác bắt đầu cuống cuồng lo lắng, khiến giá cổ phiếu của Gulf sụt giảm, Siegel quyết định thử nghiệm vị thế cố vấn cổ phiếu giá rẻ của mình. Anh ta gọi cho Wigton và Tabor, yêu cầu họ bắt đầu mua vào cổ phiếu Gulf. "Giá trị nằm ở đấy," anh ta nói, dựa trên những nghiên cứu về các khoản thu và tài sản của Gulf mà anh ta đã thực hiện cho KKR. Anh ta tảng lờ mối đe dọa từ đạo luật chống độc quyền. "Công ty này sớm muộn cũng sẽ bị kẻ này kẻ khác thâu tóm thôi. Nó chỉ là cái xác không hồn." Theo những tiêu chuẩn của Kidder, Peabody, Wigton và Tabor đã gom

góp được hẳn một lượng đầu cơ cổ phiếu khổng lồ – lên tới 200 nghìn cổ phiếu. (Trong khi đó, Boesky nắm trong tay khoảng 4 triệu cổ phiếu.) Khi vụ thỏa thuận SOCAL cuối cùng đã êm xuôi trót lọt, Siegel được tung hô như một thiên tài cổ phiếu giá rẻ. Lợi nhuận của Kidder, Peabody là 2,7 triệu đô-la. DeNunzio hết sức thỏa mãn, vung vít lời khen ngợi Siegel vì ý kiến sáng suốt của anh ta. Siegel ngây ngất hân hoan. Cổ phiếu giá rẻ dễ ợt! Anh ta đã từng nghi ngờ chẳng biết mình có thạo nổi món này hay không. Anh ta cảm giác mình đã đem lại một phần đóng góp quan trọng khác cho công ty.

Dường như không ai nhận thức được Siegel đã tiến gần tới mức nguy hiểm như thế nào khi phá vỡ quan niệm thông thường về bức tường phân cách thông tin, biệt lập lĩnh vực cổ phiếu giá rẻ với những hoạt động khác trong một ngân hàng đầu tư. Siegel không hề sử dụng bất cứ thông tin tuyệt mật nào có thể moi được ở vai trò cố vấn tài chính cho KKR trong thương vụ với Gulf Oil. Nhưng Siegel đã tiến rất sát tới mức đó.

Một buổi chiều, Robert Freeman gọi cho Siegel, giống như anh ta vẫn làm gần như hàng ngày, nói rằng anh ta thích cổ phiếu của Walt Disney Co., rồi bổ sung thêm rằng anh ta đang sở hữu một lượng đầu cơ cổ phiếu trong tài khoản giao dịch của riêng mình. Chuyên gia thâu tóm doanh nghiệp Saul Steinberg cũng đã đầu cơ một lượng cổ phiếu Disney rất lớn, và có tin đồn trong giới buôn cổ phiếu giá cao là Steinberg sẽ phát động một cuộc đấu thầu. Gia đình Bass ở Texas, vốn nổi tiếng với những phi vụ đầu tư khôn ngoan, cũng đã tích lũy một lượng cổ phiếu khổng lồ. Freeman ngầm tỏ ý nhấn mạnh, mà trên thực tế là không hề nói thẳng ra, rằng anh ta đang liên hệ trực tiếp với Richard Rainwater, nhà đầu tư gắn liền với rất nhiều thành công của gia đình Bass.

Siegel ước chừng đây chính là cách thức hoạt động của cổ phiếu giá cao "có phường có hội" – thông tin tuyệt mật, bóng gió ám chỉ, ngấm ngầm ra hiệu, những mối liên hệ chung, những mối quan hệ dựa trên lợi ích qua lại, chỉ còn thiếu mỗi nước trao đổi với nhau thông tin nội gián mà thôi. Việc gì phải bận tâm, khi bất cứ ai cũng có thể xác lập tính tin cậy của một thông tin tối mật mà không cần phải nói rõ xem thông tin ấy được lấy về bằng cách nào hay từ đâu?

Siegel gọi cho Wigton và Tabor, bảo họ bắt đầu tích lũy cổ phiếu Disney. Chẳng bao lâu sau đó, vào tháng Sáu năm 1984, những luồng dư luận về "thư xanh" đã càn quét qua thị trường, gợi ý rằng, thay vì đấu thầu mua lại toàn bộ công ty hoặc duy trì tình

trạng "cưỡi trên lưng cọp", Steinberg sẽ bị Disney mua ngược lại toàn bộ lượng cổ phiếu đã tích lũy. Siegel lập tức gọi cho Freeman. Freeman trấn an ngay. "Làm gì có chuyện đó," anh ta nói. Vậy nên Kidder, Peabody lại tiếp tục giữ chặt lấy số lượng cổ phiếu khổng lồ của mình, và Siegel vội vã rời khỏi văn phòng để đáp chuyến bay tới Cleveland, nơi anh ta có một buổi họp đã lên lịch trước với khách hàng.

Vừa tới sân bay Cleveland, anh ta đã gọi điện về văn phòng ngay và chán ngán với thông tin nhận được: Trên thực tế, Steinberg đã chấp nhận "thư xanh". Lời đe dọa thâu tóm của anh ta đã không còn. Cổ phiếu Disney rớt giá. Tệ hơn nữa, Wigton và Tabor trở tay không kịp. Tổn thất của Kidder, Peabody với lượng đầu cơ cổ phiếu Disney này đã vượt quá mức 2,7 triệu mà công ty đã thu được từ vụ Gulf. Siegel bàng hoàng. Điều đó thật quá sức chịu đựng đối với một "thiên tài" cổ phiếu giá rẻ.

Sáng hôm sau, Siegel lại nói chuyện điện thoại với Freeman. Siegel giận dữ, thậm chí còn bừng bừng nộ khí hơn khi Freeman nói với Siegel rằng anh ta đã bán hết số cổ phiếu của mình trước khi thông tin được công khai. "Thế sao anh không báo cho tôi?" Siegel nổi đóa. "Anh lôi tôi vào đám cổ phiếu đấy cơ mà, anh có thông tin, thế mà anh không cho tôi biết là sao?" Siegel ngờ vực; anh ta không thể tin nổi là Freeman lại bày trò lừa mình như thế.

Có vẻ Freeman thành thực lo lắng. Anh ta nói anh ta không hề biết là Siegel gom một lượng cổ phiếu lớn đến thế, và, bên cạnh đó, anh ta đã cố gọi cho Siegel để thông báo tin ấy, nhưng Siegel đang trên máy bay tới Cleveland. Siegel cũng thấy nguôi ngoai đôi chút, nhưng khoản thua lỗ vẫn cứ đau đớn như thường. Anh ta không biết sẽ phải giải thích với DeNunzio ra sao, nhất là điều đó xảy ra khi đã có quá nhiều dư luận xôn xao rằng thư xanh đang được tiến hành. Thế mà, Kidder, Peabody, theo lời khuyên của Siegel – vẫn cứ duy trì toàn bộ cổ phiếu của mình.

Vài ngày sau đó, hôm thứ Sáu, Siegel dành cả ngày làm việc tại căn hộ ở Connecticut. Anh ta đã đủ bình tâm sau cú sẩy chân Disney để gọi cho Freeman, hai người lại nói chuyện về những tiến triển của thị trường và M&A như thể chưa hề có gì xảy ra. Siegel, không thực sự dành nhiều tâm trí cho chủ đề này, đã lái cuộc trò chuyện sang một khách hàng lớn của Goldman, Continental Group, một công ty bao bì sau đó đã trở thành mục tiêu của một vụ đấu thầu thâu tóm do Ngài James Goldsmith phát động. Siegel hỏi Freeman xem liệu anh ta nghĩ vụ bỏ thầu của Ngài James có duy trì được không.

Siegel chỉ mong đợi thứ gì đó hữu ích chứ không phải cặn kẽ cụ thể, bởi Goldman, ngân hàng đầu tư của Continental – có liên quan tích cực vào việc hoạch định chiến lược của Continental. Có thể Freeman không biết gì về Continental, bởi Goldman có lẽ đã dựng lên bức tường ngăn cách thông tin nghiêm ngặt giữa cổ phiếu giá rẻ với ngân hàng đầu tư. Thế mà, Freeman nói ngay, "Chẳng sao đâu. Đằng nào bọn họ chẳng bán quách cái công ty đấy đi."

Siegel sửng sốt. Xuất phát từ một hội viên trong một công ty đại diện cho Continental, đây nghe chừng như là thông tin nội gián. Anh ta gác ống nghe và đưa mắt ngắm nhìn khung cảnh bờ biển Connecticut vào tiết cuối xuân. Anh ta biết rằng, trong cuộc trò chuyện với Freeman vừa rồi, bọn họ đã vượt qua một lằn ranh ngầm. Siegel cũng biết rằng mình có thể dễ dàng chỉnh đốn mọi sự chỉ bằng việc không đưa ra bất kỳ động thái nào nữa; giao dịch nội gián đòi hỏi phải giao dịch dựa trên thông tin. Nhưng anh ta cũng biết rằng, sau sự thua lỗ đáng xấu hổ của vụ Disney, Freeman nợ anh ta một "ân huệ". Liệu đây có phải cách thức hoạt động của mạng lưới cổ phiếu giá rẻ?

Siegel nhấc điện thoại, gọi cho Wigton và Tabor, đề xuất bọn họ mua vào cổ phiếu Continental. Bọn họ ngăn cản ngay khiến Siegel rất bực bội. Họ vẫn còn càm ràm về vụ Disney. Siegel cao giọng và bảo họ rằng anh vừa mới nói chuyện điện thoại với Freeman xong. Anh nhắc lại với họ, rành rọt từng từ, chính xác những gì Freeman đã nói với anh về ý định bán đi của công ty này. "Giờ thì các anh rõ chưa?" anh ta hỏi. Họ đã hiểu, và bắt đầu mua vào đầy mẫn cán.

Khoảng một tuần sau, Siegel lại hỏi Freeman về Continental. Freeman đang trong cơn hào hứng. "Tôi cũng phải phụ trách mảng tài chính doanh nghiệp thôi," Freeman nói. "Tôi cũng phải làm thứ mà anh làm đây, Marty ạ." Và rồi Freeman trắng trợn vượt qua ranh giới thông tin nội gián. Anh ta giải thích rằng một người bạn thân, một chuyên gia săn doanh nghiệp ở mức độ nào đó, tên là David Murdock – đang được Goldman liệt vào danh sách những đối tượng có khả năng trở thành "hiệp sĩ trượng nghĩa" giải cứu cho Continental. Freeman nói rành rọt các chi tiết trong kế hoạch của Murdock và nói rằng anh ta đang tư vấn cho Murdock. Giờ thì Siegel đã có được thông tin nội gián từ cả phía Continental, bởi Freeman được biết thông tin về công ty này tại Goldman, và rồi cả từ phía Murdock nữa. Siegel gọi cho Wigton và Tabor, thúc giục họ mua thêm cổ phiếu Continental.

Ngài James nâng cao giá bỏ thầu, gây ra một cú lấy đà rất đẹp cho giá cổ phiếu, và Siegel lại gọi cho Freeman lần nữa. "Chớ lo, chúng tôi sẽ trả cao hơn," Freeman trấn an Siegel. Kidder, Peabody mua vào nhiều cổ phiếu hơn, chung cục đã tích lũy được một lô cổ phiếu trị giá tới 25 triệu đô-la, khoản đầu cơ cổ phiếu lớn nhất từ xưa đến nay của công ty.

Trong nội bộ Kidder, Peabody, chỉ có hai người nữa ngoài Siegel, Wigton và Tabor được phép xem các bảng biểu thể hiện tình trạng nắm giữ cổ phiếu giá rẻ: DeNunzio và John T. "Jack" Roche – chủ tịch của Kidder, Peabody, một nhà quản lý yếu kém được DeNunzio dựng lên. Sau thua lỗ từ vụ Disney, DeNunzio ngày càng lo ngại về quy mô của khoản cược đặt vào Continental này, và cuối cùng buộc phải gọi Siegel vào giải thích.

Trông DeNunzio đầy âu lo và vã mồ hôi, như cách ông vẫn thường biểu hiện khi căng thẳng quá độ. Vì đâu Siegel lại có thể mạo hiểm quá nhiều vốn của công ty như thế? Vì đâu anh ta lại tự tin đến vậy? Rốt cuộc, Siegel buột miệng nói ra sự thật. "Thông tin này đến từ Bob Freeman." Đương nhiên DeNunzio biết Freeman là ai. Ông ngưng lại, vẻ nghiêm nghị, và rồi chỉ nói hai từ: "Bảo trọng!" Ông không bình luận gì sâu hơn về quy mô của việc đầu cơ cổ phiếu Continental.

Vụ thỏa thuận Continental đạt đỉnh vào ngày 29 tháng Sáu. Murdock đưa ra giá thầu cao nhất, 58,50 đô-la trên một cổ phiếu, vượt qua giá của Ngài James là 58 đô-la và cả Tenneco, một công ty lớn với mức giá chỉ là 55 đô-la. Đề nghị thầu của Murdock được tiếp nhận tại một cuộc họp kín đặc biệt của ban giám đốc Continental diễn ra vào khoảng 4 giờ chiều. Thông tin được công khai khi nó xuất hiện trên bảng điện báo Dow Jones chỉ vừa trước 5 giờ 30 chiều, nhưng Siegel thì không phải chờ đến khi nghe tuyên bố chính thức về tin tốt lành này. Freeman đã gọi cho anh ta từ hơn một giờ trước khi có tuyên bố chính thức, chưa đầy 20 phút sau khi ban giám đốc đi đến một quyết định đáng lẽ ra là tuyệt mật.

Wigton và Tabor bán ra cổ phiếu của Kidder, Peabody để thu về khoản lời trị giá 3,8 triệu đô-la, thừa đủ để đền bù khoản lỗ Disney. Ai nấy đều hân hoan phấn khởi. Danh tiếng của Siegel lại được khôi phục, mặc dù giờ đây, đương nhiên DeNuzio đã biết rằng thành công của Siegel không chỉ dựa trên "tài năng thiên bẩm" đơn thuần. Roche vỗ vỗ vào lưng Siegel, nói rằng "Cậu đã giúp công ty này sống sót."

Siegel nhận ra là Freeman đã đảm bảo chắc canh ta rằng anh ta sẽ khôi phục được những khoản lỗ ban đầu – những tai nạn mà anh ta cảm thấy mình phải gánh phần trách nhiệm. Giờ thì Siegel thấy mình có thể tin tưởng Freeman; anh ta là một chính nhân quân tử. Siegel nhận thấy mình yêu biết bao trạng thái thăng hoa của trò đặt cược cổ phiếu giá rẻ. Anh thích ở vị trí người tiếp nhận thông tin chứ không phải kẻ quyên hiến thông tin. Cả quy trình có vẻ như an toàn hơn, khả năng bị phát hiện là rất thấp.

Anh ta tiếp tục bòn rút thông tin từ mối liên hệ với Freeman, nhưng để đảm bảo mức độ giao dịch của Kidder, Peabody không thu hút sự chú ý của cả các nhà lãnh đạo trong nội bộ công ty, Wigton và Tabor đã đặt lệnh giao dịch thông qua các nhà môi giới thuộc bên thứ ba, chẳng hạn như Boyd Jefferies, một nhà môi giới ở Los Angeles đã gây dựng việc kinh doanh chỉ xoay quanh những giao dịch tư nhân như vậy. Anh ta là nhân vật dẫn đầu trong lĩnh vực được coi là giao dịch "thị trường thứ ba" hoặc "bên ngoài thị trường". Vẻ đẹp của lối dàn xếp như thế này nằm ở chỗ không hề có ghi chép giao dịch nào nối kết những cuộc gọi của Freeman cho Siegel với hoạt động giao dịch của Kidder, Peabody. Wigton rất thích nhắc đến những mẹo mực này bằng cụm từ "giấu tay".

Freeman không được cho biết về hạn độ của hoạt động giao dịch Kidder, Peabody thực hiện. DeNunzio vẫn quả quyết là bộ phận cổ phiếu giá rẻ của Kidder, Peabody phải được giữ bí mật. Siegel nói với Freeman rằng anh ta đang giao dịch trong tài khoản của riêng mình. Và Siegel rất ngạc nhiên khi Freeman nói rằng anh ta cũng đang giao dịch rất tích cực bằng tài khoản cá nhân và trong cả những tài khoản được duy trì vì lợi ích của các con Freeman.

Chuyên gia cổ phiếu giá rẻ ở các công ty đầu ngành thường bị cấm ngặt giao dịch thông qua tài khoản cá nhân nhằm ngăn chặn những cám dỗ đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích của công ty, ưu tiên bản thân mua vào bán ra trước nhất, với một quy trình được biết tới với tên gọi "mua bán đón đầu". Siegel chắc canh ta rằng Goldman ắt cũng phải cấm hoạt động như thế. Freeman vô tình gạt mối nghi ngại của Siegel sang một bên. "Lúc dừng giao dịch cho Goldman, tôi chuyển sang các tài khoản cá nhân," Freeman giải thích.

Không có gì ngạc nhiên, Freeman chẳng mấy chốc đã yêu cầu phải "có qua có lại" – một khoản khiến cho tiền lương của Boesky chỉ là một khoản thù lao rẻ mạt. Vào thời điểm diễn ra vụ thỏa thuận Continental, Siegel và Freeman đang tham gia hai vụ mua lại tiềm năng với quy mô lớn: Waste Management, công ty xử lý rác thải

khổng lồ, đang xem xét một vụ đấu thầu với SCA Services, một công ty nhỏ hơn cũng trong lĩnh vực hoạt động này, đồng thời là khách hàng của Siegel. Rupert Murdoch, khách hàng của Goldman, Sachs cũng đang để mắt đến việc đấu thầu một công ty sản xuất sản phẩm từ gỗ rất lớn, St. Regis Paper Co.

Trong tháng Sáu, theo yêu cầu của Freeman, Goldman, Sachs đã tích lũy lượng đầu cơ cổ phiếu SCA sau khi Waste Management gửi một bức thư thẳng thừng đề nghị một cuộc mua lại hữu nghị, một kỹ thuật mà các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ biết đến với tên gọi "vòng tay của gấu". Lá thư được công khai. SCA là khách hàng của Kidder, Peabody và của Siegel, và lập tức áp dụng biện pháp kháng cự. Chỉ riêng tuyến phòng vệ đầu tiên thôi đã tiềm tàng nguy cơ chí mạng: có nảy sinh những vấn đề chống độc quyền rất có thể sẽ khiến chính phủ ngăn chặn cuộc mua lại vừa được đề xuất.

Với quy mô của lượng cổ phiếu đầu cơ trong tay Goldman, Sachs như hiện nay, những thông tin về vấn đề chống độc quyền khiến Freeman vô cùng lo lắng, và anh ta gọi về nhà ở Connecticut cho Siegel. "Marty, cậu phải giúp tôi vụ SCA này mới được," Freeman nói. "Mối đe dọa chống độc quyền này có thật không vậy?"

Siegel gắng sức tránh tiết lộ thông tin nội bộ, chỉ nói chung chung về những chuyện xung quanh các lựa chọn của công ty, nhưng Freeman hối thúc bằng được, và cuối cùng Siegel đã phải đầu hàng vô điều kiện. Anh ta kể cho Freeman các chi tiết trong những kế hoạch phòng thủ của SCA, và nói rằng phương kế chống độc quyền chủ yếu chỉ là một mưu chước hòng có được giá bỏ thầu cao hơn mà thôi. "Công ty này sẽ xuống nước thôi," Siegel trấn an bạn mình và khuyến khích anh ta gia tăng mức nắm giữ.

Trong khi vụ thỏa thuận SCA diễn tiến, Siegel và Freeman cũng dần phát triển một dạng mật mã, làm cho việc trao đổi thông tin bớt vẻ cặn kẽ thái quá. Ngay trước thời điểm Browning Ferris, một công ty xử lý rác thải khác tham gia cuộc tập kích với gói thầu của riêng mình, Siegel nói với Freeman: "Cổ phiếu này chắc canh ta mua may bán đắt." Dĩ nhiên, Freeman nhận thức được rằng xu hướng tăng giá sẽ diễn ra.

Vào thứ Hai, ngày 13 tháng Tám, SCA tuyên bố rằng công ty này đang rất hoan nghênh những đề nghị đấu thầu của các doanh nghiệp khác ngoài Waste Management, và giá cổ phiếu tăng vọt với luồng dư luận cho rằng Browning Ferris sẽ đưa ra giá thầu cao hơn. Ngày thứ Năm và Sáu tuần trước đó, Goldman đã mua vào

hơn 70 nghìn cổ phiếu SCA. Công ty này còn mua thêm 57 nghìn cổ phiếu nữa vào ngày thứ Hai, trước khi tuyên bố của SCA đẩy giá cổ phiếu tăng lên.

Sau đợt tăng giá đột ngột ấy, Freeman lo ngại rằng thị trường đang phấn khởi thái quá trước triển vọng về một mức giá thầu cao hơn. Anh ta tự hỏi liệu có nên tống khứ một phần cổ phiếu trong lô cổ phiếu Goldman đang nắm giữ hay không, và anh ta lại gọi cho Siegel. "Anh nghĩ thế nào về giá cổ phiếu bây giờ?" Freeman hỏi. Siegel quyết định thử làm bộ làm tịch.

"Anh hỏi thế có ý gì?" anh ta hỏi lại. Nhưng trong tình cảnh đặt cược nhiều đến vậy, Freeman chẳng có tâm trạng nào mà vờn qua đáp lại.

"Anh biết ý tôi là gì mà," anh ta gắt gỏng đáp lời.

"Với tôi thì có vẻ ổn," Siegel gia ơn, biết rằng "ổn" sẽ được hiểu là động thái khuyến khích mua vào thêm cổ phiếu SCA. Trong vòng vài ngày sau đó, Goldman đã mua thêm 123.500 cổ phiếu SCA nữa. Cuối cùng, Waste Management đã đánh bại gói thầu Browning Ferris đưa ra, các vấn đề liên quan đến chống độc quyền cũng được tháo gỡ, và Goldman đã thắng một đận lớn nhất từ cổ phiếu giá rẻ trong năm ấy, thu về được hàng triệu đô-la lợi nhuận.

Trái bóng giờ đây ở trong sân nhà của Freeman; anh ta mắc nợ Siegel với thông tin này, và St. Regis dường như là công cụ lý tưởng để đền đáp. St. Regis đã ở trong tình trạng "cưỡi trên lưng cọp" gần như suốt cả năm 1984. Trên hành trình kiếm tìm các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ gỗ (mà cực điểm là việc đề nghị đấu thầu Crown Zellerbach), Ngài James Goldsmith đã ậm ừ ngỏ lời từ hồi đầu năm. Bị đánh động, St. Regis đã quay sang phía các chủ ngân hàng đầu tư của mình ở Morgan Stanley. Về phần mình, Morgan Stanley đã liên hệ với một công ty giấy quy mô lớn hơn – Champion International, một khách hàng của Goldman để đề xuất việc đảm nhiệm vai trò hiệp sĩ giải cứu. Cổ phiếu St. Regis được đưa vào "danh sách xám" ở Goldman. Danh sách xám tại Goldman và cả những công ty khác nữa còn tuyệt mật hơn cả danh sách cấm, trong đó cấm ngặt các quan chức và nhân viên của công ty giao dịch những cổ phiếu này. Các danh sách cấm, được phổ biến rộng rãi trong nội bộ công ty, luôn có khả năng cao bị tiết lộ ra ngoài. Vậy nên các danh sách xám chỉ được phổ biến trong một nhóm nhỏ lãnh đạo tối cao mà thôi.

Cuối cùng, St. Regis đã mua lại cổ phiếu của Ngài James thông qua

một giao dịch thư xanh, mối đe dọa thâu tóm cơ hồ đã tiêu tan mây khói. Những cuộc đàm phán với Champion đã kết thúc, và Goldman loại St. Regis ra khỏi danh sách xám của công ty. Và rồi các cuộc đối thoại được khởi động lại vào ngày 27 tháng Sáu. Mối đe dọa mới xuất phát từ Rupert Murdoch. Murdoch và gia tộc Bass (lại được tư vấn bởi Rainwater, bạn của Freeman) đưa ra tuyên bố công khai là họ đã mua được một lượng lớn cổ phiếu St. Regis.

Freeman không hoàn toàn thật thà với Siegel khi nói rằng anh ta luôn hoàn tất giao dịch ở tài khoản Goldman trước khi chuyển sang giao dịch bằng tài khoản cá nhân và của các con. Vào ngày 16 tháng Bảy, Champion và St. Regis đã ký kết một thỏa thuận bảo mật khi hai công ty này thẩm tra các kết quả tài chính của nhau trước viễn cảnh một cuộc sáp nhập. Đương nhiên, vào thời điểm đó, các lãnh đạo của Goldman, Sachs không được phép giao dịch cổ phiếu của cả hai công ty này. Thế mà ngay ngày hôm sau, Freeman đã mua vào 15 nghìn cổ phiếu St. Regis bằng tài khoản cá nhân với mức giá phân bố từ 43 đến 45 đô-la một cổ phiếu. Đến ngày hôm sau nữa, Murdoch tuyên bố báo giá bỏ thầu St. Regis ở mức 52 đô-la một cổ phiếu. Bộ phận tuân hành tại Goldman – đáng lẽ đã phải rà soát những giao dịch kiểu như của Freeman, thì lại tỏ ra gà gật lơ mơ hệt như những đồng sự ở Kidder, Peabody hay Drexel. Các nhân viên tuân hành thân phận hèn mọn ở Goldman không dám gây khó dễ cho hoạt động giao dịch của một hội viên quyền năng như Freeman. Xét về khía cạnh này, Goldman cũng chẳng đặc sắc hơn ai.

Vài ngày sau đó, St. Regis chính thức từ chối đề nghị đấu thầu của Murdoch, giáng một đòn mạnh mẽ vào những hy vọng của thị trường về một sự đầu hàng chóng vánh. Tuy thế, ngày hôm sau, được khuyến khích bởi thông tin do Freeman tiết lộ, Kidder, Peabody bắt đầu định hình quy mô đầu cơ cổ phiếu St. Regis của mình, tiếp tục những lượng mua ổn định đều đặn cho tới cuối tháng Bảy, khi Champion tuyên bố gói thầu 2 triệu đô-la dành cho St. Regis.

Thông tin nội bộ chỉ là một phần nhỏ trong mối liên minh giữa Siegel và Freeman. Mối quan hệ của họ còn hữu dụng theo những cách khác nữa. Trong giai đoạn đầu của thương vụ St. Regis, các chủ ngân hàng đầu tư của công ty này tại Morgan Stanley đã hứa với Siegel rằng họ sẽ không "chào bán" vụ đấu thầu của Champion cho các đương sự tiềm năng khác (nghĩa là họ sẽ không sử dụng gói thầu của Champion như một đòn bẩy hòng khởi phát hẳn một cuộc chiến đấu thầu). Thông qua các nguồn thông tin thị trường tự thân, Siegel biết được rằng bất chấp lời hứa của mình, Morgan

Stanley đang sử dụng Champion để thử tìm kiếm một thỏa thuận ngon lành hơn, mà, không hề ngẫu nhiên chút nào, sẽ đưa đến kết quả là mang lại khoản phí cao hơn cho Morgan Stanley. Siegel không chần chừ, thông tin ngay cho Freeman, anh này chuyển tiếp thông tin đến cho John Weinberg, chủ tịch Goldman, Sachs. Goldman đối chất thẳng tanh ta với Morgan Stanley và Champion thì quả quyết sẽ ký một thỏa thuận dứt khoát để sáp nhập ngay đêm hôm ấy. Kidder, Peabody cũng đã sử dụng thông tin này để bổ sung 100 nghìn cổ phiếu St. Regis vào số lượng đang sở hữu của mình.

Những thông tin về thỏa thuận sáp nhập của Champion/St. Regis xuất hiện trên bảng điện tử của Dow Jones vào buổi sáng hôm sau. Cả Kidder, Peabody và Freeman đều bán ra cổ phiếu St. Regis của mình và thu về những khoản lợi nhuận khổng lồ.

Siegel thấy trong lòng phởn phơ khoan khoái. Phố Wall đang bắt đầu bùng nổ, và anh ta nằm ở chính trung tâm hành động. Thậm chí, anh ta còn đang không còn tự nhủ rằng thương vụ này sẽ là lần chót của mình. Nước Mỹ đã lấy lại được lòng quả cảm cùng sự cởi mở. Freeman vừa mới tới Los Angeles để dự Thế vận hội Mùa hè 1984, một sự kiện được tung hô như là thắng lợi của nước Mỹ. Anh ta gọi cho Siegel khi vụ giao dịch SCA đã thắng lợi. “Tôi phải chuyển nó cho cậu mới được,” Freeman nói giọng hài lòng. “Cậu thực sự biết cách giao dịch thông tin đấy.”

Và rồi bài báo trên tờ Fortune xuất hiện. Đột nhiên Siegel bị ám ảnh bởi những lời nói của Freeman. Cũng giống như lúc thề thốt sẽ cách xa khỏi Boesky, Siegel quyết tâm dừng luồng thông tin nội bộ giữa anh ta với Freeman. Anh ta vẫn tiếp tục nói chuyện – anh ta thích Freeman, và mối quan hệ thực sự là một nguồn thông tin thị trường hợp pháp quá ư có giá trị đến mức không nên cắt đứt ngay lập tức – nhưng anh ta sẽ không cung cấp cho Freeman thêm chút tin tức tuyệt mật nào nữa. Suy cho cùng, bộ phận cổ phiếu giá rẻ của Kidder, Peabody đã thành công ngoài mong đợi, dù là hoang đường nhất, của bất cứ ai. Với những khoản lợi nhuận tích lũy lên tới 7 triệu đô-la, bộ phận cổ phiếu giá rẻ đột nhiên trở thành một trong những trung tâm sinh lợi hàng đầu của hãng, chỉ chưa đầy một năm sau khi được sáng lập. Siegel, Wigton và Tabor không cần thực hiện thêm bất kỳ giao dịch nào trong suốt phần còn lại của năm cũng vẫn đủ để được ca tụng như những người hùng. Dầu sao đó cũng chỉ là ngón phụ bên cạnh việc làm ăn chính của Siegel mà thôi.

Siegel cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng. Anh ta đã cứu Kidder,

Peabody thêm một năm nữa. Anh ta có thể ngưng cảm giác phạm tội.

* * *

Hal Ritch ngồi vào chiếc ghế bên bàn làm việc trong văn phòng ở Kidder, Peabody và chuẩn bị đối mặt với một buổi sáng tồi tệ. Mùa hè ấy, năm 1984, anh ta làm việc với Siegel trong vụ thỏa thuận SCA vốn được ghi nhận là rất nổi bật trong mối quan hệ giữa Siegel - Freeman. Hôm trước đó, Ritch đã hiểu sai ý của Siegel và vô tình truyền đạt lỗi sai ấy cho một người ở Merrill Lynch. Siegel nổi cơn thịnh nộ, ào vào văn phòng Ritch và quát tháo rầm rĩ đến mức anh ta phải đóng cửa lại.

Kiểu hành vi như thế đúng là ngang bằng nguyền rủa Ritch. Mặc dù trẻ hơn Siegel vài tuổi, nhưng Ritch dường như là hiện thân của Kidder, Peabody xưa cũ. Ritch tóc vàng, tốt nghiệp Stanford và Wharton, rất chỉn chu sâu sắc và kỹ càng tỉ mỉ đến những lỗi dù là nhỏ nhất. Trong đánh giá thường niên của Ritch, Siegel đã nhận xét anh ta là "quá hiền".

Trước khi về làm việc tại Kidder, Peabody, Ritch đã là bạn hữu hảo với John Gordon, con trai của Al Gordon – anh này và Siegel có chung một thư ký. Ngay khi Siegel cố gắng tuyển Ritch về làm, Gordon đã cảnh báo Ritch nên tránh xa anh ta. Gordon không chỉ ghét chuyện luôn ưu tiên công việc số một của Siegel mà còn nói với Ritch rằng anh ta tin Siegel là một "thế lực đen". Tham vọng hiển hiện đi kèm với thói quá khích đôi khi dữ dội của Siegel khiến Gordon phải lảng xa. Và rồi, sau khi Siegel kết hôn với Jane Day, Gordon đã thay đổi suy nghĩ. Anh ta nói với Ritch rằng Siegel giờ đây đã chín chắn, đã trở thành một con người khiêm nhường, và rằng anh ta không thấy có lý do gì mà Ritch lại không đến làm việc cùng Siegel ở Kidder, Peabody.

Vụ lùm xùm la hét này khiến Ritch rầu lòng. Anh ta tự hỏi liệu có phải những lời đánh giá đầy lạc quan về tính tình Siegel của Gordon có hấp tấp quá không. Nhưng ngày hôm sau, Siegel xuất hiện xuất hiện ở lối ra vào, vẻ gần như ngượng ngùng. "Cậu ổn chứ?" Anh ta hỏi Ritch, anh này đáp là có lẽ vậy. "Tôi xin lỗi," Sigel nói. "Tôi đã quá bấn loạn. Lẽ ra tôi không nên la hét thế." Ritch thấy nhẹ lòng hơn.

Nhưng Ritch đôi khi cũng lo ngại về Siegel. Ritch sống ở Greenwich, Connecticut, không xa nhà Freeman ở khu Rye là mấy, Ritch và Freeman thường đi cùng nhau vào thành phố. Ritch quý

Freeman. Một buổi sáng, trong khi lái xe vào thành phố, họ bàn tán về bộ phim Kramer vs. Kramer. Ritch nghĩ là Freeman dường như rất nhạy cảm với những chủ đề về ly dị và gia đình mà bộ phim nêu lên. Ritch biết Freeman buôn bán cổ phiếu giá rẻ thật, nhưng dường như không có điểm gì giống với những tay đầu cơ cổ phiếu giá rẻ khác, mà hầu hết trong số đó Ritch đều thấy đáng gớm tởm. Freeman sắp sửa xuống xe ở địa chỉ số 60, Phố Water, đột nhiên anh ta quay sang Ritch và nói khẽ, "Bảo Marty Siegel, đừng có nói chuyện với Ivan." Trước khi Ritch kịp hỏi thêm gì, Freeman đã đi mất.

Ritch tự hỏi Freeman nói vậy có ý gì. Tại sao anh ta lại không tự nói với Siegel? Ritch ngồi đủ gần với Siegel để biết rằng Freeman gọi điện cho Siegel hai ba lượt một ngày. "Tôi là Bobby đây," là điệp khúc muôn thuở, và anh ta biết Bobby chính là Freeman. Và dù gì đi chăng nữa, tại sao một nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ lại đi chỉ trích ai đó nói chuyện với một nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ khác? Chẳng lẽ các nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ đều làm vậy hay sao?

Và rồi Ritch đọc bài viết trên tờ Fortune, một sự vụ gây náo động thực sự ở Kidder, Peabody. Freeman lại nói với cậu lần nữa, "Marty Siegel nên cẩn thận thì hơn. Việc này có vẻ tệ đấy." Ritch cuối cùng cũng phải nêu ra vấn đề này với Siegel. "Marty, đừng có nói chuyện với Ivan nữa." Ritch bảo. "Gã ấy là điểm xấu đấy." Siegel quả quyết rằng không có gì đáng lo hết. Bài báo của Fortune chỉ là "đống phân ngựa", anh ta nói với Ritch như vậy.

Ritch tin Siegel. Bản thân mình trong sạch tuyệt đối, Ritch không tin là Siegel lại vượt qua một ranh giới bất chính nào đó với Ivan Boesky. Thế nhưng, anh ta vẫn biết có chuyện gì đó đang manh nha ở Kidder, Peabody. Bất chấp tính bảo mật trong nội bộ, nhờ đó mà hoạt động giao dịch cổ phiếu giá rẻ của Wigton và Tabor được che đậy, các thông tin vẫn cứ bị rò rỉ ra ngoài. Đơn cử như chuyện lợi nhuận giao dịch của công ty tăng vọt chẳng phải điều gì bí mật, và không ai tin chỉ riêng Wigton và Tabor lại đủ khả năng tạo ra kết quả xuất sắc như vậy. Điều kiện làm việc thân cận với Siegel đã giúp Ritch nhận ra rằng, Siegel ít nhiều cũng dính dáng đến những việc khuất tất, có thể là đưa ra những ý kiến sâu sắc rút ra từ những kinh nghiệm hoạt động M&A của anh ta.

Và rồi Siegel xác nhận toàn bộ những nghi ngờ của Ritch, trên thực tế là trưng ra cho anh ta xem, đại khái, một bản sao tình trạng sở hữu cổ phiếu giá rẻ của Kidder, Peabody và khuếch khoác chuyện bọn họ làm ăn ngon lành ra sao. Ritch choáng váng trước quy mô ghê gớm của các lô cổ phiếu đầu cơ này và cả khoản tiền

đặt cược khổng lồ. “Anh không thể bắt Wigton gánh vác những chuyện này được,” Ritch cự nự. “Anh ta bất tài vô dụng. Anh phải thuê hẳn một chuyên gia cổ phiếu giá rẻ hẳn hoi chứ.” Anh ta đề xuất người nào đó mà anh ta có quen ở Dean Witter. Siegel có nói chuyện với người này, nhưng sau đó bảo lại với Ritch là anh ta không muốn tuyển người đó. “Chúng ta không thể đẩy Wiggie ra đường được,” Siegel nói. “Anh ta cũng là một tuyển thủ của đội chứ.” Ritch nghi ngờ chuyện Siegel tỏ ra đồng lòng với Wigton nhường vậy. Có điều gì đó khác đã trở nên rõ ràng trước mắt Ritch: Siegel đang rất hào hứng với cổ phiếu giá rẻ, và anh ta không muốn ai khác nhúng mũi vào đây.

Việc này khiến Ritch lo lắng. Khi còn ở Dean Witter, công ty này cũng đã thành lập một bộ phận cổ phiếu giá rẻ, và Ritch đã tham gia vào công tác sáng lập này. Trước bất cứ hoạt động giao dịch nào, Dean Witter đều thuê hai hãng luật riêng biệt, Shearman & Sterling và Sullivan & Cromwell – chính là tư vấn bên ngoài của Kidder, Peabody – chuẩn bị tìm hiểu xem có thể phân tách an toàn hoạt động cổ phiếu giá rẻ khỏi hoạt động ngân hàng đầu tư như thế nào. Giờ thì Ritch phát hiện ra rằng Kidder, Peabody đang tham dự vào giao dịch cổ phiếu giá rẻ, thế mà công ty này không có nổi một bức tường cách biệt thông tin, một yêu cầu tối thiểu mà hai hãng luật kia từng quả quyết phải có.

Ritch không nghĩ là mình nên đến gặp Siegel. Dù thế nào đi nữa, xét về cơ cấu công ty, Siegel thậm chí còn không chính thức thuộc bộ phận M&A, vậy nên vị sếp danh nghĩa của Ritch là Peter Goodson. Ritch đến chỗ Goodson. “Peter ạ, tôi biết là đang diễn ra hoạt động cổ phiếu giá rẻ đấy,” anh ta nói với ông. “Nguy hiểm quá. Phải làm cái gì đấy mới được. Tôi từng tham gia việc này ở Dean Witter, tôi có thể giúp một tay. Nhưng Siegel không được dính dáng vào. Chúng ta phải xây dựng một bức tường phân cách thông tin mới được.”

Goodson thể hiện dáng vẻ lo lắng. “Cậu nói đúng, Hal ạ,” ông nói. “Rắc rối đây. Tôi sẽ viết cho Ralph [DeNunzio] thông báo về việc này.”

Nhưng Ritch biết rằng mọi sự vẫn cứ tiếp diễn như trước đây; anh ta thường xuyên nghe lỏm thấy Siegel nói chuyện trên điện thoại, cố sức phỉnh phờ Wigton và Tabor thực hiện rất nhiều tình thế giao dịch. Vậy nên anh ta lại đến gặp Goodson lần nữa, than phiền rằng chẳng hề có chút chuyển biến nào. Goodson thừa nhận là ông chưa từng viết gì cho DeNunzio hay thậm chí là ghi chép lại về nỗi quan ngại của Ritch. “Thế nhưng tôi cũng đã nói chuyện

với Ralph rồi," ông ta nói, nghe như thể giải thoát bản thân và cả Ritch khỏi mọi trách nhiệm sâu hơn với vấn đề này. "Cậu biết đấy," Goodson nói tiếp, "Marty đang hơi quá sức rồi. Cậu ấy quá mệt với việc chào bán dịch vụ bảo hộ trả trước rồi. Cái thứ cổ phiếu giá rẻ này thì cậu ấy xử lý ngon lành được." Ritch cảm thấy mình không thể làm gì hơn được. Suy cho cùng, Goodson là một giám đốc, Siegel cũng vậy. Họ phải biết họ đang làm gì chứ.

Trong suốt quá trình thực hiện thương vụ SCA, Ritch đã dồn đặc biệt nhiều thời gian vào đó. Siegel vẫn hay muốn làm việc tại gia ở Connecticut, bên cạnh vợ anh ta, vốn đang mang thai một cặp song sinh. Siegel khoe khoang với Ritch và John rằng đấy là cặp song sinh khác trứng, đòi hỏi tận hai tinh trùng riêng biệt, như thể hiện rằng "sức khỏe đàn ông" của Siegel dồi dào khác thường. Gordon nghĩ là sự khoe khoang ấy thể hiện nỗi bất an ghê gớm về phần của Siegel thì đúng hơn.

Vì có tham gia vào vụ thỏa thuận, nên cả Ritch và Gordon đều sát sao vô cùng với các động thái giao dịch cổ phiếu SCA, và hết lần này đến lần khác, họ phải kinh ngạc trước hiện tượng "đúng thời điểm" trong các đợt mua vào của Goldman. Khi họ xem xét các ghi chép những đợt mua vào quy mô lớn của Goldman ngay trước thời điểm xuất hiện đề nghị đấu thầu bất ngờ của Browning Ferris, Gordon thốt lên "Khốn kiếp! Sao bọn họ thông minh thế được!" Hai người đồn đoán về khả năng có sự rò rỉ thông tin, mặc dù họ chưa bao giờ từng nghĩ tới chuyện Siegel có thể trao đổi thông tin với Freeman. Đơn giản là họ không tin nổi chuyện đó. Thế nhưng, Siegel vẫn làm cho Gordon thấy thấp thỏm.

Kidder đã quyết định rằng Siegel, với tư cách là ngôi sao chủ chốt của công ty, sẽ phải thuộc về một trong những hội nhóm hạng sang của New York, nơi anh ta có thể hòa nhập với những vị lãnh đạo cấp cao mà Kidder, Peabody cần thu hút làm khách hàng. Siegel vẫn luôn tuyên bố rằng anh ta ghê tởm mấy hội nhóm kiểu vậy – vẻ đồng nhất, rồi thói trưởng giả hợm hĩnh, rồi đủ thứ giá trị truyền thống cũ rích. Nhưng nếu anh ta buộc phải tham dự mấy hội nhóm đó, anh ta muốn vào hội nào hạng nhất mới thỏa. Ở mức độ nào đó, anh ta thèm thuồng sự thừa nhận của giới quyền cao chức trọng mà tư cách hội viên ở đó sẽ phú cho.

Vậy nên anh ta đề nghị John Gordon thay mặt anh ta, can thiệp để có quyền hội viên ở River Club, một hội nhóm dạ tiệc kiểu Anh-Mỹ Thanh giáo da trắng sang trọng hạng nhất, diễn ra ở tầng trệt của River House, một căn hộ liên hoàn xây dựng ngay cạnh East River nằm trên Phố 52. River Club được sáng lập bởi các thành viên

trong gia tộc Rockefeller, một vài người vẫn đang sinh sống trong River House và đã trở thành thỏi nam châm thu hút giới uy quyền xã hội và cả lĩnh vực kinh doanh vùng miền Đông. Trong số đó, một thành viên Do Thái hiếm hoi được tiếp nhận là Henry Kissinger.

Cha của John Gordon – Al Gordon, là một trụ cột của hội này, và cả hai cha con đã bắt đầu tuyên truyền vận động để giành quyền hội viên cho Siegel. Nỗi mong chờ ấy đã vấp phải thái độ đón nhận lạnh lẽo. Từ "Do Thái" chưa từng được nhắc tới, nhưng cha con Gordon dễ dàng nhận thấy rằng đó chính là vấn đề, cũng chính là nguyên nhân gây nỗi tức giận cho thiên hạ mà Siegel đã phải đón nhận ở vai trò một chuyên gia M&A. "Anh ta là một gã chuyên mua lại với sáp nhập ấy hả?" Một hội viên hỏi, giọng điệu của ông ta thể hiện sự khinh khi. Một người khác thì nói rằng ông ta quá hiểu Siegel chỉ là "một gã giỏi trò bán ép". John Gordon chùn lại, sợ rằng một sự xác nhận quá sức nhiệt thành đối với Siegel có thể sẽ gây tổn hại đến chính thanh danh của mình. Một thành viên khác cũng vòng vo chỉ trích việc đề xuất cái tên của một chuyên gia thâu tóm doanh nghiệp – Ronald Perelman – một đối tượng, không nói đi nói lại nhiều, đã bị loại bỏ không thương tiếc. Giờ thì chính bản thân Gordon đã bắt đầu chia sẻ nỗi nghi ngại với những người khác. Sau vụ SCA, Gordon thi thoảng vẫn trấn an Siegel rằng anh ta vẫn đang ráo riết thúc đẩy việc tiến cử này. Nhưng những nỗ lực của Gordon, cùng lắm, cũng chỉ là ơ hờ cho có.

Siegel cuối cùng cũng gia nhập một hội nhóm khác, Câu lạc bộ Union League trên Đại lộ Công viên, kém tăm tiếng hơn nhiều. Nhưng quyền hội viên của Siegel chẳng mấy đã chết non. Anh ta thấy nó nhạt nhẽo không chịu đựng nổi. Khi các thành viên bỏ phiếu phê chuẩn việc tiếp tục loại trừ hội viên nữ, bất chấp áp lực từ luật sư trưởng thành phố New York, Jane Day nổi cơn thịnh nộ. Còn Siegel thì quá mừng vui được rút khỏi đây trong cơn phản đối quyết liệt. Những nỗ lực của DeNunzio để nhào nặn Siegel thành một hình mẫu Kidder, Peabody cổ điển chẳng khác nào Dã Tràng xe cát.

Tại thời điểm bước vào năm 1985, Siegel bận bịu suốt với cặp sinh đôi, một trai một gái, ra đời vào tháng Ba và nhanh chóng lấp hết chỗ mấy gian phòng phụ trong căn hộ liên hoàn ở khu Quảng trường Gracie. Hoạt động của bộ phận M&A đang tiến triển nhanh chóng song song với nhịp độ, trái với mọi dự đoán – ngày càng nhanh hơn. Anh ta hy vọng rằng Wigton và Tabor sẽ có thể tự xây dựng dựa trên những thành công trong mảng cổ phiếu giá rẻ hồi năm trước đó với sự chỉ dẫn tối thiểu từ anh ta, nhưng hy vọng

của Siegel chẳng mấy chốc đã tiêu tan.

Tự bản thân mình, Wigton và Tabor chỉ được phép đầu tư tối đa 1 triệu đô-la. Nếu một thỏa thuận thâu tóm đã được tuyên bố công khai, mức độ rủi ro đã xuống thấp (và lợi nhuận tiềm năng cũng vậy), họ có thể đẩy lên mức 5 triệu đô-la. Thậm chí trong trường hợp ấy, họ vẫn cứ bị thua lỗ như thường. Họ phải có một "mũi nhọn" – họ cứ liên tục nói với Siegel như vậy. Anh ta cũng ý thức được rằng họ mong đợi "mũi nhọn" ấy đến từ phía mình.

Đến mùa xuân, Siegel bắt đầu cảm thấy tuyệt vọng. DeNunzio vẫn tiếp tục phải xiết chặt nắm tay tỏ vẻ không thể chịu đựng được nữa trước kết quả tài chính của công ty. Siegel cảm thấy áp lực phải cung cấp thông tin cho Wigton và Tabor, nhưng anh ta chùn lại. Anh ta không thể tự giơ đầu chịu báng để nài xin Freeman nhiều hơn được.

Siegel và Freeman vẫn duy trì liên lạc gần như hàng ngày qua điện thoại, một phần của cơn lốc cuốn thông tin ấy dính dáng đến những tay chơi chuyên nghiệp trên Phố Wall như Boesky, Mulheren, Sandy Lewis (nhà buôn cổ phiếu giá rẻ đã giới thiệu Mulheren với Boesky), và cả những người khác. Đến cuối tháng Ba, Freeman có đề cập đến một công ty đầu tư có tên Coniston Partners, được thành lập bởi một cựu chủ ngân hàng đầu tư White, Weld tên là Keith Gollust và hai người nữa.

Freeman quen biết Gollust thông qua một trong những bằng hữu thân thiết, James Regan, người đứng đầu một mê cung các hội nhóm đầu tư, bao gồm cả Princeton-Newport Partners đặt trụ sở ở Princeton, N.J. Luôn có nhan nhản những hội nhóm đầu tư tư nhân trên Phố Wall, nhưng hiếm khi nào chúng sinh sôi mạnh mẽ như hồi thập niên 1980. Rõ ràng là ai ai cũng có thể khởi phát một hội nhóm nào đó, gây vốn từ những nhà đầu tư giàu sụ như những gì Boesky đã làm, và đầu tư vào đó, trích ra một phần phí quản lý và một tỷ lệ nào đó từ các khoản lợi nhuận.

Siegel chưa từng nghe nói về Coniston, một hội nhóm khởi đầu bằng việc đầu tư vào các quỹ tương hỗ thu nhập cố định được định giá thấp. Coniston bắt đầu gây sức ép lên ban quản lý các quỹ, dẫn tới những cuộc chiến ủy nhiệm và nguy cơ thâu tóm trên phạm vi rộng lớn và hứa hẹn lời lãi nhiều hơn. Tại thời điểm Freeman đề cập tới Coniston với Siegel, quỹ này vẫn hoàn toàn vô danh tiểu tốt và chẳng có vẻ gì sẽ trở thành một kẻ săn doanh nghiệp tương lai. Tuy thế, Freeman vẫn đứng ra bảo đảm và nói đó sẽ là một thế lực rất đáng theo dõi.

Thậm chí hiện tại, Freeman kể với Siegel, Coniston đang xây dựng sự sở hữu quy mô lớn đối với cổ phiếu Storer Communications, một công ty truyền hình cáp và phát sóng. Coniston đang cân nhắc tiến hành một cuộc đấu thầu để thâu tóm công ty này. Freeman cũng đang đầu cơ cổ phiếu Storer cho riêng mình, cả trong tài khoản của Goldman lẫn các tài khoản riêng của anh ta, tất cả lên tới 3% tổng sô cổ phiếu của công ty này. "Bọn họ nghiêm túc thật đấy," Freeman nói về những ý định của Coniston trong việc thúc đẩy một giao dịch then chốt kiểu gì đó.

Siegel coi đó là một cuộc đối thoại điển hình. Anh ta luôn tưởng tượng ra hình ảnh Freeman ngồi bên một dòng thông tin cuồn cuộn chảy, chộp lấy những gì anh ta muốn hệt như một con gấu táp cá hồi. Thế nhưng, Siegel vẫn vơ tự hỏi: Tại sao Freeman lại có thể tiếp cận những thông tin nhạy cảm đến thế về kế hoạch của Coniston đối với Storer? Cuối cùng, Siegel hỏi thẳng anh ta. "Tôi rất thân thiết với những người có mua cổ phiếu cho Coniston," Freeman đáp. Freeman không hề đề cập đến những cái tên như Princeton-Newport hay James Regan – bạn học cũ ở Dartmouth của anh ta. Regan cũng đang thực hiện việc mua vào cổ phiếu cho Coniston, và anh ta cũng "tranh thủ" trong giao dịch cho Coniston, mua vào cho một tài khoản ở Princeton-Newport. Tất cả đều được duy trì để thu về những khoản lời khổng lồ trong trường hợp Storer bị bán đi.

Siegel thậm chí còn không hề nghĩ đến việc gợi ý với Wigton và Tabor rằng bọn họ nên mua cổ phiếu Storer, mặc dù đó có thể là mong đợi của Freeman. Rất có thể anh ta muốn tạo ra áp lực mua vào để "nắn mềm" Storer, dọn đường cho một đề nghị mua lại nào đó. Thay vào đó, Siegel lập tức nhìn thấy khả năng của một vai trò to lớn hơn dành cho Kidder, Peabody. Siegel thường xuyên nói chuyện với Henry Kravis ở công ty Kohlberg Kravis Roberts từ khi đại diện cho KKR trong vụ bỏ thầu bất thành thực hiện với Gulf. Anh ta biết Kravis đang tìm kiếm một vụ thâu tóm. Càng nghe nhiều về Storer, và càng rà soát những kết quả nghiên cứu của riêng Kidder, Peabody về công ty này, anh ta càng cảm thấy Storer quá mong manh, anh ta nghĩ nó chờ đợi một gói thầu mua lại thật hậu hĩnh.

Thế là Siegel gọi cho Kravis, anh này nói, "Hay lắm, tụi ta họp một buổi được không?" Siegel không chần chừ, gọi ngay cho Dillon, Read, các chủ ngân hàng đầu tư truyền thống của Storer và họ cùng tụ họp để đưa ra những thảo luận sơ bộ xem vụ giao dịch với KKR sẽ như thế nào. Khi Siegel nói chuyện lại với Freeman, anh ta ngỡ ngàng khi nhận ra rằng hình như Freeman đã biết hết mọi

chuyện vừa mới diễn ra trong cuộc họp.

Ngày 15 tháng Tư, Siegel gọi cho Freeman, đề cập rằng anh ta nghĩ anh ta sẽ trưng cho KKR một số dữ kiện về Storer, và rất tò mò xem liệu Freeman có phản đối gì không. Anh ta chẳng hề bận tâm.

Được trang bị những thông tin được coi là bí mật ấy, Freeman đã dấn thân vào một cuộc mua vào cổ phiếu Storer tưng bừng, bổ sung đến 74 nghìn cổ phiếu vào sự sở hữu vốn đã rất khổng lồ của Goldman hôm 17 tháng Tư. Frank Brosens, trợ lý của Freeman tại bộ phận của mình, cũng chộp ngay lấy 2 nghìn cổ phiếu cho bản thân (một vụ đầu tư lên tới gần ba phần tư triệu đô-la).

Siegel nói với Freeman rằng giờ đây anh ta đang đại diện cho KKR, và hai người bàn bạc chiến lược với nhau. Storer đến lúc này vẫn chưa tỏ ra dấu hiệu gì thể hiện rằng nó sẽ hoan nghênh một gói thầu thân thiện, và KKR cũng chưa hề bắt tay vào một kế hoạch thâu tóm tàn bạo nào. Cả Siegel và Freeman đều hy vọng rằng KKR sẽ làm vậy, và họ đã cùng vạch kế hoạch về chuyện cần phải có động thái gì nhằm thúc đẩy một cuộc đấu thầu. Họ nói chuyện về khả năng một lá thư "vòng tay của gấu", trong đó KKR sẽ đề xuất một vụ mua lại hữu nghị nhưng đồng thời cũng chứa đựng mối đe dọa một cuộc bỏ thầu áp chế nếu như thỏa thuận hữu nghị kia bị cự tuyệt. Đó chỉ là một cuộc đối thoại bình thường giữa chủ ngân hàng đầu tư với nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ, một cuộc đối thoại làm phát sinh những manh mối về một sự vụ nào đó nhiều khả năng sẽ xảy ra mà không hề có chuyện tiết lộ kế hoạch bí mật nào.

Đúng như những gì Siegel đã đảm bảo với Freeman, KKR đã đưa ra gói thầu vào ngày 19 tháng Tư. Ngày hôm sau, trong một động thái có phần gây thất vọng cho Siegel, Storer khước từ phương thức tiếp cận này, công ty phát ra một thông báo tới các cổ đông, thúc giục họ từ chối bất cứ đề nghị nào từ phía KKR. Freeman gọi cho Siegel ngay sau đó. "Chớ vội lo," anh ta trấn an Siegel. "Tụi tôi sẽ kẹp chặt ban giám đốc, Coniston, [Gordon] Crawford, cả tôi nữa. Anh quay trở lại với lối tiếp cận khác đi. (Tuy vậy, Freeman chưa bao giờ đệ trình một biểu tiết lộ thông tin nào lên Ủy ban Chứng khoán rằng họ hành động như một nhóm với nhau.)

Và rồi, tuần sau đó, Freeman gọi điện đến nhà cho Siegel ở Connecticut. Freeman có vẻ bồn chồn mất kiểm soát. Freeman nói anh ta không thể chịu đựng nỗi nghi ngờ. Anh ta phải biết: Liệu KKR có thực hiện "vòng tay của gấu" không? Hôm trước đó, Kravis đã đồng ý với đề nghị của Siegel rằng anh ta sẽ chỉ thực hiện một

động thái mà Siegel định nghĩa là "cú vỗ nhẹ của gấu con", một kiểu "vòng tay của gấu" rất nhẹ nhàng, trong đó mối đe dọa sẽ được thể hiện mơ hồ một cách cố tình. Siegel biết rằng nếu anh ta trả lời câu hỏi của Freeman và Freeman tiến hành giao dịch, bọn họ sẽ lại một lần nữa vượt qua ranh giới hợp pháp mà anh ta đã tự thề thốt sẽ tôn trọng. Nhưng Siegel cũng cảm giác rằng việc cho Freeman biết thông tin cũng là vì lợi ích của khách hàng mình. Freeman là một trong những cổ đông lớn nhất của Storer và anh ta có thể gây áp lực để Storer hành động có lợi cho lối tiếp cận của KKR. Siegel đáp: Có, KKR sẽ gửi thư.

Siegel quay lại nói chuyện với Kravis, và họ lại bổ sung thêm vài chứng khế để mua cổ phiếu vào một ngày nào đó, như một công cụ bôi trơn cho thương vụ đang thực hiện. Siegel nói chuyện lại với Freeman, anh này tỏ ra không mấy vui vẻ. Anh ta muốn có mức bỏ thầu cao hơn. "Đây là mức trần rồi đấy," Siegel nói. "Tụi tôi không đẩy cao hơn thế này đâu." KKR đưa ra đề nghị bỏ thầu đã điều chỉnh vào ngày 22 tháng Tư.

Và rồi Storer đe dọa sẽ khiến những kế hoạch của họ một phen phá sản. Công ty này một lần nữa từ chối gói thầu của KKR, thay vào đó là cung cấp cho các cổ đông một kế hoạch tái vốn hóa, nhưng kế hoạch này lại rất khó lượng giá. Với việc Freeman và Regan vẫn tiếp tục mua vào cổ phiếu và quyền chọn của Storer, Coniston tuyên bố rằng nó sẽ khởi động một cuộc chiến ủy quyền nhằm bóp chết kế hoạch tái vốn hóa của Storer và ép Storer rơi vào tay những kẻ bỏ thầu cao nhất.

Freeman và Siegel tiếp tục liên lạc khăng khít trong thương vụ Storer, kể cả khi nó bước vào thế bí là một cuộc chiến ủy quyền dai dẳng. Và rồi, đến khoảng ngày 4 tháng Bảy, dư luận xôn xao rằng lại sắp lộ diện một bên bỏ thầu nữa cho Storer. Freeman cảnh báo ngay với Siegel. Anh này lập tức chuyển tiếp thông tin đáng giá này cho Kravis. Kravis đang tham dự giải Quần vợt Anh mở rộng ở Wimbledon. Một tuần sau, một công ty có tên Comcast đã đưa ra gói thầu của mình, Freeman gọi ngay cho Siegel. "Liệu KKR có đấu với Comcast không?" Freeman muốn được biết. Siegel đảm bảo với Freeman là có. Anh ta tin là Kravis sẽ không bận tâm gì lắm với chuyện anh ta tiết lộ thông tin. Anh ta đã từng nói qua qua với Kravis về những cuộc trò chuyện của mình với Freeman, và mặc dù Kravis không bao giờ bảo trợ cho việc tiết lộ thông tin ra ngoài, nhưng anh ta cũng đồng tình rằng động thái ấy cũng có lợi cho việc duy trì áp lực lên Storer. Freeman giờ đây cũng gần gũi với những thông tin bí mật đến nỗi cứ như thể anh ta là một thành viên trong nhóm hành động của KKR vậy.

Rút cuộc, đến cuối tháng Bảy, khi cuộc chiến bỏ thầu đạt tới cấp độ không ai ngờ tới, Freeman lại gọi điện. "Tôi đã tích lũy hẳn một lượng cổ phiếu Storer rất lớn cho mình," anh ta nói (mặc dù giờ đây việc ấy đã hai năm rõ mười với Siegel). "Tôi vừa mới bán quyền được mua cổ phiếu vào Tháng 8 này ở giá 90 với giá 2 đô-la." (Bán quyền chọn là một dạng cam kết được giao dịch mua hay bán cổ phiếu với giá cố định từ trước – trong trường hợp này, mức giá ấn định mua cổ phiếu của quyền chọn là 90 đô-la, và giá quyền chọn là 2 đô-la.) "Chẳng biết tôi làm vậy có phải không nữa," Freeman hỏi.

Siegel biết được mức giá bí mật, sau chót mà KKR bỏ thầu. Bằng cách nào đó, Freeman đã đoán trúng phóc: Đúng là 92 đô-la thật. "Nghe chừng là ổn với tôi," Siegel nói, và Freeman cười hài lòng. Siegel không bao giờ biết được Goldman, Freeman và cả mạng lưới bạn bè, quen biết của anh ta như Regan, Gollust và Hội Coniston vừa kiếm được bao nhiêu triệu đô-la; nhưng anh ta biết là những khoản lợi nhuận ấy kếch sù, bởi cả hệ thống này đã gây được khoản vốn tổng hợp khổng lồ, vượt xa bất cứ khoản vốn nào mà Boesky có thể nắm giữ.

KKR rất hoan hỉ trước kết quả hoạt động của Siegel. Công ty mua lại Storer bằng cả tiền mặt và cổ phiếu ở mức 92 đô-la, và bất chấp mức giá khá hậu này, Storer vẫn trở thành một trong những thương vụ mua lại thành công nhất của KKR.

Sau cuộc chiến ấy, Siegel lại một lần nữa cảm thấy Freeman mắc nợ mình một sự "hoàn trả". Không còn lấn cấn với một quyết định lương tâm nữa, quyết tâm Siegel từng đưa ra rằng phải chấm dứt việc trao đổi thông tin với Freeman đã lại xói mòn. Thỏa thuận giữa hai người lại được khơi lại ngay chính tại điểm từng gián đoạn. Freeman chẳng mấy chốc đã có dư cơ hội đền bù lại cho Siegel.

Freeman đã giành được vị thế đáng kể tại Goldman, giờ đây anh ta được góp mặt trong những phiên hoạch định chiến lược thượng đỉnh dành cho một số khách hàng quan trọng nhất của công ty, chẳng hạn như Unocal, mục tiêu của cuộc săn đuổi doanh nghiệp dầu mỏ mới nhất do Boone Pickens phát động. Trong vụ thỏa thuận không lâu sau trở thành một trong những cuộc chiến thâu tóm tàn khốc nhất, bị tranh cãi kịch liệt nhất trong lịch sử này, Goldman bảo vệ cho Unocal. Peter Sachs, người đứng đầu bộ phận M&A của Goldman vẫn thường dành ra hai, ba tiếng đồng hồ mỗi ngày để tham vấn Freeman về hiện trạng thương vụ. Freeman đưa ra những nhìn nhận rất giá trị quanh việc các đồng nghiệp trong

giới cổ phiếu giá rẻ của anh ta sẽ đánh giá ra sao về những phương án phòng vệ khác nhau. Trong khi những trao đổi kiểu vậy có thể làm suy yếu bức tường phân cách thông tin, nhưng Sachs không bao giờ biết được rằng Freeman lại bán đứng thông tin mật của Unocal.

Không bao lâu sau lần đầu tiên tiết lộ chi tiết về kế hoạch bỏ thầu của KKR với Storer, Siegel có đề cập rằng anh ta đang tích lũy đầu cơ cổ phiếu Unocal. Freeman bảo đảm với anh ta rằng sẽ có một "giải pháp kinh tế" – nghĩa là, sẽ có khoản nào đó mà các cổ đông thu về được – vậy nên Siegel lệnh cho Wigton và Tabor gia tăng lượng đầu cơ cổ phiếu. Khi Freeman tiết lộ các chi tiết trong kế hoạch của Unocal nhằm xây dựng một công ty trách nhiệm hữu hạn niêm yết dựa trên một số cơ sở chế xuất dầu lửa của mình, Siegel hối thúc họ mua thêm.

Rất nhiều thông tin mật mà Freeman tiết lộ cho Siegel trong vụ Unocal cho thấy những chi tiết dường như là "bí truyền" trong các giao dịch tài chính có thể đóng vai trò quan trọng như thế nào trong tay các nhà đầu tư tinh vi. Như một phần của chiến lược tự vệ, Unocal đã đề nghị mua lại 50% cổ phiếu của mình với giá 72 đô-la – trong đó không bao gồm cổ phiếu trong tay Pickens – bỏ mặc số cổ phiếu Unocal không mua vào rớt giá xuống bất cứ mức nào mà thị trường có thể chấp nhận. Tin tức xung quanh kế hoạch này đã lan truyền nỗi hoảng sợ trên khắp thị trường, vì Pickens rất nhiều khả năng sẽ đệ đơn kiện. Lúc bấy giờ, Siegel đang trên đường bay từ Dallas đến Tulsa, ngay khi xuống sân bay, anh ta gọi cho Wigton và Tabor, những kẻ đang cơn cuồng nộ trước quy mô ghê gớm của số lượng cổ phiếu Unocal mà Kidder, Peabody nắm giữ. Thế là các bản ghi cuộc gọi sẽ không thể hiện các cuộc liên hệ trực tiếp đến văn phòng Freeman. Siegel gọi cho thư ký, và người này nối máy cho anh ta đến văn phòng Freeman. "Đừng lo," Freeman nói. "Chẳng sao đâu. Tụi tôi [Unocal] đằng nào cũng sẽ mua lại cổ phiếu trong một đề nghị thâu tóm cục bộ." Điều đó có nghĩa là kể cả tòa án có phán quyết rằng trong gói mua lại cổ phiếu buộc phải có cả phần của Pickens, Unocal cũng sẽ vẫn tiến hành kế hoạch như thường (đúng như sự việc cuối cùng đã diễn ra.)

Siegel lập tức gác máy rồi gọi lại cho Wigton và Tabor. Biết rõ rằng giờ đây đề nghị mua lại sẽ được tiếp tục tiến hành, Siegel đề nghị một chiến lược bán quyền chọn nhằm cố định lợi nhuận của Kidder, Peabody trên một nửa lượng cổ phiếu đầu cơ mà sẽ không trở thành đối tượng của đề nghị mua lại từ phía Unocal. (Wigton và Tabor thực ra đã mua quyền chọn bán, tức là quyền bán ra cổ

phiếu Unocal ở một mức giá đã định, cũng là thi hành chiến lược tương tự.)

Lúc dập điện thoại, Siegel cảm thấy phấn chấn vô cùng. Anh ta biết là cuộc chiến Unocal đang tiến gần đến đỉnh điểm, và giờ đây anh ta đã đảm bảo được một khoản lợi nhuận khổng lồ cho Kidder, Peabody – nhờ sử dụng thông tin của Freeman. Anh ta có thể đem lại một khoản lợi nhuận thừa đủ để bù lại những khoản thua lỗ mà Wigton và Tabor đã gây ra, bộ phận cổ phiếu giá rẻ của Kidder, Peabody sẽ lại thênh thang thẳng tiến đến một năm thành công rực rỡ nữa, thậm chí còn hơn cả năm trước đó. Áp lực đặt lên anh ta từ DeNunzio đã nhẹ bớt. Siegel cảm thấy được bầu nhiệt huyết dâng tràn mà đôi khi anh ta cảm nhận được trong những vụ thỏa thuận với Boesky.

Siegel bị kẹt ở sân bay Tulsa cho đến khi có thể đáp chuyến bay về New York, anh ta tha thiết chờ mong được chia sẻ tin tốt lành. Thế nên anh ta quay trở vào một trạm điện thoại công cộng. Rất liều lĩnh, anh ta gọi ngay cho DeNunzio ở nhà. Siegel kể cho DeNunzio về mọi thứ, cả cuộc điện thoại với Freeman, và cả chuyện họ đã đưa ra chiến lược cố định lợi nhuận ra làm sao. DeNunzio có vẻ rất vui sướng. Siegel cảm nhận được nỗi hài lòng ấm áp toát ra từ thái độ đồng tình của một người đáng bậc cha chú.

Bước ra quân mua lại cổ phiếu của Unocal do Goldman dàn dựng đã phát huy tác dụng. Sau một đề nghị mua lại cục bộ, nhân tố được gọi là "chia theo tỷ lệ" – tỷ lệ cổ phiếu mà mỗi cổ đông bỏ thầu sau đó sẽ được mua lại thực sự – buộc phải được tính toán dựa trên tổng số cổ phiếu được bỏ thầu trên thực tế. Freeman tỏ vẻ gia ơn bằng cách chia sẻ thông tin về tỷ lệ cổ phiếu đáng lẽ phải giữ bí mật, nhờ vậy Siegel có thể điều chỉnh chính xác dung lượng quyền chọn giao dịch cuối cùng của Kidder, Peabody. Cứ như là câu cá trong thùng phuy vậy. "Các anh sẽ đều hài lòng hết cả thôi," Freeman nói với Siegel, và anh ta hoàn toàn đúng.

Mối quan hệ Siegel - Freeman được duy trì như vậy liên tục suốt cả năm. Họ trò chuyện không ngừng, thường là hai, ba lượt một ngày, nhưng không hề có một chút thông tin nội bộ nào góp mặt trong đó. Những cuộc trò chuyện của họ ngày càng trở thành một thứ kiểu như tấm thảm thêu mượt không tì vết về những thông tin mang lại lợi ích chung, hữu dụng cho việc tuyển mộ khách hàng, khai thông các thương vụ có dính dáng đến các bên tỏ thái độ lưỡng lự, trong việc đẩy tới giá bán cùng phí ngân hàng đầu tư đi kèm cao hơn, trong việc sản sinh các khoản lợi nhuận cho công ty của mình. Đương nhiên, tất cả những thứ đó đều là bí mật đối

với toàn bộ phần còn lại của thế giới.

Việc trao đổi thông tin nội gián cũng tiếp tục không hề giảm sút. Cũng giống như lằn ranh đôi khi rất mờ mịt, Siegel hầu như không bao giờ rơi vào cảm giác nghi ngờ không rõ ranh giới đã bị vượt qua từ khi nào. Ít nhất là anh ta luôn nhận thức được thứ cảm giác cắn rứt tội lỗi và âu lo. Siegel cung cấp cho Freeman các chi tiết về vụ bỏ thầu do International Controls Corporation đưa ra với Transway International, khách hàng của Kidder, Peabody. Freeman kể với Siegel là anh ta đã tích lũy một lượng đầu cơ cổ phiếu Transway rất lớn cho con cái. Khi Goldman tham gia vụ mua lại General Foods của Philip Morris, Siegel hỏi Freeman, "Anh nghĩ cổ phiếu [General Foods] thế nào?" Freeman đáp, "Có vẻ ổn với tôi." Điều này có nghĩa là Siegel nên mua, và anh ta đã làm như vậy, thông qua Wigton và Tabor.

Freeman còn cung cấp cho Siegel các chi tiết về vụ đấu thầu American Hospital Supply do Baxter Tavenol Laboratories khởi phát, và vào năm 1986, khi vụ mua lại dựa trên vốn vay của R. H. Macy do Goldman đảm trách diễn ra, Freeman đã nói cho Siegel biết rằng thị trường đã phản ứng thái quá trước tin đồn Macy sẽ hạ thấp giá thầu của mình: Đúng là Macy hạ mức giá của mình xuống, nhưng ở mức độ thấp hơn thị trường dự đoán. Tình hình tài chính vẫn được đảm bảo.

Freeman cũng tỏ thái độ hào phóng tương tự với những thông tin về R. H. Macy khi Boesky gọi cho anh ta, đặt ra câu hỏi hệt như Siegel. Freeman đảm bảo với Boesky rằng tình hình tài chính hoàn toàn đáng yên tâm. Dù thế nào đi chăng nữa, Boesky còn có một nguồn thông tin nữa trong nội bộ Goldman, Sachs có dính dáng đến thương vụ Macy, một người thuộc bộ phận địa ốc của công ty.

Những chuyện tiết lộ thông tin như vậy đã quá bình thường, tạo thành một sự nhạo báng đối với bất cứ ý niệm nào về thị trường công bằng. Những kẻ dự phần hiếm khi diễn đạt đến mức chi tiết như Freeman và Siegel; họ biết là không cần thiết phải vậy. Họ cũng không tiết lộ tất cả những gì mình biết. Trong khi đó, Siegel vẫn tiếp tục điều chỉnh phần lớn những gì anh ta cung cấp cho Freeman để đảm bảo lợi ích cho khách hàng của mình.

Không có một ví dụ nào cho vấn đề đó rõ ràng hơn vụ thỏa thuận Beatrice, vụ mua lại dựa trên vốn vay lớn nhất trong lịch sử, vụ thỏa thuận nổi bật nhất năm 1985. Đó chính là đỉnh cao nhất trong công việc mà Siegel làm cho KKR, thương vụ xác lập KKRA

trong vai trò một thế lực mua lại doanh nghiệp dựa trên vốn vay hàng đầu cả nước, một cái tên gây khiếp sợ. Đó cũng là một thương vụ chứa đựng rất nhiều động thái bất hợp pháp và đáng ngờ của các chuyên gia trên Phố Wall.

Beatrice chính là vụ thâu tóm "áp chế" đầu tiên của KKRA. KKR trước nay luôn chỉ coi các phương cách tiếp cận của mình là "hữu hảo", làm việc với ban lãnh đạo của doanh nghiệp nào đó để tiếp quản công ty một cách riêng tư hoặc bước vào một cuộc chiến thâu tóm với vị thế một "hiệp sĩ trượng nghĩa" giải cứu. Thế nhưng, trong phi vụ Beatrice, KKR, dưới sự tham vấn của Siegel, đã hiệp lực với Donald Kelly, một cựu chủ tịch của Beatrice. Nếu Beatrice cự tuyệt lối tiếp cận của KKRA, KKR sẽ giành lấy công ty, hất cẳng ban lãnh đạo hiện thời, sau đó bổ nhiệm Kelly và bộ sậu của ông ta thay thế vào đó. Kế hoạch đó là một sự chuyển hướng đột ngột đến mức Jerome Kohlberg, một hội viên cấp cao của KKR đã phải vội vã rút tên ra khỏi chính công ty đang mang tên mình, và nói rằng có sự "khác biệt về triết lý" với các hội viên khác – hai người họ hàng Henry Kravis và George Roberts.

Bất chấp thái độ dè dặt của Kohlberg, vụ đấu thầu vẫn được thúc đẩy. Freeman chẳng mấy chốc đã đầu cơ được một lượng cổ phiếu lớn cho bản thân và các con, đồng thời cho cả Goldman. Anh ta vẫn duy trì liên lạc hàng ngày với Siegel trong suốt thương vụ, thế nhưng Siegel đã ngưng việc cung cấp các thông tin nội bộ. Có những đận, cơ hồ Freeman cũng không cần đến thông tin từ Siegel; vị thế của anh ta đã đạt đến mức có thể chỉ cần đơn giản nhấc điện thoại lên và nói chuyện với Kravis. Ví dụ, vào dịp Halloween, sau khi John Mulheren đã bán bớt một phần tư trong tổng khối lượng cổ phiếu Beatrice khổng lồ sau tin đồn vụ bỏ thầu của KKR vướng phải rắc rối, Freeman gọi cho Kravis và hỏi tại sao cổ phiếu lại rớt giá. "Mọi thứ vẫn ổn mà," Kravis nói với Freeman. Trong cuộc đối thoại giá trị ngoại hạng này, Kravis còn nói thêm, "Tụi tôi không rút chân đâu." Chỉ vài phút sau, Freeman tiếp tục triển khai một đợt mua vào cổ phiếu Beatrice rất "thịnh soạn" nữa, bổ sung 60 nghìn cổ phiếu và hàng trăm quyền chọn bán vào tình thế của mình.

Cuối cùng, ban giám đốc của Beatrice cũng đã thúc thủ trước gói thầu sau chót của KKR vào tháng Mười một năm 1985 với mức giá 50 đô-la một cổ phiếu. Chẳng bao lâu sau đó, KKR được các chủ ngân hàng đầu tư của họ tại Drexel, những người dàn xếp về mặt tài chính cho vụ mua lại, thông báo rằng họ không thể cung ứng tài chính cho thương vụ với mức 50 đô-la một cổ phiếu. Giá cổ phiếu sẽ phải hạ xuống nếu không việc huy động vốn sẽ phải tái

cấu trúc. Những hệ quả thị trường kéo theo sau đã quá rõ ràng. Quyết định này đáng lý ra phải được giữ tuyệt mật đến mức đến cả Siegel cũng không được biết. Thế mà Richard Nye, một nhà đầu cơ cổ phiếu giá rẻ, giao thiệp rộng rãi và là thành viên của cộng đồng hẹp những người có vai vế trong giới cổ phiếu giá rẻ ở New York, đã thể hiện khả năng tiên lường đáng ngạc nhiên, ông ta giải phóng 300 nghìn cổ phiếu Beatrice ngay ngày hôm sau. Sau đó, cũng trong ngày hôm ấy, Freeman và Nye nói chuyện điện thoại, Freeman cũng gọi cho cả Kravis.

Sáng hôm sau, ngày 8 tháng Một năm 1986, khi thị trường vừa mở cửa, Freeman đã thanh lý toàn bộ cổ phiếu Beatrice đang nắm trong tay. Không bao lâu sau, Morris "Thỏ Non" Lasker, một thành viên tăm tiếng của Sàn Giao dịch Chứng khoán New York (và cũng là một thành viên khác của "câu lạc bộ") gọi cho Freeman để báo cáo rằng vụ bỏ thầu của KKR gặp trục trặc. Về phần mình, Freeman gọi cho Siegel để xác nhận thông tin. Siegel không thể nói gì – bởi anh ta biết được tin này đầu tiên chính từ Freeman.

Siegel sửng sốt. Giờ đây đúng là chẳng còn gì bí mật trên Phố Wall nữa. Siegel đường đường là nhân viên ngân hàng đầu tư kiêm nhà tư vấn cho Kravis, vậy mà anh ta không hề hay biết rằng việc cấp vốn đang gặp rắc rối. Việc này đã xác nhận cho những nghi ngại đen tối nhất của anh ta rằng những động thái vi phạm thông tin tuyệt mật của anh ta không phải là việc hiếm: việc trao đổi thông tin trên Phố Wall đã trở thành một bệnh dịch lan truyền. Siegel gọi tới KKR để lấy thông tin về vấn đề này.

Một lúc sau, Siegel đã gọi lại cho Freeman. "Con thỏ non của anh có cái mũi thính thật," Siegel nói, tự lấy làm thích thú với lối chơi chữ của mình. Và đó là tất cả sự xác nhận mà Freeman cần đến. Ngay buổi chiều hôm đó, Freeman bán ra 100 nghìn cổ phiếu và 3 nghìn quyền chọn mua (đại diện cho quyền mua thêm 300 nghìn cổ phiếu bổ sung nữa), tất cả để thu về khoản lợi nhuận kếch sù.

Các giới hạn trong đề nghị đấu thầu của KKR đã nhanh chóng được điều chỉnh dựa trên những thông tin mà Siegel vừa xác nhận. Mặc dù những giới hạn này ít tính ưu đãi hơn đối với các cổ đông – phần tiền mặt bị giảm từ 43 đô-la xuống còn 40 đô-la – nhưng Beatrice chẳng có mấy lựa chọn ngoài việc phải chấp nhận đề nghị đấu thầu mới điều chỉnh, và họ đã làm thế thật. Cổ phiếu Beatrice rớt giá ngay sau động thái đó. Dù có điều gì xảy ra đi chăng nữa, thì Freeman cũng đã kiếm được những khoản lợi nhuận khổng lồ từ cổ phiếu Beatrice, nhưng việc xác nhận của Siegel đã cứu anh ta khỏi một khoản thua lỗ lớn, và đẩy những

khoản lời của anh ta trong vụ thỏa thuận Beatrice lên đến đỉnh điểm.

Do vai trò của Siegel trong thương vụ này, bộ phận cổ phiếu giá rẻ của Kidder, Peabody không góp mặt trong vận may trời cho mang tên Beatrice. Thế nhưng, năm 1985 vẫn cứ là một năm thành công ngoạn mục với Wigton và Tabor. Tổng lợi nhuận của bộ phận cổ phiếu giá rẻ, kể cả sau khi đã giảm trừ một phần chi phí quản lý chung và các khoản phí khác không mấy cân đối trong hãng, cũng vẫn đạt hơn 7 triệu đô-la. Giờ đây họ đã lặp lại được thành công của năm đầu tiên, ít nhiều những bài bác chỉ trích trong hãng đã lui đi. Mặc dù những đánh giá về các kỹ năng bẩm sinh của Wigton và Tabor vẫn cứ thấp kém như thường, thì trạng thái thừa thãi cơ may làm ăn trong năm ấy khiến mọi chuyện có vẻ như ai cũng có thể kiếm được tiền nhờ cổ phiếu giá rẻ, chỉ đơn giản nhờ việc ném tiền đầu tư vào bất cứ tuyên bố thâu tóm nào xẹt ngang băng điện từ chứng khoán. Và, thực tế là, gần như có khả năng đó thật.

Nhưng Siegel biết rõ sự thật về cái gọi là năng lực cổ phiếu giá rẻ của Kidder, Peabody. Hệt như thói quen sử dụng chất gây nghiện, cảm giác hưng phấn có được từ những thành công trong giao dịch cổ phiếu giá rẻ luôn kéo theo cả nỗi khát thèm cùng sự âu lo cho vụ "ấn định" tiếp theo, vụ đấu thầu thâu tóm tiếp theo, và cả nhu cầu phải có được thông tin nội bộ để mang lại "lợi thế". Nỗi hưng phấn về những cú đặt cược chắc ăn cứ phai dần đi ngay cả khi áp lực phải thành công cứ ngày một gia tăng. Siegel biết rằng anh ta đã lại cứu vớt công ty thêm một năm nữa – nhưng liệu anh ta có thể bắt đầu lại từ đầu, với thứ áp lực mới toanh tương tự, chỉ đơn giản là bởi cuốn lịch đã chuyển sang năm 1986, chỉ nghĩ đến viễn cảnh ấy, anh ta đã sợ chết khiếp.

Hồi đầu năm 1985, trong khi chờ đợi cặp sinh đôi chào đời, Siegel vớ lấy một tờ The New York Times và nhìn thấy một bản thông cáo cỡ bự mà Drexel đưa ra khi hoàn thành vụ thỏa thuận Coastal/ANR. "Nếu thu hút được cả loại tiền này, thì bọn họ sẽ là một thế lực lớn," Siegel từng tự nhủ. Giờ thì anh ta đã chứng kiến điều đó biến thành hiện thực. Anh ta có thể nhìn thấy những tên tuổi hùng mạnh đang dàn trận chống lại mình: Đặc biệt là Drexel, với năng lực phi phàm trong việc gây được những khoản vốn lên tới hàng tỷ đô-la gần như chỉ sau một đêm, một kỳ công mà Kidder, Peabody không bao giờ có thể sao chép nổi. Chẳng trách nào, trong những thương vụ kiểu Storer hay Beatrice, trong khi Kidder, Peabody chỉ có khả năng sáng tạo cùng tài xoay xỏa tháo vát của Siegel để thuyết phục Kravis dấn bước đi tiếp, thì Drexel

lại có những sự chuyển nhượng quyền chọn sinh lời, chỉ để lại cho Siegel nhặt nhạnh chút phí tư vấn ngân hàng đầu tư mà thôi. Chỉ đơn cử, trong vụ Storer, Kidder, Peabody kiếm được 7 triệu đô-la, trong khi Drexel đút túi tới 50 triệu đô-la. Những đối thủ khác như Goldman, Sachs và Morgan Stanley đã xây dựng nguồn vốn cùng uy quyền không chính thức của mình ngay trong lúc Kidder, Peabody còn mải vật lộn với những hoạt động môi giới còn chưa sinh lời. Siegel cảm giác như mình đang gồng gánh toàn bộ doanh nghiệp trên vai, và anh ta không biết liệu mình còn có thể gắng gượng được bao lâu trước khi thứ gì đó trong mình vỡ vụn.

Đến cuối năm 1985, khoảng thời gian xét thưởng, anh ta đến gặp DeNunzio. Khoản bồi thường của anh ta không phải là vấn đề cần bàn. Trong năm 1985, DeNunzio đã ghi nhận cống hiến của Siegel với công ty – bao gồm cả các khoản lợi nhuận từ cổ phiếu giá rẻ – bằng khoản thưởng tiền mặt lên tới 2,1 triệu đô-la, gần gấp đôi cùng kỳ năm trước. Nhưng Siegel không hề phấn khởi; anh ta thấy tuyệt vọng. Một bài viết với giọng điệu tiêu cực trên tờ Institutional Investor chỉ càng củng cố thêm nỗi sợ hãi của anh ta rằng Kidder, Peabody, ở vị thế một tổ chức, đang rơi vào khủng hoảng. Anh ta cầu xin DeNunzio. “Ralph, tôi không thể duy trì thế này mãi được,” anh ta nói. “Tôi không thể là động cơ duy nhất của công ty này được. Tôi cứ làm mải miết cả ngày. Tôi mang về tất cả lợi nhuận và doanh thu.” Siegel nói với DeNunzio rằng anh ta đã tiến tới kết luận rằng Kidder, Peabody chỉ có thể tồn tại được bằng cách sáp nhập với một công ty khác. DeNunzio tỏ vẻ sững sờ và đau đớn trước ý niệm đơn thuần về viễn cảnh mất quyền tự chủ của Kidder, Peabody. Ông ta vẫn chưa đạt tới đỉnh cao sự nghiệp mình để có thể tự tay chỉ huy chính quá trình tàn lụi của công ty. Siegel tuyệt vọng một nỗi rằng anh ta đã khiến DeNunzio phải đối mặt với hiện thực.

Lần đầu tiên, Siegel đã phải suy xét đến một khả năng từng là không thể tưởng tượng: Anh ta sẽ đào tẩu, để mặc Kidder, Peabody rơi vào tay một công ty vững mạnh và đang trên đà phát triển. Anh ta phải thoát ra khỏi nghiệp vụ cổ phiếu giá rẻ; anh ta biết việc “nhúng chân vào” của mình là sai lầm. Thế nhưng anh ta lại biết rằng không thể dứt mình ra khỏi Kidder, Peabody chừng nào Wigton và Tabor vẫn là những lựa chọn thay thế duy nhất.

Cảm giác ngấm ngầm, Siegel đã đồng ý gặp mặt Michel David-Weill, vị chủ tịch lịch thiệp của Lazard Frères để dùng bữa sáng tại Khách sạn Carlyle thanh nhã trên vùng Thượng Đông khu Manhattan. Anh ta ngồi xuống một chiếc ghế dài êm ái dễ chịu, được che canh ta khỏi tầm mắt bởi một dãy hoa tươi lộng lẫy, và

David Weill thì nói về những phẩm chất của một công ty như Lazard đối với một chủ ngân hàng đầu tư cùng với vị thế ngôi sao của Siegel, nhắc đến chuyện Felix Rohatyn đã thăng tiến ở đây ra làm sao.

Đột nhiên Siegel nhớ lại một thời đã qua, nhiều năm trước, khi mới là một nhân viên ngân hàng trẻ tuổi, anh ta đã được phân công tham gia một giao dịch với Rohatyn. Hồi đó, anh ta lần đầu tiên bắt đầu tin tưởng rằng bản thân sở hữu những tố chất để có thể trở thành một Rohatyn thứ hai. Thế mà, thay vào đó, giờ đây anh ta lại chỉ đang theo đuổi một cuộc sống lầm lỗi phạm tội.

Nhưng giờ thì viễn cảnh xa xưa lại trở về với anh ta. Anh ta sẽ rời khỏi Kidder, Peabody để bắt đầu cuộc đời mới, một cuộc sống không có Boesky, Freeman, Wigton hay DeNunzio nào kéo tuột anh ta trở lại vũng lầy. Với thanh danh và tăm tiếng anh ta đã gây dựng được trong giới nghiệp vụ thâu tóm, anh ta có thể đi đến bất cứ nơi nào. Khi lịch sử thập niên 1980 của Phố Wall được viết nên, Siegel muốn hiện diện ở ngay vị trí trung tâm: Trong vai trò một chuyên gia bậc thầy đầy kinh nghiệm.

7.

John Mulheren xỏ đôi bít tất len, buộc dây giày, rồi thẳng tiến tới sàn tập ở Viện Hear, một trung tâm thể hình ở Red Hook, N.J., không cách xa nhà anh ta ở Rumson là mấy. Mulheren quyết chí phải lấy lại vóc dáng. Anh ta ghét cái suy nghĩ bản thân bị chìm nghỉm trong một mớ bèo nhèo tuổi trung niên.

Bên cạnh Mulheren, danh ca nhạc rock Bruce Springsteen đang thực hiện bài nằm ngửa đẩy tạ, Springsteen trông thật đáng nể, Mulheren nghĩ bụng. Lần cuối cùng Mulheren gặp anh ta, Springsteen trông như bất kỳ anh chàng tuổi 35 nào, chỉ dong dỏng tầm tầm và hơi phệ bụng. Đến lúc này, trông anh như một võ sĩ đấm bốc Rocky Balboa có xén tỉa gọn ghẽ vậy. Mulheren không biết rõ lắm về Springsteen, nhưng chứng kiến sự lột xác của anh ta khiến Mulheren càng thêm gớm bản thân.

Hệt như Marty Siegel, Mulheren cũng cảm thấy áp lực khi phải sản sinh những khoản lợi nhuận to lớn cho Spear Leeds, hãng của anh ta. Tính đến thời điểm bấy giờ, 1984 đã là một năm đầy thăng trầm; anh ta đã làm rất tốt lúc khởi đầu với thương vụ Gulf, và rồi phải trải qua một mùa xuân tồi tệ, rồi trồi lên lại vào mùa hè. Nhưng Mulheren cảm giác bản thân đang trượt vào một chu kỳ suy nghĩ đen tối. Anh ta đã phải mất nhiều năm để đối diện với

điều đó, nhưng cũng ý thức được rằng đó là chứng rối loạn thần kinh bệnh lý. Anh ta gần như thường xuyên ở trong trạng thái "hưng phấn cao độ". Năng lượng của anh ta dồi dào vô kể, anh ta chỉ cần ngủ rất ít, và làm rất nhiều thứ – từ chè chén cho đến tiệc tùng cho tới đầu cơ chứng khoán – để xả bớt năng lượng ấy đi. Thuốc uống giúp kiểm soát tâm trạng của anh ta, nhưng, như chu kỳ bốn năm một lần mà anh ta đã nhận thấy, anh ta đôi khi lại rơi tuột vào một thời kỳ đen tối, những kiểu tâm trạng tự-hủy-hoại-bản-thân kéo dài vài ngày. Trong những đận như vậy, anh ta chỉ luôn luôn suy tính chuyện tự sát. Mùa hè năm ấy, anh ta có cảm giác một khoảng thời gian như thế đang tới gần. Càng lúc, anh ta càng kém mặn mà với việc phải chường mặt đến Spear Leeds làm việc.

Và rồi, một buổi chiều tháng Tám, anh ta nghe thấy cô vợ Nancy thét lên. Anh ta cuống cuồng nhào đến chỗ cô và nhìn thấy trong bể nước cậu con nuôi mới mười tám tháng tuổi đang chìm nghỉm. Khi Mulheren – người từng có thời là nhân viên cứu hộ, kéo được đứa trẻ lên khỏi mặt nước, nó không còn thở nữa. Anh ta áp dụng phương pháp hồi sức bằng hô hấp, thật nhẹ nhàng, tránh làm dập phổi bé. Anh ta đã cấp cứu cho đứa bé, sau đó nhanh chóng đưa nó đến bệnh viện. Trong vòng bốn ngày, đứa trẻ trở lại bình thường.

Nhưng cuộc giải cứu đau đớn ấy đã gây ra tác động vô cùng sâu sắc tới Mulheren. Anh ta cảm thấy rằng nếu mình không ở nhà vào hôm ấy, chắc cậu con trai đã mất mạng rồi. Ngày hôm sau anh ta đến Spear Leeds và nói với các hội viên rằng, "Tôi sẽ không đi làm nữa đâu."

Bỗng nhiên trở nên "dư dả" thời gian, Mulheren đắm mình vào chiến dịch tập thể hình, và phát hiện ra rằng anh ta với Springsteen có rất nhiều điểm tương đồng. Đơn cử, họ là hai kẻ hiếm hoi trong số những gã 35 tuổi ở Rumson có thể dành hầu như cả ngày trong phòng tập. Họ cũng chẳng cần phải lọ mọ dậy sớm làm gì. Springsteen ưa thức khuya, còn Mulheren thì chẳng ngủ được mấy. Mulheren mê nhạc, anh ta đã là một người hâm mộ Springsteen từ rất lâu trước khi ca sĩ kiêm nhạc sĩ này trở thành cơn sốt trên toàn quốc. Mulheren thậm chí còn là một quán quân nhạc rap từ hồi trẻ trai. Cũng giống như Mulheren, Springsteen thả mình vào các hoạt động với lòng nhiệt thành sôi sục. Anh ta cũng coi bất cứ thứ gì đáng làm là rất nên thử cho hết sức mình. Vậy nên bọn họ bắt đầu chơi lướt sóng tốc độ trên biển Đại Tây Dương, ngay phía ngoài câu lạc bộ bờ biển mà Mulheren đã mua như một món đầu tư. Họ dẫn theo cả gia đình và đi trượt tuyết ở rặng Rocky. Chẳng mấy chốc, Mulheren đã coi Springsteen

là bạn tâm giao.

Ngay sau hôm quyết định nghỉ việc ở Spear Leeds, Mulheren đã nhận được điện thoại của Boesky. "Cậu làm thế là vì cái gì hở?" Boesky hỏi cộc cằn. Dường như anh ta chẳng hề tỏ ra cảm thông một mảy với những lời giải thích của Mulheren; ắt hẳn anh ta còn bận lo lắng về tổn thất một nguồn tin mật thị trường, đúng vào thời điểm Siegel cũng ngãng ra. Mulheren không còn nghe thêm chút tin tức nào về Boesky cho đến khi rộ lên thông tin rằng một thương vụ của Pickens đang gặp rắc rối. Boesky gọi điện cho Mulheren, đoán chắc rằng Mulheren có nói chuyện với ông bạn Pickens của anh ta. "Chuyện gì đang diễn ra vậy?" Boesky hạch hỏi. "Tôi chẳng biết nữa," Mulheren đáp, thương vụ này chỉ mông lung trong đầu óc anh ta mà thôi. Boesky gầm gào, khăng khăng chắc canh ta rằng Mulheren vẫn giữ liên lạc với Pickens.

Những đối tượng khác trên Phố Wall cũng gọi điện cho Mulheren rất thường xuyên, thúc giục anh ta phải quay trở lại nhiệm sở. Alan C. (biệt danh "Át chủ bài") Greenberg, người đứng đầu Bear, Stearns & Co. đã bỏ ra cả một nỗ lực tích cực nhằm tuyển dụng Mulheren. Nhưng Mulheren khước từ hết lượt, anh ta hứng thú với việc tập tọng đầu tư vào bất động sản và ôm vai bá cổ Springsteen hơn. Tuy thế, khi Springsteen bắt đầu chuẩn bị cho chuyến lưu diễn "Born in the U.S.A" năm 1985, Mulheren đã bắt đầu thấy bồn chồn không yên. Springsteen chẳng mấy nữa sẽ đi xa và vắng mặt. Mulheren bắt đầu thấy nhớ cảm giác hưng phấn tột đỉnh của những thương vụ làm ăn khi xưa.

Gia tộc Belzberg giàu có đề nghị sẽ ra tay gây dựng cơ đồ cho Mulheren, và Mulheren không thể từ chối. Anh ta bắt đầu gom góp tiền nong chuẩn bị cho sự trở lại của mình, cuối cùng anh ta tập hợp được khoản vốn lên tới 65 triệu đô-la để xây dựng một hãng tên gọi Jamie Securities – tên viết tắt của John A. Mulheren và người chung vốn với anh ta – Israel Englander. Anh ta liên lạc lại với Boesky, anh này đưa ra vài đề xuất gây quỹ. Mulheren thông tin liên tục cho Boesky về những hội viên tiếp sau trong hội nhóm của mình. Boesky thốt nhiên trở lại làm bạn của Mulheren, và anh chàng Mulheren lại sốt sắng phụng sự Boesky như hồi nào.

Khi Jamie Securities bắt đầu đi vào kinh doanh hồi tháng Bảy năm 1985, Mulheren đã lập tức nhận được yêu cầu từ phía Boesky. Boesky biết rằng Mulheren đang nắm trong tay một khoản "vốn tươi" khổng lồ vẫn chưa đưa vào vận hành trên thị trường. Boesky bảo với Mulheren rằng mình đang "gom tiền mặt" và muốn bán cho Mulheren ít cổ phiếu. Liệu Mulheren có mua vào một ít và nếu

thế, là bao nhiêu? Mulheren, rất hào hứng được gia ơn, nói rằng anh ta sẽ mua lượng cổ phiếu trị giá 10 triệu đô-la.

Thế là Boesky cử Michael Davidoff, trưởng bộ phận giao dịch, tiếp nối ngay với một cuộc điện thoại. “Ivan nói rằng anh sẽ thực hiện theo đề nghị của chúng tôi,” Davidoff mở lời, và rồi đề nghị Mulheren mua 330 nghìn cổ phiếu Unocal từ chỗ Boesky. Mulheren đồng ý.

“Được rồi,” Davidoff nói tiếp. “Tôi sẽ bán nó cho anh và có thể tôi sẽ muốn mua lại đấy. Anh sẽ chẳng bị thiệt hại gì đâu. Anh không mất một xu nào luôn.” Đột nhiên Mulheren đã hiểu ra sự tình: Boesky muốn “neo” lượng cổ phiếu Unocal ở chỗ Mulheren, làm ra vẻ như Mulheren đang sở hữu nó. Tuy vậy, Boesky sẽ tiếp tục gánh chịu bất cứ thua lỗ nào và cũng ghi nhận tất cả lời lãi. Mulheren không thích hơi hướm vụ này.

“Anh có thể dừng ở đó được rồi,” Mulheren nói. “Tôi không thực hiện mấy vụ làm ăn kiểu vậy đâu. Nếu tôi không tự gánh rủi ro trực tiếp từ thị trường, tôi cũng không mua bán gì hết.”

“Được rồi, thế thì cảm ơn nhiều lắm, cứ mua bán vậy đi nhé.” Davidoff trả lời, rất sốt sắng với việc thực hiện giao dịch. Về sau, khi cổ phiếu Unocal xuống giá và Mulheren chịu khoản lỗ lên tới hàng trăm nghìn đô-la với lượng cổ phiếu này, một trong những đồng sự đã hỏi tại sao anh ta lại cứ giữ nó. “Vì Ivan ấy mà,” Mulheren đáp. “Không cần phải lo đâu.”

Bất chấp những yêu cầu kiểu như vậy, Mulheren vẫn không hề cảm thấy mình bị Boesky lợi dụng. Trong con mắt của anh ta, Phố Wall là một mạng lưới khổng lồ những lợi ích đan chéo nhau. Các dịch vụ vẫn thường được trả công bằng một thứ vốn được gán cho cái tên “đô-la mềm” – kiểu “bánh ít đi, bánh quy lại”. Nếu Mulheren muốn đền đáp Boesky vì một thông tin mật hữu dụng nào đó, anh ta sẽ điều chuyển nhiều việc làm ăn hơn vào Seemala, hội nhóm chuyên nghiệp vụ môi giới – thỏa thuận của Boesky có giao dịch trên Sàn Chứng khoán New York.

Khi Boesky yêu cầu này nọ, Mulheren không lo lắng quá mức về động cơ của Boesky. Nhưng có một điều không lấy gì làm bí mật, đó là với những lượng cổ phiếu quy mô khổng lồ và cuộc chinh phục tham lam để săn tìm những đòn bẩy ghê gớm hơn của mình, Boesky luôn rơi vào nguy cơ vi phạm những yêu cầu về vốn ròng theo luật định.

Boesky và rất nhiều nhà buôn cổ phiếu giá rẻ khác vẫn thường xem xét những quy định về vốn ròng với thái độ khinh bỉ lộ liễu. Các đồng sự của anh ta như Conway và đặc biệt là Mooradian, những người từng suýt đánh mất cả sự nghiệp chỉ vì bị cáo buộc vi phạm quy định về vốn ròng, đều nhìn nhận nghiêm túc hơn và gắng sức giữ Boesky trong tầm kiểm soát. Họ thậm chí còn đi xa tới mức xây dựng hẳn lên cái mà họ đặt tên là “nhân tố dối trá”, phóng đại đòn bẩy thực sự của Boesky nhằm giữ anh ta trong

chừng mực cho phép.

Tuy thế, đến năm 1985, với nhịp độ các thương vụ sáp nhập ngày càng tăng tốc, dẫn tới kết quả là các cơ hội cổ phiếu giá rẻ cũng gia tăng, thì việc giữ Boesky trong tầm kiểm soát ngày càng khó khăn hơn. Cuối cùng, mùa hè năm ấy, Conway đã phải viết cho Boesky một bản ghi nhớ đầy tức giận: "Anh đã tiếp tục thể hiện thái độ ít quan tâm đến tình thế vốn ròng hay các khế ước nợ trong các thỏa thuận cho vay của chúng ta… Chúng ta đang ở trong tình thế tự hủy hoại mà, trong trường hợp xấu nhất, sẽ làm cho việc gây thêm vốn cổ đông và vốn vay mượn trở thành bất khả thi… Anh đang mạo hiểm tất cả và danh tiếng của chính mình vào một chiến lược kinh doanh chỉ có thể được miêu tả bằng từ 'liều lĩnh'. Chúng ta buộc phải giảm bớt quy mô hạng mục kinh doanh càng sớm càng tốt. Chúng ta phải duy trì vốn ròng tối thiểu ở mức 15 triệu đô-la… Chúng ta đang ngồi trên một trái bom hẹn giờ chỉ còn 18 ngày trước khi những giám sát bắt buộc đối với các khế ước nợ bắt đầu có hiệu lực. Anh buộc phải hành động ngay lập tức."

Đương nhiên, Boesky giải quyết vấn đề ngay lập tức bằng cách bán ra một số cổ phiếu của mình. Mà, theo suy nghĩ của anh ta, đúng là một hình thức rút phép thông công trong tình hình giá cổ phiếu vẫn cứ tăng từng ngày. Vậy nên anh ta lệnh cho Davidoff gọi lại cho Mulheren.

"Tụi tôi cần giúp đỡ," Davidoff nói.

"Cái gì thế?" Mulheren đáp.

"À thế này, tôi đang có rất nhiều cổ phiếu. Anh có thể tự chọn." Mulheren quyết định mua vào một lượng lớn ba mã cổ phiếu: Storer Communications, khi đó đang ở giai đoạn cuối của cuộc chiến với KKR, cổ phiếu Boise Cascade, một mục tiêu thâu tóm rất gây tranh cãi và của Warner Communications. Mọi chuyện được ngầm hiểu rằng Boesky sẽ mua lại vào một thời điểm nào đó. "Chúng tôi sẽ gánh chịu phần rủi ro," Davidoff nói, cũng giống như những gì anh ta từng nói về cổ phiếu Unocal. "Tôi đã nói với anh rồi còn gì," Mulheren cắt ngang, "Tôi không làm mấy trò giao dịch kiểu vậy đâu. Tôi đường đường trượng phu và tôi phải chấp nhận rủi ro bởi vì anh mà không làm thế thì là trái luật đấy."

Giờ thì các sổ sách kế toán của Boesky, trừ số lượng cổ phiếu mà Mulheren gánh bớt, đã thể hiện rằng anh ta tuân thủ đúng các quy định và yêu cầu về vốn cho vay. Nhưng Boesky vẫn cứ cho

rằng những cổ phiếu neo ở chỗ Mulheren là "của mình" và anh ta hết sức hân hoan vì cổ phiếu Warner tiếp tục tăng giá. Khi lợi nhuận của cổ phiếu Warner trong tay Mulheren lên tới 500 nghìn đô-la, Davidoff lại gọi điện. "Chuyện này rắc rối rồi đây," anh ta nói.

"Ồ không," Mulheren đáp. "Rắc rối với anh thôi. Chứ với tôi là lợi nhuận."

Davidoff tỏ ra lo lắng. "Anh sẽ không làm gì giúp tụi tôi trong vụ này hay sao?"

"Tôi không nói như thế," Mulheren đáp. "Tôi chỉ bảo với anh là những cổ phiếu này thuộc về ai và tôi quyết định việc gì sẽ xảy ra ở đây." Khi Mulheren cuối cùng cũng bán lại lô cổ phiếu Warner cho Boesky, anh ta đã ghi nhận mức lợi nhuận lên tới 1,7 triệu đô-la, mà trong con mắt của Boesky, thế nghĩa là Mulheren nợ tiền anh ta.

Cũng trong năm đó, sau những sự vụ tình cờ tương tự với các cổ phiếu khác, Boesky lại gọi điện. Bất chấp những tuyên bố từ trước của Mulheren về quyền sở hữu của anh ta đối với các lô cổ phiếu, hai người chẳng mấy chốc đã vướng nhằng nhịt vào một cuộc bàn thảo xem Mulheren sẽ phải đền đáp cho Boesky ra sao.

"Anh biết đấy, anh kiếm được tiền nhờ vào mấy thứ này hết. Sẽ phải giải quyết ra sao cho êm thấm? Michael [Davidoff] nói chuyện với anh rồi còn gì?"

"Tôi biết."

"Anh không nghĩ là anh nợ tụi tôi thế nào đấy à?"

"Tôi không rõ. Tôi không rõ mình sẽ làm thế nào." Mulheren đáp.

"À thì, anh có viết một tấm séc cho tôi không?" Boesky hỏi.

"Không đời nào." Mulheren phản pháo. "Và tôi sẽ không đưa cho anh xu nào hết. Tôi sẽ không đưa cho anh tiền đâu."

"À vâng, thế nghĩa là thế nào?" Boesky hỏi.

"Tôi đã làm những việc khác cho anh rồi. Tôi cung cấp các ý kiến cho anh. Tôi đã làm rất nhiều việc môi giới cho anh. Tôi đã thực hiện đủ kiểu 'đô-la mềm', những kiểu đền đáp thông thường."

Boesky đồng ý, và suốt thời gian vừa qua, Mulheren đã thực hiện đúng như lời mình nói. Khi Boesky gửi các hóa đơn thanh toán phí môi giới qua Seemala đến cho Mulheren, Mulheren cho phép anh ta tăng các khoản ấy lên 10%. Những lần khác, Mulheren cộng thêm rất nhiều tiền vào khoản chi trả. Cuối cùng, Boesky cũng thấy hài lòng. Những khoản chi trả phụ trội ấy dừng lại, mặc dù việc trao đổi kiểu "ông có chân giò bà thò chai rượu" vẫn tiếp tục.

Không lâu sau khi lấy lại tình thế cổ phiếu Unocal, Boesky gọi cho Mulheren để đề nghị một ân huệ khác. "Born in the U.S.A" đã giúp Springsteen vọt lên đỉnh cao danh vọng. Chuyến lưu diễn của anh ta trở thành sự kiện nhạc rock thường niên, và buổi biểu diễn tại sân vận động Giants tại Meadowlands, New Jersey đã bán hết vé ngay lập tức. Boesky muốn kiếm vé cho các con mình. Mặc dù giờ đây đã là bạn bè chí cốt, nhưng Mulheren chưa bao giờ đòi Springsteen phải cung cấp vé miễn phí cho các buổi biểu diễn. Anh ta thậm chí còn không bao giờ thử lợi dụng danh tiếng của Springsteen nữa.

"Ivan, tôi sẽ không đòi Springsteen vé miễn phí đâu," Mulheren nói. "Đấy không phải việc tôi sẽ làm bao giờ. Nhưng nếu anh muốn có vé, tôi sẽ kiếm qua một tay phe nào đấy, nhưng anh sẽ phải trả tiền. Đắt đấy."

"Cứ kiếm đi," Boesky nói. "Tôi cóc quan tâm giá cả thế nào."

Ngay hôm sau, Mulheren đã gọi để báo với Boesky là anh ta đã kiếm được vé và Boesky có thể qua lấy. "Tuyệt quá," Boesky nói. "Nhưng tụi nhỏ nhà tôi thực lòng muốn gặp Springsteen lắm. Anh có thể đón Springsteen thẳng tới Mt. Kisco bằng trực thăng của anh, rồi tụi ta ăn tối. Chỉ có anh, tôi, tụi nhỏ và Springsteen. Rồi anh lại bay về. Một buổi tối là xong ấy mà."

Mulheren kinh hãi quá đỗi. "Vì Chúa lòng lành, Ivan ơi," anh ta nói. "Springsteen đâu phải con tinh tinh thuần hóa."

* * *

Đó là một buổi sáng thứ Sáu ảm đạm hồi đầu tháng Giêng năm 1985. Lúc tề tựu đông đủ tại phòng hội thảo để dự buổi họp sáng thường nhật, rất nhiều người trong đám nhân viên của Boesky đang đợi chờ dịp cuối tuần phẳng lặng sau một tua tiệc tùng năm mới linh đình mới tuần trước đó. Các buổi họp này vẫn thường bắt đầu vào lúc 9h và tiếp tục đến 9h45 phút với việc Boesky phân

phát những chỉ dẫn giao dịch trong ngày và các yêu cầu nghiên cứu. Các giao dịch viên thường rời đi trước 9 rưỡi để chuẩn bị sẵn sàng cho thời điểm thị trường mở cửa.

Boesky có mặt không chậm trễ lúc 9 giờ, gật đầu cộc lốc với đám nhân viên, rồi ngồi xuống chỗ đầu chiếc bàn hình bầu dục, một chiếc điện thoại ngay trong tầm với. Anh ta bắt đầu phân phát các lệnh. Và sau khoảng 20 phút, Ianthe Peters, thư ký của Boesky xuất hiện ở hành lang ngay sau lưng anh ta, vẻ bồn chồn lo lắng. Cô biết Boesky rất ghét bị cắt ngang. Những cú "đột nhập" kiểu vậy thường vấp phải cơn thịnh nộ lập tức. "Mike đang chờ điện thoại," cô nói. Boesky tạm ngưng các mệnh lệnh. "Tôi sẽ nghe," anh ta lập tức phán.

Tất cả mọi người trong phòng đều biết "Mike" chính là Milken. Các giao dịch viên vẫn nhắc tới anh ta với biệt danh "Coast", nhưng thư ký của Boesky thì luôn gọi anh ta đơn giản bằng tên cúng cơm. Mike là người duy nhất luôn được nối máy thẳng tới Boesky.

Boesky đặt ngón tay lên môi và nhìn quanh bàn, yêu cầu im lặng. Rồi anh ta nhấc điện thoại lên. Không một lời đùa cợt, pha trò. Boesky nói rất ít, hầu hết chỉ thể hiện thái độ đồng tình với những điều Milken đang nói. Khi gác máy, mắt anh ta long lanh vẻ hứng khởi.

"Chúng ta sẽ chạy tất cả máy móc hết công suất," Boesky tuyên bố, và tất cả mọi người nhận thấy rằng hy vọng về một ngày tĩnh lặng của họ đã tan tành mây khói. Boesky lệnh cho Lessman khởi phát nghiên cứu về cả Diamond Shamrock và Occidental. Anh ta yêu cầu Davidoff và các giao dịch viên ngay lập tức mua vào càng nhiều cổ phiếu Shamrock càng tốt, đồng thời bán non cổ phiếu Occidental Petroleum. Davidoff lao vào hành động, cuối cùng cũng gom được khối lượng khổng lồ là 3,5 triệu cổ phiếu Diamond Shamrock. Anh ta gặp khó khăn hơn với việc bán non cổ phiếu Occidental, xoay xỏa mãi mới bán ra được 19 nghìn cổ phiếu.

Lessman cứ băn khoăn không biết đang xảy ra chuyện gì. Milken đã nói gì với Boesky? Trước buổi sáng hôm ấy, cả hai mã cổ phiếu này chưa từng xuất hiện trên danh sách nghiên cứu hay giao dịch của hãng. Anh ta nghĩ bụng, có điều gì đó ám muội chăng. Trước khi kịp đạt được tiến triển nào đó trong kết quả nghiên cứu, đột nhiên hoạt động giao dịch cổ phiếu của cả hai công ty này bỗng nhiên bị đình lại theo yêu cầu từ phía họ. Và rồi hai công ty tuyên bố chung rằng họ đang bàn thảo về "một khả năng kết hợp kinh doanh" và hoạt động giao dịch cổ phiếu lại được mở trở lại. Chẳng

có mấy phản ứng từ thị trường; tuyên bố ấy quá ư mập mờ. Theo lẽ thường, giá cổ phiếu của công ty bị mua lại sẽ tăng vọt, trong khi cổ phiếu của công ty đưa ra đề nghị lại giảm giá. Nhưng từ thông cáo báo chí ấy, không ai biết chắc được rằng Occidental mua lại Diamond Shamrock hay ngược lại. Và đôi khi "kết hợp kinh doanh" đồng nghĩa với việc hoán đổi cổ phiếu, trong trường hợp đó, lại tùy thuộc vào tỷ lệ trao đổi, cổ phiếu của cả hai công ty vẫn sẽ giậm chân tại chỗ. Việc ấy cũng không ngăn nổi Boesky, anh ta đang thể hiện thái độ tự tin ghê gớm vào chiến lược của mình.

Một ngày trước đó, Ray Irani – chủ tịch của Occidental, cũng là khách hàng của Milken, đã cắt ngang một buổi hội họp trong bữa tối, trong đó bàn về kế hoạch sáp nhập giữa Diamond Shamrock và Occidental. Ông ta đã gọi cho Peter Ackerman ở hãng Drexel, một trong những người bảo trợ hàng đầu của Milken. Các chủ ngân hàng đầu tư khác cũng đang cần mẫn xoay quanh thương vụ này, nhưng Occidental đã thuê Drexel kiểm chứng về giao dịch này và đưa ra một "bản lượng giá", hòng đảm bảo với ban lãnh đạo của Occidental rằng giao dịch này hoàn toàn công bằng với các cổ đông.

Irani nhanh chóng tóm tắt các điều khoản của thương vụ được đề nghị, nhóm công tác của Drexel đã có mặt tại trụ sở của Drexel ở Los Angeles ngay buổi sáng hôm sau để bắt đầu thực hiện bản lượng giá. Kế hoạch sẽ là Occidental và Diamond Shamrock sáp nhập thông qua việc hoán đổi cổ phiếu với tỷ lệ một-đổi-một, nghĩa là mỗi cổ phiếu Occidental sẽ đổi lại một cổ phiếu của Diamond Shamrock. Bởi vì, tính theo ngày 3 tháng Giêng, cổ phiếu Occidental đang giao dịch ở mức 26,75 đô-la, còn Diamond Shamrock là 17,75 đô-la, thương vụ này sẽ mang lại một món béo bở cho các cổ đông của Diamond Shamrock: ăn 9 đô-la một cổ phiếu. Do tình trạng bão hòa gây ra bởi hành động phát hành quá nhiều cổ phiếu mới, giá cổ phiếu của Occidental gần như chắc canh ta sẽ giảm xuống.

Với những điều khoản hợp đồng như vậy, việc Boesky mua vào cổ phiếu Diamond Shamrock và bán non cổ phiếu Occidental là chuyện hợp lý không chê vào đâu được. James Dahl, đứng đầu bộ phận bán hàng của Milken, ngồi ngay cạnh Milken ở bàn giao dịch tại trụ sở Beverly Hills, đã nghe lỏm được Milken nói với Boesky bán tháo cổ phiếu Occidental và đầu cơ thêm cổ phiếu Diamond Shamrock – ngay trước khi các điều khoản thỏa thuận được tuyên bố công khai. Và rồi anh ta chăm chú lắng nghe lúc Milken trau chuốt lại sách lược của bọn họ.

Đây không phải một thông tin kiểu "cho không biếu không" của Milken. Anh ta muốn chính mình được dự phần trong thương vụ, bất chấp thực tế là Drexel, giờ đây đang làm việc cho Occidental, hiển nhiên bị ngăn cấm việc giao dịch. Milken và Boesky thống nhất rằng số lượng cổ phiếu Diamond Shamrock và Occidental của Boesky sẽ có một nửa thuộc quyền sở hữu của Milken, một cách ngấm ngầm. Điều Milken không hề hay biết, ấy là cuộc đối thoại này lại bị tất cả mọi người có mặt trong phòng hội thảo ở phía đầu dây của Boesky, nghe thấy.

Thương vụ này, cơ hồ là mối cộng tác công khai đầu tiên giữa Milken và Boesky về giao dịch nội gián, đã mang lại lợi nhuận kếch sù. Nhưng chỉ đến ngày thứ Hai tuần tiếp đó, cơ may sinh lời tưởng như xum xuê đã ngay lập tức xấu đi khi hội đồng quản trị biểu quyết từ bỏ kế hoạch sáp nhập. Chẳng bao lâu sau quyết định bí mật của hội đồng quản trị, Dahl để ý thấy Milken có vẻ rất buồn rầu. Milken lại nhấc điện thoại lên và gọi cho Boesky. Lần này anh ta gào lên thực sự: "Vụ thỏa thuận không xong rồi. Tụi ta phải rũ khỏi tình thế này thôi."

Boesky thì nổi đóa và điên cuồng lệnh cho Davidoff gấp rút giải tán lô cổ phiếu. Nhưng thời điểm đó đã quá muộn; thị trường đóng cửa lúc 4 giờ chiều, và thông tin thương vụ thất bại được công bố lúc 4h18 phút. Giờ thì tất cả các tay buôn cổ phiếu giá rẻ đều gắng sức tống khứ cổ phiếu Diamond Shamrock.

Buổi chiều hôm đó và cả ngày hôm sau, Milken gọi điện liên tục, than phiền đau đớn rằng Boesky rút chân ra quá chậm trễ. Mọi người trong công sở đều nghe thấy Boesky la hét trở lại rằng chính Milken đã đẩy bọn họ vào đống bầy nhầy. Cuối cùng Davidoff đã tự nói chuyện với Milken đang cơn cuồng nộ, rằng anh ta đã gắng hết sức mình và đưa ra cho Milken những ước tính về thiệt hại mà công ty Boesky phải gánh chịu khi cổ phiếu Diamond Shamrock cứ thế sụt giá suốt cả ngày.

Dahl nghe thấy Milken dập cộp điện thoại và than thở rằng khoản thua lỗ của phòng mình trong thương vụ Diamond/Shamrock còn vượt quá cả tất cả lời lãi nó kiếm được trong cả tháng. Dahl hoang mang quá thể; làm thế nào mà bộ phận chuyên trái phiếu lợi nhuận cao lại phải chịu tổn thất vì vụ sáp nhập Occidental mới được dự tính? Milken giải thích đầy giận dữ rằng bộ phận trái phiếu lợi nhuận cao có duy trì một lượng cổ phiếu "không chính thức" với Boesky, và kết quả là, họ đang nợ Boesky thêm một khoản 10 triệu đô-la nữa. Milken đang trong tâm trạng tồi tệ đến nỗi Dahl biết tốt hơn hết là không nên dội vào chủ đề này thêm

nữa, nhưng anh ta vẫn thấy thắc mắc. Anh ta đến gặp Lowell Milken để tìm hiểu xem chuyện gì đang diễn ra, Lowell chỉ gạt anh ta sang một bên. Còn Milken thì cứ thế ủ dột suốt cả buổi chiều.

Càng lúc, Dahl và các thành viên khác trong văn phòng càng lo lắng về Milken, không khí căng thẳng bao trùm toàn công sở, và những tác động của nó ảnh hưởng đến họ và cả cuộc sống bình thường của họ. Việc làm ăn thì điên rồ; bộ phận tài chính doanh nghiệp ở New York cứ gọi điện xoành xoạch xem liệu Beverly Hills có cấp vốn cho các thương vụ của họ được không. Milken cơ hồ không thể khước từ những vụ thỏa thuận ấy được; anh ta luôn lo ngại rằng Drexel có thể sẽ đánh mất vị thế thống trị trên thị trường trái phiếu lãi suất cao. Drexel cũng đang bị lôi kéo vào cuộc tập kích của Pickens với Phillips Petroleum, vì vụ này, Milken đã huy động được một khoản tiền khổng lồ, lên tới 2 tỷ đô-la để cấp vốn chỉ trong vỏn vẹn một tuần.

Không khí căng như dây đàn. Milken dành tới 14 tiếng đồng hồ một ngày tại bàn giao dịch. Mắt anh ta mòng mọng thâm quầng. Trong suốt sáu tháng trời, anh ta cứ liên tục gọi nhầm Jim Dahl thành "Tom"; Dahl cũng e dè không dám "chỉnh" anh ta. Dahl bảo với Lowell "Trông Mike nát quá," và Lowell trả lời "Tôi cũng thấy lo quá đây."

Một trong những vấn đề của Milken là Boesky. Milken giờ lún sâu vào nợ nần với Boesky hơn những gì anh ta tiết lộ với Dahl. Boesky và Milken đã chơi trò trao đổi "ân huệ" đến mức nguy hiểm, tới một hạn độ chưa từng có bao giờ.

Trong suốt mùa xuân năm 1984, Golden Nugget, một trong những khách hàng đầu tiên và quan trọng nhất của Milken – một công ty chuyên sòng bạc nằm dưới tay Stephen Wynn, đã bí mật bắt tay vào tích lũy cổ phiếu của MCA Inc., chủ sở hữu Universal Studios. Mục đích là tạo ra một cuộc thôn tính. Đến cuối tháng Bảy, Golden Nugget đã nắm trong tay hơn hai triệu cổ phiếu, và giá cổ phiếu của MCA đã tăng từ 38 đô-la lên 43 đô-la. Tuy vậy, sang tháng Tám, Wynn và Milken đã quyết định rằng vụ thỏa thuận này là bất khả thi. Golden Nugget muốn rút chân khỏi lượng cổ phiếu khổng lồ này với mức giá cao nhất có thể, nhưng nếu thông tin này bị rò rỉ ra ngoài, giá cổ phiếu sẽ tuột dốc thảm hại. Bất chấp việc đó, Wynn đã thông báo với tờ The Wall Street Journal vào tháng Mười rằng Golden Nugget chỉ sở hữu dưới 5% cổ phiếu MCA và dự tính sẽ vẫn duy trì số lượng cổ phiếu ấy "trong thời điểm hiện tại."

Đó là một tình huống đánh đố, và Milken một lần nữa gọi điện cho Boesky để cầu viện. Boesky mua lại những khối lớn cổ phiếu Golden Nugget với mức giá cao theo thị trường, và Milken hứa sẽ bảo vệ Boesky khỏi bất cứ khoản thua lỗ nào. Do lợi ích của Boesky, khối lượng giao dịch cứ tiếp tục tăng cao, và cả thực tế rằng Drexel đang đứng ra tích lũy cổ phiếu, một cuộc thâu tóm MCA có khả năng biến thành hiện thực hơn bất cứ khi nào trước mắt những người quan sát.

Khi những người mua khác cũng bước vào để đón chờ một cuộc thâu tóm, Boesky bắt đầu bán dần lượng cổ phiếu của mình với những lượng giao dịch nhỏ riêng lẻ nhằm tránh thu hút sự chú ý. Boesky đều đặn gánh chịu những tổn thất, nhưng Golden Nugget đã thoát khỏi lượng cổ phiếu với mức giá cao, đảm bảo lòng trung thành sẽ còn tiếp tục với Milken. Âm mưu đánh lạc hướng thị trường đã diễn ra trơn tru như một phép nhiệm màu.

Milken giờ đây chịu nợ Boesky vì những khoản tổn thất MCA. Anh ta còn nợ tay buôn cổ phiếu giá thấp này cả một khoản 8 triệu đô-la từ thương vụ Fischbach. Boesky bay tới Los Angeles, và buổi sáng hôm sau anh ta nhắc Milken về thỏa thuận giữa họ. Milken chuyển tiếp Boesky sang một đồng sự khác – Cary Maultasch, anh này bắt đầu chịu trách nhiệm theo dõi lượng cổ phiếu của Boesk. Milken bảo bọn họ thống kê số dư nợ. Trong khi chờ đợi, Milken lao vào hàng loạt giao dịch, gắng sức thu hẹp khoảng sai biệt.

Nhờ có quyền năng phi thường đối với thị trường trái phiếu lãi suất cao, Milken có thể mua lại chứng khoán ở mức giá thấp một cách gượng ép từ các khách hàng của Drexel – những người không có cách nào nắm được giá trị thực sự của chúng; anh ta bán lại cho Boesky với mức lợi nhuận ít ỏi; rồi để Boesky bán lại cổ phiếu cho Drexel với mức giá cao hơn nhiều; và đến lượt mình, Drexel lại bán lại cho khách hàng với mức giá thậm chí còn cao hơn thế nhiều. Việc làm này giúp Milken trả lại cho Boesky được hàng triệu đô-la, thậm chí còn tiếp tục thu lợi từ chính hoạt động giao dịch của mình. Khách hàng của Drexel, hẳn nhiên, đâu phải những kẻ vô tri ngu ngốc.

Tuy thế, kể cả sau những thủ đoạn này, Boesky vẫn cứ giữ lại một chút uy tín cho mình. Theo yêu cầu của anh ta, Milken đã điều chuyển một loạt giao dịch có sinh ra những khoản lỗ từ thuế một cách giả tạo sang cho Boesky. Lần này, chính những người đóng thuế ở nước Mỹ đã bị đánh lừa.

Đến tháng Năm năm 1985, trách nhiệm đã được rũ sạch hoàn

toàn. Đó chính là một thước đo cho quyền năng thị trường mà Milken đang nắm trong tay, thể hiện bằng việc chỉ trong vòng sáu tháng, anh ta đã có thể bí mật trả đủ cho Boesky hơn 10 triệu đô-la mà không phải động chân động tay gì hơn việc ký một tấm séc. Cả Milken và Boesky đều nhận thức được rằng họ có thể tận dụng người kia để đạt được tham vọng của mình: Không chỉ là những khoản lời từ giao dịch nội gián, mà còn là những giấc mơ còn to tát hơn nhiều – chinh phục và khống chế doanh nghiệp.

Mùa xuân năm ấy, Milken – cũng giống như Siegel và Freeman, đã đầu tư rất lớn vào vụ bỏ thầu của KKR đối với Storer Communications. Henry Kravis, ngày càng trở nên thân thiết hơn với Milken và bị ấn tượng bởi năng lực huy động vốn của anh này, đã thuê Milken dàn xếp việc cấp vốn cho vụ đấu thầu, trong khi đó giao trách nhiệm làm cố vấn chiến lược cho chính Kravis. Siegel không hề gặp mặt Milken trong suốt thời gian diễn ra vụ giao dịch, nhưng đó là thương vụ đầu tiên mà anh ta làm việc gần gũi với các chuyên viên ngân hàng đầu tư tại Drexel. Đương nhiên, Milken không thể thân chinh giao dịch cổ phiếu Storer, vậy nên anh ta tạo điều kiện cho Boesky thay mặt Drexel thu thập cổ phiếu chỉ một thời gian ngắn sau khi anh ta và các đồng sự gặp mặt bàn bạc về việc cấp vốn nhằm tăng giá bỏ thầu trong vụ KKR. Bước đi đầu tiên này diễn ra rất trơn tru, và Boesky đã ghi nhận đóng góp của Milken trong khoản lời trị giá 1 triệu đô-la khi cổ phiếu của Storer, đúng như dự đoán, đã tăng giá và được bán ra theo những chỉ dẫn xuất phát từ bộ phận trái phiếu lãi suất cao của Milken.

Thế nhưng, giao dịch dựa trên thông tin nội gián, dù có chắc ăn trăm phần trăm đi chăng nữa, cũng chỉ là những món nhỏ nhoi so với những gì Milken có thể kiếm được từ chính thương vụ thâu tóm này. Chỉ tính riêng việc cấp vốn cho Storer, Milken đã thu được một khoản phí khổng lồ là 49,6 triệu đô-la. Anh ta còn giành được cả cổ quyền từ Storer tương lai thuộc quyền quản lý của KKR, thứ mà anh ta phân tán trong vô số hội nhóm riêng tư làm lợi cho bản thân, gia đình và cả những thành viên khác trong bộ phận trái phiếu lãi suất cao. Anh ta không hề nói cho KKR hay Joseph ở Drexel biết cuối cùng số phận của vốn cổ phần ra sao; ngược lại, anh ta nói dối rằng nó đã được sử dụng để dụ dỗ khách hàng mua lại khoản nợ. Trong con mắt các đồng sự của Milken, có vẻ thương vụ Storer thỏa mãn ham muốn gần như vô hạn của Milken với việc có thêm nhiều vụ thôn tính hơn nữa. Nếu thị trường có dấu hiệu nao núng, Milken hẳn đã thể hiện rằng anh ta nắm trong tay thứ quyền năng khác thường để bước vào và thúc đẩy mọi sự diễn ra – theo cách của riêng mình.

Việc này trở nên hết sức rõ ràng với tất cả thành viên ở Beverly Hills chỉ vài tháng sau thương vụ Storer, khi một đoàn đại biểu đến từ Turner Broadcasting ở Atlanta có mặt để viếng thăm Milken. Xét theo nhiều khía cạnh, Ted Turner chính là kiểu khách hàng mà Milken rất ưa. Tay chủ sở hữu lòe loẹt của Atlanta Braves và "siêu kênh" WTBS mới vừa sáng lập cả một kênh truyền hình cáp mới mẻ rất táo bạo: Cable News Network. Turner có vẻ hỗn xược, bất kính và chọc giận giới quyền cao chức trọng. Giờ thì anh ta muốn mua lại MGM/United Artists từng phần hòng chiếm được thư viện phim kinh điển để khai thác cho một kênh phim truyện cáp. Tuy thế, MGM/UA có quy mô lớn hơn công ty của Turner nhiều, và với vị thế tài chính yếu kém của Turner, viễn cảnh ấy xem ra rất nực cười.

Milken quả quyết với Turner rằng Drexel có thể cấp vốn cho thương vụ này. Cả MGM và Turner đều thuê Drexel đại diện cho họ - việc này tạo ra nguy cơ xung đột lợi ích tiềm ẩn, mặc dù Milken hứa với Turner rằng sẽ tôn trọng tính tuyệt mật của bất cứ thông tin nào Turner cung cấp.

Tuy thế, bất chấp những lời đảm bảo của Milken, vụ thỏa thuận càng lúc càng có vẻ chông chênh. Ngay cả những khách hàng mua trái phiếu vốn rất dễ bảo của Milken cũng kêu ca về các điều khoản, nhất là bởi những điều kiện tài chính của Turner và MGM ngày càng tệ hơn trong suốt mùa hè. Báo chí bắt đầu cất giọng hoài nghi: Ngày 7 tháng Tám, tờ The New York Times lên tiếng, "Phố Wall vẫn nghi ngờ về khả năng huy động vốn của Turner," còn tờ The Wall Street Journal thì ghi nhận vào ngày 16 tháng Tám, "Bất chấp thư đảm bảo [độ tin cậy cao] của Drexel, mọi sự vẫn không rõ ràng" rằng bằng cách nào Turner có thể gánh chịu cả một khoản nợ khổng lồ như vậy.

Đến tháng Tám, Milken bắt đầu chỉ đạo Boesky mua vào cổ phiếu MGM, thỏa thuận rằng họ sẽ chia đôi tất cả các khoản lời lãi hay thua lỗ, và quyền sở hữu của Milken được giữ kín. Milken quyết tâm hoàn tất thỏa thuận này, mặc dù các điều khoản của nó phải được tái cấu trúc. Việc dàn xếp với Boesky phục vụ ít nhất hai mục đích: Những đợt mua vào cổ phiếu của anh ta sẽ bày ra thứ ảo giác rằng một nhà buôn cổ phiếu giá rẻ tin tưởng thương vụ này sẽ xuôi chèo mát mái, điều này góp phần nâng giá cổ phiếu. Và, quay trở lại, sẽ giúp thuyết phục các khách hàng của Drexel rằng trái phiếu mà họ mua vào là những món hời. Và, đương nhiên, Milken và Boesky cũng kiếm được khá khẩm từ việc Milken biết rõ rằng thương vụ này sẽ được tái cấu trúc và hoàn tất, và kết quả cuối cùng đúng là như thế. Lợi nhuận sinh ra từ lượng cổ phiếu của

liên minh Boesky/Milken là 3 triệu đô-la.

Còn đối với Storer, các khoản lợi nhuận thu được từ giao dịch gần như là hoàn toàn ngẫu nhiên. Milken và Drexel kiếm được một khoản phi thường là 66,8 triệu đô-la phí cung cấp tài chính nhờ huy động được số vốn 1,4 tỷ đô-la mà Turner cần đến để thực hiện vụ giao dịch.

Mối đe dọa được nhân lên hai lần bởi sự kết hợp giữa thông tin của Milken và sức mua của Boesky đã vươn tới đỉnh điểm trong vụ thâu tóm mà Maxxam Group Inc., một nhà phát triển địa ốc vươn lên nhờ nguồn hậu thuẫn từ trái phiếu lãi suất cao của Milken, thực hiện với Pacific Lumber Co., chủ sở hữu lớn nhất nước Mỹ của những cánh rừng gỗ đỏ. MGM/UA muốn ít nhất sẽ tiến đến một vụ sáp nhập với Turner. Pacific Lumber thì ngược lại, điên cuồng chống trả để duy trì quyền tự chủ, nhưng Milken đã thể hiện rằng sự kháng cự ấy là vô ích.

Maxxam tuyên bố vụ bỏ thầu của mình với Pacific Lumber vào cuối tháng Chín năm 1985, cũng trong ngày hôm ấy, hãng này cũng thuê Milken và Drexel đảm trách vấn đề cấp vốn. Ngay khi vụ đấu thầu được công bố, Milken đã chỉ đạo Boesky thực hiện những đợt mua vào ồ ạt cổ phiếu Pacific Lumber để chuẩn bị trước cho những đợt chào bán với giá cao hơn, đồng thời sử dụng chúng như một thủ đoạn nhằm gây áp lực khiến Pacific Lumber phải tiếp nhận đề nghị bỏ thầu của Maxxam. Cũng như trước đây, Milken lấy phần 50% lợi nhuận của Boesky thu được từ lô cổ phiếu Pacific Lumber. Đến ngày 22 tháng Mười, khi cuối cùng Pacific Lumber cũng quy hàng, Boesky đã mua được hơn 5% cổ phần của công ty này, góp phần đẩy giá cổ phiếu tăng cao. Maxxam đáp trả bằng cách nâng giá bỏ thầu lên hai lượt, vào ngày 2 và 22 tháng Mười, cuối cùng kết lại ở mức giá 40 đô-la một cổ phiếu.

Hoạt động giao dịch cổ phiếu Pacific Lumber mang lại lợi nhuận trên 1 triệu đô-la. Từ động thái mua vào của Boesky, người ta có thể cho rằng việc ấy khiến Maxxam sẽ đưa ra mức bỏ thầu cao hơn, nhờ vậy, nó cũng giúp đẩy cao chi phí cấp vốn. Drexel đã thu được khoản phí lên tới 20,5 triệu đô-la và nhận được 250 nghìn chứng khế để mua cổ phiếu Pacific Lumber, một lượng cổ phần mà giá trị tiềm tàng còn lớn hơn rất nhiều. Tất nhiên, những bảng biểu mà Boesky đệ trình lên Ủy ban Chứng khoán về thương vụ này đều không đề cập gì đến quyền sở hữu thực sự đối với lô cổ phiếu. Quả thực, nhận thức rằng tay buôn cổ phiếu giá rẻ khét tiếng Boesky đã chính tay gom cổ phiếu là một trong những nhân

tố khiến Pacific Lumber phải thúc thủ.

Pacific Lumber, dưới quyền kiểm soát của Maxxam, chẳng mấy chốc đã khuấy lên cơn giận dữ của những người theo phái thủ cựu vì đã đốn hạ hàng vạt rừng gỗ đỏ nhằm giải quyết các khoản nợ nần.

Kể cả khi vụ thỏa thuận Pacific Lumber đang trong quá trình thực hiện, Milken cũng vận dụng những thủ đoạn tương tự nhằm đẩy Harris Graphics vào vòng tay của một kẻ thâu tóm nào đó, một kỳ công còn sinh lời hơn nhiều bởi chính Milken là một trong những cổ đông chủ chốt của Harris, và nhờ đó kiếm được khoản lời kếch sù từ vụ thâu tóm.

Harris được thành lập năm 1983 khi một nhóm nhà đầu tư trong đó nổi bật là Milken và Drexel, đã mua lại bộ phận in ấn của Harris Corp., sau đó chào bán cổ phần ra công chúng. Milken và Drexel nắm trong tay khoảng 1,2 triệu cổ phiếu được mua lại với giá 1 đô-la/cổ phiếu ở thời điểm Harris Graphics mới được thành lập. Các nhà đầu tư đầu tiên trong thương vụ của Drexel bao gồm Fred Carr, lãnh đạo của Executive Life, người đóng một vai trò nhất định trong thương vụ Fischbach và cả Saul Steinberg, một khách hàng quan trọng của Milken, người đứng đầu Reliance Group. Leon Black, chuyên viên ngân hàng đầu tư tại trụ sở Drexel ở New York chính là một thành viên của ban lãnh đạo Harris Graphics.

Tháng Năm năm 1985, ban giám đốc của Harris Graphics, do nhu cầu huy động vốn, đã quyết định mở một cuộc chào bán cổ phiếu lần thứ hai, động thái này – dù đem lại lợi ích về lâu dài cho công ty và các cổ đông, nhưng lại sẽ gây tác động tức thì – làm loãng cổ phần của nhóm Drexel/Milken. Kể cả khi Drexel được thuê đứng ra tổ chức cuộc chào bán, thì Milken vẫn quả quyết rằng việc này không bao giờ xảy ra. Thay vào đó, Harris Graphics sẽ bị bán đi, bất kể nó có muốn như vậy hay không, hòng mang lại những khoản lợi nhuận kếch sù cho nhóm Drexel/Milken.

Milken và các đồng sự ở Beverly Hills ngay lập tức bắt tay vào rao bán Harris Graphics cho các khách hàng thường gom góp để đưa ra một gói đầu thầu hòng mua lại toàn bộ công ty, trong đó có cả Boesky. Ngày 22 tháng Năm, thời điểm trước khi cuộc chào bán được cho là sẽ diễn ra, ban giám đốc của Harris Graphics được biết, hoàn toàn bất ngờ, rằng một cuộc bỏ thầu thâu tóm đang sắp xảy ra. Cũng trong ngày hôm đó, Milken lệnh cho Boesky bắt đầu mua vào cổ phiếu Harris Graphics và tiếp tục cho đến khi anh ta tích lũy được lượng cổ phiếu chiếm trên 5%. Sau đó, Boesky có thể

đệ trình một báo cáo công khai lượng cổ phiếu theo quy định của Ủy ban Chứng khoán, tiết lộ với thiên hạ rằng Harris Graphics đang "cưỡi trên lưng cọp". Boesky lập tức hành động như chỉ dẫn và, cũng giống như mọi bước thí quân khác họ từng thực hiện, Milken giành nửa phần lợi tức trong cổ phần Harris Graphics mà Boesky nắm giữ.

Hệ quả kéo theo của cuộc bỏ thầu thâu tóm không chính thức cùng hoạt động mua cổ phiếu đột ngột diễn ra là Harris Graphics buộc phải hủy bỏ cuộc chào bán cổ phiếu lần hai. Mũi nhọn đầu tiên trong kế hoạch cự phách của Milken đã được thể hiện. Nhưng cuộc bỏ thầu thâu tóm mà ban giám đốc của Harris Graphics nghe đồn vẫn còn viển vông không thực tế. Phải tìm ra một người mua thực tế nào đó, và Milken lệnh cho các chuyên viên bán hàng thuyết phục nhất của mình phải ra tay hành động. Họ tập trung vào AM International, một khách hàng khác của Drexel cũng hứng thú với ngành in ấn. Trong lúc đó, theo lệnh của Milken, Boesky tiếp tục duy trì áp lực, tăng lượng cổ phần lên tới 8%. Áp lực cũng xuất phát từ Steinberg, người cũng đang xây dựng lượng đầu cơ cổ phiếu có khả năng sẽ vượt trên 5%. Anh này cũng đệ trình bộ tài liệu về lượng cổ phiếu đang nắm giữ của mình lên Ủy ban Chứng khoán. Giờ thì Harris Graphics không phải chỉ có một, mà đến tận hai đối tượng săn đuổi đang dí dao tận cổ.

Không có gì ngạc nhiên, khi AM cuối cùng cũng đưa ra đề nghị đấu thầu "hữu nghị" với mức giá 22 đô-la một cổ phần, ban giám đốc của Harris Graphics không làm gì khác hơn là vồ ngay lấy. Đối với Milken, lợi nhuận đã chảy vào: Quyền cổ đông Drexel/Milken giờ đây có thể thanh lý để đổi lại khoản lợi nhuận lên tới hơn 30 triệu đô-la. Boesky kiếm được 5,6 triệu đô-la dựa trên lượng tích trữ cổ phiếu theo chỉ đạo của Milken, còn Drexel kiếm được 6,3 triệu đô-la. Harris Graphics với vị thế một công ty độc lập đã bị phá hủy, và trở thành một trong những bánh răng của bộ máy AM rộng lớn hơn.

Đến thời điểm này, Milken và Boesky đã bện xoắn chặt chẽ với nhau trong một âm mưu tội ác có tầm ảnh hưởng sâu rộng. Gộp vào với nhau, những hoạt động đầu cơ này là cả danh mục những tội ác chứng khoán, khởi đầu bằng giao dịch nội gián, bao gồm trong đó cả những bản cáo bạch giả trá, gian lận thuế, thao túng thị trường cũng như một loạt những tội ác còn mang tính kỹ thuật hơn thế. Tuy vậy, yếu tố gây choáng váng trong âm mưu này lại không chỉ nằm ở loại hình tội ác đa dạng, mà là tần suất của chúng. Đó còn là chuyện làm cách nào những tội ác ăn khớp với nhau hòng đạt được những kết quả tham vọng hơn bất cứ thứ

gì mà những thành viên dự thảo luật từng suy tính đến. Những tội ác ấy chỉ là những ga xép thuần túy dẫn tới các kết quả cuối cùng, ví như một cuộc thâu tóm hung hãn, mà, xét trên bề mặt, là hoàn toàn hợp pháp.

Đó chính là sự tinh vi của toàn bộ âm mưu. Đó là mối quan hệ còn giá trị hơn nhiều so với những gì Boesky đã trui rèn với Siegel hay Levine, và nó cơ hồ còn rõ mười mươi trước mắt thiên hạ hơn nhiều. Không kẻ ngoài cuộc nào có thể nắm bắt được hạn độ của mối quan hệ này. Nó không mảy may khơi dậy nỗi bận tâm cho những người nắm quyền điều chỉnh. Và trong âm mưu đó, không ai rõ mọi sự, ngoại trừ Boesky và Milken. Milken không đời nào có thể phản bội Boesky, vì Boesky sẽ nhanh chóng lôi kéo anh ta vào. Mặc dù họ thường xuyên cãi vã, đôi khi chửi bới vào mặt nhau, nhưng Boesky vẫn cứ hài lòng bởi mối ràng buộc phụ thuộc lẫn nhau giữa hai người.

Tuy vậy, một khía cạnh khác của mối quan hệ đã được xác định rõ ràng đối với Boesky. Milken chính là công cụ sản sinh ra những khoản lợi nhuận của họ. Suy cho cùng, anh ta là kẻ gần gũi với luồng giao dịch và những kế hoạch tuyệt mật của khách hàng Drexel. Càng lúc, Boesky càng đóng vai trò một người nhận mệnh lệch, một nguồn quỹ bổ sung và tiền tuyến cho những toan tính ghê gớm, quy mô hơn của Milken.

Đôi lúc, Milken lệnh cho Boesky xây dựng lượng đầu cơ đối với một số mã chứng khoán, và đôi khi Boesky mở rộng đòn bẩy của mình bằng cách yêu cầu Milken xây dựng lượng đầu cơ cổ phiếu cho mình. Họ giao dịch với nhịp độ càng lúc càng gia tăng, nào với cổ phiếu của Greentree Acceptance, Ensearch, National Health Care, Hospital Corporation of America, Centrust, Mapco, đài ABC, đài CBS. Nhưng Milken vẫn luôn duy trì thế lực thống trị.

Những lượng cổ phiếu khổng lồ khiến Set Mooradian, kế toán trưởng của Boesky ở New York phải đau đầu. Anh ta cứ liên tục phải cập nhật cho các sổ cái trong thư mục "các dự án đặc biệt" cài dây đỏ. Boesky vẫn tiếp tục chuyển tiếp thêm nhiều lượng đầu cơ cổ phiếu khác nữa để nhập vào hoặc thay đổi, và anh ta đòi hỏi cập nhật đều đặn về các lượng cổ phiếu ròng. "Chuyện này chỉ có tôi với cậu biết thôi đấy," Boesky vẫn thường nhấn mạnh trên điện thoại gọi từ trụ sở mới nguy nga như cung điện ở khu trung tâm đến văn phòng ở khu buôn bán nơi Mooradian và toàn bộ nhân viên cắm chốt. "Đừng có nói cho ai khác biết về việc này."

Sau khoảng thời gian lên xuống giá bất chợt của cổ phiếu Pacific

Lumber và Harris Graphics, Boesky lệnh cho Mooradian kết thúc việc cập nhật dữ liệu. “Tụi ta sẽ dàn xếp với Drexel.” Tai Mooradian giỏng hết lên. Đó là lần đầu tiên anh ta nghe thấy Drexel có liên quan đến bộ tài liệu “những kế hoạch đặc biệt”. Nhưng rồi anh ta cũng chẳng mấy quan tâm để ý đến thông tin ấy.

Đến tháng Năm, Mooradian bắt đầu thực hiện một kỳ nghỉ chờ đợi đã lâu, lưu lại tại một cơ ngơi đồng sở hữu với ông anh trai tại bãi biển Pompano, Floria. Anh ta rên rỉ khi điện thoại đổ chuông và được thông báo là Boesky gọi. Boesky cứ luôn nhè lúc Mooradian đang đi nghỉ mà gọi điện, Mooradian ghét cay ghét đắng việc này. Anh ta không có nổi chút bình yên dù chỉ một ngày. “Lịch trình tôi yêu cầu đã làm xong chưa đấy?” Boesky đòi hỏi ngay mà không hề bày tỏ chút lịch sự dạo đầu nào.

“Ivan, tôi đang đi nghỉ mà.” Mooradian nài nỉ.

“Tôi cóc cần biết. Tụi ta phải làm cho xong món đó đã.”

Thế là Mooradian phải gọi điện về văn phòng, bảo ai đó phải mang tập tài liệu buộc dải đỏ, bay xuống Floria. Maria Termine, một nhân viên trẻ tuổi đã xung phong. Cô này và Mooradian đã dành ra cả một ngày để làm việc với những báo cáo lãi lỗ trong các cổ phiếu chung giữa Boesky/Milken trải dài trên bàn bếp. Boesky bảo Mooradian phải giải quyết tất cả các vấn đề còn chưa thống nhất được với một người có tên “Thurman” ở văn phòng Drexel tại Beverly Hills. Khi Mooradian gọi điện, anh ta được biết là chẳng có ai tên Thurman hết, nhưng có một người tên là Charles Thurnher. Boesky chưa bao giờ gọi đúng tên anh này. Thurnher – người cũng thực hiện những báo cáo tương tự cho Milken, thực hiện những dự trù tính toán cho Drexel, và họ gắng hòa hợp những điểm còn chưa thống nhất, thường là rất lớn. Đến tận cuối kỳ nghỉ của Mooradian, bọn họ vẫn còn xa mới tới được điểm kết thúc công việc.

Cả Mooradian và Thurnher đều nhận ra rằng họ thường xuyên bị nhầm lẫn. Mooradian sẽ hỏi Boesky, người luôn nói, “Năm mươi phần trăm của tôi, năm mươi phần trăm của bọn họ. Nói chuyện với Davidoff đi.” Nhưng Davidoff còn biết ít hơn. Liệu ý của Boesky là 50% quyền sở hữu trong toàn giai đoạn hay chỉ một khoảng thời gian? Khi vấn đề nảy sinh từ phía Beverly Hills, Thurnher lại nói với Mooradian, “Tôi phải nói chuyện với Mike mới được.”

Đến cuối năm, các báo cáo vẫn không thể nào được điều chỉnh

xong xuôi, và Boesky vẫn cứ gây áp lực bắt Mooradian phải đưa ra kết quả kinh doanh sau thuế. Mooradian bảo với Boesky rằng anh ta không thể có thêm tiến triển nào với Thurnher chỉ qua điện thoại. Anh ta phải gặp tận nơi. Bản thân Boesky cũng sắp có chuyến sang Beverly Hills, vậy là anh ta đề xuất rằng Mooradian có thể đi với mình.

Mooradian hồi hộp trước cơ hội có được một chuyến đi California. Anh ta dẫn theo cả vợ – Rusty và họ lưu lại ở đó hơn một tuần lễ. Họ mê mẩn trước khung cảnh xa hoa bao quanh Khách sạn Beverly Hills, mặc dù họ không kiếm nổi một bàn trong sảnh hạng sang của khách sạn. Họ mòn mỏi đợi chờ trong phòng ăn trong khi những người nổi tiếng, những vị tai to mặt lớn và đại diện phim ảnh trong sảnh hạng sang bắt đám nhân viên phải nháo nhác để thỏa mãn đủ ý thích bất chợt của mình. Tình trạng đó đột ngột thay đổi sau khi Boesky dừng lại ở bàn của họ một buổi tối nọ. Từ đó trở đi, vợ chồng nhà Mooradian được đối xử như hoàng tộc. Về sau, Mooradian kể với bạn bè rằng chuyến viếng thăm ấy "đúng là đỉnh cao của đời tôi." Anh ta không bận tâm lắm đến sự thực là Boesky đã tảng lờ bọn họ trong suốt phần còn lại của chuyến đi, anh ta còn đi thăm thú khu văn phòng của Drexel ở Đại lộ Wilshire trên một chiếc limousine trong khi Mooradian phải gọi taxi.

Mooradian chưa bao giờ gặp Milken, người mà anh ta vẫn nghĩ là "vua trái phiếu lãi suất cao". Nhưng Mooradian thích Thurnher và thư ký của anh ta, họ an tọa trong một phòng họp để gắng lý giải những đợt giao dịch và dữ kiện ngày càng chồng chéo lằng nhằng. "Gã Ivan khốn kiếp," đột nhiên Mooradian thốt lên, "anh ta che mắt tôi hết mấy việc này."

"Tôi biết cảm giác của anh," Thurnher đáp. "Mike cũng đối xử với tôi y hệt."

Khi Thurnher đưa ra vài bản sao các ghi chép giao dịch khác nhau, họ nhận ra rằng một số tính toán chi phí có sai khác. Drexel – với khả năng vay tiền với mức lãi suất cho vay ngắn hạn rất thấp là 7-8% dành cho nhà môi giới – phải bỏ ra khoản chi phí thấp hơn rất nhiều so với chi phí của Boesky trong việc duy trì những lượng cổ phiếu lớn. Chi phí của Boesky cao hơn do tỷ lệ lãi suất cao của các trái phiếu do Drexel phát hành, một nguồn quan trọng trong vốn của Boesky, chiếm khoảng từ 13-14%. Họ nhận ra rằng bằng cách cân đối ngân sách cho các chi phí duy trì hoạt động, gần như tất cả các sai biệt đều có thể được giải quyết. Cho dù có bất cứ sai biệt nhỏ nhặt nào còn tồn tại, thì có một điều rất rõ ràng: Với

những khoản lời rất lớn có được từ những lô cổ phiếu đồng sở hữu mà Boesky đã tích lũy theo lệnh của Milken, Boesky nợ Milken hàng triệu đô-la – và Milken muốn khoản tiền đó phải được trả rốt ráo, từng phân hào cắc bạc.

Khoản nợ ấy chỉ là một khoản thù lao nhỏ mạt trong bối cảnh quy mô hoạt động kinh doanh của Milken đang ngày càng gia tăng. Năm 1985 là bước ngoặt trong lịch sử kiểm soát doanh nghiệp, khi thư bảo đảm "độ tin cậy cao" và quyền năng của trái phiếu lãi suất cao của Drexel đạt được bước ngoặt, từ chỗ chỉ là thứ vũ khí lạ thường chưa được kiểm nghiệm sang thành những nguồn lực mạnh mẽ nhất mà Phố Wall từng chứng kiến. Đại tiệc Những kẻ săn mồi năm 1985 là khúc dạo đầu cho một loạt những cuộc thâu tóm doanh nghiệp hung hãn khiến các nhà đầu tư bện xoắn vào nhau, nào là vụ bỏ thầu do Pickens thực hiện với Phillips Petroleum, và rồi với Unocal vĩ đại; vụ tấn công của KKR với Storer, và rồi đến lượt Beatrice; cuộc chinh phạt của Ronald Perelman với hãng Revlon uy danh lừng lẫy; vụ Rupert Murdoch mua lại Metromedia; và, đến cuối năm, một vụ bỏ thầu trị giá 6 tỷ đô-la, nhanh như chớp nháng do chủ tịch GAF Samuel Heyman thực hiện với một trong những mã cổ phiếu blue-chip của Mỹ, một bộ phận của chỉ số bình quân Dow Jones – Union Carbide. Vì vụ đấu thầu đó, Milken đã huy động được 5 tỷ đô-la cấp vốn chỉ trong vòng vài ngày.

Cơn càn quét tàn phá di chuyển nhanh chóng tới mức Quốc hội Mỹ đã phải chú ý và đưa ra các đề xuất nhằm hạn chế các khoản miễn trừ thuế đối với việc gây vốn thông qua phát hành trái phiếu lãi suất cao không bảo đảm, đồng thời tổ chức các buổi hội thảo về những mối đe dọa đối với Unocal. Drexel, vốn tương đối ngờ nghệch trước thế giới chính trị, vội vã tranh thủ sự ủng hộ từ những người làm luật và xây dựng ủy ban hành động chính trị cho riêng mình. Thế nhưng, bất chấp những khuếch khoác và phô trương ấy, Drexel và Milken dường như chẳng lấy gì làm e sợ trước những hành động từ phía Washington trong buổi hoàng kim của thị trường tự do cũng như các chính sách can thiệp chống chính phủ dưới thời cầm quyền của bộ máy Reagan.

Khi Milken đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác trong năm đó, thì cơ hồ trong mắt những người xung quanh, anh ta đã hoàn toàn biến đổi. Trước kia, Milken thường ăn bữa trưa bằng đĩa giấy với các giao dịch viên và chuyên viên bán hàng. Giờ thì anh ta yêu cầu nhân viên phục vụ phải dọn bữa trưa bằng đồ sứ hẳn hoi, anh ta thường ăn một mình hoặc dùng bữa riêng với Lowell trong văn phòng xa hoa của Lowell. Diện mạo của anh ta cũng thay đổi. Anh

ta sắm cho mình một bộ tóc giả mới đắt tiền, được làm tinh xảo đến mức mọi người đều không thể nhận ra. Những lọn cong rất tự nhiên, mang lại cho anh ta dáng vẻ sành điệu và trẻ trung hơn. Trước đây, Milken thường xuyên xuất hiện tại văn phòng với đôi tất cọc cạch; còn bây giờ anh ta mặc những bộ vest được cắt may cẩn thận với tay áo cài kiểu Pháp đúng điệu. Cùng với Thomas Spiegel, bạn thân đồng thời là khách hàng của anh ta tại Quỹ Tiết kiệm Columbia, Milken đã mua một chiếc phi cơ tư nhân tiên tiến nhất hiệu Gulfstream IV. Anh ta và Spiegel cũng bắt đầu năng qua lại những nhà hàng thời thượng như Bistro Garden và Morton's. Milken thuê hẳn một vệ sĩ và bắt đầu đi làm bằng một chiếc limousine có tài xế lái.

Quy trình tuyển mộ cũng đã thay đổi. Trước kia, Milken sẽ đưa các ứng cử viên đến Beverly Hills, ở đó, họ sẽ phải tiếp xúc với hầu như tất cả nhân viên của hãng. Bất kỳ ai cũng có quyền bác bỏ người ứng tuyển. Hệ thống tuyển lựa này giúp duy trì cảm giác tương liên chặt chẽ giữa các nhân viên. Tuy thế, giờ đây, chỉ duy nhất một quyết định đóng vai trò quan trọng: quyết định của Milken. Mọi người phàn nàn rằng họ thấy việc phí phạm tới một hai tiếng đồng hồ với người ứng tuyển, để rồi Milken lại bác bỏ quyết định từ chối của mình, là phi lý hết sức. Một trong những đối tượng tuyển mộ gây tranh cãi nhất của Milken chính là ông anh đồng hao của anh ta, Allen Flans, một nha sĩ, kết hôn với chị gái của Lori Milken. Flans chẳng hiểu biết gì mấy về lĩnh vực chứng khoán. Vì thế, Milken giao phó Flans cho Dahl đào tạo anh ta.

Dahl nhanh chóng nhận ra nhiệm vụ này hoàn toàn vô vọng. Tất cả những gì Dahl có thể nói là, Flans hầu như không đóng góp gì cho hoạt động của bộ phận. Flans thường xuyên yêu cầu đến hai suất ăn trưa miễn phí, ăn một suất, gói suất còn lại, và đem xuống xe của mình. Anh ta sẽ không quay trở lại trong vòng vài tiếng đồng hồ, các đồng nghiệp thì rất hay nhìn thấy anh ta ngủ quay trong xe. Trong khoảng thời gian hai năm, Flans kiếm được hơn 5 triệu đô-la.

Và rồi đến những bạn bè thời thơ ấu của Milken, ví như Harry Horowitz, người đã lớn lên cùng Milken ở Encino. Thoạt tiên, Horowitz làm việc ở vị trí chuyên viên máy tính, tiêu xài hàng triệu đô-la mua sắm cả loạt thiết bị sau đó buộc phải thay thế khi bị phát hiện ra là nhầm loại. Sau đó, Horowitz được bổ nhiệm sang tham gia tổ chức các buổi hội thảo về trái phiếu lãi suất cao, về sau anh ta lại học đòi nghiệp vụ vận động và các hoạt động thiện nguyện của Milken.

Trong mắt một số người, đáng lo ngại hơn nữa chính là Richard Sandler, ông bạn đã từng chơi chung với Milken ở khu lều trại ở vườn sau nhà mẹ Sandler. Sandler là một luật sư, đã cắm chốt văn phòng mình ngay bên trong trụ sở Drexel và dường như chỉ làm việc riêng cho Milken và gia đình Milken. Phẩm chất chính yếu của anh này cơ hồ chỉ là tinh thần cống hiến mù quáng với Milken. Vài người vẫn nhắc đến anh ta với vẻ khinh khỉnh là "luật sư bất động sản", mặc dù họ rất cẩn trọng để không tỏ thái độ xa lánh anh ta. Sandler thường xuyên thậm thụt trong phòng riêng với Lowell.

Các cổ đông cũng là ngọn nguồn nảy sinh mâu thuẫn. Đặc biệt là Gary Winnick đã ngày càng tỏ ra nghi ngờ thái độ khăng khăng quả quyết của Milken rằng tất cả mọi người đều được chăm chút đâu ra đó, kể cả khi anh ta từ chối tiết lộ chi tiết về việc các cổ đông đang sở hữu những gì và cổ phần của mỗi người trong đó ra sao. Một hôm, Winnick gọi Dahl vào phòng mình và nói, "Tôi sẽ trưng ra cho anh một thứ khiến anh phát tởm." Bằng cách nào đó, Winnick đã lấy được một bản sao danh sách các cổ đông chủ chốt, và cho thấy tới 40 phần là tên của Milken, vợ anh ta, các con và những họ hàng dây mơ rễ má khác của anh ta.

Winnick chất vấn Milken, anh này cưỡng lại rằng không ai trong bộ phận của họ dám hé răng phàn nàn gì hết. Chẳng bao lâu sau, Winnick nói với Milken rằng anh ta sẽ ra đi. Milken chấp nhận đơn từ chức và nhiệt tình đề nghị cung cấp tài chính cho một quỹ mới để Winnick điều hành. "Tụi ta sẽ thành lập một quỹ giống kiểu KKR và anh sẽ điều hành," Milken đề xuất. Họ huy động được 1 triệu đô-la và Winnick đã khởi phát hoạt động Pacific Asset Holdings.

Winnick nhanh chóng tỉnh khỏi cơn ảo mộng rằng anh ta sẽ đào thoát khỏi Milken. Khi Bear, Stearns mang đến cho anh ta một vụ bỏ thầu mua lại dựa trên vốn vay đầy tiềm năng, Ackerman gọi điện từ Drexel để bảo Winnick rằng anh này nên từ bỏ ngay việc thực hiện bất cứ vụ thỏa thuận nào không xuất phát từ chỗ Milken. "Đấy là quỹ của tụi này," Ackerman hằn học nói. "Tụi tôi sẽ không để anh đầu tư" trong thương vụ của Bear, Stearns. Vốn của Winnick đơn thuần trở thành một công cụ để Milken thỏa sức thao túng các khoản lời lãi của mình.

Những người khác cũng than phiền sau khi những chứng khế trong vụ Beatrice được quy đổi. Những khoản lợi nhuận hóa ra ít hơn rất nhiều so với mong đợi, và một vài nhân viên đã gom đủ dũng khí để lên tiếng ngay trong buổi họp của cả bộ phận. Milken

nói anh ta "giận dữ" vì có người dám phàn nàn, nhưng hứa sẽ yêu cầu Lowell đưa ra lời giải thích. Không có lời giải thích nào hết. Sự thật còn tồi tệ hơn nhiều so với những gì Milken dám thừa nhận.

Milken đã rút các chứng khế của Beatrice (quyền được mua cổ phiếu Beatrice với giá thấp) từ KKR nhờ lập luận rằng anh ta cần phải trưng ra cho khách hàng của mình như một chiêu bài dẫn dụ họ mua trái phiếu lợi nhuận cao của Beatrice. Thay vào đó, Milken giữ phần lớn chứng khế ấy lại cho Drexel, gửi gắm một khối lượng lớn những chứng khế ấy trong các hội nhóm của bản thân và gia đình. Những chứng khế ấy, vốn được mua vào với mức giá 25 xu/ cổ phiếu, giờ đã đại diện cho quyền mua lại trên 22% cổ phần Beatrice – một khoản lãi trị giá 26 đô-la/ cổ phiếu, và tổng là một con số kếch xù – 650 triệu đô-la. Và lý do tại sao những khoản chi trả cho nhân viên rất khiêm tốn là vì Milken đã giữ lại phần lớn lợi nhuận cho bản thân và gia đình. Nếu đám nhân viên biết được điều này, khả năng lớn là sẽ bùng nổ một cuộc nổi loạn công khai.

Bên cạnh những dự tính sơ bộ ban đầu về tiền thưởng và cổ tức hội viên, khoảng thời gian cuối năm luôn mang lại tình trạng nhốn nháo lên xuống trong các hoạt động giao dịch cổ phiếu, vốn được chính Milken chỉ đạo nhằm phục vụ mục đích thuế má. Với những khách hàng kiểu như Quỹ Tiết kiệm Columbia, những giao dịch này có vẻ đáng ngờ như thể "cài cắm" cổ phiếu nhằm tạo ra tổn thất thuế giả mạo.

Một hôm, Alan Rosenthal, một trong những chuyên viên bán hàng đầu tiên đồng hành với Milken tới California này, tới gặp ông chủ mình tại bàn giao dịch, anh ta cười, trưng ra cho Milken một bản sao nhại châm biếm của tờ The Wall Street Journal với tên gọi The Bawl Street Journal (Nhật báo Oang oang). "Nghe này," anh ta nói, rồi đọc to một trong những tiêu đề của tờ báo trong khi mọi người ở văn phòng tụ tập lại. "Michael Milken ở hãng Drexel Burnham là nhân vật mới nhất bị buộc tội trong vụ lùm xùm Vi phạm Gài cắm cổ phiếu ở thành phố New York. Mặc dù Milken đã không lui tới Manhattan trong nhiều năm trời, nhưng những hoạt động cài cắm cổ phiếu phạm pháp, không nghi ngờ gì, đều dính líu đến anh ta."

Tất cả mọi người cười ồ, cho đến khi họ để ý thấy Milken không hề cười. "Alan," anh ta nói cộc cằn, "tống khứ cái thứ rác rưởi đấy ra khỏi tầm mắt tôi ngay."

* * *

Reid Nagle, một viên chức nghiệp vụ tiết kiệm và cho vay trẻ trung, sáng sủa, đến từ New Jersey đưa mắt một cách thiếu kiên nhẫn nhìn lối trưng bày u tối trong Câu lạc bộ Harvard, và rồi nhìn đồng hồ của mình. Đã gần 3 giờ chiều một ngày cuối hạ năm 1985. Ivan Boesky đã hứa sẽ gặp anh ta lúc 2 giờ.

Nagle được Stephen Conway, giám đốc điều hành của Boesky tiếp cận gần một năm nay để xin lời khuyên về các vụ mua lại các quỹ tiết kiệm và cho vay tiềm năng. Giờ thì chính Boesky đã gọi điện và nói rằng anh ta rất hào hứng nói chuyện để đề nghị một công việc với Nagle. Boesky vẫn còn mập mờ, nhưng có nhắc đến việc phát triển nghiệp vụ dịch vụ tài chính bên trong tập đoàn của mình ở Northview.

Câu lạc bộ giờ đã vắng tanh. Đột nhiên hai cánh cửa bật mở và Boesky bước vội vã về phía Nagle. "Tôi xin lỗi đã đến muộn," Boesky nói. "Tôi chỉ có mười phút thôi."

Cả hai người chuyển đến một chỗ ngồi khuất nẻo hơn. Nagle vẫn đang gắng tìm cách giải thích xem tại sao một người với những giấy chứng nhận như anh ta lại có thể phù hợp với một doanh nghiệp chuyên cổ phiếu giá rẻ, vậy nên anh ta hỏi Boesky xem tại sao lại có ý chiếu cố đến mình. Boesky nhanh chóng lảng khỏi chủ đề cổ phiếu giá rẻ, nói rằng cổ phiếu giá rẻ đã không còn mang đến những thách thức mà anh ta tìm kiếm nữa. "Vậy mục đích của anh là gì đây?" Nagle hỏi, vẻ hồ hoặc.

"Những sản nghiệp kếch xù từ đâu mà có được?" Boesky hỏi ngược lại, và rồi tự trả lời cho câu hỏi của mình. "Địa ốc, dầu lửa, dịch vụ tài chính chứ đâu." Rồi Boesky hướng mắt qua vai Nagle, dõi về phía bức tường treo những bức tranh sơn dầu vẽ chân dung các sinh viên lỗi lạc tốt nghiệp từ Harvard. "Tôi muốn trở thành một Rothschild hậu thế." Đến lúc Boesky kết thúc những diễn từ của mình, 10 phút ban đầu đã kéo dài thành một tiếng đồng hồ.

Nagle hết sức kinh ngạc trước cuộc gặp gỡ của mình với Boesky – một người đạt được tăm tiếng chưa từng có vào mùa hè năm ấy. Những bản lý lịch xuất hiện trên tạp chí và báo giấy khiến anh ta trở nên nổi tiếng toàn quốc, nhưng công cuộc truy cầu tăm tiếng, và căn cốt hơn, là sự nể trọng, đã đưa đẩy anh ta xuất bản hẳn một cuốn sách và dấn thân vào cả một tour quảng cáo trên cả nước. Cùng trong thời gian này, âm mưu của anh ta với Milken cũng đang chạy hết tốc lực.

Tựa đề cuốn sách của Boesky – Merger Mania (Cơn cuồng sát

nhập) và tít phụ Arbitrage: Wall Street's Best-Kept Money Making Secret (Cổ phiếu giá rẻ: Bí quyết kiếm tiền được chuộng nhất Phố Wall) được người ta cho rằng chính là câu hấp dẫn nhất trong toàn bộ cuốn sách. "Tôi đã thử cân nhắc xem có nên trưng ra những mẹo mực phía hậu trường và những căn phòng mù mịt khói thuốc không, nhưng cuối cùng quyết định rằng mình nên thực hiện một cuốn sách nghiêm túc về nghiệp vụ cổ phiếu giá rẻ," Boesky đã giải bày như vậy trên tờ The Wall Street Journal. Merger Mania chỉ là một tập giáo trình khô như ngói xoay quanh những khía cạnh kỹ thuật của nghiệp vụ cổ phiếu giá rẻ. Cuốn sách dày 242 trang này – một sản phẩm mà Boesky nói rằng đã phải mất ba năm thực hiện, thể hiện chân dung các tay buôn cổ phiếu giá rẻ như hình mẫu điển hình của kỹ năng, tầm nhìn và sự cần mẫn. "Không hề có chuyện kiếm lời không xứng; không hề có những mánh khóe giúp các thương lái cổ phiếu giá rẻ đánh lừa hệ thống," Boesky kết luận đầy vẻ sùng đạo.

Cuốn sách nhận được những đánh giá phần lớn là mang vẻ tôn kính, và góp phần giúp Boesky đánh bóng hình ảnh của mình như một viện sĩ mũ cao áo dài: anh ta được chọn làm thành viên danh dự của trường kinh doanh thuộc đại học New York và trở thành giảng viên của Đại học Columbia; đây là những "giấy chứng nhận" mà sau đó anh ta nhắc đến với tần suất ngày càng tăng. Boesky nhận được nhiều lời mời diễn thuyết đến mức anh ta phải từ chối kha khá. Cũng chẳng mấy hiếm hoi chuyện mỗi khi xuất hiện, anh ta lại được đón chào bằng những tràng vỗ tay vang dội.

Trong những lần xuất hiện này, Boesky xây dựng hình tượng của mình nhiều hơn một tay buôn cổ phiếu giá rẻ. Anh ta phát kiến ra một cụm từ mới – đầu tư mạo hiểm bằng cổ phiếu giá rẻ, để chỉ nghiệp vụ mua vào những khối cổ phiếu lớn như một mẹo mực nhằm gây áp lực đẩy các công ty vào vòng mua lại hay thâu tóm. Thế nhưng, có lẽ không hề chủ ý, anh ta cũng thể hiện vẻ nghi ngờ bản thân. Vào tháng Sáu, Boesky được David Vise, một phóng viên tờ Washington Post phỏng vấn, rằng điều gì đã tạo động lực thôi thúc anh ta. "Anh đã là một người giàu có rồi. Anh còn theo đuổi thứ gì nữa?" Vise hỏi.

"À vâng, thi thoảng tôi vẫn quen nói là tôi được phú cho cái thiên tư của một con ngựa vốn giỏi chạy quanh đường đua," Boesky giải thích. "Tôi không biết có cách nào khác nữa, tôi không biết cách làm một con ngựa vắt sữa và tôi cũng không biết cách nghỉ ngơi bên vệ đường, vậy nên tôi chỉ cứ miệt mài làm những gì mình được ban cho để có được sản nghiệp lớn, sao cho thật tốt và rồi gắng làm cho tốt hơn nữa, tốt hơn thế nữa, hơn nữa nữa." Sau đó,

anh ta đưa ra một lời như điềm báo dị thường, "Còn chuyện liệu hệ thống hay công thức của tôi có tiếp tục hoạt động nữa hay thôi, kết luận vẫn còn đang bỏ ngỏ. Rất có thể ngay ngày mai anh đã thấy mộ chí của tôi và trên đó sẽ là câu gì đó kiểu như 'Ngừng thông tin. Thôi giao dịch.'"

Công cụ để thực hiện những tham vọng mới của Boesky là một quỹ tiết kiệm và cho vay: Công ty Tài chính Santa Barbara. Milken và Dahl đã đem tới một cuộc mua lại hứa hẹn cho anh ta, được kích thích bởi tiềm năng ngầm ẩn trong lĩnh vực tiết kiệm và cho vay mới được dỡ bỏ quy định. Trước đây, các quỹ tiết kiệm và cho vay bị hạn chế nhận tiền gửi và cho vay tại nhà cũng như các khoản vay bất động sản khác, nhưng giờ đây họ được tự do đầu tư bất cứ nơi đâu. Họ thu hút tiền gửi bằng lãi suất cao. Còn đối với những người gửi tiền hay chủ sở hữu các khoản tiết kiệm hay vay nợ, rủi ro cũng được giảm thiểu vì chính phủ bảo hiểm lên tới 100 nghìn đô-la cho tất cả các khoản tiền gửi. Cơ hồ chính phủ mong các chủ sở hữu tiết kiệm hay vay nợ đều đi đầu cơ hết cả.

Để chi trả cho lãi suất ấy, các quỹ tiết kiệm và cho vay buộc phải thu lại những khoản lợi nhuận còn cao hơn từ việc đầu tư của riêng mình. Trái phiếu lãi suất cao dường như là phương cách lý tưởng. Milken và Drexel đã biến đổi những cơ sở từng có thời điểm nhiên tự tại như Centrust, Columbia, Công ty Tài chính Hoa Kỳ và Quỹ Tiết kiệm Hoa Kỳ trở thành những khách mua trái phiếu lãi suất cao cỡ bự của mình. Boesky và Công ty Tài chính Santa Barbara có thể là một công cụ tương tự.

Với Boesky, kẻ luôn luôn tìm kiếm nguồn vốn cung cấp cho những cú ăn liều vào cổ phiếu giá rẻ, một quỹ tiết kiệm và cho vay chính là nguồn quỹ bất tận. Nhưng bất kể kế hoạch riêng của Boesky đối với nguồn vốn có ra sao, Milken và nhóm của anh ta, với ít nhiều thông tin tối mật, đều có thể dự đoán được đầu ra của dòng tiền: được đầu tư vào trái phiếu lợi nhuận cao do chính Milken lựa chọn. Đó là cái giá mà khách hàng phải trả để duy trì quyền tiếp cận liên tục với Milken.

Nagle được mời đến một cuộc hội họp tại khách sạn Elbow Beach, khu Bermuda mà Boesky bắt đầu gọi là nhóm "chủ ngân hàng đầu tư" của mình. Boesky bay đến bằng phi cơ riêng, được hộ tống bởi đám tùy tùng thường lệ: Conway; Steve Oppenheim – kế toán của Boesky tại hãng Oppenheim, Appel, Dixon; và cả Stephen Fraidin – luật sư của Boesky ở hãng Fried, Frank. Beosky chiếm lĩnh cả dãy phòng hạng Tổng thống để nghỉ ngơi và tổ chức các cuộc họp.

Nagle, phần nào đó cảm thấy mù mờ về vụ đầu tư mạo hiểm này. Anh ta vạch ra cho Boesky thấy rằng luật pháp California vẫn hạn chế lượng tài sản tiết kiệm và cho vay có khả năng được đầu tư vào cổ phiếu thường; Boesky sẽ không có được thứ đòn bẩy vô hạn mà anh ta mơ đến. Thêm nữa, Nagle nghĩ rằng tình hình tài chính của Santa Barbara đang rất tệ và ngày càng tệ hơn. Conway nhìn Nagle trừng trừng: Anh ta đã quyết tâm phải thực hiện thương vụ này bằng được.

Boesky lắng nghe đầy lịch thiệp, nhưng dường như không hề lung lay suy suyển. Được Drexel chỉ đường dẫn lối, anh ta đã gom được 10% cổ phiếu của Santa Barbara, và nắm trong tay quyền chọn mua thông qua Northview để tăng cổ phần của mình lên 51%, tất cả được thực hiện với nguồn cung vốn từ phía Drexel. Santa Barbara, Boesky quả quyết, sẽ đặt anh ta vào vị trí một "chủ ngân hàng lái buôn".

Milken nhanh chóng bắt Boesky và Santa Barbara phải tuân theo ý muốn của mình. Chỉ một thời gian ngắn sau khi hoàn thành bản thỏa thuận mua lại 51% cổ phần, Boesky đã bảo với Santa Barbara rằng quỹ này phải nâng cao hiệu quả hoạt động trước khi vụ mua lại được xúc tiến. Công thức nâng cấp của anh ta là: Mua lại một danh mục trái phiếu lãi suất cao khổng lồ do Milken lựa chọn. Anh ta yêu cầu Santa Barbara mua "trái phiếu doanh nghiệp lãi suất cao" với khoản vốn đầu tư "lên tới 284 triệu đô-la". Ban giám đốc của quỹ khó lòng tảng lờ cổ đông lớn nhất, đồng thời là chủ sở hữu tương lai của mình. Họ họp với Milken và Dahl ở Beverly Hills và mua vào một lượng trái phiếu lãi suất cao với tổng giá trị lên tới 250 triệu đô-la trong vòng tám tháng sau đó, tất cả đều được mua vào thông qua bộ phận trái phiếu lãi suất cao của Milken.

Thế nhưng giấc mơ sở hữu Santa Barbara của Boesky đã được định sẵn là sẽ thất bại: kể cả trong bầu không khí tự do phóng túng của thời đại Reagan, các nhà quản lý thị trường cũng vẫn chùn bước trước ý tưởng các khoản tiền ký quỹ tiết kiệm và cho vay được đầu tư vào một hoạt động cổ phiếu giá rẻ, do bản chất tự thân của hoạt động này là mang tính đầu cơ cao độ. Họ không hề bác bỏ đơn xin chấp thuận quyền kiểm soát do Boesky đệ trình, nhưng cũng không bao giờ thông qua. Mọi sự cứ thế trôi vào im lặng. Trong khi đó, Santa Barbara đã có một danh mục trái phiếu lợi nhuận cao khổng lồ.

Conway không hề lãng phí thời gian để thu hút Boesky vào những vụ mua lại khác. Anh ta biết tỏng Boesky ghen tỵ với cuộc chinh phục mà Icahn thực hiện với TWA và những công ty khác, và cảm

giác rằng mình có thể trổ tài trên cùng những sân chơi ấy. Anh ta suýt nữa đã bỏ thầu với Scott & Fetzer, một cơ sở sản phẩm gia dụng, và thậm chí còn thu mua một lượng cổ phiếu lớn và đệ trình đề nghị không chính thức lên công ty để bàn về vấn đề cấp vốn. Nhưng Conway không thể thuyết phục Drexel đứng ra cung ứng vốn; kết quả lượng giá của Drexel về giá trị của công ty này còn bảo thủ hơn cả của Conway. Nhà đầu tư huyền thoại Warren Buffet, chủ tịch của Berkshire Hathaway, cuối cùng đã mua lại công ty này.

Họ lại xem xét đến Kirby Vacuum Cleaners; All-Steal, cơ sở chế tạo đồ nội thất văn phòng; một doanh nghiệp đường sắt nhỏ ở Louisiana. Trong mỗi vụ, Boesky đều tìm ra vấn đề nào đó. Và nếu vấn đề ấy được giải quyết, anh ta lại sẽ tìm ra rắc rối khác. Conway ngày càng chán nản. "Không đời nào có thông tin hoàn hảo trong một vụ làm ăn đâu," anh ta nói với Boesky. "Lúc nào chẳng phải có rủi ro." Conway kết luận rằng Boesky không có được sức chịu đựng và sự quả cảm để trở thành một Icahn thứ hai. Có vẻ anh ta ganh tỵ với những kẻ săn doanh nghiệp, nhưng anh ta lại khiếp sợ thất bại, e ngại rằng những người khác sẽ cười nhạo mình. Boesky cứ lo lắng triền miên về việc trả giá quá cao, như anh ta giãi bày với Conway. Conway cảm thấy sự tín nhiệm của Boesky đối với Drexel đang suy giảm. David Kay đã đồng ý ngay từ đầu rằng Drexel sẽ rao bán các cơ may và cung cấp dịch vụ nghiên cứu nếu sau này Boesky sử dụng Drexel với vai trò nhà tư vấn và đầu tư tài chính cho công ty mình. Những gì Drexel thu lại từ phí cấp vốn và sáp nhập cuối cùng quá đủ đền bù lại bất cứ chi phí nào. Điều này là tiêu chuẩn tại hầu hết các hãng trên Phố Wall; rõ ràng là không ai trả tiền trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu. Nhưng hiển nhiên, động lực khuyến khích Drexel đưa ra các thương vụ cũng bị giảm sút khi Boesky cứ kiếm cớ để không làm gì hết.

Trong một vụ làm ăn như vậy, Conway nói, "Ivan, nếu anh không thích công ty này, anh cứ nói thẳng ra. Đừng có bắt mọi người phải chịu đựng những thứ khốn kiếp này. Đừng có làm tụi tôi phải phí hoài ba, bốn tháng trời. Nhuệ khí cũng bị sứt mẻ khi anh từ chối mà chẳng đưa ra một lý do thuyết phục."

Boesky biện giải cho việc hủy bỏ hành động của mình, nhưng chỉ nói rằng những thương vụ được đề xuất ấy không đủ lớn hay quy mô cho xứng với những tham vọng của anh ta. Anh ta muốn mọi thứ phải bày ra trước mắt, và anh ta cũng muốn nó phải tầm cỡ. Các doanh nghiệp ngành truyền thông có vẻ là phương tiện đúng đắn. U.S News and World Report khiến anh ta cảm thấy hứng thú; tờ này đang được rao bán và có sở hữu một số bất động sản giá trị

ở Washington, D.C. Bạn của Boesky, Martin Peretz, một nhà đầu tư cỡ bự trong số các cổ đông của anh ta, đã mua lại tạp chí The New Republic, và Boesky ngưỡng mộ thanh danh và dấu chứng thực về quyền sở hữu một đơn vị xuất bản phẩm quốc gia. Nhưng anh ta quá căn cơ cẩn trọng trong hành trình truy cầu của mình, và dễ dàng bị Mortimer Zucker, một nhà phát triển địa ốc với những tham vọng ngoại cỡ tương tự, bỏ thầu đánh bại. Boesky thậm chí còn nói đến chuyện cấp vốn cho một tờ nguyệt san trào phúng mới ra lò mang tên Spy. Nhưng cuối cùng Spy đã cất cánh mà chẳng cần đến sự hỗ trợ của Boesky.

Và rồi một cơ hội đáng kể khác xuất hiện. Icahn, ông bạn lâu năm của Boesky gợi ý Boesky xem xét cổ phần của Gulf + Western, một thế lực ở cả Hollywood, với hãng Paramount Pictures và cả trong ngành xuất bản, với công ty Simon & Schuster. Cả hai lĩnh vực kinh doanh này đều hết sức lôi cuốn đối với những tham vọng đang ngày càng leo thang của Boesky, Icahn nói với Boesky rằng anh ta nghĩ cổ phần của Gulf + Western "đang bị đánh giá thấp rõ rệt". Boesky bắt tay thu mua cổ phiếu và dừng lại khi đạt gần 5% – mức đòi hỏi phải đệ trình báo cáo lên Ủy ban Chứng khoán.

Boesky duy trì liên lạc liên tục với Icahn, người cũng đang sở hữu lượng cổ phiếu Gulf + Western lớn. Tổng cộng, hai người trong tay gần 10% cổ phần, biến họ trở thành những cổ đông có máu mặt. Thế nên Icahn đề xuất rằng hai người bọn họ, "với tư cách hai cổ đông", sẽ đến gặp Martin Davis, chủ tịch của Gulf + Western. Boesky thực hiện theo tư vấn của luật sư của anh ta đó là anh ta và Icahn không phải "một nhóm". Nếu như vậy, họ sẽ phải trình báo cáo về cổ phần mình đang nắm giữ và các mục đích nhắm đến.

Davis đã giao thiệp với Icahn với tư cách một cổ đông của Gulf + Western suốt nhiều năm nay. Họ gặp nhau lần đầu tiên hồi năm 1983, không lâu sau khi Charles Bluhdorn, người tiền nhiệm của Icahn tại G + W qua đời. Đó là một cuộc chạm trán gay gắt, khi mà Icahn chỉ tìm kiếm những khoản lợi nhuận ngắn hạn, còn Davis lại tận tụy với sứ mệnh kiến thiết doanh nghiệp trong dài hạn. Nhiều năm trôi qua, Davis bộc lộ thái độ tôn kính miễn cưỡng đối với Icahn. Anh này bắt đầu tin là lời lẽ của mình hay ho công hiệu lắm.

Nhưng Boesky lại là một vấn đề khác. Tay chuyên gia cổ phiếu giá rẻ này chỉ mới lần mò tìm đường gặp gỡ với Davis chỉ vài tháng trước. Davis tham gia giúp quyên tiền phục chế Nhà hát Carnegie danh giá của New York, anh ta gửi một bức thư mời góp quỹ đến

Boesky. Icahn gọi điện ngay không lâu sau đó. “Đồ khốn nhà anh,” Icahn nói, giọng nửa châm chọc. “Ivan sẽ dùng món này như cái cớ để gặp anh cho mà xem.” Quả thực, Boesky đến gặp Icahn thật, nói rằng anh ta muốn quyên một khoản cho Nhà hát Carnegie – và rằng anh ta muốn thân chinh chuyển tấm séc cho Davis. Vậy là Icahn mẫn cán dàn xếp một cuộc gặp mặt. Davis gần như ngay lập tức tỏ thái độ không mấy ưa thích với tay thương lái cổ phiếu giá rẻ, thứ thái độ không mấy được cải thiện khi thấy tấm séc từ Boesky mà Davis coi là rất nhỏ mọn – chỉ 5 nghìn đô-la.

Nhưng giờ đây, Boesky đã trở thành một cổ đông cỡ bự ngang với Icahn, Davis cảm thấy mình không còn lựa chọn nào khác ngoài gặp mặt họ. Anh ta mời họ dùng bữa tối vào ngày 5 tháng Chín trong phòng ăn riêng trên tầng thượng của cao ốc Gulf + Western ở góc tây nam Công viên Trung tâm. Davis yêu cầu vệ sĩ của Boesky phải để các nhân viên an ninh của Gulf + Western kiểm tra vũ khí. Boesky không thích thế, nhưng ngược lại, anh ta lại vung vít lời khen với Davis, nói rằng anh ta nghĩ Gulf + Western đúng là “một công ty có một không hai”. Davis thì được miêu tả như một “nhà quản lý có một không hai” và là một “nhà quản lý xuất chúng”. Davis ngay lập tức thấy nghi ngờ. Boesky tán tụng thái quá, và Davis cảm thấy thật gớm ghét.

Tối đó, tiếp sau những lời tán dương, Boesky và Icahn đề xuất một vụ mua lại dựa trên vốn vay, trong đó công ty sẽ được mua lại một cách bí mật, Icahn và Boesky sẽ sở hữu cùng với ban giám đốc. Davis vẫn sẽ tại vị ghế chủ tịch, họ đảm bảo như vậy. Với hiện trạng cổ phiếu G + W đang ở mức trên 40 đô-la một chút, họ sẵn sàng đưa ra mức giá 52 đô-la một cổ phiếu, một khoản mà, theo lời Boesky, có thể mang lại cho Davis “100 triệu đô-la trong ví.”

Davis thất kinh. “Anh sẽ bóp chết các cổ đông mất,” anh ta thốt lên. Davis coi lời đề xuất này chỉ khá hơn một nỗ lực đút lót để anh ta bán tháo công ty ở mức giá thấp. Boesky đồng ý rằng đây là một vụ bỏ thầu với mức giá thấp thật, nhưng dường như anh ta không hề mảy may suy suyển. “Anh sẽ là người cùng hội cùng thuyền với tôi,” Boesky nói, một viễn cảnh đáng ghê tởm đúng như những gì Davis có thể tưởng tượng ra.

Davis thận trọng đáp rằng anh ta sẽ cân nhắc lời đề nghị. Không như rất nhiều vị chủ tịch của các công ty đại chúng, Davis vẫn thường nói rằng mục tiêu chủ yếu của anh ta là nâng cao giá trị cổ đông, và anh ta sẽ không tùy tiện ngay lập tức khước từ những đề nghị đấu thầu thâu tóm. Thế nhưng, đã có quá nhiều những tay quản lý đánh cắp các công ty thông qua các vụ mua lại dựa trên

vốn vay với mức giá thấp đến tai tiếng và Davis không định góp mặt vào hạng mục này. Anh ta nói với Icahn và Boesky là muốn điều hành một công ty đại chúng và vẫn muốn duy trì theo cách đó. Rất nhanh, anh ta gọi điện cho Boesky, nhã nhặn từ chối lời đề nghị bỏ thầu mua lại dựa trên vốn vay của Boesky.

Icahn và Boesky vẫn ương ngạnh, họ tiếp tục họp với Davis vào ngày 1 tháng Mười. Lần này, họ đưa ra hẳn các dự thảo tài chính chi tiết, nhưng Davis vẫn cương quyết. Mặc dù cuộc họp bắt đầu khoảng lúc 8 giờ tối và kéo dài tới ba tiếng đồng hồ, nhưng Davis không hề mời họ chút gì để ăn. Anh ta nói đã quyết định xong xuôi và không muốn biến công ty thành công ty tư.

Rất nhanh sau đó, ngày 3 tháng Mười, ông bạn của Boesky, John Mulheren đã có chuyến viếng thăm Davis. Davis chưa từng gặp Mulheren, người xuất hiện trong chiếc áo sơ mi kẻ ô mở cổ và một đôi ủng cao bồi. Davis nghĩ là anh ta trông giống hệt một tay thợ đốn gỗ. Trong một nỗ lực hòng lách mình vào bất cứ đề nghị bỏ thầu nào với Gulf + Western, Mulheren nói với Davis, "Anh không tin Boesky được đâu. Tin tôi đây này. Tôi sẽ là tai là mắt cho anh."

Mulheren đảm bảo với Davis rằng anh ta không hề sở hữu chút cổ phần nào của G + W và cũng sẽ không mua. Nhưng Davis cũng chẳng tin tưởng Mulheren hơn Boesky là mấy. Anh ta sợ rằng Mulheren sẽ chuyển thông tin về phản ứng của anh ta trước đề nghị mua lại cho các nhà đầu tư giàu có của mình, bất chấp lời hứa sẽ tránh xa, kể cả với Boesky. Davis nói lời cảm ơn Mulheren và cũng từ chối.

Icahn và Boesky xem xét lại những lựa chọn của mình. Boesky nói với Icahn rằng họ phải tiếp tục tích lũy thêm nhiều cổ phiếu nữa hòng gây áp lực lên Davis. Nhưng Icahn bảo với Boesky – và Davis rằng anh ta sẽ không làm thế mà không có sự đồng ý của Davis. Boesky gọi cho Davis, và lần này những lời tán tụng và thái độ nồng ấm xa hoa đã vắng mặt rõ ràng. Boesky đe dọa sẽ tăng mức cổ phần nắm giữ lên 9,9%, rồi bồi thêm "Tôi muốn có hai chỗ trong hội đồng quản trị." Davis vẫn cương quyết. "Không có chuyện đó đâu. Anh không được hoan nghênh. Chấm hết."

Boesky ngưng lại một chút, rồi cất lời, "Vậy thì mua lại cổ phiếu của tôi đi." Anh ta đòi 45 đô-la một cổ phiếu; giá cổ phiếu lúc đóng cửa giao dịch ngày hôm ấy là 44 đô-la. "Tuyệt đối không," Davis đáp. "Khi nào cổ phiếu giao dịch ở mức 45 đô-la, tôi sẽ rất vui lòng xem xét khả năng mua lại cổ phiếu của anh." Công ty này gần đây đã tuyên bố kế hoạch mua lại cổ phiếu, nhưng Davis không có ý

định gì là chấp nhận thư xanh, điều mà giờ đây Icahn và Boesky mong đợi.

Boesky không làm gì cả. Anh ta đã bị lung lay bởi một cuộc thâu tóm đại chúng thất bại. Hồi đầu năm ấy, các đại diện của Fairness in Media, một nhóm giám sát truyền thông bảo thủ do Thượng nghị sĩ Jesse Helms đứng đầu đã gọi điện cho Boesky, tìm kiếm sự trợ giúp cho nỗ lực đe dọa đài CBS bằng một vụ thâu tóm tàn bạo. Boesky cảm thấy viễn cảnh ấy thật quá lợi lộc, nhưng anh ta cũng bắt đầu nghĩ đến một mạng lưới thanh thế và uy tín. Anh ta kết luận rằng Ủy ban Truyền thông Liên bang nhiều khả năng sẽ không ngáng đường một vụ đấu thầu thâu tóm thù địch, nhưng cũng biết rằng mình không thể nào góp đủ số vốn để tự khởi phát một vụ thâu tóm trị giá nhiều tỷ đô-la. Tuy vậy, nếu anh ta có thể tích lũy một lượng cổ phần lớn, có lẽ vào khoảng 15%, thì chí ít cũng có thể đẩy CBS vào thế "cưỡi lên lưng cọp". Chắc canh ta những người khác cũng thèm thuồng một viên ngọc quý đính lên vương miện như vậy. Anh ta nghe đồn rằng Ted Turner có hứng thú thật. Và Ted từng chứng kiến Boesky và Milken lèo lái Pacific Lumber và Harris Graphics vào vòng tay của những kẻ rắp tâm thâu tóm tàn bạo dễ dàng đến cỡ nào. Có thể anh ta sẽ có được một ghế danh giá trong hội đồng quản trị của mạng lưới truyền hình này. Boesky bắt đầu tích trữ cổ phiếu đồng thời đề nghị Milken cũng mua vào cho anh ta.

Tuy thế, khi Boesky nộp bản báo cáo về tình hình cổ phiếu cho Ủy ban Chứng khoán với hy vọng sẽ lùa cơn khiếp sợ vào trái tim của CBS, mạng lưới này lại chống trả cực kỳ quyết liệt. Thomas Wyman, chủ tịch của CBS thậm chí còn không phản hồi những động thái mua lại của Boesky bằng một cuộc gặp mặt-đối-mặt, khiến Boesky vô cùng thất vọng. Các luật sư của CBS tại hãng Cravath, Swaine & Moore đệ một đơn kiện sắc bén, tố cáo Boesky sử dụng đòn bẩy thái quá và đã vi phạm các quy định về vốn ròng để mua lại cổ phiếu.

Ngày đơn kiện được đệ trình, trông Boesky có vẻ u ám. Anh ta nghi ngờ có một kẻ phản bội; làm thế nào Cravath và CBS lại tìm ra được gót chân Achilles như vậy được chứ? Không thể có chuyện Boesky lại trưng ra những khúc mắc bí mật ấy trước các luật sư của CBS được. Anh ta không thể mạo hiểm phơi bày thông tin xung quanh việc làm ăn với Milken. Boesky ngay lập tức rút lui. Tha thiết phải đàm phán một thỏa ước ngừng bắn để kết thúc vụ kiện tụng, anh ta ký ngay một thỏa thuận tạm ngưng, hứa hẹn sẽ không mua thêm cổ phiếu của CBS và bắt đầu giải phóng lượng đầu cơ cổ phiếu của mình.

Đến lúc này, cả hai cuộc chạy đua thâu tóm CBS và Gulf + Western đều tan tác, Boesky bị kẹt cứng với lượng cổ phiếu Gulf + Western khổng lồ. Lượng cổ phiếu CBS của anh ta có thể dễ dàng bán ra ở mức có lãi; những kết quả hoạt động được cải thiện cùng động thái đầu cơ cho một cuộc thâu tóm vẫn đang tiếp diễn đã đẩy giá cổ phiếu tăng lên đều đặn, và Boesky đã có một khoản lời đáng kể. Nhưng giá cổ phiếu của Gulf + Western thì giảm sút.

Nhiều tuần trôi qua, cổ phiếu Gulf + Western bắt đầu phục hồi trở lại, đạt mức 44 đô-la vào trung tuần tháng Mười. Thế là Boesky gọi cho Mulheren. "Tôi thích Gulf + Western đấy." Boesky bảo với anh ta. "Tôi sẽ không trả cao hơn mức 45 đô-la đâu, nếu nó được giao dịch ở mức 45 đô-la thì sẽ là hay nhất!"

"Tôi hiểu rồi," Mulheren đáp. Thường thì khi Boesky nói anh ta "thích" cái gì đó, Mulheren có thể tin rằng sẽ thu được những khoản lớn. Vậy là anh ta bắt đầu mua vào cổ phiếu Gulf + Western, đẩy giá cổ phiếu lên cao hơn. Một trợ lý của Mulheren hỏi anh ta tại sao lại mua cổ phiếu, và Muheren đáp, "Tôi không biết. Ivan thích cổ phiếu này." Thế đã là đủ cho một lời giải thích.

Cuối cùng, chủ yếu do động thái mua vào của Mulheren, giá cổ phiếu đã đạt mức 45 đô-la. Chỉ trong chốc lát, Mulheren đã nhìn thấy một khối cổ phiếu Gulf + Western bán ra trị giá 6,7 triệu đô-la chạy qua băng từ ở mức 45 đô-la. Anh ta nhận ra rằng Boesky đã giải phóng cổ phiếu G + W, đẩy khối cổ phiếu khổng lồ ấy sang cho Mulheren. Còn hơn cả "thích" cổ phiếu này, Boesky đã đẩy giá cổ phiếu lên thật cao hòng bán tháo với lợi nhuận kếch xù hơn nhiều. "Thằng khốn nạn," Mulheren nói to, không nhằm vào ai hết.

* * *

Đến cuối năm 1985, dường như Boesky rơi vào tình thế xa vời nhất với giấc mơ trở thành một Rothschild hậu thế. Vậy là anh ta quay trở lại với người duy nhất có thể đẩy anh ta lên những thang bậc trước nhất của giới tài phiệt Hoa Kỳ: Michael Milken.

Trong vòng hơn một năm, hai người bọn họ đã bàn tính đủ phương cách để gia tăng số vốn của Boesky, sau thất bại của vụ CBS và Gulf + Western, Boesky nói với Milken rằng anh ta muốn tiếp tục xúc tiến những kế hoạch vốn hóa bằng cổ phiếu giá thấp quy mô nhất trong lịch sử. Như bọn họ từng bàn bạc trước đó, Boesky sẽ giải thể hội đồng thành viên hiện giờ của anh ta, Ivan F. Boesky Corporation và sẽ gây được số vốn trị giá 220 triệu đô-la từ

phần đóng góp của một số lượng thành viên hạn chế. Và rồi Milken sẽ huy động 660 triệu đô-la từ lợi nhuận của việc bán trái phiếu lợi nhuận cao. Đây sẽ là sức mua với mức độ mà Boesky khó lòng dám mơ tới – một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cổ phiếu giá thấp với 1 tỷ tiền vốn. Đòn bẩy với tỷ lệ 1 trên 3, Boesky sẽ nắm trong tay quyền năng không giới hạn để đầu tư lên tới 3 tỷ đô-la! Đến cả những tập đoàn lớn nhất, quyền lực nhất cũng phải ngả nghiêng chao đảo trước lối tiếp cận của anh ta.

Phụ thuộc nặng nề hơn vào Milken là một phần cái giá phải trả. Điều này sớm trở nên rõ rệt trước Conway. Đầu năm 1986, Merrill Lynch tiếp cận Conway và Boesky với một cơ hội dường như không hề có rủi ro: Gulton Industries đang nằm trong tầm một cuộc tấn công hung hãn được khởi phát bởi Mark IV Industries. Goldman, Sachs, đại diện cho Gulton, không làm gì khác ngoài van nài Boesky tham gia với tư cách "hiệp sĩ trượng nghĩa" giải cứu công ty với mức thù lao không dưới 50 triệu đô-la. Conway tìm hiểu về Gulton và các hoạt động của công ty này, và quyết định rằng kể cả anh chàng Boesky quen thói cảnh giác cũng sẽ bị hút vào vụ đầu tư này. Conway bảo với Boesky rằng thương vụ này "gần chạm tới mức tuyệt hảo mà anh hằng mong ước." Hội đồng quản trị của Northview, công cụ tiến hành đấu thầu của Boesky cũng đã họp và thông qua vụ mua lại này.

Và rồi, ngay khi Conway ngỡ rằng họ đã quét sạch mọi rào cản, Boesky hỏi anh ta, "Tôi có nên gọi cho Mike Milken và hỏi xem anh ta nghĩ thế nào không?"

"Không!" Conway thốt lên rành rọt. Đây có phải vụ làm ăn của Drexel đâu – Merrill Lynch sẽ phụ trách phần cung ứng vốn, bởi chính nó đã rao bán công ty này với Boesky – nên Conway biết tỏng rằng Milken sẽ gắng sức phá ngang mà thôi. "Ivan, đừng có nói chuyện với anh ta," Conway van vỉ. "Anh ta sẽ chỉ tỏ thái độ khó chịu về vụ này thôi, và anh sẽ chỉ chuốc vào thân đủ thứ nghi ngại mập mờ." Conway nhấn mạnh rằng anh ta sẽ "cực kỳ không vui" nếu Boesky tìm đến Milken trong vụ này.

"Được thôi, nhưng cũng phải để tôi nghĩ qua một đêm xem thế nào đã," Boesky nói.

Sáng hôm sau, Merrill Lynch đã sẵn sàng xúc tiến sự vụ, Boesky lại gọi Conway vào văn phòng mình. "Mike không chắc là vụ này ổn đâu," anh ta nói. Conway sững sờ. Làm gì có chuyện Milken lại hiểu rõ về công ty này như Conway. Giờ thì hai năm rõ mười, Conway nghĩ, rằng nếu không có sự đồng ý của Milken, Boesky

cũng chẳng dám đi tè. “Quên khẩn trương cái món ngân hàng bán buôn đi,” Conway giận dữ nói, và ào ào đi ra. Anh ta gửi đơn xin thôi việc chẳng bao lâu sau đó, và không bao giờ còn thực hiện thương vụ nào cho Boesky nữa.

Nagle, vốn được thuê để hỗ trợ việc gây dựng hoạt động ngân hàng bán buôn, đã bị ép vào nhiệm vụ trợ giúp Boesky huy động 220 triệu đô-la cổ phần trong đầu tư vốn mới quy mô lớn của Milken/Drexel. Họ gọi cho những người nhà Belzberg, Riklis, nhà đầu tư Gerald Ronson ở London, chủ tịch của Heron Internationla, danh ca Paul Anka và chuyên gia phát triển địa ốc Peter Kalikow. Với mỗi người, Boesky đều bắt đầu một cách nhiệt huyết về gói bán hàng tiêu chuẩn của mình bằng những lời ca tụng vẻ đẹp của cổ phiếu giá rẻ. Anh ta tìm đến cả yếu tố lịch sử của hoạt động này, viện dẫn tên tuổi của Gustave Levy ở hãng Goldman, Sachs, rồi cả những gia tài kếch xù đã được gây dựng nhưng chưa từng công khai trước bàn dân thiên hạ. Anh ta nói rằng dịch vụ cấp vốn mới mẻ của Drexel đã mang lại những cơ may chưa từng có bao giờ. “Đây chính là đòn bẩy,” anh ta tóm lại. “Đây mới là đỉnh cao.”

Những cuộc bàn luận thường nhanh chóng chuyển khỏi các chi tiết bí truyền của nghề cổ phiếu giá rẻ. Ví dụ, Kalikow có những tấm ảnh chụp chiếc phi cơ riêng ngay trên tường phòng làm việc, anh ta và Boesky lao vào một cuộc bàn bạc rất cụ thể về những chi tiết bọn họ muốn có trong những chiếc phi cơ tiếp theo. Còn những người nhà Belzberg lại mê mẩn tàu bè, họ còn khoe cả những bức ảnh chụp những chiếc du thuyền yêu thích của mình.

Nhìn chung, các nhà đầu tư đều phản ứng rất nhiệt thành. Nhà đầu tư riêng lẻ lớn nhất – trong mắt Nagle, là người huyền bí nhất – chính là Jeffrey Picower, người đã đầu tư đến 28 triệu đô-la. Nagle không hề biết là tiền của Picower từ đâu chui ra; ông ta cắm chốt ở một khu văn phòng không tên tuổi trong một tòa tháp không rõ danh tính ở khu Manhattan.

Những nhà đầu tư khác, trong đó bao gồm cả Gould Inc., một công ty Boesky quen biết qua chuyên gia môi giới Don Little ở Kidder, Peabody, nắm giữ khoản đầu tư quỹ hưu trí trị giá 5,7 triệu đô-la; Quỹ British Water Authority Superannuation; Bảo hiểm Nhân thọ Quốc gia Lincolh; Ngân hàng Thụy Sỹ Interallianz; Northern Trust Co.; các nhà đầu tư Milton và Joseph Dresner ở New York; và Martin Peretz.

Nhưng phản ứng của Drexel trước dự định cấp vốn cho Boesky rõ ràng là rất lạnh nhạt. Stephen Weinroth, người gắng sức can ngăn

Milken chống lưng cho Posner trong vụ Fischbach, giờ đây chuyển tầm ngắm sang Boesky. Fred Joseph bảo Weinroth phải để mắt chú ý đến quy trình cấp vốn; nó làm nảy sinh rất nhiều vấn đề ngoắt ngoéo, trong điều kiện lĩnh vực hoạt động chính của Boesky là cổ phiếu giá rẻ.

Weinroth cũng có phản ứng chống lại thương vụ này gần như ngay lập tức. Những báo cáo tài chính mà Boesky đưa ra rõ ràng là vô nghĩa; những lô cổ phiếu quy mô lớn của anh ta có thể thay đổi chỉ trong khoảng thời gian một ngày giao dịch. Không có cách nào để các nhà đầu tư tiềm năng lượng giá được những khối cổ phiếu của anh ta. Boesky thậm chí còn không muốn cung cấp các báo cáo quý về các lô cổ phiếu của mình, thứ anh ta cho là thông tin tuyệt mật. Nếu có xảy ra một vụ lùm xùm, các nhà đầu tư chỉ có nước trắng tay.

Drexel thuê một thám tử tư điều tra Boesky, nhưng anh ta chẳng khơi ra được gì ngoài một vài cáo buộc của Ủy ban Chứng khoán đã được dàn xếp êm thấm. Thế nhưng, Weinroth nghĩ rằng mình đã thành công trong việc thuyết phục Joseph và những người khác ở Drexel bác bỏ thương vụ này. Và rồi, đến tháng Mười một năm 1986, sau thất bại của CBS và Gulf + Western, Boesky và Milken bắt đầu thúc đẩy một cái chốt cho thương vụ.

Phản ứng chống lại Boesky cũng đạt được sự thống nhất tại Beverly Hills. Một trong những người ủng hộ hàng đầu của Milken, Peter Ackerman đã cảnh báo rằng có lẽ đã có quá nhiều tiền được đặt vào tay Boesky. Anh ta không thể nào quản lý hiệu quả một lượng tiền lớn như thế được; anh ta sẽ bị thúc ép ném tiền vào các vụ làm ăn trước khi kịp phân tích kỹ những thương vụ ấy, Ackerman lập luận. Lowell Milken, người thân cận với Milken hơn hết thảy, cũng phản đối vụ cấp vốn. Anh ta nói không thích và cũng không tin Boesky. Dahl cũng thế, đưa ra hàng loạt chứng cứ chống lại vụ cấp vốn, biện luận rằng nếu xảy ra một cú sụt giá đột ngột trên thị trường, Boesky cũng khánh kiệt với đám trái phiếu, các nhà đầu tư cũng chịu số phận tương tự. Khi Dahl chia sẻ những nỗi quan ngại của mình với Lowell, Lowell đáp, “Tôi cũng chẳng biết vì cái quái quỷ gì mà tụi ta phải làm thế. Đi hỏi ông anh tôi xem sao.”

Milken gạt bỏ tất cả tất cả những cự nự ấy ngay lập tức. “Drexel chống lưng cho những kẻ chiến thắng, mà Boesky lại là một kẻ chiến thắng,” anh ta một lần nữa khẳng định, và đó chính là kết thúc của cuộc tranh luận. Điều Milken đã không công khai, ấy là anh ta sẽ thu được một khoản lời cá nhân trong hoạt động của

Boesky như một phần của thỏa thuận. Việc ấy sẽ khiến ràng buộc càng chặt chẽ hơn vào Milken.

Weinroth lại gắng thử qua mặt Milken và vô hiệu hóa thương vụ. Anh ta cầu xin Joseph gạt bỏ đề xuất của Milken. Joseph đã có thể làm thế, nhưng lại không làm.

Thoạt tiên, thị trường phản ứng như thể nó sẽ phá bỏ thương vụ, kể cả khi Drexel không làm vậy. Hết người này đến người khác, thậm chí cả những khách mua trái phiếu trung thành nhất của Drexel cũng chùn lại, nói rằng họ sẽ không đầu tư vào một quỹ cổ phiếu giá rẻ. Dahl, chuyên gia bán hàng bậc thầy, thậm chí còn tuyệt vọng trong việc dàn xếp nợ, và lo ngại rằng chính Drexel sẽ phải oằn mình ra gánh phần lớn trong số đó. Weinroth, Dahl và những người khác gắng xoay xỏa thuyết phục Milken thay đổi một số điều khoản trong vụ chào bán. Một số điều khoản hạn chế sẽ phải được thực thi. Boesky tức điên vì rõ ràng anh ta đang bị cản trở sử dụng những khoản lời lãi để mua chiếc phi cơ Gulfstream mà anh ta muốn. Boesky muốn có được đòn bẩy vô hạn; anh ta đã được bảo đảm là ba-trên-một. Anh ta không muốn có bất kỳ một hạn chế nào về tỷ suất vốn đầu tư; khoản nợ đòi hỏi anh ta phải thanh toán trong trường hợp giá trị tài sản của anh ta tụt xuống mức quy định nào đó. Dahl đã củng cố thanh danh của mình như một chuyên gia bán hàng huyền thoại nhờ thuyết phục Charles Lincohn tại Quỹ Tiết kiệm Lincohn mua 100 triệu đô-la trái phiếu. Thời điểm kết thúc cuộc phát hành trị giá 660 triệu đô-la, chính thức được biết đến với tên gọi Huy động vốn Hudson, được ấn định vào ngày 21 tháng Ba năm 1986. Cũng vào thời điểm đó, Ivan F. Boesky Corporation cũng được thanh lý và Ivan F. Boesky Limited Partnership ra đời.

Với những nỗ lực của mình trên danh nghĩa Boesky, Milken và Drexel đã thu được 24 triệu đô-la phí cấp vốn. Milken cũng được nhượng lại 5 triệu đô-la lợi tức trong hoạt động của Boesky (dựng lên một tình huống nguy hiểm khi một chủ ngân hàng đầu tư trên thực tế sở hữu lợi ích trong hoạt động của lĩnh vực cổ phiếu giá rẻ). Không người nào của Drexel bên ngoài bộ phận trái phiếu lãi suất cao ở Beverly Hills biết về điều khoản sinh lời này. Giờ thì chỉ còn một điểm mắc kẹt: khoản chi trả mà Boesky còn nợ Milken sau những khoản lộc trời cho sinh ra từ những hoạt động bất hợp pháp này. Với 660 triệu đô-la trong sổ cân đối thu chi, Milken đã có được tất cả đòn bẩy mà anh ta cần. Anh ta lẳng lặng bảo với Boesky là sẽ không có chuyện kết thúc cho đến khi Boesky trả những gì còn nợ anh ta.

Trong cơn tới tấp những cuộc điện thoại qua lại trong buổi sáng ngày 21 tháng Ba, thời điểm việc kết thúc diễn ra, Boesky đã đồng ý thực hiện việc chi trả. Nhưng đã quá trễ để che đậy nhờ các giao dịch chứng khoán như cách trước đây họ đã làm. Boesky bán cho Milken một số chứng khế bất động sản và cổ phiếu United Artists ở mức giá thấp hơn thị trường. Nhưng vẫn còn một khoản lớn nổi bật hẳn: 5,3 triệu đô-la, theo các tính toán của Mooradian và Thurnher. Quá nôn nóng giải quyết rốt ráo vấn đề để việc kết thúc được xúc tiến thuận lợi, Boesky đã thực hiện một việc chưa từng làm trong quá trình diễn ra những dàn xếp bất hợp pháp giữa anh ta với Milken: Anh ta sai Mooradian xuất một tờ séc trị giá 5,3 triệu đô-la và ghi danh khoản chi này là "tiền hoa hồng giao dịch".

Và đáng lẽ ra vấn đề có thể đã êm xuôi tại đó, nếu không có các kế toán viên của Boesky tại OAD. Hãng kế toán này được thuê để nghiên cứu kỹ càng sổ sách kế toán của Ivan F. Boesky Corporation và phát hành một thứ gọi là "thư trấn an". Trong khi thư trấn an không có được phạm vi hay tầm cỡ của một cuộc kiểm toán đầy đủ, thì nó lại là một hình thức đại diện cho kế toán viên để thể hiện rằng mọi thứ có vẻ đang đi đúng trật tự và, như tên gọi gợi ra, nó được thiết kế nhằm trấn an các nhà đầu tư trong hội đồng thành viên mới. Ivan F. Boesky Corporation đã chính thức ngừng tồn tại kể từ 4 giờ chiều, khi sàn giao dịch chứng khoán đóng cửa, và các kế toán viên đã có mặt để chứng kiến lần cuối những ngày tồn tại cuối cùng của công ty này.

Peter Testaverde, một trong những hội viên của OAD, người điều hành tổ chức của Boesky và phụ trách việc kết thúc vụ Huy động vốn Hudson, được cử đến họp với Mooradian trong một phòng hội thảo để thẩm tra những hoạt động giao dịch mới nhất. Testaverde vốn là một người bạn cũ của Mooradian và anh này mong đợi rằng nó cũng chỉ là thủ tục. Thế nhưng, đến khoảng 4 giờ 10 phút, Testaverde phát hiện ra một khoản chi trị giá 10 nghìn đô-la. "Cái gì thế này?" Anh ta hỏi Mooradian.

Mooradian nhìn vào sổ cái và thoáng chốc thấy hoang mang; trong cơn phấn khích của một thương vụ trị giá tới 1 tỷ đô-la, anh ta không chú ý gì nhiều đến một khoản chi bé mọn cỡ chừng 10 nghìn đô-la. "Tôi cũng không rõ lắm."

"Tôi cần ít giấy tờ xác minh khoản này," Testaverde nói.

"Thôi nào, Pete," Mooradian đáp, lập luận rằng khoản này chẳng đáng là bao.

“Tôi phải có một số giấy tờ sao lưu, Set ạ,” Testaverde quả quyết. “Tôi rất tiếc.”

Đến lúc này thì Mooradian bị kích động thực sự. “Vì Chúa, Pete,” anh ta nói. “Sao anh phải rầy rà tôi vì cái này thế?” Và rồi, không suy nghĩ, anh ta đánh liều, nói toẹt những gì đang diễn ra trong đầu: “Việc quái gì anh phải tủn mủn cái khoản 10 nghìn đô-la trong khi tụi ta có tới 5,3 triệu đô-la ở đây?”

Một bầu im lặng sững sờ trùm lên căn phòng, và Mooradian ước chi có thể rút lại lời vừa nói. Thực tế, anh ta vẫn chưa thực hiện khoản chi trả, và anh ta thậm chí còn chưa có thời gian nhập nó vào sổ cái dưới dạng một khoản chi. Đương nhiên, khi anh ta thực hiện khoản chi đó vào cuối ngày hoặc ngày hôm sau, nó sẽ hiện ra, nhưng trong khi đó, có ai biết đâu? Đến lúc đó, cả vụ giao dịch này có thể được kết thúc. Anh ta cầu cho không ai để ý đến, nhưng nhìn thái độ trên khuôn mặt Testaverde, anh ta biết là mọi sự đã vỡ lở.

“5,3 triệu đô-la nào cơ?” Testaverde hỏi, rõ ràng đã bị đánh động.

“Ờ, thôi bỏ qua đi,” Mooradian nói. “Bỏ qua cả việc tôi đã nhắc đến nó nữa. Giờ tụi ta chưa nói về nó được.” Testaverde thu dọn các bản ghi chép, sắp vào cặp táp và sửa soạn ra về. “Không,” Mooradian kêu lên, quá khiếp sợ trước suy nghĩ rằng cơ hội kết thúc thương vụ đã sụp đổ quanh anh ta. “Đừng đi vội! Chúng ta có thể giải quyết êm xuôi mà.”

Nhưng khi Mooradian xác nhận rằng trên thực tế, anh ta có một khoản phải trả trị giá 5,3 triệu đô-la mà không có giấy tờ gì đi kèm, không hóa đơn, không giấy biên nhận – không một thứ gì ngoài chỉ dẫn thực hiện khoản chi từ phía Boesky – Testaverde đã trở về văn phòng của mình, cách đó một khối nhà. Anh ta nói không thể làm gì hơn nữa cho đến khi có dịp hội ý với hội viên cao cấp hơn phụ trách tài khoản Boesky – Steven Oppenheim.

Mooradian đợi trong phòng hội thảo, đốt thuốc liên tục, gần như tê liệt vì lo lắng. Sau một khoảng thời gian dài như hàng tiếng đồng hồ – nhưng thực ra mới chỉ hơn 15 phút chút xíu – điện thoại reo lên.

“Đồ khốn nạn ngu xuẩn nhà anh,” Boesky gào lên. “Đồ chó đẻ đần độn. Anh làm cái quái gì thế?” Mooradian chưa bao giờ, trong bao nhiêu năm sát cánh cùng Boesky, nghe thấy anh ta quá lời như thế. Trước khi anh ta kịp phản ứng, Boesky đã dập cụp điện thoại.

Chỉ một lát sau, nó lại réo vang. “Đồ khốn nạn ngu xuẩn,” Boesky lại bắt đầu lần nữa. Trong vòng một giờ đồng hồ sau đó, Boesky gọi đến bốn hay năm lượt. Anh ta cứ thét lên “Đồ khốn nạn ngu xuẩn” hết lần này đến lần khác, cho đến khi cơ hồ câu ấy đã khắc sâu vĩnh viễn vào đầu óc Mooradian.

Mooradian tan nát cõi lòng. Anh ta nhận ra mình sẽ không có được khoản thưởng. Tệ hơn, khả năng cao là anh ta sẽ bị sa thải. Đối với một người như anh ta, với những quyết định trừng phạt của Ủy ban Chứng khoán chực chờ sau lưng, tìm kiếm một việc làm khác gần như là bất khả.

Tại trụ sở OAD, Oppenheim nói với Boesky là không có giấy tờ đi kèm, hãng này sẽ không thể ký vào thư trấn an, đồng nghĩa với việc thương vụ không thể được kết thúc. Khi đã hơi bình tĩnh trở lại, Boesky gọi điện cho Milken. Anh ta và Boesky nhanh chóng đồng thuận rằng khoản thanh toán 5,3 triệu đô-la có thể được xác định là dành cho “tư vấn”; suy cho cùng, Drexel cũng đã thực hiện khối lượng nghiên cứu tương đối cho các dự án của Boesky. Boesky quay trở lại với các kế toán viên và luật sư của mình, đột ngột “cải chính” rằng khoản chi khổng lồ ấy là dành cho nghiên cứu và các hình thức tư vấn không xác định khác.

Tất cả đều đồng ý phê chuẩn trên cơ sở có sự bảo đảm đại diện của Boesky, với thống nhất chung là các giấy tờ liên quan đến giao dịch này sắp tới sẽ được cung cấp không chậm trễ. Tại Beverly Hills, Milken đã yêu cầu Lowell lấy một lá thư giải thích khoản chi là phí tư vấn. Lowell Milken níu lấy Donald Balser, một nhân viên thừa hành cấp thấp đang tình cờ ở ngay đó – đồng ký vào lá thư.

Bất chấp những thủ đoạn vô cùng đáng ngờ vây quanh khoản chi, các kế toán viên và luật sư của Boesky vẫn đảm bảo với anh ta rằng sẽ không có rắc rối gì. Boesky bình tĩnh thấy rõ, mặc dù anh ta không thèm bận tâm gọi cho Mooradian lấy một mảy. Chỉ đến khoảng 7 rưỡi tối, Nagle mới gọi cho Mooradian để giải tỏa nỗi khổ đau cho anh này. “Mọi sự ổn cả rồi,” Nagle nói. “Drexel đang gửi hóa đơn thanh toán dịch vụ tư vấn đầu tư đến. Ivan quá đỉnh.”

Mooradian nhẹ người vì anh ta đã không làm mọi sự thêm trầm trọng. Từ tất cả những công việc kế toán thực hiện với Thurnher, anh ta kết luận rằng Boesky và Milken là dạng đồng bè đồng cánh kiểu gì đấy, nên có lẽ Drexel có thực hiện công việc nghiên cứu này nọ thật. Nếu thế, thì hẳn nhiên sẽ không có một vụ lùm xùm đến vậy, nhưng anh ta biết hỏi những câu này với ai? Anh ta đã vướng đủ rắc rối rồi.

Một yêu cầu thanh toán từ Drexel đã đến vào ba ngày sau. Trong đó viết, "Dành cho dịch vụ tư vấn như đã thỏa thuận vào ngày 21 tháng Ba năm 1986, 5.300.000 đô-la." Còn lá thư giới thiệu, từ Thurnher, thì ngắn gọn và đi thẳng vào vấn đề:

Ngài Boesky,

Đề nghị chuyển séc chuyển tiền cho hóa đơn gửi kèm trực tiếp đến cho tôi tại địa chỉ ghi ở trên.

Địa chỉ đó, đương nhiên là ở Beverly Hills chứ không phải New York. Mooradian mẫn cán thi hành và gửi tờ séc đi.

Những nỗi lo ngại sâu sắc hơn của Mooradian cũng đã không trở thành hiện thực. Gần 1 tỷ đô-la thu được từ việc bán các lợi tức cổ đông và việc chào bán trái phiếu đã chảy vào đúng như lịch trình, biến quỹ của Boesky trở thành doanh nghiệp cổ phiếu giá rẻ huy động vốn mạnh nhất trong lịch sử. Mooradian không những không bị sa thải, mà còn có được khoản thưởng trị giá 350 nghìn đô-la. Anh ta cũng không hề phật lòng với việc những người khác được thưởng nhiều hơn thế rất nhiều: Davidoff, trưởng bộ phận giao dịch, được 1,5 triệu đô-la; Lessman được trên 1 triệu đô-la; Nagle được 1 triệu đô-la và Wekili cũng vậy, mặc dù Mooradian không biết Wekili làm cái gì.

Mooradian chỉ quá vui sướng vì được gắn mình vào một công việc, đặc biệt là với một hãng giờ đây đang ngồi trên gần 1 tỷ đô-la. "Bọn anh sẽ giàu to! Tàu của tụi anh đang đến đây," anh ta hoan hỉ nói với vợ khi biết được rằng thương vụ đã xuôi chèo mát mái. Nhưng anh ta cũng không bao giờ quên những sự kiện xảy ra ngày 21 tháng Ba, nỗi đau đớn và nhục nhã của những đòn hăm dọa mà anh ta hứng chịu từ Boesky.

8.

Jim Dahl lấy hơi thật sâu và bước vào phòng họp để xét đánh giá lương thưởng niên của mình. Năm nay, 1986, anh ta đã chuẩn bị sẵn sàng để quả quyết đòi nhiều hơn mức Milken đề nghị. Anh ta chưa bao giờ biết chính xác quy mô quỹ tiền thưởng của bộ phận trái phiếu lãi suất cao, nhưng anh ta biết chắc canh ta phải lớn lắm. Các nhân viên khác, chẳng hạn như Ackerman đều đã thành công trong việc vòi vĩnh những khoản kếch xù từ Milken. Năm nay, không có gì phải tranh cãi, Dahl chính là nhân viên bán hàng số một, đã tỏa sáng ngay cả trong những tình huống khó khăn nhất, ví như lượng trái phiếu 100 triệu đô-la của Boesky mà anh

ta đã bán được cho Charles Keating.

Milken đi thẳng vào vấn đề. "Năm nay anh sẽ được thưởng 10 triệu đô-la," Milken nói với anh chàng Jim Dahl ba-mươi-ba tuổi. Chừng này đã nhiều hơn mọi mức Dahl từng mơ kiếm được, nhưng anh ta đã quyết chí đến cùng với phương án của mình. "Tôi thực sự nghĩ là mình xứng đáng được nhiều hơn thế," anh ta quả quyết, liệt kê ra hàng loạt những thành tích của bản thân. Milken lắng nghe vẻ đồng tình, nhưng nhanh chóng gạt đi. "Jim, tôi thực sự không thể trả anh nhiều hơn được," anh ta nói với giọng mềm mỏng, "nếu không anh sẽ kiếm nhiều hơn tôi kia đấy. Thế thì không được công bằng lắm, nhỉ?"

"Chắc là không," Dahl nói. Anh ta rất ngạc nhiên trước khoản tiền thấp đến vậy, nhưng anh ta đoán rằng Milken đã tái đầu tư một phần lớn lợi nhuận của bộ phận mình trở lại hãng, nhiều hơn ước chừng của anh ta. Tính đến thời điểm này, Dahl sở hữu gần 1% cổ phần Drexel, thế nên anh ta quá ngưỡng mộ tinh thần vô tư vong kỷ hiển hiện ở Milken.

Ở New York, Fred Joseph cũng đang vật lộn với vấn đề chi trả cho Milken. Mùa xuân năm ấy, Joseph đã được cất nhắc từ trưởng bộ phận tài chính tập đoàn lên vị trí giám đốc điều hành khi Robert Linton rời đi. Xét theo khía cạnh nào đó, Joseph không muốn vị trí ấy lắm. Tờ Institutional Investor đã bình chọn anh ta là giám đốc tài chính cừ nhất Phố Wall, và anh ta đã rất hài lòng, cảm thấy rằng mình đã hoàn thành một sứ mệnh nào đó khi bộ phận của mình tận dụng được triệt để từ "hiện tượng Milken". Anh ta cũng muốn có thêm thời gian rảnh rỗi dành cho công việc cùng với ở nông trại của mình ở miệt tây bắc New Jersey.

Milken không hề giấu giếm thái độ phản đối trước mong muốn của Joseph. Anh ta phàn nàn về việc đó thẳng với Joseph, khẳng định rằng Joseph có vai trò quá quan trọng ở bộ phận tài chính doanh nghiệp. Thế nhưng Milken, người có khả năng cắt đặt bất cứ ai anh ta lựa chọn vào vị trí đứng đầu ấy, lại không đưa ra phương án thay thế nào. Đầu tiên anh ta đề xuất chính vị sếp danh dự của mình, Edwin Kantor, nhưng ngay cả chính anh ta cũng phải thừa nhận rằng Kantor không phải là hình mẫu mà hãng này muốn trưng ra. Anh chàng Joseph duyên dáng bặt thiệp là lựa chọn gần như không thể thay thế.

Drexel đã vươn cao, thậm chí còn vượt khỏi những phác họa tham vọng nhất của Joseph. Năm 1986, bộ phận trái phiếu lãi suất cao của Milken giành được gần 700 triệu đô-la tiền thưởng theo công

thức tính bồi thường của Drexel. Khoảng chừng một nửa số ấy được quy vào hoa hồng môi giới, được cấp cho Milken vì đã giới thiệu khách hàng cho các dịch vụ ở các bộ phận khác nhau trong hãng. Để tiện so sánh, quỹ thưởng dành cho bộ phận tài chính doanh nghiệp vào khoảng 140 triệu đô-la, phản ánh tỷ trọng tiền thưởng không cân đối và ngầm ẩn quyền năng của các hoạt động ở Beverly Hills.

Khi Joseph phê chuẩn quỹ thưởng trị giá 700 triệu đô-la, Milken được tùy ý phân chia theo cách mà anh ta thấy phù hợp. Milken chỉ phân phát nhỏ giọt khoảng 150 triệu đô-la cho các đồng sự ở Beverly Hills, trong đó bao gồm cả 10 triệu đô-la mà anh ta hứa với Dahl. Nhưng Milken không chỉ giữ lại 10 triệu đô-la cho bản thân như anh ta bóng gió ám chỉ. Anh ta cũng không tái đầu tư khoản còn lại vào vốn của hãng, như Dahl phỏng đoán. Dahl không đời nào biết được vào thời điểm ấy, nhưng Milken đã giữ lại tới 550 triệu đô-la cho mình. Khoản đó còn nhiều hơn cả khoản 525,5 triệu đô-la lợi nhuận mà toàn bộ hãng Drexel thu được.

Nhưng Milken lại không nghĩ rằng 550 triệu đô-la đã là đủ. Trên thực tế, Milken còn nổi giận với Joseph vì mức độ quỹ thưởng.

Cùng với Milken, Joseph cũng có trách nhiệm phân phát khoản hoa hồng môi giới, một bộ phận hợp thành một phần quan trọng trong hệ thống bồi thường của Drexel. Mỗi năm, Joseph và Milken lại nói chuyện với nhau để bàn bạc về những khoản hoa hồng này, quyết định xem ai sẽ được hưởng công trạng vì đã đưa những khách hàng nào về cho hãng. Thường thì có khoản 150 đến 200 trường hợp như vậy, và những trường hợp có tranh chấp chiếm chưa tới 20%.

Năm trước đó, có một khoản hoa hồng môi giới không được giải quyết cho thỏa lòng Milken. Milken khăng khăng khẳng định rằng anh ta phải được tính công cho khoản đó. Anh ta thừa nhận rằng một bộ phận khác cũng đáng được ghi nhận vì đã đưa được khách hàng về, nhưng rõ ràng rằng chính mối liên hệ của cá nhân anh ta mới là nhân tố quyết định. Joseph không đồng ý và từ chối quy khoản hoa hồng đó về quỹ thưởng của bộ phận trái phiếu lãi suất cao.

Đến gần thời điểm đánh giá tiền thưởng năm 1986, Milken một lần nữa khơi lại vấn đề này. Joseph quá sức kinh ngạc trước thái độ dữ dội mà Milken thể hiện khi lập luận vấn đề này. Anh ta không chịu nhượng bộ. Và anh ta cũng không hề bỏ ngãng vấn đề. Anh ta gọi đi gọi lại cho Joseph và kết cục là họ tranh cãi suốt hàng tiếng

đồng hồ, rà soát từng chi tiết nhỏ nhặt nhất về các tình huống đưa đẩy khách hàng đến với hãng. Joseph không hiểu nổi Milken lấy đâu ra từng ấy thời gian. Cả Milken lẫn Joseph đều không xuống nước. Milken không được trả khoản đó, nhưng anh ta vẫn tiếp tục cứng đầu cứng cổ rằng Joseph đã lừa mình. Khoản tiền đó chỉ vỏn vẹn 15 nghìn đô-la.

Joseph bỏ qua chút rắc rối ấy như một nét kỳ quặc trong tính cách của Milken. Milken vẫn luôn bị ám ảnh về công việc của mình, và rõ ràng nét tính cách này đã mở rộng những khoản anh ta kiếm được.

Dù thế nào, Joseph có những vấn đề quan trọng hơn cần suy nghĩ. Anh ta ngăn chặn những lời phản đối trong quốc hội về vụ tấn công Unocal và việc ban hành quy định hạn chế việc sử dụng trái phiếu lãi suất cao đã dần lui vào dĩ vãng. Báo giới đã phát hiện ra Drexel, và những bài viết ca ngợi hãng hết lời đã bắt đầu sống dậy, không chỉ trên những tờ báo và tạp chí chuyên ngành tài chính, mà cả những xuất bản phẩm đời thường. Hầu hết cánh phóng viên đều ưa thích mọi người ở hãng Drexel – nào là anh chàng Joseph dễ mến, nhóm chuyên gia tư vấn của anh ta và các nhân viên quan hệ công chúng. Họ tạo nên cả một câu chuyện tuyệt vời về xung đột và thành công, về hàng phòng thủ xưa cũ chống lại cái mới.

Joseph còn khôn khéo quyết định lèo lái báo giới, anh ta tổ chức những bữa trưa xa xỉ hai lần một năm. Tuy thế, Milken lại lựa chọn chiến thuật đối lập. Anh ta từ chối mọi lời đề nghị phỏng vấn, tỏ thái độ căm ghét cánh phóng viên, khước từ cả việc trả lời cuộc gọi, dù chỉ để nói một lời "Miễn bình luận" và hắt hủi cả suy nghĩ lộ diện trước công chúng. Anh ta duy trì tình trạng ít lộ diện của mình tới mức độ đáng ngạc nhiên. Việc sinh sống ở vùng West Coast càng có hữu dụng hơn cho mục tiêu này. Milken không bao giờ tham dự một bữa trưa chiêu đãi phóng viên nào ở New York, và việc này càng tăng thêm độ bí hiểm của anh ta.

Những đối thủ lớn mới mẻ nhanh chóng gắng sức cạnh tranh với thành công của Drexel, cũng phát triển những bộ phận chuyên trách trái phiếu lãi suất cao của riêng mình, lao vào các cuộc thôn tính và mua lại dựa trên vốn vay một cách phóng túng. Staid Goldman, Sachs đàm phán vụ mua lại dựa trên vốn vay trị giá trên 4 tỷ đô-la với Macy's. Còn Morgan Stanley, với Gleacher đứng mũi chịu sào bộ phận M&A, đã làm giới uy quyền phải sửng sốt bằng việc hợp đồng tác chiến với Drexel trong công cuộc chinh phục hãng Revlon do Ronald Perelman đầu lĩnh (mang lại cho

cuộc thâu tóm tập đoàn tàn bạo mà Drexel hậu thuẫn tài chính chưa từng có bao giờ.) Merrill Lynch cũng tiến bước đầy hăm hở, hệt như Shearson Lehman và, đặc biệt là First Boston với ngôi sao lĩnh vực sáp nhập – Bruce Wasserstein.

Milken, đã quyết chí không nhường lại chút nào trong thị phần to lớn của Drexel, giờ cạnh tranh càng thêm gay gắt. Drexel đe dọa sẽ phá vỡ những vụ mua lại dựa trên vốn vay do Goldman, Sachs thực hiện với Warnaco và National Gypsum với giá bỏ thầu cao hơn từ phía những khách hàng của Drexel được chống lưng bởi cỗ máy huy động tiền của Milken. Khi Drexel giật vụ làm ăn Wickes Companies khỏi tay Salomon Brothers, vị chủ tịch giận dữ của Salomon – John Gutfreund đã cử một trong những trợ lý thân cận hàng đầu của mình tới gặp Milken ở Beverly Hills. "Nếu anh không ngừng ngay việc này lại, tụi tôi sẽ nướng tái anh đấy," tay chuyên viên ngân hàng của Salomon cảnh báo.

Còn trong vụ Staley Continental, gã khổng lồ sản xuất máy nghiền ngô vùng trung tây, Drexel gắng sức đẩy công ty này vào một vụ mua lại dựa trên vốn vay. Drexel bắt đầu tích lũy cổ phần của Staley từ cuối năm 1986, và một quan chức của Drexel đã gọi điện cho giám đốc tài chính của Staley – Robert Hoffman, nhằm bày tỏ mong muốn "gây dựng một mối quan hệ ngân hàng đầu tư với Staley." Hai ngày sau, vị quan chức của Drexel gọi điện lần nữa, nói rằng "người của chúng tôi" ở Beverly Hills đã tích lũy một "lượng cổ phiếu" Staley rất lớn. Rồi Dahl gọi điện cho Hoffman, tuyên bố chắc nịch rằng Drexel "muốn trở thành ngân hàng đầu tư của Staley." Anh ta nói rằng Drexel nắm trong tay 1,5 triệu cổ phiếu Staley. Hoffman hỏi tại sao Drexel vẫn chưa đệ trình báo cáo 13-D lên Ủy ban Chứng khoán. Như thế "không hay lắm với việc làm ăn," Dahl trả miếng, sau đó đề nghị một vụ mua lại dựa trên vốn vay do Drexel cung ứng. "Chúng tôi có thể mua lại Staley theo con đường riêng tư trong vòng 48 tiếng," anh ta khuếch khoác.

Hoffman sững sờ, và cự tuyệt lời đề nghị. Sau đó, Dahl gọi điện lại, thúc giục rằng tất cả nên họp tại trụ sở của Drexel ở New York để xem xét các con số liên quan đến vụ mua lại. Hoffman một lần nữa khước từ, và lần này Dahl nổi trận lôi đình, hoạnh họe rằng bọn họ nên "ngồi xuống và nói chuyện" trước khi "tôi làm điều gì đó gây tổn hại đến anh."

Staley có vẻ như sắp phải chịu chung số phận với Pacific Lumber, nhưng Joseph đã can thiệp, vội vàng xoa dịu ban lãnh đạo Staley đang trong cơn điên loạn, trấn an họ rằng Drexel sẽ không tiến thêm bất cứ bước nào trong việc tấn công tàn bạo chống lại Staley.

Ông ta buộc phải áp dụng những bước tương tự như với các nạn nhân khác dưới thủ đoạn tàn nhẫn của bộ phận trái phiếu lãi suất cao – Winn-Dixie, một chuỗi bán lẻ thực phẩm quy mô lớn ở miền Nam. Ông này lo ngại rằng những thủ đoạn như vậy sẽ vượt khỏi tầm kiểm soát. Joseph biết rằng với mức độ cạnh tranh như thế này, vị thế thống trị thị trường trái phiếu lãi suất cao của Drexel sẽ không thể kéo dài mãi mãi được.

Joseph đã cố gắng để xây dựng những bộ phận khác của hãng trong một nỗ lực nhằm xây dựng nên một gã khổng lồ với đầy đủ các hình thức dịch vụ như Goldman hay Morgan Stanley. Dưới bàn tay lãnh đạo của em trai ông ta, Stephen Joseph, bộ phận chứng khoán bảo đảm bằng thế chấp (MBS) làm ăn phát đạt, trở thành một trong năm đơn vị chuyên về nghiệp vụ này mạnh nhất trên Phố Wall. Trong lĩnh vực tài chính công, Drexel, từ chỗ vô danh tiểu tốt trước đây, giờ đã lọt vào suýt soát nhóm mười. Hãng được xếp thứ tám về giao dịch chứng khoán chính phủ. Bộ phận huy động vốn của hãng này cũng có được mức độ tín nhiệm cao. Thế nhưng không một bộ phận nào trong số này có thể địch lại Milken với vai trò cỗ máy kiếm tiền và tăng trưởng. Họ càng cố cải tiến bao nhiêu, Milken càng lao nhanh trước họ bấy nhiêu.

Chính điều này tạo nên xung đột phát triển giữa một bên được biết trong nội bộ với tên phái Bờ Đông, được dẫn dắt dưới bàn tay Joseph, Weinroth và trưởng bộ phận tài chính doanh nghiệp – Herbert Bachelor, với một bên là phái Bờ Tây, dưới quyền thống lãnh của Milken, trong đó bao gồm cả Engel, Kay và Black ở New York. Phe của Milken chỉ trích thành tích hoạt động của bộ phận tài chính doanh nghiệp, lập luận rằng nhóm đó không hề mang lại khách hàng mới và chỉ giỏi bám đuôi nhóm Bờ Tây mà thôi. Họ còn đi xa tới mức thúc giục phải hất cẳng Bachelor. Joseph không thèm đếm xỉa gì đến. Nhưng ông ta cũng biết mình cần ít nhất một "ngôi sao" khác nữa, tốt nhất là ở chính New York để giúp bù đắp lại quyền thống trị đang ngày một tăng của phái Milken. Dennis Levine thì không thể thỏa mãn được yêu cầu này.

David Kay vẫn tiếp tục tán tụng Levine, nhưng những người khác ở cả bên trong lẫn bên ngoài Drexel đều chỉ coi anh ta là một mối hổ nhục. Trong suốt vụ bỏ thầu Revlon do Pantry Pride thực hiện hồi năm 1985, Levine chính là chuyên viên ngân hàng đầu tư cao cấp ở New York được chỉ định đảm trách vụ thương thảo. Nhưng Milken, người phụ trách phần cấp vốn, lại khăng khăng quả quyết rằng những người khác ở Drexel cũng phải có mặt, trong đó có cả Ackerman và Engel. Khi họ ở trong phòng họp với Perelman, Levine vẫn cứ hay ra ngoài nghe điện thoại, đôi khi là cả ngày trời.

Thi thoảng lắm anh ta mới lao vào phòng và nhắc đi nhắc lại một tin đồn nào đó. Ackerman thì đặc biệt cảm thấy Levine thật đáng hổ thẹn, anh này còn nói với những người khác ở Beverly Hills rằng Levine là một kẻ giả trá. Gleacher, người từng đề xuất mời Levine làm việc, giờ cũng đã từ bỏ ý định. Ở New York, Levine khoác lác với các đồng nghiệp rằng Revlon chính là vụ làm ăn "của anh ta".

Thế là Joseph lại bắt tay vào tuyển mộ. Bốn năm trước, Drexel không dám mơ đến chuyện thuê một vài chuyên viên ngân hàng đầu tư thuộc nhóm danh giá nhất. Giờ thì ý tưởng ấy không có vẻ gì cường điệu quá. Và Joseph nảy ra một ý kiến: Anh ta sẽ tiếp cận cả Martin Siegel và Bruce Wasserstein, hai ngôi sao M&A bự nhất và mời họ hợp thành một doanh nghiệp hùng mạnh mà Phố Wall chưa từng thấy bao giờ, một trung tâm quyền lực ở New York, thực sự có thể đóng vai trò như một đối trọng với Milken ở Beverly Hills.

Lần này, khi Joseph gọi điện cho Siegel ở Kidder, Peabody, anh ta đã gặp được một người lắng nghe đầy đón nhận.

Joseph gọi điện cho Siegel lần đầu vào tháng Sáu năm 1985, họ thỏa thuận gặp nhau. Joseph nhấn mạnh sức mạnh về vốn đang ngày càng tăng, năng lực cấp vốn mà Kidder, Peabody thiếu thốn trầm trọng và tiềm lực mở rộng nền tảng khách hàng của Drexel vào địa hạt những người quyền cao chức trọng và có giá trị cổ phiếu cao của Kidder. Khi mọi thứ dần tiến triển, Joseph lập luận, Phố Wall sẽ nhanh chóng nằm dưới bàn tay thống trị của một nhóm nhỏ các hãng có nguồn vốn dồi dào. Kidder, Peabody, ngày càng được chứng minh rằng sẽ không thể có chân trong nhóm đó được.

Trong nội bộ Kidder, Peabody, kể cả Al Gordon, trụ cột của hãng, cũng đang dần thay đổi suy nghĩ rằng Kidder, Peabody nên được bán đi. Ông này đã chuẩn bị sẵn sàng để thanh lý những lô cổ phiếu quy mô lớn của hãng để thu về những khoản lợi nhuận khổng lồ. Nhưng ông này bị chặn đứng dưới tay DeNunzio, người đã khôn khéo phân bổ cổ phiếu vào tay các đồng minh của mình trong suốt những năm qua. Ông này sớm nhận thức được rằng một người như Gordon gần như không thể tránh được việc xô xát đụng độ với người kế thừa do chính ông lựa chọn.

Những người khác trong hãng lại ưa thích những giải pháp khác. Max Chapman, Jr., trưởng bộ phận thu nhập cố định và giao dịch có kỳ hạn, đã biến Kidder, Peabody trở thành một đấu thủ quan

trọng trên mặt trận kinh doanh chênh lệch tỷ giá và giao dịch lập trình (sử dụng các quyền chọn trên bảng niêm yết được giao dịch tại Chicago cùng các chiến lược giao dịch do máy tính đưa ra.) Anh ta đã trở thành "hoàng thái tử" của DeNunzio. DeNunzio gắng sức sắp đặt một cuộc chạy đua giữa Chapman và Siegel, nhưng Siegel bảo với DeNunzio rằng anh ta chẳng mặn mà gì với việc điều hành hãng. "Đừng có nói với Chapman như thế," DeNunzio quả quyết. Đến lúc này thì Chapman, đã nhận thức được nhu cầu thiết yếu phải có thêm vốn, muốn bán 20% cổ phần thiểu số trong hãng, khả năng cao là đến tay các nhà đầu tư Nhật Bản. Việc này sẽ giúp tăng vốn và cho phép anh ta duy trì quyền điều hành một doanh nghiệp độc lập.

Các quan chức khác trong hãng lại thích việc cổ phần hóa. Việc này, rốt cuộc, sẽ cho phép họ thanh lý cổ phần của mình theo giá thị trường và vẫn duy trì quyền độc lập tự chủ của hãng. Morgan Stanley đã thành công trong việc chào bán một phần công ty ra công chúng hồi đầu năm đó. Nhưng Siegel và những người khác lại nghi ngờ chuyện Kidder, Peabody có thể tổ chức thành công một cuộc chào bán cổ phiếu, nhất là trong điều kiện có rất nhiều rắc rối đang phát sinh như thế này. Kể cả công ty có thực hiện được đi chăng nữa, khả năng cao là nó cũng không thể duy trì quyền độc lập một cách lâu dài; cũng giống như bất cứ công ty giao dịch ra công chúng nào khác, hãng này cũng rất mong manh yếu ớt trước một cuộc bỏ thầu thâu tóm. DeNunzio có vẻ rất hài lòng với việc để cho các phái tự đánh cãi lẫn nhau, nhờ vậy sẽ duy trì được vị thế vốn có mà ông ta coi trọng.

Lúc này, đến thời điểm cuối năm 1985, Kidder, Peabody phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng tài chính khiến Siegel phải thấu triệt suy nghĩ của mình và khiến anh ta phải lo lắng cho tương lai của hãng. Kidder, Peabody đang gánh trên vai một lượng tồn đọng cuối năm kỷ lục gồm các trái phiếu đô thị và chứng khoán khác. Trong một nỗ lực nhằm thúc đẩy lợi nhuận từ lượng tồn đọng trên cũng như các hoạt động khác, một hãng từng có thời bảo thủ, thiếu thốn nền tảng vốn lớn mạnh, đã phải tự đẩy mình vào một tình thế đòn bẩy cao độ. Hệt như Boesky, hãng này cũng trượt khỏi các yêu cầu về vốn tối thiểu. Hãng không thể đáp ứng nổi những yêu cầu về tiền mặt cuối năm; bất cứ khoản nợ không trả đúng kỳ hạn nào cũng sẽ mang tính tàn phá. Tất cả các ngân hàng đều nói không. Giám đốc tài chính của Kidder, Peabody – Richard Stewart đã dành cả đêm Tất niên chỉ để gọi điện điên cuồng cho các ngân hàng cũng như đối tác cho vay truyền thống của hãng. Đến tận 10 giờ đêm, anh này mới níu được một nhóm các nhà đầu tư cả ở nước ngoài và Mỹ chịu cung cấp những khoản vay ngắn

hạn giúp hãng qua khỏi đận khủng hoảng. Một thước đo đánh giá mức độ tuyệt vọng của Kidder, Peabody chính là thái độ ưng thuận của hãng trước lãi suất vay ngắn hạn cao tới cắt cổ – 15%.

Hãng phải hủy bỏ kế hoạch tham vọng là mở rộng mạng lưới môi giới bán lẻ. Stewart từ chức, một phần để tỏ thái độ chống đối trước tình trạng thiếu vốn của hãng, sau đó chuyển sang Merrill Lynch. Còn tiếp tục có những vụ đào ngũ khác trong bộ phận lãnh đạo cấp cao. Trưởng bộ phận tài chính đô thị thì chạy sang First Boston. Thế nhưng DeNunzio chẳng làm gì cả.

Khi cuộc khủng hoảng cuối năm lại tiếp diễn, những cuộc nói chuyện của Siegel với Joseph cũng tăng dần, và lần đầu tiên, anh ta đã đánh tín hiệu rằng mình đang nghiêng hẳn về khả năng tiếp nhận lời mời chào từ Drexel. Mặc dù Siegel sẽ gia nhập Drexel với cương vị đồng giám đốc phụ trách M&A (cùng David Kay và Leon Black), anh ta sẽ báo cáo trực tiếp lên Joseph. Thế nhưng, anh ta vẫn cần nhận được lời chúc tốt lành của Milken.

Siegel bay đến Beverly Hills vào tháng Giêng năm 1986 và đăng ký nhận phòng ở Khách sạn Beverly Wilshire, chỉ dọc theo con phố có văn phòng của Milken. Milken bỏ qua cho Siegel thủ tục thẩm vấn vào 4 giờ 30 phút sáng mà hầu hết các ứng viên tuyển dụng đều phải trải qua. Thay vào đó, anh ta đến chỗ khu phòng Siegel lưu trú vào buổi chiều muộn, khi thị trường đã đóng cửa ở phía Bờ Đông. Siegel chưa từng gặp Milken bao giờ. Anh ta ngay lập tức bị ấn tượng bởi nét dữ dội trong ánh nhìn của Milken, sự tập trung cao độ và năng lượng toát ra từ thân hình nhỏ bé của anh ta.

Siegel ra hiệu cho Milken ngồi xuống chiếc sofa sang trọng, nhưng Milken tảng lờ anh ta. Anh ta bắt đầu nói rất nhanh, đi đi lại lại trong phòng ngay trước mặt anh chàng Siegel đang ngồi. Anh ta chuyển đổi rất nhanh từ chủ đề này sang chủ đề khác, đưa ra các quan điểm về thị trường, các yếu tố trong bài diễn từ của anh ta về trái phiếu lãi suất cao, và sa vào ít nhiều chi tiết xung quanh quan điểm về tiền bạc. “Tôi không muốn ai thống kê số liệu” về những gì tôi kiếm được hay người khác kiếm được, anh ta nói với Siegel. “Nếu người ta biết được mình giàu đến cỡ nào, họ sẽ chây ì và béo ị ngay. Anh không bao giờ được đếm tiền của mình; anh phải liên tục thôi thúc bản thân kiếm nhiều hơn nữa.”

Milken bảo với Siegel rằng khách hàng phải được khai thác ở mức tối đa mà thị trường có thể chấp nhận được. Vấn đề không phải ở chỗ, anh ta nhấn mạnh, là mức độ sinh lời thế nào. Không có biên

lợi nào quá rộng rãi. “Nếu chi phí của chúng ta ở mức này,” anh ta nói, hạ thấp một bàn tay xuống, “còn thị trường chấp nhận được mức giá này” – anh ta nâng một bàn tay lên cao – “thế thì chúng ta nên định giá dịch vụ của mình ở đây”. Anh ta hạ thấp bàn tay để cao hơn ở mức gần như không thể nhận thấy. “Chúng ta sẽ ăn được chỗ chênh lệch giá ấy. Anh đặt giá thấp hơn mặt bằng cạnh tranh chỉ một xu, bất kể anh phải trả giá ra sao.”

Milken bảo với Siegel rằng anh ta vừa mới gặp Marvin Davis, một thương gia dầu lửa giàu có đã chuyển tới Hollywood và mua lại hãng 20th Century Fox. “Chính tôi đã huy động tất cả những khoản vốn này đấy,” Milken khoe khoang. Sức mua sẽ vượt ngoài những gì thế gian từng chứng kiến. Thách thức duy nhất, anh ta nói, ngưng lại đôi chút để nhìn Siegel, “là tìm ra những người như anh.”

Milken rời đi sau 45 phút mà không hề ngồi xuống một chút nào. Anh ta đã nói gần như liên tục và quá khích đến mức Siegel tự hỏi không biết anh ta có đang “trúng độc” hay không. Sau cuộc gặp ấy, Siegel nghĩ về Milken như một thần mặt trời. “Đừng có đến quá gần, nếu không mày sẽ bị đốt cháy,” anh ta tự cảnh báo bản thân.

Tối hôm ấy, Siegel ra ngoài dùng bữa tối với các lãnh đạo cấp cao của Carnation để chúc mừng thắng lợi thương vụ mua lại Nestlé. Siegel đã tiết lộ thông tin vụ này cho Boesky, thế nhưng lương tâm anh ta giờ đây trong trẻo lạ thường. Với việc chuyển tới Drexel, những thương vụ nhớp nhúa kiểu như này sẽ mãi mãi lùi lại phía sau anh ta.

Đến khi Siegel quay trở lại New York, Joseph bảo với Siegel rằng anh ta đã được Beverly Hills gật đầu đồng ý. Trong vài tuần kế tiếp, họ thỏa thuận các chi tiết tài chính có liên quan. Đương nhiên là không phải nói thêm, Siegel được hứa hẹn nhiều hơn mức 2,1 triệu đô-la mà anh ta kiếm được ở Kidder, Peabody hồi năm 1985. Siegel cũng lập luận rằng cổ phiếu Kidder của anh ta sẽ bị bán lại cho hãng với mức giá thấp hơn rất nhiều so với giá trị thực, đó quả là một khó khăn trong hoàn cảnh rằng khả năng cao, theo ước tính của Siegel, là Kidder, Peabody sẽ bị bán đi.

Joseph đã sẵn sàng chi cho Siegel một khoản cơ hồ là đắt cắt cổ: khoản bồi thường ở mức tối thiểu đảm bảo là 3,5 triệu đô-la, khoản thưởng gia nhập trị giá 2 triệu đô-la và một khối cổ phiếu Drexel. Siegel ước tính giá trị của cả gói là trên 6 triệu đô-la – gấp ba lần mức anh ta kiếm được ở Kidder, Peabody. Còn tất nhiên với Drexel, mức chi trả này khó mà vượt ngưỡng bình thường, kể cả

với những chuyên viên ngân hàng đầu tư ít toàn tài và nức tiếng như Siegel.

Ngày thứ Ba tuần kế tiếp, đúng vào ngày tàu con thoi Challenger nổ tung, Siegel bước tới văn phòng DeNunzio và lần đầu tiên, thông báo với ông này rằng anh ta đang thương thuyết với Drexel. DeNunzio có vẻ choáng váng. Ông ta bắt đầu bồn chồn và vã mồ hôi. Ông ta van xin Siegel chớ vội đưa ra quyết định cho tới khi ông ta có đủ thời gian để đưa ra một đề nghị níu lại.

Tuy thế, Siegel không có tâm trạng nào mà chờ đợi. Tối thứ Sáu tuần đó, anh ta đến thăm Al Gordon tại căn hộ của ông này trên Manhattan. Gordon rất lịch thiệp, mời Siegel một ly, có lẽ đã nhận thức rằng thông tin này sẽ khiến cho kế hoạch bán Kidder, Peabody của ông ta có khả năng lớn hơn. Sau khi Siegel nói với Gordon rằng anh ta quyết định gia nhập Drexel, lời bình luận duy nhất của Gordon chỉ là "Mọi thứ tốt đẹp đều đến lúc kết thúc." Thế nhưng, trong thâm tâm, ông buồn vì chuyện Siegel gia nhập một hãng như Drexel hơn nỗi buồn vì việc ra đi của Siegel. Gordon ghê tởm Drexel và tất cả những gì hãng này đại diện.

Ngày hôm sau, Siegel lái xe tới Greenwich để gặp DeNunzio tại nhà ông này. DeNunzio đã nghe chuyện từ Gordon và cáu điên vì Siegel lại đến chỗ Gordon trước khi bọn họ bàn thảo xong xuôi. Nhưng những lời can gián của DeNunzio cũng chẳng có tác động mảy may với Siegel. Cuộc gặp gỡ này rất đau đớn với anh ta, nhưng anh ta vẫn nhất quyết giữ nguyên quyết định.

Siegel cũng cảm giác mình nợ Boesky một cuộc gọi. Boesky có vẻ thất vọng và đau lòng rằng Siegel không hề tham vấn anh ta về quyết định này.

Thông tin về chuyện Siegel đào ngũ giờ đã lan tỏa khắp các cấp bậc ở Kidder, Peabody và gây ra những quan ngại u ám, và trong một số trường hợp, là cả nỗi hoảng loạn. John Gordon, người đã sát cánh cùng Siegel kể từ khi mới gia nhập hãng, vốn đang ở San Francisco khi nghe cha mình thông báo tin này tối ngày thứ Bảy. Gordon lập tức bắt một chuyến bay đêm và đến thẳng văn phòng vào Chủ Nhật để tham dự một cuộc họp khẩn cấp với bộ phận tài chính doanh nghiệp và M&A. Hal Ritch cũng có mặt; Siegel đã gọi về nhà cho anh này vào dịp cuối tuần để thông báo tin mới; anh ta còn bổ sung thêm là "Tôi sẽ không," nhận lời mời, nhưng "sẽ trả lời cuộc gọi." Ritch thừa biết rằng Siegel sẽ đưa ra những con số khổng lồ, nhưng anh ta cự tuyệt ý kiến ấy ngay lập tức. "Tôi sẽ không đời nào làm việc cho những thằng đê tiện ấy," anh ta nói

như thế về Drexel. John Gordon cũng thấy ghê tởm. Anh ta nghĩ là mọi người ở đó quá ý thức về chuyện tiền bạc; đó là tất cả những gì họ muốn bàn đến: Quy mô của những khoản bổng lộc. Lòng trung thành chết ngắc.

Cuộc họp cổ đông thường niên của Kidder, Peabody được tổ chức ngay trong tuần sau đó. Kể cả khi đã tiết lộ mức lợi nhuận kỷ lục hãng đạt được vào năm 1985, DeNunzio cũng phải tuyên bố rằng Siegel đã rời hãng. Không ai hiểu rõ hơn DeNunzio rằng một tỷ lệ lợi nhuận lớn đến mức như thế nào cũng theo chân Siegel đội nón ra đi. DeNunzio, trong khi đi nghỉ tại ngôi nhà gỗ ở Vermont, cũng đã dè dặt nhận thức được rằng thiếu vắng một ngôi sao như Siegel, hãng này chỉ có thể cạnh tranh trên nền tảng vốn cơ bản. Vì vốn của hãng tạm thời khá thấp, ông này tuyên bố rằng Kidder, Peabody sẽ "khai phá" những nguồn vốn phụ trợ khác. Một cách công khai, ông bác bỏ thẳng thừng bất cứ ý kiến nào cho rằng hãng sẽ bị bán. Nhưng ông ta cũng biết rằng phải làm gì đó, và phải thật nhanh – trước khi mọi thứ sụp đổ quanh mình.

Khi màn u ám càng trở nên tăm tối, Kidder, Peabody gắng gượng một cách tuyệt vọng để ngăn chặn bất cứ vụ đào ngũ nào khác. Lần đầu tiên trong lịch sử hãng, DeNunzio phải đảm bảo rằng chí ít tất cả mọi người trong năm 1986 sẽ đều nhận được mức thưởng bằng với mức người đó nhận được năm 1985. Nhưng không phải ai cũng tin là việc ấy khả thi. Chỉ sáu tuần sau khi Siegel ra đi, vào ngày Thứ Sáu Tốt Lành, một viên châu báu của bộ phận tài chính doanh nghiệp – nhóm công nghệ cao, đã đồng loạt bỏ việc, cũng để chuyển sang Drexel.

Với John Gordon, đây là giọt nước làm tràn ly. Anh ta đến gặp cha mình, nói rằng anh ta phải ép buộc DeNunzio hành động mạnh tay hơn. Việc thiếu vắng khả năng lãnh đạo đúng là "điên khùng", anh ta lập luận, và kết luận rằng "Con cũng sẽ rời khỏi hãng." Viễn cảnh chính cậu con trai của mình cũng chuồn khỏi Kidder, Peabody gần như nặng nề hơn mức mà Gordon cha có thể chịu đựng. Ông gom góp tất cả mọi uy quyền đáng kể còn sót lại của mình và đến gặp DeNunzio.

Kết quả cuộc viếng thăm DeNunzio là không thể tránh khỏi. Chỉ trong vòng vài tuần, vào cuối tháng Tư, DeNunzio đã triệu tập các giám đốc của Kidder, Peabody lại và tuyên bố, nước mắt lưng tròng, rằng hãng sẽ bị bán lại cho General Electric. GE trả 600 triệu đô-la để mua lại 80% cổ phần, còn lại 20% nằm trong tay các quan chức Kidder, Peabody ở lại hãng, và hứa sẽ bổ sung thêm 130 triệu tiền vốn. Al Gordon về hưu với vị thế một người giàu có, bán

toàn bộ 6% cổ phần của mình lấy 40 triệu đô-la. Hãng Kidder, Peabody mà ông ta từng biết đã không còn. Nhưng kể cả ông cũng không thể biết trước được rằng những tàn tích của hãng lại tan rã nhanh đến thế nào.

Siegel quá bận rộn ở Drexel đến mức chẳng thể cuốn vào vụ bán chác công ty cũ của mình, mặc dù anh ta nhận thức được rằng, nếu anh ta ở lại, đám cổ phiếu thuộc sở hữu của anh ta sẽ có giá hàng triệu đô-la. Khi gia nhập công ty mới, anh ta đã được phân vào một văn phòng ngay sát cạnh Levine. Anh ta ngay lập tức dấn thân vào cuộc sống mới ở cương vị đồng giám đốc bộ phận M&A cùng Black và Kay. Anh ta nhanh chóng phát hiện ra rằng rõ ràng không hề có chút bóng dáng nào của việc quản lý trong bộ phận này. Black làm việc với các thương vụ và chăm chút các mối quan hệ với Bờ Tây; Kay, trong con mắt của Siegel, thì cống hiến ít hơn. Siegel xác lập ngay quy định kiểm soát và quy trình nhằm xử lý các vấn đề như xung đột quyền lợi – một vấn đề, thật đáng choáng váng, chưa từng được xác định chính thức bên trong nội bộ Drexel.

Siegel cũng không lấy gì làm ấn tượng với hiệu quả của những con người làm việc cùng anh ta. Anh ta biết Jeffrey Beck, một trong những ngôi sao trẻ đang lên của Drexel, người đã làm việc với anh ta trong thương vụ Beatrice. Siegel hỏi Black xem có nên đưa Beck về bộ phận M&A không. Black nhún vai. “Gã là thằng dối trá bẩm sinh đấy, nhưng gã có thể giúp anh hẹn gặp được bất cứ nhân vật nào trong ngành thực phẩm.” Siegel sững người vì một “thằng dối trá” lại có thể được giữ lại trong hàng ngũ nhân viên, và đã từ bỏ ý định tuyển anh ta vào bộ phận M&A.

Siegel cũng đánh giá thấp các kỹ năng của Levine. Trong một cuộc họp với Union Carbide tại trụ sở công ty luật Paul, Weiss, Rifkind, Wharton & Garrison, Levine thao thao bất tuyệt một bài diễn thuyết về chủ đề chia tỷ lệ cổ phiếu. Rõ ràng là anh ta không hề biết mình đang nói gì, và Siegel nhìn thấy Black cùng Ackerman, tham dự cuộc họp từ đầu cầu Beverly Hills, trợn mắt đầy tức giận. “Chẳng có gì mà phải đao to búa lớn,” Black về sau đã nói như thế, một câu mà Siegel coi là thái độ coi thường.

Siegel cũng ngạc nhiên quá đỗi trước cách tiếp cận công việc có vẻ là “thoải mái quá trớn” của Levine. Levine thường xuyên vắng mặt hay mất tăm mất tích ngay trong ngày, và thường lẻn về sớm. Một hôm Levine còn nhờ Siegel “che chắn” hộ anh ta vài ngày. “Tôi phải đi lặn bình khí ở Bahamas,” Levine nói.

Với tình hình thiếu vắng nhân tài như vậy, Siegel nhận ra rằng anh ta sẽ nắm giữ một vai trò to lớn trong bộ phận này, hơn cả những gì đã dự tính. Anh ta duy trì mối liên hệ chặt chẽ với rất nhiều cựu khách hàng ở Kidder, Peabody, và lo lắng chờ xem liệu tiếng xấu của Drexel có ngăn trở họ sử dụng dịch vụ do hãng mới của mình cung cấp hay không. Và thật nhẹ người, hầu hết bọn họ dường như đều hào hứng với việc sử dụng năng lực cấp vốn của Drexel. Pan American, Strawbridge & Clothier, Carson Pirie Scott, Lear Siegler, Goodyear, Holiday Inn là một vài trong số các công ty giá trị cổ phiếu cao đã theo chân Siegel vào quỹ đạo Drexel. Hơi hướm toát ra từ danh tiếng của họ đã mang lại cho Drexel dấu chứng thực mà hãng này sẽ không bao giờ có được nếu thiếu Siegel. Siegel nhận ra mình làm việc hăng say hơn bao giờ hết, thường dốc vào đó tới 20 tiếng đồng hồ mỗi ngày.

Joseph quá hân hoan. Kế hoạch kết hợp quyền năng tài chính của Drexel với tài khéo của Siegel đang phát huy hiệu quả còn nhanh chóng hơn cả những gì ông dám hy vọng. Kay và Black cũng chẳng tỏ ra mấy âu lo với chuyện họ bị anh chàng Siegel duyên dáng vượt mặt. Nhưng Levine thì than phiền đầy cay đắng về chuyện Siegel gia nhập hãng. Levine tức điên rằng anh ta không được cất nhắc làm đồng giám đốc phụ trách M&A.

Anh ta còn quá trớn tới mức gặp Boesky để bàn về khả năng thay thế Conway ở vị trí trưởng bộ phận ngân hàng bán lẻ trong tổ chức của Boesky. Trong một bữa trưa cùng với Ilan Reich tại Water Club, Levine đã khuếch khoác rằng Boesky đã đề nghị anh ta một khoản tiền thưởng gia nhập trị giá 5 triệu đô-la. Anh ta kể là Boesky nói với anh ta rằng Boesky cần ai đó "cứng rắn" hơn Conway, ai đó như bản thân anh ta kia.

Sự thật có đôi phần quanh co hơn thế. Thực ra, 5 triệu đô-la là khoản tiền Levine cho rằng Boesky còn nợ anh ta dưới hình thức phần của anh ta trong lợi nhuận giao dịch nội gián mà Boesky đã thu được từ những thông tin tối mật của Levine. Boesky đã đáp lại bằng lời đề nghị khoản tiền 2,4 triệu đô-la, mà anh ta thừa nhận là nợ Levine theo thỏa thuận giữa hai bên. Nếu Levine được tuyển vào, khoản "tiền thưởng" sẽ là một cách thức được che đậy cho việc thanh toán khoản còn nợ. Nhưng các cuộc nói chuyện dần thất bại; Levine quá ư giá trị với Boesky trong vai trò một nguồn thông tin từ nội bộ Drexel. Vậy nên các cuộc bàn thảo lại tiếp tục định kỳ mà không mang lại bất cứ giải pháp nào.

Bất chấp những khoản chi tiêu xa hoa vẫn tiếp diễn của Levine – thêm nhiều tác phẩm nghệ thuật đắt tiền, một căn nhà ở

Hamptons – những khoản lợi nhuận từ giao dịch nội gián của anh ta đã dần ngưng lại. Anh ta chỉ kiếm được một khoản khiêm tốn từ việc giao dịch trong vụ MidCon, một thương vụ của Drexel, nhưng sau đó thì việc giao dịch của Levine ngừng hẳn. Anh ta kiếm được tổng lợi nhuận là 10 triệu đô-la, một mục tiêu anh ta từng đưa ra cho bản thân, và mạng lưới đã tan rã, với việc Wilkis ở Hutton và Cecola đều bán xới mà đi. Càng ngày, Levine càng trông chờ vào thỏa thuận với Boesky như một nguồn lợi nhuận tương lai. Vào tháng Hai, Reich mời Levine cùng vợ đến thăm căn nhà đá nâu ở mạn Thượng Tây, nơi anh ta vừa hoàn thiện khu bếp mới. Cuộc hôn nhân của Reich vừa mới hồi sinh, và anh ta đang thăng tiến trong vai trò một hội viên trẻ tuổi của Watchtell. Đến cả Levine cũng bị ấn tượng mạnh. Khi chỉ còn anh ta với Reich, Levine bảo, "Cậu đã quyết định đúng đắn," khi rút chân ra khỏi âm mưu. Levine kể rằng sự nghiệp của anh ta ở Drexel cũng đang thăng tiến. "Gần như đủ để biến tôi thành một gã lương thiện." Anh ta cười.

Một ngày nọ, Siegel nghe lỏm thấy Levine đang trao đổi những chi tiết tuyệt mật trong một thương vụ của Warnaco mà Goldman, Sachs đang tiến hành, anh ta gọi ngay cho Freeman. "Có kẻ nào đó ở chỗ anh đang tham gia mạng lưới với Dennis Levine," Siegel nói. "Tôi nghĩ tôi biết đấy là ai," Freeman đáp, nhưng không cho biết thêm gì nữa. Freeman cũng đáp lại bằng lời cảnh báo Siegel rằng ai đó ở Drexel cũng đang tiết lộ các chi tiết của một vụ sáp nhập do Drexel cấp vốn. Siegel gọi cho Joseph và nói, "Ông đang gặp một rắc rối sát sườn đấy."

Từ khi chuyển sang Drexel, Siegel duy trì mối quan hệ thân thiết với Freeman, người vẫn tiếp tục cung cấp cho anh ta thông tin về các thương vụ của Goldman. Tuy thế, do Siegel không còn chịu trách nhiệm về nghiệp vụ cổ phiếu giá rẻ nữa, nên anh ta cũng không còn giao dịch chút nào. Hơn thế, giữ đúng lời thề đã đưa ra khi rời khỏi Kidder, Peabody, anh ta cũng ngưng cung cấp thông tin tối mật cho Freeman. Khi Freeman thúc ép anh ta phải đưa ra các chi tiết về Graphic Scanning, một thương vụ của Drexel trong đó Freeman nắm giữ một lượng cổ phần lớn, Siegel khăng khăng, đầy giả trá, rằng anh ta không hề biết gì, và chuyển Freeman sang cho Kay.

Quá khứ dường như đã được chôn vùi thực sự, chỉ trừ một nốt nghịch tai. Một chiều nọ, Levine thẩn thơ đi vào văn phòng Siegel, và, sau một tràng chuyện phiếm vô thưởng vô phạt vài phút, anh ta hỏi rất tự nhiên, "Anh lấy thông tin nội gián ở đâu thế? Chỗ Boesky à?"

Siegel sững đơ. Liệu có phải anh ta sẽ luôn bị ám ảnh bởi quá khứ của mình? Anh ta cũng cố tỏ ra tự nhiên như không. "Tôi đã không làm ăn gì với Boesky từ mấy năm nay rồi."

* * *

Tháng Tư năm 1986, một đợt sóng rì rầm đồn đoán tràn qua hơn 2 nghìn người tham dự đang chen chúc trong phòng tiệc chính Khách sạn Beverly Hilton lúc những tấm màn được kéo ra, bắt đầu trình chiếu một thước phim quảng cáo của Drexel – giờ đây đã là tiết mục cố định của Đại tiệc Những kẻ săn mồi. Khi giai điệu của ca khúc chủ đề loạt phim "Dallas" tràn ngập căn phòng, Larry Hagman sải bước lên trước màn hình, vung vẩy một tấm "Thẻ Bạch kim Drexel Express." Tấm thẻ có dòng chữ "trị giá mười tỷ đô-la", J. R. lè nhè "Chớ có quên đem theo nó lúc đi săn."

Tiếp đến là một đoạn video nhại lại bài hát rất phổ biến của Madonna "Material Girl" (Cô nàng vật chất). Một giọng hát giống như Madonna nhép lại "Em là một cô nàng hạng BB, sống trong một thế giới vật chất," BB ở đây là thứ hạng của trái phiếu xếp hạng thấp, cũng là từ chỉ cỡ áo ngực. Madonna nhảy trên màn hình video còn đoạn điệp khúc thì nhắc đi nhắc lại "Drexel, Drexel." Đám đông rộ lên phấn khích. Khi đèn sân khấu rọi vào ngôi sao giải trí bất ngờ của buổi hội thảo, đó hóa ra là Dolly Parton.

Drexel, quá tự hào vì ngôi sao mới mẻ của mình, muốn Siegel đứng ở mặt tiền và cả trung tâm trong suốt cả sự kiện này, nhưng Siegel đã phản đối. Anh ta mới chỉ gia nhập hãng có một tháng rưỡi và không muốn vượt mặt những quan chức kỳ cựu khác của Drexel. Siegel từ chối cơ hội chủ trì bữa sáng của bộ phận M&A, đẩy vai trò ấy cho Levine – kẻ mạnh miệng khuếch khoác về kỹ năng mang tính chiến lược đang ngày càng lớn mạnh của Drexel. Nhưng Joseph đã thuyết phục Siegel đứng ra làm dịu không khí của một nhóm những người tham gia bao gồm Flom – luật sư chuyên nghiệp vụ thâu tóm và các luật sư khác đang thảo luận về những cải tiến pháp lý trong lĩnh vực thâu tóm.

"Các quý vị vốn đã biết đến tôi trong vai trò một người bảo vệ đáng tin cậy các đối tượng thâu tóm," Siegel mở đầu, đưa tay xuống dưới bàn và đội lên một chiếc mũ cao bồi màu trắng, biểu tượng cho công ty Kidder, Peabody đắt giá. "Việc tôi đến với Drexel không có nghĩa là tôi đã thay đổi quan điểm," Siegel nói với một cái nháy mắt, và rồi lại đưa tay xuống gầm bàn, thay chiếc mũ trắng bằng một chiếc màu đen.

Mọi người cười ồ lên, kể cả những khách hàng đức cao vọng trọng của Siegel. Vài người trong số họ, bao gồm cả các vị chủ tịch của Lear Siegler và Pan American, đều có bài giới thiệu tại hội thảo. Những con cừu đã ngả mình nằm cạnh những con sư tử.

Và các chính trị gia cũng vậy. Trước năm 1985, Drexel vẫn chưa hề có một quan chức Washington hay một chuyên gia vận động hành lang chính thức nào. Thế nhưng, khi đó, Quốc hội đã bắt đầu nhận ra chân tướng của các cuộc thâu tóm tàn bạo. Trong suốt vụ tấn công Unocal, Hạ nghị sĩ Timothy Wirth, đảng viên Cộng hòa Colorado đầy quyền năng, người giữ chức Trưởng tiểu ban Viễn thông, Bảo vệ người tiêu dùng và Tài chính – đã đề xuất một dự thảo luật đặt thư xanh ra ngoài vòng pháp luật. Drexel, phản công lại đòn này, đã thuê ngay một cựu trợ lý Nhà Trắng và mở hẳn một văn phòng ở Washington. Rồi họ thuê Robert Strauss, cựu chủ tịch Ủy ban Quốc gia Dân chủ và John Evans – cựu ủy viên hội đồng Ủy ban Chứng khoán – làm chuyên gia vận động hành lang. Đóng góp từ Ủy ban hoạt động chính trị của Drexel đã tăng từ 20.550 đô-la hồi mùa bầu cử năm 1984 lên thành 177.800 đô-la trong mùa tuyển cử 1986.

Trong hội thảo trái phiếu năm 1986 của Drexel, Wirth – một thành phần từng tỏ thái độ chỉ trích là diễn giả được mời. Ban lãnh đạo Drexel đã góp 23.900 đô-la vào chiến dịch vận động thành công cho chiếc ghế Nghị sĩ ông này, và Wirth trở thành người bảo vệ trái phiếu lợi nhuận cao. Những nỗ lực trước đây của Wirth nhằm hạn chế thư xanh đã chẳng đi đâu đến đâu, và ông này cũng không trưng vấn đề ra lần nữa. Drexel mời cả những chính khách có ảnh hưởng khác đến diễn thuyết, bao gồm cả Thượng nghị sĩ Bill Bradley, Alan Cranston (người thụ hưởng 41.750 đô-la tiền của Drexel năm đó), rồi Edward Kennedy, Frank Lautenberg và Howard Metzenbaum. Hầu hết những người này dường như đều choáng ngợp trước hơi hướm tiền rừng bạc bể, chẳng khác gì những kẻ quản lý quỹ hưu trí tầm thường nhất. Để tăng thêm phần thuyết phục, ban giám đốc Drexel đã tài trợ 56.750

đô-la cho Thượng nghị sĩ Alfonse D'Amato ở New York, người sau đó đã trở thành chủ tịch Tiểu ban Chứng khoán.

"Nguồn lực mua chứng khoán lãi suất cao trên khắp đất nước này đã áp đảo mọi luật lệ," Milken nói với tờ The Washington Post đầy tự tin. Tín điều về trái phiếu lãi suất cao mà Milken đưa ra, một thời là đề tài vốn chỉ lưu hành trong giới phân tích, giờ đã trở thành chân lý của cả thập niên 1980. Những công ty không hề có

bảng cân đối kế toán bảo toàn giờ đây thấy mình thật ngu ngốc. Hầu như không ai còn đặt câu hỏi về một kết thúc lụi tàn của Milken nữa.

Và ai còn hạch hỏi cự nự những con số? Chỉ vài chuyên gia kinh viện, Edward Altman, giáo sư lỗi lạc nhất của Đại học New York đã công bố những nghiên cứu chứng minh rằng các dữ kiện trong suốt năm 1985 đã xác thực cho học thuyết của Milken rằng một danh mục trái phiếu rác sẽ sinh ra các khoản lời tăng đều đặn mà không mang lại rủi ro cao hơn Trái phiếu Hoa Kỳ. Altman đã trở thành một nhân vật đề xướng đầy hào hứng cho quan điểm của Milken.

Trong suốt khoảng đầu đến giữa thập niên 1980, các khách hàng có đòn bẩy lớn của Milken dường như đều thể hiện năng lực tuyệt vời trong việc ngăn chặn các khoản nợ không thanh toán đúng kỳ hạn, kể cả khi kết quả hoạt động của họ rất đáng thất vọng. Trong những trường hợp đó, Milken chỉ đơn giản "tái cơ cấu", đổ ra một danh mục chứng khoán lãi suất cao mới mẻ và đáng kinh ngạc để thay thế khoản nợ đang trên bờ vực không thể thanh toán. Lúc nào cũng vậy, những trụ cột mới đẩy những khoản phải chi trả vào những thời điểm xa hơn trong tương lai, đem lại cho các công ty thêm thời gian sống sót và đón đầu bất cứ động thái gia tăng nào trong lãi suất do không thể trả nợ khi đáo hạn.

Và việc Milken có thể bán những danh mục tái cơ cấu như vậy – mà, rất nhiều danh mục, trong mắt những người có kiến thức về kinh tế, rõ ràng cuối cùng sẽ có kết cục bi đát – không đơn thuần chỉ là một đóng góp cho việc lan tỏa huyền thoại về quyền năng của anh ta. Đó còn là một thứ thước đo đánh giá sự ngoan ngoãn dễ uốn của những khách hàng bất đắc dĩ trong tay Milken, đặc biệt là các quỹ tiết kiệm và cho vay cũng như các công ty bảo hiểm. Đến giữa năm 1986, ông bạn của Milken – Tom Spiegel đã tống vào Quỹ Tiết kiệm và Cho vay Columbia tới 3 tỷ trái phiếu rác do Drexel phát hành; còn First Executive của Fred Carr – bạn nối khố của Milken còn nắm trong tay một lượng kinh khủng hơn – 7 tỷ đô-la. Đáng kinh ngạc hơn là chuyện bản thân Milken chỉ cần ngồi xuống vào thời điểm cuối ngày, thản nhiên dịch chuyển những khối hổ lốn chứng khoán ra ra vào vào các danh mục của những người này. Không ai thèm để tâm, miễn là lợi nhuận cứ thế tăng lên.

Milken cũng có những khách hàng bất đắc dĩ khác. David Solomon tự điều hành hãng quản lý tiền tệ của riêng mình, Công ty Quản lý Tài sản Solomon với tổng tài sản trị giá 2 tỷ đô-la, phần

lớn có nguồn gốc từ các khoản dự trù phúc lợi và hưu trí của người lao động. David trở thành một trong những kẻ cải đạo trước nhất của Milken và đầu tư rất nhiều vào các sản phẩm lợi nhuận cao của Milken. Milken tưởng thưởng cho Solomon bằng cách cất nhắc cho anh này vào ghế quản lý một quỹ tương hỗ trái phiếu lãi suất cao – Quỹ Finsbury.

Các đợt Finsbury mua vào sản phẩm của Milken đã mang lại những khoản hoa hồng khổng lồ cho bộ phận trái phiếu lãi suất cao của Milken, một vài khoản trong đó được tính cho các chuyên viên bán hàng của Drexel – những người đã dụ dỗ khách hàng đầu tư vào Finsbury. Nhưng Milken muốn hốt tất cả đám hoa hồng đó về cho mình. Vậy nên anh ta ra lệnh cho Solomon phải bồi hoàn cho mình tất cả những khoản hoa hồng phải trả cho các chuyên viên bán hàng ở Drexel. Khi Solomon cự tuyệt, Milken đe dọa sẽ nhấc Solomon ra khỏi cái ghế quản lý đang ăn nên làm ra ở Finsbury. Solomon đành thúc thủ.

Milken và Solomon, nhằm bù đắp lại những khoản hoa hồng này, chỉ đơn giản thổi phồng mức giá mà Finsbury phải trả cho trái phiếu rác, còn Milken thì bỏ túi khoản chênh lệch ấy. Đôi khi, Milken cũng giúp đẻ ra những khoản thua lỗ giả mạo để giảm bớt thuế trong chương mục giao dịch cá nhân của Solomon. Chỉ tính riêng năm 1985, Solomon đã trốn nộp thuế cho khoản thu nhập trị giá 800 nghìn đô-la. Và Milken có được ít nhiều tài sản từ thương vụ Storer mua lại Solomon. Hầu hết kế hoạch này đều là bất hợp pháp; rốt cuộc, chỉ có các cổ đông của Finsbury và những người đóng thuế Mỹ là bị lừa.

Milken thuê Terren Peizer, một chuyên viên bán hàng trẻ tuổi từ First Boston để xử lý danh mục khách hàng của Solomon. Trái ngược với rất nhiều người ở văn phòng, Peizer dường như là một nhân vật tuổi trẻ tài cao toàn diện – ăn vận bảnh bao, rất sung sức, có vẻ mơ mộng phù phiếm và sở hữu một căn hộ đẹp đẽ trên bờ biển Santa Monica với đồ nội thất bọc da màu đen cùng những thiết bị âm thanh công nghệ cao. Peizer được Solomon tiến cử và anh chàng này nhanh chóng chuốc lấy thái độ ghét bỏ của các nhân viên ở Beverly Hills khi ngày càng quấn quýt lấy lòng Milken và cơ hồ đã trở thành "cún cưng" của anh ta. Milken bố trí cho Peizer vào ngay phía tay trái bàn giao dịch của mình; Peizer và Milken rất thích đập tay nhau mỗi khi một trong hai người đánh bại được kẻ nào đó ở phe khác trong một cuộc giao dịch.

Một hôm, Milken trao cho Peizer một cuốn sổ gáy xanh dương, trước đây do Alan Rosethal chịu trách nhiệm bảo quản. Cuốn sổ

này ghi chép những tính toán sổ sách rất tỉ mỉ giữa Milken và Solomon. Khi Peizer hỏi về nó, Milken bảo, "Sang hỏi Lowell đi. Cậu ta sẽ giải thích." Lowell đã làm vậy trong vài cuộc họp với Peizer, khi đó Peizer luôn cần mẫn ghi chép. Đó là bước khởi đầu của Peizer vào vùng đen tối trong đế chế của Milken.

Có Peizer vào đúng vị trí, những thỏa thuận bất hợp pháp càng tiếp tục tăng tiến. Cuốn sổ xanh thực hiện chức năng hệt như những ghi chép sổ sách của Thurnher trong thỏa thuận với Boesky. Lowell giám sát quá trình hoạt động. Không ai than phiền lấy nửa lời; âm mưu dường như không thể bị phát giác trước bất cứ nhà lãnh đạo nào.

Cứ như vậy, bằng đủ cách thức lớn nhỏ, hợp pháp và bất hợp pháp, thứ nguyên tắc thông thường của thị trường tự do giữa những người mua và người bán vốn sòng phẳng đã bị xói mòn. Sự tăng trưởng của thị trường trái phiếu lãi suất cao bị hạn chế duy nhất bởi năng lực cung cấp sản phẩm của một mình Milken – chứ không phải bởi nguyên tắc thị trường hay quyền đưa ra quyết định độc lập của một bộ phận người mua. Năm 1976, trước khi Milken chuyển tới Beverly Hills, các đợt phát hành trái phiếu rác có tổng trị giá 15 tỷ đô-la. Đến giờ, năm 1986, con số ấy là 125 tỷ đô-la – gấp gần chín lần.

Còn với khối tài sản của riêng Milken, những ước tính công khai và bí mật vào thời điểm đó dao động trong khoảng 1 tỷ đô-la, đưa Milken lọt vào một nhóm ít ỏi các tỷ phú tự gây dựng cơ đồ. Nhưng con số này vẫn còn cách xa thực tế một quãng dài. Milken đã kiếm được từ Drexel 550 triệu đô-la chỉ trong năm 1986. Thêm vào đó, anh ta (và các quỹ mà anh ta kiểm soát dưới danh nghĩa các thành viên trong gia đình) nhiều khả năng cũng kiếm được chí ít là ngần ấy chỉ riêng từ các chứng khế Beatrice. Milken và các hội viên khác đã nhận được một khoản chia phần trị giá 437,4 triệu đô-la từ Otter Creek, một nhóm hội viên do Milken sáng lập, đã giao dịch cổ phiếu National Can dưới hình thức biết trước thông tin. Beatrice cũng chỉ là một trong số hàng tá giao dịch mà trong đó Milken và gia đình anh ta kiếm được hàng loạt chứng khế giá trị và đủ thứ lợi tức khác, còn Otter Creek chỉ là một trong số hơn 500 nhóm hội viên mà Milken đã lập nên. Trong khi những khối tài sản ấy, dù có thế nào, cũng thay đổi về giá trị và rất khó lượng giá, thì một ước tính gần sát nhất và ổn định nhất về tổng tài sản mà Milken và gia đình sở hữu đến cuối năm 1986 là khoảng 3 tỷ đô-la. Rất nhiều khả năng, Milken đã biến mình trở thành một trong mười người giàu nhất nước Mỹ.

Chẳng trách Milken rất có vẻ giữ thế chủ động tại hội thảo trái phiếu lãi suất cao năm 1986. Buổi tối thứ Năm của cuộc hội thảo, Fred Joseph dạo bước qua khoảng vườn dẫn từ Khách sạn Beverly Hills tới Khu nhà số 8 hẻo lánh cùng Irwin Schneiderman, hội viên cấp cao của Cahill Gordon & Reindel, ông này chính là nhà tư vấn pháp luật hàng đầu của Drexel. Bầu không khí tiết đầu tháng Tư tràn ngập hương hoa, thật sảng khoái. Joseph có đủ lý do để kinh ngạc trước sự biến đổi ngoạn mục của Drexel và lấy làm tự hào về sự đóng góp của riêng mình. Hãng đã phản đòn trước những trở ngại do chính phủ gây ra. Hãng đã đánh bại giới quyền cao chức trọng. Năm ấy, Drexel đã xử lý khối lượng giao dịch với tổng trị giá khổng lồ là 4 tỷ đô-la. Hãng đã có được doanh thu 5 tỷ đô-la. Doanh thu trước thuế là 2 tỷ đô-la. Drexel đã đồng ý cho thuê một tòa cao ốc mới, 47 tầng và có diện tích mặt sàn 580.000 mét vuông trong khu tổ hợp Trung tâm Thương mại Thế giới ở Manhattan. Tòa cao ốc này, hãng sẽ nắm 49,9% cổ phần, một tượng đài tương xứng với vị thế mới mẻ mà hãng xác lập. Drexel giờ đây thực sự là kình địch đối với Goldman, Sachs và Morgan Stanley. Với tiến độ này, các hãng kia sẽ bị lấn át một cách không thể vãn hồi. Những cơ đồ và vận hội trên Phố Wall đã được chứng thực nuột nà hệt như những gì Joseph đã tiên đoán khi anh này đến với Drexel 10 năm về trước.

Khi Joseph và Schneiderman tiến gần đến dãy nhà, bữa tiệc thường niên của Donald Engel đang đến hồi cao trào. Bất chấp sự lựa chọn gắt gao trong danh sách khách mời, hàng trăm con người đang có mặt ở đó, chen chúc trong những gian phòng của khu nhà và tràn ra cả các hàng hiên bao quanh. Bồi bàn bưng sâm panh và rượu pha phải luồn lách tìm đường đi giữa đám đông.

Danh sách khách mời năm đó thực tế chỉ toàn những siêu triệu phú tự lập nghiệp kiểu vua biết mặt, chúa biết tên của năm 1980: nào Merv Adelson, Norman Alexander, Henry Kravis, George Roberts, Boone Pickens, John Kluge, Fred Carr, Marvin Davis, Barry Diller, William Farley, Harold Geneen, Rupert Murdoch, Steve Ross, Ron Perelman, Peter Grace, Sam Heyman, Carl Icahn, Ralph Ingersoll, Irwin Jacobs, William McGowan, David Mahoney, Martin Davis, John Malone, Peter Ueberroth, David Murdock, Jay và Robert Pritzker, Samuel & Mark Belzberg, Carl Lindner, Nelson Peltz, Saul Steinberg, Craig McCaw, Frank Lorenzo, Peter May, Steve Wynn, James Wolfensohn, Oscar Wyatt, Gerald Tsai, Roger Stone, Harold Simmons, Quý ngài James Goldsmith, Mel Simon, Henry Gluck, Ray Irani, Peter Magowan, Alan Bond, Ted Turner, Robert Maxwell, Kirk Kerkorian. Hòa vào dòng người ấy là những chuyên viên bán trái phiếu và chuyên gia tài chính doanh nghiệp

chủ chốt của Drexel, ví như Siegel, Ackerman và Dahl.

Boesky tới dự, kè kè hai gã vệ sỹ. Siegel chưa hề gặp lại Boesky kể từ hồi tháng Ba năm 1985, hơn một năm về trước. Siegel để ý thấy Beosky mang theo người một chiếc bóp nhỏ, và nhận thấy trông Boesky có vẻ rất mệt mỏi và buồn rầu.

Năm nay không hề có bóng dáng người đàn bà nào ở Khu nhà số Tám. Siegel đã bảo với Joseph rằng anh ta sẽ không tham dự bất cứ sự kiện nào có dính dáng đến đám má mì dẫn gái, bất kể đó là gái bán hoa toàn phần hay không. Bản thân Joseph cũng đã cố gắng cấm triệt để phụ nữ kể từ sau hội thảo năm 1984, nhưng Milken và Engel đã phản đối. Milken, bất chấp những giá trị gia đình tự phong của mình, vẫn khăng khăng nhất quyết rằng "đàn ông thích những thứ như thế." Năm nay Joseph khẳng định lập trường cứng rắn. Ông này trấn an Siegel và Schneiderman rằng ông ta đã lệnh cho Engel không được mời bất cứ phụ nữ nào tới Khu nhà số Tám, Engel cũng miễn cưỡng tuân lời. Nhưng anh ta đảm bảo là sẽ xuất hiện một vài người đẹp trong bữa tối sau đó tại Chasen's, kể cả các bà vợ cũng sẽ tới đó.

Khi Joseph đi ngang qua phòng, những kẻ đi săn cùng các vị thủ lĩnh doanh nghiệp thành công rực rỡ cuống quýt đến bên ông, tán tụng cuộc hội thảo và hoan hỉ trước vị thế của Drexel. "Nếu có kẻ nào đó đánh bom căn phòng này, kỷ nguyên thâu tóm sẽ chấm dứt," một người châm biếm. Và người này nói đúng.

Joseph dõi mắt nhìn đám đông và, lần đầu tiên, nhận thấy thứ cảm giác quyền lực mà Drexel đang nắm giữ, rõ rệt như chạm vào được. Ông ta quay sang Schneiderman, "Chúng ta không thể để mọi thứ lộn xộn được," ông ta nói, gắng hết sức để lời của mình được nghe rõ giữa bầu không khí ồn ào náo động của buổi tiệc. "Không ai để cho tất cả các công ty ở Mỹ bị thâu tóm đâu."

* * *

Boesky, với bộ vest ba mảnh đúng điệu cùng chiếc đồng hồ quả quýt được che đậy dưới chiếc mũ và áo choàng, có vẻ bẳn gắt trong lúc chờ đợi một cách hết sức kém kiên nhẫn bên cánh Nhà hát Berkeley's Greek – nhà hát ngoài trời được sử dụng làm không gian mở, tổ chức lễ trao bằng của Đại học California.

Sinh viên lục tục ngồi vào hàng ghế của mình, háo hức chờ đợi bài nói chuyện của Boesky. Các sinh viên trường kinh doanh – chính là cái nôi xưa kia của Milken, thông qua bỏ phiếu phổ thông, đã

lựa chọn Boesky làm diễn giả tại lễ trao bằng năm 1986 của trường. Thương gia cổ phiếu giá rẻ nức tiếng, người chưa có lấy một mảnh bằng đại học, ngày hôm ấy, 18 tháng Năm, đã bay từ California đến trên một chiếc phi cơ riêng. Anh này vẫn trễ giờ như bản tính thường ngày, có mặt vào giữa bữa tiệc truyền thống do trưởng khoa chủ trì, diễn ra ngay trước buổi lễ.

Trước khi thực hiện bài thuyết trình, trong một buổi phỏng vấn với tờ báo địa phương, Boesky nói anh ta "cóc cần quan tâm" đám sinh viên muốn nghe điều gì. Những gì Boesky muốn nói với bọn họ, anh ta bảo, chỉ là "họ phải đóng vai trò mà giới quý tộc đã nắm giữ trong thời cổ đại, nhờ đóng góp phần mình vào nghệ thuật, chính trị, khoa học và văn hóa vì sự tiến bộ của nhân loại."

Sau những lời phát biểu chào mừng của vị trưởng khoa, Boesky bước lên bục thuyết trình và được đón chào bằng những tràng pháo tay nhiệt liệt. Anh ta nhanh chóng bày tỏ rằng mình có thể là một diễn giả cực kỳ nhàm chán. Anh ta đay đi đay lại những lời vô vị về nước Mỹ với vai trò một xứ sở của vận hội, nói về sự vươn lên của chính bản thân mình, một câu chuyện được gọt giũa cẩn thận xoay quanh chuyện một cậu trai gia đình nhập cư sinh ra và lớn lên ở Detroit đã chinh phục Phố Wall như thế nào. Và rồi, đến lúc có vẻ anh ta đã khiến các khán giả của mình chán rõ rành rành, Boesky đã khích động đám đông chỉ bằng vài câu ngắn ngủi.

"Nhân đây cũng phải nói luôn, tham lam thì có làm sao," anh ta nói, rời mắt khỏi bài phát biểu và tiếp tục với những lời có vẻ chỉ là bình luận ứng tác tức thời. "Tôi muốn các bạn biết điều đó. Tôi nghĩ tham lam là chuyện hoàn toàn lành mạnh. Các bạn có thể vừa tham lam, nhưng lại vẫn cảm thấy bản thân mình rất ổn." Đám đông ồ lên với những tràng pháo tay ngay lập tức trong khi các sinh viên cười và nhìn nhau đầy ẩn ý.

Boesky kết thúc bài nói chuyện của mình và rời khỏi sân khấu. Anh ta không ở lại tham dự phần còn lại của buổi lễ. Anh ta cũng không dự tiệc chiêu đãi tổ chức dưới gác chuông của trường, nơi diễn giả lễ trao bằng theo thông lệ vẫn giao lưu cùng sinh viên, gia đình họ và các thầy cô trong khoa. Boesky rời đi mà không trò chuyện nửa lời với một sinh viên nào cả.

Quay trở lại New York, anh ta có vẻ còn dễ nổi cáu và tâm trạng thất thường hơn lúc nào hết. Nhân viên của Boesky sững sờ trước một sự thật rằng, bất chấp nguồn cung vốn trị giá gần 1 tỷ đô-la, Boesky hóa ra không hề mảy may động chạm gì đến số tiền khổng lồ ấy. Xếp hạng các lô cổ phiếu của hãng hầu như không thay đổi

gì đáng kể từ khi có việc tái đầu tư vốn và khởi phát nhóm hội viên mới. Mooradian nói với mọi người trong văn phòng hỗ trợ rằng anh ta rất lo lắng về tình trạng vốn cao quá mức như thế. "Như thế này không giống Ivan chút nào," Mooradian nói, nhưng chẳng ai chia sẻ mối cảnh giác này cùng anh ta.

Boesky vẫn giữ liên lạc với Milken và những người khác ở khu vực Beverly Hills của Drexel, nhưng hình như chẳng có vẻ gì là đang theo đuổi việc triển khai kế hoạch "ngân hàng bán lẻ" mà giờ đây anh ta đã đủ khả năng đáp ứng. Với việc tái điều giải chung cục khoản chi trả 5,3 triệu đô-la, nhịp độ các vụ thỏa thuận giữa Milken và Boesky đã dần ngưng hẳn. Suốt tháng Tư, Boesky chỉ thực hiện có hai "nguyện vọng" cho bộ phận trái phiếu lợi nhuận cao của Milken, thao túng giá cả vụ Stone Container Corporation và Wickes Companies. Trong cả hai vụ này, động thái của Boesky đã tạo điều kiện cho Drexel rộng đường xúc tiến những thương vụ lời lãi. Boesky bước vào những âm mưu này với thái độ chẳng mấy nhiệt tình, và, rõ ràng, cũng không mấy mong đợi sẽ được đền bù. Anh ta chỉ đơn giản tuân hành mệnh lệnh mà thôi. Đến lượt mình, Boesky cũng trở thành một đối tác bất đắc dĩ của Drexel.

Mùa hè năm ấy, Lessman bắt đầu cảm thấy lo ngại trước thái độ và cách hành xử của Boesky. Boesky hiếm hoi lắm mới có mặt ở văn phòng, mà mỗi lúc như vậy, trông anh ta lại có vẻ bận rộn vô cùng. Mulheren sở hữu một chiếc trực thăng có cho thuê, và Boesky thường xuyên mang nó đi nơi này nơi kia; không ai biết điểm đến là ở đâu cả. Anh ta thường đến châu Âu; anh ta và Wekili đã mua chung một ngôi nhà ở Théoule-sur-Mer, Pháp, một ngôi làng trên bờ bãi biển Azur. Cũng có khi bọn họ cùng ở đó với nhau; những lần khác thì Boesky gọi về từ London hay Paris, nơi anh ta đã chi 1,2 triệu đô-la cho một căn hộ; hay từ Hawaii, nơi anh ta đã mua một chung cư. Anh ta cũng có những đợt lưu trú dài ngày ở Los Angeles, dường như là để coi sóc việc làm ăn của Khách sạn Beverly Hills. Nhưng ai mà biết được?

Mặc dù vẫn duy trì làn da rám nắng, nhưng Boesky nom gầy hơn bao giờ hết. Có vẻ anh ta hầu như không ăn uống gì, và một khoảng trống rõ mồn một đã xuất hiện giữa cổ áo và cổ anh ta. Trong những buổi chiều xuất hiện với tần suất ngày càng hiếm hoi ở văn phòng, Boesky đều đến Câu lạc bộ Harvard. Thay vì những buổi họp hành phi chính thức mà Boesky vẫn luôn tổ chức ở đây, giờ anh ta chỉ vào phòng riêng, khoác lên mình chiếc áo choàng bông nặng trịch, quấn một chiếc khăn quanh cổ, ngồi một thân một mình trong phòng xông hơi với nhiệt độ ở mức cao, mồ hôi vã ra như tắm.

Một buổi sáng, Boesky đến bên bàn Lessman và bảo, "Lance, tôi già quá rồi. Tôi mệt. Tôi đang kiếm chỗ nào khác. Một ngày nào đó tôi sẽ bỏ bộ chìa khóa văn phòng này lên bàn anh, bước ra khỏi đây và không bao giờ quay trở lại." Lessman sững sờ kinh ngạc. Boesky không có vẻ gì là giỡn chơi. Trông anh ta rất u ám. Lessman biết Boesky là gã tham quyền cố vị đến chừng nào, nên không thể tưởng tượng nổi rằng anh ta lại để mình điều hành cơ nghiệp của anh ta.

Boesky đệ trình một đơn xin cấp phép lên dự án quy hoạch vùng để thay đổi căn biệt thự ở Westchester thành một bản sao diện tích lớn hơn của Monticello, căn nhà của Thomas Jefferson ở Virginia. Những kế hoạch này đòi hỏi một mái vòm rộng tới 15m, che giấu một dãy phòng ngủ lớn mới mẻ và xa hoa cùng một mái cổng với bốn cột trụ cỡ lớn. Rồi sau đó, Boesky có vẻ cụt hứng luôn.

Một hôm, Boesky bảo Reid Nagle gọi cho chuyên viên ngân hàng của anh ta tại Ngân hàng Thụy Sỹ ở Geneva và dàn xếp đợt chuyển khoản một số tiền mặt lớn cho Wekili. Vào ngày 23 tháng Tư, Boesky tiếp tục sự vụ bằng một lá thư. "Theo đúng những cuộc trao đổi giữa ngài với tôi và Ngài Nagle tại văn phòng tôi, tôi ủy quyền cho ngài chuyển 1.785.800 Franc Thụy Sỹ từ tài khoản của tôi tới văn phòng Geneva của ngài và cấp séc cho Ngài Hushuang Wekili. Ngài Wekili sẽ cung cấp cho văn phòng Geneva của các ngài các chỉ dẫn về việc khoản chi này sẽ được chuyển đến đâu và với phương thức nào." Nagle băn khoăn không biết chuyện gì đang diễn ra.

Một lần khác, Seema gọi điện. Boesky đi vắng, Lessman nhấc máy. Seema nói không có việc gì quan trọng, nhưng sau đó lại ra chiều đăm chiêu. "Ivan hay đi vắng quá," cô nói. "Tôi chẳng bao giờ gặp anh ấy cả." Lessman lúng búng vẻ cảm thông, nhưng rồi Seema khiến anh ta ngạc nhiên. "Vợ chồng tôi chẳng còn chuyện chăn gối gì nữa."

Lessman vẫn nghĩ là cuộc hôn nhân của Boesky rất êm thắm. Seema cơ hồ can dự rất chủ động vào cuộc sống của riêng Boesky, mặc dù những cuộc viếng thăm của cô tới văn phòng của chồng đã thưa nhặt dần từ hai năm trở lại đây. Lessman ngờ rằng Boesky có chuyện trăng gió gì đây, nhưng anh này cũng nghĩ Seema có thái độ khá thoải mái về việc ấy. Có lần cô đã nói với anh ta là cha cô bảo cô rằng không có gã đàn ông nào chung thủy hoàn toàn. Miễn chuyện trai gái chỉ là chơi bời thoảng qua thì không vấn đề gì cả.

Mulheren cũng chẳng hay biết gì nhiều về các hoạt động của Boesky. Viên phi công lái trực thăng cho anh này đôi khi cũng đưa các vị khách tới phi trường Kennedy gặp Boesky, từ đây bọn họ sẽ lên chiếc Concorde siêu thanh để đáp chuyến bay tới London hay Paris. Boesky luôn có sẵn một tình nhân ở căn hộ trong Khách sạn Stanhope xa hoa trên Đại lộ số Năm, đối diện Viện bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan. Việc dàn xếp này đáng lý ra là bí mật đến mức Boesky thuê riêng luật sư tại hãng Cravath, Swaine & Moore xử lý thủ tục bàn giao căn hộ chứ không sử dụng các luật sư quen thuộc tại Fried, Frank. Nhưng người trang trí căn hộ đã báo với Seema. Bản thân Boesky cũng không thú nhận chuyện này với ai, nếu có ngoại lệ thì chỉ có thể là Wekili, cả Lessman và Mulheren đều không cho rằng đời sống riêng tư của Boesky có dính dáng gì đến họ. Những chuyện như thế, họ vẫn cho rằng, sẽ luôn được giữ trong vòng bí ẩn.

* * *

Chiếc tàu Nữ hoàng Elizabeth II tráng lệ, "cánh chim đầu đàn" của hãng tàu Cunard, cũng là cung điện nổi xa hoa bậc nhất thế giới, đậu sừng sững dọc theo bến tàu tại Ga Hành khách Bờ Tây ở Manhattan, thu hút những đám đông khán giả hiếu kỳ và trầm trồ ngưỡng mộ.

Ở ván cầu, một dàn tứ tấu đàn dây đón chào quan khách bằng những giai điệu các ca khúc bất hủ. Các chú hề thì giúp vui cho khách đợi lên tàu và phát bóng bay cho trẻ nhỏ. Phía trên đầu phần phật một tấm biểu ngữ khổng lồ, MAZEL TOV, JENNIFER, ROBIN & JASON. Lần đầu tiên trong lịch sử, con tàu QE2 cùng toàn bộ thủy thủ đoàn đã được thuê lại với mức giá lên tới gần 1 triệu đô-la bởi một người duy nhất – Gerald Guterman, một thương gia phát triển địa ốc và là chủ sở hữu của Khách sạn Stanhope – để tổ chức mừng lễ trưởng thành của cậu con trai Jason, bước sang tuổi 13 vào tháng Chín năm 1986. Hai cô con gái trong cuộc hôn nhân trước của Gerald – Jennifer và Robin, muộn màng chút, cũng tổ chức lễ trưởng thành nhân dịp này luôn.

Đến giờ con tàu hành khách đại dương nhổ neo bắt đầu lộ trình 74 km trên Sông Hudson, một chuyến đi qua đêm kiểu "không định đích đến", một trong những vị khách quan trọng nhất của Guterman, cũng là chủ sở hữu khách sạn đồng thời là láng giềng ở Westchester, vẫn bặt vô âm tín. Ivan Boesky đã lỡ chuyến khởi hành.

Và rồi, trên nền giai điệu chào mừng của dàn nhạc Peter Duchin,

các quan khách nghển cổ lên boong tàu khi một chiếc trực thăng hai động cơ xuất hiện giữa tầm mắt, liệng trên cầu tàu, sau đó đáp xuống bãi đậu của tàu. Trong khi cánh quạt vẫn quay, cửa buồng lái mở ra, và Boesky, ăn vận lịch lãm trong một chiếc áo đuôi tôm và cà vạt đen, bước lên boong tàu. Anh ta nở nụ cười và vẫy chào trong khi khách khứa cười rộ lên và vỗ tay hoan hô. Chiếc trực thăng lại bay bổng lên và ầm ào mất dạng dần trong ánh hoàng hôn, chỉ còn lại Boesky làm các vị chủ tiệc phải trầm trồ ngưỡng mộ.

Boesky góp mặt cùng khách khứa trong tiệc rượu chiêu đãi và bữa tối gồm sáu món chính, gồm cả cừu nướng, món bò Wellington với sốt nấm, gà Cornwall với pa tê gan ngỗng và cơm, tất cả đều được chuẩn bị trong căn bếp đầy đủ tiện nghi ngay trên tàu. Những bó lớn hoa rum trắng và các bức tượng băng khổng lồ trang trí bàn tiệc. Ba đứa trẻ – nhân vật chính của bữa tiệc, mỗi đứa tự cắt chiếc bánh ngọt của riêng mình – cao ngất ngưởng với ba tầng và trên cùng là những dãy hoa tươi. Đám đông khách khứa thì đồng thanh hát "Chúc mừng sinh nhật!" Ngày hôm sau, để bổ sung vào những tiện nghi sang trọng trên chiếc QE2, khách khứa được góp vui bởi một đoàn gồm diễn viên kịch câm, nhạc sĩ và các nghệ sĩ lưu động lên tới 51 người. Các nhà tạo mẫu tóc và trang điểm từ La Coupe, một salon hạng sang ở Manhattan có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu làm đẹp của Linda, vợ Guterman và các nữ quý khách khác. Trong lễ kỷ niệm chính, Giáo sỹ Arthur Schneider đã tán tụng cha mẹ của cậu chàng Jason. "Trong một gia đình đủ đầy mọi thứ, Linda và Gerry đặc biệt chú trọng đến con cái mình, một việc làm mang lại cho chúng ta thêm lẽ sống ở đời."

Ngày hôm sau, vào Chủ nhật, Mulheren gọi điện cho Boesky ở nhà. Boesky đã thuê trực thăng của Mulheren, và viên phi công đã gọi cho Mulheren ngay khi trở về. "Anh không tin nổi chuyện này đâu," viên phi công báo cáo tình hình với Mulheren, "nhưng Ivan đã bắt tôi phải thả anh ta trên tàu QE2 đấy." Mulheren nổi điên. "Đừng bao giờ làm cái trò đấy cho anh ta lần nữa," Mulheren ra lệnh. Mulheren biết tổng việc hạ cánh này chẳng phải trường hợp khẩn cấp vì việc lỡ tàu của Boesky. Chiếc trực thăng đã được đặt sẵn từ trước. Boesky chỉ đang cố lôi kéo sự chú ý bằng việc phô trương sự giàu có mà thôi.

Ivan nhận điện thoại. "Đừng có bao giờ dùng trực thăng của tôi để diễn cái trò hề đấy lần nữa," Mulheren nói giận dữ. "Anh mất trí rồi chắc? Cách mạng cũng từ những trò này mà ra đấy. Người ta bị ép trong lò hơi đốt mà."

Boesky chỉ cười khẩy. “Anh phải thừa nhận một điều, John ạ,” Boesky nói. “Làm gì, tôi cũng phải nhất hạng.”

Ngày hôm sau, 17 tháng Chín năm 1986, Boesky đầu thú chính quyền liên bang và trở thành một điệp viên bí mật cho Bộ Tư pháp.

Quyển 2
CUỘC RƯỢT ĐUỔI

9.

Richard Drew, phó chủ tịch ban giám sát của Merrill Lynch, lúng túng trước lá thư trên bàn. Nó được gửi đến vào đúng ngày 25 tháng Năm năm 1985, do bộ phận quốc tế chuyển tiếp.

Thưa ông:

Xin được thông báo với ông rằng hai chuyên viên cấp cao thuộc Văn phòng Caracas của ông đang trao đổi thông tin nội bộ. Bản mô tả các giao dịch của họ từ trước tới nay đã được gửi tới Ủy ban Chứng khoán trong một thư điện tử riêng. Như đã đề cập trong lá thư đó, nếu khách hàng của chúng tôi không gặt hái được lợi ích nhờ khả năng và kiến thức của họ, chúng tôi tự hỏi ai là người giám sát các giao dịch do những nhân viên kinh doanh này tiến hành? Nếu ông muốn điều tra đến cùng việc này, chúng tôi sẽ cung cấp tên của những kẻ nội gián và chữ viết tay của họ.

Cuối bức thư đề tên hai chuyên viên môi giới của Merrill Lynch, Max Hofer và Carlos Zubillaga, số tài khoản của họ tại Merrill Lynch cùng dòng tái bút: "ông frank granados có thể muốn có một bản sao."

Lá thư viết ẩu tới mức một giám sát viên quá bận rộn có thể dễ dàng quẳng nó qua một bên. Phải nhận mức thù lao rẻ mạt, bị lãnh đạo và cộng sự cấp cao hơn xa lánh, các giám sát viên thường không bao giờ được tới gần trung tâm của mọi hoạt động. Họ được trả lương chỉ để duy trì một hình thức tự kiểm soát trong nền công nghiệp chứng khoán chứ không hề thực sự được toàn quyền tiến hành các cuộc điều tra.

Tuy nhiên, Merrill Lynch chú trọng việc giám sát hơn hầu hết các công ty khác. Tổng cố vấn Stephen Hammerman đã quán triệt tư tưởng, đòi hỏi luôn phải giám sát chặt chẽ các giao dịch giữa khách hàng và nhân viên kinh doanh. Hammerman cũng đã dựng lên bộ phận giám sát đồ sộ nhất Phố Wall, với số nhân viên lên tới 75 người.

Drew, một luật sư với kinh nghiệm 14 năm làm giám sát giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán New York, đã gia nhập Merrill Lynch năm 1981. Ông hợp tác chặt chẽ với một giám sát viên khác, Robert Romano, từng là công tố viên Liên bang, làm việc tại ban thực thi của Ủy ban Chứng khoán để tiến hành điều tra về các giao dịch nội gián.

Mặc dù lá thư từ Caracas có nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả, nhưng cụm từ "thông tin nội bộ" cùng với một số điểm khác khiến Drew phải chú ý. Tiếng mẹ đẻ của người viết thư không phải là Anh ngữ, nhưng người đó tỏ ra rất tinh tế. Ông ta hoặc bà ta biết đến sự tồn tại của ban giám sát, số tài khoản của các chuyên viên môi giới và biết Frank Granados là giám đốc khu vực của Merrill Lynch tại khu vực Mỹ Latin.

Các chuyên viên môi giới của Merrill Lynch bắt buộc phải giao dịch qua hội sở nên Drew có thể tiếp cận hồ sơ tài khoản cá nhân của Hofer và Zubillaga. Thực ra, họ là chuyên viên môi giới của văn phòng Merrill Lynch tại Caracas, Venezuela nhưng hoạt động giao dịch của họ không nổi bật lắm. Tuy vậy, một số trường hợp cho thấy cả hai đã giao dịch những cổ phiếu mà sau đó bất ngờ tăng giá mạnh. Những giao dịch này rất khả nghi. Drew không dám hy vọng cuộc điều tra tiến triển nhanh nhưng ông vẫn gửi lá thư và hồ sơ tới giám sát viên Steven Snyder để phân tích.

Snyder tiến hành scan tất cả hồ sơ theo những gì Drew đã nói vắn tắt lại với anh - Tài khoản Quản lý Tiền mặt (CMA) của Hofer và Zubillaga tại Merrill Lynch. "Mẹ kiếp," Snyder nói, ngắt lời Drew.

"Sao thế?" Drew hỏi khi Snyder chỉ cho anh những khoản ghi nợ ứng với hai tờ séc CMA mà Zubillaga viết tháng đó. Số tiền lần lượt là 4.500 và 838,39 đô-la, không có gì đáng kinh ngạc; còn tên người thụ hưởng là Brian Campbell. "Tôi biết gã đó," Snyder nói. "Anh ta là chuyên viên môi giới cho các tổ chức, làm việc ngay tại Merrill Lynch."

Trí tò mò của Drew và Snyder đã bị kích thích. Vì lý do gì mà một nhân viên môi giới tại Caracas lại viết séc cho một nhân viên môi

giới khác tại New York? Thường thì trong những trường hợp như thế, Snyder sẽ gọi Hofer và Zubillaga đến và yêu cầu họ giải trình nhưng cách truy vấn này thường dễ dàng đi chệch hướng. Cho nên, Drew đã yêu cầu có bản sao thông tin cá nhân của hai chuyên viên môi giới tại Caracas và của Campbell cũng như các bản sao kê tài khoản CMA của Campbell.

Tuần tiếp theo, sau khi kiểm tra tất cả các tài khoản đó, họ thấy mình rơi vào một mê cung bí hiểm hơn những gì họ nghi ngờ lúc đầu rất nhiều. Campbell không còn làm việc tại Merrill Lynch mặc dù trí nhớ của Snyder rất chính xác. Campbell từng là một chuyên viên môi giới cho các tổ chức, làm việc tại ban quốc tế của Merrill Lynch, và đã rời đi vào tháng Hai để đầu quân cho Smith Barney. Zubillaga cũng từng làm việc tại ban quốc tế trước khi chuyển tới Caracas. Ngoài ra, hai người còn học chung khóa đào tạo và định hướng của Merrill Lynch vào năm 1982.

Hồ sơ giao dịch của Campbell còn cho biết nhiều hơn. Số giao dịch của anh ta trùng khớp với số lần Zubillaga và Hofer mua lại và trong mọi trường hợp đều diễn ra trước một ngày, điều này cho thấy các giao dịch bắt đầu từ phía Campbell. Một vài giao dịch khác của Campbell cũng có dấu hiệu dựa vào thông tin nội gián nhưng chỉ liên quan tới 100 hoặc 200 cổ phiếu, tổng số nghi vấn là tám trường hợp.

Nghi ngờ Campbell có nguồn tin bí mật, Drew và Snyder đã thu thập danh sách khách hàng của Campbell, tổng cộng khoảng 35 người, và tìm hồ sơ giao dịch của họ. Không có gì đáng chú ý cho tới khi họ xem xét khách hàng lớn nhất của Campbell: Chi nhánh Bahamas của ngân hàng lâu đời nhất Thụy Sỹ, Ngân hàng Quốc tế Leu. Tất cả tám giao dịch đáng ngờ của Campbell đều hiện số tại tài khoản mở tại Ngân hàng Leu. Khi xem xét kỹ hơn, họ phát hiện tám giao dịch đáng ngờ khác. Duy nhất trong một trường hợp, giao dịch của Campbell đi trước Ngân hàng Leu; điều này cho thấy Campbell đã sao chép lệnh của khách hàng. Đây không phải là những giao dịch vặt vãnh với khoản lợi nhuận cỏn con. Ngân hàng Leu thường tiến hành những giao dịch rất nặng ký với số lượng lên tới hàng chục nghìn cổ phiếu.

Càng điều tra, khối lượng và số tiền giao dịch đáng ngờ càng tăng lên rõ rệt. Sự xuất hiện của Ngân hàng Leu khiến vấn đề trở nên hết sức nghiêm trọng. Drew và Snyder mang những thông tin mới tìm được tới gặp Romano, người luôn theo sát cuộc điều tra. Quá mệt mỏi với những hồ sơ nội bộ của Merrill Lynch, Romano đã gọi cho Zubillaga và Hofer ở Caracas, yêu cầu họ bay tới New York để

thẩm tra.

Hai nhân viên này rất sợ hãi nhưng cũng tỏ ra hợp tác. Họ xác nhận hầu hết những gì mà các giám sát viên đã phỏng đoán. Zubillaga cho biết anh ta và Campbell là bạn bè và anh ta định kỳ gọi cho Campbell gọi để hướng dẫn họ mua những cổ phiếu cụ thể. "Cổ phiếu này được đấy, có lẽ mày nên mua nó," Campbell sẽ nói như vậy. Đổi lại, Campbell yêu cầu được trích phần trăm từ lợi nhuận giao dịch của Zubillaga, điều này giải thích cho những tấm séc đứng tên anh ta. Có điều, Zubillaga không giữ thông tin cho riêng mình; anh ta đã tiết lộ cho Hofer, đồng nghiệp cùng văn phòng, và cho cả anh trai mình.

Merrill Lynch lập tức sa thải Zubillaga và Hofer. Không phải vì nguyên nhân giao dịch nội gián – có vẻ họ chỉ là những kẻ hưởng lợi gián tiếp, không hề hay biết chất lượng và nguồn gốc thông tin. Nhưng Merrill Lynch nghiêm cấm mọi hình thức đồng sở hữu không minh bạch các lô chứng khoán và những khoản tiền hoa hồng gửi tới Campbell đã vi phạm quy định này. Hai chuyên viên môi giới tại văn phòng Caracas không biết người viết lá thư nặc danh là ai. Nhưng họ chính là những nạn nhân đầu tiên của nó.

Các viên chức Merrill Lynch khó có thể làm được gì hơn. Họ đã liên lạc với một luật sư của Smith Barney, đề nghị ông này điều tra Campbell và những giao dịch của anh ta với Ngân hàng Leu. Tuy nhiên, vị luật sư lại nói cho Campbell biết rằng Merrill Lynch đang thăm dò các giao dịch của hắn. Merrill Lynch không có khả năng tiếp xúc trực tiếp với Campbell. Nguồn tin về vụ thâu tóm chắc hẳn phải xuất phát từ một khách hàng của Ngân hàng Leu. Merrill Lynch không thể cứ đeo đuổi Ngân hàng Leu bởi chắc canh ta bằng mọi giá, họ sẽ bảo vệ thông tin về khách hàng của mình. Trong lúc bế tắc, Romano đã gọi cho Gary Lynch, Trưởng phòng pháp chế của Ủy ban Chứng khoán.

"Chúa ơi," Lynch thốt lên sau khi nghe Romano tóm tắt nội dung cuộc điều tra.

Đây là điều cuối cùng mà Romano, Drew và Snyder nghe được trong gần một năm. Theo như những gì họ biết, Ủy ban Chứng khoán không tìm được nguồn tin bí ẩn nào về các hoạt động thâu tóm đó. Khi các vụ thâu tóm liên tục bùng nổ, khiến ban giám sát của Merrill Lynch ngập đầu trong công việc, lá thư gây tò mò từ Caracas gần như bị lãng quên.

Tại thời điểm Romano gọi, Lynch mới chỉ là trưởng ban thực thi

của Ủy ban Chứng khoán được bốn tháng – bốn tháng hết sức khó khăn. Sự tín nhiệm và yếu tố đạo đức của ban đã bị tổn hại nghiêm trọng khi người tiền nhiệm của Lynch, John Fedders, từ chức vào đầu năm 1985 sau khi tờ Wall Street Journal cáo buộc ông ta bạo hành vợ. Để xoa dịu vụ bê bối, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán John Shad đã phải lập tức thay thế ông ta. Phó trưởng ban Lynch, một luật sư 35 tuổi đã dành phần lớn sự nghiệp tại Ủy ban Chứng khoán, trở thành lựa chọn hoàn toàn gây bất ngờ. Một số "kẻ ngoại đạo" uy tín hơn cũng đã được đưa vào mục xem xét: Thượng nghị sĩ New York Alfonse D' Amato đã vận động hành lang cho luật sư New York Otto Obermaier. Jed Rakoff và Robert McCaw, hai luật sư chứng khoán tên tuổi, cũng là các ứng viên sáng giá. Nhưng nhân viên Ủy ban đã thở phào khi Lynch, một người của mình, được chọn thay vì một kẻ hợp nhãn Tổng thống Reagan, vốn chỉ chăm chăm bãi bỏ các quy định mà không phù hợp với công việc thực thi pháp luật.

Ngược lại, Lynch thực sự là một đầy tớ tận tụy của chúng dân và không bao giờ thể hiện quan điểm chính trị rõ rệt. Cộng sự luôn thấy ở anh ta một con người bình tĩnh, không cầu kỳ, quyết đoán lúc cần thiết và đôi khi cơ hồ như hơi xa cách. Một con người như thoát ly khỏi thế giới đầy áp lực và tiền bạc của Phố Wall.

Là con út trong gia đình có năm anh chị em, Lynch lớn lên ở một miền quê gần Middletown, một thành phố nhỏ thuộc vùng nông thôn phía Bắc New York, tiếp giáp bang Pennsylvania. Bố anh ta điều hành một doanh nghiệp vận tải và sở hữu vài công ty nhỏ khác. Lynch được nuôi dạy để trở thành một người theo Hội Giám lý. Anh ta theo học Đại học Syracuse và Trường Luật thuộc Đại học Duke. Sau khi tốt nghiệp, anh ta làm việc cho một hãng luật tại Washington một năm, sau đó đầu quân vào Ủy ban Chứng khoán với mong muốn tìm được một công việc liên quan tới điều tra và kiện tụng. Cuối cùng, Lynch cũng lên được ghế phó trưởng ban thực thi và tiến hành giải quyết những vụ giao dịch nội gián tại Foster Winans và Thayer.

Khi cơn bão sáp nhập bùng lên, Lynch hết sức ngạc nhiên trước sự tăng vọt liên tục của giá cổ phiếu dựa trên những đồn đại về các vụ thâu tóm. Rõ ràng, thông tin mật đã rò rỉ ra thị trường với quy mô chưa từng có, gây tổn thất cho những nhà đầu tư đang chờ đợi các bản cáo bạch công khai. Những nhà đầu tư bình thường điên đầu và đầy ngờ vực. Ngay sau khi Lynch đảm nhận vị trí mới, tháng Tư năm 1985, tờ Business Week đã chạy một dòng tít trên trang bìa: BỆNH DỊCH GIAO DỊCH NỘI GIÁN: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN KHÔNG THỂ NGĂN CHẶN SỰ LẠM DỤNG THỊ TRƯỜNG

CHỨNG KHOÁN. Bài báo xoáy vào chính những điều Lynch lo lắng. Anh ta thề sẽ tiếp tục chiến đấu với hoạt động giao dịch nội gián bằng cách tăng số lượng nhân viên và theo sát từng chỉ dẫn. Anh cảm thấy niềm tin công chúng đang bị lung lay mạnh.

Nếu không có sự quyết tâm đó, rất có thể Lynch đã bỏ qua những chỉ dẫn của Romamo. Ngay khi mới nhận được bản sao lá thư từ Caracas bí ẩn đó, anh ta không thật sự quá chú tâm đến nó. Cơ hồ những phàn nàn về các chuyên viên môi giới là những chuyện thường ngày. Các chuyên viên môi giới không phải là "nội gián" theo cách hiểu thông thường và khách hàng thì luôn có lý do để phàn nàn với Ủy ban Chứng khoán về người môi giới của mình. Nhưng về phía Ngân hàng Leu lại có chút triển vọng. Ngân hàng Leu đã dính líu đến hai cuộc điều tra gần đây của Ủy ban, gồm cả vụ Textron, và không vụ nào đi tới đâu. Vì thế, Lynch đã chuyển lá thư tới phó giám đốc John Sturc cùng với một tay điều tra và tranh tụng cứng, họ lập thành một đội. Trong số các luật sư được giao nhiệm vụ còn có Leo Wang, người thay thế vị trí của Levine ở Textron.

Điều đáng ngờ nhất trong vụ việc này là số cổ phiếu liên quan quá lớn: Khoảng 27 mã trong trường hợp Ngân hàng Leu và 16 mã trong tài khoản của Campbell. Hầu hết các giao dịch nội gián, ngay cả trong vụ Thayer hết sức nhạy cảm, cũng chỉ diễn ra với một vài và thường là một cổ phiếu. Các giao dịch bất hợp pháp được thực hiện bởi nội gián của công ty hoặc kẻ hưởng lợi trực tiếp dựa trên thông tin về các giao dịch của riêng công ty đó. Tất nhiên, ai cũng hiểu những thương vụ lẻ tẻ như thế không phải là câu trả lời cho thứ dịch bệnh giao dịch nội gián trên Phố Wall. Có quá ít tòng phạm khả nghi trong khi các giao dịch với Ngân hàng Leu lại ẩn chứa quá nhiều bí ẩn. Chỉ có thể phỏng đoán, những kẻ nắm được loại thông tin này đều là luật sư hay chủ ngân hàng đầu tư. Cuối cùng, có thể vụ việc này sẽ dẫn Ủy ban Chứng khoán tới trung tâm của một âm mưu mà lâu nay họ vốn đã nghi ngờ: một mạng lưới chuyên gia thường xuyên được tiếp cận với những thông tin nội bộ bí mật nhất.

Lynch, Sturc và các cộng sự đi đến kết luận: Những chỉ dẫn thu thập được đáng để theo đuổi và các ủy viên Ủy ban Chứng khoán đã cho phép họ bắt đầu điều tra. Ngày 2 tháng Bảy năm 1985, cuộc điều tra mang mã số HO-1743 của Ủy ban Chứng khoán chính thức bắt đầu. Được quyền gửi trát đòi bất cứ ai hầu tòa, các luật sư bắt đầu tìm kiếm bằng chứng.

Wang đưa Brian Campbell ra tòa, thu được nhiều hồ sơ giao dịch

và nhật ký điện thoại của anh ta. Vào tháng Tám, đích thân Campbell đã đến văn phòng Ủy ban Chứng khoán tại Washington cùng một luật sư. Campbell – trẻ tuổi, tóc vàng, tự tin – có vẻ hơi căng thẳng, dù không đến nỗi bất thường xét trong hoàn cảnh này. Bằng những lời thề thốt, anh ta dành trọn ba ngày trả lời thẩm vấn.

Nhật ký điện thoại của Campbell cho Wang biết rõ chuyên viên môi giới chứng khoán trẻ này gần như ngày nào cũng liên lạc với một viên chức Ngân hàng Leu tên là Bernhard Meier. Sự liên lạc thường xuyên này không có gì đáng ngạc nhiên; ngân hàng đó từ lâu đã là khách hàng lớn nhất của Campbell. Thậm chí, anh ta còn mang theo những mối làm ăn tại Ngân hàng Leu khi chuyển khỏi Merrill Lynch đến làm việc cho Smith Barney. "Đã bao giờ anh thấy Meier truy cập thông tin nội bộ chưa?" Wang hỏi.

"Chưa, tôi không hề biết những chuyện như thế, không hề," Campbell trả lời, bổ sung thêm rằng mình thậm chí chưa từng thấy bất kỳ "hành vi khả nghi" hay "dấu hiệu" nào về giao dịch nội gián.

Wang hỏi Campbell về những lần anh ta mua cổ phiếu ngay trước khi các vụ bỏ thầu thâu tóm được tiến hành. Campbell khăng khăng (dù biết rõ các thương vụ đó tương ứng với các giao dịch của Ngân hàng Leu) anh ta đã mua cổ phiếu sau khi tự tìm hiểu các công ty đó, không phải nhờ bất cứ thông tin nội gián nào. Campbell thừa nhận đã cho Meier biết mình đang sao chép một số giao dịch nhưng bổ sung thêm anh ta đã "thoái lui" và không đề cập tới bất cứ cổ phiếu cụ thể nào với Meier.

Sau đó, Wang hỏi Campbell về tờ séc 10.000 đô-la rất đáng ngờ trong hồ sơ ngân hàng của anh ta. Tấm séc được hình thành từ tài khoản của Meier tại ngân hàng Morgan Guaranty Trust ở New York. Campbell xác nhận đó là một khoản "vay nợ" từ Meier để đầu tư vào một dự án kinh doanh bất động sản. "Anh còn thương vụ kinh doanh nào khác với ông Meier nữa không?" Wang hỏi.

"Không, không có gì hết," Campbell đáp.

Tiếp đó, Wang hỏi Campbell về tài khoản của một khách hàng khác có dấu hiệu giao dịch những cổ phiếu giống hệt với Campbell và Ngân hàng Leu: Công ty quản lý vốn BCM. Campbell có vẻ càng lúc càng mất bình tĩnh. Anh ta thừa nhận đó là công ty của một người bạn, luật sư Kevin Barry. Chính Campbell đã mách nước cho Barry về những cổ phiếu của Ngân hàng Leu. Tuy nhiên, Campbell

vẫn tiếp tục khẳng định anh ta không hề có thông tin nội bộ nào. Buổi thẩm vấn kết thúc.

Bản năng mách bảo Wang rằng Campbell đã nói dối. Xem xét lại lời khai và các bằng chứng, Lynch càng khẳng định hơn nữa điều này. Campbell liên tục liên lạc với Meier tại Ngân hàng Leu và xét theo mô hình những cuộc bỏ thầu thâu tóm, lẽ ra Campbell ít nhất cũng phải nghi ngờ Meier được tiếp cận với thông tin nội bộ. Campbell cũng liên quan tới Meier nhiều hơn những gì anh ta thừa nhận. BCM gần như rõ ràng là tên viết tắt của Barry, Campbell và Meier. Cả ba có vẻ đều sao chép những giao dịch của Ngân hàng Leu cho BCM.

Tuy nhiên, theo đuổi Campbell và Barry sẽ không giúp các luật sư "lội ngược dòng" xa hơn tới thứ mà họ đang ngờ là một hệ thống giao dịch nội gián quy mô dựa trên số lượng cổ phiếu. Mục tiêu của họ là nguồn thông tin tình báo gốc, và để có được nó, họ sẽ phải vượt qua chướng ngại vật đáng ngại nhất là Ngân hàng Leu, vốn chôn chặt hàng thế kỷ trong truyền thống giữ bí mật của người Thụy Sỹ. Các luật sư của Ủy ban Chứng khoán quyết định chọn cách bắt đầu đơn giản với một cuộc điện thoại thân mật và nhẹ nhàng với Meier tại văn phòng của anh ta ở Nassau.

Cuộc điện thoại khiến Meier sửng sốt dù anh ta vốn đã biết Ủy ban Chứng khoán rất quan tâm đến những cổ phiếu mà Ngân hàng Leu giao dịch thông qua Campbell, người đã cho anh ta biết tất cả. Khi đó, Meier nói chuyện với Dennis Levine, vị khách hàng đã khơi mào tất cả. Meier sốt sắng kể với Levine việc Ủy ban Chứng khoán đang chĩa mũi nhọn vào Campbell. Levine tỏ ra thờ ơ. Anh ta cho rằng cuộc điều tra này chẳng sao cả và sẽ chẳng đi tới đâu. Nhưng giờ đây Meier đang phải tiếp chuyện Ủy ban Chứng khoán, nghe chất vấn về 28 cổ phiếu Levine đã hướng dẫn anh ta giao dịch. Meier tìm cách hoãn binh bằng cách yêu cầu Ủy ban Chứng khoán gửi đề nghị bằng văn bản. Anh ta muốn tham khảo ý kiến luật sư trước khi trả lời.

Meier thực sự lo lắng. Giờ đây anh ta mới nhận ra, bất chấp những chỉ dẫn của Levine, anh ta vẫn tiến hành quá nhiều giao dịch thông qua Campbell. Meier đã giao dịch cùng một loại cổ phiếu bằng chính tài khoản của mình theo cách thức hoàn toàn tương tự với Campbell và BCM. Levine cũng từng cảnh báo về điều này. Vì thế không ngạc nhiên tại sao Ủy ban Chứng khoán lại hoài nghi.

Meier lao tới văn phòng của người đồng nghiệp – Bruno Pletscher.

Cả hai đều không biết sẽ phải đối phó với Ủy ban Chứng khoán ra sao. Họ quyết định tìm đến Levine để xin lời khuyên. Nhưng họ không thể tự gọi cho "Ngài Kim cương". Khi Levine liên lạc lại vài ngày sau đó, thì họ đã nhận được công văn của Ủy ban Chứng khoán chất vấn về 28 cổ phiếu. Họ mô tả tình hình với Levine và khẩn khoản mời anh ta tới Nassau họp khẩn cấp. Levine đồng ý.

Trên đường tới Ngân hàng Leu, Levine dừng lại ở Key Biscayne, bang Florida để thăm Wilkis, người đã thuê nhà ở đó trong suốt mùa hè. Cứ cuối tuần, Wilkis lại từ New York xuống đây. Anh ta đang chờ kỳ nghỉ dài nhân ngày Quốc tế Lao động.

Levine tóm tắt cho Wilkis biết những diễn biến mới nhất. Sau lần đầu tiên nghe Meier kể về việc Ủy ban Chứng khoán quan tâm tới các giao dịch của Campbell, Levine đã tìm tới Boesky để xin lời khuyên. Boesky liền giới thiệu một luật sư tên là Harvey Pitt. "Ông ta đã giúp tôi vượt qua hàng trăm vụ như thế này," Boesky cho Levine biết.

"Anh định thuê Pitt chứ?" Wilkis hỏi, anh ta cảm thấy buồn nôn.

"Không, đừng có điên thế chứ," Levine nhăn nhó, "Tôi sẽ nhờ ngân hàng thuê hắn. Chúng ta phải kết thúc vụ này sớm. Tôi không có gì để chiến đấu cả."

Wilkis không tin tưởng lắm. Anh ta lo lắng liệu Pitt có đặt lợi ích của ngân hàng lên trên lợi ích của bạn bè. Làm sao Levine biết được anh ta có thể thao túng Pitt?

"Có lẽ anh đã tìm đúng luật sư rồi đó," Wilkis nói với Levine. "Nhưng tôi không biết gì về khách hàng của chúng ta."

Lúc này Levine mới tiết lộ tin tức quan trọng hơn: Ủy ban Chứng khoán đã gửi cho Ngân hàng Leu một công văn yêu cầu giải trình về 28 cổ phiếu liên quan tới các vụ thâu tóm, tất cả đều được thực hiện bằng tài khoản Kim cương của Levine. "Họ muốn có hồ sơ giao dịch của tôi!" anh ta nói. "Tôi phải làm gì đây?"

Wilkis như hóa đá nhưng vẫn yên lặng nghe Levine đề xuất kế hoạch hành động: phải "giữ ấm cho ngân hàng" và "giữ chặt tay bọn chúng". Anh ta gọi Meier là "kẻ thứ ba" và sẽ tập dượt cho anh chàng nhân viên ngân hàng Thụy Sỹ này cho đến khi tìm được một chuyên gia phân loại cổ phiếu đáng tin cậy. Anh ta sẽ tìm báo cáo nghiên cứu của Drexel về các công ty có liên quan. Levine dường như lấy lại được sự tự tin khi nói những điều này rồi bỏ đi trong tâm trạng phấn chấn.

Levine tới Nassau vào kỳ nghỉ cuối tuần nhân ngày Quốc tế Lao động năm 1985. Điềm đạm và tự tin, anh ta nhanh chóng làm chủ được tình hình. Với Levine, Ủy ban Chứng khoán chỉ là lũ kiến bất lực. "Chẳng có gì phải lo lắng cả," anh ta trấn an hai nhân viên ngân hàng – miễn là họ làm theo những gì anh ta hướng dẫn.

Levine nói nhanh gọn về kế hoạch của mình. Anh ta yêu cầu Meier lãnh trách nhiệm đã khởi xướng mọi giao dịch. "Các anh đều là những người thông minh, hãy tới Ủy ban Chứng khoán và cho họ biết các anh giao dịch những cổ phiếu này dựa trên một danh mục được quản lý," Levine giải thích. "Các anh là những gã thông minh. Các anh đã quyết định mua những cổ phiếu này và phân phối chúng trong toàn danh mục. Ủy ban Chứng khoán sẽ không thể chứng minh được điều ngược lại."

Levine nhận thấy điều này có vẻ không hợp lý đối với một luật sư của Ủy ban Chứng khoán vì một người như Meier, hoàn toàn thiếu kiến thức về chứng khoán, khó có đủ khả năng nhận ra liên tiếp và chính xác các mục tiêu thâu tóm trước khi có các cáo bạch công khai. Nhưng Meier phải khẳng định rằng đó là lý do duy nhất. Meier sẽ phải cam đoan rằng chính các nghiên cứu của anh ta đã chỉ ra rằng các công ty này là những mục tiêu thâu tóm tiềm năng. Levine đảm bảo với Meier rằng anh ta sẽ trang bị cho Meier những công cụ nghiên cứu phù hợp nhằm ủng hộ lập luận của mình. Điều cốt yếu là phải ngăn chặn mối nghi ngờ rằng khách hàng của Ngân hàng Leu là kẻ định hướng mọi giao dịch. Về mặt luật pháp, Meier, một viên chức ngân hàng, sẽ không bao giờ bị quy kết là nội gián.

Levine còn đề xuất hai nhân viên ngân hàng này nên thuê một luật sư giỏi để đánh lạc hướng Ủy ban Chứng khoán. Anh ta giới thiệu Pitt, một luật sư từng làm việc cho Ủy ban Chứng khoán nay tách ra lập văn phòng riêng với Fried, Frank, Harris, Shriver & Jacobson. Khi Levine đi rồi, Meier và Pletscher cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm. Họ báo cáo vắn tắt với giám đốc chi nhánh Bahamas, Jean-Pierre Fraysse, về kế hoạch đánh lừa Ủy ban Chứng khoán. "Có lẽ đây là hướng đi tốt nhất," Fraysse đồng tình.

* * *

Harvey Pitt đặt vòng eo đồ sộ của mình lên một chiếc ghế dài nơi Sảnh Polo tại Khách sạn Westbury, New York. Vị luật sư 40 tuổi, để râu, với bộ dạng trông hơi nhếch nhác là một hình ảnh tương phản với Fraysse cao, gầy, ăn vận không chê vào đâu được. Ông ta đang ở tại khách sạn và đã bay tới New York để gặp riêng Pitt.

Fraysse lần đầu tiên gọi cho Pitt ngay sau cuộc gặp với Levine vào kỳ nghỉ cuối tuần nhân ngày Quốc tế lao động.

“Tại sao ông lại chọn tôi?” Pitt hỏi Fraysse.

“Danh tiếng của anh đã vang xa rồi,” Fraysse đáp. “Chúng tôi đã nghe nói đến anh.” Fraysse mỉm cười lịch thiệp và không nói gì thêm.

“À, người Thụy Sỹ,” Pitt thầm nghĩ. Chắc canh ta Fraysse sẽ không nói gì thêm về lý do ông ta biết đến Pitt.

Fraysse tóm tắt lại quá trình liên lạc của Ngân hàng với Ủy ban Chứng khoán và hai người nói chuyện về những cuộc điều tra của cơ quan này. Fraysse có vẻ thoải mái và cho biết ông sắp phải về Thụy Sỹ nên Pitt cần sớm làm việc trực tiếp với Meier.

“Anh ta là một người quản lý danh mục đầu tư tuyệt vời,” Fraysse nói về Meier, sắp xếp lại câu chuyện trước đó đã cùng Levine bịa ra. “Anh ta rất khôn ngoan và luôn làm khách hàng của chúng tôi hài lòng.”

Pitt hết sức quan tâm khi Fraysee nói về số lượng cổ phiếu trong danh sách của Ủy ban Chứng khoán. Hầu hết những điều tra của Ủy ban mà anh biết đều chỉ liên quan đến một cổ phiếu đơn lẻ. Pitt nghĩ anh ta phải xuống ngay ngân hàng tại Nasau, nhưng Fraysse nói Meier đã có kế hoạch đến New York vài ngày nữa và sẽ gặp Pitt.

Pitt gặp Meier lần đầu tiên vào ngày 18 tháng Chín tại văn phòng của Fried và Frank ở Manhattan. Meier ăn vận lịch thiệp và tỏ ra là người điềm tĩnh, hấp dẫn, thực tế và tự tin. Vợ anh ta là một phụ nữ trẻ đẹp, duyên dáng và cao hơn chồng.

Meier đã được Levine chỉ dẫn nên nói rất nhiều về khả năng phân loại cổ phiếu đầu tư và những thành công của anh ta trong việc quản lý tài khoản giao dịch cho khách hàng của Ngân hàng Leu. Anh ta khẳng định mình đã mua cổ phiếu một cách hú họa dựa trên những nguyên tắc cơ bản và đã nghiên cứu để tự nâng cao. Khi cuộc gặp gỡ kết thúc và giữa giờ chiều, hai vợ chồng Meier quay về phòng ở khách sạn Waldorf.

* * *

Cũng trong ngày hôm đó, Peter Sonnenthal, một trong số các luật sư của Ủy ban Chứng khoán được giao trọng trách đảm nhiệm vụ

việc này đã bước vào hành lang dạng tổ ong trang trí nghệ thuật của khách sạn Waldorf-Astoria New York. Lướt nhanh qua hành lang nhộn nhịp, anh dừng lại tại quầy đăng ký.

“Làm ơn cho tôi số phòng của Bernhard Meier,” Sonnenthal hỏi một cách lịch sự.

“Chúng tôi không cung cấp thông tin đó,” nhân viên khách sạn trả lời.

“Nhưng tôi là nhân viên chính phủ,” Sonnathal nói.

Nhân viên khách sạn vẫn từ chối nên Sonnathal đành lấy vội một tờ giấy và cây bút, viết nhanh một tờ lệnh bất đắc dĩ yêu cầu Waldorf-Astoria cung cấp số phòng của Meier. Nhân viên khách sạn hết sức sửng sốt, mang tờ giấy đến gặp quản lý cấp trên và khách sạn ngay lập tức phải tuân lệnh. Meier đang ở phòng 2341, tại khu Tháp Waldorf riêng biệt.

Sonnenthal lên thang máy, đi nhanh tới phòng Meier và gõ cửa. Meier vừa mới về phòng trước đó ít phút, mở cửa mà không hề nghi ngờ gì. Sonnenthal trao cho nhân viên ngân hàng đang hết sức sửng sốt này một phong bì chính thức của Chính phủ Mỹ gồm hai tờ trát: một tờ yêu cầu cung cấp hồ sơ của ngân hàng và tờ còn lại yêu cầu tất cả hồ sơ giao dịch cá nhân của Meier.

Meier quá choáng váng, không chỉ bởi việc Ủy ban Chứng khoán đã lần ra anh ta tại New York mà bởi cả những tờ trát. (Ủy ban Chứng khoán đã đề nghị Cục Hải quan Mỹ để mắt tới Meier. Cục Hải quan theo đó đã báo cho Ủy ban biết Meier đã sang Mỹ và đã cung cấp địa chỉ của anh ta tại Waldorf). Khoảng 5 giờ 30 chiều, như kẻ lên cơn điên, Meier đành phải gọi cho Pitt. Vẻ ngoài tao nhã của anh ta không còn nữa. Pitt giờ cũng đã được cảnh báo. Đây không phải là những chiến thuật thông thường của Ủy ban Chứng khoán. Cơ quan này đã chơi một đòn quá hiểm.

Pitt cố gắng trấn an Meier nhưng vô ích. Quá sợ hãi, Meier đã không dám ra khỏi khách sạn trong suốt ba ngày liền.

* * *

Sau cú điện thoại điên rồ từ Meier, Pitt không bỏ phí một chút thời gian nào. Bốn ngày sau đó, anh ta đã có mặt trên chuyến bay đến Bahamas cùng một cộng sự của Frank và Fried, Micheal Rauch. Đội luật sư của hãng nhanh chóng phân tích các giao dịch và cổ phiếu đáng ngờ, lọc ra danh sách những người có liên quan để tìm

kiếm mẫu số chung. Tuy nhiên, điều này không đem lại kết quả gì. Pitt tự hỏi liệu vụ việc có liên quan đến một nhóm nguồn tin hay không nhưng anh ta nhanh chóng gạt bỏ ý nghĩ ấy. Điều này có vẻ hơi khiên cưỡng. Sự thiếu vắng một một nguồn thông tin rõ ràng khiến câu chuyện của Meier có vẻ đáng tin, nhưng số cổ phiếu và khả năng tính toán trước chính xác liên tục lại rất đáng ngờ.

Pitt và Rauch gặp gỡ Meier, Pletscher và Richard Coulson, một người Mỹ bị trục xuất, từng là luật sư tại Cravath, Swaine & Moore hiện đang làm tham mưu cho ngân hàng. Meier có vẻ là người phụ trách, mặc dù Coulson thường là người phát ngôn đại diện cho ngân hàng.

Pitt nghi ngờ lời tuyên bố của Meier rằng anh ta là một chuyên gia phân loại cổ phiếu nhưng không muốn làm khó khách hàng mới của mình một cách trực diện. Thay vào đó, anh liệt kê ra với Meier những tác hại của việc lừa dối luật sư của chính mình. “Anh có thể ngại nói ra sự thật,” Pitt gợi ý một cách nhã nhặn. “Nhưng chúng tôi là những luật sư giỏi. Nếu anh thành thật, chúng tôi có thể giúp anh.”

Coulson cắt ngang. “Bernie đã thực hiện giao dịch, đó là tất cả những gì đã diễn ra,” anh ta nói. “Chúng tôi sẽ gửi lời giải thích này tới Ủy ban Chứng khoán và sẽ kết thúc chuyện này,” anh ta khăng khăng. Ngân hàng đề nghị Meier và những người khác làm nhân chứng để thuyết phục Ủy ban Chứng khoán rằng tất cả mọi vấn đề có thể được giải thích bằng cách đầu tư cổ phiếu nhờ sự dự đoán khôn ngoan, đâu cần những thứ cao siêu bên ngoài.

Các viên chức ngân hàng không hề có ý định thay đổi câu chuyện mà họ đã dựng lên nhưng bắt đầu thấy lo lắng. Hành động cưỡng chế của Ủy ban Chứng khoán nếu công bố sẽ phá tan nỗ lực xây dựng cơ sở kinh doanh tại Mỹ của Ngân hàng Leu. Họ muốn có quan hệ tốt với Ủy ban Chứng khoán. Đồng thời, họ cũng hết sức cứng rắn từ chối tiết lộ danh tính và các giao dịch qua tài khoản cá nhân của khách hàng. Đó là điều cấm kỵ trong luật ngân hàng Bahamas, và việc tiết lộ quá nhiều thông tin sẽ phá hỏng truyền thống bảo mật lâu đời của Leu.

Sau khi trở về Washington, Pitt và Rauch đã liên lạc với Ủy ban Chứng khoán để bắt đầu đặt cơ sở cho Meier xuất hiện. Cuối cùng Pitt gặp Wang, Sonnenthal và các luật sư khác của Ủy ban Chứng khoán đang theo đuổi vụ này.

Đoàn luật sư của Ủy ban Chứng khoán hết sức trông chờ lời giải

thích cho các giao dịch. Pitt nhắc lại lời giải thích đã được Coulson xác nhận, nhấn mạnh rằng Meier đã đưa ra quyết định đầu tư cho rất nhiều tài khoản được ngân hàng quản lý. Không có sự dính líu tới khách hàng của ngân hàng trong các giao dịch đó cho nên không thể gọi đó là một kiểu giao dịch nội gián như Ủy ban Chứng khoán nghi ngờ, Pitt giải thích. Để củng cố cho quan điểm của ngân hàng, Pitt đề nghị xuất trình các chứng từ với tên của khách hàng đã được xóa đi. Meier cũng sẽ đứng ra làm chứng. Tất cả những gì Pitt yêu cầu là một khoảng thời gian để thu thập tài liệu. Các luật sư của Ủy ban Chứng khoán vẫn còn nghi ngờ nhưng miễn cưỡng đồng ý.

Ngay cả Pitt cũng chưa có cơ hội xem lại hết các tài liệu của ngân hàng để minh chứng cho câu chuyện và anh cũng không định ký thỏa thuận biện hộ cho Meier khi chưa được xem chúng. Pitt cũng nhận thấy có thể đây là cơ hội cuối cùng để ngân hàng làm rõ sự thật nếu các viên chức của họ nói dối. Xét theo những gì Pitt trình bày với Ủy ban Chứng khoán, có lẽ giờ đã là quá muộn.

Tại Ngân hàng Leu, Pletscher cảm thấy hết sức nao núng. Pletscher chưa bao giờ liên hệ mật thiết với Levine như Meier và mức giao dịch của anh ta cũng hết sức khiêm tốn. Anh ta chỉ kiếm được khoảng 46.000

đô-la trong tổng lợi nhuận thu được nhờ thông tin của Levine. Không giống Meier, anh ta không phải là "con số ba" của Levine. Sau khi ngân hàng nhận được công văn chính thức của Ủy ban Chứng khoán, Pletscher đã yêu cầu Levine dừng các giao dịch lại. Bây giờ, Levine quấy rầy và muốn Pletscher tiếp tục giao dịch. "Tôi đã có thể dễ dàng kiếm được 100% lợi tức," Levine phàn nàn. "Tôi ghét việc ngồi chết trân chờ lãi suất ngân hàng." Anh ta lập luận rằng việc ngưng giao dịch đột ngột có vẻ rất khả nghi. Nếu Meier là một nhà đầu tư dựa vào khả năng dự đoán, tại sao anh ta không tiếp tục ghi điểm? Nhưng Pletscher không chút mủi lòng. Levine đã gây cho họ quá nhiều phiền toái rồi.

Trong một lần gặp, Levine mang theo chiếc túi căng phồng chứa đầy các báo cáo phân tích của Drexel và nhiều tài liệu khác về những cổ phiếu khả nghi. Meier và Levine bắt đầu chuẩn bị lời bào chữa có hiệu lực hồi tố cho tất cả các giao dịch. Levine cũng yêu cầu được xem lại dữ liệu về tài khoản của mình tại ngân hàng. Anh ta hết sức sợ hãi khi phát hiện ra một bản sao hộ chiếu với đầy đủ ảnh và thẻ có chữ ký của mình khi mở tài khoản giao dịch "Kim cương" đầu tiên tại Ngân hàng Leu. Ngoài ra còn có những tờ sao kê mà Levine đã ký bằng tên thật trong rất nhiều lần rút

tiền. “Tôi muốn các anh cam đoan sẽ hủy tất cả những thứ này,” Levine đòi hỏi hai nhân viên ngân hàng.

Rõ ràng không biết rằng việc họ làm có thể cấu thành hành vi cản trở trái phép theo luật Mỹ, hai nhân viên ngân hàng đã xé bản sao hộ chiếu và tấm thẻ tài khoản có chữ ký gốc. Họ tưởng rằng đằng nào chúng cũng đã quá hạn vì Levine đã chuyển tài khoản đến công ty mới tại Panama, Diamond Holdings. Nhưng Pletscher, dù không nói với Levine, đã từ chối hủy những tờ sao kê. Anh ta hiểu sẽ cần chúng để bảo vệ ngân hàng trong trường hợp Levine khiếu nại rằng anh ta chưa nhận được tiền. Sự thận trọng không cho phép nhân viên ngân hàng người Thụy Sỹ này hủy những tờ sao kê đó.

Cuối cùng, vẫn còn lại vấn đề hóc búa về “những tài khoản được quản lý,” điểm mấu chốt trong lời biện hộ của họ đối với các giao dịch khả nghi. Nếu đúng như Meier tuyên bố, anh ta đã tự đưa ra tất cả quyết định đầu tư cho các tài khoản được ngân hàng quản lý, sẽ rất hợp lý khi số liệu cho thấy các giao dịch được tiến hành trên rất nhiều tài khoản khách hàng. Trong khi đó tất cả các giao dịch đáng ngờ đều xuất hiện tại một tài khoản duy nhất, Diamond Holdings. Ngay cả khi tên tài khoản đó được ẩn đi thì chứng cớ ngoại phạm về tài khoản được quản lý cũng sẽ không đáng tin và mọi nghi ngờ sẽ tập trung vào tài khoản đó cùng danh tính của chủ tài khoản. Levine tự tin ngân hàng sẽ không phải chia nhỏ các giao dịch thành từng tài khoản để trình Ủy ban Chứng khoán, nhưng lúc này, chính các luật sư của ngân hàng, Pitt và Rauch, lại muốn có hồ sơ các tài khoản cá nhân để minh họa cho câu chuyện của Meier. Levine và Meier giục Pletscher sửa đổi hồ sơ trong máy tính, tạo ra mười tài khoản giả có vẻ như đã giao dịch cùng loại cổ phiếu với Levine. Meier cam đoan với Levine họ sẽ lo liệu vấn đề này.

Tuy nhiên, một lần nữa Pletscher lại gây trở ngại. Hans Knopfli, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Leu, gần đây khi tới thăm chi nhánh tại Bahamas đã nói với Meier và Pletscher về cuộc điều tra của Ủy ban Chứng khoán. Meier thưa với cấp trên rằng tóm lại anh ta sẽ đành phải nói dối Ủy ban Chứng khoán.

“Meier, anh không thể nào nói dối cơ quan công quyền được đâu,” Knopfli hết sức sửng sốt. “Đây là một tình thế nguy hiểm. Tôi muốn anh làm điều tốt nhất cho ngân hàng. Nhưng không được đến gặp họ và nói dối.”

Pletscher không chấp nhận việc lập ra những tài khoản giả mạo.

Tuy nhiên, anh ta chấp nhận chỉnh sửa đôi chút. Meier đòi Pletscher phải gạch bỏ một mục khỏi bản sao kê tài khoản của anh ta. Mục bí ẩn đó là một lệnh điện chuyển khoản ngân hàng trị giá 5.000 đô-la từ tài khoản của Meier tại Ngân hàng Leu đến Ngân hàng quốc tế Delaware tại thị trấn sơn cước nhỏ bé Catskill vùng Delhi, New York.

Pitt và các cộng sự cũng phải chạy đua với thời gian. Họ bay tới Nassau để xem xét hồ sơ các tài khoản được quản lý minh chứng cho câu chuyện của Meier. Các luật sư mong đợi sẽ có khoảng 40 đến 50 tài khoản, tất cả đều cho thấy những giao dịch diễn ra với 28 cổ phiếu đã được cáo trạng của Ủy ban Chứng khoán chỉ ra. Đi cùng một số trợ lý, đoàn luật sư thuê phòng tại Khách sạn Cable Beach.

Meier đến ngay sau bữa trưa, mang theo vài sổ tài liệu gáy lò xo cỡ lớn. Khi các luật sư háo hức mở chúng ra, họ chỉ thấy một mớ giấy tờ. Đó hầu hết đều là hóa đơn đi lại và giải trí của Meier. Pitt lấy làm sửng sốt và giận dữ nói với Meier đây không phải là những hồ sơ giao dịch mà họ đã phải cất công đến tận Bahamas để xem. Meier, trông hơi mất bình tĩnh, hứa sẽ trở lại vào sáng hôm sau đem theo những hồ sơ tài khoản.

Lần này Meir mang đến hồ sơ giao dịch từ 25 tài khoản ngân hàng nhưng không có gì liên quan đến 28 cổ phiếu khả nghi kia. Không có gì phù hợp với câu chuyện của anh ta cả. Pitt cố gắng giữ bình tĩnh. “Ở đây có hai khả năng. Hoặc tài liệu của chúng ta sai,” Pitt nhìn Meier, dừng lại để nhấn mạnh, “hoặc câu chuyện của chúng ta sai.” Meier không nói gì và lần đầu tiên trông anh ta có vẻ chán nản.

Họ đang dần đi vào ngõ cụt. Đột nhiên, Meier bật dậy khỏi ghế, đến chỗ chiếc điện thoại và gọi cho Pletscher. Vì Meier nói bằng tiếng Đức Thụy Sỹ nên các luật sư không hiểu gì. Pletscher rõ ràng có vẻ đang bị mắng mỏ gay gắt. Meier đặt ống nghe xuống, đề nghị các luật sư đợi và ra khỏi phòng. Tuy nhiên, nỗ lực có thêm thông tin không có kết quả. Coulson thế chỗ Meier, tất cả lại rơi vào bế tắc.

Đoàn luật sư bỏ cuộc và bay trở về Mỹ, họ nghi ngờ các khách hàng của mình hơn bao giờ hết. Mọi việc trở nên rõ ràng: Một người đã giao dịch 28 cổ phiếu trước khi có thông báo thâu tóm. Nếu vậy, đây là vụ giao dịch nội gián lớn nhất trong lịch sử.

Nghi ngờ của các luật sư cuối cùng cũng được làm rõ vào thứ Hai

tuần sau khi Pitt và Rauch trở lại Bahamas gặp Hans Peter Schaad, tổng cố vấn của Ngân hàng Leu, người vừa mới bay từ Zurich về. Meier và Pletscher sau cùng đã cho Schaad biết sự thật và ông đã về bất kỳ.

"Tôi hiểu là có một tài khoản đã thực hiện tất cả những giao dịch này," Schaad tuyên bố với Pitt. "Chúng ta phải làm gì bây giờ?"

Bị lừa một vố đau đớn, chưa kể những điều đáng xấu hổ họ đã trình bày với Ủy ban Chứng khoán, Pitt và Rauch bắt đầu nghĩ đến việc rút khỏi vụ này. Họ cảm thấy uy tín của mình đang bị đe dọa.

Họ đồng ý tiếp tục nếu ngân hàng hứa sẽ ngưng mọi giao dịch trên tài khoản đó. Họ không thể để tội lỗi tiếp tục tái diễn. Dù không có mối nghi ngờ chính xác, các nhân viên ngân hàng cũng phải chấp nhận đóng băng tài khoản và đưa cho Pitt và Rauch một bản tường trình hoàn chỉnh, xác thực tất cả những gì đã xảy ra với tài khoản đó. Các viên chức Ngân hàng Leu đã đồng ý bất chấp sự khó chịu ra mặt của Meier. Điều kiện duy nhất là: họ sẽ không tiết lộ danh tính của chủ tài khoản, người đó chỉ được nhắc đến với mật danh "Ông X".

Tuy nhiên, Pitt cho rằng hy vọng lớn nhất của ngân hàng là thay đổi danh tính của ông X nhằm giúp miễn trừ cho ngân hàng và các nhân viên. Bởi lẽ, việc các giao dịch đó có gây sự chú ý của Ủy ban Chứng khoán hay không phụ thuộc gần như hoàn toàn vào nhân thân của ông X. Schaad, dù vẫn miễn cưỡng, cuối cùng cũng đồng ý tiết lộ vài chi tiết: ông X là một chuyên viên ngân hàng đầu tư làm việc tại Drexel Burnham Lambert. Giờ thì Pitt đã nhận ra những nhánh đan xen của vụ việc này.

Vài ngày sau, Meier mời Pitt ăn tối với vợ chồng anh ta tại nhà hàng Lyford Cay Club, nơi anh ta đăng ký thành viên. Trên đường đi, Meier cố gắng giành được thiện cảm của Pitt, luôn miệng giải thích rằng kế hoạch này không phải chủ ý của riêng anh ta. "Tôi không muốn anh nghĩ xấu về tôi," Meier nói.

Pitt không bỏ lỡ cơ hội lợi dụng tâm trạng muốn hòa giải của Meier. "Chúng ta cuối cùng cũng sẽ biết danh tính ông X," anh này nói. "Tại sao anh không nói luôn với tôi?"

"Anh biết công ty này rồi mà," Meier nói.

"Đúng vậy, Drexel," Pitt trả lời.

"Anh có biết ai ở Drexel không?" Meier hỏi. "Anh biết ai ở đó?"

Đột nhiên Pitt nhớ lại một bữa tối anh ta tham dự gần hai tháng trước vào trung tuần tháng Mười. Fried, Frank muốn hợp tác lâu hơn với Drexel, đặc biệt trong lĩnh vực thâu tóm. Một đối tác của Pitt, Athur Fleischer, đã mời anh ta và David Kay dùng bữa tối ở Lutece, một trong những nhà hàng Pháp đắt đỏ nhất New York. Kay đã đưa theo ngôi sao đang lên trong lĩnh vực mua lại và sáp nhập của mình, Dennis Levine. Pitt không nhớ nhiều về bữa tối; đó là việc chăm sóc khách hàng điển hình với quá nhiều thức ăn và đồ uống đắt tiền đem lại cảm giác về tình bạn được thắt chặt. Levine không để lại cho anh này nhiều ấn tượng. Nhưng anh ta và Kay gần như là những chuyên viên ngân hàng đầu tư duy nhất của Drexel mà Pitt biết.

"David Kay?" Pitt đánh bạo nói và Meier lắc đầu không nói.

"Dennis Levine?" Pitt hỏi và đọc vị ngay từ thái độ của Meier rằng anh ta đã gọi đúng tên.

"Đúng là anh ta," Meier nói.

Từ khi được Levine ghé thăm tại Key Biscayne, Bob Wilkis rơi vào trình trạng mất ngủ. Anh ta bắt đầu gắt gỏng với vợ và con gái và từ chối giải thích mọi vấn đề. Một buổi tối Wilkis bật khóc không vì lý do gì cả. Nhưng sau đó anh ta bình tĩnh trở lại. "Mình không thể ích kỷ," Wilkis tự nhủ. "Mình phải giúp Dennis vượt qua chuyện này."

Levine liên tục gọi cho anh ta, có khi tới 8-10 lần một đêm. "Đừng buồn," Levine luôn miệng nói. "Chuyện đó thường thôi mà. Chúng ta vẫn ổn." Wilkis thấy yên tâm hơn khi Levine được Ủy ban Chứng khoán mời dự hội nghị bàn tròn về nghiệp vụ thâu tóm.

Như một vấn đề không thể thiếu, hội nghị đã bàn tới chủ đề giao dịch nội gián. Luật sư về nghiệp vụ thâu tóm Martin Lipton nêu ra vấn đề. "Tôi nghĩ rất đáng để Ủy ban xem qua một số trường hợp thâu tóm khá rõ rệt trong hai năm qua," ông nói. "Chỉ Ủy ban mới đủ khả năng tìm hiểu sự thật đằng sau chuyện này nhưng tôi có đủ thí dụ cho thấy nó là thứ cần được xem xét kỹ lưỡng."

Levine đồng tình một cách đạo đức giả. "Có điều, tôi nghĩ anh không nên giới hạn việc phân tích hiện tượng này trong hoạt động của các công ty," anh ta phát biểu. Levine thậm chí còn đề xuất Ủy ban Chứng khoán nên điều tra các giao dịch tại Nabisco và General Foods – hai cổ phiếu chính mà anh ta đã giao dịch với khối lượng lớn nhờ thông tin nội bộ.

“Chúng ta không có gì phải lo lắng cả,” Levine nói như reo lên với Wilkis sau cuộc họp. “Ủy ban Chứng khoán khá thích tôi đấy.” Levine nhận được thư cảm ơn của Ủy ban Chứng khoán ký tên John Shad, bức thư anh ta đã tự hào đem khoe với rất nhiều cộng sự và cả với Meier và Pletscher. Anh ta nói với Wilkis: “Làm sao họ ưu ái tôi như thế nếu như tôi đang gặp rắc rối chứ?”

* * *

Gary Lynch hướng mắt nhìn ra những nóc nhà thấp của Washington từ cánh cửa sổ rộng mở nơi góc văn phòng. Chỉ một tuần nữa là đến Giáng sinh nhưng anh không thể nghĩ đến chuyện mua sắm cho gia đình. Anh cảm thấy có điều gì đó rất quan trọng sẽ được tiết lộ trong cuộc điều tra về Ngân hàng Leu. Cuối tuần trước, Lynch đã nhận cuộc điện thoại lạ lùng từ Harvey Pitt, một mực muốn gặp anh. Lynch biết Pitt là một cựu chuyên viên của Ủy ban Chứng khoán; anh từng làm việc dưới trướng của Pitt khi anh này là tổng cố vấn cho Ủy ban Chứng khoán. Anh biết Pitt sẽ không đòi gặp trưởng ban thi hành của Ủy ban Chứng khoán trừ khi có điều quan trọng muốn tiết lộ.

Ngày 17 tháng Mười hai, Pitt và Rauch đến văn phòng của Lynch lúc 11 giờ trưa. Lynch đã mời đến những luật sư tham gia tích cực nhất vào vụ này của Ủy ban Chứng khoán: Sturc, Wang, Sonnenthal và Paul Fischer. Lynch bắt tay Fried, đại diện của Frank, và hướng dẫn mọi người ngồi quanh chiếc bàn họp trong văn phòng.

“Các vị đang nghĩ gì?” Lynch bắt đầu một cách tự nhiên.

Pitt mở một tập tài liệu và bắt đầu đọc những ghi chú đã được viết sẵn. Anh ta bắt đầu bằng việc tóm tắt ngắn gọn tình hình những cuộc thương lượng dựa trên danh nghĩa Ngân hàng Leu. Sau đó, bất ngờ tuyên bố:

“Tôi không thể tiếp tục những gì mình đã trình bày với các vị được nữa.”

Fischer gần như nổi giận đùng đùng. “Gì cơ? Có nghĩa là chúng tôi đã lãng phí rất nhiều thời gian. Anh đã trình bày rất chi tiết…”

Pitt để Fischer tiếp tục, sau đó đưa ra một cách tế nhị nhất một trình bày mang tính giả thuyết, Pitt cho rằng các luật sư của Ủy ban Chứng khoán nên “giả sử” việc giao dịch những cổ phiếu khả nghi không bắt đầu từ Meier như anh ta đã trình bày mà từ một khách hàng nào đó của ngân hàng, được gọi là “tay chơi đẳng cấp”

trên Phố Wall. Anh ta biết điều này sẽ kích thích trí tò mò của các chuyên viên Ủy ban Chứng khoán. Nếu đó là sự thật, anh ta hỏi, liệu Ủy ban Chứng khoán có đồng ý chỉ truy tố khách hàng đó chứ không truy tố ngân hàng hay bất kỳ viên chức nào của ngân hàng không? Và liệu Ủy ban Chứng khoán có đồng ý như vậy ngay cả khi rõ ràng một vài viên chức ngân hàng đã lợi dụng các giao dịch và có thể đã hủy bằng chứng theo yêu cầu của khách hàng hay không? Nếu được như vậy, Pitt nói, ngân hàng sẽ đề nghị chính quyền Bahamas cho phép tiết lộ danh tính của khách hàng. Rauch nói thêm: Thỏa thuận này còn tùy thuộc vào việc Ban Tư pháp có đồng thời đồng ý không truy tố ngân hàng hay các viên chức ngân hàng vì bất kỳ một tội trạng nào hay không.

Lynch đề nghị Pitt và các cộng sự ra ngoài trong khi anh hội ý với các đồng nghiệp ở Ủy ban Chứng khoán. Đầu tiên, Lynch cần thuyết phục những đồng nghiệp này một chút nhưng Ủy ban Chứng khoán lại không hề muốn dính vào chuyện tranh tụng liên quan đến luật bảo mật của cả Thụy Sỹ và Bahamas. Những lần liều lĩnh tương tự như vậy đều dẫn tới sự sa lầy về pháp lý.

Cuối cùng, tất cả mọi người đều đồng ý với cách của Pitt. Họ nhận thấy "tay chơi đẳng cấp" hẳn phải là một chuyên viên ngân hàng đầu tư hoặc một luật sư, người đứng ở trung tâm của mọi hoạt động nội gián. Đây chính là trường hợp mang tính quyết định mà các luật sư đang mong đợi, là điểm khởi đầu của một vết rạn lớn.

Sau chưa đầy nửa giờ đồng hồ, các luật sư của Fried, Frank được mời trở lại bàn họp. Lynch nói họ có thể đi đến một thỏa thuận mà các bên đều hài lòng. Mặc dù Lynch nói rằng mình khó có thể cam kết dành cho Meier bất kỳ sự miễn trừ nào nhưng Pitt lại kiên quyết bảo vệ tất cả các viên chức của ngân hàng, do đó Lynch đành phải đầu dịu.

Với Pitt, cuộc họp được coi như là thành công bước đầu. Pletscher và Meier đã đưa Ngân hàng Leu đến bên bờ vực thẳm. Điều trớ trêu là: Việc Levine yêu cầu hủy bằng chứng đã tước đi quyền tự bảo vệ của ngân hàng và của cả Levine. Vì không có nguy cơ bị truy tố tại Mỹ về tội cản trở luật pháp, lẽ ra Ngân hàng nên đơn thuần thừa nhận rằng một khách hàng nào đó đã khởi đầu mọi giao dịch và dẫn chiếu luật bảo vệ bí mật của Bahamas để bảo vệ danh tính vị khách hàng đó. Ngân hàng có thể đã không làm gì sai và ít nhất, Ủy ban Chứng khoán sẽ mất vài năm làm việc với các tòa án Bahamas để yêu cầu họ tiết lộ danh tính khách hàng. Nhưng giờ đây, phương án này không còn khả thi vì mọi chứng cứ đã bị hủy hoại và Ngân hàng có khả năng phải hứng chịu tội danh

cản trở pháp luật.

Khi các luật sư lục tục cất tài liệu vào cặp, Wang và Fischer không thể nhịn được liền giục Pitt nêu rõ tên vị khách hàng của ngân hàng. Họ quá tò mò. Nhưng Pitt không định tung ra quân át chủ bài sớm đến vậy.

"Đừng lo, quý vị sẽ câu được một con cá lớn," anh ta trấn an họ.

Đột nhiên Sturc lên tiếng. "Để trả lời cho mong muốn của quý vị, có lẽ đó phải là một con cá voi trắng khổng lồ".

Tòa nhà St. Andrews Plaza là một khu đất khá khiêm tốn phía sau Tòa tháp Municipal cao chót vót của khu Manhattan và Tòa án liên bang trên Quảng trường Foley. Tuy nhiên, khi các luật sư nói về Tòa nhà St. Andrews, họ muốn nhắc tới văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mỹ, từ lâu được xem là nơi nhất, nổi tiếng nhất, danh giá nhất và uy quyền nhất của Bộ Tư pháp. Điều đó một phần là do quyền lực pháp lý của văn phòng này (chịu trách nhiệm thụ lý những vụ án liên bang được khởi tố tại Manhattan, quận Bronx và một số vùng phía nam New York) và quan hệ mật thiết của nó với trung tâm tài chính quốc gia trên Phố Wall. Về mặt lịch sử, nơi đây đã thụ lý rất nhiều vụ án tài chính phức tạp và hóc búa nhất cũng như những vụ phạm tội có tổ chức và vận chuyển ma túy tại New York.

Qua nhiều năm và nhiều đời Bộ trưởng, Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã xây dựng được uy tín về tính cẩn trọng, chất lượng công việc và sự liêm khiết không gì lay chuyển được. Tôn chỉ của văn phòng là: Phương pháp cũng quan trọng như kết quả, ngay cả khi điều đó đồng nghĩa với việc một vài vụ án có triển vọng tốt sẽ không bao giờ được khởi tố tại đây. Ngay cả các trợ lý Bộ trưởng Bộ Tư pháp cũng phải đáp ứng những tiêu chuẩn rất cao. Tại đây, "minh bạch" là khái niệm xa lạ. Rudolph Giuliani đã thừa hưởng truyền thống này khi ông được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mỹ năm 1983. Nhưng chẳng bao lâu ông đã làm rơi rụng phần nhiều truyền thống đó.

Kể từ thời Thomas E. Dewey những năm 1930, cho tới lúc này ở Manhattan mới xuất hiện một Bộ trưởng Bộ Tư pháp như Giuliani, người đã tạo lập được cho mình danh tiếng vang dội khắp nước Mỹ. Khi còn là Thứ trưởng Bộ Tư pháp, vị trí thứ ba trong nấc thang quyền lực của Bộ Tư pháp dưới thời Tổng thống Reagan, Giuliana đã là một trong những người phát ngôn sáng giá nhất của cơ quan này, liên tục xuất hiện trên các bản tin và các

buổi nói chuyện để thuyết trình về vấn đề tội phạm và thi hành luật pháp. Ăn nói lưu loát, mạnh mẽ, và không ngần ngại thể hiện hoài bão, ông đã háo hức đến New York với mong ước để dấu ấn ở đó.

Khi đó, ông phải đối mặt với một văn phòng "xuống cấp" rất cần được củng cố lại. Dưới thời người tiền nhiệm John Martin, Jr., uy tín của văn phòng xuống dốc không phanh. Sự cẩn trọng gần như đã biến thành sự tê liệt. Những điểm nổi trội của văn phòng phai nhạt dần. Giuliani ngay lập tức tập trung cơ sở vật chất và nhân sự của văn phòng sang hai lĩnh vực tội phạm có tổ chức và tội phạm ma túy để thu hút các cơ quan thông tấn, báo chí và nhanh chóng thu được những thành công vang dội. Những thành công này cộng hưởng với tính thích phô trương đặc trưng của Giuliani: Những cuộc họp báo tại Toà nhà St. Andrews trở thành sự kiện hàng ngày. Giuliani thậm chí còn bắt tay vào điều tra đường dây mua bán ma túy "kín" tại quận Bronx. Không có vụ bắt giữ nào nhưng Giuliani biến cuộc đột kích trở thành dịp chụp ảnh, tạo dáng trước ống kính camera trong chiếc áo choàng da đen dài.

Sự phủ sóng của báo chí đã tạo ra hiệu ứng tích cực, dù chỉ là những lời nịnh bợ. Giuliani lập luận rằng sự tồn tại của văn phòng đóng vai trò quan trọng trong việc phòng chống tội phạm. Thật khó có thể phủ nhận những thành công này, bởi lẽ văn phòng của ông đã ghi điểm với hàng loạt vụ án hết sức ấn tượng. Danh tiếng của nó ngày một vang xa.

Giuliani mang đến cho văn phòng một thế giới quan mang màu sắc Công giáo, thậm chí có người còn xem đó là thế giới quan của Chúa, được thể hiện bằng sự phân định rạch ròi giữa đúng và sai, bạn và thù. Ông có thiên hướng đánh đồng tội phạm với tội lỗi, hình phạt với sự hành xác để sám hối, sự hợp tác với sự ăn năn hỗi lỗi. Và ông thể hiện rõ sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro. "Tôi không đảm nhận công việc này để làm những điều an toàn," ông tuyên bố vào năm 1986. "Nếu bạn không thử theo đuổi cái gì, bạn sẽ không bao giờ thất bại. Tôi thà chọn sự thất bại còn hơn."

Các trợ lý Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhanh chóng thích ứng với cơ chế mới, dù không phải ai cũng thực sự thấy thoải mái. Nhiều người như được tiếp thêm sinh lực nhờ cách tiếp cận của Giuliani. Một số khác thì lo lắng. Giờ đây, trước khi đưa ra các quyết định, họ luôn phải thảo luận liệu báo chí sẽ phản ứng ra sao. Người ta dùng từ "cao bồi" để chỉ tinh thần làm việc mới của văn phòng. Xuất phát từ những người theo chủ nghĩa truyền thống, ý nghĩa của từ đó nôm na là "chém trước tâu sau."

Bộ phận chống gian lận đã thể hiện rõ những đổi thay này. Trưởng bộ phận là Peter Romatowski, một công tố viên từng xử vụ Winans, nhưng đã tuyên bố từ chức. Người kế nhiệm Romatowski là công tố viên cộc lốc, tính tình thẳng tanh ta ruột ngựa với thân hình quá khổ Charles Carberry.

Mọi người trong văn phòng đều mến Carberry. Anh chàng thông minh, vui tính và khiêm tốn. Tính thanh liêm không thể hoài nghi và phương pháp làm việc không khoe mẽ của Carberry đã thu hút những người tôn thờ chủ nghĩa truyền thống. Giống như Giuliani, anh này là sản phẩm của trường lớp Công giáo và có cách nhìn nhận về tội ác và sự trừng phạt tương đồng với sếp mới. Carberry lớn lên tại New York, bỏ giữa chừng khi đang theo học Đại học Colgate và cuối cùng tốt nghiệp Đại học St. John ở Queens. Anh từng là biên tập viên tạp chí luật tại Trường Luật Fordham nhưng bị từ chối khi lần đầu nộp đơn vào văn phòng Bộ Tư pháp. Anh đã làm việc một năm tại Skadden, Arps trước khi được nhận vào văn phòng trong lần nộp đơn thứ hai.

Lần đầu tiên nói chuyện với Lynch về cuộc điều tra tại Ngân hàng Leu sau khi Meier ra hầu tòa, Carberry không quan tâm lắm. Giao dịch nội gián không phải là ưu tiên của Giuliani. Thực ra, quy mô của bộ phận chống gian lận chứng khoán đã thực sự bị thu nhỏ khi Giuliani chuyển một số trợ lý sang bộ phận chống tội phạm có tổ chức. Nói chung, Carberry hầu như hết sức thất vọng với kết quả điều tra các giao dịch nội gián của Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Trong vụ việc liên quan tới chuyên viên ngân hàng đầu tư Morgan Stanley, Tòa phúc thẩm đã đưa ra lý lẽ: một chuyên viên ngân hàng đầu tư hoặc người được ủy thác làm rò rỉ thông tin mật cho bất cứ người nào thực sự thực hiện giao dịch sẽ bị truy tố về tội giao dịch nội gián. Đây thực sự là một bước tiến nhưng Carberry cho rằng phần lớn những kẻ bị kết tội chỉ là những nhân viên "bình phong", hầu hết chỉ là nhân viên văn thư hay đánh máy quèn tại các công ty luật và ngân hàng đầu tư. Carberry thông hiểu luật chứng khoán và thị trường chứng khoán tới mức không có đối thủ cạnh tranh tại văn phòng Bộ Tư pháp. Dù biết giao dịch nội gián đang ngày càng làm mưa gió nhưng anh ta vẫn nghĩ nên để Ủy ban Chứng khoán tự xử lý việc này.

Tuy nhiên, vụ Ngân hàng Leu lại gợi lên mối quan tâm trong Carberry. Có vẻ như đây là một sự xâm phạm bí mật có tính hệ thống, một mối đe dọa những nguyên tắc cơ bản của sự minh bạch trên thị trường. Một vài tuần sau khi gặp gỡ Ủy ban Chứng khoán, Harvey Pitt và các cộng sự đã tới thăm Tòa nhà St. Andrews để thảo luận về các góc độ của vụ việc. Romatowski,

Carberry và các luật sư của Ngân hàng Leu đến chật văn phòng của Romatowski – nơi chẳng bao lâu Carberry sẽ được thừa hưởng. Căn phòng bị choán bởi một chiếc bàn gỗ sồi cũ được truyền lại từ trưởng bộ phận này sang trưởng bộ phận khác. Các công tố viên lắng nghe Pitt và các luật sư của Ủy ban Chứng khoán sau đó thảo luận vụ việc với nhau.

Các công tố viên không nhận thấy việc miễn trừ cho ngân hàng đem lại quá nhiều rủi ro, và đó cũng chính là những gì Pitt muốn. Họ có thể bị chỉ trích, nhưng họ biết nếu không có sự hợp tác của ngân hàng, sẽ mất nhiều năm để xác định được danh tính vị khách hàng then chốt – nếu không muốn nói là sẽ không bao giờ xác định được. Họ sẽ hầu như không thể xâm nhập vào trung tâm của hệ thống giao dịch nội gián nhanh đến thế. Và họ bị thuyết phục, bởi những điều Pitt nói, rằng việc chống lại khách hàng quan trọng hơn nhiều so với việc chống lại ngân hàng. Giuliani ủy quyền cho họ thương lượng việc miễn trừ, giống như các quan chức Bộ Tư pháp tại Washington từng làm. Carberry đề nghị Pitt và Lynch tiếp tục thực hiện thỏa thuận của hai bên.

Việc thương lượng một thỏa thuận giữa ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán kéo dài nhiều tháng trời. Ủy ban Chứng khoán nhất quyết muốn bổ sung vào đó điều khoản vô hiệu hóa thỏa thuận nếu ngân hàng, vì bất kỳ lý do gì, không xác định được danh tính khách hàng của mình. Pitt lại lập luận ngân hàng rằng sẽ nỗ lực "hết mức" và nếu nhà chức trách Bahamas không cho phép tiết lộ bất cứ điều gì, thì họ cũng không thể vì đó mà mất quyền miễn trừ. Nhưng cuối cùng, Ủy ban Chứng khoán đã thắng thế.

Sau đó, hồ sơ giao dịch của tài khoản Kim cương được đưa ra xem xét và phân tích. Pitt buộc phải xác nhận danh tính ông X. Anh ta biết đó là Dennis Levine, song không chắc canh ta đó chính là chuyên viên ngân hàng đầu tư Drexel, Dennis Levine. Theo gợi ý của Rauch, nhân viên của Pitt tiến hành một cuộc điều tra mở rộng tìm kiếm những thông tin chung hoặc một tấm hình giúp xác nhận danh tính khách hàng nhưng cuối cùng không thu được kết quả gì. Pitt không muốn liên lạc với Drexel, e sợ rằng cuộc điều tra sẽ làm kinh động công ty này. Cuối cùng nhân viên của anh ta cũng tìm được một cuốn Niên giám của hãng Lehman Brothers cũ với tấm hình Levine. Pitt cho nhân viên tạo ra một xấp ảnh liên tiếp bao gồm tấm ảnh Levine và hàng loạt ảnh của người khác. Pitt đem xấp ảnh đến Bahamas và nhờ các nhân viên có bất kỳ tiếp xúc nào với Levine xem qua xấp ảnh. "Bạn có thể xác định Ngài Kim cương không?," anh hỏi. Không ngoài dự đoán, họ đều chỉ vào tấm ảnh của Levine.

Ủy ban Chứng khoán cũng muốn lấy lời khai của Meier để củng cố bằng chứng của mình trong việc chống lại ông X trong tương lai. Từ khi có trát hầu tòa tại Waldorf và chứng kiến mức độ ngày càng tăng cao của cuộc điều tra, lo lắng về mối quan hệ với Campbell và những giao dịch của chính hắn, Meier đã tìm cách trở lại Thụy Sỹ. Anh ta sống tại ngoại ô Zurich. Bị Pitt gây áp lực yêu cầu cung cấp một cam kết bằng văn bản để chứng thực, Meier rất sợ hãi. Anh ta cho biết cần tham khảo ý kiến luật sư riêng.

Cuối tháng Hai, Pitt nhận thấy rõ ràng Meier, kẻ tưởng chừng có thể an tâm ẩn náu ở xứ Thụy Sỹ xa xôi đã sa lầy. Cuối cùng, Pitt gửi cho Meier một tối hậu thư. "Xem nào," Pitt nói, "anh có thể tùy ý tham gia thỏa thuận này. Chúng tôi đã chuẩn bị sẵn các phương án có hoặc không có anh." Pitt nhắc nhở Meier rằng anh ta có nguy cơ mất quyền được miễn trừ. Meier vẫn thoái thác nhưng sau đó lại nhờ luật sư gọi điện. Cơ hồ Meier muốn nuốt lời.

Ban đầu, các luật sư của hãng Fried, Frank chết lặng người. Tại sao Meier lại từ chối hợp tác dù biết mình sẽ được hưởng quyền miễn trừ nếu chịu cung khai trong một, hai ngày? Câu trả lời dường như nằm trong việc chuyển 5.000 đô-la bí ẩn đến ngân hàng Catskill mà Meier đã yêu cầu Pletscher xóa khỏi hồ sơ giao dịch của mình. Số tiền có vẻ được dùng để chi trả cho một thợ mộc tại thị trấn nhỏ Delhi, New York, người đã giúp sửa chữa một số tòa nhà của hãng Kevin Barry. Dường như đây chính là mối liên hệ giữa Meier và BCM, ngoài ra còn có giao dịch giữa Campbell và Barry – tất cả những thứ không được bảo vệ bởi quyền miễn trừ của Ngân hàng Leu và cũng là điều Meier chưa từng tiết lộ với Pitt. Meier chưa bao giờ hoàn toàn tin tưởng các luật sư Mỹ và hệ thống tư pháp nơi họ đang thực hiện chức năng của mình.

May mắn thay, Pletscher, khi đó đang ở London, đã bị triệu tập để thay thế. Lynch cuối cùng đạt được cuộc thương lượng và nói rằng anh ta muốn "dừng quá trình đầy mê hoặc này lại" để đạt được thỏa thuận. Thỏa thuận được ký vào 10 giờ đêm ngày 19 tháng Ba. Cùng với nó là yêu cầu lật lại các hồ sơ ngân hàng trong một ngày sau đó và yêu cầu Pletscher cung cấp lời khai trong vòng hai tuần tới.

Carberry cùng đoàn luật sư của Ủy ban Chứng khoán gồm Wang, Sonnenthal và Fischer bay đến London để gặp Pletscher tại văn phòng chi nhánh London của hãng Fried, Frank. Trong suốt hai ngày liền, Pletscher phải khai báo những gì mình biết. Anh ta tỏ ra thẳng tanh ta hơn nhiều so với cách Meier lảng tránh và giữ kẽ. Pletscher miêu tả chi tiết nỗi ám ảnh của "Ngài Kim cương" về

tính bảo mật, thái độ của anh ta khi mở tài khoản, sự ra đời của tập đoàn Panamanian, các giao dịch trước khi các vụ bỏ thầu thâu tóm được tiến hành, những phiếu rút tiền mặt, và cả việc những giấy tờ minh chứng cho tội lỗi đã bị xé vụn. Pletscher, một kế toán được đào tạo bài bản, đã chứng tỏ trí nhớ chính xác. Dù không bao giờ tiết lộ tên thật của Ngài Kim cương mà chỉ nhắc đến với bí danh "Ông X", Pletscher cho biết đó là một chuyên viên ngân hàng đầu tư sống tại Thành phố New York. Ủy ban Chứng khoán đã có được điều họ muốn. Thậm chí cả Carberry cũng ấn tượng vì sự tiến triển quá nhanh của vụ này.

Tất cả những gì còn vướng mắc là làm sao xác định được danh tính ông X. Pitt hướng sự chú ý của mình tới vấn đề bảo mật tại Bahamas. Nhiều khả năng Ngân hàng Leu sẽ không dễ dàng tiết lộ tên Levine. Levine đã đe dọa sẽ kiện nếu họ dám làm vậy; ngân hàng cũng có nguy cơ bị các cơ quan công quyền Bahamas gây khó dễ.

Các luật sư của hãng Fried, Frank lựa chọn một chiến lược liều lĩnh: Họ sẽ tiếp cận trực tiếp Bộ trưởng Bộ Tư pháp Bahamas Paul Adderly nhằm tránh mọi sự công khai và trì hoãn khi tìm cách xin được lệnh tòa án. Ngày 7 tháng Năm, một đoàn đại biểu từ Ủy ban Chứng khoán và Bộ Tư pháp cùng với Đại sứ Mỹ tại Bahamas, Pitt, Rauch và một số luật sư Bahamas đã có mặt tại văn phòng của vị Bộ trưởng này để thương thuyết. Adderly tỏ ra rất vui mừng trước sự hiện diện của các đại biểu cấp cao đại diện cho chính phủ Hoa Kỳ nhưng ông cũng khiến Pitt giận sôi máu khi cho anh ta và Rauch ra rìa.

Tuy vậy, phương pháp mà họ thực hiện có vẻ đã tạo được ấn tượng tốt. Lynch lập luận rằng về mặt kỹ thuật việc tiết lộ các hồ sơ giao dịch chứng khoán không phải là sự tiết lộ "các giao dịch ngân hàng" theo cách hiểu của đạo luật bảo mật Bahamas. Lý lẽ phân biệt cổ phiếu với những loại tiền gửi và tiền rút khác có vẻ hơi quanh co nhưng tự nó đủ sức bảo vệ Ngân hàng Leu. Vị Bộ trưởng Bộ Tư pháp lập tức thể hiện sự đồng tình. "Đây không phải giao dịch ngân hàng mà là vấn đề môi giới," ông ta nói và Lynch háo hức tán đồng.

Hai ngày sau, Pitt nhận được bản sao lá thư thể hiện ý kiến của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Bahamas rằng việc tiết lộ danh tính khách hàng của Ngân hàng Leu sẽ không bị chính quyền làm khó dễ. Ban giám đốc Ngân hàng Leu lập tức họp và thông qua nghị quyết cho phép tiết lộ.

Những mảnh ghép giờ đây đã được đặt đúng chỗ. Thứ Sáu ngày 9 tháng Năm năm 1986, Pitt nhấc điện thoại gọi cho Lynch. Lynch bắt máy ngay lập tức. Pitt không hề lãng phí thời gian cho lời mào đầu dài dòng nào hết.

"Con cá voi chính là Dennis B. Levine."

* * *

Thứ Sáu, ngày 9 tháng Năm năm 1986, chỉ vài giờ sau khi danh tính được truyền từ Pitt sang Lynch, Levine đến tháp Gulf + Western ở Manahattan dự tiệc buffet tối và lễ ra mắt bộ phim mới của hãng Paramount, Top Gun, với sự tham gia của ngôi sao điện ảnh Tom Cruise. Levine được mời vì anh ta từng là đại diện của Esquire Inc. và giúp Gulf + Western thâu tóm hãng này. (Thực ra, anh ta đã giao dịch bằng thông tin nội gián trong phi vụ đó.)

Thông thường, đây là kiểu sự kiện hấp dẫn mà Levine ưa thích, một buổi gặp gỡ cho thấy sự gần gũi của anh ta với giới thượng lưu giàu có và quyền lực, giúp anh ta có cơ hội được nói chuyện phiếm với người đứng đầu các tập đoàn lớn như Martin Davis. Tuy nhiên, tối đó Levine bị ám ảnh bởi những giao dịch ngày càng phiền toái với Ngân hàng Leu. Một ngày trước đó, anh ta đã gọi cho Pletscher nhưng Pletscher không bắt máy mà chuyển cho một nhân viên cấp thấp hơn, Andrew Sweeting.

"Tôi muốn chuyển 10 triệu đô-la từ tài khoản của mình tới một ngân hàng ở Cayman Islands," Levine nói.

Sweeting nói lan man rằng anh ta không nắm rõ thủ tục chuyển những khoản tiền lớn đến vậy. Levine tức tối nói sẽ nhờ luật sư tại Bahamas liên lạc với anh ta để hướng dẫn. Khi Levine gọi lại, Sweeting một mực đòi phải có hướng dẫn bằng văn bản. Thế đấy. Đó là cách Ngân hàng Leu đối xử với anh ta. Levine thề việc đầu tiên anh ta làm vào thứ Hai tới là viết lệnh rút tiền gửi tới ngân hàng và ngừng làm ăn với những nhân viên Thụy Sỹ đang ngày càng kém hợp tác.

Yêu cầu của Levine không khiến các luật sư Fried, Frank hay ngân hàng hoàn toàn bất ngờ. Khi cuộc gọi của Levine được chuyển cho Sweeting, Pitt và Rauch đang đứng ngay sau chàng nhân viên ngân hàng trẻ tuổi. Họ yêu cầu anh ta tìm cách ngăn chặn nếu Levine cố rút tiền.

Nhiều tháng nay, Levine trở nên lo lắng hơn nhiều khi cuộc điều tra của Ủy ban Chứng khoán liên tục mở rộng còn các viên chức

Ngân hàng Leu lại thất bại trong việc đánh lạc hướng điều tra. Anh ta cũng luôn báo cho Pletscher biết "kế hoạch thiên tài" mới mà anh ta đang ngấm ngầm dự định. Pletscher không nắm được hết mọi chi tiết nhưng sự sáng tạo của Levine có vẻ giống việc thành lập một quỹ tương hỗ. Levine sẽ quyên tiền, chia thành nhiều tài khoản trao cho các chuyên viên ngân hàng Thụy Sỹ quản lý, sau đó tất cả số tài khoản đó sẽ giao dịch dựa trên những thông tin nội gián anh ta thu thập được. Kế hoạch này "thiên tài" ở chỗ, như Levine quả quyết, nó sẽ cung cấp đủ số tài khoản cần thiết để thuyết phục Ủy ban Chứng khoán rằng giao dịch được dàn xếp bởi một chuyên viên ngân hàng với đầu óc chứng khoán nhạy bén hơn là một kẻ giao dịch nội gián. Gần đây, Levine cũng đã nói bóng gió rằng "kế hoạch thiên tài" có thể sẽ được thực thi ở một ngân hàng nào đó không phải là Ngân hàng Leu.

Giờ thì, gần như bằng giác quan thứ sáu, Levine đã quyết định thu hồi tiền của mình khi cuộc điều tra của chính phủ sắp tới hồi đỉnh điểm. Với sự tiết lộ về danh tính ông X và thông tin rằng Levine đang cố gắng rút tiền, Lynch biết anh và văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mỹ không còn nhiều thời gian để hoang phí nữa. Họ không thể để 10 triệu đô-la ra khỏi Bahamas, nếu không họ sẽ mất nó mãi mãi.

Lynch gọi cho Carberry, Carberry lại nhờ cậy đến Thomas Doonan, một điều tra viên chức vụ phó cảnh sát trưởng đặc biệt, được cử đến đơn vị chống gian lận. Doonan, ở vào tuổi cuối 40, trông như một võ sỹ quyền anh nghiệp dư. Bảy người thân của anh đều làm việc trong lĩnh vực thực thi luật. Anh và các luật sư chạy đua với thời gian qua cả cuối tuần, thảo đơn thỉnh nguyện ra lệnh huấn thị dân sự nhằm phong tỏa tài sản của Levine, chuẩn bị cho lệnh bắt giữ. Để đơn giản, lệnh bắt giữ sẽ chỉ tập trung vào hành vi cản trở pháp luật, vì chính phủ đã có lời khai rõ ràng của nhân chứng Pletscher cung cấp đủ cho một vụ bắt bớ. Các luật sư tóm tắt sự việc với Doonan, sau đó Doonan ký một bản tuyên thệ sẽ trình bày toàn bộ sự thật trong vụ này.

Thứ Hai ngày 12 tháng Năm, văn bản của Levine yêu cầu chuyển 10 triệu đô-la được gửi tới Ngân hàng Leu và Ủy ban Chứng khoán nhanh chóng xuất trình lệnh huấn thị. Ngân hàng phong tỏa khoản tiền. Carberry và Doonan ra đi trước khi Chánh án Tòa án Liên bang ký lệnh bắt giữ. Doonan, theo sau là Augie Kaufman, vị cảnh sát trưởng Liên bang có chiều cao gần hai mét, ngay lập tức tìm bắt Levine.

Đầu tiên, hai người tới căn hộ của Levine trên Đại lộ Park. Vợ hắn,

Laurie, mở cửa, tái mét khi Doonan giới thiệu anh và Kaufman đến từ Bộ Tư pháp. Laurie cho biết Levine đi vắng nhưng cô hứa sẽ tìm chồng và nhắc Levine liên lạc với văn phòng luật sư.

Ngay lập tức họ tới văn phòng Drexel ở trung tâm thành phố nhưng Levine cũng không ở đó. Các cảnh sát trưởng được cho biết Levine đang gặp gỡ khách hàng của Drexel, Ronald Perelman, tại văn phòng địa ốc của Perelman. Nhưng văn phòng này lại cho biết Levine không hề tới đây. Doonan trở lại Tòa nhà St. Andrews. Có lẽ cô vợ của Laurie đã cảnh báo hắn. Thông tin về Levine ngay lập tức được nhập vào cơ sở dữ liệu của Hải quan Mỹ. Nếu tìm cách bỏ trốn, ắt hẳn anh ta sẽ bị chặn lại.

Các sự kiện giờ diễn biến với tốc độ chóng mặt. 2 giờ chiều, Lynch lịch sự nhấn nút gọi cho Fred Joseph và được thư ký cho biết Trưởng ban thi hành của Ủy ban Chứng khoán đang chờ trên đường dây khẩn cấp. Joseph yên lặng lắng nghe trong khoảng 10 phút khi Lynch tiết lộ rằng, theo nhận định của Ủy ban Chứng khoán, Levine đã giao dịch với khối lượng cổ phiếu lớn nhờ thông tin nội gián ăn cắp từ Drexel và nhiều nơi khác. Rõ ràng Levine đã tập hợp được một nhóm những kẻ buôn bán thông tin quanh mình và thậm chí anh ta còn mua thông tin từ các chuyên viên ngân hàng đầu tư khác. Ủy ban Chứng khoán sẽ đệ trình lời cáo buộc và thỉnh thị lệnh huấn thị ngay lập tức. Lynch nói thêm rằng các cáo buộc sẽ được đưa ra ngay sau khi Levine bị bắt.

Joseph rất choáng váng. “Gary, có vẻ anh đã tóm được Levine,” ông nói. “Nếu anh ta làm thế thì thật khủng khiếp. Tôi có thể giúp được gì? Chúng tôi sẽ toàn tâm hợp tác.”

Theo yêu cầu của Lynch, Joseph ra lệnh niêm phong văn phòng, bàn ghế và hồ sơ của Levine. Joseph gọi cho Kay ngay lập tức. “Họ sắp bắt Dennis,” ông nói với viên cố vấn đang hết sức choáng váng. Kay gọi tới văn phòng Perelman và cũng được cho biết rằng Levine không hề tới buổi gặp. John Shad, chủ tịch Ủy ban Chứng khoán, gọi cho Joseph ngay sau đó.

“Tôi rất tiếc đó lại là người của anh,” Shad nói.

“Đừng nói vậy,” Joseph trả lời. “Đó là công việc của anh. Chúng tôi thường tiên liệu rằng điều tương tự thế này có thể sẽ xảy ra và không ai có thể biết trước điều gì.”

Ngay sau đó thì thông tin được phát tán. Đúng 2 giờ 46 phút chiều, chuông điện thoại đồng loạt reo lên tại tất cả các công ty

môi giới, sàn giao dịch và các phòng thông tin trên khắp nước Mỹ, khi dòng tít xuất hiện trên báo.

Levine lộ diện một lúc sau đó vào buổi chiều, anh ta gọi cho Kay từ một bốt điện thoại công cộng. Anh ta phải nói to để cho đầu bên kia nghe được trong tiếng xe cộ ồn ào.

"Dennis, họ đang tìm anh," Kay nói, đầu óc quay cuồng với những câu hỏi.

"Tôi biết, tôi biết," Levine hét lên. "Tất cả chỉ là hiểu lầm. Họ đang tìm cách lợi dụng tôi, hủy hoại tôi. Tôi không có cơ hội nào để giải thích. Tôi đã không làm gì sai."

"Dennis, im đi, không được nói nữa," Kay khuyên. "Anh cần phải mời luật sư."

"Ai?" Levine hét lên. Pitt rõ ràng là không thể.

Kay điểm lại từng cái tên Flom, Lipton, và Arthur Liman (của hãng Paul, Weiss, Rifkind, Wharton & Garrison), những người anh biết sau buổi thảo luận về sáp nhập. Ngay sau khi Levine cúp máy, Kay gọi cho Joseph. "Dennis nói đó là một hiểu lầm."

"Thằng đó là một đống thối tha," Joseph trả lời.

Khoảng 5 giờ 30 tối hôm đó, khi điện thoại của Doonan đổ chuông, Doonan và Carberry vẫn chưa ra khỏi văn phòng.

"Tôi là Dennis Levine. Tôi tin các anh đang tìm tôi và tôi nghĩ tốt hơn hết chúng ta nên gặp nhau," Levine nói, có vẻ khá điềm tĩnh so với tình thế khi đó. "Tôi biết các anh có trát hầu tòa hoặc cái gì đó cho tôi," Levine nói thêm.

Doonan thúc giục Levine tới Tòa nhà St. Andrews càng sớm càng tốt. Bất chấp tuyên bố hành động của Ủy ban Chứng khoán, Levine vẫn lên kế hoạch dự một buổi tiệc khiêu vũ từ thiện để gây quỹ cho Bệnh viện Núi Sinai tối hôm đó đồng thời ghé qua văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mỹ.

Levine tự lái chiếc BMW tới thay vì chiếc Testarossa rất dễ gây chú ý. Anh ta đỗ xe bên lề con đường gần như hoang vắng gần văn phòng. 7 giờ 30, anh ta ký tên tại cổng vào.

Doonan gặp anh ta tại khu tiếp đãi trên tầng và hộ tống anh ta tới gặp Carberry, đang ngồi sau chiếc bàn khổng lồ trong văn phòng

riêng. Sonnenthal, luật sư của Ủy ban Chứng khoán, cũng mới từ Washington tới và đứng gần đó. Đối lập với những bộ quần áo nhàu nhĩ quen thuộc của Carberry, Doonan và Sonnenthal, Levine lịch thiệp trong bộ vest đen Âu châu rất phong cách, chiếc cà vạt Hermès màu vàng và đôi giày da hiệu Gucci. Levine mỉm cười thân thiện, bắt tay Carberry như thể anh ta đang được giới thiệu với một khách hàng tiềm năng.

Doonan nhanh chóng cắt ngang. "Tôi có lệnh bắt giữ dành cho anh. Levine, anh đã bị bắt!"

"Anh được quyền giữ im lặng," Carberry bắt đầu cất giọng khi Levine tái mặt vì quá choáng váng. Doonan ra lệnh cho anh ta cúi xuống phía trước, để thẳng hai tay trên bàn Carberry. Levine răm rắp làm theo như một cái máy. Doonan rà soát người Levine và yêu cầu anh ta bỏ mọi thứ trong túi ra. Sau đó, Carberry bày ra một số giấy tờ của Ngân hàng Leu có cả chữ ký của Levine và ra hiệu cho Levine xem qua. Levine nhận ra, trái với chỉ dẫn của anh ta, Meier và Pletscher đã không hủy tất cả những giấy tờ liên hệ của Levine với tài khoản đó.

"Anh có muốn hợp tác không?," Carberry hỏi. Levine nói muốn nói chuyện với luật sư. Doonan dẫn Levine tới chỗ điện thoại ở khu vực tiếp khách và đứng cạnh khi anh ta gọi cho Arthur Liman, cái tên mà anh ta còn nhớ được sau cuộc nói chuyện với Kay trước ngày hôm ấy. Levine biết đến Liman từ vụ Revlon, khi đó Liman đại diện cho Revlon.

Chợt Levine sửng sốt quay về phía Doonan, tay vẫn cầm ống nghe. "Chuyện gì đang diễn ra nữa đây?" Levine hỏi. "Chuyện quái gì đang xảy ra với tôi thế?"

"Anh đã bị bắt," Doonan nói lại.

"Tôi bị bắt, ơn Chúa," Levine nhắc lại vào điện thoại.

Ngay sau khi Levine cúp máy, Liman gọi cho Carberry, yêu cầu anh thả Levine trong tối nay. Carberry từ chối, giải thích rằng Levine có thể yêu cầu bảo lãnh khi có lời buộc tội chính thức ngày hôm sau. Carberry không muốn chuốc lấy bất cứ rủi ro nào. Việc bắt giữ các doanh nhân nổi tiếng bị truy tố "tội phạm cổ cồn trắng" thường rất cầu kỳ vì kẻ bị cáo buộc thường đầu hàng vào một thời điểm thích hợp và sau đó lập tức yêu cầu được bảo lãnh. Carberry cảm thấy những tên tội phạm cổ cồn trắng quá được nuông chiều, trái ngược một cách lồ lộ với cách đối đãi đối với

những kẻ ít tiền hơn bị truy tố vì những tội lỗi trần tục hơn. Và anh cảm thấy mối nguy hiểm thực sự: Levine có thể sẽ bỏ trốn.

Gần nửa đêm Doonan mới hoàn thành thủ tục và dẫn Levine về Trung tâm Cải huấn Metropolitan, trại giam nằm kề bên Toà án Hoa Kỳ trên Quảng trường Foley.

Mối lo lắng chính của Levine có vẻ là chiếc BMW của mình. Anh ta nói với Doonan rằng anh ta không muốn để chiếc xe qua đêm ngoài đường. Doonan đành lấy chìa khóa và lái chiếc xe về gara gần đó. Chưa bao giờ anh lái một chiếc xe đắt tiền đến vậy.

Tại Trung tâm Cải huấn Metropolitan, Doonan ký một mẫu đơn hứa sẽ đón Levine vào 9 giờ sáng hôm sau. Levine được dẫn đi và tống vào một buồng giam, bạn chung phòng với anh ta đêm đó là hai tên bị kết tội buôn ma tuý. Sáng hôm sau, Levine trở nên mệt mỏi, u sầu và Doonan không lấy làm hề ngạc nhiên. Theo kinh nghiệm của ông, rất ít người ngủ được trong đêm đầu tiên tại Trung tâm Cải huấn.

* * *

Wilkis cố chôn vùi mối bận tâm về Levine bằng cách tập trung vào công việc của mình tại E. F. Hutton. Anh ta đã có thể tự mình đứng ra dàn xếp một số thương vụ tương đối nhỏ, và Trưởng bộ phận M&A, Daniel Good, chỉ còn thiếu nước hứa với Wilkis rằng anh ta sẽ được bổ nhiệm vào vị trí giám đốc điều hành nếu Daniel được đề bạt vào năm đó. Tuy nhiên, dưới sự chỉ bảo của Levine, Wilkis đã biết cách tìm đòn bẩy cho thành công của bản thân. Thông qua một tay săn đầu người, anh ta đã thương lượng với hai ngân hàng đầu tư khác, cả hai đều mời anh về làm giám đốc điều hành. Phố Wall đang khát những chuyên viên ngân hàng đầu tư dày dạn kinh nghiệm như Wilkis.

Khi thông tin về vụ bắt giữ Levine lộ ra vào ngày 12 tháng Năm, Wilkis đang ngồi trên một chiếc taxi hướng về sân bay La Guardia để kịp chuyến bay tới Omaha. Khi đến sân bay, anh ta gọi cho tay săn đầu người. Giống như bất cứ ai khác trên Phố Wall, chiều hôm ấy, người đó không thể nói chuyện gì khác ngoài chuyện của Dennis Levine.

“Có thể thông tin bắt đầu rò rỉ từ Drexel,” đầu dây bên kia nói đầy hào hứng.

Wilkis rất choáng váng dù đó là điều anh ta đã nhiều lần hình dung trong đầu. Anh ta bay đến Omaha nhưng không thể nào xua

đuổi được cảm giác ấy và không thể tập trung vào bất cứ việc gì. Tối hôm ấy, Wilkis gọi điện cho vợ, Elsa. Cô cho biết đã nhìn thấy Levine vào buổi chiều. Levine đi đón con trai ở Trường Episcopal, một trường tư thục biệt lập tại Manhattan, nơi con Wilkis cũng đang theo học. Levine đã lịch thiệp chào cô, vừa len vào đám đông những bà mẹ đi đón con vừa kêu lên: "Tôi bị mắc kẹt rồi." Trông Levine có vẻ đang rất vui vẻ với cảm giác đột ngột bị vây quanh. Điều Elsa vừa nói còn nhiều hơn những gì Wilkis cần biết. Levine có nhận ra rằng cuộc sống của họ đang bị đe dọa hay không? Anh ta cảm thấy mình cần quay lại và nói chuyện với Levine.

Đưa ra lời cáo ốm, Wilkis nhanh chóng rời Omaha để bay trở về New York ngay ngày hôm sau. Anh ta lập tức gọi điện cho Levine, kẻ đang bị buộc tội nhưng luôn biện hộ mình vô tội, và đưa ra 5 triệu đô-la tiền bảo lãnh ngay sáng hôm đó. Wilkis đã nộp 100.000 đô-la tiền mặt và thế chấp căn hộ cùng cổ phần của mình tại Drexel.

"Cậu nên đến đây ngay," Levine nói.

Wilkis bắt một chiếc taxi tới căn hộ của Levine. Laurie mở cửa, trông cô như thể không hề chợp mắt suốt đêm, mắt mũi đỏ lựng và sưng húp vì khóc nhiều. Ngược lại, Levine vẫn ăn vận như thường trong bộ quần áo thể thao, cười rất tươi, thậm chí còn có phần hào hứng.

"Chúa ơi! Bob, anh có thể tưởng tượng được không? Họ đã ném tôi vào tù. Vì Chúa, sổ ghi chép và nhật ký điện thoại của tôi kín đặc tên Ivan Boesky! Tôi có hàng trăm câu chuyện để ba hoa khoác lác!" Có vẻ Levine đã ngấm ngầm lên kế hoạch.

"Anh phải kiếm một luật sư ở Cayman Islands để tuyên bố ông ta sở hữu tài khoản đó," Levine bắt đầu, nhưng Wilkis không để ý.

"Đã quá muộn rồi Dennis," anh cầu xin Levine. "Anh không nhận ra điều gì sao? Tất cả đã chấm hết."

Wilkis đã có một tuần như thể bị tra tấn, không thể ngủ, không thể tập trung làm việc, không ăn uống được gì. Anh ta không nói gì với vợ về sự liên can của mình nhưng cô biết rõ anh ta và Levine có quan hệ mật thiết thế nào. Cô khăng khăng yêu cầu chồng phải tìm một luật sư và Wilkis lập tức gọi cho người anh họ đang làm cho một công ty hàng đầu tại Baltimore, Piper & Marbury. Wilkis không nói toàn bộ sự thật mà chỉ thừa nhận rằng mình đã có những "giao dịch" mờ ám với Levine và điều đó khiến anh ta lo

lắng. Người anh họ sắp xếp cho Wilkis gặp một luật sư tại New York vào thứ Ba.

Trong khi đó, trái với phán đoán, Wilkis đồng ý gặp Levine vào thứ Hai. Để đảm bảo họ không bị nghe lén, hai người gặp nhau tại gara phía Đông số Phố 56 nơi Wilkis để xe. Họ lên xe và lái đi vô định. Wilkis vẫn sững sờ tới mức đến khi bị cảnh sát tuýt còi anh ta mới biết mình đang lái xe với tốc độ chỉ gần 24 km một giờ.

"Trông anh thảm hại quá," Levine bắt đầu tươi cười. "Tôi mới là người đã ở tù đấy chứ nhưng trông anh còn tệ hơn cả tôi. Không có gì phải sợ hết," Levine tiếp tục. "Sẽ không hề gì miễn là anh nổi tiếng." Ạnh ta đã rất ấn tượng khi tờ The Wall Street Journal chạy một cái tít về mình ngay trên trang đầu tiên cùng với hình minh họa do một họa sĩ vẽ vào thứ Năm tuần trước. Levine bảo Wilkis lái xe về phía vệ đường gần một quầy bán báo nơi góc phố và nhảy ra khỏi xe.

"Nghe nói tôi đã được lên trang bìa của Newsweek," anh ta liến thoắng và sau đó khoa chân múa tay huyên thuyên về vụ việc mới nhất. Nhưng anh ta cũng ngay lập tức phải thất vọng. Tên Levine được đưa lên trang bìa với tiêu đề Tính tham lam trên Phố Wall nhưng hình minh họa lại thể hiện những bàn tay vơ lấy một đống tiền – không phải Levine. Ảnh của anh ta nằm sâu bên trong tờ tạp chí.

"Tôi đã sẵn sàng tự thú," Wilkis nói khi Levine ngừng nói về tờ tạp chí. "Họ đã biết những gì rồi?"

"Tôi không biết," Levine nói.

"Tên của tôi đã bị lộ chưa?"

Levine lại trả lời không biết và nói thêm, "Đừng kiếm luật sư. Tôi đã có những luật sư giỏi nhất thế giới và chúng ta đang sắp đánh trận này. Tôi bị buộc phải câm như hến. Nếu hé răng, lũ người Nga sẽ tặng tôi một viên đạn vào đầu. Giờ anh không thể kiểm soát được nữa rồi. Anh có thể lo sợ nhưng tôi thì không. Tôi là loại người không bao giờ biết quỳ gối."

Sau đó, Levine hé mở về kế hoạch mới. Levine sẽ ra đầu thú và khai ra Wilkis với vai trò đầu mối cung cấp một số thông tin nào đó nhưng anh ta sẽ giấu đi sự thật rằng Wilkis đã giao dịch bằng thông tin nội gián trên tài khoản ngân hàng nước ngoài của chính mình. "Chúng ta sẽ cùng vào tù. Nhà tù chỉ cũng giống như những câu lạc bộ ở vùng thôn quê. Chúng ta sẽ ở cùng phòng,

cùng chơi tennis và sẽ có làn da rám nắng. Rồi chúng ta sẽ nghỉ hưu tại Cayman Islands và sẽ tiêu tiền của anh," Levine nói.

"Dennis, chuyện này dẫn đến đâu?" Wilkis hỏi trong tuyệt vọng.

Ngày hôm sau, Wilkis gặp vị luật sư được anh họ giới thiệu để thú nhận mọi tội lỗi. "Tôi không muốn chiến đấu," Wilkis nói. Vị luật sư nhanh chóng giới thiệu anh với một luật sư hình sự, Gary Naftalis, cựu trợ lý Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hoa Kỳ và là đối tác tại công ty luật New York: Kamin & Frankel. Wilkis kể với Naftalis toàn bộ câu chuyện, đôi lúc lại nức nở, anh ta nhắc tới cả chi tiết về tài khoản của mình và việc anh đã tuyển dụng Randall Cecola. Naftalis nghiêm khắc yêu cầu Wilkis không được nói chuyện với Levine hay Cecola thêm lần nào nữa.

Tuy nhiên, sau nhiều năm, sức ép của Levine không dễ dàng bị phá vỡ như vậy. Ngay sau đó khi Levine gọi, Wilkis vẫn nghe dù anh ta đã cố không nhấc máy.

"Dennis, chúng ta không nên nói chuyện," Wilkis kêu lên nhưng Levine vẫn thao thao bất tuyệt về dự định cho cuộc tẩu thoát cuối cùng đến Cayman Islands của hai người. Wilkis đành ngắt lời anh ta.

"Báo chí đang tập trung vào những chi tiết chưa được tiết lộ. Họ đang làm như thể có điều đó tồi tệ hơn cả những giao dịch của chúng ta. Tôi sẽ không tham gia đâu. Tôi sẽ không bao giờ nói chuyện với anh nữa."

Levine có vẻ choáng váng và đau khổ vì phản ứng của Wilkis. "Ôi Bob," anh ta nói, "ý anh là sau tất cả những gì chúng ta đã trải qua, chỉ có như thế này thôi sao?"

Nhưng Wilkis vẫn gọi cho Levine vào ngày 31 tháng Năm và gọi lại lần nữa vào thứ Sáu sau đó, nói rằng anh ta chỉ muốn xem Levine định sẽ làm thế nào.

"Tôi vẫn đứng vững," Levine trả lời điềm tĩnh nhưng cơ hồ tinh thần đã suy sụp nhiều. Anh ta gần như tuyệt vọng, nhờ Wilkis chăm sóc vợ nếu anh ta phải vào tù. Levine đã thực sự xúc động vào hôm thứ Sáu đó.

"Tôi coi anh như anh em," anh ta nói đi nói lại với Wilkis. "Tôi sẽ sạt nghiệp," anh tiếp tục. "Tôi chẳng còn gì để làm ăn. Mẹ kiếp, tôi đã đánh tất cả những quả lớn nhất. Nhưng tôi bị hại. Tôi sẽ không được thấy quán bar của con trai mình khai trương." Lần đầu tiên

trong bao lần nói chuyện với Wilkis, Levine gần như sắp bật khóc.

Wilkis không hé răng với Naftalis về những lần trao đổi với Levine, kể cả cuộc điện thoại kia. Hai ngày sau khi Levine bị bắt, Wilkis đã liên lạc được với Cecola, hội viên do chính anh ta tuyển dụng. "Chúng ta có gì phải lo lắng không?" Cecola hỏi bằng giọng sốt sắng.

"Tôi thì có đấy," Wilkis trả lời. "Cuộc sống của tôi có thể sẽ chấm hết. Nhưng tôi sẽ bảo vệ cậu." Cecola cho biết anh ta sẽ tới New York sớm vì sẽ làm việc suốt mùa hè tại văn phòng luật Dillon, Read. Wilkis hứa sẽ sắp xếp để gặp Cecola.

Cecola tới vào ngày 4 tháng Sáu. Hôm ấy, Wilkis đi dự bữa tiệc tối do Bộ phận M&A của Hutton tổ chức nhưng không thể nuốt nổi thứ gì. Vốn đã gầy do đi bộ, anh ta còn sụt thêm 7 cân từ sau vụ bắt giữ Levine nên trông rất hốc hác. Wilkis bắt đầu phải gặp bác sĩ trị liệu. Ngay khi có thể rời bữa tiệc, Wilkis bắt taxi tới một nhà hàng trên Phố 77, Đại lộ Broadway như đã hẹn với Cecola. Hai người đi bộ về hướng đông đến Công viên Trung tâm, nơi họ có thể lẩn mình vào bóng tối.

"Tôi có gì phải lo lắng không?" Cecola vẫn hỏi với giọng sốt sắng.

"Dennis Levine biết cậu là ai," Wilkis nói một cách đáng ngại.

"Nhưng họ không thể chứng minh điều gì phải không?" Cecola hỏi. "Anh sẽ bảo vệ tôi phải không?"

"Randy, cuộc sống của tôi đã chấm hết," Wilkis tuyệt vọng nói. "Tôi hy vọng cậu sẽ không liên quan tới việc này, nhưng tôi sẽ không nói dối. Tôi không muốn phạm tội khai man trước tòa."

Cecola dừng lại. "Anh có thể sắp đặt lại sự thật phải không?"

"Randy, như thế sẽ không hay đâu. Levine biết tất cả về cậu."

"Xem nào," Cecola nói, "nếu anh phủ nhận những gì anh ta nói và tôi cũng vậy, thì sẽ là 2 chọi 1."

"Xin lỗi, nhưng tôi không thể nói dối," Wilkis quả quyết. Hai người chậm chạp bước đi trong tuyệt vọng ra khỏi công viên.

Ngày tiếp theo là ngày bế giảng tại trường Brearley và con gái Alexandra của Wilkis, một cây piano trẻ sớm thể hiện tài năng nổi bật, đang được tuyên dương tại một hội đồng. Khi tới thính

phòng, Wilkis đột nhiên nhận ra không còn chỗ trống nào giữa đông đảo phụ huynh. Wilkis đành đứng đằng sau. Khi chương trình bắt đầu, Wilkis cũng bắt đầu khóc. Qua dòng nước mắt, anh ta nhìn thấy con gái rực rỡ với niềm hứng khởi trong buổi học cuối cùng tại trường, một thiên thần trong tranh vô tội. Giờ chính anh ta đang sắp phá huỷ tuổi trẻ của con bé. Wilkis lặng lẽ rời khỏi thính phòng.

Điện thoại của Ilan Reich đổ chuông lúc 5 giờ chiều ngày 12 tháng Năm. "Anh đã biết tin gì về Dennis chưa?" – một người bạn của anh tại Goldman, Sachs vừa thở hổn hển vừa hỏi. "Anh ta bị buộc tội giao dịch nội gián. Có điện tín gửi cho anh đấy."

Reich sững sờ. Anh ta đang mong gặp Levine tối hôm đó tại buổi tiệc thiện nguyện gây quỹ cho bệnh viện St. Sinai. Anh ta gác máy, sau đó gọi tới cơ quan xin bản điện tín. Khi ngồi trên taxi trở về nhà tối hôm đó, Reich cố gắng hình dung lại những giao dịch với Levine mà anh ta đã cố sức ngăn chặn. Anh ta không sợ, những chuyện đó xem ra đã rất xa xôi. Và anh ta tự an ủi mình vì chưa bao giờ nhận khoản tiền nào từ Levine.

Nhưng nỗi lo lắng trong anh càng lúc càng dâng lên. Mỗi đêm, anh ta ra ngoài lấy tờ The New York Times ngay khi bản in mới nhất được chuyển tới thùng thư. Sáng hôm sau anh ta lại dậy sớm mua tờ The Wall Street Journal, đọc lướt qua xem có dấu hiệu nào cho thấy cuộc điều tra đang được mở rộng hay không. Anh ta không hề liên lạc với Levine.

Vài ngày sau, Reich bay tới Los Angeles để gặp khách hàng và nỗi lo âu, sầu muộn đã lên tới đỉnh điểm. Anh ta mơ hồ nghĩ tới cảm giác khi bị công chúng phát hiện và lên án. Tất cả những mối bất an cũ lại bùng lên, như thể muốn làm anh ta kiệt sức. Không biết mình phải làm gì, anh ta thuê một chiếc xe và bắt đầu lái vô định quanh Los Angeles, cuối cùng dừng lại ở một mỏm đá lộng gió nhìn xuống Thái Bình Dương. Reich phóng nhanh tới khúc quanh, tăng tốc và hướng chiếc xe về phía rìa mỏm đá.

Đúng giây phút cuối cùng đó, hình ảnh gia đình đã ngăn anh ta tự sát. Anh ta phanh gấp, dứt khoát trở lại đường và dừng xe, thở hổn hển. Bất giác, Reich thề sẽ phải tìm cách thoát khỏi chuyện này.

* * *

Khi hay tin về vụ bắt giữ Levine, Sokolow lao tới gặp David Brown,

chuyên viên ngân hàng đầu tư của hãng Goldman, Sachs – người đã được anh đưa vào hệ thống mua bán đó – tại căn hộ của Brown. Sokolow đã nhận 125.000 đô-la tiền lại quả từ Levine, một phần rất nhỏ so với hàng trăm triệu đô-la lợi tức mà những mánh khóe của anh ta đem lại. Trong số đó, Sokolow đã đưa cho Brown 27.500 đô-la. Quá lo sợ, hai người đàn ông trẻ mang tất cả số tiền còn lại đã nhận từ Levine, xé vụn rồi giật nước bồn cầu cho trôi mất dấu.

* * *

Hồi tỉnh lại sau cú sốc khi biết tin người bị Ủy ban Chứng khoán bắt là Levine chứ không phải mình, Siegel bỏ lại điện thoại ở Sân bay Quốc gia và lên máy bay bay gấp tới New York. Sau khi trở lại văn phòng hãng Kidder, Peabody, Siegel trả lời một cuộc điện thoại từ Bob Freeman của hãng Goldman, Sachs.

"Rõ ràng anh ta cũng ở trong nhóm," Freeman nói về Levine. "Anh nghĩ còn ai nữa không?"

Họ xem xét nhiều khả năng và sau đó Siegel đánh liều nói ra điều không ai dám nghĩ tới. "Ông không nghĩ anh ta đã nói chuyện với Boesky ư?"

"Ôi, không thể nào," Freeman nói chắc như đinh đóng cột. "Ivan Boesky không bao giờ nói chuyện với Dennis Levine."

* * *

Vào buổi chiều muộn ngày Levine bị bắt, không lâu sau khi Boesky tuyên bố với các nhân viên rằng anh ta chưa bao giờ nghe đến tên Levine thì Mulheren gọi đến.

"Anh định nghĩa thế nào là một tay đầu cơ chứng khoán?" Mulheren hỏi?

Boesky không nói gì và Mulheren nhấn vào điểm mấu chốt.

"Là một người chưa từng nhìn thấy, nghe thấy hay nói chuyện với kẻ nào có tên Dennis Levine!"

Mulheren cười thành tiếng. Ở đầu dây của Boesky, chỉ có sự im lặng.

10.

Khoản tiền mười triệu đô-la dành dụm của Dennis Levine không thể nằm yên dưới sự kiểm soát của chính phủ. Lệnh phong tỏa tài sản công bố vào ngày 12 tháng Năm chỉ là tạm thời. Trong phiên tòa được mở chưa đầy hai tuần sau đó tại Tòa án liên bang, Ủy ban Chứng khoán còn đưa ra thêm một lệnh sơ bộ, điều đó cho thấy đây thực sự là vụ kiện chống lại Levine. Quyền phong tỏa của Ủy ban Chứng khoán tạo sức ép ghê gớm với Levine bởi nó dập tắt mọi hy vọng được trở lại cuộc đời bình thường của anh ta và thậm chí khiến anh ta khó lòng chi trả nổi chi phí cho luật sư. Văn phòng luật Paul, Weiss lập tức phản đối điều này, họ đòi quyền cho Levine tiếp cận với tài khoản 300.000 đô-la ở Citibank để chi trả cho các nhu cầu cá nhân và phí tổn pháp lý. Martin Flumenbaun, một đối tác của hãng Paul, Weiss làm việc cho Liman tuyên bố trước tòa rằng: "Vụ việc này không có án lệ, Nhà nước sẽ không thể làm sáng tỏ mọi chuyện, họ sẽ không thể tìm thấy chứng cứ gì trong phiên tòa mở vào thứ Năm này."

Lời thách thức của Flumenbaun đã chọc giận các luật sư của Ủy ban Chứng khoán. Họ làm việc không biết mệt mỏi trước khi tranh tụng, thu thập lời khai từ các sếp cũ của Levine tại Smith Barney, Lehman Brothers và Drexel nhằm chứng minh rằng Levine đã tiếp cận với nguồn thông tin mật. Họ tổng hợp và phân tích các hồ sơ giao dịch của Ngân hàng Leu và thậm chí còn thuê một chuyên gia về văn tự để xác thực chữ viết tay trên lá đơn ứng tuyển vào Smith Barney của Levine trùng khớp với chữ viết trên những bản sao kê của Ngân hàng Leu.

Các luật sư của Ủy ban Chứng khoán cố gắng thẩm vấn Levine trực tiếp và qua thư từ nhưng anh ta đã được các luật sư mách nước dẫn chiếu Tu chính án số Năm trong Hiến pháp cho phép công dân từ chối cung khai với lý do điều đó có thể trở thành cáo buộc bất lợi cho họ sau này. Levine bất chấp cả lệnh của Tòa án yêu cầu xuất trình một bản kê khai về tài chính, bao gồm tổng số 1,9 triệu đô-la tiền mặt mà anh ta đã rút từ tài khoản tại Ngân hàng Leu suốt những năm qua. Ủy ban Chứng khoán còn đưa trát yêu cầu vợ, cha và em trai của Levine, những người được cho là đã đi cùng anh ta một vài lần tới Bahamas, ra hầu tòa. Trớ trêu thay, các thành viên trong gia đình Levine cũng dẫn chiếu Tu chính án số Năm. Philip Levine thậm chí còn viện dẫn khoản sửa đổi này khi được yêu cầu cho biết tên thời con gái của vợ mình – hóa ra đó chính là Diamond (Kim cương), mật danh của Levine tại Ngân hàng Leu. Ủy ban Chứng khoán băn khoăn không hiểu các thành viên gia đình này đang muốn giấu giếm điều gì?

Ngày 21 tháng Năm, một ngày trước khi tuyên bố lệnh sơ bộ,

Lynch nhận được cuộc gọi đầu tiên từ Arthur Liman với mong muốn trì hoãn phiên tòa khoảng 10 ngày và úp mở về việc gặp gỡ để dàn xếp. Lynch thẳng thừng từ chối, điều đó khiến Liman hết sức bất ngờ. Với danh tiếng của một luật sự tố tụng hàng đầu, rõ ràng ông ta nghĩ Lynch sẽ đồng ý mà không cần mảy may suy tính.

"Tôi không hiểu tại sao," Liman phản pháo sắc lẹm. "Liệu anh có mất trí không?" Lynch cảm thấy cơn giận dữ trong anh trào sôi. Anh chưa từng gặp Liman nhưng cách đặt vấn đề này quả là miệt thị và xúc phạm.

"Tôi sẽ làm điều gì phù hợp," Lynch lạnh lùng trả lời. Nhưng tệ hại hơn, chẳng bao lâu sau đó, Lynch nhận được cuộc gọi từ Ira Sorkin, Trưởng ban Thi hành của Ủy ban Chứng khoán tại khu vực New York, một người quen của Liman. "Ông Liman rất phiền lòng," Sorkin nói như thể đó là lỗi của Lynch. "Ông ta không biết anh." Lynch muốn nổi đóa vì Liman đang tìm cách gây khó dễ cho anh qua Sorkin. "Hãy tránh xa chuyện này," Lynch ra lệnh. Anh không có ý định dành cho Levine một ân huệ nào. Anh muốn tiếp tục gây áp lực.

Trận quyết đấu cuối cùng diễn ra tại Tòa án liên bang vào thứ Năm ngày 22 tháng Năm. Lynch ở lại Washington và trợ lý của anh, John Sturc, tham gia tranh tụng. Đây là phiên tòa rất quan trọng; nếu một thẩm phán dỡ bỏ lệnh phong tỏa tài sản của Levine, anh ta có thể dễ dàng rót tiền cho một cuộc chiến pháp lý kéo dài. Anh ta cũng có thể dễ dàng cao chạy xa bay.

Trong phiên tòa quan trọng nhất đời này, Sturc thận trọng tổng kết lại vụ kiện của chính phủ, tập trung làm rõ bằng chứng chứng minh Levine đã sử dụng phương thức giao dịch nội gián. Liman than phiền rằng "giới truyền thông, theo kinh nghiệm của tôi, đã truyền tải những thông tin bất cân xứng kể từ khi đạo luật Con trai của Sam ra đời," nhưng lại đưa ra được rất ít bằng chứng ngoài những thông tin cũ rích về các công ty đã giao dịch cùng Levine, đa số được lấy từ các tài liệu anh ta đã xào xáo để che giấu vụ Ngân hàng Leu. "Thực sự là có vô số thông tin về những công ty này," Liman khẳng định. Levine vẫn im lặng.

Thẩm phán liên bang Richard Owen đưa ra nhận xét ngắn gọn về phần tranh tụng của Liman. "Rõ ràng, đứng trên vai những người có quyền ra quyết định hoàn toàn khác việc ngồi đọc báo cáo 13-D hay The Wall Street Journal." Ông tán thành việc phong tỏa tài sản của Levine. Ủy ban Chứng khoán đã thắng trong cuộc chiến

đầu tiên.

Hôm sau, Liman gọi điện cho Carberry, hẹn gặp anh này vào thứ Bảy tại văn phòng, thời điểm ít gây tò mò nhất. Carberry biết Liman đang muốn tìm cách dàn xếp một lần nữa. Carberry nghĩ Levine đã đủ "chết" riêng với tội khai man và trốn thuế của chứ chưa nói tới tội giao dịch nội gián.

Liman và Flumenbaum tới vào thứ Bảy và gặp Carberry tại tầng sáu. Bất chấp những phát biểu tự phụ của Levine với Wilkis, Liman nói Levine đã chuẩn bị tự thú nếu có thể đạt được thỏa thuận với chính quyền. Liman cho biết Levine có thông tin đáng để trao đổi: danh tính của bốn nhân viên ngân hàng đầu tư đã tham gia đường dây giao dịch nội gián cùng với một cái tên "quan trọng".

Carberry không ngạc nhiên. Mô hình giao dịch của Levine cho thấy anh ta phải có tay trong tại các ngân hàng đầu tư khác. The Wall Street Journal đã đăng một bài phân tích về các giao dịch của Levine, cho thấy một lượng lớn các giao dịch liên quan tới Lazard Frères và Goldman, Sachs. Carberry thậm chí còn nghĩ anh ta biết tên của một trong số những kẻ chủ mưu. Anh đã nhận được cuộc gọi từ Lawrence Pedowitz, một cộng sự tại hãng Wachtell từng giữ chức trưởng bộ phận phòng chống tội phạm, cho biết anh ta đang đại diện cho Lazard Frères.

"Chúng tôi có một gã tên là Robert Wilkis," Pedowitz nói. "Anh ta là bạn thân của Dennis Levine. Dennis gọi cho anh ta suốt. Nếu có khe hở nào, thì rất có thể đó là từ anh ta."

Liman cho biết bốn kẻ chủ mưu là những kẻ liên quan tương đối trực tiếp tới việc chia sẻ lợi nhuận dù Levine không biết tên thật của chúng. Anh ta cũng bày tỏ thêm rằng do việc nhận diện được "con cá lớn hơn" rất có ý nghĩa đối với chính phủ, nên anh ta muốn được đảm bảo rằng lời khai của Levine sẽ giúp anh ta thoát khỏi tù tội.

Carberry không biểu lộ chút cảm xúc nào, và tỏ ra không mấy tò mò về kẻ thứ năm. Anh ta không thích mặc cả mà chỉ muốn đối diện trực tiếp. Anh ta cho phép các luật sư của hãng Paul, Weiss bào chữa cho Levine một trong bốn tội: Một điểm về tội gian lận chứng khoán bằng giao dịch nội gián, một điểm về tội khai man và hai điểm vì tội trốn thuế. Đổi lại, anh ta mong muốn nhận được sự hợp tác toàn diện. Anh ta cảm thấy mình không thua thiệt gì trong sự hợp tác này. Với bốn tội danh trên, mức án cao nhất dành

cho Levine sẽ là 20 năm tù giam. Tuy đây là vụ giao dịch nội gián lớn nhất từ trước tới nay, nhưng số năm tù này quả là vô tiền khoáng hậu, cho dù số điểm là bao nhiêu đi chăng nữa. Việc hợp tác cũng chỉ vì quyền lợi của Levine. Đây là cơ hội để anh ta xin hưởng khoan hồng khi tòa án lượng hình.

Hơn một giờ sau, Carberry và Liman đi tới một thỏa thuận về mặt nguyên tắc. Họ vào văn phòng của Giuliani và Liman đưa ra thứ mà Carberry tưởng chỉ là "hỏa mù": Tên của những kẻ đồng chủ mưu trực tiếp với Levine và một "nhà đầu cơ có quan hệ xa hơn." Họ đã bắt tay chúc mừng thỏa thuận mới đạt được nhưng Liman sẽ chưa cung cấp tên những kẻ đó, và Levine cũng sẽ chưa hợp tác cho tới khi nào anh ta thỏa thuận được với Ủy ban Chứng khoán. Tuy vậy, khi biết "con cá to hơn" có thể là một tay đầu cơ, Carberry đã nghĩ ngay tới cái tên xuất hiện lồ lộ trên cuốn lịch bỏ túi của Levine: Ivan Boesky.

Ủy ban Chứng khoán nhanh chóng đi tới sự đồng thuận. Sau một số cuộc điện đàm và gặp gỡ, đa số giữa Flumenbaum và Sturc, hai người từng là bạn học tại trường luật, Ủy ban Chứng khoán tỏ rõ ý chí muốn kiểm soát phần lớn tài sản của Levine. Anh ta có thể giữ lại ngôi nhà trên Đại lộ Park và chiếc BMW nhưng chiếc Ferrari thì không, và sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, tài khoản của anh ta tại Ngân hàng Citibank cũng sẽ tiếp tục bị phong tỏa. Levine đã nói chắc như đinh đóng cột rằng anh ta vẫn còn một số tiền vãng lai đâu đó và các luật sư của Ủy ban Chứng khoán cho rằng số tiền này sẽ dành để chi trả các chi phí pháp lý. Quyết định của Ủy ban Chứng khoán còn tùy thuộc vào mức độ hợp tác của Levine với Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Lynch kỳ vọng sẽ tìm ra cả bốn tên trong vòng tròn mờ ám đó nhưng khó có thể làm được gì hơn thế bởi kẻ quan trọng nhất vẫn đang ẩn mình trong bóng tối.

Giờ đây, tất cả những gì còn lại chỉ là cách Levine mặc cả trong cuộc chơi này. Khi cùng Flumenbaum tới Tòa nhà St. Andrews, anh ta được các viên chức Nhà nước nồng nhiệt đón chào: Robert Paschall, một điều tra viên chuyên về thư tín đảm trách vụ việc này, Carberry và Doonan của Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Wang và Sonnenthal đại diện cho Ủy ban Chứng khoán.

Thay vì đe dọa Levine, Carberry muốn anh ta cảm thấy như thể mình là một thành viên của đội ngũ nhân viên chính phủ. Anh giữ thái độ trang trọng trong suốt buổi gặp gỡ, luôn gọi anh ta là "Ông Levine" và nhấn mạnh rằng luôn sẵn lòng giúp đỡ. Nếu Levine khai toàn bộ sự thật, Carberry tin rằng điều đó sẽ gây ấn tượng tốt đẹp với quan tòa khi xét xử.

Carberry mở đầu buổi thẩm vấn bằng câu hỏi về Wilkis. Levine có vẻ như không giấu giếm điều gì, kể từ lần đầu tiên hai người gặp nhau tại Citibank. Carberry cảm thấy hài lòng vì Levine không định khai gian tội của mình: Anh ta thừa nhận đã dụ dỗ Wilkis tham gia kế hoạch, đồng thời thu nạp thêm Reich và Solokow. Levine cho rằng anh ta có "giác quan thứ sáu" để biết ai có thể hợp tác. Carberry cũng ấn tượng khi Levine không ngại nói thẳng Reich đã từ chối nhận tiền và rời bỏ nhóm sau khi có công việc ổn định. Rõ ràng, Carberry không thích một nhân chứng chỉ chăm chăm làm hài lòng cơ quan điều tra bằng cách phóng đại tội lỗi của người khác.

Levine nói với họ về Cecola, nhấn mạnh rằng anh ta đã "phát điên" khi biết Cecola cũng mở tài khoản tại Ngân hàng Leu. Levine cũng kể về thời kỳ đen tối bao phủ Lazard Frères, về những nỗ lực của anh ta và Wilkis khi muốn dựng chuyện thông qua hai tờ báo lớn Chicago Tribune và The New York Times. Levine cho biết Sokolow đã săn được nguồn tin tại hãng Goldman, Sachs – "Goldie" – một luật sư không trực tiếp làm việc trong lĩnh vực M&A mà có lẽ ở bộ phận thế chấp. Levine chưa từng biết tên thật của người đó.

Khi Carberry chuyển hướng cuộc thẩm vấn sang tay đầu cơ cổ phiếu bí mật, Levine lập tức xác nhận mọi mối hoài nghi của họ. Anh ta cho biết bắt đầu hợp tác bằng cách gửi cho Ivan Boesky những tài liệu mật về Boise Cascade và Elf Aquitance, một phần để đẩy giá chứng khoán lên, một phần để gây ấn tượng với Boesky. Sau đó anh ta gọi điện cho Boesky, thẳng tanh ta đề nghị ăn chia và hẹn gặp nhau để bàn thảo kỹ hơn về tỷ lệ. Levine cho biết anh ta nóng lòng muốn gặp Boesky với ý định gây ấn tượng đồng thời mong có thêm thông tin.

Các luật sư đã thận trọng không đặt quá nhiều kỳ vọng vào những bằng chứng liên quan tới Ivan Boesky mà Levine đưa ra. Họ không bao giờ cho rằng đây là một vụ đơn giản hay ngây thơ nghĩ chỉ riêng những gì Levine nói đã đủ để kết án Boesky. Tuy nhiên, Carberry hài lòng vì Levine tỏ ra hết sức thành khẩn. Thỏa thuận hoa hồng với Boesky, theo đó mức phần trăm tăng lên phụ thuộc vào thời điểm và hiệu quả của nguồn tin mà Levine cung cấp, chi tiết tới mức Levine không thể nào bịa đặt nổi. Lời khai của anh ta tự nó đã đáng tin cậy, nhất là khi những khoản hoa hồng Levine nhận được trùng khớp với hồ sơ giao dịch của Boesky.

Carberry thường không quan tâm nhiều tới động cơ nhưng anh không thể không hỏi tại sao Levine lại làm thế này hay thế khác.

Levine đưa ra câu trả lời như vẫn thường nói với Wilkis: Anh ta muốn mở công ty riêng, trở thành một nhà đầu tư hoặc lập ra một ngân hàng, thuê các chuyên gia làm việc cho mình chứ không muốn mãi đơn thương độc mã kiếm tiền. Levine cần 20 triệu đô-la và anh ta thề thốt với các luật sư của chính phủ rằng chỉ cần kiếm đủ số tiền đó anh ta sẽ giải nghệ ngay lập tức.

Levine thổ lộ, cũng như Wilkis, Reich và Sokolow, anh ta đã thấy chán ngấy công việc tẻ nhạt của một chuyên viên ngân hàng đầu tư. Điều này một lần nữa khiến các luật sư ngạc nhiên, bởi giống như đa số mọi người khi đó, họ đều nghĩ các chuyên viên ngân hàng đầu tư sống một cuộc đời vương giả, đầy hứng thú. Sự thật mà Levine nói ra lại hoàn toàn khác. Giao dịch nội gián là điều cực kỳ mạo hiểm. Carberry thầm nghĩ lẽ ra Levine nên dừng lại từ lâu, bất kể anh ta đã kiếm đủ tiền hay chưa. Khi đạt tới con số 20 triệu đô-la, anh ta sẽ muốn 30 triệu, rồi 40 triệu đô-la. Tiền không bao giờ là đủ cả.

Carberry nhận ra rằng chính sự khao khát cảm giác hồi hộp và phiêu lưu đã biến Levine trở thành ứng cử viên số một cho những thương vụ mờ ám. Dù đã hứa với Wilkis sẽ không bao giờ cộng tác với cơ quan chức năng, nhưng dường như Levine đang háo hức giúp chính phủ giăng bẫy các đồng phạm của mình. Tuy vậy, trước khi có thể bắt đầu, có một khoảng thời gian tất cả đều lo lắng khi Carberry nhận được một thư nặc danh đe dọa ám sát Levine. Điều này "thú vị" hơn thứ mà anh ta "mặc cả" vì thế Levine lập tức được đưa về vùng ngoại ô dưới sự tháp tùng của cảnh sát liên bang. Cơ quan điều tra nhanh chóng tìm ra chủ nhân của lời đe dọa nặc danh đó: Một kẻ lập dị đầu óc không bình thường. Levine trở lại thành phố và đồng ý gọi cho Wilkis, Reich, Sokolow và Boesky. Cuộc điện thoại được bí mật ghi âm lại.

Tối thứ Hai ngày 2 tháng Sáu, chỉ vài ngày sau cuộc gọi mà Levine nói với Wilkis anh ta "coi anh ta như anh em," Wilkis lại nhận được một cuộc gọi khác từ Levine.

"Bob, cậu nên hợp tác," Levine bắt đầu. Wilkis có thể đọc vị ngay lập tức trong giọng nói của Levine một sự thay đổi mơ hồ. "Tôi biết chúng ta đều là những chiến binh," Levine tiếp tục. "Nhưng họ đã biết tất cả. Hãy mời luật sư bào chữa ngay bây giờ."

Wilkis biết chắc canh ta cuộc gọi đã bị ghi âm và hiểu anh ta nên gác máy và gọi cho luật sư ngay lập tức. Nhưng anh ta không thể. Wilkis hiểu ở một chừng mực nào đó Levine vẫn muốn bảo vệ anh ta, giúp anh ta thoát khỏi mớ bòng bong này. Anh ta tự nói và kết

tội mình.

Levine không gặp thuận lợi trong những cuộc gọi sau đó. Anh ta đã gọi cho Boesky hai lần. Lần đầu tiên, Boesky tỏ ra quan tâm nhưng không thể hiện điều gì. "Tôi rất tiếc cho gia đình anh," Boesky nói. "Tôi lo cho vấn đề tinh thần của anh. Hãy nhớ tất cả rồi sẽ qua thôi." Lần thứ hai, ngay sau khi Levine giới thiệu, anh ta liền dập máy cùng với lời từ chối, "chúng ta không có gì để nói với nhau." Reich và Sokolow cũng dập máy ngay lập tức. Tuy thế, những cuộc gọi đó đều đạt được một mục đích: những kẻ tình nghi biết rằng danh tính của chúng có thể đã nằm trong tay chính quyền.

Ngày hôm sau, một luật sư đại diện cho Sokolow gọi lại và bắt đầu cuộc thương lượng để biện hộ cho thân chủ. Luật sư của David Brown, một chuyên viên ngân hàng đầu tư làm việc cho hãng Goldman, Sachs cũng nhanh chóng gọi tới. Sokolow xác nhận rằng Brown, bạn thân của anh ta từ thời còn học tại trường kinh doanh Wharton chính là "Goldie," nguồn tin riêng tại Goldman, Sachs. Mỗi người đồng ý nhận hai tội lớn và nộp phạt bổ sung cho Ủy ban Chứng khoán. Sau này, Sokolow bị kết án một năm lẻ một ngày, còn Brown ngồi tù 30 ngày.

Mấy hôm sau, khi Wilkis vẫn đang rầu rĩ ở nhà thì chuông cửa vang lên. "Ngài Randy tới gặp ông," viên quản gia lên thông báo. Dù biết đó là Cecola nhưng bất chấp lời khuyên của luật sư, Wilkis vẫn xuống. Cả hai đi bộ tới công viên Riverside. Cecola trông mệt mỏi rã rời.

"Randy, anh nên mời luật sư," Wilkis nói, đồng thời hồi tưởng trong cay đắng lời khuyên ngược của Levine.

"Có một điều tôi chưa bao giờ nói với anh," Cecola nói, nỗi buồn thể hiện rõ trên nét mặt, "chuyện liên quan tới bạn gái tôi."

"Đừng nói với tôi," Wilkis van nài. "Tôi không muốn nghe." Cecola dừng lại. "Anh phải thận trọng với từng lời nói ra," Wilkis thì thào. "Họ ghi âm mọi cuộc trò chuyện của chúng ta. Lần sau nếu tôi gọi điện thoại cho anh, rất có thể họ cũng đang nghe lén."

"Tôi sẽ tới gặp Alan McFarland tại Lazard," Cecola nói tiếp. (McFarland là một đối tác cấp cao). "Tôi sẽ nói với Alan rằng tôi gặp anh đơn thuần chỉ vì cần sự hỗ trợ cho những thương vụ của tôi," Cecola ngừng lại để thử phản ứng của Wilkis. "Tôi sẽ không tô vẽ về anh."

Wilkis cảm giác mình bị vắt chanh bỏ vỏ. “Cứ làm những gì anh thấy cần thiết. Đằng nào tôi cũng chết!”

Ngày 5 tháng Sáu, sau khi các luật sư đã hài lòng vì Levine khai báo tất cả những gì mình biết, Levine ra hầu Tòa án liên bang và tự bào chữa bốn tội bị cáo buộc. Phòng xử chật kín phóng viên báo chí và truyền hình xếp hàng từ bậc tam cấp bên ngoài. Trong bộ vest đen, Levine trông hơi gầy đi nhưng rất đĩnh đạc. Anh ta không tỏ thái độ gì khi đọc lời tự bào chữa được luật sư chuẩn bị từ trước.

“Chống lại những lời cáo buộc dành cho tôi sẽ chỉ kéo dài nỗi khổ đau của gia đình tôi. Điều đó cũng khiến thông điệp tôi muốn truyền đi trở thành sai lạc. Tôi đã vi phạm pháp luật và phải trả giá cho hành vi của mình mà không biện hộ gì thêm.” Thỏa thuận giữa Levine và Ủy ban Chứng khoán được công bố công khai. Anh ta đồng ý nộp lại 11,6 triệu đô-la và chỉ xin giữ lại căn nhà cùng chiếc xe, đồng thời vĩnh viễn bị cấm tham gia thị trường chứng khoán.

Wilkis đang ngồi tại văn phòng ở E. F. Hutton, tin tức về Levine đến với anh ta không khác gì một hồi chuông báo tử. Nỗi lo sợ bị Levine phản bội giờ đã trở thành sự thật. Wilkis lao tới văn phòng của Naftalis, van nài vị luật sư thảo kế hoạch đối phó với cơ quan điều tra. Nhưng sự chần chừ của Wilkis đã khiến anh ta mất đi chiếc đòn bẩy của riêng mình. Bởi lẽ khi vụ Levine được dàn xếp xong, Wilkis chẳng còn gì để trao đổi với chính quyền. Dù Wilkis tự thấy hành vi phạm pháp của mình ít nghiêm trọng, nhưng Tòa án vẫn cáo buộc anh ta về bốn tội danh giống như Levine. Naftalis nói anh ta không có lựa chọn nào tốt hơn việc chấp nhận điều đó và sau đó cố gắng gây ấn tượng tốt đẹp với chính quyền bằng sự hợp tác. Đến nước này, Wilkis chỉ còn biết đầu hàng và theo Naftalis tới Tòa nhà St. Andrews. Anh ta bật khóc trong văn phòng Carberry khi hồi tưởng lại quá trình mình lún sâu vào những giao dịch nội gián.

Giá trị duy nhất của Wilkis với chính quyền là khả năng làm chứng cho lời khai của Levine về Boesky và Reich, đồng thời chỉ điểm Cecola. Theo chỉ dẫn của Naftalis, Wilkis đã thuật lại tỉ mỉ tất cả những gì từng được nghe Levine nói về “tay người Nga” và “Wally.” Dù Wilkis không biết tên thật của họ nhưng trí nhớ tuyệt vời của anh ta, thứ Levine từng phải e sợ, khiến cơ quan điều tra hết sức hài lòng: Wilkis đã xác thực những điểm cơ bản trong câu chuyện của Levine.

Wilkis cũng chấp hành việc tới chỗ Carberry để thực hiện một cuộc gọi bị ghi âm cho Cecola tới văn phòng của anh ta ở Dillon, Read. Vì đã được căn dặn trước nên không có gì lạ khi cuộc gọi này không mang lại thông tin hữu ích cho chính quyền. Việc Wilkis đánh động Cocela quá rõ ràng và Carberry càng giận dữ hơn khi anh ta gọi cho Naftalis sau buổi điều tra.

"Cậu thật ngốc," Naftalis kêu lên với Wilkis. "Cậu đang tìm cách bảo vệ thằng trẻ ranh đó. Chẳng lẽ cậu không hiểu điều đó đồng nghĩa với việc cậu sẽ phải bóc lịch thêm bốn, năm năm sao? Cậu có thể mất tất cả. Carberry không còn ưa cậu nữa. Điều đó không hay ho chút nào."

Ngày hôm sau, Barry Goldsmith, điều tra viên làm làm việc với Wilkis nói với anh ta, "Carberry muốn giết anh." Carberry nói, với anh ta, Wilkis không hơn gì một "món hàng" đang tự làm mình mất giá. "Đừng tưởng tôi không phân biệt được vàng, thau," Carberry nói. "Những gì anh nói với tôi chỉ toàn là dối trá."

Wilkis gần như hoảng loạn, nhưng một lần nữa lại lấy trí nhớ của mình để bù đắp cho sai lầm đã gây ra. Cecola có lần đã nói với Wilkis về việc giao dịch bằng tài khoản mang tên bạn gái anh ta. Wilkis nhớ tên cô nàng và biết cô ta đang làm việc cho hãng People Express tại Orlando. Wilkis đem thông tin này tới gặp Carberry như một lời đề nghị hòa giải.

"Tôi rất hối hận về cuộc ghi âm," Wilkis nói bằng giọng rầu rĩ. Hai ngày sau, cơ quan điều tra đã có trong tay hồ sơ giao dịch của bạn gái Cecola và hiểu anh ta đã dùng tài khoản của cô nàng để giao dịch nội gián. Trước chứng cứ rành rành, Cecola nhận tội trốn thuế vì không khai báo thu nhập từ các giao dịch nội gián và chấp nhận nộp phạt cho Ủy ban Chứng khoán 21.800 đô-la. Anh ta bị kết án sáu năm quản thúc và bị Trường Kinh doanh Harvard cấm đăng ký nhập học.

Vào tháng Bảy, Wilkis nhận bốn tội lớn và chịu nộp phạt cho Ủy ban Chứng khoán. Ngoài khoản tiền mặt 3,3 triệu đô-la, căn hộ anh ta chưa kịp dọn đến trên Đại lộ Park cũng bị tịch biên. Đây gần như là tất cả gia sản của Wilkis. Tòa án chỉ cho anh ta giữ lại căn hộ trên Phố 78 Tây, chiếc Buick và 60.000 đô-la. Wilkis khóc nức nở khi lĩnh án một năm lẻ một ngày tù giam và năm năm tù treo.

Wilkis không bao giờ nói chuyện với Cecola nữa. "Cậu ta sẽ giận anh," điều tra viên Goldsmith đã nói vậy khi Wilkis cuối cùng cũng chịu tiết lộ danh tính Cecola. "Nhưng cậu ta không bao giờ

biết anh đã hy sinh vì cậu ta nhiều tới mức nào. Tôi không hiểu tại sao anh để cậu ta làm thế với mình? Ở tuổi 22, cậu ta còn đáng sợ hơn cả Dennis Levine."

Chỉ còn lại một thành viên trực tiếp trong nhóm Levine. Reich là trường hợp khó khăn hơn cả với cơ quan điều tra. Không giống đồng bọn của mình, anh ta không nhận đồng tiền nào. Bản thân anh ta cũng không thực hiện giao dịch và không để lại bất kỳ dấu vết nào trên giấy tờ. Tất cả chứng cứ chỉ là lời khai và lời thề không nói dối của Levine. Ngược lại, Reich là một thành viên ở nấc cao hơn, làm việc cho một trong những công ty danh tiếng nhất thành phố. Nhưng Carberry vẫn quyết định đưa Reich vào danh sách đen.

Suốt tuần đầu tiên của tháng Bảy, sau gần một tháng kể từ khi Levine nhận tội, Reich vẫn mải mê lo chống lại cuộc chiến sáp nhập với Wachtell, Lipton và NL – liên doanh một thời được biết đến với danh hiệu số 1 nước Mỹ. Sau lần tự tử hụt tại California, Reich tự an ủi mình rằng giữa anh ta và các giao dịch của Levine không có mối liên hệ rõ ràng nào. Nếu cần, anh ta sẽ chối bay mọi thứ. Reich cố quên đi mọi chuyện bằng cách lao mình vào công việc, khi rảnh thì đưa vợ con tới Hamptons nghỉ hè.

Khi trở lại văn phòng sau cuộc họp với NL, thư ký của Reich cho biết một "người anh em" nào đó đã gọi tới ba lần nhưng không để lại tên. Khoảng 4 giờ rưỡi chiều, cô lại thông báo người gọi hiện đang chờ Reich trên đường dây, khăng khăng chắc canh ta Reich sẽ biết anh ta là ai. Reich nhấc máy và nghe thấy một giọng nói như thể phát ra từ hồn ma của Levine. "Chào Ilan," Levine thều thào.

"Anh thế nào rồi?" Reich hỏi. "Tôi đang gọi từ một trạm điện thoại," Levine trả lời. "Hãy tìm một trạm điện thoại khác và gọi lại cho tôi ngay." Reich hết sức hoài nghi. "Tôi không hiểu anh đang nói gì."

"Cơ quan điều tra đang gây áp lực buộc tôi khai ra chuyện giữa chúng ta và tôi không biết phải nói như thế nào," Levine trả lời.

"Tôi không hiểu anh đang nói gì," Reich nhắc lại và gác máy. Anh ta tới gặp một đồng nghiệp và kể lại cuộc gọi vừa rồi.

Các luật sư của hãng Watchtell gọi cho cả Lynch và Carberry để hỏi về tình hình của Levine. Có phải anh ta vẫn đang được tự do để chỉ điểm thêm vài người khác? Nhưng họ chỉ nhận được những

câu trả lời lập lờ. Herbert Watchtell phải đích thân gọi riêng cho họ để tìm hiểu rõ chuyện gì đang diễn ra. Ông báo lại cho Reich biết Carberry "không tỏ ra ngạc nhiên" về cuộc gọi của Levine, còn Lynch vẫn giữ im lặng. "Tôi đồ rằng họ biết hết mọi chuyện," ông nói bằng giọng trầm ngâm. Sau đó ông tìm cách trấn an Reich – "Anh làm như thế là đúng". Điều ông không nói với Reich là Lynch khuyên anh ta nên tìm một luật sư riêng.

3 giờ 45 phút chiều thứ Sáu tuần đó, Peter Sonnenthal – người của Ủy ban Chứng khoán – tới bàn tiếp tân của hãng Watchtell, Lipton và yêu cầu gặp Reich hoặc Watchtell. Khi cô lễ tân còn tỏ ra do dự, Peter đã xông vào hành lang, soi từng chiếc biển tên gắn trên những cánh cửa văn phòng. Edward Herlihy, một đồng nghiệp tại hãng luật và là bạn của Lynch, cố gắng tìm cách giữ anh lại. Edward dẫn anh vào phòng mình và gọi điện cho Lynch.

"Đồ súc vật đó đang làm gì ở đây vậy?" Edward không kìm chế nổi sự tức giận. Lynch giải thích rằng Sonnenthal có nhiệm vụ triệu Reich hầu tòa. "Giờ gã đó là của chúng tôi," Lynch nói.

Khi Reich tới văn phòng của Herlihy, Sonnethal đang đợi để trao cho anh ta trát gọi của tòa án. Một cơn lạnh chạy dọc sống lưng Reich. Sonnenthal nhìn kẻ tội đồ bằng ánh mắt lạnh lùng.

Tờ trát tòa án liệt kê 102 thương vụ, đòi Reich cung cấp dữ liệu điện thoại, thẻ thanh toán và tài khoản giao dịch đồng thời yêu cầu anh ta cho biết thông tin về một vài người. Wilkis là cái tên duy nhất Reich nhận ra.

Từ 9 giờ tối tới nửa đêm, Reich tìm cách trả lời những câu hỏi trên tờ trát. Anh ta lấy lại được chút tự tin vì nhận thấy mình có thể trả lời một cách trung thực khoảng 95% số câu hỏi. Reich cho biết có quen xã giao với Levine từ nhiều năm nay và có tình cờ gặp nhau trong một vài thương vụ. Nhưng anh ta phủ nhận đã cung cấp thông tin mật cho Levine.

11 giờ sáng thứ Hai, sau khi xem qua mẩu thông cáo báo chí của hãng NL, Reich lơ đễnh ngồi tra chân vào gầm bàn trống rỗng. Cựu công tố viên Pedowitz, bạn thân của Reich, gọi tới và đề nghị gặp nhau tại phòng họp. Ở đó có ba người đang chờ: Bernad Nusbaum, Wachtell và Allan Martin, tất cả đều là cựu công tố viên. Ngay khi nhìn thấy họ, Reich tự nhủ: "Nhóm bảo vệ sự thật đến cả rồi."

Reich không đếm xỉa gì tới lời khuyên nên tìm luật sư riêng, dù

chính anh ta cũng biết họ sẽ không bảo vệ nổi mình trước Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Reich cảm thấy bị tổn thương vì được quá ít người hỗ trợ. Anh ta muốn được nghe tất cả những gì họ biết. Nhưng khi các đồng nghiệp tóm tắt lại các luận điểm trong vụ Levine, Reich lại giận dữ vẽ nguệch ngoạc lên mặt giấy. Anh ta khẳng định mình chưa từng cung cấp thông tin mật cho Levine, dù là sơ ý, và khăng khăng rằng các thương vụ của Levine hoàn toàn chỉ là sự trùng hợp. Khi đó, họ mới cho Reich biết một đồng phạm khác của Levine đã tố cáo với cơ quan điều tra Levine còn có nguồn tin khác tại Watchtell, Lipton.

Reich sững người. Levine đã thề sẽ không tiết lộ danh tính của Reich. Anh ta đã nói chắc như đinh đóng cột. Tại sao Levine lại phản bội? Reich cảm thấy thế giới xung quanh như đang sụp đổ. Gương mặt anh ta hiện rõ sự xúc động, bối rối rồi bất giác anh ta òa khóc. Một lần nữa các luật sư của hãng Watchtell thúc giục Reich tìm luật sư riêng.

Reich vẫn từ chối, các luật sư đành gọi bánh sandwich trong lúc chờ đợi. Reich không thiết ăn uống. Họ lại phải thay đổi chiến thuật. Họ nhắc anh rằng họ đã luôn ở bên anh trong suốt tuần qua. Uy tín của họ sẽ bị bôi nhọ nếu anh ta nói dối. Liệu Reich có phản bội bạn bè của mình không, nhất là Lipton, người dìu dắt anh ta trong sự nghiệp? Reich lại bắt đầu nức nở. Anh ta nói dông dài về thời niên thiếu rắc rối và những khó khăn khi giao kết bạn bè. Anh ta chỉ có những người đang ngồi đây làm bạn. Cuối cùng, Reich trấn tĩnh lại và xin năm phút để suy nghĩ. Anh ta viết tất cả những lý do nên và không nên nói thật ra giấy nhưng không thể viện ra chút bất lợi nào của sự thành khẩn. Bất chợt, Reich không thể chịu được cảm giác dối trá bạn bè thêm một phút nào nữa.

Vào khoảng 2 giờ rưỡi chiều, sau ba giờ hỏi han và thảo luận, câu chuyện mới kết thúc. Đợi Reich kể xong, các đồng nghiệp mới buồn bã hỏi tại sao anh ta lại làm thế. Reich định đổ lỗi cho tình bạn, sự cô đơn, tiền bạc nhưng giọng anh ta lạc đi. Chính anh ta cũng không biết lý do là gì.

Cuối cùng, Reich cũng đồng ý mời luật sư Robert Morvillo, người vài năm trước từng bào chữa tội danh giao dịch nội gián cho Carlo Florentino, một nhân viên hãng Watchtell, Lipton. Reich đành chia tay công ty nơi anh ta thực sự yêu mến. Nếu như khả năng thương lượng với chính quyền của Wilkis đã ít thì Reich còn tệ hơn. Anh ta không còn ai để chỉ điểm. Anh ta định giải thích về "thế giới giao dịch" nhưng chưa mở miệng điều tra viên đã hỏi ngược lại - "Thế thì sao?" Không ai quan tâm Reich không nhận

tiền và đã rút khỏi vụ này từ năm 1984.

Bị các đồng phạm cô lập, Reich tỏ ra thành khẩn trước Bồi thẩm đoàn và bị truy tố về hai tội danh. Một tuần sau cáo trạng, vào ngày 9 tháng Chín, Reich nhận tội và đồng ý bồi thường cho Ủy ban Chứng khoán 485.000 đô-la. Tòa đồng ý cho anh ta giữ lại ngôi nhà trên phố West Side, chiếc Oldsmobile và 10.000 đô-la. Giống như Wilkis, Reich cũng bị kết án một năm lẻ một ngày tù giam và năm năm quản thúc. Anh ta cũng bị giam cùng Wilkis tại Nhà tù liên bang Danbury.

Ngày 20 tháng Hai năm 1987, hàng trăm phóng viên, kỹ thuật viên truyền hình và những người hiếu kỳ đã vây kín con đường bên ngoài Tòa án liên bang đặt tại White Plains, ngoại ô New York, nơi vị thẩm phán Gerard Goettel mới được bổ nhiệm sẽ xét xử Levine. Cảnh sát ngồi trên lưng ngựa cố gắng giữ đám đông trật tự và dẹp lối cho chiếc xe màu xanh sẫm chở Levine, các luật sư và gia đình anh ta tới phiên tòa. Hội trường tòa án quá chật hẹp so với dòng người cuồn cuộn đổ về, vì thế không ít phóng viên đã phải đứng tác nghiệp bên ngoài trời rét căm căm.

Liman xin tòa khoan hồng. “Bị cáo sẽ bị xã hội ruồng bỏ như một kẻ gớm ghiếc không ai dám tới gần. Tiếng xấu của bị cáo sẽ lưu danh mãi. Thưa Quý tòa, đó chính là hình phạt xứng đáng dành cho những gì bị cáo đã gây ra.” Bản thân Levine, trong bộ vest xám cũ kỹ, cũng đọc một bản tự bào chữa bằng giọng đều đều: “Tôi xin hứa sẽ không tái phạm”; “Tôi đã rút ra bài học cho bản thân”; “Tôi thực sự ân hận và xấu hổ.” Anh ta cũng gửi vài lời cảm ơn gia đình. “Tình yêu và sự ủng hộ của người thân đã giúp tôi vượt qua giai đoạn cực kỳ khó khăn này.”

Tuy nhiên, vị luật sư được tòa án chỉ định giám sát tài sản của Levine lại có lý do để hoài nghi. Sheldon Goldfarb đã xem xét thu nhập và tài sản của anh ta trong vòng sáu năm gần nhất và nhận thấy hàng trăm nghìn đô-la có nguồn gốc không rõ ràng. Levine khai anh ta đã mất rất nhiều tiền khi chơi cờ bạc tại Bahamas nhưng Goldfarb không tin. Anh trai của Levine, Robert, người cùng đi với anh ta trong nhiều chuyến công tác, không hề nhớ lần nào Levine bị thua bạc. Bản thân Levine cũng từ chối tuyên thệ khi trả lời những câu hỏi về khoản tiền anh ta mất do thua bạc. Trong bản báo cáo cuối cùng trình lên tòa án, Goldfarb nghi ngờ Levine đang tìm cách che giấu một khoản tiền lớn.

Tuy nhiên, Levine giờ không còn là đích ngắm của các công tố viên. Hơn nữa, thẩm phán Goettel rất ấn tượng về sự hợp tác của

anh ta. “Bị cáo đã nhận tội và hợp tác… sự hợp tác này thực sự rất đáng trân trọng,” ông nói trước khi luận tội. “Nhờ những thông tin bị cáo cung cấp, một ổ tội phạm tại Phố Wall đã bị phát giác.” Levine bị kết án hai năm tù giam và phải nộp phạt 362.000 đô-la, chưa kể khoản tiền 11,6 triệu đô-la anh ta phải trả lại Ủy ban Chứng khoán.

Trò chơi đã kết thúc.

* * *

Cuối tháng Bảy năm 1986, hơn hai tháng sau khi Levine bị bắt, Boesky bay tới Los Angeles để gặp Milken. Hai người ngồi bên nhau trên thành bể bơi tại tư gia của Milken. Vụ bắt giữ Levine là một cú sốc với họ bởi không ai từng nghĩ chính phủ sẽ mạnh tay giám sát các giao dịch trên thị trường chứng khoán đến vậy. Milken khuyên Boesky, căn cứ vào sự chú ý của công luận và sự tập trung cao độ của chính phủ, có lẽ họ nên hạn chế giao dịch. Boesky lập tức đồng ý.

Họ cũng nói chuyện về khoản thanh toán trị giá 5,3 triệu đô-la được ngụy trang dưới dạng phí tư vấn – một trong những chứng cứ có thể khiến họ gặp rắc rối. Họ nhất trí phải tìm cách đưa ra được những lời giải thích đầy gian dối. Drexel có thể tạo ra nhiều chứng từ khác, trưng ra các nghiên cứu họ đã tiến hành với Santa Barbara, Scott&Fetzer và một số thương vụ khác vốn không đi tới đâu. Nhưng còn các chứng từ kế toán Thurnher và Mooradian đã lập ra để hợp thức hóa vị trí của họ thì sao? Cần phải hủy chúng ngay lập tức.

Trở về New York vào tuần đầu tiên của tháng Tám, Boesky lập tức gọi cho Mooradian khi anh ta đang làm việc ở văn phòng tầng dưới, khu Manhattan.

“Ivan đây,” anh ta bắt đầu bằng một giọng hết sức bình thường. “Tôi cần anh lên đây nói chuyện.”

Mooradian băn khoăn không hiểu có chuyện gì. Anh ta thường nói chuyện với Boesky hai, ba lần mỗi ngày qua điện thoại; hiếm khi cần trực tiếp gặp nhau. Kỳ lạ hơn, Boesky hẹn gặp anh ta ở Pastrim’n Things trên Phố 52 Đông. Đó cũng chính là nơi Boesky và Siegel thường gặp gỡ.

Dù quán vắng tanh nhưng Boesky vẫn kéo Mooradian xuống tầng dưới và chọn một góc xa nhất. Bằng giọng thì thầm rất khó nghe, anh ta cho Mooradian biết những điều sắp nói ra đều là tuyệt mật,

không được phép tiết lộ với ai. Mooradian gật đầu đồng ý.

"Cậu giữ các tài liệu của Drexel chứ?" Boesky thì thầm. Mooradian nghĩ sự cẩn trọng của Boesky là thừa bởi họ là những vị khách duy nhất trong quán.

"Vâng," anh trả lời bằng giọng thản nhiên.

"Ở nhà hay ở văn phòng?" Boesky vẫn tiếp tục hỏi bằng giọng thì thào.

"Ở văn phòng của tôi," Mooradian trả lời.

Boesky dựa vào bàn, ghé sát mặt vào Mooradian. "Hủy hết ngay lập tức!"

* * *

Giữa tháng Tám, cuộc di cư thường niên từ Phố Wall gần như hoàn tất. Các chuyên viên ngân hàng đầu tư lái xe tới Hamptons, ngoại ô Connecticut và châu Âu. Chỉ còn các giao dịch viên và nhân viên hỗ trợ khách hàng cơ hữu ở lại thành phố. Cả Lynch và Carberry đều cảm thấy đã đến lúc họ có thể an tâm đi nghỉ. Hai người dự tính rằng cho đến tháng Tám sẽ không có gì xảy ra. Carberry và vợ lên đường tới English Lake, nơi họ sẽ nghỉ trong một khách sạn giản dị, chỉ cần chiếc giường ngủ và bữa sáng. Lynch đưa gia đình tới Friendship, Maine – một thị trấn ở Vịnh Penobscot, nơi họ thuê một ngôi nhà gỗ nhỏ từ vài kỳ nghỉ trước.

Lynch muốn giải tỏa sau quãng thời gian căng thẳng cùng những điều lộn xộn xảy ra từ trước khi có vụ bắt giữ vào tháng Năm nhưng thật khó có thể quên câu chuyện hứa hẹn nhiều triển vọng liên quan tới Ivan Boesky. Boesky có thể sẽ trở thành tâm điểm của một vụ lớn và quan trọng hơn những gì Lynch từng tưởng tượng. Như tất cả mọi người, dù chỉ có liên hệ xa với thị trường chứng khoán, anh ta vẫn biết huyền thoại về Boesky. Giờ anh còn biết nhiều thứ hơn. Lynch và Carberry đã liên lạc với nhau qua điện thoại kể từ ngày Levine đồng ý nhận tội. Họ đã đọc cuốn Cơn bão sáp nhập của Boesky, tìm kiếm trên mạng và tập hợp các bài báo viết về tay đầu cơ này, kể cả các mẩu tin trên tạp chí Los Angeles Times và Fortunes, điều khiến Siegel kinh ngạc. Họ có cả một hồ sơ đồ sộ về Boesky. Những cuộc phỏng vấn đã được giấu kín trong bí mật, chôn chặt trong Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Ủy ban Chứng khoán.

Dù đã có sự hợp tác của Levine, nhưng Lynch biết việc chống lại

Boesky thực sự không hề dễ dàng. Lynch luôn nghĩ việc kết tội giao dịch nội gián cho các chuyên viên ngân hàng đầu tư là điều hết sức khó khăn. Công việc của họ là kiếm tiền dựa vào tin đồn và sự khôn khéo trên thị trường. Boesky hẳn phải có vô số thông tin hợp pháp mà anh ta có thể dùng để biện hộ cho các giao dịch của mình. Tuy nhiên, bản năng mách bảo Lynch tiếp tục cuộc điều tra, thậm chí đưa vụ việc ra tòa bất chấp nguy cơ thua kiện.

Các thành viên của hội đồng đã thống nhất sẽ tiếp tục cuộc điều tra liên quan tới Boesky. Trước tiên, từ đầu tháng đó, các chuyên viên đã chuẩn bị và gửi đi tờ trát rất dài tới Boesky và các công ty nơi anh ta điều hành. Tờ trát yêu cầu giải trình và cung cấp các tài liệu, hồ sơ giao dịch; đồng thời cài cắm đủ thông tin để Boesky hiểu rằng Levine đã chỉ điểm mình. Boesky phúc đáp tờ trát vào tuần Lynch trở về sau kỳ nghỉ; có lẽ sẽ có điều thú vị xảy ra. Lynch đã nhìn thấy trước một trận chiến dài, tốn kém và căng thẳng nhưng sẽ không giống với bất cứ trải nghiệm nào của cơ quan thực thi pháp luật này.

Thứ Ba ngày 26 tháng Tám, Lynch trở về ngôi nhà gỗ của gia đình và nhận được một tin nanh ta thoại từ Harvey Pitt, luật sư của Ngân hàng Leu. Với đôi chút bực dọc, Lynch băn khoăn không hiểu vì sao Pitt biết anh ta đang ở Maine, nhưng vẫn gọi lại cho Pitt, khi đó đang ở Washington.

Pitt xin lỗi đã quấy rầy Lynch khi đang trong kỳ nghỉ ở Maine và nói: “Chúng ta cần gặp nhau. Thực sự rất cần thiết.” Lần này, Pitt gọi không phải để nói về Ngân hàng Leu. Anh ta đại diện cho Boesky.

“Anh gọi để thương thuyết về những tờ trát?” Lynch hỏi. “Nếu tôi là anh, tôi sẽ hiểu rằng nên chờ đợi khi người khác đang đi nghỉ.”

Nhưng Pitt vẫn khăng khăng. “Chúng ta phải gặp nhau ngay,”anh ta nói. “Không còn thời gian để chúng ta chờ đợi.”

Lynch đồng ý gặp Pitt ở địa điểm giữa Washington và Maine – tại Boston. “Nơi này có vẻ ổn hơn đấy,” Lynch nói.

Thực ra, Pitt cũng đã dừng kỳ nghỉ của mình, bỏ lại gia đình bên bờ biển Virginia suốt ba tuần không một lời giải thích. Vấn đề nghiêm trọng tới mức khó có thể tin tưởng một ai nếu người đó không thực sự cần biết, kể cả vợ con. Ban đầu Pitt gọi cho vợ hàng ngày để thông báo anh sẽ trễ thêm một ngày nữa và sẽ về với cô ngày hôm sau. Đến một hôm, cô ngắt lời chồng – “Anh làm ơn hãy nói sẽ không tới nữa. Như thế tốt hơn!”

Boesky gọi cho Pitt vào ngày anh ta nhận được trát của Ủy ban Chứng khoán và đề nghị được gặp mặt. Pitt không bất ngờ trước điều này. Boesky luôn nhận được trát đòi từ năm này qua năm khác, giống như bất cứ ai từng giao dịch với khối lượng lớn và giữ nhiều báo cáo mật đến vậy. Nhưng có điều gì đó trong giọng nói của Boesky cho thấy lần này không giống những lần trước.

Pitt nhanh chóng hiểu ra: tờ trát thực tế đòi hỏi xuất trình tất cả các giấy tờ mà các doanh nghiệp của Boesky từng viết ra và chính phủ muốn có câu trả lời chỉ trong vòng một vài tuần. Đây không phải một lần kiểm tra thông thường.

Cuối cùng, các chuyên viên của Ủy ban Chứng khoán đồng ý cho Pitt xem qua một số tài liệu nếu anh ta hứa không sao chụp lại. Anh ta tới Ủy ban cùng với ba đồng nghiệp. Mỗi người ghi nhớ một trang, sau đó ra ngoài và chép lại bằng trí nhớ, cố gắng dựng lại một phiên bản gần nhất với văn bản ban đầu. Anh đưa ra hai kết luận ngắn: tên của Levine xuất hiện trong các chứng cứ chống lại Boesky và đây sẽ là một vụ điều tra lớn. Pitt nghĩ, tốt hơn hết nên nhờ một hãng luật khác giúp đỡ. Anh gọi cho Theodore Levine, người nhiều năm trước đã làm việc tại Ủy ban Chứng khoán và từng học chung với Siegel trong đợt tập huấn về hoạt động thâu tóm. Theodore hiện đang làm việc cho Wilmer, Cutler & Pickering ở Washington và vẫn đang đi nghỉ.

“Ôi Chúa ơi,” Theodore kêu lên khi biết Boesky đã trở thành mục tiêu của cuộc điều tra. Anh ta cũng ngay lập tức dừng kỳ nghỉ và trở về Washington.

Trong tuần đó, Boesky gọi giám đốc tài chính Reid Nagle tới văn phòng để thảo luận về một vài thương vụ với Northview còn đang dang dở, hai trong số đó sẽ kết thúc trong vòng chưa đầy một tuần. “Tôi có tin xấu,” Boesky nói. “Tôi sẽ hủy tất cả những giao dịch đó.” Nagle đã đảm nhận các thương vụ này được hơn một năm; anh ta không thể tin điều đó. Khi Nagle muốn có lời giải thích, Boesky nói: “Đây là thời điểm hết sức khó khăn. Chúng ta đang bị điều tra dù không làm gì sai trái.”

Chủ nhật tuần sau, Pitt, Theodore cùng một đồng nghiệp khác tại Wilmer, Cutler, Robert McCaw, tới New York và đăng ký nghỉ tại Khách sạn Grand Hyatt trên Phố 42. Họ đi cùng Micheal Rauch, một đồng nghiệp của Pitt kể từ vụ Ngân hàng Leu. Một cuộc họp của Hiệp hội các quán Bar Mỹ đang diễn ra tại đây, vì thế sự xuất hiện của các luật sư không bị ai chú ý. Boesky tới vào sáng hôm sau.

Chưa bao giờ trông Boesky gầy đến thế, gương mặt đầy lo âu. Pitt giới thiệu anh ta với các luật sư của Wilmer, Cutler sau đó đi thẳng vào vấn đề.

“Tôi có thể nói cho anh biết chính phủ đã nắm được những gì,” Pitt bắt đầu, “nhưng chỉ anh mới biết sự thật. Nếu những gì anh

nói với chúng tôi không trung thực và hoàn chỉnh, lời khuyên của chúng tôi dành cho anh sẽ không hiệu quả." Pitt cũng cảnh báo Boesky rằng một khi đã nói sự thật với sự chứng kiến của các luật sư, sau này anh ta không thể thay đổi câu chuyện. Họ có thể từ chối bào chữa cho anh ta còn hơn là để Boesky nói dối mình.

Boesky không cần người khác dỗ ngọt nhiều. Dù còn chút do dự, nhưng anh ta bắt đầu kể về mặt trái của những thành công mà mình đã đạt được. Có lẽ đây là lần đầu tiên anh ta phải đối diện với những sự thật phức tạp về bản thân mình.

Pitt cảm thấy buồn rười rượi. Anh ta biết mình đang chứng kiến sự hư hỏng của một trong những nhân vật hàng đầu trong ngành tài chính Mỹ. Pitt biết Boesky từ thời hoàng kim của anh ta và luôn tin rằng đây là một tài năng trác tuyệt.

Boesky mất tới hai tuần để tự thuật lại câu chuyện của mình. Pitt chuyển nơi làm việc từ Grand Hyatt sang Helmsley Palace và thuê trọn một tầng của khách sạn sang trọng này. Máy tính, máy photocopy được chuyển đến và các trợ lý, người đưa tin cũng đến làm việc cùng. Một khối lượng thông tin đồ sộ, tất cả đều là bằng chứng tiềm năng, cần được tập hợp và sắp xếp. Tất cả công việc phải làm sao cho không gây sự chú ý của bất cứ ai kể cả các luật sư của văn phòng Fried, Frank.

Khi Boesky kể tỉ mỉ cho các luật sư nghe về những thương vụ đã thực hiện với Levine, Siegel, Milken, Mulheren và nhân viên môi giới của West Coast, Boyd Jefferies, cùng nhiều người khác, Pitt rút ra hai kết luận quan trọng: Khả năng để Boesky bị khởi tố dựa trên lời khai của Levine là rất thấp. Tuy nhiên, trong câu chuyện của Boesky có những điều còn tồi tệ hơn cả giao dịch nội gián.

Rõ ràng Boesky rất sợ Milken. Anh ta vừa kể lại những vụ làm ăn với Milken vừa run lẩy bẩy như thể sợ Milken đang nghe lén. Nhưng có vẻ anh ta chưa hiểu hếtt mức độ nghiêm trọng của những gì mình đang tiết lộ. Pitt thực sự rụng rời. Ngoài giao dịch nội gián, Milken và Boesky còn mắc rất nhiều tội khác: Vi phạm quy định về báo cáo 13-D, vi phạm đầu tư, và sự thông đồng với ban lãnh đạo nhằm gây ảnh hưởng đến bộ máy kiểm soát của doanh nghiệp. Boesky đã răm rắp làm theo lệnh Milken; thậm chí Boesky không biết đôi khi những gì mình làm chỉ là nước cờ trong kế hoạch lớn hơn của Milken. Đây là những điều Pitt chưa từng nghĩ tới dù đã dành nhiều năm nghiên cứu về tội phạm học.

Pitt nhận thấy Boesky phải thương lượng với chính quyền ngay

lập tức. Hai yếu tố quan trọng nhất của những cuộc thương lượng như vậy – chứng cứ của cơ quan điều tra và giá trị lời khai của bị can – đều thuận lợi cho Boesky. Pitt biết anh ta có thể "bán" Boesky và khiến các luật sư của nhà nước điên cuồng thèm khát. Chỉ riêng thông tin về Milken cũng đã quá hấp dẫn rồi.

"Anh phải hiểu thế nào là rủi ro," Pitt nói với Boesky. "Nếu anh muốn bắt đầu dàn xếp, anh phải chấp nhận rủi ro. Anh sẽ phải thừa nhận với chính quyền rằng họ đã thắng."

Pitt hiểu sự hợp tác bao giờ cũng đau đớn. Boesky sẽ trở thành chủ đề để công chúng lăng mạ, và những hình phạt anh ta phải gánh chịu chắc chắn sẽ không nhẹ. Pitt không muốn vẽ ra viễn cảnh tốt đẹp cho thân chủ của mình. Ngược lại, anh ta cho Boesky biết cơ quan điều tra chắc chắn sẽ không bỏ cuộc nếu Boesky vẫn tiếp tục muốn chống đối. Vụ việc sẽ nổi đình nổi đám và chính phủ sẽ sẵn sàng dốc toàn lực vào đó. Boesky sẽ bị xét xử dưới con mắt săm soi của dư luận, đó chính là hình phạt về mặt tinh thần.

Pitt nhấn mạnh rằng thời cơ đã đến. Thời điểm thuận lợi để thương lượng sẽ nhanh chóng qua đi. Milken hoặc Siegel sẽ tới bàn đàm phán với cơ quan điều tra trước. Khi đó Boesky sẽ trở thành con cá lớn để người ta mổ xẻ.

Boesky có ba câu hỏi lớn: Điều gì sẽ xảy ra với vợ con anh ta? (Tài sản và các khoản tín dụng của họ, kể cả những tài sản có nguồn gốc từ việc làm ăn phi pháp của Boesky nhưng do vợ con hắn đứng tên có thể sẽ được an toàn vì họ không liên can tới vụ án). Điều gì sẽ xảy ra với các nhà đầu tư và nhân viên của anh ta? (Nhiều khả năng Boesky sẽ bị đuổi ra khỏi ngành; vì thế nhân viên của anh ta sẽ mất việc nhưng các nhà đầu tư có thể sẽ vô sự). Liệu anh ta anh ta có bị đi tù không? (Có thể, nhưng thời gian ngồi tù sẽ ngắn hơn nếu bị toà khởi tố và tuyên án. Mỗi tội danh chứng khoán mà Boesky đã thừa nhận có khung hình phạt tối đa là năm năm tù giam.)

Sau khi thảo luận chi tiết, Boesky ngừng lại, nhìn quanh phòng bằng ánh mắt thất thần và nói với các luật sư: "Tôi đồng ý dàn xếp."

Pitt cảm thấy họ không nên để lỡ thêm một giây phút nào. Ngay khi hiểu ra Boesky vừa đề nghị điều gì, Pitt lập tức gọi ngay cho Ủy ban Chứng khoán và được nối máy tới gặp Lynch hiện đang ở Maine. Ngày 27 tháng Tám, Sturc và một luật sư khác của Ủy ban bay từ Washington tới Boston; Pitt, Rauch, Levine và McCaw cũng

bay từ New York tới. Họ gặp Lynch trong một căn phòng không có cửa sổ, vốn được trưng dụng làm thư viện cho văn phòng địa phương chật hẹp của Ủy ban Chứng khoán đặt tại Boston Garden.

Lynch biết có chuyện quan trọng sắp xảy ra khi mà Pitt, một người thường luôn bắt đầu câu chuyện bằng những lời bông đùa, đề nghị được trò chuyện không ghi âm. Sau đó, anh ta bắt đầu đọc một văn bản chuẩn bị trước. Anh ta cho Lynch biết Boesky không thể trả lời tờ trát trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà Ủy ban Chứng khoán cho phép. Nhưng quan trọng hơn cả, Pitt cho rằng chính phủ không có lợi nếu đưa Boesky ra tòa.

"Nếu chúng ta thương lượng," anh ta nói, "chính phủ sẽ nắm được nhiều thông tin quý báu về hoạt động trên Phố Wall, có thể sánh với phiên điều trần Pecora đình đám đã đưa tới việc thông qua Luật Chứng khoán." Boesky có thể trở thành một cánh cửa sổ bí mật trên Phố Wall. "Hãy tưởng tượng Ivan có thể cho quý vị biết những điều không một người quan sát thông thường nào thấy được."

Lynch hết sức bất ngờ nhưng vẫn tỏ ra điềm tĩnh, gương mặt không bộc lộ cảm xúc. Anh không dám nhìn thẳng vào Sturc.

"Chúng tôi nhận thấy chính phủ chắc canh ta sẽ có được những thứ đáng để trao đổi," Pitt tiếp tục đưa ra những lời mời chào thương lượng. Boesky muốn tự nguyện rút khỏi thị trường chứng khoán, anh ta cũng đồng ý trả một khoản tiền phạt lớn và sẽ hợp tác tuyệt đối. Đổi lại, anh ta muốn được miễn trừ khởi tố bị can.

Lynch cho các luật sư của Boesky biết anh không thể quyết định thay Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp và rõ ràng việc thương lượng sẽ không đi đến đâu nếu không đạt được sự đồng thuận. Anh ta hứa hẹn sẽ cùng các đồng nghiệp làm tất cả những gì có thể.

Sau khi Pitt và các luật sư khác của Boesky ra ngoài, đoàn luật sư của Ủy ban Chứng khoán cười phá lên, vỗ vào lưng nhau và chỉ thiếu nước nhảy lên bàn để ăn mừng.

Lynch không thể đợi để nói chuyện với Carberry. Anh gọi tới nhà vị công tố viên mới trở về từ Anh dù đang là ngày nghỉ cuối tuần. Lynch không muốn nói quá nhiều qua điện thoại, vì thế Carberry đồng ý bay tới Washington vào sáng hôm sau để gặp các luật sư của cả Ủy ban Chứng khoán và Boesky.

Cũng cuối tuần đó, Boesky gọi cho Mooradian tại nhà riêng. "Cậu

đã hủy hết chưa?" Mooradian hiểu Boesky đang muốn đề cập tới các tài liệu của Drexel mà anh ta đã xé vụn ngay sau cuộc gặp lần trước. "Vâng, ông đang nghĩ cái quái gì thế? Tất nhiên là tôi đã hủy từ lâu rồi!"

"Khôi phục lại ngay giúp tôi," Boesky nói.

Mooradian hoàn toàn không hiểu. "Ivan, tôi không thể nào làm được điều đó," anh phản đối.

"Cậu phải làm," Boesky nói gọn lỏn và gác máy.

Mooradian chửi thề khe khẽ, tự coi đây là một mệnh lệnh khó hiểu khác của Boesky. Anh không biết làm sao có thể nhớ lại chừng ấy loại chứng khoán có liên quan chưa kể tới vị thế chính xác của chúng. Bất chợt anh nhớ tới Maria Termine, cô gái trẻ đã mang tập tài liệu xuống Florida và giúp đỡ anh khi Boesky yêu cầu tập hợp các tài liệu liên quan tới Milken. Cô vẫn lưu những giấy tờ quan trọng. Mooradian cũng vẫn giữ lại những bảng tính anh đã sử dụng để tính toán các số liệu cho Drexel. Hai người bắt tay làm việc cùng nhau, cố gắng khôi phục lại những gì sát với sổ sách gốc nhất có thể.

Thứ Ba sau Ngày Lễ Lao động, các luật sư của Boesky, luật sư của SEC và Carberry họp tại văn phòng của hãng Fried, Frank trên Đại lộ Pennsylvania. Pitt mang đến cho Carberry một bài diễn thuyết không khác mấy với những gì đã nói với Lynch.

"Chúng ta có thể thương lượng được không?"Pitt hỏi. Carberry trả lời rằng anh còn phải tham khảo ý kiến của Giuliani, nhưng anh sẽ vận động ông.

Trở lại New York, Giuliani cho Carberry năm phút để trình bày. Bộ trưởng Bộ Tư pháp đang đau đầu với một vụ án tham nhũng được công luận hết sức chú ý liên quan tới Stanley Friedman, cựu thủ lĩnh đảng Dân Chủ ở Bronx. Giuliani đã quyết định trực tiếp đứng ra xét xử những vụ án liên quan tới chính trị và cố gắng thành công để mở đường cho tham vọng chính trị của mình.

Carberry cho Giuliani biết anh có thể phải cần một tới hai năm để có thể khởi tố Boesky mà thậm chí khi đó cũng chưa chắc thắng. Nhưng, sự hợp tác của Boesky lại có thể mang tới "những điều thú vị."

Chỉ thảo luận trong giây lát, Giuliani yêu cầu Carberry chuẩn bị thương lượng về tội danh. Họ đồng ý rằng miễn trừ truy tố là điều

quá hoang đường: Ít nhất Boesky cũng phải nhận một tội danh. Họ cũng muốn một số tiền phạt không nhỏ. Tình cờ Carberry biết ngân sách hàng năm của Ủy ban Chứng khoán là 105 triệu đô-la, vì thế anh lấy con số 100 triệu làm mức đòi Boesky giao nộp. Con số lớn, tròn trịa này sẽ khiến dư luận sửng sốt và anh nghĩ sẽ cực kỳ ấn tượng khi đem so sánh nó với ngân sách mà Ủy ban Chứng khoán được cấp, thể hiện giá trị to lớn của thỏa hiệp. Carberry biết nếu những cuộc thương lượng "khoan dung" như thế này sẽ gây ra nhiều sóng gió.

Anh cũng hiểu sức mạnh của những thông tin có được nếu Boesky đồng ý trở thành một người hợp tác bí mật. Anh tin tưởng Lynch và những cộng sự cấp trên nhưng không thể lường được lòng dạ của các ủy viên khác, vốn đầy tham vọng chính trị. Khi gọi để báo cho Lynch biết Giuliani đã bật đèn xanh, anh yêu cầu Lynch phải tuyệt đối giữ bí mật. "Tôi sẽ coi bất cứ hình thức làm rò rỉ thông tin nào là hành vi cản trở pháp luật và tôi sẽ không tiếc hình phạt dành cho hành vi đó," Carberry cảnh cáo.

Lynch giới hạn số người biết về vụ thương lượng với ba người trong nội bộ văn phòng của mình và Carberry cũng chỉ báo cáo tình hình cho Giuliani và Howard Wilson, Trưởng ban phòng chống tội phạm. Về sau, Carberry chuyển giao một số hồ sơ tuyệt mật cho một người khác để có người tiếp tục theo đuổi vụ án nếu chẳng may anh bị ám sát hoặc đột tử. Các cuộc họp đều diễn ra tại văn phòng của Fried, Frank chứ không phải tại đại bản doanh của Ủy ban Chứng khoán hay Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp vì ở đó sự xuất hiện của các luật sư Fried, Frank, Wilmer và Cutler có thể gây chú ý. Để giữ bí mật, Boesky không bao giờ được đề cập tới bằng tên thật. Anh ta được gọi với bí danh "Igor" tại Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp và "Irving" tại Ủy ban Chứng khoán.

Các luật sư của chính phủ và của Boesky lao vào một cuộc đàm phán gấp rút. Họ phải chạy đua với thời gian vì một trong số các công ty của Boesky, Northview, sẽ phải gửi báo cáo lên Ủy ban Chứng khoán vào ngày 15 tháng Mười một. Tất cả những diễn biến lớn sẽ phải công khai vào thời điểm đó. Họ đang muốn biến Boesky thành tay trong, do đó bản báo cáo này rõ ràng sẽ rút ngắn khoảng thời gian để có thể có được sự hợp tác từ Boesky.

Carberry nói thẳng trước khi cuộc thương lượng bắt đầu rằng Boesky phải nhận một tội nào đó và thụ mức án tối đa năm năm. Các luật sư của Boesky phản đối một cách yếu ớt với nguyện vọng tìm ra một tội nào đó có khung hình phạt tối đa là ba năm tù giam. Tuy nhiên, Carberry hết sức cương quyết và họ đành chấp

nhận. Nhưng hai bên còn phải thảo luận rất lâu để xem Boesky sẽ nhận tội gì. Có rất nhiều tội danh với khung hình phạt tối đa năm năm để chọn. Về mặt chiến thuật, Carberry muốn khép Boesky vào một tội mà anh ta chỉ hầu tòa với tư cách nhân chứng, qua đó truyền đi thông điệp: vụ án này liên quan tới những vấn đề nghiêm trọng hơn cả giao dịch nội gián. Cuối cùng, tất cả đồng ý lựa chọn tội danh "đồng mưu thực hiện hành vi gian lận trên thị trường chứng khoán".

Vấn đề tiền phạt còn nan giải hơn. Carberry và các luật sư của Ủy ban Chứng khoán đưa ra mức 100 triệu đô-la. Họ lập luận rằng, 50 triệu là con số gần đúng tương ứng với khoản lợi nhuận trái phép của Boesky và 50 triệu kia là số tiền phạt thích đáng. Họ cũng cho rằng 100 triệu đô-la là con số phù hợp với tài sản ròng của Boesky. Tuy nhiên, các luật sư bào chữa cho anh ta lại cho rằng 100 triệu đô-la là con số quá lớn. Theo tính toán của họ, Boesky thu được khoản lợi nhuận không quá 30 triệu đô-la từ các thông tin của Levine và vì các giao dịch của Levine là nguồn tin duy nhất nên Ủy ban Chứng khoán không thể phạt thêm thân chủ của họ một khi người đó đã tự nguyện khai báo hành vi sai phạm. Một lần nữa các luật sư của chính phủ tỏ ra cương quyết, khăng khăng đòi mức tiền phạt 100 triệu đô-la.

Pitt biết rằng đây không phải là con số quá lớn so với khả năng chi trả của Boesky. Rõ ràng chính quyền không thể biết đích xác số tiền phi pháp mà Boesky đã kiếm được. Họ không thể biết hết mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm pháp mà Boesky đã thực hiện cho tới khi khung hình phạt được ấn định. Họ cũng không được quyền cưỡng chế toàn bộ số tài sản Boesky đang sở hữu bởi hình phạt phải phù hợp với tội danh. Tuy nhiên, sau đó cơ quan điều tra có nhận được một biên bản kết toán tổng tài sản của Boesky và hóa ra dự đoán của Ủy ban Chứng khoán không chênh lệch là bao. Tài liệu mật cho biết tài sản ròng của Boesky vào tháng Giêng năm 1986 là 130.822.991 đô-la, bao gồm tiền mặt (2,7 triệu), chứng khoán (115 triệu), bất động sản (6,9 triệu), hai chiếc Roll Royce (100.000 đô-la) và các tác phẩm nghệ thuật (2,4 triệu). Thu nhập hàng năm được báo cáo của Boesky là 7 triệu đô-la, trong đó tiền lương trả cho vị trí người đứng đầu các doanh nghiệp chỉ ở mức 35.000 đô-la. Với chi phí hàng năm lên tới 6 triệu đô-la, Ủy ban Chứng khoán tin chắc rằng anh ta sống quá trác táng.

Phần quan trọng của bất cứ cuộc thương lượng nào là lời đề nghị, theo đó người bào chữa sẽ cố gắng trình bày cho chính quyền biết giá trị của việc hợp tác với người phạm tội. Trong cuộc gặp gỡ đầu tiên tại Washington, Pitt đã đưa ra một lời đề nghị không chính

thức bằng cách nêu lên một số giá trị của Boesky với vai trò nhân chứng. Lời đề nghị này dù đã chi tiết hơn lần trình bày trước nhưng vẫn bỏ trống những chỗ cần nêu đích danh tên tuổi. Tuy nhiên, trong lần thương lượng cuối cùng, sau khi mọi chi tiết của cuộc dàn xếp đã được vạch ra, Pitt đưa ra một bản đề nghị chính thức mà Lynch sẽ dùng để xin sự đồng thuận của Ủy ban Chứng khoán về cuộc dàn xếp này.

Cuộc họp đó, vẫn diễn ra tại văn phòng của Fried, Frank, dường như kéo dài bất tận. Mãi đến gần 4 giờ sáng, Pitt mới đưa ra lời đề nghị chính thức, ngay lập tức Lynch, Carberry và các luật sư của chính phủ hứng khởi nghiền ngẫm nó. Tuy nhiên, Carberry cũng nhanh chóng thất vọng. Tài liệu đó mờ mịt hơn anh kỳ vọng rất nhiều. Không có tên thật mà chỉ có "ngân hàng đầu tư A" hay "chuyên viên ngân hàng đầu tư B". Nó cũng không thể hiện rõ quan điểm của các luật sư bào chữa về các sai phạm mà Boesky mắc phải. Carberry ngước nhìn đầy băn khoăn:

"Tài liệu này chưa đạt yêu cầu, chúng tôi làm sao phân biệt được thật giả lẫn lộn?"

"Đây là thứ tốt nhất chúng tôi có thể làm cho tới khi Ủy ban Chứng khoán chấp thuận," Pitt nhất định không tiết lộ thêm thông tin về Boesky. Lynch và Carberry rời khỏi phòng, đinh ninh rằng bản đề nghị này sẽ khó thuyết phục được Ủy ban khi đem so sánh với tầm cỡ của Boesky. Họ cần một con cá lớn hơn.

Gần 6 giờ sáng, Carberry bắt taxi trở lại khách sạn mà anh cho là quá tồi tàn vì thậm chí không có cả lễ tân trực để mở cửa. Đó là tất cả những gì anh có thể chi trả bằng công tác phí. Anh chưa kịp leo lên giường thì chuông điện thoại lại reo. Đó là Lynch.

"Họ muốn thương lượng thêm một lần nữa," giọng Lynch đầy háo hức. "Pitt vừa gọi cho tôi." Nhưng Carberry đã biết trước điều đó.

"Tôi không quan tâm họ muốn thử thêm mấy lần nữa," anh nói. "Từ giờ đến 10 giờ sáng tôi sẽ không làm gì cả." Anh lăn xuống giường và ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, Pitt vứt bỏ sự cẩn trọng sang một bên. Anh ta đồng ý tiết lộ bằng miệng danh tính của tất cả những người được đề cập trong bản đề nghị dù sẽ không viết ra cụ thể. Trước sự ngạc nhiên của các luật sư của chính phủ, Pitt kể ra tên của một trong số những nhân vật đình đám nhất trên thị trường tài chính: Michael Milken, vua trái phiếu; Martin Siegel, chuyên viên ngân hàng đầu

tư xuất sắc của Drexel; Boyd Jefferies, nhà môi giới tài ba của West Coast và Carl Icahn, tay săn doanh nghiệp chuyên nghiệp. Dù có thể liệt kê thêm nhưng Pitt luôn hứa hẹn ít hơn thứ anh ta thực sự nắm trong tay để phòng khi phía chính quyền không được chấp nhận các điều khoản của thư đề nghị. Vì thế, anh ta không đề cập tới một số nhân vật, chẳng hạn như Mulheren.

Không còn nghi ngờ gì về việc Ủy ban Chứng khoán sẽ chấp nhận cuộc dàn xếp. Boesky đang đề nghị trao đổi một điều nằm ngoài sức tưởng tượng của cơ quan điều tra. Chỉ vài tháng trước, Ủy ban tưởng rằng họ đã phá xong vụ giao dịch nội gián lớn nhất thập kỷ khi tóm được Levine.

Carberry đề cập lại cuộc dàn xếp với Giuliani, khi đó vẫn đang đắm chìm trong vụ Friedman và nhanh chóng được ông phê chuẩn. Họ không thể bỏ qua cơ hội này. Ngày 10 tháng Chín, Lynch thông báo về vụ việc cho Ủy ban Chứng khoán. Kể từ khi thông qua lệnh điều tra vào hồi mùa hè, các ủy viên hầu như không được biết thêm điều gì. Kể cả Chủ tịch John Shad cũng không nắm rõ tình hình. Họ rất choáng váng khi mức độ nghiêm trọng của các thông tin mới được tiết lộ; vì thế phản ứng của họ gần như là giãy nảy lên.

Do Drexel tỏ ra rất hợp tác trong vụ Levine, nên Lynch và các ủy viên tin rằng hãng này sẽ lập tức sa thải Milken và tiếp tục hỗ trợ cuộc điều tra. Một định chế tài chính như Drexel chắc canh ta sẽ không muốn cản trở việc thực thi pháp luật của Ủy ban Chứng khoán dựa trên những gì Boesky đã thú nhận. Liệu có còn khách hàng nào muốn hợp tác với Drexel không nếu như hãng này tìm cách bảo vệ Milken. Ủy ban nhận thấy việc Boesky và Milken bị cấm tham gia thị trường chứng khoán sẽ đem đến những thay đổi lớn mang tính áp lực đối với nền kinh tế mà họ phải chuẩn bị kỹ lưỡng để đón nhận. Boesky và Milken là cặp cột trụ đã đưa thị trường chứng khoán phát triển lên một tầm cao mới.

Thậm chí sau khi cuộc dàn xếp đã được thông qua, dường như Shad vẫn không muốn tin rằng họ đã đặt bẫy Boesky. Ông ta quấy rầy Lynch gần như hàng ngày và lo lắng rằng Ủy ban Chứng khoán sẽ không nhận được 100 triệu đô-la. “Tôi chắc canh ta Ivan sẽ đào tẩu khỏi đất nước này,” Shad nói. “Anh ta có thể đi bất cứ lúc nào. Điều gì có thể ngăn cản anh ta? Điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta bị quỵt số tiền đó? Chúng ta phải bắt anh ta bồi thường ngay lập tức. Tôi có thể phong tỏa tài sản của anh ta.”

Lynch cố gắng không để lộ ra sự bất nhẫn của mình. “John, anh ta

đang rất hợp tác. Chúng ta sẽ có tiền. Nếu chúng ta chuyển sang đối đầu với anh ta, tất cả mọi người sẽ biết về vụ này. Chúng ta phải giữ bí mật cho tới khi cuộc điều tra hoàn tất."

Lynch hiểu việc giữ bí mật sẽ ngày càng khó hơn khi nội dung cuộc dàn xếp đã lan ra ngoài nhóm luật sư có liên quan. Chị vợ của Boesky, Muriel Slakin, người đồng sở hữu khách sạn Beverly Hills, đã biết về công văn của Ủy ban Chứng khoán. Và cơ quan điều tra càng lo lắng hơn khi một mẩu tin trên tờ San Diego đề cập tới việc Boesky đã nhận được trát tòa án. Sau đó, trên tờ U.S.A Today, số ra tuần đầu tiên của tháng Chín, Dan Dorfman đã đề cập tới việc Boesky vướng vào vòng lao lý. Hàng ngày, các luật sư của chính phủ theo dõi sát sao các thông tin trên báo chí để xem xét dấu hiệu rò rỉ thông tin. Không có tin tức nào khác xuất hiện trên mặt báo nhưng tất cả đều hiểu rằng họ không còn nhiều thời gian.

* * *

Boesky chính thức trở thành tay trong cho chính phủ từ thứ Hai ngày 17 tháng Chín, sau khi ký thỏa thuận với Ủy ban Chứng khoán. Ngay ngày hôm sau, anh ta ký nhận vào tờ thú tội với Bộ Tư pháp. Trong khi anh ta vui vẻ cùng các khách mời khác trong bữa tiệc trên tàu QE2 vào tối ngày 15 tháng Chín, thì các luật sư của anh ta vẫn đang mải miết chạy đua với thời gian để đưa ra được thỏa thuận cuối cùng với Ủy ban Chứng khoán. Pitt chỉ được ngủ hai tiếng vào tối Chủ nhật.

Bên cạnh những điều khoản về việc nhận tội và hợp tác, bản thỏa thuận còn có những nội dung khuyến khích Boesky nói thật:

Khách hàng của ông phải luôn cung cấp thông tin và lời khai đầy đủ, trung thực, chính xác... Khách hàng của ông phải cam kết không tiếp tục phạm thêm tội lỗi nào khác. Nếu khách hàng của ông còn phạm thêm tội tương tự, Văn phòng sẽ suy đoán rằng người đó cố ý không cung cấp thông tin và khai đầy đủ, trung thực, chính xác, và đã vi phạm các điều khoản của thỏa thuận này. Khi đó, khách hàng của ông sẽ bị truy tố trước pháp luật. Bất cứ sự truy tố nào cũng sẽ dựa trên thông tin do khách hàng của ông cung cấp. Điều này đồng nghĩa những thông tin đó có thể chống lại anh ta.

Chính quyền lần đầu tiên có cơ hội thử thách nhân chứng mới vào Chủ nhật tuần sau đó. Dù Boesky, bằng cách này hay cách khác, đã đảo lộn cuộc sống của họ trong bốn tháng qua nhưng chưa có luật sư nào của cơ quan điều tra từng gặp nhà đầu cơ lừng danh này.

Lynch và Sturc bay sang New York và các luật sư của Boesky cũng từ Washington tới. Carberry và Doonan gặp gỡ họ tại khách sạn Westbury trên Đại lộ Madison, nơi Boesky đã thuê một dãy phòng.

Vì là ngày nghỉ nên hầu hết các luật sư, kể cả Carberry, đều mặc thường phục. Boesky vẫn mặc bộ com-lê ba mảnh thường lệ nhưng dường như đã khá mệt mỏi. Trong suốt cuộc gặp gỡ, anh ta liên tục dùng ngón tay xoay một khối cầu bằng kim loại. Ở anh ta toát lên một vẻ quyết đoán, thậm chí là cứng rắn.

Sau màn chào hỏi, Carberry bắt đầu cuộc họp. "Thưa ông Boesky, ông có nghĩa vụ phải nói ra sự thật," anh phủ đầu, "nếu không, chúng tôi đành phải cứng rắn với ông trước tòa." Carberry khích lệ Boesky kể lại chi tiết hành vi phạm tội của mình, bắt đầu từ vụ Levine. Carberry hài lòng vì Boesky không có ý định gian dối về tội của mình. Ngoại trừ một vài chi tiết, những điều Boesky nói ra hầu như trùng khớp với bản cung của Levine.

Tiếp đó, Carberry hướng câu chuyện sang Siegel, Jefferies, Icahn và cuối cùng là Milken. Carberry không chen ngang để đặt quá nhiều câu hỏi mà cũng không dò hỏi quá chi tiết. Anh này muốn có cái nhìn tổng quan về vụ việc thông qua lời kể và cách nhìn của Boesky. Phiên chất vấn kéo dài chừng một tiếng rưỡi. Doonan ghi chép lại cẩn thận, ông cũng nhận thấy tiềm năng của việc sử dụng Boesky để điều tra bí mật.

Sau đó đến lượt Lynch và Sturc hỏi. Phạm vi pháp luật rộng hơn của Ủy ban Chứng khoán và chuẩn mực thấp hơn về bằng chứng trong các vụ án dân sự khiến họ có nhiều đất để chất vấn hơn. Họ chọn cách tiếp cận theo từng thương vụ, chất vấn Boesky về những giao dịch lớn có dấu hiệu phạm pháp của anh ta, ví dụ như vụ Fischbach. Cuộc thẩm vấn này kéo dài chừng ba tiếng đồng hồ.

Boesky không giới hạn câu trả lời của mình vào những đối tượng đã được đề cập trong bản đề nghị. Anh ta không chỉ kể về chuyến viếng thăm Gulf+Western với Icahn mà còn thuật lại hành vi thao túng giá cổ phiếu của công ty này thông qua sự hỗ trợ của Mulheren. Boesky cũng khai ra nhiều việc làm khác mà Mulheren đã thực hiện dưới danh nghĩa của anh ta. Nhiều giao dịch chưa được nhắc tới trong bản đề nghị cũng được liệt kê thêm, ví dụ như sự tham gia của của anh ta trong vụ lùm xùm về kỷ lục Guiness của nước Anh. Boesky cũng cho biết anh ta nghi ngờ Bob Freeman của hãng Goldman, Sachs cũng tiến hành giao dịch nội gián.

Carberry bắt đầu làm mới lại sự ngưỡng mộ đối với sự sáng suốt

của luật pháp về chứng khoán, nhất là những điều khoản tưởng như nặng tính kỹ thuật. Những điều Boesky nói gợi cho anh nhớ về thập kỷ 1900 – các khoản lợi tức mờ ám, sự thao túng giá cổ phiếu – nhưng lần này với mức độ nghiêm trọng hơn rất nhiều. Anh không thể ngờ những hành vi gian lận trong chứng khoán lại muôn hình muôn vẻ tới vậy.

Các luật sư cũng hết sức bất ngờ về thứ bậc quyền lực cũng như tầm ảnh hưởng của Boesky trong thế giới của anh ta. Họ luôn nghĩ Boesky là tay chơi chính trên Phố Wall. Nhưng giờ đây họ đã rút ra cùng một kết luận với các luật sư bào chữa cho anh ta: Boesky chỉ xếp ở hàng thứ hai trong thế giới đó. Anh ta phụ thuộc vào Milken và Drexel.

Boesky nhắc đi nhắc lại với Carberry và các luật sư rằng Milken là người quan trọng nhất đời anh ta. Milken bảo gì anh ta phải làm nấy vì chính Milken đã đem lại sự giàu sang và đồng thời cũng sẵn sàng hủy hoại anh ta.

Cơ quan điều tra tiến hành hỏi cung trong hàng tuần liền. Để giữ bí mật, họ chuyển từ khách sạn này qua khách sạn khác; hầu hết đều nằm ngay bên ngoài khu Manhattan ở Hạt Westchester, không xa nơi làm việc của Boesky. Giữa hai phiên chất vấn, Boesky tới văn phòng ở Manhattan như thường lệ, thận trọng để không nhân viên nào cảm thấy có điều gì đó nghiêm trọng sắp xảy ra. Các thiết bị kiểm soát tinh vi được gắn vào hệ thống liên lạc của Boesky, cho phép cơ quan điều tra nghe lén và ghi âm được từng cuộc đàm thoại.

Theo lệnh của cơ quan điều tra, Boesky phải gọi cho tất cả những kẻ mà anh ta đã chỉ điểm. Boesky được hướng dẫn cách không tạo áp lực, không cố đặt chữ vào miệng mục tiêu và cư xử tự nhiên nhất có thể. Cùng lúc đó, Carberry cho Boesky biết, anh ta càng thành công với vai trò tay trong bí mật bao nhiêu, nguy cơ phải xuất hiện với tư cách nhân chứng càng ít bấy nhiêu.

Sau hai tuần cố gắng vô ích, Boesky cũng khiến Boyd Jefferies, thủ lĩnh của Jefferies & Co., thuộc hãng môi giới West Coast đưa ra vài nhận xét có tính buộc tội. Nhưng Siegel thì quá mệt mỏi và miễn cưỡng nhận các cuộc gọi của Boesky. Nỗ lực khai thác Milken thất bại. Milken nhận cuộc gọi từ Boesky nhưng luôn nhanh chóng dập máy. Anh ta giới hạn nội dung trao đổi trong những vấn để cấp bách. Milken có thói quen nói những câu ngắt quãng, dù có thể có ý nghĩa với những người có liên quan nhưng sẽ cực kỳ khó hiểu đối với Bồi thẩm đoàn. Cuối cùng, cơ quan điều tra quyết định

Boesky sẽ phải thu xếp gặp trực tiếp Milken.

Mùa hè đó, Boesky có tham gia một chương trình gây quỹ từ thiện cho UJA và ở cùng với Larry Mizel, lãnh đạo tập đoàn MDC, một khách hàng của Drexel. Ngay sau khi Boesky đi khỏi, một đặc vụ FBI tới và thẩm vấn Mizel về người cùng ở với anh. Mizel xác nhận Boesky là một trong số các khách mới. Lập tức anh này nhận được lệnh cung cấp lịch sử các cuộc gọi. Mizel báo ngay cho Jim Dahl, một nhân viên bán hàng cừ khôi của Milken.

"Cậu không tin nổi đâu," anh ta nói không ra hơi, "đặc vụ FBI vừa ra khỏi nhà tôi." Anh giải thích rằng đặc vụ đó đã chất vấn về Boesky.

Dahl nói sẽ báo cáo lại với Lowell Milken. Lowell liền kéo Michael ra khỏi bàn giao dịch, gọi anh ta lên văn phòng và yêu cầu Dahl kể lại câu chuyện. Mặt Michael bỗng xám ngoét như thể gặp ma. Từ lúc đó trở đi, họ rất thận trọng khi giao dịch với Boesky vì nghĩ mọi cuộc đàm thoại với anh ta đều bị ghi âm. Nhưng khi Boesky gọi tới, nói rằng muốn gặp Milken vào trung tuần tháng Mười, Milken đã đồng ý.

Ngay sau đó, Cary Maultasch, một nhân viên cũ của Beverly Hills, giờ đã chuyển tới New York nhưng vẫn đảm nhận các giao dịch của Milken, nhận được cuộc gọi từ Charles Thurner, người giúp Milken theo dõi kế hoạch của Boesky. Thurner yêu cầu Maultasch hủy mọi chứng từ giao dịch giữa Milken và Boesky. Sau đó, anh ta gọi lại để cập nhật tình hình của Boesky và Thurner trấn an rằng mọi bằng chứng đã được xóa sạch. Maultasch hỏi điều gì đang diễn ra. Thurner lấp lửng cho biết Milken đã lên lịch hẹn với Boesky tại khách sạn Beverly Hills.

Hôm sau, Milken gọi cho Maultasch. "Tôi nghĩ đây là một ý kiến quá tồi," Maultasch nói về kế hoạch gặp Boesky. Milken khuyên anh ta đừng lo lắng. Milken hứa sẽ cẩn thận và luôn tự nhủ những gì mình nói ra đều bị ghi âm.

* * *

Trung tuần tháng Mười, Boesky và Tom Doonan, điều tra viên được giao xử lý vụ này đến gặp Pitt tại căn phòng nhỏ của anh ta ở khách sạn Beverly Hills. Họ đã tới Los Angeles theo hai chuyến bay riêng biệt để không gây chú ý.

Doonan đề nghị Boesky cởi áo sơ-mi để gắn vào đó một cục pin nhỏ và một chiếc micro tí hon nhưng anh thất vọng khi thấy

Boesky không mặc áo lót bên trong chiếc sơ-mi đắt tiền. Không thể gắn chiếc micro lên da của Boesky, vì thế Doonan đã cởi áo lót của mình để đưa cho Boesky. Boesky do dự. Doonan ra lệnh cho anh ta mặc vào.

"Ivan sẽ bị phát ban nếu mặc thứ gì rẻ hơn 250 đô-la lên người," Pitt mỉa mai.

Boesky đành mặc chiếc áo lót của Doonan để này cài chiếc micro lên đó. Chiếc micro này sẽ thu âm từ phòng Boesky trên lầu một, nơi hẹn gặp Milken lúc 13 giờ chiều, giờ Thái Bình Dương, và chuyển tới chiếc máy ghi âm đặt trong phòng Pitt.

"Lỡ tôi bị lộ tẩy thì sao?" Boesky sốt sắng hỏi. Anh ta vẫn sợ Milken, kẻ có nhiều bạn thân khắp các sòng bạc. Rất có thể ai đó sẽ phát hiện ra anh ta. "Đừng lo lắng quá," Pitt an ủi. "Nếu có chuyện gì xảy ra, hãy rời khỏi đó ngay lập tức."

Boesky trở về phòng. Trong lúc chờ Milken tới, Pitt hỏi Doonan có muốn dùng bữa trưa phục vụ tại chỗ không. Doonan giật mình khi biết một chiếc hamburger tại Beverly Hills có giá 16 đô-la. Quy định không cho phép anh ăn trưa do người khác trả tiền và tính tiết kiệm khiến anh thấy mọi món trên thực đơn đều vượt quá khả năng chi trả, vì thế anh từ chối dù đang rất đói. Anh chỉ ngồi nhìn Pitt nhấm nháp chiếc humburger.

Boesky đứng ngồi không yên. Một người phục vụ phòng gõ cửa, sau đó một bàn đầy thức ăn được đẩy vào. Milken xuất hiện sau vài giây. Boesky chào anh ta. Trong lúc người phục vụ mặc đồng phục đen đang bày thìa, dĩa và đá lạnh lên bàn, Boesky đi tới đi lui đầy lo âu. Họ không có nhiều thời gian để lãng phí. "Tốt rồi, cứ để đó đi," Boesky nói với người phục vụ. "Anh có thể ra ngoài!"

Boesky và Milken nói chuyện qua về thị trường. Boesky trở lại là chính mình. Vì thông thường anh ta vốn đã rất cứng nhắc và vụng về nên giờ đây sự lúng túng của anh ta lại thành rất tự nhiên. Sau đó, Boesky chuyển hướng cuộc nói chuyện về đề tài chính.

"Ủy ban Chứng khoán đã ra lệnh cho tôi cung cấp hồ sơ các giao dịch. Họ giám sát tôi rất chặt." Boesky tỏ ra lo lắng sẽ phải làm các phép tính lỗ, lãi trong các giao dịch với Milken và muốn đảm bảo họ đưa ra những con số khớp nhau.

"Ồ, người của tôi không còn nhớ gì nữa," Milken nói, ngầm ý muốn nhắc tới Thurner. "Thật thế sao?" Boesky thấy đây làm cơ

hội để cho biết mình đã yêu cầu Mooradian hủy đi mọi chứng cứ. Milken và Boesky lại đi tới đi lui. Boesky muốn mớm cho Milken xác nhận cụ thể hơn các giao dịch giữa hai người.

“Nếu bị hỏi, chúng ta sẽ nói sao về khoản 5,3 triệu đô-la?” Boesky hỏi.

“Chúng ta có thể nói 5,3 triệu đô-la đó là khoản chi trả các dịch vụ ngân hàng,” Milken lập tức trả lời.

“Những dịch vụ nào đây?”

Milken liệt kê một số thương vụ mà Drexel đã nghiên cứu cho Boesky, nhưng Boesky nói mình không có tài liệu để làm chứng. Milken nói anh ta sẽ gửi cho Boesky một vài giấy tờ quan trọng. Sau đó, Boesky đẩy cuộc nói chuyện đi xa hơn bằng cách thú thực số tiền 5,3 triệu

đô-la đó còn chưa đủ để trang trải món nợ của anh ta với Milken. “Anh biết đấy, tôi vẫn giữ cái này cho anh,” Boesky nói.

“Hãy cứ giữ lấy,” Milken trả lời rất kín đáo.

Trước khi Boesky có thể đi xa hơn, Milken đưa ra một nhận xét khiến anh ta giật mình. “Anh phải cẩn thận,” Milken cảnh báo. “Các thiết bị điện tử giờ tinh vi lắm.” Boesky hoảng sợ. Lẽ nào Milken đã nhìn thấu anh ta? Boesky lập tức kết thúc cuộc trò chuyện.

Boesky rất phấn chấn vì đã vượt qua buổi thử thách đầu tiên mà không bị Milken phát hiện. Những điều Milken nói chưa đủ để kết tội anh ta tại tòa nhưng cũng có giá trị làm chứng nhất định. Milken không hề phủ nhận sự tồn tại của kế hoạch làm ăn phi pháp; và cũng không phủ nhận Boesky là con nợ của mình. Việc thảo luận về phương thức thanh toán và hình thức phù phép để biến nó thành một khoản phí ngân hàng rõ ràng là dấu hiệu của hành vi che đậy. Doonan và các công tố viên rất ấn tượng với sự khéo léo của Boesky và nhận thấy rằng họ đã thu được nhiều thông tin từ cuộc gặp gỡ hơn mức kỳ vọng.

Tất nhiên, Milken đã được Mizel cảnh báo trước và cuộc gặp gỡ chỉ khiến anh ta thêm nghi ngờ. Sau khi rời khách sạn Beverly Hills, Milken gọi cho Joseph hiện đang ở New York. “Boesky hành xử rất lạ, hãy theo dõi anh ta cho tôi!”

Cơ quan điều tra không còn nhiều thời gian để tiếp tục chơi trò

gián điệp. Ngày 15 tháng Mười, Northview sẽ phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán và việc Boesky đang bị điều tra sẽ phải công khai. Sau đó, chẳng ai còn dám nói chuyện với anh ta nữa.

Đặc biệt, Ủy ban Chứng khoán còn lo lắng về phản ứng của thị trường trước tin đồn về sự "thoái vị" sắp diễn ra của Boesky. Ở một số khía cạnh nào đó, những nhà đầu cơ như Boesky đã tạo ra động lực cho thị trường vào thập niên 1980 – họ định giá cổ phiếu theo giá trị mua lại chứ không phải dựa trên các phép tính về giá trị sổ sách và lợi nhuận như truyền thống. Trong một động thái bất thường, chính quyền đã quyết định rằng tin tức về Boesky sẽ chỉ được truyền ra ngoài sau khi thị trường đóng cửa vào thứ Sáu, ngày 14 tháng Mười một. Điều này nhằm mục đích dành cho các nhà đầu tư hai ngày cuối tuần để xử lý hóa thông tin trước khi đưa ra những quyết định khó khăn.

Riêng Chủ tịch Shad vẫn lo âu về việc giữ an toàn cho 100 triệu đô-la của Ủy ban Chứng khoán, vốn một phần phụ thuộc vào danh mục đầu tư khổng lồ của Boesky. Ủy ban cũng e ngại việc Boesky bán ra tất cả cổ phiếu của mình ngay lập tức có thể khiến thị trường giảm điểm nghiêm trọng. Vì thế, Ủy ban để anh ta thanh khoản dần số tài sản của mình trong vòng hai tuần trước khi thông báo được đưa ra. Anh ta sẽ tiếp tục giám sát phần còn lại của danh mục trong 18 tháng tiếp theo. Lynch tin tưởng rằng những bước đi này sẽ trấn an được thị trường và bảo đảm quyền lợi tài chính cho chính phủ.

Các luật sư của chính phủ cũng suy nghĩ về giai đoạn sau của cuộc điều tra. Họ biết một khi thỏa thuận với Boesky được công bố, những kẻ bị anh ta chỉ điểm bằng cách này hay cách khác sẽ tìm cách che giấu tội lỗi. Các luật sư không muốn thấy các bằng chứng bị hủy đi, vì thế họ đã chuẩn bị rất nhiều trát gửi tới các mục tiêu. Một khi các trát đã được gửi đi, việc hủy dấu vết dưới bất kỳ hình thức nào cũng sẽ bị coi là hành vi cản trở pháp luật. Lực lượng trợ giúp đã luôn ở thế sẵn sàng khắp các vùng New York, Los Angeles và bất cứ nơi nào cần thiết để chuyển những trát gọi hầu tòa tới tay Siegel, Milken, Drexel, Jefferies, Icahn và nhiều người khác ngay sau khi thị trường đóng cửa vào lúc 4 giờ chiều.

Việc còn lại chỉ là đưa ra một thông báo quan trọng. Giuliani ở New York và Shad ở Washington đã lên kế hoạch họp báo cùng một lúc vào 4 giờ rưỡi chiều thứ Sáu, ngày 4 tháng Mười một. Lynch và Carberry nghĩ tất cả đâu đã vào đó, sẵn sàng chào đón chiến thắng lớn nhất của cơ quan thực thi pháp luật trong suốt một thập kỷ qua.

* * *

Chiều thứ Sáu, Mooradian đang xem xét vị thế vốn ròng của công ty. Có điều gì đó không ổn. Boesky chỉ bán cổ phiếu vì hai lý do: thu lợi nhuận (hoặc cắt lỗ) khi một cuộc sáp nhập đã hoàn thành hoặc để đáp ứng yêu cầu về vốn ròng. Nhưng Boesky đã cắt giảm danh mục trong những tháng gần đây và bán ra rất nhiều trong hai tuần gần nhất. Các vị thế của họ lên tới đỉnh ngay sau ngày 21 tháng Ba, ngày Quỹ Hudson đóng cửa, vào khoảng 3,1 tỷ đô-la. Giờ đây, con số giảm xuống còn chưa đầy 1,6 tỷ đô-la. Nhiều vị thế được đặt vào các cổ phiếu vốn hóa lớn như Eastman Kodak và Time-Life, chứ không phải các cổ phiếu sáp nhập Boesky vẫn ưa thích. Điều này không giống Boesky chút nào.

Khi thư ký của Boesky, Ianthe Peters, gọi đến mời Mooradian và một số người khác tới văn phòng số 650 Đại sộ Fifth để họp vào lúc 3 giờ 15 phút chiều, Mooradian đoán Boesky đang muốn giải thể công ty giống như từng giải thể Ivan F. Boesky & Co. "Chỉ có thể là như thế, chúng ta sắp phá sản," anh ta ủ dột nói với các đồng nghiệp tại số 11 Broadway, dù trong lòng vẫn hy vọng mình đã đoán sai.

Khi Mooradian, Reid Nagle cùng những người khác tới phòng họp rộng thênh thang của Boesky trên tầng 34, căn phòng đã đầy chật nhân viên. Không có dấu hiệu nào cho thấy điềm xấu sắp xảy đến. Ngược lại, Davidoff, trưởng bộ phận giao dịch, thành viên Ban giám đốc vẫn đang pha trò và dự đoán rất tự tin. "Chúng ta sẽ được thưởng vượt bậc. Tôi biết điều đó vì năm vừa qua là một năm tuyệt vời, hơn nữa, chúng ta đã thu hồi được tất cả số tiền từ Drexel."

"Anh có bị điên không?" Mooradian cắt ngang. Một vài người cười to.

Cánh cửa mở toang lúc 3 giờ 20 phút chiều và Boesky xuất hiện, trông mệt mỏi và kiệt sức. Theo sau anh ta là 10 luật sư: Pitt, Theodore Levine, đội bào chữa tới từ Fried, Frank và Wilmer, Cutler, và các luật sư đến từ hai công ty ở Boston đại diện cho các nhà đầu tư đồng sở hữu với Boesky. Wekili và Fraidin, hai thuộc hạ thân cận nhất của Boesky, vắng mặt. Họ đã được thông báo về tin xấu, cũng như cô vợ Seema và những đứa trẻ. Gia đình anh ta thật sự bị sốc.

Khi thấy các luật sư, nhân viên của Boesky hiểu có chuyện nghiêm trọng đã xảy ra. Sau đó, Boesky bắt đầu đọc một bài phát

biểu đã được chuẩn bị sẵn. Boesky nói những tuần vừa qua "vô cùng khó khăn" vì không thể trao đổi với ai cũng như anh ta phải tránh liên lạc với họ. Boesky nhắc mọi người về mức độ nghiêm trọng của những điều anh ta sắp nói ra, do đó các nhân viên không nên rời phòng họp trước 4 giờ chiều và không được phép gọi điện ra ngoài trước 4 giờ 15. Boesky dừng lại, thở sâu và tiếp tục đọc. Vào lúc 4 giờ chiều, tin tức sẽ được công bố ra ngoài: Ủy ban Chứng khoán và Boesky đã thỏa thuận rằng anh ta sẽ phải nộp 100 triệu đô-la và anh ta đã đồng ý nhận tội gian lận trên thị trường chứng khoán.

Chính phủ "bắt giữ tôi chính đáng và không một doanh nghiệp hay một bộ phận kinh doanh nào của tôi phải chịu trách nhiệm vì những gì tôi đã gây ra," Boesky tiếp tục. "Tôi thật sự hối hận vì những sai lầm đã phạm phải và biết rằng chính tôi sẽ phải chịu hậu quả của những sai lầm nay. Cuộc sống của tôi sẽ thay đổi mãi mãi nhưng tôi hy vọng rằng điều khả quan cuối cùng sẽ đến sau tất cả mọi chuyện. Tôi biết sau sự việc ngày hôm nay, nhiều người sẽ kêu gọi cải tổ. Nếu như sai lầm của tôi mở ra quá trình rà soát lại các luật lệ và quy tắc trên thị trường tài chính, thì đó thực sự là một kết quả đáng mừng," Boesky kết luận. Anh ta ngước mắt nhìn các nhân viên đang bàng hoàng và mời họ đặt câu hỏi.

Căn phòng lặng như tờ. Không ai đủ tỉnh táo để đặt câu hỏi. Mãi sau mới có ai đó hỏi rằng liệu công ty có bị đóng cửa không và nếu có thì là khi nào. Boesky trấn an họ rằng anh ta có 18 tháng để ổn định và chấm dứt mọi hoạt động, vì thế không có chuyện đóng cửa công ty ngay lập tức. Boesky hứa hẹn sẽ làm tất cả những gì có thể để giúp nhân viên của mình tìm được công việc mới. Cuối cùng, Johnny Ray, tài xế lâu năm của Boesky, đứng dậy và nói, "Tất cả thủy thủ đoàn sẽ nguyện chết cùng con tàu đắm!"

Câu nói này phá tan mọi căng thẳng. Mọi người cười vang, một vài người khóc, tất cả xếp hàng để bắt tay Boesky, ôm hôn ông chủ của mình, hoặc chỉ để nói lời chúc tốt lành. Nhiều người vẫn thường nghĩ về Boesky như một bạo chúa, nhưng giờ đây anh ta đã trở nên yếu ớt và phụ thuộc hoàn toàn vào các luật sư. Anh ta chỉ còn là chiếc bóng của vị doanh nhân hùng dũng một thời người ta từng biết. Với phần đông nhân viên, có lẽ cảm giác duy nhất chỉ là sự tiếc nuối.

Tin tức xuất hiện trên băng điện báo vào lúc 4 giờ 28 phút chiều. ỦY BAN CHỨNG KHOÁN CÁO BUỘC IVAN BOESKY VỀ TỘI GIAO DỊCH NỘI GIÁN, đó là nội dung dòng tít. "Ủy ban Chứng khoán đã cáo buộc nhà đầu cơ trên Phố Wall, Ivan Boesky, phạm tội giao

dịch dựa trên những thông tin nội gián do Dennis Levine cung cấp." Và đây là điều khiến Phố Wall bàng hoàng nhất: "Boesky đã đồng ý hợp tác với Ủy ban Chứng khoán để mở rộng cuộc điều tra về giao dịch nội gián trên Phố Wall, các quan chức của Ủy ban này cho biết. Ngoài ra, Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mỹ tại New York còn cho biết Boesky đã thừa nhận một trong những tội hình sự nghiêm trọng."

"Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp từ chối cho biết khung hình phạt cụ thể và chỉ tiết lộ rằng Boesky đang hợp tác với cơ quan này để tiếp tục triệt phá đường dây tội phạm hình thành từ vụ án giao dịch nội gián của Dennis Levine."

Tất cả những người từng trao đổi một lần với Boesky đều thuộc diện tình nghi. Cơn hoang mang như làn gió lạnh thổi khắp Phố Wall.

* * *

Trong khi các giao dịch viên tại Beverly Hills đang thư giãn sau một tuần vất vả; thì Milken vẫn miệt mài bên bàn giao dịch. Bỗng Terren Peizer kêu lên, "Ôi Chúa ơi!" Mọi người nhìn lên thì thấy Peizer đã đứng như trời trồng bên bảng điện tử và đang chờ đợi những dòng tin còn ở phía sau đoạn băng.

Milken đọc được tin tức từ chiếc màn hình Quotron. Anh ta không nói gì, chỉ đứng dậy trả lời điện thoại. Các đồng nghiệp nhìn anh ta chằm chằm để dò xét phản ứng. Milken có vẻ trầm ngâm nhưng vẫn hành xử như thể không có chuyện gì xảy ra. Ai cũng phải kinh ngạc trước khả năng tự kiềm chế của anh ta.

Sau ba, bốn cú điện thoại, Milken nhảy dựng lên và rảo bước tới phòng của anh trai Lowell. Milken đóng cửa lại và không ra ngoài trong hơn một giờ.

Sau đó, Fred Joseph gọi đến. Anh ta cho biết các tờ trát liên quan đến Milken và Drexel đã được gửi đi. Những tờ trát được gửi từ Bộ Tư pháp, cho thấy đằng sau đó là một cuộc điều tra tội phạm.

"Không có gì phải lo lắng cả," Milken nói chắc nịch như thể không có gì đáng lo ngại. Joseph bình tâm trở lại. Không thể tin rằng Milken đã làm gì phạm pháp. Anh ta có một công ty thuộc hàng tốt nhất nước Mỹ. Tuy công ty từng bị điều tra vài lần trước đây nhưng không lần nào tìm ra vi phạm gì. Lần này có lẽ cũng vậy. Joseph cáo từ để đi dự tiệc tối dành cho các lãnh đạo của Drexel cùng phu nhân.

Cuối tuần đó, Milken gọi cho Jim Dahl tại nhà và yêu cầu anh ta tới văn phòng. Dahl lái xe tới và ngồi xuống bàn, chờ đợi một cách bất nhẫn xem Milken muốn gì. Nhưng Milken không ngừng đi đi lại lại trong văn phòng, nói chuyện với người này, người khác. Cuối cùng, Dahl đành chặn anh ta tại một góc.

"Anh gọi tôi tới đây," Dahl nói. "Vậy anh muốn gì?"

Milken rảo bước trong yên lặng tới nhà vệ sinh nam, ra dấu cho Dahl theo sau. Vào trong đó, Milken vặn vòi nước to hết cỡ và bắt đầu rửa tay. Cứ để mặc cho nước chảy, anh ta ghé sát vào tai Dahl. "Chưa có tờ trát nào được gửi đi cả," anh ta bưng bít dù bản thân biết rõ điều ngược lại. "Cậu còn cần làm gì thì hãy làm ngay đi." Dahl không biết mặt mũi tờ trát trông như thế nào nhưng anh ta hiểu điều Milken muốn nói: Nếu anh ta giữ thứ gì phi pháp, hãy hủy đi ngay lập tức.

Milken cũng bắt đầu loại bỏ những thứ có nguy cơ trở thành bằng chứng. Vào thứ Hai, Terren Peizer đang làm việc tại bàn thì Milken tới gần và hỏi về cuốn sổ cái màu xanh ghi chép việc làm ăn với David Solomon. "Cậu giữ cuốn sổ của Solomon chứ?" Peizer gật đầu. "Tại sao không đưa nó cho Lorrai Spurge!"

Sáng hôm sau, Peizer ra hiệu cho Spurge tới nhà bếp nhỏ bên ngoài phòng giao dịch. Anh ta nhận thấy mọi người đều nói chuyện và để vòi nước chảy, vì thế anh ta cũng mở van nước nhà bếp phòng khi văn phòng bị đặt máy nghe lén. Anh ta trao cho Spurge cuốn sổ màu xanh.

"Michael yêu cầu tôi đưa cho cái này anh," Peizer nói. Khi quay trở lại bàn, Milken hỏi: "Tất cả nội dung cuốn sổ đó liên quan tới Finsbury phải không?" Peizer gật đầu.

Không ai còn nhìn thấy cuốn sổ đó nữa. Chắc hẳn nó đã bị phi tang.

* * *

Vào thứ Sáu, sau khi tin tức về Boesky được công bố, Cary Maultasch đặt vé máy bay tới Los Angeles và hướng thẳng tới Sân bay Kennedy. Anh ta hẹn với Milken vào ngày hôm sau.

"Anh chẳng biết gì về khoản thanh toán trị giá 5,3 triệu đô-la cả," Milken nói thẳng. Maultasch không biết phải nói sao. Nhận xét của Milken là một câu nghi vấn nhưng Maultasch có biết về số tiền đó. Anh ta hỏi Milken có "thận trọng" trong lần gặp Boesky

tại khách sạn Beverly Hills không. Trông Milken rất bối rối. Anh ta nói lúc đó đã cố gắng hết sức, nhưng về sau nghĩ lại có lẽ như thế là chưa đủ.

Milken lên kế hoạch họp với Maultasch vào lúc 4 giờ sáng hôm sau. Khi Maultasch tới nơi, anh ta được dẫn vào phòng họp. Chỉ có anh ta và Milken trong đó. Một người bảo vệ canh bên ngoài cửa trong suốt cuộc họp. Milken mang theo một xấp tài liệu; Maultasch nhìn thấy tên một vài cổ phiếu đã tạo nên khoản tiền 5,3 triệu đô-la. Milken chỉ thì thào và đôi lúc lại viết câu trả lời ra một mẩu giấy nhỏ màu vàng thay vì nói thành tiếng. Milken dành cả buổi họp để hỏi xem Maultasch có biết gì về những cổ phiếu được xem xét trong vụ Boesky hay không. Khi Maultasch muốn thảo luận cụ thể về từng cổ phiếu, anh ta dùng bút chỉ vào tên cổ phiếu trong danh mục chứ không nói thành lời.

Maultasch rời đi sau khoảng nửa giờ, trao lại thẻ vào cửa cho người gác cổng Drexel. Người gác cổng xé vụn nó thành từng mảnh. "Đừng lo," anh ta nói, "ông chưa từng tới đây!"

* * *

John Mulheren cảm thấy không thể tin vào tai mình khi một người bạn gọi từ Canada báo cho anh ta biết Boesky sẽ tự thú. Cho tới khi tin tức hiện ra trên bảng điện tử, Mulheren mới điếng người. Trước khi dòng chữ kịp chạy hết, anh lập tức gọi lại cho người bạn ở Canada. "Khỉ thật, hóa ra cậu nói đúng. Đúng là không thể tin nổi." Anh gọi cho vợ mình, Nancy, lúc đó đang đưa lũ trẻ đi chơi ở Disney World. "Em sẽ không tin nổi đâu, Ivan Boesky là một kẻ lừa đảo."

"Em không ngạc nhiên," Nancy nói.

Tâm trạng Mulheren lập tức thay đổi. Đã nhiều lần Mulheren tìm cách bảo vệ Boesky để giờ đây anh ta biến anh ta thành tên ngốc. Anh ta có cảm giác mình bị lợi dụng và thấy ghét điều đó. Thật đáng buồn trên đời lại có loại người như Boesky. Anh ta phá vỡ cái nhìn thiện cảm của Mulheren về bản chất con người. Ở một chừng mực nào đó, Mulheren có cảm giác mình vĩnh viễn không thể trở lại như xưa.

Vài ngày sau, luật sư của Mulheren gọi tới. "Các luật sư của Boesky khuyên ông nên từ bỏ quyền giám hộ lũ trẻ nhà Boesky," vị luật sư thông báo. Mulheren thẳng thừng từ chối. "Tôi sẽ không từ bỏ cho tới khi Boesky đích thân gọi điện."

Nhưng Mulheren quyết định sẽ không đợi. Anh chủ động gọi cho Boesky. "Tôi đã nghe luật sư của anh thông báo. Nhưng bây giờ mới chính là thời điểm các con anh cần người giám hộ. Và tôi sẵn sàng làm điều đó."

"Cậu sẽ không muốn vướng vào những chuyện kiện cáo phức tạp đâu," Boesky nói, giọng nói nghe xa xôi nhưng chứa chan tình cảm. "Cậu nên rút lui."

Mulheren cảm thấy bị phản bội nhưng vẫn cố giúp Boesky lần cuối. "Điều này sẽ rất khó khăn cho anh. Anh cần gặp bác sĩ tâm lý. Anh cần sự trợ giúp."

"Cảm ơn rất nhiều vì đã gọi tới," Boesky nói như thể muốn kết thúc cuộc gọi. Cuối cùng, Mulheren nổi cáu.

"Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho anh," Mulheren nói, giọng càng lúc càng lên cao. "Tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho anh vì những gì anh đã làm với công ty và các nhân viên. Mọi thứ sẽ không bao giờ trở lại như cũ. Tại sao anh làm như thế? Tại sao?"

Boesky không bộc lộ chút cảm xúc nào. "Đây là vấn đề hoàn toàn mang tính kỹ thuật, và tất yếu phải có những mảng tối," anh ta nói.

"Mảng cái chết tiệt," Mulheren giận dữ trả lời.

* * *

Không một nhân viên chính phủ nào chuẩn bị sẵn sàng để đón nhận cuộc oanh tạc của giới truyền thông sau khi thông báo chính thức về Boesky được công khai. Charles Carberry, vốn chưa từng cảm thấy thoải mái với giới truyền thông, giờ lại luôn bị bủa vây. Hai hãng thông tấn đã tìm cách chen lấn qua cánh cửa có lính gác của Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Khi Carberry từ chối trả lời các câu hỏi của phóng viên tờ New York Post, tay phóng viên đe dọa sẽ "làm cho ra nhẽ" trừ khi anh chịu trả lời. "Tùy cậu thôi," Carberry nói.

Nửa đêm ngày thứ Bảy sau khi công bố tin tức về Boesky, Carberry, vốn mắc chứng mất ngủ kinh niên, bật ti-vi lên. Lynch đang lên sóng trên đài CBS, bàn về vụ Boesky. Ở bất cứ đâu, anh cũng thấy gương mặt của Boesky xuất hiện: trên bìa tạp chí Time và Newsweek, trên mọi tờ báo lớn, truyền hình mạng và thậm chí vào lúc nửa đêm. Như thể toàn bộ mảng tối của sự bùng nổ trong thập kỷ 1980 đã được cá nhân hóa thành hình ảnh của Boesky.

Thế nhưng, sau tất cả những nỗ lực của mình, chính phủ lại chẳng được báo chí ca ngợi bao nhiêu về thành tích bắt giữ Boesky. Thay vào đó, người ta lên án chính phủ chưa đưa ra khung hình phạt thích đáng. Quá tải trước những cuộc điện thoại gọi đến, trong khi chưa có bộ phận chuyên trách về quan hệ công chúng, Carberry và Lynch quyết định sẽ chỉ trả lời một nhóm phóng viên, điều đó đồng nghĩa với việc nhiều sự việc sẽ không được công khai hóa.

Sự việc ngày càng nghiêm trọng. Thứ Hai ngày 17 tháng 11, tờ The Wall Street Journal cho chạy một bài trên trang nhất rằng Drexel, Milken, Icahn, Posner và Jefferies là những người thuộc diện tình nghi. Ngày tiếp theo, tờ báo lại tiếp tục làm Phố Wall giật mình với tin Ủy ban Chứng khoán đã coi Drexel là mục tiêu điều tra chính thức. Bài báo liệt kê 12 công ty xuất hiện trong sổ đen của Ủy ban này. Hôm sau, lại có tin Drexel đã bị Bồi thẩm đoàn liên bang điều tra.

Vụ án Boesky khiến thị trường chứng khoán chấn động và giảm 13 điểm trong ngày thứ Hai. Nhưng Drexel và Milken lại là vấn đề khác. Các nhà buôn cổ phiếu đều biết bất kỳ mối đe dọa nào đối với cỗ máy kiếm tiền Milken còn đáng ngại hơn việc Boesky rút lui khỏi thị trường chứng khoán rất nhiều. Vào thứ Ba, khi tờ Journal tiết lộ Drexel đang là mục tiêu điều tra, chỉ số trung bình công nghiệp Dow Jones giảm 43 điểm. Một cuộc chiến nổ ra giữa cổ phiếu của những công ty bị tung tin đồn sắp sửa bị thâu tóm. Giá trái phiếu lãi suất cao tăng vọt. Một số khách hàng của Drexel rút khỏi các thương vụ dang dở. Ronald Perelman bất ngờ bỏ ngang cuộc bỏ thầu thâu tóm với Gillette vốn đang được Drexel chống lưng, khiến thị trường càng trở nên hỗn loạn. Các tin đồn tràn ngập, phổ biến nhất là Milken đã xin từ chức, thổi lạnh sàn chứng khoán gần như hàng giờ.

Những nhà đầu cơ nhiều vốn và dung chứa nhiều cổ phiếu của các công ty bị thâu tóm chịu hậu quả nghiêm trọng nhất quay ra đổ lỗi cho chính quyền. Họ lập luận rằng, với việc để Boesky bán hết số chứng khoán của mình trước khi thông báo công khai, chính phủ đã giúp anh ta tiến hành vụ giao dịch nội gián lớn nhất trong đời. Ý tưởng này truyền đi nhanh như chớp trong một mạng lưới thông tin đan xen chằng chịt.

Họ bắt đầu gọi điện để trình bày quan điểm này với các phóng viên hay bất cứ ai chịu lắng nghe. Trong số những người ủng hộ, có một số nhà đầu cơ lớn như Sandy Lewis, người đã rất háo hức khi Boesky thất thế và Robert Freeman của hãng Goldman, Sachs,

kẻ có tên trong một tờ trát sau khi Boesky cho cơ quan điều tra biết có thể Freeman cũng giao dịch bằng thông tin nội gián.

Cuối cùng họ cũng đạt được thứ mình muốn. Chỉ một tuần sau khi công bố thông tin về Boesky, ngày 21 tháng 11, tờ Washington Post đăng trên trang nhất bài báo có tựa đề: PHỐ WALL KHIỂN TRÁCH HÀNH ĐỘNG CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN – CƠ QUAN ĐÃ CHẤP THUẬN CHO BOESKY BÁN TRƯỚC CỔ PHIẾU. Với các luật sư của Ủy ban Chứng khoán, đây quả là một cơn ác mộng.

"Hôm qua, Phố Wall đã phản ứng kịch liệt với các cơ quan thông tấn, báo chí vì Ủy ban Chứng khoán đã đồng ý cho nhà đầu cơ Ivan F. Boesky bán đi số cổ phiếu của các công ty bị thâu tóm trị giá hơn 400 triệu đô-la trước khi chính thức công khai vụ việc và khiến thị trường sụt giảm nghiêm trọng," bài báo mở đầu bằng những dòng như vậy. "Vô tình Ủy ban Chứng khoán đã tiếp tay cho một trong những vụ giao dịch nội gián lớn nhất trong lịch sử, David Nolan, một giao dịch viên lâu năm tại công ty Spear Leeds & Kellogg nhận định" (trong khi các phóng viên của tờ Wasshington Post đâu ngờ rằng chính Nolan cũng sắp sửa bị điều tra). "Ủy ban Chứng khoán," bài báo tiếp tục, "dù nhận thức được rằng thông tin về các giao dịch của Boesky đã gây sóng gió trên Phố Walk, nhưng lại từ chối bình luận về vấn đề này..."

Bài báo nhanh chóng được truyền đi khắp nước Mỹ thông qua các độc giả, qua đài phát thanh và truyền hình. Lynch, Sturc và các đồng nghiệp sững sờ vì chưa bao giờ họ nghĩ tới điều này. Giờ đây khi nhìn lại họ mới thấy mình quá bất cẩn. Họ đã đồng ý để Boesky giải phóng số chứng khoán vì muốn ổn định thị trường và đảm bảo thu hồi được số tiền 100 triệu đô-la cho chính phủ. Họ đâu ngờ việc làm đó có thể được diễn giải thành hành vi giúp Boesky hoàn thành các giao dịch nội gián – hành vi khiến anh ta phải nhận tội và nộp phạt.

Cùng lúc đó, Drexel và phe ủng hộ cũng chỉ trích Boesky là kẻ phản bội Phố Wall vì đã ghi âm các cuộc gọi với đồng nghiệp và làm "chim mồi" cho chính quyền. Họ thuê một thám tử tư, Jules Kroll, để tìm hiểu các thông tin xấu liên quan tới Boesky. Họ vẽ nên chân dung về Boesky như một kẻ dối trá, khó lường, một tên tội đồ ghê tởm hơn những gì chính phủ ghi nhận.

Thứ Hai ngày 24 tháng 11, khi các luật sư của chính phủ còn đang đau đầu với bài báo tuần trước, The Wall Street Journal lại đăng bài viết của Priscilla và Beatrice Garcia tính toán tổng số lợi nhuận

phi pháp thực tế mà Boesky thu được từ thông tin nội gián của Levine là 203 triệu đô-la, điều đó cho thấy Ủy ban Chứng khoán đã trừng phạt hắn chưa thích đáng. "Phát hiện này sẽ làm trầm trọng thêm những chỉ trích nhằm vào Ủy ban Chứng khoán, vốn đã mất uy tín vì cho phép Boesky kiếm tiền để trả khoản tiền phạt 100 triệu đô-la bằng cách bí mật thanh lý số chứng khoán trị giá 440 triệu đô-la trước khi tin tức được công bố vào ngày 14 tháng 11."

Điều này không đúng, bởi phần lớn số lợi nhuận của Boesky đã chảy vào túi các nhà đầu tư. Dù hưởng lợi bất chính nhờ sai phạm của Boesky, nhưng các nhà đầu tư lại không phải giao nộp lại cho chính quyền. Phần của Boesky trong tổng số tiền đó ít hơn rất nhiều; tổng tài sản của anh ta vào thời điểm thỏa thuận được ký kết chưa đầy 200 triệu đô-la. Ủy ban Chứng khoán đã có lần đề cập đến điều này, nhưng bài báo vẫn viết, "một nữ phát ngôn viên của Ủy ban Chứng khoán kiên quyết từ chối bình luận về điều này dù cho có vô số cuộc điện thoại gọi đến cuối tuần trước." Vì thế, giả thuyết Boesky kiếm được nhiều hơn số tiền anh ta phải nộp phạt đã được nhiều tờ báo khác đăng lại và được dư luận đón nhận. Chẳng mấy chốc, người ta đã đồn rằng số tiền phi pháp Boesky kiếm được là 300 triệu đô-la.

Trong nỗ lực chuyển hướng chú ý từ chính mình sang chính phủ, Drexel liên tiếp nhấn vào chủ đề các luật sư của cơ quan điều tra đã để rò rỉ thông tin có hại cho báo chí, đặc biệt là tờ The Wall Street Journal. Drexel không có bằng chứng nào để chứng minh nhưng vụ "rò rỉ" vẫn cứ nhanh chóng xuất hiện trên mặt báo.

Sự cản trở của báo chí tiêu cực đã châm ngòi cho nhiều vụ công kích nghiêm trọng hơn, phần lớn hướng tới Ủy ban Chứng khoán. Nghị sĩ New York Charles Schumer đã chỉ trích cơ quan này. Nghị sĩ John Dingell, Chủ tịch Ủy ban Giám sát và Điều tra đầy quyền lực của Quốc hội đòi hỏi lời giải thích chính thức cho công chúng. Ông còn gọi Brian Campbell, cựu chuyên viên môi giới của Merrill Lynch, người phụ trách các giao dịch với Ngân hàng Leu, tới để đối chất. Dingell ngợi ca Campbell là "chàng trai 26 tuổi" đã "giải mã và khám phá hơn 20 vụ giao dịch nội gián của Levine" trong khi Ủy ban Chứng khoán, "được trang bị công nghệ tối tân..., lại chẳng thể khởi tố một vụ kiện cho ra hồn." Lynch nổi giận khi Campbell, bản thân cũng thuộc diện tình nghi, lại nhận được lời khen tặng vốn phải dành cho sự khó nhọc của Ủy ban. Thời gian quý báu của họ giờ đây không phải dành cho cuộc điều tra mà để xoa dịu Quốc hội và trả lời các chất vấn.

Tồi tệ hơn cả là sự mất mát lòng tin trong nội bộ Ủy ban. Giấc mơ của Shad, người luôn mong mỏi việc đưa thông tin về vụ Boesky sẽ trở thành điểm nhấn trong toàn bộ sự nghiệp của mình tại Ủy ban Chứng khoán, đã bị dư luận tiêu cực vùi dập. Ông ta có ý đổ lỗi cho Lynch. Theo chỉ đạo của Shad, Ủy ban đã ngưng chấp thuận đề nghị của Lynch về việc gửi đi những tờ trát khác – điều tối cần thiết cho cuộc điều tra. Ông ta sợ sự nghiệp của mình sẽ lụn bại.

Ngày 24 tháng 11, khi tờ Journal cho biết số tiền phi pháp mà Boesky kiếm được vượt quá số tiền phạt anh ta phải nộp, Lynch gọi đội quân thoái chí của mình tới phòng họp và cố gắng trấn an họ. Nhưng điều đó không hề dễ dàng. Anh kể lại câu chuyện người tìm ra vaccine Salk đã bị công luận chỉ trích vì giết quá nhiều khỉ trong phòng thí nghiệm. Bản thân Lynch cũng vô cùng thất vọng. Anh không thể ngủ được. Anh đã tính tới việc từ chức.

Nhưng sau đó anh lại lo lắng sẽ không có ai tiếp tục cuộc điều tra và tất cả sẽ rơi vào quên lãng. Nhận thấy mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội vì lợi nhuận phi pháp còn tiếp tục gia tăng, anh không thể để điều đó xảy ra. Anh cố gắng tập hợp nốt tất cả khả năng quyết đoán còn lại của mình và cảnh báo trước với các nhân viên rằng chắc chắn dư luận xấu sẽ còn chưa chịu dừng lại. Họ mới chỉ ở chặng đầu tiên của cuộc chiến dài và gian khổ.

“Chúng ta được giao trọng trách đảm nhận công việc quan trọng bậc nhất trong đời mình,” anh nói với các nhân viên. “Chúng ta phải tiếp tục chiến đấu.”

11.

Martin Siegel bước vào phòng ngủ, ném áo khoác ngoài lên giường. Thật dễ chịu khi về nhà ăn bữa tối vào lúc này. Mới chỉ có 6 giờ rưỡi tối, ngày 29 tháng Mười năm 1986. Siegel bước tới gần chiếc bàn đặt bên khung cửa sổ rộng mở ra phía công viên Gracie Square và chăm chú nhìn ra ngoài.

Kể từ khi Levine bị bắt, tới giờ Siegel mới cảm thấy thanh thản. Sau ngày hoảng sợ khi nhận được tin xấu từ Levine bên chiếc bốt điện thoại sân bay, Siegel đã phải gặp bác sỹ. Anh cảm thấy không ổn và đang phải chịu quá nhiều áp lực. Trong thâm tâm, Siegel muốn bác sĩ hỏi tại sao anh lại mệt mỏi và lo lắng đến thế. Anh muốn chia sẻ để trút bỏ gánh nặng trong lòng. Nhưng bác sĩ chỉ kiểm tra qua loa và phớt lờ những lời kêu ca của anh. “Chỉ là do làm việc quá sức thôi,” ông ta nói. “Anh sẽ chóng khỏe thôi.”

Có lẽ vị bác sĩ đã đúng. Cuối tuần trước, Siegel và vợ đi nghỉ cùng bạn bè ở Key Biscayne. Lao ra đại đương trên con thuyền mong manh trong gió rít và nắng cháy da, Siegel đã lấy lại được sự hứng khởi.

Anh mỉm cười ngắm quang cảnh ngoài cửa sổ. Lũ trẻ nghịch ngợm chơi trò chơi trong sân chơi. Nhưng sự yên ả bị phá tan bởi tiếng chuông điện thoại. Siegel lơ đãng nhấc máy, không đợi cô bảo mẫu Doris trả lời. Một giọng nam cắt đứt phút giây mơ màng của anh ta.

"Xin hỏi có phải là ông Marty Siegel?"

"Đúng vậy," Siegel trả lời.

"Tôi là Bill." Siegel thoáng yên lặng. Hôm thứ Hai, Doris đã báo với anh có một người tên Bill gọi tới nhưng không để lại số. Chuyện tương tự cũng xảy ra hôm qua. Cả hai ngày vừa rồi, Siegel đều vẫn về nhà vào lúc 8 giờ tối như thường lệ. Anh không mảy may bận tâm về những cuộc gọi ấy vì lúc đó anh chưa nhớ ra Bill là ai.

"Bill nào nhỉ?" Siegel hỏi.

"Anh biết đấy," đầu dây bên kia trả lời đầy bóng gió. "Đơn giản chỉ là Bill thôi."

"Tôi không biết Bill nào cả," Siegel bắt đầu cảm thấy bực mình. Có lẽ đây chỉ là một cuộc gọi nhầm số ngớ ngẩn. Cuộc điện thoại im lặng mất vài giây.

"Anh có nhận được thư của tôi không?" Bill hỏi.

"Không!"

"Anh biết đấy, lá thư tôi đã gửi anh..."

Siegel không hiểu vì sao mình không cúp máy. "Tôi không biết tý gì về lá thư đó. Sao anh không nói luôn ra đi?" Lại yên lặng. Sau đó, đầu dây bên kia bắt đầu oanh tạc.

"Ý tôi là, mối quan hệ của anh với tên người Nga."

Siegel nhắm mắt lại, trong đầu hiện lên hình ảnh của Boesky. Anh cố gắng không để mất tự chủ. "Tôi không hiểu anh đang muốn nói điều gì," anh trả lời điềm tĩnh.

"Tôi đã gửi thư cho anh," Bill tiếp tục. "Trong thư tôi có nói muốn

gặp anh."

"Tôi không hề quen anh!" Siegel nói.

"Thôi nào, đừng cố biến tôi thành thằng ngốc," Bill nói bằng giọng như hăm dọa. Siegel khẳng định lại anh không hiểu người đàn ông kia đang nói về chuyện gì. Khi đó, Bill rõ ràng có thoáng chút lo lắng. "Anh có đúng là Marty Siegel, từng làm việc cho Kidder, Peabody và giờ chuyển sang Drexel không?"

"Vâng, chính là tôi đây," Siegel trả lời và quyết định phải dừng chuyện này lại. "Đừng làm phiền tôi nữa. Nếu anh còn gọi tới, tôi sẽ báo cảnh sát."

"Tôi rất nghi ngờ điều đó," Bill trả lời đầy mỉa mai. Siegel cúp máy.

Anh lảo đảo rời khỏi bàn, tay nắm chặt. Anh luôn sợ đến lúc phải đối mặt với chuyện này. "Đây là cách kết thúc mọi chuyện," Siegel gào lên. Dạ dày anh trào lên dữ dội. Anh lao vội sang nhà vệ sinh kế bên.

Vừa lúc đó, Jane Day hốt hoảng chạy vào. Cô thấy chồng quỳ sụp xuống bên bồn cầu, nôn thốc nôn tháo. "Anh có ổn không?" cô lo lắng hỏi khi Siegel gượng đứng dậy và cố gắng lấy lại bình tĩnh.

"Chắc là một con virus dạ dày," anh nói với cô. "Nó đến đột ngột quá."

Khi còn lại một mình, Siegel gọi cho Martin Lipton, luật sư thân cận nhất của mình cả về phương diện cá nhân và công việc. Trợ lý của Lipton tại Wachtell cho biết sếp của cô hiện đang ở Houston nhưng có để lại cho Siegel số điện thoại để liên lạc khi cần thiết.

"Marty đây, tôi đang bị tống tiền," Siegel nói với Lipton và tóm tắt lại cuộc điện thoại với người đàn ông bí ẩn. Lipton giục Siegel tới gặp Larry Pedowitz ngay hôm sau. Pedowitz từng là Trưởng bộ phận điều tra tội phạm tại Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp, người đã giúp Wachtell xử lý vụ Ilan Reich.

Sáng hôm sau, Siegel gặp Pedowitz và kể lại sự việc thật tỉ mỉ, nhấn mạnh rằng Bill đã vài lần nói tới một lá thư và muốn gặp anh trực tiếp. "Anh đã kiểm tra thư từ tại Connecticut chưa?" Pedowitz hỏi.

Siegel nhớ ra cả anh và Jane Day đều chưa về căn nhà ở Connecticut từ hơn hai tuần nay. Khi lái xe tới đó, lá thư hiện ra

trong đống thư từ chưa mở. Siegel đeo găng tay cao su để tránh lưu lại dấu vân tay; rồi với đôi tay run rẩy, anh mở phong bì và vội vàng đọc lá thư ngắn ngủi. Lá thư chỉ vỏn vẹn có hai từ vắn tắt và khó hiểu "Tôi biết" và sau đó đòi hỏi tiền. Nếu Siegel không trả, Bill dọa sẽ tố giác anh với Sở Thuế vụ. Siegel cẩn thận đặt chiếc phong bì và bức thư vào một phong bì lớn hơn, dán lại và lái xe trở về New York.

Khi nhìn thấy lá thư, Pedowitz rất băn khoăn. Ông nghi ngờ liệu lá thư và những cuộc điện thoại có phải là âm mưu công phu của chính phủ nhằm giăng bẫy Siegel vào một vụ đưa hối lộ. Lập luận này có vẻ không đúng lắm nhưng sau khi trừng trị Levine thẳng tay, chính phủ ám chỉ cuộc điều tra vẫn còn tiếp diễn, vì thế điều gì cũng có thể xảy ra. Tuy nhiên, Pedowitz khuyên Siegel đợi xem có chuyện gì khác xảy ra không.

Tuần sau, Siegel nhận được một cuộc gọi từ Boesky, anh ta đột nhiên có vẻ rất nóng lòng muốn gặp Siegel. Siegel từ chối và cúp máy nhưng hết sức sửng sốt về cuộc gọi đó. Ngày 10 tháng Mười một, các nhân viên thuế vụ bất ngờ xuất hiện tại văn phòng của Siegel. Lúc đó, Siegel không có mặt tại công ty nhưng khi được báo cáo sự việc, anh ta gọi ngay cho Pedowitz. Lần này Pedowitz khuyên Siegel nên liên lạc với Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

"Cứ thế đi," Siegel nói với ông. "Tôi muốn giải quyết cho xong chuyện này."

Chiều hôm ấy, Pedowitz lại nhắc nhở. "Việc đầu tiên anh nên làm sáng mai là tới đó," Pedowitz nói, giọng nói thể hiện sự nghiêm trọng nhưng không cung cấp thêm chi tiết nào.

"Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã biết hết chuyện lá thư," Pedowitz nói với Siegel sáng hôm sau. "Họ biết tất cả về anh và Boesky." Không cần để ông phải nói thêm. Vỏ bọc của Siegel đã bị phá vỡ. Anh úp mặt vào hai bàn tay và bật khóc.

"Tôi đã làm chuyện đó," anh nói trong tiếng nức nở. "Tôi có tội. Tôi xin lỗi. Tôi thực sự muốn làm điều đúng đắn."

Pedowitz nói ông đã thảo luận với các đồng nghiệp và đi đến kết luận Wachtell, Lipton không thể bào chữa cho Siegel; văn phòng này đã đại diện cho quá nhiều khách hàng tham gia vào những giao dịch có thể trở thành bằng chứng buộc chống lại anh ta. Nhưng Pedowitz đề nghị giúp Sigel tìm một luật sư khác. "Một số luật sư tranh tụng, số khác làm việc cho chính phủ, anh thích loại

nào?" Pedowitz hỏi. Siegel trả lời anh không thể ra quyết định chừng nào chưa nói chuyện với vợ.

Siegel bắt một chiếc taxi về căn hộ của mình. Anh biết mình không thể làm gì xa hơn mà không nói gì với vợ, nhưng đó lại là cuộc chạm trán anh sợ nhất. Anh sợ cô sẽ rời bỏ anh. Khi chiếc taxi di chuyển chậm rãi qua làn xe cộ buổi sáng, Siegel mơ màng nghĩ tới việc tự tử: Thay vì đi lên nhà, anh sẽ lấy chiếc xe tải của gia đình ra khỏi gara, rời thành phố và lái xe về phía đông theo quốc lộ 95 cho đến tới khi gặp cầu sông Mianus. Sau đó, anh sẽ lái xe khỏi mép cầu. Viễn cảnh cái chết có sức hấp dẫn đầy ma lực nhưng anh tái mặt khi nghĩ đến nỗi đau đớn sau lúc chìm xuống.

Khi về tới nhà, cô bảo mẫu cho biết vợ anh đã ra ngoài mua sắm cho Giáng sinh. Siegel bước vào từng căn phòng. Anh biết mọi thứ sẽ sớm tiêu tan. Hai tuần nữa là sinh nhật lần thứ 36 của vợ anh và anh sắp phá hỏng nó. Với đống đồ nặng trĩu trên tay, Jane rất bất ngờ khi thấy chồng ở nhà nhưng vẫn vui vẻ kể cho anh về những thứ cô mới mua và kế hoạch cho kỳ nghỉ sắp tới. Siegel buộc phải cắt ngang câu chuyện của vợ.

"Có vài điều anh phải nói cho em biết," anh nói và dẫn cô vào phòng khách. Anh đóng cửa cánh gỗ lại khi cô cởi áo khoác và ngồi lên chiếc ghế sô-pha. Siegel ngồi xuống cạnh Jane và nắm chặt lấy tay cô. Anh hít một hơi và bắt đầu: "Em có nhớ lá thư đến từ Connecticut đã làm anh phiền lòng không? Có vài chuyện liên quan tới nó. Anh đã mắc một sai lầm nghiêm trọng. Anh không biết làm sao để em có thể tha thứ cho anh."

Jane khóc nức nở ngay lập tức, cô nhận ra từ giọng nói và cử chỉ của chồng điều gì đó rất tồi tệ sắp xảy đến. Siegel vội vã tóm tắt lại kế hoạch giao dịch nội gián của anh và Boesky. Anh thấy mệt mỏi và đau đớn. Jane vẫn khóc nấc lên. Siegel sợ hãi khi thấy mình đã làm cô đau đớn đến thế. Đó là khoảnh khắc tồi tệ nhất trong đời anh.

"Những gì anh đã làm thật tồi tệ," Jane nghẹn lời. Cô cảm thấy mình bị phản bội vì anh đã giữ bí mật kinh khủng này mà không cho cô biết. Cô nói anh đã hủy hoại lòng tin mà cô dành cho anh. Dù nói như vậy, nhưng Jane vẫn thấu hiểu nỗi đau đớn và tuyệt vọng của chồng và cơn xúc động của cô nhanh chóng nhường chỗ cho nỗi lo Siegel có thể dại dột nghĩ quẩn. Cô lại an ủi để anh có thể tiếp tục sống. "Anh là một người cha và một người chồng tốt," cô dịu dàng nói trước khi nước mắt lại trào ra.

Gần 1 giờ sáng, Siegel trở lại văn phòng của Wachtell, Lipton để gặp Pedowitz. “Tôi không muốn kháng cự,” Siegel nói với ông. “Tôi muốn chuyện này qua đi và sửa chữa lỗi lầm.” Cuối cùng, Siegel ngồi lại với Jed Rakoff, người từng phụ trách bộ phận chống gian lận chứng khoán tại Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp, sau này về làm việc cho Mudge Rose Guthie Alexander&Ferdon. Rakoff từ văn phòng Mudge Rose dưới trung tâm thành phố tới đây để gặp Siegel và Pedowitz. Trước khi Rakoff tới, Siegel đã nhận được trát gọi của Ủy ban Chứng khoán. Sau cuộc gọi của Pedowitz, Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã thông báo cho Ủy ban Chứng khoán biết Siegel đang ở Wachtell, Lipton nên tờ trát đã được gửi đến đây.

Rakoff rất ngạc nhiên khi thấy Siegel, dù đang rất rối trí, không cố gắng tìm cách khai nhẹ hay chối bỏ tội lỗi. Anh ta tóm tắt ngắn gọn cho Rakoff về thỏa thuận với Boesky, không loại trừ những vấn đề nhạy cảm nhất, ví dụ như những khoản thanh toán bằng tiền mặt. Và thỏa thuận với Boesky chưa phải là tất cả những sai lầm mà anh ta đã mắc phải. Anh ta kể ngắn gọn cho Rakoff nghe về mối quan hệ của mình với Freeman.

Siegel rất lo lắng về các cộng sự của mình tại Drexel và mối quan hệ của anh ta với công ty này. Trong hoàn cảnh hiện nay, anh không thể tiếp tục làm việc như thể không có chuyện gì xảy ra. Anh thấy mình phải nói chuyện với Joseph ngay lập tức. Tuy nhiên, Rakoff lại muốn duy trì sự linh động nhất có thể cho Siegel. Anh này biết Siegel có thể có giá trị làm một tay trong bí mật cho cơ quan điều tra. Nhưng Siegel nhất quyết không làm gián điệp tại Drexel. Không việc làm sai trái nào của anh ta diễn ra tại đó, Siegel khẳng định như vậy và tin chắc rằng Drexel không hề hoạt động trái pháp luật. Cho nên thật không công bằng khi bẫy các cộng sự của mình tại Drexel. Rakoff đồng ý để Siegel nói với Joseph về tờ trát và xin nghỉ phép “vì lý do sức khỏe” trong thời gian xử lý những câu hỏi đặt ra trong tờ trát. Tối hôm đó, Siegel sẽ gặp lại Rakoff và đồng nghiệp của anh này, Audrey Strauss, tại văn phòng của Mudge Rose.

Trước khi rời văn phòng Wachtell, Lipton, Siegel đề nghị được gặp Lipton, người mới trở về từ Texas. Siegel một mình bước vào căn phòng rộng thênh thang của vị đồng nghiệp cấp trên, nơi anh đã rất nhiều lần lui tới trong suốt quãng đời làm chuyên viên ngân hàng đầu tư. Đối diện với người luôn hết lòng nâng đỡ sự nghiệp của mình, Siegel một lần nữa thấy suy sụp. “Tôi xin lỗi,” anh lắp bắp liên hồi. Lipton đã trải qua những cơn ác mộng như thế này quá nhiều lần: Florentino và Reich, hai đối tác của ông; giờ lại tới

Siegel, người ông coi như con trai. Lipton không dễ dàng để anh được thư thái bằng những lời an ủi. Ông giữ thái độ lạnh như băng với Siegel.

Sau khi rời Wachtell, Lipton, Siegel cùng Rakoff tới văn phòng của anh này. Chiều tối hôm đó, Pedowitz gọi điện và đọc cho hai người nghe tin tức đã được đăng tải về lời thú tội của Boesky và thỏa thuận của anh ta với Ủy ban Chứng khoán. Đột nhiên chuỗi sự kiện rối rắm trở nên sáng tỏ. "Các anh không hiểu hết tầm quan trọng của chuyện này đâu," Siegel nói với Rakoff và Strauss. "Tất cả sắp kết thúc rồi."

Siegel cuối cùng cũng tới được văn phòng của mình tại Drexel lúc chiều muộn, anh đi thẳng lên phòng Joseph. Joseph mới rời cuộc họp chiến lược sau khi nghe tin tức về Boesky. Anh thấy sắc mặt Siegel rất xấu, như thể vừa mới trải qua một cú sốc lớn.

"Tôi muốn xin nghỉ một thời gian," Siegel nói. "Tôi đã nhận được tờ trát." Siegel sửng sốt khi thấy Joseph cười lớn. "Các cậu mở câu lạc bộ đi thôi," Joseph nói đầy phấn khích. "Ackerman cũng nhận được tờ trát, Milken cũng vậy." Siegel chuyển từ ngạc nhiên sang chết lặng. Chuyện gì đang xảy ra vậy? Những người này đâu có mối liên hệ nào với anh ta? Đắm chìm trong chuyện riêng của mình, anh ta đã không mảy may nghĩ rằng Boesky có thể đã khai ra những người khác ngoài anh.

Joseph cắt đứt dòng suy nghĩ của Siegel. "Cậu đã làm gì sai chưa? Bất cứ điều gì?"

Siegel nhìn Joseph, nước mắt giàn giụa, "Không hề!" Anh ta đã học được cách nói dối khi cần thiết để ngụy trang cho sự hợp tác của mình.

"Đó là trát của Ủy ban Chứng khoán hay của Bồi thẩm đoàn?" Joseph hỏi. Siegel cho biết tờ trát đến từ Ủy ban Chứng khoán. Điều đó có vẻ làm dịu đi nỗi lo lắng của Joseph. "Đừng lo," Joseph nói. "Cứ tiếp tục làm việc đi. Không có lý do gì phải xin nghỉ phép cả. Công ty sẽ luôn ủng hộ anh trăm phần trăm."

Trong khi Siegel đang gặp Joseph, Rakoff gọi cho Carberry. "Tôi biết anh đã gửi tờ trát cho Siegel," Rakoff nói. "Tôi sẽ giải quyết chuyện đó. Tôi là luật sư của Siegel." Rakoff nói thêm rằng anh muốn thảo luận kỹ hơn với Carberry về vụ này và Carberry đã sắp xếp cuộc gặp vào sáng hôm sau.

Khi đó Rakoff đã hiểu anh và Siegel cần nhanh tay hơn nữa. Anh

từng là sếp của Carberry khi còn lãnh đạo bộ phận phòng chống gian lận chứng khoán và biết rõ anh ta là người rất nghiêm túc, luôn thích ra tay nhanh và mạnh với những bị cáo cổ cồn trắng tiềm năng. Rakoff cảnh báo nếu Siegel định thỏa hiệp thì phải khẩn trương, ngay cả khi điều đó đồng nghĩa với việc có thể anh ta sẽ phải nhận cả tội hình sự và dân sự, nguy cơ hôn nhân và gia đình tan vỡ, thậm chí lâm vào cảnh phá sản. Rakoff cũng đề nghị xem xét khả năng biện hộ cho Siegel nếu anh ta quyết định chống trả tới cùng.

"Tôi muốn thú tội và sửa chữa sai lầm," Siegel khăng khăng. "Tôi không chuẩn bị để chống trả trừ khi anh bảo tôi phải làm thế."

Sáng hôm sau, thứ 7 ngày 15 tháng Mười một, Siegel và Jane Day tới văn phòng Rakoff. Siegel cảm thấy ổn hơn hôm trước rất nhiều. Anh ta đã giãi bày nhiều điều với vợ tối hôm đó và hiểu rằng cô luôn ủng hộ chồng cho dù có bất cứ điều gì xảy ra. Siegel cảm thấy như trút được gánh nặng, vì thế anh ta sẽ đặt niềm tin vào chính quyền, sẽ làm điều đúng đắn. Anh ta nghĩ chính quyền cũng giống như cha mẹ; từ giờ chính quyền sẽ bảo vệ anh ta.

Có lúc, Audrey Strauss, cộng sự của Rakoff trong vụ này, đã phải nhắc nhở anh. "Marty, hôm qua thì anh quá ủ rũ," cô nói. "Còn hôm nay anh lại hơi cao hứng quá đấy."

Rakoff và Strauss giải thích cho vợ chồng Siegel kỹ hơn về những hệ lụy của một lời thú tội, cố gắng trấn an họ rằng mọi thứ luôn có vẻ ảm đạm hơn thực tế và rằng tình hình không đến nỗi vô vọng. Sau đó Rakoff qua gặp Carberry, hai người vào đề ngay lập tức.

"Chúng tôi đã tóm được Siegel," Carberry nói thẳng toẹt. "Chúng tôi có ba nhân chứng: Ivan Boesky, nhân viên chuyển phát đã đánh rơi tiền mặt và một nhân chứng của vụ chuyển tiền. Chúng tôi nghĩ Siegel có thể phần nào hữu ích. Chúng ta đã biết về Freeman," Carberry nói thêm và khiến Rakoff giật mình với cái tên anh nhận ra ngay từ lời thú tội của Siegel. Rakoff tự hỏi liệu Carberry có đang lừa mình không.

"Giả sử sự việc đúng như vậy," Carberry tiếp tục, "tôi sẽ đề xuất bốn trọng tội." Rakoff cố gắng không bộc lộ chút cảm xúc nào và cố dò hỏi về những điều khoản khác trong thỏa thuận. Vị thẩm phán nào sẽ xét xử vụ việc này? Theo quy định của Toà án liên bang Manhattan, vị quan tòa chấp nhận lời thú tội sẽ theo vụ án cho đến khi tuyên án; Rakoff hy vọng lời thú tội của Siegel sẽ được sắp xếp thời gian hợp lý để đảm bảo gặp được một vị thẩm phán

khoan dung. Carberry nói chính phủ sẽ cố gắng linh hoạt nhưng Siegel sẽ phải nộp lời thú tội bất cứ khi nào chính quyền yêu cầu. Liệu có phải Carberry muốn ràng buộc Siegel? "Đúng thế," Carberry nói.

Rakoff đem lời đề nghị này thuật lại với Siegel, người thuê anh ta dàn xếp mọi việc. Rakoff lại gửi tới Carberry một đề nghị không chính thức, hứa hẹn rằng Siegel sẽ cung cấp bằng chứng buộc tội một nhà đầu cơ đang làm việc cho một công ty lớn khác trên Phố Wall, dù anh không nói thẳng tên Freeman. Đáp lại, Carberry đồng ý giảm hai trọng tội cho Siegel. Rakoff nói họ còn phụ thuộc vào việc thương lượng với Ủy ban Chứng khoán.

Với thỏa thuận có được, Rakoff gọi cho Lynch tại Ủy ban Chứng khoán. Vẫn đau đớn vì dư luận xấu đối với vụ Boesky, Ủy ban háo hức coi Siegel là bằng chứng cho thấy giá trị của việc hợp tác với Boesky. Họ không muốn nhận thêm lời chỉ trích nào nữa rằng Ủy ban Chứng khoán quá nhẹ tay với lũ tội phạm trên Phố Wall. Rakoff hỏi họ muốn gì.

"Rất đơn giản," Lynch đáp. "Chúng tôi muốn mọi thứ trừ hai căn hộ của anh ta." ("Chúa ơi," Siegel thốt lên khi Rakoff chuyển tin tức. "Tôi chỉ nhận được 700.000 đô-la từ Boesky thôi). Rakoff cố gắng tranh luận rằng Ủy ban Chứng khoán rất vô lý, ít nhất Siegel phải được giữ lại những gì anh kiếm được ở Drexel, đó là thu nhập chính đáng và sạch sẽ. Họ khăng khăng tịch thu gần như tất cả những gì Siegel có. Ủy ban biết họ đã đẩy Siegel vào thế bí và nhưng vẫn quyết tâm làm thế để chuộc lại tiếng xấu trước đó. Siegel được phép giữ lại những khoản đóng góp hưu trí cùng hai căn nhà, chỉ thế thôi. Anh ta phải từ bỏ 10 triệu đô-la chứng khoán và cổ tức bảo đảm mà Drexel còn nợ vì Ủy ban Chứng khoán sẽ không cho phép công ty trả cho anh ta khoản tiền này.

Rakoff nói anh ta có thể phản đối những điều khoản hà khắc đó nhưng Siegel không muốn. Đến nước này, Siegel ngạc nhiên vì mình chẳng còn màng tới tiền bạc. Khi kiếm được khoản thu nhập sáu con số, tiền bạc có vẻ rất quan trọng nhưng nó chưa bao giờ đủ để đem lại cảm giác an toàn mà anh ta luôn cầu mong. Giờ đây, dù có bao nhiêu tiền thì cuộc đời anh ta cũng đã coi như hỏng. Vậy thì có sao đâu nếu trắng tay?

Siegel cũng nghĩ hình phạt nặng có thể giúp làm nhẹ tội lỗi của anh ta trong con mắt dư luận. Nếu đó là cái giá phải trả để chuộc lại lỗi lầm thì hãy cứ làm thế đi. Nếu còn chút lăn tăn nào thì đó chỉ là vì những người từng là cộng sự của anh ta trên Phố Wall sẽ

coi thoả thuận của anh ta và Ủy ban Chứng khoán là một "giao dịch tồi." Với một nhà môi giới giỏi, điều đó thật đáng xấu hổ.

Mặc dù những chi tiết cuối cùng sẽ không được hoàn thành cho đến giữa tháng Mười hai, nhưng thỏa thuận với Ủy ban Chứng khoán hầu như đã đâu vào đấy trong vòng một tuần và cuộc thỏa thuận nhanh chóng đi đến đồng thuận. Giờ Siegel bắt đầu trở thành một nhân chứng hợp tác giống như Boesky đã làm trước đó.

Một buổi tối muộn trong tuần Lễ Tạ ơn, Rakoff và Siegel đi vào cửa phía sau của tòa nhà bưu điện liên bang rộng lớn đặt trên con phố kéo dài từ Trung tâm Thương mại Thế giới ở khu Manhattan. Địa điểm và thời gian 10 giờ đêm đã được chọn để đảm bảo bí mật. Siegel được đưa tới văn phòng của các thanh tra bưu điện, nơi lần đầu tiên anh gặp Carberry.

Vẻ ngoài của Carberry khẳng định danh tiếng "Columbo tái thế" của anh. Siegel không thể không để ý đến vết nước sốt cà chua loang rộng quanh ngực áo Carberry. Siegel cũng được gặp Doonan, người sẽ phụ trách của anh ta trong suốt giai đoạn hợp tác bí mật và Robert Paschall. Siegel nhìn kỹ Doonan, có vẻ là một người Ireland khó tính. Một vài nét của Doonan dường như quen thuộc một cách mơ hồ nhưng Siegel chắc canh ta mình chưa bao giờ gặp người này.

Carberry rất ấn tượng về Siegel, chuyên viên ngân hàng đầu tư đầu tiên anh gặp có thể xếp vào hàng "bề trên." Levine và Wilkis chắc canh ta không phải thuộc hàng đó. Boesky thì chỉ là nấc giữa. Ngược lại, Siegel tỏ ra ưa nhìn, bình tĩnh, lôi cuốn, ngay cả khi quẫn trí.

"Họ sẽ nhìn vào mắt anh để xem có tin tưởng được anh không," Rakoff nói với Siegel. "Hãy trả lời mọi câu hỏi của họ và luôn nói sự thật." Siegel trình bày với công tố viên tất cả các giao dịch với Boesky và Freeman. Anh ta cố gắng kể chính xác nhất có thể, dù phải lục lại trí nhớ mà lẽ ra phải xem lại các hồ sơ giao dịch để có thể cung cấp những chi tiết chuẩn xác. Siegel nói chuyện trong khoảng một tiếng rưỡi; và sau một loạt các cuộc gặp gỡ tương tự nhau nối tiếp nhau. Một vài giao dịch, nhất là với Freeman, rất phức tạp: ví dụ, vụ Unocal với những phép tính chia tỷ lệ phức tạp hay câu chuyện rất dài về Storer.

Siegel không cố gắng đổ lỗi hành động của mình là do hoàn cảnh đưa đẩy hay mọi người khác trên Phố Wall đều làm như vậy. Anh

ta không hề bào chữa điều gì. Levine và Boesky thể hiện sự ăn năn hối hận nhiều hơn, nhưng nỗi buồn phiền cho thấy tâm trạng của họ là đang ở vào vị thế của kẻ bị bắt. Siegel khiến các công tố viên tin rằng anh ta thực sự thấy những gì mình làm là sai và anh ta muốn sửa chữa.

Các luật sư của Ủy ban Chứng khoán không tham dự bất cứ cuộc họp nào. Siegel nhận thức rất rõ sự lạnh nhạt giữa Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Ủy ban Chứng khoán. Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp vẫn rất gay gắt sau dư luận xấu về Ủy ban Chứng khoán. Để tránh rò rỉ ra ngoài, Siegel được đề nghị không tiết lộ bất cứ thông tin gì với các luật sư của Ủy ban Chứng khoán, nhất là những thông tin liên quan đến Goldman, Sachs. "Đừng nói gì với họ," Doonan đã nói vậy với Siegel. "Họ sẽ làm rối tung mọi thứ lên."

Cuối cùng, vào tháng Một năm 1987, Ủy ban Chứng khoán tuyên bố họ phải tiếp cận Siegel để đối chứng một vài lời khai của Boesky. Cuộc gặp gỡ với Leo Wang và một luật sư khác của Ủy ban diễn ra tại một phòng của khách sạn Gramercy Park. Nhưng Siegel chỉ được Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho phép nói về những vấn đề liên quan tới Boesky trong khuôn khổ những vi phạm của anh ta. Tên Freeman không được nhắc đến.

Khi Siegel đồng ý hợp tác, Rakoff đã buộc anh ta phải đối mặt với sự thật rằng cuộc sống ở New York sẽ sớm kết thúc. Anh ta phải chấp nhận nguy cơ mọi ngõ ngách trong cuộc sống hiện tại và quá khứ của mình sẽ trở thành đối tượng bị săm soi. Vào lúc Sigel đồng ý thú tội, Rakoff muốn anh ta gặp một bác sĩ trị liệu hoặc bác sĩ tâm lý nhưng không thể; Goldman, Sachs có thể đưa vị bác sĩ đó ra toà. Mối quan hệ với tư cách bệnh nhân không nhất thiết phải được giữ bí mật tại tòa án liên bang.

Rakoff và Strauss thúc giục Siegel đưa gia đình rời vùng tâm bão càng nhanh càng tốt để họ có thời gian điều chỉnh cuộc sống trước khi lời thú tội của anh ta được công khai. Điều này vô cùng khó khăn với Jane. Cô yêu căn nhà ở Connnecticut mà cô đã cùng chồng thiết kế và ý nghĩ phải xa rời tất cả bạn bè, bắt lũ trẻ rời khỏi trường học thực sự rất đau đớn. Tuy nhiên, đã quyết định đứng về phía Siegel, cô phải chấp nhận lên kế hoạch cho một cuộc sống mới ở nơi khác. Họ chọn Florida, nơi luật đất di cư bảo vệ nhà của các bị đơn khỏi bị các chủ nợ chiếm đoạt. Siegel rao bán ngôi nhà ở Connecticut và căn hộ ở New York và dành một vài ngày cuối tuần dạo qua rất nhiều thành phố tại Florida, đầu tiên là Tampa, đi xuống West Coast, sau đó lên East Coast, kết thúc tại

Jacksonville. Trên đường đi, Siegel có lúc lại muốn tự tử. Khi lái xe trên quốc lộ 95, Siegel nghĩ thật rất đơn giản nếu bẻ tay lái và đâm thẳng vào xe cộ đi ngược chiều. Nhưng ý nghĩ tai nạn sẽ làm những nạn nhân vô tội khác chịu tổn hại khiến anh ta không đành lòng.

Siegel dừng lại ở Jacksonville bởi Tampa/St. Petersburg quá buồn chán, Miami thì quá đô hội, Palm Beach lại chẳng trang nhã như người ta vẫn nói; và nhất là anh ta không muốn gặp lại các cộng sự cũ của mình tại Phố Wall và các công ty khác. Siegel thích khí hậu có lợi cho sức khỏe của Jacksonville. Anh ta nghĩ mình có thể gây dựng lại sự nghiệp ở đây sau khi đã vượt qua thử thách này, nhất định sẽ tới lúc đó. Siegel đã tìm thấy một căn nhà rất đẹp, một biệt thự cao vút, hiện đại nằm trên bờ biển Ponte Vedra vắng vẻ. Ga-ra đủ chỗ cho ba

ô tô, phòng khách có lò sưởi và vọng gác trên tầng ba với tầm nhìn rất rộng bên trên phòng ngủ chính, có thể trưng dụng làm văn phòng tại nhà hoàn hảo. Anh ta cũng mua đồ biển và xây phòng ngủ cho bọn trẻ trên nóc ga-ra. Tiền nhà, tiền đất và tiền sửa sang ngốn của Siegel 3,5 triệu đô-la.

Siegel bán ngôi nhà ở Connecticut với giá 3,5 triệu đô-la và căn hộ trong thành phố với giá 1,5 triệu đô-la không mấy khó khăn bởi người đầu tiên nhìn thấy nó đã lập tức ưng ý. Thị trường nhà đất tại Manhattan vẫn đang bùng nổ. Gần như toàn bộ khoản thu của anh ta đều dồn vào tài sản, thuế và chi phí pháp lý tại Florida. Không ai biết Siegel sắp chuyển nhà đến Florida nhưng chắc canh ta thông tin họ bán nhà đã rò rỉ; hàng xóm kết luận Siegel và Jane sắp ly hôn. Siegel tức điên khi một người hàng xóm gọi lại, nhiệt tình hỏi liệu anh ta có định bán chiếc xe trượt tuyết không.

Jane Day, Doris, Jessica và hai cậu em sinh đôi chuyển tới Florida vào giữa tháng Giêng. Siegel vẫn ở lại New York, cố gắng làm như thể không có gì xảy ra. Anh ta muốn tới Florida vào ngày gia đình dọn đến nhà mới nhưng một trận bão tuyết lớn đã làm chuyến bay bị hủy. “Chúng tôi đang ở một nơi rất quê mùa,” Doris trả lời khi liên lạc được với họ qua điện thoại. Trong suốt sáu tháng đầu, Scotty, một trong hai cậu bé sinh đôi luôn hỏi “Chú gác cửa đâu rồi?” mỗi khi họ lái xe lên căn nhà mới.

Siegel rất cô đơn ở New York nhưng vẫn cố gắng xuất hiện đều đặn, đến công ty và trả lời điện thoại. Drexel không gây áp lực buộc anh giải thích gì thêm. Các luật sư của công ty tại Cahill Gordon & Reindel định kỳ gọi cho Rakoff, hỏi đi hỏi lại để chắc

chắn Siegel biết công ty không sai phạm gì và ban đầu còn yêu cầu anh này cung cấp thêm thông tin về tình trạng của Siegel. Rakoff chỉ cho biết có những "lập luận" liên quan tới sự nghiệp của Siegel trước khi về Drexel nhưng từ chối đi vào chi tiết. Drexel cố gắng không gây ác cảm với bất cứ ai có thể đang hợp tác với chính quyền. Vào tháng Giêng, Siegel nhận được khoản tiền thưởng 3 triệu đô-la và chuyển cho Ủy ban Chứng khoán.

Những ai quen Siegel đều nhận ra có chuyện gì đó hết sức tồi tệ với anh ta. Siegel mất sức sống, sự nhiệt tình và sắc sảo vốn có, cũng không tham gia các cuộc họp hội đồng quản trị tại Drexel và không tạo ra thêm bất kỳ giao dịch nào. Cả Siegel và Rakoff đều được chính quyền hướng dẫn nói dối khi cần thiết để bảo vệ giá trị vị trí tay trong bí mật của mình nhưng điều đó không mấy khi phải dùng đến.

"Tôi nghe nói anh đã chịu hợp tác," một hôm Joseph tình cờ nói với Siegel nhưng anh ta chỉ nhún vai và Joseph cũng không ép.

John Crudele, phóng viên tờ The New York Times đã gọi cho Siegel và hỏi có phải anh đang gặp khó khăn trong cuộc sống.

"Không," Siegel trả lời.

Ban đầu Siegel phản đối việc làm gián điệp nhưng cơ quan điều tra kiên quyết muốn ghi âm lại cuộc nói chuyện của anh ta với DeNunzio và Tabor. Họ cũng nói không cần anh ta liên lạc với Freeman. "Chúng tôi không muốn anh tới gần Freeman," Doonan nói. Họ muốn tiến hành cẩn trọng để xem Siegel thể hiện ra sao và thử phản ứng của những người mà anh ta liên lạc. Họ không muốn liều đánh động Freeman.

Các điều tra viên đề xuất gắn máy thu âm cho Siegel và sắp xếp để anh ta gặp mặt Ralph DeNunzio. Siegel sẽ lái cuộc nói chuyện sang các hoạt động đầu cơ của Kidder, Peabody và kế hoạch với Freeman, cố gắng xác thực lời khai của Siegel rằng DeNunzio có biết về vụ dàn xếp đó. Vì DeNunzio không tự mình giao dịch, nên cơ quan điều tra cần nhiều bằng chứng hơn. Họ không muốn buộc tội DeNunzio chỉ dựa trên lời khai của Siegel. Nhưng ý tưởng này có rất nhiều vấn đề. Siegel rất do dự. Anh ta không thể tìm ra một lý do hợp lý để gặp DeNunzio sau khi đã rời công ty để sang Drexel.

Doonan và Paschall đề xuất giải pháp: Siegel sẽ gọi cho bạn thân, Peter Goodson, hiện là Trưởng bộ phận M&A của Kidder, Peabody.

Siegel sẽ nói với Goodson là muốn quay lại Kidder, Peabody vì Drexel đã khai ra mình sau vụ Boesky. Anh muốn nhờ Goodson sắp xếp một cuộc hẹn với DeNunzio, Siegel sẽ đến nơi hẹn mang theo máy ghi âm. Siegel không muốn thế; bởi anh ta là cha đỡ đầu của con gái Goodson, bạn tốt nhất của anh tại Kidder, Peabody. Nhưng cơ quan điều tra không cho Siegel lựa chọn khác.

Với Doonan đứng bên cạnh, Siegel gọi tới nhà Goodson. Anh gặp được bạn mình sau ba lần quay số. Lúc đầu, Goodson có vẻ cả tin vào câu chuyện và hứa sẽ cố gắng thu xếp cuộc hẹn. Nhưng cuối cùng, khởi đầu tốt đẹp đó lại không đi đến đâu. Goodson cho biết DeNunzio đã từ chối đề nghị của Siegel vì vẫn chưa quên sự phản bội của anh. DeNunzio còn gửi lời tới Siegel: "Mình làm mình chịu, giờ thì hãy yên vị ở đó đi."

Chính quyền không quan tâm tới Wigton. Anh ta và Siegel không mấy liên quan tới nhau và do đó khó có thể nghĩ ra lý do nào thuyết phục để Siegel gọi cho anh ta. Còn Tabor, đối tác cũ trước đây của Wigton, lại là một vấn đề khác. Doonan ngay lập tức nhận thấy anh ta là một mục tiêu tiềm năng.

Tabor rời Kidder, Peabody ngay sau Siegel. Giống như Levine, anh ta đã đánh đổi kinh nghiệm non nớt về kinh doanh chứng khoán của mình lấy một chức danh và tiền lương khá ấn tượng. Đầu tiên, anh ta tới Chemical Bank đảm nhận cương vị trưởng bộ phận kinh doanh chứng khoán. Anh ta đang dự định mở thêm một phòng kinh doanh chứng khoán mới cho ngân hàng nhưng thông tin về sự thay đổi đó đã châm ngòi cho làn sóng dư luận xấu phản đối Chemical. Khách hàng lo lắng ngân hàng đang cố gắng kiếm lời từ các vụ thâu tóm. Chemical yêu cầu Tabor không đầu tư vào những thương vụ thâu tóm thù địch. Đây là một sự kiềm chế vô lý đối với bất kỳ nhà kinh doanh chứng khoán thực thụ nào. Kết quả là Tabor bỏ Chemical và đầu quân cho Merrill Lynch.

Chính quyền tin rằng Tabor có nhiều nguy cơ bị truy tố. Sau khi tin tức về vụ bắt giữ Levine lọt ra ngoài, Tabor đã gọi cho Siegel tại Drexel."Liệu chúng ta có ổn không?" anh ta hỏi với ngụ ý việc quen biết Siegel có thể khiến anh ta gặp nguy hiểm. Siegel trấn an Tabor rằng anh chưa bao giờ liên hệ với Levine. Một lần khác ở Merrill Lynch, Tabor lại gọi cho Siegel khi anh đang làm việc với gia đình Haft trong vụ bỏ thầu Safeway được Drexel hậu thuẫn. Merrill Lynch khi đó đang đại diện bảo vệ quyền lợi cho công ty này. Tabor bắt đầu cung cấp cho Siegel các thông tin mà Tabor gọi là "suy nghĩ của Merrill Lynch" về việc phòng vệ, bao gồm cả những thông tin mật về lịch trình của những cuộc họp cấp cao.

Tabor đang tiến rất gần tới thông tin nội gián và Siegel nghĩ anh ta đang hy vọng thiết lập mối quan hệ. Nhưng Siegel không bao giờ cắn câu.

Khi Siegel gọi tới, đề nghị gặp nhau để ôn lại chuyện "những ngày xưa thân ái" tại Kidder, Peabody, Tabor có vẻ không hiểu. Anh ta lần lữa. Siegel thử đổi hướng. Viện dẫn vụ lùm xùm của Boesky tại Drexel, Siegel nói anh ta muốn rời Drexel. "Có lẽ chúng ta nên hợp tác với nhau và thành lập một cái gì đó của riêng mình," anh ta nói. Nhưng cách này cũng không mang lại kết quả gì nên Siegel gọi lại một lần nữa. "Có lẽ tôi phải nói chuyện với anh về việc đầu quân cho Merrill Lynch."

Tabor hẳn rất băn khoăn về ý muốn "sum họp" đột ngột của Siegel. Con đường của họ đã rất khác nhau ngay từ khi họ còn làm việc trong cùng một công ty. Doonan theo dõi mọi cuộc gọi, thường là từ một đường dây điện thoại trong văn phòng của mình.

Khoảng 4 giờ rưỡi chiều thứ Tư ngày 11 tháng Hai năm 1987, Doonan và Paschall tới căn hộ của Siegel, nơi anh ta vẫn đang chờ hoàn tất thủ tục bán nhà. Chiều hôm đó, Tabor bị sa thải khỏi Merrill Lynch, điều này có thể làm suy yếu khả năng kháng cự đồng thời tăng khả năng hợp tác với chính quyền của anh ta. Họ nản chí vì Siegel không mấy thành công trong vai trò gián điệp bí mật và bắt đầu mất kiên nhẫn. Họ cũng lo lắng về bài báo gần đây trên mục chuyện phiếm của của tờ New York Post; phóng viên Suzy đã nói Siegel có thể đang gặp khó khăn sau vụ Boesky. Họ biết điều này sẽ làm sâu sắc thêm những nghi ngờ về Siegel. Thời gian sắp hết rồi.

"Đây là cơ hội cuối cùng của anh," Doonan nói với Siegel bằng giọng lạnh lùng. "Gặp Tabor. Hãy sắp xếp ngay một cuộc hẹn với anh ta." Siegel nhấc điện thoại gọi cho Tabor tại nhà riêng, cố gắng bày tỏ sự cảm thông với việc Tabor bị sa thải, sau đó một lần nữa nêu lại ý tưởng thành lập công ty chung với Tabor. Siegel đề nghị gặp nhau để thảo luận về dự định này. Lần này, Tabor thẳng thừng từ chối với lý do "quá bận."

Doonan điều khiển cuộc nói chuyện từ một chiếc điện thoại khác. Anh nghe thấy Siegel cúp máy và sau đó là tiếng tách khi Tabor cúp máy. Nhưng đường dây vẫn chưa ngắt hẳn. Anh còn nghe thấy một giọng nam trong căn hộ của Tabor. "Tôi có nên cúp máy bây giờ không?" giọng nam hỏi. Doonan hết sức giận dữ. Anh biết ngay Tabor đã bị kiểm soát khi nói chuyện với Siegel. Anh đã hiểu

ra mọi chuyện.

“Giờ chúng ta sẽ phải làm điều này theo cách của mình,” Doonan nói một cách đáng sợ khi cùng Paschall rời khỏi căn hộ của Siegel.

Siegel hiểu “cách của mình” nghĩa là gì. Anh giờ đã biết Doonan có thể làm gì. Vài tuần trước những buổi thẩm vấn đầu tiên, Doonan đã lần đầu tiên nói chuyện với Siegel qua điện thoại. Giọng của Doonan qua điện thoại có vẻ quen thuộc một cách kỳ lạ. Đột nghiên Siegel cảm thấy ớn lạnh. Anh đã nhớ ra. Ký ức đưa anh trở về một buổi tối mùa thu, trong phòng ngủ; anh vừa chăm chú nhìn ra sân chơi vừa nghe điện thoại.

“Có phải là Marty Siegel không?”đầu dây bên kia cất tiếng hỏi, đó chính là giọng nói đã hủy hoại cuộc đời Siegel. “Anh có nhận được thư của tôi không?”

Doonan chính là “Bill.”

* * *

Khoảng hai tuần sau khi vụ Boesky được công khai, Milken một lần nữa gọi Jim Dahl tới. Dahl thậm chí còn chưa hiểu điều gì đang xảy ra. Tất cả những gì anh ta được biết là sau khi họ gặp nhau trong phòng vệ sinh nam, Milken đã dành phần lớn thời gian lẩn trốn cùng với anh trai mình, Lowell.

“Anh cần thuê luật sư,” Milken nói bằng giọng thầm thì. Dahl không nhận được trát thẩm vấn nhưng xét tới tầm quan trọng của anh ta trong vụ việc này và các giao dịch trực tiếp với Boesky, có lẽ chỉ là vấn đề thời gian trước khi anh ta bị sờ gáy. Milken kiên quyết giục Dahl thuê Edward Bennett Williams, một luật sư có tiếng ở New York. Dahl không phải lo lắng về chi phí trả cho Williams – tất cả sẽ được Drexel thanh toán, cũng như với Milken. Milken giải thích chính anh ta cũng chọn Williams và cam đoan rằng Dahl không cần phải lo lắng gì. “Thứ duy nhất họ muốn là tôi,” Milken nói.

Dahl không chắc việc thuê chung luật sư với Milken có ổn không. Liệu lợi ích của Milken có được đặt lên trên hay không? Dahl ngẫm nghĩ về điều này suốt tuần sau khi Williams và một luật sư trẻ của Williams & Connolly, Robert Litt, tới Beverly Hills chuẩn bị phỏng vấn những nhân chứng tiềm năng.

Dahl bất ngờ trước vẻ cộc cằn của người từng chiến thắng trong nhiều cuộc tranh tụng được đông đảo công chúng biết đến.

Williams là một trong số các luật sư bào chữa nổi tiếng nhất nước Mỹ, một huyền thoại của Washington, không có đối thủ trong các vụ án mang tính chính trị. Ông từng bào chữa cho Thượng nghị sĩ Joseph McCarthy, ông chủ Teamster của Jimmy Hoffa, Lyndon Johnson người bảo hộ Bobby Baker, chuyên gia tài chính Robert Vesco, cựu Bộ Trưởng Tài chính John Connally và cựu nghị sĩ Adam Clayton Powell. Là chủ đội bóng chày Baltimore Orioles và từng là đồng sở hữu công ty Washington Redskins, Williams rất hiểu việc kinh doanh. Hiện, ông này đang chiến đấu với căn bệnh ung thư.

"Nghe này, Jim, chuyện này sắp qua rồi," Williams gằn giọng. "Tất cả những gì chúng ta phải làm là đoàn kết để chiến đấu với chuyện chết tiệt này. Đám luật sư của chính quyền này không xứng là đối thủ của chúng ta." Williams tiếp tục ba hoa, xen vào lời nhận xét bằng những lời tục tĩu. Ông và Litt đảm bảo với Dahl rằng anh ta không phải là đối tượng, mục tiêu của cuộc điều tra mà chỉ là một kẻ ngoài cuộc, một nhân chứng tiềm năng có thể làm hại Milken. "Chúng ta sẽ đánh bại lũ con hoang đó," Williams nói, "nhưng trước hết phải giữ cho những thứ bên trong không lọt ra ngoài."

Với Milken, điều cốt yếu là kiểm soát được các nhân chứng tiềm năng. Boesky có thể được loại ra khỏi tầm ngắm vì hắn là kẻ nói dối và là tên tội phạm đã nhận tội; lời khai của hắn không bao giờ đủ để kết án Milken. Milken và các luật sư của anh ta biết rõ điều đó, các công tố viên cũng vậy. Tuy nhiên, một thành viên khác trong nhóm Milken có thể phải gánh chịu đòn chết người nếu có bất kỳ sai sót nào. Và điều đó không được phép xảy ra.

Bản thân Milken sẽ không bao giờ khai ra. Không một phút nào anh ta nghĩ tới việc thú tội, nói sự thật hay hợp tác. Không giống Boesky và Levine, anh ta không có ai quan trọng hơn để chỉ điểm và không có ai ít quan trọng hơn để xin chính quyền khoan dung. Anh ta là đỉnh tháp, là nhân vật quan trọng nhất trong hệ thống tài chính nước Mỹ. Không có "con cá" nào lớn hơn thế. Và không giống Siegel, Milken rõ ràng không cảm thấy chút hối hận nào. Milken đã chống trả nhiều cuộc thẩm vấn của Ủy ban Chứng khoán trong quá khứ và giờ đây anh ta tự tin rằng mình đủ sức đánh bại cơ quan này.

Không giống Pitt và Rakoff, Williams không hề cố gắng moi sự thật từ Milken, không chỉ trong các cuộc phỏng vấn đầu tiên mà cả sau này. Williams không muốn biết. Williams thường nói ông có một nguyên tắc bất di bất dịch: "Không hỏi những câu hỏi mà

chính mình cũng không biết câu trả lời."

Milken thuê Williams gần như ngay lập tức sau khi vụ Boesky được công bố vào ngày 14 tháng Mười một và đối xử với ông như một bề trên quyền năng có thể hiểu thấu nỗi sợ hãi mà anh ta không thể hiện với bất kỳ ai khác liên quan tới vụ việc. Anh ta biết Williams qua một khách hàng của Drexel, Marvin Davis, một nhà kinh doanh dầu mỏ tại Denver. Nhờ những trái phiếu lãi suất cao của Milken, Davis đã lột xác thành một ông trùm Hollywood và trở thành ông chủ của hãng 20th Century Fox. Williams từ lâu đã đại diện cho Davis và một khách hàng của Milken, Victor Posner.

Cộng sự Litt của Williams rất bất ngờ khi Milken thuê Williams & Connolly. Litt biết Carberry từ ngày anh còn làm việc tại Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp ở Manhattan và trước đó đã gọi cho Carberry để chúc mừng vì sự hợp tác bất ngờ của Boesky. Sau đó, vào Chủ nhật ngay sau ngày sụp đổ của Boesky, Williams đã gọi tới. "Chúng ta sẽ làm việc cho Milken," Willams nói cộc cằn. Litt liền gọi cho Carberry để xin lỗi về cuộc gọi trước đó và nói anh không biết trước Williams & Connolly sẽ nhúng tay vào vụ này.

Cũng cuối tuần đó, Milken thuê Arthur Liman và Martin Flumenbaum, hai luật sư tại Paul, Weiss, Rifkind, Wharton & Garrison đã bào chữa cho Dennis Levine. Dù đã giải quyết vụ Levine, nhưng Liman vẫn nổi tiếng với tư cách một chuyên gia tư vấn pháp lý cho doanh nghiệp hơn là luật sư bào chữa. Anh từng hỗ trợ Pennzoil trong cuộc chiến nổi tiếng và thành công chống lại Texaco và được chọn làm cố vấn viên cho vụ điều tra Iran - Contra của Thượng viện.

Milken cũng biết tiếng Liman. Paul, Weiss từ lâu đã là hãng luật được rất nhiều khách hàng của Milken như Nelson Peltz của Triangle Industries và Ronald Perelman, người tiếp quản Revlon, lựa chọn. Milken thừa nhận Liman thực sự am hiểu luật chứng khoán cũng như thế giới của những vụ thâu tóm và trái phiếu lãi suất cao.

Williams nhất định muốn làm cố vấn chính và Milken đồng ý. Flumenbaum và Liman sẽ theo dõi sát sao. Cái tôi mà Liman phải hy sinh sẽ được bù đắp bằng những tờ hóa đơn vì Paul, Weiss sẽ đóng góp số lượng lớn nhân lực để xử lý những yêu cầu đồ sộ, tốn thời gian và thường là tẻ ngắt của Ủy ban Chứng khoán. Williams đã nói từ đầu, "tôi sẽ không thèm để ý tới Ủy ban Chứng khoán." Ông chỉ cần một nhóm luật sư của Williams & Connolly làm việc về vấn đề này. Đó là phong cách của ông ta.

Phong cách của Paul, Weiss là giữ thế áp đảo. Nổi tiếng với chiến thuật tiêu thổ, Paul, Weiss có thể chiến đấu với chính quyền bằng nguồn nhân lực của một trong các công ty lớn nhất nước. Drexel cũng có đội ngũ luật sư riêng. Drexel đã giữ lại cố vấn thường xuyên của họ, Cahill Gordon & Reindel, một hãng luật lớn khác tại New York và Peter Fleming, luật sư hình sự lừng danh từng bào chữa cho Hitachi trong vụ giăng bẫy nổi tiếng của chính quyền.

Luật sư quan trọng nhất nhưng bí ẩn nhất trong bảng xếp hạng của Milken lại là Richard Sandler, người bạn từ thủa nhỏ của Lowell và đã trở thành luật sư của gia đình Milken. Anh này làm việc trong chính tòa nhà văn phòng của Drexel tại Beverly Hills. Mặc dù thân thiết với Lowell hơn, song Sandler luôn luôn giữ vẻ tôn sùng Mike Milken, bởi việc hành nghề và kế sinh nhai của anh ta đều dựa vào Mike. Nhiệt huyết mà anh ta thể hiện không phải chỉ vì mối quan hệ tài chính; nó như thể bản chất của anh ta khi đã hợp nhất với Milken.

Sandler tuy không hấp dẫn nhưng đầy mạnh mẽ, thường bị các giao dịch viên và nhân viên bán hàng trong công ty gọi đùa một cách ác ý là "luật sư nhà đất," đột nhiên giữ vị trí quan trọng nhất trong quỹ đạo của Milken. Anh ta trở thành trung tâm đầu não xử lý thông tin về cuộc điều tra, thường xuyên liên lạc với các nhân chứng tiềm năng và các luật sư khác. Anh ta biết sự thật, mà chính xác hơn là những sự thật có lợi cho lời tuyên bố vô tội của Milken. Anh ta gần như không thể tách rời khỏi Milken, họ dính lấy nhau như hình với bóng. Phòng họp của Sandler trở thành một ốc đảo để Milken đến khi muốn tránh xa bàn giao dịch và ngày càng dành nhiều thời gian ở đó. Sandler cũng trông coi việc xây dựng phòng họp trên tầng hai tòa nhà văn phòng Beverly Hills. Được đặt tên "Đỉnh chóp im lặng," căn phòng cách âm được quét thiết bị nghe trộm hàng tuần và được sử dụng cho những cuộc họp chiến lược.

Không nằm ngoài dự tính, các luật sư của Milken và Drexel đồng ý hợp tác và ký vào một văn bản chính thức được hiểu là thỏa thuận bào chữa chung. Thỏa thuận này sẽ mở rộng quyền từ chối cung cấp thông tin bí mật về khách hàng cho tất cả các luật sư tham gia và đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ trong nội bộ nhóm. Mặc dù vậy, phe Milken không chia sẻ gì với Drexel. Từ lúc bắt đầu, Williams đã tuyên bố với Milken và các luật sư của anh ta rằng Drexel cuối cùng sẽ phải đầu hàng.

Williams cảnh báo trước rằng một công ty chứng khoán sẽ không thể sống nổi dưới "cái bóng" tội phạm và các cuộc điều tra triền

miên của Ủy ban Chứng khoán. Drexel sẽ trở thành kẻ thù và có thể sẽ cung cấp cho chính quyền mọi thông tin thu thập được từ Milken trong quá trình tiến trình cuộc điều tra. Tất nhiên, điều này không được truyền đạt lại với các viên chức Drexel hoặc các luật sư của họ.

Nhóm luật sư của Milken không mấy tôn trọng các luật sư của Drexel. Trong buổi gặp mặt tại văn phòng của Peter Fleming ở New York, Thomas Curnin, cố vấn trưởng của Drexel, đang điều khiển một cuộc thảo luận khi Liman tới trễ. Liman vừa đi vào cửa vừa nói lớn ngắt lời Curnin và ngang nhiên giành lấy sân khấu. Curnin cơ hồ giận sôi máu nhưng vẫn bấm bụng yên lặng.

Nhóm luật sư của Milken đôi khi còn tỏ rõ họ là một đồng minh thiếu đoàn kết. Dù đã có thỏa thuận trước đó rằng Williams sẽ là cố vấn chính, nhưng Paul, Weiss vẫn ganh đua quyết liệt với Williams & Connolly để chiếm ưu thế. Từ khi bắt đầu vụ này, Williams biết Flumenbaum đã gọi một cuộc điện thoại tưởng như vô hại cho Carberry để bàn về một vấn đề trong tờ trát. Williams luôn nghĩ Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp là hàng xóm của mình và đã có kế hoạch liên lạc với các công tố viên nên đã đùng đùng nổi giận. Ông gọi cho Sandler và gào lên, "Nếu thằng béo lùn thối tha đó còn làm trái ý tôi, tôi sẽ bóp chết hắn như một con bọ. Nếu hắn ở công ty của tôi, hắn đã bị sa thải từ lâu." Khó chịu với tính cách được xem là kiêu ngạo của Flumenbaum, các luật sư không phải của Paul, Weiss bắt đầu gọi Flumenbaum bằng bí danh "FLS."

Cách đơn giản nhất để ngăn thông tin lọt ra ngoài là các nhân chứng tiềm năng được các thành viên đội luật sư Milken đại diện càng nhiều càng tốt. Nhưng các luật sư cũng thận trọng với Luật Trách nhiệm nghề nghiệp, theo đó một luật sư không được đại diện cho cả bị cáo và nhân chứng, trừ khi đã giải thích đầy đủ cho mỗi khách hàng về tất cả hệ lụy phát sinh. Cú ném bóng của Williams cho Dahl được xem là bước đi tắt vì có khả năng Dahl sẽ bị yêu cầu làm nhân chứng. Nhưng thực tế, Dahl không hề nhận được trát đòi vào thời điểm đó nên Williams thoải mái tiếp tục và đường chuyền đã có hiệu quả. Dahl rất sợ Williams, thiết tha giữ anh ta và William & Connolly, cũng như Warren Trepp và một nhân viên khác của Beverly Hills.

Tuy nhiên, Williams hiểu anh ta không thể đại diện cho những nhân viên đã nhận được trát đòi. Trong số này có cả Lowell Maultasch, Thurnher và Ackman. Anh ta tự trấn an rằng các nhân chứng và mục tiêu tiềm năng này sẽ nằm trong tay một cố vấn

“thân thiện.” Các luật sư bao giờ cũng cẩn thận xem xét tên của các luật sư có thể đề nghị bào chữa cho các nhân chứng họ không thể tự đại diện được. Kỹ năng và danh tiếng của vị luật sư là yếu tố tất yếu trong quá trình chọn lựa dù ít ai dành thời gian để thảo luận về vấn đề này. Quan trọng hơn cả là kinh nghiệm của vị luật sư đó trong các vụ án liên quan tới chính quyền. Williams và công ty muốn tìm được các luật sư có sở thích can đảm và mạnh mẽ là chiến đấu với chính quyền thay vì hợp tác.

Một nhân tố khác cũng đóng vai trò quan trọng: Mạng lưới phức tạp của sự tin cậy và nghĩa vụ. Các luật sư cuối cùng được chọn đã đảm nhận rất nhiều vụ việc với Williams & Connolly, Paul, Weiss, hay Cahill Gordon tới mức có thể được tin tưởng để chia sẻ thông tin và trong phạm vi của trách nhiệm nghề nghiệp hợp tác với các luật sư đại diện cho Milken và Drexel. Mark Pomerantz đại diện cho một phụ tá của Milken; Mark từng là thư ký Tòa án Tối cao cùng với Litt. Jack Auspitz đại diện cho một nhân chứng khác của Milken; Jack từng cộng tác với Paul, Weiss. Seymour Glanzer đại diện cho Thurnher; anh ta thường nhận thư từ bưu phẩm từ Liman.

Cuối cùng, Sandler gặp riêng những người được ủy quyền này. Lòng trung thành cuồng tín của anh ta với Milken cho thấy sự tham gia của các cố vấn trong cuộc thương lượng này có xu hướng “chiến đấu” hơn là thỏa hiệp.

Cuộc chiến bắt đầu bằng sự náo động của các nhân chứng – gồm cả Dahl – trước Ủy ban Chứng khoán và Bồi thẩm đoàn. Đa số họ chỉ đơn giản viện dẫn Tu chính án số 5 để từ chối trả lời khi bị hỏi. Ban đầu, Dahl phản đối ý kiến này vì cảm thấy mình không có gì để giấu giếm và viện dẫn này có thể khiến chính quyền nghi ngờ hơn. Nhưng Litt kiên quyết như vậy, nên Dahl đã sử dụng quyền giữ im lặng của mình.

Một nhân chứng khác, giao dịch viên Warren Trepp, lo ngại rằng Williams & Connolly quá thân với Milken nên quyền lợi của anh ta sẽ bị ảnh hưởng. Williams đã sắp xếp để William Hundley, vị luật sư ông thường tìm tới để nhờ cậy trong nhiều năm qua, bào chữa cho Trepp. Sự thận trọng của Trepp gợn lên những cơn sóng nhỏ trong nhóm của Milken nhưng lập tức được trấn an khi anh này được giao vào tay Hundley và sau khi anh ta đảm bảo với các cộng sự rằng sẽ không bao giờ phản bội Milken. Sau bữa tối tại nhà hàng Palm ở Washington, Trepp nói với Hundley anh ta sẽ không bao giờ làm chứng chống lại các khách hàng và cộng sự. “Tôi không phải loại người có thể làm chỉ điểm,” anh ta nói. “Tôi cũng

chưa từng làm luật sư cho một tên chỉ điểm," Hundley đáp lại.

Chỉ trong vài tuần, một trong những đội bào chữa tốn kém, đông đảo nhất đã được thành lập và các đường đi nước bước đã được vạch sẵn. Dù thế nào, kế hoạch đó cũng sẽ không thay đổi. Từ nay trở đi, Milken đóng vai một nạn nhân vô tội của tên Boesky hèn hạ. Anh ta sẽ được tô điểm như một thiên tài, một kho báu, vị cứu tinh và động lực phát triển của nền kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, Williams bí mật cảnh báo một số cộng sự của ông ta rằng hình ảnh này có thể sẽ phải xem xét lại khi các sự kiện trong vụ việc được giải mã.

* * *

Milken giờ đây thực sự bị bủa vây bởi các chuyên gia thuộc hàng loạt lĩnh vực khác nhau nhưng dần trở nên xa cách với những người khác. Fred Joseph hết sức lo lắng trước sự phủ sóng mạnh mẽ của báo chí, đặc biệt sau khi xuất hiện bài báo trên tờ The Wall Street Journal ngày 17 tháng Mười một tiết lộ rằng Milken có tên trong một tờ trát gọi. Joseph muốn tự mình tìm hiểu ngọn nguồn của vấn đề và muốn có sự cam đoan của chính Milken. Tuy vậy, Tom Curnin và Peter Fleming của Cahill nói với Joseph họ sẽ thay mặt anh ta phỏng vấn Milken. Khi họ đến, các luật sư của Milken đã yên vị. Bất chấp thái độ hỗn xược và bất hợp tác, họ kiên quyết từ chối để các luật sư của Drexel phỏng vấn riêng Milken.

Các luật sư của Milken nói với Curnin và Fleming rằng quy tắc chung trong điều tra tội phạm không cho phép công ty phỏng vấn một nhân viên đã trở thành đối tượng điều tra. Tuy nhiên, họ đảm bảo với các luật sư của Drexel rằng Drexel không có gì phải lo lắng. Các luật sư của Drexel truyền lại thông điệp đó cho Joseph. Anh ta chưa từng tính tới điều này nhưng đây là thời điểm quyết định trong sự nghiệp điều hành công ty của anh ta. Các luật sư của Drexel không nói ra toàn bộ sự thật khi họ khăng khăng rằng cô lập một nhân viên ở vào hoàn cảnh của Milken là "quy tắc chung". Điều này không đúng vì rất nhiều công ty sẽ lập tức tìm hiểu ngọn nguồn của hành vi bị cho là phạm pháp của nhân viên. Nếu nhân viên đó từ chối trả lời phỏng vấn hoặc trả lời câu hỏi không thỏa đáng, anh ta có thể bị sa thải. Các luật sư của Milken đã đi một bước liều lĩnh nhưng có tính toán trước khi từ chối để Joseph hoặc các luật sư của Drexel phỏng vấn Milken. Joseph đã tin khi Milken nói anh ta vô tội và rằng anh ta còn phải tranh đua với các viên chức cấp cao khác của Drexel, những người thậm chí còn tận tụy với Milken hơn. Đình chỉ hay sa thải Milken có thể gây ra một cuộc nội chiến trong công ty.

Điều có thể thấy rõ từ hai tờ trát hầu tòa mà Drexel nhận được vào ngày 14 tháng Mười một và một loạt trát của Bồi thẩm đoàn theo sau trong tháng Mười hai là mối quan hệ của Milken và Boesky là trung tâm của cuộc điều tra. Những tờ trát thường dài dòng, tỉ mỉ với các phụ lục dài hàng trang giấy. Hầu hết các giao dịch trong vụ Boesky/Milken đều đã được xác định, bao gồm các vụ Fischbach, Pacific Lumber và Wickes. Trong đó, vụ chi trả 5,3 triệu đô-la nổi lên rõ rệt nhất. Những tờ trát này yêu cầu xuất trình một số lượng lớn giấy tờ và chỉ cho Drexel 30 ngày để trả lời.

Các luật sư từ Cahill lập tức tiến hành một cuộc điều tra nội bộ ngay sau khi tin tức về Boesky được công bố, và dành hai ngày cuối tuần, 15 và 16 tháng Mười một, để thẩm vấn các viên chức của Drexel, những người có liên quan tới Boesky hoặc các giao dịch còn mập mờ. Không tiếp cận được với Boesky và Milken, tất nhiên họ không thể tìm được bằng chứng về hành vi sai phạm trực tiếp nào. Còn với khoản tiền 5,3 triệu đô-la, có rất nhiều nhân chứng, trong đó có cả David Kay, có thể làm chứng rằng Drexel thực sự có tiến hành nghiên cứu giúp Boesky. Riêng Kay thường gọi Boesky là một "kẻ săm soi," người luôn có những động thái với Drexel nhưng không bao giờ thông qua được một cuộc bỏ thầu nào.

Lãnh đạo cấp cao của Drexel sung sướng nắm lấy lời khai của Milken rằng đó là khoản tiền trả cho việc nghiên cứu. Rắc rối ở chỗ, Drexel thường không viết hoá đơn nghiên cứu cho khách hàng. Các sự kiện của ngày thanh toán, ngày 21 tháng Ba, cũng rất thiếu chính thống. Tuy nhiên, dù đã tiến hành rất nhiều nghiên cứu, nhưng người ta vẫn cho rằng Drexel đã được Boesky trả hậu hĩnh với số tiền phí khổng lồ trong vụ giao dịch Hudson Funding. Nhưng các luật sư của Drexel cho rằng không có điều gì trong đó, dù rất đáng nghi, có thể trở thành lý do khiến việc thanh toán trở thành tội lỗi.

Lãnh đạo cấp cao và luật sư của Drexel đặt hy vọng vào một tài liệu được các luật sư của Milken đã cho họ thấy. Đó là bản sao các ghi chép viết tay của Thurnher đề ngày "21-3-86," có nội dung như hóa đơn tạm thời cho việc đáo hạn các trái phiếu lãi suất cao của Boesky:

Tài trợ vốn doanh nghiệp: 1 triệu 800 nghìn đô-la

Nghiên cứu tính thanh khoản NY: 2 triệu đô-la

Bộ phận nghiên cứu HY: 1 triệu đô-la

Tài liệu này hàm ý rằng phần lớn khoản phí được phân bổ cho các bộ phận đã tiến hành nghiên cứu cho Boesky và các luật sư của Milken khẳng định nó có thể "chứng minh" rằng khoản tiền 5,3 triệu đô-la thực sự là một khoản phí ngân hàng đầu tư như đã mô tả trong lá thư do Lowell và Donald Balser ký, sau đó được trả cùng lúc với thời điểm các trái phiếu lãi suất cao của Boesky đáo hạn. Nội dung ghi chép được hiểu là sự phân bổ khoản phí tới các bộ phận khác nhau của Drexel nhằm xác định công trạng để tính tiền thưởng.

Curnin thấy đã tới lúc cần liên lạc với Ủy ban Chứng khoán. Anh sắp xếp cuộc gặp với Sturc tại Ủy ban trong tuần Lễ Tạ ơn và đề nghị giới thiệu Joseph vào thứ Bảy tuần sau đó. Curnin không muốn kéo dài cuộc điều tra nếu có thể nhanh chóng giải quyết thỏa đáng. Từng đại diện cho E. F. Hutton xấu số trong vụ án séc khống quy mô lớn, anh hiểu dư luận xấu có thể hủy hoại hoạt động của một công ty chứng khoán uy tín tới mức nào.

Tại Washington, Lynch cũng đang chờ đợi một sự kết thúc nhanh chóng. Sau cuộc chiến với báo giới về thỏa thuận với Boesky, anh đang cần trình ra một vài kết quả của vụ Boesky. Nếu Milken và Drexel đến và chịu hợp tác, thì Ủy ban có thể thực sự bóc mẽ ngành công nghiệp chứng khoán. Anh đoán Milken sẽ chịu khá nhiều áp lực. Lynch hy vọng ít nhất Drexel sẽ cho Milken nghỉ phép và bắt đầu hợp tác tích cực. Anh không nghĩ Drexel có nhiều lựa chọn.

Hiếm khi kỳ vọng của Ủy ban Chứng khoán và một công ty chứng khoán dưới quyền lại khác xa nhau đến thế. Cuộc thảo luận bị phá hỏng ngay khi Curnin nêu ý kiến số tiền 5,3 triệu đô-la là một khoản sạch sẽ được dùng để chi trả các dịch vụ trong quá khứ. Lời khẳng định đó có vẻ làm Sturc điên tiết; điều đó thực sự rất chối tai với bất kỳ ai đã được nghe lời giải thích thuyết phục hơn nhiều từ Boesky. Curnin muốn biết mối quan tâm của Ủy ban Chứng khoán là gì.

Sturc không hề muốn giúp Drexel nếu họ gặp bế tắc. Sturc lạnh lùng nói Ủy ban "chưa sẵn sàng chia sẻ những quan ngại đó với ông." Khi Curnin đề nghị Ủy ban "nêu ra thứ tự ưu tiên" cho danh sách các giấy tờ phải đệ trình mà anh cho rằng dài một cách quá đáng, Sturc cũng từ chối. Curnin một lần nữa đề nghị mời Joseph tới Washington nhưng cũng bị cự tuyệt. Sturc nhận thấy rất rõ: Trái với những lời rêu rao của họ, Drexel không hề chuẩn bị để hợp tác. Về phần mình, Curnin bị khớp ngay từ phản ứng Ủy ban Chứng khoán trước lời giải thích của Drexel về số tiền 5,3 triệu đô-

la.

Cuối cùng Curnin cũng thuyết phục được Lynch gặp Joseph tại Washington. Cuộc gặp gỡ dường như còn tồi tệ hơn cả thảm họa. Lynch nói với Joseph vụ án chống lại Milken rất "áp đảo" vì Ủy ban đã có các chứng cứ và nhân chứng xác minh lời khai của Boesky và Drexel "phải bắt đầu hợp tác ngay vì quyền lợi của chính họ." Lynch không biết anh phải nhấn mạnh tới mức nào nữa. Nhưng Joseph có vẻ phẫn nộ. "Chúng tôi đã tự điều tra," anh nói. "Những gì ông đang lập luận đơn giản là sai bét. Boesky là một kẻ nói dối, một tên tội phạm đã bị kết án." Lynch có vẻ khinh thường cái gọi là cuộc điều tra của Drexel. Joseph đã khẳng định Milken sẽ không nói chuyện với anh hay các luật sư của Drexel. Đó có phải là một cuộc điều tra? Sau đó, Joseph lại nói lý về khoản phí 5,3 triệu đô-la và càng khiến Lynch nổi đóa. "Hãy chỉ cho chúng tôi xem bằng chứng vi phạm," Joseph khăng khăng. "Chúng tôi chỉ muốn biết mình đã làm sai điều gì."

Lynch coi câu hỏi này như một nỗ lực lộ liễu nhằm moi thông tin từ Ủy ban Chứng khoán nên không hồi đáp. Điều này vượt quá những gì vị trưởng ban thực thi vốn rất điềm tĩnh này có thể làm. Lynch vô cùng tức giận nói "Các ông phải biết mình đã làm sai điều gì chứ," và chấm dứt cuộc gặp gỡ với những lời buộc tội.

"Tôi không tin nổi họ lại làm như thế," Lynch nói với Sturc sau khi nhóm Drexel bỏ đi. "Những gì họ nói chỉ là Chúng tôi đến để bảo vệ Milken." Sturc gật đầu lia lịa. Họ biết Milken là sức mạnh thật sự của công ty nhưng chưa bao giờ hình dung nó ở mức độ lớn như vậy.

Dựa vào những luận điệu của Boesky và sự bất hợp tác của Drexel và Milken, Lynch và Sturc kết luận, nhiều khả năng họ sẽ đối mặt với một vụ án có quy mô tương đương với vụ án chống độc quyền của chính phủ đã dẫn tới sự sụp đổ của AT&T. Nhân sự nhanh chóng được tăng cường từ 6 lên 20 luật sư. Giờ đây, đến lượt Ủy ban Chứng khoán chuẩn bị chiến đấu.

* * *

Tại Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mỹ, Carberry làm việc miệt mài để đảm bảo vụ kiện chống lại Drexel sẽ chỉ phụ thuộc vào Boesky. Anh chọn thêm hai trợ lý trẻ và có triển vọng tham gia vụ này: John Carroll, 31 tuổi, tốt nghiệp Trường Luật Đại học New York, từng làm thư ký cho ngài Richard Owen, thẩm phán Tòa án liên bang tại New York; và Jess Fardella, 35 tuổi, tốt nghiệp trường

Luật Harvard, từng cộng tác với hãng luật Rope & Gray ở Boston.

Từ những lần đầu tiên phỏng vấn Boesky, có một điều khiến Carberry cảm thấy hấp dẫn đó là khả năng làm chứng. Boesky và Milken giữ bí mật nội dung các giao dịch cho riêng mình nhưng cả hai đều dựa vào các tay sai quèn để xử lý những công việc họ cho là "trần tục" và lưu trữ hồ sơ. Carberry đã xác định mục tiêu là một số nhân viên của Boesky, đặc biệt là Davidoff, giao dịch viên trưởng, và Mooradian.

Các nhân viên của Boesky nhanh chóng rơi vào bẫy của chính quyền. Nhân viên cấp cao nhất của Boesky bị nghi phạm pháp, Davidoff, đã đồng ý hợp tác và nhận tội vi phạm quy định về vốn ròng. Anh ta cung cấp cho các công tố viên một kho đầy ắp bằng chứng về các giao dịch của Boesky và Mulheren: Thỏa thuận đầu tư, kế hoạch hoàn vốn, nội dung cuộc trò chuyện của anh ta và Mulheren. Chính Davidoff đã thúc đẩy vụ điều tra Mulheren. (Mulheren không phải đối tượng Boesky đề cập trong bản đề nghị. Hắn luôn giảm bớt tính nghiêm trọng của các thông tin về Mulheren. Ở một mức độ nào đó, Boesky có một số bạn bè thực sự trên Phố Wall và Mulheren là bạn thân nhất của hắn). Davidoff không mấy hữu ích trong vụ Drexel-Milken vì anh ta không biết gì về những dàn xếp bí mật ngoài các giao dịch mình quản lý.

Ngược lại, Mooradian tỏ ra rất có ích. Vào thứ Hai sau khi vụ Boesky được thông báo công khai, anh ta vẫn đi làm tại Số 11 Broadway như thường lệ. Tại văn phòng có rất nhiều điều tra viên của Ủy ban Chứng khoán. Họ đang lấy giấy tờ ra khỏi tủ tài liệu, cho vào thùng carton, đóng dấu và niêm phong. Mooradian vẫn níu giữ hy vọng mong manh – công ty sẽ sống sót nhờ một cơ may nào đó. Nhưng giờ anh ta thấy hy vọng ấy đã tan thành từng mảnh theo nghĩa đen. "Tất cả đã hết rồi," anh ta nói với các cộng sự.

Cuối buổi sáng hôm đó, Mooradian nhận được điện thoại của Pitt. "Anh đã mời luật sư chưa?" Pitt hỏi. Câu hỏi đó khiến Mooradian hết sức lo lắng, chưa kể việc nó lại xuất phát từ một người quan trọng như Pitt. Với anh, điều đó hẳn là tin xấu.

"Chưa," Mooradian đáp. "Tại sao tôi phải mời luật sư chứ? Tôi đâu có biết gì!" Trước đó, Pitt đã nói chuyện với Bob Romano, viên chức Merrill Lynch, người từng làm việc ở bộ phận thực thi của Ủy ban Chứng khoán và đã tham gia vào lá thư nặc danh từ Caracas. Kể từ đó, Romano rời Merrill Lynch để hoạt động riêng. Pitt giới thiệu anh ta với Mooradian, một trong bốn nhân viên của Boesky

mà Pitt tin sẽ cần cố vấn riêng. “Anh nên mời luật sư,” Pitt bảo Mooradian và đề nghị anh gọi cho Romano. Mooradian làm theo, sau đó gọi cho vợ. “Chuyện này sẽ không kéo dài lâu đâu,” anh ta dự đoán. “Anh không biết tí gì về bất cứ giao dịch nội gián nào!”

Chiều hôm đó, Romano tới văn phòng của Boesky.“Anh nghĩ chính quyền muốn nói với anh về chuyện gì?” Romano hỏi. Mooradian, dù đã khẳng định mình không biết gì, bắt đầu buông xả.

“Anh nên biết tôi từng có vấn đề,” anh ta bắt đầu giải thích trước đây đã bị Ủy ban Chứng khoán đình chỉ. “Giờ tôi lại dính vào vụ Drexel.” Anh ta cũng mô tả công việc lưu trữ hồ sơ đã làm cho Boesky, những nỗ lực để giữ cân bằng và chuyến đi tới Beverly Hills. Anh ta kể tất cả với Romano về khoản tiền 5,3 triệu đô-la, các sự kiện trong ngày 21 tháng Ba khi Boesky mắng xối xả vào mặt anh ta vì suýt làm sụp đổ hệ thống tài chính của Drexel và yêu cầu hủy các giấy tờ đã được dùng để tính toán chi phí sau đó của Boesky.

“Anh đã hủy chúng chưa?” Romano hỏi.

“Rồi,” Mooradian đáp. Romano hiểu những giấy tờ có thể làm chứng cứ đã không còn!

Ngày hôm sau, Romano gặp Carberry. Như thường lệ, anh đi thẳng vào vấn đề, nói rằng Mooradian đã bị Boesky buộc phải làm giả các tài liệu liên quan đến vụ Drexel. Romano nhận thấy mình có rất ít đất trong vụ này; nhờ Boesky, Carberry đã biết trước phần lớn những gì Mooradian kể với anh hôm trước. “Mooradian có thể giúp gì được anh?” Romano hỏi.

Carberry liệt kê một danh sách: Drexel; Kidder, Peabody; Seligman Harris (nhân viên môi giới của Boesky tại London) và Mulheren.

Romano trở lại văn phòng của Mooradian và cả hai cùng nỗ lực hết sức để tìm hiểu các thông tin. Mooradian lục lại trí nhớ từng chi tiết về việc Boesky ra lệnh huỷ các giấy tờ. Họ lật lại từng hồ sơ của Mooradian, và Mooradian chỉ cho Romano các tài liệu của Drexel mà anh đã khôi phục theo chỉ thị của Boesky. Ngoài ra, anh ta không còn gì khác để cung cấp cho Carberry.

Khi gặp nhau và nghe Mooradian nói anh ta không có gì để cung cấp, Carberry cho biết Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp muốn anh ta nhận một tội. Mooradian nổi khùng.

“Tôi không phải là tội phạm,” anh ta khăng khăng. “Tôi không kiếm được tí gì từ chuyện này.” Theo suy nghĩ của Mooradian, anh ta chỉ đơn thuần thực hiện các mệnh lệnh của Boesky; mọi việc anh ta làm là công việc hàng ngày trên Phố Wall.

Mooradian không muốn làm “tên chỉ điểm” nhưng Romano đã thỏa thuận với Carberry rằng Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp sẽ không buộc tội Mooradian hay buộc anh ta nhận tội cho đến khi anh tachịu hợp tác. Sau đó, họ có thể đánh giá nỗ lực của Mooradian. Nếu họ vẫn cảm thấy anh ta đáng bị khép vào một trọng tội thì đành phải chấp nhận như vậy.

Mooradian rất sợ hãi trong lần gặp gỡ đầu tiên với tư cách nhân chứng hợp tác với Carberry và các luật sư chính quyền khác. Khi anh ta gọi Carberry bằng tên “Charlie,” Carberry ngắt lời anh. “Ở đây chúng tôi dùng họ, thưa ngài Mooradian”. Số người dự khán có vẻ quá đông: năm luật sư từ Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp và tám luật sư của Ủy ban Chứng khoán. Mooradian dần sôi nổi hơn và kể cho họ về thỏa thuận với Drexel và vai trò của mình trong vụ đó. Khi kể tới các sự kiện trong ngày 21 tháng Ba, anh ta thoáng ngập ngừng và sau đó dừng hẳn lại khi bị hỏi Boesky đã nói gì với anh ta sau khi anh ta gần như làm hỏng mọi chuyện vì để lộ khoản chi 5,3 triệu đô-la.

“Boesky đã nói gì với anh,” một vị luật sư hỏi. Mooradian lo lắng nhìn hai nữ luật sư trong phòng. “Có phải ông ta đã văng tục?” vị luật sư tiếp tục.

“Ông thực sự muốn biết sao?” Mooradian hỏi một cách bứt rứt, trước khi chắc canh ta mình sẽ không mắc tội xúc phạm người khác. “Boesky nói ông là đồ thối thây đần độn” Mooradian trả lời.

Theo lệnh Boesky, Mooradian đã hủy đi những gì sẽ trở thành bằng chứng quan trọng nhất và duy nhất của vụ điều tra – việc điều chỉnh các bản kế toán dẫn tới khoản tiền 5,3 triệu đô-la. Nhưng anh ta đã cùng Maria Termine cố gắng khôi phục lại cuốn sổ cái sau khi Boesky thay đổi quyết định nhờ tìm được nhiều mảnh ghép của hồ sơ mật đã được tìm thấy trong đám giấy tờ của anh ta. Mooradian đã dựng lại thành công bản sao hoàn chỉnh nhất có thể.

Mooradian nhanh chóng trở thành cố vấn không chính thức cho các luật sư tham gia vụ này. Đa số họ đều gần như mù tịt về thị trường tài chính và cơ chế vận hành của ngành công nghiệp chứng khoán, thậm chí họ còn không nắm được những kiến thức

cơ bản như bán khống, quyền chọn bán, quyền chọn mua chứ chưa nói gì tới những chiến lược phức tạp và rắc rối mà Boesky và Milken đã sử dụng để thực hiện các kế hoạch mờ ám. Họ biết rất ít về kế toán. Mooradian phải dành nhiều giờ giảng giải cho các luật sư, sau đó dùng các hồ sơ giao dịch để giải thích số liệu có thể minh chứng cho các chiến lược khác nhau tới mức nào. Anh ta trở thành nhân vật nổi tiếng ở Văn phòng, luôn sẵn sàng làm vừa lòng mọi người. Chính Mooradian cũng dần dần hiểu và thông cảm với quyết định hợp tác của Boesky. Anh ta nhận ra khi cuộc sống bị đe dọa, người ta có cách nhìn khác về sự hợp tác. Và nhận thấy việc Boesky nói dối sẽ là vô ích vì có quá nhiều nhân chứng, bao gồm cả chính anh, biết sự thật.

Nhờ những thông tin Mooradian cung cấp, chính quyền nhanh chóng có được sự hợp tác của Donald Balser và người tương nhiệm với anh ta tại Drexel, Charles Thurnher. Cả hai người đều do Seymour Glanzer, một luật sư bào chữa tại Washington do Peter Fleming và Arthur Liman giới thiệu, đại diện. Từ đầu, Glanzer đã cho biết các khách hàng của ông sẽ viện dẫn Tu chính án số 5 nếu bị thẩm vấn.

Thurher là một kế toán được đào tạo bài bản và có thể bị cáo buộc vì vai trò của anh ta trong vụ này. Tuy nhiên, anh ta có giá trị hơn với chính quyền với tư cách một người không ràng buộc hay trung thành với Boesky để có thể đối chất với luận điệu của các nhà đầu cơ. Thurnher đơn giản chỉ thực hiện những yêu cầu của Milken. Sự dính dáng của Balser trong những thương vụ này thậm chí còn ít hơn; anh ta chỉ là kẻ ngoài cuộc. Khi Drexel cần có bằng chứng bằng văn bản chứng minh cho khoản tiền 5,3 triệu đô-la, Lowell đã ép anh ta ký vào lá thư nói rằng đó là một khoản phí ngân hàng đầu tư.

Carberry cảm thấy có thể trao quyền miễn trừ cho cả hai người nhưng chưa biết phải bắt đầu từ đâu. Để được hưởng quyền miễn trừ, cả Thurnher và Balser phải trả lời các câu hỏi thẩm vấn một cách trung thực chứ không thể viện dẫn quyền tránh tự buộc tội vì những gì họ nói sẽ không được sử dụng để chống lại họ.

Tuy nhiên, gọi quá trình này là "hợp tác" thì có phần quá lời. Trong các cuộc trò chuyện với nhóm Milken, Glanzer nhấn mạnh vào điểm lời khai của Thurnher và Balser là do bị chính quyền ép cung chứ không phải họ chủ động khai ra. Trái với Mooradian, rõ ràng Thurnher ít tự nguyện hơn. Cũng như Boesky, Milken hầu như không để các nhân viên của mình biết gì về các hoạt động của mình. Milken không bao giờ nói với Thurnher tại sao muốn anh ta làm việc này hay việc khác cho nên Thurnher không mấy hữu ích với các luật sư trong việc xác định động cơ và quá trình suy tính của Milken. Lúc này, Thurnher khai Milken thậm chí không để anh ta giữ danh sách; lúc khác, anh ta lại nói Milken gọi danh sách đó là "một đống rác rưởi".

Thurnher đang lâm vào tình trạng khó xử và cố gắng nói ít nhất có thể mà không phải nói dối. Các công tố viên đã phải nhiều lần dọa dẫm rằng anh ta sẽ bị kết tội khai man. Sandler thường xuyên liên lạc với Glanzer, ba hoa rằng Thurnher không làm được gì hữu ích cho chính phủ.

Tuy nhiên, chính quyền lại nhìn nhận lời khai của Thurnher theo cách khác. Tuy là một nhân chứng không mấy nhiệt tình, nhưng Thurnher đã thú nhận việc hủy chiếc đĩa máy tính dùng để tính toán khoản tiền 5,3 triệu đô-la. Dù không nói đã làm theo lệnh trực tiếp của Milken, nhưng Thurnher cho biết đã nhận được thông điệp yêu cầu làm như vậy từ Milken. Anh ta đã xác nhận các giao dịch với Mooradian. Điều đáng nói là, Thurnher khai rằng chính Milken đã ra lệnh phân bổ khoản tiền 5,3 triệu đô-la cho bộ

phận đầu tư và kinh doanh cổ phiếu – giống như trong tài liệu mà các luật sư của Milken dựa vào để thuyết phục Drexel rằng lời khai về khoản thanh toán đó của Milken là đúng sự thật. Do đó, Thurnher không thể nói việc phân bổ chính xác này phản ánh mục đích của khoản chi đó.

Đây là thông tin mấu chốt có thể ảnh hưởng tới quan điểm về bằng chứng của Drexel. Nhưng khi Curnin tới gặp Thurnher để tìm hiểu xem anh ta đã khai gì với chính quyền, Glanzer lại không để Thurnher trả lời phần lớn các câu hỏi. Curnin chỉ nhận được những lời đảm bảo từ phía Milken rằng Thurnher chưa làm gì hại tới họ.

Với Thurnher, áp lực tránh hợp tác thật trở nên nặng nề hơn vì xuất hiện lời đồn đại tại Drexel sau khi thông tin Thurnher có thể đang thương lượng với chính quyền bị rò rỉ. "Ai là người được trả cao nhất tại Drexel? Người 'nếm thức ăn' Thurnher."

Dù lời khai của Thurnher chưa chắc sẽ gây khó dễ cho Milken và Drexel, nhưng sự im lặng triền miên của những người ở Beverly Hills trực tiếp hiểu rõ về các sự kiện bị bao phủ bởi những tờ trát bắt đầu khiến Curnin lo âu. Sau đó, ngày 28 tháng Tư, một bài báo trên tờ The Wall Street Journal tập trung vào khoản tiền 5,3 triệu

đô-la được đăng tải. Bài báo mô tả chi tiết cách khoản chi này được tính toán và cho biết hoá đơn "được làm ra vội vàng sau khi khoản chi đã được thực hiện và chỉ vì các kiểm toán viên của Boesky thắc mắc về việc thiếu giấy tờ cho một khoản tiền lớn như vậy." Cả Curnin và Joseph đều lo lắng rằng các phóng viên có vẻ biết nhiều về vụ việc này hơn họ và e sợ rằng bài báo viết đúng.

Phía Milken vẫn không mảy may nghi ngờ, điều này khiến dư luận trong Drexel và bất kỳ ai biết rõ chuyện này cảm thấy khinh bỉ. Williams ngày càng tự coi mình là nhà tiên tri, ngay cả khi ảnh hưởng của ông trong vụ này bắt đầu trượt dốc. Đầu năm 1987, ông ta phải phẫu thuật vì bệnh ung thư. Cuộc phẫu thuật làm ông ta yếu đi nhiều. Williams nhận thấy vụ việc chưa đến thời điểm xem xét tất cả các thỏa thuận và ông biết Milken không hề thích thú với khả năng đó, nhưng cũng biết rằng sẽ là khôn ngoan nếu tiếp tục duy trì mối liên hệ với Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Như Litt đã nói, thế của chính phủ trong vụ này sẽ mạnh hơn chứ không yếu đi qua thời gian.

Không lâu sau ca phẫu thuật, Williams sắp xếp gặp Carberry, Howard Wilson, Trưởng bộ phận phòng chống tội phạm, và một

điều tra viên khác đang theo dõi vụ này tại New York. Williams tới một mình, không đi cùng ai trong nhóm bào chữa cho Milken. Sau khi thảo luận về tiến triển ít ỏi của vụ việc và nghe Carberry nhắc lại sự miễn cưỡng của anh khi phải nói về một cuộc điều tra vẫn đang ở giai đoạn đầu, Williams hỏi, "Chuyện này sẽ kéo dài bao lâu?"

Carberry ước chừng sẽ mất hai năm để có thể kết thúc vụ này. Williams dừng lại, vẻ mặt đăm chiêu. "Tôi sẽ chết trước lúc đó," ông ta nói. "Anh không thể tiến nhanh hơn sao?"

* * *

Sau khi rời nhà Siegel vào chiều thứ Tư, ngày 11 tháng Hai năm 1987, Doonan vội vã tới Tòa nhà St. Andrews để gặp Carberry và Neil Cartusciello, vị trợ lý Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã được Carberry giao nhiệm vụ theo dõi các vụ việc phát sinh trong cuộc điều tra Siegel. Vì Tabor rõ ràng đã được thông báo về cuộc điều tra bí mật, nên thời gian không còn nhiều. Doonan muốn tiến hành những động thái chống lại Freeman, Wigton và Tabor ngay hôm sau vì thế anh muốn Sigel nhận tội vào thứ Sáu đó. Carberry đồng ý.

Carberry cho rằng ba kẻ tình nghi nên bị bắt hơn là được mời đến hoặc cho phép tự đến (như Siegel và Boesky). Khi bị gọi hầu tòa trước đó để điều tra Boesky, Freeman đã cự tuyệt mọi ý niệm về việc hợp tác, thậm chí Carberry đã nghe được từ một luật sư khác rằng Freeman là một "tên tàn phế nhút nhát." Tabor cũng có vẻ dễ bị tổn thương vì mới bị sa thải khỏi Merrill Lynch. Carberry nghĩ áp lực của một vụ bắt giữ công khai có thể sẽ khiến ít nhất là một kẻ, hoặc thậm chí nhiều hơn, phải đầu hàng và thú tội. Anh kết luận Phố Wall không có cảm giác tốt về tội phạm. Họ quan tâm quá nhiều tới uy tín.

Carberry cùng Cartusciello tới gặp Giuliani và Wilson. Carberry tin rằng Freeman có dính líu đến vụ trao đổi thông tin nội gián trái phép. Việc anh ta giao dịch để lấy thông tin thay vì tiền mặt khiến tội hủy hoại tính toàn vẹn của thị trường của anh ta còn nặng hơn. Về phần Wigton và Tabor, Siegel không cho rằng họ được biết kế hoạch của anh ta và Freeman. Nhưng Siegel đã ít nhất một lần nhắc tới Freeman với vai trò nguồn tin và Carberry cho rằng họ hẳn phải biết Siegel có nguồn tin tại Goldman, Sachs. Điều này rõ ràng là từ những giao dịch của phòng kinh doanh chứng khoán của Kidder, Peabody.

"Chúng ta phải bắt chúng," Carberry nói. Giuliani đồng ý không

chút do dự. Họ không cần tính đến phản ứng của công chúng và tiến hành bắt bớ như thường lệ. Họ đã có lệnh bắt giữ dựa trên bản tuyên thệ có chữ ký của Doonan và bản cung thẩm vấn Siegel được Paschall ghi chép lại. Sau đó, Doonan lao tới nhà của Tabor tại Upper East Side.

Mọi thứ không theo dự tính gần như ngay từ khi bắt đầu. Tabor bị còng tay và lục soát vũ khí trong hành lang, sau đó được phép quay lại lấy áo khoác, rồi bị đưa tới Trung tâm cải huấn ngay tối hôm đó. Các điều tra viên hy vọng Tabor sẽ thú tội và hợp tác song anh ta không nhượng bộ. Carberry đã đánh giá sai cảm xúc bên ngoài và lòng trung thành bên trong của rất nhiều người trên Phố Wall. Về việc sẵn sàng nhận tội và hợp tác, Boesky và Siegel chỉ là ngoại lệ, không phải quy luật. Phố Wall vẫn là một thế giới nhỏ, khép kín, được vận hành bằng tiền, lợi ích qua lại và lòng trung thành. Có thể Tabor không hề biết mối quan hệ của Siegel và Freeman nên không có gì để thú nhận. Dù sao, buổi tối tại Trung tâm cải huấn cũng có vẻ khiến anh ta hồ nghi hơn.

Sáng hôm sau, mặc cho trận mưa tuyết thổi qua những con hẻm xám xịt của khu tài chính, Doonan cùng hai đồng sự khác tới trụ sở của Goldman, Sachs trên Phố Broad. "Chúng tôi có lệnh bắt giữ Robert Freeman," Doonan nói với một nhân viên an ninh tòa nhà. Anh ta rất kinh ngạc, lật đật đưa họ lên tầng mà không kháng cự gì.

Văn phòng trên tầng 29 của Freeman bao quanh toàn bằng kính, chỉ trừ sàn giao dịch lớn của Goldman. Freeman đứng dậy đầy sửng sốt khi các sĩ quan bước vào văn phòng. Anh ta đang cố gắng hoàn thành nốt một số vấn đề còn dang dở để ra về chiều hôm đó, dành toàn bộ ngày cuối tuần đi trượt tuyết với gia đình tại vùng Rockies.

"Tôi có lệnh cấp liên bang, ông đã bị bắt," Doonan nói. Theo chỉ dẫn của Doonan, Freeman rướn người lên phía trước và đặt tay lên trên bàn. Doonan lục soát và lôi mọi thứ ra khỏi túi anh ta. Freeman không nói gì. Vụ việc gây chấn động sàn giao dịch khi các giao dịch viên nghển cổ lên để xem chuyện gì đang xảy ra.

Freeman đề nghị được dùng điện thoại gọi cho một luật sư nội bộ của Goldman. Vị luật sư vội vàng tới văn phòng, sau đó gọi ngay cho Larry Pedowitz, người đại diện của công ty từ khi Freeman có tên trong tờ trát liên quan đến Boesky.

Pedowitz, người từng làm việc với Doonan tại Văn phòng Bộ

trưởng Bộ Tư pháp, lắng nghe Doonan giải thích về các cáo buộc. Anh cho biết mình có lệnh lục soát văn phòng của Freeman và khu vực xung quanh. Sau đó, hai thanh tra bưu điện áp giải Freeman tới thang máy; khi tới sảnh tòa nhà, họ còng tay anh ta lại. Doonan đứng sau, căng dây giới hạn một khu vực rộng quanh văn phòng của Freeman và bắt đầu lục soát các ngăn kéo bàn và tủ tài liệu, rồi xếp giấy tờ vào các thùng carton.

Khi các thanh tra đưa Freeman ra khỏi trụ sở Goldman, một đội sĩ quan liên bang khác ập vào hội sở của Kidder, Peabody trên Quảng trường Hanover. Richard Wigton ngước nhìn từ bàn làm việc và thấy một cô lễ tân đang đứng trước cửa văn phòng mình trên tầng 18. "Có ông Moreno muốn gặp anh," cô nói.

Wigton liếc nhìn cuốn lịch. Anh ta không có cuộc hẹn nào trong buổi sáng ngày 12 tháng Hai. Hôm nay hứa hẹn sẽ là một ngày giao dịch hết sức sôi động nên Wigton không định rời vị trí. "Tôi không rảnh lúc này," anh nói với cô lễ tân. "Tôi không có cuộc hẹn nào cả!" Wigton đoán đó là một kẻ đến xin việc. Những đứa trẻ mới tốt nghiệp đại học quá háo hức làm việc tại các ngân hàng đầu tư đến nỗi một vài đứa tự dạo quanh Phố Wall và gõ cửa các ngân hàng. Wigton trở lại với công việc của mình.

Một vài phút sau, anh ta nhìn lên và thấy cô lễ tân quay lại. Cô trông rất lo âu. "Họ muốn gặp anh ngay bây giờ, không chần chừ gì hết." Wigton thấy điều này thật thô lỗ và rất không bình thường nhưng vẫn quyết định ra ngoài sảnh để xem họ muốn gì.

Anh ta đi bộ vào sảnh gần thang máy, cô lễ tân cách anh ta vài bước phía sau. Có hai người đàn ông đang chờ. Đột nhiên, họ rút thẻ ra thanh tra bưu điện Hoa Kỳ và tuyên bố, "Anh đã bị bắt". Wigton đứng khựng lại. Đây có phải một trò đùa? Một trong hai viên thanh tra tóm lấy tay anh ta, quay một vòng, sau đó đẩy rầm anh ta vào tường. Họ nhanh chóng lục soát người Whigton ta rồi bẻ quặt tay anh ra phía sau. Họ bập vào cổ tay anh ta chiếc còng số 8.

Các thanh tra dẫn Wigton trở lại văn phòng qua sàn giao dịch trước cái nhìn của tất cả nhân viên công ty. Một trong số các giao dịch viên chứng kiến cảnh tượng này đã lập tức gọi cho John Roche. Ông ta vội vàng tới văn phòng của Wigton. "Tôi là giám đốc công ty," Roche nói pha chút bực bội. "Chuyện gì xảy ra ở đây thế?" Các thanh tra giải thích họ vừa bắt giữ Wigton vì cáo buộc giao dịch chứng khoán gian lận. Wigton vẫn bàng hoàng, đứng như trời trồng. "Chờ một phút nào," Roche nói với các thanh tra và

nhấc ống nghe gọi cho cố vấn của Kidder, Peabody tại Sullivan & Cromwell, Marvin Schwartz. “Chúng tôi sẽ mời cho anh luật sư giỏi nhất,” Roche đảm bảo với Wigton.

Các thanh tra mở khoá còng, cho phép Wigton mặc lại áo khoác. Anh ta gọi cho vợ, Cynthia.“Anh có về ăn tối không,” cô hỏi đầy lo âu.“Anh chưa nói trước được,” Wigton trả lời bằng giọng nghiêm trọng. Sau đó, các thanh tra sập chiếc còng lại như cũ.

Đa số các giao dịch viên đều ngừng làm việc để theo dõi diễn biến tại văn phòng của Wigton, một vài người đứng lên để nhìn cho rõ. Sau đó, các thanh tra một lần nữa dẫn Wigton qua sàn giao dịch. Khi bước về phía thang máy với hai thanh tra áp giải hai bên, Wigton bắt đầu khóc. Vì tay bị còng, anh ta không thể lau nước mắt được.

Sau khoảng một giờ tại văn phòng của các thanh tra bưu điện dưới Manhattan nơi Siegel đã bị thẩm vấn, Wigton và Freeman được áp giải riêng tới Tòa án liên bang để tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo, nơi họ gặp Tabor. Tabor vẻ mặt rối bời, anh mặc một chiếc áo chui đầu bẻ cổ, quần kaki và mang giày thể thao.

Đây là lần đầu tiên ba người họ ở cùng nhau. Freeman, vì đang ở đỉnh cao của giới kinh doanh trái phiếu lãi suất cao, chưa bao giờ chịu trả lời các cuộc gọi của Wigton.

“Xin chào,” Wigton nói.

“Chào, anh thế nào?” Freeman đáp. Cả hai đều nghẹn ngào không nói nên lời.

* * *

Các luật sư của ba người này đều muốn họ chiến đấu. Ngay sau vụ Boesky, thấy trước khả năng Kidder, Peabody có thể bị hủy hoại vì vụ lùm xùm đó, các luật sư của công ty tại Sullivan & Cromwell đã mời Stanley Arkin, một luật sư nổi tiếng mà họ thường mời biện hộ khi vướng mắc những vấn đề tội phạm. Giờ Wigton được chuyển cho Arkin, một người luôn có xu hướng ưa tranh đấu với chính quyền. Arkin lại giới thiệu luật sư Andrew Lawler cho Tabor. Giống như vụ Milken, mối quan hệ kinh tế giữa các luật sư đồng nghĩa với việc đội bào chữa nòng cốt, trong trường hợp này là Sullivan & Cromwell, có ảnh hưởng lớn tới tiến trình điều tra. Kidder, Peabody sẽ chi trả tất cả chi phí pháp lý. Sullivan & Cromwell là cố vấn của Kidder, Peabody trong suốt thời gian xảy ra các sự kiện mà giờ đây bị quy là phạm pháp. Pedowitz, đại diện

cho Goldman, Sachs, đề nghị Freeman mời Paul Curran, cựu Bộ trưởng Bộ Tư pháp Mỹ, hiện làm việc tại hãng luật Kaye, Scholer, Fiermen, Hays & Handler. Wachtell, Lipton, công ty của Pedowitz, đã tiến hành một cuộc điều tra nội bộ tại Goldman, Sachs sau khi tên Freeman xuất hiện trên các tờ trát được gửi đi sau thoả thuận nhận tội của Boesky. Những tờ trát này không gây quá nhiều chú ý trong Goldman và cuộc điều tra của Wachtell đã giải oan cho Freeman và công ty của anh ta vì không tìm thấy bằng chứng của hành vi phạm pháp.

Vào khoảng trưa ngày thứ Năm khi phiên tòa diễn ra, phòng xử án tầng trệt chỉ đầy một nửa, hầu như chỉ có các phóng viên. Dù thế nào, thông tin về vụ bắt giữ còn gây xôn xao dư luận hơn những luận điệu mà Drexel và Milken đưa ra. Dù không bị can nào có thể sánh với Milken về sức mạnh và tầm ảnh hưởng, nhưng công ty của họ – Kidder, Peabody và Goldman, Sachs – lại là những tổ chức hàng đầu trên Phố Wall. Dù Kidder, Peabody vẫn đang cố vượt lên, nhưng nhìn chung Goldman, Sachs vẫn giữ vị thế nổi trội hơn. Đây không phải là vụ án liên quan tới những kẻ mới phất tham lam và tự phụ mà nó là những giao dịch nội gián ở mức độ vô cùng lớn.

Cách các bị cáo này bị bắt giữ cũng gây thêm tính nghiêm trọng của vụ án. Không giống Levine, các nhà đầu tư này bị bắt trước sự chứng kiến từ của rất nhiều người: Tabor tại hành lang căn hộ của mình, còn Wigton và Freeman tại công ty. Thông điệp về việc bắt giữ tràn qua Phố Wall và các phương tiện thông tin đại chúng. Đây đó xuất hiện những bài báo điên rồ miêu tả Wigton nhu mì đã hạ đo ván một đặc vụ liên bang và phải mất rất nhiều thời gian mới chịu bị còng tay. Nhiều người trên Phố Wall phẫn nộ vì các cộng sự của họ bị đối xử như tội phạm thông thường. Nhiều luận điệu lặp đi lặp lại cho rằng Giuliani, người luôn chuốc lấy búa rìu dư luận, đang muốn gây kích động vì sắp sửa về vườn. Dù Carberry mới là người đưa ra đề nghị bắt giữ, nhưng cơ hồ những luận điệu này lại hấp dẫn với dư luận hơn.

Tới giờ, Phố Wall mới thực sự hoảng sợ. Rất nhiều người đã quá hớ hênh với thông tin mật. Thậm chí trước những vụ bắt giữ gần nhất, nhiều nhà buôn cổ phiếu giá rẻ đã lo sợ không biết các cuộc điều tra này sẽ dẫn tới đâu. Họ sợ hãi các điều khoản phạt vi phạm trong luật chứng khoán – những điều mà từ lâu họ thậm chí còn xem như không quan trọng, ví dụ lệnh cấm "đầu tư" bí mật – sẽ thực sự được thi hành. Việc hai công ty lớn nhất trên thị trường sa lưới khiến nhiều người kết luận rằng cuộc điều tra đã vượt tầm kiểm soát. Nó đe doạ sự an nguy của tất cả mọi người.

Phiên xét xử thậm chí còn gây ra nhiều lời đồn đại, suy đoán và ngờ vực hơn khi chính quyền xác nhận nguồn thông tin của các cáo buộc chống lại ba nhà đầu tư là "CS-1," viết tắt của "confidential source one" (nguồn thông tin mật 1) ngầm ý có thể còn có CS-2. Chính quyền cho biết CS-1 là một viên chức thuộc Kidder, Peabody tại thời điểm xảy ra các sự kiện nêu trong đơn kiện. Họ từ chối đi vào chi tiết mà chỉ nói rằng "độ tin cậy và xác thực" của CS-1 đã được "xác lập đầy đủ".

Theo những cáo buộc công khai, CS-1 đã gửi thông tin về vụ chào giá KKR cho Storer tới Freeman, vốn đã thiết lập được một vị thế chứng khoán. Freeman đã sử dụng thông tin nội gián để "xác định giá hợp lý của các quyền chọn mua." Các lập luận cũng cho rằng Freeman đã tiết lộ qua điện thoại cho CS-1 thông tin quan trọng về âm mưu trong vụ Unocal để chống lại sự thâu tóm của Boone Pickens. CS-1 lại gửi thông tin cho Wigton và Tabor, giúp họ thực hiện các chiến lược giao dịch phức tạp liên quan tới các quyền chọn bán của Unocal để thu lợi bất chính. Lập luận liên quan tới Unocal khiến Goldman, Sachs rất bối rối vì họ đã đề ra chiến lược bảo vệ Unocal trong bản báo cáo thường niên năm 1986. Chính quyền cho biết thêm chiến lược này kéo dài từ khoảng tháng Sáu năm 1984 tới tháng Một năm 1986, liên quan đến "rất nhiều sự kiện cụ thể đáng chú ý của công ty, trong đó việc giao dịch các thông tin quan trọng không công khai đã diễn ra."

Bộ trưởng Bộ Tư pháp Rudolph Giuliani tổ chức một cuộc họp báo nhỏ sau phiên xét xử. Ông ta nói các cuộc bắt bớ chỉ là điểm khởi đầu của "một cuộc điều tra rất dài và quan trọng." Trong lời bình luận rõ ràng nhắm tới Milken, Drexel, Freeman, Wigton và Tabor, cũng như nhiều người khác không nêu tên nhưng biết rằng họ đã bị chỉ điểm, Giuliani nói, "nếu họ có lương tri và ý thức đạo đức, những gì họ phải làm là hợp tác và cố gắng giúp chính phủ Mỹ giải quyết mớ lộn xộn này."

Sau phiên tòa, Freeman quay lại với Goldman, Sachs và có cuộc gặp rất xúc động với Robert Rubin, cựu trưởng phòng cổ phiếu giá cao, từng có tên trong danh sách những người dính líu đến vụ thâu tóm năm 1974 cùng với Siegel. Rubin không lo lắng nhiều về những tờ trát được gửi đi từ sau vụ Boesky nhưng những vụ bắt giữ đã thay đổi mọi thứ.

"Toàn bộ là một lời nói dối," Freeman nói.

Rubin, một trong những người kế nhiệm Chủ tịch John Weinberg, đã đứng ra bênh vực Freeman trước công ty. Ông ta quyết định

chịu trách nhiệm về vụ điều tra, hợp tác chặt chẽ với Pedowitz. Khi đọc lệnh bắt giữ của chính phủ, ông ta thấy nhận định về một âm mưu tầm cỡ có vẻ không đúng. Nếu Freeman và Siegel đã có âm mưu, tại sao Goldman, Sachs lại vẫn mất tiền trong một số giao dịch với Kidder, Peabody – điều không được nhắc tới trong cáo buộc của chính phủ? Rubin hiểu Freeman rất rõ và đây rõ ràng không phải là Bob Freeman ông từng biết. Rubin điên tiết vì Giuliani công khai lăng nhục Freeman và Goldman, Sachs. Là người ủng hộ Đảng Dân chủ, Rubin không cho phép đảng viên Cộng hòa Giuliani đạt được thành công chính trị bằng cách hy sinh Goldman, Sachs.

Có một yếu tố còn giá trị hơn. Khi Rubin và Pedowitz có cơ hội xem xét các cáo buộc kỹ càng hơn, họ nhanh chóng kết luận chính quyền đã sai. Bản cung có tuyên thệ của Doonan mô tả tình hình Unocal có một lỗi: Thông tin về Unocal truyền từ Freeman tới CS-1 vào tháng Tư, chứ không phải tháng Năm, vào đúng ngày xảy ra giao dịch đáng ngờ.

Doonan đã mắc một lỗi sơ đẳng khi chép lại ghi chú của Paschall. Chính quyền sau đó có thể lập luận, như họ thường lập luận, rằng họ mắc một số lỗi kỹ thuật đơn giản vì thời gian hạn chế; những lỗi vô hại mắc phải do quá vội vã. Nhưng với những ai muốn tin vào sự vô tội của Freeman và hoài nghi sự kém cỏi của chính quyền, lời biện hộ đó khó mà lọt tai. Với thái độ cứng rắn về Goldman, Sachs, mức độ ảnh hưởng tới vụ kiện của các sai sót này không tương xứng với mức nghiêm trọng của chúng.

Hội đồng quản trị của Goldman, Sachs họp đột xuất chiều hôm đó và quyết định sẽ hỗ trợ Freeman. Rubin yêu cầu Pedowitz tiếp tục điều tra và nói muốn giải quyết xong câu hỏi là thực sự Freeman có làm gì sai không? Thực chất, câu hỏi này muốn xoáy vào trọng điểm chính phủ có thể "làm sáng tỏ" một vụ án còn nhiều nghi vấn, chứ không phải Freeman có sai phạm hay không. Cuộc điều tra quan tâm nhiều tới việc tìm ra lời bào chữa hợp lý cho các giao dịch đang bị nghi ngờ hơn là xác định có thực sự Siegel đã mách nước cho Freeman hay không. Cách tiếp cận này có thể là một phụ phẩm tất yếu của tinh thần Goldman-đối-kháng-với-chính phủ hình thành mạnh mẽ sau khi Freeman bị bắt.

Chiều hôm đó, sau khi làm việc xong xuôi với các luật sư, Wigton theo bản năng trở lại văn phòng ở Kidder, Peabody. Khi thấy anh đi qua cửa, bạn bè trên sàn giao dịch đứng dậy hoan hô nhiệt liệt. Wigton gọi cho vợ và hứa với cô anh chắc chắn sẽ về nhà dùng bữa tối đúng giờ. 5 giờ 45 phút chiều, như thường lệ, Wigton gặp

hai người thường đi chung xe với anh tại New Jersey. Họ lái xe về nhà, vừa thảo luận về hoạt động thị trường ngày hôm đó vừa lên kế hoạch cho kỳ nghỉ cuối tuần. Để tỏ ra tôn trọng Wigton, những người đi cùng không nhắc tới những sự kiện sẽ sớm xuất hiện trên các chương trình tin tức. Chính Wigton cũng không nhắc tới chủ đề đó. Anh nghĩ làm như vậy chẳng hay ho gì.

Cả Kidder, Peabody và Goldman đều đưa ra những lời phủ nhận công khai về các sai phạm cùng ngày với những vụ bắt giữ và cáo buộc. Phát ngôn viên của Kidder nói: "Công ty có chính sách lâu dài chống giao dịch dựa trên thông tin không công khai và theo như chúng tôi được biết, nó đã được thực thi nghiêm túc." Goldman thậm chí còn nhấn mạnh: "Sau khi đã điều tra nội bộ, chúng tôi không có lý do gì để tin rằng trưởng bộ phận cổ phiếu giá rẻ hay cả công ty đã mắc phải sai phạm nào."

* * *

Tất nhiên CS-1 là Siegel. Sáng thứ Năm, Doonan gọi cho anh ta vào số nhà riêng. "Đừng đến văn phòng hôm nay. Hãy đến thẳng văn phòng của Jeff [Rakoff]." Trong lúc lái xe xuống phố, Siegel linh cảm anh sắp phải nộp bản nhận tội. Trong thỏa thuận với chính quyền, anh hiểu mình sẽ phải thú tội bất cứ khi nào cơ quan điều tra yêu cầu chứ không được phép chọn ngày.

Khoảng 10 giờ rưỡi sáng, Siegel tới văn phòng của Mudge Rose. Rakoff xác nhận hoạt động bí mật sắp kết thúc và anh ta sẽ phải nộp bản nhận tội vào ngày hôm sau. ("Biết đâu họ sẽ bắt anh nhận tội vào thứ Sáu ngày 13," Rakoff đã nói đùa như vậy nhiều tuần trước; giờ dự báo vui của ông đã trở thành hiện thực). Siegel gọi vào số điện thoại của mình tại Drexel để báo cho cô thư ký Kathy biết anh sẽ không đi làm. Một lần nữa số phận buộc cô phải đón nhận những thăng trầm biến cố lớn, Kathy tỏ ra rất phấn khích. "Họ mới bắt Wigton, Tabor và Freeman. Họ bị còng tay," cô nói. Cô có bản sao mẩu tin trước mặt nên đã tường thuật lại vụ bắt giữ. Tất nhiên, Kathy biết cả ba người đó: Wigton và Tabor từ Kidder, Peabody; còn Freeman từ những cuộc gọi thường xuyên của anh ta.

Kathy tiếp tục bài tường thuật của mình. "Mọi người đều rất phấn khích," cô cho biết nhân viên ở Drexel thực sự hoan hỉ trước tin này. Siegel hơi bối rối trong giây lát nhưng Kathy lập tức giải thích ngay. Sau nhiều tháng chịu đựng áp lực của báo chí về tiến độ điều tra, một vài người bên ngoài Drexel cuối cùng đã bị bắt. Nhất là những người đó lại là người của Goldman, Sachs – công ty mà

Drerel tôn kính nhất, được dành chỗ ưu ái tại một đỉnh của kim tự tháp địa vị trên Phố Wall.

Trước sự kinh ngạc của Siegel, Kathy không dám nói bóng gió rằng mọi người nghi ngờ anh có liên quan. Anh ta cúp máy khi câu chuyện kết thúc, buồn rầu nghĩ anh ta có thể sẽ khiến những người tuyệt đối trung thành với mình kinh ngạc.

Rakoff và Strauss cùng Siegel thảo luận những sự kiện sẽ được giải mã ngày hôm sau. Bản sao các thông tin mà Siegel sẽ nhận tội và thông cáo báo chí mãi khuya muộn mới tới. Rõ ràng chính quyền khó lòng theo kịp tốc độ tiến triển của các sự kiện.

Trong khi thảo luận chính quyền sẽ tiết lộ những gì về Siegel, một vấn đề gây bất đồng là khoản tiền anh ta thật sự nhận được từ Boesky: Anh ta khẳng định chỉ có 700.000 đô-la nhưng Boesky lại cung cấp cho chính quyền con số 800.000 đô-la. Các điều tra viên có vẻ tức giận vì sự không nhất quán này. Họ không muốn suy xét tới cùng ai trong hai nhân chứng quan trọng nói dối mà gây áp lực buộc Siegel phải chấp nhận bản cung của Boesky, vốn sẽ được đăng trên thông cáo báo chí. Siegel kiên quyết từ chối. Anh ta nghi ngờ nguyên nhân của sự chênh lệch về số tiền là do hãng chuyển phát chỉ đọc lướt qua, nhưng đó không phải thứ Siegel cần quan tâm. Anh ta nhận được 700.000 đô-la và sẽ không bao giờ bịa ra con số khác cho dù có áp lực gì đi chăng nữa. Sau nhiều năm sống trong dối trá, anh ta không muốn nói dối thêm lần nữa. Và chính quyền đành chịu thua.

Giờ đây nỗi lo sợ lớn nhất của Siegel khi hợp tác mới thực sự bắt đầu. Trong suốt giai đoạn làm ăn bí mật, anh ta bị cấm tiết lộ với bất cứ ai trừ vợ mình về các hoạt động đó. Nay anh ta phải đối mặt với nỗi đau khi thú nhận với gia đình, đồng nghiệp và bạn bè thân thiết.

Siegel gọi cho bố mẹ, hiện đang đi du lịch tại Florida bằng chiếc RV mà anh ta mua tặng và gặp được cả hai người. Vài tuần trước, họ đã rất buồn khi Siegel nói không thể tới dự lễ kỷ niệm 40 năm ngày cưới của họ; nên giờ họ chưa sẵn sàng để đón nhận tin sét đánh này. Siegel thành đạt ngoài kỳ vọng của cha mẹ nên giờ chuyện này dường như khủng khiếp hơn bất cứ điều gì họ có thể tưởng tượng. Mẹ anh ta khóc nức nở. Tuy thế, điều ông bà lo lắng nhất là sức khoẻ của Siegel. Họ muốn gặp con ngay nhưng anh ta khuyên can họ. Anh ta cố giải thích chuyện xảy ra trong mấy ngày qua và an ủi họ rằng mình sẽ ổn thôi.

Siegel tiếp tục điểm lại danh sách những người cần liên lạc. Anh ta gọi cho anh trai và chị gái, sau đó là bố mẹ vợ. Sốc, mất niềm tin và nước mắt là kết quả của mọi cuộc gọi. Tiếp đó, tới lượt các khách hàng và cộng sự gần gũi nhất. Anh ta cố gắng gọi cho Henry Kravis tại KKR nhưng không được nên anh đã nói chuyện với George Roberts. George nói rằng thật sự lấy làm tiếc và cầu mong Siegel sẽ ổn thỏa. Anh ta cũng gọi cho Sam Heyman, người hàng xóm cũ đồng thời là giám đốc của GAF. Sam cố gắng thể hiện sự ủng hộ tốt nhất đối với Siegel, anh ta nói đã biết có một số điều gì đó không ổn, nhưng không muốn gây áp lực lên Siegel. Sau đó, Siegel gọi đến Gershon Kekst, giám đốc quan hệ công chúng của công ty và Stockton Strawbridge, một khách hàng lớn khác. Anh ta cũng không quên gọi cho Peter Schartz, một lái xe taxi mà anh ta thường xuyên đi, sau đó đã kết làm bạn bè. "Tôi xin lỗi đã làm anh thất vọng," Siegel nói.

Cuối cùng, anh ta gọi cho Martin Lipton – luật sư, vị cố vấn thông thái – người có ý nghĩa vô cùng lớn đối với Siegel. Anh vẫn chưa biết Lipton và hãng luật của ông đang đại diện cho Goldman, Sachs. Siegel nhắc lại lời xin lỗi trước đó, nói đi nói lại rằng anh ta rất hối hận và mạo muội hy vọng một chút dấu hiệu của lòng trắc ẩn hoặc sự tha thứ.

"Tôi sẽ xem có thể làm gì cho cậu," cuối cùng Lipton mới chịu mở lời. Siegel cảm thấy được an ủi nhờ thay đổi nhỏ đó trong sự thể hiện lạnh lùng của Lipton.

Sau đó Siegel lại gọi cho Kathy, mời cô qua văn phòng của Rakoff. Khi cô tới, anh ta dẫn cô vào một phòng họp và đóng cửa lại. "Tôi đã mắc một sai lầm rất nghiêm trọng," Siegel nói. "Tôi đã khiến cô phải thất vọng." Siegel có cảm giác như mình đang thú tội với cô con gái ruột. Kathy có vẻ vẫn chưa hiểu. Anh ta nói với cô rằng mình đã phạm tội giao dịch nội gián.

Kathy bật khóc. "Tại sao?" Cô nức nở. "Tại sao?"

Siegel không thể trả lời câu hỏi đó. Anh ta cảm thấy nỗi đau đớn và áp lực của cả ngày dài vỡ òa bên trong anh. Hai người cùng khóc.

Rakoff vẫn rất lo lắng về tâm lý của Siegel nên sáng hôm sau đến đón anh ta bằng xe riêng và đưa đến tòa án. Ông không muốn mạo hiểm vì rất có thể Siegel lại nghĩ tới việc tự tử khi trên đường đến Tòa án. Siegel vào qua cửa hông, sau đó được đưa vào phòng xử án rộng ở tầng một nơi đọc các bản kiến nghị và nhận tội. Anh

ta mặc một bộ vest xám đen, sơ-mi xanh và thắt cà-vạt đỏ. Thẩm phán Robert Ward xếp Siegel xuống cuối danh sách trong ngày, nghĩa là anh ta sẽ phải chờ gần ba tiếng đồng hồ.

Thông tin về việc CS-1 sẽ được xác định và sẽ nhận tội đã được giới truyền thông gửi đi nên phòng xử án, trái ngược với hôm xét xử Freeman, Wigton và Tabor, đầy chật phóng viên và cả đám họa sĩ vẽ tranh biếm họa cứ nhìn chằm chằm vào Siegel trong suốt phiên tòa. Các nhóm phóng viên truyền hình từ tất cả các kênh chính xúm xít tại bậc tam cấp rộng rãi dẫn vào cửa chính và cạnh những cột trụ đường bệ của Tòa án liên bang. Cuối cùng, thẩm phán Robert Ward gọi Siegel đến.

Siegel cam đoan với vị thẩm phán rằng anh không bị bệnh và không trong thời gian trị liệu. Thẩm phán Ward hỏi anh về trình độ học vấn. Siegel ngừng lại một chút. Anh ta định nói tên Trường Kinh doanh Havard nơi đã theo học nhưng không thể vì quá hổ thẹn. "Đại học," anh ta trả lời. Vị thẩm phán đọc lời luận tội trong phần thông tin tội phạm. Tội thứ nhất là đồng mưu vi phạm luật chứng khoán và tội thứ hai là trốn thuế do không báo cáo các khoản thanh toán của Boesky. Siegel không nghe thấy thẩm phán nói gì. Anh ta gạt nước mắt.

"Anh muốn nói gì?" Những lời đó vang lên trong phòng xử án rộng và vang, sau đó là im lặng. "Tôi nhận tội thưa quý tòa,"anh nói nhỏ nhẹ nhưng rõ ràng. Thẩm phán Ward đưa ra thời gian thi hành phán quyết dự kiến là ngày 2 tháng Tư, chưa đầy hai tháng nữa.

Siegel bị đẩy vào một buồng giam, nơi anh ta bị lăn tay cùng với nhóm 27 tên vận chuyển ma tuý cũng bị xét xử sáng hôm đó. Anh ta cố gắng thoát khỏi phòng xử qua cửa tầng hầm nhưng một đoàn phóng viên đài NBC đã chờ sẵn. Máy quay dõi theo khi luật sư Rakoff đẩy anh lên một chiếc xe chờ sẵn để đến thẳng sân bay. Siegel dừng lại chỉ để hôn lên má Audrey Strauss, rồi cửa xe đóng rầm lại.

* * *

Tin tức về lời nhận tội của Siegel và vụ bắt giữ Freeman, Wigton và Tabor khiến Kidder, Peabody và chủ sở hữu mới của nó, General Electric, sửng sốt. Trưởng phòng M&A của Kidder lao ra khỏi sàn giao dịch trong nước mắt khi biết tin. Siegel vẫn được rất nhiều người ngưỡng mộ, đặc biệt trong đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Nhưng tình cảm trong công ty không còn dành cho anh ta khi sự thật

phơi bày, nhất là việc anh ta đã nhận tiền mặt từ Boesky. Từ lâu, vẫn luôn có sự tức giận vì Siegel đã sang Drexel, giờ đây nó lại nhanh chóng trỗi dậy.

Các lãnh đạo hàng đầu của GE biết tin khi họ đang ăn trưa tại nhà ăn của công ty ở trụ sở Fairfield, Connecticut. Họ choáng váng khi hiểu ra khoản đầu tư 650 triệu đô-la vào một công ty mà họ tin là xuất chúng đang gặp nguy hiểm. Bữa tối mà các lãnh đạo GE và Kidder dự định tổ chức tại nhà hàng đặc biệt Le Bernardin tối hôm đó để mừng kết quả của một giao dịch gần đây giờ đã tan tành mây khói.

Vốn đã có một vài bất hoà giữa các viên chức Kidder, Peabody và sếp mới, nên vụ bắt giữ lại là tác nhân để khiến cho một bức tường giữa họ được dựng lên. Và bởi nhiều nhân viên Kidder như Max Chapman vẫn tiếp tục bảo vệ Wigton, nên giới lãnh đạo của GE càng chán ngấy hơn. GE đã có kinh nghiệm với các cáo buộc tội phạm trong của chính quyền chính vì thế, theo quan điểm của họ, chính quyền không bao giờ tiến hành các cuộc điều tra lớn, chưa kể việc bắt bớ công khai mà không có bằng chứng đáng tin cậy về hành vi phạm pháp. Với việc Siegel hợp tác, họ biết chính quyền sẽ thực hiện một vụ lớn và mạnh mẽ nhằm chống lại Kidder, Peabody. Một công ty thường phải chịu trách nhiệm pháp lý vì sai phạm của các nhân viên và giờ thì Siegel đã nhận tội.

Từ khi giành được Kidder, GE đã trao quyền quản lý cho DeNunzio và ít khi can thiệp vào các hoạt động của hãng này. Tuy nhiên, nhận thấy tính nghiêm trọng tiềm ẩn của tình hình này, Lawrence Bossidy, Phó Chủ tịch và Tổng giám đốc Tập đoàn tài chính GE, công ty mẹ của Kidder, Peabody đã nhận trách nhiệm và cử cố vấn phó Joseph Handros với kinh nghiệm dày dạn theo dõi sát sao vụ việc. Bossidy từng là vận động viên bóng chày chuyên nghiệp với sự chính trực không thể nghi ngờ, không có quan hệ tình cảm với Kidder, Peabody "cũ" và kiên quyết hành động ngay lập tức để khắc phục bất kỳ tổn thất nào.

GE đã gửi một đội kiểm toán tới Kidder, Peabody để tiến hành kiểm tra toàn bộ hoạt động tài chính của công ty. GE lập tức hướng đội kiểm toán vào một cuộc điều tra về thứ được cho là giao dịch nội gián. Kidder, Peabody tập hợp lực lượng của họ, bao gồm John Gordon, bạn của Siegel – Peter Goodson; và luật sư nội bộ Robert Krantz. Khi họ bắt tay vào công việc, nỗi sợ hãi dù không được nói ra đã lan khắp công ty. Liệu Siegel có khai ra những người khác, nhất là DeNunzio không? Câu chuyện về việc kinh doanh cổ phiếu giá rẻ ở Kidder, Peabody là gì? Một số nhân

viên rất choáng váng khi biết công ty có phòng kinh doanh cổ phiếu giá rẻ. Khi xem xét các hồ sơ giao dịch, đội kiểm toán sẽ kiểm tra các giao dịch dán mác "đáng ngờ" hay "nghi vấn." Hal Ritch nhận thấy loại "đáng ngờ" đã lên đến hơn 100 giao dịch chỉ trong vài ngày.

Anh ta và Gordon có những lý do khác để lo lắng. Khi nghiên cứu các lập luận của chính quyền trong vụ Freeman, họ nhớ lại vụ SCA. Tại thời điểm này, những nghi ngờ của họ có lẽ đã được xác nhận. Họ không muốn thừa nhận điều đó nhưng những lời buộc tội của chính quyền về Freeman là đúng.

Thứ Bảy sau ngày Siegel thú tội, nhóm Kidder, Peabody được triệu tập đến Tòa nhà St. Andrews để gặp Giuliani, Carberry, Wilson – Trưởng ban phòng chống tội phạm và Cartusciello – công tố viên đảm nhiệm vụ Freeman. Những người tham gia khác còn có Lynch và Sturc đến từ Ủy ban Chứng khoán vì bất kỳ hướng giải quyết nào cũng cần có sự chấp thuận của cơ quan này. Đối tác của Sullivan & Cromwell là Marvin Schwartz, người bào chữa chính cho Kidder; Krantz, Handros và Gary Naftalis, luật sư của Wilkis, người Handros mời đại diện cho GE cũng có mặt.

"Chúng tôi chỉ bắt những kẻ phạm tội," Giuliani bắt đầu. Schwartz lập tức phản ứng dữ dội. "Ông ta nên nói lời xin lỗi," Schwartz đáp trả Giuliani một cách phẫn nộ, tiếp tục lên án việc Văn phòng bắt giữ Freeman, Wigton và Tabor.

Carberry trả đũa bằng cách buộc tội Sullivan & Cromwell, công ty của Schwartz, đã đại diện cho cả Kidder, Peabody và Goldman, Sachs trong nhiều vụ việc. Schawartz đứng bật dậy khỏi ghế, hắng giọng, "Tôi không cần anh lên lớp về chuyện xung đột lợi ích. Nếu cần lời khuyên về đạo đức, tôi cũng không tìm đến anh."

Các luật sư của chính quyền không tin nổi điều này. Họ đã nghi ngờ Sullivan & Cromwell và Kidder từ vụ Winans, cho thấy mười mươi sự buông lỏng quản lý và kỷ luật nội bộ của Kidder. Giờ đây, Siegel, từng là ngôi sao của Kidder, đã thú nhận phạm tội nghiêm trọng khi đại diện cho công ty. Vậy mà Kidder nghĩ chính quyền nên xin lỗi?

Nỗi sợ hãi của Krantz không có ích gì. "Vấn đề ở đây là gì? Xin hãy giúp tôi," anh ta nói, nhìn quanh các luật sư của chính quyền nhưng họ vẫn giữ im lặng. "Tôi vẫn chưa thấy chúng tôi phạm pháp ở đâu."

Giuliani vẫn giữ bình tĩnh. “Những gì chúng tôi nghĩa là anh đang gặp vấn đề. Anh càng giải quyết nó sớm bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Và tôi nghĩ anh nên uống thuốc một vài viên thuốc.” Sau đó, Carberry xem xét trách nhiệm của Kidder đối với những sai phạm của Siegel và nhắc lại sự yếu kém của họ trong vụ Winans, bao gồm cả những bất thường đã được đề cập trong một cuốn sách của Winans. Cuối cùng, Carberry chốt hạ: vấn đề của Kidder, Peabody không phải do các sai phạm của Siegel. Chính quyền đã có thông tin khác về âm mưu mua bán chứng khoán giấu tên liên quan tới Donald Little, nhân viên môi giới tại Kidder của Boesky ở Boston và bất ngờ nhất là Chủ tịch Kidder, Jack Roche.

“Chúng tôi sẽ truy tố ông,” Carberry sổ toẹt. Schawartz tỏ ra hết sức sửng sốt. Giuliani đang lên lớp anh về trách nhiệm của công ty đối với sai phạm của nhân viên. Cuộc thảo luận nhanh chóng ngừng giữa chừng vì những lời buộc tội lẫn nhau hết sức thậm tệ. Schawartz giận dữ bỏ đi cùng đội của Kidder, bỏ lại Giuliani và các phụ tá đang hết sức bực tức.

Khi nghe Handros báo cáo về cuộc gặp mặt, Bossidy rất hoảng sợ. Trong mắt ông, vị thế của Sullivan & Cromwell không thể nào thấp hơn. Phải làm gì đó ngay lập tức. Bossidy đã chứng kiến sức tàn phá của bản án dành cho E. F. Hutton và ông tin rằng một bản án tương tự sẽ huỷ hoại uy tín của Kidder, Peabody ngay cả khi, với cơ hội mong manh nhất, công ty cuối cùng cũng thắng thế.

Các kiểm toán viên của GE tăng cường tiến độ để báo cáo lại cho Handros và Bossidy. Phát hiện của họ không mấy khả quan. Một vài giao dịch đang bị điều tra, ví dụ như giao dịch với General Foods, có thể được bảo vệ bằng các thông tin công khai. Còn giao dịch với Tập đoàn Continental thì sao? Bộ phận cổ phiếu giá rẻ của Kidder thể hiện khả năng sắp xếp thời điểm mua một cách hoàn hảo ngay trước khi xuất hiện một nhà đầu tư lớn. Còn nhiều “sự trùng hợp” tương tự khác. “Chúng ta có thể có một hoặc hai trường hợp như thế,” Naftalis khuyên Handros. “Nhưng năm, sáu thì không.”

Những cuộc phỏng vấn lãnh đạo của Kidder, Peabody cũng không trấn an được họ đến thế. GE vẫn tin DeNunzio không biết kế hoạch của Siegel với Freeman nhưng thực tế, DeNunzio đã khuyến khích Siegel dụ dỗ Wigton và Tabor. Ông ta còn không giữ một bức tường ngăn cách, dù là tượng trưng, thậm chí còn từ bỏ quyền quản lý. Các lãnh đạo cấp cao của GE cho rằng cách quản lý công ty của ông ta quá tệ hại; và dù gì, họ kết luận, Roche giờ cũng đang bị điều tra và năng lực của Krantz thậm chí còn kém hơn.

Hai tuần sau cuộc gặp gỡ của nhóm Kidder với Giuliani và Carberry, Naftalis gọi cho Carberry. “GE muốn gặp riêng anh mà không có ai từ Kidder hay Sullivan & Cromwell đi cùng,” anh nói với vị điều tra viên. GE đã quyết định sẽ quản lý toàn bộ công ty, không chỉ riêng vụ điều tra này. Sullivan & Cromwell bị đẩy ra khỏi cuộc điều tra, thay thế bằng Naftalis và công ty của anh ta, Kramer, Levin, Nessen, Karmin & Frankel. Ngày 7 tháng Ba, đích thân Bossidy đến gặp Giuliani và Carberry. Ông trình bày trong vòng 15 phút bằng một giọng khác hẳn so với cuộc gặp Schwart trước đó.

Dừng lại một lát để thừa nhận rằng Kidder, Peabody đã vi phạm, Bossidy mô tả cuộc kiểm tra toàn diện của GE – đối lập hoàn toàn với những gì mà cuộc điều tra Goldman, Sachs đã cố gắng thanh minh – và xác nhận “nhiều vấn đề nghiêm trọng” đã bị phanh phui. Ông nhấn mạnh GE chỉ mua lại Kidder gần đây và không biết gì về các vụ việc bị khui ra trong cuộc điều tra. Một bản án với công ty có thể khiến nó phá sản, cướp đi công ăn việc làm của 7.000 nhân viên.

Sau đó, ông đưa ra lộ trình cụ thể: Lãnh đạo của Kidder, gồm DeNunzio, Roche, và Krantz, có thể bị sa thải nếu cần. Kidder, Peabody sẽ từ bỏ hoàn toàn bộ phận cổ phiếu giá rẻ: Bossidy kết luận một ngân hàng đầu tư không nên nhúng tay vào lĩnh vực này vì không bức tường nào có thể ngăn cản việc sử dụng thông tin bí mật sai mục đích. Đồng thời, công ty có thể đưa ra một sự thương lượng hợp lý với Ủy ban Chứng khoán.

Sự thẳng thắn và đề nghị táo bạo của GE tạo ấn tượng tốt với các điều tra viên. Giuliani nói với Bossidy rằng cách tiếp cận của GE là một “luồng gió mới” so với những gì ông được nghe từ các công ty khác liên quan tới vụ này, ám chỉ Drexel và Goldman. Lần đầu tiên từ khi các vụ bắt giữ xảy ra, Bossidy và Naftalis thoáng hy vọng Kidder, Peabody có thể không bị truy tố.

Ngay khi tình hình trở nên có lợi cho Kidder, Peabody, chính quyền lại thu được thành công khác. Boyd Jefferies, giám đốc Jefferies Group, công ty môi giới lớn tại Los Angeles đi đầu về giao dịch ngoài thị trường, đã nhận hai tội lớn vào tháng Tư năm 1987 và đồng ý hợp tác. Jefferies đã “giấu” cổ phiếu cho Boesky, như Mulheren từng bị xử lý và chính quyền đã có bằng chứng buộc tội khoản thanh toán 3 triệu đô-la từ Boesky cho Jefferies. Khoản thanh toán này, được ghi trong hóa đơn gốc là “các dịch vụ tư vấn đầu tư và tài chính doanh nghiệp,” thực chất là một bản đối chiếu các cổ phiếu bị che giấu chủ sở hữu, xác nhận Boesky đã sử dụng

những hóa đơn giả khá giống với hóa đơn được dùng trong khoản thanh toán 5,3 triệu đô-la với Drexel.

Giật mình hơn cả, Jefferies tiết lộ về một kế hoạch không liên quan đến Boesky. Jefferies thừa nhận, theo yêu cầu của một kẻ đồng mưu, anh ta đã thao túng giá cả trong lần chào giá thứ hai cổ phiếu Fireman's Fund của American Express. Trong kế hoạch đó, các hóa đơn giả cũng đã được chuẩn bị để người đồng mưu kia bồi thường cho Jefferies những thiệt hại mà anh phải chịu khi đẩy giá lên cao bằng cách mua cổ phiếu đó với số lượng lớn. Hơn hết tất cả những người từng bị chỉ điểm, Jefferies đang nhận tội cho những điều diễn ra quá thường lệ trên Phố Wall. Như luật sư của Jefferies nói với chính phủ, "Boyd là một khách hàng dễ dãi. Anh ta lớn lên trong một nền kinh doanh với khách hàng dễ dãi. Nhưng quy luật thì đang thay đổi."

Kẻ đồng mưu yêu cầu Jefferies thao túng giá cổ phiếu Fireman's Fund không ai khác chính là Sandy Lewis, tay buôn cổ phiếu đã giới thiệu Mulheren cho Boesky tại quán cà phê Des Artistes trước khi nảy sinh bất hòa với Boesky. Háo hức trả thù, Lewis gần như săn lùng Gary Lynch suốt mùa hè, giục anh phải theo đuổi vụ điều tra Boesky. Giờ anh ta đã đạt được mong muốn, Boesky đã bị hủy hoại. Nhưng cuối cùng Boesky mới là người chiến thắng. Lewis, kẻ luôn đóng vai thầy tu rất mực đức hạnh trên Phố Wall, kịch liệt phủ nhận mình có tội. Nhưng chẳng ai tin anh ta và ngày càng bị chế giễu vì thói đạo đức giả. Do tất cả những lẽ đó, sự nghiệp của anh ta trên Phố Wall sẽ sớm kết thúc.

Nhưng niềm vui của Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp đối với chiến thắng này chẳng được bao lâu. Trong cuộc điều tra đám chóp bu Freeman, Wigton và Tabor, chính quyền có vẻ lúng túng. Sau khi chuyển tới Florida, Siegel đã nhìn thấy các lệnh bắt giữ dựa trên lời khai của mình, và ngay lập tức cảm thấy rất buồn. Tại Unocal và Storer, để công khai lời cáo buộc, chính phủ đã khoanh vùng hai trong số các giao dịch phức tạp nhất mà Siegel đã khai ra. Doonan đã chỉ thẩm vấn Siegel một lần về cả hai vụ còn Paschall thì ghi chép lại cuộc thẩm vấn đó. Ý chính của nó thì đúng, nhưng như Goldman, Sachs nhận ra, các chi tiết đã bị làm sai lạc.

Trong biên bản của Doonan, mọi liên lạc liên quan đến việc mua lại cổ phần của Unocal đã được thực hiện trong cuộc điện thoại của Siegel với Freeman tại sân bay Tulsa vào tháng Tư. Thực chất, đó chỉ là một phần câu chuyện. Bản cung có tuyên thệ vô tình bị gói gọn trong những cuộc nói chuyện điện thoại đã được khám

phá dần qua thời gian. Siegel biết các hồ sơ giao dịch sẽ không ủng hộ biên bản đó. Chính quyền cũng hé lộ Freeman đã giữ các tài liệu nghiên cứu giả mạo để lấp liếm các giao dịch của anh ta và Siegel lại một lần nữa phải thất vọng. Anh đã nói với họ rằng Boesky – chứ không phải Freeman – là người giữ các tài liệu đó. Rakoff biết các luật sư bào chữa giỏi sẽ lợi dụng những lỗi này để làm xấu mặt chính quyền và làm dấy lên mối nghi ngờ về tính thuyết phục của vụ này. Siegel thấy chắc chắn mình sẽ bị đổ oan và bị kết tội nói dối. Rakoff ao ước chính quyền để ông và Siegel kiểm tra lại lời cáo buộc trước khi bắt giữ Freeman, Wigton và Tabor. Các điều tra viên quá quan tâm đến việc bảo mật nên đã không làm vậy. Giờ thì mọi chuyện đã quá muộn.

Rakoff gọi cho Carberry, và Strauss nghe cùng đường dây. Ông muốn chắc chắn rằng Siegel sẽ không bị đổ lỗi vì những sai sót đó. Carberry xác nhận những sai sót đã mắc phải và nói chính quyền sẽ tìm cơ hội để sửa sai. Rakoff thở phào vì Carberry không định đổ lỗi cho Siegel. Nhưng Carberry lại tỏ ra không quan tâm quá nhiều đến điều đó.

Freeman, Wigton và Tabor bị kết án vào ngày 9 tháng Tư, khoảng bảy tuần sau khi bị bắt. Không tiết lộ thêm chi tiết nhưng chính phủ đã khắc phục được sai sót của họ, đính chính rằng giao dịch với Unocal của Kidder, Peabody đã diễn ra vào ngày 15 và 17 tháng Năm năm 1985 chứ không phải tháng Tư và giao dịch với Storer đã diễn ra vào tháng Tư chứ không phải tháng Mười hai như cáo buộc trước. Tuy nhiên, chính quyền giữ nguyên cáo trạng đối với cả hai vụ, kết luận mỗi bị cáo phạm bốn trọng tội.

Đáng chú ý là, bản thân Kidder, Peabody không bị buộc tội, cho thấy kết quả của việc lãnh đạo GE đã liên lạc với Giuliani. Giữ lời hứa sẽ hỗ trợ chính quyền, Kidder, Peabody nhanh chóng đình chỉ không bồi thường Wigton, ngừng trả chi phí pháp lý cho anh ta và ngừng trả thù lao cho luật sư của Tabor. GE thậm chí còn tiến xa hơn thế dù không ai ở Kidder hay biết những gì họ đã làm. Các luật sư của GE gặp Stanley Arkin, luật sư của Wigton, và nói thẳng với ông rằng Wigton nên kháng án nếu anh ta thực sự vô tội. Nếu không, anh ta nên nhận tội và hợp tác. Ngoài ra, GE còn úp mở nếu Wigton kháng án và bị kết tội, GE sẽ kiện Wigton để thu hồi khoản tiền 3 triệu đô-la trả cho số cổ phiếu Kidder, Peabody anh ta nắm giữ đồng thời vẫn sẽ giữ lại khoản tiền 3 triệu đô-la vẫn còn nợ anh ta.

Ngược lại, Goldman, Sachs vẫn trung thành ủng hộ Freeman dù phát biểu của họ thể hiện thái độ chừng mực hơn trước đây.

“Chúng tôi hiểu và tin anh ấy,” họ nói về Freeman. “Dựa trên tất cả những gì hiện giờ chúng tôi biết, chúng tôi tiếp tục tin tưởng anh ấy không làm gì phạm pháp.”

GE giải thích rằng việc đình chỉ các nhân viên bị truy tố nhất quán với chính sách của công ty. Cách xử trí đó cũng thể hiện quan điểm của các nhà lãnh đạo GE, những người không thực sự biết Wigton hay Tabor, rằng chính quyền có thể có lý khi suy đoán công ty hẳn phải biết Siegel đã nhận được thông tin nội gián. Tuy nhiên, việc công ty ngừng ủng hộ Wigton khiến nhiều người tại Kidder nổi giận, nhất là những nhân viên vốn rất nhạy cảm với việc công ty đánh mất quyền tự chủ vào tay tập đoàn công nghiệp khổng lồ GE. Và đòn này cũng ít ảnh hưởng tới một Wigton luôn bình tĩnh. Anh ta vẫn vững vàng dù đau đớn vì mất đi sự ủng hộ của công ty, nhưng vẫn khẳng định sự vô tội của mình.

Cơn giận tại Kidder, Peabody khi sự việc xoay chiều còn nhẹ hơn nhiều so với sự náo động diễn ra một tháng sau đó. Vào ngày 12 tháng Năm, hai công tố viên xử lý vụ này là Cartusciello, trông có vẻ kiệt sức, và trợ lý Bộ trưởng Bộ Tư pháp, John McEnany, tới gặp thẩm phán Louis L. Stanton và nói họ cần nhiều thời gian hơn để chuẩn bị cho phiên tòa. McEnany thừa nhận “khi nhìn lại,” chính quyền mới thấy lẽ ra họ nên kiên nhẫn trước khi bắt đầu những cuộc bắt bớ công khai và rằng “chúng ta có thể bị chỉ trích nếu cố gắng để vụ việc tiến triển quá nhanh.”

Đây là lời thú nhận đột ngột về việc phán đoán sai tại thời điểm then chốt, không chỉ trong vụ việc trước mắt mà còn trong nhiều cuộc điều tra khác đang diễn ra, bao gồm cả vụ Milken. Thông thường người bào chữa sẽ xin hoãn nhưng trong vụ này, hiểu rằng tốc độ là do họ quyết định, các luật sư bào chữa từ chối bất kỳ sự trì hoãn nào. Một ngày sau đó, thẩm phán Stanton từ chối đề nghị hoãn xét xử của cơ quan điều tra, đứng về phía các bị cáo, viện dẫn Tu chính án số 6 để tiến hành một phiên xét xử nhanh chóng. Phát ngôn viên của Giuliani nói với tờ The Wall Street Journal, “Tôi không cho đây là một thất bại.” Song rõ ràng, các bị cáo và người ủng hộ họ có lý do để vui mừng.

Giờ thì gánh nặng bị đẩy về phía cơ quan điều tra. Họ có nên tiếp tục vụ này hay nên cân nhắc điều mà nhiều người cho là không tưởng, đó là từ bỏ vụ kiện này, tìm cách bác lại các cáo buộc trước đó? Cuộc tranh luận diễn ra gay gắt trong Tòa nhà St. Andrews. Cartusciello và McEnany không ra quyết định tiến hành những vụ bắt bớ nhưng họ tin chính quyền phải tiếp tục vụ kiện này. Cartusciello đã làm việc tại đây nhiều năm và thấm nhuần truyền

thống mà các tiền bối của Giuliani để lại. Cartuciello không ủng hộ việc phê chuẩn những cuộc bắt bớ vội vã nhưng một khi các bị cáo đã bị hạ nhục, anh cứng rắn dùng quyền lực để xua nhanh đám mây đen lơ lửng trên uy tín của họ.

Cả anh và McEnany đều tin họ có thể tiếp tục vụ kiện mà không bị mất mặt, thậm chí cơ hội chiến thắng còn khá cao. Họ tin Siegel sẽ là một nhân chứng xuất sắc, đáng tin cậy. Họ có thừa minh chứng cho lời khai của anh ta với tập hồ sơ giao dịch đồ sộ thu thập từ Kidder, Peabody và Goldman, Sachs. Nhưng họ vẫn thiếu một nhân chứng cộng tác tốt. Không công tố viên nào muốn dấn thân vào một vụ kiện chỉ với một nhân chứng chính duy nhất, chưa kể người đó vừa mới nhận tội.

Trưởng bộ phận phòng chống tội phạm Howard Wilson phản đối quan điểm này. Anh lập luận rằng việc tiếp tục tiến lên sẽ chỉ làm trầm trọng thêm sai lầm trước đó của chính quyền. Wilson còn nhiều thứ khác phải cân nhắc: Một phần nhiệm vụ của anh là bảo vệ sếp của mình, Giuliani, và tương lai chính trị của ông. Giuliani đã có chuỗi thành công ban đầu được ghi nhận, trong đó có vụ kết tội thủ lĩnh Đảng Dân chủ vùng Bronx, Stanley Friedman, vụ việc khiến ông đau đầu tại thời điểm thỏa thuận với Boesky. Ông đã cố gắng hết sức trong vụ đó và được khen ngợi đáng kể. Ông còn gặt hái được nhiều lời tán dương hơn khi dàn xếp thành công thỏa thuận với Boesky và khiến sự nghiệp của anh ta trên Phố Wall tan tành. Giuliani đang ở giai đoạn may mắn, giai đoạn có thể dễ dàng đưa ông tới dinh Thị trưởng New York hay Thống đốc bang. Báo chí hầu như đều ca ngợi ông. Vậy bây giờ điều gì tồi tệ hơn? Từ bỏ vụ này và chờ đợi một vụ việc tầm cỡ khác còn xa lắc xa lơ, khi Giuliani thậm chí không còn công tác tại Văn phòng, hay chấp nhận bị quở trách vì thất bại bẽ bàng trước tòa ngay mùa hè đó?

Chỉ còn lại Carberry. Anh là người đề nghị tiến hành bắt giữ. Anh tin tưởng vào vụ việc này. Carberry không hề có động cơ chính trị. Là một điều tra viên kỳ cựu, trong vụ này, anh miễn cưỡng quản lý các phụ tá bằng cách giao việc cho họ hàng ngày. Anh muốn chịu chung số phận với Cartuciello và McEnany, đề nghị tiếp tục vụ kiện.

Giuliani đang ở vào thế tiến thoái lưỡng nan. Ông không muốn làm khó Carberry, vị trưởng bộ phận phòng chống gian lận. Nhưng việc ủng hộ các vụ bắt bớ đã đem lại kết quả rất thảm hại. Ông đồng ý với Wilson và lệnh cho các phụ tá chuẩn bị bãi nại.

Tới trưa hôm sau, tin đồn về việc cơ quan điều tra sắp có động thái

bất thường là từ bỏ vụ kiện này đã được truyền đi. Rakoff gọi cho Siegel và nói về các báo cáo. "Có thể như thế ư?" Siegel băn khoăn.

"Điều đó là không thể," Rakoff trả lời dựa trên nhiều năm kinh nghiệm tại Văn phòng. Ông vẫn nghĩ những vụ bắt giữ không bao giờ xảy ra nếu cơ quan điều tra chưa có một nhân chứng xác thực. Ông cho rằng chính quyền sẽ vẫn theo đuổi vụ kiện, ngay cả khi việc xét xử diễn ra sớm hơn ý muốn của các công tố viên. Ít nhất thì đó là những gì đã xảy ra khi ông còn làm việc tại Văn phòng.

Nhưng điều "không thể" đã xảy ra ngay ngày hôm đó. Ngày 13 tháng Năm, Cartusciello và McEnany tới gặp thẩm phán Stanton. Vì vụ án đang gây nhiều tranh luận về những lùm xùm liên quan đến hoạt động giao dịch nội gián, phòng xử chật kín phóng viên, luật sư của các bị cáo tương lai và những người tò mò. Trông đau khổ ra mặt – dù được nghỉ ngơi nhiều hơn hôm trước – Cartusciello nói cơ quan điều tra, khi đối mặt với lựa chọn hoặc tiếp tục phiên xét xử ngày thứ Tư tới hoặc bãi bỏ những cáo buộc trước đó, "đã kết luận rằng bản cáo trạng phải bị hủy bỏ." Để vớt vát lại lời thú nhận bẽ bàng đó, anh nói thêm rằng bản cáo trạng này "mới chỉ là bề nổi của câu chuyện" và nhất định chính quyền sẽ nhanh chóng đưa ra những cáo buộc mới mở rộng phạm vi giao dịch nội gián từ hai lên chín loại cổ phiếu.

Không bị cáo nào tới dự phiên tòa nhưng các luật sư cố gắng kiềm chế niềm hân hoan thậm chí ngay cả khi họ có thể sẽ làm mất mặt chính quyền. Arkin, luật sư của Wigton, gọi động thái của cơ quan điều tra là "sự giễu cợt và thiếu minh bạch trong một vụ xét xử siêu tốc." Luật sư của Tabor, Lawler, nói việc đó "phản ánh sự yếu thế của cơ quan điều tra trong vụ kiện cũng như chiến thuật bắt giữ của họ." Luận điệu cho rằng các bị cáo đã bị đối xử tồi tệ và bị tước quyền hiến định được nhắc di nhắc lại trên báo chí. Trong các vụ kiện còn dang dở, luật sư bào chữa thường tránh xúc phạm các công tố viên, những người giữ vai trò quyết định trong quá trình khởi tố. Nhưng trong cuộc chiến này, họ phải chiến đấu và chiến thắng trên mọi mặt trận một cách công khai và rõ ràng nhất.

Sự tiến triển kỳ lạ của sự việc không giúp ích gì cho tinh thần của Kidder, Peabody. Phe ủng hộ Wigton trở nên bạo gan hơn và bắt đầu đòi phục chức cho anh ta. Một ngày sau khi chính quyền bãi nại, sự phẫn nộ lại dâng cao hơn khi GE thực hiện cam kết với các công tố viên, sa thải DeNunzio, Roche và Krantz, bổ nhiệm Silas Cathcart, cựu Chủ tịch Illinois Tool Works, làm Tổng giám đốc mới của Kidder, Peabody.

“Tôi nghĩ những gì chúng tôi cần ở đây là một ‘chuyên gia giàu kinh nghiệm’ một lãnh đạo của Kidder nói, giọng anh ta chảy dài đầy mỉa mai. Phát ngôn cho GE, Bossidy nói điều tra của GE bộc lộ “những điểm yếu nghiêm trọng” trong việc kiểm soát hệ thống tài chính, quản trị, điều hành và thông tin của Kidder, Peabody.

Đối với những người trung thành với Kidder, Max Chapman, đối thủ từng cạnh tranh với Siegel để kế nhiệm chiếc ghế giám đốc của DeNunzio là một kẻ ẻo lả, nhưng đã được bổ nhiệm làm giám đốc điều hành, dưới quyền quản lý của Cathcart. “Họ mới đề nghị tôi điều hành mặt thu nhập cho công ty và Cathcart, dù đã 61 tuổi, cũng tham gia.” Chapman nói với tờ The Wall Street Journal, đá xoáy Cathcart đã già. Rõ ràng, từ nay GE sẽ thực hiện sự quản lý mà họ đã hứa khi mới giành được Kidder, Peabody. Họ đặt những ai trung thành với GE vào những vị trí tài chính và quản lý cấp cao nhất và lập ra một nhóm nhân viên tín dụng để quản lý hoạt động trong lĩnh vực trái phiếu lãi suất cao và mua lại dựa trên vốn vay của công ty. GE đang cố gắng bảo vệ khoản đầu tư 600 triệu đô-la. Chiến lược của họ trở nên rõ rệt sau vài tuần, khi Ủy ban Chứng khoán tuyên bố họ đang thương lượng với Kidder khoản tiền phạt trị giá 25,3 triệu đô-la. Theo nguồn tin riêng, Giuliani cũng đã tuyên bố Kidder, Peabody sẽ không bị truy tố.

Không bộc lộ chút cảm xúc nào về kết quả tại GE, Bossidy đã đạt mục tiêu quan trọng hơn cả là tránh để công ty bị truy tố. Kidder, Peabody đã sống sót, điều đó quan trọng hơn tất cả nếu so với vụ E. F. Hutton. Theo quan điểm của GE, họ cảm thấy hoang mang hơn là thiệt hại: Tại sao một ngân hàng đầu tư danh tiếng lâu năm như Kidder lại có thể mất kiểm soát như vậy? Giờ đây, công việc còn lại của công ty là khôi phục kinh doanh, vượt ra khỏi bóng mây truy tố đã phủ lên họ kể từ những vụ bắt bớ từ tháng Hai.

Nhưng họ còn lại gì? Với rất nhiều nhân viên công ty, Kidder, Peabody đã thay đổi tới mức không thể nhận ra, trở thành hơn một công ty con thuộc Công ty Tín dụng GE khổng lồ, vốn cũng chỉ là công ty con của tập đoàn GE. Việc Wigton bị trục xuất và cách đối xử của GE với anh ta đã làm tan vỡ ý niệm mong manh về tình đồng nghiệp. Không ai nghĩ Kidder, Peabody là một “gia đình” nữa. Trong số những người ra đi trong cuộc di tản bắt đầu gần như ngay lập tức có Hal Ritch và cuối cùng thậm chí cả John Gordon. Họ cảm thấy lạc lõng và xa lạ trong một tổ chức mà chính họ không còn nhận ra nổi. Tuy nhiên, khi tĩnh tâm suy nghĩ lại, họ hiểu ra rằng Kidder, Peabody họ từng biết và yêu thương đã chết. Sự xuất hiện của hệ thống “ngôi sao” lắm tiền của thập niên 1980 đã tạo ra những kẻ nổi tiếng như Michael Milken, Ivan

Boesky, Martin Siegel và giết chết những nhân viên ngân hàng đầu tư lỗi thời như họ.

12.

Trong những bộ vest đen và áo choàng sang trọng, đoàn trợ lý Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp và các cựu sinh quận Nam tới tòa tháp với những lỗ châu mai lớn, vốn là kho vũ khí hồi thế kỷ XIX trên Đại lộ Park, dự bữa tối Paul Curran năm 1987. Đã thành truyền thống của Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp tại Manhattan, bữa tối họp mặt các luật sư làm việc trong một nhiệm kỳ Bộ trưởng Bộ Tư pháp, lần này là Paul Curran, được tổ chức thường niên.

Bữa tối Curran năm 1987 được tổ chức vào ngày 13 tháng Năm, ngày chính quyền yêu cầu huỷ bản cáo trạng chống lại khách hàng của Curran, Robert Freeman. Phòng ăn lớn của kho vũ khí ồn ào với những lời bình phẩm, đa số đều chỉ trích những động thái của chính Văn phòng. Một vài người đổ lỗi cho Goldman, Sachs, lập luận rằng nếu bị đơn là một người nào đó ít giàu có và quyền lực hơn thì sự việc đã không om sòm và chắc canh ta không bị giới truyền thông chú ý đến như vậy. Nhưng đó rõ ràng chỉ là quan điểm của thiểu số. Bởi dù thế nào, sự huỷ bỏ đó cũng là một nỗi bẽ bàng sâu sắc; tồi tệ hơn cả, nó phản ánh sự kém cỏi và hủy hoại danh tiếng của Văn phòng.

Giữa buổi tiệc, Jed Rakoff đến chỗ Howard Wilson. “Đây là một trong những vụ án lớn nhất mọi thời đại, vậy mà anh sắp làm hỏng nó,” Rakoff nửa đùa nửa thật.

Wilson phản pháo rất nhanh để bảo vệ Giuliani. “Anh nói gì vậy? Đây là lỗi của các chàng trai của anh! Chúng tôi phải nhận quá nhiều sự hợp tác,” anh nói, ám chỉ đến Siegel.

Rakoff đã hy vọng sẽ thảo luận thật thân thiện nhưng câu nói vừa rồi khiến anh bực mình. “Thật không công bằng,” anh vặn lại. “Tôi luôn luôn nói, và đây cũng là điều mà cậu ta sẽ nói: Cậu ta hoàn toàn trung thực. Anh là người đã quyết định tấn công trước.”

Trong Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp, có lẽ Carberry là người khó chấp nhận thất bại này nhất. Như thường lệ, anh vẫn rất bí hiểm nhưng có vẻ đã mất đi phần nào nhiệt huyết. Dư luận xấu khiến anh rất đau khổ. Carberry thực sự xấu hổ đến nỗi thậm chí không thể an lòng với những dư luận tốt.

Không lâu sau bữa tối Curran, khi Cartusciello và McEnany đang cố gắng tìm lại động lực và tinh thần trong thời điểm khó khăn này, Carberry khiến các cộng sự hết sức choáng váng khi thông báo mình sẽ từ chức. Trước công luận, Carberry chỉ nói hai cuộc điều tra lớn, Drexel và Freeman, có thể sẽ kéo dài nhiều năm. Đồng thời, vụ Freeman không đem lại cho anh nhiều thử thách trí tuệ. Không như vụ Milken, đây là một vụ trao đổi thông tin nội gián khá đơn giản; tất cả những gì cần thu thập là bằng chứng thông thường. Còn có những lý do khác. Khi nhận vị trí Trưởng bộ phận phòng chống gian lận vào năm 1986, Carberry cảm thấy anh đã làm việc ở đây quá lâu so với nhiệm kỳ thông thường của Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp – ba cho tới bốn năm. Anh đã ở đây được tám năm. Bạn bè thân hữu của anh đều đã chuyển đi nơi khác. Đã đến lúc anh phải nghĩ tới chuyện tiến thân.

Tất cả những điều này đều đúng nhưng nhiều cộng sự của anh chưa tin đó là lời giải thích đầy đủ. Họ thấy rõ dù luôn phủ nhận nhưng Giuliani đã mất hết lòng tin vào Carberry. Sự mất mát lòng tin này khiến một người đầy lòng tự trọng và làm việc chuyên nghiệp như Carberry không thể trụ lại được.

Carberry vẫn chưa nhận công việc nào khác. Anh thật sự rất sợ phải làm việc cho những kẻ lạ mặt. Nhưng quan trọng hơn cả, bạn bè anh khó có thể tin anh sẽ bỏ dở cuộc điều tra Milken. Anh đã tham gia một chuỗi hành động có thể định hình lại những thái độ cơ bản trên Phố Wall và trên thị trường tài chính Mỹ đã tồn tại suốt nhiều thế hệ. Milken là chóp của kim tự tháp, là đỉnh cao của những gì Carberry đã đặt vào guồng chuyển động từ khi có được sự hợp tác của Levine. Làm sao anh dễ dàng lánh sang một bên như thế được?

Đã ra quyết định nên Carberry không lãng phí thêm chút thời gian nào nữa. Vào tháng Tám, anh được Jones, Day, Reavis & Pogue, một hãng luật quốc gia lớn có trụ sở tại Cleveland, tiếp cận và đưa ra lời đề nghị về việc bào chữa cho một bị cáo "cổ cồn trắng" tại văn phòng chi nhánh New York của hãng. Carberry thậm chí còn chưa biết Jones có văn phòng tại New York. Anh bay tới Cleveland gặp mặt các đối tác tiềm năng và háo hức kết thúc cuộc tìm kiếm công việc mới. Anh chấp nhận lời mời của họ và không ấp ủ thêm ý định về nơi làm việc nào khác. Anh rời Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp vào tháng Mười. Lẽ ra đó phải là lối ra của người chiến thắng, nhưng giờ lại trở thành cuộc thoái lui của kẻ chiến bại.

Giuliani sắp xếp nhanh chóng để cản đà tiến của sự việc và trở lại

tình trạng ban đầu bằng cách đề bạt Bruce Baird, một trong những thuộc cấp cao cấp nhất của ông, lên phụ trách bộ phận chống gian lận chứng khoán. Baird đã làm việc với Giuliani nhiều năm tại Bộ Tư pháp và sau khi gia nhập Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp năm 1980, anh đã xử lý thành công nhiều vụ phạm tội có tổ chức, trong đó có vụ Columbo. Đầu tiên anh trở thành trưởng ban phòng chống ma tuý, sau đó là trưởng ban phòng chống tội phạm. Baird biết chút ít về luật chứng khoán nhờ thời gian cộng tác với Davis Polk & Wardwell, một hãng luật khá uy tín đại diện cho Freeman cùng với Kaye, Scholer.

Trong khi Carberry béo tròn và hài hước, Baird lại cao, gầy, nghiêm nghị và nói năng nhỏ nhẹ. Anh lớn lên tại Midwest và tốt nghiệp Đại học Wisconsin. Dù gì, con đường của Baird cũng khó khăn hơn Carberry rất nhiều. Với kinh nghiệm sống tại những khu vực thực thi pháp luật nghiêm chỉnh nhất, anh không ngại việc Freeman, Wigton và Tabor bị bắt và còng tay. Quan điểm rõ ràng của anh về cái đúng, cái sai rất gần với Giuliani.

Baird nhận lời mời làm việc tại bộ phận chống gian lận chứng khoán ngay lập tức. Anh biết mình sẽ chủ trì hai vụ quan trọng nhất tại Văn phòng, vụ của Freeman và Milken, trước sự dò xét của dư luận. Anh nhận thấy tương lai chính trị của Giuliani cũng như sự tín nhiệm của Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp có thể ảnh hưởng tới kết quả. Không có nhiệm vụ nào khó khăn hơn tại Bộ Tư pháp. Nhưng anh phải chiến thắng.

Nhưng khi anh bắt tay vào làm việc, cơ hội chiến thắng dường như rất xa vời. Cuộc điều tra Drexel do Carroll và Fardella thực hiện có vẻ đã bị hủy bỏ. Vụ Freeman thì bị kéo dài vô thời hạn. Phố Wall đã trở lại sát cánh với nhau hơn.

Baird lập tức nhận thấy điểm tương đồng giữa hai cuộc điều tra về giao dịch nội gián và những vụ mafia anh từng đảm nhận. Giống như phạm tội có tổ chức, những kẻ bị tình nghi ở Phố Wall quý trọng sự câm lặng và lòng trung thành hơn trách nhiệm phải nói sự thật để nhổ tận gốc tham nhũng. Một nhân viên Goldman, Sachs thà vào tù còn hơn chỉ điểm một đồng nghiệp khác tại công ty. Tương tự, trong những cuộc điều tra về tội phạm có tổ chức, có rất nhiều móc nối và không ai đủ khả năng để theo đuổi tất cả mọi hướng điều tra. Baird xây dựng một sơ đồ. Anh viết tên những kẻ tình nghi, đóng khung quanh chúng và nối lại với nhau theo những mối quan hệ chằng chịt. Khi hoàn thành, anh có 29 khung tên sắp xếp trong một vòng tròn. Không phải tất cả đều có ý nghĩa rõ ràng. Milken ở vị trí trên cùng, Drexel gần vị trí trung tâm.

Tháng 12, Baird và các cộng sự tìm được một số chứng cứ rất có giá trị chống lại Milken. Khi xem xét thật cẩn thận đám giấy tờ thu thập được từ hoạt động của Boesky, các điều tra viên đã phát hiện một cặp tài liệu đề tên "Thỏa thuận DBL." Trong chiếc cặp do thư ký của Boesky lưu trữ có những bảng tính được Mooradian, người giữ hồ sơ của Boesky, lập và sau đó hủy đi theo yêu cầu của hắn. Carroll lập tức mời Mooradian đến để xem xét lại chúng.

Giờ thì nỗ lực khôi phục các giấy tờ đó của Mooradian không còn cần nữa. Cơ quan điều tra không chỉ có bản sao của giấy tờ gốc – có giá trị làm chứng cao hơn nhiều – mà còn cả những số liệu phù hợp với những điều Mooradian đã khai báo theo trí nhớ.

Tiếp theo những giấy tờ của Mooradian là một bước đột phá khác trong cả hai vụ Milken và Freeman. Không lâu sau khi nhậm chức, Baird đã gặp Cartusciello và McEnany để thảo luận về Freeman, người đã được Giuliani xác định là "ưu tiên" hàng đầu dựa vào mức độ của dư luận xấu. Họ chịu áp lực thực hiện đúng lời hứa rằng việc rút lại bản cáo trạng chỉ là điểm khởi đầu. Nhưng họ biết tìm thêm bằng chứng ở đâu?

Trong quá trình thẩm vấn Siegel, Cartusciello đã ghi nhớ một cuộc trao đổi giữa Siegel và Freeman trong thời gian diễn ra vụ Storer. Freeman đã trấn an Siegel rằng anh ta biết Coniston Partners đang tích lũy cổ phiếu và đang "nghiêm túc" thúc đẩy một giao dịch lớn. Siegel đã hỏi vì sao anh ta biết. "Tôi rất thân với những người mua cổ phiếu cho Coniston," Freeman trả lời.

Cartusciello ghi nhớ câu nói đó của Siegel, nó cho thấy Freeman có nguồn tin nội gián khác ngoài Siegel. Nhưng Siegel không nhớ ra cái tên nào và ngờ rằng Freeman thậm chí chưa từng nhắc đến cái tên nào cụ thể. Tuy nhiên, một cuộc điều tra nhanh đã giải mã được bí ẩn. Coniston đã tích lũy cổ phiếu Storer thông qua một công ty tên là Oakley-Sutton, và các lãnh đạo của công ty đó bất ngờ lại là người điều hành Princeton-Newport Partners. Người đứng đầu tổ chức, James Regan, từng là bạn cùng phòng với Freeman tại Dartmouth. Chắc canh ta đây là người cần tìm. Reagan và Princeton-Newport đã nhận được trát hầu tòa khoảng hai tuần sau khi Freeman bị bắt và Siegel nhận tội. Các hồ sơ tiết lộ những giao dịch dự tính đối với cổ phiếu Storer và nhật ký cuộc gọi chỉ rõ vào thời điểm diễn ra vụ việc, Regan và Freeman thường xuyên gọi điện cho nhau.

Baird nghĩ Princeton-Newport sẽ là một mục tiêu đầy hứa hẹn để thúc đẩy cuộc điều tra. Có thể lãnh đạo công ty đã cấu kết với

Freeman; họ có thể chấp nhận bị khởi tố hoặc sẽ được hưởng quyền miễn trừ để đổi lại việc nhận tội và cung cấp bằng chứng, lời khai chống lại Freeman. Tuy nhiên, Baird cần nhiều thông tin hơn và anh chưa muốn thông báo cho công ty này biết họ đã trở thành đích ngắm của chính quyền. Bởi vậy, anh chuyển sang sử dụng một kỹ thuật điều tra cổ điển: tìm một người đang làm việc bất mãn hoặc một nhân viên cũ. Anh nhanh chóng tìm được ứng cử viên sáng giá.

Vì áp lực của vụ Freeman, Cartusciello đã tập hợp hồ sơ giao dịch của tất cả các nhân viên Princeton-Newport và dành nhiều giờ mải mê nghiên cứu chúng. Công việc tẻ nhạt đó cuối cùng cũng có kết quả: hồ sơ của nhân viên William Hale có dấu hiệu đáng ngờ vì giao dịch một trong số những cổ phiếu được liệt kê trong cuộc điều tra. Khi các điều tra viên tìm cách xác định nhân viên đó – một cựu nam sinh tại Dartmouth – họ biết anh ta không còn làm việc cho Princeton-Newport. Anh ta đã bị sa thải.

Các công tố viên gửi một tờ trát cho Hale nhưng chiến thuật đó đã thất bại. Hale mời luật sư và tuyên bố anh ta sẽ không tự nguyện tới nói chuyện với chính quyền. Qua vị luật sư này, các công tố viên tìm cách sắp xếp một thỏa thuận trao đổi, bóng gió tiết lộ họ sẽ chấp nhận một lời đề nghị, nhất là nếu Hale có thể chỉ điểm ai đó tại Princeton-Newport. Kết cục là: Hale từ chối đưa ra bất cứ đề nghị nào. Gần như không còn cách nào khác, các công tố viên buộc phải gọi Hale tới gặp Bồi thẩm đoàn, ép anh ta xác nhận kèm theo quyền miễn trừ trách nhiệm. Đây là một việc mạo hiểm. Họ biết có thể sẽ cần phải khởi tố Hale về sau nhưng lúc này họ không còn lựa chọn nào khác.

Hale đến lấy lời khai vào tháng Mười một năm 1987. Anh ta còn trẻ, cao lêu nghêu với nét mặt góc cạnh, bộ tóc vàng sẫm và không hề tỏ vẻ sợ sệt. Baird đảm nhận việc hỏi cung. Như anh dự đoán, việc đó gần như vô nghĩa vì Hale luôn lảng tránh và miễn cưỡng trả lời. Cuối cùng, Baird chuyển qua một câu hỏi có vẻ vô hại – vì sao anh ta rời công ty? Hale lưỡng lự một chút trước khi trả lời thẳng thắn: "Tôi không bỏ đi. Tôi bị sa thải."

"Tại sao?" Baird hỏi tiếp. Theo bản năng anh bám theo sự thẳng tanh ta bất ngờ của người trả lời. Nhưng kinh nghiệm trong cuộc đời làm công tố viên chưa đủ để anh đón nhận một câu trả lời đáng kinh ngạc đến vậy.

"Tôi không thể chịu nổi những tội ác họ đã gây ra," Hale nói.

Baird khó có thể kiềm chế niềm vui sướng khi Hale bắt đầu kể lại hành vi phạm pháp tại Princeton-Newport. Nó tiến triển xa hơn những gì các công tố viên đã kỳ vọng. Chính quyền giờ không những có cơ sở để chống lại Princeton-Newport và các viên chức hàng đầu mà theo Hale, đồng đảng chính của công ty không ai khác chính là văn phòng tại Beverly Hills của Drexel. Đột nhiên hoạt động mờ ám tại New Jersey có vẻ lại chính là mắt xích còn thiếu giữa hai vụ lớn nhất của bộ phận chống gian lận chứng khoán.

Theo Hale, Princeton-Newport thường giấu chủ sở hữu chứng khoán với Drexel và Merrill Lynch, tạo ra thua lỗ giả tạo để đánh lừa Cục thuế. Người liên lạc thường xuyên tại Drexel là Bruce Newberg, giao dịch viên làm việc ở văn phòng Beverly Hills, từng bắn tin qua điện thoại. Để tạo thất thoát thuế giả tạo, Princeton-Newport sẽ "bán" cổ phiếu cho bộ phận trái phiếu lãi suất cao của Drexel với mức giá dưới thông thường, rồi ngay sau đó "mua" lại chúng với giá bằng hoặc cao hơn. Hale cho biết các giao dịch này thực chất là giả mạo vì Drexel không chịu bất cứ rủi ro chủ sở hữu nào. Drexel cho Princeton-Newport một ân huệ được trở thành một khách hàng cố định luôn sẵn sàng, thậm chí háo hức mua các cổ phiếu giá rẻ khi các nhân viên bán hàng của Drexel gọi tới.

Hale cho biết Paul Berkman, cấp trên của anh ta tại Princeton-Newport, đã giao cho anh ta xử lý việc "giấu thông tin thuế," điều khiến anh đau đầu vì lo ngại các vấn đề pháp lý tiềm tàng. Nhưng Berkeman không cùng mối quan ngại với Hale. Tại buổi gặp của lãnh đạo Princeton-Newport, Berkman đã vô tình nói Cục thuế "không có nhân lực để giải quyết những loại giao dịch này và cũng không có khả năng" nhận ra chúng. Berkman hướng dẫn Hale "ngụy trang" chiến thuật bằng cách mua lại các cổ phiếu với giá hơi khác một chút so với mức giá bán ra; đồng thời theo dõi vị thế và giá cả trên một danh sách anh ta nhắc tới với tên "bến đỗ."

"Khi ngăn cản việc thực hiện âm mưu đó, tôi đã bị sa thải," Hale nói với Baird.

Dù Hale không thể làm sáng tỏ cho các công tố viên mối quan hệ của Regan với Freeman, nhưng anh ta vẫn bỗng nhiên trở thành nhân chứng quan trọng nhất trong cuộc điều tra. Thậm chí anh ta còn mở ra nhiều hướng đi mới cho các công tố viên theo đuổi. Hale nói tại Drexel, chắc canh ta Newberg là một người tham gia tinh ranh. Anh ta cũng có phụ tá, Lisa Ann Jones, người có thể xác minh nhiều lời khai của Hale vì cô thường xử lý các giao dịch cho Newberg. Hơn nữa, Hale tiết lộ, có khả năng những cuộc nói

chuyện về kế hoạch che giấu chủ sở hữu đã vô tình được ghi âm lại vì Princeton-Newport duy trì một hệ thống ghi âm thường xuyên những cuộc trò chuyện của các nhân viên giao dịch, dù không áp dụng đối với các lãnh đạo cấp cao. Những hệ thống như vậy rất thông dụng ở nhiều công ty vì thường được sử dụng để giải quyết tranh chấp với khách hàng về yêu cầu và cách thực hiện của công ty.

Với thông tin Hale cung cấp, Baird và Cartusciello quyết định gấp rút đẩy nhanh tiến độ trước khi việc anh ta được hưởng quyền miễn trừ nhờ làm nhân chứng rò rỉ ra ngoài. May mắn là vì đã bị sa thải đã nên Hale khá xa cách các đồng nghiệp cũ, do đó nguy cơ chính anh ta để lộ sự hợp tác của mình khó xảy ra. Tuy vậy, thông tin đã nhanh chóng lan tới nhóm luật sư cố vấn. Các công tố viên đặc biệt quan tâm tới những cuốn băng. Hale cho biết chúng thường bị hủy sau sáu tháng; quá trình đó có thể diễn ra nhanh hơn nếu công ty biết họ đã bị Hale tố giác.

Bất chấp dư luận xấu về việc chính quyền bắt giữ Freeman, Wigton và Tabor, các công tố viên không nản chí khi nghĩ tới cơ hội khác để thị uy. Nhờ những gì Hale tiết lộ, họ nhanh chóng có được giấy phép điều tra các văn phòng của Princeton -Newport, yêu cầu họ giải trình về hành vi trốn thuế nhưng không đề cập tới Drexel và Freeman. Khi đề cập tới tiếp cận hiệu quả của Baird đối với việc thực thi pháp luật, các công tố viên thể hiện rằng vấn đề của những vụ bắt bớ trước đó không phải do chính quyền hành xử quá khắt khe mà ngược lại – chính quyền không đủ mạnh tay để buộc các nghi can nhận tội và hợp tác. Sau nhiều năm điều tra về mafia và tội phạm ma túy, Baird đã học được rằng con mồi của anh hiểu rất rõ ngôn ngữ của quyền lực. Với sự cho phép của Giuliani, anh đã lên kế hoạch điều tra để khiến những vụ bắt giữ Freeman, Tabor Wigton có vẻ bình thường.

Vài tuần sau khi Hale gặp Bồi thẩm đoàn, giữa tháng Mười hai, một đoàn xe tải dừng trước tổ hợp văn phòng theo phong cách thuộc địa khá kín đáo tại trung tâm thành phố Princeton, New Jersey, nơi đặt đại bản doanh của Princeton-Newport. Đồ trang trí cho Giáng Sinh làm sáng bừng ô cửa sổ các cửa hiệu ven đường, chỉ đi tiếp một chút, con đường ấy sẽ dẫn đến cổng chính của khuôn viên trường Đại học Princeton yên tĩnh. Từ những chiếc xe tải, lực lượng 50 cảnh sát trang bị vũ khí và áo chống đạn ào ra.

Lực lượng cảnh sát ùa vào chật thang máy, sau đó mở đường qua những cửa kính của khu văn phòng Princeton-Newport. Sau khi xuất trình giấy phép, họ bao vây các phòng làm việc trong lúc

đám nhân viên sợ hãi đến chết lặng bên bàn giao dịch. Cảnh sát lục soát các tủ tài liệu đang để ngỏ và các bàn làm việc, vơ hết mọi thứ bỏ vào những chiếc hộp các-tông. Đến cuối giờ chiều, họ đẩy ra được 300 thùng gồm giấy tờ, hồ sơ và quan trọng nhất là tất cả những cuốn băng ghi âm có thể tìm được.

Baird và Cartusciello cũng trọng dụng điều tra viên hàng đầu Tom Doonan. Vào ngày diễn ra cuộc đột kích tại trụ sở Princeton-Newport, Doonan bay qua California, sau đó lái xe tới tổ hợp căn hộ hiện đại phía Bắc Los Angeles, nhà của Lisa Jones, nhân viên Drexel và có mặt trước cửa nhà cô lúc 10 giờ sáng.

Vào thập niên 1980, Jones là hiện thân của người hùng Horatio Alger. 14 tuổi, cô đã bỏ nhà ở New Jersey, tiến tới California; bằng cách nói dối về tuổi thật, cô tìm được công việc với mức lương 5.000 đô-la một năm – giao dịch viên khách hàng tại ngân hàng. Cô lấy được bằng trung học sau khi tham gia một khóa học bổ túc. Hiện giờ, mới 25 tuổi, cô đã kiếm được 117.000 đô-la mỗi năm nhờ công việc trợ lý giao dịch cho Bruce Newberg tại văn phòng Beverly Hills của Drexel, chỉ cách phòng làm việc của Milken một bước chân. Cô tới văn phòng 5 giờ 30 mỗi sáng, suốt cả ngày viết lệnh cho Newberg và đặt chúng vào các giao dịch khác nhau, đôi lúc còn xử lý ba cuộc gọi một lúc. Cô làm việc chăm chỉ và được nhận lại sự thoải mái và an toàn chưa từng mơ tới. Cô là kiểu người Milken muốn trọng dụng và đề bạt.

Doonan bấm chuông và Jones, một cô gái ngăm đen, tóc xoăn và thấp, ra mở cửa. “Tôi có thể nói chuyện với cô chứ?” Doonan hỏi một cách lịch sự, giới thiệu về mình và cho biết anh mang theo một tờ trát của Tòa án liên bang. Jones mời anh vào phòng khách và Doonan lập tức phác lại các giao dịch giữa Drexel và Princeton-Newport để chứng tỏ mình hiểu khá rõ vấn đề. Buổi thẩm vấn lúc đầu có vẻ có triển vọng vì Jones thành thực xác nhận nhiều chi tiết trong mối quan hệ của cô với Newberg và Princeton-Newport. Sau đó, Doonan đi thẳng vào vấn đề mấu chốt.

“Cô đã giấu chủ sở hữu chứng khoán giúp họ phải không?” Doonan hỏi.

“Vâng, đúng vậy,” Jones trả lời một cách miễn cưỡng.

“Có phải vì mục đích trốn thuế?” Doonan tiếp tục. Jones đột nhiên có vẻ e sợ.

“Không, không phải,” Jones trả lời nhưng sau đó giọng cô trùng

xuống. “Tôi cần nói chuyện với luật sư”. Doonan thở dài, nhưng không ép cô.

“Chúng tôi hy vọng cô sẵn sàng hợp tác trong cuộc điều tra này,” Doonan nói, giọng gần như buồn bã. Anh ra về, để lại tờ trát của bồi thẩm đoàn. Jones đột nhiên lo sợ điện thoại của cô đã bị đặt máy ghi âm, vội vã chạy tới một bốt điện thoại trả tiền để gọi cho vị luật sư duy nhất cô biết.

Trở lại New York, các điều tra viên lập tức lập danh mục những tài liệu vừa thu được và xem xét các băng ghi âm. Rất nhiều trong số đó hoàn toàn thông thường, vô giá trị đối với cơ quan điều tra. Nhưng sau đó, Cartusciello đã tìm ra một “khám phá vĩ đại”: Vì lý do nào đó liên quan tới tranh chấp với khách hàng, những cuốn băng ghi lại một vài ngày trong tháng Mười hai năm 1984 đã không bị hủy. Khi nghe qua chúng, một số cuộc trò chuyện thực sự khiến anh lưu tâm. Cartusciello vội vã tới gặp Baird.

Họ tiến hành gom khoảng 20 cuộc nói đàm thoại vào một cuốn băng riêng. Baird mời các công tố viên của vụ Freeman và Drexel-Milken tới. Khi cuốn băng được bật lên, niềm thích thú trong họ dâng trào như thể họ đang ở văn phòng Princeton-Newport để chứng kiến bức màn bí mật dần được vén lên. Hầu hết những cuốn băng quan trọng đều ghi lại các cuộc đàm thoại giữa Newberg và Charles Zarsecki, một đối tác giao dịch lớn của Princeton-Newport. Nhưng điều không ai ngờ tới là có một cuốn băng có giá trị buộc tội Cary Maultasch của Drexel. Maultasch rõ ràng đã xử lý một số vấn đề trong lúc Newberg vắng mặt. Bằng chứng này có thể bẻ gãy sự kháng cự quyết liệt của anh ta với bất kỳ đề nghị hợp tác nào từ phía chính quyền.

Hôm đó, công tố viên John Carroll đảm nhiệm vụ Drexel phải ở nhà do bị cúm nhưng các cộng sự của anh vẫn liên tục gọi tới để thông báo về phát hiện may mắn đó. Thậm chí họ còn mở cho anh nghe một vài đoạn băng qua điện thoại.

Trong một cuốn băng, Regan đang tranh cãi với Newberg về giá của “việc tích trữ” rất nhiều vị thế chứng khoán giấu chủ sở hữu. “Nếu anh không hiểu điều đó thì tôi phải nói rõ rằng tôi đã và đang giữ rất nhiều vị thế chứng khoán cho anh,” Newberg nói. “Anh phải hoàn trả những phí tổn mà tôi phải chịu để làm việc đó.”

Điều này không khác gì một sự thừa nhận mười mươi rằng cổ phiếu Drexel được giấu chủ sở hữu qua Princeton-Newport. Regan

trả lời: "Cái tôi đang giữ trong sổ sách kế toán hiện nay chính là các vị thế chứng khoán của anh."

Đây là phát hiện hết sức đặc biệt, bước đột phá lớn nhất mà các công tố viên đạt được từ khi các bản cáo trạng bị hủy sáu tháng trước đó. Những cuốn băng là bằng chứng bất khả phủ bác về những sai phạm vượt quá những gì Hale đã tiết lộ. Bên cạnh việc giấu chủ sở hữu để tạo ra thất thoát thuế giả tạo cho Princeton-Newport, những cuộc đàm thoại còn tiết lộ Princeton-Newport đã tiến hành nhiều cuộc trợ giúp bất hợp pháp theo lệnh của Drexel: giấu chủ sở hữu cổ phiếu của hãng sản xuất đồ chơi Matter Inc., vào năm 1985 và dính líu tới một âm mưu thao túng giá cổ phiếu. Các đoạn băng cho thấy Drexel đã thông qua Princeton-Newport để thao túng giá của cổ phiếu OTC C.O.B.M., một công ty có trụ sở tại Minneapolis mà Drexel đang giúp chào bán cổ phiếu. Các công tố viên băn khoăn nếu đó là những gì đã xảy ra tại Princeton-Newport và Drexel chỉ trong vài ngày bất kỳ, liệu còn những sai phạm nào khác tại các hãng này? Baird nhận thấy gần như ngay lập tức họ có thể kết án Drexel chỉ nhờ những cuộc đàm thoại được ghi âm. Fred Joseph đã nhắc đi nhắc lại rằng anh ta muốn có bằng chứng về các sai phạm – giờ anh ta đã có thể tự mình lắng nghe bằng chứng!

Trong tất cả các cuộc đàm thoại được ghi lại, có hai cuộc gây ấn tượng mạnh nhất với các công tố viên. Chúng nổi bật không chỉ bởi vì giá trị làm bằng chứng – nếu đứng một mình, chúng cũng không vạch trần được tội lỗi nào – mà bởi những gì chúng tiết lộ về lối suy nghĩ thịnh hành trên Phố Wall vào giữa thập kỷ 1980.

Trong cuộc đàm thoại thứ nhất, Freeman nói với Zarzecki bằng một giọng gần như thì thầm rằng gần đây anh ta mới tới thành phố Atlantic và khi còn trẻ, anh ta rất thích tới Las Vegas để đánh bài. Nhưng giờ thì anh ta không thích những trò đỏ đen đó nữa. "Nó không còn thú vị nữa. Có lẽ vì tôi đã trong nghề này quá lâu," Freeman nói. "Tôi đã quá quen với việc ở bên bờ vực." Trong cuộc đàm thoại thứ hai, Zarzecki nói chuyện với Newberg tại Beverly Hills. Sau khi sắp xếp một trong những vụ mua bán giả mạo, Newberg nói với Zarzecki, "Anh là một cái túi dơ bẩn."

"Chính anh đã dạy tôi đấy chứ," Zarzecki đáp lại. "Nghe này, gà tây…"

Newberg cắt ngang bằng một giọng cười mỉa mai. "Chào mừng đến với thế giới của những kẻ dơ bẩn."

* * *

Bất chấp vụ lùm xùm đang được hé mở từng ngày, thị trường đầu cơ cổ phiếu khổng lồ thập niên 1980 vẫn tiếp tục sôi động. Ngày 12 tháng Năm năm 1986, khi Levine bị bắt, chỉ số Dow Jones đã đạt đỉnh 1.800 điểm. Ít ai nhận thấy điềm xấu nào trong vụ bắt giữ một nhân viên ngân hàng đầu tư xa lạ. Đến tháng Mười một, khi Boesky đồng ý nhận tội, chỉ số này gần chạm mốc 1.900 điểm. Sau một vài chấn động ban đầu, hầu hết liên quan tới các cổ phiếu trong danh sách đen, thị trường cổ phiếu lấy lại đà tăng vốn có. Dù sao sự kháng cự của Freeman và Milken, Goldman, Sachs và Drexel cũng trấn an các nhà đầu tư rằng cơn bùng nổ hoạt động thâu tóm sẽ còn tiếp tục.

Drexel đã làm mọi thứ để khắc sâu lối suy nghĩ đó. Dù đang nằm dưới bóng đen của vụ điều tra, công ty vẫn cố gắng thể hiện lòng trung thành với khách hàng nhằm duy trì việc làm ăn và giữ thị phần tại những mức gần như kỷ lục. Drexel là định chế duy nhất trên Phố Wall có thể trụ vững sau những công kích nhắm vào tính hợp pháp của công việc kinh doanh. Chính Drexel đã sát cánh cùng nhiều khách hàng lớn như Posner khi họ gặp khó khăn và không còn ai muốn hợp tác. Giờ là lúc những khách hàng này giúp lại Drexel.

Và các khách hàng đã đáp lại. Dù nhiều khả năng Drexel sẽ bị phạt hoặc truy tố bất kỳ lúc nào, nhưng công ty vẫn hoàn thành một chuỗi giao dịch trái khoán lớn hết sức ấn tượng. Chính quyền không thể dựa vào áp lực khách hàng để khuyến khích Drexel hợp tác. Ngược lại, nhiều khi khách hàng cũng ngang bướng như Milken. Vì anh ta vẫn còn ảnh hưởng rất nhiều tới họ nên họ không có nhiều lựa chọn.

Tuy nhiên, công việc kinh doanh mới bị ảnh hưởng nặng nề. Công ty đã mất đi động lực khổng lồ của nó. Drexel phải từ bỏ kế hoạch xây dựng tòa nhà chọc trời tại số 7 Trung tâm Thương mại Thế giới và để mất cơ hội vào tay đối thủ Salomon Brothers. Việc Perelman rút khỏi vụ Gillette và thất bại của Icahn khi mua lại USX được xem như những thất bại của Drexel. Nhưng Drexel rất muốn tránh xa vai trò gây tranh cãi trong những vụ thôn tính. Họ hầu như không tiến hành vụ nào trong suốt cả năm 1987.

Ngay sau những tiết lộ của Boesky, Joseph đã thuê Ira Millstein, một đối tác cao cấp hơn tại Weil, Gosshal & Manages, một hãng luật lớn và nổi tiếng tại New York, làm luật sư riêng. Millstein nhanh chóng đi đến kết luận Joseph không hề bị đặt vào vòng

nguy hiểm do bất cứ sai phạm nào. Tuy nhiên, trên phương diện cá nhân hơn là pháp lý, ông cảnh cáo Joseph rằng chắc canh ta Milken đang gặp khó khăn lớn và con đường tốt nhất cho Joseph là từ chức tại Drexel. Joseph hết sức bất ngờ trước gợi ý đó. Đó là điều anh ta chưa từng nghĩ tới. Anh ta khăng khăng với Millstein rằng thật khó để tin một người giàu có tầm cỡ như Milken lại là kẻ tội đồ.

Những tuần sau đó, Joseph có vẻ đã quyết neo đậu số phận của mình và công ty sát hơn với Milken. Ngay từ trước khi vụ Boesky bùng nổ, Joseph đã hy vọng tập đoàn ngân hàng đầu tư có trụ sở tại New York của G. Christian "Chris" Andersen có thể phát triển thành một tập đoàn thu hút khách hàng bên Bờ Đông so với công ty của Milken. Tuy nhiên điều đó đã không xảy ra. Vì thế Milken khăng khăng đòi triệu hồi Don Engel, một người trung thành với Milken đã bị Joseph đã sa thải vì lý do "suy đồi đạo đức," để phục hồi khả năng thu hút khách hàng của Drexel.

Ban đầu Joseph không đồng ý. Có sự phản đối hết sức gay gắt từ phía Bachelor-Anderson. Tuy nhiên, Milken nhấn mạnh rằng trong những thời điểm khó khăn, "quan hệ" là thứ quan trọng nhất. Milken nói chính những mối quan hệ của anh ta đang giúp công ty không bị nhấn chìm. Như một đòn vỗ mặt lãnh đạo công ty tài chính Bachelor, Anderson, và đồng minh Bờ Đông của họ, Milken nói thêm rằng có lẽ Engel là người duy nhất tại Drexel biết cách nuôi dưỡng lòng trung thành của khách hàng.

Về khía cạnh này cũng như nhiều khía cạnh khác, Joseph có cùng quan điểm với Milken. "Mike muốn anh làm điều này," Joseph nói với Engel. "Chúng tôi cần anh." Engel đồng ý trở lại vào tháng Một năm 1987 và đảm nhiệm vị trí đồng lãnh đạo tập đoàn ngân hàng đầu tư. Anh ta tìm cách giữ thỏa thuận bồi thường và nhất định đòi gửi báo cáo trực tiếp cho Joseph, không phải cho Bachelor hay Anderson, hai đồng nhiệm trên danh nghĩa.

Ngay sau khi Engel trở lại trong chiến thắng, anh này tiến hành một cuộc thay máu cho tập đoàn ngân hàng đầu tư, biến nó thành "tập đoàn của những mối quan hệ" mà không bàn bạc với Andersen. Andersen nhào tới văn phòng của Joseph và dọa từ chức. Stephen Weinroth, người phản đối sự quay trở lại của Engel từ đầu, cũng dọa sẽ ra đi; và các thành viên khác của phe Bờ Đông cũng hùa theo.

Chưa đầy một tháng sau khi Engel trở lại làm việc, Joseph đành thuyết phục anh ta rút lui, trở về vị trí một cố vấn. Sau tất cả,

Engel vẫn chịu trách nhiệm về Predators' Ball, công ty giờ trở nên quan trọng chưa từng thấy – là biểu tượng của sức mạnh trước cuộc điều tra của chính quyền.

Tuần đầu tiên của tháng Tư, khi hội nghị năm 1987 đang diễn ra, một nỗi lo sợ bao trùm khắp nơi. Hàng ngày đều có tin đồn về cuộc tấn công quy mô lớn của chính quyền, khiến vụ bắt bớ Freeman, Wigton, và Tabor hợp lý hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, Engel rất ngoan cường đương đầu với thách thức. Hội nghị năm 1987 là sự kiện lớn chưa từng có với hơn 2.500 khách tham gia, phô bày lòng trung thành của công ty với họ.

Rõ ràng, khán giả thực sự của hội nghị không phải những người ở Beverly Hills mà ở trong Nghị viện và trên cả nước. Giọng điệu của sự kiện năm nay thay đổi một cách đáng kể. Cảm giác thư thái, phóng khoáng vì điều gì cũng có thể xảy ra đã tan biến cùng niềm hồ hởi. Bữa tiệc tại căn nhà gỗ của Engel, lại một sự kiện toàn đàn ông, và bữa tối sau đó tại nhà Chasen, đều nhạt nhẽo so với các năm trước. Những đoạn phim trên nền nhạc rock đã bị thay thế bằng một bộ phim tài liệu Drexel giúp nước Mỹ, với lời bình hết sức thống thiết ca ngợi mớ trái phiếu rác được các đối tác lớn của Drexel nắm giữ.

Bộ phim rõ ràng phục vụ mục đích tuyên truyền. Khi một nhân viên của Stone Container nói anh ta muốn "bắt tay" với bất cứ ai từng là quán quân trong việc giữ đám trái phiếu rác đó cho công ty, một người hoài nghi trong số khán giả buột miệng: "Chúng ta đã trả cho gã đó bao nhiêu tiền vậy?" Cuối bộ phim, người thuyết minh đọc chủ đề được truyền cảm hứng từ cuộc điều tra mới về Drexel: "Hoạt động tài chính hiệu quả; Drexel Burnham Lambert – họ đã giúp nước Mỹ vận hành!" Khán giả vỗ tay rầm rầm.

Milken cũng nêu lên những chủ đề tương tự và bắt đầu xây dựng hình ảnh mới của anh ta như một "kho báu quốc gia." Trong những nhận xét mở đầu, Milken không hề nhắc tới những vụ thôn tính mà chỉ tập trung vào cách thức trái phiếu rác đã hỗ trợ các công ty cỡ vừa và giữ sức cạnh tranh cho nước Mỹ. Boone Pickens đã chuẩn bị bảo vệ mạnh mẽ giao dịch mua lại và tính dân chủ giữa các cổ đông trong bài thuyết trình của mình. Sau khi Drexel phản biện các nhận xét được anh ta đưa ra, Pickens thay thế bằng một bài nói chuyện tẻ nhạt về tình hình kinh tế trong ngành công nghiệp dầu khí.

Giọng điệu của hội nghị có vẻ như hàm ý cuộc điều tra của chính phủ không liên quan gì tới Drexel và Milken. Nhưng rõ ràng, cùng

với dư luận xấu, đó thực sự là một sự mất mát. Joseph trông rất phờ phạc, Maultasch thậm chí trông còn tệ hơn. Ngược lại, tất cả mọi thứ thuộc về Milken – năng lượng, cử chỉ, sự xuất hiện thường xuyên của anh ta – đem lại cảm giác an tâm. Milken "không hề thể hiện bất kỳ sự cắn rứt lương tâm nào mà cá nhân tôi có thể cảm nhận được," một người tham gia nói với tờ The Washington Post. "Tôi nghĩ điều đó có nghĩa là hoặc anh ta vô tội hoặc anh ta không có lương tâm."

Như thường lệ, báo chí không được mời dự hội nghị. Mặc dù vậy, rất nhiều phóng viên vẫn tới Beverly Hilton. Họ không bị đuổi ra nhưng bị theo sát và không được phép vào những nơi sẽ diễn ra các cuộc họp theo lịch trình. Chỉ các vị khách được chỉ định trước như William Farley, giám đốc Fruit-of-the-Loom, được tiếp xúc với báo chí, với phát ngôn do Drexel chuẩn bị sẵn để nhấn mạnh chủ đề hội nghị.

Đây chỉ là một phần của cuộc phản công bằng truyền thông lớn nhất từng được thực hiện bởi một bị cáo trong một cuộc điều tra tội phạm. Việc làm này phần lớn nhằm hướng sự chú ý của dư luận ra khỏi những hành vi bị cho là sai trái của Milken và chăm bẵm cho thứ mà anh ta cho là mang tính "tầm cỡ quốc gia" của mình. Đây có thể là cuộc thử nghiệm đầu tiên về mức độ ảnh hưởng của dư luận tới kết quả của một cuộc điều tra tội phạm.

Ngay sau hội nghị về trái khoán, Drexel tổ chức một lễ kỷ niệm khắp công ty kéo dài hai tuần với nhiều hoạt động thể thao, những bài thuyết trình và phim quảng cáo về mức độ tin cậy của các trái phiếu rác và đóng góp của chúng cho nước Mỹ. Một sự thay đổi đầu tiên về chủ trương được tuyên bố tại hội thảo: Drexel từ bỏ nỗ lực lâu dài để công chúng thay từ "junk" (rác) bằng từ "high-yield" (lãi suất cao). Thay vào đó, họ quyết định giữ lại từ này. Các nhân viên được phát những chiếc cặp ghim với dòng chữ: TRÁI PHIẾU RÁC GIÚP NƯỚC MỸ HÙNG MẠNH. Trong một đoạn phim, Joseph và Chủ tịch Robert Linton cùng nói nhép câu: "Dù gặp khó khăn, Drexel vẫn phát triển."

Nhiều tin quảng cáo choán hết mặt báo miêu tả những người được cho là hưởng lợi từ sự hào phóng của trái phiếu rác. Tất nhiên, đó không phải là Milken hay các tâm phúc như Carr hay Spiegel mà là một chàng trai trẻ tráng kiện, cô vợ đang có bầu và đứa con nhỏ đứng trước một căn nhà sẽ sớm hoàn thành. Điều gì kết nối hình ảnh gia đình hạnh phúc kia với các trái phiếu rác? Hovanian, chủ xây dựng tòa nhà, là khách hàng của Drexel, người nhờ các trái phiếu rác có thể "cung cấp nơi ở cho 50.000 người và

nuôi sống 20.000 người," mẩu quảng cáo tuyên bố. Một chiến dịch trên truyền hình tốn 4 triệu đô-la cũng ủy mị tương tự, trong đó một nhà máy năng lượng tại Vidalia, bang Lousiana, được xây dựng bằng trái phiếu rác của Drexel, đã giúp làm giảm thất nghiệp tại thị trấn nghèo nàn này. Rất nhiều nhân viên Drexel đã nổi giận khi phóng viên của tờ Wall Street Journal, Laurie Cohen, vạch trần đoạn quảng cáo này thậm chí không được quay tại Vidalia, hầu hết công nhân nhà máy sống ở nơi khác, và Sở Lao động Lousiana phản đối luận điệu của đoạn quảng cáo rằng nhà máy đã giúp làm giảm thất nghiệp.

Chiến dịch trên truyền hình chỉ là một phần của cuộc oanh tạc bằng truyền thông. Richard Sandler và các đồng minh của Milken tại Drexel bắt đầu giành quyền kiểm soát toàn diện hình ảnh của Milken trước giới truyền thông. Mọi ký giả theo dõi câu chuyện đều được "phân tích," và các phóng viên đưa tin được "phân cấp" dựa trên sự thiện chí và mức độ dễ thao túng. Milken xếp các phóng viên vào hai loại rõ ràng: những cây bút lý luận, những người có thể ủng hộ phương châm của phe Milken vì có cùng quan điểm chính trị; và những cây bút thực dụng, họ cần sự giúp đỡ từ phe Milken bởi họ không thể tự khám phá bất cứ câu chuyện nào.

Nhà báo lý luận được phe Milken ưa thích là Edward J. Epstein, người phụ trách chuyên mục trên tờ Manhattan inc., một trong những người đầu tiên viết rằng Milken đang bị các công tố viên săn đuổi một cách bất công. Epstein nêu lên những chủ đề gây tiếng vang lớn trong giới ủng hộ việc từ bỏ kỷ nguyên Reagan và kinh tế học trọng cung. Sau khi vượt qua vòng khảo sát của Williams, Epstein được phép tiến hành buổi phỏng vấn cá nhân đầu tiên với Milken với điều kiện không được đề cập đến cuộc điều tra.

Những cây bút xã luận của tờ The Wall Street Journal trở thành những người trình bày thuyết phục nhất quan điểm ủng hộ Milken. Nhóm này cổ súy tinh thần "phá hủy một cách sáng tạo" mà họ tin Milken đã khởi xướng và thể hiện sự khinh bỉ không cần che đậy đối với luật chứng khoán; xem đây là những hạn chế đáng tiếc của chính quyền về đổi mới và tinh thần doanh nhân.

* * *

Mùa hè nóng nực năm 1987, một sự yên ả đáng lo ngại ngự trị trên Phố Wall. Giai đoạn hợp tác lên tới đỉnh điểm với những thỏa thuận nhận tội của Boesky và Siegel thực sự đã qua. Những cáo buộc mới đối với Freeman, Wigton và Tabor càng lúc càng xa vời

hơn. Trừ những kẻ bị tóm ngay lập tức được trong cuộc điều tra tiếp nối, vụ việc như thể đã lùi xa vào dĩ vãng.

Các nhà buôn cổ phiếu lại một lần nữa được hưởng lợi. Đa số họ đều thu về nhiều hơn mức thiệt hại phải chịu vì sự đi xuống trong ngắn hạn của giá cổ phiếu sau tin tức về lời thú tội của Boesky. Họ được thúc đẩy mạnh mẽ hơn bao giờ hết, không ngại bỏ tiền vào các cổ phiếu thực và được dự tính thâu tóm. Thị trường lên cao hơn nữa, đạt đỉnh 2.700 điểm vào đầu tháng Tám. Có khả năng tới cuối năm, chỉ số Dow Jones sẽ chạm mốc 3.000.

Joseph cố gắng cảnh báo lãnh đạo Drexel về trạng thái hưng phấn này, đặc biệt là những cổ phiếu được chào bán với giá cao bất ngờ trong những giao dịch thâu tóm và mua lại dựa trên vốn vay. Mùa thu năm đó, anh ta gặp Milken và nhóm Beverly Hills để nói với họ rằng Drexel phải chuẩn bị để thị phần trái phiếu rác khổng lồ của họ thu hẹp lại. "Hãy để người khác tiến hành các thương vụ này," Joseph thúc giục. "Các anh phải để một lệnh thật, một khách hàng thật đi đâu đó." Ai cũng có vẻ gật gù đồng ý, kể cả Milken, mặc dù ý niệm về việc phải để một khách hàng ra đi là điều anh ta ghét cay ghét đắng.

Thị trường chứng khoán nhanh chóng áp đặt kỷ luật của riêng nó. Cơn gió lạnh đầu tiên tràn qua vào ngày 14 tháng Mười, khi có tin đồn từ Washington về một dự luật dự kiến hạn chế việc khấu trừ lãi suất phải trả trong việc cấp vốn cho những vụ thâu tóm. Giá một số cổ phiếu đã bị đẩy đến lên tới mức cắt cổ do kỳ vọng về các đợt bỏ thầu thâu tóm; chính vì thế giờ đây chúng đang gặp nguy hiểm. Hoạt động thoái vốn bắt đầu, ban đầu nhỏ giọt vì một số kẻ đầu cơ cổ phiếu nhảy vào mua cổ phiếu với giá thấp nhưng sau đó nhanh hơn khi các định chế bắt đầu bán tháo để chốt lời. Vào thứ Năm ngày 15 và thứ Sáu ngày 16 tháng Mười, thị trường giảm 100 điểm mỗi ngày.

Milken trực tại bàn giao dịch suốt hai ngày đó để trấn an khách hàng của Drexel rằng các trái phiếu rác hiện tại sẽ không chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự luật mới được đề xuất và vẫn tiếp tục được ưa chuộng. Tất nhiên anh ta không trực tiếp chịu trách nhiệm về cơn chấn động của thị trường vì chính Milken đã chỉ rõ các cổ phiếu thâu tóm có thể được bán ra với mức giá chưa ai từng nghĩ tới. Hơn bất cứ ai khác, Milken đứng sau vụ định lại giá cổ phiếu lớn đã đẩy chỉ số Dow Jones lên trên 2.700 điểm.

Sau đó, vào thứ Hai ngày 19 tháng Mười, thị trường chứng khoán đổ vỡ, rớt hơn 500 điểm – đây là lần mất điểm tồi tệ nhất trong

lịch sử. Xu hướng bán ra càng gia tăng khi những chương trình điều khiển giao dịch bằng máy tính biến cảm xúc của nhà đầu cơ thành các lệnh bán nhanh hơn bao giờ hết. Hầu hết cổ phiếu đều rớt giá thảm hại, dù là của các công ty mục tiêu thâu tóm hay của những công ty blue-chip an toàn nhất. Thị trường thực sự tiến sát ngưỡng sụp đổ vào thứ Ba ngày 20 tháng Mười – nó lại mất điểm trước phiên phục hồi vào chiều hôm đó. Rất nhiều nhà tạo lập thị trường trên Sở giao dịch chứng khoán New York không đủ vốn để hấp thu những đợt bán ra dữ dội. Cục Dự trữ Liên bang phải tung tiền mặt ra để ngăn chặn sự đổ vỡ hệ thống.

Không giống cuộc đại khủng hoảng năm 1929, ngày thứ Hai đen tối năm 1987 không khởi đầu cho một cuộc khủng hoảng toàn quốc. Đây là một sự suy sụp tâm lý hơn là kinh tế. Doanh thu của các công ty vẫn rất cao, người Mỹ vẫn tiếp tục tiêu dùng. Chính thị trường đang chao đảo cũng bắt đầu phục hồi từ đáy mới. Các cổ phiếu sau khi rớt giá vì nhiều người chuyển hướng đầu tư vào trái phiếu kho bạc an toàn hơn thậm chí còn phục hồi nhanh hơn, một phần nhờ nỗ lực thuyết phục của Milken rằng chúng vẫn là sự đầu tư khôn ngoan. Thực ra, anh ta đề nghị các khách hàng lớn của mình mua nhiều hơn và họ đã làm theo. Tầm ảnh hưởng của Milken đối với mạng lưới lớn những người mua trái khoán khiến anh ta trở thành người duy nhất có thể lấy lại niềm tin trên thị trường.

Tất nhiên sự rớt điểm của thị trường để lại hệ lụy rất lớn về sau. Các nhà đầu tư nhỏ chịu thiệt hại rất nặng nề, nhiều người quá sốc về tâm lý và sau trải nghiệm này họ không bao giờ tiếp tục giao dịch nữa. Các nhà đầu tư này vốn đã hoài nghi về sự toàn vẹn của thị trường, giờ càng tin thị trường chứng khoán là trò may rủi dành riêng cho những người chơi chuyên nghiệp. Thái độ này sẽ làm suy yếu nghiêm trọng cơ chế huy động vốn của nước Mỹ, như các nhà dự thảo luật chứng khoán đầu tiên từng lo ngại.

Có quá nhiều nạn nhân trên Phố Wall tới mức tâm trạng con người thay mỗi qua mỗi đêm. Người ta không còn làm ra nhiều tiền như trước đây và họ cũng không hy vọng về điều đó. Không ai còn cảm thấy vui vẻ khi đi làm.

Các nhà đầu cơ chứng khoán là những nạn nhân đầu tiên của thập kỷ đòn bẩy này. Dù bắt chước Boesky, nhưng không ai dám ấp ủ ý niệm về đòn bẩy với sự buông thả đến vậy và cũng không ai trả quá nhiều tiền cho nó. Các nhà đầu cơ thập kỷ này đã để lại một trong những bài học lớn về sự sụp đổ: Lợi nhuận cao không nhất thiết có nghĩa là thị trường bất thường nhưng là thước đo của

mức rủi ro cao hơn. Tất nhiên, hầu hết mọi người đều mờ mắt trước ông hoàng mặt trời của họ tại Beverly Hills.

Đã có rất nhiều cảnh báo được đưa ra. Warren Buffett, Chủ tịch Berkshire Hathaway ở Omaha, một trong những nhà đầu tư tài ba nhất mọi thời đại, đã nhiều lần cảnh báo về sự nguy hiểm của trái phiếu rác. "Mua bảo hiểm cho một tài xế dưới chuẩn sẽ nhận được nhiều tiền hơn so với việc mua bảo hiểm cho một tài xế tiêu chuẩn," ông trả lời tờ The Washington Post. "Một số người vẫn được bình an nhưng nhiều người đã chết vì tai nạn."

* * *

Ngày 20 tháng Mười hai, khi thế giới của các nhà đầu cơ mà anh ta từng biết đến vẫn chưa thoát khỏi dư chấn của vụ đổ vỡ, một Ivan Boesky xanh rớt và hốc hác xuất hiện tại Tòa án liên bang tại Manhattan. Rào canh ta của cảnh sát được dựng lên để ngăn hàng trăm phóng viên, nhiếp ảnh gia, biên tập viên truyền hình và người hiếu kỳ đứng chật cứng trước bậc tam cấp của tòa án. Phòng xử án chật kín phóng viên và luật sư, mọi người ra vào đều chịu sự kiểm soát của cảnh sát hỗ trợ. Đám đông bỗng trở nên im lặng và căng thẳng khi Boesky đứng lên trả lời thẩm phán Morris Lasker.

"Tôi rất lấy làm hổ thẹn và không hiểu nổi việc làm của mình," Boesky bắt đầu với giọng rất nhẹ nhàng. "Tôi đã dành cả năm cố gắng để suy ngẫm xem mình đã lầm lạc từ khi nào," anh ta tiếp tục. "Tôi muốn có cơ hội chuộc lỗi và khi rời cõi đời này có thể để lại tên tuổi tốt đẹp. Đó là tất cả nguyện vọng của tôi."

Chính Boesky đã cầu xin được vào tù ngay hôm đó. Thông thường, những nhân chứng hợp tác với chính quyền sẽ không phải vào tù cho đến khi họ hoàn thành lời khai, điều đó giống như một cách đảm bảo để họ duy trì sự hợp tác. Bản thân Boesky là một nhân chứng quan trọng trong vụ Milken. Nhưng các công tố viên vẫn cho phép Boesky vào tù. Có vẻ việc điều tra Milken sẽ mất nhiều năm và nếu phải vào tù, Boesky thà vào sớm còn hơn chờ đợi. Anh ta càng ngày càng lo lắng vì sự an toàn của bản thân đang bị đe dọa. Anh ta quá chán nản khi phải giết thời gian bằng công việc từ thiện ở Nhà thờ St. John Nhà tiên tri và nghiên cứu tại Chủng viện Thần học Do Thái. Những cố gắng của anh ta ở đây chẳng mấy tác động tới ý kiến của công chúng.

Để Boesky ngồi tù là một quyết định mà các công tố viên sẽ phải hối hận suốt đời, nhưng tại thời điểm đó, sự mất một vài đòn bẩy

có vẻ là một cái giá quá rẻ so với tất cả những gì anh ta đã đem lại cho họ. Tại phiên toà sơ thẩm, công tố viên John Carroll mô tả việc thỏa hiệp của Boesky như "sự hợp tác đáng kể nhất trong lịch sử luật chứng khoán." Ông nói thêm, "sai phạm nghiêm trọng hơn theo quan điểm của chúng tôi là những sai phạm Boesky đã mắc phải chủ yếu dưới sự giật dây của người khác. Ở đây, chúng ta đang giải quyết một vấn đề có tính chất hệ thống. Tham nhũng có hệ thống sẽ làm xói mòn thế giới tài chính và không may đây không phải là một sự phóng đại." So với sự ương ngạnh của những người khác trên Phố Wall, sự thành thật của Boesky thực sự đáng ghi nhận hơn bao giờ hết.

Thẩm phán Lasker không tiếc lời khen ngợi sự hợp tác của Boesky; còn chính quyền cũng gọi đây là hành động "chưa có tiền lệ." Ông thể hiện sự cảm thông qua kết luận sau cùng: "chắc canh ta nỗi hổ thẹn, sự lăng mạ, phỉ báng mà Boesky phải chịu đựng sẽ hết sức cay đắng đối với một con người cả đời từng được tung hô vì danh tiếng."

Do chỉ nhận một trọng tội duy nhất, Boesky đối diện với mức án tối đa năm năm tù giam. Đáp lại sự hồi hộp bao phủ phòng xử án, thẩm phán Lasker tuyên phạt Boesky ba năm tù. Dù ngay lập tức bị phe Milken phản đối vì bản án quá khoan dung, mức án này đã nặng hơn một nửa mức tối đa Boesky có thể phải chịu. Tính tới thời điểm đó, ba năm cũng là hình phạt khắt khe nhất được tuyên trong một sự việc chưa có hồi kết này.

"Đây là dấu hiệu đầu tiên" thẩm phán Lasker kết luận, rõ ràng ông đang phiền muộn vì biết mức độ nghiêm trọng của các sai phạm trên Phố Wall. "Đã tới lúc chúng ta không thể chấp nhận việc tòa án hành xử như thể nhà tù là nơi không dành cho các bị cáo trí thức. Để giữ gìn không chỉ sự thống nhất bên trong của thị trường tài chính mà cả bề ngoài của sự thống nhất đó, các sai phạm giống như của Boesky phải bị xử lý."

Boesky đã hy vọng có thể tránh được báo giới bằng cách rời toà án qua cửa hậu. Tuy nhiên, khi anh ta vừa tới vỉa hè, nhiều nhóm quay phim đã đợi chật cứng, leo lên cả đám xe đang đỗ, đè bẹp mui và trần xe. Những trang báo ngày hôm sau tràn ngập hình ảnh cận cảnh của Boesky khi anh ta sợ hãi lách vào một chiếc limousine đang đợi sẵn.

* * *

Thứ Sáu ngày 18 tháng Hai năm 1988, trời rất u ám, mưa tuyết

tràn về phía bắc New Jersey. Tâm trạng của John Mulheren cũng u ám khi anh ta xuất hiện ở cửa trước biệt thự Victorian, uể oải đặt chiếc ba lô thể thao lên ghế sau. Trong chiếc túi là một khẩu súng trường hiệu Israeli Galil 233 ly mua hai tuần trước, đã nạp đầy đạn và một bộ quần áo chống đạn. Anh ta cũng cất trong túi ngực 300 băng đạn. Nằm sẵn trong xe là một khẩu súng lục bán tự động 9 ly, một khẩu súng lục Magnum.357 và một khẩu súng ngắn dùng đạn ghém 12 mẩu – một khẩu đại bác thực sự.

Sức ép của cuộc điều tra ngày càng gia tăng và Mulheren đã tới hồi nguy kịch. Anh ta thực sự rất chán nản. Không ngủ suốt đêm qua, anh ta thức để xem liên tiếp nhiều bộ phim trên ti-vi, nhưng không thể nhớ nổi tên của những bộ phim đó. Anh ta đã phải dùng cả đống thuốc an thần. Ngày hôm trước, luật sư đã cho biết anh ta sẽ bị truy tố. Còn gì đáng buồn hơn khi chính luật sư riêng cũng khuyên anh ta đi tự thú.

Mulheren ngồi sau tay lái, nổ máy và quay một vòng hướng tới Đại lộ Bắc Ward. Anh ta phải giết kẻ đã gây ra tất cả nỗi đau đớn này, kẻ mà anh ta từng đối xử như một người bạn thân thiết nhất: Ivan Boesky. Sau đó, "kẻ săn người" sẽ tự kết liễu đời mình.

Có lẽ bạo lực là điều không tránh khỏi, dù đây là một vụ án liên quan tới các bị cáo cổ cồn trắng. Quá nhiều tiền bạc và quyền lực đang bị đe dọa; rất nhiều kẻ đã giết người và bị giết. Siegel sợ Boesky sẽ giết mình; Boesky sợ Milken sẽ giết mình; giờ đây Mulheren thực sự sắp sửa giết Boesky.

Tâm trạng của Mulheren xấu dần đi từ khi sự thỏa hiệp của Boesky phá vỡ thế giới quan của anh ta về bản tính con người. Thậm chí khi đó anh ta còn chưa biết Boesky, kẻ mà anh ta vẫn luôn coi là bạn, có thể sẽ chỉ điểm mình – một lối "chơi xấu" như Mulheren nghĩ.

Tháng Một năm ngoái, Mulheren nhận được một tờ trát liên quan tới Boesky, mô tả những hành vi bị coi là giấu chủ sở hữu cổ phiếu, bắt đầu từ vụ Unocal mà anh ta thực hiện giúp Boesky năm 1985. "Thì sao chứ?" là phản ứng đầu tiên của Mulheren. Ai bận tâm tới những việc cỏn con anh ta đã làm để giúp đỡ bạn bè? Chắc canh ta đó không phải là tội lỗi.

Mulheren không thể tin Boesky hay Davidoff sẽ nói ra những điều tồi tệ về mình; nhưng anh ta nghe tin Mooradian đã hợp tác. Trên tờ trát, hiện lên rõ mồn một các hóa đơn khống Mulheren đã sử dụng để bồi hoàn cho Boesky sau khi các cổ phiếu được cho là bị

giấu chủ sở hữu tăng giá. Mulheren đoán rằng Mooradian có thể đã giao chúng cho chính quyền.

Tháng Hai năm 1987, Mulheren nhận được một tờ trát khác mô tả rõ sự vận động của cổ phiếu Gulf + Western vào thời gian Boesky và Icahn hợp tác với nhau để uy hiếp công ty. Điều đó cũng không khiến Mulheren lo ngại. Anh ta vẫn chưa hiểu tại sao luật sư của mình, Kenneth Bialkin, từ chối để anh ta đứng ra làm chứng. "Đây là một cuộc săn đuổi ma quỷ," Bialkin cảnh báo và nhất quyết muốn Mulheren trao đổi với một luật sư bào chữa khác, Otto Obermaier.

Nhưng không phải ai cũng thờ ơ như chính Mulheren. Một số nhà đầu tư của anh ta đã sốt sắng hỏi những câu hỏi khó chịu như khi nào họ sẽ bị "vạch trần". Các luật sư luôn vây quanh và Mulheren không thích điều đó chút nào. Nhưng rồi thời gian đã trôi đi mà không có nhiều tiến triển rõ rệt trong cuộc điều tra của chính quyền.

Về mặt tài chính, bước vào tháng Mười, Mulheren đã có một năm thành công. Sự vắng mặt của Boesky trong giới đầu tư đã làm tăng cơ hội thu lợi nhuận cho anh ta vì mức độ cạnh tranh thấp đi. Sau chín tháng đầu tiên của năm 1987, Mulheren đã có lợi nhuận trên sổ sách là 120 triệu đô-la. Anh ta thực sự đã làm tốt hơn so với khi được Boesky chỉ bảo.

Sau đó, vào ngày 19 tháng Mười, giống như các nhà đầu cơ cổ phiếu khác, Mulheren bị trúng đòn đau, mất 180 triệu đô-la khi thị trường đổ vỡ. Nhưng khác với các đồng nghiệp, anh ta có vẻ hào hứng vì sự rối loạn và sợ hãi quanh mình. Khi thị trường chao đảo, anh ta nhảy lên sung sướng trên sàn giao dịch, cười và la lên, "Chúng ta sẽ làm lại tất cả!" Anh ta hoan hỉ bởi sự đổ vỡ mang đến cho anh ta thêm thách thức và cơ hội để kiếm được tất nhiên là nhiều tiền hơn và làm tốt hơn các đối thủ cạnh tranh. Ngay cả với những ai đã quen với sự bốc đồng của Mulheren, thì rõ ràng phản ứng của anh ta vẫn có vẻ không phù hợp với khoản thiệt hại sau cùng là 180 triệu đô-la Mỹ. Tuy nhiên, đúng như những gì nói, Mulheren quay lại với công việc bằng sự nhiệt tình mới được khơi dậy, liều lĩnh đầu tư số vốn còn lại ngay cả khi các đối thủ đang rút vốn. Anh ta đã kết thúc năm đó với lợi nhuận tăng 18%, một con số đáng kể.

Tuy nhiên, ngay cả trong tháng Mười hai, khi tình hình kinh doanh phục hồi khả quan, Mulheren vẫn tiếp tục cư xử theo cách kỳ quặc của mình. Một tối thứ Bảy, Mulheren ăn tối với Bruce

Springsteen, sau khi anh này hoàn thành một album khác. Anh ta và Springsteen háo hức lên kế hoạch cho chuyến lưu diễn của Springsteen sau khi bản thu được tung ra. Sau đó, Mulheren nói anh ta đã thấy người hùng của Panama, Manuel Noriega, trên bìa tạp chí Time. "Noriega là nạn nhân" bị nước Mỹ áp bức, Mulheren nói. Springsteen tỏ ra khó hiểu. Sau đó, Mulheren lại nhắc tới vụ Singer ở Utah, khi cảnh sát bang bao vây nhà của một nghi phạm trong một vụ nổ bom tại nhà thờ Mormon. "Tình trạng rất ngột ngạt," Mulheren nói. Springsteen đành lờ đi những lời lẽ khiêu khích này.

Chẳng bao lâu Mulheren bắt đầu vác súng đã nạp đạn đi khắp nơi. Anh ta kết luận cảnh sát đang liên minh với các công tố viên của chính quyền để gài bẫy anh ta trong vụ án Boesky. Mulheren cảm thấy cần trang bị vũ khí phòng khi cảnh sát muốn giết anh ta. Mulheren tin rằng cả ngành cảnh sát đang cố gắng giết anh ta, tới mức anh ta luôn chạy qua bên kia đường bất cứ khi nào thấy một cảnh sát tiến tới gần.

Vào một ngày thứ Sáu của tháng Mười hai, Mulheren không tới phòng làm việc. Khi các đồng nghiệp kiểm tra, họ biết anh ta đã đi làm như thường lệ bằng trực thăng và đã được thả xuống đường băng Battery Park dưới Manhattan. Sau đó, rõ ràng, anh ta đã biến mất.

Mulheren chỉ mặc độc chiếc quần kaki thường lệ và áo phông, không áo choàng, đã đi bộ cả ngày từ Battery Park, ở đầu phía bắc Manhattan, tới Harlem và Washington Heights, ở đầu phía nam hòn đảo này. Chính Mulheren cũng không hiểu tại sao mình lại làm thế. Chưa bao giờ anh ta làm điều tương tự. Anh ta không mang theo thuốc lithium vẫn sử dụng hàng ngày vì sợ những phản ứng phụ về thể chất. Anh ta cảm thấy muốn tự tử. Anh ta bắt đầu nhận ra đâu là khởi đầu của chu kỳ bốn năm "tâm trạng đen tối" đã định kỳ làm gián đoạn tâm tính bình thường của mình.

Tuy vậy, Mulheren đã thoát khỏi sự trốn tránh đó. Sau đó, vào tháng Giêng năm 1988, có tin Davidoff đã đồng ý hợp tác và nhận một trọng tội. Giờ thì Mulheren phải đối mặt với nguy cơ Davidoff sẽ chỉ điểm anh ta. Và anh ta cũng biết thêm từ luật sư riêng rằng Boesky đã chỉ điểm Davidoff, nghĩa là Boesky có thể cũng đã phản bội anh ta. Tồi tệ hơn, tội mà Davidoff đã thú nhận là vi phạm các quy định về vốn ròng nhờ giấu chủ sở hữu chứng khoán – hành vi mà Mulheren luôn khăng khăng cho rằng không phải là một tội.

Mulheren lại rơi vào tuyệt vọng, suy nghĩ về sự phản bội nghiêm trọng nhất và gần đây nhất của những kẻ từng là bạn bè của mình. Anh ta sẽ không bao giờ làm thế. Thực ra, anh ta đang chịu áp lực phải làm chứng chống lại bạn bè và đồng nghiệp tại Spear Leads, nơi anh ta từng làm việc, cũng như chống lại Belzbergs. Nhưng anh ta đã không nói gì cả.

Thứ Hai ngày 15 tháng Hai, tâm trạng Mulheren u ám tới mức anh ta không đến văn phòng. Nhưng đến thứ Ba, cảm xúc của anh ta quay ngoắt sang thái cực khác – vui vẻ và hài hước. Anh ta đi gặp nha sĩ vào buổi sáng và đến công ty trong tâm trạng rất phấn chấn. Anh ta nói với các đồng nghiệp rằng họ đã làm việc cần mẫn và xứng đáng được nghỉ ngơi. Anh ta đặt năm chiếc trực thăng cho thứ Hai tuần sau và nói với các nhân viên rằng sau khi thị trường đóng cửa, anh ta sẽ cho họ bay tới thành phố Atlantic để tha hồ đánh bạc và tiệc tùng tới khuya muộn. Họ sẽ bay về sáng hôm sau kịp lúc thị trường mở cửa. Tất cả sẽ do anh ta chi trả. Đây là sự hào phóng quá mức, dù là so sánh với tiêu chuẩn của Mulheren.

Thứ 4 ngày 17 tháng Hai, Mulheren lại buồn bã, anh ta gào lên với vị nha sĩ rằng răng anh ta rất đau và cần một liều thuốc giảm đau. Mulheren không hề biết rằng mình sắp được biết đến diễn biến xấu nhất từ trước tới giờ trong vụ rắc rối của anh ta với chính quyền.

Sau khi tiếp quản công việc của Carberry, Baird đã giao vụ Mulheren cho Robert Gage. Là một công tố viên giàu kinh nghiệm trong Văn phòng, Gage tham gia bộ phận phòng chống gian lận từ năm trước để góp phần củng cố ban này. Không giống như vụ Freeman hay Milken, Mulheren được cho là một trong những vụ khá rõ ràng và dễ xử lý bị khui ra từ thoả thuận của Boesky. Chính quyền đã có hai nhân chứng hợp tác là Boesky và Davidoff. Trong suốt tháng Giêng, Boesky đã đưa đến cho Bồi thẩm đoàn những lời khai chi tiết có giá trị buộc tội về các giao dịch của anh ta với Mulheren, bao gồm những hành vi bị xem là giấu chủ sở hữu chứng khoán và rất nhiều bằng chứng về việc bóp méo giá chứng khoán và các tiểu xảo tạo điều kiện cho giao dịch nội gián. Ví dụ, Boesky khai anh ta đã đề nghị Mulheren "đẩy giá lên" cho Gulf + Western và Mulheren đã trả lời: "Tôi hiểu những gì anh nói."

Hầu hết lời khai của Boesky trước Bồi thẩm đoàn đều chạm rất sát tới các yếu tố cấu thành nhiều tội khác nhau mà vì chúng Mulheren đang bị điều tra. Bỗng vào ngày 13 tháng 1, Gage hỏi động cơ nào khiến anh ta vướng vào những hành vi phạm pháp

cùng Mulheren. Câu trả lời của Boesky đã phản ánh động cơ kỳ lạ trên Phố Wall trong thập kỷ hoàng kim 1980, khi hành vi phạm tội tự nó đã ám chỉ cơ cấu của các mối quan hệ.

Boesky có vẻ hơi bất ngờ trước câu hỏi đó và trả lời chậm hơn bình thường. "Đã rất nhiều năm chúng tôi là bạn," Boesky nói về anh ta và Mulheren. "Giúp đỡ nhau, làm giàu cho nhau, cứu giúp nhau khi cần thiết, yêu quý gia đình của nhau và cùng làm từ thiện." Anh ta dừng lại trầm tư, sau đó tóm lại rất đơn giản, "Chúng tôi là bạn." Trong lời kể của Boesky, tiền bạc và sự giúp đỡ – đặc biệt là sự trao đổi thông tin – là thước đo tình bạn. Điều này đúng với quan hệ của anh ta với Siegel, Milken và đặc biệt là Mulheren.

Chiều muộn thứ Tư ngày 17 tháng Hai, khi Mulheren vẫn vật vã với cơn đau răng thì luật sư Obermaier đến gặp anh ta tại văn phòng. Trước đó, Gage đã gọi cho Obermaier để báo tin xấu: anh chuẩn bị đề nghị Bồi thẩm đoàn truy tố Mulheren về tội giấu chủ sở hữu chứng khoán và thao túng thị trường. Theo Gage, chính quyền giờ đã có dư bằng chứng buộc tội Mulheren. Ngoài lời khai trước Bồi thẩm đoàn của Boesky, chính quyền đã có nhiều chứng cứ bằng văn bản, nhất là các hóa đơn khống tai hại. Gage nhấn mạnh rằng nếu Mulheren muốn nhận được bất kỳ sự khoan hồng nào từ chính quyền, thì giờ là thời điểm để thú tội trước khi cáo trạng chính thức được công khai. Nhưng Gage cũng nói rõ rằng Mulheren phải nhận ít nhất một tội và không được hưởng quyền miễn trừ.

Obermaier thẳng tanh ta kết luận rằng vì quyền lợi của Mulheren, ông buộc anh ta phải xem xét nghiêm túc việc tự thú. Các chứng cứ mà chính quyền viện dẫn không còn gì phải tranh cãi thêm; các hồ sơ giao dịch đã xác thực tất cả các giao dịch chứng khoán. Mulheren có thể khai theo cách hiểu của anh ta – rằng mình anh ta chịu rủi ro đối với các cổ phiếu được cho là đã bị Boesky giấu chủ sở hữu và anh ta không hề biết Boesky hưởng lợi từ việc kích tăng giá Gulf + Western – nhưng bồi thẩm đoàn phải tin Mulheren hơn Boesky và Davidoff và các chứng cứ phụ phải chắc chắn.

Sau khi trình bày nội dung cuộc trò chuyện với Gage và tóm gọn lại những điểm mạnh, điểm yếu của chính quyền trong vụ kiện này, Obermaier đưa ra khả năng thỏa hiệp, điều Mulheren luôn kiên quyết từ chối xem xét. "Tại sao không kết thúc chuyện đó đi?" Obermaier cố gắng hỏi bằng giọng nhẹ nhàng nhất như thể quyết định đó không đem đến ngày tận thế. "Hãy đi tự thú. Nếu không, họ sẽ huỷ hoại cuộc đời cậu." Mulheren lắng nghe nhưng trong

lòng vẫn hoài nghi.

“Tôi không làm gì sai cả,” Mulheren hét lên giận dữ. Anh ta vẫn khăng khăng rằng tất cả những gì mình làm chỉ là để giúp đỡ Boesky chút ít.

“Hãy dẹp những nguyên tắc của cậu sang một bên,” Obermaier khuyên nhủ và điều đó càng khiến Mulheren phát điên. “Tôi sẽ không tự thú!” Mulheren gào tướng lên. “Tôi không quan tâm họ sẽ làm gì tôi.”

Lời khuyên cúi đầu trước áp lực của cơ quan điều tra chạm vào sự bất mãn với chính quyền ẩn sâu trong Mulheren và anh ta phản ứng thái quá do tâm lý đang bất ổn.

“Đi tù không tệ đến thế đâu,” Obermaier tiếp tục, rõ ràng không để ý cơn thịnh nộ đang trào dâng của Mulheren. “Cứ coi như đó là kỳ nghỉ tránh lũ trẻ nhà cậu.”

Chỉ chờ có thế Mulheren nhảy dựng lên và la hét. Anh ta nói sẽ sa thải Obermaier, réo tên ông mà chửi rủa rồi kết luận: “Otto, tại sao tao lại cần một tên luật sư cặn bã như mày chứ!” Mulheren đùng đùng lao ra khỏi văn phòng.

Sau khi Obermaier đi, Mulheren khi đó đang kích động liền gọi cho Ken Bialkin, luật sư đã khuyên Mulheren nên mời một luật sư chuyên về tội phạm và đã tham gia vụ này từ đầu. Bialkin cố gắng trấn tĩnh anh ta. Điều đó càng khiến Mulheren giận dữ hơn. “Lũ luật sư khốn kiếp các người đều giống nhau cả,” Mulheren hét lên, và nói anh ta cũng sẽ sa thải Bialkin. Sau đó, Mulheren đập bụp ống nghe xuống. Các luật sư quá sợ hãi trước hành vi và tâm trạng của Mulheren đến nỗi họ cố gắng tìm gặp bác sỹ của anh ta ngay tối hôm đó. Nhưng ông ta lại đang đi nghỉ tại Caribe nên không tới được.

Mulheren không ngủ được suốt đêm đó nên thức xem phim. Anh ta cảm thấy mình sắp rơi xuống vực thẳm; cuộc sống của anh ta đang sắp bị hủy hoại. Nhưng anh ta cũng chỉ là một nạn nhân.

* * *

Hôm sau, ngày 18 tháng Hai, tinh thần của Mulheren tiếp tục diễn biến xấu đi. Anh ta càng lúc càng bất an và hiếu chiến, luôn miệng huyên thuyên về sự phản bội của Boesky và Davidoff. Anh ta tuyên bố muốn giết họ. Cuối cùng, vợ anh ta, Nancy, đã gọi cảnh sát khu vực và nói cô lo lắng về tình trạng tâm lý của chồng,

việc anh ta dùng vũ khí và có vẻ sự kích động và buồn bã đó là vì Boesky. Cảnh sát cử một xe tuần tra đến, đỗ gần lối vào khu nhà Mulheren ở Đại lộ Bắc Ward.

Ngay sau đó, Mulheren từ nhà mình đi ra, vào xe và bẻ lái hướng ra phía lối vào. Một viên cảnh sát đuổi theo, đón đầu ở cổng khi anh ta sắp lao ra đường. Viên cảnh sát ra khỏi xe và tới chỗ Mulheren, ngay lập tức nhìn thấy đống súng ngắn ở ghế sau. Anh giữ lại vũ khí nhưng không bắt Mulheren vì anh ta có giấy phép và chưa mang vũ khí ra khỏi khu vực nhà anh ta. Mulheren có vẻ rất điên tiết nhưng vẫn lái xe quay lại.

Chiều hôm đó, Mulheren ra khỏi nhà và nhanh chóng đến chỗ chiếc xe, lấy chiếc túi thể thao bên trong có khẩu súng trường đột kích và bộ quần áo bảo hộ. Lần này anh ta lái xe xuống đường và thoát ra trước khi cảnh sát kịp phong tỏa lối đi. Sau khi Mulheren chạy thoát, một chiếc xe cảnh sát khác được gọi tới. Sau một cuộc truy đuổi nhanh, cảnh sát đã buộc được anh ta phải dừng lại.

“Các người có muốn chuyện đó bắt đầu ngay ở đây không?” Mulheren thét lên khi cảnh sát bao vây xe của mình.

Mulheren biết cả hai viên cảnh sát địa phương này và bắt đầu huyên thuyên tố cáo Boesky và Davidoff, “không có hai thằng đó thì vụ săn người này sẽ không có.” Anh ta cũng huyên thuyên rằng mình đã mất niềm tin vào hệ thống tòa án và sẽ “tự lo liệu mọi việc theo cách riêng”. Anh ta tuyên bố hôm trước anh ta đã dò la quanh nhà Davidoff, hy vọng có cơ hội giết chết anh này. Giờ thì anh ta đang trên đường đi tìm Boesky. Khi bị cảnh sát hỏi về tình trạng tinh thần, Mulheren nói mình “đủ thông minh” để giả vờ mất trí và một khi được thả ra, anh ta sẽ lại tìm cách giết Boesky và Davidoff. Hai viên cảnh sát bắt giữ anh ta vì tội mang súng trường khỏi nhà mà không có sự cho phép.

Mulheren không bị buộc tội vì ý định giết người nhưng với tình trạng tâm lý như vậy, khó biết thực sự anh ta muốn làm gì. Điều hợp lý là anh ta muốn bị bắt; có lẽ anh ta muốn có được sự an toàn nhất định trong tù. Mulheren không giấu khẩu súng trường và hiểu mình đã phạm luật khi mang nó ra khỏi nhà. Thực ra, chính Mulheren đã gợi ý cho cảnh sát khi họ muốn tìm ra cớ để bắt anh ta. Dù tuyên bố rằng mình đã dò la tại nhà của Davidoff ngày hôm trước, nhưng sau đó Mulheren lại nói anh ta chưa từng làm vậy; anh ta chỉ ba hoa để khiêu khích. Chính những điều anh ta nói đã thể hiện tính khí thất thường nghiêm trọng. Tuy nhiên, hành vi của Mulheren, dù do tâm thần điên loạn, không thể được bỏ qua

hoàn toàn. Anh ta đã bị Boesky và Davidoff lôi kéo vào vụ này và có vẻ họ đã làm chứng chống lại anh ta. Nếu anh ta ra được ngoài để giết họ, đó là sẽ một sai lầm lớn vì đã có quá nhiều tiền lệ như vậy.

Cảnh sát đưa Mulheren tới trại giam Monmouth County tối hôm đó. Họ cũng thông báo cho văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp tại Manhattan, nơi Boesky và Davidoff đang bị thẩm tra. Boesky há hốc miệng khi được thông báo về sự tiến triển kỳ quái đó. Vốn đã lo lắng về sự an toàn của bản thân, giờ anh ta càng sợ hãi hơn. Anh ta tự hỏi liệu mình có thể bắt đầu ngồi tù ngay lập tức không; bởi có lẽ trong tù sẽ an toàn hơn.

Sáng hôm sau, Mulheren được đưa tới một phòng xử án tạm thời tại New Jersey, cổ tay trái của anh ta bị cùm chung với một hàng chục tù nhân khác. Nancy và bố mẹ anh ta chứng kiến anh ta bị buộc tội hai điểm liên quan tới vũ khí và số tiền bảo lãnh được đề xuất khá khiêm tốn – 17.500 đô-la. Cùng hôm đó, sau khi Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp có giấy buộc tội Mulheren vì uy hiếp và cố gắng đe dọa nhân chứng của một vụ án liên bang, Mulheren nộp tiền bảo lãnh tại New Jersey và được đưa tới Trung tâm Cải huấn. Trong những ngày bị tạm giam, công ty của anh ta, Jamnie Securities, cái tên từng là nỗi kinh sợ với Phố Wall và các nhà đầu tư, kể cả Tisch và gia đình Belzberg, bắt đầu quá trình giải thể theo luật định. Dù kết quả của vụ kiện thế nào, sự nghiệp như sao băng vụt ngang qua bầu trời của Mulheren trên Phố Wall có lẽ đã kết thúc.

Không giống Levine và Tabor, Mulheren không được thả sau một ngày tại Trung tâm Cải huấn. Chính quyền cố gắng phản đối việc cho phép bảo lãnh Mulheren, với lý do anh ta vẫn là một mối nguy hiểm đối với Boesky và Davidoff, nên anh ta sẽ phải bị nhốt lại trong tù. “Anh ta cũng nguy hiểm như một kẻ muốn cản trở pháp luật,” công tố viên Gage nói với thẩm phán. Phiên tòa về việc bảo lãnh kéo dài nhiều ngày liền. Mulheren được đưa tới với sự bảo vệ nghiêm ngặt. Anh ta cố gắng vẫy tay mỉm cười liên tục với vợ và các thành viên gia đình, còn những người đến xem thì chật phòng xử án mỗi ngày.

Tại Trung tâm Cải huấn, Mulheren rất vui vì anh ta cao và chắc nịch và vì từng làm việc với Springsteen. Anh ta bị vây quanh bởi những tên tội phạm lõi đời, gồm thành viên của các băng đảng Westies và Monsanto ở New York. Không có chỗ nào dành cho Mulheren nên anh ta phải ngủ trong một cái cũi ngoài hành lang, điều đó khiến anh ta cảm thấy thực sự bị xúc phạm. Mỗi buổi sáng

trừ Chủ nhật, anh ta bị đánh thức lúc 5 giờ rưỡi để rửa mặt, sau đó được xếp với các tù nhân khác trong một nơi gọi là phòng chờ cho tới khi được gọi ra trình diện tòa, thường vào 9 giờ rưỡi hay 10 giờ. Khi tiếp tục uống thuốc và thôi chán nản, anh ta được rất nhiều tù nhân trong phòng chờ biết đến, thường chơi bài và nói chuyện với họ để giết thời gian. Anh ta sớm trở thành bạn của Athony "Tony béo" Salerno, tên đầu sỏ mafia khét tiếng và lao vào mối quan hệ với Mushulu Shakur, kẻ tự xưng là nhà cách mạng và là bị đơn trong vụ cướp Brinks. Mulheren chăm chú lắng nghe hàng giờ những lý thuyết chính trị cánh tả cực đoan của Shakur và lời phàn nàn rằng anh ta đã chia những thứ cướp được từ vụ Brinks cho người nghèo. Mulheren nói anh ta ngưỡng mộ sự cống hiến của Shakur.

Mỗi ngày trong nhà giam là một ngày áp lực nhận tội của Mulheren lại tăng lên. Obermaier đã khiến anh ta phát điên vì cứ liên tục đề nghị anh ta từ bỏ và thú tội. Chính quyền sẵn sàng xóa tội mang vũ khí và đe dọa nhân chứng nếu Mulheren thú nhận đã giấu chủ sở hữu chứng khoán và đồng ý hợp tác. Mulheren từ chối; tình trạng tâm thần khiến anh ta không những kiên quyết không thừa nhận tội lỗi mà còn luôn tin rằng mình vô tội. Cuối cùng, sau khi Mulheren đã ở trong trại được gần hai tuần, bằng cách nào đó, Obermaier đưa ra một thỏa thuận theo đó chính quyền đồng ý chuyển Mulheren tới Carrier Facility, một viện tâm thần tư có tiếng tại New Jersey, nơi anh ta được bảo vệ nghiêm ngặt tối đa.

Trước khi Mulheren rời Trung tâm cải huấn, Salerno đến và gửi đến anh ta những lời chúc tốt đẹp. "Cậu sẽ ổn thôi," Salerno nói, vỗ lưng Mulheren trìu mến. "Cậu là kẻ duy nhất trên Phố Wall không phải đồ gan chuột nhắt."

"Nhưng tôi không biết gì hết! Tôi không làm gì xấu để khai với họ cả," Mulheren phản đối.

"Ồ," Salerno vừa nói vừa cười khúc khích và đảo mắt đầy mỉa mai. "Hẳn rồi!"

13.

Ngày 24 tháng Ba năm 1988, Ivan Boesky run rẩy đến Nhà tù liên bang Lompoc tại Nam California để bắt đầu thụ án tù ba năm. Cơ sở vật chất được đảm bảo tối thiểu, dù khó có thể bằng một "câu lạc bộ đồng quê" nhưng cũng có sân tennis riêng và những hàng hiên lộ thiên. Đó là lựa chọn của chính Boesky; thỏa thuận thú tội

đã cho phép anh ta được ngẩng cao đầu như vậy. Giờ đây, khi Boesky đã yên vị sau song sắt và Mulheren được giam giữ an toàn tại viện Carrier, cuộc điều tra đã lắng dịu xuống.

Tại SEC, Gary Lynch càng lúc càng bồn chồn. Anh và thuộc cấp đã bị đẩy ra rìa vụ Freeman và lấy làm mừng vì họ không can dự vào thất bại của chính quyền khi phải rút lại cáo trạng. Tuy thế, họ vẫn phải chịu áp lực ghê gớm – từ chính ủy ban, từ các ban giám sát trong quốc hội, từ công chúng và từ Drexel. Vẫn trong guồng quay của dư luận xấu về vụ Boesky, họ mong muốn chứng minh giá trị của thỏa thuận với anh ta bằng cách chống lại những mục tiêu lớn nhất cho tới giờ – Drexel và Milken.

Song đến cuối mùa xuân năm 1988, cuộc điều tra của họ bị dừng lại. Sự kháng cự của Drexel ngày càng dữ dội. Các luật sư của Drexel kháng nghị rằng việc cung cấp các chứng từ mà tờ trát yêu cầu là một nhiệm vụ quá sức; nhưng Lynch nghĩ họ chỉ kiếm cớ trì hoãn. Anh phải dọa dẫm họ rất nhiều lần về việc thực thi tờ trát. Sự ngờ vực ban đầu của Uỷ ban chứng khoán càng gia tăng do những trở ngại về quan hệ công chúng mà Drexel gây ra. Ủy ban tin rằng về cơ bản, các nhân viên Drexel rất muốn bảo vệ Milken. Rất nhiều người đã viện dẫn Tu chính án số 5 để từ chối trả lời thẩm vấn. Một số khác như Peter Gardiner thậm chí còn sẵn sàng khai man trước tòa.

Gardiner, tóc đỏ, đầu hói, khoảng ba mươi tuổi, là nhân viên kinh doanh tại Drexel, người đã thế chỗ Cary Maultasch khi anh ta rời New York vào năm 1985. Gardiner làm việc cho Alan Rosenthal, một trong những đồng minh thân thiết nhất của Milken trong bộ phận chứng khoán có thể chuyển đổi.

Theo một cuộc thẩm vấn trước đó do ban thực thi của SEC tại Chicago tiến hành, Ủy ban nhằm vào các giao dịch cổ phiếu có vẻ đáng ngờ của Viacom, một công ty giải trí và truyền hình cáp lớn đặt trụ sở tại New York. Năm 1986, lãnh đạo Viacom mời Milken và Drexel cấp vốn cho một vụ mua lại dựa trên vốn vay được dự tính trước; Milken đã làm việc riêng với chủ tịch hội đồng quản trị của Viacom. Vào thời điểm Milken biết Viacom có thể sẽ tiến hành một vụ mua lại, Drexel đang sắp sửa bán ra gần 300.000 cổ phiếu của Viacom vì tin chắc giá cổ phiếu Viacom sẽ giảm. Gần như ngay lập tức sau cuộc nói chuyện của Milken với chủ tịch hội đồng quản trị Viacom, Drexel đã bỏ vị thế bán và thiết lập vị thế mua. Với, rõ ràng nhờ thông tin nội gián của Milken, Drexel đã biết chắc cổ phiếu của Viacom sẽ tăng giá. Khi thông tin về việc mua lại được công bố sáu ngày sau đó, nó đã tăng hơn năm đô-la mỗi cổ

phiếu trong một ngày. Có vẻ đây là một giao dịch nội gián kiểu cổ điển.

Gardiner là giao dịch viên của Drexel tại Beverly Hills, người hôm đó có thể đã xử lý vụ giao dịch Viacom nên đương nhiên SEC rất muốn thẩm vấn anh ta. Tuyên thệ trước tòa, ban đầu Gardiner nói anh ta không nhớ vụ giao dịch đó, và rằng mình đơn giản chỉ thực hiện một nghiệp vụ thông thường. Khi SEC tiết lộ rằng Drexel thực sự đã bỏ vị thế bán để thiết lập vị thế mua, Gardiner thay đổi lời khai. Anh ta là có biết sự thay đổi đó, nhưng không hề biết gì về bất cứ vụ mua lại dựa trên vốn vay được sắp đặt nào và chưa từng nói chuyện với Milken về điều này.

Sau đó, Uỷ ban chứng khoán biết được rằng Gardiner thậm chí còn không có mặt tại Beverly Hills khi vụ giao dịch diễn ra. Hôm đó, anh ta đang đi nghỉ ở Anh. Gardiner nói anh ta đã dừng ở New York trên đường đi London và thực hiện giao dịch ở đó. Nhưng anh ta không thể đưa ra bất cứ chứng từ nào về chi phí đi lại và sinh hoạt tại New York và không thể nêu tên bất cứ ai làm việc tại văn phòng Drexel ở New York đã gặp gỡ và nói chuyện. Anh ta không thể giải thích quyết định đột ngột chuyển từ vị thế bán sang vị thế mua.

Các quan chức Uỷ ban chứng khoán nhận thấy Gardiner là một kẻ nói dối trơ tráo. Họ tin chắc vụ giao dịch Viacom là do Milken hoặc một ai đó khác, chứ không phải Gardiner, thực hiện theo lệnh của Milken. Dù gì, Gardiner cũng vô dụng. Rõ ràng anh ta không giúp ích gì được cho cuộc điều tra của Uỷ ban chứng khoán. Vì không có thẩm quyền trao quyền miễn trừ, họ chỉ có thể giao anh ta cho Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp để khởi tố vì tội khai man. Khi đó, bất cứ lời khai nào khác của Gardiner, dù đúng, cũng sẽ mất giá trị vì sự gian dối mười mươi này.

Bất chấp những trở ngại này, Lynch cảm thấy với lời khai của Boesky, những nét đầu tiên của vụ kiện lớn chống lại Drexel và Milken đã định hình. Lynch muốn đệ đơn lên Toà án liên bang để thẩm phán có thể giám sát cuộc điều tra và thúc đẩy việc thực thi tờ trát nhằm đưa ra chế tài nếu các bên không chấp hành. Từ tháng Một năm 1988, Lynch cho các luật sư của Drexel và Milken cơ hội để thảo ra "bản đệ trình Wells" – nỗ lực chính thức nhằm thuyết phục SEC thực hiện cáo buộc. Các luật sư đã soạn ra một bản đệ trình hoàn hảo, thuyết phục được Ủy ban hướng vụ điều tra tới các cáo buộc liên quan tới vụ mua lại của Safeway Stores, thương vụ KKR do Drexel chi trả phần lớn. Vẫn còn lại rất nhiều cáo buộc khác, bao gồm tất cả những gì liên quan tới Boesky.

Drexel tiếp tục khiến SEC đau đầu vì nhất quyết cho rằng số tiền 5,3 triệu đô-la là phí ngân hàng đầu tư và rằng Boesky là một kẻ nói dối thành thân.

Sự kháng cự của Drexel tiếp tục thách đố Lynch. Thông thường, đệ trình Wells là dấu hiệu bắt đầu một thỏa thuận nghiêm túc. Cho tới khi lá đơn được gửi đi, Drexel có thể duy trì việc nó là mục tiêu của những báo cáo vô trách nhiệm và thông tin rò rỉ từ một cuộc điều tra có vẻ không đi tới đâu. Nhưng khi lá đơn được gửi đi, điều đó đồng nghĩa cuộc điều tra đã xong xuôi và một cơ quan có thẩm quyền đã xem xét và thấy các cáo buộc là có căn cứ. Đó là điều hầu hết các công ty đều muốn tránh nhưng Drexel và Uỷ ban chứng khoán vẫn còn chưa thống nhất được với nhau. Trong một bài phát biểu, Joseph nói với các nhân viên rằng Drexel không thể dàn xếp với SEC nếu phải nộp số tiền như Ủy ban này mong muốn. Làm vậy chẳng khác gì nhận tội. Phe ủng hộ Milken lại được dịp ăn mừng.

Vì còn rất ít lựa chọn, Lynch trình lá đơn dự thảo dài 160 trang ra trước Ủy ban vào ngày 1 tháng Sáu và được phê chuẩn việc khởi kiện. Tuy nhiên, trong một động thái chưa có tiền lệ, Ủy ban Chứng khoán quyết định không lập tức gửi đơn như thường lệ mà giữ lại vô thời hạn. Ủy ban không tiết lộ cho ai biết điều này nhưng Drexel lại phản ứng đúng như dự đoán. Họ khẳng định sự vô tội của mình và đổ lỗi cho Boesky, "kẻ tù tội và dối trá trơ trẽn." Công ty hồi hộp chờ đợi lời buộc tội chính thức được đưa ra, một đòn mà họ biết gần như chắc chắn. Nhưng nhiều người suy diễn rằng Ủy ban Chứng khoán đang muốn cho Drexel cơ hội cuối cùng để dừng lại và hợp tác.

Thực ra, sự trì hoãn không chính thống này là kết quả của rạn nứt nghiêm trọng giữa Ủy ban Chứng khoán và Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp tại Manhattan, điều có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới quá trình điều tra. Nỗi thất vọng của Lynch về tiến độ cuộc điều tra Drexel của còn nhẹ nhàng hơn nhiều so với những gì đang âm ỉ tại văn phòng Giuliani ở Manhattan. Sau khi háo hức vì tìm được những cuộn băng Princeton-Newport, tinh thần của họ sa sút vì các manh mối không dẫn tới đâu. Mọi thứ trở nên khó hiểu hơn, các cuộc điều tra từng có vẻ riêng biệt giờ trở nên rối rắm. Baird phải tiếp tục nối thêm nhiều đường lên sơ đồ của anh, vốn đã rất chằng chịt. Rõ ràng, Princeton-Newport có liên hệ với Freeman qua giao dịch Storer và nhất là với Milken và Drexel qua James Regan, Bruce Newberg, Lisa Jones, và Cary Maulstasch. Tất cả những mối liên hệ này đã được ghi nhận trong những cuốn băng.

Tháng Hai, tờ The Wall Street Journal chạy hàng tít trên trang nhất kết quả cuộc điều tra của họ về đạo đức của Freeman. Đủ để khiến các công tố viên giật mình, nhóm phóng viên tờ Journal đã khám phá rất nhiều giao dịch cùng loại với những giao dịch họ đang điều tra và biết được nhiều thông tin mà chính các công tố viên cũng không nắm được. Trong bài báo, giao dịch Beatrice được miêu tả bằng việc Freeman đợi nhận Siegel xác rằng các điều khoản của thương vụ không thay đổi. "Trong một lần Freeman gọi cho Siegel, Siegel nói với Freeman rằng con thỏ của cậu có cái mũi thính đấy."

Baird giật mình khi đọc lại đoạn văn bí ẩn trên. Dù Siegel sở hữu một trí nhớ phi thường, nhưng anh ta chưa bao giờ nhắc tới một sự việc như thế. Theo lệnh của Baird, Rakoff hỏi Siegel. Siegel không nhớ mình đã nói chính xác những từ đó. Nhưng nó nhắc anh ta nhớ lại rằng mình đã nói chuyện với KKR, họ đã xác nhận thông tin của Bunny Lasker. Sau khi nói chuyện với Lasker, Freeman lập tức gọi tới, và Siegel nghĩ đó chính là lúc mình nói câu "con thỏ của cậu có cái mũi thính đấy."

Đây có lẽ là một ví dụ khác về giao dịch nội gián. Đáng tiếc là trí nhớ của Siegel không còn thật minh mẫn nhưng Baird linh cảm những gì tờ Journal nói là sự thật. Anh sẽ tìm thêm thông tin từ những nguồn tiềm năng khác.

Tuy nhiên, những bức tường dường như không thể lay chuyển quanh Milken và Freeman vẫn rất kiên cố. James Regan, giám đốc Princeton-Newport, được các công tố mời tới nghe những cuộn băng ghi âm chính những cuộc hội thoại của ông ta; Baird nghĩ đây là một cơ hội tốt vì khi đối diện với những bằng chứng xác đáng như vậy, ông ta sẽ đầu hàng và hợp tác. Trái lại, Regan lại tỏ ra rất ung dung. Ông ta đến nơi trong bộ quần áo thường ngày, đội mũ bóng chày, tô điểm thêm bằng câu nói: "Chết tiệt". Ông ta nghe cuốn băng và ra đi mà không phản ứng gì. Luật sư của ông đề nghị các công tố viên tiếp tục đệ đơn kiện. Baird dọa sẽ truy tố Princeton-Newport theo Luật chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức, nhằm vào tội phạm có tổ chức, gây hậu quả nghiêm trọng. Regan thể hiện đôi chút nao núng và thề sẽ chiến đấu tới cùng.

Regan nói với các cộng sự rằng mình vô tội và đang phải chịu áp lực vì quen biết Freeman và Milken, và rằng vụ việc này "quá phức tạp" để một thẩm phán có thể hiểu nổi. Regan tin mình sẽ được tha bổng và từ chối việc hợp tác vì không muốn phản bội Freeman, người bạn cùng phòng tại Dartmouth. Tại Drexel, Regan

lập tức trở nên nổi tiếng, nhận được nhiều lời chúc tụng từ phía phe những người ủng hộ Milken. Lời đe dọa sử dụng RICO để chống lại Princeton-Newport lập tức được bộ phận quan hệ công chúng của Milken sử dụng như một chủ đề mới về sự độc đoán của chính quyền, nhằm tác động tới ý kiến của công chúng chống lại các công tố viên.

Newberg và Maulstasch tiếp tục viện dẫn Tu chính án số 5, từ chối hợp tác hay chứng thực. Tuy nhiên, Lisa Jones đã hợp tác trước khi viện dẫn khoản sửa đổi này. Bởi vị trí của Jones trên bậc thang trách nhiệm quá thấp, nên các công tố viên lập tức quyết định trao quyền miễn trừ, thúc đẩy cô ta làm chứng. Họ trấn an rằng chỉ cần nói sự thật, cô ta sẽ không bị truy tố vì bất kỳ sai phạm nào. Đây là chiến lược đã thành công mỹ mãn với trường hợp Will Hale.

Nguy hiểm duy nhất đối với Jones là khi khai man. Song dù đã có sự trấn an từ phía các công tố viên và trước đó đã thú nhận với Doonan về việc giấu chủ sở hữu chứng khoán, nhưng cô ta vẫn thẳng thừng phủ nhận sự tồn tại của rất nhiều giao dịch; cho rằng mình chưa từng thảo luận về việc "giấu chủ sở hữu chứng khoán" và các phí tổn liên quan với Newberg hay bất kỳ ai và chối bay việc giữ hồ sơ của những chứng khoán được giấu chủ sở hữu. (Jones không biết rằng cơ quan điều tra đã có cuộn băng ghi lại những cuộc nói chuyện của cô tại Princeton-Newport). Vào giờ nghỉ trong một lần lấy lời khai, vị công tố viên đảm nhận việc hỏi cung, Mark Hanson, cảnh báo với luật sư của Jones rằng cô ta đang phạm tội khai man. Vị luật sư này có vẻ đến từ Cahill Gordon, hãng luật đại diện cho Drexel. Khi nỗi lo lắng lên cao, Joseph và các luật sư Cahill thúc giục Jones nói ra sự thật. Ngày 23 tháng Hai, Jones nhận được một lá thư cảnh báo cô ta có thể bị truy tố vì tội khai man. Đến lúc này Drexel đành phải thuê một luật sư khác cho Jones. Trung thành một cách mù quáng với Newberg và Milken, cô ta vẫn từ chối nói sự thật.

Giống như Jones, các nhân viên còn lại của Drexel cũng thủ thế khi đối mặt với những vũ khí mạnh nhất trong tay các công tố viên. Một phần, điều này thể hiện lòng trung thành kỳ lạ của họ đối với Milken. Nhưng hơn thế, nó còn phản ánh sự tính toán lợi ích khôn ngoan của đám nhân viên. Tháng Giêng năm đó, khi Milken có buổi họp về việc bồi thường, các nhân chứng tiềm năng đã phát hiện khoản tiền bồi thường của họ có thể tăng vọt. Ví dụ, Dahl chỉ được hứa hẹn một khoản 10 triệu đô-la vào năm 1986 – năm tốt nhất tới giờ xét về lợi nhuận của Phòng kinh doanh; thì giờ đây anh ta có khả năng được nhận một khoản tiền khổng lồ trị

giá 35 triệu đô-la.

Dù rõ ràng cô ta đã khai man, Drexel vẫn giữ tên Jones trong bảng lương, thanh toán toàn bộ chi phí pháp lý và cho cô ta một phần thưởng hào phóng. Dù Joseph còn lo ngại khoản chi tiền thưởng năm 1988 của Milken cho các nhân chứng tiềm năng trong bộ phận lợi suất cao có thể khiến người khác nghĩ Drexel đang mua chuộc sự hợp tác, nhưng cuối cùng anh ta quyết định rằng theo hệ thống bồi thường của Drexel, đó là khoản tiền cống hiến của Miken, nó được kiếm về từ các năm trước, và vì thế không có lý do gì anh ta phải can thiệp vào.

Tới giữa năm 1988, cuộc điều tra của Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp gần như đã dừng lại dù áp lực từ Ủy ban Chứng khoán và nhiều nơi khác vẫn lên cao. Giuliani lặng lẽ xem xét khả năng chạy đua vào một cơ quan chính trị – có thể là cuộc bầu cử thị trưởng New York sẽ diễn ra vào tháng Mười một năm 1989, hơn một năm sau. Để hỗ trợ chiến dịch tranh cử, ông sẽ phải rời Văn phòng trước khi năm 1988 kết thúc hoặc ngay sau đó. Lợi ích chính trị từ những thỏa thuận nhận tội hay ít ra là những bản cáo trạng nghiêm khắc đối với Freeman, Wigton and Tabor, Drexel và Milken là rất rõ ràng.

Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều điều đáng lo về các nhân chứng. Siegel, bị biệt giam ở Frorida, không có khả năng làm bất cứ điều gì và cũng không có gì để làm ngoài việc chờ lời tuyên án ập xuống đầu. Cũng như Boesky, anh ta cầu xin được ngồi tù. Nhưng Baird vẫn hứa hẹn bản cáo trạng mới của Freeman đã gần như chắc canh ta và lời khai của Siegel sẽ có lợi cho anh ta khi tòa án lượng hình. Baird không muốn đánh mất ảnh hưởng của Siegel mà chính quyền đã phải hy sinh với Boesky.

Baird cũng vẫn khăng khăng với Lynch tại Ủy ban Chứng khoán rằng cuộc điều tra của anh cần thêm thời gian. Anh và Giuliani cố gắng ngăn Ủy ban Chứng khoán tiếp tục những hành động đối phó khác. Họ e sợ các nhóm luật sư của Milken và Drexel sẽ lợi dụng quá trình xét xử để có được bằng chứng của cơ quan điều tra, chủ yếu là tìm những lời khai của Boesky. Họ cảm thấy việc hấp tấp phơi bày các vấn đề điều tra có thể hủy hoại cuộc điều tra đang diễn ra. Baird và Giuliani phản đối áp lực đòi đẩy nhanh tiến độ. Họ vẫn chưa thử chiến thuật trao quyền miễn trừ cho các thành viên đứng đầu đám tùy tùng của Milken. Do không ai thề thốt trước về việc hợp tác trung thực, họ không muốn liều thêm một phen như trường hợp Lisa Jones. Thậm chí, họ còn thận trọng đề phòng việc sơ ý trao quyền miễn trừ cho một kẻ mà sau

này hóa ra lại là tội phạm chính. Thay vì làm vậy, họ tiếp tục gây áp lực lên các nhân chứng ở nấc thấp trong bậc thang dẫn tới Milken.

Baird và Giuliani lặp đi lặp lại các lập luận này với Lynch khi áp lực từ Ủy ban Chứng khoán và Quốc hội lên cao. Drexel tiếp tục nhấn mạnh rằng họ thậm chí không có cơ hội tự bào chữa trước tòa. Lynch phản đối các lập luận của Giuliani với lý do Văn phòng Bộ trưởng có thể ra lệnh bảo vệ những thông tin mà họ không muốn tiết lộ sau khi khám phá; và việc trì hoãn sẽ tăng cường khả năng kháng cự của Drexel khiến chính quyền mất đi ưu thế. Lynch cũng tức điên vì Liman, đặc biệt là vì những báo cáo rẻ tiền mà ông ta sử dụng để vận động Giuliani ngăn đơn kiện của Ủy ban Chứng khoán, với lý do Lynch và Sturc quá "hung bạo" và cần phải kiềm chế. Nhưng Lynch vẫn thoái lui, đồng ý cho Giuliani và Baird thêm một tháng nữa. Khi một tháng ấy qua đi, với rất ít tiến triển, cuộc tranh cãi sẽ lại bắt đầu. Cuối cùng, cuối tháng Bảy năm 1988, Lynch gọi cho Giuliani để thông báo Ủy ban đã quyết định sẽ tiếp tục mà không cần sự đồng ý của Giuliani và toàn bộ cuộc điều tra của chính quyền đang tiến gần đến chỗ tự hủy hoại.

"Các anh không thể làm vậy," Giuliani hét lên đầy giận dữ vào điện thoại.

"Chúng tôi sẽ làm vậy," Lynch quả quyết.

Giuliani ghét sự vô lối đó và phần dữ dằn trong bản tính của ông đã thắng. "Nếu các anh đệ đơn, chúng tôi sẽ cùng chia sẻ số phận với các bị cáo," Giuliani dọa. "Chúng tôi sẽ ủng hộ một động thái nhằm vô hiệu hóa việc làm của các anh."

Lynch không thể tin nổi những gì mình vừa nghe thấy. Lẽ nào Giuliani thực sự muốn cùng Drexel và Milken thúc giục Tòa án hủy bỏ vụ kiện tụng này? Lynch đã đưa Levine và Boesky tới chỗ Giuliani; đã chịu mọi điều tiếng trong vụ dàn xếp với Boesky và đã giúp biến Giuliani thành người hùng có công dẹp loạn trên Phố Wall. Giuliani giờ đây nỡ lòng nào chống lại anh? Lynch ném phịch ống nghe xuống.

Vì bị đe dọa như vậy, Ủy ban Chứng khoán quyết định thoái lui, đồng ý cho Giuliani thêm một tháng nữa. Họ bấm bụng chịu đựng để tránh kích động Giuliani phá tan vụ kiện chống lại Drexel và Milken. Giuliani bình tĩnh lại và cố gắng xin lỗi Lynch theo cách riêng của ông. Ông nói với Lynch rằng ông sẽ không bao giờ về cùng phe với Milken chống lại Ủy ban Chứng khoán. Mối quan hệ

giữa các công tố viên và ủy viên Ủy ban Chứng khoán nhanh chóng được nối lại nhưng Lynch sẽ không bao giờ quên lời đe dọa của Giuliani.

* * *

Khi chính quyền trở nên lúng túng, Milken tiếp tục phản công dữ dội. Tháng 3 năm 1988, theo gợi ý của Athur Liman, Milken thuê một công ty trẻ chuyên về quan hệ công chúng hết sức "hung hăng": Robinson, Lake, Lerer & Montgomery. Giám đốc công ty, Linda Gosden Robinson, là hiện thân của giới quan hệ công chúng vào thập kỷ 1980. Là con gái Freeman Gosden, diễn viên đóng vai Amos trong phim Amos'n' Andy, lớn lên ở Nam California, và được diễn viên Ronald Reagan yêu thương như cô con gái nhỏ. Với mái tóc vàng quyến rũ, cô từng làm công việc châm cứu trị liệu vào những năm 1970 trước khi tham gia hỗ trợ chiến dịch tranh cử của Reagan năm 1980 và sau đó làm việc cho Bộ trưởng Giao thông Drew Lewis. Khi Lewis chuyển qua Warner Amex Cable, cô cũng đi theo ông ta, dần kết thân với các lãnh đạo của công ty liên danh đó: Giám đốc American Express, Jim Robinson, và Giám đốc Warner Communications, Steve Ross. Cuối cùng, cô lấy Jim và chuyển văn phòng công ty PR của mình đến tòa nhà hội sở của Warner tại New York. Cô biết Liman qua Ross, một khách hàng của Liman, từng chứng kiến cô đại diện cho Texaco trong cuộc chiến lâu dài với Pennzoil, một khách hàng khác của Liman. Ở độ tuổi ngoài ba mươi, cô đã là một cái tên đáng gờm vì vừa có chỗ dựa là những người đàn ông thế lực như chồng mình – Liman và Ross; và vì quyền lực của riêng cô.

Robinson mang những tiểu xảo tiêu cực, đượm hơi hướng "tấn công" kiểu Đảng Cộng hòa vào ngành quan hệ công chúng. Cô thông minh, liều lĩnh và cứng rắn, thật sự là đối thủ nặng ký của bất kỳ phóng viên nào. Dù luôn thể hiện sự quyến rũ, những người gặp cô, đặc là những người có địa vị thấp hơn trên nấc thang quyền lực và xã hội, sẽ thấy cô thật khó chịu và hách dịch. Cô có hai thư ký để theo dõi các công việc kinh doanh và xã hội kín đặc của mình, bao gồm việc sắp xếp các chuyến bay riêng bằng trực thăng cho cô và chồng đến căn nhà tại Connecticut, giữ hoa tươi trong căn hộ sang trọng của họ tại Museum Tower ở Manhattan, nhắc cô ngày sinh nhật của những người bạn nổi tiếng như Frank Sinatra hay trông nom ba chú chó xpanhơn kiểu Vua Charles được đặt tên theo các nhân vật trong Amos 'n' Andy và đám ngựa của cô. Cô thường lấy catalogue mới nhất của Bergdorf Goodman, khoanh những thứ cô thích và gửi một bản cho các thư ký để đặt mua hàng. Tuy nhiên, vấn đề là nhân viên

của cô bỏ việc rất nhiều.

Edward Bennett Williams kiên quyết phản đối việc thuê Linda hay bất cứ cố vấn PR nào chính vì vấn đề đó. Anh công khai thể hiện sự khinh bỉ các "nhà báo chỉ chuyên về quảng cáo" và hài lòng với cách tiếp cận quan hệ công chúng của chính mình. Anh thường tránh xa cánh nhà báo, thậm chí còn cư xử thô lỗ nếu cần. Anh rất hiếm khi trả lời phóng viên, dù trên danh nghĩa cá nhân hay thay cho khách hàng. Nhưng Liman gây áp lực và cuối cùng chính Milken khăng khăng muốn thuê Linda.

Linda bay đến Washington để gặp Williams. Anh dẫn cô vào một phòng hội thảo tại Williams & Connolly và để cô ngồi ở một đầu của chiếc bàn dài còn mình ngồi ở đầu kia. Williams thẳng thừng nói rằng anh thấy việc PR rất lãng phí thời gian và tiền bạc. Anh cho rằng cô sẽ không thể xử lý những câu hỏi về việc kinh doanh của Milken và Drexel. Sau đó, dù đang bị ốm, anh vẫn nhìn trừng trừng và chỉ thẳng ngón tay vào cô. "Hãy tránh xa vụ này," anh lớn tiếng. Robinson lắp bắp phản kháng nhưng Williams cũng không lay chuyển. Cô bỏ đi, thực sự quá sốc với cuộc chạm trán vừa rồi.

Dù thế, cô đã bước được một chân qua cửa. Ngay sau đó, một nhóm từ Robinson, Lake do Kenneth Lerer, cộng sự từng làm việc với Linda tại Warmer Amex, dẫn đầu tới Beverly Hills để hoạch định chiến lược. Linda trước đây đã hạn chế khách hàng của cô phải là những công ty có uy tín. Lerer từng phụ trách chiến dịch tranh cử vào Thượng viện của cựu hoa hậu Mỹ Bess Myerson, người về sau dính vào vụ bê bối "Bess Mess" của chính phủ tại New York. Trong vụ đó Myerson được tha bổng vì cố gắng một cách không phù hợp nhằm gây ảnh hưởng tới vị quan tòa xét xử vụ ly hôn của tình nhân.

Lerer và các cộng sự của anh gặp Milken tại Beverly Hills và yêu cầu chuyên gia tài chính này liệt kê những thành công chính trong đời, những thứ có thể "định vị" anh ta với công chúng Mỹ. Milken lấy ra một tập giấy, một chiếc bút dạ và bắt đầu nhớ lại từ năm học đầu tiên. Anh ta kể ra việc giành giải nhất trong cuộc thi nhảy năm lớp 5. Theo mạch đó, Milken nhớ lại thời kỳ đỉnh cao khi được bầu là nam sinh khả ái nhất và từng được chọn làm hoàng tử của đêm dạ hội thời trung học. Sau đó, anh ta dừng lại. Miken không viết một từ nào về Drexel hay trái khoán.

Hai nhân viên của Robinson, Lake đưa mắt nhìn nhau. Nhưng rõ ràng Milken rất nghiêm túc. Họ nhận ra biến Milken thành người

hùng được cả nước công nhận là thử thách lớn hơn những gì họ tưởng. Lerer mỉm cười nhạt và giải thích rằng họ muốn tìm những gì liên quan trực tiếp hơn đến công việc của Milken tại Drexel. “Anh thực sự là một quốc bảo,” một trong hai nhân viên PR nói. “Hãy nhớ lại tất cả những gì anh đã đạt được. Đó là cách anh nên được định vị.” Lerer nói thêm rằng thứ anh ta nhận thấy ở công việc của Milken là “tạo ra giá trị.” Họ có thể biến nó trở thành cái gì đó.

Milken không có chút phản ứng nào. Anh ta chỉ ngây ra nhìn họ, như thể chưa bao giờ nghe thấy những từ ngữ đó, dù các luật sư từ lâu đã gọi anh ta là báu vật quốc gia. “Anh là một quốc bảo,” Sandler nhắc lại. Một người khác nói Milken thực sự là một “thiên tài.” Milken ngần ngại nói anh ta biết nhiều người giỏi hơn; anh ta chỉ chăm chỉ thôi. Sandler, Lerer và những người khác phớt lờ sự khiêm tốn đó và dần dần Milken có vẻ xuôi xuôi, gật đầu đồng ý sau khi có vẻ đã cân nhắc các khái niệm. Lập tức, “tạo ra giá trị” trở thành những từ được nhắc lại nhiều lần trong chiến lược bảo vệ Milken.

Công ty của Robinson, Lake khẳng định Milken không thể tiếp tục tránh mặt mà phải chịu trả lời báo chí. Milken rất thận trọng với điều đó. Milken đã quyết định mua bản quyền tất cả các bức ảnh mà các hãng thông tấn chụp anh ta. Lúc đầu, Sandler cực lực phản đối điều này vì sợ Milken quá non nớt trong quan hệ báo chí; lỡ đâu lại trả lời phỏng vấn một phóng viên xa lạ. Tuy nhiên, khi biết chắc các cuộc phỏng vấn được kiểm soát hoàn toàn và được xem như cơ hội để vừa “nhân đạo hoá” Milken vừa định hướng những chủ đề có lợi cho việc bảo vệ Milken, Sandler và Milken đồng ý thử.

Linda và Lever bắt đầu sắp xếp những cuộc phỏng vấn được kiểm soát cẩn thận với các phóng viên đã được lựa chọn. Mọi câu hỏi về cuộc điều tra đều được giới hạn; tuy nhiên, Lerer ba hoa rằng các phóng viên đều “thèm rỏ rãi” được tiếp cận. Điều kiện trao đổi là những câu hỏi phải “công bằng” theo nhận định của Milken hoặc sẽ không bao giờ được hỏi nữa. Một đoàn phóng viên hành quân tới California, có cả David Vise của The Washington Post, Kurt Eichenwald của The New York Times, và Scott Paltrow của Los Angeles Times. Milken nói về tầm quan trọng của gia đình, giá trị của trái phiếu rác, sự cần thiết phải duy trì thế cạnh tranh cho nước Mỹ và vấn đề nợ của các nước Thế giới thứ ba.

Lerer thường xuyên gọi cho các phóng viên, anh ta nghe điện trong khi đang chơi Nintendo tại văn phòng hoặc gọi từ xe riêng, gieo rắc những câu chuyện bịa đặt do đám nhân viên thêu dệt.

Lerer động viên các nhân viên của mình bằng cách nói rằng họ đang "nhấn chìm một chiếc tàu chiến lớn." Đôi khi, các nhân viên cũng đánh được một cú họ cho là "chí mạng," thí dụ như khi nhà báo Chris Welles của tờ Business Week chỉ trích Ủy ban Chứng khoán đã để rò rỉ thông tin cho The Wall Street Journal.

Ngược lại, tờ The Wall Street Journal và tạp chí Fotune bị ghét cay ghét đắng. Chính Linda đã đích thân tới gặp chủ bút và các phóng viên tờ Journal, đe dọa rằng khi Milken và Drexel được trắng án, điều gần như không còn nghi ngờ gì nữa, tin tức có thể sẽ chỉ được tiết lộ cho tờ báo đối thủ New York Times để trả đũa việc đưa tin không thân thiện của Journal. Phe Milken cũng cố gắng, dù không mấy thành công, để moi tin tức từ một phóng viên tờ Journal lưu trú tại Los Angeles nhằm chia rẽ hàng ngũ phóng viên của tờ báo này. Tờ Fortune bị xua đuổi sau khi nhận xét những nỗ lực thúc đẩy quan hệ công chúng của Milken là "vớ vẩn."

Những bài báo độc lập với quan điểm của chủ bút được Robinson, Lake xử lý dễ dàng hơn rất nhiều. Với nguồn cung sẵn có những khách hàng luôn hết lòng với Milken, các chuyên gia quan hệ công chúng bắt đầu khuấy lên đủ loại chủ đề ca ngợi anh ta, chẳng hạn như "trái phiếu rác đem lại lợi thế cạnh tranh cho nước Mỹ." Những bài viết này sẽ do các khách hàng của Milken ký tên và được đăng báo dưới tên của họ. Cho nên, các bình luận và thư gửi đến tòa soạn dưới những cái tên như Reginald Lewis, giám đốc Beatric International; William McGosoll, giám đốc MCI; và Ralph Ingersoll, giám đốc Ingersol; thực ra đều do Robinson, Lake viết; sau đó được các luật sư tại công ty của Liman, Paul, Weiss sửa lại và được chính Milken biên tập.

Các nhân viên PR cũng lập ra danh sách những "điểm nhấn," tức là những lời lẽ ngắn gọn, súc tích ca ngợi Milken mà những khách hàng trung thành nên thêm vào khi trả lời phỏng vấn; cùng với hệ thống các "từ khóa" và "nhãn tự" ngắn hơn thế như "tạo ra giá trị" và "quốc bảo."

Tất nhiên, họ cũng nếm trải không ít thất bại. Sau khi Lerer đã dành kha khá thời gian chuẩn bị một bài viết độc lập với quan điểm của chủ bút gửi cho giám đốc của Warner, Steve Ross, Ross từ chối ký nó dù ông ta có mối quan hệ bạn bè tốt với Linda.

Đáng xấu hổ nhất là lần xuất hiện của Ralph Ingersoll trên chương trình truyền hình "Nightline." Anh ta được chọn vì rất trung thành với Milken và sẵn lòng xuất hiện trên truyền hình. Tất cả những gì Ingersoll cần nói đã được Robinson, Lake cẩn thận

ghi lại và giảm xuống còn khoảng 20 "nhãn tự." Dòng quan trọng nhất Ingersoll cần nói là "xã hội chúng ta đang sống là xã hội gì mà lại truy tố một người lẽ ra nó nên nâng đỡ?" Ingersoll không gặp vấn đề với câu này trong những lần diễn thử. Nhưng khi lên sóng, nhóm Robinson, Lake xem và hoảng sợ khi anh ta lóng ngóng với những từ khóa và điểm nhấn, nói sai các nhãn tự và quên luôn dòng quan trọng nhất. Ingersoll dễ dàng bị Giuliani bắt thóp trong lần đóng kịch đó.

Chiến dịch của Robinson, Lake nhằm phủ sóng những từ ngữ như thế trên toàn nước Mỹ như thể một chiến dịch quảng cáo. Linda và Lerer nói với nhân viên rằng mục tiêu của họ là lay chuyển quan điểm của công chúng; từ sỉ nhục sang trung lập rồi chấp nhận và cuối cùng là ngưỡng mộ Milken. Chiến dịch này rõ ràng có hiệu quả. Các ủy viên Ủy ban Chứng khoán và trợ lý Bộ trưởng Bộ Tư pháp rất lúng túng trước sự hạn chế khắt khe mà họ phải chấp hành đối với việc tiết lộ thông tin với báo giới cũng như luôn lo sợ bị kết tội làm rò rỉ thông tin. Họ mất hết tinh thần khi những thông tin thân Milken được xướng lên ngày một nhiều hơn.

Chiến dịch quan hệ công chúng đem lại khoản lợi rất lớn cho Robinson, Lake với số lợi nhuận hàng tháng lên tới 150.000 đô-la và đó chưa phải con số ghi trong hóa đơn thực tế. Không ai quan tâm khi Walter Montgomery lo ngại rằng việc quảng bá cho một kẻ rõ ràng bị coi là tội phạm có thể làm xấu danh tiếng của công ty với những khách hàng tiềm năng quan trọng khác. Kể cả trong lời bào chữa cho Milken, họ cũng không hề nhắc đến một cứ một khả năng nào rằng Milken có thể đã làm gì đó sai trái. Bản thân quan điểm đó đã bị coi là một dị giáo. Linda sẽ thỉnh thoảng nêu ra cái mà các nhân viên gọi là "bài kiểm tra lòng trung thành" với Milken. Một buổi chiều, David Gilman, một nhân viên công ty, đang hội ý với Lerer khi Linda đi vào phòng Lerer và nhìn chằm chằm vào Gilman.

"Milken vô tội hay có tội?" cô yêu cầu Gilman trả lời.

"Vô tội, tất nhiên." Gilman trả lời nhanh chóng. Linda có vẻ không hài lòng, nên anh nhắc lại với thậm chí với giọng thuyết phục hơn. "Anh ấy vô tội."

"Có thế chứ," Linda đáp lại.

* * *

"Đại tiệc của những kẻ đi săn" được tổ chức vào tháng Tư năm

1988 tại Beverly Hilton là cơ hội thúc đẩy mối quan hệ công chúng tốt đẹp cho Milken. Theo yêu cầu của Robinson, Lake, báo giới được mời tới để nghe Milken phát biểu cảm nghĩ về nợ nần của các nước Thế giới thứ ba và giáo dục công. Nhiều nhân chứng quen thuộc vốn là khách hàng trung thành của Milken như Steve Ross và Nelson Peltz cũng có mặt.

Nhưng chưa đầy hai tuần sau đó, Milken chạm trán với đối thủ đầu tiên: Quốc hội Mỹ. Dân biểu vùng Michigan, đảng viên Đảng dân chủ John Dingell, nổi tiếng với đội ngũ điều tra viên dũng cảm của mình, đã triệu tập một phiên họp của Tiểu ban Giám sát và Điều tra do ông đứng đầu để thăm dò các đối tác tư nhân của Drexel, như Otter Creek - phương tiện đầu tư của Drexel vào National Can. Tiểu ban đã gửi những tờ trát của Quốc hội tới cả Milken và Fred Joseph.

Đó là cuộc chạm trán trực tiếp đầu tiên của Milken với chính quyền mà anh ta từ lâu đã khinh bỉ và thực sự nó rất đáng lo ngại. Chuyên gia tài chính ẩn dật luôn muốn sống vô danh này gần như đã bị vồ lấy khi anh ta, Williams và Richard Sandler tiến từng bước lên cầu thang Tòa nhà Capitol để vào phòng xử án có trần cao vút. Milken cố nở một nụ cười mệt mỏi khi những ánh đèn nhấp nháy liên tục trong suốt nửa tiếng đồng hồ chờ đợi các thủ tục bắt đầu.

Tuyên bố chính thức đầu tiên của Williams, viện dẫn một quy định của quốc hội vốn rất ít khi được dùng tới, đề nghị gỡ bỏ hoàn toàn máy quay phim và các loại thiết bị ghi âm khỏi phòng xử án. Dingell thể hiện sự tôn trọng với Williams, người tỏ ra đang rất mệt mỏi, miễn cưỡng cấm tất cả các đoàn làm phim và phóng viên ảnh.

Không khí lập tức thay đổi khi Dingell bắt đầu hỏi Milken liệu anh ta có mối lợi ích tài chính nào liên quan tới Otter Creek hay không. Milken viện dẫn Tu chính án số 5. Câu hỏi thứ hai cũng vấp phải phản ứng tương tự. “Thân chủ của tôi không định trả lời bất kỳ câu hỏi nào của ông nếu anh ta làm theo lời khuyên của tôi,” Williams nói.

Dingell ngừng cuộc xét xử, sau đó tổ chức một buổi họp báo để trình bày những nghi ngờ của Tiểu ban: Drexel có thể đã dính líu vào một âm mưu trục lợi phi pháp dựa trên chi phí của khách hàng. “Đã có những câu hỏi được đưa ra về việc liệu… điều này phù hợp với, trong rất nhiều thứ khác, luật pháp liên quan đến giao dịch nội gián và chạy trước… những hành vi nào có thể bị coi

là bóp méo thị trường," Dingell nói.

Drexel nhanh chóng đưa ra phát ngôn của họ. "Mike Milken có được sự ủng hộ tuyệt đối từ phía chúng tôi. Anh là cộng sự, là bạn và là cá nhân đã có những đóng góp to lớn cho nền tài chính của đất nước." Nhưng dù Drexel nói gì cũng không thể xoá mờ hình ảnh xấu của việc Milken viện dẫn Tu chính án số 5. Tất nhiên đó là quyền của anh ta theo hiến pháp, cũng như dư luận có quyền tự hỏi tại sao Milken lại viện dẫn nó nếu anh ta vô tội như đã nói.

Tối hôm đó, nhóm Milken tập trung sự chú ý vào Joseph, người được lên lịch lấy lời khai vào hôm sau. Joseph không có ý định viện dẫn Tu chính án số 5. Anh ta không tin mình sẽ bị truy tố và muốn tránh làm mất thêm lòng tin của công chúng vào Drexel. Không may, Joseph lại gặp một bất lợi nghiêm trọng: Anh ta hoàn toàn không biết chút gì về hoạt động của các công ty do Milken lãnh đạo. Thậm chí, anh ta còn không biết đến sự tồn tại của một vài công ty đó. Để chuẩn bị cho buổi lấy lời khai, các đại diện của Milken buộc Joseph thức đến 2 giờ sáng để trả lời hết các câu hỏi giả định và nhồi vào đầu anh ta những câu trả lời được sắp đặt sẵn. Joseph thậm chí còn phải nộp cho Tiểu ban một bản tường trình với những thông tin mà anh biết chắc đó là sai lệch.

Trong khi Milken trông vẻ bề ngoài rất tươi tỉnh, thì Joseph lại phờ phạc, căng thẳng khi phiên xét hỏi bắt đầu vào sáng hôm sau. Dingell lập tức điều khiển việc hỏi cung và đã dập cho Joseph một trận tơi bời. Tập trung chủ yếu vào vụ Beatrice, Dingell và các cộng sự cáo buộc Drexel đã ưu tiên các công ty thành viên của nó hơn khách hàng và đã dính líu đến việc tự giao dịch bằng cách để khách hàng mua chứng khoán từ các công ty của mình với giá cao. Tới lúc này, Joseph phải thừa nhận, "tôi nghĩ tôi không hiểu" đối với áp dụng những quy định pháp luật khác nhau về chứng khoán. Một nghị sĩ Quốc hội tóm lại buổi làm việc hôm đó bằng việc nói với Joseph: "Cảm nhận của công chúng với những gì các ông làm là không thể chấp nhận được."

Joseph cảm thấy nhục nhã và hết sức giận dữ với các luật sư của mình. Nhìn lại chuỗi sự kiện đã dẫn tới phiên xét hỏi này, anh ta bắt đầu suy ngẫm về lời khuyên mình đã nhận được. Có phải anh ta đã bị gài bẫy? Các luật sư của Miken thực sự đang phục vụ lợi ích của ai? Điều gì đã xảy ra tại các công ty do Milken lãnh đạo? Lần đầu tiên, Joseph cảm thấy nghi ngờ Milken và động cơ của anh ta. Là một người cô độc giữa các cố vấn của Milken, Ira Millstein, luật sư riêng của anh ta, đã cảnh báo với Joseph rằng Milken có thể bị sẽ truy tố. Millstein rất giận dữ khi Joseph không

để tâm tới lời khuyên của anh và đã dọa bỏ việc. Joseph giờ mới nghĩ lại; có thể Millstein đã đúng.

* * *

Ngồi ở hàng ghế đầu trong phiên xét xử của Quốc hội, chỉ cách Milken vài bước chân, trong bộ quần áo màu vàng sáng là Connie Bruck, phóng viên đã viết tiểu sử của Boesky trên tờ Atlantic. Giờ cô đang viết một cuốn sách về Drexel Burnham và Milken. Tháng Hai năm 1986, Bruck đã nói với Milken về kế hoạch của mình và đề nghị hợp tác với anh ta. "Tôi không muốn làm chuyện đó," Milken trả lời trước khi đề xuất trả tiền cho hợp đồng viết sách của cô ta. "Tại sao chúng ta không trả cho cô khoản phí cam kết mà lẽ ra nhà xuất bản đã trả cho cô, trừ phi chúng tôi trả cho cô để cô không viết cuốn sách đó nữa. Hoặc là, tại sao chúng tôi không trả cho cô để mua hết các ấn bản của cuốn sách mà cô sẽ bán được nếu cô viết nó?"

Mùa hè năm 1988, Bruck đã hoàn thành bản thảo. Trong thỏa thuận trước đó với Bruck, Joseph được phép đọc và cho ý kiến về các sự kiện nhưng không được sao chép. Ngay lập tức, anh ta biết sẽ có vấn đề. Với tựa đề Đại tiệc của những kẻ đi săn: Những kẻ oanh tạc trái phiếu rác và người chống lưng cho họ, đây là một nghiên cứu chuyên sâu và nghiêm túc về Drexel, Milken và một số khách hàng của họ, một cuộc điều tra long trời lở đất về đế chế trái phiếu rác của Milken.

Cuốn sách nói rằng Drexel đã thuê những ả gái điếm cho buổi Đại tiệc; rằng những ngày đầu tại Drexel, Milken đã đội chiếc mũ bảo hộ của thợ mỏ khi đi trên chiếc xe đưa đón nhân viên để có thể đọc được bản cáo bạch trong bóng tối; và chính ông vua trái khoán này đã cố gắng trả tiền để Bruck để không viết cuốn sách. Tồi tệ hơn, cuốn sách để lại ấn tượng sâu sắc rằng những lập luận của Boesky hoàn toàn nhất quán với các giá trị và văn hoá Milken đã truyền bá.

Dù đã có cảnh báo anh ninh của Simon & Schuster – nhà xuất bản sẽ in cuốn sách của Bruck; nhưng Liman vẫn nhanh chóng tìm kiếm bản thảo và lập tức dùng máy photocopy tại Paul, Weiss để sao chép. Cỗ máy bảo vệ Milken bắt đầu lên kế hoạch cho một cuộc phản công toàn lực. Nhưng có vẻ cỗ máy khổng lồ này đang phải chống lại một đối thủ khó nhằn, dù đó chỉ là một cuốn sách chứ không phải bản cáo trạng của Bồi thẩm đoàn.

Một cuộc họp cấp cao được triệu tập tại Paul, Weiss. Linda, Lerer,

một vài người khác đến từ Robinson, Lake, Liman, Flumenbaum, Sandler và cả Milken cũng có mặt. Liman và Milken đến muộn. Trong khi chờ đợi, những người này nghiên cứu kỹ lưỡng bản thảo đó. Sandler lập tức sôi máu. "Không có chiếc mũ bảo hiểm thợ mỏ nào hết," anh ta kêu lên và rồi bổ sung cho câu phủ nhận của mình. "Đó là một món quà. Nó là mũ của bác sỹ nhãn khoa. Anh ấy không bao giờ đội nó cả; anh ấy chỉ đội nó đúng một lần thôi."

Khi Liman và Milken tới, Milken ngồi xuống và bắt đầu đọc. Anh ta bắt đầu lắc đầu quầy quậy và nhìn trừng trừng. "Cuốn sách này biến tôi thành một kẻ thiếu muối," Milken thốt lên đầy giận dữ. Phàn nàn rằng cuốn sách khiến anh ta giống một kẻ tự cho mình là trung tâm và bị ám ảnh vì chưa có ai từng gọi mình là "ông hoàng," Milken kết luận đầy tức giận, "tôi muốn ngăn chặn thứ rác rưởi này."

Một số cố vấn cảnh báo Milken rằng bất kỳ điều gì họ làm cũng có thể khiến dư luận chú ý tới cuốn sách mà vốn sẵn nếu để tự nhiên có thể sẽ chẳng ai sờ tới. ("Người Mỹ không thích đọc sách," Lerer trấn an Milken.) Họ cũng nhắc nhở Milken rằng chính anh ta từ chối nói chuyện với Bruck nên giờ không thể hoàn toàn đổ lỗi cho cô ta nếu các quan điểm của anh không được đề cập trong cuốn sách. Nhưng Milken không nghe theo bất kỳ lời khuyên nào. Anh ta muốn cuốn sách bị ngăn lại, tốt nhất là trước khi được xuất bản. Dù còn nghi ngờ, nhưng Liman và Linda vẫn ủng hộ anh ta. Liman trước đây từng thành công trong việc ngăn chặn nhiều cuốn sách, đáng chú ý nhất là cuốn tiểu sử của William Paley, chủ tịch CBS. Và một chiến lược tấn công như vậy cũng nhất quán với quan điểm về dư luận của Linda. Cả đội lại lao vào một chiến dịch rộng khắp nhằm làm mất thể diện của Bruck và cuốn sách của cô, và không ai có thể đủ tỉnh táo để nghĩ tới những ảnh hưởng tích cực có thể có khi cuốn sách được bán.

Dưới sự lãnh đạo của Liman và Linda, các nhân viên của Robinson, Lake bắt đầu nghiêm túc soạn một bài phân tích tỉ mỉ về cuốn sách, nêu ra những "lỗi trình bày", "lỗi mô tả" hoặc một trong hai lỗi đó. Họ dự định gửi một loạt những "bản đính chính" tới tất cả các nhà phê bình sách trên cả nước với hy vọng hủy hoại mức độ đáng tin của cuốn sách. "Bản đính chính sẽ dài hơn cả cuốn sách," Lerer kêu lên. "Thật tuyệt!"

Một số nhân viên của Robinson, Lake đã dành cả tháng trời để cố gắng bôi nhọ cuốn sách. Không may, "nhóm chiến đấu vì sự thật" này thấy càng lúc càng khó bác bỏ nhiều lời khẳng định của

Bruck. Ví dụ, dù Milken khăng khăng thế nào, một số khách hàng vẫn gọi Milken là "ông hoàng" khi trò chuyện với các nhân viên Robinson, Lake – những người đang nỗ lực bác bỏ điều đó. Nhưng các nhân viên này lại sợ Milken biết điều đó. Bản đính chính được trám thêm bằng những sai sót rõ ràng rất vụn vặt.

Chuyện này không khiến Milken lùi bước. Dù không hài lòng với kế hoạch bôi nhọ sự chính xác và chân thực của cuốn sách, anh ta vẫn muốn nó bị đình bản. Liman gọi cho luật sư chính của Drexel, Tom Curnin, nói cuốn sách đang "hủy hoại Milken trầm trọng," và không thể có một phiên toà công bằng nếu cuốn sách được xuất bản. "Hãy hành động để ngăn cuốn sách được xuất bản," Liman ra lệnh, "hoặc qua các mối quan hệ" tại nhà xuất bản Simon & Schuster "hoặc ở tòa án." Curnin giật mình với yêu cầu đó; chắc canh ta Liman biết việc kiểm soát truyền thông chỉ được chấp thuận trong những trường hợp thực sự cần thiết và hiếm hoi.

Các cộng sự của Cahill Gordon và luật sư nổi tiếng của Tu chính án số 1 Floyd Abrams đã cùng Curnin khuyên Liman rằng họ sẽ không thể thuyết phục được một vị thẩm phán nào ra lệnh cấm cuốn sách. Liman có vẻ giận dữ, dọa sẽ nói lại với Joseph rằng Cahill "không hỗ trợ Milken và Drexel." Liman vẫn khăng khăng, "một khi chúng tôi đã muốn làm điều gì, chúng tôi sẽ làm bằng được," Liman lập luận lại rằng mọi nguyện vọng muốn của Milken phải được ưu tiên.

Curnin khuyên Joseph rằng anh ta nên hiểu việc khiếu nại có thể sẽ làm tổn hại Drexel. Joseph đồng ý. Anh ta nghĩ đây là một việc làm ngược đời, một thí dụ khác cho thấy Liman đặt lợi ích Milken lên trên quyền lợi của Drexel. Joseph nghĩ, rõ ràng khi tất cả được nói ra và thực hiện, Milken và các luật sư của anh ta sẽ không sẵn lòng tự mình đệ đơn kiện. Liman quá thông minh để làm điều đó.

Cuối cùng, chiến dịch này không mấy hiệu quả. Cuốn sách Đại tiệc của những kẻ đi săn vẫn được xuất bản như kế hoạch. Các nhà phê bình gặp nhiều trở ngại bởi họ đâu phải là những người có trách nhiệm kiểm tra sự thật. Xét từ bề ngoài, rất ít luận điểm của Milken có tính thuyết phục. Chiến dịch này lại càng khiến công chúng hết sức quan tâm tới việc phát hành cuốn sách; còn có cả một bài báo về vấn đề này được đăng trên trang nhất tờ The Wall Street Journal.

* * *

Khi Edward Bennett Williams cảnh báo các công tố viên rằng ông

sẽ không kịp chờ kết quả cuộc điều tra Milken, ông đã biết rõ rằng mình không còn sống được bao lâu bởi bệnh ung thư. Robert Litt biết bệnh của Williams đã rất nặng rồi vì trước khi cùng nhau ra trình diện Ủy ban Chứng khoán, Williams quay sang nói với anh, "Cậu chuẩn bị để nói nhé!" Litt sửng sốt. Từ trước tới giờ, Williams luôn là người phát ngôn. Hôm đó, Williams gần như không bước nổi qua hành lang Ủy ban Chứng khoán.

Đầu năm 1988, Williams mời Vincent Fuller, một cộng sự xuất sắc của Williams & Connolly, tham gia vụ Milken. Nhưng Fuller và Milken có vẻ không hợp nhau. Milken sùng bái Williams ra mặt và cảm thấy không ai có thể đảm đương vị trí của ông. Khi biết tin Williams mắc trọng bệnh, Liman, Flumenbaum và các luật sư Paul, Weiss lập tức xa lánh của các đồng nghiệp của họ ở Williams & Connolly. Bất kỳ ảnh hưởng nào Williams từng có đối với Milken đều không còn.

Williams phục hồi đôi chút khi tới dự buổi trả lời trước Quốc hội của Milken, dù trông ông rất nhợt nhạt và u uất. Đây là lần cuối cùng ông xuất hiện trước công chúng với tư cách luật sư đại diện cho Milken. Williams mất bốn tháng sau đó, vào ngày 13 tháng Tư. Milken bay đến Washington. Trong tang lễ, anh ta che mặt và khóc.

* * *

Suốt tuần đầu tiên của tháng Tám năm 1988, Bruce Baird và các công tố viên mời Lisa Jones và luật sư mới của cô ta, Brian O'Neil, đến văn phòng. Không lãng phí thêm thời gian, họ bật máy ghi âm lên, quan sát Jones và luật sư của cô ta khi họ lắng tai nghe giọng một phụ nữ trẻ đang sắp xếp những giao dịch bất hợp pháp với Hale tại Princeton-Newport. Và Jones bắt đầu tái mặt.

Sau cuộc gặp gỡ, O'Neil nhanh chóng thảo một bức thư gửi cho cơ quan điều tra; cho rằng cuốn băng đã "khôi phục" trí nhớ của Jones. Với quyền miễn trừ, giờ cô ta sẵn sàng thừa nhận rằng mình đã dính líu tới những vụ giao dịch và đã nói chuyện đó với Hale. Các công tố viên không mấy ấn tượng về điều này. Đáng ngạc nhiên là Jones vẫn từ chối thú nhận bất cứ điều gì ngoài những thứ đã xuất hiện trong cuốn băng. Trước đây, cô ta đã nói dối và rõ ràng vẫn đang nói dối, họ tin chắc như vậy. Các công tố viên có lý khi coi khai man là một tội nghiêm trọng làm trở ngại quá trình điều tra. Một thông báo đã được gửi đi. Dù tuổi còn trẻ, đã có quãng thời gian đầu đời khó khăn và địa vị thấp tại Drexel, quyền miễn trừ của Jones vẫn bị thu hồi.

Cùng lúc đó, các công tố viên tăng cường áp lực lên Princeton-Newport. Baird hé lộ rằng cơ quan điều tra sẵn sàng đề nghị Bồi thẩm đoàn ban hành bản cáo trạng theo Luật chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức (RICO). Đây là lần đầu tiên luật này được dùng để chống lại các viên chức của một công ty chứng khoán.

Luật chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức là một trong những vũ khí lợi hại nhất mà chính phủ có thể sử dụng trong vụ này. Được thông qua vào năm 1970 nhằm đối phó với tội phạm có tổ chức và những vụ vận chuyển ma túy. Luật có những chế tài hết sức khắt khe, với thời gian tù có thể lên tới 20 năm và tịch biên toàn bộ gia sản.

Mặc dù có nhiều tổn hại tiềm ẩn với Princeton-Newport, nhưng lời đe dọa về bản cáo trạng theo Luật chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức cũng ít có ảnh hưởng tới các đối tượng tình nghi. Công ty là một khối trong rất nhiều thực thể đan cài vào nhau; vì thế tài sản của họ có thể bị chuyển ra ngoài mạng lưới các chủ phần hùn đó, khiến Princeton-Newport sụp đổ. James Regan vẫn là một bị cáo. Luật sư Theodore Wells lên án việc áp dụng Luật chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức là "khủng khiếp" nhưng nhất quyết khẳng định sự vô tội của Regan và quyết tâm đấu tranh với cơ quan điều tra. "Rõ ràng ông Regan đang bị biến thành con tốt trên một ván cờ được bày trên một bàn cờ lớn hơn," ông ta nhận xét.

Về điểm này, Wells đã đúng. Dù ý định ban đầu của lời cáo buộc theo Luật chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức là gây áp lực với Regan và Princeton - Newport, nhưng thông điệp thực sự của nó lại nhằm vào Drexel. Nếu một công ty nhỏ như Princeton-Newport mà đã phải đối mặt với những tội quy định trong luật này thì Drexel, với vô số giao dịch đáng ngờ, hẳn sẽ còn nghiêm trọng hơn.

Những nỗ lực cuối cùng để đi đến thỏa thuận dàn xếp đã thất bại. Ngày 4 tháng Tám, Bồi thẩm đoàn cáo buộc Lisa Jones vì tội khai man; cáo buộc Regan, Zarzecki, một lãnh đạo Princeton-Newport khác và Newberg ở Drexel vì tội gian lận. Những bản cáo trạng đầu tiên sau cuộc điều tra hai năm rưỡi của chính quyền đã được ban hành; phát súng mở màn cho một cuộc chiến hứa hẹn sẽ kéo dài đã bắt đầu.

* * *

Để cảnh báo những nhân chứng còn lại trong mạng lưới của Milken; tháng Tám đó, có thể dễ dàng thấy được rằng Bồi thẩm đoàn đã không đề cập tới Cary Maultasch trong số các bị cáo được liệt kê trong phiên xét xử Princeton-Newport - đây là một sự bỏ qua đầy ngụ ý.

Cũng như Newberg, Maultasch đã lộ diện thông qua những cuốn

băng. Anh ta phản ứng kịch liệt và nói rằng việc nhắm mũi dùi vào anh ta thật không công bằng vì anh ta chỉ thay thế cho Newberg vào hôm các cuộc gọi bị ghi âm nhưng không ai nghĩ các công tố viên sẽ tin điều đó. Thực ra, ngay trước ngày ban hành bản cáo trạng, Maultasch đã được thông báo anh ta sẽ có tên trong lời cáo buộc.

Điều đó có nghĩa là Maultasch có thể sẽ phải nhận hai bản cáo trạng: một cho vụ Princeton - Newport và một cho vụ Milken - Boesky. Đúng như các công tố viên đã nhận định, Maultasch là một trong những thành viên "yếu đuối" nhất trong đám tay sai của Milken. Anh ta đã dao động. Một chiều, anh ta tới văn phòng luật sư Reid Weingarten tại Washington và mời Weingarten làm luật sư cho mình thay Charles Stillman, luật sư mà anh ta đã thuê theo gợi ý của phe Milken. Nhưng Weingarten đã từ chối với lý do cho rằng Stillman là một luật sư giỏi nhưng Maultasch vẫn cố chấp. "Tôi cần một cố vấn độc lập."

Weingarten nhận vụ này và lập tức được chứng kiến sự ngạo mạn của đội bào chữa cho Milken. Ông nhanh chóng bắt đầu những cuộc trao đổi với Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp nhưng không có nhiều tiến triển. Giuliani muốn Maultasch nhận hai tội lớn. Nhưng những cuộc trao đổi cũng đem lại lợi ích nhất định. Vào đêm trước khi ban hành bản cáo trạng của Princeton-Newport, Weingarten đã thuyết phục được cơ quan điều tra hoãn đưa Maultasch vào danh sách bởi Maultasch sẽ hợp tác. Sau đó chính phủ có thể đánh giá mức độ hợp tác của anh ta và quyết định anh ta có cần nhận tội hay không. Việc này cũng giống như vụ dàn xếp từng được thực hiện với luật sư của Mooradian. Một phần vì các công tố viên tin tưởng Weingarten nên họ đồng ý với sự sắp xếp như vậy.

Dù không phải là một nhân chứng nhiệt tình; nhưng vào tháng Tám, Maultasch bắt đầu khai với chính quyền về vai trò của anh ta trong khoản thanh toán 5,3 triệu đô-la để xác thực lời khai của Boesky về việc trả tiền. Maultasch còn kể lại buổi họp mình được mời tham dự tại Beverly Hills và cuộc gặp gỡ với Milken sau khi tin tức về vụ bắt giữ Boesky được lan truyền. Anh ta cũng cung cấp nhiều thông tin có giá trị về Thurnher, nhân viên kế toán đã làm việc với các hồ sơ của Milken liên quan tới việc thanh toán 5,3 triệu đô-la, khiến chính quyền càng cố gắng moi thêm lời khai từ phía nhân chứng bất đắc dĩ này.

Theo lời khuyên của Weingarten, Maultasch quyết định lặng lẽ rời Drexel. Anh ta tiếc nuối phàn nàn rằng mình sẽ mất ít nhất hai

triệu đô-la tiền thưởng. Tuy thế, anh ta vẫn gặp Joseph để thông báo quyết định thôi việc của mình. Vì chưa rõ lý do nên Maultasch không nhắc gì tới thỏa thuận với chính quyền. Thay vào đó, anh ta nói về trách nhiệm của mình với gia đình, vợ con. Nhưng Joseph không thèm nghe. Lý do này đã quá quen tai sau lời giải thích tương tự của Levine và Siegel. Joseph gọi cho Curnin tại Cahill Gorgon sau khi Maultasch đi. "Maultasch đang thỏa hiệp với chính quyền," anh ta nói.

* * *

Jim Dahl nghe thấy tiếng chuông điện thoại reo và lóng ngóng mở khóa trong khi vẫn ôm hành lý đứng trước cửa phòng ở Beverly Hills. Lúc này là đầu tháng Chín năm 1988, da Dahl trông còn rám nắng và tóc vàng hơn bình thường sau kỳ nghỉ tại bờ biển gần Jacksonville, Florida, thành phố cạnh quê hương anh ta. Điện thoại vẫn tiếp tục reo khi Dahl vào trong phòng. Cuối cùng, anh ta cũng nhấc máy.

Đó là luật sư của Dahl tại Williams & Connolly, Bob Litt. Cuộc điện thoại đã dội gáo nước lạnh vào tâm trạng phấn chấn của Dahl. "Tôi không biết phải nói với anh như thế nào," Litt nói, "anh nhận được trát của Bồi thẩm đoàn. Tôi rất sốc khi biết tin này."

Dahl còn sốc hơn. Litt và các luật sư ở Williams & Connolly đã xem xét cẩn thận mọi giao dịch Dahl đã thực hiện và kết luận rằng anh ta không cần phải lo lắng. Dahl đã nhiều lần được trấn an rằng Milken mới là mục tiêu điều tra chứ không phải anh ta. Litt và Williams đã sớm cảnh báo Dahl rằng sẽ đến ngày chính quyền tìm cách ép anh ta nhưng anh ta không bao giờ nghĩ mình sẽ phải đối mặt với một bản cáo trạng.

Điều đó thật đáng sợ. Dahl thực sự có lý do để phải lo lắng. Cuối mỗi năm, theo chỉ dẫn của Milken, Dahl đều dàn xếp những vụ giấu chủ sở hữu với Tom Spiegel – người bạn, đồng thời là khách hàng của Milken tại Columbia Savings, tạo ra khoản thất thoát thuế giả tạo cho tổ chức tiết kiệm khổng lồ này – một trong những khách hàng thường xuyên và cũng là đối tác mua trái phiếu rác lớn nhất của Milken. Dahl rất ít suy nghĩ về việc mình làm và không hề giấu giếm các giao dịch đó trong văn phòng. Anh ta giữ một cuốn sổ cái trên bàn để theo dõi những vị thế được che giấu dưới tên Columbia. Cuốn sổ đó giờ đã có tuổi đời 5 năm với vô số những giao dịch có thể bị coi là bất hợp pháp, ghi lại bằng chứng của mọi sai phạm có thể bị cáo buộc. Có thể nhiều người khác trong văn phòng tại Beverly Hills cũng biết Dahl đang làm gì.

Lần đầu tiên từ khi cuộc điều tra bắt đầu, Dahl tự hỏi các luật sư của mình thực sự đại diện cho quyền lợi của ai: Anh ta hay Milken. Liệu Milken có bảo vệ Dahl giống như Dahl, cho đến giờ, vẫn sẵn lòng bảo vệ Milken? Anh ta không dám chắc điều đó.

Sau khi cúp máy, Dahl gọi cho người bạn thân ở Florida, luật sư Steve Andrews. Sinh ra trong một gia đình có cha là thẩm phán, Andrews và Dahl là bạn chí cốt từ thời sinh viên tại Florida và hiện đang làm nghề luật tại Tallahassee. Dù không phải là một luật sư chứng khoán, nhưng Andrews khá am hiểu lĩnh vực này. Anh có bằng tốt nghiệp chuyên ngành thuế của Đại học New York và từng là giám đốc một công ty chứng khoán nhỏ ở Florida. Quan trọng hơn cả, vị luật sư cao trên 1,9 mét với thân hình rắn chắc này nhìn nhận vấn đề từ góc độ một người đứng ngoài tam giác Manhattan/ Washington/Beverly Hills và thế giới của Milken. Dahl thấy có thể tin tưởng anh ta.

Andrews chỉ cần nghe hai điều: Dahl đã nhận được một tờ trát trong vụ điều tra Milken, và anh ta có cùng luật sư với Milken. "Cậu cần một luật sư khác," Andrew yêu cầu. "Ngay bây giờ." Dahl muốn mời Andrews. Andrews đồng ý nhưng đề nghị Dahl mời thêm một luật sư ở New York.

Dahl gọi lại cho Litt để thông báo: Anh ta cần một luật sư khác, một người không đồng thời đại diện cho Milken. Litt lập tức nhận ra dấu hiệu Dahl sẽ phản bội và khăng khăng Dahl không cần luật sư nào khác, họ nên làm việc với nhau. Lần này, vì không có Williams đứng sau thông điệp đó, Dahl đã không xiêu lòng. Chiến thuật đó đâu có giúp anh ta tránh được tờ trát của Bồi thẩm đoàn.

Litt chịu thua và nói sẽ đưa ra một danh sách cố vấn để Dahl xem xét. Thế nhưng không có danh sách nào được đưa ra cả; Litt gần như chỉ hy vọng Dahl có thể thay đổi quyết định. Lập tức Dahl gọi cho một trong những khách hàng mua trái phiếu lớn, Carl Lindner. Lindner giới thiệu cho Dahl luật sư của mình, Peter Fishbein, luật sư của công ty Kaye, Scholerrin tại New York, vốn đang đại điện cho Freeman. Chỉ đến khi Dahl nói rằng anh ta đang định nói chuyện với Fishbein thì Litt mới chịu đưa ra danh sách luật sư tiềm năng. Không có gì bất ngờ, danh sách chỉ gồm các luật sư bào chữa chắc canh ta ở phe Paul, Weiss và Williams & Connolly, gồm cả các luật sư từng đại diện cho Don Engel và khách hàng của Milken, Fred Carr. Dahl phỏng vấn họ và hết sức nghi ngờ lòng trung thành của họ. Anh quyết định mời Fishbein.

Fishbein và Andrews lập tức bay tới California gặp Dahl. Cả vị hai

luật sư đều lo lắng về tình thế nguy hiểm của khách hàng. Họ biết Spiegel tại Columbia Savings cũng đang bị điều tra vì mối liên hệ mật thiết với Milken và lo ngại Spiegel có thể sẽ khai ra Dahl, biến anh ta trở thành một đối trọng để thương lượng trước khi Dahl kịp thỏa thuận với chính quyền. Dahl không tin Spiegel sẽ bảo vệ mình.

Lòng tin của Dahl vào Milken cũng đã lung lay. Cuối cùng, khi Dahl và các luật sư mới xem xét lại tờ trát, họ rất bất ngờ khi phát hiện nó không đề cập tới các giao dịch của Dahl ở Columbia Savings. Thay vào đó, nó nêu ra hàng loạt giao dịch tài sản với Boesky đã xuất hiện trên hồ sơ của Dahl – các giao dịch đã trở thành một phần của kế hoạch bồi hoàn mà đỉnh điểm là việc chi trả 5,3 triệu đô-la. Dahl không kiếm được xu nào từ các giao dịch đó và anh ta thấy chúng thật kỳ lạ vì Dahl chỉ xử lý các giao dịch trái phiếu cho Boesky, không bao giờ giao dịch tài sản. Có lẽ Milken đã tự thực hiện.

Điều tra sâu hơn, họ nhận thấy chữ viết tay trên các tờ phiếu giao dịch bị điều tra không phải của Dahl. Vào ngày ghi trên hai trong số các tờ phiếu đó, Dahl thậm chí còn không có mặt ở Beverly Hills. Trên một trong các tờ phiếu đó có chữ viết tắt "M.M." ở phía dưới. Khi nhìn thấy những tờ phiếu đó, Dahl biết chắc điều gì đã xảy ra: Milken đã yêu cầu trợ lý giao dịch của Dahl nhập các giao dịch này và hồ sơ của anh ta. Dahl kết luận chính quyền đã nhắm sai người và anh ta có thể chứng minh mình vô can. Dahl tin chắc Milken sẽ ủng hộ anh ta.

Dahl tới chỗ Litt ngay lập tức. "Tôi không thực hiện các giao dịch đó, chính Mike đã làm," Dahl hy vọng Litt sẽ vui sướng khi biết anh ta sắp được giải oan. "Không có vấn đề gì với các giao dịch đó cả," Litt khẳng định. "Cậu không cần phải lo lắng gì hết." Dahl tiếp tục đề xuất Milken chỉ cần ký một bản cung có tuyên thệ rằng anh ta đã thực hiện các giao dịch đó. Một khi cơ quan điều tra đọc bản cung đó, họ chắc canh ta sẽ ngừng điều tra Dahl ngay lập tức. Nếu các giao dịch đó là vô hại như mọi người nói thì Milken cũng không mất gì. Litt không mấy tán đồng lập luận của Dahl nhưng vẫn hứa sẽ nói chuyện với Milken. Andrews cũng đề cập vấn đề này với Richard Sandler, người vẫn khăng khăng các giao dịch đó vô hại. "Nếu đúng như vậy," Andrews phản đối, "tại sao Mike không thể thừa nhận rằng anh ta đã thực hiện chúng?"

Một tuần sau, Litt trở lại với câu trả lời của Milken: anh ta từ chối ký vào bất cứ bản cung nào và cũng không chịu xác nhận đã thực hiện những giao dịch đó. Hơn nữa, trợ lý giao dịch của Dahl đã

mất trí; cô ta không còn nhớ gì về những giao dịch đó nên cũng không thể giúp được Dahl. Dahl quá choáng váng. "Mike đã thực hiện những giao dịch đó," anh ta kêu lên. "Boesky biết Mike đã thực hiện những giao dịch đó. Hãy yêu cầu cơ quan điều tra hỏi Boesky xem ai đã thực hiện chúng."

Litt trả lời rằng anh không có thẩm quyền yêu cầu cơ quan điều tra xét hỏi nhân chứng điều gì. "Nếu cậu giữ yên lặng và cứng rắn, rắc rối sẽ qua đi," Litt khăng khăng thuyết phục Dahl và các luật sư mới của anh ta không khai với cơ quan điều tra về việc Dahl đã thực hiện giao dịch đáng ngờ hay không.

Thấy Dahl nao núng, phe Milken tiếp tục gây áp lực. Một hôm, Milken gọi Dahl ra và nói cách tư vấn của Andrews không tốt, vì thế Dahl thực sự cần thuê một luật sư khác. Dahl nói sẽ không thuê luật sư nào khác vì tin tưởng Andrews và muốn hợp tác lâu dài. Milken và Sandler đành thử cách khác: Đề nghị Andrews chuyển mọi hoạt động pháp luật tới Beverly Hills và mở văn phòng chung với Sandler tại tòa nhà Drexel, hàm ý cách dàn xếp như vậy sẽ rất có lợi cho anh. Andrews thấy đây là một nỗ lực trá hình lộ liễu nhằm mua chuộc lòng trung thành nên dứt khoát từ chối.

Không hề có nghĩa vụ trung thành với lợi ích của Milken, Andrews và Fishbein khuyên Dahl khẩn trương tới Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Đây là một quyết định khó khăn với Dahl dù anh ta đã biết Milken là kẻ tráo trở khi từ chối thừa thừa nhận vai trò của mình trong giao dịch với Boesky. Dahl không muốn làm hại Milken, vì xét cho cùng, chính Milken đã giúp anh ta trở thành triệu phú. Nhưng Dahl không thể ngồi tù hay bị kết tội vì những gì anh ta không làm. Và, dù Boesky đã thắng Milken trong việc đưa ra thỏa thuận nhận tội, nhưng Dahl không muốn Spiegel tới đó trước. Anh ủy quyền cho các luật sư mới của mình tiếp xúc với các cơ quan công quyền.

* * *

Cùng lúc đó, tháng Chín năm 1988, Fred Joseph tới Beverly Hills dự bữa tiệc tối thường niên với lãnh đạo công ty. Khách mời có Milken và hầu hết nhân viên tại văn phòng Beverly Hills. Để thưởng cho bộ phận trái phiếu lãi suất cao, Joseph đọc tên từng giao dịch viên tích cực đóng góp cho sự phát triển công ty qua một năm khó khăn. Joseph không hề thích Dahl và đã được các luật sư cảnh báo rằng Dahl đang dao động. Joseph không thể tuyên dương anh ta được. Cái tên Dahl đã bị loại khỏi bài phát

biểu của Joseph.

Đó là một nhầm lẫn về mặt chiến thuật. Dahl rất giận và bị tổn thương. Anh ta là người có thành tích cao nhất ở văn phòng và đã cống hiến hết mình cho công ty. Quan điểm chính thức của Drexel là tất cả những gì Dahl đang chờ đợi để đưa ra quyết định cuối cùng về việc sự thật. Dahl kết luận Joseph không xứng đáng với lòng trung thành của mình.

Cuối tháng đó, một nhân viên bưu điện đến Tòa nhà St. Andrews mang theo một bản đệ trình năm tập được Fishbein và các cộng sự chuẩn bị, bao gồm các chứng cứ bằng văn bản cho thấy Dahl không thực hiện những giao dịch bị chính quyền nghi ngờ. Dahl và các luật sư lo lắng chờ đợi phản hồi từ phía chính quyền nhưng không thấy gì trong một tuần. Cuối cùng, John Carroll gọi cho Fishbein. "Tôi đã bị thuyết phục," John nói; giờ anh đã tin Dahl không thực hiện các giao dịch đó. Song cuộc trò chuyện không dừng lại ở đó. Fishbein vẫn lo lắng về tình thế nguy hiểm của Dahl liên quan tới những giao dịch tiết kiệm và cho vay, ví dụ như giao dịch với Columbia. Fishbein gợi ý, nhưng không hứa hẹn một cách rõ ràng, rằng Dahl có thể hữu ích cho chính quyền theo những cách khác, nếu anh ta nhận được sự khuyến khích hợp tác trọn vẹn.

Carroll lập tức cắn câu. Là nhân viên kinh doanh hàng đầu của Milken, Dahl có thể cung cấp cho cơ quan điều tra những thông tin vô giá về mọi hoạt động của Milken. Dahl đã quen với cách làm việc của Milken. Hơn nữa, anh ta thậm chí còn quan trọng với cuộc điều tra vì một lý do thuộc phạm trù tâm lý học: các công tố viên biết rằng bức tường im lặng xung quanh Milken, khi đã có một lỗ thủng, sẽ dễ dàng sụp đổ.

Các công tố viên cũng nhận thấy việc trao quyền miễn trừ cho Dahl cũng đem lại những rủi ro lớn. Nếu sau này họ mới phát hiện Dahl phạm những tội nghiêm trọng, và nếu anh ta giữ rất nhiều triệu đô-la phi pháp, phản ứng của công chúng chống lại chính quyền sẽ vô cùng tồi tệ; và mức độ đó còn hẳn sẽ còn được nhân lên gấp nhiều lần qua bộ máy tạo dư luận của Milken. Tất nhiên, chính quyền chưa có bằng chứng thuyết phục cho thấy Dahl phạm tội. Các công tố viên đã xem xét kỹ tình hình của Staley Continental khi Dahl cố tình dẫn công ty này vào một vụ mua lại. Họ thấy những lời đe dọa của Dahl thật đáng ghê tởm nhưng cũng không có nghĩa là phạm tội. May mắn cho Dahl, các công tố viên cho đến giờ vẫn không biết gì về các giao dịch với Columbia; và trong bất cứ trường hợp nào họ cũng vẫn phải tập trung vào mục

tiêu cơ bản của mình. Dahl là một bước đệm dẫn tới Milken, điều này quan trọng hơn tất cả những mối nguy khác. Vào tháng Mười, Dahl được trao quyền miễn trừ; ngay sau đó, anh ta đến Tòa nhà St. Andrews để tiến hành buổi lấy lời khai đầu tiên. "Tấm bình phong" quanh Milken, được Williams & Connolly và Paul, Weiss dựng lên và chằng buộc cẩn thận đã bị thổi bay.

* * *

Tin Dahl phản bội làm Milken và phe bảo vệ Drexel rùng mình. Các viên chức và luật sư một mặt khăng khăng rằng Dahl không có gì để nói với chính phủ vì tất nhiên Milken không bao giờ làm gì sai, một mặt vẫn tìm cách đe dọa Dahl. Dahl, có vẻ còn quá ngây thơ, đã lên kế hoạch tiếp tục giao dịch tại Drexel. Nhưng anh ta bị chuyển khỏi phòng giao dịch trên tầng năm ở Beverly Hills và điều chuyển chuyển xuống tầng hai. Drexel biện hộ cho sự thuyên chuyển đó bằng lý do họ muốn đảm bảo an toàn cho Dahl trước sự phẫn nộ của các giao dịch viên đồng nghiệp. Chưa hết, Drexel đột ngột giảm tiền lương của Dahl từ 23 triệu đô-la năm 1988 xuống còn 5 triệu đô-la năm 1989. Lowell Milken không nói chuyện với anh ta nữa.

Tuy nhiên, biện pháp đối phó kiểu đó hoàn toàn vô ích: Dahl trở thành nhân chứng đầu tiên của Drexel chịu hợp tác thực sự. Là bậc thầy về bán hàng, Dahl nhanh chóng làm hài lòng các công tố viên vì anh ta biết rất nhiều khách hàng mua trái khoán. Dahl thậm chí còn hữu ích hơn những gì cơ quan điều tra kỳ vọng vì có thể thuật lại các giao dịch nội gián trong vụ Diamond Shamrock/Occidental Petroleum mà anh ta trực tiếp chứng kiến và kể chi tiết chuyện mọi người để nước chảy trong phòng vệ sinh và bàn chuyện bí mật như thế nào. Việc anh ta biết tường tận các giao dịch của Milken liên quan tới những khoản tiết kiệm và cho vay đã mở ra một hướng đi hoàn toàn mới trong cuộc điều tra này. Dahl không giấu giếm điều gì, anh ta bình tĩnh dẫn Carroll và Jess Fardella qua thế giới bí ẩn và ít ai biết đến của những giao dịch trái phiếu rác.

Đúng như chính quyền đã kỳ vọng, sự đầu hàng của Dahl châm ngòi cho những nhân chứng khác đổ xô đến hợp tác. Các công tố viên nhanh nhạy gửi đi nửa tá trát đòi và thư triệu tập sau khi Dahl đồng ý hợp tác. Những người nhận được gồm cả các phụ tá thân cận của Milken: Terren Peizer và Warren Trepp.

Nhắm vào Peizer thực sự là một trong những động thái thông minh nhất của cơ quan điều tra. Đứng ở vị trí trung tâm của

những dàn xếp phi pháp với David Solomon, Peizer là người nắm giữ cuốn sổ bìa xanh có thể buộc tội Lorrain Spurge. Anh ta thậm chí còn có thể trở thành nhân chứng quan trọng hơn cả Dahl, dù chính quyền không thể biết điều này. Peizer cũng rất dễ dàng sập bẫy áp lực của cơ quan điều tra. Anh ta là thành viên khá mới trong công ty, mới được tuyển vào năm 1985. Là một nhân viên bán hàng với thâm niên ít nhất, anh ta sợ mình sẽ là người đầu tiên bị thí mạng nếu Milken quyết định khai báo. Dù đã kiếm cho Milken rất nhiều tiền và luôn tìm cách lấy lòng anh ta, nhưng Peizer phải nghĩ cho quyền lợi của mình trước.

Ngay sau khi nhận được tờ trát, Peizer mời luật sư Plato Cacheris ở Washington, một cộng sự cũ của William Hundley, luật sư của Trepp. Gần đây, Cacheris đã đại diện cho Fawn Hill trong vụ bê bối Iran-Contra. Peizer gặp Cacheris ở Washington, cầm theo một đống giấy tờ từ văn phòng Drexel ở Beverly Hills. "Tôi có những tài liệu rất nguy hiểm này và tôi muốn làm gì đó với chúng," Peizer nói, thể hiện cách lập luận và mục đích rất bất thường. "Tại sao?" Cacheris thắc mắc. Peizer nói anh ta tin chắc nếu mình không phản bội Milken trước, Milken sẽ phản bội anh ta.

Khi Cacheris xem xét mớ tài liệu của Peizer, ông nhận thấy chúng là một kho báu đối với cơ quan điều tra. Trong số đó, có những giấy tờ được Peizer chú thích là bản cân đối tài khoản giữa Solomon và Drexel do Milken viết tay. Theo Peizer, toàn bộ vụ dàn xếp Solomon, bao gồm cả kế hoạch Finsbury, đều là do Lowell chỉ đạo và giám sát. Và Peizer cũng có thể chỉ ra mối liên hệ giữa Milken với kế hoạch đó. Khi Peizer hỏi Milken về vụ dàn xếp, anh ta trả lời, "cứ đến hỏi Lowell, anh ta sẽ giải thích cho cậu." Peizer đã gặp Lowell hai hay ba lần gì đó và có ghi chép lại những cuộc nói chuyện với anh ta. Peizer đã gật đầu khi Milken hỏi có phải quyển sổ màu xanh ghi lại mọi giao dịch liên quan tới Solomon. Nhưng anh ta đã khôn ngoan giữ lại một số bằng chứng quan trọng nhất.

Peizer cũng nhớ lại một cuộc trò chuyện có thể trở thành bằng chứng buộc tội Milken. "Cậu đang làm gì thế?" Milken hỏi Peizer vào một buổi chiều khi anh ta đang kiểm tra lại ngăn kéo đựng giấy tờ của mình. "Tìm các tài liệu theo yêu cầu của tờ trát," Peizer đáp. Trong khi Peizer dõi theo, Milken mở các ngăn kéo của anh ta. Chúng trống trơn. "Nếu cậu không có tài liệu nào, cậu không thể tuân theo tờ trát đó," Milken nói. Peizer đã không giao bằng chứng quan trọng nhất cho các luật sư của Drexel, song cũng không hủy nó đi. Giờ anh ta có thể giao nó cho chính quyền.

Cacheris lập tức liên lạc với Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp để tiết lộ về các tài liệu của Peizer. Peizer ở vào vị thế có thể làm chứng cho toàn bộ kế hoạch giữa Milken và Solomon – một âm mưu phạm tội hoàn toàn độc lập với những gì Boesky từng khai báo. Với các công tố viên, Peizer hữu ích ngoài sức tưởng tượng. Anh ta được hưởng quyền miễn trừ gần như ngay lập tức.

Đến lượt Peizer phải chuyển khỏi chiếc ghế gần Milken và bị đẩy sang tầng khác. Giống như Dahl, anh ta bị tước quyền quan hệ với khách hàng. Nhưng Dahl dần ngừng đi làm còn Peizer thì vẫn gan lì từ chối chấp nhận số phận. Mỗi sáng anh ta vẫn tới công ty đúng giờ và gọi cho Trepp để hỏi, "hôm nay anh có gì cho tôi không?"

Ngược lại với Peizer, Trepp, một trong những phụ tá đầu tiên của Milken, tiếp tục chống lại áp lực của chính quyền, giữ nguyên lòng trung thành ban đầu với Milken. Tất nhiên, Trepp cũng có những giới hạn của riêng mình; anh ta sẽ không dại dột khai man hộ Milken và đã viện dẫn Tu chính án số 5 khi bị hỏi cung có tuyên thệ hồi đầu năm 1988. "Tôi không hiểu vì sao Warren không chịu khai ra," Sandler đã phàn nàn với Hundley, luật sư của Trepp. Về phần mình, Hundley cố gắng khiến phe Milken đối mặt với bằng chứng của hành vi giấu chủ sở hữu chứng khoán ngày một sáng tỏ. Ông biết rất rõ nếu Milken đầu hàng, áp lực lên Trepp sẽ tự biến mất.

"Đúng thế Bill ạ, chỉ có điều Michael không nhìn nhận hành vi giấu chủ sở hữu từ cùng góc độ với cơ quan điều tra," Sandler đáp lại.

Khi các nhân viên lần lượt đào ngũ, Milken giận dữ, cay đắng và thấy mình bị phản bội. Tâm trạng anh ta ngày một xấu đi. Dù không trực tiếp nhắc tới sự thỏa hiệp của Dahl hay Peizer, Milken chê trách gần như tất cả mọi người khác anh ta đang làm việc cùng. Cuối tháng Chín năm 1988, Dahl đang ở New York và chuẩn bị bay tới Los Angeles khi Milken gọi đến. Milken nói với Dahl anh ta đang ở Washington; nếu Dahl bay xuống đó, họ có thể cùng tới Los Angeles bằng máy bay của Milken. Cho rằng đây là cách hòa giải dễ dàng nhất, Dahl nhận lời.

Khi Dahl tới sân bay, anh ta và Milken tới khu đậu phi cơ và lên chiếc máy bay phản lực hiệu Gulfstream IV, được trang bị đầy đủ tiện nghi với người phục vụ và màn hình chiếu phim cỡ lớn. Milken gần như không nói gì với Dahl, khiến anh ta cảm thấy không thoải mái. Sau khi cất cánh, Milken chọn bộ phim Raiders of the Lost Ark (Chiếc rương thánh tích) và bật loa rất to khiến

Dahl đau hết cả tai. “Mike, nếu anh không muốn nói chuyện, ít nhất làm ơn hãy giảm âm lượng xuống được không?” Dahl đề nghị. Milken lờ đi và tiếp tục xem phim với mức âm lượng chói tai. Suốt phần còn lại của chuyến bay, Milken cũng vẫn im lặng. Anh ta thậm chí còn không thèm nhìn Dahl. Dahl bắt đầu nhận ra chuyến đi này được sắp xếp để thể hiện một điều: Đối với Milken, Dahl không còn tồn tại.

14.

Tính tới tháng Tám năm 1988, Joseph đã lắng nghe các luật sư của Milken và tất cả những lời trấn an của họ được gần hai năm. Anh đã lắng nghe Peter Flemming, luật sư mà anh đã mời tư vấn cho Drexel. Anh đã lắng nghe Sandler và Linda Robinson. Ai cũng an ủi Joseph rằng Milken vô tội, Boesky là kẻ dối trá và Drexel không cần lo lắng về bất cứ điều gì ngoại trừ đám công tố viên thừa hăng hái luôn ghen tị tỵ với thành công của Milken. Và Joseph đã tin. Anh đã nói với các vị lãnh đạo – Leon Black, Peter Ackerman, John Kissick, hội đồng quản trị – anh sẽ không bao giờ để Drexel chống lại Milken miễn là cho đến khi anh còn tin Milken vô tội.

Hiện giờ Joseph đang bị ho nặng. Tới cuối mùa hè, trông anh xanh rớt và yếu ớt. Anh mất ngủ. Dù đã về trang trại của gia đình ở vùng tây bắc New Jersey, cách xa Phố Wall, anh không thể thoát khỏi cảm giác u uất. Luật sư của anh, Ira Millstein, một lần nữa đề nghị anh rời khỏi Drexel. Joseph không còn từ chối thẳng thừng lời đề nghị này. Nhưng giờ đây anh không còn ai để thế chỗ trống mà mình để lại. Số phận của anh và của công ty giờ đây như không thể tách rời.

Ngày 7 tháng Chín năm 1988, Uỷ Ủy ban Chứng khoán khởi kiện Drexel, điều mà họ đã từ lâu mong đợi. Lá đơn dài 184 trang chỉ đích danh Drexel, Milken, Lowell, Maultasch và một nhân viên phòng lợi suất cao bộ phận trái phiếu lãi suất cao khác, Pamela Monzert, cùng với Posners, các khách hàng của Milkens ở Fischbach. Ngoài hàng loạt cáo buộc liên quan tới Boesky, bao gồm cả kế hoạch Fischbach, lá đơn còn nêu ra hai trường hợp giao dịch nội gián, trong đó có vụ Viacom mà Gardiner đã tham gia vào.

Drexel ra sức chuẩn bị cho các nhân viên và khách hàng của mình, tỏ ra luôn sẵn sàng chờ ngày ra hầu tòa. Phát biểu thay mặt Milken, luật sư Martin Flumenbaum đến từ Paul, Weiss đã tuyên bố, “Lá đơn dựa trên đa số những lời kết tội vô căn cứ của Ivan

Boesky. Rõ ràng Ivan Boesky có động cơ dối trá và đã vô cớ kết tội người khác." Tuy nhiên, điều này càng lúc càng có vẻ chỉ hiển nhiên với Flumenbaum và những kẻ khác trong đường dây của Milken. Những nỗ lực của Drexel nhằm thuyết phục Ủy ban Chứng khoán rằng các cáo buộc hoàn toàn vô căn cứ đã không đem lại kết quả gì. Một vụ việc với quá nhiều rủi ro như vậy sẽ không thể được xử lý nhẹ tay.

Ngày Drexel ra hầu tòa nhanh chóng trở thành một dịp để các luật sư của Drexel và Milken tìm cách hạ bệ thẩm phán tòa án quận, Milton Pollack, người từng làm chủ tọa một số phiên tòa xử kín Boesky và vì thế đã quen những chuyện mờ ám. Vị thẩm phán 81 tuổi phản bác tất cả đề nghị của họ, có lúc còn cho rằng những luận điểm của Liman là "vô nghĩa". Thẩm phán Pollack về sau cho biết ông "chết điếng" vì hành vi của các luật sư bào chữa cho Milken và Drexel.

Chiến thuật của họ không chỉ khiến vị thẩm phán nổi giận mà những thủ đoạn đó cũng khiến các luật sư và nhất là các ủy viên Ủy ban Chứng khoán – những người có quyền phê chuẩn cuộc dàn xếp – nổi trận lôi đình. Giới quan sát băn khoăn: nếu Milken và Drexel vô tội và sẵn sàng ra tòa, tại sao họ không chiến đấu với giá trị pháp lý của các cáo buộc mà lại đi tấn công sự liêm chính của một vị thẩm phán cao tuổi đáng kính.

Văn phòng của Giuliani vẫn chưa ra tay có động tĩnh gì. Joseph và các luật sư vẫn cố gắng ngăn các công tố viên tiếp tục theo đuổi vụ kiện này. Một tối, vào khoảng 8 giờ rưỡi, sau một ngày làm việc căng thẳng, Joseph và Curnin cố gắng thuyết phục Baird rằng những cáo buộc của Ủy ban Chứng khoán là hoàn toàn vô căn cứ. "Các vị muốn xem bằng chứng sai phạm," Baird cắt ngang. "Chúng tôi đã chuẩn bị những thứ này cho các vị đây!"

Joseph và Curnin không biết nên chờ đợi điều gì, liền đi theo Baird, Carroll và Fardella qua tòa án, bước vào phòng của thẩm phán trang bị rất nhiều thiết bị âm thanh. Họ đeo tai nghe và lắng nghe các công tố viên bật khoảng 15 phút đoạn trích từ những cuốn băng thu được tại Princeton-Newport. Vang vọng trong tai Curnin và Joseph là câu nói: "Xin chào mừng đến với thế giới của sự dơ bẩn."

"Anh nghĩ thế nào?" Baird hỏi Joseph. "Anh không thấy phiền lòng chứ?"

Curnin không cho Joseph trả lời. "Các ông còn thứ gì khác không,"

Curnin hỏi. “Và có bằng chứng nào liên quan tới các nhân viên Drexel khác không?”

“Hẳn rồi,” Baird đáp.

“Lisa Jones ư?” Curnin hỏi. Không công tố viên nào hé răng trả lời.

Joseph chết lặng. Anh và Curnin bàn bạc về diễn biến mới này suốt cả đêm. Họ không tranh luận về những cuốn băng. Joseph biết đích chính xác điều gì đang diễn ra và anh biết đó là tội lỗi. Anh nói với Curnin, “Newberg không thể nào đi vào buồng nhà tắm mà không bị Milken để ý không biết.” Rõ ràng Milken là người đứng sau âm mưu này.

Những cuộn băng cũng gợi lên mối nghi ngờ mới về sự ngay thẳng của Milken. Qua các luật sư của mình tại Paul, Weiss, Milken khẳng định Boesky là người duy nhất buộc tội anh ta và xét về mọi mặt, Milken rõ ràng đáng tin cậy hơn Boesky. Tất nhiên, vụ dàn xếp Princeton-Newport không liên quan gì đến Boesky.

Sáng hôm sau, khi các luật sư của Drexel buộc Milken giải thích về những cuộn băng; Paul, Weiss khăng khăng Milken không hề biết gì về những việc Newberg đã làm. Newberg, theo cáo trạng trong vụ Princeton-Newport, không tiết lộ điều gì. Các luật sư của Milken cũng trấn an Joseph rằng các giấy tờ mà chính quyền tin sẽ yểm trợ đắc lực lời khai của Boesky về khoản tiền 5,3 triệu đô-la đã “được ngụy tạo” và sẽ dễ dàng bị bác bỏ trước toàtòa. Nhưng khi cơ quan điều tra mời anh xem các giấy tờ đó, Joseph đã choáng váng khi thấy bản sao của các giấy tờ gốc – hồ sơ của Mooradian. Tệ hơn nữa, các giấy tờ này chứa những phép tính toán hiển nhiên chỉ có ý nghĩa trong ngữ cảnh một âm mưu che giấu chủ sở hữu chứng khoán.

Khi phát hiện ra điều này, Curnin gọi ngay cho Flumenbaum.“Chúng tôi nghĩ đó là những gì đã xảy ra,” Flumenbaum trả lời lạnh nhạt, không một chút quan tâm.

“Thế còn chi phí giữ vị thế? Và việc những đó là các chứng từ gốc?”

“Đó đều là những gì chúng tôi đã nghĩ tới,” Flumenbaum nhắc lại.

Nếu vậy, Curnin tức tối nghĩ, các luật sư của Milken biết nhiều hơn những gì họ đã chia sẻ với Drexel và đã vi phạm thoả thỏa thuận bào chữa chung. Curnin và Fleming đòi gặp Liman và

Flumenbaum. Mọi luận điểm Curnin đưa ra lập tức bị cho là "vô nghĩa," "vô hại," "thông thường," "chúng tôi đã lường trước," hay đơn giản là Milken không biết vấn đề đó. Về chi phí giữ vị thế, Flumembaum khăng khăng "đó chỉ là một phần của chế độ kế toán ở đây." Curnin kết thúc cuộc gặp trước khi mất bình tĩnh.

* * *

Mùa thu năm đó, trong văn phòng chung với Richard Sandler tại Beverly Hills, Craig Cogut càng lúc càng thấy bất an với một số khoản xuất chi cho các công ty hợp doanh do Milken làm chủ sắp phải duyệt. Cogut rất quan tâm đến MacPherson Partners. Milken đã liên kết với họ để giữ các chứng chỉ quyền mua cổ phiếu Storer như một phần của giao dịch mua lại đã thể hiện quá rõ ràng trong tài sản kếch xù của Siegel, Freeman, KKR, Milken và Drexel.

KKR đã trao các chứng chỉ chứng thực đó cho Drexel thông qua Milken để hối lộ các khách hàng của Drexel mua trái khoán phiếu rác của Storer. Nhưng Cogut biết các chứng chỉ chứng thực đó không nằm lại trong tay khách hàng của Drexel. Những người tham gia MacPherson chính là Milken, các thành viên gia đình anh ta và đáng ngại hơn nữa, rất nhiều nhà quản lý quỹ quỹ tương hỗ khác, những người đã mua trái khoán phiếu rác từ Milken. Giờ thì KKR đã bán kênh truyền hình cáp của Storer và thu về một món hời lớn, các chứng chỉ thực sẽ được đổi thành tiền mặt để phân chia tổng doanh thu cho cho các chủ phần hùn. Cogut cảm thấy buồn nôn. Khoản thanh toán của MacPherson chính là minh chứng cho hành vi tự giao dịch của Milken, hay tồi tệ hơn, là của đút lót cho các nhà quản lý quỹ.

Cogut tham gia hãng luật nội bộ của Milken năm 1984, khiến nó được đặt tên lại đổi tên thành Victor, Cogut & Sandler. Anh không bao giờ ảo tưởng rằng đây là một hãng luật theo đúng nghĩa. Drexel, Milken và gia đình anh ta là những khách hàng chính và văn phòng của hãng được đặt trên tầng 3 của tòa nhà văn phòng Drexel do anh em nhà Milken làm chủ. Cogut đã hy vọng anh sẽ chỉ phải xử lý những giao dịch thuế và đầu cơ mạo hiểm của Drexel, nhưng cuối cùng anh lại phải làm quá nhiều việc cho Lowell Milken, người phụ trách tất cả mọi hoạt động của công ty.

Sau cuộc dàn xếp của Boesky, Cogut đã đồng ý để luật sư của Lowell tới từ New York, Michael Amstrong, bào chữa cho mình. Song cũng như Maultasch và Dahl, Cogut càng lúc càng khó chịu với sự bất đồng lợi ích giữa các khách hàng của vị luật sư này. Lợi ích của Lowell quá gần lợi ích của Mike Milken nên Cogut khó có

thể thấy thoải mái. Đầu năm 1988, nỗi lo âu của Cogut gia tăng càng tăng lên khi Amstrong tới gặp anh với một bản khai có tuyên thệ soạn sẵn chỉ chờ anh ký. Mục đích của nó là minh oan cho Lowell dựa trên lời chứng của Cogut. Cogut đọc qua một lượt và thấy ngay những gì viết trong bản khai đó hoàn toàn không đúng sự thật. Anh giận dữ từ chối ký và bắt đầu tìm một luật sư mới. Cuối cùng, Cogut cũng mời được hai luật sư từ Los Angeles là Tom Pollack và Ted Miller. Tháng 9 năm 1988, Cogut nộp một bản khai có tuyên thệ.

Đầu tháng Mười một, tại văn phòng Drexel ở New York, Cogut chạy lại chỗ gặp Joseph khi anh này đang vội vàng đi vào nhà vệ sinh nam. Cogut nói anh muốn nói chuyện với Joseph và Joseph ra hiệu cho anh đi theo.

“Có một liên doanh ma quỷ mà tôi nghĩ anh chưa biết,” Cogut thì thầm. Joseph nhìn Cogut bối rối. “Chắc canh ta anh sẽ không thích nó chút nào,” Cogut nói thêm.

“Tại sao?” Joseph hỏi.

“Các nhà quản lý quỹ đã được trao các chứng chỉ quyền mua,” Cogut trả lời. “Lũ trẻ nhà Mike cũng có những chứng chỉ đó.”

“Các nhà quản lý quỹ đã mua thật chứ?” Joseph hỏi.

“Có.”

“Chúng ta nên gặp luật sư,” Joseph cảnh giác nhận thấy đây là dấu hiệu của một vụ hối lộ. Ít nhất, các bên liên quan đã vi phạm những quy định nội bộ của chính Drexel.

Nhiều năm qua, Milken đã luôn đến nhờ Joseph hướng dẫn giao dịch một cách hợp pháp. Thường thì chúng đều ổn cả. Những lần trao đổi đó khiến Joseph tin rằng Milken là người cực kỳ cẩn trọng. Nhưng giờ đây, đột nhiên Joseph cảm thấy dường như đây chỉ là một ảo tưởng được tô vẽ một cách hết sức kỳ công; Milken chỉ đã dùng những cuộc gọi thân mật để nguỵ trang những việc làm sai trái.

Joseph đi thẳng tới văn phòng của Giám đốc Drexel, Robert Linton, nói với ông ta những gì anh vừa nghe Cogut nói. “Mẹ kiếp,” Linton gầm lên. Joseph lập tức gọi cho các luật sư tại Cahill Gordon.

“Hãy ra tay ngay không chần chừ một giây,” Joseph ra lệnh.

Cogut và các luật sư mới cũng giải thích cho Liman và Flumenbaum biết họ định tự nguyện gửi thông tin về MacPherson cho cơ quan điều tra. "Không!" Flumenbaum chỉ thiếu nước phát điên. "Các anh không được làm thế. Nếu các anh không nói, họ sẽ không bao giờ biết chuyện này." Nhưng Liman ngăn Flumenbaum lại với một giọng nói hết sức cam chịu:. "Cứ để họ làm những gì họ cho là cần thiết," anh nói với Flumenbaum bằng giọng cam chịu.

Niềm tin của Joseph về sự vô tội của Milken và quá trình bào chữa công phu mà anh ta đã xây dựng trên niềm tin đó sụp đổ hoàn toàn vào một buổi tối trời mưa cuối tháng Mười một. Curnin gọi tới chiều muộn ngày hôm đó và nói họ cần thảo luận riêng. Joseph đang dự một bữa tối quan trọng ở trung tâm thành phố, nên anh đề nghị đón Curnin bằng một chiếc taxi có gắn radio của Drexel; họ sẽ lái cùng đi xe lên khu phố trên cùng nhau. Joseph khoác bộ áo khoác tuxedo vào, thắt một chiếc cà-vạt đen và lướt qua vài dãy nhà tới văn phòng của Cahill Gordon để đón Curnin khi trời đang mưa như trút. Họ nhanh chóng hoà hòa vào dòng xe cộ.

"Có vẻ mấy anh chàng trên bờ biển đã làm một số việc không nên làm," Curnin nói. Anh điểm lại những diễn tiến đáng ngại gần đây, những thứ khiến anh cuối cùng phải xem xét lại các hồ sơ giao dịch được nhắc đến trong lời khai của Solomon. Curnin muốn Joseph thấy những hành vi sai trái bị cáo buộc có căn cứ; mọi chuyện càng ngày càng sáng tỏ hơn và không liên quan gì tới Boesky. Một khi bức tường im lặng quanh các nhân viên Drexel đã sụp đổ, sẽ có nhiều người bỏ cuộc hơn. Drexel thậm chí còn chưa biết toàn bộ câu chuyện và họ cũng sẽ không thể lấy thông tin từ những đồng minh cũ của Milken.

Joseph hỏi vài câu và cảm ơn Curnin vì đã phân tích giúp. Khi Joseph đến khách sạn Marriott Marquis tại Quảng trường Thời đại, anh bước ra ngoài trời mưa ào ạt. Giờ anh tin chắc rằng Drexel và 10.000 nhân viên của họ đã bị Milken phản bội, người mà anh luôn nương tựa vào để xây dựng một công ty anh hằng mơ ước. Anh sẵn lòng làm bất cứ điều gì cho Milken miễn là anh vẫn còn tin Milken vô tội. Nhưng anh không thể nói lòng tin trong mình còn nhiều nữa.

* * *

Joseph không phải là người duy nhất mất lòng tin vào Milken. Dahl đã gặp Litt tại khách sạn Bốn Mùa, Los Angeles. "Mike phải đi thú tội," Dahl nói với Litt, nhắc lại các bằng chứng buộc tội của mình. "Ai đó phải nói với cậu ta." Litt không khăng khăng rằng

Milken vô tội như thường lệ.

“Tôi sẽ là người làm điều đó,” Litt nói.

Rõ ràng không còn ai khác. Vị trí của Litt trong đội bảo vệ Milken chỉ là nhất thời, cũng như vị trí của Williams & Connolly. Sau cái chết của Williams; Paul, Weiss đã tự cho họ có quyền tối cao và đẩy Williams & Connolly qua một bên. Vincent Fuller, người được mời để thay cho Williams, hoàn toàn không có cơ hội thiết lập bất cứ mối quan hệ hoà hòa hợp nào với Milken hay Sandler, những người vốn tin cậy Liman.

Nhưng Fuller quyết định phải có ai đó đảm nhận lựa chọn không mấy dễ chịu về thỏa thuận bào chữa. Ít nhất phải có ai đó trả lời chính quyền về những thứ họ yêu cầu. Khi thảo luận với Carroll, Fardella, Baird và cuối cùng là Giuliani, Fuller nhận thấy các công tố viên luôn hết sức có lý, dù nhiều thủ đoạn đã được sử dụng trong vụ này và dư luận cũng hết sức quan tâm. Họ nêu đưa ra quan điểm về một thỏa thuận hợp tác giữa Milken và Drexel với giá trị lên tới 1 tỷ đô-la, chắc canh ta là một con số đủ lớn để cho chắc ăn nhưng đủ nhỏ để Milken có khả năng chi trả, nhất là nếu khi khoảng một nửa số tiền đó được Drexel thanh toán, điều gần như đã chắc chắn. Nhưng số tiền không phải là vấn đề. Bào chữa mới là vấn đề thực sự. Trước hết, Fuller lập luận để bị cáo có thể không yêu cầu sự biện hộ vô tội nhưng cũng không bác cáo trạng, sau đó lại đã đồng ý nhận một trọng tội. Các công tố viên cho biết họ chỉ chấp nhận một yêu cầu đơn giản nhất là bị cáo thú tội khiêm tốn nhất với hai trọng tội.

Sự lạc quan dần lan tỏa trong Tòa nhà Thánh St. Andrews. Cuối cùng, người ta bắt đầu hy vọng việc đạt được một thỏa thuận chung. Nhiều người tin Milken sẽ tự thú và hợp tác, đưa cuộc điều tra tới một giai đoạn mới. Vấn đề chỉ còn là: các công tố viên chưa biết liệu Fuller có được các luật sư khác của Milken ủng hộ không, chứ chưa nói đến chính bản thân Milken. Rõ ràng, hình tượng thái độ trước công chúng của Milken không cho thấy một dấu hiệu nào rằng anh ta sẵn lòng thỏa hiệp và nhận tội. Chiến dịch quan hệ công chúng vẫn đang tiếp tục được thực hiện, khiến các công tố viên đang tham gia vụ này hết sức tức giận; chưa bao giờ có một chiến dịch tương tự được tiến hành để bào chữa cho một bị cáo sắp bị truy tố.

Chỉ Liman biết được thông tin về cuộc thương lượng của Fuller còn Robinson, Lake thì không nên họ vẫn dứt khoát phủ nhận điều đó. Từ khi cuốn sách Đại tiệc của những kẻ đi săn thất bại,

chiến dịch bảo vệ Milken đã mở rộng mục tiêu, tập trung vào những hoạt động thiện nguyện của anh ta (gồm cả việc in một cuốn lịch đắt tiền ghi danh những người hưởng lợi từ quỹ Milken) và phản đối việc dùng Luật chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức chống lại Drexel. Những lá thư chống đạo luật này và những bài viết không trùng với quan điểm của tòa soạn được Robinson, Lake thảo ra ngày một nhiều, bắt đầu xuất hiện trên các ấn phẩm phát hành toàn quốc. Chúng được viết một cách khôn ngoan để gây được sự cảm thông đối với Milken, với lập luận rằng Luật chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức tước đoạt tài sản của bị cáo trước khi phiên tòa được mở. Robison, Lake cũng soạn thảo những bài phát biểu để Milken nói trước các doanh nghiệp và tiếp tục giúp anh ta xuất hiện trên những tờ báo đáng tin cậy – miễn là không có câu hỏi nào về các vấn đề đang được điều tra khi Milken đang trả lời một phóng viên của tờ Time thì biết được tin mình và Drexel đã chính thức bị Ủy ban Chứng khoán buộc tội.

Bất kỳ Bồi thẩm đoàn nào ở Manhattan nào cũng có một số lượng thành viên nhất định người da đen và Milken bắt đầu nhờ tới sự hỗ trợ mờ ám từ những người này. Các hoạt động quan hệ công chúng của anh ta bắt đầu tập trung nhiều hơn vào những tờ báo địa phương như New York Post, Daily News, và Amsterdam News, vốn thường được người da đen đọc nhiều hơn The Wall Street Journal hay The New York Times. Thị trưởng Los Angeles, Tom Bradley; Tổng giám đốc Beatrice International; khách hàng mua trái khoán phiếu rác của Milken, Reginald Lewis; và cựu thị trưởng Manhattan, Percy Sutton, là những mối liên kết quan trọng của Milken với các tổ chức của người da đen. Họ hỗ trợ để Milken được giới thiệu tới Jesse Jackson. Bradley (theo The Los Angeles Times, Bradley đã nhận hơn 70.000 đô-la sau khi tham gia vào chiến dịch này) đã khen ngợi Milken là "con người thiên tài, con người dũng cảm, con người có tầm nhìn đang bị kết tội oan" ngay sau khi Milken bị khai ra trong vụ lùm xùm của Boesky.

Dù trước đây, Milken chẳng mấy quan tâm đến các vấn đề liên quan tới quyền công dân, nhưng giờ đây anh ta đã tổ chức một bữa tiệc cho các học sinh trung học người da đen ở Los Angeles. "Tôi muốn giới thiệu với các em một người bạn thân của tôi," Milken nói và Jess Jackson bước vào. Tại một cuộc hội thảo ở New York, Chủ tịch hãng Jackson and Warner và khách hàng của Liman, Steve Ross, đều khen ngợi Milken. Việc chụp ảnh với những đứa trẻ tật nguyền, nghèo đói cũng được sắp xếp; hầu hết đều là người da đen nói tiếng Tây Ban Nha. Robinson thậm chí còn mời một chuyên gia quan hệ công chúng người da đen, Mary Helen Thompson, cựu thư ký phụ trách mảng báo chí của dân

biểu Ohio, Louis Stokes. Thompson chĩa mũi nhọn tập trung những nỗ lực bảo vệ Milken vào những các cuộc họp kín của các đại biểu người da đen trong quốc hội. Milken được One Hundred Black Men Society, một tổ chức cấp quốc gia của những người da đen thành công –- trong đó có cả Sutton – vinh danh. Milken và Robinson, Lake mỗi người có đều được một ghế tại sự kiện đó.

Bước đột phá lớn nhất trong nỗ lực của Milken nhằm để lại dấu ấn tốt đẹp là việc đưa 1.700 đứa trẻ, phần lớn là người dân tộc thiểu số nghèo đói đến sân bóng chày Shea Stadium vào một buổi chiều tháng Chín năm 1988. Dù lực lượng bảo vệ Milken về sau này quả quyết rằng sự kiện đó không nhằm mục đích gây chú ý; nhưng giám đốc Drexel, Linton, đã vô tình nhắc tới nó tại một bữa tiệc trưa với các khách mời của buổi họp báo do Robinson, Lake tổ chức. Khi trận đấu diễn ra, những chiếc máy quay đều hướng về vị chuyên gia tài chính vui vẻ đội chiếc mũ bóng chày, đang cố gắng hết sức để trông thoải mái nhất. “Chúng tôi không hề thêm một sự kiện đánh bóng hình ảnh nào vào lịch làm việc của anh ấy,” Lerer nói với tờ The Wall Street Journal sau sự kiện đó.

Ngay sau đó, nhóm quan hệ công chúng của Milken có đích ngắm mới: Giuliani, người đã lên kế hoạch rời Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp để nhậm chức Thị trưởng New York. Một chiến dịch chính trị với việc các phương tiện thông tin đại chúng đói thông tin về Giuliani sẽ là một cơ hội hoàn hảo để khuấy lên các chỉ trích về cách xử lý cuộc điều tra Milken. Điều này sẽ dẫn tới một chế độ mới và chưa ổn định tại Văn phòng.

Thời gian đang rất tạo điều kiện cho cuộc dàn xếp. Giuliani nhận ra lợi ích chính trị rõ rệt của việc kết thúc nhiệm kỳ bằng bản án dành cho nhà tài phiệt quyền lực nhất nước Mỹ. Việc bắt giữ Freeman là một bóng đen trong hồ sơ của ông nhưng việc Milken thú tội rất có thể sẽ làm lu mờ sai lầm đó. Giuliani, Baird, Carroll và Fardella bắt đầu dự tính nghiêm túc việc chấp nhận lời đề nghị của Fuller về lời thú nhận một tội danh duy nhất.

Rất nhiều chi tiết trong bản thoả thỏa thuận – sẽ xử lý Lowell Milken như thế nào hay liệu Milken có chịu hợp tác hay không – vẫn chưa được cụ thể hóa. Chúng lẽ ra đã được soạn thảo nếu Milken và các luật sư của anh ta khẩn trương; nhưng cuối cùng thì không. Rõ ràng, Fuller chưa bao giờ có được sự ủng hộ của các khách hàng và đồng cố vấn của anh ta ở Paul, Weiss cũng không tán thành ý định nhượng bộ. Khi Fuller bắt đầu thương lượng trong phạm vi rộng hơn với những người thuộc phe của Milken, anh ta bị gán biệt danh “kẻ dị giáo.” Các luật sư của Paul, Weiss

phản đối việc thú tội, Sandler cũng vậy.

Cơ hội để Milken thú nhận một trọng tội duy nhất nhanh chóng trôi qua. Khi kết quả của sự hợp tác với Dahl và Peizer được tập hợp và vụ kiện chống lại Milken càng lúc càng mạnh lên theo tỷ lệ thuận, các công tố viên nhận thấy thỏa thuận này sẽ là quá ưu ái cho Milken. Baird cảm thấy việc để Milken thú nhận chỉ một tội sẽ bị dư luận chỉ trích vì như thế Milken đã chiến thắng và sẽ không thể răn đe những kẻ khác trong ngành công nghiệp chứng khoán. Với Giuliani, nhiệm vụ của một công tố viên được ông đặt lên trên tất cả những hoài bão chính trị khác. Nếu ông phải từ chức vì hai vụ Milken và Freeman vẫn còn dang dở, thì ông cũng sẵn sàng chấp nhận.

Riêng Fuller thì gần như phủi tay khỏi vụ này, bỏ lại cộng sự Litt của mình để giải quyết các công việc hợp tác với vai trò đồng cố vấn của Williams & Connolly. Sandler và Liman giờ đã được toàn quyền kiểm soát việc bào chữa cho Milken. Từ đây, Milken sẽ chẳng còn nghe thấy gì ngoài tiếng vọng của quan điểm càng lúc càng đơn độc của chính mình.

* * *

Khi những cuộc thương lượng bào chữa bí mật đã lắng xuống, dư luận trên phố Wall đổ dồn vào cuộc chiến mua lại dựa trên vốn vay lớn và ầm ĩ nhất thập kỷ: Cuộc chinh phục gã khổng lồ RJR Nabisco trị giá 25 triệu đô-la của Kravis and KKR. Với những khoản phí nhiều triệu đô-la đang bị đe dọa, mọi công ty lớn trên Phố Wall đều bị kéo vào cuộc chiến ba bên giữa các tập đoàn được Shearson Lehman Brothers cố vấn (và Linda Robinson điều động sau hậu trường), và Salmon Brothers; Goldman, Sachs và First Boston; còn về phía KKR là Wasserstein Perella & Co., Morgan Stanley và Drexel.

Với Drexel, RJR không chỉ là một thương vụ mua lại lớn trong thập kỷ, mà còn là một cuộc chiến sống còn để chứng minh với thế giới rằng họ sẽ sống sót sau cuộc điều tra lớn của chính phủ. KKR là khách hàng lâu năm của Drexel, có vai trò quan trọng đối là miếng bánh khổng lồ trong hoạt động kinh doanh của công ty. Nếu Drexel mất đi đối tác tài chính này, thị phần trái phiếu rác của nó sẽ lao đao suốt cả năm; và thương hiệu của nó sẽ bị hủy hoại trong mắt Phố Wall.

Với Joseph, RJR cũng là một cuộc thử nghiệm quan trọng về khả năng sống sót của Drexel khi mất đi Milken -– điều mà giờ Joseph

đã nhận thấy là tất yếu. Những động lực của hoạt động trái phiếu lãi suất cao của Drexel ở Beverly Hills đã thay đổi hoàn toàn. Milken, một thời thống trị thị trường tài chính, đang dần trở nên mờ nhạt vì quá bận rộn với các chiến dịch quan hệ công chúng và đám luật sư của mình. Việc lãnh đạo không mấy dễ dàng đã đổ lên đầu Peter Ackerman, một tiến sĩ nói năng trơn tru, rất giỏi quan hệ với khách hàng nhưng lại thiếu khả năng của một nhà giao dịch viên. Chính Joseph đã cũng nhận thức được rằng mọi công việc mà được chuyển giao từ Milken sẽ là một gánh nặng cho những người ở lại. Ngay khi cuộc điều tra của chính phủ đạt được những tiến triển quan trọng nhất, Joseph đã gọi cho Kravis để thuyết phục anh ta ở lại Drexel.

Kravis gần như không bị thuyết phục, chủ yếu vì anh ta vẫn còn trung thành với Milken, ngay cả khi thật khó tin rằng lại có một khách hàng đáng kính nào giao phó số trái phiếu trị giá 5 tỷ đô-la cho một công ty chứng khoán đang bị Ủy ban Chứng khoán cáo buộc tội gian lận chứng khoán và phạm pháp. Song thời thế đã thay đổi, Kravis mang nợ Drexel và Milken rất nhiều. Drexel đã đem lại cho anh ta thương vụ Storer. Nhờ 2,5 tỷ đô-la của Drexel, Kravis đã chiếm được Beatrice. Kết quả đã được lường trước.

Joseph đảm bảo với Kravis rằng ngay cả khi Drexel bị truy tố, họ vẫn sẽ kết thúc thương vụ này cho KKR. Dù trước đây, chỉ một lá thư "bảo đảm cao" của Drexel là đủ, thì lần này Drexel đã phải đồng ý cấp một khoản tín dụng bắc cầu trị giá 1,5 tỷ đô-la trong trường hợp cần thiết, như một sự cam kết về vốn của họ với thương vụ. Tại cuộc họp vào hôm thứ Bảy nhằm chốt lại những chi tiết và vấn đề tài chính cho vụ RJR, Dravis chỉ hỏi Joseph một câu: "Fred, anh có đảm bảo Drexel sẽ thực hiện việc cấp vốn không?" "Có," Joseph trả lời. Để dự phòng, KKR vẫn giao kết với Merrill Lynch cho vai trò đồng quản lý. Nhưng Joseph thề rằng Merrill Lynch sẽ phải đứng ngoài.

Drexel tiến hành cuộc huy động vốn tham vọng nhất trong lịch sử. Họ lên kế hoạch tổ chức 20 cuộc họp mặt hoành tráng cho các khách hàng tiềm năng từ Tokyo và Zurich; theo đuổi các cá nhân và tổ chức giàu có để chào bán các cổ phần thay vì giữ chúng lại trong các công ty do Milken đứng đầu. Drexel không bỏ qua một nỗ lực nào dù là nhỏ nhất. Họ thậm chí còn phân phát các sản phẩm của RJR Nabisco (bột mì, lạc Planter's, bánh quy Oreo, kẹo cao su Sullivan & Cromwell Carefree) và áo phông, áo lót của RJR. Joseph biết rằng tương lai của công ty nằm cả ở thương vụ này.

Dù là người trấn an KKR, nhưng Joseph hiểu rằng Drexel thực sự

không thể sống sót qua một bản cáo trạng, chưa kể một vụ kiện kéo dài mang tính hủy diệt sau đó. Ngay sau khi chuyển đi bằng taxi với Curnin, Joseph tăng cường những cuộc họp với các thành viên hội đồng quản trị và các lãnh đạo hàng đầu cấp cao của Drexel. Dù không nói và cung cấp thêm bất kỳ chi tiết nào, nhưng Joseph bắt đầu truyền đi thông điệp rằng mình đã không còn tin vào sự vô tội của Milken.

Cuối tháng Mười một năm 1988, Bộ Tư pháp phê chuẩn các cáo buộc đối với Drexel và Milken căn cứ theo Luật Chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức, đây là bước thực hiện cuối cùng trước khi truy tố. Drexel sẽ phải gửi ngay thông báo cam kết tới chính quyền sau khi các cáo trạng được gửi đi. Mặc cho Joseph điên tiết, Baird và các cộng sự vẫn từ chối nói với Drexel chính quyền muốn gì. Joseph nhận thấy sự thiếu minh bạch về tài chính sẽ làm Drexel lụn bại. Các công ty chứng khoán lớn như Drexel phụ thuộc rất nhiều vào khả năng vay ngắn hạn của mình, hầu hết là các khoản vay từ các ngân hàng lớn, nhằm phát hành thương phiếu. Trong nhiều cuộc bàn bạc thảo luận sơ bộ, các ngân hàng của Drexel cảnh báo họ sẽ không gia hạn tín dụng cho một công ty sắp bị truy tố theo đạo luật RICO. Drexel ba hoa về khoản vốn 1 tỷ đô-la vượt quá vốn pháp định, và khoản dự trữ phục vụ tranh chấp pháp lý hơn 500 triệu đô-la. Nhưng giám đốc tài chính của Drexel báo cáo với Joseph rằng công ty sẽ sống sót sau khi ra tòa lâu nhất là một tháng. Joseph lập tức truyền tin chết người này tới giới lãnh đạo và các cổ đông của Drexel.

Phản ứng của những người này phản ánh tính tư lợi tài chính cố hữu. Việc công ty thích đền bù bằng tiền mặt và tiền thưởng hơn là thay vì cổ phần đã khiến quyền sở hữu gần như rơi vào tay đối tác châu Âu của Drexel, Groupe Bruxelles Lambert và các lãnh đạo lâu năm như Burnham và Kantor, những người gần đây ít đóng góp vào sự thành công của công ty. Ưu tiên hàng đầu của những người này là bảo vệ quyền lợi cá nhân bằng cách đảm bảo rằng Drexel sẽ sống sót. Họ muốn dàn xếp vụ kiện.

Trái lại, các nhân viên như Leon Black lại ít quan tâm tới giá trị của cổ phần của họ mà chỉ bị ám ảnh với việc tiếp tục giành được thu nhập cao, khoảng 20 triệu đô-la vào năm 1989. Black nói trắng ra anh ta hoàn toàn không quan tâm Milken vô tội hay có tội; mà chỉ đơn giản muốn cỗ máy kiếm tiền của công ty tiếp tục hoạt động càng lâu càng tốt. Black và các đồng minh muốn có chiến lược giúp trì hoãn sự ra đi của Milken và phản đối mọi yêu cầu sa thải anh ta.

Cuối cùng, cũng vẫn còn có những người trung thành thực sự với Milken: Ackerman, Kissick và Fred McCarthy, giám đốc điều hành tại Boston – những người không thích bất kỳ đề xuất nào có nguy cơ làm suy yếu khả năng tự vệ của Milken. Chẳng những không phản đối việc nhượng lại Drexel, họ thậm chí còn mong đợi việc đó, với lý do Giuliani sẽ bị chỉ trích nếu để Drexel sụp đổ. Họ tin sự phản đối đó sẽ làm nhụt ý định truy tố Milken của chính quyền. Khẩu hiệu của nhóm này là: "Chết vinh còn hơn sống nhục."

Sự chia rẽ này gây ra những vấn đề hết sức nghiêm trọng. Trong khi các nguyên lão nắm giữ hội đồng quản trị có thể bị thuyết phục để ủng hộ việc thương lượng thì những người trung thành với Milken lại là chìa khoá cho thành công trong tương lai và sự sống còn của công ty. Nếu họ bỏ đi, sẽ không còn gì ở Drexel đáng để cứu vãn nữa.

Sau một tuần Lễ Tạ ơn đầy rắc rối tại trang trại của mình ở New Jersey, Joseph và các luật sư của Drexel lao vào một loạt "những cuộc thương lượng điên đầu với Giuliani, Baird và những người khác tại Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Vấn đề đặt ra rất đơn giản: Drexel sẽ thú tội miễn là Joseph và các cố vấn tin rằng công ty vẫn có thể sẽ sống sót. Thực tế, điều đó có nghĩa là phải có được hai vấn đề: Các nhân viên hàng đầu của Drexel không cho rằng công ty đang chống lại Milken; và gánh nặng tài chính không lớn đến mức làm tiêu tán công ty. Nếu không, Drexel cũng có thể tiếp tục bị truy tố và buộc phải phá sản.

Joseph cố gắng khiến cho các công tố viên hiểu được những vấn đề nhạy cảm của công ty, nhưng tiếng xấu của một công ty nhiều năm bất chấp, coi thường chính quyền giờ đã khiến công ty phải trả giá. Các công tố viên khinh bỉ những người trung thành với Milken. Điều đó khiến họ phát điên vì ngay cả trước khi đầu hàng, Drexel vẫn khăng khăng xin giảm tội cho Milken. Drexel từ chối việc thừa nhận rằng khoản chi 5,3 triệu đô-la là một phần của thỏa thuận bất hợp pháp với Boesky bởi Milken nhất quyết phủ nhận điều đó. Họ không muốn sa thải Milken và vẫn muốn bồi thường cho anh ta hơn 120 triệu đô-la lẽ ra phải trả từ năm ngoái.

Trong một cuộc thảo luận gay gắt, Baird đập tay xuống bàn và nói, "Không nói về tiền nữa. Tôi đang nói về công lý!"

Joseph chen ngang. "Tôi không đại diện cho một nhà thờ. 10.000 người đang sống bằng lương mà chúng ta tôi chi trả."

Tuy nhiên, một bản tự thú của Drexel trở thành điều tất yếu. Thứ

Năm ngày 1 tháng Mười hai, Joseph gửi một tin nanh ta cho tất cả nhân viên Drexel. "Tôi muốn cập nhật cho các bạn tình hình cuộc điều tra. Trong những tuần gần đây, chúng tôi đã có những cuộc thảo luận với chính phủ về những vấn đề hiện đang tới đi đến giai đoạn quan trọng. Nếu chúng ta không đồng ý thỏa thuận với Bộ trưởng Bộ Tư pháp, chúng tôi tin ông ta sẽ buộc tội công ty (tất nhiên bao gồm tất cả các nhân viên công ty) và đưa vào bản cáo trạng lời cáo buộc theo đạo luật RICO. Chỉ một thời gian ngắn nữa thôi, một trong hai kịch bản này sẽ thành hiện thực."

Người đọc thông minh sẽ nhận ra tin nanh ta này đầy ẩn ý về những nguy cơ của một bản cáo trạng và giá trị của cuộc thương lượng. Một bản cáo trạng "sẽ gây áp lực lên công ty và việc kinh doanh của nó. Chúng ta cũng sẽ đối mặt với một cuộc chiến lâu dài, tăm tối trước tòa (và không may là trước cả báo chí) trước khi có bất cứ phán quyết cuối cùng nào cho vụ này… Nếu chịu thương lượng, chúng ta có thể tránh được cuộc công kích liên hoàn này. Song để làm được điều đó, chúng ta cần một lời thú tội."

Lần đầu tiên, Joseph thử nhẩm tính chi phí của Drexel trong cuộc điều tra này: "Chúng tôi tin Drexel đã mất khoảng 1,5 tỷ đô-la thu nhập tiềm năng và đã tiêu tốn trên 175 triệu đô-la cho các chi phí trực tiếp trong suốt hai năm qua vì cuộc điều tra này. Cái giá chúng ta phải trả quá cao… Chúng ta sẵn sàng bỏ qua những tổn thất của hai năm vừa rồi nhưng không phải để nó trở thành khoản chi bất công với công ty và toàn thể nhân viên."

Không mấy bất ngờ, những người trung thành với Milken, vốn sợ bị cuốn vào sự việc, hiểu rất rõ ẩn ý của Joseph. Trong số đó, người cảm thấy lo sợ nhất là Don Engel, người nắm rõ gần như mọi đường đi nước bước của Fred McCarthy, đồng minh lớn của ông ta trong hội đồng quản trị. Vào đầu tháng Mười hai, hội đồng quản trị tổ chức một cuộc họp vào Chủ nhật và McCarthy gọi cho Engel tại nhà riêng ngay sau đó với một tin xấu. "Tôi có cảm giác họ sắp bán đứng Mike", McCarthy nói.

Nỗi sợ hãi của Engel đã càng lớn khi anh ta và Black gặp Joseph tuần sau đó. Engel biết Joseph muốn đạt tới một sự nhất trí bằng cách thử tung một "trái bóng thăm dò". Tại cuộc gặp đó Joseph nói ông đang lo lắng về một số người có thể bị truy tố nếu Drexel không chịu thương lượng. "Các vị thấy thế nào nếu cả Ackerman và Kissick đều bị truy tố?" Joseph hỏi. "Mẹ kiếp, cứ để họ truy tố chúng tôi đi," Engel đáp. Và Joseph hiểu anh ta thực sự có ý đó.

Giờ đây, Baird giờ lại đe dọa sẽ để Bồi thẩm đoàn truy tố công ty

bất cứ lúc nào. Anh ta gửi cho Joseph một tối hậu thư: Drexel sẽ phải thú nhận sáu trọng tội và nộp một khoản tiền phạt lớn. Joseph đau đớn đọc mẩu tin trên tờ The Wall Street Journal ngày 14 tháng Mười hai tiết lộ Drexel đã lập một quỹ đen trị giá 700 triệu đô-la, lớn hơn rất nhiều so với khoản tiền mà chính phủ đã phát hiện. Baird ngay lập tức nâng yêu cầu từ 450 triệu lên 750 triệu đô-la. Nhưng vào thời điểm này, tiền không phải là vấn đề. Drexel có thể gánh được khoản chi ấy. Ngay cả tại thời điểm muộn màng này, nhân vật quan trọng nhất trong những cuộc thương lượng vẫn đứng đằng sau sân khấu: Milken.

Để xoa dịu phe cánh của Milken, Joseph vẫn cố gắng tránh để lộ bằng chứng liên quan tới Milken cho cơ quan điều tra, để anh ta khỏi bị sa thải và để có lý do trả anh ta hàng trăm triệu đô-la còn nợ. Anh thậm chí còn cố tránh nhắc tới khoản 5,3 triệu đô-la.

Thứ Sáu ngày 15 tháng Mười hai, Joseph chủ trì vòng đàm phán cuối cùng của cuộc đấu tranh giành sự ủng hộ cho cuộc thương lượng. Khoảng 5 giờ chiều hôm đó, Joseph đến Paul, Weiss để gặp Liman. Sau đó, anh chuẩn bị tới chỗ Engel. Dù Engel không còn ở trong hội đồng quản trị và thậm chí không còn là một thành viên chính thức của công ty, nhưng Joseph đã vạch mặt được rằng ông ta là đầu sỏ của bè phái thân Milken.

Khi Joseph tới, Liman đã biết hầu hết những tiến triển mới nhất. Joseph cố gắng giải thích lựa chọn mà ông cho là mạo hiểm của Drexel, nhấn mạnh vào tình hình tín dụng thảm hại nếu Drexel bị truy tố và những gì ông đang làm để cố bảo vệ Milken. Nhưng Liman không hề ấn tượng với những điều đó. Thay vào đó, ông ta lên lớp Joseph về những nguyên tắc luật pháp, triết học, ý niệm về cái đúng, cái sai. Ông ta làm Joseph choáng váng khi so sánh quyết định của Joseph với sự ngược đãi người Do Thái của Đức Quốc xã. Ông ta lý luận rằng Joseph đang cướp đi quyền của Milken trước vụ kiện. "Đó là bước đầu tiên dẫn tới trại tập trung," Liman lý luận. "Không ai được cướp đi quyền tự do của người khác."

Joseph không nghe được gì. Ông quá bất ngờ trước sự bất công trong lời buộc tội của Liman và cố gắng chế ngự cảm xúc của mình. "Mike đã làm những gì anh ta phải làm," Joseph trả lời. "Những gì chúng tôi làm sẽ không ảnh hưởng đến những vụ kiện tụng chống lại anh ta. Tôi không tới đây để kiện cáo Michael Milken."

Joseph nói đó là quyết định cuối cùng của mình; nhưng ông không thể phát ngôn quyết định thay hội đồng quản trị. Có thể

ông quyết định của anh sẽ không được chấp nhận. Liman dù thất vọng nhưng đành từ bỏ. Khi chuẩn bị ra về, Joseph nói thêm như thể là một suy nghĩ muộn màng, "Dù sao Mike cũng sắp nhận tội." Câu nói này thực sự khuấy lên nỗi căm phẫn trong Liman. "Không bao giờ," ông ta nói chắc nịch, chỉ thẳng Joseph ra cửa. "Chắc canh ta không bao giờ."

Chỉ vài phút sau, Liman gọi điện cho Engel để thông báo cáo về cuộc gặp với Joseph. "Donny," Liman nói với giọng trầm trọng, "anh ta sắp bán đứng Milken."

* * *

Joseph đi từ văn phòng của Liman tới căn hộ chung cư rộng lớn của Engel tại 570 Đại lộ Park khoảng 7 giờ tối. Hai người đàn ông ngồi nhâm nhi rượu trong thư viện của Engel. So với Engel, Joseph trông còn già hơn; ông ho khù khụ. Dù tỏ ra lịch thiệp, nhưng do Engel đang hậm hực nên chẳng mấy chốc cuộc tranh luận gay gắt đã bắt đầu.

Khi Engel bắt đầu sôi nổi bảo vệ Milken, Joseph cắt ngang. "Tôi biết anh rất trung thành," Joseph nói. "Tôi đánh giá cao điều đó." Bỗng Joseph đổi giọng. "Nhưng anh đừng nghĩ có thể che mắt tôi."

Engel trả miếng rằng ông ta không có lựa chọn nào ngoài việc phải chống lại Joseph và tập hợp những người khác để bảo vệ Milken. "Cậu ấy là anh em của chúng ta," Engel nói. "Anh phải chiến đấu. Một luật sư của các băng đảng một băng đảng sẽ không hành xử như thế," Engel nói, phẫn nộ với những gì ông ta cho là sự yếu đuối của Joseph.

"Chúng ta không phải là một băng đảng," Joseph đáp. "Donny," ông tiếp tục bằng giọng nhẹ hơn, "đừng hấp tấp thế. Nên nhớ, anh phải nghĩ cho 10.000 con người." Engel suýt trượt khỏi ghế vì giận dữ và phẫn nộ. "Anh đang nói cái quái gì thế?" ông ta hét lên. "Chúng ta không có 10.000 người phải lo đâu. Chúng ta có một người thôi."

Thứ 7, ngày 17 tháng Mười hai, Engel bay đến California dự tiệc khai trương quán bar của con trai Milken, nhân cơ hội đó tìm cách tiếp cận với Peter Ackerman và Leon Black, những người cũng được mời tham dự. Joseph không được mời. Tại bữa tiệc, Engel đã dẫn dắt thành công Ackerman vào một cuộc trò chuyện về Milken và Joseph. "Đứa con hoang bé nhỏ ấy sắp bán đứng cậu ấy," Engel nói. "Chỉ có một cách duy nhất để dừng chuyện này lại." Ông ta lật

con át chủ bài, “Cậu phải đứng trên lập trường của mình và nói, Không RJR. Các giao dịch viên sẽ không bán thêm một trái phiếu nào khác.” Đây là một cuộc cá cược táo bạo có thể sẽ làm tê liệt thương vụ quyết định tương lai của Drexel, có hoặc không có Milken. Engel tin rằng riêng mối đe dọa đó cũng đủ để buộc Joseph thôi ngừng nói về việc thỏa hiệp. “Cứ để nó thế đi, Donny,” Ackerman trả lời đầy bí ẩn. Nhưng Engel khăng khăng. “Cậu là người duy nhất có thể làm điều này,” ông ta nhấn mạnh.

Tin đồn về cuộc gặp gỡ của Black, Engel và Ackerman tại buổi tiệc lan khắp công ty cùng với lời đồn đại về nguy cơ thất bại nếu Drexel thỏa hiệp với chính quyền. Lãnh đạo Robinson, Lake, thậm chí chính Linda, đã thổi phồng câu chuyện, gieo rắc điều bịa đặt với giới báo chí rằng nhân viên Drexel sẽ nổi loạn biểu tình để chống lại bất cứ sự thoả thỏa hiệp nào với chính quyền. Những người trung thành với Milken thậm chí còn hé mở lấp lửng rằng việc Joseph muốn thỏa hiệp để giành quyền miễn trừ truy tố, đặt lợi ích cá nhân trên lợi ích của công ty và của Milken. Câu chuyện rõ ràng là bịa đặt này nhanh chóng xuất hiện trên mặt báo. Joseph chưa bao giờ là mục tiêu và quyền miễn trừ của ông chưa bao giờ cần bàn tới. Joseph đã bị ghi âm lén khi tới văn phòng Berverly Hills hồi tháng Chín, với lời hứa sẽ ủng hộ Milken. Giờ luật sư của Lowell, Michael Amstrong, dọa sẽ tiết lộ cuốn băng. Joseph sợ cho rằng các nhân viên Drexel đã ghi âm mình.

Chung quy lại, nỗ lực tuyệt vọng nhằm phá hoại bất kỳ thoả hiệp nào cho thấy sự xấu xa trong cách thức mà phe thân Milken tấn công Joseph. Millstein lo lắng đến nỗi anh phải gọi cho Liman. “Tôi muốn tin rằng chuyện này sẽ không biến thành một cuộc đua quan hệ công chúng,” Millstein nói. Liman phủ nhận việc đã có một chiến dịch quan hệ công chúng nhằm vào Joseph; tuy nhiên, sự công kích có phần giảm đi sau cuộc gọi đó.

Black và Ackerman ngừng việc dọa sẽ bỏ việc nếu Drexel thú tội nhưng họ vẫn bảo lưu khả năng treo lơ lửng quyết định của mình. Joseph cuối cùng đành phải đảm bảo sự trung thành của họ với công ty bằng cách duy nhất ông có thể làm: Mua đứng. Giá của Ackerman là 100 triệu đô-la, Joseph cam kết đó sẽ là phần thưởng cho anh ta nếu thương vụ RJR thành công. Black và Kissick cũng được hứa hẹn những khoản tiền thưởng khổng lồ.

Ackerman cũng nói với Joseph về lời đe doạ dọa của Engel. Joseph vô cùng tức giận khi nói chuyện với Engel qua điện thoại vào thứ Hai. “Anh đang manh độngxúi giục mọi người đấy,” Joseph gần như hét vào mặt ông ta. “Tôi muốn chuyện này dừng lại ngay lập

tức .” Engel cũng tức giận không kém. “Anh đã nói với chính quyền rằng chúng ta sắp phá sản chưa? Nếu chưa nói thì anh không thể thương lượng được. Anh phải nói, chìa khoá đây. Chỗ đó là của các vị. Đó là trách nhiệm của các vị. Anh đã nói thế chưa?” “Chưa,” Joseph đáp và Engel dập máy.

Hội đồng quản trị Drexel họp chiều hôm đó và một lần nữa từ chối đề nghị thỏa hiệp với chính quyền vì nó quá khó nghe. Engel và đồng minh tin rằng họ đã thắng thế. Tối hôm đó, các chuyên gia tài chính doanh nghiệp của Drexel, cùng phu nhân và tình nhân, rảo bước qua cửa xoay của khách sạn Waldorf-Astoria ở New York vào trong phòng khiêu vũ chính dự tiệc Giáng sinh thường niên của bộ phận này. Với những ban công được trang hoàng bằng những cây thông lấp lánh, rượu vang tràn trề, ít nhất trong một đêm, Drexel như trở về thời hoàng kim trước đây.

Chủ tịch Drexel, Robert Linton, lên sân khấu hát bài Rudy the Red-Nosed Reindeer để công kích Giuliani. Sau đó, Joseph bước lên bục và cùng với Linton, người cùng phe, tuyên bố hội đồng quản trị đã họp chiều hôm đó và bỏ phiếu nhất trí từ chối đề nghị thỏa hiệp với chính quyền. “Chúng ta sẽ chiến đấu tới cùng!” ông tuyên bố và hàng trăm người giậm chân, hò hét tán thưởng, vỗ tay và đập bàn trong niềm hân hoan như thể không bao giờ ngớt.

Nhưng tâm trạng đó nhanh chóng qua đi. “Họ có những bè phái tại Berlin trước cả khi cuộc chiến này kết thúc phải không?” một vị phó giám đốc của Drexel hỏi sau bữa tiệc. Sáng hôm sau, Curnin nhận được một cú điện thoại từ Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp để “kiểm tra sự tỉnh táo.” Curnin và Carroll đồng ý với một thỏa hiệp toàn diện. Tối hôm đó, họ đã lấp đầy được khoảng cách giữa hai bên rất nhẹ nhàng: Drexel sẽ không cần thừa nhận tội lỗi của Milken. Công ty được phép nói họ “không thể bác bỏ” lập luận của chính quyền chống lại anh ta và chính công ty. Drexel sẽ không phải khước từ đặc quyền trao đổi thông tin bí mật giữa khách hàng và luật sư nhưng phải hợp tác chống lại Milken. Họ sẽ phải thú nhận sáu trọng tội, trong đó rất nhiều tội liên quan tới Boesky, và sẽ phải nộp phạt 650 triệu đô-la. Còn một điểm duy nhất mà chính phủ vẫn kiên quyết, đó là: Drexel không được phép trả cho Michael và Lowell Milken khoản tiền thưởng và hai anh em họ sẽ phải rời công ty, hoặc tự nguyện hoặc bị sa thải.

Carroll nói rõ đây là đề xuất cuối cùng của chính quyền; sẽ không ai nhượng bộ sự hiếu chiến của Drexel nhiều hơn thế; vì thế họ phải biết dừng lại. Anh ta cho biết nếu chính quyền không thu thập được thêm thông tin gì, có lẽ Drexel sẽ bị truy tố tại phiên xét

xử của Bồi thẩm đoàn vào chiều hôm sau. Tuần đó, Joseph dạo quanh Drexel khoác một chiếc áo choàng rộng với chiếc cúc in dòng chữ STRESS: Đây là chuyện xảy ra khi bộ óc không thèm đếm xỉa đến yêu cầu của thân thể đòi tống những thứ cặn bã ra ngoài.

Joseph triệu tập hội đồng quản trị vào trưa thứ 4 ngày 21 tháng Mười hai. Lựa chọn dù khó khăn nhưng có vẻ đã rõ ràng. Drexel sẽ sụp đổ trong vòng một tháng nếu phải chịu một bản án theo Luật Chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức. Curnin ước tính công ty sẽ phải niêm yết 1 tỷ đô-la trái phiếu kém ổn định và các khoản tín dụng sẽ gần như bốc hơi ngay lập tức. Trái lại, một thỏa hiệp dù khắc nghiệt đến mức nào cũng sẽ không làm công ty sụp đổ nếu các nhân viên trấn tĩnh lại sau sự cố. Curnin đề nghị chấp nhận thỏa hiệp, cũng như Irwin Schneiderman, đối tác của Cahill Gordon, từ lâu đã là hãng tư vấn độc lập hàng đầu cho Drexel; và Millstein, luật sư riêng của Joseph.

Nhưng bỗng nhiên Peter Fleming đào ngũ, gia nhập vào nhóm trung thành với Milken. Joseph và Curnin vốn đã biết Fleming sẽ có lúc Fleming ngả sang phe Milken. Giống như các luật sư của Milken, anh ta tuyên bố chính quyền không có bằng chứng nào có tính cáo buộc lợi hại đến mức như vậy. Thực ra, từ lâu anh ta đã có ý định trở thành một thành viên đội bảo vệ Milken nếu Drexel thỏa hiệp. Giống một tội phạm hơn là luật sư doanh nghiệp, anh ta không chấp nhận giả thuyết bản án chiểu theo đạo luật này sẽ hủy hoại công ty. Anh ta tranh luận với hội đồng quản trị rằng Drexel sẽ từ chối thỏa hiệp, chấp nhận bị truy tố, và chờ xem chuyện gì sẽ xảy ra sau đó.

Black, Kissick, và Bachelor lập tức theo đuôi Fleming. Black, vốn dĩ là người dễ thay đổi ngay cả trong những tình huống bình thường, có vẻ càng lúc càng quẫn trí khi nghĩ tới viễn cảnh Drexel bỏ rơi Milken. Tới 4 giờ chiều, khi cuộc tranh luận vẫn diễn ra sôi nổi, Carroll gọi tới và trò chuyện với Curnin. “Các vị sắp bị truy tố,” Carroll nói.

Tin Bồi thẩm đoàn khi đó đã bắt đầu bỏ phiếu khiến các nhà lãnh đạo của Drexel hoảng loạn. Burnham, người đang cố gắng cứu vớt tàn tích của một công ty mang tên mình nhưng hoạt động với những động cơ mà ông không còn kiểm soát được nữa, gần như cuống cuồng kêu gọi bỏ phiếu ngay lập tức.

16 giám đốc của công ty bỏ phiếu đồng ý thỏa hiệp; trong đó có Linton, Kantor, Burnham và sáu đại diện của Groupe Bruexelle Lambert trong hội đồng quản trị. Kissick, Black, Bachelor và hai

người khác bỏ phiếu chống. Với kết quả đã định, Joseph bỏ lá phiếu cuối cùng. Tuy là người dàn xếp vụ thoả thỏa hiệp nhưng ông còn phải làm công việc cuối cùng – tránh tạo ra hố sâu ngăn cách mình và những người trung thành với Milken. Trái với lòng mình, Joseph bỏ phiếu chống thỏa thuận nhận tội.

Sau khi các giám đốc lặng lẽ rầu rĩ kéo nhau rời khỏi phòng họp, Joseph trở lại văn phòng và có một cuộc điện thoại khó khăn nhất trong sự nghiệp: gọi cho Milken ở Berverly Hills. Hai người nói chuyện khoảng 10 phút. Khi Joseph báo tin về kết quả bỏ phiếu của hội đồng quản trị, Milken cho biết đã được các luật sư thông báo. "Tôi có được coi là vô tội cho đến khi bị chứng minh là có tội không? Đây có còn là một đất nước tự do không?" Milken hỏi với giọng khó chịu.

Joseph đã thề sẽ không lan man sang cuộc cãi vã về Đức Quốc xã hay về đạo đức. "Tôi xin lỗi, Michael," Joseph nói. "Hội đồng quản trị đã bỏ phiếu. Đây là quyết định cuối cùng. Tôi hy vọng anh sẽ hiểu."

Mặc dù Edward Bennett Williams đã cảnh báo từ lâu rằng ngày đó sẽ đến, nhưng Milken vẫn sốc và nói anh ta thật sự rất thất vọng khi mất đi sự ủng hộ của công ty. "Tôi nghĩ mình sẽ phải tự chiến đấu và tự quyết định," Milken nói.

* * *

Sau vài ngày, các chi tiết cuối cùng của bản thỏa thuận nhận tội cụ thể mới được soạn ra, nhưng cuối cùng nó cũng được đóng dấu và tin tức lộ ra ngay trước Giáng sinh. Những tội danh cụ thể mà Drexel sẽ thú nhận hay các điều khoản thỏa thuận liên quan tới tương lai của Milken không được tiết lộ. Nhưng, vì chính quyền đã hết sức nhượng bộ, nên Drexel thừa nhận thông báo rằng họ sẽ hợp tác trong cuộc điều tra còn đang tiếp tục diễn ra. Tầm quan trọng của Milken đã rõ. Như Alan Bomberg, một chuyên gia luật chứng khoán tại Đại học Southern Methodist, nhận xét trên tờ The Wall Street Journal, "Khởi tố vụ án này thể hiện sự khôn khéo của Giuliani. Đây là một vụ điển hình về việc khai thác một bị cáo để lấy thông tin có thể làm bằng chứng buộc tội những nhân vật chóp bu."

Ở ít nhất hai phương diện, phán đoán của Joseph đã trở thành hiện thực: Drexel sống sót sau cơn sốc đầu tiên của thỏa thuận nhận tội và không ai trong số các lãnh đạo cấp cao phải từ chức. Ackerman được đề bạt một ghế trong hội đồng quản trị cùng với

Kissick và Black; và ba người lập tức lao vào thương vụ trái khoán RJR vẫn còn dang dở. RJR giờ giống như một cuộc thử nghiệm dành cho Drexel sau khi Milken ra đi. Drexel bắt đầu cuộc thuyết trình mời gọi các nhà đầu tư ở San Diego vào ngày 18 tháng 1; hàng trăm khách hàng tiềm năng đã đến chật kín phòng khiêu vũ khách sạn Helmsley Palace, New York để dự buổi thuyết trình vào bữa sáng. Đến cuối tháng đó, lãnh đạo Drexel hả hê vì đã có thể gọi thương vụ RJR là một chiến thắng vang dội. Drexel đã thu hút được rất nhiều cam kết đầu tư trị giá hơn 5 tỷ đô-la, đến mức phải tăng thêm nguồn cung trái khoán. Drexel thu về hơn 250 triệu đô-la tiền phí. Giống như Drexel ngày trước, họ hoàn toàn không để Merrill Lynch tham gia vào thương vụ này.

Engel, dù mất hết hồn vía sau khi Drexel thú tội, cũng nhận vai trò tổ chức bữa tiệc truyền thống Predators' Ball Đại tiệc của những kẻ đi săn năm 1989. Ông ta vẫn lải nhải rằng Drexel thà từ giàu có trở thành phá sản còn hơn phản bội lại Milken nhưng thành công của thương vụ RJR có vẻ đã xoa dịu ông ta vài phần.

Engel bay trở lại Beverly Hills gặp ban tổ chức hội thảo và lên kế hoạch cho bữa tiệc Đại tiệc của những kẻ đi săn đầu tiên Milken vắng mặt. Engel khăng khăng không ai có thể thay thế Milken, ngay cả John Kissick, người đã được Joseph chỉ định kế nhiệm Milken sau khi vượt qua Ackerman – một kẻ quá quyết đoán, và Trepp – một kẻ thiếu khả năng và phong thái lãnh đạo. (Ngoài Kissick, hai ứng cử viên kia đều đang bị điều tra; Joseph tất nhiên không muốn một bản cáo trạng khác làm gián đoạn hoạt động của Beverly Hills.) Engel ra lệnh không ai được đọc những bài phát biểu theo thông lệ mà Milken dùng để bắt đầu mỗi ngày tại các cuộc hội thảo. Thay vào đó, hội thảo sẽ chiếu những đoạn băng thể hiện tinh thần Milken. Thực ra, hội thảo chỉ là những buổi chiếu phim lãng phí để bày tỏ sự thương nhớ Milken.

Nhưng Joseph khiến ban tổ chức điên tiết khi buộc các nhân viên Drexel không giữ lại mối liên lạc nào với Milken. Ông cũng cấm đưa những đoạn phim về Milken vào hội thảo. Điều đó thật quá sức chịu đựng của phụ tá Milken, Lorraine Spurge, người gần như phát cuồng khi nghe tin không phát những đoạn băng đó. Cô ta và Robert Davidow, một nhân viên phòng lợi suất cao bộ phận trái phiếu lãi suất cao và Harry Horowitz, bạn từ thời trai trẻ của Milken, dọa sẽ phá hoại hội thảo trừ khi Joseph cho phép phát những đoạn băng. Joseph vẫn cứng rắn vì không muốn điều gì tại hội thảo khiến Ủy ban Chứng khoán không hài lòng với cuộc thương lượng của họ trong giai đoạn nhạy cảm này.

Vào tháng Ba, một ban tổ chức hội thảo buồn tẻ gồm Engel, Horowitz, Davidow và Spurge gặp nhau tại phòng họp trên tầng 5 của khách sạn Beverly Hills. Nỗ lực lên kế hoạch của họ diễn ra một cách rời rạc. Engel không thể tập hợp được bất cứ sự nhiệt tình nào; ông ta không muốn tiếp tục và định từ bỏ. Đột nhiên cửa phòng bật mở và chính Milken bước vào, tràn đầy sinh khí và ý tưởng. Anh ta ngồi xuống bàn và bắt đầu nói gần như ngay lập tức về cuộc hội thảo như không có gì thay đổi, như thể anh ta vẫn đang điều hành phiên họp, giới thiệu những nhân vật nổi tiếng bất ngờ của năm. Anh ta đọc lại lưu loát các số liệu tài chính chi tiết mới nhất của các khách hàng chính của Drexel, tập trung vào thành công gần đây của hai hãng MCI Communications và 20th Century Fox, và cách họ nên được giới thiệu với những người tham gia.

Cũng đột ngột như lúc đến, Milken ra đi. Không biết tại sao nhưng Engel biết rõ đây là lần cuối cùng Milken giúp họ lên kế hoạch tổ chức hội thảo. Engel chợt nước mắt lưng tròng, ông nhìn quanh và thấy những người khác cũng đang cố kiềm chế cảm xúc. Nhưng sự nghiệp của họ sẽ được củng cố. Họ sẽ cho cả thế giới thấy. Cuộc hội thảo sẽ vẫn diễn ra. Họ sẽ chiếu những đoạn phim đó bất chấp Joseph nói gì. Họ sẽ làm điều đó vì các khách hàng của Milken. Họ sẽ làm điều đó vì Milken.

* * *

Thỏa thuận nhận tội của Drexel với Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp còn phụ vào việc họ có thể dàn xếp được vụ kiện với Ủy ban Chứng khoán hay không. Tại Washington, đó là lúc Ủy ban, vẫn tức giận vì cú đánh của Drexel sau vụ Boesky và tất cả những gì xảy ra sau đó, tìm cách báo thù.

Joseph bị Engel và những người khác ở Drexel chỉ trích vì đã bị Giuliani và Baird đánh bại. Ông liền lập một nhóm mới để xử lý vụ kiện với Ủy ban Chứng khoán. Ông thay thế Curnin và Fleming, những người đã gây thù chuốc oán với Ủy ban Chứng khoán – Lynch đã thừa nhận rằng anh "ghét thái độ của họ" – bằng một luật sư khác ở Cahill Gordon, Gerald Tannenbaum. Ông bổ sung thêm John Sorte, một chuyên viên tài chính doanh nghiệp dễ tính không bị dơ bẩn vì hành vi phạm pháp của Milken. Không may, Joseph cũng chọn thêm Leon Black, người nhanh chóng khiến các luật sư của Ủy ban Chứng khoán nổi cơn thịnh nộ mới.

Khi đoàn đàm phán của Drexel đến Washington vào tháng Giêng, Lynch, Sturc và những người khác tại Ủy ban Chứng khoán hy

vọng cuối cùng họ sẽ chấp nhận vị trí của những kẻ đang cầu xin lòng nhân từ. Sau cùng, công ty đã nhận sáu tội và đồng ý trả khoản tiền phạt lớn nhất trong lịch sử luật chứng khoán. Từ đầu, Lynch đã nói rõ sẽ không có thỏa thuận nào nếu Drexel không tự thú. Tuy nhiên, Black, bằng giọng mũi như thường lệ, khẳng định: "Tôi không biết bất cứ vấn đề gì bất thường" tại Drexel. Các luật sư của Ủy ban Chứng khoán chết điếng. Black nhắc lại vài lần rằng anh ta không hề thấy dấu hiệu phạm pháp; và theo lời của Ủy ban Chứng khoán, Black còn ngạo mạn tuyên bố "chúng tôi" cần Ủy ban cung cấp nhiều bằng chứng hơn trước khi đi đến thỏa thuận cuối cùng.

Thái độ của Black khiến không chỉ các nhân viên phòng thực thi mà cả các thành viên Ủy ban tức điên. Ủy ban Chứng khoán trả đũa bằng cách kiên quyết đòi sa thải Milken và Lowell và Drexel bị cấm tham gia bất kỳ nghiệp vụ bảo hiểm trái khoán nào trong hai năm, và yêu cầu khiến Black điên đầu là văn phòng Beverly Hills bị đóng cửa và chuyển tới New York. Trừ việc sa thải Milken, Lynch lúc đầu không quan tâm nhiều tới những điều khoản này; anh ta chỉ đơn giản coi đó là trò mặc cả. Nhưng các thành viên Ủy ban giờ tức giận đến mức họ thúc giục và từ chối bỏ qua thực hiện bất kỳ yêu sách nào.

Black tiếp tục cách hành xử ngỗ ngược của mình. Ủy ban Chứng khoán càng lúc càng tin chắc nhiệm vụ của anh ta là phá hoại bất cứ khả năng dàn xếp nào – và điều này sẽ khiến thỏa thuận với Drexel tan vỡ. Joseph không dám chắc vì đã quen với chiến thuật đàm phán quen thuộc của anh ta – luôn công kích đối phương hết mức có thể. Nhưng khi việc thương lượng gần như sụp đổ, ông đành tới Washington để gặp Lynch.

Joseph cố gắng dùng lý lẽ để giải thích. Ông mệt mỏi với việc chiến đấu và muốn bỏ cơn ác mộng này lại phía sau. "Gary, cậu anh phải nói thật với tôi. Cậu có muốn đóng cửa Drexel không? Hay cậu chỉ đang muốn đặt ra những tiêu chuẩn phục tùng mới để chúng tôi tuân thủ, những tiêu chuẩn có thể là hình mẫu cho cả ngành công nghiệp? Bởi nếu cậu quyết tâm đóng cửa Drexel, chúng tôi sẽ không thỏa hiệp với Rudy Giuliani. Chúng tôi sẽ chấp nhận Luật Chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức. Hãy cứ làm như thế đi. Nhưng nếu cậu định đặt ra một thứ luật lệ mới, biết đâu đó cũng là mục tiêu của cậuthì đó cũng là mục tiêu của chúng tôi? Tóm lại, cậu muốn thế nào đây?"

"Phương án thứ hai," Lynch trả lời. "Chúng tôi sẽ không ép các anh ngừng kinh doanh và sẽ không trừng phạt Drexel thêm nữa."

Joseph đồng ý loại Black ra khỏi cuộc thương lượng và cần mẫn làm việc để đạt được thỏa thuận. Mối quan hệ giữa Lynch và Joseph giờ hòa hợp tới mức cả hai đều nghĩ nếu họ chấp nhận tình hình này từ hai năm trước; mọi thứ đã phát triển theo chiều hướng nào và liệu cuộc thương lượng đầu tiên của họ có sụp đổ trong cay đắng hay không?

Với quan hệ tốt đẹp giữa Lynch và Joseph; hơn nữa vì Black đã ra đi, những cuộc thương thuyết đã dần lấy lại được chút lịch sự tối thiểu. Sorte và Tannenbaum có thể thuyết phục Lynch và các cộng sự rằng tình hình nội bộ của Drexel đang rất dễ biến động; và thái độ hận thù đối với Milken có thể ảnh hưởng tới tỷ lệ ủng hộ công ty thỏa hiệp vốn đã rất mong manh. Ủy ban Chứng khoán đồng ý rút lại quyết định buộc văn phòng Beverly Hills di chuyển và cũng như Drexel không bị cấm được tham gia nghiệp vụ bảo hiểm trái khoán. Tuy nhiên, họ không thể thông cảm với số phận của hai anh em nhà Milken: Họ phải ra đi trước khi Ủy ban Chứng khoán đồng ý ký thoả thuận. Trước tình hình đó, Joseph tùy nghi hành động. Ông nhận ra thời khắc báo tin cho Milken đã đến. Giống như ông từng làm vào ngày hội đồng quản trị họp để biểu quyết về việc tự thú, Joseph nhấc điện thoại gọi cho Milken ở Beverly Hills.

Milken bắt đầu câu chuyện bằng việc nói với Joseph rằng anh ta sắp trải qua thời kỳ khó khăn; con anh ta đã bị bạn bè đánh tại trường và bị châm chọc vì có người cha là tội phạm. Lúc này, Joseph không biết có nên tin Milken hay không nữa. “Michael, tôi biết anh có rất nhiều tâm tư,” Joseph nói, nhưng sau đó đi thẳng vào vấn đề. “Theo tôi nghĩ, tôi nên để anh bỏ thôi việc hơn là phải sa thải anh. Nhưng đó là lựa chọn của anh. Anh muốn xử lý việc này thế nào?”

Milken có vẻ bất ngờ dù việc anh ta phải ra đi rõ ràng là điều kiện cần của một cuộc thương lượng. Milken nói bằng giọng nuối tiếc, “Tôi nghĩ tôi sẽ làm việc ở đây mãi mãi.” Nhưng Milken vẫn đồng ý cùng Lowell xin nghỉ phép, sau đó xin thôi việc, không cần Joseph phải sa thải họ. Các luật sư có thể thảo thêm chi tiết. Hai người thỏa thuận như vậy rồi cúp máy. Đó là cuộc nói chuyện cuối cùng của họ.

* * *

Tại văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp, không khí có phần thay đổi và trở nên gấp gáp. Giuliani sắp rời Văn phòng nên muốn giải quyết xong vụ Freeman và Milken. Ông nói với Baird là rất chán

nản vì vụ Freeman không có chút tiến triển nào. Các luật sư của Freeman gây áp lực lớn lên thỏa hiệp, đòi giảm bớt tội danh để đổi lại việc dàn xếp các cáo buộc liên quan tới Ủy ban Chứng khoán, và Giuliani cho Bruce Baird biết ông đang nghiêm túc xem xét đề nghị này. Thiệt hại trong vụ Freeman chẳng đáng là bao so với việc kết án Milken.

Cartusciello, Carroll và các luật sư khác tham gia vào vụ này cũng có những mối nghi ngại riêng. Vụ Princeton-Newport vẫn chưa được đưa ra xét xử; thành công của cơ quan điều tra trong vụ đó cuối cùng có thể cũng gây áp lực lên Regan, Newberg và những bị cáo khác, buộc họ đầu hàng và chịu hợp tác. Điều đó có nghĩa, muốn xử lý vụ Freeman, cần tận dụng mọi cơ hội để có thể tạo bước đột phá. Với vụ Milken, Carroll đồng ý tiếp cận phe thân Milken một lần nữa, bất chấp sự thách thức công khai liên tục của họ. Anh liên lạc với Litt tại Williams & Connolly và bắt đầu thảo luận sơ bộ; anh cảm thấy yên tâm vì Liman sẽ tham gia vào cuộc thương lượng. Điều đó có nghĩa, có thể đây sẽ là lần đầu tiên Milken phải nghĩ đến việc thỏa hiệp một cách nghiêm túc.

Nhưng những cuộc thảo luận phải ngừng lại vì Milken khăng khăng Lowell phải được hưởng quyền miễn trừ như một phần của thỏa hiệp. Giuliani thực sự thất vọng. Ông đành hãm lại nỗ lực vội vàng muốn giải quyết mọi vấn đề trước khi ra đi. Không có bản án dành cho Milken để làm dịu đi dư luận và không có ý định từ bỏ vụ Freeman, Giuliani rời Văn phòng vào tháng Giêng năm 1989 và lập tức bị đội ngũ quan hệ công chúng của Milken công kích vì là người chỉ đạo xử lý các vụ án này. Khi chiến dịch bảo vệ Milken về sau được tiết lộ, chúng trở thành những vết nhơ tai tiếng nhất trong hồ sơ vụ án vốn đã rất nổi tiếng này.

Thông tin về cuộc dàn xếp với Milken rò rỉ đến được truyền đến tờ The Wall Street Journal dù các luật sư của anh ta vẫn khẳng định với Joseph và Curnin rằng không có cuộc thảo luận nào về thỏa hiệp cả. Các luật sư của Milken đưa ra một tuyên bố: "Những Các cuộc thảo luận giữa các công tố viên và các luật sư bào chữa là thông lệ trong bất kỳ vụ việc nào, nhất là trong những vụ mà Bộ Tư pháp đã đồng ý khởi tố theo pháp luật. Trong vụ này, các công tố viên đến gặp chúng tôi để đưa ra những đề nghị cụ thể và chúng tôi đã từ chối. Không có cuộc thảo luận nào giữa chúng tôi và Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Ông Milken và các luật sư của mình đang chuẩn bị bào chữa. Nếu bị truy tố, ông Milken sẽ chứng minh sự vô tội và bảo vệ bản thân một cách mạnh mẽ."

Nhưng khi tân Bộ trưởng Bộ Tư pháp Benito Romano vừa nhậm

chức (Romano từng là phụ tá của Giuliani, mới về giữ cương vị này theo đề nghị của Giuliani,), các luật sư của Milken trở lại với thỏa thuận nhận tội gần như ngay lập tức, có lẽ vì muốn thử cách làm việc của vị lãnh đạo mới. Động cơ đi đến một thỏa thuận chung xuất phát từ cả hai phía. Dù vẫn rất tự tin nhưng các công tố viên đã quá kiệt sức với cuộc điều tra dài hai năm rưỡi và lại sắp phải đối mặt với một vụ kiện phức tạp, kéo dài. Các gian lận về tài chính phức tạp như thế này chưa bao giờ bị đưa ra trước Bồi thẩm đoàn. Về phần Milken, nếu anh ta định thú tội thì rõ ràng nên làm trước khi bị truy tố. Nó sẽ cho phép giúp anh ta thoát ra khỏi vụ này trước khi phải tiết lộ công khai toàn bộ sự việc. Carroll một lần nữa gọi cho Litt tại Williams & Connolly để nối lại cuộc đàm phán.

Nhiều tuần thảo luận đã diễn ra sau đó. Các công tố viên biết phe Milken nghiêm túc vì đích thân Sandler đã bay từ Bờ Đông tới gặp Baird tại Tòa nhà Thánh St. Andrews. Baird tò mò về vai trò của Sandler. Dù Milken có cả Paul, Weiss và Williams & Connolly – hai công ty luật mạnh nhất nước – bào chữa cho mình, nhưng dường như Sandler có vẻ vẫn đang là người điều khiển mọi chuyện. Anh ta nói ít và có vẻ đang tìm cách đo sức mạnh và lòng chân thành của Baird hơn là những căn cứ của vụ án. Sandler làm ra vẻ nghi ngờ toàn bộ cuộc điều tra của chính quyền và lời đe dọa sẽ truy tố Milken chỉ là một thủ đoạn lừa bịp. Baird cố gắng thuyết phục anh ta rằng đề nghị thỏa hiệp không phải là dấu hiệu của sự yếu thế – nếu Milken từ chối thỏa hiệp, chính quyền sẽ truy tố anh ta.

Cuối tháng Ba, các công tố viên đã có lập ra một bản đề nghị. Tuy nhiên, còn rất nhiều chi tiết còn cần phải làm rõ, ví dụ như khoản tiền phạt. Nhưng Milken chưa bao giờ tỏ ra lo lắng về khoản tiền đó; vì nó có thể dễ dàng thương lượng được. Khi so với lời khai gần đây của Peizer và Dahl, đây là một bản đề nghị mà Milken nên đón nhận: Chỉ phải thú nhận hai trọng tội, hoặc có thể là ba nếu thỏa thuận bao gồm quyền miễn trừ cho Lowell. Nhưng, theo thông lệ, Milken sẽ phải thừa nhận phạm pháp và chịu hợp tác với chính quyền.

Các công tố viên tham gia nhiều nhất vào vụ này như Baird, Carroll và Fardella rất thất vọng vì cuộc dàn xếp. Họ thấy thỏa thuận này quá hời cho Milken. Họ vẫn còn nhiều hướng điều tra cần theo đuổi. Nhưng chính họ đã đưa ra lời đề nghị và các luật sư của Milken đồng ý. Trong khi Flumenbaum và Sandler tiếp tục khẳng định sự vô tội của Milken, thì cả Liman và Litt đều có vẻ ủng hộ một thỏa thuận nhận tội. Tuy nhiên, cho đến khi Milken đồng ý chính thức, không có gì là chắc canh ta cả. Anh ta được gia

hạn tới 3 giờ chiều thứ Tư, ngày 29 tháng Ba; sau đó sẽ bị truy tố.

Đến ngày hôm đó, vẫn không có tín hiệu nào từ Beverly Hills. Chiếc máy photo tại văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp bắt đầu chạy liên tục khi bản cáo trạng dành cho Milken dày 98 trang được in ra và các thông cáo báo chí được sửa soạn. Bản cáo trạng gây chú ý không phải vì độ dài hay nội dung của nó. Nó gồm hầu hết những cáo buộc như trong đơn kiện của Ủy ban Chứng khoán, tập trung vào âm mưu Boesky, khoản chi 5,3 triệu đô-la và âm mưu Princeton-Newport. Nó không nhắc tới lời khai của Dahl và Peizer, vì đa số vẫn đang trong quá trình điều tra. Điều đáng mong chờ nhất chính là số tiền được đề cập trong đó. Lần đầu tiên, bản cáo trạng tiết lộ Milken đã kiếm được 500 triệu đô-la một năm nhờ hành vi gian lận và cơ quan điều tra yêu cầu niêm yết số trái phiếu 1,2 tỷ đô-la theo quy định đạo luật chống tham nhũng.

Chiều thứ Năm đó, Carroll và Fardella đến văn phòng của Romano tại Tòa nhà Thánh St. Andrews, ngóng chờ một cuộc điện thoại từ Milken. Bồi thẩm đoàn đợi sẵn trong phòng xử án, chuẩn bị cho hạn chót 3 giờ chiều. Để thời gian trôi trong yên lặng, Fardella rời Văn phòng đến chỗ Bồi thẩm đoàn tại phòng xử án. Bồi thẩm đoàn đã nghe cơ quan điều tra trình bày về những bằng chứng còn lại và Fardella đã tổng kết lại vụ việc cho họ. Tất cả những gì còn lại là một cuộc bỏ phiếu.

Hy vọng vụ này sẽ kết thúc ngay trong ngày hôm đó ngày hôm đó bằng một thỏa thuận với Milken, Litt đã lên kế hoạch đi chơi ở Disneyland cùng gia đình. Anh ngồi cạnh điện thoại, chờ đợi tin tức. Liman đã lên kế hoạch sang Pháp du lịch. Anh cũng chờ thông tin từ Beverly Hills. Buổi sáng trôi qua, Milken không gọi điện thoại và giam mình trong phòng với vợ.

Litt nhìn đồng hồ chuyển sang buổi chiều; điện thoại kêu rền khi anh nói chuyện với vị đồng cố vấn, cố gắng hiểu xem điều gì đang diễn ra. Anh nói chuyện với Carroll, và được cảnh báo sẽ không trì hoãn việc thi hành. Cuối cùng, Litt gọi tới Beverly Hills và Milken nhấc máy.

“Tôi không thể quyết định,” Milken nói. “Tôi phải để những lo lắng này…”

Litt cắt lời Milken một cách thiếu kiên nhẫn. “Anh phải quyết định. Họ đang tới gặp Bồi thẩm đoàn.” Milken vẫn nao núnglưỡng lự. Cuối cùng, khi hạn chót 3 giờ chiều trôi qua mà không có quyết định nào, Litt hết sức thất vọng. Anh gọi tới văn phòng của

Romano, nói có vẻ họ đã không thành công trong việc đi tới một thỏa thuận.

Carroll tiu nghỉu. Mệt mỏi nhưng cam chịu, anh tới báo tin trực tiếp cho Fardella, người cuối cùng cũng yêu cầu đề nghị Bồi thẩm đoàn biểu quyết có truy tố Milken hay không.

Nhưng chính quyền không làm gì cả. Cuộc họp báo tại Tòa nhà Thánh St. Andrews được lên lịch lúc 4 giờ chiều đã bị hoãn lại. Chiều hôm đó, khi những bản sao bản cáo trạng đã sẵn sàng để gửi đi và cuộc họp báo sắp bắt đầu, Baird tới gặp Romano để thảo luận về những bước tiếp theo trong vụ này. Điện thoại của Romano đổ chuông. Đó là Liman. Anh ta thở không ra hơi, có vẻ đang gọi từ một bốt điện thoại công cộng tại Sân bay quốc tế Kennedy, nơi anh ta đang chờ máy bay cất cánh đi Pháp.

Milken đã quyết định. "Anh ta sẵn sàng ký vào bản thỏa thuận," Liman nói.

"Rất tiếc," Romano đáp sau vài giây ngập ngừng. Không cần trao đổi với Bard, anh trả lời ngay, "giờ đã quá muộn rồi."

15.

Milken đã thực hiện thương vụ tồi tệ nhất trong sự nghiệp của mình. Romano và Baird kinh ngạc trước diễn biến của các sự việc, ngay cả khi họ tự hỏi điều gì đang diễn ra trong tâm trí của Milken. Là một thương nhân, có lẽ Milken đơn giản tin rằng mình có thể có được một thỏa thuận tốt hơn bằng cách bất chấp thời hạn.

Hai công tố viên yên tâm vì thời hạn đã qua. Họ luôn lo lắng thỏa thuận nhận tội này quá dễ dãi và sáng hôm đó đã nhất trí sẽ rút lại lời đề nghị sau khi hạn chót qua đi và kiên quyết không cân nhắc lại. Song, họ không hề nhắc đến cuộc gọi của Liman, ngay cả với các cộng sự của mình. Liman không thông báo gì cho phe thân Milken.

Cuối cùng, khi cuộc họp báo được triệu tập vào lúc 5 giờ 15 phút chiều, Romano thông báo Milken bị truy tố vì 98 tội danh, trong đó có các cáo buộc liên quan đến Luật chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức. Anh lưu ý đây là số tội danh nhiều nhất mà cơ quan điều tra từng truy tố một bị cáo với tư cách cá nhân. Milken, như đã thỏa thuận, bắt đầu rời Drexel theo chế độ nghỉ phép và tuyên bố: "Tại Mỹ, một bản cáo trạng đánh dấu sự khởi đầu của một quá trình pháp lý chứ không phải là một sự kết thúc. Sau gần

hai năm rưỡi thông tin bị rò rỉ và bóp méo, giờ đây tôi muốn trình bày tất cả sự thật trong một diễn đàn mở và không thiên kiến. Tôi sẽ chứng minh mình không phạm các tội danh này và cực lực chống lại những lời cáo buộc. Tôi tin rằng cuối cùng mình sẽ được minh oan."

Milken tuyên bố vô tội hai tuần sau đó và bí mật đến Tòa án Manhattan sớm hơn ba tiếng so với giờ xử án theo kế hoạch. Đó là lần đầu tiên anh ta gặp thẩm phán được chỉ định xử vụ án này, bà Kimba Wood, người mới được bổ nhiệm dưới thời Tổng thống Reagan, có phong thái nhẹ nhàng, trí tuệ sắc bén và mái tóc đen mượt. Không ai có thể đoán biết bà sẽ tiếp cận vụ án gian lận chứng khoán tầm cỡ này như thế nào.

Milken, với làn da rám nắng và gương mặt rạng rỡ, đứng trước mặt thẩm phán Wood, Liman và Flumenbaum ngồi hai bên. Vợ anh ta, Lori, ngồi cùng Sandler ở hàng ghế đầu tiên phía sau chồng cùng đám đông hàng trăm người, hầu hết là phóng viên. Thẩm phán Wood hỏi, "Sức khỏe ông hôm nay thế nào?" Milken trả lời, "Tốt, thưa Tòa." "Ông có đang điều trị các bệnh về thân thể hay tâm thần nào không?" Milken đáp, "Không, thưa Tòa." Chính luật sư của Milken còn cho rằng tinh thần của anh ta có vẻ khá hơn vài tuần trước. Bản cáo trạng đã đến như một sự giải thoát, nhất là khi nó vẫn chủ yếu dựa vào các luận điểm của Boesky. Một lần nữa, Milken tin mình sẽ thắng kiện. "Ông có muốn nói điều gì không?" thẩm phán Wood hỏi. "Tôi vô tội, thưa Tòa," Milken đáp một cách đầy quả quyết.

Giờ đây Milken phải chịu đựng những tai tiếng một thời là của Boesky. Một khối đội cảnh sát New Yorkđội mũ bảo vệ đứng sát nhau ngăn đám đông hiếu kỳ và phóng viên truyền hình khi Milken rời Tòa án và vội vã bước lên một chiếc limouseine đang đợi sẵn. Hàng trăm người ủng hộ anh ta mặc áo phông và mũ bóng chày có dòng chữ: "Mike Milken, chúng tôi tin tưởng anh." Trong một động thái khoa trương chưa từng có tiền lệ của một công ty nhằm ủng hộ cho một bị cáo, rất đông khách hàng của Milken đồng loạt mở các phụ trương quảng cáo của The Wall Street Journal, The New York Times và các tờ báo khác trên đó nhắc đi nhắc lại điệp khúc: "Chúng tôi tin tưởng anh."

Song, nỗ lực quan hệ công chúng của Milken ngày càng xa rời sự thật. Sau bản cáo trạng, một loạt nhân chứng đã ngả về phía chính quyền, chống lại Milken. David Solomon có lẽ là người nguy hiểm nhất; anh ta đã tiết lộ thỏa thuận bất hợp pháp với Milken trong các vụ Finsbury và MacPherson cùng nhiều sai phạm khác. Reed

Harmon, một nhân viên khác tại Beverly Hills từng tham gia các giao dịch với Boesky, đã được miễn truy tố để đứng ra làm chứng. Các thương vụ của Milken với Columbia Savings và Loan, gồm cả các giao dịch thuế bất hợp pháp, đang được điều tra nghiêm ngặt.

Tháng 3 năm 1989, chính quyền tiến hành phiên tòa đầu tiên liên quan đến các cáo buộc của Boesky và Levine: Xét xử tội khai man của Lisa. Luật sư của cô ta, Brian O'Neill, không giúp được gì nhiều trừ việc kêu gọi Bồi thẩm đoàn thông cảm cho sự dại dột của một cô gái trẻ. Jones đứng ở bục nhân chứng, khóc và nói với Bồi thẩm đoàn: "Tôi quá sợ hãi trong phòng thẩm vấn của Bồi thẩm đoàn và đã trả lời không chính xác vì tôi không nhớ gì cả." Bồi thẩm đoàn chỉ mất bốn giờ để buộc Jones nhận tất cả các tội danh: khai man và cản trở việc thực thi pháp luật. Jones khóc nức nở khi bản án được tuyên. Trong thông điệp gửi tới các nhân chứng khác, Romano bình luận thêm rằng phiên xét xử Jones chứng tỏ chính quyền coi khai man là tội "cực kỳ nghiêm trọng.".

Tuy nhiên, còn một thử thách lớn hơn: phiên tòa xét xử Regan và đồng phạm trong vụ án Princeton-Newport. Phe bảo vệ Milken cho biết họ không nghĩ Bồi thẩm đoàn có thể hiểu nổi các vụ án tài chính phức tạp như vậy. Phiên tòa bắt đầu vào tháng Sáu và mất tới năm tuần cho việc lấy lời khai buồn tẻ và phức tạp. Bồi thẩm đoàn phải nghe hàng tá cuốn băng bị tịch thu trong cuộc đột kích vào trụ sở Princeton-Newport. Cả Will Hale, nhân viên đã bị Princeton-Newport sa thải, và một người quan trọng hơn, Fred Joseph, đã được gọi ra tòa làm chứng. Trong vai trò nhân chứng, Joseph giải thích các quy định của Drexel về giao dịch chứng khoán với khách hàng.

Bồi thẩm đoàn chỉ dành hai ngày để nghị án – một khoảng thời gian tương đối ngắn so với sự phức tạp của 64 trọng tội riêng lẻ. Các bị cáo coi đó là dấu hiệu cho thấy họ sẽ được minh oan; riêng James Regan luôn tin Bồi thẩm đoàn sẽ không bao giờ kết tội anh ta. Cartusciello đã đưa ra vấn đề này trong những lập luận cuối cùng, các bị cáo quá "kiêu ngạo, khiến mọi thứ trở nên phức tạp và khôn ngoan tài tình đến nỗi không thể kết hợp chúng lại với nhau."

Ngày 31 tháng Bảy, khi các thành viên Bồi thẩm đoàn trở lại phòng xử án, Zaecki, người bị nhận dạng rõ ràng trong các cuốn băng, đã cười lớn và làm cử chỉ giơ ngón tay cái lên cao về phía khán giả. Tâm trạng của anh ta thay đổi đột ngột khi Chủ tọa tuyên án: anh ta bị cáo buộc 63/64 tội danh. Nhiều bà vợ của các bị cáo đã khóc.

Không khí tại các văn phòng của Robinson, Lake rất ảm đạm. Ken Lerer gần như suy sụp sau khi nghe phán quyết. Anh ta là một trong trong số những người luôn tự tin rằng mình sẽ được tuyên trắng án hoặc ít nhất là vụ án xét xử sai thủ tục.

Tuy nhiên, với các công tố viên, lời tuyên án chung chung không tạo nên những bước đột phá tức thời như họ hy vọng. Bất chấp áp lực mới, Newberg và Regan, hai bị cáo hứa hẹn có thể cung cấp cho chính quyền nhiều thông tin có giá trị về Milken và Freeman, vẫn từ chối hợp tác.

Hầu hết các điều tra viên đều cảm thấy kiệt sức vì Regan quá ngoan cố. Cartusciello và McEnaly cũng không tiến triển khá khẩm hơn là mấy. Không nhân viên Goldman, Sachs nào từ bỏ hàng ngũ, phản ánh sức mạnh của văn hóa thể chế, điều đã đưa hãng này vượt lên trên các đối thủ của họ suốt bao năm qua. Các công tố viên theo đuổi vụ án Beatrice từ bài viết trên tờ Journal, đã hỏi Bunny Lasker về cuộc gọi của anh ta cho Freeman. Lasker quả quyết anh ta không nhớ gì về điều này. Ngày càng tuyệt vọng, các công tố viên đã đành đề nghị trao cho Tabor quyền miễn trừ để đổi lại lấy bất kỳ lời khai nào liên quan đến Freeman. Nhưng Tabor từ chối vì cảm thấy chính quyền không đạt được chút tiến triển nào. Còn Wigton gần như đã bị lãng quên.

Siegel bị cách ly ở Florida và càng lúc càng nóng lòng chờ ngày vào tù. Freeman, Goldman, Sachs và Drexel đã thuê thám tử tư Jules Kroll và đám lâu la lần theo nhất cử nhất động của Siegel. Một lần, khi đang xây dựng một trại hè tin học cho trẻ em ở Jacksonville, Siegel tới văn phòng của một nhà đầu tư tiềm năng đúng lúc điện thoại trong phòng người này đổ chuông. Người gọi tự xưng là "Phil Spence," một phóng viên tự do của tờ Associated Press. Ông ta cho đối tác của Siegel biết mình đang viết một câu chuyện về "mối quan hệ giữa Ivan Boesky và Martin Siegel." Ông ta hỏi vị doanh nhân này liệu Siegel có "lợi ích ích ngầm" trong công ty của anh ta hay không. Khi "Phil" từ chối cung cấp các thông tin khác của bản thân hay để lại số điện thoại, vị doanh nhân này đã dập máy. Anh này cũng lập tức rút ra khỏi dự án tin học của Siegel.

Siegel và Rakoff đã than phiền với Cartusciello, người đang theo dõi vụ này và được biết không có Phil SoOence nào làm việc cho tờ Associated Press. Kẻ đó thực ra là tay chân của thám tử Kroll. Anh ta cũng gọi cho tất cả hàng xóm cũ của Siegel ở Connecticut. Khi Siegel tới thăm một người bạn ở New yYork, Phil cũng gọi cho người bạn này. Anh ta nói: "Tôi biết anh đang cất giấu tiền cho Marty Siegel. Chúng tôi biết điều này." Sau đó, một người đàn ông

xuất hiện trước căn hộ của người bạn đó, tự nhận mình là thanh tra cảnh sát New York và giơ ra một tấm thẻ. Người bạn này để anh ta vào và sục sạo khắp nhà. Sau đó, người bạn của Siegel có gọi cho cảnh sát và được biết không có vị thanh tra nào như vậy. Từ tấm giấy phép của kẻ mạo danh, Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã lần tìm ra đó là thám tử đó của hãng Kroll Associates.

Các công tố viên rất giận dữ, họ đe dọa sẽ kiện Kroll vì tội cản trở việc thực thi pháp luật và quấy nhiễu nhân chứng của Liên bang. Kroll đồng ý dừng các hoạt động đó lại. Nhưng các tai mắt của Kroll bắt đầu liên lạc với phụ huynh của lũ trẻ gửi cùng con là bạn của con Siegel. Một kẻ đã hối lộ cho cô trông trẻ 16 tuổi của Siegel 50 đô-la, yêu cầu cô ta cho biết Siegel có trả lương bằng tiền mặt không và cô ta có thấy Siegel hút cần sa không. Nhà Siegel cũng liên tục bị những cuộc điện thoại lúc nửa đêm quấy rối; họ đã phải thay số điện thoại tới ba lần. Các công tố viên lại buộc phải cảnh cáo Kroll một lần nữa và những cuộc điện thoại đã giảm hẳn.

Dù gây phiền toái cho Siegel, nhưng nỗ lực tiêu tốn 1,5 triệu đô-la của Kroll chỉ đem lại những kết quả nực cười. Tuy nhiên, Siegel băn khoăn liệu không biết mình có thể chịu đựng đến lúc nào. Mỗi lần vụ án Freeman xuất hiện trên báo, Siegel lại bị bêu riếu như một kẻ nói dối. Tháng Giêng, Siegel gặp Baird và chỉ còn thiếu nước cầu xin được vào tù. Baird một lần nữa nói lảng sang chuyện khác.

Các luật sư của Freeman; Robert B. Fiske, Jr., của Davis Polk; Wardwell và Paul Curran của Kaye, Scholer và Pedowits của Goldman, Sachs làm việc rất hiệu quả trong các cuộc gặp gỡ tiếp theo của họ với chính quyền. Không như các luật sư của Milken, họ không bao giờ tuyên bố Freeman vô tội. Họ không bao giờ xúc phạm sự đánh giá và phán xét của các các công tố viên bằng cách chỉ trích tất cả những gì Siegel nói là dối trá hay coi Freeman là bảo vật quốc gia. Ngược lại, họ tiến hành một cuộc tìm kiếm quy mô các nguồn có thể thay thế cho thông tin giao dịch của Siegel và Freeman. Họ không khẳng định đó là những nguồn thông tin trung thực mà chỉ đơn giản nhấn mạnh họ có thể khiến Bồi thẩm đoàn phải nghi ngờ. Những nỗ lực của họ đã cho thấy sự khó khăn của việc chứng minh một giao dịch nội gián nhằm chống lại một nhà đầu tư chuyên nghiệp, thậm chí khi có một nhân chứng hợp tác như Siegel.

Tuy nhiên, Baird và các đồng nghiệp đã sẵn sàng đưa vụ kiện ra trước Bồi thẩm đoàn. Họ tin tưởng có thể dựa vào Siegel và các bằng chứng đã quá rõ ràng. Cuối cùng, một bước đột phá may

mắn đã đến.

Trong nỗ lực cuối cùng nhằm chứng minh lời khai của Siegel, các công tố viên đã bắt giữ Frank Brosens, một trong những phụ tá của Freeman tại Goldman, Sachs và đưa anh ta ra trước Bồi thẩm đoàn đang xét xử vụ Freeman. Ban đầu, Brosens không cung cấp thông tin gì mới và có giá trị. Nhưng khi mọi người đã sắp sửa bỏ cuộc, McEnany hỏi: "Anh còn nhớ điều gì nữa không?" thì Brosens cảm thấy không thoải mái và muốn bàn bạc với luật sư của mình. Phiên tòa được hoãn lại một lúc.

Khi Brosens trở lại, anh ta trả lời: "Có." Các công tố viên kinh ngạc vì anh ta thừa nhận Freeman đã gọi điện cho Siegel trong vụ Beatrice. Freeman đã không ngừng lặp đi lặp lại lời xác nhận của Siegel về câu nói của Bunny Lasker: "Con thỏ của cậu có cái mũi rất thính." Đây là một sự vô ý chết người.

Cuối cùng, cơ quan điều tra đã có chút manh mối. Điều này ảnh hưởng tới cuộc điều tra nhiều hơn những gì họ mong đợi. Lập tức, các luật sư của Goldman, Sachs và Freeman thẩm vấn Brosens và nhắc lại lời thú nhận nguy hiểm của anh ta. Họ đã được báo động. Khi The Wall Street Journal trích dẫn từ "con thỏ" hơn một năm trước, họ đã cho rằng các công tố viên đã để lộ thông tin cho tờ Journal nhằm gây áp lực với Freeman. Họ lập luận rằng điều này có nghĩa là chính quyền đã có một nguồn thông tin – có thể là Siegel – người làm chứng cho vụ trao đổi với Freeman.

Nhưng Siegel đã không bị các công tố viên thẩm vấn về chuyện "con thỏ" cho tới tháng Sáu năm 1989 khi bị đưa ra trước Bồi thẩm đoàn. Khi được hỏi về vụ việc Beatrice và chi tiết "con thỏ," Siegel nhớ lại mình từng nói chuyện đó với Henry Kravis và Freeman. Điều duy nhất anh ta có thể nói về chi tiết này là nó có vẻ giống một điều gì đó mà anh từng nói ra. Siegel không nhớ đó là gì và cũng không nhớ đã cho Freeman biết các thông tin nội bộ về vụ Beatrice.

Các luật sư của Freeman rơi vào cái bẫy tương tự mà các luật sư của Milken và Drexel từng mắc phải: Họ tin rằng các phóng viên có thể lấy thông tin từ bất kỳ ai ở mọi nơi nhưng chắc canh ta không bao giờ là từ chính quyền. Họ đã không cân nhắc khả năng chính quyền không hề biết gì về vụ "con thỏ" trước tờ Journal. Họ cho rằng Siegel đã xác nhận phần cuối cuộc hội thoại và kết luận sai lầm rằng chính phủ có hai nhân chứng chứ không phải chỉ riêng Brosens.

Quan điểm của Bob Rubin, người ủng hộ Freeman suốt một thời gian dài, hiện là đồng Chủ tịch Goldman, Sachs, cuối cùng cũng lung lay. Ông luôn tin Freeman vướng vào một vụ án "có thể xét xử được" và có cơ hội giành chiến thắng. Nhưng khi xem xét thành viên của bất kỳ các Bồi thẩm đoàn nào, ông đều nhận thấy không có một dấu hiệu khả quan nào. Rõ ràng, công chúng không coi trọng các nhà đầu tư trong khi Freeman đã kiếm được một số tiền bất chính lớn. Phán quyết trong vụ Princeton-Newport đã khẳng định nỗi lo ngại của Bob rằng công chúng có ác cảm đối với những ông chủ giàu có trên Phố Wall.

Hơn nữa, Freeman không hề phản đối những sự kiện liên quan tới vụ Beatrice; ông ta cũng chưa từng phủ nhận việc nhận lời khuyên "con thỏ" hay việc kinh doanh dựa vào trên các thông tin nội fgián. Phán quyết trong vụ Princeton-Newport hết sức nặng nề đối với Freeman. Một luật sư cho rằng "anh ta không còn sức chiến đấu" sau khi Regan bị kết án.

Chính Rubin đã nói với các đồng nghiệp tại Goldman, Sachs rằng Freeman đã gây ra một "sự sai lầm trong phán quyết". Nếu âm mưu lớn từng được cho là của chính quyền có thể được tựu chung vào thông điệp "con thỏ của cậu có cái mũi thính," Rubin tin rằng vụ án sẽ được giải quyết với mức phí tổn thấp nhất cho Goldman, Sachs. Thậm chí, chính quyền có thể bị biến thành trò cười.

Phe cánh của Freeman đã tiếp cận Baird và các công tố viên, bày tỏ việc sẵn sàng nhận tội giao dịch nội gián liên quan tới vụ Beatrice. Ngay lập tức, một cuộc tranh cãi nổ ra giữa các công tố viên. Cartusciello và McEnany phản đối gay gắt một thỏa thuận quá có lợi cho Freeman. Họ sẵn sàng tiếp tục nỗ lực công cuộc điều tra vụ án. Tuy nhiên, Baird lại cho rằng thỏa thuận này có nhiều thứ đáng để xem xét. Đó là một lời thú nhận phạm tội, nó sẽ đưa Freeman ra khỏi thị trường chứng khoán và có thể đưa ông ta vào tù.

Baird không nghĩ mình có thể trì hoãn trường hợp của Siegel lâu hơn nữa. Siegel đã chờ bị kết án hơn hai năm. Hơn nữa, không giống như trường hợp của Milken, vụ Freeman không có nhiều tiến triển theo thời gian. Baird đã thề sẽ làm cho ra nhẽ sáng tỏ vụ này, nhưng anh cũng đang sốt sắng muốn rời Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp để sang làm cho một cơ quan tiến hành các hoạt động riêng.

Đối với Romano, vụ dàn xếp này cũng là một cơ hội để hỗ trợ người bạn và người thầy của anh, Giuliani, giờ đang bận bịu với

chiến dịch tranh cử chức thị trưởng. Việc kết thúc vụ án trong mùa hè sẽ loại trừ nguy cơ nó biến thành một vấn đề bất lợi trong cuộc bầu cử đang diễn ra vì nó chứng tỏ người mà Giuliani từng bị bắt giữ thực tế đã phạm tội chứ không phải là một nạn nhân vô tội. Romano ủng hộ Baird. Dù các công tố viên trẻ tuổi vẫn tiếp tục phản đối, nhưng cuối cùng họ Romano và Baird vẫn giành chiến thắng với lời hứa sẽ đưa ra bằng chứng chứng minh tất cả các sai phạm của Freeman trong phiên tòa anh ta.

Ngày 17 tháng Tám, Freeman xuất hiện tại Tòa án liên bang và nhận tội. Đồng thời, Freeman cũng từ chức tại Goldman, Sachs, nơi từng là "một phần không thể thiếu trong cuộc đời tôi" trong suốt 19 năm qua. Trong lá đơn xin từ chức gửi cho John Weinberg, một lãnh đạo cấp cao của Goldman, Sachs, Freeman thừa nhận sai phạm của mình trong vụ Beatrice nhưng không xin lỗi. Ông ta khăng khăng mình không hề phạm bất kỳ sai lầm nào khác trong cả sự nghiệp và câu nói cuộc điều tra là "cơn ác mộng đối với tôi và gia đình của tôi" ám chỉ ông ta nhận tội chỉ để cuộc điều tra này kết thúc. Thỏa hiệp không yêu cầu Freeman hợp tác với chính quyền và ông ta cũng không bao giờ làm như vậy.

Goldman, Sachs đã cố gắng giảm thiểu ảnh hưởng của chuyện này bằng cách tìm cơ hội công kích các công tố viên thay vì công kích một đồng nghiệp vừa nhận tội. Trong báo cáo gửi tới toàn thể công ty, Goldman, Sachs viết: "Bob đã chịu ảnh hưởng của một cuộc bắt bớ mà các công tố viên từ trước đến nay vẫn coi là sai lầm; một bản cáo trạng bị thu hồi, đầy những tội danh mới được đưa ra trong một khoảng thời gian kỷ lục; theo sau một cuộc điều tra mệt mỏi kéo dài hai năm và hàng loạt cáo buộc chính thức và công khai khác xa những gì thực tế anh ấy đã làm."

Song, một số nhân viên Goldman, Sachs thực sự lo lắng về sự thừa nhận đi cùng lời bào chữa của Freeman. Freeman đã mô tả một thế giới trong đó, với tư cách một nhà môi giới chứng khoán hàng đầu tại Goldman, Sachs, ông ta có được những thông tin về thị trường mà các nhà đầu tư khác không dám mơ tới. Thí dụ, trong vụ Beatrice, ông ta thừa nhận đã tiết lộ với Henry Kravis về thương vụ này; rằng anh ta biết Richard Nye sắp bán cổ phiếu Beatrice vì Goldman, Sachs thực hiện các giao dịch cho Nye; ông anh ta đã nói chuyện với Nye; rằng Lasker đã gọi cho ông ta để báo cáo các vấn đề liên quan tới thương vụ Beatrice và rằng sau đó ông ta đã gọi cho Siegel.

Cho dù đó không phải là sai phạm, nhưng việc tự do trao đổi các thông tin bí mật mà các nhà đầu tư khác không tiếp cận được

cũng dễ gây tai tiếng vì nó cho thấy sự nguy hiểm của việc để một ngân hàng đầu tư lớn tham gia vào các giao dịch chứng khoán. Tuy vậy, không như Kidder, Peabody tự nguyện rút lui khỏi thị trường sau khi kết luận rằng nó gây ra một sự xung đột về lợi ích, phòng kinh doanh chứng khoán cổ phiếu giá rẻ của Goldman, Sachs vẫn chứng tỏ sự năng động và khả năng sinh lợi lớn nhất trên phố Wall.

Cuộc điều tra về Wigton và Tabor đã khép lại. Wigton hầu như không tỏ ra cay đắng về quá khứ của mình, thể hiện sự kiên định đến cùng với công ty Kidder, Peabody mà anh từng biết. Khi phiên tòa xử Freeman bắt đầu và các công tố viên tuyên bố thử thách với Wigton đã qua, thì Wigton đang đạp xe tại câu lạc bộ thể thao; để lại lời nanh ta rằng anh không muốn bị làm phiền. Sau khi biết thông tin, anh ta tiếp tục chơi golf như thường lệ tại một câu lạc bộ ở vùng quê. Về sau, anh ta cho biết mình cảm thấy các công tố viên đã rất lịch sự.

* * *

Khi điện thoại reo, Siegel đang ngồi trong bếp sau một ngày đi mua sắm với vai trò một người chồng. Luật sư của anh ta, Audrey Strauss, gọi tới để thông báo việc Freeman nhận tội. Siegel kinh ngạc. Anh ta không thể tin mình đã chịu đựng một thử thách lớn như vậy để rồi chứng kiến nó sụp đổ chỉ sau một lời nhận tội. Siegel đã thực sự bắt đầu mong được ra làm chứng. Anh ta biết mình đang nói sự thật và dám chắc Bồi thẩm đoàn sẽ tin mình. Cuối cùng, anh cũng sẽ được minh oan theo cách xứng đáng. Công chúng sẽ thấy anh đã cố gắng làm những viêc việc đúng đắn.

Kết quả vụ án đã phá vỡ niềm tin của Siegel vào chính quyền, anh từng cho rằng họ có thể giải quyết được mọi thứ. Thậm chí, anh cũng không thể vào tù vì hiện tại anh đang được dự phòng làm nhân chứng trong phiên tòa xử Freeman. Anh ta cay đắng than thở với Cartusciello, người đã khuyên anh cố gắng giữ bí mật để Freeman ít nhất phải nhận hai tội danh. Cartusciello nói với Siegel và Rakoff: "Tôi không thể nói ra điều này trong một phiên tòa mở, nhưng nhìn chung chúng ta đã làm hỏng nó."

Một tuần sau khi Milken bị kết án, khi hơn 3000 người đổ tới Beverly Hilton dự sự kiện Predators' Ball 1989; phe trung thành với Milken do Lorraine Spurge dẫn đầu đã đối chất với Joseph về đoạn phim tưởng nhớ Milken. Họ tới phòng khách sạn của ông và tuyên bố sẽ rời khỏi hội thảo nếu ông không chịu chiếu đoạn phim đó. Một lần nữa Joseph phải đảm nhận một nhiệm vụ bất khả thi -

quản lý một công ty vẫn do Milken chi phối. Như thường lệ, anh lại dịu xuống. Vào tối thứ Năm, đoạn phim đã được chiếu cùng với lời thuyết minh của Milken và giai điệu hồi hộp. Thậm chí nếu lơ đãng, người ta vẫn tưởng Milken là ngôi sao của Predators' Ball.

Trên các tập tài liệu đều in banner cỡ lớn "DREXEL BURNHAM ĐẠI DIỆN CHO THÀNH PHỐ LỢI SUẤT CAO NĂM 2089," bên dưới là hình ảnh một chiếc tàu không gian đang quay, tượng trưng cho các sản phẩm của các khách hàng Drexel. Nhưng Don Engel có linh cảm đây là bữa tiệc Predators' Ball cuối cùng. Ngay cả nghệ sĩ tới góp vui, Sheena Easton, có vẻ cũng chỉ là hạng hai. Tại buổi thuyết trình của RJR, Engel thấy cô đơn và bị cô lập khi Milken không còn ở cạnh bên lúc buổi thuyết trình kết thúc và những người tham dự rời khỏi phòng, Engel gục đầu xuống, khóc nức nở.

Ngay sau khi hội thảo kết thúc, Drexel tuyên bố những cuộc thương lượng và điều kiện dàn xếp của họ với Ủy ban Chứng khoán đã hoàn tất. Trong bản án đã được nhất trí hoàn toàn, Ủy ban Chứng khoán sẽ giành quyền kiểm soát Drexel. Đa số mọi người đều giật mình khi biết John Shed, Chủ tịch vừa mới nghỉ hưu của Ủy ban Chứng khoán, sẽ trở thành Chủ tịch Drexel. Joseph vẫn sẽ là Giám đốc điều hành. Ủy ban chấp thuận yêu cầu của giới lãnh đạo Drexel – xem xét kỹ mọi hoạt động đang diễn ra tại đây. Drexel đã chiến thắng trong cuộc chiến giữ lại các hoạt động lợi suất cao ở Beverly Hills nhưng việc kết án Milken và Lowell vẫn tiếp tục. Ủy ban Chứng khoán yêu cầu Drexel mua lại cổ phiếu của Milken và Lowell trong công ty và không liên hệ với họ nữa.

Joseph đã nói với các nhân viên Drexel, "nếu các thỏa thuận này được phê chuẩn đúng hạn, chúng ta sẽ có thể sát cánh bên nhau trong suốt cuộc đời và sự nghiệp còn lại. Tôi nghĩ tất cả chúng ta đều có thể tự hào về những gì mình đã vượt qua. 96% những người quan trọng nhất của công ty vẫn ở lại. Với tôi, đó là một điều kỳ diệu."

Drexel đồng ý trả Milken 70 triệu đô-la để thu hồi số cổ phiếu anh ta nắm giữ. Milken tuyên bố anh ta đã thành lập công ty mới, Tập đoàn Tiếp cận vốn Quốc tế. Milken đã ban bố thông cáo báo chí do Robinson, Lake soạn thảo, cho biết công ty mới sẽ dùng mọi nguồn lực của nó để "tạo ra các cơ hội sở hữu cho các nhân viên, các cổ đông thiểu số và các hiệp hội." Lerer phủ nhận việc Milken đang tìm cách lấy lòng các thành viên Bồi thẩm đoàn xuất thân là người lao động chân tay và thuộc các sắc tộc thiểu số.

Sự bất đồng chính kiến của phe thân Milken vẫn là một vấn đề tại Drexel. Để giữ chân các nhân vật chủ chốt, Joseph tiếp tục mua sự trung thành bằng những khoản tiền thưởng hậu hĩnh. Ông đảm bảo rằng số tiền thưởng của mỗi người năm 1989 sẽ bằng ít nhất 75% thu nhập của họ trong năm 1988, chưa tính tới lợi nhuận của công ty. Thí dụ, Black sẽ nhận được 25 triệu đô-la và Kissick sẽ được 11 triệu đô-la. Kissick đã đảm nhận vị trí cũ của Milken và Black trở thành trưởng ban tài chính của công ty. Vị trí của họ tại ban hỗ trợ bảo hiểm, một ban có trách nhiệm xem xét chất lượng các thương vụ tiềm năng, đã được thay thế bởi các nhân viên non trẻ thiếu cả kinh nghiệm và thành tích để có thể chất vấn các lãnh đạo cấp trên, dù rủi ro của một số thương vụ là rất lớn. Đó là một sự điều chuyển hết sức tai hại.

Black và Peter Ackerman dường như đã quen tiến hành các thương vụ và tạo ra các khoản phí thanh toán trước mà không quan tâm tới rủi ro và hậu quả trong tương lai trong một chiến dịch họ bắt đầu từ trước khi Drexel nhận tội. Mùa thu năm 1988, theo yêu cầu của Black, Drexel đã đồng ý hỗ trợ việc mua lại hãng West-Point Pepperell của một khách hàng trung thành với Milken, William Farley. Công ty Fruit of the Loom của ông ta sống được nhờ trái khoán do Drexel bảo trợ. Đầu tháng Một năm 1989, trong một giao dịch do Meshulam Riklis, một nhà đầu tư trước đây của Boesky, khởi xướng, Ackerman đã mua 175 triệu đô-la cổ phiếu của Trans Resources, một hãng thuộc sở hữu của Haifa Chemical Co. tại Israel.

Stephen Weinroth, một thành viên ban hỗ trợ bảo hiểm, người từng phản đối cấp vốn cho Boesky, hết sức hoảng sợ về cả hai vụ West-Point và Trans Resources. Sự phản đối của Weinroth bị Black và Ackerman lấn át. Nhều nhân viên cấp dưới của ban này ngồi ngoan ngoãn khi Black và Ackerman yêu cầu thông qua các thương vụ. Phẫn nộ, Weinroth bỏ cuộc họp ra ngoài. Anh không thể khiến Joseph chú ý vì vị giám đốc điều hành này quá bận rộn thương lượng với chính phủ và cố gắng cấu trúc lại công ty để nó có thể sống sót sau thỏa thuận.

Các thương vụ mới cho thấy nếu Milken không bán trái phiếu và hối lộ khách hàng khi cần thiết thì đội ngũ nhân viên kinh doanh ở Beverly Hills cũng không thể tìm ra thị trường riêng. Kỷ nguyên Milken có thể áp đặt giá cho các sản phẩm để thao túng khách hàng đã qua. Khách hàng tiềm năng bắt đầu xem xét thực sự kỹ lưỡng điều khoản của các giao dịch trái phiếu được Drexel bảo trợ và trong nhiều trường hợp, họ hết sức kinh hoàng. Kết cục, Drexel phải mua lại hầu hết các giấy tờ mất giá trong vốn chủ sở hữu của

họ khiến số trái phiếu thuộc sở hữu của công ty trong danh mục đầu tư tăng lên. Drexel còn vướng một khoản nợ 250 triệu đô-la của Farley, chiếm gần 1/4 tổng vốn chủ sở hữu. Đến cuối mùa hè, Drexel đã có một danh mục đầu tư khổng lồ với các trái khoán của các công ty Reports International, Braniff, Integrated Resources, SCI Holdings, Gillett Holdings, Simplicity Pattern, Consolidated Oil and Gas, Hillsborough, và Southmark – tất cả đã đều là những trái khoán được Drexel bảo trợ.

Joseph đã được cảnh báo. Ông ngăn cản Black cấp vốn cho cuộc trả giá rủi ro cao liên quan tới Prime Computer do một khách hàng của Drexel, Bennett Lebow thực hiện, và cố gắng kiềm chế Ackerman sau khi anh ta đặt một lệnh cá nhân cho Paramount Petrolium, tiêu tốn của Drexel một khoản 50 triệu đô-la. Ackerman rất giận dữ, bất chấp khoản tiền bảo đảm 100 triệu đô-la, anh ta bỏ việc và chuyển tới văn phòng tại Luân Đôn, có lẽ để phát triển các cơ hội kinh doanh tại châu Âu. Tuy thế, Ackerman lại nói với các đồng nghiệp rằng anh ta định bắt đầu viết sách. Tại Beverly Hills, một bức tranh biếm họa được truyền tay nhau vẽ cảnh Ackerman tẩu thoát qua một bức tường trong đêm tối với một túi lớn đầy tiền.

Bất chấp lời hứa hẹn về khoản tiền thưởng lớn, Ackerman không phải là vấn đề duy nhất. Lorraine Spurge và Bob Davidow, vẫn tức giận về việc Joseph ngăn cấm đoạn phim tưởng nhớ Milken, đã rời bỏ công ty và rút lại vốn cổ phần của mình. Những người trung thành với Milken khác cũng ra đi, khiến nhiều bộ phận của công ty bị ảnh hưởng, nhất là mạng lưới môi giới bán lẻ. Vì các nhà đầu tư cá nhân gặp rắc rối với lời thú tội lần lượt ra đi, Drexel phải trả cho các nhà môi giới của mình mức lương cao hơn để họ ở lại. Dù vậy, số lượng nhà môi giới vẫn giảm từ 1400 xuống còn 1200. Việc tuyển dụng các nhà môi giới mới là điều không thể – không ai muốn làm việc cho Drexel. Khi chi phí tăng lên, lợi ích kinh tế theo quy mô giảm sút. Joseph dự kiến một khoản tổn thất từ 40 đến 60 triệu đô-la trong hệ thống bán lẻ chỉ trong năm 1989.

Khi cuộc hội thảo Predators' Ball diễn ra vào tháng Tư, Joseph đã biết Drexel cần sớm tái cấu trúc một cách quyết liệt. Hệ thống môi giới một thời là nền tảng của công ty đã suy yếu nghiêm trọng. Joseph cảm thấy điều đó thật khủng khiếp. Trong suốt cuộc điều tra, ông đã kêu gọi lòng trung thành của các nhà môi giới và hầu hết họ đều hưởng ứng không chút nghi ngờ. Joseph đã nhiều lần hứa hẹn Drexel sẽ tồn tại mãi mãi trong ngành kinh doanh môi giới bán lẻ. Tuy nhiên, trong một bài phát biểu vào trung tuần tháng Tư, ông thừa nhận: "Thế giới đã thay đổi với Drexel. Chúng

tôi đang xem xét lại tất cả mọi hoạt động kinh doanh của mình." Khán giả là các nhà môi giới đã đứng dậy hoan hô dù Joseph không thể hiểu tại sao.

Một vài ngày sau đó, vào ngày 8 tháng Tư, Joseph tuyên bố Drexel sẽ từ bỏ ngành kinh doanh môi giới bán lẻ cũng như các trái phiếu thành phố và cổ phiếu nước ngoài. Đây là điểm kết thúc cho giấc mơ của Joseph – xây dựng một công ty dịch vụ hoàn thiện có thể cạnh tranh với Goldman, Sachs. Số lượng 10.000 nhân viên mà ông thường dẫn ra để biện minh cho thỏa thuận với chính quyền giờ giảm xuống còn hơn 5000 người. Các nhà môi giới đột ngột mất công ăn việc làm cảm thấy cay đắng về điều họ xem như một sự phản bội. Với Joseph, lựa chọn này tuy đau đớn nhưng rất rõ ràng: Sự sống còn của công ty đang bị đe dọa.

Khi Joseph vật lộn với các vấn đề chồng chất, nhiều dấu hiệu nguy hiểm đã xuất hiện trong đế chế trái khoán của Milken. Trước đây, bất cứ khi nào các nhà phát hành trái phiếu lớn của Drexel sắp vỡ nợ, Milken chỉ cần đưa ra đề nghị trao đổi, cơ cấu lại nợ, thông thường với mức bảo trợ cao hơn. Quy trình theo hình kim tự tháp này đã ngụy trang các vấn đề tín dụng và khiến trái phiếu của Drexel có tỷ lệ vỡ nợ rất thấp. Hiện tại, các nhân viên kinh doanh ở Beverly Hills nhận thấy không thể chuyển nợ xấu thành trái phiếu mới. Bất kỳ rạn nứt nào về bề ngoài của các trái khoán cũng tiềm ẩn các nguy cơ lớn vì các khách hàng lớn của Milken – từ tiết kiệm và cho vay như Columbia đến các công ty bảo hiểm như Executive Life – đều đã bội thực trái khoán đến mức bất cứ sự suy giảm giá trị danh mục đầu tư nào cũng ngăn cản họ hấp thụ thêm.

Khi vết rạn nứt xuất hiện, nó sẽ dẫn tới một trận động đất. Chỉ vài ngày sau khi Milken chính thức ra đi vào tháng Sáu, Integrated Resources, một nhà cung cấp dịch vụ lá canh ta thuế, từng biến 2 tỷ

đô-la trong danh mục đầu tư trái khoán được Milken bảo trợ thành một đế chế bất động sản và bảo hiểm trị giá 15 tỷ đô-la, đã tuyên bố vỡ nợ với các khoản thanh toán lãi suất của mình. Từng đóng vai trò quan trọng trong thành công của Milken, Integrated trung thành phát hành khoán, đầu tư vào đó và trở thành một trong những khách hàng lớn nhất của Milken. Integrated đã thu hút hàng triệu đô-la của các nhà đầu tư vào các sản phẩm tài chính của họ. Giá cổ phiếu của Integrated tăng mạnh từ 8 đô-la năm 1981 lên 46 đô-la năm 1983. Dù nỗ lực cải cách thuế năm 1986 làm giảm lợi nhuận của hoạt động kinh doanh lá canh ta thuế, khoản nợ của Milken đã đẩy họ vào một loại hình kinh

doanh mới. Các giám đốc cấp cao và các chủ sở hữu chính – thành viên của gia đình Zises – đã tự trả cho mình những khoản lương khổng lồ.

Nhưng nếu giảm bớt các hoạt động kinh doanh ngầm, Integrated chỉ là một ngôi nhà không móng, hình ảnh thu nhỏ của toàn bộ đế chế trái khoán khổng lồ. Những dòng lưu chuyển nợ mới đã che giấu tình trạng tài chính xấu quá lâu. Hiểu rõ điều đó, Milken đã sắp xếp một dòng lưu chuyển tài sản và tiếp nhận quyền kiểm soát của một khách hàng khác, ICH Corporation, một công ty bảo hiểm tại Louisville vào tháng Mười hai năm 1988. Đó là một thủ đoạn điển hình của Milken để chống đỡ cho một công ty bảo hiểm có giá trị ngày càng thấp đi, nhưng áp lực của cuộc điều tra và việc Drexel thú tội đã cản trở thành công. Thương vụ ICH không bao giờ được thực hiện. Không có Milken, đội ngũ kinh doanh ở Beverly Hills cũng không hy vọng bán thêm trái khoán của Integrated và công ty này sẽ khó tránh khỏi cơn lao đao do khủng hoảng tiền mặt.

Tháng Hai năm 1990, Integrated nộp đơn xin phá sản, giá trị các trái khoán của họ giờ là con số không, trong đó một số lượng rất lớn đang được Drexel tích trữ. Nạn nhân của họ là hàng nghìn nhà đầu tư, công chức và người lao động - bao phủ hầu khắp các tầng lớp nhân dân Mỹ, đa số đều không hề biết Integrated có quan hệ với Drexel.

Sự sụp đổ của Integrated là hồi chuông cảnh tỉnh trong cộng đồng tài chính, nhất là với các khách hàng cũ của Milken, những người đã mất sạch vì nắm giữ trái khoán Integrated. Lời báo động biến thành cơn hoảng loạn vào tháng Chín khi công ty bán lẻ khổng lồ Campeau Corporation tiết lộ họ đang gặp khủng hoảng thanh khoản, điều đó có nghĩa họ không thể hoàn thành nghĩa vụ với hàng tỷ đô-la trái khoán đã phát hành để có được Allied Department Stores và Federated (đều là những cái tên đẳng cấp trên thị trường bán lẻ giống như Bloomingdale.) Cuộc khủng hoảng của Campeau khiến rất nhiều người giật mình bởi nền kinh tế quốc gia vẫn đang phát triển. Chuyện gì sẽ xảy ra với trái phiếu của các công ty này trong thời kỳ chậm phát triển hay suy thoái?

Cứ như thể các nhà đầu tư được đánh thức sau một giấc mơ dài hàng thập kỷ để cuối cùng nhận ra không thể có lợi nhuận cao mà không có rủi ro. Dù Drexel không liên quan tới Campeau – thương vụ này là sản phẩm trí tuệ của các nhà đầu tư lừng danh Bruce Wasserstein và First Boston – những người hiện giờ đang bán đổ bán tháo trái phiếu với bất kỳ mức giá nào. Giá trị trên các bảng

điện tử giảm xuống thảm hại, ảnh hưởng tới hầu hết các khách hàng giàu có của Drexel. Nó phá huỷ giá trị danh mục đầu tư trái khoán của chính Drexel. Họ không thể bán ra mà không làm ngập lụt thị trường và làm giảm giá các cổ phiếu khác. Hơn nữa, danh mục đầu tư trái khoán của Drexel chiếm một tỷ lệ rất nguy hiểm trong tài sản của họ.

Số vốn của Drexel tiếp tục giảm sau khi nộp phạt cho chính quyền 500 triệu đô-la, chiếm phần lớn trong tổng chi phí dàn xếp 600 triệu đô-la. Số vốn đó còn giảm đi do phải thanh toán cho Milken và Lowell phần cổ phiếu họ nắm giữ tại Drexel, cùng những khoản thanh toán cho các nhân viên thân cận với Milken đã ra đi, và chấp nhận bán lại các khoản đóng góp bằng tài sản của mình trong công ty. Để ngăn chặn tình trạng này, Joseph đã cấm các viên chức công ty rút ngay toàn bộ lợi nhuận trên vốn góp của họ.

Joseph đã tiến thêm một bước đáng kể: Hạn chế các chi phí pháp lý của Milken và Lowell. Ngoài khoản tiền phạt cao ngất của Milken, Joseph còn phải thực hiện thỏa thuận ban đầu: Drexel sẽ chi trả các chi phí pháp lý của Milken. Ngay cả sau khi Drexel đã thú tội, công ty vẫn phải thanh toán tất cả các chi phí đó, bao gồm cả khoản phí cho Robinson, Lake, công ty đã đầu tư cho rất nhiều vào các hoạt động quan hệ công chúng để ngăn cản Drexel thỏa hiệp với chính quyền. Các hóa đơn của Milken đều dao động trong khoảng 3 triệu đô-la mỗi tháng. Và các khoản thanh toán cho Paul, Weiss có tổng trị giá lên tới khoảng 2 triệu mỗi tháng. Khi Joseph đặt vấn đề về trị giá các hóa đơn và yêu cầu Paul, Weiss liệt kê chi tiết các khoản chi phí, Liman đã thẳng thừng từ chối.

Mặc dù Joseph vẫn thực hiện thỏa thuận về chi phí pháp lý với Milken, ông đã đặt ra giới hạn cho các khoản phí là 1,25 triệu đô-la một tháng. Với mức trần đó, Milken tuy vẫn được toàn quyền tiến hành mọi nỗ lực bào chữa theo luật mà tiền có thể mua được, nhưng không phải tất cả. Liman rất giận dữ và tuyên bố với một số phóng viên, “Chất lượng của những người bào chữa cho Michael Milken sẽ không bị ảnh hưởng dù Drexel giảm số tiền chi trả cho các luật sư.”

Joseph cũng tranh cãi với Milken về phần anh ta vẫn đang mắc nợ công ty. Trước khi đi đến thỏa thuận nhận tội, Joseph đã tính toán lại số lãi cổ phần của năm và buộc Milken dùng một phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động có lợi tức cao để đóng góp theo tỷ lệ vào khoản chi phí pháp lý. Dù không còn làm việc tại công ty; dù các khoản thanh toán đang bị chính quyền kiểm soát; và dù vào thời điểm đó anh ta đang có nhiều vấn đề nghiêm trọng hơn,

Milken vẫn kiên trì đấu tranh cho việc phân định chi phí. Các luật sư của Milken và Drexel không thể đi đến bất cứ thỏa hiệp nào.

Khi cuộc tranh cãi lên đến cao trào cũng là lúc số vốn của Drexel tụt dốc, từ 1,5 tỷ đô-la tháng Giêng năm 1989 xuống dưới 700 triệu đô-la đầu tháng Mười. Vào giữa tháng Mười, một sự kiện khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Drexel đã giáng xuống công ty. Tập đoàn UAL, tập đoàn mẹ của hãng United Air Lines, tuyên bố họ không thể hoàn tất cuộc mua lại khổng lồ đã đẩy giá cổ phiếu của tập đoàn lên hơn 200 đô-la một cổ phiếu. Thất bại của UAL đã hình thành nên mối quan hệ cộng sinh giữa sức khỏe của thị trường trái khoán và khả năng diễn ra các cuộc sáp nhập đẩy giá trên thị trường cổ phiếu lên cao. Các khách hàng thận trọng không còn sẵn sàng đầu tư vào trái khoán; và không có thị trường này thì cổ phiếu cũng không thể tăng giá. Thị trường bong bóng này vỡ ngày 13 tháng Mười năm 1989, như thể Ngày thứ Hai đen tối đã lặp lại ở quy mô nhỏ. Cùng với việc các cổ phiếu sáp nhập rớt giá thảm hại, thị trường cũng mất gần 200 điểm. Nếu xét về điểm số, đây là đợt rớt điểm nghiêm trọng thứ hai từ trước đến giờ.

Vụ "đổ vỡ nhỏ" vào tháng Mười, tên gọi nhanh chóng được Phố Wall đặt ra, là dấu hiệu của những vấn đề kéo dài hơn vụ đổ vỡ lịch sử hồi tháng Mười năm 1987. Bắt đầu với Integrated và Campeau, theo sau là tình trạng báo động kéo dài, các nhà phát hành trái khoán bắt đầu từ chối thực hiện trách nhiệm của mình. Điều khoản thanh toán của các giao dịch được hỗ trợ đặc biệt, nhất là các giao dịch đáo hạn vào giai đoạn căng thẳng ngay trước sự kiện năm 1987, đã che giấu hành vi đầu tư điên rồ thông qua việc phát hành những trái phiếu "không có cuống lãi", "thanh toán bằng hiện vật," không đòi hỏi phải thanh toán trong nhiều năm. Cuối cùng, sự thật cũng lộ ra. Giống như Integrated, cả thị trường trái khoán bắt đầu lao đao khi các công ty thừa nhận họ không thể thực hiện các cam kết mà họ từng hăng hái đưa ra nhiều năm trước.

Khi các dữ liệu tài chính năm 1989 được tập hợp và phân tích, mối nghi ngờ luôn thường trực trong đầu các nhà đầu tư trên thị trường trái khoán, kể cả một vài người rất trung thành với Milken, đã được làm rõ: lập luận mà Milken luôn nhắc đi nhắc lại, "các nhà đầu tư thu được từ những lần phát hành cấp thấp nhiều hơn cấp cao," hoàn toàn sai. Chính bọn tội phạm mới là đối tượng được hưởng khoản lợi khổng lồ. Trung tâm phân tích Lipper đưa ra báo cáo: trong suốt thập kỷ này, số tiền đầu tư vào các quỹ trái khoán bình quân chỉ tăng lên 145%. Kết quả này thực tế thấp hơn khoản

thu về của cùng lượng tiền đầu tư vào cổ phiếu (207%); trái phiếu doanh nghiệp thường bị Milken chế nhạo (202%); trái phiếu kho bạc Hoa Kỳ (177%); và chỉ bằng khoản thu về từ những quỹ ít rủi ro trên thị trường tiền tệ. Trong suốt những năm cuối của thập kỷ này, các trái khoán thu về mức lợi nhuận -11,2%.

Khi nhìn lại, tài năng của Milken có lẽ chính là khả năng làm nhiều người tin vào triết lý của anh ta: Có thể kiếm được nhiều lợi nhuận mà không chịu nhiều rủi ro. David Scheiber, chuyên viên quản lý danh mục đầu tư trái khoán tại hãng Dịch vụ Tài chính Far West, một khách hàng lớn của Milken, đã nói với The Wall Street Journal năm 1991, "có nhiều người tin tưởng bất cứ điều gì Milken nói." Nhưng mọi thứ lại diễn biến theo hướng, "những người nắm giữ trái phiếu gánh chịu mọi rủi ro và có rất ít triển vọng."

Số liệu cũng bác bỏ lời tuyên bố hùng hồn của Robinson, Lake rằng những đồng vốn do Milken cấp đã cứu sống các công ty có quy mô nhỏ. Theo Dun & Bradstreet, từ năm 1977 cho đến giữa năm 1990, trong số 104 công ty quy mô nhỏ có dính líu vào việc phát hành ra công chúng các trái khoán không hoán đổi được, 24% đã không thể thanh toán các khoản nợ của mình hoặc bị phá sản – gấp 5 lần so với tỷ lệ mất khả năng thanh toán của các công ty khác.

Với tốc độ đáng kinh ngạc, vài trong số các công ty lớn nhất ủng hộ Milken bắt đầu sụp đổ do gánh nặng của những khoản nợ mà họ đã từng níu giữ rất nhiệt tình. Ralph Ingersoll đánh mất quyền cai quản giới báo chí Mỹ khi không thể thanh toán nổi trái phiếu do Drexel phát hành. William Farley không thể hoàn tất việc mua lại West-Point Pepperell. Chính Tom Siegel, tín đồ của Milken tại Columbia Savings, cũng bị đuổi việc và các tài khoản tiết kiệm cùng các khoản cho vay của anh ta đã bị chính phủ tịch thu. Cuối cùng, gần như mọi khoản tiết kiệm và cho vay, đối tượng chính trong các hoạt động mua bán của Milken, đều bị tuyên bố mất khả năng thanh toán và bị chuyển quyền định đoạt vào tay chính quyền.

Liệu Drexel có thể sống sót hay không? Joseph hiểu tình trạng đang trở nên tồi tệ đến mức nào. Ông từng đối mặt với nguy cơ đánh mất khả năng tự chủ của Drexel. Vào tháng Chín – trước cả sự đổ vỡ của thị trường trái khoán và cổ phiếu – anh đã bí mật gọi một loạt cú điện thoại đến các lãnh đạo cấp cao của tất cả các công ty lớn khác trên Phố Wall nhằm tìm cơ hội lưu chuyển tài sản hoặc thậm chí sáp nhập công ty. Đó thực sự là một trải nghiệm

đáng hổ thẹn đối với một vị tổng giám đốc từng làm tất cả những công ty anh ta gọi đến phải khiếp sợ. Rất nhiều công ty trong số đó thậm chí không trả lời những cuộc gọi của Joseph; những công ty có nghe điện thoại thì cũng từ chối đề nghị đó với lý do trách nhiệm pháp lý vẫn còn dang dở của Drexel trong các vụ án dân sự sẽ gây ra tâm lý không an tâm và không ai dám nghĩ tới việc sáp nhập. Tình trạng thực tế có lẽ còn tồi tệ hơn: Việc Drexel nhận tội khiến các đối thủ của họ cũng thấy phản cảm dù vẫn nhắm tới phần còn lại trong các trái khoán của Drexel. Joseph lập tức nhận ra cái giá Drexel phải trả cho sự kiêu ngạo của mình vì luôn thống lĩnh thị trường, từ chối chia sẻ các khoản phí bảo hiểm suốt nhiều năm: Họ không có đồng minh trên Phố Wall.

Ngay cả khi tình cảnh của công ty trở nên tuyệt vọng, Joseph vẫn mong muốn có thể thực hiện được cam kết của mình – khoản lợi tức tối thiểu sẽ bằng 75% năm 1988. Lời hứa hẹn đó giờ bỗng trở nên liều lĩnh và dại dột nhưng Joseph cảm thấy nếu bội ước, sẽ ông mất tất cả lòng tin. Công ty sẽ bị xóa sổ vì nhân viên bỏ việc hàng loạt. Vì vậy, ông bắt đầu gặp gỡ, thuyết phục các lãnh đạo cấp cao nhận một phần tiền thưởng năm 1989 của họ bằng cổ phiếu ưu đãi của Drexel thay vì tiền mặt. Đây là lần đầu tiên Joseph yêu cầu các nhân viên của mình đặt sự sống còn của công ty lên trước khoản lợi tài chính trước mắt. Ông nghĩ, suy cho cùng, không có ai trong số các lãnh đạo cấp cao của Drexel thực sự muốn nhận thêm tiền mặt. Họ đã giàu lắm rồi.

Thật đáng ngạc nhiên, Joseph đã đánh giá sai đạo đức trong văn hóa kinh doanh của Drexel, lối tư duy đã được cả công ty nuôi dưỡng, với hiện thân là Milken: Drexel chẳng là gì ngoài vai trò công cụ liên kết những mục đích cá nhân. Khi Joseph yêu cầu giới lãnh đạo chấp nhận mức lợi tức thấp hơn, hàng loạt lời phản đối vang lên từ phía Black và phe thân cận với anh ta. Cuối cùng, Joseph cũng thuyết phục được Black nhận cổ phiếu ưu đãi của công ty dù họ đã tranh cãi nảy lửa về giá trị chính xác. Kissick có vẻ phục tùng hơn và yêu cầu nhóm Beverly Hills đồng ý. Joseph nhận toàn bộ phần tiền thưởng trị giá 2,5 triệu đô-la của anh dưới dạng cổ phiếu ưu đãi. Nhưng ông chỉ thuyết phục được các nhân viên của mình nhận bình quân 18% phần tiền thưởng dưới dạng cổ phiếu ưu đãi. Drexel chỉ tiết kiệm được 64 triệu đô-la tiền mặt, trong khi họ đã liều lĩnh chi ra hơn 200 triệu đô-la tiền vốn đang hết sức cần kíp.

Đầu năm 1992, khi các rắc rối của Drexel trở nên rõ ràng hơn, các chủ nợ ngắn hạn của Drexel đã từ chối hỗ trợ thêm về tài chính. Drexel không thể bán những thương phiếu ngắn hạn. Khi các

khoản vay ngắn hạn cũ đáo hạn, họ buộc phải thanh toán bằng khoản vốn eo hẹp để rồi không thể tái huy động các khoản vốn. Đến trước tháng Hai năm 1990, Drexel đã phải trả 575 triệu đô-la chỉ để thanh toán số thương phiếu đó.

Joseph biết công ty vẫn còn số vốn 1 tỷ đô-la nhưng đều nằm ở các khoản đầu tư như trái khoán không thể rao bán được hay các khoản lợi nhuận bằng tài sản trong các thương vụ mua lại. Ông bắt đầu tính đến vài kiểu lưu chuyển tài sản, có thể thông qua việc bán các khoản đặt cọc mua lại lớn nhất của công ty, hay sung khoản hỗ trợ môi giới kinh doanh 300 triệu đô-la của các chi nhánh vào số vốn hiện tại của Drexel.

Nhưng họ đã lâm vào bước đường cùng. Thứ Sáu ngày 9 tháng Hai, Ủy ban Chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán New York gửi thông báo tới Drexel về việc công ty không được phép giảm số vốn của các chi nhánh phụ thuộc. Joseph rất choáng váng vì nghĩ Kidder, Peabody đã được phép giảm vốn quá mức tối thiểu trước vụ sáp nhập tài sản bằng tiền mặt với GE. Tuy nhiên, Kidder, Peabody đã có cam kết về thương vụ GE. Giới điều hành coi kế hoạch tăng vốn của Joseph là một ảo tưởng và họ định giá tài sản của Drexel thấp hơn rất nhiều so với công ty tự định giá. Một lần nữa, Joseph đánh giá quá thấp mức độ ảnh hưởng của việc Drexel trước đây luôn ngoan cố phản kháng. Không giống Drexel, Kidder, Peabody đã chịu hợp tác từ đầu. Không ai có ý định làm bất cứ điều gì có lợi là Drexel được gợi ý về những ưu đãi đặc biệt.

Drexel đã sụp đổ nhanh chóng. Các luật sư về phá sản đã tới để định giá công ty vào cuối tuần đó. Thứ Hai ngày 12 tháng Hai, Joseph đã gọi cho Gerald Corrigan, Chủ tịch Cục Dự trữ bang New York với hy vọng mong manh rằng Corrigan sẽ tạo áp lực lên các ngân hàng lớn tại New York mà ông đang quản lý để họ nới thêm các khoản vay khẩn cấp cho Drexel. Đại diện của các tập đoàn ngân hàng đã họp tại văn phòng Drexel ở đường Broad vào 4 giờ chiều khi Drexel xin được vay nợ. Do quá hấp tấp trong nỗ lực giải cứu công ty, Joseph đã chuẩn bị không tốt để trả lời chất vấn của họ và mặc dù đã giảm giá trị danh mục đầu tư của Drexel xuống mức mới, 850 triệu đô-la, Joseph vẫn không thể thuyết phục họ về một khoản lợi suất hấp dẫn qua thời gian. Các ngân hàng đã ra về mà không ký một cam kết nào.

Joseph lại gọi cho Corrigan vào khoảng 11 giờ đêm hôm đó. Chẳng lẽ Cục Dự trữ không giúp đỡ được gì sao? Corrigan trả lời một cách rất khó hiểu rằng dù ông không thể chỉ cho Joseph cách tiến hành công việc kinh doanh nhưng, "nếu tôi là anh, tôi sẽ chỉ nói chuyện

trực tiếp với lãnh đạo của vài trong số các ngân hàng đó." Bắt lấy mọi ý nghĩa có lợi, Joseph coi đó là lời ám chỉ rằng Corrigan đã tạo áp lực cho họ.

Lập tức ông lại gọi một loạt cuộc điện thoại nhưng không được nối máy tới lãnh đạo của bất cứ ngân hàng nào. Khi Joseph nhấn mạnh với các ngân hàng về việc Cục Dự trữ đã khuyến khích họ giúp đỡ Drexel, ông cũng không nhận được sự ủng hộ nào. Cuối cùng, Joseph hiểu ra rằng Cục Dự trữ chưa hề có bất cứ tác động nào.

Đến nước này, ông phát khùng lên và gọi cho Corrigan ngay lúc nửa đêm. "Có hiểu lầm gì ở đây chăng?" Joseph hỏi. "Các ngân hàng không hề có động thái gì cả."

Corrigan thở dài và trả lời, "Hãy gọi cho Bộ Tài chính. Tôi e là chúng ta có những mục tiêu khác nhau." Joseph hiểu ông đã đến ngày tận số. Bộ trưởng Tài chính không ai khác chính là Nicholas Brady, cựu giám đốc điều hành của Dillon, Read, người mà ông tin rằng sẽ không bao giờ tha thứ cho Drexel vì vụ tấn công vào một trong những khách hàng lớn nhất của Brady, Unocal.

Lúc 1 giờ sáng Corrigan gọi lại cho Joseph. Họ kết nối bằng điện đàm tới tân Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán, Richard Breeden. Corrigan cho Joseph biết họ đã thảo luận với Bộ trưởng Tài chính Brady. Corrigan đi thẳng vào vấn đề. "Giờ chúng tôi đã hoàn toàn bất lực." Nếu Drexel tự nguyện tiến hành thủ tục phá sản, chính quyền sẽ không can thiệp vào và nắm quyền kiểm soát công ty cũng như thanh lý những tài sản còn lại của họ. Ông muốn có câu trả lời của Joseph trước 7h sáng.

Joseph vội vã triệu tập hội đồng quản trị lúc 6 giờ sáng. Anh thông báo tình hình cho các đồng nghiệp với gương mặt u ám và tuyệt vọng, "bốn quan chức có quyền lực nhất" – Brady của Bộ Tài chính, Corrigan của Cục Dự trữ, Breeden của Ủy ban Chứng khoán và Phelan của Sở Giao dịch chứng khoán – "đã kêu gọi chúng ta làm thủ tục phá sản." Các thành viên hội đồng quản trị đều nhất trí bỏ phiếu thuận.

Joseph nhận ra tất cả những gì ông và ban lãnh đạo đã đấu tranh để giành được trong suốt ba năm qua và những gì họ đã dành cả sự nghiệp của mình để gây dựng sắp sửa tan tành. Việc Drexel thú tội đã cứu vãn công ty được thêm một năm nhưng cuối cùng thì Milken, người có công tạo nên một Drexel hùng mạnh một thời, cũng chính là người đã hủy hoại nó.

23 giờ 15 tối thứ Ba, ngày 13 tháng Hai năm 1990, Drexel đã nộp đơn xin phá sản.

* * *

Đến mùa xuân năm 1990, Milken là người cuối cùng còn sót lại. Levine, Siegel, Boesky, Freeman, Regan và cả Drexel hùng mạnh đều đã biến mất khỏi Phố Wall.

Hai quan chức cấp cao liên quan đến vụ án Milken cũng đã ra đi. Mùa hè trước, Bruce Baird của Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Gary Lynch của Ủy ban Chứng khoán đã tuyên bố từ chức; Lynch ra đi ngay sau khi giải quyết xong vụ Drexel còn Baird sau khi Freemen nhận tội.

Cả hai đều quá mệt mỏi, nhất là Lynch, anh đã dốc hết sức cho vụ án, hầu như không nghỉ kể từ khi bắt đầu tiến hành điều tra Ngân hàng Leu khoảng hơn bốn năm trước. Cả hai đều chịu sự công kích công khai và quyết liệt từ các đối thủ hùng mạnh và phải thực hiện nhiệm vụ được giao với mức lương rẻ mạt suốt một thời gian dài hơn các vụ án thông thường. Chính quyền mới sẽ tiếp quản cơ quan của họ, nên đây là cơ hội để họ dứt khoát chuyển sang làm việc ở khu vực tư nhân.

Dù Milken, mục tiêu lớn nhất của họ, vẫn được tự do nhưng cả hai vị luật sư đều hiểu điều chỉ một vài người khác biết: Milken đã một lần đầu hàng; các luật sư của anh ta đang một lần nữa cố gắng dàn xếp việc nhận tội nhưng sớm muộn gì anh ta cũng sẽ bị kết án. Vụ kiện đã sẵn sàng. Đa số công việc của họ đã hoàn tất. Vì ít được dư luận ủng hộ, họ bước ra ngoài cuộc, phó thác mọi chuyện cho John Carrol, Jess Fardella và người kế nhiệm của Baird tại Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Alan Cohen. John Sturc của Ủy ban Chứng khoán đã đồng ý theo vụ án đến cùng dù anh đã được bổ nhiệm vào vị trí của Lynch – trưởng ban thực thi pháp luật.

Nhóm Milken vẫn tiếp tục các chiến dịch tuyên truyền. Nhân viên của Robinson, Lake đã được triệu tập để gấp rút tiến hành một dự án theo lệnh của Milken: một cuốn sách, xuất bản và phát hành dưới tên Miken, tập hợp những câu chuyện thành công của Drexel nhờ các trái khoán của Milken. Tuy nhiên, khi các tác giả vừa hoàn thành được một chương có tựa đề Ingersoll Communications, công ty đã đứng trước nguy cơ phá sản. Ngay cả Lerer cũng bắt đầu thấy tuyệt vọng với dự án này.

Sự tuyệt vọng của lực lượng bảo vệ Milken thể hiện rõ nhất qua việc họ đưa ra lá thư một người bạn tù của anh ta ở Lompoc gửi cho Liman và Thomas Puccio – luật sư của Mulheren, cựu nhân viên Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp tại Brooklyn. Lá thư có nội dung đáng ghê sợ, tố cáo Boesky đã hối lộ các cai ngục để được phép có người tình đồng tính trong tù, quan hệ với các tù nhân khác và đưa phụ nữ vào tù để phục vụ các nhu cầu tình dục cao hơn. Dù lá thư được viết bởi một kẻ mang trọng tội đang thụ án nhưng do sốt sắng về các thông tin rất có khả năng sẽ hữu ích khi thẩm tra chéo Boesky, người vẫn được kỳ vọng là nhân chứng quan trọng của chính quyền, Liman đã cho gọi Puccio. Khi Puccio hỏi về tính hợp lý của thông tin về xu hướng tình dục hay thói quan hệ tình dục bừa bãi của Boesky, chưa đề cập tới tính xác thực của nó, Liman đã gạt lời phản bác sang một bên. Paul, Weiss đã bỏ rất nhiều tiền thuê một công ty thám tử ở Los Angeles gồm toàn các cựu công tố viên để điều tra các cáo buộc trong thư. Puccio khi đó cũng tiến hành xác minh nội dung lá thư một cách độc lập. Tuy nhiên, đúng như dự đoán, tất cả các cáo buộc đều không có căn cứ.

Đến cả Liman cũng phần nào nhận ra phiên tòa xử Milken không dựa nhiều vào lời khai của Boesky. Các công tố viên đã có thêm nhiều nhân chứng hợp tác vào những tháng đầu năm 1990. Họ cảnh báo sẽ đưa ra một cáo trạng mới, tập trung nhiều hơn vào các thương vụ không liên quan tới Boesky: Việc thao túng các khoản tiết kiệm, hối lộ các nhà quản lý quỹ, những chiêu tuyên truyền quá đà và vụ lừa đảo của Drexel. Cáo trạng mới có thể sẽ phác họa rõ hơn quá trình hối lộ tinh vi. Các công tố viên đã có vị thế cao hơn nhiều trên bàn đàm phán so với năm trước. Khi đó họ chỉ yêu cầu Milken nhận hai tội, nay họ đòi đến sáu và tương đương với nó là khoản tiền phạt trên 600 triệu đô-la.

Dù việc nhận sáu trọng tội có thể sẽ khiến Milken phải ngồi tù 30 năm, các luật sư của Milken cố gắng an ủi anh ta bằng số năm tù ít nhất có thể. Liman đã triệu tập các luật sư của Milken, gồm có Flumenbaum, Sandler, Armstrong và Litt, và yêu cầu từng người dự đoán số năm tù Milken có thể sẽ phải lĩnh nếu anh ta ra hầu tòa, bị kết án và nhận sáu trọng tội. Trừ Litt và Flumenbaum, mức án nặng nhất được các luật sư dự đoán là một năm tù nếu Milken ra hầu tòa và bị kết án. Flumenbaum dự đoán 5 năm. Riêng Litt đã thu hút mọi ánh mắt khi dự đoán mức án từ 15 đến 20 năm nếu Milken ra hầu tòa; và 3 đến 10 năm nếu anh ta nhận tội. “Không thể nào có chuyện anh ta lại ngồi tù ít hơn Boesky” Litt lẩm bẩm.

Những cuộc thương lượng nhận tội lại bước vào giai đoạn khó

khăn như năm trước. Quan hệ của Liman và Flumenbaum với Carroll và Fardella trở nên căng thẳng đến mức họ phải mời thêm luật sư Steve Kaufman đến làm việc với Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Mọi cuộc đàm phán đều đi vào ngõ cụt trong suốt cả mùa thu và mùa đông năm 1989-1990, dù thế giới Milken tạo ra đã sụp đổ. Cuối cùng, một thỏa hiệp ít ai ngờ tới đã được đưa ra: Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp đồng ý ngừng khởi tố Lowell và chỉ cho phép các công tố viên bắt đầu thẩm vấn Milken khi anh ta đã bị kết án. Việc giảm án cho Lowell là quyết định khó khăn nhất với các công tố viên. Quyết định này được đưa ra với lý do anh ta không đóng vai trò gì ngoài một kẻ thay thế, trung thành thực hiện các kế hoạch lớn của Milken.

Xét về sự hợp tác, điều này sẽ không có ý nghĩa gì nếu bị đơn vẫn cương quyết phản kháng. Tuy nhiên theo các án lệ, các công tố viên nhất trí rằng cuộc thương lượng nhận tội của Milken vẫn có giá trị dù anh ta nói dối trong suốt giai đoạn hợp tác. Ngược lại, các cuộc thương lượng với Boesky và Siegel đều có thể bị hủy bỏ nếu họ nói dối, dù lời khai của họ về các sự kiện thực sự đáng tin cậy hơn của Milken.

Đổi lại, các công tố viên cũng đòi hỏi một điều có ý nghĩa vô cùng quan trọng với họ: Milken phải công khai thừa nhận rằng những gì anh ta đã làm là sai trái. Họ không muốn để Milken tự tạo cho mình một chiến thắng tinh thần.

Carroll và Fardella đưa ra đề nghị cuối cùng của họ: sáu tội danh, 600 triệu đô-la tiền phạt, miễn truy tố Lowell và không hợp tác cho đến khi tuyên án. Hạn chót cho Milken hạn là 3 giờ chiều thứ Sáu ngày 20 tháng Sáu. Nhân viên của Robinson, Lake cũng nhận ra có điều đó đang xảy ra khi thấy Lerer và Linda với vẻ mặt u ám, biến mất sau cánh cửa đóng sầm vào tối ngày 19 tháng Sáu. Sandler, người chưa bao giờ thừa nhận tội trạng của Milken, cũng trở nên suy sụp.

Ngày cuối cùng giống như thước phim kinh dị năm trước được chiếu lại. Carroll và Fardella đều chờ đợi một sự đồng thuận nhưng họ hiểu rằng không bao giờ được coi điều gì là đương nhiên. Thời hạn đến gần, mà họ vẫn chưa thấy phong thanh gì.

Milken vẫn ở nhà với cô vợ Lori. Họ nói chuyện với nhau từ sáng sớm và không nghe cuộc điện thoại nào. Lori khuyên anh ta tiếp tục khẳng định mình vô tội. Lowell yêu cầu Milken đừng nhận tội. Mẹ Milken cũng khuyên anh ta đừng bỏ cuộc.

Liman, Flumenbaum, Litt, Sandler và các luật sư khác của Milken tập trung tại phòng hội thảo bên cạnh văn phòng của Liman ở New York để chờ cuộc điện thoại. Chỉ Litt khuyên Milken nên nhận tội. Tuy nhiên, rất nhiều người trong số họ nghĩ Milken không thể chịu nổi áp lực của phiên tòa. Gần đây, anh ta thường ngồi bên bàn giao dịch của mình với vẻ mặt tuyệt vọng.

Gần 3 giờ chiều, Carroll và Fardella tới văn phòng của Cohen. Họ ngồi dọc chiếc bàn nơi Levine từng bị thẩm vấn bốn năm trước. Chán chường và mệt mỏi, họ bắt đầu cân nhắc khả năng tập hợp Bồi thẩm đoàn bỏ phiếu cho bản cáo trạng mới của Milken.

Cuối cùng chuông điện thoại cũng reo lên tại Paul, Weiss. Liman nghe điện trong văn phòng mình trước sự căng thẳng cao độ của các luật sư khác. Milken đã quyết định. "Tôi sẽ ra tòa", anh ta nói bằng giọng mệt mỏi.

Liman gọi đến Toà nhà Thánh Andrews. Cohen nhấc máy và chuyển chế độ loa ngoài để Carroll và Fardella cũng nghe thấy. "Milken sẽ nhận tội," Liman nói. Các công tố viên hầu như không nghe được nội dung còn lại của thông điệp. Tất cả đã kết thúc. Carroll và Fardella nhảy cẫng lên và thậm chí họ đã ôm chầm lấy nhau.

Thứ Ba ngày 24 tháng Tư, hàng trăm người vây kín phòng xử án lớn nhất của Tòa án Liên bang Manhattan và hàng trăm người khác tụ tập quanh tòa án, xúm quanh bậc thềm sảnh lớn cùng đám phóng viên truyền hình. Milken bước ra từ chiếc limousine đen và không vào bằng cửa sau như lần trước; anh ta bước lên bậc thềm chính trong khi cảnh sát cố giữ đám đông. Anh ta trông xanh tái và có vẻ gầy đi, hai mắt trũng xuống.

Không khí trong phòng xử án giống như một buổi tái ngộ. Căn phòng chật kín những người ủng hộ Milken, gồm các thành viên gia đình anh ta và Don Engel, người đã tập hợp tất cả các đồng nghiệp và khách hàng cũ. Có cả một đoàn luật sư của chính quyền, những người đã dành rất nhiều thời gian cho vụ án này. Các phóng viên vây kín chỗ ngồi của Bồi thẩm đoàn, sau đó lại tản ra, hòa vào khu khán giả. Rất nhiều người trong số họ đã quen nhau sau bốn năm theo dõi câu chuyện này.

Có những tiếng cười nhỏ khi thẩm phán Kimba Wood nói với Milken: Tòa có thể chỉ định cho bị cáo một luật sư nếu anh ta không có khả năng tự thuê luật sư cho mình. Nhưng không khí chùng xuống ngay khi Milken bắt đầu đọc bản nhận tội của mình

về sáu tội danh: thông đồng với Boesky; cấu kết với Fischbach trong âm mưu hỗ trợ và xúi giục việc lập những bản báo cáo khống; hỗ trợ và xúi giục việc vi phạm các quy định về vốn ròng; che giấu việc nắm giữ cổ phần MCA; viết thư đánh lừa các nhà đầu tư tại Finsbury; và cùng với David Solomon hỗ trợ việc lập tờ khai thuế khống.

Tuy nhiên, Milken vẫn cố gắng giữ hình ảnh mà anh ta đã tạo dựng từ trước với công chúng. Anh ta biện hộ rằng việc thú nhận tội lỗi của mình "không mâu thuẫn với tính ổn định và nhất quán của khu vực thị trường vốn mà chúng tôi tập trung vào, khu vực đã cung cấp lượng vốn lớn, tạo điều kiện cho hàng trăm công ty tồn tại, phát triển và thành công." Anh ta kết luận như vậy.

"Tôi hiểu rằng những sai lầm của tôi đã gây tổn thương cho những người thân yêu nhất," Milken bắt đầu cảm thấy khó khăn với từ ngữ của mình. "Tôi thành thật xin lỗi..." Giọng anh ta run rẩy và bắt đầu đổ về trước. Flumenbaum và Liman vội vã chạy tới bên cạnh Milken. Khi được đỡ dậy, anh ta lấy tay che mặt và khóc nức nở. Dưới trần nhà cao, kín bưng của phòng xử án, Milken đột nhiên trở nên yếu ớt và mỏng manh.

* * *

Tối hôm đó, cách xa các máy quay truyền hình và các diễn đàn, nhóm luật sư của chính quyền, những người đã làm nên thành công, tụ họp ở nhà hàng Harvey's Chelsea cũ kỹ nhưng vừa túi tiền trên đường số 18 Tây để tổ chức bữa tiệc ăn mừng đầu tiên và cũng là duy nhất. Một số người thậm chí chưa từng thực sự làm việc với nhau. Carberry, Lynch và Baird cũng quay lại chung vui với Carroll, Fardella, Sturc, Cohen, Cartusciello và các thành viên kỳ cựu khác. Nhưng cả Giuliani và Romano đều không có mặt. Đây là bữa tiệc dành cho những người chưa bao giờ bước ra ánh đèn sân khấu.

Chiến dịch quan hệ công chúng của Milken đã khiến họ đồng cảm sâu sắc hơn bao giờ hết. Tinh thần của các luật sư ở Văn phòng Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Ủy ban Chứng khoán luôn được củng cố bằng hai niềm tin: việc khởi kiện của chính quyền là đúng đắn và chính quyền nhất định sẽ thắng kiện. Trong vụ Milken, cả hai niềm tin này đều phải chịu những đợt tấn công dữ dội. Không tránh khỏi những khoảng thời gian họ đã đánh mất niềm tin. Các luật sư khi đó chỉ biết dựa vào nhau để tìm sự hỗ trợ.

Khi hóa đơn được đưa ra, các luật sư đang mở văn phòng tư nhân

giành trả tiền ngay lập tức. Dù nỗ lực chung của họ đã giúp thu về hơn một tỷ đô-la tiền phạt cho nhà nước, các luật sư làm việc chính quyền không đủ tiền chi cho một bữa tiệc mừng, dù chỉ là một bữa tiệc khiêm tốn nhất.

* * *

Sự đầu hàng bất ngờ của Milken thu hút mọi sự chú ý nhưng không làm nhẹ đi áp lực đang đè nặng lên John Mulheren, mục tiêu lớn cuối cùng đang chờ đến lượt bị xét xử. Mulheren một lần nữa từ chối những đề nghị thú tội với một tội danh duy nhất. Phiên tòa xét xử anh ta về đến hành vi giấu chủ sở hữu chứng khoán nhiều lần, gian lận thuế, vi phạm quy định về vốn ròng và bóp méo giá cổ phiếu sẽ mở ra vào tháng Năm, theo kế hoạch Boesky sẽ là nhân chứng quan trọng.

Ngày 22 tháng Năm, Boesky mặc bộ comple đen với áo trắng, đầu tóc chải chuốt gọn gàng, lần đầu xuất hiện tại Tòa án với tư cách nhân chứng, vị trí mà anh ta luôn chuẩn bị tinh thần từ khi thú tội vào năm 1986. Biểu hiện của anh ta rất bất thường. Anh ta tỏ vẻ cứng nhắc, kỳ quặc và hay lảng tránh. Trí nhớ của anh ta cũng tồi tệ. Những sự kiện anh ta từng nhớ rất rõ khi các công tố viên thẩm vấn lần đầu tiên giờ đây bay biến hết. Sau khi bóc lịch 18 tháng, Boesky được đưa từ nhà tù Lomboc sang một trại giáo dưỡng ở Brooklyn vào tháng Mười hai năm 1989 và rời trại này bốn tháng sau đó. Các công tố viên đã mất hầu hết quyền kiểm soát từng có với Boesky. Puccio dễ dàng kiểm chứng độ tin cậy của anh ta thông qua việc thẩm tra chéo dựa trên các sai lệch so với lời khai trước đây với các công tố viên. Kết quả là, gần như trong mọi trường hợp, lời khai cũ của Boesky đều gây hại cho Mulheren nhiều hơn.

Boesky tránh nhìn thẳng vào Mulheren, người đang có mặt trong phòng xử án với chiếc quần jean và áo polo quen thuộc. Boesky thừa nhận anh ta đã từng nghĩ mình là "bạn thân" của Mulheren. Chi tiết này dễ khiến người ta suy đoán rằng Boesky vẫn đang gắng hết sức mình để bảo vệ Mulheren, dù phải khai khống. Nếu vậy, nỗ lực ủa anh ta không mấy gây ấn tượng với Mulheren.

"Khi nghe những lời khai của tôi, mọi người sẽ thấy tôi và anh ta chẳng phải bạn bè gì cả," Mulheren tuyên bố với một phóng viên trong giờ giải lao.

Buổi thẩm tra chéo mà Puccio luôn mong đợi lại không ảnh hưởng gì đến độ tin cậy vốn đã lung lay của Boesky. Dù đã được

các luật sư của Milken ủy thác điều tra vụ Kroll (và chuyển cho Puccio), sau nhiều năm nghiên cứu vụ Boesky, các luật sư được chỉ định đã không tìm thấy yếu tố nào đặc biệt có giá trị. Chỉ còn lại mình Puccio tiến hành xem xét lại các tội trạng và vô số lần Boesky thừa nhận đã nói dối, tất cả các thông tin đó đều đã sáng tỏ.

Trong mọi phiên tòa, kể cả phiên xét xử Milken, Boesky đều không phải là nhân chứng quan trọng. Người gây bất lợi cho Mulheren hơn cả lại là Davidoff và một nhân chứng làm việc trong hãng của Mulheren, người đã hợp tác từ lâu với chính quyền.

Sự vắng mặt đáng lưu tâm nhất là của một nhân vật từng công kích rất mạnh mẽ, Carl Icahn, người có vai trò nổi bật trong âm mưu Gulf + Western và cũng là người có tên trong lời khai đầu tiên của Boesky với cơ quan điều tra. Icahn không hề bị tố cáo vì tội danh gì và cuộc điều tra về ông ta cũng không đem lại kết quả gì. Các công tố viên vẫn chưa chứng minh được Icahn và Boesky từng hoạt động theo "nhóm" khi họ cùng uy hiếp Gulf+Western, theo cách hiểu của pháp luật chứng khoán, dù xét về thực chất, hành vi của họ nếu được tiến hành cũng gây ra tác động tương tự.

Mulheren khai trước Tòa nhân danh chính mình. Anh ta hào hứng thừa nhận cả một số yếu tố bất lợi nhất như thỏa hiệp hoàn trả cho Boesky thông qua việc thanh toán những hóa đơn đã bị thổi giá. "Tôi đã tự tăng giá hóa đơn để thu về những khoản lợi," Mulheren nói. Tuy nhiên, anh ta kiên quyết khẳng định việc đó không thuộc kế hoạch giấu chủ sở hữu chứng khoán bất hợp pháp và tin chắc mình đã phải nhận phần rủi ro khi thực hiện các yêu cầu của Boesky. Anh ta cũng thấy mình là nạn nhân trong thương vụ Gulf + Western vì anh ta không hề có ý định đẩy giá cổ phiêu lên và cũng không hề biết Boesky đã lợi dụng mình để bán cổ phiếu với giá cao hơn.

Trong tất cả các bị cáo dính líu vào vụ giao dịch nội gián này, Mulheren là người có lời khai đáng tin cậy nhất. Tuy nhiên, sau sáu ngày rưỡi tranh luận, Bồi thẩm đoàn nhận thấy anh ta mắc tội đồng lõa và gian lận chứng khoán và kết luận rằng anh ta đã thao túng giá cổ phiếu của Gulf + Western. Bồi thẩm đoàn đành kết thúc phiên tòa với tội danh giấu chủ sở hữu chứng khoán và vị Thẩm phán tuyên bố phiên tòa mở ngày 22 tháng Bảy là sai thủ tục. Tuy nhiên, Mulheren vẫn phải đối mặt với những cáo buộc khác và chính quyền bảo lưu quyền xét lại tội danh giấu chủ sở hữu chứng khoán. Mulheren tỏ vẻ vô cảm khi bản án được tuyên. "Tôi rất ngạc nhiên khi phiên tòa lại kết thúc như vậy," anh ta nói.

Dù thế nào đi nữa, anh ta vẫn giữ vững nguyên tắc của mình.

* * *

Mùa hè năm đó, Martin Siegel cuối cùng cũng kết thúc cơn đày ải từ bao lâu nay, trở lại Tòa án liên bang Manhattan vào tháng Sáu để lắng nghe bản án dành cho mình. Sau khi Freeman nhận tội, các công tố viên đã mất rất nhiều thời gian để tranh luận liệu họ có đưa thêm chứng cứ về các tội danh nghiêm trọng của Freeman trong phiên luận tội. Vị Thẩm phán cuối cùng đã dẹp bỏ ý kiến đó dù điều này không có gì bất thường về mặt thủ tục pháp lý. Ông e rằng các luật sư của Freeman sẽ lấn át phiên tòa với các bằng chứng có thể khiến phiên luận tội kéo dài thêm nhiều tháng.

Từ tháng Hai năm 1987, Siegel trở thành một nhân chứng tiềm năng. Ngày 13 tháng Tư năm 1990, Freeman đã bị tuyên án chỉ với một tội danh. Anh ta nhận được một bản án tương đối nhẹ với bốn tháng tù giam và khoản tiền phạt một triệu đô-la. "Trao đổi thông tin nội gián đã trở thành khẩu hiệu hay tiêu chuẩn thực hành của nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán," thẩm phán Pierre Leval nhận xét.

Xét đến cùng, tất cả những sự trì hoãn đó cũng có lợi cho Siegel. Sau nhiều năm điều tra, các công tố viên đã kết luận rằng Siegel, người gần như cô độc trong số các bị cáo bị bắt trong vụ án này, đã tỏ rõ sự hối hận chân thành. Anh ta đã gắng hết sức để giãi bày sự thật, dành không biết bao nhiêu thời gian giải thích về cơ chế vận hành của thị trường và giảng giải cho cơ quan điều tra thông qua những tập hồ sơ đầy biên bản giao dịch phức tạp. Thực tế, anh ta dường như đã trở thành trợ thủ của các công tố viên.

Trước ngày thẩm phán chủ tọa Robert Ward tuyên án, luật sư Rakoff đã xin một bản án khoan hồng cho Siegel. Ward tỏ ra thông cảm. Cartusciello cũng tới gặp Ward vì Siegel. Theo một bản báo cáo chưa từng có tiền lệ trong lịch sử St. Andrews, tường trình của các công tố viên lại có lợi cho bị cáo hơn lời bào chữa Rakoff đã chuẩn bị. Họ ca ngợi Siegel là một nhân chứng "đáng tin cậy và trung thực," đã dũng cảm hợp tác ngay cả khi có cả một "chiến dịch lăng mạ dữ dội."

Ngày 18 tháng Sáu, Siegel bay từ Jacksonville sang New York và có mặt tại Tòa án Liên bang Manhattan. Anh ta và Jane Day vẫn là một cặp đôi hoàn hảo; cả hai đều có làn da rám nắng. Jane mặc một bộ đầm thủy quân giản dị và đeo chuỗi ngọc trai. Siegel vẫn rất cân đối và gọn gàng trong bộ đồ sẫm màu của giới thương

nhân. Trông anh ta có vẻ lo âu và hối hận khi đứng trước thẩm phán Ward.

Vị thẩm phán diễn thuyết khá lâu về tầm quan trọng của việc Siegel hợp tác và sự cần thiết phải khoan hồng cho những người trung thực nếu muốn thực thi pháp luật thành công. Tuy vậy, ông vẫn một mực khẳng định sự cần thiết phải thi hành án tù để ngăn chặn tội phạm cổ cồn trắng. "Sau khi Boesky đã lãnh án tù 3 năm, tôi bắt đầu cân nhắc tới Siegel," thẩm phán Ward nói. "Vào thời điểm đó tôi cho rằng án tù từ 18 tháng đến 2 năm là hợp lý." Nhưng ông nghĩ đến sự hợp tác của Siegel và việc Freeman, dù không chịu hợp tác nhưng đã nhận được một bản án rất nhẹ nhàng, và đi đến kết luận rằng Siegel xứng đáng nhận được "một bản án nhẹ nhàng hơn Freeman."

Thẩm phán Ward đã kết án Siegel 2 tháng tù giam và 5 năm thử thách bằng các hoạt động tại các trại hè dành cho trẻ em mà anh ta đã xây dựng ở Jacksonville. Dường như phải mất một lúc để mọi người cảm nhận được sự ngắn ngủi của bản án mà thẩm phán Ward dành cho Siegel. Ngay lập tức Jane Day vòng tay ôm lấy chồng và họ nhanh chóng rời phòng xử án với vẻ nhẹ nhõm hiện rõ trên gương mặt.

* * *

Tới tháng Mười một năm 1990, bất chấp mọi nỗ lực của phe Milken, dư luận với Milken đã đảo chiều một cách dữ dội như thể mọi thông tin tiêu cực mà Robinson, Lake từng ngăn chặn thành công giờ lại trào ra ồ ạt. Milken thậm chí còn bị đổ lỗi về tất cả thất bại của nước Mỹ. Một cuộc suy thoái bắt đầu từ mùa hè năm đó, chấm dứt thời kỳ bùng nổ kinh tế của những năm 1980. Sự lao đao của các khoản tiết kiệm và nợ, phần lớn do ảnh hưởng của thị trường trái khoán, trở nên tồi tệ hơn từng tuần, gây thiệt hại hàng tỷ đô-la cho người dân. Milken giờ đã thế chỗ Boesky với vị trí hiện thân của một thập kỷ đầy lòng tham.

Sáng thứ Tư ngày 21 tháng Mười một năm 1990, Milken trở lại phòng xử án nơi anh ta từng nhận tội. Vợ, mẹ, anh trai Lowell, Ken Lerer, và Richard Sandler ngồi bên anh ta ở hàng ghế đầu. Trong khi Milken lắng nghe và thỉnh thoảng lại gạt nước mắt, Liman đọc những bức thư với nội dung có lợi cho Milken và đề nghị tòa án khoan hồng. Fardella, đại diện cho chính quyền, đã nhấn mạnh việc phạt tù Milken là biện pháp răn đe cho những kẻ phạm tội còn đang lẩn tránh. Trong biên bản, các công tố viên đã gay gắt chỉ trích Milken là "một kẻ gian lận, lừa đảo và hối lộ có

tính toán ở mức cao nhất" và lập luận rằng "tội trạng của Milken là tội lỗi của lòng tham, thói kiêu căng, và sự phản bội," là một phần của "âm mưu thâu tóm quyền lực và tích lũy của cải."

Nỗi căng thẳng càng gia tăng khi Thẩm phán Wood bắt đầu nói với giọng trầm đều. Bà nhấn mạnh vào khoản "lợi nhuận bất thường" và nói bà muốn xóa bỏ rất nhiều quan niệm sai lầm, trong đó có ý nghĩ Milken cần bị trừng phạt vì tình trạng bất ổn hiện nay của nền kinh tế và ngành tín dụng. Tuy nhiên, bà cũng từ chối khoan hồng với lý do Milken có vai trò quan trọng đối với sự bùng nổ của nền kinh tế. Bà nhấn mạnh đến nguyên tắc thượng tôn pháp luật – "tất cả mọi người, bất kể giàu có hay quyền lực, đều phải chấp hành pháp luật" và "thị trường tài chính của chúng ta, nơi rất nhiều người bình dân đang đầu tư bằng các khoản tiền dành dụm, không được phép dung túng các thủ đoạn mờ ám. Đây là mối quan ngại chính đáng mà phiên tòa cần cân nhắc."

Sự điềm đạm của vị thẩm phán không thể che giấu sự thật rằng mỗi khi bà tuyên bố điều gì, lại một lần tấm canh ta của Milken bị phá vỡ. Bà thẳng tanh ta cho rằng sự hăng hái thay mặt khách hàng không phải là lý do biện minh hợp lý và việc Milken lẩn tránh các tội danh nghiêm trọng hơn cũng có thể được hiểu là "anh ta chỉ sẵn sàng thừa nhận các tội danh không thể điều tra được." Bà nói cơ quan điều tra đã có chứng cứ cho thấy Milken cản trở việc thực thi công lý. Mặt khác, các chứng cứ Milken dùng để biện minh rằng đa số công việc làm ăn của anh ta đều trung thực "rất ít ỏi và mập mờ."

Milken chết lặng khi nghe tuyên án, ngay cả khi nhận xét của thẩm phán Wood phần nhiều mang tính phán xét."Với vị trí của anh trên thị trường tài chính – đứng đầu bộ phận quan trọng nhất của một trong những ngân hàng đầu tư lớn nhất, việc liên tục có âm mưu và thực tế đã vi phạm pháp luật về chứng khoán và thuế để giành nhiều quyền lực và tiền bạc hơn cho bản thân và cho các khách hàng giàu có của mình, đồng thời vướng vào các sai phạm tài chính rất khó điều tra cần phải chịu một bản án nghiêm khắc để răn đe kẻ khác," bà tiếp tục. "Việc lạm dụng chức vụ và dung nạp những nhân viên dưới quyền để phụ giúp anh thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật là những tội danh rất nghiêm trọng. Anh cần bị trừng phạt nghiêm khắc để hiểu cảm giác nhục nhã và đau đớn khi bị đẩy ra khỏi xã hội."

"Bị cáo Milken đứng dậy!" thẩm phán Wood ra lệnh.

Milken gắng gượng đứng lên. Liman và Flumenbaum tiến lại gần, đỡ lấy khuỷu tay Milken để anh ta khỏi ngã. “Bị cáo là một người có tài năng và rất chăm chỉ, luôn thể hiện sự nhiệt tình với những người kém may mắn hơn,” bà Wood nhìn thẳng vào Milken. “Tôi thực sự mong trong suốt phần đời còn lại, bị cáo sẽ thực hiện những lời đã hứa khi mới bắt đầu sự nghiệp… Tuy nhiên, vì những lý do kể trên, Tòa tuyên án bị cáo tổng cộng 10 năm tù giam liên tục” – có những phản ứng kinh ngạc phía dưới phòng xử án – “nghĩa là hai năm cho mỗi tội danh từ số 2 tới số 6… Đó là bản án dành cho bị cáo.”

Đến khi Bồi thẩm đoàn đứng dậy rời phòng xử án, Milken vẫn không thể hiện chút phản ứng nào nhưng gia đình và bạn bè của anh ta đều tỏ rõ sự tuyệt vọng. Họ lao đến, che canh ta để Milken thoát khỏi đám phóng viên hiếu kỳ và đưa anh ta nhanh chóng thoát ra bằng cửa sau của phòng xử án hướng về phía phòng chờ của Bồi thẩm đoàn.

Khi Milken và đoàn tùy tùng của anh ta đã tập họp ở hành lang phía ngoài, cánh cửa nặng nề dẫn vào phòng xử án được đóng chặt lại để ngăn mọi sự xâm nhập. Milken vẫn không nói lời nào, vẻ mặt đầy bối rối và mất phương hướng. Anh ta chợt quay sang nhìn Liman. “Tôi phải thụ án bao lâu?” anh ta hỏi như thể chưa nghe thấy lời của thẩm phán Wood. “Hai năm à?”

Tất cả yên lặng trong một khoảnh khắc. Các luật sư của Milken chợt hiểu ra rằng khi bị tuyên hai năm tù giam cho mỗi tội danh, Milken không hiểu rằng anh ta sẽ phải thi hành năm bản án liên tục. “10 năm Michael ạ,” Liman thông báo bằng giọng rất nhẹ nhàng. “Mức án là 10 năm.”

Milken mặt cắt không còn giọt máu. Anh ta níu lấy tay Lori và cả hai khuất dạng sau cánh cửa căn phòng chờ dành cho nhân chứng.

Lát sau, đầu tiên là Lori và sau đó là Milken bỗng la lên kinh hoàng. Sandler lao vào phòng đúng lúc Milken đang đổ gục xuống ghế, hơi thở gấp gáp, hổn hển. “Bình ô-xy!” ai đó kêu lên khi vị cảnh sát trưởng của bang chạy vào giúp đỡ.

Đoạn kết

Ngày 3 tháng Ba năm 1991, Michael Milken bị tống vào một nhà tù tồi tệ nhất ở Pleasanton, California, ngoại ô San Francisco, nơi anh ta phải làm công việc bảo dưỡng và xây dựng 37 giờ một tuần. Anh ta luôn đội một chiếc mũ bóng chày vì quy định nhà tù không cho phép đội tóc giả. Tháng 3 năm 1993, anh ta sẽ được xét giảm án lần đầu. Thẩm phán Wood nói anh ta phải thụ án được ít nhất từ 36 đến 40 tháng tù.

Với Milken, bị kết án và ở tù không phải dấu chấm hết mà là sự tiếp nối của cuộc chiến chống lại những người đã buộc tội anh ta và dựng lại số phận của một cá nhân có tầm cỡ lịch sử. Cuộc chiến được tiếp sức bởi hàng triệu đô-la của Milken, thực chất đã bắt đầu trên hầu hết các mặt trận và sẽ còn tiếp diễn chừng nào Milken còn sống.

Milken mời thêm vị luật sư nổi tiếng Alan Dershowitz vào đội ngũ luật sư phụ trách pháp lý và quan hệ công chúng vốn đã rất hùng hậu của mình. Dershowitz được biết đến với vụ bào chữa thành công cho Claus von Bulow và vụ bào chữa không thành công cho chủ khách sạn Leona Helmsley. Các luật sư của Milken đã đệ trình lên thẩm phán Wood một bản kháng nghị xin giảm án cho thân chủ; trong khi Dershowitz đang cân nhắc tìm cách hủy bỏ lời thú tội của Milken với lý do anh ta thú tội vì bị các công tố viên ép cung. Dershowitz cũng công khai khẳng định một số nội dung khác, thí dụ như tranh cãi xung quanh việc Milken là nạn nhân của chủ nghĩa chống Xê-mít hay Milken "chưa bao giờ lấy tiền bạc làm động cơ." Dù đang thụ án tù nhưng Milken vẫn theo dõi sát sao cuộc vận động không ngừng nghỉ về pháp lý và quan hệ công chúng. Chiếc máy bay phản lực Gulfstream đã phải tăng chuyến để đưa khách ra vào Pleasanton. Milken đã trực tiếp nói với các đồng sự cũ rằng việc nhận tội là một sai lầm lớn và anh ta không còn tin mình đã làm gì sai trái.

Robinson, Lake tiếp tục hỗ trợ Milken theo đuổi chiến dịch quan hệ công chúng. Sau nhiều lần thương lượng, tạp chí Forbes được phép phỏng vấn Milken ở Pleasanton qua điện thoại, và mục "Hỏi & Đáp" đã xuất hiện trên trang bìa tạp chí năm 1992. Suốt cuộc phỏng vấn, Milken tránh chống lại chính quyền một cách quyết liệt, anh ta không quả quyết nói mình không làm gì sai và chỉ nhận tội để thoát khỏi sự quấy rầy liên tục của chính quyền (vì nói điều đó sẽ phá vỡ mọi cơ hội được giảm án.) Tuy nhiên, cuộc phỏng vấn vẫn để lại chút hoài nghi, liệu trong tương lai sẽ có lời khẳng định như vậy. Điều gây ấn tượng duy nhất trong lời bào chữa dông dài và lan man của Milken về trái khoán và vai trò của anh ta với nền kinh tế là việc anh ta không hề hối hận. Cứ như thể tất cả những gì xảy ra suốt năm năm qua – sự sụp đổ của thị trường cổ phiếu và trái khoán, sự phá sản của hàng chục khách hàng được bảo trợ và thậm chí cả việc anh ta bị kết án và đang ngồi tù – không để lại chút dấu ấn nào trong suy nghĩ của anh ta. Những từ ngữ được dùng rất khéo léo như "kiến tạo giá trị" hay "tạo công ăn việc làm" đã tô vẽ cho lý lẽ của Milken, như thể khi đó đang là năm 1986. Các đại diện của Milken cũng đang thu xếp một buổi phỏng vấn trên truyền hình với Barbara Walters của đài ABC, người được xem là trung tâm của chiến dịch mới nhằm kiếm sự đồng cảm của cả nước.

Cho tới nay, các nỗ lực về pháp lý và quan hệ công chúng mới chỉ đem lại một số lợi ích ít ỏi. Thẩm phán Wood đã từ chối giảm án cho Milken với lý do bà chờ đợi biểu hiện hợp tác rõ rệt hơn của Milken với các công tố viên. Milken đã mất hàng giờ để thể hiện anh ta chấp nhận hợp tác nhưng lại khiến các công tố viên phát khùng, và nghi ngờ liệu anh ta có đang nói tất cả những gì anh ta biết và có giá trị đối với việc thực thi pháp luật. Vì lẽ đó, các công tố viên đã chính thức bác bỏ việc giảm án tù cho Milken và lên kế hoạch mở một phiên tòa vào tháng Năm năm 1992 để xét xử một đồng minh của anh ta, Alan Rosenthal. Rosenthal là một người bạn lâu năm, chưa từng phản bội Milken và đã bị kết án vì vai trò của anh ta trong vụ Solomon.

Milken sẽ là nhân chứng quan trọng trong phiên tòa xử Rosenthal. Thẩm phán Wood tuyên bố bà sẽ bảo lưu quan điểm về kháng nghị của Milken cho đến khi anh ta ra tòa làm chứng để bà có thể ra quyết định dựa trên giá trị của Milken với tư cách nhân chứng và mức độ hợp tác của anh ta. Vở kịch được dàn dựng khéo léo này thực sự là một bài kiểm tra có tính quyết định với chiến lược của Milken. Trước áp lực đó, liệu anh ta sẽ thừa nhận mức độ sai phạm của mình và làm liên lụy tới một trong những người bạn thân nhất, hay sẽ giữ im lặng như trước đây anh ta từng buộc tất cả

mọi người xung quanh phải ngậm miệng và Rosenthal đã nghiêm túc chấp hành?

Trong lúc Milken tiếp tục tranh cãi với các công tố viên, một sự kiện bất ngờ và thú vị đã được hé mở trong vụ tranh chấp liên quan tới Milken và Drexel, công ty cũ của anh ta nay đã vỡ nợ. Ngay sau khi Milken nhận tội, một loạt vụ án dân sự đã được khởi tố để chống lại anh ta.

Đáng chú ý nhất trong số đó là đơn kiện của Tập đoàn Bảo hiểm Tiền gửi Quốc gia, cáo buộc vai trò của Milken trong cuộc khủng hoảng tín dụng đã gây ra tổn thất lên tới hàng tỷ đô-la cho người dân; và lá đơn của Drexel yêu cầu Milken chịu trách nhiệm đối với các tổn thất nghiêm trọng anh ta đã gây ra cho công ty. Trong một động thái bất thường, cả chính quyền và Drexel cùng mời hai luật sư Thomas Barr và David Boeis của Cravath, Swaine & Moore, một trong số rất ít hãng được đánh giá là có thể địch lại liên quân Paul, Weiss; Alan Dershowitz và một số luật sư khác của Milken. Xét về khía cạnh này, thời gian đã tạo nên một vòng tròn hoàn hảo: Barr và Boeis từng đánh bại chính quyền khi đại diện cho hãng IBM trong vụ kiện chống độc quyền nổi tiếng đầu thập kỷ 1980; giờ họ lại thay mặt chính quyền chống lại một biểu tượng của thập kỷ này.

Milken và các các cộng sự vẫn quyết liệt phủ nhận các hành vi sai phạm. Milken thậm chí còn quá đà khi tuyên bố anh ta đang chờ đợi ngày xét xử, ngày mà cuối cùng anh ta cũng có thể chứng minh rằng các cáo buộc của chính quyền là vô căn cứ.

Nhưng với Barr và Boeis, một hình ảnh hoàn toàn khác về Milken lập tức hiện lên – một kẻ gần như khao khát đạt tới thỏa hiệp để ngăn dư luận tìm hiểu thêm bất cứ thông tin gì về các mối quan hệ rắc rối trong trung tâm của một thời đế chế huy hoàng của anh ta. Các luật sư đã thu được một số thông tin bằng cách phỏng vấn các khách hàng của Milken, thí dụ như nhiều trường hợp Milken được tự do giao dịch thay mặt khách hàng với tư cách vừa là người mua vừa là người bán, không chỉ giới hạn ở Fred Carr và First Executive. Họ tin kiểu giao dịch này còn mở rộng ra cả với Tom Spiegel và Columbia Savings cũng như các khách hàng lớn khác. Họ kết luận rằng Milken thực sự đã hối lộ các khách hàng lớn để được nhượng quyền quản lý. Họ hiểu thông tin này là mắt xích quan trọng giữa Milken và vụ rắc rối về tín dụng, một thất bại lớn thậm chí sẽ còn khiến công chúng Mỹ sửng sốt hơn. Milken tất nhiên không phải là nhà tài phiệt duy nhất hay kẻ tội đồ duy nhất đáng bị lên án. Tuy nhiên, chỉ riêng giá trị trái khoán trong danh

mục đầu tư của First Executive và Columbia đã có tổng trên 10 tỷ đô-la.

Đầu năm 1991, nhóm Cravath đã điều chỉnh đơn kiện chống lại Milken, cáo buộc anh ta dính líu vào một âm mưu phi pháp nhằm chi phối Columbia và suy rộng ra là các tổ chức tiết kiệm và cho vay khác; xúi giục lãnh đạo các tổ chức tín dụng lạm dụng quyền hành trong tổ chức. Cùng lúc đó, các luật sư bắt đầu chính thức tiến hành thẩm vấn các đồng nghiệp cũ của Milken ở Beverly Hills.

Người đầu tiên là Richard Bergman, kế toán của các liên danh đầu tư với Drexel ở Beverly Hills. Đợt thẩm vấn anh này kéo dài tám ngày nhưng hầu như không đem lại kết quả gì. Anh này trả lời "tôi không nhớ gì hết" đến hơn 1200 lần. Các luật sư Cravath đã thành công hơn trong việc thu thập tài liệu. Thẩm phán đã yêu cầu phe Milken giao nộp các tài liệu liên quan tới những liên danh mà họ luôn né tránh xuất trình.

Lowell Milken là người tiếp theo. Lời khai của anh ta cùng thái độ chống đối dữ dội đã được ghi hình lại. Lowell khai anh ta đã làm mọi thứ Michael yêu cầu mà không bao giờ đặt ra nghi vấn. Anh ta chỉ nhận ra Michael có vẻ đã làm điều gì xấu xa vào "cái đêm em trai tôi nhận tội."

Fred Joseph và Craig Cogut, các luật sư của Drexel ở Beverly Hills, những người đã tiết lộ các sai phạm trong vụ MacPherson, cũng đứng ra làm chứng và lặp đi lặp lại các thông tin họ từng cung cấp cho cơ quan điều tra. Tuy nhiên, Cogut có đưa thêm một thông tin phần nào làm rõ động cơ phạm pháp của Milken. Cogut cho biết trong buổi phỏng vấn xin việc của anh tại Beverly Hills, Lowell đã nói với một thái độ thản nhiên rằng "gia tộc Milken muốn trở thành gia tộc giàu có nhất nước Mỹ."

Có lẽ lời khai quan trọng nhất lại chưa từng được khai thác: lời khai của James Dahl. Là nhân viên kinh doanh phụ trách tài khoản nổi tiếng Lincoln Savings, đóng vai trò trung gian giữa Milken và Charles Keating, Dahl nắm rõ các thương vụ của Milken với các tổ chức tiết kiệm và cho vay. Không ai biết chính xác Dahl sẽ khai gì nhưng cứ khi nào anh ta được sắp xếp lịch hầu tòa, lại có lý do nào đó được đưa ra để trì hoãn việc đó. Các luật sư của Milken không bao giờ chống đối; thực tế, các luật sư điều tra sớm hiểu ra rằng thứ cuối cùng họ cần là là lời khai của Dahl.

Vì vậy, dù chỉ với bốn lời khai hoàn chỉnh, Boeis và Barr đã dám

chắc Milken sẽ phải đầu hàng. Sau khi Cogut ra làm chứng, Boeis có cuộc gặp gỡ với Arthur Liman và Richard Sandler tại phòng hội thảo Paul, Weiss. "Các vị không thể đủ sức ra hầu tòa," Boeis nói thẳng với họ."Yêu cầu thì quá cao trong khi việc thi hành lại quá tồi." Lần đầu tiên, không ai trong số luật sư của Milken phản đối.

Dù vẫn tiếp tục làm bộ làm tịch trước công chúng, thực sự trận chiến của Milken đã đến hồi kết. Anh ta muốn thoát khỏi mối đe dọa pháp lý mạnh mẽ hơn và muốn giữ gìn tối đa số tài sản của mình. Cho đến lúc này, Milken vẫn giữ được bí mật về quy mô thực sự của số tài sản cá nhân, tuy nhiên nhóm Cravath đã kiên quyết gửi một bản kiến nghị buộc Milken phải kê khai tài sản. Trước khi có phán quyết về kiến nghị này, vào tháng Một năm 1992, Boeis đã gặp một luật sư khác tại Paul, Weiss, Mark Belnick. Boeis lấy một mẩu giấy nhỏ và viết ra một hàng số khoảng 1,3 tỷ đô-la. "Tôi nghĩ con số này là vừa phải," Boeis nói. "Tôi cũng nghĩ vậy," Belnick trả lời. Trên ván cờ tàn này, số phận tài chính của Milken đã được định đoạt.

Không thể bỏ qua chi tiết kịch tính dù không mấy quan trọng trong cuộc dàn xếp cuối cùng – trong lúc tức giận, Sandler đã đập vỡ chai soda vào tường phòng hội thảo. Nhưng thật đáng ngạc nhiên khi khoản tiền phạt cuối cùng lại là con số Boeis đã viết ra. Tháng 3 năm 1992, chính quyền đã hé mở về vụ thương lượng này. Họ yêu cầu Milken phải nộp thêm 500 triệu đô-la ngoài khoản tiền để dàn xếp trị giá 600 triệu đô-la. Trong đó, 190 triệu đô-la sẽ được thanh toán qua thẻ; số còn lại đang nằm trong các tài sản góp vốn sẽ được chi trả dần trong ba năm. Dù đang ngồi tù, Milken sẽ tiếp tục được quản lý số vốn góp để tối đa hóa giá trị của nó. Những người khác trong vụ Drexel, gồm Lowell Milken, Peter Ackerman, Leon Black và Warren Trepp có trách nhiệm trả khoản phí có tổng trị giá khoảng 300 triệu đô-la, trong đó phần nhiều nhất thuộc về trách nhiệm của Ackerman. Các công ty bảo hiểm cũng đòi hỏi thêm 100 triệu đô-la nữa. Cộng thêm 400 triệu đô-la Milken đã bồi thường trước đó, tổng số tiền phải thanh toán xấp xỉ 1,3 tỷ đô-la đúng như dự đoán của Boeis.

Theo nhiều nghĩa, khoản tiền phạt cao nhất đối với một bị cáo cá nhân là thành công lớn của chính quyền, là cực điểm của chiến dịch đã bắt đầu từ sáu năm trước, mở màn bằng việc bắt giữ Dennis Levine. Sự kiện này đem lại cho chính quyền nhiều tiền phạt và tiền bồi thường hơn hàng loạt vụ án trước đây. Tuy nhiên, con số khổng lồ này lại làm dấy lên những nghi vấn lớn. Trước hết, không hiểu Milken giàu có đến mức nào vì anh ta đã phải thanh toán hơn một tỷ đô-la?

Nhờ vào việc dàn xếp, Milken vẫn tiếp tục giữ kín câu trả lời cho những câu hỏi này. Tuy nhiên, có vô số bằng chứng cho thấy số tài sản này phải còn đủ lớn để gia tộc Milken thực hiện được mong muốn của họ là trở thành, nếu không phải gia tộc giàu có nhất, thì cũng là một trong những gia tộc giàu có nhất nước Mỹ. Đến khi Milken mãn hạn tù, anh ta sẽ vẫn nắm giữ quyền lực tài chính đáng kinh ngạc.

Nhóm Cravath và các luật sư khác chưa bao giờ nhận được bảng kê chi tiết về tài sản của gia đình Milken. Tuy nhiên, trong thời gian dàn xếp, các luật sư của Milken đã tiết lộ với họ và vị thẩm phán rằng kể cả khi phải nộp thêm 500 triệu đô-la, Milken vẫn nắm giữ số tài sản cá nhân trị giá khoảng 500 triệu đô-la nữa. Theo họ, khoảng 200 triệu đô-la nằm trong tài khoản của Milken và các khoản vốn góp; và khoảng 300 triệu còn lại nằm trong các tài khoản mang tên vợ con anh ta. Milken đồng ý giao nộp tất cả tài sản nếu về sau chúng bị kết luận là đã được che giấu trong thời gian tiến hành dàn xếp.

Với số tài sản khổng lồ này, chỉ tính riêng phần anh ta thừa nhận, Milken đã lọt vào danh sách những người Mỹ giàu có nhất. Tuy nhiên, có đủ lý do để tin rằng tài sản của Milken thực sự lớn hơn 500 triệu đô-la rất nhiều. Thí dụ, các tài sản góp vốn rất khó định giá. Các luật sư Cravath đã gặp nhiều trở ngại về nguyên tắc sở hữu đan xen hết sức rắc rối cũng như sự phức tạp của các vị thế chứng khoán và buộc phải nhờ Salomon Brothers trợ giúp. Trong các cuộc dàn xếp, có thể thấy rõ Milken luôn cố gắng đòi thanh toán số tiền phạt bằng lợi nhuận từ các khoản vốn góp, điều đó cho phép anh ta lựa chọn các tài sản ít có khả năng tăng giá trị nhất trong các năm tới và giữ lại các tài sản có nhiều triển vọng nhất. Do đã quá quen và hiểu rõ các tài sản góp vốn, Milken có thể thao túng quá trình định giá. Hơn nữa, lợi nhuận từ vốn góp đều được định giá tại thời điểm thị trường chứng khoán vẫn lao đao; kể từ đó về sau giá trị của chúng về cơ bản đã và đang phục hồi.

Công bằng mà nói, số trái khoán được định giá 300 triệu đô-la tại thời điểm cuối năm 1991 có thể đã tăng giá khoảng 20% hay 60 triệu đô-la. Do đó, giả sử Milken nhận được mức lợi tức thấp nhất từ các khoản vốn góp anh ta đang nắm giữ, và các tài sản đó đã tăng giá kể từ đó, thì bằng cách định giá sơ lược nhưng an toàn, số tài sản của anh ta vào khoảng giữa năm 1992 đã lên đến 600 triệu đô-la.

Ngoài ra, Michael vẫn giữ vai trò quan trọng trong gia tộc Milken, và gia tộc này không hề bị ảnh hưởng gì sau vụ án. Vào thời điểm

thanh toán các khoản tiền phạt, gia tộc Milken đang nắm giữ số tài sản ước tính 375 triệu đô-la.

Cũng phải kể đến tài sản của Lowell Milken. Xét đến mối quan hệ của họ và cả khoản nợ với Michael khi Michael cứu anh ta thoát khỏi tù tội, có lẽ tài sản của Lowell phần nào cũng là nằm trong tài sản của Michael. Lowell đã nhận được hơn 100 triệu đô-la tiền lương, thưởng trong suốt thời gian làm việc ở Drexel. Số vốn góp của anh ta, nếu như cùng tỷ lệ với của Michael, sẽ có tổng giá trị tối thiểu là 250 triệu đô-la và mang lại cho anh ta khoản lợi nhuận sau thuế khoảng 300 triệu. Kể cả khi anh ta phải thanh toán một phần lớn trong số 300 triệu đô-la tiền phạt, thậm chí là 50 triệu đô-la đi nữa, anh ta vẫn còn nắm giữ số tài sản lên tới 250 triệu đô-la.

Như vậy, chỉ xét riêng tài sản của Milken và những người thân cận nhất cùng với tài sản của gia tộc, anh ta đang kiểm soát số của cải trị giá 1,2 tỷ đô-la. Nếu được quản lý tốt, số của cải này sẽ còn tăng lên trong khoảng thời gian Milken thụ án tù. Đúng như Martin Auerbach, luật sư đại diện cho David Solomon đã nói khi tìm hiểu điều khoản thanh toán của vụ dàn xếp, "Cũng không tồi cho cả nửa thập kỷ làm việc."

Còn về phần Ivan Boesky? Những con số có thể nhỏ hơn nhưng anh ta hoàn toàn có thể cạnh tranh với Milken. Tháng 5 năm 1992, sau nhiều năm chịu đựng những lời đồn đoán và sự xa cách lâu dài, Seema Boesky đã đệ đơn xin ly dị lên Tòa án bang New York. Bất chấp nỗi lo âu của rất nhiều người trong nhà Boesky, kể cả con cái hắn, Seema còn xuất hiện trên chương trình 20/20 của đài ABC với Barbara Walters để nói về nỗi khổ của cô sau vụ lùm xùm của chồng. Cô cho biết đã rời bỏ Boesky ngay khi phát hiện anh ta ngoại tình trong một thời gian dài. Điều cô chưa dám nói ra là nhân tình của Boesky lại chính là con gái một người bạn thân của cô.

Boesky trả đũa bằng việc buộc vợ trả một khoản chu cấp trị giá một triệu đô-la mỗi năm. Theo những người đã quen với thói mưu mô của hắn, có thể anh ta đã viện dẫn luật của bang New York về sự phân chia công bằng và đòi một nửa tài sản của vợ như điều kiện tối hậu của vụ ly hôn.

Trong một báo cáo tuyệt mật gửi đến chính phủ khi đang dàn xếp các cáo buộc, Boesky tiết lộ anh ta còn nắm giữ số tài sản trị giá khoảng 25 triệu đô-la sau khi đã thanh toán 100 triệu đô-la tiền phạt. Anh ta là một người rất giàu có dù đo lường bằng cách nào,

song tài sản của anh ta chủ yếu là bất động sản, thí dụ căn nhà sở hữu chung với Hushang Wekili tại Côte d'Azur, căn hộ tại Paris và tòa nhà chung cư Yatch Harbor Towers tại Honolulu anh ta mua năm 1986 ngay trước khi trả khoản tiền phạt trị giá 2,9 triệu đô-la. Boesky nói bóng gió về việc việc anh ta đã tiêu khoảng 5 triệu đô-la cho các chi phí pháp lý sau khi kê khai tài sản, hiện anh ta đang thất nghiệp và thu nhập phát sinh từ phần tài sản còn lại không đủ để anh ta sống sung túc như anh ta đã từng sống vào thập kỷ 1980.

Một điểm ít được chú ý trong cuộc dàn xếp của Boesky với chính quyền đã giúp tài sản của Seema Boesky cũng như con cái anh ta tránh khỏi mọi sự kiện tụng có thể phát sinh sau các sai phạm của Boesky. Do đó, tất cả tài sản của Boesky mở cho vợ con, sử dụng thông tin nội bộ bất hợp pháp đều được miễn trừ truy tố. Các tài sản này bao gồm cả khoản cổ phần của gia đình anh ta trong số vốn góp của Boesky từ năm 1986 khi Drexel mới tiến hành hoạt động tài chính, trong đó Seema là nhà đầu tư cá nhân có số vốn lớn nhất. Chính khoản vốn góp này đã hưởng lợi nhiều nhất từ các giao dịch nội gián của Boesky trong những năm đầu và giữa thập kỷ 1980. Những khoản lợi nhuận phát sinh của Seema và con cái Boesky chưa bao giờ bị lộ: những người biết đến các tài khoản này đều nói Seema là người hưởng lợi từ các khoản tín thác và các tài khoản trị giá khoảng 100 triệu đô-la; lợi nhuận của con cái anh ta ở vào khoảng 96 triệu đô-la tại thời điểm anh ta tiến hành vụ dàn xếp.

Tài sản của Seema Boesky cũng gồm lợi nhuận phát sinh từ doanh thu của khách sạn Beverly Hills vào năm 1986, ở vào khoảng 135 triệu đô-la. Seema nắm giữ 47% vốn của khách sạn này nên sẽ thu được khoản lợi nhuận gần 65 triệu đô-la. Như vậy, phần Seema nắm giữ trong số vốn góp của Boesky và riêng của khách sạn Beverly Hills cho thấy tài sản của cô phải vượt quá 165 triệu đô-la.

Giả sử Ivan đòi được một nửa số tài sản của vợ, anh ta sẽ không chỉ trở nên giàu có hơn, mà còn thành công trong việc lấy lại khoản 50 triệu đô-la lợi nhuận giao dịch từ số vốn góp đã mất hoàn toàn bởi các tội trạng của hắn. Đây là hậu quả mà chính quyền đã không lường đến vào thời điểm họ lỡ bước vào vụ dàn xếp với Boesky.

* * *

Michael Milken có thể là một ví dụ tiêu biểu, tuy nhiên tất cả các nhân vật quan trọng mắc các tội danh này đều từng là những

người giàu có, ít nhất theo các tiêu chuẩn của một người Mỹ bình thường. Kết luận này sẽ dẫn tới mối nghi ngờ liệu công lý có đang được bảo đảm và liệu những vụ việc tương tự có tái diễn trong tương lai.

Kể từ cuối thập kỷ 1980, nhiều thay đổi sâu sắc đã diễn ra trên Phố Wall. Sau khi phải chấp nhận sự đình trệ trên quy mô lớn, cuộc suy thoái cũng như hậu quả của vụ việc này, Phố Wall đã có dấu hiệu bị trừng phạt nghiêm khắc. Các cá nhân có thể tồn tại sau tất cả sóng gió nhưng các tổ chức của họ đã bị sa lầy cùng với sự phá sản của Drexel và việc General Electric âm thầm rao bán Kidder, Peabody. Salomon Brothers bị sờ gáy sau vụ việc liên quan tới Bộ Tài chính, đã phải nộp phạt 290 triệu đô-la và hãng này cũng đang phải đấu tranh để tồn tại. Những vụ kiện tụng mới về chứng khoán xuất hiện rất ít và những vụ sáp nhập làm phát sinh quá nhiều sai phạm gần như bốc hơi khỏi thị trường tài chính. Cảm nhận ban đầu lúc này là các giao dịch nội gián và các hình thái phức tạp hơn của gian lận chứng khoán đã giảm đi rất nhiều.

Tuy nhiên, lịch sử thường ít dễ chịu. Luật gia nổi tiếng người Anh Edward Coke đã viết từ năm 1602 rằng "gian lận và lừa đảo gần đây đã trở nên phổ biến hơn nhiều so với thời kỳ trước." Phố Wall đã thể hiện sự nhạy cảm bất thường của nó với quan điểm, do Milken, Boesky cùng những kẻ đồng lõa đưa ra, rằng lợi nhuận không nhất thiết đi cùng với rủi ro. Có lẽ về sau sẽ không có ai cai trị thế giới tài chính bằng trái khoán như Milken. Nhưng chắc canh ta sẽ xuất hiện nhân vật tương tự trong các lĩnh vực khác.

Qua thời gian, thị trường tài chính bộc lộ khả năng phục hồi và kiềm chế sự thái quá của nó một cách đáng kinh ngạc. Tuy vậy, thật bất ngờ khi thị trường này lại tỏ ra yếu ớt trước sự lũng đoạn từ bên trong. Xét đến cùng, các vụ án của thập kỷ 1980 cho thấy tầm quan trọng, sự chặt chẽ của luật chứng khoán và hiệu lực thi hành của nó. Tội phạm trên Phố Wall thực sự là những kẻ có khả năng đánh giá rủi ro đáng nể và cách thực hiện của họ cũng bộc lộ rất ít sơ hở.

Chính quyền hầu như chưa thể thay đổi suy nghĩ chung về Phố Wall: Những tội phạm chứng khoán nghiêm trọng nhất vẫn nằm ngoài tầm với của pháp luật. Một phần cáo trạng vụ Princeton-Newport, trong đó có lời thú tội theo Luật Chống tham nhũng và tội phạm có tổ chức, đã bị thay đổi khi phúc thẩm, nhất là lời thú tội của John Mulheren đã bị đảo ngược hoàn toàn. Cáo buộc liên quan đến việc thao túng giá chứng khoán của Mulheren bị bác bỏ với kết luận: "Không một người xét xử công minh nào có thể tìm

ra yếu tố phạm tội bị cáo buộc ở đây ngoài một sự nghi ngờ." Án tù một năm lẻ một ngày của anh ta cùng khoản tiền phạt 1,5 triệu đô-la vẫn được bảo lưu.

Kết cục của Mulheren không có gì đáng ngạc nhiên. Một điều hiển nhiên có thể nhận thấy sau tất cả mọi chuyện – chính Boesky đã thao túng Mulheren, chứ không phải Mulheren thao túng thị trường. Nếu Mulheren có bị kết tội, đó chỉ có thể là các cáo buộc liên quan tới tội danh giấu chủ sở hữu chứng khoán mà Bồi thẩm đoàn vẫn chưa đưa ra phán quyết cuối cùng. Sự đảo ngược trong vụ Princeton-Newport và các vụ kiện chứng khoán khác phần lớn do thiếu cơ sở chuyên môn. Khi đối mặt với tình hình tội phạm với quy mô chưa từng thấy tại Phố Wall, các công tố viên đã mạo hiểm kết tội dựa trên bất cứ cơ sở nào. Trong một vài trường hợp, họ đã quá tay.

Kết cục này không làm thay đổi thực tế rằng có vô số sai phạm vẫn tiếp diễn trên Phố Wall. Nhưng chúng khiến dư luận đặt dấu hỏi lớn đối với tình trạng vi phạm pháp luật chứng khoán trên diện rộng. Quốc hội nên ban hành một bộ luật nghiêm khắc và chặt chẽ hơn hướng tới các sai phạm nghiêm trọng nhất về gian lận chứng khoán và trao quyền cưỡng chế các vấn đề như yêu cầu về vốn ròng cho Ủy ban Chứng khoán.

Ít nhất Quốc hội cũng nên đưa ra khái niệm về giao dịch nội gián và định nghĩa từ "nhóm" như một phần của tội hình sự liên quan tới hành vi kê khai gian lận. Chỉ khi đó các vụ "dàn xếp" như với Icahn và Boesky mới có thể được tiến hành công khai. Các công ty chứng khoán cũng cần bị cấm tiến hành hoạt động đầu cơ. Việc tự đưa ra chính sách rõ ràng đã thất bại, Kidder, Peabody cũng đã thừa nhận điều này khi từ bỏ hoạt động đầu cơ. Các phiên tòa cần tiếp tục được mở để làm rõ các hành vi gian lận qua thư và qua điện thoại đang rất phổ biến. Gian lận chứng khoán đã chứng tỏ "sự vô hạn về hình thức" đúng như Lord MacNaghten đã tiên đoán hồi đầu thế kỷ.

Các nhà sử học và triết học sẽ còn tranh cãi nhiều năm nữa về câu hỏi liệu trong vụ Milken, Boesky, Siegel, Levine và đồng bọn, hình thức trừng phạt đã thỏa đáng với tội danh của họ hay chưa. Khi nhìn lại, thật dễ dàng để kết luận rằng các công tố viên và Ủy ban Chứng khoán lẽ ra phải đưa ra những bản án nghiêm khắc hơn. Số tiền phạt thu được dù rất lớn nhưng vẫn không thể bù đắp nổi những tổn thất họ gây ra cho các nhà đầu tư, những người dân đóng thuế và các công nhân vô tội mà công sức của họ đã bị hy sinh để thanh toán các trái khoán.

Nhưng chưa ai biết điều này vào năm 1986. Tất cả thông tin mà người ta có được là một thứ ung nhọt đã ăn mòn nền tảng đạo đức của Phố Wall và nền kinh tế Mỹ. Thứ ung nhọt đó đã bị cản lại trên hành trình của nó. Những kẻ chủ mưu có hành vi sai trái đã bị bắt. Tất cả tài sản và uy quyền khổng lồ của họ không thể bù lại được hậu quả họ đã gây ra. Thị trường vẫn tồn tại và thậm chí vẫn phát triển; nền kinh tế Mỹ đã bắt đầu cho thấy dấu hiệu khiêm tốn của sự phục hồi vào giữa năm 1992. Điều quan trọng hơn cả là sự nhất quán đã lấy lại được vị trí trung tâm của nó trong các giá trị của nước Mỹ.

Khoảng cách giữa các vụ scandal hồi thập kỷ 1920 và các sự kiện tương tự của thập kỷ 1980 là 50 năm. Nếu như Phố Wall tránh được một mối đe dọa khác tới sự nhất quán của nó trong khoảng thời gian chỉ bằng một nửa thì sự trừng trị nghiêm khắc, mà đỉnh điểm là bản án dành cho Milken, đã chứng minh được giá trị lịch sử của nó.

* * *

Ilan Reich và Robert Wilkis đã vào nhà tù liên bang tại Danbury, Connecticut vào ngày 27 tháng Ba năm 1987. Họ gặp nhau lần đầu sau vụ Levine và việc cùng sẻ chia trải nghiệm với nhau có thể đã tạo nên tình bạn giữa họ. Tuy nhiên, họ có phản ứng khác nhau với nhà tù. Reich dần trở nên thiếu sức sống và thu mình lại trong khi Wilkis có vẻ cởi mở và còn tham gia chương trình thể thao.

Hai người được thả sau khi thụ án tám tháng trên tổng số một năm lẻ một ngày. Họ vẫn chưa gặp lại nhau kể từ ngày đó. Reich bắt đầu làm việc với tư cách một tư vấn viên cho công ty phát triển bất động sản New York. Wilkis tìm được một công việc mới trong ngành giải trí, hỗ trợ dàn xếp một thương vụ để cấp vốn cho chương trình Easter Spectacular của đài City Music Hall, do Rockettes đóng chính.

Mooradian được miễn trừ nhờ sự hợp tác của mình; anh ta đã dàn xếp ổn thỏa các cáo buộc của Ủy ban Chứng khoán và bị cấm hoạt động trong ngành chứng khoán một năm. Anh ta gặp khó khăn khi tìm việc và cũng ly hôn vào mùa xuân năm 1990 và phải bán căn hộ của mình tại New Jersey. Anh ta mua một chiếc máy tính cá nhân đã qua sử dụng từ tổ chức tan rã của Boesky và tự mày mò cách sử dụng.

James Dahl đã bán căn hộ ở Beverly Hills và xây một ngôi nhà mới

trên một khu đất rộng ở Jacksonville không cách xa nhà Siegel. Dù đã tuyên bố rời ngành kinh doanh nhưng anh ta vẫn làm tư vấn cho gia đình đang quản lý chuỗi siêu thị Winn-Dixie. Anh ta dành nhiều thời gian chuẩn bị cho những lời chẳng bao giờ phải khai ra, chủ yếu là để được khuây khỏa. Anh ta vẫn là tỷ phú kể cả sau khi đã thanh toán phần của mình trong rất nhiều khoản phí liên quan tới Drexel và Milken.

Ngay cả trước khi bản án của anh ta bị đảo ngược, Mulheren không hề gặp khó khăn trong việc thu hút vốn từ các nhà đầu tư lớn như Belzberg và Tisch. Anh ta đã lập công ty Buffalo Partners theo tên đàn bò đang nuôi tại Virginia. Anh ta vẫn giữ phong cách đầu tư đặc biệt và mở văn phòng trên đường Broad ở trung tâm thành phố Manhattan, ngày ngày đi về căn hộ ở New Jersey. Thỏa thuận với Ủy ban Chứng khoán không cho phép Mulheren giao dịch nhân danh cá nhân nhưng vẫn có thể dễ dàng tiến hành giao dịch thông qua Merrill Lynch và Bear, Stearns.

Robert Freeman đã thụ án tù bốn tháng và được phóng thích vào ngày 30 tháng Tám năm 1990. Lời thú tội của anh ta không đòi hỏi phải hợp tác với các công tố viên. Anh ta vẫn là một nhà đầu tư năng nổ và nhìn từ bề ngoài thì anh ta không có nhiều thay đổi. Mùa hè năm 1991, Freeman các bạn James Regan và Henry Kravis đã tham dự một cuộc thi golf do Granite Capital tổ chức. Đây là công ty do Lew Eisenberg, một đồng nghiệp cũ của Freeman tại Goldman, Sachs, thành lập.

Dennis Levine buồn rầu vì bị gọi là "kẻ chỉ điểm" và bị cô lập tại Lewisburg, nhà tù liên bang ở trung tâm Pennsylvania. Anh ta làm việc trong nhóm xây dựng công viên và vườn hoa. Anh ta hoàn thành án tù tại nhà tù Manhattan và được thả ngày 8 tháng Chín năm 1988.

Levine thành lập công ty tư vấn tài chính tư nhân Adasar Group và cần mẫn tìm cách thu hút sự chú ý của dư luận. Levine viết một bài tự thuật về trải nghiệm của mình đăng trên tạp chí Fortune ngày 19 tháng Năm năm 1990 và với sự hỗ trợ của một tay viết thuê, anh ta đã xuất bản cuốn sách có tựa đề Inside out.

Sau khi bị tờ Newsweek từ chối đăng hình lên trang bìa, Levine đã thực hiện được tham vọng lớn hơn khi chương trình 60 Phút hẹn phỏng vấn anh ta để giới thiệu cuốn sách sẽ ra lò vào tháng Chín. Điều mà Levine mong đợi là một chương trình uy tín nhưng trái lại, đây là một chương trình kinh điển của lĩnh vực phóng sự điều tra. Phóng viên Ed Bradley tiến hành thăm dò công việc làm ăn

mới của Levine và phát hiện anh ta đã thu các khoản phí trả trước đáng ngờ để có được nguồn tài chính không rõ ràng. Nguồn tài chính này là của một công ty cho vay nặng lãi làm ăn gian lận tại Panama và người mà Levine giới thiệu cho các khách hàng tiềm năng với tư cách nhân viên ngân hàng đầu tư đến từ Drexel thực chất chỉ là một gã bạn tù tại Lewisburg. Buổi nói chuyện bắt đầu với nhân vật chính là hai khách hàng đến khiếu nại Levine vì bị anh ta lừa đảo. Khi bị chất vấn bởi các lập luận này trước ống kính, vẻ đẹp quyến rũ lòng người của anh ta lập tức tan biến.

Nhà sản xuất chương trình 60 Phút về sau có nói rằng rất nhiều nạn nhân khác vì quá xấu hổ nên không dám xuất hiện trên truyền hình quốc gia để thừa nhận họ đã bị Levine lừa. Levine liên tục bị tấn công bởi hàng loạt đơn kiện mới. Cuốn sách về du lịch biển của Levine đột nhiên bị đình bản và cuốn Inside out ế ẩm trong các hiệu sách. Anh ta dường như đã biến mất trước công luận. Trước chương trình này, người ta vẫn thấy Levine đi ăn tại nhà hàng Bốn Mùa và trượt tuyết cùng gia đình tại Vail như thể chưa từng có vụ giao dịch nội gián. Có vẻ anh ta không còn sống ở Đại lộ Park. Những người gọi đến cho anh ta đều được thông báo phải quay số và mã vùng Long Island, ở Port Washington, một khu ngoại ô giàu có.

Ivan Boesky rời nhà tù Lompoc ngày 15 tháng Mười hai năm 1989 và được thả khỏi trại quản giáo ở Brooklyn ba tháng rưỡi sau đó, sau khi đã hoàn thành hai trên ba năm tù. Trong tù, anh ta để râu mọc lởm chởm và tóc dài đến vai. Trong thời gian làm chứng tại phiên tòa của Mulheren, anh ta cho biết đã trả tiền giặt là cho các bạn tù. Cũng giống như Levine, anh ta bị cô lập vì bị cho là kẻ chỉ điểm. Các bạn tù của anh ta đã vẽ những bức tranh biếm họa trên bảng tin nhà tù để chế nhạo hắn.

Từ khi ra tù, Boesky luôn cố gắng để tìm lại chính bản thân mình. Anh ta tìm cách tiếp cận các nhà đầu tư tiềm năng để mong thành lập một công ty đầu tư quốc tế. Tuy vậy, không giống Mulheren và Freeman, những người không hé răng về các thành viên khác trên Phố Wall, Boesky bị các nhà đầu tư giàu có tiếp đãi rất lạnh nhạt. Bạn bè anh ta nói đến giờ anh ta mới nhận ra chính tiếng xấu của anh ta đã ngăn mọi cơ hội làm việc liên quan tới tài chính. Sau sự sụp đổ của Liên Xô và sự lên ngôi của Boris Yeltsin năm 1991, Boesky tới Moscow. Tự nhận mình có dòng máu Nga, Boesky đã tình nguyện cung cấp các dịch vụ của mình cho những người Nga đang tìm kiếm lời khuyên trong thời kỳ quá độ sang kinh tế thị trường. Nhưng ngay cả tại đây, Boesky cũng bị từ chối một cách lịch sự. Boesky từng nói với bạn bè anh ta đang xem xét nghề đạo

diễn sân khấu. Con trai hắn, Billy, đã viết và đạo diễn một vở kịch Broadway có nhan đề Thiên thần sa ngã, nội dung kể về một cậu con trai có người cha tù tội.

Boesky dành phần lớn thời gian tại Pháp, cả ở Paris và Côte d'Azur, nơi anh ta bị phát hiện đi cùng Wekili. Seema Boesky vẫn sống tại ngôi ở Kisco. Anh ta vẫn tới dự các cuộc họp trên những chiếc limousine có tài xế và ăn tối tại các khách sạn đắt tiền ở Paris và New York. Anh ta vẫn ăn mặc chỉnh tề, chải chuốt, đầu tóc gọn gàng và lại tiếp tục mặc những bộ vest đen đặc trưng, trừ khi vui chơi với giới nghệ sĩ tại trung tâm Manhattan. Khi đó người ta thấy anh ta mặc áo phông và quần jean đen.

Trong một vụ án dân sự tháng Tư năm 1992, Boesky từ chối tiết lộ thông tin về nơi ở và thu nhập. Nhưng khi bị luật sư của đối phương hỏi anh ta có tài xế riêng không, anh ta ngừng một lúc rồi đáp, "Không! Anh có muốn làm không?"

Michael Milken ra làm chứng tại phiên tòa xử Rosenthal vào ngày 1 tháng Sáu năm 1992, đây là lần xuất hiện trước công chúng đầu tiên của Milken từ khi vào tù. Không có bộ tóc giả đen, gợn sóng - do quy định của bang nghiêm cấm, cũng như các loại mũ, vì lý do an toàn - trông anh ta rất khó nhận ra. Mái tóc điểm bạc khiến anh ta trông có vẻ già đi. Ngược lại, anh ta vẫn giữ được dáng người cân đối, vẻ mặt thoải mái và thậm chí còn có vẻ háo hức vì được ra tòa. Phòng xử án Manhattan chật kín; rất nhiều người đến dự đã bị chặn lại ở cửa.

Mối nghi ngờ liệu Milken có phản bội lại đồng minh cũ Rosenthal để tranh thủ tình cảm của thẩm phán Wood đã bị xua đi nhanh chóng. Gần như từ đầu đến cuối, anh ta chỉ coi việc đứng ra làm chứng đơn giản là một dịp để bào chữa cho bản thân và các trái khoán. Anh ta thừa nhận sai phạm của mình nhưng luôn nắm lấy từng cơ hội để giảm nhẹ mức nghiêm trọng của chúng. Hành vi mà các công tố viên cho là lại quả và hối lộ thì Milken gọi là "tín dụng bán hàng." Việc giúp khách hàng trốn thuế được gọi là "điều hòa tài khoản." Anh ta không hề sử dụng thuật ngữ "trái khoán."

Dù được chính quyền triệu tập nhưng Milken tỏ ra giống một nhân chứng của bị cáo hơn, đặc biệt khi biết luật sư của Rosenthal là Peter Fleming, luật sư cũ của Drexel, người luôn đứng về phía Milken cho đến cùng, và thậm chí còn tỏ ý muốn gia nhập đội ngũ biện hộ cho Milken sau khi Drexel nhận tội. Milken có vẻ đã từ bỏ mọi nỗ lực nhằm gây ấn tượng với chính quyền. Khi được hỏi liệu anh ta có được đền đáp gì khi đứng ra làm chứng hay không,

Milken nhún vai nói,"sau năm năm rưỡi vừa qua, tôi không dám chắc thứ mình thực sự muốn là gì nữa."

Có vẻ Milken đang suy nghĩ khi nhìn vào bản án của mình, có thể kéo dài thêm hai đến ba năm nữa. Khi đó, anh ta sẽ trở nên vô cùng giàu có. Anh ta sẽ có những người bạn nhiều tiền bạc và quyền lực, những người lẽ ra Milken phải chỉ điểm nhưng anh ta đã không làm thế. Và chắc canh ta anh ta sẽ vẫn giữ lại được bên mình một lực lượng nòng cốt tuy ít nhưng có ảnh hưởng lớn, gồm những người thuộc tầng lớp ưu tú trong giới kinh doanh và truyền thông vốn luôn cảm phục anh ta. Milken sẽ yêu cầu họ tham gia vào trận chiến để viết nên phán quyết của lịch sử.

Trong số những người lính trung thành với Milken có Lorraine Spurge, Chủ tịch tổ chức Hành động vì giấc mơ Mỹ. Mục đích chính của tổ chức này là đánh bóng hình ảnh của Milken. Các thành viên lãnh đạo bao gồm những người từng bào chữa cho Milken: nhà kinh tế học George Gilder; Chủ tịch của hãng Safeway, Peter Magowan; nhà thuyết minh và phê bình truyền thông, Jude Wanniski.

Cuốn sách về các khách hàng của Milken từng gây nhiều phiền toái cho một số nhân viên của Robinson Lake đã được xuất bản vào tháng Sáu năm 1991 với tựa đề Chân dung giấc mơ Mỹ. Spurge và các thành viên trong tổ chức đã viết những bức thư kêu gọi sự hỗ trợ về tài chính cho Milken. "Những người như Milken là minh chứng sống cho thấy tình thương chứ không phải lòng tham đã thắng thế trong thập kỷ này," một trong số các lá thư đã viết như vậy.

Martin Siegel bị đưa tới nhà tù liên bang tại Jesup, Georgia vào ngày 1 tháng Sáu năm 1990 và được thả vào ngày 24 tháng Tám. Anh ta đã làm công việc vẽ vạch chỉ đường trong bãi đỗ xe của nhà tù và giúp điện toán hóa thư viện của nhà tù.

Phil Donahue, hàng xóm cũ của Siegel, đã mua lại căn hộ của Siegel tại Greens Farms với giá 4,75 triệu đô-la. Donahue đã san phẳng ngôi nhà đó để mở rộng diện tích đất của mình.

Siegel đã mở một trại hè hướng dẫn dùng máy vi tính cho các học sinh trung học có hoàn cảnh khó khăn tại Jacksonville, nơi anh ta đã làm việc toàn thời gian để thực hiện bản án đòi hỏi hai năm lao động công ích của mình. Chương trình này đã kêu gọi được từ 8 đến hơn 150 thành viên tham gia, dưới sự bảo trợ của Trường Cao đẳng Cộng đồng Florida tại Jacksonville và Trung tâm Tài nguyên

Đô thị nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo lao động ở khu vực Jacksonville.

Từ khi bị kết án, Siegel đã nhiều lần mơ thấy mình trong trang phục nhân viên ngân hàng đầu tư với một bộ vest nghiêm chỉnh, bước vào văn phòng của người hướng dẫn anh trong sự nghiệp, Martin Lipton. Trong giấc mơ, Lipton đã đứng dậy, bước về phía Siegel, ôm chặt lấy anh và nói, “Tôi đã tha thứ cho cậu.”